Văn xuôi lãng mạn VIỆT NAM 1887 – 2000

Tập II – 1933-1945

Quyển ba

Nhà xuất bản TP. HỒ CHÍ MINH

Nhà xuất bản VĂN HÓA SÀI GÒN

Văn xuôi lãng mạn VIỆT NAM
1887 – 2000

Tập II – 1933-1945
Quyển ba

Sưu tầm, tuyển chọn:
HỮU NHUẬN *(Chủ biên)* – HOÀNG LẠI GIANG
CAO THỊ XUÂN MỸ – TRẦN THỊ MAI NHÂN

Biên tập kỹ thuật, tổ chức và đầu tư bản thảo:
NGUYỄN VĂN ĐƯỢC ©

* Chúng tôi thành thật xin lỗi tất cả các tác giả và gia đình các tác giả (nếu tác giả đã qua đời) khi chưa có điều kiện tiếp cận với tác giả và gia đình tác giả để xin phép đưa tác phẩm của quí bác, anh và chị vào trong bộ tuyển này. Xin qui bác và anh chị cho chúng tôi địa chỉ hoặc điện thoại để tiện liên lạc.

Địa chỉ liên lạc: Nhà Xuất bản Văn hóa Sài Gòn – 310 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. ĐT: 8376585 *hoặc* Nhà Xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh – 60-62 Nguyễn Thị Minh Khai. ĐT: 8223637.

Văn xuôi lãng mạn VIỆT NAM 1887 – 2000

Tập **II** – **1933-1945**
Quyển ba

Nhà xuất bản TP. HỒ CHÍ MINH VHSG Nhà xuất bản VĂN HÓA SÀI GÒN

LỜI DẪN
Tập II
(1933-1945)

Đây là giai đoạn nền văn học chữ Quốc ngữ Việt Nam phát triển rực rỡ nhất, phong phú nhất, đa chiều và cũng phức tạp nhất, đặt biệt ở dòng văn học lãng mạn. Bên cạnh những thành tựu, dòng văn học lãng mạn vẫn còn những hạn chế, những tiêu cực và độc hại.

Qua thử thách thời gian, những tiêu cực và độc hại của dòng văn học lãng mạn dần dần bị loại, bị đào thải. Và cũng chính thời gian đã cho chúng ta một cách nhìn cởi mở hơn, thông thoáng hơn, đúng đắn hơn về những giá trị đích thực mà dòng văn học lãng mạn đóng góp cho kho tàng nghệ thuật Việt Nam.

Thực tế "Thơ mới" là một hiện tượng văn học đặc biệt. Những tác giả của dòng thơ này hầu hết đều trở thành tác giả của nền văn học Cách mạng.

Thực tế Tự lực văn đoàn là một hiện tượng mang tính đột phá trong dòng văn học lãng mạn Việt Nam. Những tên tuổi trong "Tự lực văn đoàn" đều là những cây đại thụ trong nền văn học Việt Nam thời hiện đại; chưa có thời kỳ nào xuất hiện nhiều văn thi nhân lưu lại nhiều ấn tượng, nhiều tình cảm trong bạn đọc như thời kỳ 1933-1945. Những tác phẩm của họ đáp ứng được đòi hỏi bức xúc của một lớp độc giả thành thị đã từng ảnh hưởng tư tưởng của một nền văn hóa phương Tây với những cuộc cách mạng của tự do, bình đẳng, bác ái...

Văn học lãng mạn thời kỳ từ năm 1933 đến trước năm 1945 chính là cuộc cách mạng về hệ tư tưởng của giai tầng tiểu tư sản phong kiến ở những lễ giáo hà khắc, những tập tục lạc hậu, những định kến hẹp hòi, tính gia trưởng, và cách hành xử trọng nam khinh nữ... Lần đầu tiên văn học lãng mạn Việt Nam đề cao vai trò cái "tôi của con người và con người có quyền chọn cách sống của mình, chọn tình yêu cho mình...

Về hình thức, văn học lãng mạn từ bỏ cách lấy cốt truyện làm trung tâm của văn học trước đó. Ngay từ truyện đầu tiên, Nguyễn Trọng Quản đã biết cách khai thác tâm lý nhân vật, biết coi tính cách nhân vật là yếu tố quan trọng của nghệ thuật...

"Tự lực văn đoàn" ra đời là sự thừa kế những gì mà các nhà văn đàn anh, các nhà văn mở đường từ năm 1887 đến năm 1932 đã khai phá, đã thất bại và đã thành công. Với tuyên ngôn rõ ràng về nội dung và hình thức nghệ thuật, Tự lực văn đoàn ra đời được sự hưởng ứng của nhiều tầng lớp đặc biệt là tiểu tư sản Việt Nam.

Nhưng phải đợi đến năm 1933 khi "Hồn bướm mơ tiên" của Khái Hưng ra đời thì Tự lực văn đoàn mới thật sự đi vào cuộc sống văn hóa của nhiều tầng lớp bạn đọc. Sau "Hồn bướm mơ tiên", năm 1934 Khái Hưng cho ra "Nửa chừng xuân" và "Đoạn tuyệt". Năm 1937 tiểu thuyết "Thoát ly" của Khái Hưng ra đời cùng với tiểu thuyết "Đôi bạn" của Nhất Linh.

Khái Hưng và Nhất Linh đã trở thành linh hồn của "Tự lực văn đoàn". Và hai người đã trở thành đôi bạn tri âm, tri kỷ. Những sáng tác chung của họ "Gánh hàng hoa" (1934); "Đời mưa gió" (1934) đã làm rung động không ít tâm trạng của lớp trẻ ở nhiều thời đại.

Ngay Giải thưởng Tự lực văn đoàn, cho đến hôm nay vẫn là niềm kiêu hãnh cho những ai đã được nhận nó. Đó là một giải thưởng có uy tín bởi sự đánh giá công tâm, khách quan và cũng là những phát hiện tài năng cho nền văn học Việt Nam, những phát hiện rất chính xác.

Hàng loạt tên tuổi lớn của nền văn nghệ chúng ta từ đây mà ra và trở thành trụ cột của nền văn nghệ Cách mạng. Nhưng đáng tiếc những người khai phá ra nó lại không cùng đi với Cách mạng như Khái Hưng, Nhất Linh...

Mặc dù vậy, không dễ dàng phủ nhận được những đóng góp của dòng văn học lãng mạn nói chung và Tự lực văn đoàn cũng đồng thời là sự ra đời của nền văn học đã trải qua của một thời đáng nhớ.

Nhưng nói đến dòng văn học lãng mạn, nói đến Tự lực văn đoàn không thể không nhắc tới những hạn chế, những khiếm khuyết của nó như trên chúng tôi đã nói. Thật hiếm có

một dòng văn học nào hoàn mỹ, một dòng văn học nào toàn bích. Rất tiếc một thời chúng ta chỉ thấy mặt sau, mặt trái của dòng văn học này mà không chịu hoặc không dám nhìn sự vật trong cái tổng thể của nó, trong cái bản chất của nó. Và vì vậy chúng ta đã đánh mất biết bao nhiêu giá trị mà đáng lẽ ra nó phải được sắp ở một vị trí quan trọng trong gia tài văn học vốn ít ỏi của chúng ta.

Trước cách mạng đồng chí Trường Chinh đã nói:

"Hoạt động của nhóm Tự lực cũng đã đẩy mạnh phong trào văn nghệ nước ta tiến tới"[1]. Và sau cách mạng tháng Tám 1945, đồng chí Trường Chinh lại nói: *"Có khuynh hướng gạt bỏ những xu hướng lãng mạn ngày trước, coi tất cả đều là sa đọa, thoát ly. Cần nhận rõ rằng văn nghệ Cách mạng của chúng ta là kẻ thừa kế tất cả những giá trị văn nghệ do các thời đại trước tạo ra và truyền lại cho đến ngày nay. Chúng ta cần gìn giữ và phát triển tất cả di sản của dân tộc và cũng chỉ có chúng ta mới có thể làm nổi công việc đó".*[2]

Trên tinh thần đó, đầu thế kỷ XXI này chúng tôi làm tuyển tập văn xuôi lãng mạn Việt Nam từ năm 1887 đến năm 2000. Và đó cũng là cách đánh giá đúng quan điểm của Đảng ta về vai trò của Tự lực văn đoàn trong nền Văn học Việt Nam chúng ta.

Hoàng Lại Giang

---

1. Chủ nghĩa Mác và Văn hóa Việt Nam - 1943.
2. Bài phát biểu của đồng chí Trường Chinh tại đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ II năm 1957.

PHAN VĂN DẬT
(1907–1987)

Sinh ngày 18-8-1907 (Hoài Thanh và Hoài Chân trong Thi nhân Việt Nam ghi ông sinh năm 1909, ở đây theo tài liệu của gia đình nhà thơ), tại làng Phú Xuân, nay là phường Tây Lộc thành phố Huế, quê gốc tại huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Thuở nhỏ học tại trường Quốc học Huế, có bằng Thành chung. Sau đó tu nghiệp tại trường Trước bạ thành phố Lyon (Pháp). Sau khi về nước làm thư ký ngạch trước bạ tại Huế cho đến Cách mạng Tháng Tám 1945. Phan Văn Dật có nhiều năm dạy học tại Viện Hán học, Đại học Văn khoa và Cao đẳng Mỹ thuật Huế.

Phan Văn Dật chủ yếu là một nhà thơ. Ông từng có thơ văn đăng báo khá sớm trên các tờ Nam Phong, Thần Chung, Rạng Đông... là tác giả hai tập thơ Bâng khuâng (1935) và Những ngày vàng lụa (1939). Và là một trong 45 tác giả được giới thiệu và trích đăng thơ trong Thi nhân Việt Nam (1942).

Phan Văn Dật còn là tác giả của tiểu thuyết ***Diễm Dương Trang*** *– tác phẩm đoạt giải văn chương của Tự Lực văn đoàn năm 1935. Từ sau 1945, Phan Văn Dật hầu như ngừng bút, phần nhiều tâm sức dành cho việc dạy học.*

Ông mất ngày 10-2-1987 tại thành phố Huế.

*

DIỄM DƯƠNG TRANG

(tiểu thuyết)

PHẦN THỨ NHẤT

1.

Chẳng biết thằng ranh nầy nó làm gì mãi bây giờ chưa thấy ra?

Người thiếu niên nói ra câu ấy hình như chỉ buột mồm như vậy thôi, chớ không có ý gì trông đợi lắm. Chàng đi chậm rãi từng

bước một trên bãi cát trắng tinh, thỉnh thoảng lại cúi mình xuống lấy tay bứt ít bụi cỏ bồng thả cho quay tít theo luồng gió. Chàng ngẩng lên trông theo sẽ nhách miệng cười, cái cười nở nang của con người vô tư lự. Mình vận âu phục theo lối cũ vài năm, chàng trông rong rỏng cao và nét mặt hơi gầy, nhưng vẫn giữ cái khí sắc hồng hào của một trang thanh niên cường tráng.

Trần Hoài Trang, (tên người thiếu niên) lúc bấy giờ cũng vào lối hăm lăm hăm sáu tuổi. Nhưng vẻ mặt chàng mỗi khi không có cái cười hiện ra, ai mới thoạt trông qua sẽ thấy nó nghiêm nghị lạ thường. Hoặc xem kỹ lại, ai đó sẽ thấy tự hồ như có cái sầu sâu xa kín đáo gì nó ẩn trong cặp mắt xanh mơ màng kia, thì có cố đoán ngay rằng chàng ta hẳn đang ôm một mối hận gì đây. Song cái cảm giác đó chỉ thoáng qua trong chớp mắt thôi vì hễ Trang trông thấy ai là cười tươi ngay, thành thử cũng ít ai ngờ chàng có cái tâm sự gì chôn sâu trong trí cả. Bảo rằng đẹp thì cũng không hẳn là đẹp, song mỗi khi chàng kể chuyện, vẻ mặt trung hậu mà hăng hái, giọng nói hơi trầm, ban đầu nhỏ rồi dần lớn lên từ từ thốt ra trên cặp môi đỏ như son, những cái đó đã có cái năng lực làm cho người nghe dễ sinh lòng yêu mến chàng vậy.

Ngày hôm đó đương vào khoảng thượng tuần tháng năm. Cảnh mặt trời chiều đã bày trên bãi bể Mỹ Khê một bức tranh cực kỳ diễm lệ. Dãy núi Trà chạy dọc về phía đông bắc không có điểm một vợn mây nào, mấy trái núi tròn trịa uốn mình vạch một đường lục thẫm giữa lưng trời xanh biếc. Ngũ Hành Sơn, xa xa chỉ còn bé bằng một chồng non bộ. Mấy chiếc thuyền câu chạy ngoài khơi, cánh buồm trắng trông tít mù như một đàn chim âu đùa trên mặt nước. Sóng bể đã dần dần êm, vào đến bờ cũng không có lộn nhào dữ dội nữa.

Bãi bể Mỹ Khê chiều hôm ấy trừ Trang ra không còn có một khách thành phố nào. Vì là ngày các công sở làm việc, ai nấy cũng đều đưa nhau ra tắm trong vịnh cho gần hơn. Ở Mỹ Khê chỉ đến chiều thứ bảy và chủ nhật là đông người, mà trong số đó phần nhiều lại là người Tây. Cho nên Trang cứ mỗi buổi chiều một mình ra tắm, như vậy đã gần nửa tháng, các người chài lưới họ cũng dần quen mặt.

Chàng thanh niên bấy giờ trong lòng nghe khinh khoái lạ thường, ngả mình ra nằm dài giữa cát, cùi tay chống xuống đất và

đầu ngẩng trông ra bể. Tay kia sờ soạng tìm diêm trong túi đốt thuốc hút một hơi dài. Chàng đương nhắm mắt lim dim, miệng thì thầm ít câu Kiều lẩy, chợt nghe sau lưng lịch thịch có tiếng người đi. Chàng quay đầu nhìn lại thì ra thằng Cồ là đứa bé con mới theo ở với chàng đã mang thức ăn ra.

Trang tính làm bộ rầy nó một mẻ lấy uy, thằng bé con đã tất tả chạy đến đặt cái nả thức ăn xuống, vừa gạt mồ hôi vừa nói:

– Con chỉ hụt một chuyến đò mà ra trễ, nhưng cũng may là mới năm giờ rưỡi thôi.

– Thằng nầy chỉ chực láo! Mấy giờ sao mầy biết? Trang trong bụng cười thầm lần nầy là lần thứ mấy thằng bé con bướng bỉnh lại kiếm điều định dối mình, chàng liền xắn tay áo đưa đồng hồ lên xem:

– Sáu giờ mười lăm, thôi được, ta cũng còn thì giờ chán.

Thằng Cồ đã lanh lẹ tháo cái nả thức ăn ra, trải một tờ báo xuống đất rồi đặt từng ngăn lên đâu vào đấy:

– Bây giờ cậu có cần dùng gì nữa không, nếu không cậu cho phép con xuống tắm một tí.

– Ừ, nhưng mầy khá liệu hồn, chớ ra xa cho sóng kéo bừa bỏ mạng.

Thằng Cồ dạ một cái là vụt chạy bong ra đằng mé bể ngay.

Trang bấy giờ mới lê mình lại soạn thức ăn xem. Trên tấm nhật trình mấy cái ngăn bằng song ngâu sáng choang bày ra mấy cái bánh tây cắt lát, một con bồ câu hầm, vài chiếc bánh ngọt, ít quả cam Hoa Kỳ với một bình nước chè để gần bên cái chén tống.

Chàng bắt đầu vào ăn, vì bụng hơi đói nên cả mấy món chỉ trong mươi phút đồng hồ đã lưng gần hết nửa. Chàng lại thỉnh thoảng dòm xuống bể nhìn thằng bé con đang tắm. Một lát đã thấy nó tắm lên vừa mặc xong quần áo. Trang cũng vừa ăn xong, đang cầm khăn lau tay. Thằng nhỏ đi lại gần hỏi rằng:

– Thế nào, cậu có dùng được không?

– Mày muốn hỏi thức ăn phải không? Thì cho mầy tưởng nó như thế nào?

Thằng bé hơi ngượng, hỏi:

– Là vì con chẳng dám giấu cậu, những món con dọn cho cậu lâu nay toàn là con đã học lóm của anh bếp Năm Nồi cả đó.

– Hèn chi! Mầy chỉ học lóm thì bảo ai tài nào mà nuốt cho trôi!

Trang thấy thằng bé con bị bắt nọn, mặt tiu nghỉu, liền phá lên cười, sẽ bảo:

– Tao nói chơi, chớ mầy làm kể cũng kha khá đấy. Nhưng sao mầy ngu thế, chẳng thấy tao ăn hết trọi đó sao?

Nói đoạn chàng đứng phắt dậy lấy thuốc lá ra hút. Chàng vừa ném xong que diêm đã thấy đằng phía mấy cái nhà lá hai người đàn bà đi lại. Trong giây phút, hai người chỉ còn cách chàng độ chừng hơn trăm bước. Trang thấy khách lạ nên phóng mắt nhìn, nhưng từ chỗ chàng chỉ mới phân biệt được là một bà cụ già đi cạnh một người trẻ tuổi. Bà cụ trông đẫy đà bao nhiêu thì cô kia trông lại gầy bấy nhiêu.

– Cậu trông kìa! Cái cô đi ngoài mới bảnh mà sang tuyệt!

Thằng Cồ tinh nghịch nói vậy rồi lấy làm đắc ý lắm, hí hởn chìa tay trỏ vào hai người kia cho chủ nó mà cười.

– Đồ láo! Im ngay! Mầy kỳ cục quá!

– Cậu còn không tin? Vì hồi nãy con mang thức ăn ra đã thấy họ trước chiếc nhà lá kia rồi, nên con dám cuộc chắc là hai người đó. Họ cho con nít một lần những năm đồng xu!

– Thì có can gì tao đâu? Trước mặt người ta mà mầy chỉ nói nhảm, có khôn hồn thì câm ngay!

Thằng Cồ ngỡ nói thế cho chủ nó bằng lòng, chẳng hóa ra lại bị rầy to, nó lấy làm bất bình lắm.

Bấy giờ hai người kia đã tiến lại gần; vừa đi vừa nói chuyện.

Bà cụ trạc chừng năm mươi lăm sáu mươi tuổi giở lại. Tuy vậy đầu tóc còn đen láng và bộ đi còn mạnh mẽ lắm. Đình trán cao, khổ mặt phì mỹ đều đặn trông có vẻ trang nghiêm tỏ ra rằng bà ấy hẳn là sinh trưởng một nơi phong lưu đài các và trong cuộc đời ít có điều gì bất mãn. Cô kia tuy gầy hơn nhiều, nhưng cứ xem hai người từ

cách đi đứng nói năng cho đến cái khuôn mặt đều giống hệt nhau, chàng thiếu niên cũng đủ đoán ra rằng có lẽ hai người nầy là hai mẹ con.

Nhưng trái hẳn với bà mẹ, người con có vẻ mảnh khảnh yếu đuối, cái mặt không phấn sáp để lộ màu da trắng bạc ra như người ốm lâu mới khỏi. Trên mặt nàng, Trang cũng nhìn thấy những nét đều đặn của bà cụ mà ngỡ là mẹ nàng; cũng dáng mặt trái xoan, sống mũi dọc dừa ấy. Có một điều khiến cho chàng chú ý nhất là đôi con mắt đen nhánh, thâm trầm của nàng cứ trông xa tận đâu đâu, mà nàng hình như không để ý gì đến những vật chung quanh mình, đến câu nói của bà cụ và dễ thường cũng không hay biết rằng đã gần đến bên chàng nữa.

Bộ quần áo bông bay trắng mà cả hai người đều mặc như nhau bị gió đánh sát vào mình lại càng tăng cái vẻ ẻo lả gầy gò của người thiếu nữ.

Khi hai người đi ngang qua mặt chàng, Trang liền cung kính ngả mũ chào bà cụ. Bà cụ cũng ôn tồn đáp lễ. Cô con gái nghe tiếng chào bỗng như sực tỉnh ra mới nhìn lại Trang. Nàng cũng ngúc một cái, song trong cái chào có vẻ gượng gạo khó chịu lắm, rồi nàng lại quay mặt ra đằng trước ngay. Trang lanh mắt nhìn theo còn tưởng rằng cô ta vừa ngảnh mặt đi thì bĩu môi một cách rất chua chát.

Rồi chàng chẳng hiểu vì sao thấy mình thốt nhiên cũng so vai một cái mà trên miệng để nở ra một nụ cười chế nhạo.

Chàng day mình lại thấy thằng Cồ mặt cau có đang ngồi thừ ra giữa cát, hai tay khoanh tròn, trước gối, bên cạnh mấy cái hộc thức ăn đã chồng dọn dẹp xong cả rồi. Chàng bật phì cười sẽ dỗ ngọt:

– Thôi mầy xách thức ăn về trước đi, tao cho mầy điếu thuốc Tây đây, bận sau đừng có láu lưỡi nói càn mà bị mắng.

Thằng bé sung sướng, đỡ lấy điếu thuốc:

– Cậu cho con que diêm.

Nó châm thuốc hút, thở phì phào vài khói rồi nới:

– Thôi bây giờ con về.

– Ừ, về mau đi kẻo tối và nhớ dặn bà Sáu sửa soạn giường chiếu cho tao, hôm nay tao về sớm.

Thằng bé đã mau chân bước về phía đồi dương, khoảnh khắc liền mất hút trong vùng cây rậm rịt.

Bấy giờ đã vào buổi hoàng hôn. Mặt trời tà vừa lẩn sau cái rừng dương cao vót. Mấy tia nắng vàng sót lại chỉ còn chấp chới trên đọt cây thôi. Đằng phía đông, đôi áng mây hồng con phản chiếu ánh tà dương lại. Một làn gió nhẹ nhàng mát mẻ đưa từ ngoài mặt bể phẳng lì vào rất dễ chịu.

Trời vừa nhá nhem tối. Hai người đàn bà hồi nãy đi đàng xa dường như đã quày trở lui, chỉ còn thấy lù lù hai cái bóng đen trên mặt nước ngời lấp loáng.

Các người dân vùng bể lúc chiều đang bện lưới, đánh chỉ, hoặc kéo đầu mấy chiếc ghe nan đã lần lượt lui về hết. Trong quãng tối, tai càng nghe rõ rệt tiếng sóng bể, tuy nó chỉ còn từ từ, âm ỷ vỗ vào bờ.

Trang còn đi bách bộ hưởng gió mát một hồi, đến chừng nghe mỏi mới nhất định lần theo con đường mòn trở về nẻo xóm.

Nhà trọ của Trang ở cách bờ bể chừng non non một cây số. Mặt trăng mồng sáu gần đầy nửa ném xuống trên cành mấy cây sộp tròn xoe một làn sóng bạc. Giữa không trung muôn vạn vì tinh tú nhấp nháy như một cái đĩa ngọc lam khổng lồ khảm kim cương.

Trang đi chẳng bao lâu đã đến một nếp nhà gạch nhỏ lẩn lúp trong một khoảnh vườn con và trở mặt ra đường. Lúc chàng đẩy cửa ngõ ván bước vào, con chó Vằm trong nhà đánh hơi nhảy sổ ra sủa ầm lên và vẫy đuôi mừng cuống quít.

Bà Sáu, một bà lão lục tuần, gầy sọm, tức là người giữ nhà nghe tiếng chó sủa từ nhà bếp chạy lên. Người thiếu niên nghe tiếng giật một cái ầm, hai cánh cửa buồng khóa bật mở ra để ánh sáng cây đèn dầu lửa trong nhà theo hình khung cửa mà dọi thẳng ra ngoài cái sân lát gạch.

Trang bước vào, bà lão đã đưa cái mặt gân guốc ra vồn vã hỏi chuyện. Trang chỉ trả lời qua loa vài câu, nhưng bà lão chẳng để chàng yên:

– Thầy hôm nay đi bể có gì vui không?

– Ở ngoài bể hôm nào cũng thế bà ạ, có gì khác đâu.

Nhưng bà lão vẫn làm bộ cười già, chống tay vào ngưỡng cửa rồi đĩnh đạc nói tiếp:

– Phải, tôi cũng không hiểu vì sao buổi giờ các ông các bà họ rủ nhau đi tắm bể đông lắm. Mà kể ra thì thật cũng chẳng có gì vui. Vài mươi năm trước chẳng ai biết tắm bể là gì, chỉ đến tối thứ bảy các thầy họ hay rủ nhau đi bắt ghẹ thì có.

Bà Sáu còn nói lai nhai mãi, nhưng Trang không để ý đến câu chuyện của bà ấy, đã vội đi vào trong cất chiếc mũ trắng và cởi cái áo ngoài ra lại treo vào móc. Đoạn chàng mới ngồi phịch xuống ghế, thở mạnh một hơi có chiều khoan khoái.

Thằng Cồ đương ngủ bỗng vùng dậy, dụi mắt, nó lẹ làng xuống bếp pha một bình nước chè đem đặt lên bàn rồi lại lăn đùng ra ngáy. Trên cái bàn tròn đặt ngay giữa nhà bừa bãi những khay thuốc, tách trà, lọ sứ cắm hoa, vài quyển tiểu thuyết Tây chưa đọc và dăm tờ báo mới. Trang đưa tay với lấy mấy tờ báo ra xem, chàng đọc kỹ lần lượt tờ nầy, đến tờ khác, đã hết cả báo rồi mà chưa thấy buồn ngủ. Nhưng từ chàng đến ở cái nhà đó thì chẳng muốn làm việc gì nhiều nên nhìn vào chiếc đồng hồ tay mới hơn chín giờ đã thay quần áo và tắt đèn đi nghỉ.

2.

Trần Hoài Trang là một người thiếu niên hăng hái lại rất mực yêu đời. Cha mẹ chàng người làng Giao Thủy, tỉnh Thừa Thiên. Trang mồ côi cha từ năm non mười chín tuổi. Thân phụ chàng trước tòng sự về ngạch tòa Sứ gần đúng hạn về hưu thì mất. Người ta vẫn thường gọi ông là ông Thị Tốn. Bấy giờ chàng đương là kẻ lưu học sinh năm thứ hai trường Trung đẳng ở Hà Nội. Trang được cái điện tín báo tin buồn thì vội vàng xếp đặt hành lý và xin phép đáp tàu về ngay. Ông bà Thị Tốn có năm người con, nhưng hai cô gái lớn đã gả chồng xa, chỉ còn ở nhà cô gái thứ tư lối mười ba tuổi và cậu con trai út hồi đó vừa đỗ xong bằng Yếu lược. Có một mình Trang là lớn, vì vậy luôn luôn trong mấy ngày chàng và bà Thị Tốn, hai mẹ con chia nhau lo chạy việc nhà. Ông Thị bình sinh gia thế vẫn chẳng có gì, lại thêm hai con đương ăn học, nên ngày ông mất rồi bà Thị liền đâm lo. Vẫn biết bà sẽ mỗi

quí lãnh được món tiền tuất, song số bạc cỏn con đó ăn tiêu đã đủ vào đâu mà hòng còn lo học phí cho con được. Nhưng nghĩ con lớn học đã gần thành tài nên bà cố tìm phương kế gì cho chàng đeo đuổi theo sự học ít nữa là cũng giựt lấy một mảnh bằng tú tài Tây vậy. Trang dò hiểu ý mẹ, cảm động ngùi ngùi, duy chưa nói ra, vì bản ý chàng còn lăm le theo đuổi trường đại học. Trong mấy ngày hai mẹ con cùng nghĩ mãi không xong lại được giấy nhà trường bảo ra gấp, trong lòng chàng đã nghe tê tái. Vừa có ông bạn của ông Thị mách cho biết rằng có thể nhân dịp ông Thị mất mà đầu đơn xin vào tòa sứ được.

Đi làm ăn! Chết nỗi! Đương cái tuổi cần học của Trang, chàng quả chưa từng tưởng đến sự sinh nhai khi nào cả. Chàng nghĩ thầm rằng:

– Ừ, nếu bây giờ nhà nước chấp đơn thì ta sẽ lĩnh được mỗi tháng ngót bốn chục đồng bạc lương có thể đỡ đần cho nhà trong lúc túng rối và nuôi em Biền đi học. Nhưng thế thì sự học của ta cố nhiên phải bỏ nửa chừng rồi.

Trang lấy làm kinh ngạc, đau đớn mà tưởng đến bao nhiêu cái nguyện vọng thâm thiết của mình có lẽ phải tiêu ma như mây khói vậy.

Bà Thị cũng buồn rầu chẳng bàn tán ra sao chỉ để tùy ý con liệu định. Trang thấy sau cái tang của cha, trong nhà lại phải lo nghĩ vì mình thì tự cho mình là ích kỷ quá. Phải, có lẽ nào trong nhà đang lo túng thiếu mà chàng lại chỉ biết đến phần riêng thôi. Giá bây giờ làm cho mẹ phải kham khổ đến điều cho chàng đạt được cái chí cầu học thì phỏng sau tốt nghiệp rồi chàng hẵng lại làm gì lắm!

Trang bèn quả quyết thưa với mẹ cho mình ra đầu đơn xin lĩnh việc.

– Sao hôm nay mầy lại đòi đi làm? Tao tưởng mầy còn thích học lắm kia chớ?

Bà Thị Tốn tưởng con chưa nghĩ chín nên liền hỏi thế.

– Trước con cũng ước ao học cho đến cao cấp, nhưng cứ cái tình thế nhà ta bây giờ, mẹ cũng biết, con tính đi học mà để trong nhà quẫn bách thì lại chẳng bằng là thôi.

– Nhưng mấy liệu lát nữa có khỏi hối hận gì không?

– Con nghĩ mình đi làm mà cầu lấy no thì cũng chẳng còn hối hận nỗi gì nữa.

Thế là xong câu chuyện ấy và sáng ngày hôm sau thì Trang đã đầu đơn vào trước mặt quan Quản lý văn phòng tòa Khâm sứ Huế. Đã được chấp đơn rồi, chàng chỉ còn một nước về nhà nằm chờ ngày bổ dụng. Song mỗi khi chàng tưởng đến trường học và bạn hữu phải sớm chia lìa thì chàng lại thở dài và tự đặt mình vào trong hạng những người vô duyên vậy.

Cách một tháng sau, chàng được giấy bổ lên tòa sứ Kontum. Cậu học sinh ngày hôm qua đã nghiễm nhiên làm một thầy Ký trẻ măng đang xách chiếc va li lên đường vậy.

Lúc đầu bước chân đến sở, đương là cái thời kỳ tập sự, đối với chàng công việc nhất nhất đều lạ cả, nên chàng chỉ cắm đầu vào bàn giấy. Nhưng chẳng bao lâu thấy công việc mình ngày nào cũng chỉ có thế, chàng đã hơi chán lại trông thấy mấy bức tường chắn ngang cái phòng giấy mình thì càng ngả lòng mà nghĩ rằng nếu suốt đời chàng chỉ làm bạn với mấy bức tường ấy thì cũng đến vô vị chết!

Vì chàng vốn ưa hoạt động, phấn đấu, lại đương cái tuổi thanh niên bồng bột nên không thiết gì đóng vai anh chàng cạo giấy. Sực nhớ lại mình đi làm chẳng qua muốn đỡ vớt cho gia đình thì hẳn phải trả món nợ gia đình trước đã. Đã lập tâm như thế, chàng bèn ngày đi làm việc tối lại chỉ nằm khoèo đọc sách là một điều chàng không hề quên nhãng được. Cứ thế rồi ky cóp được ít nhiều là Trang gởi về cho bà Thị Tốn tậu đất hay làm vốn cho cô em buôn bán. Những sự bó buộc đó vẫn là trái ngược với cái bản tính hào hiệp ngang tàng của chàng, nhưng chàng đã sớm biết rằng mình đứng vào cái thời buổi kim tiền vạn năng nầy nếu không ép lòng làm vậy thì cũng khó mà đạt cái mục đích mình được. Trong vòng bốn năm trời nhờ sức đảm đang tần tảo của mẹ và em gái, cửa nhà Trang xem chừng đã có cái cơ sở vững bền được. Cậu em trai ở nhà cũng vừa đỗ lấy bằng tiểu học. Bà Thị đã đôi lần muốn nói vợ cho Trang, nhưng chàng cứ hẹn rày mai, rốt cục chẳng yên nơi nào cả. Trang có người dì là bà Khóa Đôn thường hay nhiếc và cho là anh chàng

già kén. Cái trí chất phác của bà đâu có đo biết rằng thật ra cháu bà đang đau khổ vì tình, sự đau khổ đó chỉ có mẹ chàng là hiểu thấu. Nên dẫu thấy chàng lãnh đạm với sự vợ con, bà Thị Tốn cũng không nỡ ép. Không phải bà không luôn luôn để ý đến cuộc nhân duyên của Trang, song biết tánh con, bà cũng không buồn đả động gì đến câu chuyện đó nữa. Cái thâm ý của bà đã bộc lộ ra trong một câu nói bà đáp lại cho người chị ruột là bà Khóa Đôn:

– Chị rõ khéo lo cho thằng nghễnh ngãng ấy! Chẳng chịu thì đừng, ta cứ để mặc thây nó có được không? Kẻo có khi nó lại tưởng chị em mình ăn rồi chỉ lo việc riêng cho sắp nó. Thì đố tướng nó lát nữa có khỏi chạy về đây khẩn cầu mình cưới vợ cho!

Bà bảo thế và cũng khăng khăng rằng là thế.

Trang nhờ đó mà được tự do nuôi nấng nỗi thất vọng trong lòng. Nguyên chàng trước kia đã có đính ước với một người bạn gái láng giềng là cô Dinh. Hai người biết nhau từ hồi còn là lũ trẻ hau hau nô đùa dọc xóm. Kịp hai người lớn lên, mối tình bầu bạn dần càng thêm thấm thía. Dinh năm lên mười sáu là một cô gái có cái nhan sắc lộng lẫy như một đóa hoa hồng buổi sớm và lại là một người đứng đắn nết na. Trang yêu nàng không phải là chuyện ngẫu nhiên trong một ngày một buổi gì, cái yêu đó nó đã ngấm ngầm nảy nở trong đáy lòng chàng từ khi ngọn lửa ái tình bắt đầu làm cho quả tim chàng đập mạnh. Có thể nói là chàng yêu Dinh bằng tất cả các phần tử trong mình. Bảo chàng đừng yêu nàng nữa thì thà là bảo chàng đừng sống nữa còn hơn, hai bên đã thề thốt cùng nhau, cha mẹ hai đàng cũng đều biết và tán thành, thì câu chuyện hôn nhân chỉ còn là một chuyện lễ nghi và bút mực. Ông Thị chẳng may qua đời, Trang vừa phải tang cha lại phải đỡ đần cho mẹ nên chưa dám bàn đến chuyện cưới xin. Nhưng cặp thiếu niên kia vẫn thường có thư từ cho nhau, cái nào cũng nồng nàn lời gắn bó.

Như vậy ít lâu, Trang bỗng lấy làm lạ sao không tiếp được tin của Dinh nữa mà có hỏi nàng cũng không trả lời cho chàng một bức thư nào. Rồi đột nhiên một buổi sáng đến sở chàng nhận được một bức thư. Thấy chữ của người quen đề ngoài phong bì, chàng mừng quýnh, hai tay run rẩy bóc ra xem. Trên tờ giấy xanh nặc mùi nước hoa, chàng thấy mấy dòng chữ ngòng ngoèo vắn tắt nầy:

Thưa anh,

Hai ta đã vô duyên không thể tính cuộc trăm năm với nhau rồi. Em nói phăng ngay ra như vậy cũng biết làm khổ tâm cho anh lắm. Song quả thật sự thất ước của em ngày hôm nay nó do vì một lẽ cao hơn cái sức phản động của em nhiều, nói thế nghĩa là em chỉ biết gạt nước mắt mà trừ chó không làm gì được. Em không muốn nói rõ cái có làm sao, nó có lẽ hơi dài, và em cũng không muốn để cho một người thân nào của em mang tiếng cả. Vậy cái thư nầy là em viết để xin phép anh đi lấy chồng đây, anh ạ. Người chồng chưa cưới của em là Phương, anh đã từng biết. Xin anh ở nơi xa xôi hãy ráng bình tâm soi xét nỗi lòng em và tha thứ cho em ít nhiều, chớ nay em chẳng muốn chữa tội làm gì, vì một đứa lỗi thề như em, đối với anh bề nào cũng là hèn rồi vậy. Ít lời tạ biệt, xin anh gắng hiểu rộng ra ngoài mấy chữ khô khan nầy mà biết cho rằng em còn có lẽ khổ hơn anh.

Nay kính thư,
Dinh

Trang đọc xong bức thư tưởng chừng như mình vừa trải qua một cơn mộng dữ. Hai tay chàng lẩy bẩy cầm mẩu giấy vuông như người sốt nặng; mấy dòng chữ nằm dài bỗng quay cuồng trước mặt chàng một cách rất đáng sợ. Chàng hãi hùng, lẩn ra ngoài, cố trấn định tinh thần lại xem. Trang đọc kỹ bức thư lại một lần, hai lần, đâu mươi lần như thế. Thôi đích hẳn rồi! Quả là nét chữ và tên ký của người yêu chàng, ngoài phong bì rõ ràng có con dấu nhà bưu điện Huế. Nhưng nếu vậy... nếu vậy... thì Dinh đã không phải là vợ chàng rồi, có đời thuở nào thế không? Dinh đã phụ tình chàng được chăng? Mà vì sao người chồng sắp cưới nàng lại chẳng ai khác hơn là Phương, một người bạn đồng canh với chàng, vừa tốt nghiệp trường Cao đẳng Sư phạm? Vì có gì? Ừ, vì có gì, chàng cần phải biết, chớ có lý nào!

Chàng điên rồ, tái hẳn. Mồ hôi toát ướt đầm chảy săn giọt trên bộ mặt căm hờn dữ dội. Trang bấy giờ sửng sốt như người mất trí. Chẳng chịu như thế được, chàng lập tức xin phép ra ngoài, định đánh điện cho bên nhà Dinh bảo hoãn việc cưới để chờ chàng về sẽ hay. Chàng nóng nảy muốn có cánh bay về nhà liền khi đó để giải

quyết cho xong những điều ngờ vực trong lòng. Nhưng bước chân đến nhà bưu điện, bỗng thấy như bần thần, không quả quyết. Cái bản tính tự cao của chàng thốt nhiên bừng bừng nổi dậy.

– Thì nó đã phụ phàng, ta há lại cần chi! Nó đã đem lòng yêu một người khác được thì ta lại cần chi! Ta còn toan vác cái mặt nầy về, chẳng để cho chúng cười thối óc.

Chàng nghĩ thế bèn quay trở ra, lững thững đi về nhà, mặt xám ngắt như người thua bạc. Đến nhà liền vật mình xuống giường, thở hổn hển, hai tay buông rời, kiệt lực. Cơn nóng giận qua rồi, thân mình chàng càng rũ liệt. Chàng thấy cái cuộc đời trống trải, trơ trọi của mình thì bỗng sinh lòng khiếp đảm.

Trang ráng sức vùng dậy viết một bức thư rất dài về hỏi mẹ chàng đầu đuôi câu chuyện ấy ra sao. Cách sáu bảy hôm đã có thơ bà Thị phúc đáp, trong đó có mấy câu nầy:

... Cái con Dinh tuy vậy mà là đứa vô nghì lắm. Vẫn biết việc ấy là cha mẹ nó nảy mực cầm cân, trưởng ác cho nó, nhưng nó không thuận thì ai đã dễ làm gì! Thôi chẳng qua là họ thấy mình học hành chẳng bằng chồng nó. Nhưng tưởng ai chớ con ấy thì một đất Huế mình nổ chán. Mấy lâu nay mẹ thấy nó hay học thói văn minh, đua ăn đua diện thì đã lo ngại trước rằng thế nào nó cũng không rập vào khuôn phép của nhà mình được. Lòng dạ nó đã như thế thì ta hẳn tìm người khác, có khi lại bằng mười".

Tìm người khác! Đâu có dễ như lời mẹ nói! Hình như chàng chưa chán hẳn chuyện tình duyên đó chi?

Từ đó chàng đâm chán ái tình, chán bằng hữu, chán công việc ăn làm và thiếu một chút, cũng đến chán luôn cả đời nữa. Đến cái thú ngâm vịnh thường làm cho chàng vượt bổng lên trên những sự nhỏ hẹp hằng ngày mà trải qua nhiều thì giờ quý báu mơ mộng, bây giờ chàng cũng nghe lạt như nước ốc.

Chẳng ai ngờ cái người thiếu niên cương nghị kia một khi mắc phải cạm ái tình thì chỉ còn cái tâm hồn thụ động.

Hoài Trang là tiêu biểu cho một hạng thanh niên tiên tiến, muốn theo đuổi một lý tưởng gì để thủ nghĩa cho sự sống mình. Nhưng vì hoàn cảnh bất lợi, đến khi lăn mình vào vực ái tình thì

bao nhiêu máu nóng đều đổ xô về đằng ấy cả. Có người không biết thế bèn hạ lời nghiêm trách chàng, tuy chàng chẳng nói gì nhưng trong bụng cũng cho là quá đáng.

Chàng không thiết đến việc gì nữa. Mỗi ngày hai buổi đi làm chỉ như con người máy. Thơ nhà có bàn tán gì đến chuyện nhân duyên chàng thì chàng cứ khất lại năm sau. Bản ý Trang muốn ở vậy già rồi, chàng tuy không hưởng được cái lạc thú gia đình nhưng lại khỏi điêu đứng về những sự khi trá của gia đình. Chàng không chủ trương độc thân, chỉ bảo rằng ở như thế là cầu lấy một cái hạnh phúc tiêu cực.

Nhưng cái tuổi thanh niên thường không khuất phục trước một nghịch cảnh nào. Cái vết thương lênh láng trong lòng chàng, tưởng chừng như không bao giờ khỏi cái vết thương ấy, thời gian đã lần lần rịt thuốc.

Cách đó vài năm, đối với nỗi thất vọng, chàng không khác gì một người khách rượu vừa qua khỏi cơn say chỉ còn nghe ngà ngà mùi rượu đắng. Song bấy giờ mọi cái khoái lạc trên đời chỉ gặp ở chàng một mối hoài nghi còn lợi hại gấp mười điều thất vọng trước.

Chính trong lúc đó thì Trang gặp một người quen thuộc có ít nhiều tư bản rủ chàng ra chung đụng lãnh đấu làm việc đường xe lửa Đà Nẵng, Nha Trang. Trang vui lòng nhận ngay và lập tức viết thư về nhà xin phép mẹ. Trong thư chàng khẩn khoản giãi bày điều hơn thiệt tỏ ý rằng ông Láng người đứng công ty với chàng là người có tuổi từng trải, hẳn hoi, nên chàng muốn thừa cơ hội ấy ra buơn chải một phen.

Bà Thị đã từng biết qua ông Láng rồi, và nghĩ rằng cửa hàng mình đã có cơ phát đạt nên cũng không làm khó với con. Trang được phép rất hả lòng liền đưa đơn xin từ chức. Sự quyết định vội vàng ấy đã làm cho nhiều ông bạn chưng hửng. Vốn thật trong người Trang thường có hai khuynh hướng nó đương sơ như muốn chia lìa hẳn nhau. Chàng nếu ưa hoạt động thì lại cũng đồng thời rất thiên về tình cảm, cái tình cảm nồng nàn của một thi nhân, vì chàng là thi sĩ vậy. Mà nói cho đúng thì cái lòng hiếu động ấy mục đích chẳng qua chỉ để làm cho thỏa cái chí nguyện của thi nhân kia. Chàng nghĩ rằng muốn hiến đời mình cho nghệ thuật thì phải sống một

cách hoàn toàn tự do, nghĩa là làm thế nào cho có cái sản nghiệp gì đã. Chàng nhận lời ông Láng ngay cũng chính vì nghĩa đó.

Vậy sau khi đã từ biệt cái phòng giấy của mình và ký giấy hợp đồng với ông Láng rồi thì Trang đã được ông bạn cắt ngay cho cái phần việc giữ sổ sách và giao thiệp.

Trong ít lâu, công việc tuy có tiến hành, nhưng cũng không như chàng sở nguyện. Khi nhúng tay vào việc, Trang mới hay những sự khó khăn, vất vả của nghề mới mình. Lại còn phải đau mấy trận liệt giường mới làm quen với con vi trùng bệnh rét. Đến mùa hè năm ấy, vừa làm xong các điều khoản trong một tờ khế ước, chàng muốn tạm đình công việc để tĩnh dưỡng ít lâu và về thăm nhà, liền bàn với ông Láng chia tiền quỹ. Chàng lãnh được một món tiền vừa đủ cho chàng chi dụng trong năm bảy tháng. Sau một cuộc du lịch vào thăm các tỉnh miền Nam, chàng về thăm nhà nghỉ một lối rồi trở vào Mỹ Khê hóng gió bể. Chính hôm Trang ở bãi bể về nhà trọ là chàng đã ở đấy được non hai tuần lễ.

3.

Sáng hôm sau Trang dậy sớm. Chàng sẽ lại bên chiếc bàn nhỏ đặt sát vào vách, đẩy cửa sổ trông ra vườn. Trời vừa mới bình minh, làng xóm chung quanh đương ẩn hiện trong đám sương mù như những chấm mực nhòa trên tờ thủy mặc. Nhà thi sĩ có cái cảm giác đứng trước một cái cảnh tượng thực thực, hư hư mà chàng đã từng thoáng qua trong mộng.

Trước cửa sổ là một cái bồn nho nhỏ, trên bồn trồng toàn cây kiểng, hoặc trồng ở chậu, hoặc giữa đất không: mộc, quỳnh, cẩm nhung, lan hạc, ít cây vạn niên thanh, vài bụi lan tứ thời, cành lá đầm sương đua nhau mọc. Ý chừng người chủ nhà trước cũng là một tay phong lưu nào đó. Ngày Trang mới dọn đến, mấy cây hoa ấy không ai săn sóc đến đã cằn cỗi, sau nhờ chàng bảo thằng Cồ chăm nom vun tưới luôn nên không mấy chốc mà tươi tốt lại.

Nguyên cái nhà đó mấy tháng trước đây chủ nhà vì dọn đi làm ăn nơi khác bèn kêu một người láng giềng là bà Sáu đến cho ở không để coi nhà và dặn hãy thủng thỉnh kiếm người cho thuê. Có người

mách miệng Trang, chàng đến xem xét trong ngoài liền vừa ý thuê ngay. Nếp nhà ấy, một căn hai chái cũng cùng một lối lan can như nhiều kiểu nhà và trăm nghìn việc khác, – như sự phục sức, giao tế chẳng hạn – nó chưa thành cái phương thức gì, nghĩa là nó đương Âu hóa. Xuyên, trính, liên ba, hồi văn, chữ thọ, bao nhiêu cái chạm nổi chạm lọng bên trong đều không dung hợp với cái mày cao ngược, mấy cái cửa cuốn tò vò ngoài hiên một mảy may nào.

Trang đặt mình xuống ghế, mấy đầu ngón tay gõ lia lịa trên mặt bàn. Đưa mắt nhìn quanh, chàng hơi lấy làm lạ vì thấy mình đang ngồi trong cái nhà nầy mà chủ nhân bây giờ có lẽ là một kẻ giang hồ lạc phách ở nơi đâu. Chàng lại nghĩ đến cái quãng đời đã qua, tự thấy mình đang khi còn bé tí cho đến hồi đi học, đi làm, trong khoảng hai mươi mấy năm trời, bao nỗi buồn lo mừng giận, những cái đó hình như xa chàng đã không biết bao nhiêu. Trong tâm trí chàng vụt chốc cũng thấy một cái hình ảnh khác hiện ra: Dinh. Nhưng là một tấm hình mờ nhạt, kém sút, thiếu thốn, chỉ kịp thoáng ra rồi biến mất ngay. Cõi lòng chàng bấy giờ như cái mặt hồ vừa trải qua một cơn sóng gió dữ dội, rồi lại đã bằng phẳng như thường, mà có phần trong trẻo hơn. Trang rất bằng lòng, gật đầu ngẫm nghĩ:

– Mình cũng không ngờ mà thắng được nỗi thương tâm mau như thế. Bây giờ thì vững rồi, chẳng lo gì lũ yêu tinh khuấy rối.

Chàng trông xuống bàn thấy quyển nhật ký ngày hôm qua quên viết bèn cầm lên xem. Nguyên căn phòng chỗ Trang ngồi cũng rộng rãi lại trước có cảnh ưa nhìn nên chàng đã cho cái bàn nhỏ vào đó dùng làm bàn viết. Chàng đang chăm chú đọc, chợt nghe tiếng đằng hắng ở căn ngoài.

– Thầy đã thời nước chưa?

Bà Sáu vừa vén bức màn thò mặt vào hỏi thế.

– Tội nghiệp! Bà cứ để thằng Cồ nó làm lấy cho.

– Thằng Cồ, phải chúc! Thầy thử đến coi trưa trật rồi mà nó còn ngủ khì ra đó không? Nhưng con nít bọn nó thì đứa nào lại giỏi giắn gì!

Trang thấy bà lão ra dáng không bằng lòng liền yên ủy rằng:

– Tôi cứ tưởng trời còn sớm bửng! Thôi bà chịu phiền đem nước vào đây và ra đánh thức nó dậy cho. Ý tôi muốn bận sau bà cứ để mặc nó. Bà trông nom nhà cho là được rồi.

– Tôi chỉ sợ mang tiếng thầy đến ở đây mà tiếp đãi không được tử tế.

Bà Sáu vừa nói vừa đi ra, nhưng được vài bước lại quay vào hỏi:

– À, mà tôi gần đi ra chợ, thầy có gởi mua gì không?

– Cám ơn, bà cứ để mặc tôi, đã có thằng Cồ đó rồi.

– Thằng Cồ. Đã lại thằng Cồ!

Bà lão huỳnh huych bước ra và miệng lẩm bẩm thế.

Một lát, Trang nghe tiếng thằng bé con đang cãi vã gì với bà ta dưới bếp mà bà ấy mắng nó rằng:

– Tao sống hơn sáu mươi tuổi đầu có khi lại không biết bằng mầy sao? Mầy ở với cậu mầy chớ ở với tao thì một ngày cũng chẳng xong đâu, nói cho mầy biết!

– Thì có ai cần!

Thằng Cồ gân cổ lại.

Trang lắc đầu, mỉm cười: các trận đấu khẩu ấy từ chàng đến được ít hôm không ngày nào là không xẩy ra giữa thằng bé rắn mắt và bà lão chèo chẹt.

Đến khi thức ăn sáng đã dọn lên, Trang ăn qua loa vài miếng rồi lại bàn giấy ngay, chàng nôn viết thêm trong quyển nhật ký mấy ngày bỏ dở. Người thiếu niên chưa thấy hôm nào mình lại siêng làm việc như ngày hôm ấy. Chàng ngồi viết luôn một hơi năm sáu trang giấy, đọc đi chữa lại rất kỹ càng và không bỏ qua một ý tưởng vụn vặt nào cả.

Giây lâu chàng bỗng dừng bút, ngả người ra, bắt mặt trông lên mái nhà, sẽ nói thì thầm:

– Cái người hôm qua!

Chàng đương phân vân không biết có nên ghi cái sự gặp gỡ với hai mẹ con ở ngoài bể không. Rồi chàng nghĩ rằng nếu bây giờ gặp ai ở ngoài đường cũng chép tràn vào thì chán quá! Nhưng chàng lại chép, là như thế nầy: chàng chỉ cốt tỏ ra rằng bây giờ đã cứng

cáp lắm rồi, thấy một cô con gái kiều diễm lại thêm có vẻ lãng mạn là cũng coi rẻ như không chớ đừng nói là yêu chuộng nữa.

Nghĩ thế, Trang liền cặm cụi viết thêm một đoạn, gò gẫm từng câu cứ gật đầu thích ý lắm.

Chiều hôm ấy, đúng bốn giờ Trang lại ra bể.

Chàng tắm sớm hơn mọi khi và tắm xong liền men theo đường bể đi một đỗi khá dài. Khi quày trở lui, xa xa chàng đã trông thấy hai người đàn bà mà chàng đoán chắc là hai người hôm qua. Lại gần thì quả là hai người ấy: cô thiếu nữ đã thay cái áo mùi tường vi tàu, đang xắn hai ống quần chạy theo ngọn sóng chảy lan vào bờ mà đuổi bắt mấy con còng. Ngọn gió bể thổi tung áo nàng bay phấp phới. Nhưng dù nàng muốn lanh bao nhiêu, lũ dã tràng cũng đã mau chân giành nước trước. Mỗi khi nàng gần đuổi kịp đưa tay ra vồ là lũ nó đã chun xuống hang rồi, thành thử theo một hồi lâu, nước bắn tung tóe lên làm ướt cả quần áo mà chẳng làm gì xong chuyện. Bấy giờ xem chừng đã mệt lử và nghe tiếng bà cụ gọi hai ba lần, nàng mới chịu bỏ chạy lên. Bà cụ nắm hai vạt áo của nàng rũ nước cho, có ý nâng niu như một đứa bé lên tám lên mười vậy.

– Cũng xinh đấy, nhưng mà ẻo ọe lắm! Trước cái phong cảnh hùng tráng ấy, cứ lại được con người yểu điệu ấy điểm xuyết vào tưởng cũng không đến là lạt lẽo!

Trang bỗng lấy làm lạ sao mình hôm nay lại nảy ra cái ý nghĩ ấy. Rồi như muốn chữa thẹn, chàng làm bộ nhún vai, hừ một cái và toan sấp lưng đi trở lên mấy hòn đụn cát.

Song hai người khách ngoạn cảnh kia đã đi đến gần và bà cụ đã vui vẻ cất tiếng chào:

– Thầy hôm nào cũng đi tắm?

– Kính chào cụ, vâng ạ!

– Có lẽ thầy làm trợ giáo nay được nghỉ hè nên mới thong thả đi nghỉ mát chơi?

– Bẩm không, cháu chỉ làm lãnh hành ở ngoài thôi, nhưng vì tiết trời nóng bức quá nên cũng tạm nghỉ cho qua mấy tháng hè đã.

– Thế thầy cũng như cháu Hai nhà tôi, nó chẳng chịu làm ở một sở công nào cả, cứ bôn ba hoài, khác với vừa tôi lớp trước chỉ mong sao được nhàn là hơn.

Bà cụ điểm thêm một tiếng cười rất thân mật.

Trong khi trò chuyện, Trang vẫn có ý nhìn cô thiếu nữ đang đứng lẳng lặng phe phẩy cái khăn tay. Chàng rất ngạc nhiên mà thấy rằng cái người vừa chơi đùa ban nãy đã lại đổi ra buồn bã lạnh lùng ngay.

Song câu chuyện chẳng còn gì đáng nói, bà cụ đã chào Trang bước đi mà chàng vẫn còn đứng thẫn thờ, phân vân nghĩ ngợi. Chiều hôm ấy cũng như mọi hôm, ăn uống xong và ở rốn lại hóng mát một hồi, người thiếu niên mới rảo cẳng ra về, nhưng trong trí hình như thêm một điều nghĩ lớn. Chàng muốn tìm cho hiểu vì sao cái người con gái ấy vừa giàu có, đẹp đẽ và được mẹ rất mực nuông chiều, lại cứ giữ mãi cái vẻ buồn tê tái kia. Trang dẫu không muốn nghĩ đến nữa, cái hình ảnh thấp thoáng ấy làm cho chàng bâng khuâng tưởng nhớ đến nỗi buồn tiếc xa xăm, những ngày thu tàn, lá rụng... Giữa mùa viêm nhiệt ấy, trong khi mọi vật đương sống một cách nồng nàn cường liệt, sao lại có người con gái đẹp đẽ như kia riêng chịu thiệt thòi, bạc đãi. Trang cho như thế là một sự bất công, không nữa cũng là một điều khiếm khuyết của Tạo vật.

– Ồ! Ta hóa đạo đức mất!

Nghĩ thế rồi Trang thốt bật cười trong quãng trời đêm yên lặng. Cùng theo với tiếng cười, những sự suy nghĩ vẩn vơ của chàng cũng dần dần tiêu mất cả.

Nhưng luôn mấy hôm sau, cứ đến chiều ra bể là Trang lại gặp hai mẹ con ấy. Mỗi lần gặp gỡ như thế đều nhắc cho chàng những điều nghĩ ngợi trước. Vả trong mấy ngày Trang ở đấy, khách thành thị chẳng có mấy ai, nên hai người đàn bà kia càng dễ làm cho chàng để ý đến. Lẩn quẩn mãi về một điều đó, trong tâm trí chàng không mấy chốc đã in sâu cái hình dung cô gái lạ lùng ấy vào như một người quen lâu vậy. Chàng cũng không nhận thấy rằng mấy hôm sau mình đi ra bể có sớm hơn mọi ngày. Thảng hoặc, thằng bé con Cồ hay là bà Sáu có hỏi chàng sao đi sớm thì chàng đã sẵn có nầy có kia mà trả lời rất rành mạch. Trời dẫu còn nắng gắt, nhưng

hễ ra đến bể là chàng bằng lòng, khỏe khoắn, tự bảo rằng giữa quãng trời nước mênh mông rất dễ tìm thi liệu.

Một hôm, Trang đang đi lang thang trên bãi cát nghĩ ngợi làm nốt một bài thơ. Hai tay chàng giật lên bỏ xuống như muốn giả một cái dáng điệu gì. Chàng bỗng reo lên, hai tay đập vào nhau như đã tìm ra vần ưng ý. Nhưng vừa ngẩng đầu lên, chàng liền dừng đứng hẳn lại, quắc mắt nhìn về phía đối dương. Ngay trước mặt chàng đã thấy hai người đàn bà quen biết đi lần xuống. Nhưng sao đi cạnh hai mẹ con có một người đàn ông nào đang chỉ trỏ nói chuyện gì, điệu bộ tự nhiên ra tuồng không phải người lạ mặt.

– Dễ thường là chồng cô ả!

Trang dè chừng như thế rồi cố lại chờ xem. Song thấy người đàn ông kia cứ nhắm chàng bước rảo lại, bỏ bà và cô ả đi thủng thỉnh theo sau.

– Kìa anh Trang, ra chơi đây bao giờ thế? Lâu ngày thì thôi!

– Ai đó! Ủa, anh Oánh! Cũng có đây? Nhưng sao nhìn được tôi mau thế?

– Hồi chiều tôi thấy anh đi qua trước nhà, tôi nhận ra ngay liền gọi luôn mấy tiếng, nhưng anh đã đi quá rồi nên chẳng nghe.

Oánh, một người tầm thước cũng mặc âu trang rất gọn gàng, trạc ngoài ba mươi, dưới băm lăm tuổi, vừa lún phún hàng râu mép, đã niềm nở chạy lại bắt tay Trang, ra dáng ân cần lắm. Và vội cắt nghĩa:

– Số là tôi năm nào đến tiết hè này cũng đến đây nghỉ mát một ít tháng. Năm nay vì em tôi là con Tư nó trong mình không được khỏe nên tôi về thưa với má tôi vào ở trong nầy chơi và luôn tiện đem nó vào điều dưỡng ít lâu cho mau mạnh. Nhưng tôi vào đến đây vừa thuê được chỗ ăn ở xong, thì được tin trong chỗ trại tôi làm ở Kỳ Lâm người cai có lôi thôi gì với thợ thuyền, mà hai bên sanh ra ẩu đả nhau to, nên tôi phải lập tức đi vào thu xếp cho êm, để mấy đứa ở lại ngoài nầy sai xử thôi. Công việc tôi đi chẳng mấy ngày mà chúng nó làm thành rắc rối quá, điều đình mãi ngót một tuần lễ nay mới xong. Tôi vừa mới trở ra đây hồi sáng sớm.

Oánh ngoảnh mặt lui, vừa mới cười nói tiếp:

– Đó, má tôi và con Tư em tôi đó! Nghe nói đã gặp anh mấy hôm trước đây rồi.

– Vâng, nhưng tôi không ngờ là cụ và cô em ở nhà.

Bấy giờ hai người đàn bà đã theo kịp đến. Bà cụ vui vẻ cất tiếng chào:

– Té ra là bà con cả, gặp nhau lâu rày mà không hay. Mới rồi nghe anh Hai nó nói mới biết thầy là thầy Trang.

Bốn người liền họp nhau làm một đoàn đi dọc theo mé bể. Trang đi cạnh Oánh, hai người xuýt xoát nhau, chàng chỉ kém bạn một cái vai. Chàng kể công chuyện mình cho bạn nghe: ra chơi từ hôm nào, trọ ở đâu, thường ngày làm những việc gì và những sự chàng lo tính về tương lai như thế nào. Giữa ba người ấy chàng nghe có cái không khí thân mật, chẳng có điều gì đáng giấu. Dứt mỗi lời của chàng, Oánh lại gật đầu ra vẻ chú ý đến câu chuyện lắm. Thỉnh thoảng Trang cũng đưa mắt nhìn cô gái mà bạn chàng vừa giới thiệu là cô Tư; nhưng nàng chỉ cúi mặt xuống đất lắng tai nghe chớ không nói năng một lời gì. Trang thấy hôm ấy nàng đi săn gió hơn trước, sắc mặt đã hơi hừng hừng đỏ. Cái áo mùi hoàng anh non của nàng lại càng tăng thêm vẻ đẹp.

Chuyện văn hồi lâu đến khi trời xâm xẩm tối, hai bên mới chào nhau về. Oánh liền hẹn với Trang rằng sẽ có dịp đến thăm chàng cho rộng thì giờ nói chuyện.

Cách vài hôm sau, nhằm buổi sớm mai, Trang đang ngồi bóp trán định viết nốt bài thơ còn để dở từ hôm trước. Nhưng chàng nghĩ vẩn vơ những gì, thành thử cứ viết đi xóa lại không biết bao nhiêu hàng đã hơn một tiếng đồng hồ mà vẫn chưa nặn nọt xong lấy một câu: Chán quá, chàng liền ném quản bút xuống, lấy tay vuốt ve con mèo Mướp nằm tròn bên cạnh, đành hoãn lại hôm khác thôi. Chợt nghe hai bàn tay khe khẽ vỗ vào, chàng giật mình ngoái cổ lại thì ra Oánh đã đứng sau lưng từ hồi nào không biết.

– Đã lại làm thi hẳn! Sung sướng quá! Thôi, cho phép tôi về ngay kẻo lại làm cụt hứng của thi ông mất.

Oánh vừa cười hả hả vừa làm bộ bước tháo lui.

Trang vội vã đứng dậy kéo ghế mời khách ngồi, trỏ vào tờ giấy đen ngòm trên bàn, nói:

– Thi với phú gì đâu, anh cứ đùa mãi tội nghiệp quá! Từ tảng sáng đến giờ có khách nào mà hậm hực mãi vẫn không ra cái trò trống gì.

Thằng Cồ đi chợ vắng, chàng liền gọi bà Sáu đem nước trà lên, chủ khách cùng ngồi gẫu chuyện.

Trước khi ra về, Oánh bảo Trang:

– Tôi sửa soạn đêm nầy đi Đồng Nghệ săn bắn chơi, tôi định sang đây rủ anh cùng đi cho vui. Thế nào, anh liệu có nhận lời được không?

Trang lắc đầu nói:

– Thế thì anh lỡ mất công rồi. Những thú săn bắn cùng đi câu tôi đã tuyệt không chơi từ mấy năm nay. Tôi thú thật là chẳng tu hành gì, nhưng những sự sát hại như thế tôi bây giờ nhát gan hơn đàn bà không làm gì tốt. Vì thế tôi không thể vâng lời anh được, chớ chẳng có ý gì khác.

Oánh vẫn tươi cười, nghĩ một lát rồi nói:

– Tôi còn thua anh chỗ đó thật. Nhưng thôi, hễ tôi săn bắn được gì sẽ mời anh lại dùng ít miếng thịt rừng thì xin anh đừng từ chối.

Trang đứng dậy tiễn chân Oánh ra cửa mà rằng:

– Cái đó thì đã hẳn! Tưởng gì chớ ăn, thì đâu dám không vâng lời.

Chủ khách cùng cười xòa, rồi Oánh mới từ biệt bạn ra về.

Lê Trọng Oánh là người nhã nhặn, lanh lợi, có lịch duyệt nhiều lại tính rất hiếu khách. Nhờ cái tánh dễ dãi, chàng giao thiệp không sót một hạng người nào mà thủy chung không mất lòng một ai cả. Oánh cũng mồ côi cha từ bảy tám năm về trước. Mẹ là bà Nghè Thuyên có cửa nhà ở làng Cư Chánh, huyện Hương Thủy ở Kinh, giữa cảnh núi non như gấm vóc. Người con gái đầu của bà và cô Ba đều đã có chồng, là những nơi môn đương hộ đối, có đồng ra đồng vào cả. Cô gái út tên là Nga, người Trang thường gặp đi dạo với bà

Nghè ngoài bể, nhưng vì cô là thứ tư nên trong nhà chỉ quen gọi là cô Tư.

Oánh tuy là dòng dõi nhà Nho, nhưng chẳng chịu dấn thân vào đường sĩ hoạn. Sau khi thôi học đã đi theo ông chú họ làm thầu khoán ngay. Chàng có tài giao thiệp lại có não trù tính sành sỏi ít ai bằng nên chịu đâu được đó, chẳng bao lâu đã trở nên một nhà cự phú. Vợ là một người nội trợ đảm đang và mấy đứa con đều ở nhà với bà Nghè. Trong buổi ăn làm, chàng có gặp Trang nhiều lần và ngay lúc đầu hai người liền phục bụng nhau mà đối với nhau đã có tình thân ái. Nhưng ai nấy đều mảng lo công việc mình, nên chưa có dịp thăm hỏi đến gia quyến nhau mà biết cho rõ ràng.

Chiều hôm sau, Trang sửa soạn chực đi bể, chợt có người đem cái danh thiếp của Oánh gửi lại, lật ra sau thấy mấy dòng chữ nhỏ rằng:

"Anh Trang

Tôi vừa mới đi săn về được một con heo rừng và ít con gà lôi. Y như lời hẹn hôm qua, tôi có thết một bữa cơm thường, xin anh vui lòng chiều hôm nay đúng bảy giờ quá bộ đến nhắp một chén rượu lạt. Ngoài anh ra chỉ có hai ông bạn nữa thôi. Chẳng phải cỗ bàn gì, xin cứ mặc đồ thường là được."

Trang xem xong ngoảnh lại bảo người đem lá thiếp:

– Chú về bẩm lại rằng tôi xin vâng.

4.

Đến sáu giờ rưỡi chiều hôm ấy, Trang còn đương loay hoay mặc chưa xong quần áo. Chàng cười thầm:

– Chết nỗi! hôm nay sao mình lại sửa soạn quá thế? Cũng may mà anh Oánh bảo mặc đồ thường, chớ không thì rầy rà to. Mình giá mạng còn cặp áo quần sọc nầy mà chê thì còn mặc cái nỗm gì nữa!

Trang từ nhỏ đến giờ mới thấy mình để ý đến y phục, chàng thấy sự thiếu thốn nghèo nàn của mình về mặt đó thì hối hận rằng

mình nghĩ đến chậm mất rồi. Nhưng muốn lấy giọng khôi hài để dối mình, chàng sẽ liếc mắt vào gương cười tủm tỉm:

– Còn gì nữa! Cái đầu mướt thế này thì công tử đứt đi rồi.

Giở chiếc đồng hồ ra xem chỉ còn mấy phút, Trang mới vội vàng đi đến biệt thự Oánh. Vừa đến sân đã thấy dưới ánh đèn măng sông sáng chói hai ông khách kia có mặt cả rồi. Oánh nom thấy Trang liền ra dẫn vào, giới thiệu cho hai ông khách:

– Đây ông bạn của tôi vừa nói, trước làm việc tòa Sứ Kontum, nhưng vài năm đây từ chức ra làm lãnh hành như tôi.

Đoạn trỏ vào hai ông khách day lại nói với Trang:

– Đây là thầy Cửu Bạch ở Nại Hiên, và đây là ông Hồng, Tham tá tòa Đốc lý.

Hai bên thi lễ xong lại cùng ngồi, Trang và Oánh kề vai nhau đối diện với hai ông kia. Trên bàn đã đặt sẵn mấy chai rượu chát và mai quế lộ. Chủ khách khuyên nhau cùng uống. Câu chuyện đã thấy đậm đà, thỉnh thoảng lại nghe xen lẫn vào ít tiếng cười rè của ông Cửu Bạch.

Ở căn bên, trên bộ phản ngựa, bà Nghè Thuyên và con gái là cô Nga đang ngồi têm trầu, sắp bánh hoặc sai cắt Chồn, Thỏ, hai chú ở tề chỉnh và lanh lợi.

Một lát, mấy chú nầy đã đem thức ăn lên. Bữa cơm dọn theo lối An Nam, bao nhiêu thức đều bưng lên một lượt, nhưng trong đó cũng có chen lộn ít món ăn Tàu. Khi đã dọn xong, Trang thấy bày chung quanh cái bình hoa, nào bào ngư, cửu khổng, gỏi vược, gà lôi quay và mấy đĩa thịt heo rừng xào lăn, hơi xông lên ngào ngạt.

– Xin mời các ngài!

Ông chủ nhà đã ra hiệu. Bốn người cùng bắt đầu vào ăn.

Hồng và ông Cửu Bạch, hai người chỉ nói chuyện với Oánh. Ông Cửu nói như pháo ran. Ông Tham chừng mực mà nghiêm nghị. Ông Cửu chỉ nói chuyện tiền bạc và cho vay. Ông Tham chỉ nói về quan lại thuyên chuyển. Cả hai ông đều khen các món ăn ngon. Về mặt nào, Oánh cũng có câu trả lời gãy gọn mặn mà, làm hài lòng khách. Trang phải phục bạn có tài hơn mình. Còn chàng chờ mãi không tìm được chỗ nào để đệm vào một lời nói, đành lẳng lặng ngồi

ăn, hoặc ngó quanh mấy cái cột nhà hay là mấy con phù du a vào đèn mà chịu chết.

Chàng thấy bà Nghè cùng cô Tư hai người thỉnh thoảng ngó qua mình thì lấy làm thẹn, bụng bảo dạ rằng:

– Khốn nạn! Mình vụng về không biết nói lấy nửa lời, tới nhà người ta mà chỉ ăn thì họ cười cũng đến chết!

Nghĩ thế, Trang hơi buồn.

– Kìa anh Trang, hồn thơ gởi đâu mà ăn lơ lửng thế?

Oánh làm bộ rầy chàng rồi lại muốn khoe bạn cùng quí khách:

– Anh Trang tôi đây ngoài các công việc kinh dinh ra lại còn là một nhà thi sĩ.

Hồng, ông khách tuổi trẻ, trừng mắt một cái rất nhanh, ra dáng hoài nghi, nhưng chẳng để ý gì đến Trang sẽ đạo mạo nói:

– Nếu thật xứng với cái danh hiệu ấy thì còn gì hay bằng!

Lại sợ chưa bày tỏ đủ ý kiến mình, liền nói tiếp, giọng mỉa mai, dằn từng đoạn một:

– Phải, cũng có thi sĩ và thi sĩ. Nếu chỉ thuộc đôi chút lề lối, biết qua một mớ niêm luật, xin chớ vội tưởng mình là thi sĩ. Phải có thiên tài, cái đó là lẽ cố nhiên, tình cảm phải cho dồi dào, nhưng cũng chưa đủ, còn cần phải học, học cho có hàm súc, cho có nhiều công phu mới mong viết một lời nghe được. Muốn thì được, chỉ là một câu nói để khuyến miễn người đời, không thể dùng về trường hợp nầy. Ngay như tôi, hồi nhỏ cũng có vọc vạch làm thơ, làm cũng tiềm niệm, nhưng tôi chỉ cho là một trò giải trí. Vì nếu mình không thật có tài năng lỗi lạc thì bao nhiêu thì giờ bỏ vào những cuộc xướng họa như thế đều là của phí vô ích. Mình còn những chuyện cần thiết hơn và có lẽ bổ ích cho đời hơn. Huống chi mình đã có chỗ ăn làm nhất định rồi thì nên giữ lấy địa vị mình là tốt, rồi trong những khi nhàn rỗi hãy ngâm vịnh mà tiêu khiển. Tôi muốn nói là người ta hễ quá say về mặt từ chương thì tâm trí đâm ra vơ vẩn, không muốn để cho mình đi trên một con đường bằng phẳng mà chỉ mơ hồ những sự viển vông. Làm một ông thầu, cũng hay lắm, nhưng nếu ai cũng có tài như ông Hai của cụ Nghè thì còn phải nói gì.

Hồng là một trang thanh niên béo tròn hoay như hạt mít ráo, đầu tóc uốn dợn sóng mà kể khô, mặt trắng trẻo láng có ngời, hai má bầu thụng xuống có vẻ ngây thơ như đứa trẻ con, trái hẳn với cặp mắt thông minh, lanh lợi, miệng nói khi nào cũng muốn làm cho có duyên tưởng như ở trước một nơi đông người vậy. Mình mặc bộ tuýt-xo vai long đình dùng đâu mới vài nước, chiếc cà vạt màu gạch cố làm cho hơi xốc xếch trên cái sơ mi màu hoa cà, chàng ăn nói rất dễ dàng, mới nghe qua cũng biết là một người mực thước, thông thạo, thường ra vào những nơi công chúng.

Hồng tuy tuổi mới chừng ba mươi, nhưng ở trong xã hội là người được phần đông kiêng nể lắm. Và là chánh hội trưởng, phó hội trưởng, sáng lập hội viên, danh dự hội viên, tán trợ hội viên của không biết bao nhiêu hội ở Đà thành. Không có một việc có tính cách công ích nào mà không do tay chàng chủ trương. Bất cứ việc gì có Hồng nhúng tay vào mà mới mong hiệu quả tốt. Thỉnh thoảng cũng có người đứng lên chỉ trích nầy kia, nhưng chỉ là những tiếng cô lập, không ăn thua vào đâu chỉ làm cho chàng thêm khinh bỉ. Kẻ tò mò hay kể lắm chuyện về đời tư chàng, nhưng thấy cái cử chỉ đàng hoàng của Hồng, các bậc phụ huynh ai cũng bảo là lời phỉ báng tự những tay thù bịa ra để bôi nhọ chàng cho thỏa lòng ganh ghét. Hồng góa vợ được vài năm, chưa có con cái gì. Nhiều người khuyên sự tục huyền, nhưng mỗi lượt đều nghe chàng than thở rằng vợ mới mất không bao lâu không nỡ thế. Các chỗ thân bằng lại càng thêm mến phục. Trong số ấy tựu trung có một người hâm mộ cảm mến chàng nhất, là ông Cửu Đùm, tức ông Cửu Bạch, người đang ngồi cạnh Hồng đó. Không chỗ nào có ông Tham mà không có ông Cửu, cũng không chỗ nào có ông Cửu mà thiếu mặt ông Tham. Cho nên hễ đám tiệc nào đã mời ông nầy tất phải mời ông kia, không thế hẳn sinh mất lòng rắc rối ngay.

Ông Cửu Đùm nãy giờ nghe bạn tri kỷ của mình nói vừa hiểu được mấy câu sau liền vội ngắt lời Hồng:

– Ngài Tham nói quả là chí lý! Tôi tuy quê mùa học vấn còn kém cỏi lắm, nhưng cũng phải biểu đồng tình về sự đó. Hồi tôi mới ra đời, lăn lộn mười năm đủ từ Nam chí Bắc, từ Lào sang Mên, chẳng nơi nào là không đến, chẳng nghề gì là không làm. Mà trắng tay vẫn hoàn tay trắng. Mãi sau về đây buôn bán vụn vặt, cho thuê

xe, cho vay tiền góp sơ sài mà mới gây dựng ra cái gia thế ngày nay. Ai dè bôn tẩu không nhằm chi, về nằm co lại tự dưng có của cải, mới biết lời tục không nhầm, có an cư mới lạc nghiệp!

Ông Cửu nói đến đó, liền buông một chuỗi cười dài, sè cả cây quạt rộng bằng nửa cái nia, vung phành phạch. Ông cất cốc rượu, ngả người ra, nốc một hơi rồi mới ngó tất cả mọi người thử có chịu mình là một bậc lão thành lịch lãm.

Thấy Hồng cứ gật đầu, ông Cửu Đùm thích chí vểnh bộ râu tôm, ngất ngưởng kết luận rằng:

– Phải, trong mười mấy năm trời tôi phong trần đã lắm. Những mùi đắng cay mặn lạt ở đời tôi đều nếm qua nên phàm việc gì cũng gọi là lịch thiệp. Bây giờ nhờ ơn trên đã được dư ăn dư để, nhưng vâng lời ngài Tham tôi còn muốn đem những chỗ biết hẹp hòi của mình ra gánh vác việc đời cho khỏi phụ lòng anh em mong đợi.

Nói dứt lời, ông Cửu đưa tay nắn lại cái vành khăn, chỉnh nét mặt có ý làm ra vẻ nghiêm trang cho xứng với cái trọng trách mình sắp ra đảm nhận.

Ông Cửu Đùm là một người vạm vỡ, mặt to, nước da bánh mật, giọng nói lớn, tuy tuổi ngoài năm mươi nhưng vẫn còn quắc thước lắm. Trong khi nói, hay làm nhiều điệu bộ buồn cười, sắc mặt từ hài hước đổi ra nghiêm trang, lại từ nghiêm trang đổi ra hài hước chỉ trong chớp mắt, ai mới tiếp chuyện ông lần đầu thường có cái cảm tưởng ngồi trước một người đang đóng trò vậy. Ông Cửu là người giàu có lớn. Xuất thân ở về hạng nào, chỗ đó ít người biết rõ. Người ta chỉ biết rằng hồi ông mới về ở Hàn thì như lời ông nói, ông đã xoay trở đủ mọi nghề mà người đời thường cho là kém sút. Hồi đó ông chỉ mới là anh Hai Đùm thôi, đồng một lứa với mấy anh Bốn Chuột, Năm Lò, Sáu Keo, Bảy Thộp. Nhưng vất vả nửa đời người, ông đã vì những sự gian lao mà thêm được một đức tính là lòng nhẫn nại. Thật thế, ai thấy ông sau ngày thất bại về một công việc gì, cũng vẫn giữ nét mặt thản nhiên và lại hăng hái ra làm việc khác ngay thì thấy đều thán phục. Cả đời ông chỉ theo đuổi một mục đích, không bao giờ nghỉ, không bao giờ chán: mục đích ấy là làm giàu. Nhờ thời cơ một ít mà nhất là nhờ đức kiên nhẫn, cần kiệm, ông đã đạt được mục đích ấy quá lòng sở nguyện. Hiện nay

ông Cửu có ba bốn sở nhà lầu, mấy chục gian phố cho thuê, ruộng hàng bảy tám trăm mẫu và năm sáu chiếc ghe. Vị thần độc tôn của ông đã là tiền tài thì lẽ tất nhiên sau khi ông được làm chủ cái gia sản ấy, ông phải cho ông là tài giỏi hơn người. Nên mỗi khi ông xét đoán, phê bình về một người nào, tất ông lại lấy tư bản ông làm mực thước. Ai giàu hơn ông là người ấy giỏi mà ai kém ông là người ấy còn vừa, chỉ như những hạng nghèo kiết, thì dẫu ông không dám nói ra trong bụng chỉ coi là đồ ương gàn, không đủ mà đếm xỉa. Nhưng người hơn ông đâu có nhiều, ra đường chỉ rặt là kẻ ăn làm đầu tắt mặt tối, thành thử ông hay có cái bộ khinh khỉnh, coi người bằng nửa con mắt. Tuy vậy ông Cửu không phải chỉ giao du với các nhà tư bản thôi, vì ông đã giàu rồi lại muốn sang, nên hễ gặp ông tai to mặt lớn nào là ông bắt quàng làm thân ngay. Sau hai bận đi Huế, người ta đã thấy trước ngực ông lủng lẳng chiếc bài ngà hàn lâm viện đãi chiếu. Về việc đó ông cứ phàn nàn mãi: "Nhà nước quá yêu mà ân tứ cho thế nầy, chớ thật tôi nhờ trời đủ bát ăn, có dám màng đâu danh vọng". Ông dẫu nói vậy, vả lại vừa làm lễ tam sanh ăn ngũ tuần, nhưng vạn bất đắc dĩ phải chìu lòng anh em trong xóm mạc ăn khao hết ba bò tám heo, rước đám hát đằng đẵng nửa tháng trời. Lắm người đã khen là ông tính việc gì cũng chu đáo lắm. Nhưng ông Cửu lại tiếc mình có tài năng nên ông còn muốn ra làm hội đồng thành phố. Muốn cho có vây cánh, ông bèn chơi thân với ông Tham Hồng là người có thể giúp cho ông nhiều về việc ấy. Sắp đặt đã xong đâu đấy, ông chỉ còn phiền cái tên ông nó không có giọng quí phái chút nào, ông bèn nghĩ đổi ngay nó ra là Bạch. Nhưng dẫu danh thiếp ông gởi đi khắp thành phố, nhan nhản đề cái tên Cửu Bạch, thiên hạ cũng cứ quen mồm gọi ông là ông Cửu Đùm vậy. Ông biết thế không vui lòng chút nào. Ông Cửu có người con gái là cô Trà, đương học năm thứ ba trường Đồng Khánh. Ông muốn gả cô ta cho ông Tham, ông nầy cũng chẳng đòi gì hơn, nhưng vì hai đàng chơi thân quá, gọi nhau chỉ là ngài với quan nên đàng nào cũng không tiện mở lời ra trước. Chờ nhau dằng dai mãi không xong gì, hai người phải bằng lòng ở với nhau trong vòng bằng hữu.

Oánh vẫn biết tánh hai người, nhưng trong sự án làm thường hay xáp mặt nhau nên chàng cũng có ý kiêng nể muốn mua lòng họ. Chàng mời hai người cũng chỉ vì nghĩ rằng do là một sự thù

ứng văng lai ở đời cần phải có. Sau khi nghe Hồng nói mấy lời cạnh khóe ám chỉ bạn mình thì Oánh chẳng vui, muốn ôn tồn bào chữa cho bạn.

Trang biết ý liền lấy cùi tay thọc vào Oánh ra dấu bảo im đi. Trang nẫy giờ ngồi nghe mấy bài diễn thuyết kế tiếp luôn của hai ông khách đã như gậy xáng vào đầu. Chàng biết Hồng định nói kháy mình và bao nhiêu lời biện luận úp mở của va chỉ muốn kết lại bằng một câu nầy: "Anh là đồ vô dụng, có biết gì đâu!". Chàng bất bình, đỏ mặt, lại thấy Nga có ý nhìn mình thì chỉ chực tìm những câu chua chát đánh trả lại Hồng ít miếng cho thật đau. Song chàng nghĩ lại làm như thế có lẽ mất sự hòa nhã ắt Oánh phiền lòng, bèn cố gắng dằn sự giận dỗi. Trong bụng chàng lại như có ý khinh bỉ, không thèm cãi cọ dông dài làm chi với một người mà chàng cho là đã lập tâm chế giễu mình. Còn ông Cửu thì Trang chỉ cho là một người phụ họa vụng về thôi. Vì thế, dẫu bực rức khó chịu, Trang cũng gượng làm lơ, như mình còn mãi suy nghĩ gì về việc khác.

Bà Nghè Thuyên cùng con gái ngồi ở căn bên kia làm xong các việc vặt cũng nhỏ to nói chuyện nhà với nhau. Hai người thỉnh thoảng để ý đến câu chuyện của khách. Nga mấy hôm trước đã thường nghe anh mình nói đến Trang một cách rất sốt sắng, lại khen chàng có hoài bão lớn. Hôm ấy nàng mới được nhìn rõ người thiếu niên. Nàng thấy Trang nhu mì, hai bàn tay nhỏ mà trắng trẻo, cử chỉ trong khi ăn uống ung dung tề chỉnh, tỏ ra là một người từ nhỏ đã chịu nhiều công giáo dục. Nàng lại hơi ngạc nhiên rằng cái người mà anh mình không hết lời khen kia chỉ ngồi chầu hẫu như cô gái nhà lành, không biết nói năng gì cả. Sau khi nghe Hồng nói lỡm Trang, nàng rất không bằng lòng, thương hại cho người thiếu niên. Nhưng Nga lại mừng rằng thế nào Trang cũng đáp lại và nhân dịp ấy mình sẽ biết được cái tâm chí và tài hùng biện của chàng. Nga mong nóng chờ mãi, tự mình cũng tìm được nhiều ý kiến hay để bênh vực Trang, nhưng một hồi lâu chỉ thấy chàng xoay thế địch ra thế hàng, dịu nét mặt, cười mát mà rằng:

– Các ngài nói đã là khám phá lắm!

Nga không ngờ Trang chỉ nói được có thế; nhưng nàng lại nghe vừa ý, cho chàng làm vậy mà phải, chớ ai hơi nào phí lời nói đi biện

bạch với những người đầy cả thành kiến như hai ông kia. Không đáp lại tức là bỏ qua các lời kích bác xằng ấy. Nếu lúc bấy Trang mạnh mẽ đứng lên phản đối lại một cách hùng hồn làm cho Hồng phải bẽ mặt thì Nga có lẽ không đẹp ý bằng thấy chàng nhẫn nại. Vì như thế thì hình như Trang còn phải cần người bênh vực, mà che chở cho một kẻ yếu, Nga muốn cho cái danh dự ấy nó về mình. Nàng dẫu không nhận ra, chớ kỳ thực sự khuất phục của Trang ở nơi đám tiệc vui vầy đã làm cho nàng đối với người thiếu niên có cái cảm tình đặc biệt.

Còn Trang đối với Nga, chàng lại lấy làm bức bối, cứ bảo bụng:

– Thôi nguy cho mình rồi! Họ thấy mình làm thinh chắc họ sẽ hiểu ngầm rằng mình đã bái lĩnh những lời dạy bảo của quan tham nhà họ. Âu cũng đành cho họ coi mình là một đứa không ra chi.

Nhưng bữa ăn vừa xong, mấy chú người nhà đã triệt bàn, đem thức tráng miệng và cà phê lên. Kể chuyện đời xong, chủ khách bèn lân la nói đến chuyện nhà. Trang vì chẳng muốn nói năng gì nữa nên ngồi lâu đã thấy mỏi. Nhìn vào chiếc đồng hồ tay thấy chỉ mười một giờ. Chàng toan cáo từ thì vừa gặp ông Cửu Bạch khẩy múi cho:

– Không biết các ngài nghĩ sao, chớ theo ý tôi, ta nói chuyện suông như vậy chẳng bằng vầy một cuộc tài bàn hẳng có thú vị hơn.

– Xin tùy ý các ngài, nhưng chúng ta bốn người, thôi để nhường các ngài chơi, tôi xin chầu rìa vậy. Oánh nói thế.

Trang vội vàng gạt lời bạn:

– Anh Oánh hãy ngồi vào chơi, vì tôi xin thú thật là không sành ngón tài bàn lại quen tánh ngủ sớm, may ba ông vừa đủ tay, vậy cho phép tôi xin kiếu.

Oánh không ép bạn, Trang liền cáo từ ra về.

Chàng ra đến ngoài đường, hơi sương lạnh xuống bắt phải rùng mình, nhưng tâm thần lại nghe rất nhẹ nhàng, sảng khoái. Trang ngáp dài, rụt mạnh tay cho đỡ mỏi, cười khúc khích một mình mà rằng:

– Hú vía! Mình tưởng chừng không bao giờ thoát ra khỏi bữa tiệc ấy. Cũng khá khen anh Oánh có nhiều ông bạn lạ lùng, quý

hóa quá! Quan Tham thì trưởng giả ra phết lại đèo thêm một cụ Cửu khiêm tốn nhất đời!

5.

Chín giờ mai.

Cả bầu không khí trong veo đều vang đầy những tiếng người hát chim kêu đang đón chào một ngày nắng tưng bừng chói lọi. Muôn vật đều phô sự sống một cách hoàn toàn dưới cái phong quang của buổi sớm mai mùa hạ, hớn hở, êm đềm, hay khuyến khích những sự yêu mến nồng nàn, hay an ủy những linh hồn tuyệt vọng.

Nga ngồi trước cửa sổ, tì tay vào má, nghĩ ngợi trầm ngâm...

Nga buồn.

Cảnh vật bên ngoài càng rực rỡ bao nhiêu thì nàng thấy trong lòng càng vắng vẻ. Một tay trân trọng cầm bức ảnh bán thân của một trang niên thiếu: Thạch, người vị hôn phu của nàng đã không may tạ thế ngoài hai năm vậy. Người thiếu niên đang mỉm miệng cười, cặp mắt say đắm nhìn đăm đăm vào nàng như bảo nàng vững dạ. Nga ôn lại những buổi hạnh ngộ ngày xưa, cũng trong mấy tháng hè nầy, khi Thạch còn là một sinh viên trường thuốc. Nga tủi cho hai mươi bốn cái xuân xanh mình nó không có thú vị gì. Nước mắt nàng chạy quanh, ngập ngừng trên mí. Đã từ lâu Nga không khóc, nàng chỉ buồn một cái buồn lặng lẽ, khô héo thôi.

Nga sinh trưởng ở một cái gia đình giàu có đã mấy đời, nàng chưa từng phải lo nghĩ về sự ăn mặc bao giờ. Từ nhỏ đã muốn gì được nấy, đến khi hai cô chị đi lấy chồng, nàng ở một mình sớm khuya với bà Nghè, lại càng được mẹ ấp yêu như trứng mỏng. Bà Nghè cưng con út, không muốn cho nàng học nhiều, nên nhân dịp hai cô gái lớn gả chồng bèn bảo Nga thôi học về ở nhà cho có bạn. Lúc ấy, Nga đang theo học ở ban Thành chung.

Nga mới mười tám tuổi, chứa chan hi vọng, chỉ ước ao những cái hạnh phúc tuyệt đối ở đời. "Diễm Dương Trang", – nhà bà Nghè – ở về miệt núi non, cách thành phố chừng mươi cây số. Nga về luôn đó ít được tiếp xúc với cái đời phồn hoa náo nhiệt mà nàng đã từng trải qua trong mấy năm theo học ở trường. Những buổi ăn không

ngồi rồi, nàng đã để cho cái tâm hồn phiêu lưu trong chốn mộng tưởng hư vô nó dần dần làm cho nàng thiếu hẳn cái quan niệm đích xác về cõi đời thực tế. Chính giữa lúc sự tình cờ xui khiến nàng biết Thạch. Nguyên Thạch có bà con xa với một người anh rể Nga, nên một hôm được người ấy rủ đến ở lại Diễm Dương Trang ít ngày đi săn bắn. Nhờ thế, Thạch mới biết Nga và ngay buổi đầu đã đem lòng yêu mến nàng vậy. Dò la ít lâu, Thạch bèn cậy người anh rể Nga làm mối lái dạm hỏi nàng, liền được bà Nghè ưng thuận. Rồi đó cứ mỗi năm đến độ nghỉ hè là Thạch lại đến Diễm Dương Trang ít lâu, cặp thiếu niên đối với nhau rất hợp ý vừa lòng, yêu nhau trong cõi tinh thần, bằng một thứ ái tình say sưa, thuần túy. Hai bên chỉ mơ mộng làm một đôi uyên ương chắp cánh cùng bay, đi tìm những cảnh mây hồng nước biếc. Trước con mắt lạc quan của Nga, cái tương lai nó hẹn hò nhiều cảnh sắc huy hoàng xán lạn. Thế nhưng cái cuộc ái ân ấy nó không có bền chặt gì. Năm kia Thạch đang học ở trường liền nhuốm bịnh thương hàn mà tuyệt mệnh. Nga được tin ấy đưa về thoạt ngất người đi, suýt chết theo cùng bạn. Nhưng nàng vẫn sống, sống để mang một sự đau đớn không tày nó làm cho nàng ngày thêm mòn mỏi. Oánh cùng bà Nghè đã hết lời khuyên nhủ nhưng vẫn là vô hiệu.

Nga vốn là một giống si tình, tự đối với mình không muốn có điều thất ước. Nàng trót quá hi vọng và tin tưởng ở ái tình nên nỗi thất vọng lại càng khó gỡ. Vả từ nhỏ đến lớn nàng chưa từng gặp cái gì làm trở ngại cho ý muốn mình, nay thốt nhiên bị cái tin dữ dội ấy nó thình lình đạp đổ bao nhiêu cái lâu đài tráng lệ nàng đã xây đắp trong trí, thì nàng bỗng như mới bừng mắt ra, đã hèn lâu mà vẫn không hết bàng hoàng sợ hãi. Nga nghi ngờ rằng bao nhiêu cái tốt đẹp ở đời chỉ là hư ảnh để gạt gẫm mình thôi. Nàng không muốn nghĩ cách tự giải, không muốn nghe dỗ dành, chỉ ưa tìm những nơi vắng vẻ đi dạo một mình, để sống lại cái đời quá khứ mà nàng với Thạch đang cùng nhau khăng khít. Nàng yêu soạn sành những vật kỷ niệm của Thạch đã từng cho ngày trước, xem đi xem lại suốt giờ không thấy chán. Mãi thế, trong nhà thấy Nga cứ hao mòn sinh lười biếng. Bà Nghè Thuyên lo sợ, nên hễ thấy chỗ nào ngỏ ý cầu hôn thì muốn nhận lời ngay, nhưng Nga một mực từ chối. Trước bà Nghè cũng muốn con gái ở lại với mình cho dài ngày nhưng bây giờ

thì bà lại chỉ trông gả gấp nàng thôi, vì bà nghĩ rằng Nga đang bị khủng hoảng về ái tình tất phải lấy một cái ái tình khác thay thế vào mới được.

Còn Nga nàng cũng không cần biết rồi cái thân thế mình nó sẽ ra thế nào. Có khi Nga muốn hi sinh làm một kẻ tu hành đi vỗ về cho những kẻ đau đớn khác. Cũng có khi bà Nghè thấy nàng ẵm bồng con Oánh suốt ngày mà mơn trớn hơn một người mẹ đẻ. Nàng như có ý tìm một cái gì mà rợt bớt sự thương yêu nó đang lai láng trong lòng. Rút cục, những ý tưởng bề bộn của Nga đều không có kết quả gì vậy.

Đến mùa hè năm ấy, Oánh thấy nàng cứ gầy yếu thêm liền bàn với mẹ đem Nga đi hóng gió bể cho khỏe và cũng nhân tiện cho nàng xao nhãng những sự buồn rầu lủn chí.

Bà Nghè nghe nói có lẽ, bèn phó thác việc nhà lại cho con dâu và đem Nga vào Mỹ Khê, vì ở đó Oánh đi về rất tiện. Nga vì những sự đi đứng, dọn dẹp, không mấy khi rỗi rành ngồi không, nên quả nhiên không bao lâu đở khá nhiều và ưa làm lụng hơn trước.

Hôm đầu nàng gặp Trang, Nga rất không bằng lòng, vì mỗi khi thấy một người thiếu niên nào thì lại bắt nàng nhớ đến Thạch; vả Nga thấy Trang chào hỏi mẹ thì nghi rằng va chỉ vờ vĩnh thân mật để gạ gẫm nầy kia, không khéo làm cho nàng đến mất sự yên ổn. Nga cố làm ra bộ khinh bỉ cho chàng đừng có chòi mòi gì nữa. Nhưng luôn mấy ngày sau thấy chàng lãnh đạm vô tình không để lộ ra cái cử chỉ gì khả nghi thì nàng mới hết ngờ vực người thiếu niên về chỗ đó. Nàng lại nghe nói đến Trang ở một cách cô độc, không hợp với cái tuổi trẻ của chàng chút nào thì đồ rằng hoặc chàng cũng có một cái tâm sự như mình chăng. Hôm Trang được mời đến ăn cơm cùng Oánh, Nga thấy chàng chịu thua sút Hồng, không nóng nảy như bạn thiếu niên khác thì lại càng chắc là lời mình đoán đúng. Nhưng nàng bỗng nhận ra rằng mình năng nghĩ đến Trang, hay chú ý nghe Oánh kể chuyện chàng mà cho thế là một sự không tốt, đắc tội với vong hồn người bạn cũ.

Nên hôm ấy, muốn đoạn tuyệt với những điều nghĩ đó, nàng bèn soạn cái bức ảnh của Thạch ra như để chứng giám cho tấm lòng thanh bạch của mình. Những sự đau đớn cũ nó mới hơi êm êm được

mấy ngày trong tâm khảm nàng lại bỗng nứt nẻ ra nhức nhối vô cùng, khiến nàng ủ dột không thua gì ngày trước. Nga tưởng tượng Thạch đang buồn rầu đứng trước mặt nàng nói những lời trách móc. Nhưng nhìn vào bức ảnh, chỉ thấy ý trung nhân tươi cười âu yếm, không có vẻ giận dỗi gì. Những tiếng thề bồi của Thạch ngày trước lại thánh thót bên tai nàng. Nga cảm động quá, nghẹn ngào, không thốt ra một lời gì được.

Vì thế, luôn sáu bảy hôm sau, Nga gặp Trang đều lạnh lẽo không muốn đứng gần. Có chào hỏi cũng gọi là cho đủ lễ thôi.

Trang thấy thế thì cứ nhất định rằng mình bị Nga khinh mà duyên do cũng chỉ vì thấy mình thật thà quá trong bữa tiệc hôm trước. Chàng tự nhủ rằng cô ta không hiểu mình đến thế thì kiến thức cũng còn là hẹp hòi, nông nổi lắm. Nên chàng cũng nghe chán nản, không thích chào hỏi gì Nga nữa.

Nga thấy Trang tưởng bị mình khinh bỉ có ý thẹn thì nàng cũng hối hận rằng mình kiêu hãnh quá.

Nhưng Trang chỉ gắng gượng được vài hôm rồi sau Nga lại thấy chàng xoắn xuýt mình hơn trước. Mỗi lần gặp gỡ cứ thấy Trang cười nói luôn miệng, vui vẻ lắm, hết chuyện nầy tiếp qua chuyện kia không bao giờ dứt. Nga phải cười thầm không hiểu sao va lại có cái cử chỉ kỳ quặc ấy.

Nga tần mần đem Trang so sánh cùng Thạch mà nhận thấy rằng hai người có nhiều chỗ giống nhau mà nếu gặp nhau ắt cũng làm một đôi bạn tương đắc. Nàng nghĩ rằng vì tâm trí mình nó đầy cả hình ảnh của Thạch cho nên hễ gặp ai cũng muốn tìm cho ra chỗ đồng dị với người yêu, cái đó chỉ là một cách nhớ đến người yêu vậy.

Một hôm, mấy người đang đi dạo cách chỗ tắm hơi xa. Trời bỗng tối sầm lại, mây đen từ phía tây đùn đùn kéo tới bủa thấp la đà.

– Ta đi mau về thôi, – Oánh nói, – chắc là mưa to sắp đến.

Ai nấy đều vội vã quày gót lui. Trang lên mặt rành:

– Không can gì, chân mây chẳng đụng núi Sơn Trà thì cũng chưa mưa được.

Nói vừa dứt lời, trời đã đổ hột lắc rắc, giây phút một trận mưa to bỗng ào ào đổ xuống. Cả bốn người biết về chẳng xong phải chạy a vào xóm thuyền chài, gặp cái nhà gần nhất liền kéo nhau vào đụt. Mấy bác thuyền chài thấy khách lạ đến nhà liền hối hả quét phản, trải chiếu mới mời ngồi lại bảo trẻ con đun nước chè đem đãi khách.

Bà Nghè cùng Nga đến trước bếp lửa sưởi áo cho khô rồi mới kiếm chỗ ngồi.

Oánh bấy giờ ngó lại Trang thấy chàng ướt như chuột lột, mới cười xòa ra bảo:

– Thì cũng tại ông thầy thiên văn nầy muốn làm lộ thiên cơ nên mới sinh chuyện!

Nhưng trời vẫn mưa già, trước mái hiên nước chảy mạnh xuống từng chuỗi dài khít rịt như một bức rèm châu trắng xóa. Ai nấy đều yên lặng trông ra ngoài sân bị nước xói thành ngòi lạch, hoặc lắng tai nghe tiếng gió thổi vi vút qua mấy ngọn thùy dương.

Trang và Nga lại tình cờ ngồi cạnh nhau, hai người đều nghe có cái cảm giác lạ lùng nó nhen nhúm trong lòng rất ấm áp. Mọi vật ở trong túp lều tranh ấy, từ đống lưới bừa bãi bên phên cho đến ngọn lửa ngùn ngụt trên bếp, vật cỏn con gì nó cũng đều chan chứa một cái thi vị ngây người...

Trang không hề biết bực giọc về sự ướt át gì cả cứ rung đùi, đốt thuốc hút phì phào. Chàng cũng không cầu gì mưa tạnh nữa. Trang thấy trên cái chõng tre kê dưới bức cửa chống có một ông lái già đang chăm chú xem một quyển sách gì. Chàng thử ghé lại gần xem. Ông già liền đặt quyển sách xuống cười nói:

– Thầy có muốn coi tướng số gì không? Đây là bộ *"Tam thế diễn cầm"* linh nghiệm lắm!

Trang ngoảnh lui vờ hỏi Oánh:

– Bây giờ nên xem gì? À, nhưng người ta nói chung cả đời mình thì muốn biết gì mà chẳng có!

Nói vậy rồi Trang mới kể rõ mình mấy tuổi, ngày sinh tháng đẻ cho ông lái nghe.

Ông lão lắp đi lắp lại cho nhớ những ngày giờ ấy, tìm kiếm một hồi, rồi bỗng nói một cách đắc ý:

– Đây rồi, thầy hãy lắng tai nghe. *"Sinh tại Hoàng đế hung, phú quí định hưng long. Độc thư khoa đệ hiển"*. Hay lắm! *"Lộc vị chủ tam công"*. À lại càng tốt, tốt lắm!

– Khoa đệ thì đã không hiển rồi. Còn cái gì chớ chức tam công thì cũng uổng mất nốt, vì ngày nay không có nữa. Trang nói:

– Ông thầy số thương hại.

– Thầy đừng nói vậy không nên đâu! Sách vở thánh hiền in chép rõ ràng, cái gì lại không có. Nhưng thầy hãy nghe *"Nhi tôn đa phát đạt. Thê thiếp chủ phương dung"*. Chà, số thầy tốt quá!

Ông lái cứ vừa đọc vừa ngâm nga, đến đó Trang lại ngắt lời hỏi:

– Sao lại thê thiếp? Như thế nghĩa là trong đời tôi sẽ có vợ và có cả hầu, chưa biết chừng có cả năm bảy nàng hầu nữa phải không? Sướng thật!

Bà Nghè cùng Oánh nóng nảy chờ tạnh mưa, nghe vậy cũng bật phì cười, duy chỉ có Nga là lấy làm khó chịu. Nàng cho câu nói của Trang tuy có pha giọng khôi hài nhưng cũng rất quê mùa bất nhã, không như Thạch chút nào. Từ đó nàng cứ tưởng đến Thạch mà ủ ê không nghe thấy gì nữa.

Còn Trang cứ việc nghe ông già xem nốt.

Nhưng hôm đó, khi về chàng lấy làm lạ rằng Nga bỗng làm cao với mình hơn trước. Chẳng hiểu vì sao, chàng liền cho là Nga tánh nết bất thường vậy.

6.

Trời cứ mưa sùi sụt.

Luôn mấy ngày mây đen kéo tối sầm. Cái quang cảnh mùa hè bỗng như nhuộm hẳn màu thu.

Trang nằm ro ró ở nhà đã thấy chán. Hôm đầu còn vui đọc sách viết văn. Đến hôm thứ hai thứ ba, dầu có cầm sách lên, tâm trí cũng mãi để vào đâu không hiểu một chút gì. Chàng thấy cái tính vui vẻ nó như lìa bỏ chàng, cho đến cái cảnh tự do, nhàn dật của mình cũng nghe không có cái hứng vị êm đềm như chàng đã tự

hứa. Trang nóng lòng không biết bao giờ mới tạnh mưa, ra sân xem thấy mây đen còn che kín cả vòm trời thì lại chắc lăn, giậm cẳng. Hết ngồi thừ ra suốt giờ như pho tượng gỗ, chàng lại vùng đứng phắt dậy đi lui tới trong phòng, tiếng guốc nện rất đều như một cái quả lắc đồng hồ đánh chậm.

Những sự nghĩ ngợi lan man của chàng nó cứ rõ rệt dần ra rồi sau chỉ quay cuồng quanh một cái trung tâm điểm: Nga.

Chàng nóng lòng vì nhớ Nga vậy.

Chàng cảm thấy mình vừa nghi hoặc, vừa vui mừng:

– Có lẽ nào ta mắc bệnh tình một lần thứ hai nữa chăng? Vô lý thật! Miệng Trang lẩm nhẩm thế.

Nhưng nhớ lại mấy ngày trước, chàng phải nhìn nhận rằng đối với sự độc thân mình đã hết nhiệt thành từ lâu rồi, có lẽ từ khi gặp Nga lần thứ nhất. Câu nói bông đùa đáp lại ông già xem số chính là một lời thú thật. Mà những trang nhật ký chàng cố lên giọng biểu dương cái cảnh cô độc tự do của mình nó che đậy một cách hở hang sự thay đổi ý kiến của chàng vậy.

Trang so vai cười gằn như người đã không còn tự tin. Chàng chợt nghĩ:

– Ừ, nếu ta cũng có vợ thì cuộc đời ta nó sẽ ra sao?

Chàng bỗng mơ màng thấy một cái nhà vườn cây lá rườm rà tỏa kín lại như một cái động tiên, vợ chàng đang đi hái hoa, chung quanh lại có vài đứa bé, con chàng, lên bốn lên năm, rất dĩnh ngộ chạy theo mẹ nó reo cười đùa bỡn. Rồi chàng chợt ở đâu đi về, lũ bé liền mừng rỡ la ó lên làm cho vợ chàng bỗng quay đầu lại tươi cười mơn trớn. Trang thốt nhiên giật mình, ngần ngừ, sung sướng vì thấy người vợ chàng giống hệt Nga mà nhìn kỹ thì chính thật là Nga.

Sự liên tưởng ấy làm cho chàng bật phì cười, bảo dạ?

– Ngông cuồng đến thế thì có chết điếng người ta đi không? Người ta giữa đường cũng bắt quàng làm vợ!

Nhưng Trang một khi đã nghĩ đến Nga thì cứ triền miên về một sự đó. Tâm trí chàng theo đuổi Nga như một cái bóng thoáng chập chờn, trêu ghẹo. Trang tưởng tượng ra nhiều bận gặp gỡ với

nàng ở những chỗ nước non hữu tình tuyệt diệu. Chàng mơ hồ gặp Nga ở bên bờ khe róc rách dưới muôn nghìn quả dom chín đỏ trên cành, hoặc đang ngồi chung với nàng trên một chiếc thuyền nan, vào buổi chiều hôm, hai người cùng đổ đến một cái cồn lau hoang dại. Hoặc Nga đang bị một lũ cường bạo nó bắt cóc, chực liều mình cho tròn danh tiết thì chợt Trang ở đâu vừa đến, liều sống chết xông vào đánh tháo nàng ra, như trong chuyện kiếm hiệp của Tàu đời xưa vậy. Ở những nơi đó càng thấy Nga tăng vẻ dịu dàng uyển chuyển.

– Chết nỗi! Sao mà giàu tưởng tượng thế? Nhưng đã vậy thì cũng đủ mãn nguyện rồi, phải gặp gỡ thật làm gì nữa!

Trang cố thu hết tinh thần, cầm bút quệch quạc một bức ảnh trắc diện Nga. Vẽ xong chàng bỗng cười ầm lên vì chẳng thấy Nga đâu lại chỉ thấy bác đàn ông chăm bẳm.

Khi đó, thằng Cồ ở ngoài bước vào. Trang ngỡ nó làm gì nên ban đầu không để ý, nhưng sau cứ thấy nó lảng vảng bên mình, chúm chím cười ra vẻ bí mật thì chàng phải lấy làm lạ hỏi rằng:

– Thằng nhãi ranh nầy mầy làm cái trò gì thế?

Thằng bé con làm bộ không nghe câu hỏi ấy.

Trang quát:

– Cồ! Tao hỏi sao mầy không nói?

– Bí mật lắm! Con biết nhiều chuyện bí mật lắm cậu ạ! – Thằng Cồ còn chưa chịu nói.

– Gì thì mầy cứ nói mau nghe thử nào?

– Thứ nhất là bà Sáu bảo con hỏi cậu có ưng con ông thầy thuốc bắc đàng xóm trên không, nghe bà ta cứ khen rầm, ông ấy lên bà bảo là cô con lại càng kháu lắm! Nếu cậu đi xem mặt rồi mà bằng lòng thì cậy bà ta nói giùm vào một tiếng là chắc được.

– Chỉ có thế? Mầy hãy lập tức xuống bảo bà Sáu rằng tao là thầy tu nghe không, rầy về sau đừng có đa sự nữa.

Thằng bé giả lờ hờn mát, bỏ đi ra nói một mình:

– Tưởng cậu thích nghe thì còn một chuyện của cái cô ngoài bể nữa, nhưng cậu không thèm nghe thì thôi.

Trang vội gọi giật nó lại:

– Khoan đã! Mầy muốn nói cô Tư ấy à?

Thằng Cồ ra mặt người biết chuyện, quay trở vào nói:

– Cô Tư Nga cậu ạ.

– À mầy biết. Rồi sao nữa?

– Thì để thủng thẳng con nói chuyện cho cậu nghe. Nguyên bên nhà bà Nghè có một người ở là chú Chồn, cậu có nhớ không? Con ra chợ thường đi về một đường với chú ấy nên đâu vài bữa thì con tìm cách làm quen ngay. Hỏi chuyện nhà bên ấy gì, chú Chồn cũng nói cả. Vì thế mà con biết rằng cô Nga mà cậu thường gặp đó trước hứa gả cho một ông đốc thầy thuốc nào, học giỏi lắm.

– Lão Chồn nói vậy à? Mầy coi chừng đừng có nói chạ!

Trang gặng hỏi thằng Cồ thế, nhưng mặt đã xám như chàm.

– Thật thế cậu ạ. Nhưng ông đốc ấy làm rể được vài năm chưa kịp cưới thì chẳng may đau bệnh gì đó rồi mất. Nghe nói cô ta thương khóc quá, bỏ ăn bỏ ngủ không chịu lấy chồng khác nữa. Cho nên bà Nghè mới đem cô ta đi chơi cho khuây khỏa đi đó.

Trang không muốn nghe nữa, bảo thằng Cồ đi ra rồi chàng mới gục đầu xuống bàn, nói thầm một cách thất vọng:

– Ừ phải rồi, không trách gì mà cái mặt buồn tanh như bà vãi. Đời bây giờ làm gì có một cô tiểu thư ngoài hai mươi tuổi đầu mà chưa từng thương yêu ai? Chỉ có mình là lẩn thẩn lại đòi yêu trộm nhớ thầm con người ấy. Ai còn gan ruột đâu mà đoái hoài đến mình mà chắc họ cho là một tên thư ký quèn lại hiện giờ vô nghề nghiệp!

Trang nghe trong lòng lạnh ngắt, gắng gượng tìm câu yên ủy rằng:

– Nhưng có yêu thì cũng phải người ta yêu lại như mình, còn không thì thôi, quả tim họ phải là hoàn toàn vật sở hữu của mình, chứ giá họ có bố thí cho mình một chút ái tình thừa thãi nữa thì Trang nầy cũng chẳng màng nào! Vả chăng mình cứ trung thành với chủ nghĩa độc thân thì có hơn không? Mình lại chẳng thừa thấy cái mặt trái của các gia đình anh Lục anh Hòe sao, đều vì sự phản trắc của đàn bà mà phải đến hư nát.

Từ lúc ấy, Trang chán nản suốt ngày, ngồi vò võ trong phòng trông hạt mưa bụi ngoài song nó cũng có một vẻ buồn bát ngát...

Nhưng qua hôm sau Trang ngủ dậy thấy trời tạnh ráo, quang đãng thì lại bằng lòng lắm. Chàng chỉ mong đến chiều là ra bể. Bị giam ở nhà luôn mấy ngày, lại muốn cho khỏi chờ đợi mất công, Trang bèn định qua sông đi dạo phố ăn cơm hàng một bữa và luôn tiện mua ít món đồ hộp. Đi giữa đường, chàng nhớ lại mấy câu nói của thằng Cồ mà nghĩ rằng:

– Thì Nga chẳng qua cũng như mình, chỉ có khác là nàng không bị người yêu phụ bạc. Nhưng kể thì cũng đau khổ như nhau. Biết đâu sự không chịu lấy chồng đó lại chẳng tỏ ra rằng Nga là một kẻ si tình đáo để, không thể quên được người yêu chớ chẳng phải vì chê bai những kẻ khác không xứng đáng với nàng. Và nếu, ừ chỉ nếu mà thôi, nếu mình tìm được một chỗ mà chen vào trong tấm lòng héo hắt ấy thì chẳng phải hèn đâu, chính là vinh dự đấy! Ồ! Còn gì sung sướng bằng làm cho một kẻ chán đời lại vui vẻ mà sống. Kẻ đồng bệnh với nhau thường dễ hiểu nhau mà yêu nhau một cách mặn mà thấm thía hơn.

Buổi sáng mai ấy, Trang vào nhà hàng ăn và mua ít thức vặt xong, liền cố đi dạo phố cho hết giờ, mãi đến trưa đứng bóng mới về. Chàng tính ngủ một giấc cho đến chiều, nhưng chẳng hề nhắm mắt được. Trang đành phải vùng dậy giở chồng báo ra xem.

Mới hơn ba giờ chàng đã ăn mặc chỉnh tề hăm hở đi ra bể. Trang biết còn sớm bèn tìm đến xem mấy chiếc ghe chài về trễ họ chở cá vào cho kịp buổi chợ chiều. Thỉnh thoảng lại đưa mắt trông chừng thử có bà Nghè cùng Nga ra chơi chưa. Nhưng chờ đã lâu, mấy chiếc ghe họ đã lần lượt dời đi hết mà chẳng thấy bóng tăm một ai cả. Trang chẳng vui, song giở về thì cũng không đành. Phải chi có thằng Cồ thì chàng còn nói chuyện phiếm với nó cho đỡ buồn, vì từ hôm quen biết với bên nhà Oánh thì Trang hay hợp đoàn đi với họ và chỉ về ăn cơm nhà.

Một hồi lâu nữa, trời đã chập choạng tối. Trang chẳng còn hi vọng gặp Nga mới chịu dứt ra về.

– Lạ nhỉ! Trời tốt thế nầy mà không ra, chắc là họ mắc khách. Mới nắng được một ngày mà lại hỏng gặp mất, rõ đen cho mình thôi! Hãy đợi đến chiều mai chứ sao.

Trang nóng lòng muốn gặp Nga để dò xem tình ý nàng ra thế nào.

Nhưng luôn hai hôm sau lại cũng chẳng thấy Nga đâu hoặc ai bên nhà nàng mà hỏi. Trang lấy làm khó chịu quá, không hiểu vì sao. Chàng tức tối, muốn đánh một cái dấu rốt cho cuộc tao phùng ấy và bỏ quách chuyện đó đi, đừng đeo bòng gì đến nữa.

Dù thế mặc lòng, suốt cả đêm Trang cứ trằn trọc mãi.

Sáng hôm thứ tư, chẳng đừng được, chàng phải gọi thằng Cồ lên hỏi rằng:

– Mầy nói có quen với một người ở bên bà Nghè phải không?

– Dạ phải, chú Chồn.

– Tao bảo việc nầy, mầy phải cố lên hỏi chú ấy cho ra: vì sao bên cụ Nghè mấy bữa nay không thấy ra bể chơi hay là đi đâu rồi, mầy nghe rõ chưa?

– Con hiểu rồi cậu ạ.

– Mà mầy phải kín miệng, đừng nói rằng tao bảo hỏi mà họ sinh nghi nhé!

– Cậu không lo. Bây giờ con đi ngay, có lâu lắm cũng trong một giờ là cậu sẽ rõ đầu đuôi gốc ngọn.

Thằng Cồ có vẻ tự đắc, vào xách rổ tất tả đi ra chợ.

Trang ở nhà cứ đi đi lại lại trong phòng. Chờ lâu quá chàng đã nghe nôn ruột, chợt thấy thằng bé chạy về ngoài sân, mặt hớn hở nói:

– Con biết rồi.

Trang mừng rỡ, chạy ra khen dồi nó:

– Thế thì mầy giỏi quá! Nhưng mầy biết làm sao?

– Cậu còn nhớ bữa trời mưa to, cậu về nói chuyện ai nấy đều bị ướt?

– Ừ, rồi sao?

– Thì bữa ấy cô Tư vì bị dầm nước mưa nên có cảm sơ sài gì đó thành ra không đi chơi được. Còn thầy Hai thì có việc đi khỏi đã ba bốn bữa rày. Chỉ có thế chớ không còn gì lạ.

– Ồ! Mầy giỏi lắm, tao phải trọng thưởng mới được.

Trang rút ví lấy hai hào bạc cho thằng bé. Nó mừng cuống lên, chạy tuột xuống bếp.

Trang trở vào phòng ngồi nói rằng:

– Chỉ vì cô ấy đau. Nhưng cũng phải cho biết thế.

Chiều hôm ấy Trang ở bể đợi cho trời tối mịt mới về. Nghĩ làm sao, khi gần đến nhà lại quay trở lui đi thẳng qua nhà Oánh. Chàng dừng lại ngoài ngõ, nhìn vào thấy ở trong vẫn thắp cây đèn măng sông sáng trưng, bà Nghè đang lom khom làm gì bên cái kệ nhỏ. Mấy chú người nhà đang cất dọn thức ăn trên bàn. Còn Nga thì chẳng thấy đâu.

Dẫu biết rằng trong nhà chẳng có việc gì khác thường, Trang cũng tưởng tượng Nga gầy yếu xanh xao đang nằm trên giường bệnh mà chỉ có chàng ngồi một bên săn sóc thuốc thang, thỉnh thoảng Nga lại trông vào chàng cảm ơn bằng một nụ cười tươi thắm.

Lưỡng lự hồi lâu, Trang sẽ nói:

– Hay là ta đi vào?

Nhưng thế rồi chàng vẫn đứng ỳ một chỗ, như bị trồng ra đó, ngẫm nghĩ:

– Ai lại có sống sượng thế thì có khác phơi cái tim đen mình ra. Nga thì chẳng nói làm gì, mình còn cầu cho nàng biết, chớ ngộ bà Cụ và mấy chú kia đoán được ý mình thì họ cười cho cũng đủ trơ trẽn chết!

Rồi Trang so sánh mình với mấy chú đầy tớ trong nhà mà thèm thuồng cái thân phận họ:

– Ở như thế thì họa là trả tiền thêm cho người ta.

Trang còn chưa nhất định thế nào chợt thấy bóng người trong sân, liền thụt lùi mấy bước, rón rén bỏ ra về.

Dọc đường, chàng phải tìm cách tự ủy:

– Mình khờ khạo lắm! Biết đâu người ta chẳng nhớ mình và cũng mong mỏi như mình thế?

Qua hôm sau, Trang thấy mình bạo dạn hơn trước. Ăn cơm xong, chàng trần trựa một lát rồi quả quyết phen này gặp Nga cho kỳ được. Đi đến nơi, chàng bước thẳng vào nhà, chẳng thấy bà Nghè và mấy chú đầy tớ đâu, chỉ có Nga đang nằm trên cái ghế xếp, một quyển sách nhỏ ý chừng là quyển tiểu thuyết đằng dưới bàn tay.

Trang vừa mừng vừa ngượng nghịu, cất mũ chào:

– Thưa cô, anh Hai tôi không có ở nhà?

Nga liếc thấy Trang không kịp giấu một nụ cười tươi tỉnh, ngồi nhỏm dậy se sẽ đáp:

– Chào thầy lại chơi. Vâng, anh tôi có việc phải đi vắng vài hôm, có lẽ cũng gần về.

Nga thấy Trang mắc cỡ, lúng túng, hai bàn tay quay tròn chiếc mũ dạ, thì mạnh mẽ nói thêm:

– Xin mời thầy ngồi xơi nước cho. Má tôi làm gì dưới nhà rồi cũng lên.

Trang đã sắp đặt trước bao nhiêu câu hỏi, đến lúc bấy giờ đều quên cả, chỉ ấp úng nói được một lời:

– Tôi nghe nói rằng cô từ hôm mắc mưa thì có mệt?

Câu hỏi hớ ấy đã gieo một tia sáng vào trong trí Nga. Nàng nghĩ rằng:

– Anh này bảo là nghe nói, nhưng nghe ai, mình ở đây có quen ai đâu? Thôi chắc là ảnh cũng không lãnh đạm với mình rồi, mấy bữa nay thấy mình không ra bể thì sinh nghi mà đi do thám vậy.

Nga hai má đỏ gay, se sẽ đáp:

– Cảm ơn thầy, tôi vì yếu đuối quá nên cũng có rã rời đi mấy hôm, chớ chẳng đến đau ốm gì.

– Thế thì cô cũng gần ra chơi được?

– Vâng cũng chừng một hôm nữa là tôi sẽ mạnh như thường và đi đứng như trước.

Trang được Nga ngọt ngào, thỏ thẻ trả lời cho mấy câu hỏi mình thì mừng lộ ra mặt, nhưng chẳng biết nói gì nữa đành phải tính chuyện cáo thối:

– Tôi ngỡ anh Hai có ở nhà nên tính lại rủ đi chơi, chớ chẳng có việc gì cần kíp. Vậy thời cô gắng dưỡng cho mau mạnh, tôi xin chào cô nhé!

– Không dám! Xin chào thầy.

Trang bước ra trong bụng mừng khấp khởi như mới vào được động Thiên thai nhưng lại tức giận cho mình rụt rè nhút nhát quá.

– Ăn nói luộm thuộm thế thì một thằng chăn trâu nó cũng nói được bằng mười!

Còn Nga thấy Trang ra khỏi rồi liền cười thầm rằng:

– Không biết hỏi cái gì mà hở hàng thế? Nghe người ta nói! Ngộ mình hỏi gặng là nghe ai, thì nói sao?

Nhưng dẫu nói gì, nàng cũng không thể không cảm động vì cái cử chỉ ngỡ ngàng của Trang ấy. Chàng ta e lệ như thế mà còn đánh bạo đến thăm nàng thì chắc là yêu nàng đến cực điểm. Nga cũng chắc rằng chuyện hỏi Oánh chẳng qua Trang thác ra cho có có để đến thăm mình đó thôi. Nàng rất vui sướng mà biết rằng trong khi mình nằm dã dượi thì có một kẻ đang thầm vụng tưởng nhớ đến mình không giây phút nào nguôi. Sự thật là Nga trong mấy ngày nằm ở nhà nàng cũng ngong ngóng chờ Trang, có khi đã phải lấy làm giận sao vắng mình mà chàng nỡ vô tình không tìm đến. Trong tâm trí nàng cái diện mạo người thiếu niên đã nhiều lần hiện ra ngang hàng với Thạch.

7.

– Chào thầy!

– Kính chào cụ!

– Mấy hôm nay thầy vẫn ra bể chứ?

– Bẩm vâng ạ.

– Hôm qua nghe cháu nó nói chuyện mới biết là thầy có lại chơi. Ở đàng ấy một mình buồn sao ít thấy thầy lại nói chuyện cho

vui? Anh Hai nó đi vắng gần một tuần lễ nay, nhưng khi nào cũng có tôi ở nhà.

– Cảm ơn cụ, cháu hay làm biếng nên ít đi đâu.

Bà Nghè Thuyên và Trang hai người chào hỏi nhau như thế.

Trang thấy bà cụ đối đãi với mình rất ân cần và có ý mời mọc lại nhà chơi thì mừng thầm rằng mình khỏi bị nghi ngờ gì. Trái lại, chiều hôm ấy Nga hình như cố lánh mặt chàng và không thấy nói rằng gì cả. Hễ Trang có đứng gần thì Nga lại lảng xa ra, hay chàng có đưa mắt nhìn thì nàng làm bộ trông theo một đàn chim bay hay vờ sửa lại cái tay áo, không nữa cũng làm một việc gì. Thành thử Trang không thể nào dò hiểu ý Nga và cũng không nhớ ra mình đã làm gì nên tội. Chàng tự hỏi:

– Hay mình lầm chăng? Chớ có lẽ nào Nga lại lẩn mặt hoài như thế? Rõ ràng mới hôm qua còn tiếp chuyện với mình một cách niềm nở lắm! Gớm! Người ta thương yêu chết mệt đi có đều chưa dám hé răng ra chớ ai nào phải hùm báo gì mà tránh trút ngả nầy ngả kia. Hoặc vì hôm qua mình không chịu thổ tận can trường ra nói một lời gì cho người ta mát ruột? Nhưng có lẽ đâu hắn đần độn thế, mình đã đến thăm thì cũng phải hiểu ngầm cho chứ!

Trang còn đương nghĩ thế chợt nghe bà Nghè cất tiếng nói:

– Ai như anh Hai nó về kia kìa!

Hai người thiếu niên đều ngó lên thì quả nhiên thấy Oánh đang ỳ ạch đi xuống, hai tay xách hai cái giỏ gì to tướng. Và đã đến gần nói:

– Tôi vừa mới về bây giờ. Hồi trưa có gặp anh cai Vừng mang vào cho mấy giỏ hàu nầy đây. Tôi về chẳng kịp nên tính mang thẳng ra ngoài nầy ăn cho luôn và đã đem đủ cả chanh và muối theo nữa. Một lát nữa, mấy đứa nó sẽ mang nước ra.

Oánh đặt hai cái giỏ xuống, gạt mồ hôi, đon đả chào hỏi Trang. Chuyện văn một hồi, hai người mới bàn nên tìm một chỗ nào sạch sẽ trên mấy đụn cát mà ăn hàu.

Bà Nghè khen phải, Oánh và Trang liền mỗi người xách một giỏ đi lên trước, hai người đàn bà thủng thẳng theo sau.

Tìm được một cái gò cao và sắp đặt yên đâu đấy, bốn người mới cùng quây tròn lại ăn. Nga ngồi giữa mẹ và anh lại bất đồ đối diện với Trang. Oánh móc túi lấy mấy con dao đưa cho từng người một.

Bà Nghè cạy vỏ một con hàu trao cho Nga và nói:

– Mấy người ăn đi thôi chớ tôi những giống tanh nầy không dám dùng đến.

Hai người trai trẻ ăn rất mau, vừa ăn vừa nói chuyện. Nga cũng lây cái vui vẻ của mọi người và thấy sự lạt lẽo mình đối với Trang dần dần tiêu tán đi. Một làn không khí ái ân lại như bao trùm cặp thiếu niên ấy.

Ánh mặt trời tà còn xoi xỉa qua mấy cây dương gần đấy cành lá rũ xuống xanh rì như những cái phất trần to tướng.

Cả hai người đều nghe sung sướng, nhưng riêng mỗi người lại có một mối lo sợ riêng, sợ cái hạnh phúc ấy nó không bền bỉ được...

Đột nhiên Nga dừng tay, cái lưỡi dao con bị cắn chặt trong hai vỏ hàu; nàng vừa thấy trong khi mình cạy nó ra thì con vật ngắc ngoải cũng hết sức ghì đóng lại. Nga cảm động nghĩ rằng mình vừa làm một điều trái ngược với lương tâm, trong khi nàng chỉ biết yêu mến thì đã vô tình giết hại bao nhiêu con vật thấp hèn ấy nó có lẽ cũng biết yêu mến sự sống như nàng.

Trang nhác thấy, hiểu ý Nga, chàng cũng đặt con hàu đang cầm xuống. Hai người vụt thấy mình đồng một mối cảm tưởng như nhau, liền mượn cớ làm no không ăn nữa.

Một lát, hai chú Chồn, Thỏ đã đem nước ra.

Oánh lấy cốc rót nước uống và để dành lại một chút rửa tay, rồi mới như sực nhớ ra điều gì nói:

– À! Ham nói chuyện mà quên bẵng. Tối hôm nay có cuộc chợ đêm giúp hội Lạc thiện Đà thành, tôi định đi hết cả nhà, anh Trang có đi không? Nhiều trò vui lắm thì phải!

Trang nghĩ rằng mình lại được dịp gần Nga thì còn gì hơn nữa, bèn vui vẻ nói:

– Thế thì hay quá, chớ ở nhà mãi làm gì?

Oánh rút trong túi ra một tờ chương trình đưa cho bạn rồi day lại hỏi bà Nghè:

– Má nghĩ sao?

Bà cụ nói:

– Tôi thì thế nào chẳng được, nhưng còn con Tư biết nó có chịu đi không? Hai thử hỏi nó.

Ai nấy đều một loạt nhìn Nga chờ câu trả lời của nàng.

Nhưng Nga chỉ cúi gầm mặt xuống, lạnh lùng đáp:

– Thôi cho phép tôi ở nhà.

– Tôi đã biết trước mà, bà cụ bảo, con Tư nó khó tính có thích xem hội hè gì đâu.

Oánh ra dáng không bằng lòng:

– Mầy không đi với má cho có bạn, ở nhà mà làm cái yêu quái gì?

Nga cau mày, với bứt mấy ngọn lá mà ca bên mình vò nhỏ trong tay và trả lời một câu cụt ngủn:

– Thì đã có anh đi với má rồi.

Trang thấy Nga gắt gỏng không nhận lời thì nghĩ rằng có lẽ nàng không muốn đi chung với mình; nét mặt rầu rầu, chàng cũng gắng làm ra bộ quên một việc gì, đứng dậy xin lỗi Oánh:

– Tôi cũng quên mất, tối nay có người bạn đã hứa lại chơi, có lẽ bây giờ họ đã chờ tôi ở nhà. Nhưng thế nào tôi cũng rủ anh ấy cùng đi, lát nữa đến xem rồi sẽ gặp nhau cả.

Nói đoạn, chàng liền chào ba người ra về trước.

Đến nhà, Trang buồn bực không hiểu sao Nga đối với mình lại có nhiều thái độ trái ngược hẳn nhau như thế. Chàng ngẫm nghĩ:

– Không biết mình xấu xí vô duyên thế nào mà hắn ta lại ghê sợ mình đến thế? Ừ, phải rồi, đàn ông họ còn không mấy kẻ ưa mình thì bảo sao một cô con gái, hơn nữa, một cô con gái đẹp hắn yêu mình làm sao! Đã bảo không có phần hưởng sự ấm êm của ái tình trên cõi đời này, lỡ ra một lần thì hẳn chừa đi thôi!

Nhìn vào chiếc đồng hồ thấy đã hơn bảy giờ, Trang chợt nhớ ra rằng mình có hứa sẽ gặp Oánh ở bên chợ đêm, nếu không đi thì cũng chướng. Chàng ngồi vào bàn ăn lếu láo vài miếng, gọi bà Sáu bảo coi nhà rồi mới lủi thủi ra đi.

Chưa đến nơi Công quán, chàng đã thấy đèn điện sáng như ban ngày, người đông nghìn nghịt. Cả cái Đà thành phong lưu đài các ồ ạt đi xem, ai nấy đều đua nhau ăn mặc không thiếu một thức nào. Mùi phấn thơm và nước hoa lan khắp cả đám đông người ấy. Trang mua giấy vào, nhưng vì trong bụng buồn bã, nên chỗ nào cũng chỉ đứng dừng lại xem qua một lát thôi. Các cô thiếu nữ tân thời định gán cho chàng mấy món hàng đắt đỏ, giá vào khi khác thì Trang đã vui lòng mua cả rồi, nhưng hôm ấy đều kiếm cách từ khước đi cả. Trang cứ tự hỏi không biết mình đến đấy làm gì?

Trong nửa giờ, đã hết chuyện xem, chàng lại chen lấn ra về. Đi gần đến cửa, chàng bỗng ngạc nhiên lùi lại mấy bước. Ở ngoài kia, Trang vừa thấy Oánh đi vào, theo sau chàng là bà Nghè với Nga cùng một người con gái khác nữa, sau rốt lại đến ông Tham Hồng và ông Cửu Bạch. Nga ăn mặc rất trang hoàng, mầu phấn sáp làm cho vẻ đẹp của nàng dưới ánh sáng trăm ngọn đèn thêm phần lộng lẫy.

Trang đứng đờ người ra, bao nhiêu sự tức giận, khinh bỉ cuồn cuộn, xô xát trong trí chàng. Trang chẳng ra chào lại, còn như sợ người ta thấy mình liền lật đật lẩn theo đám đông mà đi vào trong xó tối. Chợt thấy có ai đứng trước mặt chàng chỉ Hồng cho một người khác mà nói:

– Thằng cha ấy hôm nay đi câu đâu được con cá mòi ngon nhỉ!

Trang biết là chúng nó mỉa Nga gầy, vừa xung tiết muốn sửa cho một mẻ, lại vừa hả lòng cho thế là đáng kiếp lắm.

Chàng nấp vào dưới bóng một cây xoan chờ xem. Quả nhiên thấy Hồng đã đi sát vào Nga, nói nói cười cười, bắt tay người này, đáp lại một cái chào của người kia, vênh váo như một ông Tú buổi xưa mới thi đỗ về làng. Còn Nga cứ trông thẳng một bề nên chàng không biết được thái độ nàng ra thế nào.

Trang cắn môi, đay nghiến:

– Mình đoán có sai đâu! Hắn chỉ cho mình là một đồ bỏ, không có cái địa vị gì. Chớ người ta là cả ông Tham, danh giá lắm! Gớm! Cái mặt chán chường thế mà nằng nặc đòi ở nhà! Giả dối tất cả! Ở ngoài bể không có một ma nào thì ra dáng thực thà, bây giờ lại làm đỏm quá phường văn minh vỏ. Phải, trước mặt mình hắn cần gì phải trang sức?

Trang tuy tức tối thế, nhưng ngắm lại bộ quần áo trong mình nó xoàng xĩnh quá thì bỗng sa sầm nét mặt mà nhận thấy ra rằng quả thực cái bề ngoài của mình không có gì xuất chúng cả. Chàng chực kiếm cách chuồn cho khỏi người ta thấy.

Chợt nghe có một bàn tay đánh mạnh vào chàng kêu cái "bạch"! gần sả vai, Trang hoảng kinh nhảy một phóc ra đàng xa thì thấy một người sừng sộ nói:

– Đến đây để xem chớ phải để ngủ gục à?

Trang đương bực tức nghe thế thì hơi giận uất lên liền xông vào chực đánh. Người kia vẫn không nhúc nhích, đứng dạng hai chân còn hai tay cứ để vòng trước ngực, nói tiếp:

– Trang, mầy làm cái bộ tịch gì khó coi thế.

Trang nghe mang máng tiếng người quen, đi sát lại xem mới nhận ra là một bạn học cũ. Chàng không thể nhịn cười, cất tiếng hỏi:

– Anh Tồ?

– Thì bây giờ mầy mới nhận ra?

– Anh làm tôi hết hồn, suýt nữa té nhào; ai lại võ sĩ đâu mà anh định thử sức?

Anh bạn cười như nắc nẻ nói:

– Ai bảo mầy xớ rớ làm gì trong xó tối ấy? Tao tưởng mầy đang chờ đám nào. Nhưng mầy làm gì ở đây?

– Cũng chẳng làm gì, tôi chỉ ghé lại chơi.

– Thế thì cũng như tao, chưa gặp thời thì cũng chịu bất tài thôi mầy ạ!

Tồ, người bạn học cũ rất tinh quái của Trang đã từng khét tiếng ở nhà trường, cứ đánh đeo chàng nói vung tàn tán. Hai bên

mới kể công việc của mình từ khi ở trường ra. Một lát, Tồ bỗng giang thẳng tay lên chực đánh vào vai Trang một lần nữa. Trang lanh mắt né kịp, Tồ liền mắng:

– Mầy khó chịu quá! Tao tính hỏi mầy có biết tin gì về thằng Phu không?

– Tôi ở trong nhà quê luôn có đi đâu mà biết.

– Thằng Phu trọn mầy có nhớ không? Ai ngờ thằng tướng ấy mà thông minh phạm! Nó vừa phỗng quách con Tư con một thằng trọc phú được món tiền hồi môn hai nghìn bạc.

Trang nghe nói đến người trùng tên với Nga rất khó chịu, cũng cười mát trả lời cho qua chuyện:

– Sao anh dám võ đoán rằng người ta không phải vì duyên nợ mà gặp nhau?

– Trời ôi! Thế thì mầy ngu lạ! Chớ thiên hạ thì ai còn chẳng biết!

Trang bực mình quá, không biết đến bao giờ cái anh bạn báo đời ấy mới chịu tha ra cho, bỗng một tràng vỗ tay và tiếng reo cười nổi lên ở chỗ ném vòng làm cho Tồ ú té chạy đến xem. Trang nhìn theo thấy va cũng vỗ tay và la lối hơn cả mọi người.

Được dịp thoát thân, chàng vội vàng lách đi nơi khác cứ nghiền ngẫm lại lời nói của ông bạn kỳ khôi ấy mà lấy làm bất bình lắm.

– Kẻ ngoài cuộc thường hay có những lời độc địa thế. Đại để những người có cái số rủi ro yêu một người con gái giàu hơn mình đều bị liệt vào hạng phu đi cày tiền cả. Giá mình gặp gỡ Nga thì chạy đâu cho khỏi những lời biếm nhẽ ấy và danh sự cũng khó mà giữ cho hoàn toàn. Nhưng còn Nga, biết đâu hắn cũng chỉ nghĩ như phần đông thiên hạ thế? Hắn nằm trên đống tiền bạc, xưa nay chỉ tha hồ ăn, tha hồ mặc mà nhất đán về ở với mình thì đào của đâu cho được như thế? Liệu hắn có khỏi khinh suất mà bảo mình đi bòn của hắn không? Hạnh phúc đâu chưa thấy chỉ tổ gây cái vạ cho gia đình!

Nhưng sự ghen tức nó cứ xui giục chàng đi tìm bọn Oánh để xem thử Hồng và Nga nói với nhau những gì cho biết. Trang chưa

kịp theo mấy người đó thì đã nhìn thấy cái cử chỉ vô lý của mình ngay. Chàng tự lấy làm thẹn mà nghĩ rằng:

– Ô hay! Người ta chẳng có quyền muốn đi với ai thì đi hay sao? Ai lại có đi theo sau đuôi người ta mà rình xem từng cái cử động thì còn thể thống gì!

Trang biết rằng mình không có tư cách gì mà đánh ghen cả nên mới ngậm ngùi quay trở ra, nghe có một khối gì nó nằm chặt cứng trong óc làm cho chàng tê mê, choáng váng. Ra khỏi cửa đã hơi xa, những tiếng reo cười của khách đến xem còn đưa đến tận tai chàng như để chế nhạo, xua đuổi chàng.

Trang thề quyết không khi nào lại gặp Nga nữa.

Nhưng trong buổi chợ đêm, trước hàng trăm con mắt tọc mạch, Nga vẫn đi cạnh Hồng. Một người con gái cũng đi bên chân nàng là cô Trà, con ông Cửu Bạch. Trước những gian hàng bài trí rất đẹp, trước những cuộc tranh đấu giành giải quán quân, trước những tiếng cười đùa của người đi dự hội, Nga không thấy vui vẻ gì. Hồng lại cứ đi sát vào nàng, tán tỉnh này kia khiến nàng lắm khi phải ngượng. Nga chợt tưởng đến Trang mà ăn năn rằng hay thế thà lúc chiều mình nhận lời đi với nghĩ va còn hơn. Nga để ý tìm Trang nhưng chẳng thấy chàng thì định chắc là nếu chàng nóng sốt muốn đi cũng chỉ vì tưởng có mình đi với, nhưng sau thấy mình từ chối thì thất vọng mà ở nhà rồi. Nga còn nhớ cái vẻ ngậm ngùi của chàng khi nghe mình cự tuyệt.

Cho nên đến khi xem khắp cả rồi, Oánh ra hiệu bảo về thì nàng vùng thở hắt ra một hơi như kẻ đi đường vừa được ai cất cho một cái khăn gói nặng.

Nhưng vì có gì trước mặt Trang, Nga đã nói không đi mà trong buổi chợ đêm ấy nàng có mặt? Số là từ hôm được Trang đến thăm, Nga cảm thấy có cái sức mạnh gì nó đun đẩy nàng lại với người thiếu niên. Nga nhớ lại từng cái cử chỉ của va từ khi mới gặp nàng thì biết rằng va yêu nàng lắm, sự đó không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng riêng nàng, nàng cũng phải tự thú thực rằng mình đã không đề phòng để cái cảm tình đối với Trang nó thấu vào não tủy một cách sâu lắm rồi, khó lòng mà đàn áp được. Hai người có nhiều chỗ giống nhau quá, mỗi một lời nói, mỗi một cái cảm tưởng bên này

đều như có một tiếng dội ở bên kia, quả tim của hai đàng tựa hồ chỉ hòa theo một nhịp. Ngặt vì Nga đã nặng lời với Thạch quá, nàng chỉ hiểu có một thứ ái tình tuyệt đối, không thể san sẻ được, cho dầu Thạch mất rồi. Trong khi Nga nghĩ thế, nàng chưa từng tuân theo một giáo lý nào. Duy cái ký vãng nó ở bên nàng gần quá, có lẽ còn gần hơn cái hiện tại không biết bao nhiêu lần. Thạch vẫn sống trong tâm hồn nàng vậy. Nga cho rằng nếu mình còn đi yêu kẻ khác tức là đã làm một sự tàn nhẫn, trụy lạc.

Chiều hôm ấy nàng lục đến những giấy má của mình thì thình lình làm rơi xuống một bức thư. Nhặt lên xem thì là thư của Thạch gửi cho nàng ngày trước. Những thư từ ấy nàng đã đọc thuộc lòng và nhớ đem theo như là bùa hộ mệnh. Tuy vậy nàng cũng giở ra xem có ý tìm một lời úy lạo; trong thư có mấy dòng chữ rắn rỏi như vầy:

"Hà Nội, ngày...

Em Nga,

Chỉ còn có hai tuần nữa thì đã đến nghỉ hè, hai ta lại sẽ gần gụi nhau. Anh cũng nóng lòng lắm, càng gần đến ngày đó bao nhiêu lại càng mong cho mau đến. Lại thêm trời ngoài này rất oi ả, ngồi trong phòng mà cũng như bị thiêu đốt. Anh nghĩ lại sự hiếu học của anh nó đã làm cho ta xa cách nhau lâu lắm rồi. Có khi anh buồn, anh chán, anh bỗng tưởng đến em mà lại vui vẻ dùi mài. Kể ra như thế thì cũng khí hèn, nhưng đối với em anh phải thành thực mà nói: nếu sự học của anh sau này mà thành tựu thì em vẫn có công rất nhiều. Mấy bức thư em đã cho anh trải qua lắm thời khắc vô giá ở đời vậy.

Anh có mua một ít thứ nữ trang mà anh cho là đẹp, để hôm nào về sẽ mang lại tặng em. Chờ đến ngày đó, anh cầu trời phù hộ cho em mạnh giỏi.

Thạch".

"T.B – Hôm nào về anh ở nhà lâu lắm cũng chừng dăm ba hôm là sẽ đến thăm em ngay".

Đọc xong bức thư, bỗng Nga chạnh, bỗng Nga khóc sụt sùi. Những lời vàng ngọc ấy khiến nàng ảo nảo, bủn rủn tứ chi. Nàng

không thể nào quên Thạch được. Phải, về phương diện tình ái, cuộc đời nàng đến đó có thể cho là kết cục rồi, kết cục để cho nàng được chung thủy với người yêu.

Vậy mà sau khi nghĩ đến Thạch thì nàng lại nghĩ đến Trang, cái hình ảnh của hai người ấy đã không thể rời nhau ra, thành thử Nga như bị giành giựt giữa hai mối tình cũ mới.

Vì thế Nga muốn dứt đi với Trang cho rảnh, nhưng sợ không đủ sức, nàng liền tính làm cho chàng cũng phải tự tìm cách dứt lấy. Nàng vẫn biết làm thế là Trang khổ sở lắm, song ấy lại là cái kế độc nhất có thể giúp nàng giữ vẹn được lời hứa. Một cớ khác nữa là Nga có ý thử Trang để xem va sau khi bị mình ruồng rẫy thì sẽ đối phó ra thế nào.

Cho nên chiều hôm sau gặp Trang, nàng cố giữ một cái thái độ rất lạnh lùng tỏ cho người thiếu niên biết trước rằng không thể hy vọng gì nữa. Trong khi ăn hàu, nàng đã hơi nao núng, tưởng chừng không chống chọi nổi với sự cảm xúc nó rào rạt bên lòng. Nhưng khoảnh khắc, nàng lại tự chủ được ngay, thấy Trang nhận lời Oánh đi dự cuộc chợ đêm thì nàng quả quyết từ chối vì thật lòng nàng cũng không muốn đi chút nào.

Tối hôm ấy lại chẳng may có ông Tham Hồng và ông Cửu Bạch cùng cô con gái là cô Trà đến chơi, khách ngỏ ý muốn rủ Oánh cùng đi xem chợ. Trà, một cô gái mới, lại nhất định mời cho được Nga. Nàng ban đầu cũng thối thác, nhưng Trà lại dai như đỉa không chịu buông tha:

– Tôi mới đến hầu thăm chị lần này là lần đầu, chỉ thỉnh cầu có một chuyện mà chị cứ chối từ, chị Tư tệ quá!

Mọi người thấy thế đều nói vào, Nga kém vế phải ưng chịu. Trà lại bắt nàng có bao nhiêu quần áo đều lấy cả ra xem. Cô ta chọn cái gì tốt nhất theo ý kiến mình thì ép Nga mặc vào như một người chị em thân thiết đã lui tới trong nhà từ lâu lắm. Trà tự tiện lựa chọn các mầu, bảo bỏ cái áo này ra, mặc cái kia vào, lại khiến Nga xây quanh cho cô ta ngắm nghía từng tí một. Nga không buồn cãi lẫy gì, bảo sao nghe vậy.

Thật tình Trà không phải muốn đóng cái vai mụ mối cho Hồng làm gì. Trái lại nàng cũng không tưởng rằng trang điểm vào cho

Nga như thế có lẽ làm cho mình phải chịu bề kém sút đi. Chẳng qua vì bản tính nàng hay ưa tìm những cái đẹp trong sự phục sức, cho dẫu sự phục sức ấy nó không quan hệ đến nàng. Trà gặp Nga thì liền muốn cho bạn có những cái sở thích của mình. Nàng chẳng cần tự hỏi không biết làm thế Nga có vui lòng theo ý mình không.

Nga thì mỗi mỗi chìu ý cô khách lạ lùng, chuyên chế ấy. Đến khi ra đi nàng cũng như bị lôi kéo theo người ta thôi. Bấy giờ nàng chỉ để ý tìm một người là Trang. Suốt cả buổi chợ đêm chẳng thấy mặt chằng thì Nga tưởng tượng người thiếu niên đang căm giận mình và bỗng nghe phập phồng như đã sẩy tay làm hư hỏng một việc gì trọng đại.

8.

Hôm ấy là hôm mồng ba tháng bảy... Bên nhà bà Nghè Thuyên, mấy mẹ con vừa ăn cơm sáng xong đang ngồi nói chuyện với nhau.

Bà Cụ nói:

– Tôi tính sửa soạn mai tốt ngày thì dọn về, hai người nghĩ sao?

– Sao má nôn về thế? Oánh trả lời. Tôi tưởng chẳng có việc gì gấp ta ở lại chơi đến rằm cũng được.

– Trước sau mươi ngày cũng nỏ làm chi. Ta vào đây tính ra chỉ còn vài hôm nữa là vừa chẵn hai tháng, chơi như vậy đã vừa lắm. Vào đây là cốt để cho con Tư hắn dưỡng cho khỏe thì nay nhờ trời mười phần hắn đã khá được năm sáu rồi. Bỏ vắng nhà lâu quá không nên và rốn lại ngày nào là tội cho con Hai ngày ấy. Tội cả đêm khi hôm chẳng hề ngủ được vì nhớ sắp nhỏ quá.

– Đã thế thì về là phải rồi. Nhưng tôi lại tính cậy người mua giùm một ít cá thia và ít cùi phật thủ, nếu mai nay về thì sợ không kịp vì còn đi chào mấy chỗ quen đã.

Bà Nghè đang dọn lại mấy cái chén đồ trà, nghe thế liền lắc đầu nói:

– Thôi đi, mấy người thật hay bày vẽ lắm. Đi đâu thì đi có phải nhẹ nhàng hơn không, cứ mua chác cho hết tiền lại mang mang

xách xách cho thêm chuyện. Cái khỏe không muốn cứ đòi cho được mệt, thật tôi không hiểu các người. Còn đi thăm anh em, cái đó là bổn phận rồi.

– Các ông bạn làm việc như ông Hồng đều ở công sở cả, đến tối mới thăm được, bây giờ thì hẳn đến thăm anh Trang vì anh ấy ở gần đây rồi luôn tiện đến chào ông Cửu một thể.

Oánh vươn vai, đứng dậy đi lấy áo mặc.

Nga nãy giờ ngồi nghe mẹ và anh bàn chuyện về thì nàng bỗng sinh ra vơ vẩn, không biết nên buồn hay vui. Đi chơi đâu thì cũng về, sự ấy rất thường, nàng tự nhỏ đến lớn cũng đã từng đi thăm các cô chị lấy chồng ở tận các tỉnh xa, đến khi về có buồn chăng nữa là chỉ vì tình chị em lưu luyến nhau thôi. Giờ thì khác hẳn thế. Nàng nghe có một sự biến đổi gì nó sắp xảy ra trong đời nàng, sự biến đổi ấy cơ hồ là bất lợi. Trang! Cái tên ấy Oánh vừa mới gieo vào tai nàng mà trả lời cho những câu hỏi bề bộn trong lòng nàng vậy. Nga biết rằng mình sẽ phải xa người thiếu niên, xa có lẽ không bao giờ còn lại gặp. Từ bữa tối chợ đêm thì không hề thấy mặt chàng một lần nào. Nga lo ngại, nghĩ rằng không dè cái kế hoạch của nàng có hiệu quả mau như thế. Nhưng một người dễ giận hờn như chàng chắc là ngay thật lắm.

Nàng bèn tưởng tượng Trang với thằng bé con theo ở, hai thầy trò lăn lộn với công việc làm ăn trên con đường thiên lý, ban đầu Trang còn thỉnh thoảng nhớ đến nàng, nhưng mỗi ngày đến sẽ xóa nhòa cái hình ảnh nàng một ít cho đến hồi chàng quên biệt. Rồi biết đâu chẳng có người hiểu biết chàng hơn sẽ đền đáp cho chàng một tấm tình trọn vẹn. Nghĩ đến đó, nàng nghe lạnh toát cả lòng.

– Tư, mầy có đồ đạc gì cũng nên gói gắm bỏ vào rương hòm lần đi.

Nghe bà cụ bảo thế, Nga vùng choàng dậy, uể oải đáp rằng:

– Má nhất định mai về thật sao?

– Về thì về, còn thật với không gì nữa. Nhưng mầy nghĩ làm sao lại hỏi thế?

– Không, con có nghĩ làm sao đâu.

Nga làm mặt thản nhiên đứng dậy đi dọn dẹp chăn chiếu, nhưng kỳ thật là để cho được theo đuổi cái ý nghĩ riêng mình.

Oánh thay quần áo xong đã bước ra sân ton tả đi đến nhà trọ của Trang. Đến nơi thấy bạn hai tay thủ túi, đang thơ thẩn dưới giàn mướp trong vườn, chàng liền cất tiếng gọi:

– Anh Trang làm gì đó? Lại thôi xao chớ gì?

Trang nghe tiếng, mừng rỡ, chạy ra chào và cầm tay Oánh giắt vào.

Trong khi chàng xếp lại mấy tờ báo xáo lộn trên bàn, Oánh cứ nhìn theo chàng rồi bỗng nói:

– Tôi trông anh hôm nay hư đi nhiều lắm. Mấy bữa đây không thấy anh ra bể chơi, hay là anh có cảm lãm gì chăng?

Trang vin ngay vào câu hỏi bạn, đáp:

– Vâng, tôi cũng có mệt xoàng, vì mấy bữa rày ít ngủ quá nên mất ngon miệng ăn uống có hơi kém. Sáng nay tôi đã khỏe ra nhiều.

Chàng ngừng một lát, lại vui cười nói tiếp:

– Nằm khểnh ở nhà mấy hôm chán quá, chiều nay tôi sẽ ra tắm.

Oánh nghe bạn nói thế sực nhớ đến câu chuyện của mình liền hỏi:

– Anh còn ở chơi đây lâu?

– Vâng, tôi cũng chưa định khi nào về.

– Tôi qua đây là để chào anh, vì mai nầy bên tôi phải dọn về Huế; tôi tính đi chuyến xe tốc hành.

Nghe vừa dứt lời, Trang bỗng biến sắc mặt phải vờ cúi xuống lượm một mảnh giấy gì dưới gậm bàn cho bạn khỏi trông thấy. Khi ngẩng đầu lên, chàng đã giữ được nét mặt tự nhiên như thường. Trang vội hỏi:

– Anh không ở lại chơi đã, tôi tưởng trời còn nóng bức lắm kia mà!

– Tôi cũng nghĩ như thế, nhưng má tôi lại sợ bỏ nhà lâu nên chỉ muốn về gấp. Vì vậy bên tôi hôm nay phải xếp đặt hành lý và giao trả lại nhà còn tôi phải đi chào ít chỗ thân bằng nữa.

Oánh đứng dậy bắt tay Trang:

– Thôi, anh ở lại sức khỏe, khi nào về Huế có rộng thì giờ hãy lên tôi chơi, anh biết chỗ rồi thì phải?

Trang tiễn bạn ra cửa nói:

– Vâng, anh ở địa đầu làng Cư Chánh?

– Phải rồi, anh cứ đi đến Cầu Lim rồi thẳng tới chừng nửa cây số sẽ đến một cái rẫy nằm phía bên tay mặt và cách đường cái không bao xa, bên ngoài toàn rào bằng gai bốm, ấy chính tôi ở đấy. Nhưng miễn anh đi đến Cầu Lim rồi cứ hỏi mấy bác điền phu là tự khắc biết.

– Vâng, và tôi xin kính lời hầu thăm cụ bên nhà.

– Cám ơn!

– Mạnh giỏi nhé!

Chờ cho Oánh đi ra khỏi con đường hẻm rồi Trang mới trở về phòng nằm nghĩ ngợi. Gia đình Oánh dọn về! Nga về! Cái đoạn gặp gỡ của chàng và cô em gái bạn đến đó là liễu kết rồi. Còn có khi nào gặp nhau nữa chăng? Có lẽ không bao giờ vậy. Nhưng gặp để làm gì? Trang tự hỏi mà không kiếm ra câu trả lời. Vì chàng chưa hề có ngỏ bày với Nga một lời tâm sự. Tuy bao nhiêu cử chỉ của chàng đã để lộ cái cảm tình chàng ra một cách rõ rệt nhưng chắc gì Nga trông thấy, hoặc là nàng trông thấy mà không sá bận lòng đến thì sao? Có lẽ cái ức thuyết sau nầy đúng hơn, một người con gái bao giờ cũng soi thấy được nỗi khổ tâm của những kẻ thổn thức vì mình. Trang nhớ lại cái đêm Nga đi với Hồng thì nỗi thất vọng lẫn với sự căm hờn làm cho chàng rất khốn đốn. Từ hôm chàng thề tuyệt giao với Nga thì chàng đã giữ lời hứa không ra bể lần nào. Vậy bây giờ Nga đi chính là hợp với ý muốn của chàng còn phải nghĩ suy gì nữa?

Trong đạo bằng hữu, Oánh đã đến thăm chàng, lẽ phải là chàng cũng nên đáp lễ lại. Nhưng làm như thế thì Trang sẽ để cho Nga trông thấy vẻ mặt sầu thảm của mình, – chàng không muốn cho cô ta hưởng sự đắc thắng ấy – thứ nữa là chàng liệu có đè nén được sự cảm xúc trong khi từ biệt chăng? Trang không có một chút tự

tin về điều đó. Vả chàng nghĩ rằng Oánh là người có độ lượng, dẫu không đến chắc bạn cũng chẳng chấp trách nào.

Đến sáng mai nhằm ngày chủ nhật, bên nhà bà Nghè còn đang sửa soạn lên tàu thì Hồng và ông Cửu Bạch đã đến thăm mà đi đưa luôn thể.

Nga có ý mong đợi Trang và lấy làm lạ sao chàng không đến. Nàng đếm từng phút thì giờ đi qua mà sốt ruột. Nga không ngờ mình đối với người thiếu niên lại nặng tình đến thế. Bây giờ sắp xa cách thì bao nhiêu nỗi niềm hiềm tị nàng tuyệt nhiên không còn nữa. Trang dẫu thế nào cũng là một con người hiếm có.

Mỗi một tiếng động, mỗi một lời nói của khách đi qua trước nhà đều làm cho nàng giật mình chú ý, chạy ra cửa nom dòm. Nhưng chàng chưa đến! Mỗi lần như thế là mỗi cái hy vọng tan tành. Trang tình tệ thật, lại không bằng những kẻ như ông Cửu Bạch, ông Tham Hồng. Trang giận nàng đến thế chăng? Chàng bị điều gì ngăn trở chăng? Càng gần đến giờ, mấy câu hỏi ấy lại càng làm cho tâm thần nàng rối loạn.

Đến khi ai nấy đã đều giục giã ra đi, Nga tưởng chừng như bị ai giầy xéo lên trên lòng. Nàng mới hay từ thuở Thạch mất rồi, mấy tháng ở Mỹ Khê chính là những ngày tốt đẹp nhất trong cái đời vô vị của nàng, những ngày ấy, khốn nỗi! Nàng đã thờ ơ để nó đi qua rất vô vị! Nga muốn kêu cầu Thạch đến giúp đỡ nàng, nhưng người tình cũ bấy giờ như lùi hẳn vào trong cái ký vãng mù mịt xa xăm, không còn gọi được. Nga tưởng tượng mọi người đều lìa bỏ mình mà rất đỗi kinh hoàng.

Ở trên xe lửa, sau khi một hồi còi đã rúc, Nga vẫn còn sững sờ quên đáp lại cái chào sốt sắng của Hồng, nó ngụ biết bao tình quyến luyến. Hồng thấy vậy liền yên trí rằng nàng hoặc vì hổ ngươi, hoặc vì cảm kích quá mà giả lờ đi vậy. Kẻ chưa từng gặp sự thất bại ở đời vẫn thường có những cái lý luận lạc quan ấy.

Xe đã mở máy xình xịch chạy. Giây phút, ngồi trông cây cối vùn vụt đưa qua trước mắt nàng, những ý tưởng của Nga nó cũng thốt nhiên quay cuồng như chong chóng. Những kẻ qua lại, chào xáo hai bên nàng, nàng tuyệt không nghe thấy gì. Uể oải, hai mắt nàng dần dần ríu lại.

Bãi bể Mỹ Khê, dưới một buổi chiều tà rực rỡ bỗng hiện ra trong trí nhớ nàng như một cảnh thần tiên. Khi nàng gặp Trang lần thứ nhất, khi hai người đang đụt mưa trong xóm thuyền chài, khi chàng đánh bạo đến thăm nàng ốm, khi ăn hàu, bao nhiêu chuyện ấy hầu như là một giấc chiêm bao.

Trong khi đó, một người cũng khắc khoải vì nàng đang lủi thủi trên con đường núi Tiên Sa là Trang vậy. Sự giận dỗi ghen tức không đủ làm cho chàng quên được Nga. Suốt một đêm thao thức, chàng lấy làm kinh ngạc mà biết rằng mình vẫn yêu, yêu rất mực nồng nàn.

Tang tảng sáng chàng đã trỗi dậy khoác áo ra đi.

Mọi ngày, khi nào có điều lo nghĩ gì, Trang vẫn làm như thế. Không phải chàng định ý tìm cách khuây lảng được rồi. Nhưng có cái gì nó bắt buộc chàng phải vận động, cho đến khi nào thân thể mệt nhoài tê liệt mới thôi.

Trang bước ra khỏi nhà, thấy trước mặt là đường lên Tiên Sa, chàng liền xăm xăm đi vào đó.

Thế rồi, trên con đường núi khúc khuỷu, gồ ghề, chàng lại tha hồ tưởng nhớ Nga. Nga bấy giờ lên xe rồi, nàng đã đến ga ấy, ga ấy. Sao chàng lại để cho nàng đi như thế? Trong hai tháng tròn gần gụi chán gì cơ hội cho chàng tỏ tấm tình yêu dấu ra. Những kẻ bạo dạn vẫn thường được túc nguyện, sao chàng không bắt chước? Nga chỉ yêu người tình cũ là vì nàng chưa nếm đến cái phong vị mặn mà của một mối tình mới nào. Một người con gái đa cảm như nàng, lại ở vào cái cảnh giàu sang không có thể ở vậy già đời mà xem cái xuân mình nó lỡ làng đi qua được. Nga nhận lời đi xem hội với Hồng như thế đủ biết rằng cái kiên tâm của nàng đã bị lay chuyển rồi. Sao Hồng lại được biệt đãi hơn chàng? Luôn mấy ngày, Trang cứ căm giận nàng về chỗ đó. Nhưng biết đâu chàng chẳng lầm? Nếu Nga với Hồng cùng đi với nhau chỉ là ngẫu nhiên gặp gỡ giữa đường thì sao?

Trang còn đương loay hoay nghĩ thế thì đã đến nơi nghĩa địa của mấy người lính thủy Tây Ban Nha. Đứng trước các ngôi mộ ấy, chàng bỗng hồi tưởng lại cái khí tượng hào hùng của những kẻ xông pha trên mặt bể hiểm nghèo, những kẻ đó có lẽ coi nhẹ cảnh gia

đình êm ấm. Cách sinh hoạt éo le của hạng người ấy, trên sóng, đầu gió, có một cái khí vị ngây ngất, phi thường... Trang bấy giờ nhận thấy cái ái tình nó nhỏ nhen quá. Ở đời còn thiếu chi sự nghiệp lừng lẫy đủ kích thích chàng? Hồi nhỏ đi học, chàng có nghĩ rằng đến lúc trưởng thành sẽ để tiêu trầm nghị lực trong chốn tình trường chăng?

Thỉnh thoảng, một đoàn năm bảy bác tiều phu, nhễ nhại mồ hôi, lại gánh củi đi qua bên chàng. Người nào người ấy đều một thứ áo quần nhuộm chàm rách mướp, để lộ từng miếng da bị nắng đốt đỏ bầm. Trang nghĩ rằng mấy người đó ăn mai chạy chiều, đâu có thì giờ dư dật như chàng để thất vọng vì tình.

Chàng có ý thẹn, gượng cười tự nhủ rằng chẳng bao lâu nỗi lòng chàng sẽ nguôi ngoai vậy. Rất đỗi yêu Dinh, chàng còn quên được thay, huống gì một kẻ chỉ thoáng qua trong đời chàng. Chàng nhớ lại những nỗi đau đớn Dinh đã gây cho chàng ngày trước mà rợn mình. Không, chàng không có gan dấn thân vào cạm một lần nữa.

Nhưng hôm ấy, ở Tiên Sa về, Trang có một vẻ mặt chán nản lạ lùng. Trong trí chàng nảy ra không biết bao nhiêu ý định mâu thuẫn nhau, chàng như hình một người trọng bệnh, chung quanh là những ông y sĩ, mỗi ông đều cắt một phương thuốc riêng mà không biết nên theo hẳn ông nào. Rút cục, Nga như một vị nữ thần cay nghiệt cứ đến ám ảnh chàng.

Mấy hôm sau, Trang lại bùi ngùi ra bể. Một dải cát tiêu điều, vắng vẻ, cái địa vị nó đối với chàng không ngờ mà trọng yếu đến thế. Bao nhiêu sự ký ức chàng còn man mác trên những gò đụn tròn trĩnh chồng chất theo ven bờ. Bãi bể hầu như là một người bạn yêu quí của chàng. Nhưng vắng mặt giai nhân nó ghẻ lạnh thế nào! Càng nhớ bao nhiêu, cõi lòng chàng càng chán ngắt. Trang tự nhiên thì thầm đọc câu thơ của nhà thi sĩ Pháp: "Một người vắng mà mọi cảnh đều hoang". Về đến nhà, chàng cứ dàu dàu không hề nói một lời gì.

Bà Sáu, thằng Cồ thấy vậy cũng đều im thin thít, chờ khi nào chàng đi khỏi rồi mới bàn bạc cùng nhau.

Một hôm, Trang đang ngồi trong phòng, thằng Cồ bỗng rụt rè lại đứng bên cạnh chàng. Không thấy chủ sai bảo gì, nó liền đánh bạo hỏi:

– Con trông cậu lâu rày buồn bực quá?

Trang thở dài, sẽ đáp:

– Tao tương tư rồi Cồ ạ!

– Cậu nhớ cô Tư chớ gì?

– Bởi thế.

– Nói vô phép, chớ con như cậu thì con tính chuyện ấy rất dễ dàng. Cậu ưng cô Tư thì cứ mượn người đi hỏi rồi cưới về, có phải dễ không?

Trang cười nhạt, vò đầu thằng bé:

– Mầy biết gì!

Nghĩ một lát, chàng lại nói:

– Mầy chưa đến tuổi biết những điều đó được. Khó lòng lắm! Chuyện tình nó oái oăm trăm bề chớ có phải trơn tru như mầy tưởng vậy đâu. Nếu thế thì ai tội gì mà nghĩ ngợi cho rầy rà.

Thằng bé con ra dáng hoài nghi nhưng không dám cãi lại:

– Thế bây giờ cậu tính làm thế nào?

– Tao chưa tính gì cả.

Hai thầy trò lại làm thinh. Thằng Cồ lảng ra ngoài vừa gặp bà Sáu, nó liền lắc đầu ra dấu bảo đừng có hỏi han gì.

Nhưng một lát lại nghe tiếng chủ nó gọi vào phòng:

– Mầy ra dọn dẹp áo quần sách vở của tao và va li, chỉ để ra ngoài một bộ quần áo mới cho tao thay mà thôi.

Thằng bé ngạc nhiên hỏi:

– Cậu sắp sửa đi đâu?

– Ở đây chán lắm rồi. Tao định đi vào rủ ông Láng làm việc lại thôi. Nhưng cũng phải về thăm nhà năm ba bữa đã. Vậy mầy cất dọn đồ đạc mai đi chuyến tàu sớm.

Thằng Cồ vui vẻ, sắm nắm đi ra, đến cửa phòng bèn day lại hỏi:

– Dạ hôm nay thứ mấy?

– Thứ năm, mầy hỏi làm gì?

– Thế thì con phải đi lại đàng anh thợ giặt mới được; còn cặp quần áo của cậu anh ấy hẹn đến thứ sáu mới mang lại. Cậu cho con tiền trả cho luôn.

Thằng bé lấy tiền ra đi. Trang liền gọi bà Sáu nói chuyện cho bà ấy biết chàng sắp dọn về.

Bà lão ngờ là câu nói chơi, liền cười nói:

– Thầy về mấy hôm rồi mới trở vào?

– Không, tôi về luôn thôi bà ạ.

Trang tính tiền nhà phân minh, lấy bạc ra đếm đủ số rồi đặt lên trên bàn. Chàng lại lấy thêm ba đồng để một bên mà nói:

– Cái nầy tôi xin kính riêng bà.

Bà Sáu cảm động, cầm lấy bạc mà rằng:

– Thằng Cồ mắc gói ghém sửa soạn ở nhà, chiều nay để tôi đi chợ cho thầy một bữa.

– Thế thì tốt lắm.

Chiều hôm ấy Trang thấy mâm cơm dọn rất bỉ bàng liền lấy làm lạ hỏi:

– Sao thức ăn bà đi chợ được nhiều thế?

Bà Sáu mừng rỡ nói:

– Tôi có bỏ tiền riêng tôi mua thêm vài món đó.

– Thế à? Bà tử tế quá nhưng hết của bà bao nhiêu để tôi kỉnh lại?

– Xưa nay, thầy nói thế chẳng sợ mất lòng, tôi dẫu nghèo song đãi thầy một bữa thì đã can chi!

Trang thấy bà lão có vẻ thành thật bèn cám ơn, không nỡ nói đến chuyện trả tiền nữa.

Sáng hôm sau, hai thầy trò Trang dậy sớm chực ra đi thì thấy bà lão đã đứng chờ ngoài ngõ. Trang bước ra từ biệt:

– Thôi cám ơn bà có bụng tốt với tôi mấy lâu nay, bà ở lại bình yên nhé!

– Thầy để tôi xách va li ra đến bến đò.

– Tội nghiệp! Bà tuổi tác hãy vào nghỉ, để tôi xách cho không hề gì. Vậy chào bà nhé!

Bà lão rơm rớm nước mắt, hai môi mấp máy:

– Trời phù hộ cho thầy!

Thằng Cồ cũng day lại nói:

– Tôi đi đã bà nhé!

– Cơ khổ! Mầy đi mạnh giỏi và sang năm nhớ thưa với thầy vào chơi.

Hai thầy trò đã đi ra đến ngoài đường cái mà bà Sáu vẫn còn đứng trông theo, chơi vơi như một người khốn nạn.

PHẦN THỨ HAI

1.

Nhà bà Thị Tốn ở làng Giao Thủy cất trên một khoảnh vườn rộng ước năm sào, cách hữu ngạn sông Hương chừng vài trăm thước. Ấy là một kiểu nhà ngói xưa, ba căn hai chái, hướng mặt về phía đông nam và day hông ra đường. Cái đặc sắc của nó là đã trải mấy đời mưa nắng nên trông già cỗi như một nếp chùa làng; trên mái đen sì những rêu khô lại lổ đổ từng vạt ngói mới; hai con rồng, râu vảy đứt sẽ, vẫn còn giương to đôi mắt chầu cái mặt nguyệt cũng chếch mác từ những bao giờ; trông chúng nó có vẻ gan góc như hai viên tướng già trung dõng cố bền lòng phù trợ cho một nghiệp đế suy vi.

Trước thềm lại có treo ba bức sáo lục bỏ xuống tận đất càng tôn cái vẻ kín đáo nghiêm nghị trong nhà. Trong nầy bài trí rất đơn sơ: ở giữa, là bộ trường kỷ trắc đen nhánh để sát vào một cái án chạm chìm rất tinh xảo, trên đó bày biện năm bảy cái bửu vật đã lưu truyền từ đời nọ đến đời kia: lư đồng, điếu cẩn, lục bình, tráo lung, một cái ngỗng sứ ngoài có vẽ trúc lâm thất hiền và hai cái lọ tăm bằng ngà voi tiện. Ngay trên án, và treo nghiêng vào bức liên ba thượng, có một bức hoành sơn đỏ đề hai chữ *"Tịnh trai"*.

Căn bên tả để một bộ ngựa mít, bên hữu một cái sập quì. Hai hàng cột căn giữa đều có treo câu đối bằng huê mộc, chữ khảm xà cừ, viết một cách rất thoắng, mới trông qua chỉ thấy những cái hình vẽ rối rít như mấy cây thế mà cành nọ cành kia đoanh quấn lấy nhau. Lui vào trong hàng nhất và dựa vào hai bức đố, một bên là cái tủ chè, trên đầu có treo một bức tranh tứ bình vẽ "Nhị thập tứ hiếu", một bên là cái tủ đứng, đều đánh si bóng nhoáng và trông mới hơn mọi vật khác trong nhà.

Sau cùng, là chỗ thờ tự gia tiên có ba bức màn xanh phủ kín.

Nhưng cái nhà trên nầy cũ kỹ, nghiêm nghị bao nhiêu thì ở nhà dưới lại ồn ào tấp nập bấy nhiêu. Hôm ấy đàn ông, đàn bà, trẻ con tranh nhau làm việc; người giã gạo, hoặc bằng tay, hoặc bằng chày đạp, người quấn thuốc, xắt thuốc, lại người bỏ bắp, đậu, ớt, cau khô trong từng cái nong kếch sù vào bao, tiếng cười nói lẫn với tiếng chày nện làm rầm rĩ lên một góc vườn.

Giữa cái đám người ăn làm hăng hái ấy, bà chủ nhà cũng giúp vào một tay, đi đi lại lại bày vẽ rất chu đáo. Bà Thị Tốn lúc đó vào lối năm mươi tuổi, người hơi cao và có bề ngang, dáng mặt xương, nước da ngăm ngăm đen, trên trán và hai bên má đã có đường nhăn nheo đầu tóc rẽ ngay cũng vừa lốm đốm bạc. Vẻ mặt tỏ ra người hay trù tính lại quả quyết và có uy, hai con mắt trông vào ai có thể làm cho người ấy dù vô lễ bao nhiêu cũng phải sinh lòng kính nể. Người tuy mau già, nhưng cứ xem cách đi đứng nhanh nhẹn suốt ngày và một mình vần nổi cái cối xay lớn thì đủ biết bà Thị ăn làm xốc vác lắm.

– Biền đâu! Bà lên tiếng gọi.

Một cậu con trai trạc chừng mười bốn mười lăm tuổi, mặt mầy trắng trẻo sáng láng, từ nhà trên đi xuống:

– Mẹ gọi con?

Bà Thị không bỏ công việc làm, ngó ra nói:

– Tao muốn hỏi mầy đã viết thư cho anh mầy chưa?

– Dạ con vừa mới viết xong, còn đợi đọc cho mẹ nghe rồi đi gởi.

– Ừ, thế thì lát nữa tao sẽ lên.

Chợt nghe tiếng chuông rung, một chiếc xe cao su đường vừa đặt càng xuống ngoài sân.

Thoắt trông ra, cậu Biền vội reo lên:

– Anh Trang! Anh Trang đã về kia! Cả thằng Cồ nữa!

Quả nhiên, hai thầy trò Trang đã bước xuống xe, chủ đi trước, thằng bé con xách va li theo sau.

Bà Thị tươi cười hỏi:

– Con đã về đó sao không thấy thư về nói trước? Thế mà em nó lại tính gởi thư vào.

Mấy mẹ con cùng đưa nhau lên nhà nói chuyện. Bà Thị hỏi Trang sao đi hóng mát mà sắc mặt lại hình như kém hơn trước, chàng hơi lúng túng, liền giả cách ngạc nhiên nói rằng:

– Thế mà con lại tưởng rằng lúc nầy khá ra nhiều vì nghe trong mình khỏe khoắn lắm.

Nhưng biết câu trả lời của mình không vững vàng gì cả, chàng liền tìm cách đánh trống lảng:

– À, em Nghi đâu không thấy?

Rồi chàng lại tự đáp lấy câu hỏi mình.

– Có lẽ còn sớm em ở ngoài phố chưa về.

Bà Thị thấy con về thì vui vẻ chẳng hỏi han gì nữa, lật đật xuống bếp truyền bảo đầy tớ chạy đi mua vài món ăn cho chàng lót dạ.

Một lát thức ăn dọn lên thì cô Nghi đã về. Anh em gặp nhau, chào mừng hớn hở. Cô Nghi bấy giờ là một cô gái mười chín xuân xanh, đoan trang thùy mị. Cô ta nói chuyện một hồi lâu bèn chạy vào phòng mình lấy ra mấy cái mặt gối và khăn thêu khoe rằng:

– Em có làm cho anh mấy cái nầy đây.

Trang cầm lên xem, khen lấy khen để. Cậu Biền cũng săn sóc cho chàng từng tí một. Trang thấy em út đều hết sức yêu quý mình thì lấy làm sung sướng quên phắt bao nhiêu chuyện buồn tủi vừa mới trải qua trong mấy ngày. Chàng lấy làm lạ sao hai tháng vừa rồi lại bỏ đi chơi đâu không chịu ở nhà mà hưởng những sự vui chân thật êm đềm ấy.

Luôn mấy ngày cô Nghi không ra ngồi phố chỉ ở nhà đem hết tài khôn khéo của mình ra làm những quà bánh cho chàng ăn. Cậu Biền cũng đem sách ra chất vấn chàng những chỗ nghi ngờ cho rộng thêm sự tự học. Giữa cái tình yêu đương chăm chút của mẹ và em, chàng nghe nhẹ nhõm trong lòng, không muốn nghĩ suy gì nữa. Chàng tưởng chừng như mình mới được thảnh thơi đâu vài hôm thôi nên muốn hưởng cái cảnh nhàn tản thanh thú ấy một cách hoàn toàn.

Khi không nói chuyện trò gì, chàng đi ra dạo chơi sau vườn tìm những bóng cây cao nghỉ mát. Bên gốc một cây xoài lão đại có cái tảng đá rộng gần bằng một thước vuông, bề mặt rất bằng phẳng, chàng liền dùng làm ghế. Trang ngồi đó suốt giờ, nhìn con bướm liệng, hoặc lắng tai nghe tiếng chim kêu mà hồi tưởng lại bao nhiêu sự đã trải qua trong thời kỳ thơ ấu. Chung quanh, không một vật gì mà không phải là một người bạn thuở bé của chàng. Đây là nơi chàng hay leo trèo chạy nhảy, đây là chỗ chàng hay đào thành hào lũy, bày trận thế với anh em, chỗ nầy chàng có làm cái túp lều nhỏ xíu vừa chun lọt một người, chỗ kia có treo cái đu làm cho chàng một hôm té gần lọi cẳng. Những mặt người thân thích yêu quí hồi bấy giờ, nào ông, nào bà, nào bác, nào cô, cho đến con nụ mớm cơm, bõ già lẩm cẩm, nay hoặc còn hoặc mất, chàng đều nhớ lại không sót một người nào. Chàng lại nghĩ đến ông thân chàng, hiền lành vui vẻ, rủi mất sớm không kịp nuôi chàng thành đạt cho vừa lòng. Dẫu sao, những kẻ trước chàng, ai ai cũng đã làm tròn phận sự nấy. Bây giờ đến lượt chàng, năm sáu năm ra chen cạnh với đời mà chỗ ăn làm vẫn chưa nhất định làm sao cả. Chàng đã hẹn về thăm nhà ít ngày rồi sẽ tìm ông Láng làm việc ngay, nhưng chàng lại thấy mình chần chờ mãi. Trang cho rằng có lẽ vì chàng còn một ít tiền lưng nên mới sanh ra lười biếng thế.

Thấy con mới về thăm, mấy ngày đầu bà Thị Tốn muốn để cho chàng nghỉ chơi đã. Nhưng trong bụng bà cũng muốn nhân cơ hội ấy tính cho xong chuyện hôn nhân của chàng.

Một hôm, Trang cùng hai em đang ngồi họp chuyện với nhau, bà Thị đứng gần nghe chàng nói khích cô Nghi một câu gì đó làm cho cậu Biền cười ầm lên. Bà Thị bèn làm bộ bênh con gái:

– Đừng có cười người ta, người ta thế mà có nơi đi hỏi rồi đấy!

Trang lên mặt ông anh mà rằng:

– Chà, vậy mà tôi không hay. Nhưng hễ xét chỗ nào tử tế mà hắn bằng lòng thì cũng cho người ta đi cưới đi chứ sao!

Cô Nghi thẹn đỏ mặt, nguýt chàng một cái, nói khẽ:

– Hừ!

– Lại còn hừ và hè! Con gái có cái tật hễ nghe ai đi nói thì vung văng thế mà rồi chị nào không ai hỏi đến thì đã hốt hoảng lo ế chồng rồi.

Bà Thị để cho chàng tha hồ nói cho sướng miệng rồi mới mỉm cười hỏi chàng:

– Em nó con gái đã đành là thế rồi, nhưng còn thầy thì sao?

Trang không dè câu hỏi đó nên bỗng ngồi đực mặt ra, nhưng thấy cô Nghi và cậu Biền láy nhau có ý chế riễu chàng thì ung dung vừa tìm câu vừa đáp:

– À con... con thì khác... Đàn ông không gấp gì sự vợ con.

Nhưng bà Thị đã nghiêm nét mặt nói:

– Con đừng có bông đùa, mẹ không nói chơi đâu. Cứ như con nói thế thì bây giờ định ở vậy già đời không cần gì phong tục lễ nghi sao? Huống chi trong nhà chưa có người nội trợ để phòng khi bua việc coi ngó trong ngoài mà con đã vội tưởng gả em nó được sao?

– Con có phải không muốn chuyện vợ con đâu, nhưng con xin phép chuyện đó thủng thẳng rồi sẽ tính. Bao giờ làm ăn dư dật sẽ hay, chớ nay nuôi mình còn chưa chắc lại còn đeo lấy vợ con e thêm bận vào mình.

– Thủng thẳng: Được hai chữ ấy cứ đem nói hoài, không ai lầm nữa đâu. Còn lấy vợ mà thầy sợ không nuôi nổi thì đã có tôi.

Bà Thị thấy Trang làm thinh liền nói tiếp:

– Con đừng có tưởng mẹ già rồi nên muốn kiếm dâu để nằm một chỗ cho nó hầu hạ đâu, chính là nay còn mạnh thì lo tập dần cho nó quen theo khuôn phép nhà mình, hòng ngày sau nó lên làm chủ mới biết điều đối đãi với em út và bà con hàng xóm được.

Nói đến đó, bà Thị liền ngảnh lại bảo cô Nghi:

– Con qua mời dì Khóa qua đây và thưa với dì rằng có anh Trang con về nên mẹ muốn bàn với dì một câu chuyện.

Trang cản lại nói:

– Để con qua thăm dì rồi sẽ mời dì qua luôn thể, kẻo thấy cháu về mấy bữa rày mà lại để dì đến thăm trước có lẽ là dì sẽ trách vô tình lắm chăng?

– Thôi đừng có đặt bày nhiều chuyện, con Nghi cứ đi đi thôi, chẳng dì nào chấp trách cả, đó là anh mầy muốn qua ton hót trước đi để cho dì Khóa nghe theo lời hắn đó.

Bà Thị phen nầy ra vẻ cương quyết lắm. Cũng như phần nhiều bà già xưa khác, bà lúc nào cũng có một mớ thành kiến. Những thành kiến đó là nền giáo dục của cụ ông thân sinh ra bà un đúc cho và chỗ kinh nghiệm riêng bà kết tập nên. Vì vậy ra làm một việc gì bà ít hay do dự. Những người nào đã từng được bà rèn tập uốn nắn cho đều thành người khá giả, cho nên bà rất giàu lòng tự tín. Lúc ông Thị hãy còn, mọi việc trong nhà ông đều giao phó cho bà, ông chỉ vui đánh đàn mà không bao giờ thấy chán. Nay ông mãn phần rồi, bà có cái nhiệm vụ phải tác thành cho con. Bà Thị muốn cho Trang biết trọng cái căn bản: theo ý bà, căn bản của người ta là chốn gia đình. Nhưng muốn lập gia đình thì phải thấy sự dựng vợ gả chồng làm trụ cốt. Vả bà đã từng làm dâu, bà đã trọn một niềm thờ phụng gia nương, vậy nay tới phiên bà, bà cũng muốn có kẻ làm dâu lại. Nếu không thế thì hình như trong đời bà sẽ thiếu một điều rất quan trọng; việc nhà bà có tiếng là xếp đặt rất chu chí, nhưng e rồi phải kém sút chị em về mặt con dâu. Trước bà nghĩ Trang thế nào cũng về cầu bà nói vợ cho, nhưng nay thấy chàng trẩn trựa hoài thì bà không thể chờ được. Bà đã chiều Trang nhiều lần: muốn hoãn cho hoãn, đang làm ăn yên ổn đòi thôi cũng cho thôi, thì hẳn phải có ngay con chìu bà lại. Bà vẫn biết Trang là người có hiếu, nhưng với bà, sự hiếu đễ cần phải tỏ rõ ra ngoài hình thức, ra trong việc làm vậy. Bà Thị lại là con người khôn khéo, trong khi bàn luận thường có tài dụ kẻ khác vừa theo ý muốn mình. Thời thường, trước những cái lý luận đanh thép của bà, Trang chỉ biết một điều vâng dạ, dẫu sự gì trái ý cũng dùng kế trá hàng cho qua

buổi đã. Nhưng bà Thị đâu có lầm, sở dĩ bà không muốn vạch điều lỗi của con ra, vì sợ đối với người ngoài cái uy quyền làm mẹ của bà sẽ nhân nó làm giảm bớt đi. Lần này lại tính việc hôn nhân của Trang, bà liền viện người chị ruột là bà Khóa Đôn để chứng rằng trong sự kén chọn của bà đã có kẻ tán thành rồi vậy.

Một lát, cô Nghi về đã có bà Khóa qua theo.

Trang vội vã đứng dậy, cung kính chào:

– Thưa dì, cháu về chưa kịp qua hầu thăm dì, thật là có lỗi quá!

Bà Khóa ý chừng đã hỏi chuyện trước cô Nghi rồi, liền tủm tỉm cười mà rằng:

– Ai chấp nhất thầy đâu mà hòng sợ!

Bà Khóa người thấp nhỏ hơn bà Thị và trông cũng muốn trẻ hơn. Em bà cứng cỏi nghiêm nghị chừng nào thì bà lại dễ dãi vui vẻ chừng ấy. Đối với con cháu bà hay nói lớn tiếng, làm bộ gắt gỏng mà kỳ thật bề trong bà nuông chiều hết sức. Chồng bà cử nghiệp dở dang liền xoay qua nghề thầy làng, nhờ vận đỏ ăn làm cũng đủ chi dụng.

Vừa đặt mình ngồi xuống, bà Khóa đã nhập đề ngay:

– Dì mời tôi sang chắc là để nói chuyện vợ con cho chú thằng Cu chớ gì?

Rồi chẳng đợi bà Thị trả lời, bà liền day lại phía Trang ngồi mà nói:

– Sao, chú đã thèm vợ chưa? Tôi có tìm cho chú một đám nầy thì không còn chê vào đâu được. Chú thử đoán xem?

Bà Khóa liếc em bà một cái rồi trố mắt nhìn Trang, cười ngặt nghẽo.

– Nào, tôi đố chú nào!

Trang không thể nhịn cười mà rằng:

– Ai thôi xin dì cứ nói cho, chớ thiên hạ biết mấy là người, cháu đoán làm sao được.

– Thì cũng trong xóm nầy chớ không đi đâu xa, mà tôi đã nói là một người đủ cả mọi bề: đẹp đẽ nết na, học hành giỏi, lại con nhà giòng của giống.

– Chà, ai mà lại quí hóa thế?

Trang ngẫm nghĩ, tìm kiếm một hồi, bỗng cười xòa mà nói:

– À, đích rồi!

– Đâu, thì hẳn nói thử xem.

– Con ông Đề Cáo chớ gì?

Thấy bà Khóa trề dài môi ra, Trang vội chữa:

– Không thì con ông Chưởng Hiền?

– Trật lất cả! Ai đi hỏi làm gì mấy chỗ đó cho chú cười là dì Khóa quê mùa. Chẳng trách nào mà các chú tưởng chỉ có mình là văn minh! Có một chút mà đoán với điếc không xong gì ráo!

– Thì cháu đã nói trước là cháu chịu đi mà.

– Nầy thôi, tôi nói cho mà nghe, con quan Tá về hưu đằng kia đấy. Biết chưa?

– À, cô Thanh! Cô ấy cháu cũng có biết.

Trang mắm môi ra dáng nghĩ ngợi.

Bà Thị hỏi:

– Sao, cô ấy làm sao? Vừa ý hay chưa?

– Cứ kể ra thì cô ấy quả không chê vào chỗ nào được...

– Nhưng mà?

Người thiếu niên thấy mẹ hai mắt đăm đăm nhìn mình có ý không bằng lòng, liền cúi đầu tìm cách chống chế:

– Cũng không sao, nghĩa là cô ấy người chừng mực đứng đắn lắm...

– Nhưng vậy là xấu hay tốt, được hay không đã chứ?

– Tốt, thì cái đó cố nhiên rồi, nhưng với hạng người ấy cũng hơi khó một chút.

– Sao mà gọi rằng khó?

Bà Khóa chêm vào:

– Người ta dốt nát không hiểu, mà chú lại hay nói mơ hồ, chú phải cắt nghĩa nó khó ở chỗ nào mới được chứ!

Trang gãi đầu, ngó bà Khóa làm ra tuồng chỉ nói riêng với bà:

– Cháu muốn nói là người như thế họ nghiêm quá mà cháu thì buông tuồng ắt họ chê dè!

Bà Thị ngắt lời chàng:

– Chưa chi đã nói thế, họ không chê chút nào cả, chính quan Tá đã có ngỏ ý với dì Khóa đây rồi, chi bằng nói trắng ra là thầy chê thì có lẽ dễ nghe hơn!

Bà Khóa lườm chàng một cái:

– Đều nói mà nghe, chớ của người ta là của quí, đã năm bảy đám sang trọng bằng mấy chú đi dạm rồi mà không ăn thua gì đấy, chú đừng có tưởng người ta ế ẩm mà vội chê bừa đi.

– Nào cháu đã có làm cái lớn láo gì mà dám chê ai, Trang kêu nài, song dì cũng biết sự vợ chồng ở với nhau cả đời, ngoài cái tính tình phẩm hạnh của mỗi người ra, hai bên lại cần phải yêu nhau nữa gia đình mới vui vẻ được. Nay cháu không yêu cô Thanh mà cứ hứa càn đi thì có khác gì lừa dối người ta không?

– Chú chưa yêu thì bây giờ hãy nghe lời tôi mà yêu có muộn gì?

Bà Thị Tốn thấy con cứng đầu liền đấu dịu:

– Con đừng có lên mặt dạy kẻ bề trên. Một người con có hiếu thì vợ nào cha mẹ cưới cho cũng đều yêu cả. Thuở xưa có cặp vợ chồng đến ngày đi cưới còn chưa biết mặt nhau mà ở với nhau cũng trọn đời. Huống chi mẹ và dì đây chừng nầy tuổi há lại lầm lẫn đi chọn một đứa không ra chi sao?

– Con quả tình không muốn trái lời mẹ chút nào, nhưng chuyện nầy xin mẹ và dì cho phép con kén chọn lấy, rồi hễ chỗ nào mẹ và dì bằng lòng là được.

– Nhưng thử hỏi con Dinh có phải tự thầy đi kiếm lấy không, mà nó ăn ở đã hay ho lắm nào!

Trang nghe nhắc đến tên Dinh liền cau mày, ngó bà Khóa Đôn có ý năn nỉ bà che chở giùm cho. Bà Khóa làm bộ nóng nảy chỉ vào mặt chàng:

– Thôi, chẳng thèm nói với chú nhiều lời, tôi hẹn cho chú một tháng, tha hồ mà đi tìm kiếm, may rủi gì lát nữa không được kêu ca, nhưng quá thời hạn đó thì chú không được giở chày cối ra với tôi nữa đâu!

Người thiếu niên mừng rỡ, đứng dậy cám ơn:

– Nếu mẹ và dì cho phép thế thì còn gì hay bằng.

2.

Nga từ theo mẹ và anh trở về Diễm Dương Trang, tính lại vừa đầy một tháng. Những công việc tế toái phải dàn xếp lúc ban đầu đã choán hết cả thì giờ nàng. Nhưng sau, mỗi khi tưởng đến Trang thì nàng bỗng đâm ra thẫn thờ vơ vẩn. Những ngày lặng lẽ ở núi lại càng khêu gợi nỗi nhớ nhung. Bây giờ, mỗi người mỗi ngả, Nga càng thấy Trang đáng yêu quí bội phần. Mỗi lúc mặt trời chiều vừa khuất sau dãy núi xanh, hơi đá bốc lên lần lần bủa khắp đồng nội, đón tầm mắt nàng, thì Nga lại chán cái cảnh phú quí nhưng hiu quạnh của mình. Nàng vẫn không quên Thạch, đối với người tình cũ, nàng bao giờ cũng một tấm lòng trân trọng xót xa. Cái chết bất ngờ của Thạch đã tập nàng nhẫn nại mà biết rằng nếu ái tình có thể tô điểm cho cuộc đời người được tốt đẹp thêm lên, thì sự phản bội của nó cũng rất là quyết liệt. Cho nên, bây giờ xa Trang, nàng dẫu không khỏi thắc mắc vì chàng, nhưng Nga lại mừng thầm rằng sẽ nhờ sự xa cách ấy mà khỏi phụ tình cùng Thạch. Cái mừng gượng ấy, phải chăng là một phương thuốc nàng dùng mà tự giải?

Hôm ấy, Nga thức dậy ăn cơm sáng xong, liền xách giỏ đi ra ngoài rẫy hái chè. Nga mặc cái áo lụa dài mùi hồ thủy, chân đi đôi giép da, đầu để trần. Lon thon, nàng đi thẳng ra đến tận ngoài bờ rào, phía mặt trước Diễm Dương Trang. Lúc ấy cũng mới hơn sáu giờ, hạt sương đêm còn giỏ giọt trên các đầu cành, khí trời rất mát mẻ. Trong đám chè thấp ngang đầu người, gốc bậm, Nga thung thăng đi từ cây nọ đến cây kia, mấy đầu ngón tay nõn nà len lỏi trong nhành lá một cách nhẹ nhàng, nhanh chóng.

Vụt chốc, Nga mỉm cười. Nàng vừa nhớ lại hôm Trang đến thăm nàng ốm, từ cách đi đứng rụt rè cho đến những câu chào hỏi ngượng ngập của chàng. Cứ xem cử chỉ chàng hôm ấy, thì Trang có lẽ yêu nàng thật. Nhưng nếu chàng đã thật tình yêu thì há vì một sự mích lòng cỏn con mà dứt đi được dễ dàng thế sao? Cớ sao, từ nàng về đấy, chàng không kiếm dịp nào để đến thăm, vì cách nhau

có nửa ngày đường thì lẽ đâu lại không có thì giờ mà đi được? Ừ, cớ sao Trang không tìm đến? Hay Trang cũng chỉ là một hạng chơi bời, vui đâu chúc đó, hơi có điều trở ngại là thôi ngay?

Một đám mây đang che vừng thái dương vừa bay qua để ngọn nắng mai soi nghiêng vào mặt nàng. Nga bỗng ngạc nhiên thụt lùi: một cái bóng người đội chiếc mũ dạ vừa bổ xuống bên chân nàng. Quay đầu xem thử ai, Nga thốt nhiên kêu lên:

– Anh Trang!

Vì quả thật nàng vừa trông thấy Trang đứng phía ngoài hàng rào, đôi mắt say đắm nhìn nàng như người mơ mộng. Qua cơn sợ hãi lúc ban đầu, Nga vừa mừng vừa cảm động, trống ngực đánh đổ hồi, nhưng trót buột mồm gọi người thiếu niên một cách thân mật ấy, Nga lấy làm bẽn lẽn. May sao, nàng nói sẽ quá nên ông khách si tình đang đứng rình trộm nàng ngoài kia, thấy mình bị người ta bắt được chỉ hốt hoảng không kịp nghe thấy gì. Trang tưởng chừng mình đứng trước cả một nàng tiên xách hoa lam đi hái thuốc.

Thấy vậy, Nga đã chỉnh đốn chữa lời:

– Ủa! Thầy lên chơi bao giờ?

Trang cũng muốn chữa thẹn, ngả mũ chào, nhanh nhẩu:

– Xin chào cô, tôi đường đột quá xin cô tha lỗi.

Thấy Nga hai gò má đỏ ửng, không trả lời, chàng mới hơi vững vàng, nói tiếp:

– Tôi đi xe đạp lên đây từ hồi sớm, muốn đến hầu thăm cụ, nhưng chưa biết đường, nên mới lần đi tìm không ngờ lại gặp cô ở đây, thật là may quá!

Trang nghĩ rằng nhân cơ hội nầy không giãi bày tâm sự ra thì còn đợi đến khi nào, nhưng chàng loay hoay chưa tìm ra câu giáo đầu nên cứ ấp úng mãi. Chẳng lẽ đứng trông nhau hoài, ngượng quá, Nga vội vàng nói ra cách ngạc nhiên:

– Ô hay! Ai lại đứng giữa nắng thế nầy, xin thầy đem xe đi lại phía ngõ đằng kia vào nhà chơi hãy nói chuyện.

Trang bực mình vì lại lỡ mất một dịp hiếm có, song cũng phải nén lòng nghe theo. Hai người cùng đi cách nhau cái hàng gai bốm.

Đến cửa, Nga chỉ đường cho khách rồi lon xon chạy vào báo tin cho mẹ và anh biết.

Oánh mừng rỡ ra đón đường:

– Đúng hẹn lắm! À nhưng anh về được mấy hôm rồi?

– Đã hơn ba tuần nay. Tôi tính lên thăm anh nhiều lần nhưng lại không rảnh.

– Vậy mà anh lên hôm nay gặp dịp quá vì tôi cũng vừa mới về tối hôm qua. Cụ dưới nhà vẫn mạnh giỏi chứ?

– Cám ơn anh, dưới tôi cả nhà cũng đều được vô sự.

– Ồ quí quá!

Hai bên nói chuyện với nhau một hồi thì đã đến một sở nhà lầu, Oánh cho người đem xe đạp Trang đi cất rồi đưa bạn vào phòng khách. Bà Nghè bước ra niềm nở chào hỏi Trang và chỉ ghế mời chàng ngồi uống nước.

– Sao thầy lên chơi được sớm thế?

– Bẩm cháu vốn định lên hầu cụ và nhân tiện xem cái rẫy nầy một lần cho biết, hôm nay dậy được sớm mát trời mới nhất định đi, nhờ sẵn có xe đạp nên chỉ mất có nửa giờ.

Bà cụ cười, nói một cách khiêm tốn:

– Nói vô phép, thầy đi sớm thế chắc là ở nhà chưa kịp lót lòng gì? Thôi nỏ mấy khi, xin thầy cứ tình thật dùng cơm rau trên này một bữa!

– Cám ơn cụ, cháu chẳng dám làm khách khứa đâu, nhưng bẩm thật là cháu ăn rồi ạ.

– Vậy thì tôi cũng không dám nài. Nhưng thầy không mấy khi lên đây hãy ở lại chơi ít ngày cho rộng thì giờ để anh Hai nó dẫn đi xem cảnh rẫy bái núi non một chuyến. Những người quen ở thành phố đến đây lạ mắt ai họ cũng lấy làm vui lưu lại chơi săn bắn.

– Uổng quá, hôm nay cháu đi không dặn trước ở nhà nên thể nào cũng phải về. Nhưng chỗ anh em còn nhiều khi khác.

Bà Nghè còn mời mọc:

– Tuy vậy thầy cũng ở lại chơi dùng một bữa cơm trưa với chúng tôi, chiều tối mát trời rồi hãy về.

Trang không lẽ chối từ, liền cảm tạ:

– Cụ đã quá yêu mà dạy thế thì cháu xin vâng ạ.

Oánh mới đứng dậy dẫn Trang đi xem trong nhà. Trang từ khi ở ngoài đi vào, thấy cảnh vườn tược nhà cửa mỗi mỗi đều tấm tắc khen ngợi. Các căn phòng diêm dúa tinh sạch bài trí theo kiểu Tàu và dùng rất nhiều đồ Tàu.

Ở phòng khách, bộ xa lông trắc mặt cẩm thạch, kiểu ghế vuông vức cứng cỏi đặt trên nền lát gạch hoa, phía trước có chắn cái bình phong bốn cánh bằng gương vẽ mẫu những chuyện cổ tích lý thú, hai bên cái bình phong để hai cái chân voi cao độ bốn tấc Tây trên dưới đều cạp đồng; trên trần thòng xuống ba cây đèn bảo cái, đĩa nến bằng pha lê, ngay trên khung cửa thông vào chỗ thờ có treo một bức hoành phi cẩn những hình tứ linh ghép lại thành ba chữ "Phước Lộc Thọ"; nơi mấy góc thành lại chưng vài cái ché sành cỗ rạng hay một cặp ngà voi, hai bên vách, từng cặp sừng bò tót hay ít cái đầu nai trê có gác những thanh gươm trường chuôi bạc, treo đối diện nhau; ở một góc phòng lại có cái sập gụ, ý chừng để tiếp khách đàn bà.

Tả hữu phòng khách đều có cửa, một bên thông qua phòng ăn, một bên thông qua phòng đọc sách của Oánh. Mấy căn phòng nầy mỗi cái đều chưng dọn theo một mầu riêng, nhưng cũng đều lịch sự trang hoàng, lại từ các bức họa, liễn đối, đồ sành, đồ thêu đều có cái khí vị Tàu cả. Nhờ nhà rộng lớn nên chia ra rất nhiều phòng, mà cái nào cũng quãng mạc. Đi qua một dẫy hành lang lại đến cái nhà sau một tầng, chia ra nhiều gian, phần dùng làm nhà bếp, phần làm kho chứa sản vật thu được trong năm. Ngoài xa nữa là chuồng trâu bò, lợn, chuồng thỏ, chuồng gà và tàu ngựa.

Oánh lại đưa Trang ra đằng trước xem và cắt nghĩa:

– Đất ở đây trồng trọt cũng khá, người các miệt nầy họ thấy những đất hoang nào có cây muồng mọc thì biết rằng chỗ ấy khai khẩn được.

Hai người đã ra đến ngoài sân.

Diễm Dương Trang là một sở vườn rộng ước ngoài năm chục mẫu, cây cối um tùm. Từ ngoài ngõ đi vào, con đường dài độ ba trăm thước. Phía mặt trước trồng nhiều nhất là cau với chè, ngoài

ra lại rất nhiều thứ cây khác: chuối, dừa, đu đủ, mít, xoài, vải, nhãn, vân vân. Khoảng giữa, chừa một cái sân rộng có mấy sào. Trong sân có đào một cái hồ thả sen, hình bầu dục, rẽ con đường đi vào nhà làm hai; giữa hồ nhô lên một ngọn núi giả, đắp rất thần tình: có chùa, tháp, nhà trại, đường đi, sông hói, có ngư ông, tiều tử, lại có hang cho lũ chuột tàu chen chúc đuổi nhau suốt ngày. Đi vào núi có hai cái cầu gỗ.

Từ mặt hồ đi qua bên tả chừng hai chục bước có một cái bàn thờ rời, xây như hình chữ đột, trên cái cái trang nhỏ lợp ngói, dựng lên như một cái bình phong lớn; những giây lăng tiêu chằng chịt bám vào hai bên thành. Lại từ mặt hồ qua bên hữu cũng chừng ấy bước là một cái nhà bát giác toàn sơn lục, lợp ngói men xanh, cất trên cái nền cao, chung quanh làm từng cái giàn xuôi theo mái cho mấy cây cẩm bình phong và lý dạ hương leo vào; trong nhà cũng có một bộ xa lông bằng mây, lại có sẵn đàn và sách. Hai bên mấy con đường qua lại trong sân, để chừa từng đám cỏ xanh tốt trông như những tấm thảm lục lìa.

Khách ở ngoài đi vào, qua khỏi mấy chỗ trên nầy là đến tòa nhà chính rộng lớn hai tầng. Kiểu nhà làm rất giản dị, tuyệt không một nét tô vẻ hoa hòe, nhưng trông súc tích, kiên cố như đục vào một khối đá khổng lồ; đứng sững, tranh vanh có vẻ oai nghi, ngạo nghễ như khinh thường các cơn gió bão, dù dữ dội đến bực nào. Tầng trên làm thụt vào để thừa phía trước một cái đài rộng, dùng làm chỗ ngồi chơi và chỉ bầy năm bảy chậu hoàng lan, cẩm trướng. Ở ngoài thềm bước vào dưới hiên, ngẩng đầu lên sẽ trông thấy treo áp vào vách một tấm biển đồng đề ba chữ "Diễm Dương Trang".

Ngay trước mặt nhà là cái bồn tròn, chu vi có thừa trăm bước; ở giữa bồn trồng một cây khốc liễu, từ gốc cây nầy trở ra lại có nhiều hàng cây hoa khác: mai vàng, mai trắng, trạng nguyên, hải đường, tử vi, oanh trảo xếp thành hình một cái ngôi sao, mỗi đầu khến lại có một cây thiên tuế; rồi quây quần chung quanh những cây lớn nầy nào quì, mộc, hồng quế, tường vi, nhiếp trước đào, thập tỉ muội. Hai bên cái bồn tròn lại còn nhiều khóm trúc, bụi ngâu, sắp thành hình những con rùa, con hạc. Giữa cái phong cảnh ấy, một bầy chim nuôi thả tự do, bay nhảy hót mừng, chòng ghẹo nhau, mơn trớn nhau làm cho cảnh đã hữu tình lại thêm phần linh hoạt.

Trang ưa mắt, khen ngợi:

– Thật là một cảnh Bồng hồ!

Oánh cười bảo:

– Tôi đã biết mà, các ngài thi sĩ thế nào cũng được vừa lòng. Bận sau anh có lên đây hãy ở lại cho được nhiều ngày tha hồ mà ngâm vịnh.

Oánh lại dắt khách ra đằng sau xem. Sau nầy mới trông qua rõ là cái phong vị một nơi đồng áng: trên khoảnh đất rộng bát ngát trồng rặt là khoai, đậu, sắn, cà và các thức dưa. Thỉnh thoảng lại có một cái lùm cây bàng, cây kén, hoặc cây mù u đột khởi lên, năm ba anh điền tốt hút điếu cày ngồi dưới gốc nghỉ mát.

Chủ nhân chỉ mấy người đó mà rằng:

– Cái rẫy này cũng khá rộng. Cho nên tôi phải dùng năm một lượt trên vài chục người, tuy hoa lợi kể cũng khá, nhưng cứ xem đó, của ruộng đắp bờ, rồi cũng chưa lại vốn. Nhưng nhờ đông người thế mà mới không đến nỗi buồn và ban đêm đủ tay canh gác. Cốt ý chúng tôi là cốt làm cho chỗ đất hoang vu nầy trổ nên làng xóm được, dầu khó nhọc cũng không nề hà gì. Từ thầy tôi lên đây đến nay đã có gần bốn chục năm rồi, đang lúc ấy chưa có một mống cây nào cả. Thầy tôi có bao nhiêu của nhà đều đem ra khai thác liền thấy có hiệu quả tốt ngay. Sau thầy tôi mất, tôi lại nối gót làm thêm nên mới được như vầy. Khí hậu trên nầy tuy không được tốt lắm, nhưng lâu ngày rồi quen, và lại nước uống cũng hiền.

Oánh chỉ những cái giếng sâu hoắm đào từng chặng đường cho bạn xem rồi lại đưa Trang lên trên một cái vòm canh ngó mông xuống dưới đồn điền thấy cây cỏ xanh um mặt đất.

Trang vỗ vào vai bạn:

– Đẹp quá anh nhỉ!

Trong đôi mắt chủ nhân thoáng qua một vẻ tự hào:

– Theo ý tôi thì cũng chưa đủ gì, nhưng dẫu sao, cái rẫy nầy đối với tôi vẫn có một mối tình mật thiết vì nó là một thiên lịch sử kể lại bao nhiêu cái công trình khai phá của thầy tôi ngày trước. Thầy tôi có bắt đầu, chúng tôi mới dám làm theo.

Hai người lại bước xuống đi vòng quanh một đỗi xem mấy chuồng nuôi thú. Trâu, bò, dê đều đi ăn vắng cả. Trong từng cái cụi cao hỏng mặt đất chừng nửa thước tây có hàng mấy trăm con thỏ hiền lành nhút nhát nằm lặng lẽ ăn lá bìm bìm. Oánh chỉ vào một cái trại nuôi gà nói:

– Trước đây tôi nuôi có mấy nghìn con gà, trứng bán chạy lắm, nhưng độ nầy phải cái nạn chồn cáo nó làm hại rất nhiều. Tôi chỉ nhờ mấy con chó săn chó không thì cũng không lấy gì trừ cái nạn đó cho được.

Trang thấy Oánh để tay lên miệng huýt một hồi. Một bầy chó chừng mười bốn mười lăm con ở đâu trong nhà bếp chạy vụt ra nhẩy lồng lên chung quanh hai người. Oánh vuốt ve chúng nó, kêu tên từng con một rồi lại khoác một cái, mấy con vật đã nhất tề chạy về chỗ cũ.

Trang vỗ tay reo cười:

– Ồ! anh khéo dạy quá!

Chủ nhân cũng đáp lại một nụ cười mà rằng:

– Ấy, vì anh không thích, chớ như chúng tôi ở trên nầy chỉ có thú đi săn là tuyệt! Nhưng có khi không cần phải đi, ban đêm hễ có lợn lòi đến ăn khoai ra rình bắn là được.

Ngọn nắng nghe đã hơi gắt, hai người thẩy đều đổ mồ hôi bèn rủ nhau trở về tìm đồ giải khát. Đoạn lại cùng ngồi nói chuyện nhà.

Trang bấy giờ mới biết rằng ông Nghè Thuyên xưa, dù là một nhà tấn sĩ xuất thân, nhưng vì tánh tình phóng khoáng quả hợp lại gặp thời buổi khó khăn sợ liên lụy đến mình nên chẳng chịu ra làm quan; lại nhờ nhà có tiền của nên mới trưng sở đất ấy mà lập nghiệp. Trước, chỗ ở còn là cái nhà rường, ông Nghè đặt tên cho nó là "Diễm Dương Trang". Đến sau ông qua đời rồi, Oánh làm ăn mỗi ngày mỗi phát đạt thêm lên mới bỏ cái nhà ấy đi mà cất lại sở lầu mới bây giờ, nhưng cũng vẫn dùng cái tên cũ.

Chuyện văn hồi lâu, không ngờ đã gần đúng ngọ. Người đầy tớ là chú Thỏ bước lên nói rằng cơm nước đã dọn xong. Trang vâng lời Oánh theo chân bạn đi qua phòng ăn, bà cụ Nghè ngồi chực đó liền nhũn nhặn đứng lên mời:

– Ở đây quê mùa, đi lại chỉ vài thức rau rán, đã là anh em thân thiết xin thầy cứ thật tình cho.

– Chết nỗi! Chỗ con cháu trong nhà cả, xin cụ chớ phiền hà. Trang vội vàng đáp thế.

Nga và một người đàn bà khác nữa ở buồng bên cạnh cũng vừa bước ra, mỗi người dắt một đứa bé.

Oánh giới thiệu:

– Đây, nhà tôi và hai cháu, thằng Tý và con Ngoan.

Chào hỏi nhau xong mọi người mới ngồi vào cầm đũa. Vợ Oánh là một người vào lối ba mươi tuổi, thâm thấp, béo gói, nước da trắng mịn, có vẻ hiền lành lại ít ăn nói.

Bữa cơm ấy rất vui vẻ, nhưng người sướng nhất lại là ông khách thiếu niên. Nga thấy Trang vui như chay, ứng đối rất lưu hoạt, khác hẳn với ngày dự tiệc với ông Cửu Bạch và ông Tham Hồng.

Những món ăn mà bà cụ gọi là quê mùa, Trang thấy nó chỉ quê ở nơi mấy bát canh rau tập tàng, đĩa dưa gang bóp muối, măng kho, rau muống xào, còn ngoại giả mấy món cá thịt, chả tôm, nem chạo nướng, vịt tần ngũ vị lại toàn là dinh đặc. Nhưng về phần Trang, vừa đi quanh rẫy một vòng bụng đã lưng lửng, nay lại được ngồi trước mặt ý trung nhân thì dẫu gì đối với chàng mà không là hào soạn. Nên chàng đã nói là thật tình lại càng thật tình riết.

Nga tuy ngồi cả buổi chẳng hề mở môi, nhưng cứ thỉnh thoảng mượn cớ đưa thức ăn cho hai đứa bé mà đẫy thêm vài món cho chàng, những cái cử chỉ ân cần ấy dù nàng muốn nó tự nhiên bao nhiêu cũng không tài nào lọt qua mắt ông khách đa tình kia được.

Bỗng bà cụ cơ là hỏi:

– Thầy còn định nghỉ bao nhiêu lâu?

Trang lo lắng rằng trước con mắt mọi người, chàng là một kẻ ăn không ở nể, chớ ai hồ dễ biết cho chàng chỉ vì Nga mà khươm lượm, vậy chàng muốn nhân dịp ấy dọ tình ý Nga luôn thể bèn trả lời rằng:

– Số là cháu định đi liền trong tháng này, nhưng bà thân cháu còn bảo nán lại để bàn một chút việc nhà.

– Chừng câu chuyện tiểu đăng khoa thì phải! Oánh giả cách pha trò.

– Anh đoán quả không sai!

Oánh cười hà hà:

– Nếu vậy để tôi rót một chén rượu mừng cho đôi bên trai tài gái sắc.

Bà cụ cũng cười rè khen phải.

Trang đưa mắt nhìn Nga thấy nàng bỗng tái mét, mấy đầu ngón tay cầm đũa hơi run. Nga cũng vừa ngước mặt lên, bốn mắt gặp nhau, hai người đều có vẻ bối rối.

Nhưng sợ bạn trông thấy, Trang vờ vui vẻ dằn tay Oánh lại:

– Anh hãy thong thả đã nào, tôi đã nói gì đâu mà chúc mừng vội thế? Nghĩ như tôi bây giờ, ăn làm chưa ra sao, kiếm vợ là một sự khó, huống chi thời buổi nào người ta không chuộng kẻ có công danh, mình là một anh chàng vô chức phận thì mong gì ai chịu làm thông gia với. Còn một đôi chỗ họ có lòng tốt yêu đến thì lại vô duyên thế nào, con gái họ mình không thể nhận làm người bạn trăm năm được.

Trang dừng lại một lát, ra chiều nghĩ ngợi.

Bà Nghè thấy thế vỗ về rằng:

– Chà, chỉ tại các thầy già kén lắm nên mới bảo cho có cớ rằng thiên hạ khó dễ nầy kia, chớ như theo tôi biết thì chỗ thầy là nhà lễ nghĩa xưa nay, nếu họ không đành thì còn đòi bực nào nữa. Còn nói danh phận thì cậu Hai tôi đó lại có gì, mà nào ai bảo nó không có vợ con.

– Quả cháu không hề kén chọn, bất luận là hạng nào cháu chỉ cần một kẻ tương thức thôi.

Trang nói thế lại liếc nhìn Nga thấy mặt nàng đỏ hoẻn, liền thích chí, tiếp ngay rằng:

– Một người hiền lành, ngay thật có thể giúp cho cháu theo đuổi được chí nguyện mình.

– Nhưng một người như thế, bà cụ nói, thầy tưởng có tìm được không?

– Cháu chắc là có lắm.

– À, nếu vậy thì càng tốt, hãy để dành rượu đó khi nào thầy kiếm được người vừa ý nói cho chúng tôi biết để chúng tôi mừng cho!

Ai nấy đều cười.

Ăn uống xong rồi, Trang còn tự bảo rằng có lẽ hôm ấy chàng đã dùng bữa cơm ngon nhất trong đời chàng.

Oánh đưa bạn về phòng nghỉ.

Đến hai giờ chiều hai người lại rủ nhau ra nhà bát giác chơi uống nước chè tàu. Nằm vắt vẻo trên ghế xích đu đàm luận với nhau một hồi, bỗng Oánh nảy ra một ý hay mà rằng:

– Anh có muốn cỡi ngựa đi dạo quanh núi một vòng không?

Trang nghe nói đến ngựa vừa ý, cả khen:

– Như vậy thì thú lắm!

Oánh vào thay quần áo gọn ghẽ rồi bảo Chồn và Thỏ đi thắng ngựa. Một lát, Trang thấy hai chú ấy đem ra trước sân một cặp bắc thảo phi tráng, hai con vật bị tù túng lâu ngày nay được tra yên vào cứ dậm cẳng hí liên thanh.

Mấy người đàn bà trong nhà nghe tiếng đều kéo nhau ra xem. Bà Nghè sợ Trang không quen cỡi ngựa bèn tỏ ý lo ngại. Trang cũng thú thật với Oánh rằng:

– Tôi tuy có biết cỡi nhưng thật chưa lành nghề.

– Không sao, anh có ngại thì cứ cỡi con Bạch Yến nầy vì nó đã thuần lắm để con Phi Hồng cho tôi.

Đoạn hai người mới nhảy thót lên yên, con ngựa bạch nghe hơi người lạ lồng lên mấy cái làm cho Nga cả sợ, nhưng chỉ giây phút thấy con hồng đã giành đi trước nó cũng phóng bốn vó ruổi theo. Ra khỏi cổng, Oánh liền gò cương, cho cặp ngựa chạy song song với nhau. Khoảnh khắc, đến chân núi, hai người cùng để ngựa thủng thẳng đi lên mà nói chuyện.

Ở trên cao trông xuống thấy Diễm Dương Trang ba mặt núi bao như nằm trong một cái thung lũng. Cỏ cây chưa đến ngày tàn cỗi còn phô lắm mầu rực rỡ, từ mầu lục thẫm cho đến màu vàng

non. Dưới xa là đồng bằng, cát trắng, hiu quạnh, mênh mông. Xem chán mắt, hai người mới chịu quay ngựa trở về. Xuống đến đất liền, ngựa thấy nới cương liền tha hồ phóng nước đại. Một hồi, đã đến sân, thằng Tý ở đâu trong nhà chạy ra, chưa kịp ai gọi lại, con ngựa bạch muốn tránh nó bỗng nhảy tràn một cái về bên tả làm Trang không đề phòng liền ngã nhào xuống nằm sóng sượt trước thềm.

Nga rú lên một tiếng, quên cả sự e dè vụt chạy ra toan đỡ chàng dậy. Oánh vừa nhảy xuống ngựa cùng cả nhà sợ hãi đổ đến xem. Nhưng Trang đã lồm cồm đứng dậy cười ồ.

– Chết chửa! Có hề gì không? Mọi người đều hỏi thế.

– May quá, chẳng việc gì, chỉ đau xoàng hai đầu gối và lòng bàn tay thôi.

Trang tuy nói vậy, nhưng hai chân khập khiễng, đứng phủi quần áo lấm bẩn muốn không vững. Nga nhác thấy hai ống quần chàng hơi rướm máu bèn tỏ ra vẻ lo sợ chỉ cho chàng. Người thiếu niên cảm động, sung sướng quá cũng quên đau, gượng đi đứng mạnh bạo mà rằng:

– Không sao cô ạ, nếu té vào bệ thềm thì có lẽ không còn đời. Cái té nầy cũng như lằn roi của thầy học, có nhiều bận té đau rồi mới trở nên người thiện kỵ như anh Hai.

Nhưng chàng cũng vâng lời Oánh vào nhà rịt thuốc và nằm thẳng chân ra nghỉ. Vợ Oánh kéo thằng Tý vào buồng bên cạnh tát cho nó một cái nên thân. Trang nghe tiếng thằng bé khóc nghĩ nó bị đòn oan, hơi thẹn và thương hại cho nó quá.

Chiều lại chàng ngỏ ý muốn về, bà cụ chẳng cho, nói:

– Không nên đâu, đường xa lắm, thầy hãy nán lại đến mai.

Oánh cũng bàn thiệt hơn cầm lại:

– Máu chưa được tản mà đi đứng thì bất tiện lắm.

Trang nghĩ mình vô cớ đến làm phiền nhà bạn, rất lấy làm ái ngại:

– Thật chẳng có việc gì mà làm nhọc lòng cụ và anh quá. Vả chiều tối rồi, không về thì chắc là dưới tôi trông chờ lắm.

Biết không cầm được, Oánh nói:

– Cái đó cũng tùy anh, thôi để tôi cho người lái xe đưa anh về vậy.

Trang không bằng lòng, trách bạn:

– Nếu anh còn bày chuyện thế thì sau tôi chẳng còn dám lên. Anh còn ngờ tôi sao, tôi đã nói là không có việc gì cả kia mà.

Chàng nói thế rồi vội vàng đi lấy mũ đến trước bà cụ cáo từ:

– Bẩm cụ thế này là không phải lắm, nhưng lỡ đi không dặn trước ở nhà, hôm nay xin phép cụ cho cháu về đã.

Bà Nghè bất đắc dĩ phải gật đầu mà rằng:

– Thật tôi ngại cho thầy quá. Cũng chỉ tại anh Hai nó khéo bày điều.

Trang chào hai vợ chồng Oánh rồi thấy Nga đứng trước thềm liền bước ra nói:

– Tôi xin chào cô.

Lại nói khe khẽ rằng:

– Và cám ơn cô lắm.

Nga buồn bã, gượng cười:

– Không dám, xin thầy hãy coi chừng đường sá.

Trang cõi lên xe đạp cố đi thật mạnh mẽ cho mọi người yên bụng.

Ra khỏi cửa, chàng bỗng nghe tiếng tù và thổi trong đồn điền, giục giã mấy bầy thú về làng. Chàng trong lòng bấy giờ, nhớ người, mến cảnh, bùi ngùi ngoái cổ lại xem còn trông thấy mấy đọt cau le te và đầu dặng núi tây mặt trời chiều đỏ ối...

Chàng có ngờ đâu lúc bấy giờ Nga đã mon men ra tận ngoài bờ rào ngó vọi theo mình. Thấy chiếc xe chàng lượn lên lượn xuống trên con đường khúc khuỷu, Nga chợt nghĩ rằng bao nhiêu sự mệt nhọc ấy có lẽ chỉ vì nàng, bắt nàng xôn xao, nửa mừng nửa chạnh.

Mãi đến khi xe chàng đã khuất, Nga vời như trông chỉ còn thấy vài làn khói trắng lên nghi ngút đằng mấy cái thôn lạc xa xa thì nàng mới buông một tiếng thở dài.

3.

Từ đó, cứ bốn năm hôm là Trang lại tìm đến thăm Nga một bận. Trang vẫn biết cái cử chỉ của chàng như thế dễ khiến cho người ta sanh nghi, nhưng vắng mặt Nga chốc lát là chàng cũng lấy làm băn khoăn, khó chịu, vậy mà phải bóp bụng chờ đến bốn năm hôm đã là một sự bất đắc dĩ lắm. Sau khi hứa với mẹ tính cho xong chuyện hôn nhân mình thì chàng nghĩ rằng chỉ còn một nước tìm Nga họa may trời có chìu lòng vậy. Lúc đầu ở Diễm Dương Trang về cố nhiên là chàng hí hửng như Ngô được vàng. Trang mừng được gặp Nga đã đành, nhưng một điều làm cho chàng sung sướng nhất là thấy nàng sáng sớm đã xách giỏ đi hái chè, như vậy thì nàng không phải chỉ là một cô gái phong lưu, ngoài sự tô son điểm phấn ra, không còn biết mảy may công việc gì nữa. Nhưng cũng liền đó Trang nhận thấy cái cảnh nhà mình còn kém sút người ta xa mà không khỏi lấy làm chán ngán. Sự cầu thân dối với chàng hầu như là một sự không gì vô lý bằng. Dẫu biết bà Nghè Thuyên và Oánh xử với chàng rất tốt, nhưng bao nhiêu cái tốt ấy là bấy nhiêu cái trở ngại cho chàng. Nếu chàng ngỏ ra một tiếng gì, thì tự hồ như chàng là kẻ lập ý đánh lừa người ta. Phải, chàng mặt mũi nào mà mở miệng cầu hôn được? Đã có khi Trang tính đem câu chuyện ấy ra bàn giải với mẹ song chàng còn sợ rằng làm thế khí nôn nả quá. Vì chàng quả quyết rằng một chỗ như bà Nghè hễ nói ra khi nào thì tất là mẹ chàng ưng thuận ngay. Rồi Trang lại cứ thỉnh thoảng đi đi về về, phú cho sự tình cờ quyền kết liễu. Từ chỗ ở chàng đến Diễm Dương Trang, chàng thuộc làu các khúc đường như có sẵn một bức đồ trước mắt: từ cái giếng cạn bên đường, cái hàng bán nước, cho đến những nơi quanh quẹo, những giốc lên xuống, chỗ này có cái ụ, chỗ kia có cái chùa. Nằm nhà, cái công việc độc nhất của chàng là cõi con ngựa sắt đến thăm Nga. Mà mỗi bận đi thăm như thế, Trang đều nhớ mang theo một vật ăn gì làm của tặng, hoặc mua cho thằng Tý gói quà hay món đồ chơi. Thành thử chẳng bao lâu, ai nấy ở Diễm Dương Trang cũng đều coi chàng thân mật như người nhà. Có hôm Oánh đi khỏi, thì Trang lại kiếm người yêu, lân la nói chuyện.

Về phần Nga, ái tình như một môn thuốc tiên đã lãnh cái trách nhiệm chữa cho tấm lòng thương tổn của nàng và có phần đắc lực. Nga bỗng đổi hẳn tánh nết: trong nhà ai nấy đều nhận thấy rằng nàng tự nhiên lìa bỏ cái thái độ lạnh lùng mà nàng cười nói như hồi mấy năm trước, hai má nàng lại mơn mơn hồng hào, thể chất nàng lại dần dần bình phục. Có khi Nga như đứa trẻ con thơ ngây, ngoan ngoãn, vì nàng đã hy vọng rằng ngày trời còn lắm buổi bình minh, cái tương lai hãy còn nhiều mối hẹn hò tốt đẹp. Trong nhà, ai cũng lấy làm lạ mà nhất là bà cụ rất đẹp lòng.

Nhưng cặp thiếu niên cứ thỉnh thoảng được trông thấy nhau thì đã lấy làm mãn nguyện lắm rồi, chưa hề có thổ lộ cho nhau một câu chuyện gì khác. Trước Trang hằng mong có dịp mà cởi phắt tấm lòng ra cho Nga biết, nhưng dịp ấy đến chàng lại đổi ngay ý kiến. Trang tự bảo rằng cái hạnh phúc nó đến như thế nào thì cứ vậy mà hứng lấy nó, chẳng nên vội vàng, không khéo lại hỏng mất cả. Chẳng qua chàng từng thất bại rồi cho nên sanh ra dè dặt, muốn đi từng bước chậm mà chắc chắn, một là để cho Nga có đủ thời giờ biết chàng, thứ nữa để lập công với nàng cho nhiều đã. Trong một cuộc thương yêu, kể từ khi bắt đầu cho đến khi kết liễu, cái đoạn nhiều thi vị nhất, chẳng là trong lúc cả hai bên đều biết bụng nhau mà vẫn chưa thú thật với nhau rằng mình yêu sao?

Một hôm, Nga đương ngồi thêu trước cửa sổ. Trang bước lại gần xem thấy tay nàng cầm tấm đoạn xanh thêu một cái nhành mai trên có con chim yến đậu. Trang tò mò gợi chuyện:

– Cô khéo đủ mọi bề, nhưng sao chỉ thêu có một con chim?

Nga mỉm cười hỏi lại:

– Vậy thầy muốn mấy con?

– Theo ý tôi một nhành mai với một con chim, nó chỉ mới có cảnh mà chưa có tình, tưởng cô làm ra cũng phải cho là thiếu thốn. Giá thử làm được một đôi chim giao đầu lại với nhau thì có lẽ thêm được nhiều tình tứ.

Nga thấy anh chàng đa sự bỗng nảy ra một ý nghĩ, nói đùa;

– Thì trước đây nó cũng một đôi như thế, nhưng một con vừa mới bay đi rồi. Con chim nầy là con chim lẻ bạn...

– À có vậy chứ! Hay là chỉ có cô tài biện bác?

– Tôi đâu dám biện bác với một nhà thi sĩ!

Trang dè chừng rằng Nga muốn đem chuyện chim ra mà ví nàng với người yêu cũ, bèn lại nói:

– Vậy bây giờ thay vào một con khác có được không, cô hè?

– Có gì đâu mà không được.

– Vâng, tôi biết là cô khôn khéo lắm. Vậy cô hãy nghe lời tôi thử xem. Kìa cô trông thấy chưa, con chim ấy nó còn có một mình nên nó rủ lông cánh ra đó kìa. Tội nghiệp.

– Con mắt thầy thấy nhiều chuyện thật. Nhưng là nói thế mà chơi, chớ thay vào lại chẳng phải con chim trước nữa rồi...

– Không hề gì đâu, nào cô cứ thử xem, chắc là nó cũng không khác gì con trước mấy.

– Sao thầy biết được?

– Tôi dám cam đoan như thế mà. Mà cho dẫu không giống hẳn thì cũng na ná và còn hơn là để con nọ lẻ loi hoài.

Hai người cứ nói cái giọng nửa thật nửa đùa ấy, đến đó đều im bặt. Mỗi bên đều theo đuổi một cái ý nghĩ xa xôi, nhớ lại một cái duyên cũ bẽ bàng...

Không ngờ cái câu chuyện cỏn con ấy lại làm cho Nga giằn giọc một đêm trường, không ngủ được. Nàng lấy làm đau đớn mà nghĩ rằng mối tình của nàng đối với Thạch đã phai nhạt đi nhiều. Nàng thường bảo rằng ở trên cõi đời tội lỗi, hữu hạn nầy, may còn có một chữ tình là thiêng liêng, bất diệt. Thế mà nàng, người nói ra câu ấy, chỉ trong vòng mấy năm trời đã quên được bao nhiêu lời thề thốt sắt đanh! Nhưng Thạch có thấu cho cái cảnh cô độc của nàng mà tha thứ cho nàng không? Bỗng hình ảnh Thạch hiện ra trước mặt nàng, Nga hổ thẹn, nằn nì như một người phạm tội. Không ngờ Thạch lại đến vuốt ve nàng, phủ úy nàng nên mạnh bạo vì sự sống mà yêu một người có thể thay mặt chàng rất xứng đáng. Nga cảm phục quá, nức nở khóc, chưa kịp kiếm lời thâm tạ lòng tri kỷ thì Thạch đã biến mất rồi. Nga choàng dậy mới biết rằng mình nằm mơ, nhưng từ đó thì nàng hơi yên dạ. Trước khi buông tha cho nàng,

mối tình cũ còn khiến nàng trải qua một trận đánh với lương tâm, cuối cùng, khốc liệt.

Cũng từ hôm ấy nàng mới có phần thân mật với Trang hơn.

Còn bên người thiếu niên, cứ thường thường kiếm cớ bỏ nhà ra đi khiến cho bà Thị Tốn phải lấy làm ngờ vực. Con bà thường không hay giao thiệp bạn bè và ở nhà cũng không thấy ai lui tới. Hỏi cậu Biền và cô Nghi thử có nghe chàng nói chuyện đi đâu không, nhưng hai người cũng đều không biết.

Hôm ấy, có bà Khóa Đôn sang chơi hỏi thăm Trang lại nhằm khi chàng đi vắng. Bà Thị liền kể cho nghe rằng:

– Chẳng biết lâu rày nó đi đâu thế luôn, lần nào cũng tối ngày, hỏi thì nó cứ bảo là đi chơi, không chịu nói gì rõ cả.

– Ý chừng thầy ta xa nhà lâu ngày đã tập nhiễm thói chơi bời lêu lổng gì rồi đó cũng nên! Bà Khóa tỏ ý lo ngại.

– Không, điều đó thì tôi chắc là nó không có, vả tiền nong gì của nó cũng giao cho con Nghi cất, thì lấy đâu mà rượu chè, cờ bạc hay là ong bướm.

– Chà, các thầy ấy bây giờ họ mưu mẹo lắm, đã biết đâu chú hắn gởi tiền như thế chẳng là để cho người ta đừng có sanh nghi?

– Cũng có thế thật, nhưng nói cho đáng thì nó cũng chưa đến nỗi ấy đâu.

Lúc ấy, hai bà thấy thằng Cồ đứng gần đó để tai nghe chuyện và cứ chúm chím cười.

Bà Thị liền chỉ vào mặt nó mà rằng:

– Chắc thằng nầy nó có biết cái gì đó.

Thằng bé con nghe hỏi đến có vẻ dương dương như một người vừa nghe lỏm được cái tin tức gì quan trọng.

– Cậu mầy đi đâu thằng kia? Bà Khóa Đôn hỏi nó thế.

Thằng Cồ còn lấm la lấm lét, hai tay xoa cái cột:

– Bẩm bà, con sợ cậu con về thì cậu con đánh chết!

– Ai nói với cậu mầy làm gì, mà dẫu cậu mầy biết thì đã có tao và bà ở nhà đây.

– Nhưng con cũng chỉ đoán chừng thôi, chớ không dám chắc.

– Ừ, thì đoán thế nào, cho mầy cứ nói nghe thử?

– Có lẽ cậu con lên trên bà Nghè.

– Bà Nghè nào?

– Con chỉ nghe người ta gọi thế thôi chớ tên gì thì không biết.

– Nhưng mà bà ấy ở đâu?

– Cái đó con cũng không được biết.

– Thế thì mầy biết cái cóc khô gì?

Bà Khóa Đôn cười khanh khách, day lại nói với em bà:

– Đi hỏi đồ ấy thật vô ích, chủ tớ gì nó mà khéo giống nhau, đều ngơ ngơ như ngỗng đực!

Bà Thị Tốn không cho thế là phải, nói rằng:

– Nhưng nó cũng có biết thế nào nó mới nói như vậy.

Bèn hỏi lại thằng bé con:

– Vì cớ gì mà mầy biết là cậu mầy đến nhà bà Nghè ấy? Có quen biết đâu rồi phải không?

Thằng Cồ vừa bị mắng muốn tỏ ra rằng nó không phải là một đứa ngu đần gì bèn hăm hở nói:

– Bẩm bà, tuy con không biết tên và chỗ ở của bà ấy, nhưng chuyện nhà bà ta có dính líu với cậu con thế nào thì con lại biết rành rẽ lắm. Nguyên cậu con cũng chỉ làm quen với bà ấy chừng vài tháng đây thôi, từ ngày nghỉ mát ở Mỹ Khê, vì cậu con là bạn thân với con trai bà ấy. Bà Nghè lại có một cô con gái là cô Nga.

Bà Thị Tốn nghe nói đến đó, nháy bà Khóa Đôn mà rằng:

– Chị thấy chưa, tôi đã nói là thế nào cũng có chuyện. Nhưng hãy nghe nó nói:

– Cô ấy người rất đẹp mà lại nết na, cứ chiều chiều hay gặp cậu con ngoài bãi bể. Vì hay đi lại chơi với người anh nên thành ra cậu con quen với bà Nghè. Ban đầu con cũng tưởng là cậu con lui tới thăm viếng vậy thôi chớ không ngờ là cậu con lại có tình với cô con gái bà ấy.

Bà Thị ngắt lời hỏi:

– Mầy nói có đầu đuôi đó, nhưng mầy làm thế nào mà biết.

– Chính cậu con nói với con thế. Mà nhất là từ hôm bà Nghè dọn về Huế rồi thì cậu con buồn bực lắm.

– Bà Nghè người như thế nào?

– Cũng giạc gần sáu mươi tuổi, nhưng người béo tốt và đi đứng còn mạnh mẽ, con lại nghe nói bà ta giàu có lắm.

Bà Khóa Đôn cúi đầu ngẫm nghĩ một lát rồi hỏi rằng:

– Còn người con trai tên gì?

– Nghe cậu con cứ chào là anh Oánh. Còn người nhà thì lại gọi là thầy Hai.

– Người phốp pháp lớn hơn cậu mầy chừng mươi tuổi và làm nghề thầu khoán có phải không?

– Bẩm chính thế.

Bà Thị vội vàng hỏi bà Khóa:

– Sao, chị có biết nhà ấy sao?

– Khoan đã, dì để tôi hỏi nó thêm một câu nầy nữa đã.

Bà Khóa trả lời thế rồi lại hỏi thằng Cồ:

– Mầy có nghe người con gái ấy là con thứ mấy của bà Nghè và có chị em nào nữa không?

– Bẩm hình như có mấy người chị đã gả đi lấy chồng còn cô ấy thì là con thứ tư và là con út nên xem chừng bà cụ cưng lắm. Con lại nghe rằng trước cô ta đã có người đi nói rồi, nhưng chưa đến ngày cưới thì rủi người ấy mất thành ra bây giờ cô ấy buồn mà không muốn lấy chồng.

– Thôi tôi biết rồi không còn nghi ngờ gì nữa.

– Ai vậy? Bà Thị hỏi.

– Bà Nghè Thuyên ấy mà. Tưởng là ai chớ chọn chỗ ấy thì khen cho chú thằng Cu tinh đời lắm đó. Nhưng chỉ sợ không xong chuyện gì vì của người ta nưng niu như ngọc ngà, dì ạ.

– Chị nói bà Nghè Thuyên nào mà tôi không được biết?

– Dì không biết cũng phải, bà ấy ở tận trên núi kia, nhà tôi có quen thân với ông Nghè buổi trước và thỉnh thoảng có lên làm

thuốc nên tôi mới rõ gia đình họ. Chỗ ấy thì thôi còn nói gì nữa, lễ nghĩa, đức hạnh, giàu sang đủ cả.

– Thật nghe chị nói mà tôi phát thèm!

– Mà không thèm sao được. Tôi tuy không hề biết người con gái bà ấy ra làm sao, nhưng đã từng nghe nhà tôi khen hắn nhiều lần lắm.

– Chẳng trách nào mà nó cứ lặng lẹ lặng tai đi luôn không hề nói gì với tôi cả. Tôi thấy lâu nay cứ nấn ná hoài không chịu đi kiếm việc làm thì lại thật thà tưởng là nó xa nhà lâu mà quyến luyến mình đó. Nhưng chẳng biết trên nhà ấy họ nghĩ như thế nào?

Bà Thị Tốn lại hỏi thằng Cồ:

– Thế nhưng mà cô ấy có tình ý gì với cậu mầy không?

– Bẩm con lại không biết điều đó rồi. Mà ý chừng là cậu con chưa hề nói với cô ta một lời gì cả.

– Thôi được, cho mầy đi ra ngoài chơi đi.

Thằng bé con đi ra rồi, hai chị em bà Thị mới bàn bạc cùng nhau.

Bà Khóa nói:

– Dì đã tính sao chưa, lát nữa chú hắn về có hỏi câu chuyện ấy không? Tôi tưởng bổn phận mình làm kẻ lớn trong nhà, như chú hắn đã ưng chỗ đó thì dẫu có hơi khó mình cũng phải nói giùm cho chú hắn một phen chứ sao?

Bà Thị mỉm cười, nói nhỏ lại:

– Mặc kệ hắn! Thằng ấy nó ngược đời lắm, đã muốn làm tài giỏi một chắc thì mình tội gì mà xum lo vào cho mệt. Được ra thì hắn khoe công của hắn mà rủi không xong thì hắn tất là đổ lỗi cho mình. Chỉ bao giờ thầy ta có chịu khẩn cầu đến rồi sẽ hay. Cũng chưa mất mát gì đâu mà sợ, của báu hắn thì hắn phải giữ gìn!

Cách mấy hôm sau, một buổi mai Trang đang ngồi ở nhà vong vóng trông chờ đến lần đi thăm khác, chợt nghe tiếng một cái xe ô tô dừng lại ngoài ngõ. Cậu Biền bước ra xem, đến bình phong liền có người hỏi rằng:

– Cậu cho tôi hỏi cái nầy, đây có phải là nhà cụ Thị không?

Trang ở trong phòng thoạt nghe biết ngay là tiếng Oánh, mừng rỡ chạy ra đón khách vào.

Oánh chưa kịp ngồi đã vội nói:

– Có cụ ở nhà không? Tôi muốn chào cụ trước.

– Có, mẹ tôi ở dưới nhà, anh ngồi chờ một tí để tôi xuống mời lên.

Trang vừa nói vừa sắp sửa đi xuống, nhưng Oánh chạy theo bảo rằng:

– Thôi đừng phiền cụ, nếu không ngại điều chi anh cứ để tôi theo anh xuống chào cụ cũng được.

Trang bằng lòng dẫn Oánh đi xuống, nhưng cũng vừa gặp bà Thị bước lên, liền vội vàng giới thiệu:

– Đây là thầy Hai, một người bạn thân với con.

– Chào ông vậy.

– Lạy cụ ạ. Và cháu cũng xin cụ miễn chấp cho vì anh em quen biết nhau lâu rày mãi đến hôm nay cháu mới đến hầu cụ được, thật là có lỗi quá.

– Xưa nay, chúng tôi lấy làm hân hạnh lắm mới phải chớ có đâu lại...

Hai bên chào hỏi nhau như thế, đoạn bà Thị mới mời khách ra nhà ngoài uống nước. Trong khi nói chuyện, Oánh tỏ ra là một người bặt thiệp, khiêm tốn lại rất thành thật khiến cho bà Thị cũng phải đem lòng mến phục.

Nhưng bà tịnh không hề hỏi đến chuyện nhà Oánh sợ Trang có nghi rằng bà biết việc gì rồi chăng.

Đến trưa, Trang muốn cầm bạn lại ăn cơm, Oánh liền vui lòng nhận lời ngay không có một chút khách tình nào cả. Sau khi Oánh ra về, bà Thị mới gọi thằng Cồ hỏi lại biết chắc ông khách ấy chính là con bà Nghè mà nó nói hôm nọ. Bà nghĩ rằng cứ xem một người như thế cũng đủ biết là gia huấn hoàn thiện đến bực nào và có ý mừng thầm.

Đến chiều hôm ấy, có bà Khóa Đôn sang chơi, bà liền đem câu chuyện ấy kể lại cho nghe, xong rồi lại tủm tỉm cười, ghé vào tai bà Khóa mà nói thêm rằng:

– Biết đâu là họ chẳng đi dò xem cho biết việc nhà mình, có phải không chị nhỉ?

4.

Một hôm chủ nhật vào cuối tháng chín, Trang cỡi chiếc xe đạp khoan thai đi trên đường Nam Giao. Lúc ấy cũng vào độ tám giờ, nhưng sắc trời âm u, hơi mai lành lạnh như vừa mới rạng đông. Cảnh cuối thu hôm ấy có cái buồn của những kẻ sắp chia tay, nhắc nhở cho người ta biết rằng những ngày nắng đã tàn mà chờ cho đến xuân về cùng còn phải qua lắm buổi mưa rào gió rạt. Một vài cây dương suông đuột hai bên đường rủ cành xuống như những cây cờ tuyết mao; xa xa, vượt lên sau mấy lũy tre xanh, mấy đọt cây bàng già cỗ đã lấm tấm điểm mầu vàng nhạt.

Nhưng cảnh thu tàn hôm ấy không đem lại cho Trang những cái buồn vơ vẩn như hồi mấy năm trước. Trang chỉ biết một điều là chàng sung sướng vì sẽ được gần Nga. Mặc cái khí lạnh bên ngoài. Trang chỉ nghe hơi nóng của ngọn lửa ái tình nhen nhúm trong lòng chàng thôi. Chàng nhớ lại lần nầy là thần thứ bảy thứ tám chi rồi mà chàng đến Diễm Dương Trang. Mỗi lượt là chàng lại gần Nga thêm một ít. Giây lâu, chàng sực nhớ đến một câu chuyện gì đã xẩy ra mà mỉm cười. Trang không có vẻ vội vàng, trái lại còn muốn cho xe đi chầm chậm để tưởng tượng đến cách mình gặp Nga hôm nay sẽ như thế nào. Ngót nửa tiếng đồng hồ nữa, chàng mới rẽ vào cửa Diễm Dương Trang. Đến sân, chàng thấy mấy chú gia đinh, khăn áo rất tề chỉnh, chạy ra chạy vào trước thềm thì nghĩ ngay rằng có lẽ trong nhà có phương việc. Nhân có chú Chồn đi ngang qua, chàng liền kêu lại hỏi mới biết rằng trong nhà có khách. Trang tìm chỗ gác xe đạp xong, còn phân vân chưa biết có nên đi vào không, chợt nghe tiếng cười ha hả trong phòng khách đưa ra, chàng biết ngay là tiếng cười của ông Cửu Bạch. Ngỡ là ai, chẳng hóa ra là người mình đã từng quen nên chàng cứ đi thẳng vào. Quả nhiên ông Cửu

đang ngồi nói chuyện, thấy chàng liền chạy đến vỗ vai, chào mời rối rít như một ông chủ nhà.

Ông Cửu đã vội nói:

– Tôi ra chuyến tàu hồi hôm, phần thì trời tối, phần thì mang xách kềnh càng, vất vả lắm mới tìm được đến đây. Lại thêm đi có đàn bà, ông nghĩ có đáng sợ không?

Trang tự nhiên được ông kể vào hàng thân mật ngay cũng vui vẻ đáp lại vài câu cho rồi việc. Chàng lại thấy một người đàn bà đã có tuổi đang nói chuyện với bà Nghè thì đoán chắc là vợ ông Cửu bèn đến chào. Bà Cửu người cũng đẫy đà phụng phịu như ông Cửu, nhưng cử chỉ có chiều nặng nề quê kệch hơn mà lại cố giữ cho có quan dạng.

Hôm đó có cả Oánh, nên ngồi nói tay ba, câu chuyện cũng không đến là nhạt. Nhưng chỗ nào, ông Cử cũng dành lấy phần nói nhiều hơn. Hết than văn về cái nạn khủng hoảng làm cho lúa gạo ông bán không chạy, ông bèn lôi cả tên tuổi những người thiếu nợ ông bảo rằng họ vô ơn và tệ hơn nữa, còn lắm khi nỏ mồm ta oán ông, rồi ông tỏ ý chán nản, thở ra mà nói rằng:

– Trò đời vẫn như thế. Lấy nhân đức mà xử, bao giờ cũng bị chúng lờn mặt và dễ quên ơn. Chớ gặp những kẻ chẳng biết nhân tình là gì, cứ thẳng tay mà làm theo pháp luật thì chúng lại biết điều hơn. Nhưng các ông nghĩ xem, con người ta trên đầu đã hai thứ tóc rồi, còn mong gì đổi tánh nữa, trời sanh ra sao thì phải chịu vậy, tôi không thể vì lợi mà ăn ở bất nhân được. Thì hiện giờ đây, chán chi những ông thông ông ký thiếu tôi có trăm đồng bạc mà hơn mười mấy năm rồi vẫn chưa trả hết tiền lời. Tôi thấy họ túng bấn quá mà không nỡ thi hành họ được. Chẳng thế mà lại chịu cho chúng cười rằng dại!

Ông Cửu nói một cách rất thành thật và có vẻ ngậm ngùi cho nhân tình thế thái. Oánh thấy thế phải đem lời khuyên giải:

– Tưởng gì chớ cái đó lẽ cho đáng ông cũng chớ nên bận lòng, vì những người thiếu nợ ông bao giờ họ làm ăn khá chắc là họ sẽ sòng phẳng giả ông ngay. Còn như gia thế ông bây giờ thì cứ đem so với các nhà tư bản hiện ở Đà thành hẳn đã đứng vào bậc nhất

bậc nhì rồi, như vậy thì tấm lòng tốt của hai ông bà cũng không đến làm thiệt cho hai ông bà mấy.

– Vâng, thì đã đành là thế, mà tôi dám chắc rằng những kẻ vong ân bội nghĩa với tôi đó không bao giờ cất đầu lên nổi đâu!

Ông Cửu Bạch rất quả quyết, hăng hái, mỗi tiếng là một lời kết tội. Ông rót một chén nước trà dấp giọng, rồi lại hết sức khiêm nhường kể cái tài năng ông, những sự thi ân bố đức của ông, độ lượng của ông rộng rãi đến vực nào. Thì ông không tài, sao hai cậu con ông một kỳ thi đều đỗ luôn bằng Yếu lược, bà Cửu phải phục ông hoài, và những người đến vay nợ ông cứ xui giục ông ra làm hội đồng thành phố? Song ông muốn cho mọi người đều có cái óc thông minh mà hiểu rằng khi ông bảo ông bất tài, nghĩa là tài có dư mà ông dấu có khoe khoang đôi chút cũng còn là khiêm tốn lắm. Nói đến chỗ nào quan trọng nhất, ông muốn cho có bằng chứng đích xác thì day lại hỏi bà Cửu:

– Có phải vậy không bà nó?

Bà Cửu, như một tiếng vang của ông, luôn luôn gật đầu:

– Chớ sao!

Thấy ông Cửu cứ lằng nhằng mãi về vấn đề tiền bạc, Trang sốt ruột quá, chờ khi ông đang mượn bà Cửu làm chứng tá cho ông, bèn bỏ đi lảng ra ngoài. Chàng rất thèm thuồng cái đức nhẫn nại của bà Cửu đã khiến cho bà làm được một việc phi thường, là suốt đời chịu nghe chuyện của một ông chồng như thế. Trang giả tảng dạo mát lấy không khí, nhưng kỳ thật, chàng chỉ muốn gặp Nga. Vừa có thằng Tý đứng chơi đó, chàng liền bồng xốc nó lên đùa bỡn một hồi rồi lại rủ nó cùng đi vòng ra đằng sau nhà.

Đến dãy hành lang, chàng thấy Nga với một cô con gái khác, hai người đang cúi xuống xem một mớ khăn len dệt để trên bàn. Trang biết là Nga cũng có khách liền quay trở lui thì cô khách kia đã lanh mắt trông thấy chàng và bạo dạn chào chàng trước. Chàng vội vàng đáp lễ và nhớ mang máng rằng mình đã từng gặp cô ấy ở đâu rồi. Không để cho chàng phải lục lọi tìm trong trí nhớ. Nga đã nhanh nhẩu chỉ cô bạn nói rằng:

– Thầy cứ vào, đây là chị Trà con cụ Cửu chớ chẳng ai đâu lạ.

Nga lại thì thầm vào tai cô bạn:

– Thầy Trang, bạn của anh Hai tôi đó.

Trà vui vẻ muốn làm quen với Trang ngay:

– Anh ở từ đâu mà lên đây?

– Ngay dưới thành phố, cách tòa Khâm cũng không mấy.

– Tận dưới ấy mà lên chơi đây thì cũng đã là xa lắm. Anh lên bằng gì?

– Tôi cứ thường đi xe đạp.

– Thường? Nói vậy thì anh đã có dịp xem khắp trên nầy rồi chắc! Tôi thì mới đến lượt đầu, ở dưới trường vừa xin phép ra được hồi hôm để đón ba má tôi. Đường đi thật khó khăn nhưng đáng công vì trên nầy vui quá anh nhỉ! Chẳng biết lâu ngày có nhàm mắt không, chớ lượt đầu nầy thật xem mà không thấy chán!

– Cô học dưới trường Đồng Khánh?

– Vâng tôi học năm đệ tứ.

Trà từ cách ăn vận cho đến cái cử chỉ ngôn ngữ đều tỏ ra là một cô gái thân thời đặc. Cô ta đã bắt chước người Âu Châu cái tính tự nhiên là không cần phải phân biệt người nói chuyện với mình thuộc về phái mạnh hay phái yếu. Bất luận về việc gì, Trà cứ thành thật bày tỏ ý kiến của mình ra không hề có e ấp. Trang thấy cô ta khác hẳn với mọi người con gái khác chàng thường được biết, ban đầu không khỏi lấy làm kinh dị, song lại thấy Trà vẫn đứng đắn và câu chuyện của cô ta không hề nhạt chút nào thì cũng vui lòng tiếp vậy.

Nga thì không cùng một ý đó, những cái cử chỉ tự nhiên của cô bạn, nàng lại cho là nó hơi sỗ sàng, nhất là mấy tiếng gọi Trang bằng anh là nàng không nghe lọt được. Anh! Gọi như thế, một người lạ sất? Một tiếng mà Nga cho rằng đáng lẽ để cho nàng dùng, mà rất đỗi nàng chưa dám dùng đến thì Trà đã lạm quyền nàng rồi vậy! Nhưng nàng không quan tâm đến sự đó lâu, vì mỗi khi gặp Trang, Nga chỉ muốn sống những phút cho thật đậm đà, đầy đủ thôi. Vả Nga cũng yêu Trà, và hình như có ý tiếc rằng giá mình dạn dĩ như cô bạn có phải được việc hơn không?

Ngồi nghe Trà kể chuyện trong giây phút, tâm tánh của cô ta ra sao, học vấn những gì, sở thích những gì, Trang đều biết cả. Trà lại mỗi mỗi hỏi ý kiến chàng, chỗ nào nghe trái ý thì cực lực phản đối, hoặc là kiếm cách bỡn cợt như cố ép chàng phải tán đồng luôn. Trang chẳng hề muốn tìm kế thoát ly ra khỏi cái quyền chuyên chế ấy.

Bỗng một con gián ở trong đống len bò lên trên áo Trang. Chàng lấy tay phủi mãi nhưng không được, Trà liền sấn lại bắt giùm. Con gián cứ chạy quanh trên mình Trang làm cho cô khách chụp sẩy hoài, mãi sau mới tát mạnh vào bên cổ người thiếu niên mới vồ nó được. Trang hơi ngượng, nhưng Trà đã ném con gián xuống đất cười như nắc nẻ.

Nga thấy cô bạn tự do với người thân của mình quá, mặt đỏ ửng, có ý dỗi Trà lại dỗi cả Trang luôn. Nàng bỏ đi lên nhà trên, nhưng nghĩ sao một lát lại trở xuống tươi cười ngay.

Hôm đó cũng như mọi hôm, Trang ở lại ăn cơm trưa. Bữa cơm chia làm hai bàn, một bên đàn ông, một bên đàn bà. Trang vừa ngồi cầm đũa đã phải cái ách nghe ông Cửu Bạch giảng đạo đức luân lý ngay. Thoạt nhiên ông Cửu hỏi chàng:

– Ông nầy hồi nãy đang nói chuyện bỗng bỏ đi đâu, làm tôi không kịp hỏi thăm gì cả? Vậy chớ cũng còn ở ngoài nầy sao?

– Vâng, nhưng tôi cũng sắp sửa đi vào nam trong nay mai.

– Phải, tuổi trẻ là lúc người ta cần bươn chải lắm, ông cứ xem tôi lúc trẻ không ra sức thì đâu có được như ngày nay mà nhàn!

Ông Cửu ăn vài miếng, lại dõng dạc nói:

– Nhưng ông nên biết một điều nầy. Phàm nghề gì cũng cần phải có cái khóe của nghề ấy. Ông đi buôn thóc gạo ư? Ông cần phải đón lấy thời cơ. Giả như hai người cùng buôn ngô mà một bên lãi nghìn còn một bên thì cụt vốn. Lại còn "buôn tận gốc, bán tận ngọn" là một câu ông nên nhớ luôn luôn. Ông làm chủ nhà hàng ư? Ông phải biết cái thị hiếu của người và những cái gì của thời thượng. Không thế thì cửa hàng ông quanh năm cũng chẳng có một ông khách nào bén chân đến. Ông lại làm thầu khoán ư? Ông phải có gan làm những việc to tát, trúng thì trúng to mà thất bại thì bất quá mình lại hoàn mình.

Ông Cửu bô bô nói toàn một giọng như thế, rút cục là chẳng dạy cho Trang biết thêm điều gì cả. Thấy Trang còn có vẻ hoài nghi, ông bèn hỏi gặng:

– Ông có muốn những chứng cớ rành rành để cho biết lời của tôi nói là đúng không?

Trang tủm tỉm cười:

– Có làm gì mà phải bằng với cớ!

Nhưng cái số chàng hôm ấy là phải ngồi nghe chuyện nhạt nên ông Cửu lại tiếp luôn:

– Thì ba mươi năm kinh nghiệm của tôi đó là bằng cớ! Ông đã nghe ra chưa?

– Vâng.

Từ đó, Trang cứ thủ thế sau một chữ vâng ấy là một anh lính nấp sau cái thành. Ông Cửu ngại cho chàng chưa đủ lông cánh mà ra bay nhảy với đời, song ông khen chàng là người rất dễ dạy. Càng được nước ông lại càng muốn tỏ ra rằng chỗ kém của ông không phải về cái tài biện luận.

Trang bỗng nghĩ ra được một diệu kế, là ngoài mặt thì cứ chăm chú nghe lời ông mà trong trí lại tưởng đến những chuyện riêng của chàng có một cái ý vị khác. Thành thử, ông Cửu cứ nói tràn cung mây, còn Trang thì cứ mặc dầu tưởng tượng, hai bên không phải điều đình mà tình thế rất ổn thỏa.

Ăn cơm xong, cái ý nghĩ trước tiên của Trang là cặp một chồng báo ra nhà bát giác xem. Ngoài trời vừa hén nắng lại có một ngọn gió hiu hiu đem mùi hoa oanh trảo đến rất dễ chịu. Trang ngả người ra lưng ghế, lim dim mắt để cho cái dạ dày tiêu hóa.

Chợt một tiếng guốc nện vào thềm và nối theo một giọng cười the thé làm Trang giật mình choàng dậy.

Trà vừa tiến đến mặt chàng lại quay trở ra nói:

– Tôi không biết anh ngủ, thôi xin lỗi nhé!

Song thấy Trang nhỏm dậy, Trà lại nói:

– Không ngủ nữa à?

Trang vui cười:

– Đâu có, tôi chỉ mơ màng vậy thôi.

– Tôi đến hỏi anh có ăn dâu không? Ngoài nầy có một cây dâu tiên trái không biết cơ man nào mà kể. Tôi vừa hái một chùm đây.

Trà vừa nói thế vừa trao cho Trang mấy trái dâu tiên chín đỏ bằng quả cau. Trang cầm lên ăn khen ngon.

– Thì ngon tôi mới đem cho mà ăn. Vậy anh ngồi chờ đây một tí, để tôi đi gọi chị Tư rồi ta cùng đi ra hái ăn một lần cho luôn.

Tất tả, Trà đã chạy lên nhà trên để Trang ngồi một mình lấy làm bỡ ngỡ lạ lùng cho cái cử chỉ của cô ta lắm. Ông Cửu, cô Trà, hai cha con, hai cái tính tình trái hẳn nhau.

Một lát, Trà trở ra nói:

– Chị Tư mắc nói chuyện với má tôi trong ấy, rồi sẽ ra sau. Ta cứ đi ra hái trước đi rồi để dành cho chị ấy. Đi hè, anh Trang!

Hai người cùng ton tả xuống thềm, Trà chạy trước vẫy tay nói:

– Đó rồi kìa! Anh thấy không?

Trang trông theo thấy một cây dâu tiên đầy cả chùm trái nên nặng trĩu xuống thấp ngang đầu. Cả hai người đều chạy mau đến vừa hái vừa khen rối rít. Chừng đã no nê rồi, nên Trà nghĩ đến Nga liền nói:

– Bây giờ ta phải lựa một ít trái thật tốt đem vào cho chị Tư.

– Tôi đang hái đây. Ồ! chán vạn!

Trang vít xuống một cành ở trên cao có nhiều trái chín rất đẹp. Chàng hái đầy cả hai bọc áo rồi buông tay ra, chẳng dè nhằm lúc Trà cũng xông vào hái giùm nên bị cành cây bật lên đánh vào mặt một cái rất mạnh. Đau quá, Trà bước lùi lại mấy bước tựa vào một gốc cây rồi hai tay bưng lấy mặt. Trang biết mình vô ý vội vàng nói:

– Chết chửa! Cô đau lắm phải không?

Trà nghe hỏi bỏ tay chỉ con mắt bên phải:

– Đây, anh lại xem, như tuồng có cái bụi trong con mắt tôi thì phải. Anh thổi giùm cho với!

Trang bước lại gần, cúi sát vào mặt cô ta nhìn rồi nói:

– Phải đấy, có cái rác nơi tròng trắng. Cô đừng nhắm mắt nhé!

Chàng thò miệng vào thổi luôn ba bốn cái chẳng biết có hiệu nghiệm gì không, nhưng Trà thốt nhiên rẫy chàng ra cười sằng sặc:

– Có lẽ rồi anh ạ.

Câu chuyện ấy xảy ra một cách không ai ngờ, nhưng lúc đó Nga trong nhà đang bổ đi tìm hai người vừa đến thấy thế bỗng sững sờ, đứng yên một chỗ. Lần này nàng căm giận quá, nghĩ rằng trong lúc vắng mặt mình, hai người đã vượt ra hẳn ngoài lễ giáo. Nga mắt long lên sòng sọc, mặt nóng bừng, ngoay ngoảy bỏ vào phòng, tấm tức:

– Làm cái trò gì mà thô bỉ thế!

Nhưng giận Trà ít mà giận Trang nhiều, vì cô kia theo ý nàng chẳng qua là một gái trắc nết chứ người thiếu niên lẽ đâu cũng lố lăng như vậy sao? Lần thứ nhất Nga thấy người ta bắt buộc nàng phải hạ mình làm một chuyện nhỏ mọn là ghen tuông. Nga tức tối đến nỗi rơm rơm nước mắt.

Tuy vậy, Trang và Trà chẳng biết gì sốt cả. Hai người cứ cười nói đi vào. Trà bọc một khăn dâu chạy đi tìm Nga, còn Trang thì trở về nhà bát giác định xem nốt mấy tờ báo. Chàng ngồi chưa nóng chỗ đã thấy ông Cửu Bạch cũng ra chơi. Lẽ tất nhiên là ông Cửu không để cho chàng xem báo vì ông yên trí rằng chuyện của ông vừa lý thú vừa bổ ích hơn những bài xã thuyết nhảm nhí kia nhiều, Trang không lẽ lại làm thinh mãi, cũng vờ hỏi cho có chuyện:

– Ông bà ra chơi, hay có việc gì?

Ông Cửu làm ra vẻ bí mật:

– Cũng là đi chơi, cũng có chút việc!

– Việc gì thế?

– Thôi thì cũng là chỗ quen biết cả tôi không giấu gì ông, nhưng xin ông kín miệng cho. Số là ông Tham Hồng có cậy vợ chồng tôi ra chuyến nầy đi nói cô Tư cho ông ta đấy!

Trang biến sắc mặt, giương cặp mắt thao láo hỏi:

– Cô Tư nào?

– Ông khéo ỡm mờ không biết, cô Tư con cụ Nghè đây chớ lại còn cô Tư nào nữa!

Trang chỉ nghe qua mấy tiếng đó cũng đủ chết điếng cả người, nhưng rán làm ra mặt thản nhiên:

– Vậy cụ Nghè đã nhận lời chưa?

– Chưa, nghĩa là tôi đã nói gì đâu. Cũng chiều nay tôi mới nói. Tôi vừa hỏi dò được tuổi thì tốt lắm: cô Tư canh tuất, ông Tham nhâm dần, tuy hai đằng cùng hành kim cả, nhưng biết đâu nếu lưỡng kim thành khí thì là đại cát chớ còn gì! Còn chuyện nói được hay không thì ông cứ nghĩ xem, người đi hỏi là ông Tham, người trung gian lại là tôi thì cái phần được làm gì mà chẳng cầm vững trong tay? Có phải vậy không?

Ông Cửu nói mấy câu sau nầy bằng cái giọng kim rất buồn cười rồi giương đôi mắt nhìn Trang, có vẻ đắc chí lắm.

Trang cũng cười nhạt:

– Phải, cái đó thì được chắc rồi!

– Mà chắc như cua gạch!

Ông Cửu ác nghiệt lại còn bổ thêm một lát búa cuối cùng nữa.

Người thiếu niên toát mồ hôi ra như tắm, mắt như quáng, tai như ù, không còn nghe rõ mấy câu nói sau của ông nữa. Trang bây giờ chỉ nóng nảy muốn một điều, là gặp Nga để nói trước chuyện ấy cho nàng biết và xem ý tứ nàng ra thế nào. Chỉ nội chiều hôm ấy là Nga có thể thuộc vào tay kẻ khác rồi, một kẻ mà chàng không thể nào yêu được. Rồi chàng lại phải chịu đắng cay, hiu quạnh trên đường đời. Cái hy vọng thiết tha nhất của chàng bấy lâu nay chỉ là mây khói! Không biết bao nhiêu ý nghĩ đau đớn làm chàng cuống cuồng ngây dại.

Một tiếng ngáy khò khò bỗng làm chàng tỉnh dậy. Ông Cửu Bạch say khướt mùng tơi đã nằm vẻo xuống chiếc ghế dài ngủ một giấc ngon lành. Được dịp may mắn, Trang liền rón rén bước xuống thềm đi quanh ra nhà tìm Nga. Đi hết chỗ nọ đến chỗ kia cũng chẳng thấy nàng đâu cả vì Nga còn mãi bị sự hờn dỗi nó ngầm nghiến ở trong phòng nàng. Trang bồn chồn quá, chưa biết làm thế nào thì vừa gặp Trà bước ra nói:

– Chị ấy kêu van chóng mặt nằm ở trong kia, dỗ thế nào cũng không ra ăn.

Trang tính mượn Trà vào gọi Nga ra cho chàng nói một câu chuyện rất cần kíp, nhưng nghĩ rằng con gái ông Cửu chắc biết trước việc dự định của ông rồi, nếu cậy cô ta không khéo lại hỏng cả việc. Thôi thế là chàng không mong gì gặp Nga được, Trang tưởng chừng như có cái định mệnh rất tàn nhẫn nó cứ đeo đuổi chàng mà phá cho đến cái kế hoạch cuối cùng của chàng mới nghe. Bất đắc dĩ, chàng phải nói chuyện bâng quơ với Trà một lúc, nhưng chỉ là những câu hỏi đáp rất lạnh lùng, khiến Trà phải lấy làm lạ.

Chiều hôm ấy, chàng bảo là có việc, cáo về rất sớm.

5.

Mười một giờ đêm vừa rền rĩ đánh trên chiếc đồng hồ treo cũ kỹ.

Trang, tay chống nạnh, mặt ngó xuống đất, vẫn còn đi bách bộ giữa ba căn nhà. Ngoài trời gió mưa dữ dội. Chốc chốc, một trận cuồng phong đánh tạt vào những đám cây trong vườn, bẻ cành truốt lá, gây thành những tiếng xô xát ghê rởn lạ lùng. Cũng ngọn gió ấy, lọt vào các khe cửa, lại nỉ non, ríu rít như những tiếng khóc than nghe càng thiểu não.

Trong nhà, trừ Trang ra, ai nấy đều ngủ cả. Trang đương qua một cái thời khắc khó khăn, đau đớn. Từ chàng được nghe câu chuyện của ông Cửu đến hôm ấy đã được một tuần, một tuần sống với điều thất vọng. Sao chàng vụng về, nhút nhát để cho Hồng giành nước trước đi? Bà Nghè cùng Oánh đều có bụng yêu chàng, Nga đối với chàng cũng không lãnh đạm. Trang hối hận vô cùng, cho mình là một đứa ngu si, đã ngồi dưới gốc cây lại không biết đường ăn quả. Cứ như lời ông Cửu Bạch thì việc cầu hôn của Hồng chắc được. Hồng chẳng là người có địa vị hẳn hoi, và cũng thân với Oánh như chàng là gì? Chàng tưởng như chừng Nga đã thuộc về tay nghỉ va rồi. Nga sẽ xa chàng, cả về nghĩa vụ lẫn tinh thần. Xa nhau, càng lâu, càng xa...

Trang không hiểu vì sao việc tình duyên chàng lại cứ long đong, trắc trở thế. Hoặc là, theo cái óc mê tín của người ta, cung thê thiếp chàng có những sao Thiên Không, Địa Kiếp an nào chăng? Chàng thủy chung chỉ yêu có hai người, thế mà hết Dinh lại đến Nga, người nào cũng để cho chàng hy vọng, rồi bỗng một ngày dửng dưng trao về tay một kẻ khác. Song chàng lại nghĩ rằng biết đâu Hồng chẳng để ý theo đuổi Nga từ lâu rồi, có khi trước chàng nữa cũng nên, chàng sực nhớ đến hôm chợ đêm, Nga với Hồng cùng đi cạnh nhau. Biết đâu là cặp đó chẳng có tình với nhau những từ hôm ấy? Vả một người con gái lớn lên, dẫu tầm thường đi nữa, ít nhất cũng có năm bảy người đàn ông khát vọng, một kẻ được thì bao nhiêu kẻ khóc thầm. Chỉ như một cuộc đánh có quay! Hồng được Nga, Trang đau khổ là thế, nhưng nếu chàng được thì lẽ tất nhiên là Hồng cũng đau khổ như chàng. Trang thở dài, chán nản:

– Bề nào cũng có một thằng chịu thiệt.

Đã đành là thế thì chàng còn nghĩ ngợi làm gì? Nhưng Trang lại bất bình và tự phụ rằng chỉ có một mình chàng là hiểu biết Nga thôi vì chàng sẽ hết sức trân trọng cái tình cũ của nàng. Chỉ chàng mới biết nối lại cái duyên bẽ bàng của Nga. Trái lại, chàng cũng đáng cho Nga yêu hơn, vì chàng cũng từng đau khổ rồi, nên cần có một người chung cái cảnh ngộ như chàng để hiểu biết chàng vậy.

Trang mệt mỏi đến ngã mình vào ghế.

Bên ngoài, giông tố vẫn điên cuồng sát phạt.

Thê lương, canh chầy...

Hai mắt Trang bỗng dừng lại trước một bức thư để trên bàn, bức thư của ông Láng, người phu trạm mới đưa đến cho chàng lúc ban chiều. Chàng cầm lên xem một lần nữa. Trong thư ông Láng tỏ ý lấy làm lạ sao chàng về nghỉ chơi lâu quá, ông thúc giục chàng mau mau vào chia lấy công việc. Ông Láng vừa lãnh được những sở nhà ga chính, kết quả có thể trông cậy lắm. Hiện ông đã khởi hành, nhưng thiếu Trang giúp đỡ một tay trong, công việc e đến chậm trễ mất. Giao cho người khác thì lại không đủ lòng tín nhiệm.

Sao mấy ngày hôm ấy lại xảy ra cho chàng lắm chuyện thế? Hôm qua chàng đi ăn giỗ tại nhà một người bà con đã tình cờ gặp Dinh. Cái người tình cũ tệ bạc kia, nay nghiễm nhiên làm một cô

Đốc, chỉ lạt lẽo chào chàng như chào một người khách lạ. Nếu vì trước nơi đông người mà nàng ké né thì chẳng nói làm gì, nhưng sau sáu năm trời cách biệt mới lại gặp nhau mà từ vẻ mặt cho đến cử chỉ nàng không tỏ ra một chút gì là cảm động. Giữa hai người, ái tình đã đành là không thể có nữa rồi, song há lại chẳng còn một chút tình bằng hữu sao? Dinh quả không một chút buồn rầu, ngượng ngập. Cái con người đã lỗi hẹn với chàng dễ như trở bàn tay, đối với một kẻ khác không ngờ lại biết giữ bổn phận làm vợ đến thế chăng? Ai bảo mối tình đầu tiên là mạnh nhất, dù lâu đến bao giờ cũng không quên hẳn được? Trang thật ngao ngán vô cùng.

Bây giờ lại được thư ông Láng thôi thúc. Đi chăng? Thì đi là phải rồi, sự sinh nhai là một, lòng chán nản về tình ái là hai đều bảo chàng nên thế. Đi cho vùi rập sự đau khổ trong công việc làm, cho khỏi loanh quanh trong giấc mộng gia đình chật hẹp. Vả nếu trì hưỡn thì bà Thị tất là nhắc đến chuyện hôn nhân càng thêm rối lắm. Nhưng đi, đi mà chẳng trở lại Diễm Dương Trang sao? Dẫu thế nào, chàng cũng phải thấy Nga một lần cuối cùng mà từ biệt nàng mới được. Hoặc là muôn một chàng còn hy vọng gì nữa chăng? Hình như Nga đã chán chuyện tình duyên và cự tuyệt nhiều nơi rồi kia mà. Nhưng dầu không hy vọng nữa, Trang cũng muốn xem thái độ Nga sau khi về tay kẻ khác rồi đối với chàng sẽ ra thế nào. Nếu Nga chỉ lạt lẽo với chàng như Dinh thì cũng cho biết thêm cái tình đời là thế mà nhân đấy sẽ khuây khỏa nỗi lòng được chút ít. Tuy vậy, gặp Nga trước nơi ba mặt bảy mày, kiếm cho được dịp gần nàng để nói chuyện không phải là dễ gì; vả Trang hay cả thẹn có nói cũng không hết lời. Âu là chàng chỉ viết một bức thư là xong chuyện. Trang lại dự định rằng chàng sẽ mang một vật gì đến tặng nàng, ngoài mặt để đi mừng mà chủ ý là để lưu một món kỷ niệm. Nga dù không nhận chàng cũng cam lòng.

Trang tìm giấy bút, hí hoáy viết, bao nhiêu nỗi yêu thầm nhớ vụng bấy lâu nay đều trút cả vào bức thư một cách nồng nàn tha thiết. Phải, chàng tội gì mà không kêu gào mối tình của chàng ra? Kẻ khác biết yêu Nga, chàng lại chẳng có quyền yêu sao? Nga, dầu muốn hay không, cũng phải biết rằng Trang yêu nàng đến bực nào. Im đi, thì hẳn đỡ bận cho nàng, nhưng thế thì cao thượng quá, chàng tự xét là không đủ sức mà làm nổi.

Viết xong bức thư, đồng hồ vừa điểm ba giờ sáng. Trang nghe trong mình nhẹ đi được vài phần mới lên giường nằm nghỉ.

Qua hôm sau và luôn mấy hôm nữa, trời càng mưa to gió lớn. Đến hôm thứ năm, nước nguồn đổ xuống rất nhiều, gặp gió ngược nên thành lụt to. Từ nhà bà Thị Tốn trông ra mặt sau, cả cánh đồng đều ngập nước. Trang chờ tạnh mưa đã sốt ruột, không ngờ lại đến lụt tràn đìa. Hình như mọi cái nghịch cảnh đã sắp đặt đâu đấy sẵn sàng để làm trở ngại cho chàng. Đến Diễm Dương Trang vẫn không khó lòng gì, nhưng vào những ngày mưa lụt ấy, người ta sẽ hiểu sự đi chơi của chàng như thế nào? Bây giờ chẳng mong gì nữa, lại càng nên dè dặt lắm. Thành thử Trang cứ hết ra lại vào, đứng lên nằm xuống, băn khoăn không tìm ra được một cách gì khuây lãng.

Nhân nhà bà Khóa Đôn thấp lụt, bà Thị bảo chàng mượn một chiếc ghe nhỏ đến thăm. Trang đi thăm về thấy trong mình dễ chịu bèn trở ra giữa đồng chèo chống cả ngày. Những nơi thấy đều nửa ghìm xuống nước, cảnh tượng trông như một xóm nhà sàn. Thần nước nghiễm nhiên làm chúa tể một quãng đồng rộng mênh mông. Cái cảnh lớn lao ở bên ngoài hình như có ảnh hưởng rất sâu vào tâm trí Trang, trong chốc lát phàm những sự nhu cảm đều lâng lâng trút sạch. Trang vẫn phải dùng hết sức mạnh mới giữ cho chiếc ghe tròng trành khỏi bị lôi cuốn theo dòng nước bạc.

Nhưng cái yên lặng trong tâm trí chàng đó chỉ là tạm thời. Chàng vừa bỏ chèo chống về nhà là nó cũng từ bỏ chàng ngay. Trang lại càng buồn bã vô cùng và tức giận rằng chàng không có thể khóc lên được như một đứa trẻ em.

6.

Cũng trên đường cũ Diễm Dương Trang, người thiếu niên lại hậm hà với con ngựa sắt. Mưa vừa mới tạnh lúc ban đêm, nên đường sá vẫn chưa hết bùn lầy, xe đi qua mỗi vũng nước là hai ống quần chàng lại phải một cơn lấm bét. Sau những ngày mưa gió, cảnh vật vào buổi đầu đông lại được phô ra dưới ánh nắng dịu dàng ấm áp của vừng thái dương, chói lọi giữa da trời mầu trứng sáo.

Nhưng trái hẳn với mọi khi vui vẻ là dường nào, lần nầy người thiếu niên chỉ thấy cõi lòng chàng lạnh buốt. Trước cái cảnh quen mắt với chàng, Trang ngậm ngùi như muốn nói một lời vĩnh biệt. Con đường ấy từ nay sẽ ghi vào sự ký ức chàng, với những ngày tốt đẹp nhưng hiếm hoi của đời chàng vậy. Mỗi lượt lên dốc, Trang nằm sát trên giàn xe, cố sức đạp cho mau đến. Chàng muốn làm cho xong một việc mà cái kết quả chàng đã biết trước là không hay rồi. Cái lòng nóng nảy đó khi chàng đến nơi lại nguội hẳn. Trang chưa bao giờ hồi hộp bằng lúc chiếc xe chàng từ từ rẽ vào cổng. Sự thật, chàng sắp biết, nay chàng lại sợ hãi không muốn biết. Sống trong sự ngờ vực, dù khổ cho đến bực nào, chàng cũng vẫn còn một tia hy vọng. Cái hy vọng mảy may đó, bây giờ chàng mới biết là chàng yêu quí nó dường nào.

Người chàng gặp thứ nhất trước sân là Nga. Nga thoạt tiên thấy người thiếu niên quần áo lấm bùn, mặt có vẻ tiều tụy thì hình như bị cảm xúc mạnh quá, nghẹn lời chỉ chào chàng được một tiếng khe khẽ.

Trang đáp lại cái chào ấy bằng một nụ cười rất đau đớn, khiến Nga càng ra vẻ nơm nớp, áy náy, không hiểu là đã xảy ra sự biến cố gì cho chàng. Hồi lâu, hai người chỉ trông nhau, như muốn phá một điều ngờ vực. Nhưng không ai dám hó hé một câu gì.

Bỗng Oánh ở trong nhà đi ra, nhác thấy Trang liền vồ vập đón vào nhà. Một lát, bà Nghè ở phòng bên cạnh nghe tiếng cũng bước qua hỏi han về các tin tức mưa lụt.

Bà cụ trông lại đôi giày và hai ống quần chàng liền bật cười nói:

– Tội nghiệp! Đường sá bùn lầy thế mà cũng có bụng đến thăm anh em. Chẳng bù ông Hai ở nhà đây lại làm biếng quá.

Trang tự nhiên cho là một câu nói mát, bèn trả lời:

– Bẩm, vì ngoài anh Hai ra, cháu cũng nỏ đi lại với ai, và cháu vẫn rộng thì giờ hơn anh Hai nhiều. Nhưng lần này cháu cốt lên chào cụ để mai mốt mà đi.

– Vậy à? Oánh hỏi.

– Vâng, tôi được thư ông Láng đã ba bốn hôm rày, nếu không vì mưa lụt thì có lẽ đã đi từ mấy bữa trước. Hiện ông ta bây giờ ở Trạm Gành, phủ Tuy Hòa.

Bà Nghè hỏi:

– Thầy định hôm nào đi?

– Bẩm, sáng mai.

– Mai mười sáu cũng tốt ngày. À mà độ trước tôi có nghe thầy nói chuyện bà dưới nhà đang kiếm dâu. Có lẽ nay đã coi được nơi nào rồi cho nên mới để thầy đi đó phải không?

Trang lắc đầu, nói một cách thất vọng:

– Bẩm có đâu, chuyện ấy chẳng qua là nói chơi vậy thôi.

– Chuyện lứa đôi còn chưa là trọng hay sao mà lại kêu rằng nói chơi? Đó là ý thầy muốn nói thế chớ bà dưới nhà lẽ nào lại không muốn tính cho xong?

– Sự thật thì vẫn như lời cụ dạy thế, nhưng đến khi không ra đâu vào đâu thì cũng phải cho là một câu chuyện nói chơi vậy.

Bà cụ mỉm cười ngó ra ngoài sân như có dáng nghĩ ngợi.

Khi đó, có ba bốn anh điền phu bước vào hỏi về các công chuyện rẫy bái. Bà Nghè cùng Oánh đều bận sai cắt bày vẽ cho họ. Trang ngồi một mình buồn liền bỏ đi tìm Nga để trao bức thư chàng đã viết hôm tước và tặng cho nàng chiếc nhẫn mà chàng mới mua hồi sáng một nơi tiệm bán đồ vàng.

Bấy giờ Nga đang đứng trước cửa sổ phòng nàng, tay vịn vào chấn song, cặp mắt đăm đăm như cố thu hết tinh thần vào một việc gì. Thấy Trang đi thơ thẩn như có ý tìm mình, nàng vội vã bước ra tới dẫy hành lang, hai người liền bắt gặp nhau.

Trang một tay đã để vào túi định rút phong thư ra, nhưng thấy không có ai lại muốn ướm hỏi Nga vài lời đã:

– Tôi chúc mừng cô đấy!

Ngạc nhiên, Nga hỏi:

– Ủa! Chúc mừng cái gì kia?

– Hình như cô mới có tin mừng mà!

Nga càng tỏ ý không hiểu, cứ nhìn chòng chọc vào chàng:

– Chà! cô cứ giả vờ thôi, tôi mừng cho cô thật đấy.

– Nhưng thầy cũng cho tôi biết trước là mừng về việc gì mới được chứ!

– Cô ác quá, lại còn bắt tôi kể lể làm gì? Thì mừng cho cô được người chồng quí chớ sao!

– Chồng nào? Tôi thật chưa hiểu là thầy muốn nói ai?

– Vẽ! Ông Hồng chớ lại còn ai!

Nga thốt nhiên bật cười:

– Ai nói mà thấy biết mau thế?

Trang thấy nàng còn cười được lấy làm tức giận vì nghĩ rằng không ngờ Nga lại nhẫn tâm đến thế. Chàng hỏi:

– Vậy cụ ở nhà đã nhận lời rồi phải không?

– Thầy cứ trả lời câu hỏi tôi đã nào, ai nói mà thầy biết?

– Thì sao cô lại cứ muốn giấu tôi làm gì? Tôi biết từ hôm ông Cửu đến đây kia.

– Chị Trà nói phải không?

– Chính ông Cửu nói. Vậy cô đã nhận lời chưa?

Nga mỉm cười một cách tinh nghịch:

– Thầy hỏi lạ quá. Nãy giờ đến chúc mừng tôi, nay lại hỏi đã nhận lời chưa. Như chưa nhận lời thì phỏng thầy mừng cái gì?

Song Trang chẳng nếm những câu nói đùa ấy; vẻ mặt thê thảm, chàng thở dài:

– À, cô nhận lời rồi. Thì tôi mừng cho cô chớ sao. Tôi chỉ tiếc là không chờ được đến bữa nghênh hôn mà đến cho có mặt vì sáng mai tôi đã đi rồi.

Bấy giờ lại đến lượt Nga bỗng tái hẳn như gà cắt tiết. Nga im bặt; trước cặp mắt lờ đờ của nàng vụt chốc bày ra một cảnh đời hắc ám, đầy cả những sự hiểm nghèo. Nga lẩm bẩm một mình:

– Thầy đi!

– Vâng.

Giọng trả lời của Trang chua chát quá, khiến Nga sinh nghi, ngó thẳng vào mặt chàng. Nga thoạt nhiên hiểu rõ cái nguyên nhân bắt buộc chàng phải ra đi vậy.

Nàng tự biết rằng chính mình đã gây ra nỗi khổ tâm ấy cho nên cảm động đến gần sa nước mắt mà vẫn nghe có một sự thỏa thích trong lòng. Nga vờ thản nhiên nói:

– Thầy không đi đâu!

Trang lấy làm lạ hỏi:

– Sao thế? Tôi tưởng cái đó là việc riêng của tôi, cũng như lấy chồng đó là việc riêng của cô.

– Thầy đã muốn nhắc đến chuyện ấy hoài, vậy hẵng để tôi hỏi một câu nầy: – Cứ như ý thầy thì ông Hồng như thế nào?

– Ở thời buổi nầy, cái địa vị ông ấy quả ít ai bì kịp.

– Còn tư cách ông ta sao?

Trang hơi cáu, gắt gỏng đáp rằng:

– Cái đó thì có lẽ cô biết hơn tôi!

– Nhưng giá thầy đứng vào địa vị tôi thì thầy có vui lòng làm vợ ông ấy không?

Câu hỏi làm Trang ớ cổ ra, nhưng chàng muốn thừa cơ hội ấy mà trách Nga là một kẻ bạc tình:

– Tôi ấy à?

– Vâng, thầy.

– Tôi thì tôi không nhận.

– Vì cớ gì?

– Vì tôi đã trót nhận lời với một kẻ khác rồi. Vì kẻ ấy dẫu chưa dám nói ra nhưng tôi đã hiểu thấu cho rồi. Cô đã nghe chưa?

– Nói tóm lại cũng là thầy không nhận. Vậy thì sao thầy cứ khăng khăng muốn là tôi phải nhận lời ông ấy?

Trang vùng đứng dậy, ngơ ngác hỏi:

– Cô chưa nhận gì cả sao?

– Ô hay! Thầy gàn lắm, thầy chỉ chực mừng hão thôi!

Trang sung sướng quá, suýt nữa cũng đến quì xuống tạ tội với người yêu:

– Vậy bữa ấy ông Cửu nói ra làm sao, cô kể lại cho tôi nghe với!

– Thì quả hôm đó, khi thầy về rồi, ông Cửu có đem chuyện ấy ra nói thực. Song má tôi không dám nhận lời, bảo là tôi khó tánh lắm. Ông Cửu thì cứ một mực cãi bừa đi, nói rằng sự khó tánh đó là cái bệnh chung của con gái đến tuổi lấy chồng, tức là cái bề ngoài cả. Cực chẳng đã, má tôi phải cho gọi tôi ra mà hỏi trước mặt ông ấy cho khỏi mất lòng.

– Thế à? Rồi sao nữa?

– Tôi ra thì má tôi cũng đem lời ông Cửu nói lại cho nghe. Chẳng biết làm sao cả người đi nói, cả người làm mai tôi đều không ưa được, cho nên lập tức tôi cậy má tôi lựa lời khéo khéo nói lại là tôi không bằng lòng.

– Rồi ông Cửu cũng không bằng lòng chút nào cả phải không?

Trang mặt mày tươi tỉnh, định vớ lấy cơ hội, đem bức thư và chiếc nhẫn vàng ra để ngỏ bày cái tâm sự mình cho luôn, nhưng vừa có vợ Oánh giắt mấy đứa nhỏ ra chơi nên đành bấm bụng nói lảng sang chuyện khác.

Trong khi cặp thiếu niên nói chuyện dưới nầy, ở nhà trên bà Nghè cũng đang ngồi nghĩ ngợi. Bỗng bà gọi Oánh:

– Nầy Hai!

– Cái gì thế má?

– Lại cho tôi hỏi cái nầy. Hai có thấy thầy Trang với con Tư có tình ý gì với nhau không?

Oánh hơi ngạc nhiên nói:

– Không! Tôi thật không hề biết gì cả.

– Thế thì vô tình quá, chớ lại không thấy thầy ấy xoắn xuýt với hắn lắm đó sao? Mà hiện bây giờ chắc là cũng đang đi tìm hắn nói chuyện đó.

– Quái lạ là tôi không hề hay gì. Nhưng còn con Tư thì sao? Hắn dở tính dở nết lắm kia mà!

– Hắn dở với ai kia, chẳng hạn như câu chuyện ông Hồng hôm trước, chớ với thầy Trang ấy thì xem chừng hắn ưa lắm. Không thấy độ rày hắn khá ra nhiều, và hay cười nói làm tốt đó sao?

Oánh cả cười nói:

– Phải rồi, phải rồi, nghe má nói bây giờ tôi mới nhớ ra. Vậy thì bây giờ má định thế nào đó?

– Tôi nghĩ rằng con Tư bây giờ hắn chừng ấy tuổi rồi không lẽ giữ lấy hắn hoài được, nhưng lạ gì cái tính tình hắn thì còn biết là hắn ưng ai. Nay tôi nhắm thầy ấy người dễ thương và ăn ở có tình nên cũng muốn gả hắn đi cho rồi. Tháng trước tôi bảo Hai xuống thăm nhà bà Thị là đã có bụng ấy.

Oánh nín lặng một hồi ra dáng ngẫm nghĩ.

Bà Nghè liền hỏi:

– Sao, có sự gì sao?

Oánh nói:

– Tôi nghĩ nếu thực anh Trang yêu hắn thì sao lâu rày không nghe nói gì cả mà sáng mai thì đã đi rồi.

– Ý chừng như thầy ta còn mắc cỡ chưa tiện nói ra. Hoặc là thầy ta sợ mình cũng có tánh câu chấp như nhiều kẻ khác chăng?

– Cũng có lẽ như thế, nhưng người ta không nói ra thì má tính sao?

Bà Nghè đứng dậy ghé vào tai Oánh bỏ nhỏ một hồi, đoạn hai người đều cười, bắt sang câu chuyện khác.

Đằng kia, Trang tuy đã nói nhất định là mai sẽ lên đường, cũng tưởng đến chào sơ sịa ít tiếng thôi, song từ khi biết việc cầu hôn của Hồng không có kết quả gì thì bỗng nghe nhẹ cả người, ở lại chơi quên về. Mãi quá chiều, bà Nghè cầm lại ăn cơm tối cũng không buồn từ chối nữa. Trong ý chàng muốn trước khi ra đi làm thế nào cho nhận được một lời hứa của Nga đã, rồi nếu được, về nhà sẽ cậy mẹ chàng thu xếp cho.

Ăn cơm xong cả nhà đều ngồi đủ mặt nói chuyện, Trang và thằng Tý làm mèo chuột đuổi nhau chung quanh cái trụ đèn, cả hai đều ra dáng vui vẻ lắm.

Bà Nghè nhìn theo giây lát, liền chỉ thằng bé cho chàng nói:

– Thầy ưa chơi với con nít mà lạ sao chẳng chịu cưới vợ để kiếm lấy vài đứa nó chơi với cho vui?

Trang xoa tay làm bộ thở dài:

– Cụ cứ dạy thế hoài thì thôi, vợ ở đây, ai cho mà dễ thế?

Bà cụ mỉm cười nói:

– Thầy nói lạ, chỉ sợ thầy chê mà thôi, vì ai đâu thì tôi nỏ biết, chớ như con Tư ở nhà đây, nếu thầy thương hắn được thì tôi xin đưa không cho đó mà!

Trang sửng sốt, đứng ngẩn người ra một chỗ như hình bị thôi miên. Còn Nga đang ngồi ở một góc bàn thoạt nghe mẹ nói cũng giật nảy, cả thẹn, cúi gầm mặt xuống. Nga liếc nhìn, chờ khi không có ai để ý đến mình bèn lẩn sang phòng bên cạnh. Oánh thì cứ chắp tay sau lưng, day mặt vào xem mấy bức tranh Tàu treo trên vách, tủm tỉm cười đứng đợi.

Bà Nghè vẫn tươi cười nói:

– Kể ra tôi nói vậy cũng có hơi vô lễ, nhưng cái đó là tùy thầy, dẫu sao cũng cứ trả lời cho biết.

Trang đã tỉnh dần người ra, mừng rỡ, cảm động đến cực điểm, luống cuống một hồi mới nói ra được.

– Cụ đã quá thương như thế thì cháu chỉ biết đội lấy cái ơn nặng ấy chớ còn dám nói gì. Nhưng còn ngại cô ở nhà chẳng biết ý cô như thế nào?

– Bây giờ hắn đã bỏ chạy trốn qua bên ấy rồi: Tôi xin nhường lại cho thầy đi tìm hắn mà hỏi hắn đó. Chớ trước mặt tôi thì dẫu hắn có ưng mười phần đi nữa cũng không đời nào chịu nói đâu.

Trang có ý bẽn lẽn, đứng lưỡng lự một hồi nhưng sợ lỡ mất dịp tốt, chàng bèn đánh bạo ngỏ lời cám ơn rồi bước đi tìm Nga. Chàng đi khắp các gian phòng đều không gặp, sau ra đến trước thềm mới thấy Nga đang đứng tựa vào cái bao lơn trông trăng, tần ngần ngẫm nghĩ. Trang se sẽ vừa đến sau lưng nàng thì Nga bỗng giật mình toan chạy. Chàng vội vã đón lại van nài rằng:

– Cô đừng làm thế, tội nghiệp! Cụ cho phép tôi ra tìm cô để hỏi cô về chuyện ấy.

Nga lẳng lặng, cúi đầu đi tránh ra trước sân, nhưng Trang cứ một mực bước theo cầu khẩn:

– Vâng, ở đây có hơi bất tiện vậy tôi xin cô hãy gắng đi ra ngoài nầy cho tôi mạn phép ngỏ một đôi lời thôi.

Nga ngó lại không dè đã ra đến trước mặt hồ, chẳng còn sức chống chọi nữa.

Đêm ấy là đêm rằm, vừng trăng chiếu rạng như một cảnh hoàng hôn. Hai người ban đầu còn chầm chậm đi cách nhau. Vì sự cảm xúc thái quá, ai nấy đều nín thinh, lặng nghe quả tim hồi hộp. Nhưng một lát, hơi sương xuống nghe lành lạnh, hai người lần đi sát lại nhau.

Bỗng Trang khe khẽ gọi:

– Em!

Nga ngước mắt nhìn chàng.

– Vâng, cô cho phép tôi gọi bằng em. Việc cụ vừa mới dạy lúc ban nãy em nghĩ như thế nào? Về phần tôi thì tôi ao ước đã lâu rồi, nhưng ngần ngại không dám nói. Tôi yêu em... yêu có thể quên hết cả mọi cái hạnh phúc ở đời. Tôi yêu em, không những từ lúc mới gặp nhau lần đầu mà có lẽ trước khi tôi được biết em nữa kia. Nói thế không có gì là lạ cả, vì vốn thực khi nào tâm trí tôi cũng mơ màng một người đàn bà lý tưởng, người đàn bà ấy nếu quả có ở đời thì cũng giống hệt như em thôi. Sự gặp gỡ với em đã ứng vào giấc mộng ấy và từ ngày biết em tôi đã hưởng cái sinh thú ở đời gấp đôi gấp ba vậy. Tôi đã từng biết qua nhiều người đàn bà, nhưng họ chỉ ghẻ lạnh cùng tôi vì không hiểu biết tôi. Tôi lắm khi ngao ngán rằng suốt đời không gặp người tri kỷ thì sự sống tôi còn gì lạt lẽo bằng. Chớ đến ngày nay, cái thân tôi chỉ là cái thân con dế lạc bầy, cái thân cô độc. Tôi thật đã vì tình mà chán đời. Vậy mà tôi gặp em, em biết là may mắn cho tôi thế nào. Nhưng tôi hy vọng ở em chừng nào thì nỗi lo sợ của tôi cũng tăng lên chừng ấy: tôi sợ rằng cái hy vọng kia chỉ là hão huyền. Cho nên tôi khổ lắm em ạ; em cũng biết là tôi nghèo, tôi chưa có cái vị trí gì đủ đảm bảo cho cái hạnh phúc em sau nầy nên tôi chỉ sợ mình không xứng đáng. Và nếu ngày hôm nay cụ chẳng quá yêu mở lời cho thì tôi chắc cũng không bao giờ dám thổ lộ một tiếng gì. Song tôi muốn được một lời hứa của em tôi mới an lòng. Em ạ, nếu em biết những điều tôi ao ước, lo lắng, thất vọng hay mừng rỡ vì em thì có lẽ em không nỡ nào cự tuyệt cùng tôi. Tôi chỉ muốn cử ra đây một cái ví dụ cho em nghe thôi. Từ hôm được nghe chuyện ông Hồng đi nói em, tôi nghĩ

là cái hạnh phúc của tôi đã sẩy mất rồi, từ hôm ấy tôi chỉ là một con người khốn nạn. Nếu tôi còn đến đây, bản ý là để từ biệt em mà mang theo một cái hình ảnh của em đây. Hồi sớm tôi có nói với em rằng sáng mai tôi đi. Thật thế, nếu em về tay kẻ khác rồi thì tôi chỉ còn đem sự đau đớn của tôi đến một chỗ nào cho đừng ai biết nữa thôi. Tôi đã viết một phong thư hiện còn nằm trong túi tôi và đem theo một chiếc nhẫn để tặng em làm kỷ niệm: Nếu em bằng lòng nhận thì cho phép tôi đeo vào tay em, nhưng khác là bây giờ nó lại thành chiếc nhẫn giao tâm.

Nga chẳng nói gì.

Trang chỉ một cái ghế đá cho nàng ngồi, rồi thò tay vào túi rút ra một chiếc nhẫn vàng lấp lánh dưới bóng trăng lặng lẽ đeo vào tay nàng.

Trang nãy giờ nói một cách hăng hái quá đến nỗi giữa đêm sương lạnh mà trên trán ướt đẫm cả mồ hôi. Chàng lấy khăn lau rồi lại ngồi xuống nói tiếp:

– Em còn ngại sao? Tôi không dám vội gì đâu em ạ, miễn là em bằng lòng thì sáng mai tôi cũng cứ đi như thường, còn chuyện hôn nhân em muốn hoãn đến bao giờ cũng được cả. Còn một điều nầy nữa tôi cũng không giấu gì em. Về đường tình duyên tôi đã một phen lầm lỡ, đau đớn, mà cứ như tôi biết, – điều nầy xin em miễn chấp cho – cứ như tôi biết, thì về mặt đó chính em cũng là một kẻ thiệt thòi. Vậy thì đồng bệnh với nhau, hai ta lại càng nên hiểu thấu cho nhau mà yêu nhau lắm. Ta sẽ mượn ngày tháng và lấy một thứ ái tình đằm thắm, bền chặt mà vá lại những vết thương lòng cho nhau. Rồi bắt đầu từ nay, cuộc đời trống trải ta sẽ bước sang một thời kỳ mới, một thời kỳ sáng sủa, xinh đẹp hơn. Hy vọng ta còn nhiều, ta còn yêu kịp. Em nghĩ sao?

Nga run rẩy, ái ngại:

– Ta liệu có gây nổi hạnh phúc cho nhau không?

Dưới bóng trăng vằng vặc của đêm rằm, cặp thiếu niên tay cầm tay, nhìn nhau, yên lặng...

(Theo bản in của Nxb Trung Bắc Tân văn, Hà Nội, 1935)

ĐỖ ĐỨC THU
(1909–1979)

Quê ở Thanh Trì – Hà Nội, nhưng ông lại sinh ở Thái Bình, học ở đấy hết bậc tiểu học, và trở về Hà Nội học trung học.

Nhưng sau vụ bãi khóa đòi để tang cụ Phan Châu Trinh, Đỗ Đức Thu bị đuổi học. Không được học, ông xin đi làm ở sở khí tượng Hà Nội. Và đây cũng là thời gian ông thai nghén nhiều tác phẩm văn học mà cho đến hôm nay, qua nhiều năm tháng thăng trầm, lớp lớp bạn đọc vẫn còn nhớ ông, nhớ một nhà văn tiền chiến mang bút pháp riêng.

Năm 1936 truyện ngắn Ba của ông được giải thưởng Tự lực Văn đoàn. Sau đó là tiểu thuyết Võ lòng (NXB Đời nay, Hà Nội 1940), Ba đồng (tiểu thuyết NXB Nguyễn Du, Hà Nội 1942), Nhà bên kia (truyện ngắn NXB Cộng lực Hà Nội 1942). Tiểu thuyết ***Đứa con*** *Đỗ Đức Thu viết từ năm 1941, được in vào năm 1943 ở NXB Đời Nay, Hà Nội.*

Sau năm 1954 ông vào sống và làm việc ở Sài Gòn. Suốt thời gian từ năm 1954 – 1979, Đỗ Đức Thu không một lần trở lại với văn học.

Văn Đỗ Đức Thu không bay bướm mượt mà. Ông nghiêng về khai thác tâm lý nhân vật. Các nhân vật của ông luôn sống trong những mâu thuẫn, dằng xé và tự tìm con đường đi riêng hợp với tính cách và tình cảm riêng của mình.

Đọc ông người ta thấy xã hội của con người không bao giờ đơn giản, luôn có những thử thách gay gắt chờ đợi và buộc phải giải quyết, luôn có những tâm trạng rất thực, đôi khi đầy tính lãng mạn, nhưng rất hợp với tuổi tác và tâm lý của mỗi thế hệ.

Chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc tiểu thuyết ***Đứa con*** *của Đỗ Đức Thu, đây cũng là tác phẩm tiêu biểu của nhà văn.*

*

ĐỨA CON

(tiểu thuyết)

PHẦN THỨ NHẤT

I.

Con sen dạ một tiếng dài, chạy ra mở cổng. Bà Tâm lách qua cánh cổng mở hẹp, quay lại kéo con vào theo, hỏi:

– Bà Phán có nhà không?

– Dạ, thưa bà có ạ.

Con sen chạy vào trước, mở cửa nhà trên, thò đầu vào nói:

– Thưa mợ, có bà Tâm sang chơi.

Bên trong có tiếng nói ra:

– Mày mời bà vào, rồi xuống đun nước đi.

Con sen đi mau xuống bếp.

Cửa mở rộng, bà phán Mậu bước xuống mấy bực gạch, tay quấn lại mớ tóc:

– Kìa, chào bà. Lâu bà không sang chơi. Thấy nói bà đi Hà Nội.

– Vâng, thưa bà tôi mới về hôm qua.

Bà Tâm đủng đỉnh đi vào, bước chậm chạp vì còn giắt một đứa con trai chừng bốn năm tuổi. Đứa bé lếch thếch kéo tay mẹ, ngó ngẩn nhìn mấy khóm hoa bên lối đi. Bà phán Mậu vội chạy đến ôm đứa bé, nhấc bổng lên.

– À, cậu Quý. Hôm nay có áo đẹp nhỉ!

Bà hôn Quý; môi bà cắn vào đôi má phúng phính của đứa bé, như vào một trái chín. Bà kêu to giục con sen đun mau nước, rồi họ vào cả trong nhà.

Bà Tâm đến chơi giữa lúc bà Mậu đang buồn, muốn có một người nào để nói bất cứ một chuyện gì, nên sự tiếp đãi rất niềm nở. Một nỗi ưu tư vừa rồi còn phảng phất trên nét mặt bà Mậu, đã tan

đi. Trong lúc chồng đi làm vắng, bà Mậu thường chỉ quanh quẩn trong nhà. Mấy hôm nay hình như có chuyện gì buồn, bà không ra khỏi buồng ngủ và phòng khách. Cửa nhà trên thường đóng im ỉm, trừ buổi chiều, lúc ông Mậu ngồi xem báo ở thềm.

Bà Mậu ít giao thiệp, không hay đi chơi bời đâu. Cái nhà thuê mãi đầu tỉnh, chung quanh có vườn rộng, vắng vẻ, yên lặng như ở giữa cánh đồng. Con sen mỗi sáng cắp rổ đi chợ. Ngày hai buổi ông Mậu giắt xe đạp ra sở, còn ít thấy bóng người trên cái lối đi cỏ mọc lởm chởm qua khe sỏi dải thưa. Hôm nào thấy bà Mậu cùng đi với con sen thì lớp nhà có dáng vui vẻ hơn: mấy cánh cửa sơn xanh mở rộng, trong nhà thêm bóng người. Đó phần nhiều những khách nhà quê, mỗi năm ra độ một vài lần, thường thường vào những dịp sưu thuế.

Ở một nơi biệt tịch, ít giao thiệp, mà bà phán Mậu cũng biết được các tin tức trong thành phố, những việc xảy ra hàng ngày, như người ngồi buồng kín, đọc tờ báo để biết sự sinh hoạt bên ngoài. Tờ báo của bà Mậu là bà Tâm. Bà Tâm trạc ngót bốn mươi, dong dỏng cao, và gầy, nên trông lại càng cao thêm. Đôi vú chảy xuống làm ngực lép lại và cái bụng đưa ra đằng trước; dáng đi thõng thẹo của người làm dáng lúc quá thì.

Thân thể mảnh khảnh của bà Tâm như để dễ đưa bà vào các chỗ tụ họp của mấy bà tai mặt trong thành phố, phần nhiều là vợ các công chức. Đám chắn nhà bà chủ giây thép, hội tổ tôm của bà thú y, ít khi vắng bà Tâm. Cặp môi mỏng dính của bà không bao giờ giữ nổi những câu chuyện bà nghe được; chuyện lăng nhăng của mấy bà rỗi mồm, thóc mách, kháo nhau trong lúc ngồi đợi đủ chân bài. Nghe được gì, bà Tâm thường về nói lại với bà Mậu. Mỗi khi bà sang vay tiền bà Mậu đi đánh bạc, là có một câu chuyện làm quà. Kể với bà Mậu, bà Tâm được yên lòng. Bà Mậu chắc không mách lại với ai. Bà Tâm ít sợ đôi co.

Con sen mang nước sôi lên, sắp ấm chén. Bà Mậu bảo:

– Thôi để đấy. Đưa chai chè đây rồi mày xuống trông cơm đi.

Mỗi khi bà Tâm tới, bà Mậu thường hay sai con ở xuống bếp, hoặc đi chỗ khác. Bà biết rằng nếu có một người nào ở đấy, bà Tâm sẽ không nói nhiều mà những câu chuyện của bà Tâm, bà Mậu rất

ưa nghe. Bà muốn thấy một âm hưởng cuộc đời ở ngoài mà bà rất muốn dúng vào nếu không quá giầu lòng tự ái. Ông Mậu chỉ là một viên thư ký. Chơi với các bà Đốc, bà Tham, bà Mậu thấy như người ngoài cười chơi trèo, hoặc phải giữ thái độ khúm núm với người có danh vọng hơn.

Chẳng thà lảng xa, dầu lòng tự ái dưới bộ mặt kín đáo và kiêu hãnh.

Hai người đàn bà bắt đầu nói những chuyện trời mưa, trời nắng. Những câu mở đầu không biết dùng đã bao nhiêu lần, những khi họ gặp nhau.

Bà Tâm nhắc chén nước:

– Giời mấy hôm nay khó chịu quá.

– Vâng, khó chịu thật. Hanh không ra hanh, nồm không ra nồm. Tôi thấy váng vất, bỏ cả cơm. Chắc nhiều người ốm lắm.

Cậu bé con đang ngồi với mẹ, tụt xuống đất, giương đôi mắt thỏ nhìn chiếc lọ đồng bóng loáng ở giữa bàn, có cắm mấy chiếc hoa vải đã phai màu. Bà Mậu kéo đứa bé sang phía bà:

– Cậu Quý ngoan quá nhỉ! Lấy bông cho bé chơi nhé?

Bà Tâm vội đáp:

– Thôi bà đừng chiều cháu, nó làm hỏng ngay đấy. Ở nhà bao nhiêu đồ chơi ba cháu mua tận Hà Nội, mà không cái nào đậu được lấy vài hôm.

Bà nhìn con mắng yêu:

– Hư quá!

Quý hiểu mẹ mắng mình, nép vào gối bà Mậu.

Bà Mậu bế đứa bé để lên lòng:

– Em ngoan lắm đấy chứ!

– Cháu quấy và nghịch lắm, không mấy trưa là ba cháu được ngủ yên. Nhiều lúc phải gắt mắng mà chúng vẫn chòng nhau: Thật là cái tội.

Bà Tâm cười, vẻ cười của một bà mẹ thỏa mãn. Bà đã vui lòng mang cái tội nhiều con. Bà âu yếm nhìn Quý ngồi tròn trong lòng bà Mậu.

Bà Mậu thở dài:

– Chúng tôi chỉ mong được đứa con trai như thế này cho nó phá!

Nét mặt bà Mậu rầu hẳn xuống. Bà Tâm vẫn biết bà Mậu quý trẻ, bà thường lợi dụng chỗ đó. Mỗi khi cần nhờ vả một việc gì, bà thường cho Quý sang theo. Những hôm ấy, bà Mậu như dễ dãi hơn. Hôm nay câu của bà Mậu có vẻ thiết tha, làm bà Tâm thấy đã chạm đến một điều đau đớn. Hai người nhìn nhau. Bà Tâm không biết nên hưởng ứng với nỗi ao ước của bà Mậu, hay nói một câu khôi hài làm vui lại câu chuyện. Đứa bé bị bà Mậu ôm chặt, giẫy đòi tụt xuống.

Bà Mậu rót thêm một chén nước:

– Mời bà xơi nước.

– Bà để mặc tôi. Con cái cũng tại số. Chúng tôi lắm lúc thực khổ lắm, muốn đem cho bớt người ta nuôi đỡ.

– Bà nói thế, chứ lắm người cầu lấy khổ như ông bà mà không được. Hay là bà cho tôi cậu Quý này!

Bà cúi xuống Quý:

– Cậu sang với tôi nhé!

Bà Tâm cười:

– Vâng, tôi biếu làm con bà đấy!

Bà Mậu cũng cười, tiếng cười đầy vẻ ngượng.

Bà Tâm nói:

– Chẳng qua cũng là số trời. Nhiều người muộn mằn mà sau rồi cũng có con đàn, con đống, nhưng hiếm hoi mà được ông bà đây thực là ít có. Nhiều gia đình chỉ vì thế mà sinh đến lắm chuyện. Bà biết nhà ông kiểm lâm đấy chứ? Bây giờ thật là tan nát.

Bà phán Mậu đoán thấy một câu chuyện:

– Thế kia ư? Gia đình ấy ra dáng vui vẻ, thuận hòa lắm mà. Làm gì mà đến nỗi tan nát.

– Vâng, thật không ai ngờ. Ông ấy còn trẻ, có lẽ lại còn ít tuổi hơn ông phán nhà ta. Gia đình ấy chỉ êm thấm ngoài mặt đấy thôi, ở ngoài trông tưởng hòa hợp, vui vẻ lắm, ai biết đâu? Bà ấy thường

than thở với tôi, lắm lúc phải khóc vụng. Đầu tiên, ông ấy đi chơi đêm, bà ấy ngăn cản, ông ấy cười bảo: "Mợ đẻ một đứa con trai đi, tôi sẽ ở nhà với mợ suốt đêm ngày". Tưởng chồng vẫn yêu quý mình, thôi thì bà ta cũng đành lòng để chồng chơi bời chút đỉnh. Ai ngờ một ngày một quá, mấy tháng trước đây, đêm nào ông ấy cũng đi suốt sáng. Rồi cứ mỗi lần nói là một lần cãi nhau.

Ông ấy chẳng còn kiêng nể gì nữa, nói nhiều câu thậm tệ. Những là... những gì... gì nhỉ? Câu gì chữ nho nghĩa là... là không có con thì cho về.

– "Vô tử tức, hoàn tông nhân". Không có con thì cho về, có phải không bà?

– Vâng, phải câu ấy đấy. Lại còn nhiều câu thậm tệ nữa. Bà tính như thế thì còn tình nghĩa gì?

Bà Mậu ngồi im. Bà Tâm sắp giọng, nói tiếp:

– Hôm nọ ông ấy công nhiên mang một con gái nhảy về, chửa đã trông thấy bụng. Thành một cuộc xô xát tay ba. Nhưng bà tính yếu ớt, mảnh khảnh như bà kiểm lâm thì còn đánh nhau được với ai. Ông ấy lại bênh con kia. Hôm sau bà ấy về Hà Nội với mẹ, cùng đi một chuyến xe với tôi.

Bà Tâm ngừng lại, muốn đợi một câu gì của bà Mậu. Bà Mậu vẫn im lặng như nghĩ đến một câu chuyện gì khác. Cậu Quý, không thấy ai nhìn đến, níu áo bà Mậu, muốn đòi một cái hoa khác.

– Ra đây, sao hỗn thế con?

– Bà để mặc cháu nó chơi. Thế ra bà kiểm lâm cùng về Hà Nội một chuyến xe với bà!

– Vâng, trông bà ta ái ngại quá, lôi thôi lốc thốc như con mẹ dại. Nói chuyện như chỉ muốn khóc. Bà ta lành quá. Như tôi thì chả đời nào tôi chịu thế!

Bà Mậu mỉm cười một cách hoài nghi. Bà Tâm vội cãi:

– Thật chứ! Người ta cướp mất chồng mình thì ai mà chịu được. Nhất là lành làm gáo, vỡ làm môi, đã muốn tan nát thì cho tan nát nhân thể, rồi ra sao thì ra!

Mặt bà Tâm hồng lên, hai mắt lọng lanh đưa đi đưa lại rất mau. Bà ra vẻ hăng hái, cả quyết tâm. Chỉ nhìn bà trong một lúc như vậy, ông Tâm cũng đủ không dám trái ý vợ.

Bà Mậu chép miệng:

– Mỗi người một tâm tính, mỗi nhà một cảnh. Bà ta trông cũng hiền lành, và còn trẻ lắm.

– Vâng. Bà ta mới ba mươi. Mà có lẽ hiền lành quá thành lẩn thẩn, ngu độn để cho ông ấy bắt nạt được. Giá giữ ngay từ đầu lúc ông ấy mới đi chơi thì đâu đến nỗi. Nhưng tưởng chồng vui anh vui em, qua quýt cho qua ngày tháng. Mà mỗi lần động đến là lại bị ông ấy chận họng: "Mợ cứ đẻ con trai đi, thì tôi ở nhà".

– Mới ba mươi tuổi thì lo gì chẳng đẻ. Ông ấy muốn đi thì thiếu gì cách, có con mà ông ấy chẳng tìm được cớ khác để đi à? Bà ấy còn trẻ nhưng khốn nỗi...

Bà Tâm ngừng lại.

– Nhưng sao bà?

Bà Mậu chăm chú nhìn bà Tâm. Bà Tâm ngập ngừng như đã buột miệng nói ra một câu chuyện đáng giấu. Nhưng bà ta đã trót nói hở ra, và bà Mậu cứ chăm chăm nhìn mãi. Câu chuyện có táo bạo, hoặc vì một lẽ gì làm ngượng mồm không tiện nói, bà Tâm nhìn chung quanh phòng khách, tuy đã biết chắc là không có người nào ngoài cậu bé con, rồi bà xích lại bà Mậu, nói nhỏ vào tai.

Bà Mậu mỉm cười, mắt sáng thêm, mặt bỗng như có một luồng máu nóng trào lên.

– Thế kia ư?

– Vì thế nên mỗi lần nói động đến chuyện sinh đẻ, thì bà ta lại phải nhịn, không dám nói năng gì.

Câu chuyện chắc đã gợi ra những ý nghĩ gì, nét mặt bà Mậu lại tành vơ vẩn. Bà Tâm muốn bênh một bạn gái:

– Nhưng chắc cũng tại ông ấy chứ, đàn bà chúng mình làm gì nên tội. Phần nhiều các bệnh tật là do tại bọn đàn ông cả.

Bà thở dài tiếp:

– Làm thân phận đàn bà cũng khổ thật!

Hai người lặng im. Tiếng tích tắc rơi rõ mồn một, làm cậu Quý ngửng lên nhìn chiếc đồng hồ.

Bà Mậu hỏi:

– Thế cái con gái nhảy ấy có đẹp không?

Môi dưới bà Tâm dài ra:

– Đẹp đẽ gì cho cam? Lênh khênh như cô hồn đợi lộc, đít cong như bọ ngựa. Nhưng đàn ông họ hay chuộng của mới; cũ người mới ta, mà lại thử bỏ phấn ra thì chẳng khác gì con chết trôi, những hạng ngay lưng ấy, lúc nào cũng phấn sáp thì làm gì chẳng được các ông ấy coi hơn chị em mình, mình hơi đâu đỏm dáng như họ.

Như muốn phản kháng câu cuối cùng, chiếc đồng hồ rên lên, rồi gõ luôn mười một tiếng. Các bà vẫn còn đỏm dáng lắm. Cổ bà Mậu có chuỗi hạt trai giả. Mặt bà Tâm không mấy lúc hết vết phấn. Các bà vẫn để ý đến những kiểu áo mới, mẫu hàng hợp thời trang. Nhưng biết rằng không sao hơn được bọn gái mới, trẻ đẹp hơn, các bà làm ra bộ kiêu kỳ, đứng đắn, và càng ghét bọn này.

– Chết chửa, mười một giờ rồi. Ông phán sắp về, xin phép bà.

Bà nắm tay Quý:

– Ra đây con.

– Bà ngồi chơi tý nữa đã. Nhà tôi còn lâu mới về.

Tuy nói vậy, bà Mậu cũng đứng dậy tiễn chân bạn. Ra đến cổng bà còn dặn với:

– Thỉnh thoảng bà cho cháu Quý sang chơi.

– Vâng, lúc nào rỗi tôi lại xin sang. Dạo này cũng chẳng có công việc gì, lắm lúc buồn quá, chẳng biết đi đâu. Xin chào bà.

II.

Năm ấy bà Mậu ba mươi hai, kém chồng bốn tuổi. Hai người lấy nhau đã lâu mà chưa có con. Bà Mậu là một người vùng xuôi, trước kia có một ngôi hàng tạp hóa. Năm mười chín tuổi bà Mậu còn tên là cô Nga, ngày ngày ngồi bán hàng với một người em gái mới lên bảy, Cô Quỳ – và bà mẹ. Ông bố đã mất sớm. Một người em trai cô Nga, cậu Chất đang theo học ở trường tỉnh.

Gia đình ấy sống về một ít ruộng ở nhà quê hơn là cái cửa hàng. Bà mẹ ở tỉnh vì có cậu Chất đi học và mở cửa hàng chỉ cốt cho hai cô con gái có công việc, học buôn, học bán.

Nhà không giàu nhưng được dư dật, và được mẹ chiều nên cô Nga đã đỏm dáng, đỏng đảnh từ sớm. Chiều chiều những giờ tan các công sở, cô rời cái ghế đẳng sau tủ hàng nó che lấp quá nửa người, ra đứng bực cửa nhìn các người làm việc về quê. Ở các tỉnh nhỏ, người được các thiếu nữ để ý đến nhất là các công chức trẻ tuổi. Rồi cô Nga phải lòng một viên thư ký tòa sứ. Vì cô ít tuổi và bồng bột trong tình yêu lần đầu, không giữ kín đáo, hoặc vì anh tình nhân đem khoe với các bạn cái may của mình; nên chỉ một vài tháng cả phố đã biết chuyện, trừ bà mẹ cô.

Hơn một năm sau, tình nhân đổi đi nơi khác. Tuy nhan sắc khá, cô Nga cũng khó lấy chồng. Mãi đến năm cô hai mươi nhăm mới có ông Mậu ở tỉnh khác đến hỏi. Cô nhận lời ngay và đám cưới rất gấp. Ông Mậu không kịp nghe những lời dèm pha. Sau tủ hàng, cô Quỳ đã ngồi thay chị. Dân trong phố dần dần quên cô Nga. Ngày tháng lặng lẽ trôi.

Các cô con gái thường có những chuyện tình ái trong lúc mới lớn. Nó thường là những ý tưởng vơ vẩn, hoặc những người bạn trai cùng trạc tuổi, trong sạch và ngớ ngẩn. Cũng có khi họ dắt đến nhục dục. Nhưng thường thường khi người con gái thành gia thất, thì tình ái ấy tan vào giường người chồng chính thức.

Cô Nga quên người trước đã lâu. Cô sẽ thành một người vợ như bất cứ người đàn bà nào, nếu cuộc gặp gỡ ban đầu đã không để lại vào xác thịt cô một vết thương ác nghiệt.

Cô đã có thai một lần với tình nhân. Được hai tháng, khi cô biết chắc chắn, thì biết chắc chắn thêm cả tâm tính người yêu, họ chỉ dụng cô làm thú tiêu sầu khi vợ cả ở nhà quê. Lúc ấy bà mẹ mới biết rõ con gái, bà đành bưng bít để cứu vớt lấy thanh danh. Bà đưa cô về quê một ít lâu, cô Nga không nghĩ gì đến đứa con, chỉ căn dặn tình nhân và lộ chuyện vỡ cái thai ra.

Ông phán Mậu xem cách cư xử, thì như không ngờ việc gì về quá khứ vợ. Ông Mậu tính rất lành, ít chơi bời. Ngày ngày, ngoài hai buổi ở sở, ông chỉ quanh quẩn trong nhà. Người ta bảo ông

trưởng giả, có người lại bảo ông ngu. Ông cũng không ngu lắm. Thỉnh thoảng cuộc hội họp các anh em, một đám tiệc tất niên, hay tiễn chân một bạn đồng sự mà bất đắc dĩ ông phải đóng góp, thì ông cũng ra vẻ ăn nói. Ông bàn về bất cứ một vấn đề gì: thể thao, văn chương, xã hội, chính trị. Món gì ông cũng biết, cũng ra vẻ thành thạo. Ngoài những dịp ấy, nếu ai có rủ rê ông, thì không những ông từ chối, ông còn giảng đạo đức. Lý thuyết của ông là những câu châm ngôn in trong sách luân lý cho các học trò trường sơ học. Một lần, hai lần, người ta đâm chán, để mặc ông. Bà Mậu đã tự cho là may mắn, lấy được chồng hiền lành.

Bà Tâm về được một lát, bà Mậu thấy nhức đầu. Bà kêu con sen, dặn dò cơm nước cho chồng, rồi vào buồng nằm. Ngẫu nhiên, cả một thời xưa hiện đến, dồn dập diễn thành những cảnh rất linh hoạt trong trí não.

Lấy ông Mậu được một năm, bà có thai. Quãng đời về trước xóa nhòa hẳn. Bà không còn phải lúc nào cũng hồi hộp, sợ người ta biết điều bí ẩn của dĩ vãng mình. Ông Mậu không yêu bà nồng nàn như tình nhân xưa, nhưng bà đã tránh cái nồng nàn giả dối nó đã đánh lừa bà. Và ông Mậu cũng là người chồng đáng giá, có chức nghiệp, có vón liếng, làm cách sinh hoạt được dễ dàng. Bà Mậu không phải chịu cảnh làm dâu cạnh mẹ chồng. Ông Mậu làm việc xa quê, họ hàng ít khi đi lại. Hai vợ chồng ông biệt tích một nơi.

Đi đâu với chồng, bà được thả cái bụng chửa ra mà không sợ ai dị nghị, lại còn kiêu hãnh. Bà nghĩ đến đứa con sẽ làm vui thêm cửa nhà và nghĩ đến cách chăm nom đứa bé. Ông Mậu săn sóc bà hơn ngày thường. Đêm ngủ bà đặt tay chồng lên bụng và cảm thấy một nỗi vui thấm thía. Cái vui đó không được bao lâu: đến tháng thứ sáu, bà Mậu bị tiểu sản.

Một tiếng sét giữa trời quang, hạnh phúc của bà Mậu mất từ lúc ấy. Tiểu sản là một bệnh của những người đàn bà không may, nhưng sao, người ấy lại chính là bà giữa lúc đang bồi đắp bao nhiêu hy vọng? Không một điều gì có thể để ngờ việc đó. Bà rất khỏe mạnh. Không bao giờ bà thấy trong mình dễ chịu như hồi ấy. Bà ăn được, ngủ được, nước da đỏ đắn. Hay là...

Hay là cái thai trước nó báo?

Bà hoảng hốt vô cùng vì ý nghĩ đó. Đàn bà thường hay dị đoan mà khi ý nghĩ đó đã vào óc, thì nó thâm nhập mãi, xoáy mãi mãi vào như một chiếc đinh ốc. Từ đấy bà chỉ nghĩ đến những sự quả báo, cùng các điều ghê gớm hơn nữa. Muốn sám hối tội lỗi, và tìm che chở ở Trời, Phật, bà không quản vất vả, xa xôi, đi lễ hết các đền các phủ, đội ba bốn bát hương. Ông Mậu không ưa lễ bái, nhưng thấy vợ đau đớn quá, người sút, xấu đi, cũng phải chiều. Bà Mậu cho rằng chỉ khi nào, bà có con thì mới là rời khỏi cái ác báo. Tháng tháng, bà nghe ngóng. Mỗi lần hành kinh chậm, bà Mậu lại có cái mừng hụt, rồi lại lo.

Hai năm sau, bà Mậu lại có mang.

Lần này hai vợ chồng cẩn thận ngay từ lúc đầu. Đến tháng thứ ba, ông Mậu đưa vợ đi thăm bệnh. Bà Mậu chăm chăm nhìn thầy thuốc như muốn đọc lời phán đoán trong cặp mắt đã quen kín đáo, không hề để lộ một ý gì. Ông thầy thuốc dặn giữ gìn cẩn thận, tiêm thuốc, kê một cái đơn, rồi bảo hai vợ chồng về. Lần này thì được bảy tháng. Bà Mậu lại sẩy. Một đứa con trai ra đời chỉ đậu được vài giờ. Bà đâm ốm kịch liệt, thầy thuốc phải luôn săn sóc. Cái đau trong tâm hồn làm tăng sự yếu ớt của xác thịt. Nằm trên giường bệnh bà chỉ nghĩ đến những chuyện khủng khiếp thấy ý nghĩa ghê rợn cả từ trong những chuyện rất thường, giấc ngủ của bà thường đầy ác mộng. Nhờ sự tận tâm của chồng, và tốn rất nhiều, mấy tháng sau bà Mậu bình phục. Trước khi ra về lần cuối cùng và để lại một đơn thuốc bổ, thầy thuốc dặn lại:

– Dạ con của bà yếu quá, không giữ nổi cái thai nên mới sẩy đến hai lần. Có giữ gìn cẩn thận lắm thì may được lâu hơn ít nữa, nhưng chưa chắc được đủ ngày tháng. Nếu được tám tháng mà đứa trẻ khỏe mạnh thì có thể nuôi được. Mỗi lần sinh đẻ như thế hại người lắm; bà còn trẻ, khí huyết phương cường, nên mới chữa được dễ dàng thế, nếu người yếu thì nguy hiểm lắm. Bà nên cẩn thận.

Bà Mậu nghe lời thầy thuốc trời đất tối sầm lại, chân tay bà rời rã. Thế là hết! Dạ con của bà đã hỏng. Bà sẽ không bao giờ có con, sẽ như một cái cây cằn cỗi dần dần không ra hoa, kết quả.

Lúc này, bà càng thấy đứa con cần cho gia đình. Hai vợ chồng cũng đã đứng tuổi, đứa con làm chặt tình liên lạc của hai người,

làm vui vẻ cửa nhà, làm phát triển những thiên tính của người đàn bà thích nuôi nấng, ôm ấp. Lại còn chuyện hương lửa, đứa con sẽ phụng dưỡng lúc tuổi già, đơm cúng khi chết, nối lại giòng dõi về sau. Người không con sẽ bị "ăn cháo lá đa". Ý đó thảm thiết lắm. Bà, ông Mậu, sẽ phải đi cướp cháo thí? Ông Mậu chắc không khi nào chịu. Không có con nào phải tại ông? Giá ông mang một bệnh tật gì để bà không sinh đẻ, thì bà đỡ được lỗi về mình, nhưng ông lại rất khỏe mạnh, bình thường. Bà đã chửa với ông hai lần, không thể nào đổ lỗi cho ông được.

Dù ông Mậu, quá thương yêu bà, không nghĩ gì đến con cái – một điều bà không tin chắc được – thì còn mẹ chồng. Bà cụ chắc không khi nào chịu để cho giòng giống tiêu diệt. Bà Mậu lại tưởng tượng đến một đứa cháu nào trong họ sẽ đến ăn thừa tự. Không phải khí huyết bà, khi giỗ ngày tết, nó đơm cúng lăng nhăng để nuốt cho trôi hương hỏa. Hoặc là ông Mậu lấy vợ lẽ.

Sao lại không? Ít lâu nay, bà thấy thái độ chồng thay đổi, hoặc bà quá lo nghĩ mà đâm ra nghi ngờ như vậy. Nhưng sao ông Mậu lại không nghĩ như thế? Bà đã dấu được chồng thời còn con gái, nhưng ông Mậu ngu gì mà không thấy một trường hợp dành dành trước mắt.

Ông vẫn ít nói, vẫn quanh quẩn ở nhà, bà cho là ông đang kín đào thầm tính công việc. Mỗi lần có mẹ chồng ra chơi, bà lại ngơm ngớp sợ. Bà đã xin chồng đừng cho mẹ biết lời thầy thuốc, nhưng biết đâu trong lúc vui chuyện vắng bà, mẹ con lại chẳng kể lể, bàn bạc với nhau. Ông Mậu mà muốn lấy vợ lẽ, bà mẹ chồng chắc bằng lòng. Bà cụ còn mong như thế nữa. Nếu việc ấy xảy ra, bà sẽ mất quyền thế trong gia đình mà bà đã vun đắp mấy năm nay. Công của bà sẽ có người khác vào tọa hưởng.

Chỉ nghĩ đến cũng đau khổ, không bao giờ bà chịu cảnh đó. Bà sẽ dùng hết cách để ngăn ngừa. Những cách gì, bà chưa biết, nhưng bà sẽ không lùi trước bất cứ một điều gì, dù cho đến tội ác. Bà sẽ không như bà kiểm Lâm, chịu để người ta cướp chồng.

Cửa bên ngoài mở, bà Mậu nhận thấy tiếng chồng về. Ông Mậu nói gì với con sen, rồi vào buồng ngủ, ông cởi áo, hỏi bà:

– Mợ làm sao. Không ăn cơm à?

Bà Mậu vẫn nằm im, nhắm mắt. Đợi cho chồng hỏi lại lần nữa.

– Tôi nhức đầu lắm, không muốn ăn, cậu ăn đi.

– Nhức đầu à? Chỉ nhức đầu hay có làm sao nữa không?

– Không chỉ nhức đầu thôi.

– Thế có muốn ăn gì không? Muốn ăn gì bảo nó đi mua.

– Được, cậu cứ để mặc tôi, để tôi nằm một tý xem nó có đỡ không đã.

Ông Mậu ra buồng ăn. Tiếng bát đĩa lạch cạch. Một lát, ông vào nói:

– À này mợ ạ, có thư gửi ở nhà lên đấy.

– Thư ở đâu?

Bà giật mình, tưởng thư của mẹ chồng. Nhà quê ít khi viết thư, mỗi lần viết là có việc quan trọng. Biết đâu chẳng là chuyện bà đang lo nghĩ.

Ông Mậu lại nói vào, mồm như đầy thức ăn:

– Thư ở dưới đẻ: cô Quỳ sắp lên chơi đấy. Thư ở trong túi áo tôi ấy; mợ lấy mà xem.

Bà Mậu quên cả nhức đầu, vùng dậy, xỏ vội đôi guốc chạy ra mắc áo. Tay run run, bà lấy chiếc phong bì, liếc qua mấy hàng chữ quen quen của cô em gái, rồi bà đọc rất nhanh cả bức thư. Song bà đọc lại từng chữ: cô Quỳ sắp lên Hà Nội sắm ít thức vặt, và nhân tiện lên thăm anh chị.

Bà Mậu ra nhà ngoài, ngồi xuống cái ghế đối diện với chồng:

– Cậu nhận thư này từ bao giờ?

– Tôi mới nhận được sáng hôm nay, không biết cô ấy lên mua gì. Nếu không ở lâu Hà Nội thì độ mai kia lên đến đây.

– Nó có quen ai ở Hà Nội đâu, mà ở lâu làm gì? Chắc nó lên đây ngay. Lâu nay, không được tin tức gì ở nhà, không biết có chuyện gì lạ không?

– Chắc cũng chẳng có chuyện gì, nếu có thì đã viết thư lên, hoặc kể trong thư này. Lâu lắm không gặp cô Quỳ. Tết vừa rồi xuống lễ tết, cô ấy lại đi vắng. Chắc cô ấy bây giờ đã lớn lắm rồi.

– Cô Quỳ năm nay bao nhiêu tuổi nhỉ?

Bà Mậu nhẩm tính:

– Năm nay hình như nó mười chín.

– Hừ, chóng thế đấy. Mới hồi nào hãy còn là cô bé con. Bây giờ đã mười chín tuổi rồi. Chẳng biết đã có ai hỏi chưa?

– Tôi cũng không được biết.

Bà Mậu yên lặng nhìn chồng. Trong óc bà, vừa nảy ra một ý tưởng lạ. Thoạt đầu, ý tưởng đó như rất vô lý. Dần dần nó mất vẻ lạ lùng đi, và chỉ còn là một việc thường. Những điều kiện "có thể" thay cho "không thể".

Tại sao không hỏi cô Quỳ cho chồng?

Bà đã muốn cứu vớt lấy tình thế, dù đến tội ác cũng không lui, thì cô Quỳ lấy ông Mậu sẽ làm thanh thỏa câu chuyện. Bà vẫn giữ được địa vị, vẫn là người chủ trong gia đình, không sợ người em gái tranh mất quyền hành. Lúc bé cô Quỳ vẫn thường theo lời chị, cô Nga vẫn thường bắt nạt em. Cô Quỳ sẽ chỉ việc đẻ con. Những đứa con ấy cùng chung một khí huyết, sẽ cũng như con bà. Giá toàn là con mình thì vẫn hơn, nhưng trong trường hợp này, bà phải rầu lòng nhận lấy một phần bất đắc ý ấy, cũng đã là phương tiện lắm rồi. Còn hơn là phải nhận con một người đàn bà khác.

Bà ngạc nhiên rằng sao mãi đến bây giờ mới tìm ra cách giải quyết ấy. Cô em chắc không chiếm được tình yêu của chồng. Ông Mậu không phải là người yêu đến si mê. Mà sau này, dù có xảy ra chuyện gì, bà cũng vẫn là vợ cả. Đối với một người vợ lẽ, lại là em gái, bà có nhiều quyền hành lắm.

Ông Mậu đã ăn cơm xong, ghếch chân lên bàn xỉa răng. Nhưng làm sao cho một người con gái mới mười chín tuổi đầu, bằng lòng lấy Mậu, lại lấy lẽ? Lâu không gặp em, bà Mậu không hiểu Quỳ bây giờ ra sao. Vẫn là cô em ngoan ngoãn, dễ bảo hay đã thành một gái mới, tiêm nhiễm những tư tưởng giải phóng, tự do. Nếu thế thì điều bà định lại càng khó khăn lắm. Nhưng ở một tỉnh nhỏ, cô Quỳ chỉ ngày ngày ngồi trông hàng, chẳng lẽ đã thay đổi đến thế được. Bà sẽ cố tìm lẽ để thuyết phục em.

Các ý tưởng dồn dập rối tung trong óc. Bà tự nhủ: "Để thong thả rồi mình sẽ liệu".

Từ lúc ấy, bà hết sức mong em. Bà sai dọn dẹp nhà cửa, như sắp tiếp một vị thượng khách.

Buổi chiều, hai vợ chồng đang ăn cơm thì cô Quỳ vào.

– Chào anh chị ạ.

Bà Mậu vội bỏ đũa:

– Kìa cô đã lên đấy à? Anh vừa nhận được thư sáng hôm nay. Tưởng sáng mai cô mới tới.

– Em cũng định ở lại Hà Nội rồi mới lên đây. Nhưng em lên thăm anh chị trước, rồi lúc về mua cũng được. Và em muốn rủ chị cùng về Hà Nội với em một thể.

Con chiên non đã vào hang con sói.

III.

– Tại sao nhà ta lại không dọn hàng nữa?

– Độ này ế lắm. Chị tính mỗi ngày bán được vài ba đồng bạc thì lời lãi gì. Để bảo đóng cửa, và tính đi thuê nhà chỗ khác, chứ không buôn bán thì cũng chẳng cần ở đấy nữa.

Hai chị em đợi lúc ông Mậu đi làm để được tự do nói chuyện nhà. Bà Mậu đã lâu không về, muốn biết những sự thay đổi, và bà Mậu chắc cô Quỳ lên chơi, không phải chỉ cốt để thăm bà. Bà Mậu lặng ngắm em: Cô Quỳ đã khác trước nhiều. Ở cái tuổi này, người ta rất chóng thay đổi, chỉ một vài năm là không còn nét cũ. Cô Quỳ đã nhớn bổng lên. Tuy cô không xinh đẹp lắm, trông có vẻ ưa nhìn của cô gái dậy thì. Khổ mặt trái xoan, nước da mịn, hai con mắt hơi nâu và tinh nhanh. Trong lúc nói chuyện nhà này, khóe mắt, vẻ mặt cô dịu xuống làm câu chuyện càng thêm ý nghĩa. Bà Mậu không ngờ cô em có vẻ người nhớn đến thế.

Cô Quỳ nhìn xuống, lấy ngón tay chấm nước trong đĩa vẽ những hình tròn lên mặt bàn:

– Để bảo em lên nói để chị biết, nhưng chị đừng nói lại với anh ấy...

– Không khi nào tôi lại...

– Ấy là để dặn thế. Nhà ta dạo này quẫn lắm. Chỉ còn trông vào anh Chất. Đẻ buồn, lại hay sinh ốm vặt, lắm lúc sốt ruột lắm.

Bà Mậu càng thêm vẻ suy nghĩ. Những tin ấy hình như có ích cho bà.

– Tuy đóng cửa hàng, nhưng còn ruộng nương ở nhà quê. Nhà làm gì đã đến nỗi túng?

Cô Quỳ thở dài:

– Cũng chẳng ăn thua gì đâu, chị ạ. Chúng nó cứ ỳ ra không chịu nộp thóc, để tại mất mùa màng, khó cày cấy. Mình chỉ phải nai lưng đóng thuế, để cũng muốn bán quách cả đi.

– Ấy chết! Sao lại bán, bán cho ai?

– Để nói định thế thôi, nhưng nếu ngỏ ý bán thì thiếu gì người mua.

– Cô về nói với để rằng đừng bán vội. Bán thì dễ, chứ không mỗi lúc mà tậu được đâu. Đợi tôi về rồi sẽ tính.

Những vòng tròn của cô Quỳ đã thành một mảng nước, ướt cả góc bàn. Bà Mậu không bỏ qua một cử chỉ của em; bà nhìn cô như một võ sĩ nhìn bên địch, để tìm chỗ yếu, càng xoi mói hơn bằng cặp mắt không mở rộng. Trông cô Quỳ ngồi trước mắt, thì bà thấy công việc bà định khó khăn vô cùng. Nhưng đem đặt cô vào một gia cảnh vừa rồi thì sự khó khăn như giảm đi nhiều.

– Thôi, cô thay áo đi, rồi sắp sửa ăn cơm. Anh cũng gần về rồi.

Cô Quỳ uể oải đứng dậy:

– Em lên nói để chị biết thế. Khi nào rỗi chị về chơi. Còn em, mai em phải về. Em còn qua Hà Nội mua mấy thước lụa. Để bảo công khó nhọc trông hàng, thì để cho một cái áo. Em cũng chẳng thiết mua, nhưng em không còn áo nào mặc được nữa. Chị có về Hà Nội với em được không?

– Được chứ. Hôm nào cô về chị đi với.

– Mai em về.

Bà Mậu nói vội, như sợ cô Quỳ đi ngay lúc ấy:

– Cô về làm gì vội? Cô hãy ở chơi đã. Bây giờ còn công việc gì mà phải vội vàng.

– Nhưng em sợ để mong.

Bà Mậu hết lòng chiều đãi cô em gái. Bà là người chị tử tế, ngọt ngào, như mong em đã lâu mà nay mới được gặp. Bữa cơm nào cũng đầy món ngon lành, bà Mậu săn sóc chiều từng ý muốn nhỏ nhặt của người em.

Chiều chiều, bà Mậu thường bảo chồng đưa bà và cô Quỳ đi chơi phố. Một cách kín đáo, bà bảo ông Mậu thắt cái cà vạt đắt tiền, mặc bộ áo sang nhất. Bà đi lùi lại sau, nhìn chồng sóng đôi nói chuyện với em, cố gỡ những tư tưởng lộn xộn trong trí.

"Làm thế nào, hở giời, biết làm thế nào cho nó bằng lòng?".

Cô Quỳ mải vui quên cả nỗi về. Người con gái ấy xưa nay đã sống buồn tẻ, bên cạnh một bà mẹ trên mặt không mấy lúc có nét vui. Lúc tâm hồn người con gái đang muốn được cởi mở, đang thèm thuồng cái đẹp, cái vui, các thớ thịt đầy sinh lực cần hoạt động, nảy nở, thì cảnh đó là một cái vòng thắt con người ấy lại. Bây giờ không phải vào bếp, trông nhà, nghĩ đến những việc buồn tẻ hàng ngày nó hút hết thời khắc, không cho rảnh rang nghĩ đến những chuyện đẹp đẽ hơn. Cảnh dư dật nhà ông Mậu làm quên được giá trị đồng tiền, đỡ nỗi suy tính.

Cô Quỳ được sống an nàn, được nói nhiều, cười nhiều, nhìn chung quanh kính nể và chiều chuộng.

Một hôm, cô Quỳ sực nhớ là đã ở đây đến một tuần lễ. Cô bảo người chị:

– Em ở chơi đã lâu rồi, nhà vắng chỉ có một mình để vậy anh chị cho em về.

Bà Mậu nghĩ một lát:

– Ngày mai thứ mấy nhỉ?

– Mai chủ nhật. Em lên đây từ thứ sáu trước.

– Cô không ở chơi được vài ngày nữa à?

– Em nóng ruột lắm, chắc ở nhà để mong. Để lần khác em lên chơi với anh chị, sẽ ở lâu hơn.

Bà cụ chắc có mong, còn cô Quỳ thì không nóng ruột chút nào. Cô đã quên là ở lâu đến chừng ấy ngày, và còn có ý mến tiếc. Bà Mậu cười một vẻ rất xa xăm.

– Ừ, cô muốn thì mai về vậy. Còn thiếu gì lúc đi lại, lần sau cô sẽ ở chơi lâu với chị. Mai cô đi chuyến xe sớm, cô muốn ở lại Hà Nội mua hàng thì cũng chán thì giờ. Cô nói với đẻ nay mai thế nào tôi cũng xuống chơi. Có chuyện cần nói với đẻ.

Cô Quỳ chắc là chuyện ruộng nương.

– Vâng, để em bảo đẻ.

Cô Quỳ gần đi, thời giờ gấp rút lại, bà Mậu càng băn khoăn, nghĩ đến việc mình. Trong mấy ngày trời, bà hết sức chiều đãi em, làm gần hai người, gây cảm tình cô em với chồng, với gia đình bà. Bà thấy không ăn thua gì. Cô Quỳ vẫn thản nhiên cười nói, không lộ một vẻ gì khác. Bên cái mạng nhện, con muỗi vẫn vo ve.

Bà lại bực mình với chồng. Người đâu mà đần độn quá, không hiểu một tí gì! Giá chồng tinh quái như người ta, thì công việc họ dễ dàng thêm biết mấy, ông Mậu chưa quá tuổi, ăn mặc vào cũng còn bảnh bao, lại gặp dịp người con gái ở ngay trong nhà mình. Cô gái đến thì nào chẳng ưa thích những lời tán tỉnh những yêu đương, dù ngay người đàn ông là anh rể. Chẳng lẽ bà lại còn phải dạy. Người đâu mà ngu lạ! Hành vi ấy, bà sẵn lòng làm ngơ trong trường hợp này. Đã có lần bà Tâm nói chuyện: nhiều người vợ chỉ muốn làm vui cho chồng mà còn rủ chị em đến nhà chơi, rồi lảng đi, để mặc chồng với bạn.

Mới chập tối, bà Mậu đã nhức đầu đi nằm. Cô Quỳ sắp va ly xong, ra ngoài phòng khách đọc nốt cuốn tiểu thuyết. Ông Mậu ngồi đối diện xem báo. Thỉnh thoảng ông rời tờ báo nhìn cô Quỳ. Cô Quỳ ngửng lên. Hai người nhìn nhau, nhạt nhẽo và phẳng lặng; trong khóe mắt không một tình cảm, không chút thân mật của đôi trai gái chung một ngọn đèn. Ông Mậu nhìn xuống tờ báo, cô Quỳ xem nốt trang sách. Vắng bà Mậu họ không có chuyện gì nói với nhau.

Sáng hôm sau nét mặt bà Mậu hốc hác, hai mắt to và mệt mỏi.

Bà bảo cô Quỳ:

– Chị vẫn định đi với cô hôm nay, nhưng lại bị rức đầu quá. Nhân tiện ngày chủ nhật, anh cũng cần về Hà Nội có chút việc. Để anh đi với cô cho vui.

Cô Quỳ nhanh nhảu trả lời:

– Em tưởng chị đi được, chứ nếu chị mệt thì thôi. Em đi một mình. Phiền đến anh làm gì.

– Phiền gì đâu? Anh cũng có việc cần phải đi đấy chứ. Nhưng có mua bán gì, nhất là mua lụa thì phải chọn lấy chứ anh ấy dốt lắm đấy!

Cô Quỳ cười:

– Chị nói thế chứ. Đàn ông nhiều người sành lắm. Thế anh không đi may vá cho chị bao giờ à?

– Chẳng bao giờ anh sắm mà chị vừa lòng cả. Bao giờ cũng phải mua lấy.

Hai chiếc xe đã đỗ trước cửa. Ông Mậu đã mặc xong quần áo. Trông ông trẻ hẳn lại. Những quần áo đẹp nhất của ông đều đã ở trên người. Nhìn theo chiếc xe, bà Mậu thấy như cặp vợ chồng mới nào đi sống cuộc đời của họ. Bà thấy chồng đi với một người đàn bà khác, lòng thấy xao xuyến. "Mình lại đến rức đầu mất. Thôi, đến đâu hay đó, rồi sau này sẽ liệu". Bà thay áo, dặn con ở trông nhà, rồi sang chơi bà Tâm.

IV.

Từ hôm cô Quỳ về, nói chị sắp xuống chơi, bà mẹ có ý mong con gái. Người con gái lớn, đã quen lo nghĩ, sẽ cùng bà bàn bạc để giải quyết những chuyện khó khăn. Nghĩ đến bà Mậu, bà cụ thấy vui vui. Một người đã suýt làm hại thanh danh của bà mà lại lấy được chồng tử tế. Bà cụ thường nghĩ: "Nó thế mà tốt số. Chẳng biết còn cô Quỳ, rồi ra làm sao? Đã nhớn xác lắm rồi mà chưa ai rước đi cho. Nó lại dại dột ra thì thật khổ".

Hôm người chị về, cô Quỳ mới thấy sắc vui trên nét mặt bà mẹ. Cô nhận thấy mẹ và chị sắp bàn những chuyện quan hệ. Xong cơm sáng, cô xin phép mẹ đến chơi nhà chị em. Bà cụ ngọt ngào:

– Ừ, con có đi chơi đâu thì liệu chiều về sớm ăn cơm, đừng để chị Phán phải đợi.

Cô Quỳ, thấy mình không cần ở nhà ngày hôm ấy, vui với chị em mãi đến tối mới về. Cô đã sẵn sàng nghe mẹ mắng. Nhưng không. Mâm cơm đậy lồng bàn đợi trên ghế ngựa. Bà cụ ôn tồn:

– Con đã về đấy à? Mời chị Phán ra ăn cơm đi.

Bà Mậu vừa trong nhà ra:

– Kìa cô đã về. Cô đi ăn cơm.

Mẹ và chị không ai để ý đến ăn, cô Quỳ cũng thấy uể oải, không buồn nhấc bát; chốc chóc lại nhìn trộm hai người. Buông đũa bát, bà cụ vào ngay trong buồng, người chị cũng theo vào. Tiếng hai người thì thầm không lọt ra khỏi cửa. Ngẫu nhiên, cô Quỳ đi rón rén; trong nhà không một tiếng động, đầy vẻ yên lặng, u uẩn.

Vẻ ấy mỗi lúc một tăng thêm. Đến hôm sau thì không còn ai nói với ai. Bà cụ và bà Mậu thường nhìn nhau, những vẻ nhìn nặng ý nghĩa. Người chị lại tránh nói chuyện với Quỳ. Bà mẹ thị chỉ bận với hộp trầu. Quỳ chải đầu, nom trong gương thấy mẹ ở phía sau đang chăm chú nhìn mình. Cô quay lại thì bà cụ vội cúi xuống.

Chiều tối, bà Mậu mặc áo đi chơi. Cô Quỳ hỏi:

– Chị ra phố đấy à? Cho em đi với.

– Chị đi đằng này một lúc, cô ở nhà để có bảo gì chăng.

Người chị nhìn bà mẹ, đi ra. Quỳ thắp cây đèn để lên mặt tủ, bà mẹ nói:

– Con đóng cửa, rồi vào nhà trong mẹ bảo.

Tự nhiên Quỳ thấy xao xuyến. Cô cài cửa, thắp thêm một ngọn đèn, cầm theo mẹ vào buồng. Quỳ đặt đèn lên bàn, ngồi xuống ghế, hồi hộp đợi một cái gì quan trọng. Bà mẹ ngồi xuống ghế bên kia. Quỳ nhìn kỹ mẹ, ngạc nhiên thấy bà cụ đã già nhiều. Ngày thường, cô không để ý đến, những lúc này ánh sáng vàng khè của ngọn đèn dầu làm rõ những vết dăn deo trên mặt, như những luống cày trên thửa ruộng khô.

– Mấy hôm con ở trên anh Mậu, con có thấy có gì lạ không?

Cô Quỳ không biết trả lời thế nào. Chuyện gì lạ?

– Con xem cách cư xử của anh cô Quỳ, với chị ấy có gì khác không?

Quỳ cố nhớ lại, và trả lời vơ vẩn:

– Không con chẳng thấy khác gì cả.

– Thế con không thấy nói gì đến việc bà cụ ở nhà quê sắp ra à?

– Không, con không thấy nói. Mà có chuyện gì thì anh ấy dấu, chứ con biết thế nào được?

Bà mẹ thở dài. Quỳ thấy mẹ càng già thêm.

– Có chuyện gì thế để?

Bà cụ im lặng nhìn con; một lát sau:

– Chuyện lôi thôi lắm. Bà cụ ra để định lấy vợ lẽ cho anh Mậu.

Thì ra chuyện ấy. Quỳ thấy nhẹ người đi, dễ thở hơn. Từ nẫy cô vẫn tưởng có việc gì nguy hiểm, quan hệ. Quỳ không thấy việc anh Mậu lấy vợ lẽ có liên can gì đến cô, và không ngờ mẹ lại buồn vì thế được.

– Vì chị con không có con, nên bà mẹ ép anh ấy phải lấy vợ lẽ.

– Anh ấy muốn lấy vợ lẽ là tự ý anh ấy, chứ phải ai ép? Anh ấy vẽ ra lý gì mà chẳng được. Chị con đã già gì mà lo con mới cái.

– Không phải thế. Anh ấy không phải là người bội bạc gì. Anh ấy vẫn thương yêu chị ấy, chỉ vì không có con nên phải tìm người kế. Chị con ít tuổi, nhưng đã sẩy mấy lần. Đốc tờ đã bảo hỏng dạ con, nếu lại sẩy lần nữa thì khó lòng sống được.

Ý nghĩa buồn bã của câu chuyện, giọng nói chậm rãi, nhất là nét mặt bà cụ mỗi phút một dầu xuống làm Quỳ lại thấy băn khoăn. Chung quanh có một làn không khí ẩm thấp, tối tăm quyến lấy tâm hồn, bó lấy thân thể không cho cử động. Giọng bà cụ tiếp:

– Vì thế nên bà cụ ép anh ấy lấy vợ lẽ. Hình như họ đã nom dòm món nào ở nhà quê. Họ kín lắm, chị con cũng không biết rõ, nhưng bà cụ định thì thế nào cũng xong, và chỉ nay mai thôi.

– Nhưng nếu chị con không bằng lòng cho lấy thì sao. Vợ cả có quyền chứ?

– Không bằng lòng, cấm họ thế nào được? Nếu có được đứa con thì chẳng ai nói vào đâu được. Như thế này thì người ta chẳng cho

mình vào đâu. Nó buồn lắm nên về bàn với đẻ, đẻ cũng chẳng biết làm thế nào. Nó bảo nếu nó không ngăn cản được thì sẽ tự tử chết. Công trình vun thu, hàn gắn bao nhiêu lâu, nay bị gạt ra ngoài để người khác đến hưởng, nó nghĩ uất ức lắm. Nó có gan liều lắm, nên đẻ lo mất ăn mất ngủ mấy hôm nay.

Quỳ đã thấy những cảnh ghen tuông, phẫn uất đưa người ta đến cách quyết liệt ấy. Cô thấy lòng thắt lại, và không vô tình với cảnh ngộ người chị gái nữa. Nhưng cô chưa muốn tin hẳn:

– Đẻ cứ lo xa thế, chứ việc đã đâu vào đâu, chắc đâu anh Mậu lấy vợ lẽ.

– Nước đã đến chân rồi, nên nó mới về đây.

Lại một lúc yên lặng, nặng nề nó đè nén cả tâm hồn người nói và người nghe. Quỳ cảm thấy rằng câu chuyện không kết liễu ở chỗ ấy, và mẹ cô còn dấu những điều can hệ hơn. Bà cụ nhìn cô đến nỗi cô thấy ngượng.

– Bây giờ muốn khỏi lôi thôi thì chỉ có một cách...

– Cách gì?

Sao mẹ lại ngừng? Quỳ thấy cân não căng lên. Bà cụ tiếp rất mau:

– Giá con bằng lòng làm bạn với anh Mậu thì mọi việc ổn thỏa cả.

Quỳ há mồm, mở to mắt, nhìn mẹ. Bao nhiêu máu trong người dồn cả về ngực, làm trái tim dội lên, mạch máu như ngừng cả lại.

– Anh chị ấy đã bàn với nhau, nên về nói với đẻ để dò ý tứ con. Đẻ cũng nói cho con biết vậy, còn thì tùy con, chứ đẻ không ép uổng gì con cả. Nhưng xem ra cũng không phải là nơi hèn kém gì. Anh Mậu cũng còn ít tuổi, cũng là ông nọ ông kia, nhà cửa khá. Xưa nay anh ấy vẫn tử tế với chị con, chỉ vì hiếm hoi nên mong có đứa con kế tự. Con vào cửa ấy cũng được sung sướng. Hai chị em thì càng dễ khu xử, con ưng thì chị Mậu về nhà này với đẻ. Vâng con thì đã có chị ở nhà, đẻ cũng đỡ buồn.

Lời bà cụ phảng phất như trong một giấc mơ. Quỳ không hiểu rõ nghĩa. Cô trố mắt nhìn nét mặt bà mẹ, nhìn cặp môi lắp bắp.

– Con chịu thôi. Ai lại lấy thế?

– Việc ấy tùy con, con cứ nghĩ cho kỹ, chị con còn ở chơi lâu. Được người như con, hai chị em bầu bạn với nhau, thì anh Mậu cũng vui lòng, mà bà cụ cũng không làm phiền nhiễu nữa. Chị con đỡ phải lo. Nếu con ưng thì bà cụ xuống đây nói chuyện.

– Không, con không bằng lòng. Con chả lấy lẽ thế.

– Sao con lại nghĩ thế, con có phải làm lẽ ai đâu? Chẳng may chị con không sinh nở, thì mới muốn con làm bạn với anh ấy. Rồi chị con về với đẻ, thì con ở trên ấy cũng là chồng một vợ một. Đẻ thấy con đã khôn lớn, nên cũng mong cho có chỗ yên thân...

– Khổ sở thì khổ sở, chẳng thà đói rách, chứ con không lấy thế.

– Con không bằng lòng thì rồi đẻ bảo nó. Việc nhân duyên là việc trọng, đẻ để tùy con liệu lấy, kẻo sau này ra sao, lại bảo là tại đẻ.

– Đẻ cứ bảo chị ấy. Con không bằng lòng.

Quỳ đã có vẻ bực mình, quên là ngồi trước mẹ già, giọng cô thành gắt gỏng, cô muốn rũ nỗi u uất, ẩm ướt, nó đè nặng lên hai vai.

– Thà chết già thì chết, chứ con không lấy lẽ anh Mậu.

Bên ngoài có tiếng bà Mậu gọi cửa. Bà Mậu đã mất nhiều tâm cơ để chuyển lòng bà mẹ. Đoán rằng lúc này ở nhà mẹ và em gái đương nói chuyện ấy, và sợ mẹ không thuyết phục nổi em, bà vội vàng quay về. Thấy chị, Quỳ nguây nguẩy quay đi. Cô không muốn nhìn mặt người chị. Bà Mậu hiểu ngay rằng không có kết quả hay, Quỳ với chiếc áo trên mắc, mặc vội đi ra ngoài, mặc người chị tưng hửng nhìn theo.

V.

Con đường nhỏ, chạy dài đằng sau phố chính đã vắng người. Ở tỉnh nhỏ, đêm khuya ngay chín giờ tối. Cây hai bên đường sát lại gần nhau giao cành lá trên đầu, dệt ánh trăng xuống mặt đường lởm chởm những đá vụn.

Quỳ chưa từng đi ra đường này một lúc khuya khoắt. Bây giờ, tâm trí đang hoang mang, hỗn loạn, Quỳ quên cả nguy hiểm, lật đật đi như một người máy.

Quỳ có cái cảm giác như vừa bị người mắng mỏ. Bao nhiêu ý tưởng, ham muốn của cô về tình ái đột nhiên đưa đến một câu chuyện bà mẹ vừa nói. Lấy lẽ Mậu? Cô chưa hề nghĩ đến chuyện lấy lẽ ai; cái chế độ cổ đó đã mất theo với xã hội cũ rích. Một người con gái đã biết tự trọng, không bao giờ còn cho việc lấy chồng chung là phải. Cô không thể cho người chồng sau này lấy vợ lẽ, yêu một người đàn bà nào khác, huống lại chính mình đem thân đi làm lẽ một người nào. Một người đàn ông hai vợ thì biết yêu sao được, hiểu sao được tình ái duy nhất? Lại còn những chuyện xô xát của đôi gà mái tranh nhau con trống, đánh nhau, mổ nhau đến sã cánh, rụng lông.

– Không thể như thế được. Có họa khi nào chết hết đàn ông.

Quỳ thở hắt ra một cái mạnh. Cô đã giải quyết xong vấn đề ấy, thấy người dễ chịu, cảm giác bớt nặng nề, Quỳ ngẩng nhìn mặt trăng vẫn theo cô từ nãy rồi tự nhiên ý nghĩ lại quay về chuyện cũ.

Quỳ nghĩ đến Mậu. Từ khi cưới chị Nga, Mậu đưa ngay vợ đi xa. Thỉnh thoảng, những dịp giỗ lớn, ngày Tết chính, vợ chồng có đưa nhau về, nhưng thời kỳ ngắn ngủi ấy, không đủ để cô hiểu tâm tình người anh rể. Mậu vẻ người cũng khá, tuy đã đứng tuổi. Điều sau này không hại gì. Cô Hồng, bạn cô, mới mười bảy mà vừa lấy người chồng ngoài ba mươi. Thiếu nữ bây giờ đã bằng lòng lấy chồng nhiều tuổi hơn, hiểu rằng những người ấy mới đứng đắn, biết lo nghĩ, không nông nổi, bồng bột như bọn thiếu niên dễ thắm mà cũng dễ phai. Vả lại đàn ông họ trẻ lâu, không như đàn bà, ngoài ba mươi là xuân hết.

Nhưng lấy như vậy, thì phải có những điều kiện cần thiết: hiểu biết nhau và yêu nhau. Cô thấy Mậu hiền lành, chỉ hiền lành thôi. Mậu như đã an phận một công chức không hoài bão gì, không có tính tình một trai trẻ thời mới. Lối sống của Mậu dễ hợp cho các bà có con gái gả chồng, nhưng không vừa ý các cô mới lớn.

Lại còn hai tiếng "làm lẽ", nghe nó rất chướng tai. Tuy cũng có ba bảy đường, và cảnh cô không giống cảnh khác. Chị Nga đã

đứng tuổi, hỏng dạ con đến phải lo cho tính mệnh thì cũng như một người phế bỏ. Nếu có thuận, chị Nga sẽ về với mẹ, lui ra ngoài để cô với Mậu bắt đầu một cuộc đời mới. Mậu sẽ là của cô, khác gì chồng một, vợ một? Nhưng chỉ ở cách xa, chưa đủ để cho quên hẳn. Giá người chị chết đi. Quỳ tự thấy một ý tưởng độc ác. Cô vội chữa ngay: không, cô không cho chị chết, nhưng ví thử như vậy, thì cô còn có thể nhận lời được.

Mẹ muốn cô được chỗ yên thân. Yên thân hay không riêng về phần cô, cô không cần mấy. Con gái lấy chồng không chỉ vì cơm áo. Nếu cô bằng lòng lấy Mậu để tránh nỗi ưu phiền cho mẹ, cho chị thì người ngoài họ có hiểu lòng cho cô không? Chắc họ không hiểu. Họ hiểu sao được những điều bí ẩn trong một gia đình, một tâm hồn. Họ chỉ thấy cô lấy lẽ người anh rể, họ sẽ bàn tán, có khi bịa đặt ra những chuyện không đâu. Quỳ tưởng tượng ra câu chuyện của mấy bạn gái cùng trạc tuổi cô, hay họp nhau khảo những chuyện tình ái, cưới xin hoặc bình phẩm những nhân vật tiểu thuyết nếu trong phố không có sự gì đáng để ý.

"Chị biết không? Quỳ nó sắp lấy chồng đấy. Thế à, nó lấy ai, cậu Huy chứ? Không phải – Chẳng Huy thì còn ai? Đào kép ấy nghe chừng cảm nhau lắm – Huy đời nào nó lấy Quỳ. Nó đương là sinh viên trường thuốc, ông đốc-tờ tương lai khi nào chịu lấy cô con bà hàng xén. Chị không đoán được đâu. Đây này: Quỳ nó lấy lẽ anh rể nó!".

Quỳ rùng mình nhìn chung quanh: đêm rất quang, bóng trăng không chút gợn như vô tình với nỗi băn khoăn của người con gái. Quỳ đã quá bước ra ngoài đầu tỉnh. Đằng trước là cái công viên nhỏ của thành phố, mấy khóm cây vẽ những đám tối om. Những ngày nóng lắm mới có dăm ba người ngồi khuya trên vài chiếc ghế xi-măng. Lúc này vườn hoa buồn và lạnh như một khu nghĩa địa. Quỳ bước lại đấy.

Tưởng đến Huy, Quỳ thấy tim đập bớt mạnh; một làn gió mát như mới thoảng qua cân não đang tưng bừng, Huy là bạn học của Chất, anh Quỳ, từ hồi nhỏ. Nay Huy đi học xa, nhưng thỉnh thoảng vẫn có dịp về, và vẫn thường lại chơi. Đó là một câu chuyện rất thường, nhưng các bạn gái lại đặt điều ra, cho rằng Huy năng lui

tới vì Quỳ. Sự thực, Huy chỉ coi Quỳ như một người em gái. Họ bảo Huy kín đáo thâm trầm, Quỳ chỉ thấy Huy hồn hậu, vui chuyện nhưng có một lối nói chuyện lắm lúc đến sống sượng, làm cô phải bực mình. Nhiều khi câu chuyện như một cuộc đấu khẩu mà bao giờ cô cũng phải thua. Quỳ hằn học nhận rằng không bao giờ cô tìm được lẽ gì để cãi Huy. Những điều cô muốn nói, anh chàng như đã biết trước cả. Có khi Huy chỉ nhìn cô, là đủ cho cô luýnh quýnh, mặt đỏ dần và câu nói không ra ngoài môi. Quỳ lại tức thêm. Anh chàng lại đã sẵn một câu vui vẻ; Quỳ cười, Huy cười để lộ hàm răng to và trắng; nỗi bực mình tan đi.

Nhiều lúc Quỳ nghĩ: "Giá Quỳ đứng đắn, và lịch sự hơn tí nữa...", Quỳ mong cho Huy bỏ dáng giễu cợt, tinh ranh mỗi khi nói chuyện với mình. Các bạn gái tưởng cô và Huy đã có chuyện thân mật. Họ thường dùng những lời u uẩn nói đến, và lại như có ý ghen. Quỳ thấy vui vui trong lòng, không muốn cãi, cứ để cho họ tưởng lầm như vậy.

Các ý nghĩ chờn vờn trong khi hai chân Quỳ vẫn bước. Đến vườn hoa, Quỳ thấy mỏi. Một cảm giác chán nản lại càng làm mệt thêm. Quỳ ngồi xuống một chiếc ghế xi-măng, nhìn lên trên. Mặt trăng đã gần đỉnh đầu, bóng mọi vật thu gọn lại. Bấy giờ Quỳ lại càng thấy đêm khuya, và chung quanh vắng quá.

– Cô ngồi chơi mát?

Quỳ đứng phắt dậy. Chưa có sự gì làm cô hoảng hốt hơn một tiếng người lúc ấy. Từ bóng tối một gốc cây gần ghế, một hình người mặc đồ trắng tiến lại, Quỳ hoa mắt, bàn tay run run nắm chắc lưng ghế. Hình người lại gần cô, cất tiếng cười, để mở hàm răng trắng bóng:

– Cô ngồi chơi mát. Cô quên tôi rồi à?

Quỳ nhận ra Huy:

– Anh làm tôi sợ quá!

Quỳ ngồi xuống, tiếp ngay câu vừa hoảng hốt thốt ra.

Việc gì mà sợ?

– Tôi thấy một người con gái đi lại, không ngờ là cô. Cô mải nghĩ gì thế?

– Không, tôi có nghĩ gì đâu!

– Thế thì càng hay. Tôi cứ tưởng cô đang băn khoăn một chuyện gì, nên đi sát qua mà cô không nhận thấy tôi.

Huy ngồi xuống ghế, bên cạnh Quỳ. Trong khoảnh khắc, Quỳ nhận thấy mình đang ở một trường hợp oái oăm. Một đôi trai gái trong một vườn hoa, dưới bóng trăng khuya. Huy chưa vợ, còn cô thì sẵn đã bị bạn gái nghi ngờ. Nếu ai trông thấy, họ sẽ khác nhau, chỉ trong vài ngày là chuyện vỡ lở ra khắp phố. Lúc bây giờ thì dù trăm miệng cũng không cãi nổi.

Giá Huy với cô thực có tình ý gì thì câu chuyện lại ra thế khác. Cô đã không đến đây hoặc có đến thì cũng che lấp được hai người, chẳng hạn như chỗ Huy ngồi khi nãy, cô đến gần mà không trông thấy. Nhưng Huy và cô lại ngồi cái ghế trống trải nhất, mặt trăng chiếu rõ mồn một Dưới chân ghế, hai cái bóng chỉ cách nhau có một gang tay.

Quỳ nhìn quanh một vòng đứng dậy. Huy hỏi:

– Cô đi đâu đấy?

– Tôi đi về.

– Cô về à? Chết chửa, tôi vô ý quá. Nếu cô có việc gì ở đây, chẳng may gặp tôi làm phiền cho cô, thì không sao. Cô để tôi về vậy.

Huy đứng lên. Quỳ trừng mắt nhìn Huy:

– Anh nói cái gì thế?

Giọng nói của Quỳ tỏ ra rằng cô đã bị xúc phạm, Huy vẫn ôn tồn:

– Nếu không phải thế thì thôi, tôi xin lỗi cô. Nhưng không lẽ tự nhiên cô lại ra đây lúc khuya khoắt này, ở một phút rồi về. Bình thường cô không hay đi chơi tối. Chắc phải có một cớ gì khác thường: chẳng hạn một chuyện khó nghĩ hay một cuốn tiểu thuyết.

Huy tò mò nhìn Quỳ. Hai con ngươi anh chàng như đen thêm, bóng thêm, long lanh một cách ranh mãnh, riễu cợt trên một khổ mặt trắng trẻo và thông minh. Quỳ không biết nói sao. Cô cũng mong có người tâm phúc, để thổ lộ được những điều đang đè nén tâm hồn cô, cho bớt nỗi nặng nề. Huy đâu phải là người ấy. Mà những câu chuyện này lại không thể nào để Huy nghe được.

Tưởng Quỳ hãy còn tức giận, Huy tiếp:

– Không phải thế thì thôi, việc gì cô phải bực mình. Dễ bực mình như thế thì đời người mấy chốc mà già, mời cô hãy ngồi chơi một tí đã.

Quỳ nghĩ rất mau: "sợ gì mà không dám ngồi", rồi ngồi xuống ghế. Huy cũng ngồi xuống bên cô, hai cái bóng cách nhau xa hơn trước.

– Tiếc rằng đây không phải là nhà tôi, để được mời cô một chén nước trà. Giá mời cô lại chơi nhà thì chắc không bao giờ cô chịu tới. Được gặp cô lúc này thực là hãn hữu.

Quỳ thấy Huy riễu cợt mình, cái câu sáo ấy không có nghĩa lý gì cả. Cô tiếc rằng đã đến đây. Bây giờ về cũng dở, càng thêm cho Huy ngờ vực, mà ngồi lại thì sợ có người bắt gặp. Quỳ bồn chồn, luôn luôn nhìn chung quanh. Huy nhận thấy dáng điệu ấy:

– Cô đừng sợ có ai đi qua đây lúc này. Những người già thì đã ngũ kỹ cả. Còn các cô, các cậu... họ ra đây làm quái gì.

Quỳ đành ngồi chịu chuyện. Anh chàng đã hay mỉa mai, bỡn cợt, thì cô sẽ mỉa mai bỡn cợt hơn cho bỏ ghét:

– Thế anh ra đây làm gì?

Huy cười, cái cười nó đã lắm lúc làm cô lộn ruột:

– Cô có thấy câu hỏi tò mò quá không? Tôi cũng có thể hỏi một câu như thế. Nếu tôi hỏi, thì cô trả lời thế nào?

Quỳ im, nhìn hai cái bóng dưới chân. Thật ra cô cũng không biết trả lời thế nào cả. Cô chăm chăm nhìn cái bóng đen, cho đến lúc cái bóng thành có một đường viền trắng.

– Lẽ tất nhiên là cô không trả lời được. Dễ thường chính cô, cô cũng chẳng biết ra đây làm gì. Nhưng nếu cứ hỏi lẫn nhau mãi thì không thành câu chuyện gì cả. Phải không, cô? Để tôi xin trả lời: tôi ra đây để nghĩ tiểu thuyết.

Một nụ cười tự nhiên đến môi người con gái.

– Anh cũng viết tiểu thuyết kia à? Chắc là hay lắm đấy nhỉ?

Câu trả lời đến ngay:

– Hay hay không, còn phải đợi lúc viết xong. Nhưng nếu người đọc ai cũng như cô, và theo những sách tôi thấy ở đằng nhà, thì họ cũng không khó tính lắm, và chẳng cần phải viết hay mới có người đọc.

Thế là câu chuyện lại đầy ý nghĩa châm biếm, lại sắp như một cuộc đấu khẩu. Huy đã sẵn những câu để trêu tức cô. Cô nói một câu gì chua chát là thấy ngay câu trả lời chua chát hơn. Quỳ thấy mình bao giờ cũng bị thua, lại càng thêm bực. Thực ra cô vẫn muốn câu chuyện đứng đắn, thân mật hơn, nhưng Huy như đã rắp tâm phản đối cô, bất cứ về một ý gì.

Huy đã đổi giọng:

– Ừ nhỉ, tại sao tôi lại không viết tiểu thuyết? Tôi thấy có nhiều truyện, nếu viết ra thì cũng hay hay, chẳng hạn như dưới bóng trăng, trong một vườn hoa, có một đôi trai gái ngồi nói chuyện...

Huy ngừng lại. Quỳ mong ngóng cho Huy nói tiếp. Có lẽ lúc này anh chàng thực lòng, dùng lối gián tiếp ấy để thổ lộ chân tình. Còn lúc nào thích hợp cho bằng lúc này. Quỳ chắc Huy đang nhìn mình, cô thấy vướng ở mang tai. Cô không dám ngẩng lên. Cô nhìn cái bóng đầu người con trai sát lại đầu cô. Quỳ thấy hồi hộp và vui vui, như sắp được một cái gì mong ước từ lâu. Giá lúc ấy, hai bóng chập lại... Đầu người con trai lại cách xa.

– Ví thử cô viết tiểu thuyết, thì cô cho là thế nào? Hai người ngồi thế thì có những chuyện gì?

"Đây chắc là anh chàng thử mình", Quỳ nghĩ. Nhưng dại gì mà lại nói ý mình ra, người đàn ông bao giờ cũng ngỏ lời trước. Nếu Quỳ nói ý cô ra được, thì sẽ là cả một chuyện dài. Cô ngẫu nhiên nghĩ đến những truyện đã đọc, có những cảnh đã làm cô trằn trọc thâu đêm.

Tiếng cười của Huy đã lanh lảnh:

– Chắc cô cho là một chuyện êm đẹp lắm. Thôi thì tình ái, mơ mộng, âu yếm, đủ cả. Phải không, cô Quỳ? Tôi, thì tôi nghĩ khác lắm. Tôi viết thế này: chẳng có chuyện gì cả.

Một cái gì mới tan vỡ. Quỳ đứng dậy:

– Anh nói nhảm lắm.

Huy đứng lên theo:

– Ô hay, thì không phải thế là gì? Cô xem từ nãy đến giờ có chuyện gì không? Mà giá có ai bắt gặp mình thì họ sẽ nghĩ khác lắm. Sự thực đâu có phải thế. Hay cô không muốn nghe chuyện ấy thì thôi, nói chuyện khác vậy. Tôi mới về nghỉ được mấy hôm nay, chưa kịp đến đằng nhà. Anh Chất dạo này có hay về chơi không, cô?

Quỳ vùng vằng:

– Tôi không biết.

Người con trai đã đổi sắc mặt, một vẻ nghiêm nghị làm nét mặt cứng cỏi và già thêm. Bỗng Huy đặt hai tay lên vai Quỳ. Một sức gì đè mạnh xuống vai, Quỳ không hất nổi hai bàn tay. Huy nói:

– Cô Quỳ. Cô còn trẻ con quá, y như mấy năm về trước, hồi tôi còn hay đến chơi nhà. Vẫn tính dấm dẳn, cáu kỉnh, không bao giờ nghe được một câu chuyện thực thà hay đúng đắn. Cô giống như các thiếu nữ tôi thường được gặp ở các tỉnh lớn, có nhớn chẳng có khôn, bao nhiêu ý nghĩ dồn vào những cái phù phiếm bên ngoài. Gặp người con trai, mà họ không tán tỉnh, thì các cô không bằng lòng. Nói thế chắc các cô giận tôi lắm. Tôi không dám mong cô hiểu tôi hơn, nhưng để một vài năm nữa, tôi mong sẽ lại được gặp cô. Bây giờ đã khuya, mời cô về, kẻo ai bắt gặp ở đây thì không tiện lắm.

Huy buông tay, quay đi. Quá vài bước, Quỳ liếc lại thấy anh chàng đã ngồi xuống ghế. Quỳ muốn quay lại, nhưng lòng tự ái của cô bị thương tổn mạnh quá.

Huy coi cô là trẻ con. Một người con gái đã tự phụ là có tư tưởng, biết suy nghĩ đã được người ta khen là khôn ngoan, bỗng thấy người con trai cho vào hạng con nít. Quỳ không chịu được ý ấy, liều thuốc uống không trôi.

Nghĩ lại, câu chuyện vừa rồi cũng không lấy gì làm gay go, để kết liễu một cách như vậy. Đã biết tính Huy, đã biết anh chàng có tính tròng ghẹo mình, sao cô còn bực mình? Đã nhiều lần, cô vui vẻ tiếp chuyện những người ranh mãnh, cả đến bạn trai. Cô vẫn tươi cười, không hề phiền lòng vì họ. Tại sao lúc nói chuyện với Huy. Cô lại không điềm tĩnh?

Mà tại sao Huy lại không lịch sự, lễ phép với cô? Mấy người quen biết Huy, đều khen anh chàng lịch thiệp, vui vẻ. Quỳ chỉ thấy Huy đáng ghét. Nét mặt cứng cỏi, lời nói không bao giờ chân thật.

Quỳ muốn quay lại, Quỳ tiếc rằng cô không nói được lời cuối cùng, không ở lại để cho anh chàng biết rằng cô không sợ ai, không trẻ con như chàng tưởng, và nhất là nói cho biết rằng không bao giờ cô thèm gặp, thèm nói chuyện với anh ta nữa.

Hai chân Quỳ vẫn bước, Quỳ nhận ra rằng đã đi quá vườn hoa, như hấp tấp tránh một người theo. Cô từ từ bước và quay nhìn lại: vườn hoa chỉ còn là một đám cây thu nhỏ lại. Quỳ nhìn kỹ tìm hình Huy, nhưng không thấy. Cô uể oải bước.

Về đến nhà, bà Mậu mở cửa. Lần đầu tiên, Quỳ nhìn thấy chị như một người dưng. Một sự gì đã làm mất tình chị em của hai người.

Bà Mậu hỏi:

– Cô đi chơi đâu mà về khuya thế?

Quỳ không trả lời, cởi áo dài vứt lên tay ghế, rồi vào buồng. Qua giường bà mẹ, Quỳ thấy tiếng quạt đập. Mẹ và chị chắc có nói chuyện khuya.

Gian buồng nhỏ nhắn, kê một bộ ghế ngựa. Phía chân ghế ngựa, sát tường, có vài chiếc hòm da, một cái tủ con và chiếc mắc áo. Đồ đạc xuềnh xoàng, không một thức gì đắt tiền, nhưng có một vẻ ngăn nắp, ấm cúng. Buồng ấy riêng của Quỳ nên cô ưa sửa sang; thức gì cũng trông gọn gàng, xinh xắn, từ cái áo gối trắng tinh ở góc thêu tên cô bằng chỉ màu, đến mấy chiếc ảnh con trên mặt hòm, cạnh mấy quyển sách xếp ngay ngắn.

Đã nhiều lần, Quỳ mơ màng một gian buồng đẹp đẽ, lịch sự hơn. Tường quét vôi màu, có tranh ảnh lồng kính. Một chiếc giường kiểu mới có đệm gối hẳn hoi. Ánh điện sẽ thay cho ngọn đèn hoa kỳ tù mù. Trong cảnh ấy, Quỳ lại tưởng tượng đến một người con trai cùng cô chung sống. Không hiểu sao, mỗi lần nghĩ đến điều ấy, thì Quỳ lại phảng phất nghĩ đến Huy.

Bà Mậu theo chân Quỳ vào buồng. Những ngày bà xuống chơi, bà ngủ chung với Quỳ. Nhưng bây giờ, một người đã có chồng và

một cô con gái, không còn những chuyện rủ rỉ như xưa. Quỳ không còn thấy cái thích nằm chung với chị. Hai người thường ngủ ngay, hoặc có thức thì cũng nằm im, mỗi người theo một ý nghĩ riêng.

Bà Mậu lên giường. Quỳ đứng nhìn ngọn đèn, như bị thôi miên. Bà Mậu nói:

– Khuya rồi, cô đi ngủ thôi chứ?

Quỳ như chợt tỉnh, vặn nhỏ ngọn đèn, đi lại cạnh giường, chân đá vào guốc bà Mậu. Quỳ lên giường, nằm quay lưng lại chị. Một lúc lâu bà Mậu nói:

– Buổu chiều, ẻ đã nói gì với cô chưa?

Quỳ trở mình nằm ngửa nhìn lên đỉnh màn. Người nọ như nghe trái tim người kia đập.

– Cô nghĩ thế nào?

Quỳ nín thinh. Bà Mậu im một lúc, sửa soạn những câu đã định từ trước. Rồi bà nói rất nhiều. Đại khái những lẽ thuyết phục Quỳ lấy Mậu, những lẽ tương tự như của bà mẹ lúc chiều, mà bây giờ Quỳ nghe thấy bớt chướng tai. Bà Mậu vẫn nói, giọng nho nhỏ đủ lọt vào tai cô em bên cạnh. Công việc thành hay không chỉ quyết định trong giây phút này. Bà Mậu biết rõ nhược điểm của em gái hơn mẹ. Câu chuyện tuy xếp đặt sẵn, đã nhẩm đi, nhẩm lại nhiều lần, nhưng lúc nói đến cảnh nhà, bà Mậu cũng tự thấy cảm động một cách thực thà. Giọng bà ngẫu nhiên mềm và ướt. Thêm một lợi khí có lẽ bà không ngờ đến.

– ... Có lẽ phải bán ít ruộng nhà. Cả nhà ăn tiêu, khi giỗ ngày tết đều trông vào cậu giáo. Ẻ cũng đã già rồi mà còn phải lo ngày lo đêm. Cô chưa thành gia thất là một điều cho ẻ phiền lòng...

Trên vai Quỳ, chỗ Huy đã áp hai bàn tay, vẫn thấy nặng và nóng. Quỳ thấy như tay Huy còn ở đấy.

– ... Lấy vợ, lấy chồng bây giờ là việc khó khăn lắm. Bọn con trai họ chỉ tìm chỗ sang giầu, của hồi môn nhiều, mà nhà mình thì thanh bạch. Nếu cô nhận lời vì chị, thì chị không bao giờ quên ơn cô. Tình chị em càng thêm thân mật. Trước sau chị vẫn quý cô, và mong cho cô được nhàn hạ. Cô ở trên ấy, chị yên tâm ở nhà với ẻ,

đi lễ bái cho qua ngày giờ. Vì chẳng giấu gì cô, chị không mong sinh đẻ gì nữa.

Bà Mậu không hề đả động đến hai tiếng "lấy lẽ". Tuy nói đến cảnh quẫn bách, bà cũng không để Quỳ ngờ việc hôn nhân của Quỳ là một việc bán buôn.

Quỳ vẫn nghĩ đến Huy. Huy đẹp trai lại đương học trường thuốc. Những người như thế, làm gì mà không lấy vợ đẹp, giầu. Quỳ thở dài một tiếng rất ão não, rồi như trong một giấc mơ, cô nghe thấy tiếng mình trả lời người chị:

– Thì chị cứ bảo bà cụ trên ấy xuống.

VI.

Bà Mậu trằn trọc thâu đêm. Bà nghĩ ngay cách hành động rất gấp, áy náy lo Quỳ đổi ý. Sáng hôm sau, bà nói chuyện với mẹ rồi đi sớm. Mấy hôm sau nữa thì Mẹ ông Mậu và hai vợ chồng cùng đến. Họ nói chuyện ở trong buồng, nét mặt người nào cũng có vẻ quan trọng. Quỳ không dự vào những câu chuyện chung thân của mình. Quỳ ngồi bàn nhà ngoài, trước một cuốn tiểu thuyết để mở, như một con bò đứng góc chợ, trước nắm cỏ, khi bọn lái họp nhau một nơi đánh giá. Thỉnh thoảng ông Mậu đi qua liếc nhìn Quỳ. Quỳ thấy Mậu ngu ngốc lạ, cô dửng dưng không chút cảm động.

Quỳ đã coi cuộc hôn nhân mình là một việc hy sinh. Quỳ đã rõ cảnh nhà, mẹ và chị đang mong cô gánh vác dùm. Tuy vậy, Quỳ cũng thấy tiếc rằng đã nhận lời, đã đem buộc chặt đời mình bằng một câu thốt ra trong lúc tâm thần hỗn loạn. Người chung quanh đã vin lấy câu ấy. Cô không muốn, và cũng không thể ăn lời được nữa. Rồi mỗi việc xảy ra mau chóng quá. Quỳ nhìn nó gấp rút bên cô, như một đứa trẻ ngồi nhìn chiếc đèn kéo quân tháng tám.

Quỳ còn mong việc không thành, một hy vọng cỏn con, nhưng cô cũng bấu víu vào. Quỳ mong người anh, Chất, đang dạy học ở xa, sẽ về phá cuộc hôn nhân không xứng đáng ấy. Nghĩ đến anh, cô lại chán nản, thấy hy vọng mảnh hơn sợi tơ. Chất không bao giờ trái lời mẹ, tử tế với mọi người chung quanh đến nỗi không mếch

lòng ai, từ những việc cỏn con. Chất chỉ biết đi làm lấy tiền gửi về. Việc nhà, Chất đã hoàn toàn tùy mẹ trông nom, có lúc Quỳ đã bỡn anh: "Nếu em là đàn ông, thì em chẳng như anh. Đàn ông gì mà nhu nhược quá thế?". Chất chỉ cười. Trông nom vào người anh như vậy, Quỳ thấy là một ảo tưởng.

Trong thư gửi cho Chất. Bà Mậu cho là việc đã xếp đặt xong xuôi. Xong xuôi là phải: cô đã bằng lòng, cả nhà bằng lòng, người anh còn dám nói gì? Mấy hôm sau có thư trả lời của Chất. Chàng bận không về được hôm cưới, gửi lời mừng em.

Tự đặt mình vào địa vị hy sinh, Quỳ thành buồn bã, thẫn thờ. Quỳ không muốn bàn tính một chuyện gì, cô không nhìn ai, cả đến các chị em bạn thân. Suốt ngày cô ở trong buồng, không đi đâu, không đi đâu, không tiếp ai, không trả lời những bức thư xinh xắn viết trên giấy màu của các cô bạn cho con ở mang lại. Cô tự thấy đã làm một việc to tát, tự buộc mình để vui lòng mẹ, lòng chị, một việc rất có vẻ tiểu thuyết. Quỳ bực mình thấy mọi người như không hiểu ý nghĩa hy sinh đó. Họ coi như cô lấy Mậu chỉ vì cô muốn lấy chồng. Cô tự an ủi rằng những việc cao xa, to tát mình làm, không cần để người nào hiểu, cốt là mình biết lấy mình. Quỳ tự cao thêm.

Bà mẹ thấy Quỳ thơ thẩn, buồn rầu, cũng đâm áy náy. Hoặc giả cuộc hôn nhân không vừa ý Quỳ, bà đã vô tình ép con gái chăng? Bà không có ý ép uổng, nhưng biết đâu, chẳng vì một vài câu nói của bà mà Quỳ nhận lời. Bà cụ nghĩ kỹ lại thấy lứa đôi ấy cũng có chút chênh lệch. Thấy mặt Quỳ rười rượi, bà cụ cũng ngượng một đôi chút. Việc đã không lấy lại được. Bà không dám nghĩ rằng đã vô tình làm hại con, bà bíu lấy cái ý gây dựng cho con được nơi sung sướng. Còn Quỳ thờ thẫn là vì thẹn. Lúc sắp lấy chồng, cô con gái nào chẳng thế. Hồi bà còn con gái, lúc có người đến hỏi bà còn xé rào chạy trốn sang hàng xóm, rồi suốt mấy hôm sau, không dám nhìn ai. Bà cụ chắc Quỳ bây giờ cũng như bà.

Bà cụ hỏi Quỳ:

– Người ta xin lo đấy. Ý con thế nào, muốn những gì thì bảo.

Quỳ trả lời rất gọn:

– Tùy ý đẻ. Con chẳng muốn gì cả.

– Con muốn gì thì cứ nói với đẻ, hay nói với chị con cũng được.

– Không, con không muốn gì cả.

Quỳ không ngỏ một sở thích gì, cho sự hy sinh hoàn toàn thêm. Thế mà hôm người chị đưa cô lên Hà Nội may quần áo cưới, Quỳ cũng thấy vui vui. Hai chị em đi mỏi chân ở các phố hàng Ngang, hàng Đào quanh hồ Hoàn Kiếm, vào các hiệu Bom bay, hiệu tây đen chọn hàng, Quỳ tíu tít phân vân không biết lấy màu cốm đậm hay hoàng yến. Trước kia Quỳ vẫn mong có tiền may áo mới, đã chọn sẵn trong trí. Bây giờ là lúc may, thì cô không biết chọn thế nào. Thức nào cũng đẹp, cũng dễ ưa, có thể làm chị em thèm muốn. Quỳ hỏi ý chị; bà Mậu trả lời:

– Tùy ý cô. Cô muốn may thức gì cũng được.

Bà nhìn em âu yếm:

– Hay cô may cả mấy chiếc ấy, cho đỡ phải chọn. Rồi khi thích thứ nào thì mặc thứ ấy. Mau mau ta còn ra hàng vàng kẻo tối.

Ở một cửa hàng ra, hai chị em lại vào hàng khác. Chưa mua được gì. Giầy sát đã bỏng chân, bà Mậu đi tập tễnh. Bà không phàn nàn, hết lòng chiều em, lòng sốt sắng đó thật đáng khen. Sau Quỳ cũng mỏi, mua mấy thức cho xong, không còn thấy hứng thú như trước.

Đến hàng vàng, khi đeo ướm chiếc vòng vào cổ, Quỳ tự ngắm trong gương, nhìn thẳng, nhìn nghiêng, rất vừa ý. Bà Mậu mỉm cười, nụ cười rất sâu sắc. Bà đã tính rằng những thức sắm cho Quỳ, nhất là đồ vàng là vật không suy suyển, sẽ là cái giây da người ta buộc vào cổ con chó để mắc cái xích vào đấy mà kéo đi. Con vật càng quí thì cái giây càng đắt. Lúc ấy Quỳ vui lắm; giá trị của cô tăng theo các vật quí giá cô mang trong người.

Sự sung sướng không được bao lâu. Về đến nhà Quỳ lại thấy chán. Quỳ cẩn thận xếp những thức mới sắm vào hòm. Trước kia Quỳ muốn có quần áo sang để hãnh diện với chị em, để tôn vẻ đẹp cho bọn con trai để ý. Bây giờ còn diện với ai? Quỳ không dám mang khoe chúng bạn, cô xấu hổ như dùng phải của bất chính. Thỉnh thoảng, lúc vắng người, Quỳ mở hòm lấy những thức đó ra nhìn, rồi thở dài đậy lại nắp hòm.

Thân cô đã thuộc về Mậu, Quỳ không thấy một chút tình cảm gì với người sắp làm chồng cô. Có lúc Quỳ lại thấy ghét và ghét lây

cả mẹ và chị. Ngẫu nhiên Quỳ nghĩ đến Huy, đến đêm trăng ở vườn hoa. Quỳ so sánh hai người, Huy và Mậu, thấy chênh lệch nhiều quá. Quỳ càng thấy buồn, thấy chán, công việc cưới cô càng sắp đặt mau hơn.

Ngày cưới đến.

Những thiếp báo hỷ không có tên chú rể kèm theo bánh trái của người quen. Chỉ có mấy người thân thích đến ăn uống, rồi ngủ ngay đấy để tiện tiếp nhà trai hôm sau đến sớm, và đi đưa dâu. Bà Mậu đã về nhà từ mấy hôm trước để sửa soạn đón em. Mấy người hàng xóm, một hạng đàn bà hay để ý đến việc nhà người, sang chơi nhà Quỳ mong biết thêm về việc cưới xin ấy. Bà mẹ cô trả lời viển vông: "Vâng... tôi cho cháu đi ở riêng... người ta cũng tử tế, tôi chẳng lấy gì... vân vân". Chưa ai rõ "người tử tế" ấy là ai.

Bà cụ hỏi ý muốn Quỳ, trong phút long trọng nhất đời cô. Quỳ lưỡng lự giây lát rồi cho mời mấy cô bạn đến phù dâu. Quỳ loay hoay mãi trước tờ giấy viết cho các bạn, không biết hạ bút ra sao. Cô như muốn kể hết tâm sự mình. Mãi Quỳ mới viết được mấy câu, ý nghĩa rất bối rối, làm mấy cô bạn ngạc nhiên. Họ đến, thấy Quỳ buồn rũ rượi; nước mắt chạy quanh và tránh những câu hỏi tò mò của họ. Các cô không thấy không khí vui vẻ của các đám cưới khác, các cô phù dâu vui cười, chòng ghẹo cô dâu. Ở đây luộm thuộm, lật đật như một bữa giỗ dúi, một đám cưới chạy tang. Trong nhà đầy tử khí. Hình như có người chết nằm đâu đây, và người ta đang nghĩ đến sự đem chôn. Tuy vậy, các cô cũng vui lòng ở lại với Quỳ, tự hứa hôm sau sẽ vui cười với bọn phù rể. Mới mờ mờ sáng, hai chiếc xe hơi họ nhà trai đã đến trước cửa. Bà Mậu xuống xe vào trước, rồi đến ông Mậu, trịnh trọng trong áo gấm, tiếp đến mấy người đứng tuổi. Tiếng pháo rời rạc, như ngượng nghịu vì nổ không đúng chỗ, không phải lúc. Có cái pháo lại nghẹn không muốn nổ. Các cô phù dâu tưng hửng nhìn nhau. Họ đã vào hết, các cô còn ngó qua mành, mong có ai đến thêm nữa. Các cô ngạc nhiên và thất vọng, lạnh lùng nhìn cử hành hôn lễ, chẳng buồn để ý đến Quỳ đã bắt đầu khóc. Lúc dâu đi các cô thoái thác ở lại. Cũng không ai gặng mời, vì xe chật, và bạn của các cô, cô Quỳ, thì như đã mất hồn. Trừ một cô bạn rất thân, cơ chừng đã hiểu được chút gì, đi theo cô Quỳ. Quỳ

nước mắt lã chã, hai hàm răng cắn môi dưới đến chảy máu, bước ra xe.

Hàng phố đã biết rõ cái đám cưới ấy. Những lời bình phẩm, bàn tán lan ra rất mau. Có những miệng lưỡi độc ác dựng đứng ra nhiều chuyện lạ. Chuyện được người ta tin nhất là: cô Quỳ, những lúc lên chơi với anh chị, đã phải lòng ông phán Mậu. Họ nhớ lại việc cô Nga ngày xưa, cho rằng hai chị em cũng lẳng lơ như nhau, cũng chung một duộc. Họ bảo rằng Quỳ đã có mang với người anh rể. Bụng cô đã lớn, nên ít lâu nay cô không dám ra ngoài, bà mẹ vội vàng thu xếp, gán ngay vào cho êm chuyện. Một người láng giềng quả quyết rằng một đêm có nghe thấy bà mẹ mắng con gái: "Đã rê riếu chưa, hử, đồ voi giầy! Thế mà có người hỏi còn làm cao mãi, bây giờ vác cái bụng ấy ra đường, cho người ta bôi gio trát trấu vào mặt tao! Đã sung sướng chưa con với cái!".

Có người phàn nàn cho bà Mậu đã quá tin em. Có người chê bà nhu nhược, để em cướp mất chồng. Rồi đây còn lắm chuyện lôi thôi trong cái gia đình ấy. Một vài người già bảo rằng; nguyên nhân việc cưới xin đó là tiền tài.

Những tiếng đó dần dần đến tai bà Mậu. Bà đã về ở với mẹ, mỗi lần ra phố, thường bị người ta chỉ trỏ, thì thào. Bận đầu, bà Mậu không để ý. Bà không cần dư luận, bà đang sung sướng vì đã thành công. Nhưng sau, người ta nói mãi bà cũng thấy chướng tai, khó chịu, rồi tức tối.

Bà lẩm bẩm: "Con Quỳ rồi phải về mà nghe những tiếng này!".

PHẦN THỨ HAI

VII.

Mậu cất xe đạp, đi vội lên nhà. Quỳ đang ngồi khâu ở phòng khách, ngửng lên:

– Anh đã về.

Mậu lại gần, đặt lòng bàn tay vào dưới cằm Quỳ, nâng mặt nàng lên:

– Em làm gì đấy?

– Em rút mấy cái mùi xoa.

– Ngoan nhỉ! Được mấy chiếc rồi?

Họ như một đôi đào kép đóng vụng một sen kịch, chỉ thuộc lời nói chứ không có điệu bộ của tài tử lành nghề. Không phải chỉ nói những câu âu yếm, là đủ có một cảnh âu yếm. Cử chỉ của họ có một vẻ giả dối, mà có lẽ chính họ thấy trước tiên. Mậu buông tay ra, lại chỗ bục thấp cởi giầy. Quỳ lại cúi xuống kim, liếc nhìn chồng. Mậu cũng không xấu. Thân thể đẫy đà, mặt tròn và hiền lành, lún phún ít ria mép chưa cạo, những lúc ăn mặc tử tế thì Mậu cũng ra vẻ. Từ khi lấy Quỳ, Mậu rất để ý đến y phục. Ngày ngày tuy chỉ có việc ra sở ngồi đợi đến giờ về, anh chàng cũng ăn mặc đỏm dáng như đi xem chợ phiên, hay đi dự tiệc. Quỳ nhớ lại đêm hôm hợp cẩn: sao chồng có vẻ thô lỗ, tức cười đến thế! Lúng túng trong bộ đồ ngủ mầu lòe loẹt mới may, dáng điệu ngượng nghịu, Mậu như một tên lực điền học làm sang. Buổi sáng, bộ quần áo mới đã nát, Mậu há miệng ngủ, một tia nước dãi chảy từ cạnh môi xuống gối. Quỳ nhìn mà thấy tủi thân, Mậu lúc này khác hẳn. Nhưng vài phút sau Mậu mặc quần áo cánh, thì Quỳ lại thấy người đàn ông đêm ấy.

– Đã có cơm chưa? Em bảo dọn cơm đi.

Quỳ đứng lên vơ các thức vào thúng khâu, đi xuống bếp. Mới mấy tháng mà người con gái đã thấy thay đổi nhiều, từ dáng điệu đến nét mặt. Vóc nàng đã hơi thô, không còn những đường gọn gàng thanh tú. Dáng đi nặng nề và nét mặt thiếu vẻ tươi cười hồi con gái.

Những bữa ăn là lúc Quỳ được nghe Mậu đại ngôn, nói những chuyện nàng không ưa nghe, nhưng cũng để mặc chồng nói, vì nàng cũng chẳng có chuyện gì. Mậu giải tờ báo xuống bàn cạnh mâm, rồi giữa hai miếng và cơm, Mậu liếc nhìn sang, gặp những tin hay hoặc lạ. Mậu kể cho Quỳ nghe. Tin tức chiến tranh, tình hình quốc tế, bất cứ về một món gì, Mậu cũng có ít lời bình phẩm. Quỳ ngồi ăn, nghĩ chuyện khác, không bao giờ phản đối. Mậu cho là cô vợ trẻ phục mình.

– Thứ bảy này em muốn đi Hà Nội nữa không?

Quỳ nhìn sang.

– Ở Hà Nội có gì hay không?

– Hình như có diễn kịch ở nhà hát lớn. Nếu không có gì hay, thì lại ăn cao lâu, đi chơi quanh và xem chớp bóng.

– Ừ, đi thì đi...

Về chơi Hà Nội chiều thứ bảy đã là một thói quen của Mậu và Quỳ. Trái với vợ chồng mới cưới, muốn tránh mọi người ngoài, ở riêng một chỗ hẻo lánh, kín đáo để an hưởng tình ái buổi đầu, Mậu và Quỳ cần phải ra ngoài tìm cách giải trí khác. Ở nhà, Quỳ thường rầu rầu nét mặt. Mậu thấy rằng lấy được nàng là một điều quá lòng mong ước. Mậu tự cho rằng cái tuổi ngoài ba mươi, cho đến địa vị của chàng không xứng với người con gái trẻ măng. Mậu tự cho là may mắn, và càng chiều cô vợ trẻ.

Từ lúc lấy nhau, và sau khi bà Mậu về với mẹ, chiều thứ bảy nào hai vợ chồng cũng dắt nhau về Hà Nội. Muốn cho Quỳ khỏi so sánh mình với bọn trai trẻ diện sang, đầu bóng, Mậu cũng hết sức sửa sang y phục, may sắm những thức đắt tiền. Mậu như trẻ lại. Một cái ca vát, một cái mũ nào Quỳ đã khen, thì Mậu mua cho bằng được, dù giá đắt, và có khi chàng cũng chẳng thích gì. Tháng trước Mậu đã mua một cái máy hát, chỉ vì chiều ý Quỳ. Cái máy hát thay được nhiều câu chuyện, lấp được những chỗ trống rỗng lúc hai người ngồi đối diện mà không ai biết nói gì.

Còn Quỳ, như một phần đông thiếu nữ, coi lấy chồng là một cách thoát gia đình, dựa vào người đàn ông để được thực hành những ý muốn vẫn tiềm tàng trong ý nghĩ, được tự do đổ trách nhiệm hành vi của mình lên đầu chồng, Quỳ được coi sự chiều chuộng là lẽ dĩ nhiên, nàng rất có quyền hưởng. Nàng đã bằng lòng lấy lẽ, một người anh rể cao tuổi, sự hy sinh đã đủ gồm hết bổn phận của nàng, cơ hồ đã là quá đáng.

Họ về Hà Nội, đi lượn phố, sắm vặt, xem hát hay chớp bóng. Những đêm khuya ở rạp chiếu bóng, rạp hát ra không còn tầu, xe về, hai vợ chồng đi thuê buồng ngủ. Quỳ thấy thích hơn là ngủ ở nhà. Trên chiếc giường công cộng khách sạn, lúc trao thân cho chồng, nàng tránh được một hình ảnh khác ám ảnh. Cái ám ảnh nó bắt đầu từ đêm hôm cưới.

Người chị đã hứa với nàng là sẽ về với mẹ đẻ. Nhưng hôm cưới bà Mậu cũng theo nàng về nhà chồng. Bà đã không bỏ mất cái địa vị đã cưới vợ lẽ cho chồng, đã đi đón em về, và nếu bà không xử như vậy, người ta sẽ nói ra sao? Bà không để mất một quyền lợi mà sau này sẽ có lúc phải dùng đến, sẽ là một lợi khí cho bà.

Người chị đã sắp chỗ nằm của mình bên ngoài, dành căn buồng cho chồng và em. Tự tay bà trần thiết gian buồng, cố xếp đặt, trang hòng cho ra vẻ chốn tân hôn. Lúc khách khứa về, ba người cùng nhìn nhau. Có lẽ chỉ ông Mậu là vui. Quỳ tự thấy đã đi một bước rất quan trọng. Đến lúc này, những nỗi băn khoăn, dùng dằng không còn có thể được nữa. Cuộc đời đã ra một chiều khác hẳn nàng dự tính; hy vọng về hôn nhân, tình ái đã thu lại một chiếc giường trong buồng kia và người đàn ông đang thay quần áo. Nàng phải nhận trường hợp ấy.

Người chị nhìn chồng quanh quẩn bên em, coi như không có mình, thấy phật lòng. Lúc ba tâm hồn đang đụng nhau trong cuộc gặp gỡ âm thầm, yên lặng này, lòng tự ái của người chị bị thương tổn. Bà như muốn nhắc cho hai người kia biết rằng bà chủ trương hết các việc này, và mọi sự xảy ra đều do theo tay bà.

Phút thiêng liêng nhất trong đời Quỳ, lúc nàng từ một thiếu nữ thành một thiếu phụ, có mấy tiếng ho từ giường chị ở ngoài. Quỳ như thấy có thùng nước lạnh dội lên người. Cái giường không còn phải của hai người, một người thứ ba đã len vào. Nàng thành một cây gỗ trong tay Mậu.

Vài hôm sau, người chị về nhà mẹ đẻ. Thực lòng bà cũng chẳng muốn đi nào, nhưng đã trót hứa với mẹ, với em, và bà cũng không muốn có chuyện ngay trong lúc này. Bà cũng cần nghỉ ngơi, công việc vừa rồi, bà đã tốn mất nhiều sức khỏe và tâm cơ. Bà cảm thấy công việc của bà chưa hết, và cuộc chiến đấu sau này có lẽ gay go hơn. Bà cần tĩnh dưỡng ít lâu. Trước khi đi, người chị còn thu xếp mọi việc trong nhà cắt đặt đâu ra đấy, như một người chủ đi xa, không tin kẻ ăn người ở. Quỳ nhận thấy thái độ ấy, nhưng đương lúc cần yên tĩnh, muốn rảnh thân, nàng bỏ qua.

Vắng người vợ cả, họ được dễ chịu hơn. Họ không phải tránh những tiếng động, tựa hồ như thầm lén, vụng trộm. Nhưng Quỳ

không thể quên được mấy tiếng ho đêm hợp cẩn. Người chị vẫn quanh quất trong nhà. Những đồ vật đều giữ một ít dấu vết. Chiếc áo của bà còn treo trên mắc ở góc buồng, là người đứng rình, chứng kiến những phút thân mật của Mậu và Quỳ.

Những lúc trò chuyện, Mậu chỉ vô tình nhắc đến tiếng "chị" là Quỳ thấy ngay câu chuyện vô vị. Nàng không thấy chồng hoàn toàn của mình, trong những phút thân mật nhất, vẫn có một người thứ ba lẻn vào. Một ý nghĩ độc ác nảy trong óc Quỳ "Giá chị...". Nàng không dám thiết tha mong như vậy, nhưng nếu người chị chết đi. Mậu sẽ là riêng của nàng. Đàn ông có thể yêu được nhiều đàn bà mà không ai mất phần, tình yêu uyển chuyển, rộng rãi ứng dụng tùy theo tâm tình, trường hợp. Đàn bà thường chỉ biết một người đàn ông, nhất là một hạng đàn bà đã đặt vào trường hợp có danh nghĩa hẳn hoi, thì họ không thấy đường nào khác. Họ muốn chiếm độc quyền người đàn ông cũng không có gì là lạ.

Những đêm ở khách sạn, Quỳ không bị ám ảnh, nên thấy chồng là của mình. Thấy nói đi Hà Nội, Quỳ bằng lòng ngay, tuy không lộ vẻ thích lắm.

– Lần này thì phải nhớ mua mấy chiếc đĩa nữa.

Mậu đang cắm cổ vào tờ báo và cơ hồ như đã nhai vữa những miếng cơm trong miệng, ngừng nhìn nàng:

– Hôm đầu tháng vừa mua mấy chiếc xong. Em không thích nghe nữa à?

– Nhưng nghe đi nghe lại chán lắm. Ngày nào cũng chỉ có đĩa ấy, nhàm cả tai chịu sao được. Đĩa hát cần phải có mới luôn, mà em đã bảo anh đừng mua những đĩa ấy, anh không nghe. Có hay ho gì đâu.

– Những đĩa ấy hay đấy chứ.

– Hay nhưng mà cổ lắm rồi. Bây giờ còn ai ưa nữa. Có khách đến mà anh vặn những *Xử án Bàng Quý Phi* với *Tam tinh xuất thế* thì họ cười chết. Anh xem còn nhà ai chơi những đĩa ấy nữa không? Họ mua những đĩa mới, như *Il pleut sur la route, Poéma* chẳng hạn...

Ông Mậu ăn xong đặt bát xuống:

– Đấy là những đĩa khiêu vũ, mình có nhẩy đâu mà đi mua những đĩa khiêu vũ?

– Thế anh không biết nhẩy à?

Nàng ngước nhìn Mậu, rồi nhìn ngay xuống bàn ăn, khóe mắt rất nhanh, nhưng có một ý nghĩa mạnh hơn câu hỏi, và hơi có vẻ ngạc nhiên.

Mậu có vẻ ngượng:

– Không, anh nhẩy. Kể cũng chẳng khó gì, tập qua thì biết ngay, nhưng anh không thích. Lối chơi ấy để cho bọn trai trẻ không suy nghĩ.

Lại một dịp cho Mậu nói xấu, kết án một bọn "trẻ ranh" không đứng đắn, không tư tưởng, chỉ ưa chơi bời phung phá. Mậu cho khiêu vũ là trò chơi hạ đẳng, không xứng với một người đứng đắn. Quỳ cầm ngang đôi đũa, nhìn vào bát cơm, im lặng. Mậu biện thuyết càng hăng, Mậu tự nhận là một người già dặn lịch duyệt, không như bọn trẻ hăng hái, sôi nổi mà óc rỗng không, chỉ ưa phù phiếm. Người như Mậu mới đủ điều kiện gây gia đình, đủ cho vợ con trông cậy. Mậu đại khái kết luận rằng con gái, nếu biết nghĩ, phải lấy chồng như Mậu mới có được hạnh phúc vững vàng.

Mậu đã xong bài diễn thuyết, Quỳ vẫn lặng thinh. Nàng không để ý đến lời chồng, nàng chỉ nghĩ rằng chồng không biết khiêu vũ. Ở thời đại này, một thanh niên không biết khiêu vũ thì dù viện ra những lẽ gì, cũng vẫn là một điều hèn kém. Nàng muốn chồng biết các lối ăn chơi, biết khiêu vũ, không phải là để đi với gái nhẩy là những kẻ thù của các bà có chồng, nhưng để cho hợp thời. Lắm lúc nàng cũng tò mò muốn vào những nơi ấy xem họ làm ăn ra sao. Lẽ tất nhiên phải đi với một người đàn ông. Trong trường hợp nàng, chỉ có thể đi được với chồng. Mậu không biết nhẩy, một ý muốn của nàng bị mất.

Thấy Quỳ ngồi lâu không nói, mặt đầy vẻ xa xăm, Mậu mới nhận rằng không phải vì lời lẽ của mình mà Quỳ tư lự. Bát cơm đã hết. Quỳ vẫn còn cầm trên tay, tay kia chống đôi đũa xuống cạnh mâm.

Mậu nhắc:

– Em ăn nữa đi chứ?

– Thôi, em ăn xong rồi.

Nàng đặt đũa bát xuống, thờ thẫn đứng dậy gọi con sen lên xếp dọn. Mậu tưởng nàng không vui vì câu chuyện đĩa hát. Mậu vội chiều ý nàng, như đã quen chiều nàng từ lúc bắt đầu. Mậu muốn nàng vui vẻ để khỏi hư giấc ngủ trưa.

– Nếu em muốn mua đĩa hát thì chiều thứ bảy này về sớm một tý để có đủ thì giờ đi chọn. Lần này tùy ý em muốn mua thứ nào thì mua.

*

Mậu loay hoay với một bức thư viết cho vợ cả. Đến lúc ấy Mậu mới nhận thấy rằng đã mấy tháng nay, từ khi vợ cả về mẹ đẻ, Mậu không có thư từ gì về và cũng không nhận được tin tức gì của vợ. Mải vui với Quỳ, Mậu đã quên hẳn người vợ cả.

Vì câu chuyện đĩa hát, nên Mậu lại nhớ đến vợ cả. Và câu chuyện muốn viết lại rất khó nói, làm Mậu băn khoăn không biết hạ bút ra sao. Mậu lại tiếc rằng trong mấy tháng sao thỉnh thoảng không viết thư thăm vợ, đã ngẫu nhiên "có mới nới cũ" để làm phật lòng người đàn bà. Mậu chắc người vợ cả cũng giận mình lắm, nên mới không có tin tức gì cho mình.

Câu chuyện Mậu muốn viết cho vợ đây, là một chuyện tiền nong. Mậu không ngờ rằng trong tình vợ chồng lại còn có chỗ khó thổ lộ với nhau như vậy. Sự kiêng nể tăng lên vì Mậu biết rằng mình không phải.

Từ xưa công việc trong gia đình Mậu vẫn do tay vợ. Vợ cũng khéo thu xếp. Lương chồng đưa về, tuy không có bao nhiêu, nhưng người vợ hàn gắn, tằn tiện, chơi họ, cho vay, nên cũng sắm sửa được ít đồ đạc trong nhà và có được cái vốn nho nhỏ. Hai vợ chồng kín tiếng, ít giao thiệp, nên người ngoài vẫn tưởng Mậu giầu. Điều đó có lợi cho Mậu: vợ dễ xoay xở tiền nong, và việc Quỳ vừa rồi mà thành, cũng một phần nhờ ở đó. Thực ra, gia tài của ông cũng chỉ gồm có ít ruộng xấu; hoa lợi không là bao và một ít đồ đạc hỗn tạp vì phần nhiều là của mua lại, nhưng cũng được một vài thứ có giá.

Còn tiền mặt không có gì. Lương tháng của Mậu, trừ góp họ, chỉ còn đủ cho sự ăn tiêu dè sẻn.

Vì lo việc Quỳ, người vợ cả đã lấy bát họ một nghìn đồng. Xong công việc còn thừa được mấy trăm, bà đưa lại cho Mậu, dặn chồng đóng họ và liệu việc tiêu pha.

Mấy trăm bạc đã đi như gió. Tiêu pha, chơi bời, làm tiền tan mau hơn miếng sáp trên ngọn lửa. Mậu đương lúc sung sướng ăn tiêu như nhà triệu phú. Nhưng buổi sáng thứ hai, Mậu nhẩm tính thấy tiền hao hụt, ông cũng có sốt ruột, muốn dè sẻn lại. Bên Quỳ, ý đó lại tan mất.

Lúc này Quỳ đòi mua đĩa hát, là lúc Mậu sắp phải tiêu đến đồng bạc cuối cùng, mà còn hơn mười ngày nữa mới hết tháng. Mậu không dám trái ý muốn của người vợ trẻ. Cuộc hôn nhân đã ngầm theo một điều kiện: Quỳ chịu lấy lẽ Mậu để được hưởng rất nhiều sung sướng vật chất. Mậu đã ngầm nhận lời. Quỳ tưởng Mậu giầu, Mậu cũng đã sẵn lòng để Quỳ tưởng thế. Bây giờ mới được mấy tháng, đã trưng cái khó ra, Mậu thấy khó chịu, tự coi như một con bạc chơi gian. Đợi sau này dần dần Quỳ hiểu rõ tình cảnh Mậu hơn, sẽ thay đổi cách sống. Nhưng đó là chuyện về sau, khi hai người ràng buộc nhau hơn nữa. Lúc này, Mậu phải chiều Quỳ, từ cái sở thích nhỏ, để Quỳ khỏi hỏi han hoặc tiếc rằng đã trót lấy mình.

– Nhưng làm sao ra tiền để đi Hà Nội thứ bẩy này, để mua đĩa hát?

Mậu liếc nhìn các anh em đồng sự ngồi cùng buồng giấy. Một vài người có tiền, nhưng Mậu không dám hỏi vay. Mậu biết trước rằng chẳng những không ăn thua gì mà họ còn mỉa mai, cho là câu chuyện đùa, vì xưa nay Mậu vẫn lên mặt có tiền.

Mậu chợt nhớ ra rằng vợ cả có một món tiền riêng. Vợ vẫn chơi họ dấu chồng. Số lương chồng hằng tháng đưa về, vợ tiêu pha, tính toán rất thành khoản, còn bát họ đó là riêng của vợ. Mậu ngơ như không biết, nghĩ trong tình vợ chồng, đến lúc phải dùng tiền thì số đó cũng sẽ là của chung. Bây giờ đến lúc cần, Mậu thấy không dùng được món tiền ấy. Mậu cảm thấy làm một việc trái ngược, người vợ cả chắc không bằng lòng. Làm thế nào giải nghĩa được sự ăn tiêu tốn kém, mới vài ba tháng trời đã hết mấy trăm đồng? Nhà

không có việc gì to tát phải tiêu nhiều, Mậu không ốm đau. Nếu nói thực, thì là trêu gan vợ cả, không khi nào họ chịu bỏ tiền ra vì những lẽ ấy. Đành rằng nói dối. Nói dối bằng cách nào? Khó nghĩ quá!

Mậu cắn đã nát cái đầu quản bút gỗ. Tờ giấy trước mặt mới được một dòng ngày tháng, và hai chữ "Mợ cả". Trong những phút tư lự, thỉnh thoảng lại thoáng qua bóng Quỳ và những lúc êm đẹp. Mậu thấy ấm áp, lại càng cố nghĩ bức thư. Sau cùng, Mậu tìm được một kế cho là thượng sách. Mậu bịa ra một người bạn trong sở cần tiền. Cho vay những chỗ đó chắc chắn cuối tháng có thể trừ ngay vào lương họ. Mậu nói là đã nhận lời cho vay, và giục vợ gửi tiền lên.

VIII.

Chiếc xe tay xịch đỗ, bà Mậu lớn tiếng gọi con sen. Con sen thò cổ nhìn rồi chạy vội ra.

– Thưa mợ đã lên.

Bà Mậu chỉ cho nó một lũ thúng, giỏ mây, gói, chồng chất dưới chân xe:

– Ừ, mày mang những thức này vào trong nhà. Con sen khom lưng ôm từng cái một đặt ra vỉa hè. Bà Mậu hỏi:

– Cậu có nhà không?

– Thưa mợ, cậu con đi Hà Nội từ chiều hôm qua.

– Thế mợ hai đâu?

– Mợ hai cũng đi với cậu con.

Bà Mậu đang xuống xe đứng dừng lại, một chân vướng giữa cái thúng và bó chổi mới. Con sen chưa kịp bê xuống, nó liếc nhìn bà Mậu, hình như nó nói cái gì hớ hênh. Con sen đưa bà Mậu cái thìa khóa:

– Mợ cầm thìa mở cửa để con mang những cái này vào.

Bà Mậu cầm thìa khóa, trả tiền người phu xe, thong thả đi vào. Bà mở cửa nhà trên, quay lại bảo con sen:

– Nồi cá bống và những thức ăn thì để dưới bếp, còn những gói bọc nhật trình thì mang lên trên này.

Bà đẩy cửa vào nhà, mở thêm mấy cái cửa sổ cho sáng. Trong nhà có một vẻ lạ, như lúc người ta đi vắng lâu mới về, nhất là đồ đạc lại có xếp đặt lại. Ghế phòng khách có phủ đệm mới, lọ hoa vải đã thành lọ hoa thật, mấy bông hồng héo để rơi cánh xuống bàn. Trên ghế đẩu có chiếc máy hát, ngổn ngang mấy cái đĩa. Bà Mậu cầm xem từng chiếc, lật đi lật lại, rồi lại đặt xuống.

Trong phòng ngủ, trên giường chăn chiếu xô xếch, bừa bãi như một buổi sáng chưa ai dọn. Mấy chiếc áo của Mậu và của Quỳ tả tơi trên mắc. Bà quay ra ngoài.

– Sen!

– Dạ.

Con sen chạy lên, khép nép đứng góc nhà.

Bà Mậu hỏi:

– Mấy giờ rồi? Mày đã làm cơm nước gì chưa?

Con sen nhìn đồng hồ:

– Thưa mợ, mười một giờ. Nhưng con chưa làm cơm. Cậu con thứ bảy nào cũng đi Hà Nội, cũng không ăn cơm nhà hôm chủ nhật. Nếu có về sớm thì mới làm cơm, nhưng thường thì chiều cậu con mới về.

– Thứ bảy nào cậu cũng đi chơi à?

Con sen lưỡng lự, nó biết câu hỏi đó rất quan hệ. Giá đừng nói thì hơn, nhưng nó đã trót nói câu vừa rồi. Nó ưa Quỳ hơn bà Mậu. Quỳ hiền lành, dễ dãi, không xoi mói, khắc nghiệt. Nó chưa từng bị Quỳ mắng về công việc bếp nước, một việc thường xảy ra luôn với bà Mậu. Bà chòng chọc nhìn con sen. Nó nói:

– Thưa mợ không, thỉnh thoảng cậu con mới đi.

– Lần nào cậu đi, mợ hai cũng đi chứ?

– Vâng.

Con sen như buột mồm trả lời tiếng ấy, rồi nó lại tiếc. Nhưng nó biết nói thế nào?

– Thôi, mày xuống thổi cơm cho tao ăn. Không phải đi chợ nữa, những thức ăn tao mang lên đấy dọn ra cũng được.

Bà Mậu thay áo, vào trong buồng. Bà đẩy cái áo gối cho ngay ngắn, ngả lưng xuống giường, nằm ngửa nhìn lên trần.

Bà lan man nghĩ đến chồng và em gái: bà thấy đã bắt đầu xảy ra những điều sai với bà dự tính. Bà tưởng chồng đối với Quỳ cũng như đối với bà ngày trước, một tình ái đều đều. Nay xem ra Mậu say mê Quỳ, quên hẳn bà, hàng tháng không được một bức thư thăm hỏi. Họ đưa nhau đi chơi, sắm sửa. Bà đã bị bỏ quên trong xó, như một vật người ta không còn dùng đến. Bà nghĩ đến em, trẻ, đẹp hơn bà, nghĩ đến ngoài ba chục tuổi của mình, bất giác thở dài. Bà lại tự an ủi: "... lúc mới ai chẳng thế...". Nhưng ngày xưa ông Mậu có say mê bà thế đâu, hồi ấy bà cũng trẻ và đẹp.

Câu trả lời đến ngay. Trước kia ông Mậu không có tiền. Vợ chồng còn phải hàn gắn, làm ăn, không được dư dật để chơi bời, xa xỉ. Bây giờ người ta có tiền, thì người ta phung phí, người ta quên hẳn bà. Bà chắc rằng ông Mậu đã tiêu hết số tiền bà đưa trước khi đi, và bức thư vừa rồi là một cớ dối trá để lấy tiền của bà.

Con sen dọn cơm, tiếng bát lạch cạch bên ngoài. Bà Mậu cũng không buồn trở dậy. Gian buồng ngủ đóng kín cửa: ánh sáng lờ mờ đưa người ta vào sự suy nghĩ. Các đồ đạc thêm vẻ thân mật và nhắc rõ những việc đã qua. Mọi vật đều có giữ một chút kỷ niệm của bà và Mậu, bây giờ đem nhắc lại. Bà nhìn như muốn hỏi xem trong mấy tháng nay chúng thấy những chuyện gì. Nếu Mậu đã mê Quỳ, ruồng bỏ hẳn bà? Câu họ bình phẩm văng vẳng bên tai: "người như thế mà để em cướp mất chồng". Câu chuyện tự bà gây ra nhưng rồi có thể đến cái kết quả ấy. Điều dự định của bà đã thành công một quảng đầu, bây giờ bà phải làm sao cho cô em không cướp được chồng, hiểu địa vị của mình chỉ là người vợ lẽ, bao giờ cũng dưới quyền bà, bà muốn cho thế nào thì nên thế.

Đến lúc bà Mậu ăn cơm chiều. Mậu và Quỳ mới dẫn xác về. Họ đều có dáng mệt mỏi. Mậu cắp một gói lớn, Quỳ lê giày đi đằng sau. Thấy bà Mậu, họ đều có vẻ ngạc nhiên và khó chịu; bà Mậu đến đột ngột giữa lúc họ không ngờ.

Mậu vội vàng gò một nét mặt tươi cười hỏi vợ:

– Mợ đã lên đấy à?

Quỳ chào theo:

– Chị đã lên.

– Vâng, tôi lên sáng hôm nay. Cậu có gói gì thế?

– À, mấy thứ vặt, với vài cái đĩa hát. Thế nào, ở nhà có chuyện gì lạ không? Mẹ vẫn bình yên chứ?

– Mẹ vẫn được như thường, ở nhà cũng chẳng có chuyện gì cả. Cậu và em đã ăn chưa? Hay đi ăn cơm nhân thể?

Bà Mậu nhìn Quỳ: nàng cúi mặt đi thẳng vào buồng. Nàng thấy rằng một hòn đá bỗng nhiên ném vào mặt nước phẳng lặng, một con chim đưa bao điềm không lành mới hiện ra.

Mậu niềm nở:

– Ừ, chúng tôi cũng chưa ăn. Bảo nó đi mua thêm cái gì ăn luôn thể.

Quỳ ở trong buồng đang cởi áo liền ngừng tay lại, Mậu và nàng đã ăn ở Hà Nội, định không ăn cơm nhà. Đã ăn rồi việc gì phải nói dối? Nàng bực mình về chồng có dáng sợ hãi, lấy lòng vợ cả. Mậu muốn ăn, tùy ý. Nàng không ăn.

Quỳ lại mặc áo vào, cầm một gói nhựt trình nhỏ đi ra. Bà Mậu nói:

– Đi ăn cơm nhân thể, em.

Nàng trả lời:

– Mời chị xơi, em còn no không muốn ăn. Bà Hai bên cạnh có nhờ em mua mấy thước lụa, để mang sang trả bà ấy.

Mậu ngồi đến hết bữa, nói với vợ những chuyện lăng nhăng, cốt dọn đường cho một câu chuyện khác cần hơn. Trước kia, chắc Mậu đã nói trắng ngay, không đắn đo, quanh quẩn như lúc này. Tình thân mật hoàn toàn của đôi vợ chồng đã để xen vào một chút ngượng nghịu, e dè.

Con sen đã dọn xong mâm. Mậu vẫn ngập ngừng chưa nói câu chuyện chính, thường nhìn ra phía cửa, sợ Quỳ về; một lát sau Mậu nói rất thản nhiên:

– Mợ có nhận được thư tôi không?

Bà Mậu với cái gói của chồng mang về để vào lòng, bắt đầu cởi nút giây gai:

– Có, tôi nhận được thư cậu hôm kia.

Mậu thấy một tia hy vọng. Vợ nhận được thư và thân hành lên, Mậu chắc có mang tiền theo. Chỉ khéo léo một chút, vợ không nghi ngờ gì, là có tiền tiêu. Mậu lại sẽ tìm cách cho vợ đi khỏi, để được sống những ngày vui vẻ với Quỳ. Trong lúc này, phải cẩn thận lắm.

– Mợ nghĩ thế nào? Cho vay như thế tôi tưởng lời hơn chơi họ, lãi nhiều hơn và đỡ bấp bênh. Họ góp dần, cuối tháng tôi ở sở, lấy ngay lúc lãnh lương, thì không sợ mất hay trây lười gì nữa.

Bà Mậu đã cởi xong cái nút thứ nhất, bắt đầu đến cái thứ hai:

– Gói gì mà buộc kỹ thế này?

– Mấy thức vặt và cái đĩa hát. Người ta cần lắm, muốn có tiền ngay không thì hỏi vay chỗ khác. Tôi thấy chỗ chắc chắn và chắc mợ có tiền nên tôi đã nhận lời người ta rồi.

Bà Mậu vẫn loay hoay với nút giây gai, không ngửng lên:

– Người ta hỏi vay bao nhiêu?

Mậu nghĩ thầm: "Có tiền rồi" và nói to:

– Họ muốn vay hai trăm, góp thành hai trăm rưỡi mười tháng, hoặc muốn thế nào khác tùy ý mợ. Họ sẽ làm giấy với tôi ở sở.

Mậu nghĩ thêm: "Mình sẽ bịa ra một cái văn tự và đến lúc phải góp sẽ hay".

Một tiếng động ở cửa: Mậu ngoắt nhìn ra. Mậu rất sợ Quỳ về giữa lúc này. Mậu ngong ngóng chờ một câu của vợ như xưa kia anh chàng đợi về việc dạm cô Quỳ. Con sen mang đồ nước đặt lên bàn, rồi lại xuống nhà dưới.

Bà Mậu đã cởi xong mấy cái nút, mở tờ giấy gói:

– Như thế kể thì cũng lợi thật đấy, nhưng tiếc rằng lúc này tôi lại không có tiền.

Bao nhiêu hy vọng của Mậu sụp đổ. Mậu thốt ra một câu:

– Mợ không có tiền à?

– Một lúc đột ngột hỏi hai trăm bạc thì làm gì có. Tôi có chơi mấy bát họ, nhưng bây giờ không phải là lúc lấy, và toàn là những bát họ nhỏ cả. Lấy đâu ra mấy trăm?

Bà Mậu cầm từng thức trong gói đặt lên bàn. Một lọ nước hoa, và miếng xà phòng, ba cái đĩa hát, bà ngắm nghía từng cái, và nhìn chồng. Đến lọ nước hoa, bà đưa lên mũi, tuy lọ còn mới nguyên, chưa mở nút.

– Lọ nước hoa này cậu mua bao nhiêu?

Mậu đứng lên, đi lại trong gian buồng hẹp:

– Hay mợ hãy xoay tạm lấy số tiền đó, rồi tháng sau lấy họ đền vào.

– Cậu bảo tôi xoay đâu? Vừa rồi đã phải lấy họ và chạy thêm mấy chỗ mới đủ nghìn bạc lo công việc cho cậu. Những chỗ lấy được tiền đã mắc cả rồi, bây giờ không còn đâu nữa.

Bước chân Mậu thành nhanh và mạnh. Mậu tiện tay bật đèn: ánh sáng làm bên ngoài tối hơn, và rõ người vợ đang nhìn chàng. Câu chuyện đã xen từng hơi im lặng khó chịu.

– Nếu không có được cả hai trăm thì cũng phải cố xoay lấy một nửa. Tôi liệu nói với người ta. Chứ chỗ người lớn đã trót hứa rồi, biết làm thế nào.

– Làm thế nào thì tùy cậu. Ai bảo chưa chi cậu đã hứa với người ta?

– Tôi chắc mợ có tiền thì mới hứa chứ?

– Cậu biết đâu là tôi có tiền. Sao cậu không hỏi tôi trước?

Các câu đối đáp lớn dần, mau, và gay go thêm. Mậu đã thấy cáu, tiếc công dàn xếp câu chuyện từ chiều mà không ăn thua gì. Nỗi bực tức dần lộ ra. Người vợ vẫn yên tĩnh, chắc mình có lẽ phải.

– Nếu người ta cần mà cậu đã trót hẹn, thì lấy tiền của cậu ra mà cho vay vậy.

– Tiền nào?

– Món tiền tôi đưa cậu mấy tháng trước ấy.

Mậu đương đi, đứng lại, nhìn vợ rồi nhìn xuống gạch. Thế là đã đến chuyện chàng muốn giấu. Đã không lấy được tiền của vợ cả, chàng cũng không còn mong bưng bít nữa. Trước sau cũng một lần nói ra. Mậu trả lời rất gọn:

– Hết rồi.

Người vợ có lẽ đã đoán trước được câu ấy, nhưng cũng ra bộ ngạc nhiên:

– Hết rồi kia à? Làm gì mà đã chóng hết thế?

– Tiêu chứ làm gì.

Một lúc im lặng.

– Mới mấy tháng trời, mà đã hết ba bốn trăm bạc. Ấy là chưa kể tiền lương của cậu. Cậu tiêu pha gì mà gớm thế?

– Mua bán, sắm sửa vào trong nhà, chứ đi đâu mà kêu. Vài bốn trăm bạc, mợ tưởng đã là to lắm đấy hẳn?

– Phải, không to. Nhưng trước kia thử không dành dụm từng hào, từng xu, thì đâu có món tiền ấy để bây giờ cho cậu phá. Sắm sửa vào nhà cửa! Thử xem cậu sắm được những gì? Một cái máy hát thổ tả, còn thì giày, mũ, sắm ăn, sắm mặc bộ cánh cho sang để ngày nghỉ dắt nhau về Hà Nội, để ăn chơi cho sung sướng!

Người vợ dằn từng tiếng, giọng lý sự của hạng đàn bà vào tay ăn nói. Người chồng càng tức thêm. Mậu lại ngồi xuống ghế, trước mặt vợ:

– Ừ thì tôi ăn mặc, tôi đi chơi với em mợ đấy. Thế thì đã làm sao?

Người vợ cũng không kém:

– Làm sao à? Làm sao thì biết đấy, rồi đến lúc một đồng, một chữ cũng không còn, sợ chẳng như thế được mãi.

– Mợ phải biết, tôi đi chơi để vui lòng em mợ, tôi ăn mặc sang cũng là để cho đẹp mặt mợ.

Người vợ bĩu môi:

– Chà! Đẹp mặt cho tôi! Xưa nay cậu chả nghĩ thế cho. Con Quỳ nó là em tôi, nhưng bây giờ nó là vợ cậu, cậu muốn vui thú với nó thì cứ việc vui thú, can gì lại đổ vì tôi!

– Chính là vì mợ, vì mợ muốn tôi làm bạn với chị em trong nhà mợ, nên tôi mới phải hy sinh mà lấy em gái mợ. Không thì thiếu gì người, mợ hiểu chưa?

Bà Mậu không ngờ chồng giở đến giọng ấy. Máu đưa lên cổ, mặt bà đỏ lên, rồi tái đi. Bà im một lúc vì quá ngạc nhiên, rồi, không còn nén nổi sự tức giận, bà trả lời chồng:

– Cậu nói thế mà nghe được à? Hừ, cậu nói thế mà được à?

– Chứ không phải thế à? Nghĩ xem?

– Hừ, vì tôi mà cậu phải lấy con Quỳ! Cậu nghĩ lại xem, nhớ lại xem cậu đã nói với tôi những gì. Tôi còn nhớ lắm. Sao mà chóng giở giọng thế? Cậu có quên để tôi nhắc lại cho, nhưng tôi chắc cậu chưa quên đâu.

Mậu quay mặt đi, không dám nhìn vợ. Cơn nóng của anh chàng như chỉ có được đến đấy. Trái lại, sự giận dữ của chị vợ tăng mãi lên.

– Vì tôi muộn màng nên muốn lấy vợ lẽ cho cậu. Ai cậu cũng chê nào là quê mùa, ngờ nghệch, bẩn thỉu, không đáng ăn, đáng nằm với cậu. Phải, cậu cao quí lắm, sạch sẽ lắm mà! Đến lúc con Quỳ lên chơi, cậu vồ ngay lấy nó.

Cơn nóng của Mậu đã đi hẳn. Chàng đâm lúng túng, chỉ mong vợ thôi nói. Người vợ đã tiếp:

– Cậu xoay trăm phương nghìn kế, dỗ dành tôi đủ điều. Tôi về nhà, mỗi ngày cậu gửi một bức thư, nào là "Hiền thê", "Hiền thê nhã giám!". Thôi thì đủ những câu nịnh nọt. Lại còn những bức thư viết cho đẻ nữa. "Vị cây giây quấn", "Bồ hòn có rễ". Cậu quên rồi à? Thư tôi còn giữ cả. Tôi tưởng cậu tử tế, ai ngờ?

Bà nhô đầu sang phía Mậu, xỉa xói:

– Này, tôi bảo để cậu biết: cậu không nịnh nọt cầu khẩn tôi, thì cậu làm ngay đến ông... tôi cũng không đem em tôi vào. Cậu biết chưa?

Mậu ngồi ngay mặt. Chàng biết mình đuối lý và nói gì nữa thì lại càng gây thêm giận dữ cho vợ. Sắc mặt bà Mậu lúc ấy có thể đưa đến sự giằng xé. Mậu đành ngậm tăm chờ cho qua cơn giông tố.

Nói được ngần ấy câu, người vợ như cũng đã hả được cơn giận. Bà im một lát, rồi nói thong thả hơn trước.

– Đã tưởng giàu có, sang trọng lắm đấy người ta phải vồ lấy kẻo phí của! Chưa chi đã giở giọng phụ bạc. Còn đấy.

Quỳ về, thấy hai người đối nhau, không ai nhìn ai, nàng biết ngay là có chuyện không hay. Mặt người chị đầy nộ khí, Mậu lúng túng như người học trò có lỗi. Nàng muốn nghe mấy chiếc đĩa hát mới mua, nhưng trong nhà có vẻ nặng nề, âm thầm quá. Quỳ thèm thuồng nhìn mấy chiếc đĩa hát để trước mặt bà Mậu. Mậu cầm tờ báo giơ lên che lấy mặt, liếc nhìn Quỳ.

Ba người yên lặng diễn một tấn tuồng câm, bao nhiêu ý nghĩa ở cả sắc mặt và những cặp mắt, liếc trộm lẫn nhau. Quỳ ngồi trong tối dáng hiền lành hơn hai người kia. Nàng muốn đi nằm ngay. Cái thân thể khỏe mạnh đang sức ăn, sức ngủ ấy, sau hai ngày mệt mỏi, cần được nghỉ ngơi. Nàng băn khoăn không biết lại nằm trong buồng như mọi tối, hay phải trả chỗ đó cho chị. Chỗ người vợ cả là cạnh người chồng. Quỳ thấy ý nghĩa sự cả lẽ trong chuyện ăn nằm, và thấy địa vị mình hèn kém.

Mậu vẫn ngồi im xem báo, người vợ cả vẫn ngồi im trước mặt chồng. Quỳ cũng ngồi im.

Bà Mậu đứng lên, lại dọn cái ghế ngựa bên ngoài, chỗ bà nằm hôm cưới Quỳ và mấy đêm sau, trước khi bà về với mẹ. Quỳ nhìn chị kéo ngay ngắn cái chiếu, rồi mắc màn.

Bà bảo Quỳ:

– Thôi khuya rồi, em đi ngủ đi.

– Vâng, chị cứ đi ngủ trước.

Quỳ đợi cho người chị nằm yên, rồi vào buồng.

Mậu ngồi xem báo rất khuya. Nếu đọc cả tờ báo từ niên hiệu cho đến hết các quảng cáo, thì cũng không mất đến ngần ấy thì giờ. Anh chàng đang ở một lúc khó nghĩ hơn Quỳ khi nãy. Mậu cũng muốn đi nằm, nhưng không biết nằm giường nào.

Hai cái giường, trong buồng và nhà ngoài, mỗi giường lại có một người đàn bà, đều thuộc quyền sở hữu của chàng. Chàng có quyền nằm bất cứ giường nào, với người đàn bà nào. Nhưng nằm với ai, chàng cũng thấy không tiện. Nằm với vợ cả để nói chuyện nhà sau mấy tháng xa vắng thì phải hơn, nhưng sau cơn xô xát vừa rồi, việc ấy không nghĩa lý gì nữa. Mậu chắc vợ chưa chịu làm lành. Hãy còn sớm quá. Chàng có chịu nhún, chẳng qua chỉ tổ thêm vẻ

đớn hèn, người vợ sẽ day dứt chàng thêm. Vả lại còn Quỳ, Quỳ sẽ nghĩ sao? Nhiều lần, chàng đã hứa hết sức bênh, chiều chuộng người vợ lẽ, để nàng quên phận lẽ mọn, thế mà người vợ vừa đến, chàng đã vội đổi chỗ nằm. Quỳ sẽ cho chàng vẫn quý vợ cả hơn. Mậu không muốn mất lòng vợ trẻ.

Chàng yêu vợ lẽ hơn là lẽ dĩ nhiên, nhưng không nên lộ cho vợ cả biết, nhất là trong lúc này. Vừa rồi chàng mới thấy một thái độ của vợ mà chàng không ngờ đến. Trong mấy năm chung đụng nó không có dịp biểu lộ ra. Mậu vẫn tưởng vợ hiền lành. Bây giờ chàng mới thấy con người ấy cũng già tay ràng buộc, trêu vào không hay ho gì. Nhớ lại sắc mặt, đôi mắt vợ, nghĩ lại những lời nói, chàng còn thấy sợ, sợ hơn là khi ở buồng giấy, chàng đứng trước ông chủ giận dữ lôi đình.

Mậu gập tờ báo. Trong gian nhà yên tĩnh, tiếng giầy sột sạt như muốn cho mọi người biết rằng chàng còn thức. Mậu rót nước uống rồi đi quanh trong buồng. Chiếc ghế ngựa phủ màn trắng quá. Mậu không thấy rõ bên trong. Chàng liếc qua cửa buồng vào giường vợ lẽ. Cái màn phơn phớt xanh, vì cái chao xanh của ngọn đèn ngủ, có một vẻ thân mật ấm cúng.

Trong lúc băn khoăn ấy, Mậu thoáng thấy rằng hai người đàn bà đương làm bận lòng chàng là hai chị em ruột. Theo lời vợ cả trước, và như đã nghĩ, thì họ sẽ thương yêu nhau. Lúc này Mậu cảm thấy tình chị em đó không ăn thua gì, không giúp chàng tí gì. Mậu cần phải thu xếp địa vị mình cho ổn thỏa giữa hai người đàn bà. Cách khu xử của Mậu với họ sẽ cần cho cách khu xử của họ với nhau.

Mậu đã buồn ngủ và mệt lắm. Hôm sau lại phải đi làm sớm. Nếu có cái giường thứ ba trong nhà thì chắc Mậu đã vui lòng lăn ra đấy. Thực ra thì lúc này, dù ngủ với ai chàng cũng không thấy thú gì. Mậu đang ở một lúc không thấy sự thôi thúc của xác thịt, nó xui ra sự cần phải vuốt ve, gần gũi một người đàn bà. Mậu chỉ cần ngủ, ngủ như một con vật.

Một tiếng rờn rợn sẽ đưa ra từ giường vợ cả.

Mậu lắng tai nghe, tiếng đó thôi ngay. Mậu cho là một tiếng ngáy. Anh chàng tự nhiên thấy khoan khoái, và im lặng lắng tai

nghe một lúc nữa. Vẫn không một tiếng gì, chắc chắn là vợ đã ngủ say, chàng sẽ tắt đèn, đi rất nhẹ vào buồng, như một tên ăn trộm.

Quỳ quay mặt vào phía trong, nằm dán vào tường: thân thể nàng bé nhỏ và ngắn như một đứa trẻ, không chiếm hết mấy chỗ. Phía ngoài giường rộng thênh thang, giá ba người nằm cũng vẫn còn chỗ. Mậu sẽ lay Quỳ; nàng không nhúc nhích, mặt vẫn áp vào tường. Mậu nằm lui ra ngoài, duỗi thẳng chân tay, và nhắm mắt.

Đêm hôm ấy, trong ba người, người ngủ được ngon lành nhất là Mậu. Quỳ tưởng mình ngủ ngay được, nhưng lúc đi nằm, nàng thấy mỗi lúc một tỉnh ra. Nàng vẫn nghe thấy Mậu xem báo, đi bách bộ. Khi chồng tắt đèn vào buồng, Quỳ tự nhiên cười thầm, và khi Mậu đụng vào nàng, tuy có biết nhưng vẫn nằm im.

Người vợ cả về, là bao nhiêu nỗi băn khoăn trở lại với Quỳ. Lúc người thiếu phụ đang dễ chịu, có một cảm tưởng rằng hoàn toàn có riêng một người chồng, hy vọng được sống mãi mãi trong trường hợp ấy, thì người vợ cả lù lù dẫn xác đến, nhắc cho nàng biết thân phận thấp kém. Bao nhiêu điều xây đắp, mong ước của nàng trong lúc thân mật với chồng lại thành xóa bỏ, đó không phải là việc của nàng, đã có người khác, có quyền hơn, lo liệu. Quỳ thấy một sự gì tưng tức ngăn nàng, như lá màn che sát mặt nàng lúc ấy. Bên kia lá màn lại là bức tường dầy và chắc hơn. Qua được lá màn và bức tường thì chắc dễ thở hơn. Bà Mậu cũng không ngủ được, không phải là tức chồng đã vào với Quỳ. Cái ghen của đàn bà không thiển cận, ở chỗ xa chồng một tối hay hai tối. Bà đã vắng nhà hàng tháng. Bà đang nghĩ đến việc to tát hơn.

Bà Mậu thấy công việc đã xoay một chiều khác ý định. Quỳ không phải là người lấy về chỉ để đẻ con. Nàng không dễ sai khiến, tùy theo ý bà, và chồng cũng không còn như trước. Tâm tính chồng thay đổi cũng do ảnh hưởng người vợ lẽ. Bà thấy chồng dần dần xa bà, đang quay tới người em. Bà hối hận rằng đã để cho họ tự do nhiều quá. Phải xoay lại trường hợp ấy, nếu không sẽ đúng như lời người ta nói "để em cướp mất chồng".

Bà nghĩ: "Con ấy thế mà tai quái lắm. Phải liệu xem thế nào, chứ nó cũng không vừa, nó trẻ hơn mình, đẹp hơn mình, đàn ông

bao giờ họ chẳng thích hơn. Mình lại đến nhức đầu mất. Thôi, đến đâu hay đó, rồi sẽ liệu sau. Tuy vậy nó cũng chưa khỏi tay mình".

Bà cố ngủ, nhưng không sao ngủ được.

IX.

Quỳ lùi lại mấy bước, ngắm bức ảnh nàng mới treo lên tường, trong phòng khách. Ánh sáng lấp lánh trên miếng kính bóng loáng, chung quanh viền một đường giấy nâu.

Bà Mậu vào, lại gần chiếc ảnh nhìn một lúc lâu. Đó là hình bán thân của Quỳ và Mậu. Mậu tóc chải dán xuống đầu, trông trẻ và vui vẻ. Nửa người Quỳ che lấp phía bên trái Mậu, cái đầu thấp hơn, miệng gần sát mặt chồng.

Quỳ nhìn chị, đợi một lời bình phẩm. Bà Mậu không lộ một vẻ gì, hỏi Quỳ:

– Ảnh dì chụp bao giờ thế?

– Em mới chụp với anh hôm chủ nhật trước. Chị xem thế nào, có khá không?

– Đẹp đấy, nhưng không được giống lắm. Anh trẻ quá. Anh ấy ở ngoài trông già hơn nhiều.

Quỳ cãi:

– Em tưởng giống đấy chứ? Vào ảnh bao giờ nó cũng trẻ đi một tí.

Trong bức ảnh, Quỳ cũng trẻ và đẹp hơn, không có vẻ mệt mỏi chán nản nhiều lúc hiện trên vẻ mặt nàng. Hai mắt to, cái miệng hơi cười, còn giữ được vẻ trẻ trung thời con gái. Đứng chung với Mậu kể cũng tốt đôi.

– Dễ thường người thợ ảnh sửa đi nhiều, nên trông mới trẻ thế. Tôi thấy nhiều hiệu chụp giống mà vẫn đẹp.

– Ảnh này chụp ở một hiệu có tiếng nhất ở Hà-nội đấy. Họ tính giá gấp đôi các hiệu khác.

Bà Mậu nhìn bức ảnh một lúc nữa, rồi như nói một mình:

– Tôi với anh Mậu lấy nhau đã bao nhiêu lâu nay, mà chưa chụp chung một cái ảnh nào.

Quỳ không nhận thấy người chị mỉa mai nàng chụp ảnh chung với Mậu. Nàng thẳng thắn nói:

– Thế sao chị không chụp? Hay để hôm nào về Hà-nội, chị, em, với anh Mậu cùng chụp một chiếc.

Bà Mậu cười nhạt:

– Chụp ảnh thì phải sang trọng, đẹp đẽ kia, chứ già với xấu như tôi thì giở mặt ra làm cái gì!

Lần này Quỳ nhận thấy vẻ mỉa mai của chị. Mặt nàng sa xuống, nàng nói trệch đi cho câu chuyện có ý nghĩa khác:

– Cứ gì phải đẹp mới chụp được ảnh! Nếu chỉ đẹp mới chụp ảnh thì ra những người xấu không bao giờ có ảnh à? Muốn chụp thì chụp, chứ em thì đẹp đẽ gì? Em tưởng cùng chung một chiếc, gửi về biếu đẻ cũng hay.

Quỳ nói thế, chứ trong thâm tâm nàng không muốn chụp ảnh chung với chị và chồng, nàng chỉ muốn có mình nàng với Mậu trong cái kỷ niệm sẽ lưu lại mãi về sau này.

Bà Mậu trả lời:

– Thì cứ gửi ảnh của dì với anh ấy cũng đủ, cần gì phải có tôi vào. Có tôi vào đây chẳng qua chỉ làm xấu cả anh đi!

Quỳ thêm khó chịu, người chị như nhất định gây sự với nàng, nói lại không tiện, mà im đi thì ức. Ấy mới có việc cỏn con, như chụp ảnh chung mà đã sinh chuyện, thì sau này còn biết bao nhiêu chuyện khác, mong gì thân mật gần gũi chóng thêm. Quỳ chán nản ngồi xuống ghế, nhìn bà Mậu vẫn đứng trầm ngâm trước bức ảnh.

– Cái ảnh này chụp mất bao nhiêu?

– Em không biết.

Trong lúc bực mình, câu nói thốt ra cộc lốc, giọng nói hơi chút sống sượng, Quỳ vội thêm:

– Em không biết anh ấy trả bao nhiêu.

– Thế dì không hỏi à?

– Không, em không hỏi. Lúc anh ấy trả tiền em không có đấy.

– Thế sao dì lại biết được là ở hiệu ấy họ tính đắt gấp đôi chỗ khác. Tôi tưởng dì cũng đi với anh ấy, thì tiêu pha những gì, dì cũng biết chứ?

Quỳ đã nói dối; người chị lục vấn càng làm nàng khó chịu. Nàng muốn dứt câu chuyện:

– Em biết họ tính đắt là vì em thấy người ta nói thế. Còn thường anh ấy tiêu pha, thì em không biết gì cả.

– Hèn nào mà mấy tháng nay, chẳng biết tiêu những gì mà dữ thế. Trước khi tôi xuôi, anh ấy còn mấy trăm bạc mà đã hết rồi.

– Em cũng chẳng biết anh ấy tiêu những gì. Chắc là sắm sửa vặt vãnh.

– Sắm sửa thì được cái gì? Toàn những thức vô dụng. Sắm quần, sắm áo, mà quần áo cũng còn nhiều chán, đến nỗi thiếu thốn gì mà đã phải may.

Mậu mới may cho Quỳ mấy chiếc áo. Thấy chị nói đến ăn mặc, nàng có ý chạnh lòng. Nhưng nàng vẫn muốn cho êm câu chuyện:

– Mấy trăm bạc thì chị tính là bao. Mỗi thứ một tí thì nó hết đi ngay.

Muốn lấp việc nàng may áo, nàng tiếp:

– Mấy lại những chuyện mua bán là tự ý anh ấy cả.

Bà Mậu bực mình thấy việc gì Quỳ cũng đổ cho Mậu. Bà gợi chuyện ra là cốt để nói em, mà Quỳ dửng dưng không nhận tí gì.

– Đã đành rằng tự ý anh ấy, nhưng khi anh ấy quá tay thì dì cũng phải can ngăn chứ! Mua sắm những thứ vô ích mà tốn bao nhiêu tiền. Mấy trăm bạc không là bao, nhưng không phải là tiền mồ hôi nước mắt, dành dụm chắt chiu thì ở đâu ra. Khi tôi mới về với anh ấy, giang sơn chỉ còn cái giường nát, mấy cái chiếu mốc, mấy cái ghế gẫy chân. Ở cái nhà tồi tàn, trời mưa nước dột vào trong nhà thành vũng, phải lấy chậu thau mà hứng. Cái áo cưới tôi phải tha ba, bốn năm mới may được áo mới. Thế mà vẫn chịu đựng, dần dần mới thấy mát mặt. Bây giờ sinh phá tán như thế, thì rồi đến núi cũng phải hết. Chẳng lo rồi dẻ cũng không có mà đeo!

Quỳ thấy khổ tâm lắm. Rõ ràng người chị nói nặng, Quỳ đã cố nhịn, nhưng đến lúc này, nàng không chịu được nữa.

– Chuyện của chị với anh ấy ngày xưa là việc riêng của anh chị, em biết đâu. Còn như chị thấy anh ấy hoang phí thì chị bảo anh ấy chứ chị trách gì em. Em biết đâu, em cấm làm sao được?

– Sao lại cấm không được? Thế dì về đay làm gì? Dì cũng phải lo toan công việc; lúc tôi không có đây thì trông nom nhà cửa, lo ăn lo làm, hay chỉ biết sóng đôi nhau mà ăn chơi cho sướng, rồi sống chết mặc bay, đã có người lo liệu. Dì là vợ anh ấy mà bảo không ngăn cấm được, thì còn ai ngăn cấm được? Khốn nhưng...

Mặt Quỳ đỏ dần, mặt người chị tái dần. Quỳ ngẩng lên như bị roi quật vào người:

– Chị bảo khốn nhưng làm sao?

Bà Mậu nhếch môi, dằn từng tiếng:

– Khốn nhưng cả cậu lẫn mợ cùng muốn sang trọng, cùng muốn sắm sửa, cùng muốn đẹp mắt cả. Còn ai bảo được ai!

– Chị đừng nói thế! Chị đừng nên thấy tôi may vài cái áo mà đã vội đổ những tiếng ấy cho tôi. Chị hỏi anh ấy xem, có phải tôi muốn may, đòi may đâu! Không phải vì bây giờ lấy chồng tôi mới may được mấy cái áo. Xưa kia ở nhà thì dễ tôi cởi trần. Chưa chi chị đã nói bóng nói gió, nào những chị phải mặc áo cũ hàng năm. Tôi có ngu đâu mà chị phải nói thế? Chị nên biết rằng tôi lấy anh Mậu không phải vì tôi tham mặc áo mới, hay ham giàu sang, đỉnh chung gì.

– Phải, cô thì ham gì sang giàu, đỉnh chung, có thèm gì mấy cái áo mới!

– Chị không phải mỉa! Tôi tham giàu sang, thèm áo mới hay không thì chị đã biết. Tại sao tôi lấy anh Mậu thì chị cũng thừa biết rồi đấy.

Bà Mậu nói đủng đỉnh.

– Việc gì tôi mỉa. Mà tôi biết đâu được việc riêng của cô.

– Tôi lấy anh Mậu không phải chỉ là việc riêng của tôi.

– Thế dễ thường là việc của tôi?

– Không phải thế hay sao mà chị còn hỏi?

– Thế nghĩa là vì tôi mà cô phải lấy anh ấy, phải hy sinh đời cô, chứ thực tình thì cô không bằng lòng; anh ấy không xứng đáng với cô, có phải không?

Quỳ không nói năng gì.

– Sao cô không nói đi? Hôm nọ anh ấy cũng đã nói với tôi như thế. Anh ấy cũng vì tôi mà lấy cô. Sao mà khéo bảo nhau thế! Thì ra cả hai người cũng chỉ vì hy sinh mà lấy nhau, mà lại cũng chỉ vì tôi! Rồi đến cùng sung sướng với nhau, cùng đi chơi với nhau, chụp ảnh, cũng vì tôi cả!

Quỳ uất lên, không còn giữ nổi nước mắt. Nàng vùng đứng dậy vào buồng. Nàng vội quá, xô vào bàn, cái lọ hoa đổ xuống, nước chảy lênh láng thấm ướt cái khăn giải sặc sỡ Quỳ cũng không ngoảnh lại. Bà Mậu nhắc cái lọ lên, nhìn theo Quỳ.

Quỳ nằm vật xuống giường, úp mặt vào gối, khóc không lên tiếng. Nàng muốn đập phá một vật gì, đánh xé một người nào. Không hiểu sao nàng lại không to tiếng, đấu khẩu với chị, hoặc túm lấy chị mà xoay một mẻ, rồi muốn ra sao thì ra. Đến nước ấy, tưởng chẳng còn tình nghĩa, kiêng nể gì. Nàng không xử như vậy, có lẽ vì tâm tính nàng đã thay đổi, chín chắn thêm. Cái nóng nảy của con trẻ đã pha thêm ít điềm đạm của con người đứng mực. Nàng vẫn muốn cho êm chuyện.

Nỗi bực tức vợi theo với nước mắt. Nàng bình tĩnh hơn, và lại càng thấy tủi. Bên ngoài, bà Mậu như nói một mình, những giọng đủ cao để lọt cửa buồng.

"Hy sinh với chả hy sinh. Mình không bằng lòng thì dễ người ta trói chân, trói tay mang vứt lên giường nhà người ta được. Ai ép? Đú đởn, sung sướng với nhau cho chán, rồi cả anh lẫn chị còn nói làm bộ. Hy sinh như thế thì hy sinh được suốt đời, sợ không ôm lấy nhau được mãi".

Câu này lại càng thấm thía. Quỳ thấy tê tái. Chị nàng lại giở đến giọng ấy thì thật hết đường cãi; Quỳ không ngờ chị giở mặt đến thế, cho rằng nàng lấy Mậu chỉ vì muốn lấy chồng. Chị nàng quá ghen đã ăn mất lời xưa.

Lại còn Mậu. Nếu thật Mậu đã nói rằng vì hy sinh mà lấy nàng thì cuộc nhân duyên ấy thật không có nghĩa lý gì. Không ai

hiểu ai, tin ai. Mấy người như đã lừa nhau, mà nàng bị đau hơn hết. Nàng thường nghe người ta nói: hôn nhân nhiều khi chỉ là chuyện lường gạt, nhưng nàng không tưởng được sự giả dối đến bực ấy, mà chưa hề thấy cảnh nào giống cảnh nàng.

Nàng sẽ hỏi cho ra. Không lẽ những lời ái ân của Mậu, những phút thân mật, âu yếm trong mấy tháng vừa qua chỉ là giả dối, Mậu không có tình gì, không yêu nàng. Quỳ đã thấy lầm bước ngay từ lúc đầu. Nàng còn bám lấy ý nghĩa hy sinh vì chỉ để tự an ủi, và dựa vào tình ái của chồng để phấn khởi. Đột nhiên, hai điều đó cùng tan vỡ trong một lúc.

Quỳ vẫn chắc là Mậu yêu nàng, cho là một chuyện dĩ nhiên phải thế. Hay là vì một lẽ gì khác, mà không thật lòng, Mậu đã nói ra câu ấy. Lẽ gì? Chiều vợ cả, lấy lòng, hay chỉ vì trong một lúc tức giận? Nếu vì muốn được lòng vợ cả mà ra thế, thì lại càng hèn đớn quá lắm. Quỳ đã có dịp nhận thấy người chồng không có khí phách; như hôm đi chơi về, anh chồng phải giả dối ngồi ăn với vợ cả, không dám nói đã ăn rồi. Một người đàn ông như vậy, thì dù họ có thực yêu mình cũng chẳng hòng trông cậy nỗi gì...

– Nằm trong nhà ấy.

– Làm sao mà nằm?

– Biết đâu đấy.

Mậu đã về. Quỳ lắng nghe, tiếng giày Mậu đến cửa buồng.

– Vào mau, vào mau mà vấn an.

Tiếng giày dừng lại, im, rồi quay ra. Một câu nói của người vợ cả đủ làm anh chàng không dám vào buồng. Thái độ ấy càng làm rõ rệt sự hèn đớn.

Quỳ thấy tủi thân và lại càng chán nản. Người ta khen cảnh êm ấm của gia đình Mậu, tuy hai vợ mà không hề có chuyện ghen tuông. Có người tò mò chỉ quen biết Mậu qua loa, chưa từng đến nhà Mậu bao giờ, cũng tìm cớ đến chơi xem mặt cô vợ lẽ. Họ mang theo về những cảm tưởng rất đẹp đẽ. Mấy bạn đồng sự thầm khen Mậu tốt số, có cô vợ bé trẻ măng; một vài bà ngạc nhiên rằng trái với điều họ tưởng, sự cả lẽ không sinh chuyện gì.

Có người thóc mách, dò chuyện bà Tâm là người hay lui tới nhà Mậu, về cách sống trong gia đình ấy. Bà Tâm không tiếc lời khen một cảnh hòa hợp bà chưa từng thấy: vợ cả, vợ lẽ thương yêu, kính mến nhau, không có một điều xích mích. Người ta lại càng tin lắm. Bà Tâm đã sẵn cảm tình với bà Mậu. Thật ra, bà Tâm cũng không biết tí gì.

Họ khéo dấu lắm. Sau cuộc xô xát về bức ảnh, nó chỉ là một dịp để tính ghen tức sẵn ngấm ngầm trong người vợ cả phát lộ ra, thì cả hai chị em cùng đổi thái độ.

Họp quanh mâm cơm chiều hôm ấy, bà Mậu thấy nét mặt em hốc hác, mặt đầy ngấn lệ, bà cũng động lòng trắc ẩn. Suốt bữa ăn Quỳ không ngửng lên. Nét mặt nàng là sự thất vọng, dáng điệu nàng là cái chán nản nó tràn lây cả đến người chung quanh. Bữa cơm không điểm lấy một câu chuyện. Anh chồng nhìn vợ cả, nhìn vợ lẽ, nói vài câu khôi hài nhạt nhẽo không ai hưởng ứng, nó lại làm tăng thêm vẻ khó chịu của mấy người. Anh chồng lại cắm đầu xuống bát cơm ăn cho mau xong.

Cơn giận đã qua, bà Mậu đã nói được những điều muốn nói, máu ghen đã được thỏa, bây giờ còn lại lòng thương của người chị đối với em gái. Lúc Quỳ nằm trong buồng bà cũng đã suy nghĩ nhiều lắm. Bà đã bớt nóng, bình tĩnh hơn, cũng tự thấy không nên tàn nhẫn với em gái quá. Bà sợ em lộng quyền; ghét em đú đởn với chồng, thì một trận lúc trưa cũng đã đủ cho người vợ lẽ hiểu địa vị của mình. Bà chắc em không còn dàm ra ngoài phạm vi ấy. Sự kết quả đã quá lòng bà muốn, Quỳ đã nhụt ngay, như vậy kể đã đủ trong lúc này. Bị dày xéo quá, Quỳ có thể phản kháng đâm khùng cãi lại, hoặc làm những việc quá khích. Bấy giờ biết xử ra sao? Chưa có gì buộc chặt Quỳ. Lúc liều, người em có thể rứt hết các liên lạc. Còn phải đợi Quỳ có con. Quỳ có con, bà sẽ được thỏa nguyện, và Quỳ, bị ràng buộc thêm không còn mong thoát đi đâu.

Bà Mậu thấy còn cần phải nới rộng cho em và chồng, cho được tự do trong phạm vi bà định theo lòng tự ái và oai quyền một người vợ cả. Thỉnh thoảng Quỳ có quá bước ra ngoài giới hạn, thì bà lại sẽ nhắc cho biết rằng những cuộc nói chuyện đại khái như hôm nay. Xem dáng điệu Quỳ lúc ngồi ăn cơm, bà Mậu thấy không cần quá

lo về điều sau này. Bài học hôm nay đã đủ lắm. Lòng tự ái, oai quyền bà đã được yên, tự nhiên bà thấy thương em, và muốn tỏ cho người em biết.

Từ hôm ấy, bà Mậu sắp hẳn chỗ nằm bên ngoài, nhường gian buồng cho chồng và Quỳ. Bà lại ngọt ngào chiều chuộng em như hồi nào, Quỳ chỉ là người em gái đến chơi với anh chị. Những lúc có khách, bà lại càng tử tế hơn. Nói với Quỳ, một điều em, hai điều em. "Em đưa dùm chị bao chè...", "Em ra ngoài uống nước với bà Phán...". Những người khách, cả đến bà Tâm, ranh mãnh và xoi mói, đều phải lừa về thái độ ấy. Họ khen Mậu tốt phúc, được hai người vợ hiền.

Nhưng Quỳ không bị lừa.

Nàng đã hiểu rõ chị. Không cần phải suy nghĩ nhiều, chỉ do trực giác và linh tính người đàn bà, Quỳ cũng biết rõ bụng dạ người chị. Người chị bây giờ chỉ là người vợ cả, khi tranh nhau một người đàn ông, thì đủ các tính ghen tức của mọi người vợ cả khác, không kể gì tình nghĩa chị em. Lúc nóng giận là lúc tâm tính con người biểu lộ một cách thực thà nhất, Quỳ thấy rõ người chị lắm.

Trong cuộc xung đột ấy, nếu Quỳ đem hết sức mình ra tranh người đàn ông, thì chắc nàng được phần hơn. Nàng có nhiều lợi khí hơn chị: nàng trẻ hơn, xinh hơn. Trong lúc đầu Mậu đang say mê, chắc quay về với vợ mới. Nhưng đó không phải ý nàng.

Quỳ, như phần đông cô thiếu nữ, đã đặt hy vọng quá cao từ tuổi dậy thì, nàng đã sống với những giấc mộng yêu đương, phỏng theo các tiểu thuyết diễm tình; mộng và thực khác nhau xa; thực cảnh chua chát quá, gây một mối thất vọng mênh mông, làm chìm đắm cả bản năng người con gái. Nàng như không còn sức làm một việc gì, nhất là cãi nhau với chị gây nên những cuộc xô xát ngày ngày, để rồi lúc nào cũng nhìn vẻ mặt thù ghét nhau. Quỳ thấy nhỏ nhen, ti tiện quá.

Trong lúc này, giá được tình ái người đàn ông nâng đỡ, thì Quỳ cũng không đến nỗi thất vọng. Tình ái ấy cũng không có. Từ lúc nghe chị nói Mậu vì bất đắc dĩ lấy nàng, Quỳ để tâm dò xét chồng. Nàng dò xét bằng cặp mắt thường nhìn xuống, lắng tai nghe như lơ đãng mà không bỏ sót một lời nói, một cử chỉ. Mỗi lời nói

của Mậu đều bị biên chép, mỗi cử chỉ đều bị xét đoán. Rồi cả đến hành vi, những lời nói đã qua nàng không để ý, ngày nay chúng trở lại trong người con gái.

Quỳ có thể cho hành vi của chàng là một chút nhân nhượng cho êm nhà. Đại khái như hôm đi chơi về, nói dối chưa ăn cơm; định vào buồng hôm xô xát mà quay ra ngay vì câu nói mát và nhiều điều lặt vặt khác. Quỳ cho đó là biểu hiện một tâm hồn hèn nhát, một người đàn ông mà không dám đàng hoàng theo ý muốn mình, lúc nào cũng cầu cho êm chuyện, lúc nào cũng nhân nhượng, cũng có đáng sợ sệt. Đàn ông gì mà nhu nhược đến thế! Việc gì mà lúc nào cũng phải muốn vừa lòng vợ cả? Sao không bắt vợ phải cư xử cho vừa lòng mình, khi mình là người chồng có quyền đó?

Quỳ ngắm kỹ chồng. Trán ngắn và thấp, con mắt thiếu vẻ thông minh của người trí thức, không có những tia sáng của người có đảm lực. Hai môi dầy, lúc cười có vẻ ngu độn, vô vị. Cử chỉ thiếu vẻ khoáng đạt, chân tay làm gì cũng như có vẻ lúng túng, vụng về.

Những lúc gần nhau, Mậu có tỏ vẻ âu yếm Quỳ thì mắt trước mắt sau, phải nhìn xem vợ cả ở đâu. Quỳ lại càng khinh Mậu, khinh một cách ngấm ngầm và lặng lẽ, không lộ ra cử chỉ.

Thấy chị lại tử tế, ngọt nhạt, Quỳ cười thầm, và càng thấy sự giả dối. Nàng thờ ơ đáp lại bằng bộ điệu bình thản, không vồn vã, không vui thích. Nàng cũng không nói câu gì có ý nghĩa mỉa mai, châm chọc, để người chị ngờ nàng vẫn bất bình. Người vợ cả càng chắc nàng đã thủ phận.

Quỳ ít ra ngoài. Mỗi khi có việc đi đâu, nàng chỉ ăn mặc sơ sài, không mó đến mấy cái áo mới may treo li trên mắc, đã phảng phất mùi ẩm mốc. Khi ta có điều phiền muộn, đã chán nản thì không thiết gì đến trang điểm, ăn mặc. Bà Mậu cho rằng vì bà mà Quỳ không dám mặc áo mới. Muốn tránh tiếng nhỏ nhen ganh ghét vì vài cái áo và chính thâm ý bà cũng không phải ở chỗ ấy, bà Mậu muốn Quỳ ăn mặc như xưa. Có lúc như vô tình bà tự lấy chiếc áo lịch sự trên mắc đưa cho em; Quỳ tắc lưỡi một cái, đón lấy. Mặc chiếc ấy hay chiếc khác, đối với nàng không quan hệ gì. Nàng không muốn cho chị biết ý phản kháng. Bà Mậu cho là em biết nhún nhường, lại càng bằng lòng.

Bộ ba ấy sống với nhau như vậy, ở cùng nhà, ăn cùng mâm, nhưng không cùng ý nghĩ. Mỗi người như ở một phương nào, một thế giới xa xôi nào ngẫu nhiên tụ họp, nhưng vẫn mang cái vỏ kín bưng. Họ không hiểu nhau, không tin nhau, và không ai muốn tìm cách gây một nền thân ái thành thực. Không bao giờ họ nói với nhau được những câu chuyện thật thà đầm ấm cần cho hạnh phúc gia đình.

Mậu vẫn chung đụng với Quỳ. Anh chàng chỉ biết có thân thể người vợ, ngày một xấu dần. Trong những lúc cần có sự hòa hợp của cả xác thịt và tâm hồn, có lẽ là lúc Quỳ xa chồng nhất. Khi ông Mậu ôm ấp nàng, thì ý nghĩ người con gái đi rất xa, tới những chốn người chồng không ngờ đến. Có khi nó lộn lại dĩ vãng; Quỳ nhớ tới Huy và đêm sáng trăng ở vườn hoa. Chỉ vì bực với Huy mà nàng đã nhận lời lấy Mậu. Nàng cũng không oán trách gì Huy, chàng chẳng có tội lỗi gì; Huy chỉ nói mấy câu không vừa ý mà nàng đã vội nóng giận. Bây giờ... Bây giờ, nàng chịu ép một bề sống bên một người đàn ông nàng không có cảm tình gì. Người ấy đã là chủ nàng chỉ vì danh nghĩa vợ chồng!

Tưởng tượng sẽ phải sống mãi như vậy để đi đến không biết một chỗ nào, chôn hết tuổi xanh và hy vọng, Quỳ thấy uất ức, muốn phản kháng, nhưng chỉ là điều trong ý nghĩ. Khối óc người con gái xưa nay ít trực tiếp với thực tế, không tìm được cách gì, hoặc không mấy khi nghĩ chu đáo tới ý định thoát ly. Nàng chỉ lờ mờ cảm rằng không thể sống mãi cuộc đời ấy, đeo gánh nặng không biết đến ngày nào. Nàng như một chiến sĩ bị thương ngay khi vừa vào trận, rồi nằm nhìn máu chảy dần dần mang hết khí lực trong người. Nhiều lúc muốn vịn vào một lý gì để đỡ chán nản, Quỳ cho là tại "duyên số". Còn nhiều tâm hồn yếu ớt thì thuyết "số mệnh" còn được nhiều người tin tưởng. Trong lúc này nó rất có ích cho Quỳ.

X.

Mấy cánh cửa sổ nhà Mậu mở rộng. Chiều hôm qua, bà mẹ ở vùng xuôi lên thăm rể và hai con. Ánh sáng vào thêm trong nhà, đồ đạc hết bụi bậm, mùi ẩm mốc bay đi, và mấy người thêm bận rộn, bớt thì giờ nghĩ đến nhau.

Mậu chào mẹ vợ, dắt xe đạp đi làm. Một lúc sau, vợ cả đi chợ, con ở cắp rổ theo sau. Trong phòng khách còn Quỳ và bà mẹ.

Bữa nước sáng đã tan. Bà mẹ nhìn Quỳ xếp dọn ấm chén. Từ khi lấy chồng, người con gái út quý hóa của bà không có được bức thư về nhà làm bà cụ sốt ruột phải mò lên. Cũng vì bà cụ quá thương con, muốn rõ cận trạng ra sao, chứ ở tuổi bà cụ, mỗi lúc đi xa phải dùng đến tàu, xe, là một dịp cho bao nhiêu lo ngại.

Bà cụ hỏi Quỳ:

– Dạo này con có khỏe không?

Quỳ như chột dạ, ngừng tay lau chén nhìn mẹ:

– Con vẫn được như thường.

Mỗi buổi sáng, lúc rửa mặt, chải đầu, tự nhìn mình trong gương, Quỳ cũng tự thấy mình sút kém. Kết quả của những điều phiền muộn nó làm mất ăn biếng ngủ.

Sự thay đổi đó chậm chạp, và sáng nào cũng tự nhìn mình, nàng không nhận thấy rõ ràng bằng mẹ. Lúc rời mẹ, mắt Quỳ trong và sáng, má tròn trặn, hồng hào. Bây giờ da nàng hơi xanh, mặt có vẻ ngơ ngác, má hóp vào làm gò má thêm cao. Bà cụ ngờ con đau yếu. Nàng nói vẫn được khỏe, nhưng bà cụ không tin:

– Để trông con hình như mệt mỏi. Nếu được khỏe mạnh thì thôi, mà có khó chịu trong người thì bảo anh ấy lấy thuốc men ngay cho mà uống. Trông con cũng yếu lắm. Cần nhất là sức khỏe, sau này còn sinh đẻ, người yếu thì rồi nó ra lắm chứng, lắm bệnh lắm.

Tất cả quan niệm của bà cụ về cuộc đời gồm trong câu: khỏe mạnh, no ấm, sinh đẻ. Ngoài ra, những chuyện tâm tình, hoài bão, bà cụ không nghĩ đến. Có lẽ trong cuộc đời lo lắng cho chồng, gây dựng cho con, người đàn bà cổ ấy đã quá vất vả về nạn cơm áo. Nó dần dần thắt lòng người ta lại, ăn sâu vào tâm khảm. Bây giờ, bà cụ không biết rằng người ta có thể nghĩ ra ngoài mục đích ấy.

Bà cụ tiếp:

– Nhiều người lúc trẻ khỏe mạnh, mà chỉ sinh nở vài lần là yếu hẳn đi. Con phải cẩn thận lắm. Hễ thấy hơi mệt thì nên uống thuốc ngay.

Quỳ vội quay đi, dấu một cái nhếch môi chua chát. Đừng nói rằng hơi mệt, dù ngay có ốm đến chết, nàng cũng không cần chồng và chị thuốc thang. Nàng sẽ chịu, can đảm và lặng lẽ không phiền đến họ săn sóc nàng.

Nhưng làm thế nào để mẹ hiểu được nông nỗi đã gây ra tình cảnh ấy?

Chiều hôm qua, lúc bà cụ xuống xe, Quỳ hấp tấp chạy ra đón mẹ, vui mừng đến rớt nước mắt. Nàng tưởng có thể nói hết tình cảnh nàng, sẽ có một người hiểu được nàng. Còn ai hiểu con bằng mẹ, nhất là người con, chưa từng ra khỏi nhà cho đến lúc lấy chồng.

Suốt buổi chiều, Quỳ mong một lúc nhà vắng; suốt buổi chiều, bà Mậu không rời khỏi nách bà cụ. Bà Mậu nói chuyện huyên thuyên. Quỳ càng thấy chị đáng ghét, giả dối đối với mẹ cũng như đối với nàng. Mậu ở sở về. Quỳ không còn dịp nói chuyện riêng với mẹ.

Buổi tối, bốn người họp nhau dưới ngọn đèn. Bà cụ đầy vẻ hân hoan; ý muốn được sum họp yên vui của bà đã thành sự thực, bà cụ không còn lẽ gì phải buồn phiền. Cùng một lúc, được thấy hai con và rể trong cảnh ấm no, bà cụ đã rũ được các mối lo sợ cho con cái khi xưa. Bà cụ hiểu đâu nổi bí ẩn của mấy người ấy, của hai con bà; bà tạo ra xác thịt, chứ không biết được tâm hồn.

Quỳ thấy không còn can đảm nói với mẹ những điều nàng nghĩ, giãi bày tình cảnh nàng. Bà mẹ đã tin rằng các con sung sướng, tại sao lại để bà cụ thấy những nỗi đau khổ? Bà mẹ cũng như nàng đã tưởng rằng cuộc hôn nhân êm đẹp. Nay nó xoay ra một đường khác, đó không phải là lỗi tại mẹ. Nàng và mẹ, cả hai mẹ con đã vụng suy, nàng không oán trách gì, chung quy cũng tại nàng đã bằng lòng. Nếu biết sự thực, bà cụ có thể ân hận vì đã làm khổ con gái, dù chỉ là vì vô tình. Tình cảnh ấy không hay gì cho một bà già đã cao tuổi, gần đất xa trời. Cụ còn sống ngày nào nên cho cụ thấy những cái vui, cái đẹp, nên để cụ tin cảnh giả dối ấy.

Bây giờ, chồng đi làm, chị đi chợ, ngồi một mình với mẹ, Quỳ không thấy muốn nói gì nữa. Thấy mẹ nói đến sức khỏe mình, nàng liệu nhời chống chế cho xuôi:

– Vài hôm nay con cũng thấy hơi mệt, không muốn ăn cơm, chắc tại trái tiết trời.

– Ừ, giời này nhiều người ốm lắm. Gần cuối năm rồi mà còn gió nồm, để cũng thấy khó chịu. Con có đi đâu thì phải ăn mặc cho cẩn thận.

Bà cụ vẫn coi nàng như còn bé, phải dặn dò cả đến ăn mặc.

Quỳ bưng khay chén lại mặt tủ. Bỗng nàng đứng dừng lại. Nàng vừa thấy hoa mắt như bị thoáng gió, trái tim đưa lên cổ vì một cái khó chịu nó làm rạo rực muốn nôn. Nàng vội đặt khay xuống, vịn lấy thành tủ, mắt đã khỏi hoa, nhưng nàng vẫn thấy lợm giọng, và hồi hộp. Nàng đứng một lúc, chờ cho cảm giác đó qua. Bà cụ nhìn nàng:

– Con làm sao thế?

Nàng gượng trả lời:

– Thưa mẹ không, con có làm sao đâu.

– Sao tự nhiên con tái đi thế.

Quỳ cúi mặt xuống, không dám nhìn mẹ:

– Con vừa thấy hơi chóng mặt, nhưng bây giờ đã khỏi rồi.

Vừa nói xong thì lại thấy muốn nôn, Quỳ vội đưa tay lên cổ, mặt nàng tái thêm, làm bà cụ lộ vẻ sợ hãi, vội khép kín cửa.

– Con khó chịu thì vào ngay trong buồng mà nằm. Lấy dầu mà xoa. Thôi cứ vào nằm đi, để đẻ lấy dầu cho.

– Mẹ để con lấy.

Bà cụ vào buồng, lục hộp trầu lấy một lọ quất thần mới, đi đâu bà cũng mang theo làm của tùy thân. Quỳ theo vào, đón lấy lọ dầu,và ngồi xuống mép giường. Sự khó chịu làm nàng quên cả ý muốn giữ gìn dấu mẹ, nàng nằm ngả lên đống chăn, nhìn mấy cái mạng nhện quay quanh nàng, cùng với góc tường và các đồ vật. Nàng nhắm mắt, đưa lọ dầu lên mũi hít mấy hơi mạnh.

Bà cụ hỏi:

– Con đã dễ chịu chưa?

– Con đã khá, mấy hôm nay thỉnh thoảng con lại chóng mặt như thế, nhưng chỉ một lúc thôi.

– Thế à? Con thấy thế tự bao giờ?

Quỳ mệt nhọc trả lời:

– Đã vài ba hôm nay.

– Thảo nào thỉnh thoảng đẻ lại thấy con tái đi.

Bà cụ cúi cầm lấy tay Quỳ, và nhìn kỹ nét mặt nàng. Quỳ, mắt vẫn nhắm, không biết rằng bà mẹ đương chăm chú như muốn tìm trên nét mặt nàng một vẻ gì. Quỳ mở mắt thì bà cụ đã quay đi. Bà không còn vẻ sợ hãi khi nãy.

– Thôi con nằm mà nghỉ, đừng ra ngoài nữa gió máy.

Bà cụ đi ra, sẽ khép cửa buồng. Quỳ nằm im một lúc, ngủ thiếp đi.

Quỳ thức giấc, nghe thấy tiếng mâm bát bên ngoài và ai đã đắp lên nàng một chiếc chăn mỏng. Nàng đã ngủ một giấc dài, và hãy còn thèm ngủ. Hai mắt nàng muốn nhắm lại, tưởng nếu được ngủ luôn đến chiều, thì chắc dễ chịu lắm. Chóng mặt đã hết, người cũng không mệt mỏi lắm, nhưng nàng thấy uể oải, cần một chỗ lặng lẽ để được nằm im.

Nhưng nàng cũng gượng dậy. Nàng ít khi ngủ ngày, và nhất là hôm nay có bà mẹ, Quỳ lại càng không muốn nằm. Nàng mở cửa ngang, ra sân rửa mặt cho tỉnh ngủ, rồi vào phòng ăn.

Mấy người đã cầm đũa. Bà Mậu thấy nàng vội nói:

– Em đã dậy đấy à? Có ăn cơm không, hay để chốc nữa? Thấy em ngủ, không muốn đánh thức, chị đã bảo để phần rồi.

Mậu thêm:

– Em đã khỏi chóng mặt chưa?

Quỳ chắc mẹ đã nói với chồng và chị chuyện nàng khó ở. Nàng trả lời.

– Em có sao đâu. Thôi để em ăn nhân thể cho tiện.

Nàng kéo ghế, ngồi vào bàn, cạnh mẹ. Bà cụ xê lại ghế cho vừa chỗ. Nàng bảo con sen mang lại những thức ăn để phần. Bà Mậu ngồi đầu bàn, cầm cái bát úp trước mặt nàng xới cơm. Bữa ăn vừa bắt đầu; mấy đĩa xào, và bát canh còn nguyên đương bốc khói.

– Em xin chị.

Quỳ vừa đón lấy bát cơm, chưa đưa lên miệng thì khói cơm nóng bốc qua mặt nàng lại làm nàng khó chịu, và hoa mắt. Rồi Quỳ thấy cả mùi mấy đĩa xào; một mùi gây gây, nặng nặng và tanh, như khi vào trong bếp một hiệu cao lâu khách, người ta thấy cả các mùi xào, nấu, hành tỏi, khói, bồ hóng, và mùi gạch ướt át. Nàng thêm lợm giọng và cái mùi đó xông lên mãi. Bên cạnh nàng, mẹ, chồng và chị ăn rất ngon lành. Bà mẹ vừa ăn vừa nhìn. Không muốn đựng lên, Quỳ cố và một miếng. Nàng chưa kịp nhai, thì ọe một tiếng. Các thức ăn trong người đưa lên, muốn nôn ra ngoài. Nàng vội đặt bát đũa; mấy người ngạc nhiên buông bát, bà Mậu chạy lại đỡ lấy nàng:

– Em làm sao? Đã bảo không muốn ăn thì thôi, còn ăn cố làm gì. Em vào buồng mà nằm.

Bà đỡ Quỳ đứng dậy. Bà cụ cũng đứng lên theo.

– Để và cậu cứ ăn đi. Để tôi đưa em vào nằm.

– Chị để mặc em.

Quỳ đi vội vào buồng. Mấy người nhìn theo. Bà Mậu bảo chồng:

– Chiều cậu nhớ mua lấy mấy chai nước suối.

Mậu chợt nhớ ra. Hồi người vợ có mang, cũng có những điểm ấy; chóng mặt, sợ cơm, lợm giọng, thèm ngủ, và phải uống nước suối mới đỡ. Đã bao lần chàng đèo mấy chai nước vào xe đạp, đem về cho vợ. Chàng nhớ lại những lúc ép vợ uống, với những cử chỉ âu yếm, chiều chuộng, chan chứa những hy vọng sau này bị mấy lần tiểu sản phá tan.

Quỳ bây giờ cũng nghén. Hèn gì mà vợ cả chàng và bà mẹ, không tỏ vẻ quan tâm đến nỗi khó chịu của nàng. Duy có chồng ấy náy, nhưng không dám săn sóc người vợ lẽ. Thì ra họ đã biết những triệu chứng ấy, triệu chứng không nguy hiểm gì, mà đàn bà có chồng đều mong có. Bà cụ và vợ, tinh hơn chàng, nhìn qua dáng điệu Quỳ đã hiểu được ngay.

Một nỗi sung sướng tràn vào người Mậu. Anh chàng khấp khởi, muốn đến ngay cạnh Quỳ xem các điểm đó đã đích xác chưa. Chàng còn biết thêm vài triệu chứng về đàn bà bắt đầu có mang: lông mày dựng đứng, đầu vú thâm, và ít điều lặt vặt khác. Anh chàng bồn

chồn, lúc ấy như không có sự gì ngăn được chàng. Chàng buông đũa trước, vào buồng.

Quỳ đã ngủ, môi hé mở. Mậu ngồi xuống cạnh nàng, nắm lấy hai cánh tay Quỳ nhìn vào tận mặt. Quỳ mở mắt uể oải:

– Để cho em nằm.

Mấy cái lông mày ở đầu con mắt như dựng đứng lên, trái với những cái khác xoải theo chiều con mắt. Nhưng trước kia, hình như nó cũng thế; Mậu không lấy gì làm chắc.

– Em làm sao thế?

– Em chóng mặt lắm.

Nàng dở mình, nằm nghiêng. Mậu quàng một tay qua ngực nàng, Quỳ sẽ đẩy tay chồng ra.

Tay Mậu vẫn không buông:

– Em chỉ chóng mặt thôi à? Có làm sao nữa không?

Quỳ nhắm mắt:

– Không. Em không làm sao cả.

Mậu đứng dậy, kéo chăn đắp cho nàng.

Mậu vẫn không biết gì hơn khi nãy, không chắc rằng lông mày Quỳ dựng, đầu vú thâm hơn trước. Nhưng chàng tin ở lời vợ cả bảo mua nước suối. Về những chuyện này, đàn bà họ vẫn tinh hơn đàn ông; rất có lý là Quỳ ốm nghén.

Mậu ra đến cửa buồng, vừa gặp vợ cả đi vào. Người vợ nhìn chàng và mỉm cười một cách rất khó hiểu. Mậu thấy khó chịu về nụ cười đó. Chàng xuống sân lấy xe đạp; người vợ cả theo ra:

– Cậu đi đâu?

– Tôi ra phố mua nước suối.

Nụ cười vừa rồi lại hiện trên môi người vợ cả:

– Thì chiều mua không được à? Sao cậu chăm thế.

Mậu không nói gì, vẫn quay xe.

– Hay biên giấy bảo con sen nó ra lấy cho, đỡ phải đi.

– Con sen nó biết gì.

Giọng nói gắt gỏng như khiêu khích, chàng lại trừng mắt nhìn vợ. Người đàn bà chưa hết ngạc nhiên, thì Mậu đã nhảy lên xe đạp ra khỏi cổng.

Một sự gì mới thay đổi trong người đàn ông.

Có con! Hai tiếng ấy đủ làm cho bao nhiêu tính tình trong lòng chàng đột khởi, chàng chỉ mong có thế. Hy vọng trong lòng chàng xưa nay là: đi làm, lấy vợ, đẻ con. Cái mục đích cuối cùng sắp sửa đạt được, chàng chắc rằng không khi nào Quỳ lại gặp bước không may như chị. Khỏe mạnh như Quỳ, chàng chắc có một đứa con đẹp đẽ nó làm cho đời chàng đầy đủ, và làm chắc thêm tình ái của chàng với Quỳ.

Lúc này, Mậu thấy tình yêu Quỳ tràn ngập lòng chàng. Chàng nhớ lại những lời ân ái nói với nàng, mà ít lâu nay chàng không có dịp nào nhắc lại. Hình như tại Quỳ không muốn nghe, nhưng anh chàng cũng tự trách mình điều sơ suất đó. Có lẽ tại hôm xô xát... Không, bây giờ thì chàng không sợ ai, bất chấp cả những điều gì ngăn trở tình ái của chàng với Quỳ, chàng nóng lòng muốn tỏ thái độ ấy với hết thảy mọi người, nhất là vợ cả.

Anh chàng không hiểu rằng khi tình ái của đôi vợ chồng đã mất, thì đứa con khó lòng gây lại được. Và tính bồng bột của chàng chỉ như một ngọn lửa rơm, dễ bùng lên mà cũng dễ tắt. Nó không ích gì cho Quỳ, cho sự sống của ba người, có khi lại gây thêm tai họa.

PHẦN THỨ BA

XI.

Gian buồng lờ mờ, tranh tối, tranh sáng, Quỳ mới mở đôi mắt mệt mỏi, không rõ là mới sáng sớm hay đã chiều hôm. Đã lâu nằm liên miên trên giường, Quỳ có những lúc thiếp đi nó làm quên cả thời gian. Mỗi lần tỉnh dậy, Quỳ lại ngơ ngác nhìn quanh mình, cố nhớ lại chuyện đã qua. Đồ vật trong buồng dần dần lại thân mật, vẻ bỡ ngỡ của Quỳ mất dần.

Quỳ ốm đã sáu bảy tháng, từ ngày sinh thằng Tính. Nàng đã tưởng chết ngay hôm ấy. Nàng nhớ lại từ lúc bắt đầu trở dạ; chồng và chị đưa nàng đến hộ sinh viện. Rồi những cơn đau cấp bách, mỗi lúc một dồn dập, làm nàng quên cả giữ gìn. Thân thể gần như bộc lộ trên bàn đẻ, bồ hôi vã đầy người tuy trời lạnh, nàng nghiến răng, bám chặt lấy thành bàn để chống lại cơn đau. Cho đến lúc thân thể như bị xé tan, trời đất tối sầm lại, và tiếng người còn văng vẳng bên tai, nàng còn cố hỏi: "Trai hay gái?" rồi thiếp đi.

Bây giờ, những chuyện ấy đã qua. Đã qua cả những cơn sốt sau đó mấy ngày, bị ốm về sữa, nàng đã tưởng không mong qua khỏi. Bây giờ, tuy thỉnh thoảng nàng còn bị sốt triền miên, nhưng theo lời thầy thuốc, không đến nỗi lo ngại. Người ta bảo rằng vì nàng bé nhỏ, đứa con lại lớn quá, lúc mới lọt lòng đã gần được bốn cân, nên sự sinh đẻ khó khăn. May mà không phải mổ. Nghĩ lại còn sợ. Những nỗi sợ hãi của người đàn bà lúc sinh nở, không mong một ai hiểu nổi. "Trai vượt bể có chúng có bạn, gái vượt cạn chỉ có một mình", Quỳ nghĩ.

Thời gian đã phủ lên những việc đã qua. Quỳ không còn thấy những nỗi sợ hãi, đau đớn, cũng như nàng đã quên cả những chuyện ghen tuông, ganh ghét, trong thời kỳ Quỳ có mang, bà Mậu đã rất tử tế với nàng. Cuộc đời tuy không vui vẻ gì nhưng cũng được dễ chịu.

Bây giờ Quỳ đã có con.

Quỳ thấy một cảm giác êm êm, như lúc một người ốm qua cơn sốt, thấy được nằm trong chăn đệm ấm áp. Quỳ cố đoán xem lúc ấy vào khoảng mấy giờ, và cất tiếng gọi sẽ:

– Vú em!

Quỳ gọi sẽ một tiếng nữa. Sự yên lặng tràn ngập cả gian buồng, Quỳ tự nhiên thấy lạnh lẽo, như bị bỏ quên ở một nơi hẻo lánh nào. Chung quanh tịch mịch quá, yên lặng quá; Quỳ đâm sợ, gọi to gần như hét:

– Vú em!

Lần này có tiếng người thưa, Quỳ được yên lòng. Vú em đẩy cửa vào, hai tay ướt đầy bọt xà-phòng.

– Vú làm gì mà để tôi gọi mãi thế?

Người vú giơ bàn tay:

– Thưa mợ con đương dở giặt cho chú mấy cái lót.

– Chú đâu? Không có ai ở nhà à?

– Chú ngủ ở nhà ngoài, mợ cả sang chơi bên bà Tâm.

– Đã mấy giờ rồi?

– Thưa mợ, bốn giờ.

Bốn giờ, giờ Mậu đi làm. Người vợ cả đi chơi, con sen bận cơm nước, không trách nhà vắng.

– Vú bế chú vào đây cho tôi. Rồi xuống giặt nốt đi.

Người vú ngần ngại:

– Thưa chú đang ngủ.

Quỳ gắt:

– Chú ngủ thì ngủ, vú không bế được vào à? Quái lạ, sao lần nào tôi bảo bế chú vào, vú cũng lần chần, không muốn nghe là cớ làm sao?

Người vú muốn nói một câu gì, nhưng thấy vẻ Quỳ tức giận, lại thôi.

– Vâng. Để con rửa tay rồi bế chú vào.

Quỳ dịu giọng:

– Cứ để chú ngủ, bế khéo kẻo chú thức dậy.

Người vú lau tay, ra cái nôi đặt cạnh giường bà Mậu, ôm Tính gọn trong mớ lót, mang vào buồng. Quỳ nằm xích lại. Người vú đặt đứa bé xuống cạnh Quỳ, đứng nhìn. Đứa bé ọ ẹ mấy tiếng mỉm miệng cười, rồi lại ngủ.

– Mụ đang dạy chú...

– Thôi, xuống giặt nốt đi, rồi trông cơm với con sen. Cậu cũng sắp về rồi.

Quỳ trở mình nằm nghiêng, ngắm đứa con. Đứa bé mũm mĩm, cổ tay, dưới cằm, chỗ nào cũng đầy ngấn. Hai má phinh phính làm cái mồm chúm nhỏ lại. Trên đầu phơ phớt ít sợi tóc chưa đen hẳn. Quỳ thấy hay hay, như một con búp bê bán ở mấy hiệu tây, lại lớn hơn, đẹp hơn. Người đàn bà ít tuổi ấy còn bỡ ngỡ với tình làm mẹ.

Tình mẫu tử có tự nhiên trong người đàn bà, nhưng từ con búp bê sau cùng nó chỉ là món đồ chơi, đến đứa bé đầu lòng mang theo những bí mật của sự chửa, đẻ, người đàn bà cần có đủ thì giờ quen với cảm giác trường hợp mới.

Quỳ nhìn đứa bé như ngạc nhiên thấy nó là con nàng. Nàng đã mang nó trỏng người, và lúc sinh ra, nó đã làm nàng vô cùng đau đớn. Nàng thấy một cảm giác vui thích thấm thía, khác hẳn cái vui thích khi bế một đứa con hàng xóm. Đứa bé này hoàn toàn của nàng. Nàng không một ý nghĩ cho người đàn ông đã cùng nàng tạo ra đứa bé. Quỳ chỉ biết nó là con mình. Về tình vợ chồng, lòng Quỳ đã khô khan. Sự chung đụng đã dĩ nhiên, thì sinh con cũng là chuyện dĩ nhiên.

Bên ngoài có tiếng gắt gỏng. Hình như chị nàng đang mắng người ở. Thỉnh thoảng lại thấy tên thằng bé. Quỳ cố nghe: giọng người chị lấn át cả tiếng con vú. Con vú vào buồng, mắt đỏ hoe.

– Mợ cho con bế chú ra.

Quỳ chưa kịp trả lời, nó đã ôm thốc lấy thằng bé. Tính đang ngủ, giật mình, giơ hai cánh tay quờ mấy cái. Quỳ còn thấy những ngón tay ngắn ngủn xòe ra lúc con vú ẵm đứa bé đi ra. Nàng hết sức ngạc nhiên. Tại sao nó lại bế Tính ra?

Quỳ gượng dậy ra nhà ngoài. Trong chiếc nôi mây, Tính đã thức, hai mắt tròn xoe chỉ thấy lòng đen đang tập nhìn, hai chân đạp tung cả lót. Thằng bé rất lành, suốt ngày không một tiếng khóc. Quỳ nhìn con, lắng nghe người chị vẫn gắt.

– Tôi đã bảo vú bao nhiêu lần, mà vú không chịu nghe là làm sao? Hễ tôi ra khỏi nhà, vắng mặt tôi là vú không coi lời tôi vào đâu nữa.

– Thưa mợ, nhưng mợ hai bảo con bế vào. Tiếng người vú trả lời.

– Cứ mợ ấy bảo bế vào là phải bế à? Ai làm chủ cái nhà này, tôi hay mợ hai? Tôi nuôi vú, trả công vú hay mợ hai nuôi vú?

Đứa bé khoa tay, chân, reo lên mấy tiếng nhỏ. Quỳ cúi xuống cạnh nôi, xòe một bàn tay đặt lên mình con cho nó nằm yên. Nàng vẫn lắng nghe bên ngoài. Thì ra người chị đã cấm không cho bế

thằng bé vào với nàng. Hèn gì con vú ngần ngại lúc nàng đòi mang thằng Tính vào buồng, đã vùng vằng bế Tính ra. Tại sao người chị lại không muốn cho Tính vào buồng? Tiếng con vú:

– Con vẫn biết mợ nuôi, nhưng mợ hai sai con, con cũng không dám trái. Không phải là lỗi tại con. Nếu mợ không bằng lòng thì mợ tìm người khác nuôi chú, con xin mợ con ra.

– Được rồi, vú muốn ra thì tôi tìm người khác, rồi cho ra, tôi không giữ: có cơm có gạo, không thiếu gì người. Cái lối các người vẫn thế ở đâu cũng không đậu chân, no cơm lành áo, thấy hợp trẻ là làm mình làm mẩy. Đây tôi không phải chiều vú em như chiều mẹ già.

Nhời nói cứng, nhưng giọng nói đã bớt găng. Qua hai ba người, đã mất nhiều tiền quà cho bọn đưa người ở mới nuôi được con vú này. Nó tốt sữa, sạch sẽ, chăm công việc. Ngoài việc chăm nuôi Tính, nó còn hầu hạ Quỳ trong lúc ốm, giặt dịa, sắc thuốc men, Quỳ thương hại nó vì nàng mà phải mắng. Nàng không hiểu sao người chị lại bất bình, chỉ vì nàng đã bảo bế Tính vào buồng với nàng trong chốc lát.

"Làm gì mà ầm lên thế?". Mậu về, và đã nghe thấy câu cuối cùng của vợ cả. Con vú vội nói: "Thưa cậu, buổi chiều mợ hai bảo con bế chú vào buồng. Con bế vào. Mợ cả đi chơi về mắng con, chứ con có làm gì đâu!". Tiếng Mậu: "Thôi, im đi, có thế mà cũng ầm lên".

Quỳ rón rén trở vào buồng. Nàng để hé cửa để nghe chuyện bên ngoài, rồi lên giường nằm.

Mậu vào nhà, vợ cả theo vào.

– Mắng mỏ làm gì, bây giờ nuôi được người vú khó lắm. Mợ không thấy tốn bao nhiêu công phu mới nuôi được con vú này à?

Người vợ cả chưa hết giận:

– Nhưng nó phải nghe lời tôi chứ? Cơm ăn tiền lấy mà nó không coi lời tôi vào đâu là cớ làm sao?

– Cái gì mà nó không nghe?

– Tôi đã bảo nó bao nhiêu lần rằng đừng bế thằng bé vào buồng, mà hễ rời tôi ra nó lại bế vào.

– Bế vào thì làm sao?

– Làm sao à? Làm sao rồi biết. Thằng bé trứng nước, hơi sức là bao mà cho ấp lấy hơi người ốm. Không sợ rồi...

– Chà. Khéo lo xa thế. Dễ mỗi lúc mà đã lây ngay sang được. Nó nằm trong buồng vò võ một mình, thỉnh thoảng cũng cho nó chơi với con nó chứ. Có phải lỗi tại con vú đâu!

Mậu vẫn dịu giọng, muốn cho vợ im tiếng.

Người vợ vẫn còn tức giận, gây với chồng.

– Không phải lỗi nó thì lỗi ai, mà cậu còn bênh nó chầm chập? Dễ thường tôi không nói được ai ở cái nhà này nữa.

Đến lượt Mậu nổi nóng:

– Ai bênh nó? Nói thế mà nghe được à? Nó đi ở, chủ sai thì nó phải làm.

– Tôi là chủ nó. Tôi bảo nó phải nghe lời tôi.

– Tùy từng cái nghe. Việc gì lại cấm bế thằng Tính vào buồng? Con mợ đấy mà mợ giữ? Muốn giữ để ra mà giữ.

Sau cái câu buông xõng ấy, Mậu bỏ mặc vợ cả, vào buồng Quỳ. Mậu đến cạnh giường:

– Em đã đỡ mệt chưa?

Quỳ làm bộ mệt nhọc:

– Em đã đỡ, chuyện gì ở ngoài ấy thế?

Nàng đã nghe rõ, không sót một tiếng, nhưng cũng vờ như không biết tí gì.

– Không, có gì đâu. Có ra ăn cơm được không, hay để nó mang vào?

– Thôi, để em ra ăn.

Mậu ra ngoài. Ít lâu nay, Mậu hay săn sóc đến nàng. Những lúc đi làm về, thường vào ngồi cạnh giường. Nói một vài câu chuyện, Mậu chăm nom Quỳ ra mặt không còn kiêng nể gì vợ cả. Trong lúc Quỳ mệt, có lúc chính tự tay chàng mang cơm nước vào buồng, ngồi nhìn người vợ lẽ ăn. Quỳ nhận thấy dáng điệu ấy, nhưng cũng chẳng vui thích gì. Trước kia, đã được chiều chuộng như vậy, thì Quỳ có lẽ đã yêu chồng. Nhưng Quỳ đã phải sống lâu ngày trong sự thất vọng, buồn bã. Mấy giọt nước tưới chậm, không đủ hồi sinh cái mầm

đã khô héo. Quỳ đã xét đoán chồng, sự xét đoán rất là nghiêm khắc làm anh chàng mất cãi. Bây giờ, Quỳ thờ ơ với cử chỉ âu yếm của chồng.

Mậu đã giữ lời tự hứa với chàng. Từ lúc Quỳ có mang, Mậu luôn luôn săn sóc nàng, như săn sóc một người ốm. Mậu đã ít ra ngoài, bây giờ lại không còn đi đâu. Trừ hai buổi ở sở, lúc nào chàng cũng ở bên Quỳ. Trong nhà hình như không có người vợ cả.

Và, lạ thay! Người vợ cả không một chút phiền lòng. Lúc chồng tỏ vẻ âu yếm trước mặt chị, Quỳ ngơm ngớp sợ một chuyện ghen tuông. Nhưng không. Người vợ cả lánh đi nơi khác, và như lấy thế làm vui. Quỳ vốn yếu, mấy tháng sau khi có mang, thường có những váng vất, khó chịu. Người chị giục nàng tiêm thuốc. Lúc nàng ở cữ, người chị hết lòng, hết sức săn sóc đứa bé, tìm vú bõ, chạy ngược chạy xuôi mà không có một lời phàn nàn. Đang lúc yếu đau, Quỳ thấy thế cũng vui lòng, và đâm phân vân, ngờ rằng bấy lâu nay đả nhận lầm chị. Không lẽ những cử chỉ ấy lại giấu một tâm hồn bạc ác.

Bây giờ Quỳ chợt hiểu. Người chị tử tế với nàng chỉ vì thằng Tính, chỉ vì đứa con nàng. Lúc nàng có mang, thì người chị chỉ biết đứa con. Chẳng thế, sao mấy tháng giời, nàng ốm nằm một chỗ, người chị không hề nhìn đến. Thuốc chồng lấy, người ở sắc mang vào buồng. Người chị như không biết đến. Thấy chị thường phải vất vả về đứa trẻ: đêm hôm nhiều khi phải dậy quát tháo người ở pha sữa, thay lót, Quỳ cũng thấy đỡ oán chị, và mừng thầm con nàng được người trông nom chu đáo. Chu đáo đến nỗi không cần tới nàng! Ôm vào buồng một lúc, mà người chị cũng không bằng lòng, rầy la con vú. Quỳ chắc không phải vì sợ nàng ốm mà chị nàng không muốn cho Tính đến. Những lúc nàng đỡ mệt, ra nhà ngoài, đến gần hoặc bế Tính chốc lát, thì người chị cũng tỏ ra vẻ khó chịu, tìm cách đòi lại đứa bé, hoặc giao cho vú. Nàng cho là người chị thương nàng mệt. Nay Quỳ thấy không phải vì thế. Quỳ lờ mờ thấy người chị muốn chiếm hẳn lấy đứa bé, không cần gì đến nàng.

Quỳ nhớ lại chuyện cũ, nghĩ đến địa vị nàng, dần dần hiểu cái trường hợp từ khi nàng có mang. Nàng vào cái gia đình này, chỉ vì người ta muốn có một đứa con. Mẹ nàng, vợ chồng Mậu đã nói rõ mục đích ấy, khi cưới nàng về. Rồi những chuyện tình ái, ghen tuông

làm Quỳ quên hẳn cái công việc người ta trông đợi ở nàng. Nàng quên, nhưng người ta không quên. Khi Quỳ có thai, bao nhiêu những nỗi bất bình, những chuyện ganh ghét, ghen tuông dẹp yên cả lại. Nàng được vỗ về chăm chút, không phải vì nàng, mà vì đứa con trong bụng nó là sự mong đợi của hai vợ chồng Mậu, là kết quả bao nhiêu hy vọng, mong mỏi bấy lâu nay. Bây giờ, đứa con đã được vuông tròn, nàng bị gạt ra ngoài. Người ta chăm nom đứa bé, chăm nom cho con vú để tốt sữa nuôi Tính.

Quỳ còn ngờ, không dám tin những ý nàng nghĩ. Hoặc giả chị và chồng vẫn tốt, chỉ vì nàng đã ghét sẵn họ mà tưởng tượng ra thế? Nàng sẽ dò xét cho ra lẽ. Nếu họ thực có ý nghĩ ấy, thì địa vị nàng không hơn gì con vú. Một người công đẻ, một người công nuôi,cả hai cùng bị chủ nhà khinh rẻ. Nàng không chịu được cái nhục ấy. Chẳng thà như ngày trước, hiềm khích, cãi cọ nhau, người ta còn để ý đến nàng, địa vị nàng.

Quỳ lại tự trách mình không trông nom đứa bé. Nàng đã coi công việc đó là một gánh nặng, vui lòng thấy người khác cáng đáng dùm. Vừa phần nàng bị đau yếu, vừa phần nàng chưa thiết tha đến Tính. Bây giờ tình mẫu tử đột khởi trong lòng Quỳ. Nàng sẽ giữ diệt lấy nó, xem họ cư xử ra sao?

Quỳ mở cửa buồng ra ngoài. Người chị đang cúi cạnh cái nôi thay áo cho Tính. Thằng bé dẫy, đạp lia lịa. Bà Mậu vừa xỏ tay áo cho Tính, vừa chắc lưỡi hỏi chuyện, nét mặt đầy vẻ hân hoan của người mẹ hiền nhìn đứa con yêu. Tự nhiên Quỳ thấy ghen tức, nàng lại gần:

– Chị để em thay áo cho cháu.

Bà Mậu quay lại, mất hết dáng vui vẻ. Bà nhạt nhẽo trả lời:

– Để mặc tôi, dì cứ vào trong buồng mà nằm. Cũng gần xong rồi.

Quỳ sán lại gần nôi, nhìn chị mặc nốt áo cho Tính. Nàng thấy ngượng vì thấy một người khác làm việc đáng lẽ của nàng, và tủi vì chính con nàng mà người ta không khiến nàng săn sóc. Nàng muốn kiếm chuyện với chị ngay lúc ấy, nàng muốn nói to, bảo chị: "Chị cứ để mặc nó cho tôi. Con tôi đẻ ra, tôi trông nom không khiến ai nhìn đến nó. Việc gì đến chị, mà chị lại cấm cả mang nó vào buồng với tôi?". Gây chuyện như vậy thì vô lý quá. Quỳ đành đứng

nhìn, đợi một cơ hội khác. Mậu ở đâu cũng lại gần nôi, nhìn con và hai vợ. Một bức tranh gia đình êm đẹp: chồng, hai vợ họp quanh đứa con. Nếu biết rõ tư tưởng từng người, thì ý nghĩa bức tranh lại khác.

Tính đã mặc xong áo, ngơ ngác nhìn mấy người bằng cặp mắt chưa được vững. Quỳ cúi ôm lấy con, bồng liên, nói nựng:

– Mợ bế con tí nhé!

Người chị nhìn theo Quỳ đi lại chỗ bàn ăn. Bà gọi to:

– Vú em đâu? Lên cho Tính bú nhé.

Và quay lại bảo Quỳ:

– Dì đưa cho nó cho bú. Từ trưa, Tính chưa được ăn.

– Chị để em bế Tính một lúc đã.

Quỳ ngồi xuống ghế, hai tay nâng ngang nách đứa bé, đỡ nó đứng lên đùi nàng. Thằng bé không chịu đứng yên dúng dẩy làm xô cả lót... thỉnh thoảng lại ngã khụy xuống mẹ. Tính mới bẩy tháng, mà cứng cáp bằng đứa trẻ đầy năm. Quỳ ngắm con không chán mắt. Người vú em đã đứng bên.

– Thôi, dì đưa nó cho bú. Vú đỡ lấy chú.

Quỳ không muốn đưa. Người chị tiếp:

– Bây giờ đã đến giờ Tính ăn rồi, chậm thì lại khóc thét lên. Nuôi trẻ cần nhất là phải có giờ giấc. Tập được cho trẻ tính ăn, ngủ có giờ khó lắm, mỗi chốc không nên bỏ mất đi. Chú Tính bây giờ đã quen lắm rồi, chậm ăn một tí là khóc.

Quỳ chặng thấy Quỳ khóc bao giờ, chẳng qua chị nàng bịa đặt ra. Tính lành như cục bột. Còn như cách thức nuôi con, thì chắc cũng học lỏm ở đâu, nghe ai nói, chứ chị nàng không khác gì nàng, chưa có kinh nghiệm về nuôi con mọn. Quỳ khó chịu về cái giọng kẻ cả, dậy người ấy. Con vú đã bế lấy Tính, tựa hồ như dằng ra khỏi lòng nàng:

– Mợ đưa chú cho con.

Người chị lại lên giọng sành sỏi:

– Những người mệt yếu không nên bế trẻ. Trẻ con phần nhiều cựa quậy luôn. Biết đâu, lỡ ra hoa mắt, sẩy tay là vút trẻ xuống. Lấy lại cũng không kịp.

Mậu chen vào:

– Chú Tính đến giờ ăn, thì mình cũng đến giờ ăn rồi. Đi ăn cơm.

Người chồng vui vẻ nhìn hai vợ cùng ngồi một mâm, thấy Quỳ đã có dáng lành mạnh. Quỳ thấy những điều nàng nghĩ không nhầm, nhưng chưa chắc lắm, nàng còn cần biết rõ hơn.

XII.

Quỳ giục con vú:

– Xuống xem nước được chưa.

Người vú chạy xuống bếp. Quỳ xếp mấy chiếc áo sạch, bế Tính đặt nằm ngửa lên ghế ngựa.

– Mợ tắm cho con nhé!

Nàng cởi áo, bỏ lót cho Tính. Thằng bé tròn trĩnh phơi cái bụng trắng hồng, hai chân đạp lia lịa, chỉ chực lật sấp xuống. Quỳ giữ lấy mình đứa bé, không cho lẫy, cúi hỏi chuyện con. Thằng bé toét miệng cười, chân càng đạp khỏe. Quỳ thấy hay, lấy tay chọc cái bụng đứa bé cho nó cười thêm. Con vú dưới bếp lên, trông thấy kêu:

– Ấy chết, sao mợ lột trần chú ra thế?

– Nước đâu?

– Nước chưa được nóng lắm, mợ hãy mặc áo cho chú kẻo chú lạnh.

– Được, để chú nằm chơi một tí, trời này lạnh gì.

Quỳ sẽ cù Tính, đứa bé cười lên tiếng. Con vú thấy hay hay cũng đến cạnh giường. Quỳ hỏi:

– Chú béo đấy nhỉ, vú nhỉ?

– Sao mợ lại quở quang chú thế, mợ không kiêng cho chú à?

– Vẽ! Việc gì mà kiêng? Chú béo thì nói béo, dễ nói thế mà gầy đi được à?

– Đã đành rằng thế, nhưng người ta bảo có kiêng có lành. Con mà nói thế thì phải mắng chết.

– Ai mắng?

– Mợ cả mắng con. Thỉnh thoảng con có lỡ mồm câu gì, khen chú khỏe mạnh hay xinh đẹp thì mợ cả mắng như tát nước vào mặt. Mấy hôm sau còn sợ, chỉ sợ, nói dại, chú có váng mình sốt mẩy làm sao, mợ cả bảo tại con quở quang chú thì thật chết.

Quỳ bĩu môi:

– Rõ khéo vẽ! Thời buổi văn minh này còn ai tin những cái nhảm nhí ấy.

– Vâng, con thấy bên bà Tâm chẳng kiêng khem gì mà đứa con nào cũng như hòn bột. Mợ cả con thì kỹ kiêng quá.

– Hủ chết đi ấy, nói làm quái gì.

Đứa bé đùa một lúc đã mệt, nằm yên, hai mắt lừ đừ. Quỳ cù nó cũng không cười. Mỗi lần ngón tay nàng đụng đến nách thằng bé, nó lại co chân lên, dúm người lại, miệng méo như muốn khóc. Quỳ bảo con vú:

– Thôi xuống lấy mau nước lên, đứng mà nói nhảm mãi.

Con vú mang thau nước nóng lên, và đỡ Quỳ tắm cho Tính. Nàng đặt Tính vào thau, đỡ đầu nó lên khỏi mặt nước, trong khi người vú kỳ cho đứa bé. Quỳ nhớ lại lúc còn bé tắm cho con búp bê bằng nhựa. Bây giờ là một con búp bê lớn, biết cử động. Nàng nắm hai cái đùi mập mạp, và giữ chặt hai bàn tay đứa bé để cho nó hết sức cựa gỡ ra.

Con vú nói:

– Thôi lau cho chú. Tắm lâu rồi sợ lạnh. Mợ cả con cũng sắp về.

– Mợ cả về thì về chứ sao. Việc gì mà vú phải sợ.

– Mợ cả không bằng lòng để ai tắm cho chú. Lần nào cũng chính tay mợ cả tắm.

Quỳ gắt với con vú:

– Không ai tắm được cho chú nhưng tôi tắm được. Không việc gì vú phải sợ. Cứ bảo là tôi tắm cho chú đấy, thì đã ai làm gì?

Quỳ cũng đã thấy mệt. Nàng mới ốm dậy, đùa với con từ nãy, lại phải giữ nó trong thau nước. Nàng nhấc Tính ra đặt lên giường cho con vú xoa phấn và mặc lại áo lót.

– Vú cho bú đi. Tôi đi nằm một lát.

– Thưa, chưa đến giờ bú. Mợ cả bảo...

Quỳ gắt:

– Mợ cả, mợ cả, lúc nào cũng mợ cả là nghĩa làm sao? Tôi sai vú không được à? Tôi bảo gì thì vú cứ việc nghe, tội vạ đâu tôi chịu, không việc gì đến vú.

Con vú vội nghe theo. Nó ngạc nhiên nhìn cô chủ, mới vừa rồi còn vui tính, mà bây giờ đã gắt gỏng. Nó ngơm ngớp sợ bà Mậu về ngay lúc ấy. Chẳng biết gì, nó hãy bị mắng trước.

Vì gượng suốt buổi sáng, nên chiều hôm ấy Quỳ lại mệt, nằm lì trong buồng. Mậu đã về, sắp đến bữa ăn mà nàng cũng không muốn ra. Bên ngoài, bà Mậu mặt lầm bầm. Con vú đã hết sức giấu việc tắm cho Tính, nhưng khi bà Mậu về thấy Tính đã thay áo, đầu còn ướt, và vết nước bắn còn trên gạch nhà, bà biết ngay. Tuy biết đầu têu tại Quỳ bà cũng dọa con vú: "Nói đổ xuống sông xuống biển, chú mà làm sao thì tôi bảo cho vú".

Đến giờ bữa ăn chiều, người vú bế Tính cho bú. Trái với mọi lần, mỗi khi đầu vú kề đến miệng, Tính đớp ngay lấy núm rất ngon lành, và dương mắt thao láo nhìn lên mặt người vú, lần này thằng bé núm vài cái, rồi nhả đầu vú, mắt lờ đờ, lim dim như buồn ngủ. Người vú cố nhét đầu vú vào miệng Tính. Thằng bé uể oải núm vài cái rồi lại nhả ra. Người vú nựng:

– Bú đi chứ, chú. Sao biếng ăn thế?

Người vú đã cố mấy lần, Tính vẫn không chịu bú.

– Ô hay, sao hôm nay em tôi biếng ăn thế này?

Bà Mậu lại nhìn vú em, nhìn Tính. Bà đặt bàn tay lên trán đứa nhỏ. Bà thất sắc:

– Thôi chết rồi! Rõ khổ, thực là nó giết thằng bé!

Mậu vội chạy lại:

– Cái gì thế?

– Cái gì à? Cậu thử sờ đầu Tính xem. Thật rời tôi ra là hỏng. Giời gió máy như thế, nó lôi thằng bé ra tắm. Bây giờ thằng bé sốt rồi!

Mậu đặt một tay lên trán Tính, nghe một lát:

– Ừ, hình như sốt thật.

– Đầu nó nóng như thế lại còn "hình như" gì nữa? Đưa ngay nó đây.

Con vú, mặt đã tái mét, vội đưa Tính cho bà Mậu. Bà ủ Tính vào lòng, đăm đăm nhìn thằng bé. Tính nhắm mắt thiu thiu ngủ. Mậu luống cuống:

– Hay đi mời ngay thầy thuốc cho nó?

Người vợ cả không để ý đến lời chồng:

– Tôi đã nói bao nhiêu lần, có đứa nào chịu nghe tôi đâu, không kiêng khem gì cho thằng bé.

Bà nhìn vú:

– Rồi tao bảo cho mày.

Con vú vội cãi:

– Thưa mợ, tại mợ hai chứ có tại con đâu? Con đã bảo không nên tắm cho chú, mợ hai không bằng lòng, nhất định đòi tắm. Con biết sao được.

Quỳ thấy ồn ào bên ngoài, mở cửa ra vừa nghe thấy câu người vú. Nàng ngơ ngác nhìn mấy người, nét mặt hầm hầm của chị, vẻ sợ hãi của con vú, dáng điệu luống cuống của Mậu.

Nàng sẽ hỏi:

– Cái gì thế?

Người vú vội đổ trách nhiệm cho nàng:

– Thưa mợ, hình như chú ấm đầu, mợ cả bảo tại con đem tắm cho chú sáng ngày. Con cũng nói là không phải tại con.

Nó nhìn Quỳ, như muốn tiếp: "Tại mợ đấy nhé. Con đã bảo mợ, mợ chẳng nghe, bây giờ làm con phải mắng oan".

Người chị không để ý đến Quỳ, vẫn lải nhải:

– Thật là nó coi giời bằng vung, lo lại không có lúc trắng mắt ra à. Đã biết gì, biết gì mà tắm với rửa, chăm với nom. Được yên thân, không bận đến thần xác, nó lại còn không nghe, còn làm khổ người ta!

Quỳ thấy tiếng "nó" chỉ vào nàng. Nếu nàng muốn gây chuyện, thì không còn dịp nào tốt hơn. Nhưng nàng đã quên cả ý muốn cãi nhau với chị.

Nhìn Tính thiu thiu trong lòng chị, thấy Tính ốm, Quỳ tự nhiên thấy trái tim như dội lên. Nỗi sợ hãi chung quanh lây sang người mẹ. Tự nhiên, Quỳ hồi hộp, bồn chồn. Hay thực vì nàng mà Tính ốm? Nàng nhớ lại: sáng ngày, lúc tắm, nàng có khen con béo tốt, quở quang thằng bé. Biết đâu những lời nói đó không linh nghiệm? Người ta kiêng không phải là vô cớ.

Quỳ chưa thoát khỏi những tin tưởng ấy. Những lời nàng nói với con vú, chẳng qua chỉ vì bướng bỉnh, tỏ ra nàng không sợ chị. Nàng muốn lên mặt với người vú. Bây giờ Quỳ thấy tự ngờ mình, và như có ý hối tiếc. Quỳ lại nhớ đã lột trần thằng bé và ngâm nước rất lâu. Không biết lúc ấy cửa đóng hay mở. Một cơn gió có thể thổi qua; người ta thường bị cảm về một cơn gió nhẹ. Nếu Tính làm sao...

Những ý tưởng hắc ám dồn dập, Quỳ không biết nói gì, làm gì. Quỳ, Mậu, người vú cùng nhìn người vợ cả với thằng bé con, đợi một ý định. Người vợ cả ấp tay lên trán Tính, nghe ngóng như một y sĩ.

Quỳ dơ tay:

– Chị đưa cháu cho em.

Người chị ngước nhìn Quỳ, vẻ mặt không chút hiền hậu:

– Thôi, cô để mặc tôi.

Bà quay sang chồng, gắt:

– Cậu không đi mời ngay ông lang, còn đứng làm gì như bụt mọc ở đây?

Mậu vội đi thay áo:

– Tôi đi mời đốc tờ nhá?

Vợ cả lại gắt:

– Mời đốc tờ làm gì. Cứ mời cụ lang đằng đầu phố là đủ. Cụ ấy là danh sư, có tiếng là mát tay chữa trẻ, cậu đi mau lên.

Quỳ muốn mời đốc tờ. Nàng nghĩ rằng chỉ đốc tờ mới là người chữa được bệnh. Ở thời này, mỗi khi ốm, người ta mời đốc tơ nhiều khi không phải vì nghĩ rằng họ đã nhiều công nghiên cứu, nhiều kinh nghiệm về y học, có tài chắc chắn để tin cậy, mà chỉ vì mời đốc tờ là một cái "mốt". Mời "đốc tờ" nghe sang và hợp thời. Quỳ muốn theo cái "mốt" ấy. Quỳ cho là chị sợ tốn tiền nên mới mời ông lang ta. Nhưng Quỳ không dám nói; lời người chị chắc chắn, quả quyết như một thượng lệnh. Mậu đã ra khỏi nhà.

Cụ lang theo chân Mậu đến. Cụ nhìn thần sắc thằng bé, xem kỹ mấy đốt ngón tay, nghe mạch. Cả nhà ngơm ngớp chờ đợi một lời cụ lang như có thể tác phúc tác họa cho họ.

– Không sao. Cháu bị cảm, chắc là tại ra gió.

Bà Mậu liếc nhìn Quỳ rất nhanh, hỏi lại:

– Thưa cụ, cháu bị cảm xoàng thôi chứ?

– Xoàng thôi, đừng lo, không việc gì cả. Cho người nào lại lấy mấy viên thuốc về mài cho cháu uống, cháu ngủ một đêm, sáng mai thì khỏi.

– Thưa cụ, thế không phải uống thuốc chén?

– Không, không nên. Con trẻ cho uống thuốc chén làm gì. Chỉ thuốc viên cũng đủ khỏi.

Mọi người còn có vẻ lo ngại, cụ lang tiếp:

– Cứ yên tâm, không sao đâu mà. Trẻ con nó váng mình sốt mầy là thường. Có thế mới dễ nuôi.

Cụ lang còn theo cái thuyết cổ là trẻ con cần phải có những lúc đau yếu, sài đẹn, đứa nào dễ nuôi, khỏe mạnh quá cũng không tốt.

Cụ lang về, họ yên lòng một đôi chút. Bà Mậu như thấy đầu Tính bớt nóng. Uống thuốc xong, thằng bé nằm ngủ, thở khò khè. Bà Mậu sẽ đặt Tính vào nôi, bảo người vú:

– Thôi, chú mới uống thuốc, để yên cho chú ngủ. Đêm chú có đòi ăn hãy cho bú.

Quỳ bảo chị:

– Đêm nay chị để cháu nằm trong buồng với em.

Bà Mậu ngạc nhiên ngửng nhìn Quỳ.

Nàng tiếp:

– Để cháu ngủ với em, đêm hôm em trông nom cho nó.

Bà Mậu bĩu môi:

– Trông với nom gì! Cô làm khổ nó thế không chán ư?

Nỗi lo sợ về Tính đã bớt, Quỳ không sợ người chị như khi nãy. Nàng bắt đầu thấy tức, chau mày:

– Chị bảo thế nào là làm khổ nó. Làm khổ nó, làm khổ nó cái gì?

Bà Mậu vẫn đủng đỉnh:

– Cô xem đấy. Cô lôi nó ra tắm, để thằng bé phải cảm, thế không phải là làm khổ à?

Quỳ vin lấy lời cụ lang khi nãy.

– Nó phải cảm thì nó phải cảm, đứa trẻ nào chẳng có lúc ươn mình, cứ gì phải vì tắm cho nó. Không tắm mà không phải cảm được à?

Mậu thấy sắp có chuyện, vội chen vào:

– Thôi, đằng nào việc cũng xảy ra rồi, nói đi nói lại mãi vô ích. Từ rầy nên cẩn thận một tí.

Quỳ như thấy chồng có ý bênh vợ cả, càng tức:

– Chị nói những câu đến hay. Chị làm như tôi không biết trông nom con nhỏ là cái gì.

– Cô trông nom cho cô chả xong, còn nói trông nom cho ai.

Mậu lại chen vào:

– Đã bảo thôi mà. Lại sắp ầm nhà lên bây giờ. Có để yên cho nó ngủ không?

Quỳ hạ thấp giọng, mát mẻ:

– Phải, tôi thì trông nom được cho ai. Nếu tôi trông nom được cho ngay lấy tôi thì đã chẳng đến nỗi.

Câu nói gợi ra hết tình cảnh của mấy người, những nỗi bất hòa từ xưa, đã vỡ ra, hoặc vẫn ngấm ngầm trong lòng họ. Không còn gì ngăn nổi sự xô xát.

Mậu vẫn cau có.

– Đã bảo thôi mà lại. Sao mà đến lắm nhời! Thằng bé dậy bây giờ thì...

Lời dọa của Mậu không đủ dập tắt hai cái núi lửa sập phá ra. Người vú vội lẻn ra ngoài. Bà Mậu, khôn ngoan, không để cho Quỳ ra khỏi câu chuyện trông nom thằng Tính:

– Thì đấy, cô xem. Tự nhiên, cô lôi thằng bé ra dầm nước cho nó sốt. Từ lúc sinh nó ra, cô đã săn sóc cho nó được những gì? nó ăn cô không biết, ngủ cô không hay. Việc gì cũng mặc con vú già này. Như thế cô còn chưa vừa lòng hay sao mà còn muốn làm hại nó? Để cho cô trông nom thằng bé, thì nó đã xanh cỏ lâu rồi.

Hình ảnh cái chết, đột ngột ném vào giữa chỗ có đứa trẻ đang ốm, làm cả ba người lạnh gáy. Bà Mậu vốn tính kỹ kiêng, phải tức giận lắm mới nói đến câu ấy. Cơn giận của Quỳ như dẹp bớt, tuy chưa tắt hẳn. Nàng càng tiếc rằng xưa nay không nhìn đến con. Nàng nói nhỏ hơn:

– Tôi ốm thì trông coi sao được nó?

– Phải, cô ốm. Ốm như cô thì ai ốm cũng được.

Thì ra người chị không cho là nàng ốm thực, nhưng vẫn vờ tin, để được toàn quyền với đứa con. Tính tình người mẹ dậy trong lòng Quỳ:

– Tôi ốm hay không thì chị biết, không phải là tôi vờ vẫn để lấy cớ mà nằm. Ai muốn ốm đau làm gì? Nhưng bây giờ tôi đã đỡ, thì tôi trông nom cho con tôi, không phải phiền đến chị, để chị lại kể công phải săn sóc nó.

– Ai thèm kể? Ai săn sóc nó thì đã rành ra đấy.

– Không kể mà lại thế. Nhưng cũng xin cám ơn chị.

Câu nói mát mẻ ấy càng làm người chị tức giận. Bà giằn từng tiếng:

– Đấy, ai mà tranh mất? Dễ người ta hứng lấy cái tội làm vú già!

Quỳ cũng giằn từng tiếng, như nói một mình:

– Tranh làm sao được, có phúc mới được làm vú già như thế!

Mặt người chị tái đi, hai mắt lồng lên. Cơn giận đã lên đến cực độ. Bà bước lại gần Quỳ, như muốn túm lấy nàng:

– Này, cô đừng có láo! Cô bảo tôi vô phúc, hử? Tôi vô phúc thì tôi cũng còn làm chủ cái nhà này. Tôi còn dầm được đầu cô xuống. Cô không được hỗn. Cô đừng cậy có được đứa con mà hỗn láo với tôi. Tôi có quyền tống cô ra khỏi cái nhà này, không cho cô nhìn đến thằng Tính, cô hiểu chưa!

Không còn thế gì giữ được ôn hòa, Quỳ không nhịn nhục như xưa, nàng không chịu kém cạnh nữa. Lúc này, đã đến cơ sự này, phải cho ra lẽ. Nàng lại lờ mờ thấy rằng có Mậu ở đấy, dù sao người chị cũng không dám xúc phạm được đến người nàng. Cuộc xô xát kịch liệt vì nhiều lẽ: vì ghen tuông, vì đứa con, vì những điều phẫn uất ngầm ngầm trong lòng mỗi người.

Quỳ chõ vào mặt chị:

– Không phải tự nhiên tôi về đây. Chẳng ai đuổi được tôi ra khỏi cái nhà này cả. Con tôi, tôi có quyền giữ nó, cấm không cho ai động đến!

– À con này láo hở?

Bà Mậu sấn lại, tay trái nắm áo Quỳ, tay phải giơ cao. Cánh tay chưa kịp hạ xuống, thì Mậu đã chen vào giữa, gỡ Quỳ ra:

– Khổ lắm! Khổ lắm! Đã bảo thôi đi mà lại. Thế này còn ra thể thống gì?

Quỳ nấp đằng sau lưng chồng:

– Con này với con kia gì. Tiền mua gạo đổi, nói dã bọt mép ra người ta mới về đây. Dễ thường mỗi chốc mà "tống cổ" được đấy à?

Người chị giằng co với Mậu, định xông vào Quỳ:

– Để tôi cho nó một trận, nó lại láo à? Nó địa vị gì ở cái nhà này.

Mậu cố ngăn vợ cả:

– Thôi, tôi xin, tôi xin cả hai. Đừng có ầm lên nữa. Rõ khổ!

Anh chồng chỉ biết kêu khổ. Người vợ cả vẫn không im.

– Tao lại không tống cổ được mày à? Tao tưởng mày tử tế, lấy mày về, ai ngờ... Hừ, thật là rước voi về dày mồ! Được đằng chân, lân đằng đầu. Nằm thườn thượt ra cả ngày, cơm bưng tận miệng, nước rót tận mồm, mày còn chưa mãn nguyện. Mày tưởng đẻ được đứa con đã là to lắm à? Tao còn làm chủ cái nhà này. Mày đẻ ra nó, nhưng tao còn là mẹ già nó. Lấy mày về đây để có con thì nó là của nhà này, mày không có quyền làm hại nó.

Dáng điệu Mậu rất luống cuống. Anh chàng không dám nói vợ lẽ, không dám nói vợ cả, chỉ loanh quanh che đậy. Họ vẫn không chịu im. Cho hả cơn tức, Mậu vớ lấy cái cốc, đập mạnh xuống nhà:

– Không còn ai nghe tôi, hử? Thế này còn ra thể thống gì!

Cái cốc tan ra từng mảnh vụn, người vợ cả nói:

– Đập. Cứ đập nữa đi. Đập rồi lại sắm. Còn chán tiền.

Những người nhu nhược, mỗi lúc khùng lên, thường hay đập phá, mà đã bắt đầu đập một vật gì, thì khó ngừng lại được. Mậu cho thêm cái tích nước xuống sàn:

– Đã thế thì cho tan tành hết! Tan tành hết!

Tiếng tích vỡ tọ quá. Thằng Tính nằm trong nôi khóc thét lên. Quỳ giữ lấy tay Mậu. Ba người tự nhiên im lặng, nhìn về phía tiếng khóc. Con vủ đã vội chạy lên bế Tính. Nhân lúc ấy Mậu đẩy Quỳ vào buồng:

– Thôi, đừng nói gì nữa. Đi vào, em, đi vào.

Quỳ vào buồng:

– Nhịn cũng phải có chừng! Quá lắm, không ai nhịn được.

– Thôi, tôi xin. Đừng nói gì nữa. Thì hãy nghe tôi một tí nào!

XIII.

Thế là nàng đã biết rõ. "Mày đẻ ra nó, nhưng tao còn là mẹ già nó. Lấy mày về đây để có con, thì nó là của cái nhà này, mày không có quyền...". Người ta đã nói ra miệng. Thật là

rành rọt, không còn úp mở gì. Tất cả cuộc xô xát vừa qua, Quỳ chỉ nhớ rõ mấy câu ấy, là câu nàng cần biết nhất. Nó định đoạt hẳn cái địa vị nàng, giải nghĩa các câu chuyện từ lúc nàng có chửa. Đúng lời nàng đoán: người chị muốn chiếm hẳn đứa con.

Người chị kể cũng có lý. Trong những gia đình cũ, người mẹ già bao giờ cũng có quyền đến các con vợ lẽ, có quyền hơn cả chính người mẹ đẻ. Trong nhiều nhà, con người vợ lẽ phải gọi vợ cả là "mẹ" và gọi mẹ mình là "đẻ" hay "chị". Đẻ đây chỉ có nghĩa là đẻ ra.

Chế độ ấy không hợp với chủ nghĩa cá nhân, nhưng đã nhận chuyện cả lẽ, thì tất phải nhận lấy nó. Quỳ đã lấy lẽ Mậu, thì con nàng phải thuộc quyền vợ cả. Đi đến đâu người chị cũng vẫn có lý. Quỳ thấy thêm một điều nữa tỏ địa vị hèn kém của nàng.

Quỳ thấy cồn cào trong lòng. Tức, tủi thân, và đói. Bữa cơm chiều chưa kịp ăn uống gì thì đã sinh chuyện. Con ở chắc đã dọn mâm. Trong nhà yên lặng. Bên cạnh Quỳ, Mậu nằm vắt tay lên trán, thỉnh thoảng thở dài.

Người chồng đang tìm cách hòa giải cái tình thế lộn xộn này. Không còn đâu cái sướng lấy vợ lẽ. Những phút ái ân với Quỳ đã mất hẳn theo thời gian, chuyện lôi thôi thì vừa xảy tới. Cái kỷ niệm lờ mờ lấn át sao nổi những cảm giác đang bừng bừng. Phương chi Quỳ đối với chàng đã lạnh lẽo, không còn đủ đền bù cho chàng những lúc khó chịu này. Bây giờ chỉ là bực tức, chán nản. Mậu cũng không nghĩ gì đến đứa con. "Thế là mai lại phải mua chiếc bình tích khác, cả cái cốc nữa. Biết thế thà đừng lấy vợ lẽ. Chẳng con thì đừng con. Thiên hạ thiếu gì người ăn cháo lá đa. Hương với khói! Tội chết chưa thấy đâu đã thấy ngay tội sống!".

Anh chàng đâm hối. Nhưng cơ sự đã rồi, biết làm thế nào? Cả hai người vợ cùng gớm ghiếc cả, không có chàng hôm nay thì có lẽ họ đánh xé nhau. Quỳ sức yếu chịu sao nổi. Không ai coi chàng vào đâu, chàng chẳng bảo được ai. Rồi năm ngày ba ngày, lại xảy ra một trận như thế, thì cái nhà này đến thành địa ngục. Làm sao hòa giải được? Mậu cảm thấy khó khăn vô cùng. Có họa mỗi người một nơi, khuất mặt nhau. Mậu lại thở dài.

Bên ngoài có tiếng Tính khóc, Quỳ nằm phía trong giường, leo qua người chồng, định ra ngoài.

Mậu nắm lấy tay nàng.

– Đi đâu.

– Tôi ra xem thằng bé.

– Thôi, nằm đây, ra rồi lại ầm ĩ lên bây giờ.

– Việc gì mà ầm. Thế không cho tôi xem nó làm sao à?

– Đã có người ở ngoài ấy. Nghe tôi, nằm yên đây.

– Lạ thật! Con tôi mà không ai muốn cho tôi mó đến...

– Thì còn đấy. Muốn trông nom thì rồi được trông nom, đã ai nuốt đi mất. Tôi bảo chỉ nghe tôi, mỗi người nhịn đi một tí mà không xong.

Mậu chép miệng chán nản, Quỳ nằm lại chỗ cũ:

– Tôi cũng đã chịu nhịn nhiều lắm rồi. Việc gì cũng phải có chừng thôi. Quá lắm không ai chịu được.

Mậu nói khẽ sợ bên ngoài nghe tiếng:

– Em dở lắm, nhịn đi một tí thì đã sao. Một câu nhịn chín câu lành. Chị em trong nhà sao cho êm ấm là hơn. Người ngoài người ta biết, người ta cười cho.

– Cho người ta cười. Người ta cười chán ra rồi. Anh nhịn được chứ tôi không nhịn được...

Mậu ngắt lời:

– Nói khẽ chứ.

– Anh muốn yên lành, nhịn mãi nên chị ấy mới đè lấn, mới không coi anh, coi tôi vào đâu.

Quỳ được dịp nói đến tính nhu nhược của chồng, và có ý trách móc. Vì Mậu chỉ muốn được êm thấm, không dám nói gì vợ cả, nên nàng cũng bị lấn át lây. Mậu thấy Quỳ có lý. Có lẽ vì chàng đã quá nhu nhược, nhưng tĩnh ấy ăn sâu lắm. Mậu nằm im, Quỳ tiếp:

– Việc gì con tôi để rứt ruột ra, mà không cho tôi mó đến nó? Có rõ là ăn hiếp không? Thế mà anh cũng bắt tôi phải nhịn à? Tôi què, tôi hủi hay sao mà không bế được con tôi. Lại còn đọa tống cổ tôi ra khỏi nhà này. Nói mới dễ nghe chứ! Chị ấy là chị, có quyền thật, nhưng cũng một vừa hai phải thôi. Quá lắm thì tôi phải cãi.

Những điều đáng lẽ nói với vợ cả mà không nói được, thì bây giờ Quỳ đem đổ lên đầu chồng. Mậu thành cái bia chịu đạn, chàng cố sức ôn tồn:

– Ừ thì chị dở thế, nên mới phải nhịn đi. Chị đã muốn săn sóc thằng Tính, thì cứ để mặc, mình càng được rảnh tay. Con mình bao giờ chẳng là con mình, như thế chẳng hơn à?

Người chồng không nghĩ đến uẩn khúc trong lòng hai người đàn bà tranh nhau đứa bé. Chàng chỉ thiển cận nghĩ đến sự trông nom. Nếu chỉ có thế, thì việc hòa giải thật dễ dàng.

Nằm im một lát, Quỳ nói với chồng:

– Này anh, hay là tôi xuống với để ít lâu nhé?

Đúng ý Mậu vừa nghĩ. Muốn cho êm thấm, có họa mỗi người một nơi, đừng thấy mặt nhau. Đó không phải là kế trường cửu, không thể ở xa nhau mãi mãi, còn lúc gặp nhau. Còn gặp nhau là còn có chuyện. Nhưng anh chồng cũng không tìm được cách gì hơn.

Quỳ đã tiếp:

– Tôi về dưới ấy, tránh chị ấy ít lâu, ở đây dăm ba ngày lại xẩy ra chuyện như thế, thì chịu sao được? Tôi còn yếu lắm, về uống thuốc nhân thể.

– Ừ, em nghĩ cũng phải. Em về với để một ít lâu, uống thuốc. Anh thu xếp trên này cho ổn, rồi lại xuống đón em lên.

Bộ anh thì thu với xếp gì? Thu xếp được đã chẳng đến nỗi này. Tôi chỉ cần cho rảnh thân tôi, chứ anh như thế thì còn trông mong gì? Người ta đã muốn chiếm con tôi, thì tôi mang hẳn nó đi, xem đã làm gì nào? Quỳ nghĩ thầm. Nằm chung một giường, nói chuyện rủ rỉ, mà đôi vợ chồng nghĩ khác hẳn nhau. Anh chồng thực thà, vì thiển cận, chị vợ lẽ đã mang ý tưởng chia ly.

Mậu tiếp:

– Chị ấy nóng tính, nhưng không phải là người độc ác. Chỉ khéo chiều ý là êm chuyện. Để anh liệu khuyên bảo chị ấy. Thế nào rồi cũng ổn thỏa. Em chỉ có lánh đi ít ngày, rồi anh lại đón lên.

Quỳ cười thầm về ý nghĩ thiển cận của chồng. "Phải khéo chiều là êm chuyện, anh cứ chiều đi, còn tôi đây, tôi không chiều thế được. Tôi cũng không cần về cái nhà này".

Nàng bảo chồng:

– Tôi đi thì tôi mang cả thằng Tính đi.

Mậu ngần ngừ. Quỳ đi là việc dễ dàng, nhưng mang Tính đi thì khí khó. Chính chàng cũng không muốn đứa con rời khỏi cái nhà này.

– Mang nó đi làm gì? Em còn cần tĩnh dưỡng, lấy ai trông nom nó, thêm bận ra. Để nó ở đây hơn. Chỉ ít lâu rồi em lại lên mà.

Tất cả thâm ý của Quỳ ở điều ấy. Không mang theo được Tính, thì nàng đi thành chẳng nghĩa lý gì. Nàng sát lại gần chồng:

– Bận gì? Cho cả con vú xuống. Thì chỉ ít lâu em lại mang nó lên, không có nó thì em buồn chết.

Mậu vẫn lưỡng lự:

– Em mà đem nó đi thì lại sinh chuyện. Lôi thôi lắm.

Quỳ quàng một tay qua ngực Mậu:

– Anh sợ chị ấy thế kia à? Không lôi thôi đâu.

– Sợ thì không sợ, nhưng muốn cho êm nhà. Chị ấy chắc không muốn cho Quỳ đi.

Trong bóng tối, Quỳ bĩu môi. Nàng thỏ thẻ:

– Anh sợ thế thì lừa lúc nào chị ấy đi vắng em bế Tính đi, cho cả con vú đi theo. Chị ấy biết thì đã muộn. Em đi rồi.

Nàng nghĩ thêm: "Rồi mặc xác anh, cho mà cãi nhau". Cánh tay nàng ôm Mậu mạnh hơn.

Mậu cười se sẽ, ấp một tay lên vai Quỳ:

– Thế ngộ chị ấy đuổi theo, xuống dưới ấy bắt nó lên thì sao?

Quỳ quả quyết:

– Lúc ấy hãy hay. Không sợ, đã có đẻ.

Nàng chắc hẳn ra khỏi nhà này, về với mẹ, thì người chị không dám động tới nàng.

– Nhé, anh nhé?

Mậu đã mềm:

– Ừ, em tính cũng thông đấy. Để nghĩ kỹ xem đã.

Quỳ nũng nịu:

– Còn phải nghĩ gì nữa? Chắc được lắm rồi, anh ạ. Anh nghe em!

Mậu không có sức phản kháng.

*

Bà Mậu đi chơi về, tự nhiên thấy một cảm giác lạ. Trong nhà khác mọi ngày, như thiếu một cái gì. Bà Mậu chưa biết rõ là gì, nhưng thấy lạnh lẽo, trống trải.

Nhà vắng tanh như một gian chùa không gặp ngày tuần tiết. Mậu ngồi cúi mặt xuống bàn, hai bàn tay ôm lấy đầu, không nhúc nhích, như một đồ vật bỏ quên đấy từ bao giờ. Người vợ chưa từng thấy chồng có dáng điệu ấy. Bà Mậu bỡ ngỡ nhìn quanh gian nhà, nhìn đến cái nôi, bà bỗng giật mình, suốt người rung chuyển như qua một luồng điện.

Cái nôi để trơ cả lần mây đáy, không có một cái tã lót. Cái màn bên trên cũng biến đi đâu. Bà Mậu đi vội vào buồng: Quỳ và Tính không có đấy. Bà lật đật ra sân, xuống bếp, con sen đương làm cơm.

– Chú Tính đi đâu?

– Thưa mợ... thưa...

Nó không nói hết. Bà Mậu ngắt:

– Thưa, thưa cái gì? Chú Tính, cô hai, con vú đâu?

Con sen lại càng luống cuống. Nó ấp úng loanh quanh như muốn che đậy dấu diếm một sự gì.

– Thưa mợ...

Bà Mậu quay ngoắt lên nhà. Mậu vẫn ngồi như khi nãy. Người vợ vội tiến đến cạnh:

– Chúng nó đâu?

Mậu im lìm, hai tay vẫn giữ đầu. Người vợ dằng tay chồng:

– Chúng nó đi đâu?

Mậu dáng điệu cũ, đủng đỉnh:

– Chúng nó đi rồi.

Người vợ không hiểu:

– Ô hay. Đi đâu, chúng nó đi đâu?

– Mẹ con nó đưa nhau xuôi rồi.

Người vợ quá ngạc nhiên, chăm chăm nhìn Mậu. Mậu đứng dậy vào buồng. Vợ theo vào:

– Thế là nghĩa lý gì? Sao nó lại xuôi, ai cho nó đi.

– Tôi cho nó đi.

Thật là quá sức tưởng tượng. Người vợ ngơ ngác cố hiểu cái trường hợp đột ngột ấy:

– Cậu cho chúng nó đi! Sao cậu lại cho chúng nó đi? Thật là lạ quá! Sao đương yên lành cậu lại cho nó bế thằng Tính đi mới được chứ? Hử? Thế là nghĩa làm sao? Việc gì ở nhà mà nó phải về? Thế là ra làm sao?

Người vợ nói huyên thuyên, chẳng còn mạch lạc gì. Những câu nói dồn dập xô ra như nước tràn vào khúc đê vỡ. Bà theo sau Mậu, hỏi dồn cho ra: "Tại sao chúng nó đi?". Vào trong buồng, Mậu bỗng quay lại: hai vợ chồng đứng sững trước mặt nhau. Mậu nhìn thẳng vào mặt vợ:

– Chúng nó đi, tôi cho chúng nó đi, chứ sao? Ở với nhau không được, thì nó phải bế con nó, nó xéo. Ở đây để mà cãi nhau, ba ngày hai trận không ai chịu được. Không chịu được nhau thì mỗi người một phương, vả thằng này rồi cũng đến đi nốt. Có thế mới yên được. Nó ở đây để mà làm khổ nó à?

Mậu có vẻ hằn học với vợ, càng nói càng tức thêm. Nét mặt người vợ tái dần, bây giờ thì bà hiểu rõ rằng Mậu đã cho Quỳ bế Tính đi, vì chuyện xô xát mấy hôm trước. Chồng và vợ lẽ đã trù tính công việc giấu bà.

– Cậu nói hay chửa! Tôi làm khổ gì nó?

– Không làm khổ mà thế à? Việc gì mà con nó lại không cho nó săn sóc, nó muốn nằm với con nó cũng không được. Coi nó như con ăn, con ở, nói nó không còn tiếc lời. Cũng một vừa hai phải thôi, quá lắm nó không chịu được. Tôi nói ra thì lại cho là tôi bênh nó, lại ầm cửa ầm nhà. Chẳng thà cho nó bồng bế nhau đi như thế cho xong!

– Tôi nào khinh nó? Nó không biết trông con thì tôi bảo nó không biết trông con. Như thế mà cậu cho là khinh, là hành hạ nó à? Ừ, nó muốn đi thì nó đi, ai giữ, nhưng sao không để thằng Tính ở đây. Cậu không thấy đấy à? Nó trông nom sao được trẻ? Thằng Tính...

– Đã có vú, đã có đẻ, nó không trông được, thì có người khác. Không phải chỉ ở cái nhà này mới có người trông nom thằng Tính. Con nó, nó muốn tha đi đâu nó tha, không ai cấm được. Thời buổi này không còn như ngày xưa, mà bảo giở quyền mẹ già với mẹ trẻ. Ai đẻ ra là con người ấy. Muốn giữ, đẻ ra mà giữ, không ai cấm, không ai tranh.

Mậu vùng vằng ra ngoài, để mặc vợ. Nói được ngần ấy câu, người vợ không nói lại, anh chàng tưởng mình hùng biện lắm.

Mậu đang nghĩ đến Quỳ, đến Tính, đang tức bực. Vợ mà cãi như mọi ngày, không chịu kém cạnh, thì có thể Mậu sẽ thành một đứa vũ phu. Cái tính cục cằn có thể sinh đấm đá. Vợ nhịn, anh chàng cũng được đôi chút hả lòng.

Thực ra, người vợ nhịn, không phải vì sợ chồng. Bà không sợ gì Mậu, bà có thể đương đầu với những cuộc cãi cọ kịch liệt hơn. Lúc nóng lên, người đàn bà thường hung ác hơn đàn ông. Lúc ấy bà Mậu không nóng. Bà Mậu biết cãi vã với chồng là vô ích. Tuy chồng ra mặt bênh vợ lẽ, nói nhiều câu quá đáng, người vợ thấy chuyện ấy nhỏ nhen, không quan hệ gì. Quỳ bế Tính đi đó mới là việc lớn lao, nó làm người đàn bà, mười lăm phút sau, còn đứng trơ trơ như mất hồn.

*

Cái nhà đã tịch mịch lại càng tịch mịch. Trên lối đi rải sỏi, cỏ chồi lên, cao và mau, không kém gì ở mấy khoảng đất hoang bên cạnh, không còn một đóa hoa héo bên lối đi. Mấy cánh cửa phía đường ít khi mở. Khách qua đường thường tưởng nhà ấy bỏ hoang.

Bà Mậu hốc hác như mới qua một trọng bệnh. Má hóp lại, gò má cao lên, đầu tóc không lúc nào được chỉnh tề, áo quần xốc xếch làm bà già thêm đến dăm sáu tuổi. Dưới làn lụa mỏng, đã thấy nổi lên các đầu xương khuỷu, xương vai. Suốt ngày bà Mậu ngồi trong

nhà tranh tối tranh sáng vì cửa đóng. Tối đến có đèn, nhà có sáng hơn, mà vẻ tịch liêu không giảm.

Trong một thời gian rất ngắn, tâm hồn và thân thể người đàn bà đã thay đổi không ngờ. Thân thể sút kém một cách đáng lo ngại. Bà Mậu cứ ở lì trong nhà, sự sút kém cứ tiến theo nhịp ấy, thì chẳng bao lâu người ta sẽ thấy bước ra một bà già, phải nhìn kỹ mới thấy nét quen.

Suốt ngày, bà Mậu ngồi nhìn cái nôi bỏ vắng, đã thu gọn vào góc nhà. Trước kia, mỗi khi đi đâu về, cũng nhìn ngay vào cái nôi con kê ngay ở cạnh giường. Tính thường nằm đấy. Tính không nằm đấy, thì cũng có những đệm, lót xinh xắn làm vui con mắt, ấm áp trong lòng. Bất cứ bận việc gì, bà hãy tìm cho được Tính, hôn hít như muốn nuốt trửng ngay cái bàn chân bàn tay hồng hào, đầy ngấn. Bà không dám hôn vào má, sợ chảy má đứa bé. Tính thường nhoẻn miệng, dơ cái lợi chưa có răng ra cười. Lòng người đàn bà cởi mở, bà Mậu cảm thấy một nỗi vui sướng chưa từng thấy.

Suốt đời bà Mậu chưa yêu ai, quí ai bằng Tính. Từ lúc Quỳ có mang, lòng người chị đã thấy thay đổi. Việc gì không phải là Quỳ, không phải cái bụng to của nàng, thì người chị không để ý. Bà Mậu trông nom Quỳ như mẹ trông nom con, mong đợi từng ngày, hơn là Quỳ mong ngày lâm sản, người chị rất thực lòng.

Tính ra đời, thế giới của bà Mậu thu gọn vào đứa bé, ngoại vật không gì đáng kể. Mậu cứ việc yêu, cứ việc quấn quít vợ lẽ, ngay trước mặt bà, bà không nhìn thấy. Tha hồ Quỳ nằm xõng xượt suốt ngày, không mó đến công việc gì. Mặc, quí hồ có Tính. Có Tính là có hết cả các của báu trên đời này. Chính con tự mình đẻ ra, chắc cũng không người mẹ nào thương yêu hơn là bà Mậu thương yêu Tính, con người vợ lẽ. Thức khuya, dậy sớm, mất ăn, mất ngủ về đứa bé, vất vả quá vú già, bà Mậu không một lời phàn nàn. Cái thiên tính làm mẹ trong lòng người đàn bà, bị kiềm chế lâu ngày, bồng bột phát triển. Càng tốn công, tốn sức, càng vất vả, bà Mậu lại càng thấy khỏe, thấy vui. Những nỗi lo nghĩ nhỏ nhặt, những buồn bã vẩn vơ không còn có dịp chiếm cứ tâm hồn người đàn bà bận rộn với công việc thích làm. Một nụ cười của đứa bé đủ làm nở

nang lòng bà Mậu, làm tiêu tán nỗi mệt nhọc có khi cả đêm thức để pha sữa thay lót, nhắc cho người vú nhớ công việc.

Quỳ ốm ngay sau khi đẻ, không còn ai chen vào tình bà Mậu yêu Tính. Bà càng tin Tính là của bà, ý ấy dần dần ăn sâu, đến nỗi người đàn bà đâm thù, ghét những cái gì có thể làm hại Tính, xen vào giữa tình của bà với đứa con nhỏ. Cả đến Quỳ đẻ ra Tính, cũng như không còn quyền gì nữa. Bà xô xát với Quỳ không phải vì ghen chồng. Điều đó đã xa lắm, đã mất đi rồi. Bà to tiếng với Quỳ, chỉ vì Quỳ đã làm Tính sốt. Để Tính cho bà, thì chồng đấy, cả nhà cửa tiền nong đấy, Quỳ muốn làm gì, tùy ý.

Quỳ mang con đi, đã đánh trúng vào nhược điểm của người chị. Tính đi, thế là hết! Bao nhiêu nỗi vui vẻ, bao nhiêu hạnh phúc của bà Mậu đã theo đứa bé. Trời đất âm thầm lại, nhà cửa thành vắng vẻ lạnh lẽo, như một bãi tha ma. Trong lòng bà cũng thành một bãi tha ma, gió thổi vật vờ cỏ dại mọc trên những nấm mồ. Mấy ngày đầu, bà không cho rời cái nôi không đi chỗ khác. Bà trân trân nhìn cái nôi, tìm một vật gì. Bà không thấy đau xót, trong lòng như tê liệt, thiếu hẳn điều kiện nó làm cho người ta thấy ý nghĩa cuộc đời, hiểu công việc mình.

Bà Mậu đi chơi mấy nhà quen có trẻ. Bế đứa nào, ấp đầu vào ngực đứa bé nào, bà cũng thấy như hai cánh tay Tính ôm lấy đầu bà, quờ cho rối tóc. Không, đứa bé ấy không phải là Tính. Nhìn kỹ, nó không có những nét thân yêu của thằng bé bà đã nâng niu ngay từ lúc chưa ráo mái đầu. Bà về nhà, buồn bã, thờ thẫn hơn trước khi đi. Có đêm, người đàn bà mơ màng thấy tiếng trẻ khóc, đòi ăn, hoặc đã đái dầm ra lót. Bà choàng dậy ngơ ngác nhìn cái nôi lờ mờ trong ánh đèn hoa kỳ đã vặn thấp từ khi vắng Tính. Lại nằm xuống giường không tài nào nhắm được mắt, người đàn bà ấy khóc.

Bà Mậu khóc. Bà khóc trong đêm hôm khuya khoắt, không một ai biết đến, khóc không lên tiếng, nhưng nước mắt trào ra thường ướt cả chiếc gối bông. Ban ngày, phải giấu nỗi buồn trước chồng và người ở, bà càng thấy khổ. Cái nôi đã dẹp vào một xó, bà cũng chẳng đi đâu, suốt ngày thẫn thờ ngồi trong gian nhà cửa đóng. Tưởng tượng cánh cửa sẽ mở, Quỳ bế Tính vào. Bà ngồi đợi.

Nếu nó bế Tính về lúc này! Bà sẽ nhẩy xổ ngay ra mà ôm lấy thằng bé, mà hôn, mà cắn, mà nhai nuốt ngay cho hả lòng! Tha hồ Quỳ muốn làm gì, bảo gì, bà cũng xin theo. "Có phúc mới được làm vú già". Nó nói phải. Bà chỉ cầu làm vú già, để thức khuya, dậy sớm, để đương đêm choàng dậy thay tã, lót, rửa ráy cho Tính. Quỳ sẽ là bà chủ cái nhà này, truyền bảo gì bà cũng xin nghe. Bà chỉ mong được trông nom, giữ gìn đứa con.

"Muốn giữ, đẻ ra mà giữ", trước kia, câu ấy đã làm máu trào lên cổ. Bây giờ nghĩ lại, người đàn bà chỉ còn thấy một nỗi buồn thấm thía. Đẻ ra mà giữ! Nói thì dễ thay! Cũng muốn đẻ lắm, nhưng đẻ làm sao?

Bà đã cam phận nằm riêng trên bộ ngựa này. Từ ngày có Quỳ, bà không còn biết đến gian buồng xinh đẹp và ấm cúng. Bà với Mậu chỉ còn là đôi bạn già, sống với những kỷ niệm ân ái đã qua. Mỗi ngày địa vị ấy một rõ thêm. Bà hồ như quên rằng Mậu là chồng bà, và bà vẫn còn trẻ.

Đêm ngày trông nom Tính, coi như con mình, đứa bé ấy đã ủ ấp được lòng bà Mậu, thay được người chồng. Tình ái vợ chồng đã chuyển sang tình thương yêu một đứa con. Trong tâm những người đàn bà ít ham nhục dục, nhất là lúc luống tuổi, thường có những sự thay đổi ấy. Bà Mậu đã yên vui với đứa con, đã nhường hẳn chồng cho Quỳ, không đợi em phải tranh giành. Quỳ ngờ bà ghen về Mậu là nhầm. Bà ghen vì Tính.

Như vậy mà nào đã xong cho! Người ta đã cho bà biết là đứa con không phải của bà, bà không có quyền gì đến nó. Cái địa vị cao cả trong gia đình không thắng được giây uyết mạch. Phải là đứa con mà chính bà đã mang trong lòng, đã đẻ ra. Thì bà vẫn mong như vậy, mong từ ngày bà lấy Mậu. Bây giờ, sự đau đớn làm cảm giác người đàn bà như tê dại, bà lại càng tha thiết mong có đứa con.

Lời thầy thuốc không còn ý nghĩa khủng khiếp như trong khi ốm. Nó chỉ còn là lời đe dọa, thời gian đã làm nhạt dần như hết thẩy các nỗi khủng khiếp, nguy hiểm, đau đớn trên đời này. Trừ nỗi đau đớn của bà, nó sẽ dằng dặc cho tới khi bà đã có được đứa con. Khối người sẩy hàng năm bảy bận, mà rồi cũng mẹ tròn con vuông,

con đàn con đống. Biết đâu, số bà vất vả lúc đầu, nhưng rồi lại chẳng có con.

Dù sao nhận cái nguy hiểm ấy, còn hơn ở trong trường hợp này. Người ta sống chết có số. Bà Mậu lại muốn gần chồng, liều một chuyến nữa. Nhưng gần chồng cũng là một chuyện khó nghĩ. Bà đã quen nằm ngoài, thành việc vào trong buồng bây giờ có một ý nghĩa làm lành sau những cơn xô xát. Bà sẵn lòng làm lành, nếu người chồng ngỏ ý ấy. Mậu cứ bước một bước đến bà, bà sẽ vui lòng bước lại Mậu.

Nhưng bắt bà phải làm lành trước, chịu kém cạnh đủ thứ trong lúc này, thì tủi nhục quá lắm. Bà rình ý tứ Mậu.

Trong khi người vợ cả nhớ đứa con, thì anh chồng nhớ chị vợ lẽ. Tâm tính Mậu cũng thay đổi, chàng thành yên lặng, ít nói, lắm lúc lại ra vẻ suy nghĩ. Vợ cả biết là chồng nghĩ đến Quỳ, Mậu cũng không giấu. Trong bữa ăn, Mậu không vui vẻ, lắm lời, nói huyên thuyên để khoe cái tài giỏi của chàng nữa. Chàng im lìm ăn rất nhanh, có khi lại để ngay bức ảnh Quỳ bên cạnh mâm, nhìn không chán mắt. Thành thử những lúc sum họp ấy, đáng lẽ mang khuây khỏa cho vợ cả, thì lại nhắc đến Tính, làm buồn thêm, cả những buổi tối. Mậu ngồi viết thư. Tối nào cũng vậy: viết, xé, viết, xé. Mắt dán vào ảnh Quỳ, dáng mặt buồn như một đám tang. Người vợ cả biết chàng viết cho Quỳ.

Đã lâu nay, hai vợ chồng chỉ nói với nhau những câu cần thiết. Họ không gần nhau, không có những cử chỉ thân mật, chuyện trò âu yếm. Người vợ có gợi chuyện, muốn bước quá vào việc làm lành, thì chỉ được một vài câu, trủng trẳng không ra sao:

– Cậu viết thư cho ai mà viết nhiều thế? Viết rồi lại xé đi thì viết làm gì cho tốn giấy?

– Mợ lại cấm cả tôi viết nữa à?

– Nói mà nghe thế thôi. Ai cấm cậu. Cậu muốn viết thì viết.

– Thế thì mặc thây tôi, mợ hỏi làm gì?

– Lâu nay Quỳ nó có viết thư cho cậu không? Không biết thằng Tính độ này có ăn chơi, có ngoan không?

– Nó vẫn ăn chơi, vẫn ngoan.

– Sao nó ở dưới ấy mãi thế? Cậu không viết thư bảo nó lên.

– Bảo nó lên à? Bảo nó lên làm gì? Để rồi lại cãi nhau, ba ngày hai trận. Nó đi như thế là rảnh thân nó, mợ chắc vừa lòng lắm, chẳng còn ai làm gai mắt nữa nhé!

Toàn là giọng khiêu khích, như chỉ muốn cãi nhau. Người vợ đã hết cả ý muốn to tiếng. Đến những lúc ấy, bà Mậu hậm hực lảng đi, không muốn phân trần, không muốn cãi. Phân giải phải trái làm gì, cãi làm gì với chồng? Quỳ đã bế Tính đi. Điều cần nhất, là làm cho chúng bồng bế nhau về. Mậu bảo họ thì chắc được. Sao Mậu lại không bảo?

Bà Mậu thấy chồng hằn học với bà, quy cho bà tất cả trách nhiệm của việc Quỳ đã bế con xuôi. Anh chàng mang cái mặt tử vị đạo, thầm trách bà đã chia rẽ họ. Đâu có thế. Họ yêu nhau, bà có cần gì, miễn là có đứa con, nhưng làm thế nào cho chồng hiểu?

Mậu đi làm về, dáng ủ dột như mọi tối. Chàng uể oải bước vào nhà, đã tối om. Chàng không vặn đèn, để nguyên quần áo, vào gieo mình lên chiếc giường trong buồng. Con ở lên bật đèn, dọn cơm. Nó theo thói quen hằng ngày: chủ về thì dọn cơm, nửa giờ sau lên xếp dọn, im lặng như chủ. Bà Mậu bảo:

– Vào mời cậu mày ra xơi cơm.

Con ở chưa kịp vào, thì Mậu đã ra, tay cầm một bức ảnh Quỳ lồng vào kính, vẫn treo ở đầu giường. Mậu ngồi vào bàn, để chiếc ảnh bên cạnh. Ngày xưa, đến bữa ăn cũng chỉ có hai vợ chồng như thế này. Nhưng không khí khác hẳn; vợ chồng còn chuyện trò, bàn định về gia đình, tương lai. Ngoài việc mong một đứa con, vợ chồng vẫn hòa thuận, vui vẻ. Bà Mậu tưởng đem Quỳ về, có con thì sẽ vui vẻ hơn lên, ai ngờ kết quả đã khác hẳn ý định. Chồng bây giờ thành một người dưng, đứa con không phải của bà. Quỳ như tạt qua vào gia đình ấy, rồi lại đi, đã không mang lại chút hạnh phúc nào, còn phá tan cảnh êm đềm khi trước.

Mậu ăn được một bát, bỏ đũa đứng dậy, mang bức ảnh Quỳ vào buồng. Người vợ nhìn theo chồng. Cứ thế mãi, thì không sao chịu nổi. Bà đã đứt từng khúc ruột, chồng lại còn dày vò thêm. Bà Mậu cũng đứng lên:

– Sao độ này cậu ăn yếu thế? Bữa nào cũng thều thọt một vài lưng. Ăn thế thì hơi sức đâu mà đi làm? Nhỡ ốm thì làm thế nào?

Mậu trong buồng nói vọng ra:

– Ốm thì đã có nhà thương. Việc gì mợ phải săn sóc đến tôi. Xưa nay có ai săn sóc đến tôi đâu!

– Cậu ăn nói lạ quá! Thế nào là không săn sóc? Độ này hễ tôi động nói là cậu dằn vặt. Tôi làm gì cậu, mà cậu coi tôi như quân thù, quân hằn? Vợ chồng mà không khác người hàng xứ! Tôi biết rồi.

– Mợ biết gì? Mợ biết gì thì biết. Nếu có ai săn sóc đến tôi thì gia đình đã chẳng như thế này.

– Tôi biết lắm. Bây giờ chỉ còn Quỳ về đây là mọi sự êm thấm hết! Cậu gọi nó về. Tôi lại xuống dưới ấy là ổn thỏa cả.

– Đấy nhé. Hễ nói là nói đến chuyện chia rẽ, không muốn cho mẹ con nó ở đây.

– Tôi ở đây, nó không chịu được, cậu không chịu được, thì tôi phải lánh đi, chứ sao? Tôi đã nhịn như nhịn cơm sống, cậu còn chưa vừa lòng. Việc gì không hay, cậu cũng đổ tại tôi cả. Nó đi tôi giữ sao được nó. Giữ được, sao cậu không giữ?

Bà Mậu không có vẻ gắt gỏng. Giọng nói của bà là giọng phân trần, hơi chút than phiền. Mậu im, người vợ vào buồng:

– Hay là để tôi xuống đón chúng nó về? Như thế họa chăng mới vừa lòng cậu, mới khỏi mặt nặng mặt nhẹ, cậu mới khỏi coi tôi như quân thù.

Mậu nằm ngửa ngang giường, chân bỏ thõng xuống đất, hai tay khoanh trước ngực, ấp lấy bức ảnh Quỳ. Thấy vợ vào, Mậu vội ngồi dậy, đủng đỉnh:

– Ai coi mợ là quân thù? Còn như việc xuống đón chúng nó thì... tùy.

– Không coi như quân thù, sao lại thế? Thôi để tôi xuống đón nó, cho hả lòng cậu, cho nó hết tình...

Người vợ chỉ cố được đến đấy. Một mùi hăng đưa lên mũi. Bà Mậu vội vàng quay ra nhà ngoài. Phải đứng gần chồng, nói một câu gì nữa thì bà đã không giữ nổi nước mắt. Mậu ngạc nhiên vì thái

độ vợ. Chàng tưởng như mỗi lần nói đến chuyện ấy thì đã sẵn một cuộc cãi lộn. Chàng đã sẵn lòng oán hờn. Càng tưởng nhớ đến Quỳ. Chàng càng gay gắt với người vợ cả. Chàng chỉ biết nỗi đau đớn của mình, không để ý gì tới vợ. Chàng không biết rằng vợ cũng đau đớn về việc Quỳ đi, đau đớn hơn chàng. Thấy vợ ngỏ ý đi đón Quỳ, chàng cho là thái độ hờn mát của chàng đã có kết quả. Mậu không biết rằng vợ chịu nhượng bộ, chỉ vì đứa bé con.

Mậu theo vợ ra. Người vợ, hai tay che lấy mặt ngồi khóc thút thít bên chiếc bàn ăn đã dọn sạch. Mậu không oán vợ như trước, thấy động lòng trắc ẩn. Chàng thấy vợ cũng không ác nghiệt quá như chàng tưởng. Bây giờ người chàng mới nhận thấy nét hao mòn trên mặt vợ. Chàng hỏi, ôn tồn:

– Ai làm gì mà phải khóc?

Tiếng khóc càng cao, rõ từng tiếng nức nở. Lời Mậu càng làm người vợ mủi lòng. Người vợ để mặc nỗi đau đớn tuôn ra theo nước mắt. Mậu lại gần:

– Ai chẳng muốn cửa nhà êm ấm, gì bằng sum họp được với nhau. Nó bế con nó đi cũng là việc bất đắc dĩ. Ai muốn thế?

Bà Mậu lau cặp mắt đỏ hoe:

– Sao cậu không viết thư bảo nó về?

– Tôi bảo nó nhiều lần rồi, nó sợ mợ, nó không về.

Ngay mấy hôm sau Quỳ đi, Mậu đã thấy thiếu thốn, thấy nhớ, đã viết thư giục Quỳ đem Tính lên. Chàng tưởng Quỳ chỉ lánh đi ít ngày, được tin chàng tất lại về ngay. Không ngờ đã ra khỏi nhà, Quỳ không muốn lộn lại. Mậu gửi hai ba cái thư mới được một cái trả lời: Quỳ nói là sợ vợ cả, không tin ở lời Mậu. Làm thế nào cho Quỳ tin lời chàng? Thời kỳ vắng Quỳ càng kéo dài, Mậu càng nóng lòng, dằn vặt vợ cả, càng buồn bã ngắm bức ảnh Quỳ để lại.

– Tôi ác hành ác nghiệp gì, mà nó bảo sợ tôi? Đã bao nhiêu lâu, tôi có dám nói động gì đến nó. Chỉ vì nó làm thằng Tính cảm, nên tôi mới bảo nó, nó không nghe thì thôi. Con nó đấy, nó muốn làm gì nó làm. Sao cậu lại gieo tiếng ác cho tôi?

– Tôi nào gieo tiếng ác cho mợ, mợ không ác cảm gì với nó, muốn nó về, thì xuống mà bảo nó. Tôi bảo nó không tin, nhưng mợ

nói thì chắc nó nghe. Lâu nay mợ không về nhà, xuống thăm đẻ nhân thể.

Câu chuyện đã đến chỗ hòa hợp. Người vợ đã bằng lòng đi đón Quỳ và Tính. Mậu hết nỗi hờn giận, người vợ tự thấy đã lùi một bước rất lớn, nhưng trong lòng bớt xao xuyến. Lòng tự ái tuy bị thương tổn, nhưng đã được đền bù bằng cái vui sắp thấy Tính. Vả lại đã lâu nay, nỗi đau đớn, đã làm mất tính cương cường của người vợ cả.

Đã lâu, hai vợ chồng Mậu mới lại có một cuộc nói chuyện êm ấm, mỗi lời nói không là một cái gai người nọ định xé thịt người kia. Tuy không có hòa khí hoàn toàn thuở trước, nhưng nó cũng là một làn gió dịu thoảng qua bộ não cân bị nung nấu.

Đêm ấy, người vợ cả ngủ trong buồng.

XV.

Quỳ đứng lên:

– Thôi tối rồi, tôi đi về.

Một cô bạn gái gọi giật lại:

– Về làm gì? Đang vui câu chuyện, ngồi đây một tí nữa đã.

Cô khác chêm vào:

– Thôi cho nó về, kẻo con nó khóc. Bây giờ người ta có chồng, có con rồi. Đâu được tự do như chị em mình!

– Dễ một mình nó có con à? Chị Hồng đây cũng có con, sao chị ấy ngồi chơi lâu được. Dễ thường cứ có con là mất hết tự do, không ngồi đâu, đứng đâu được hay sao? Con đã có người trông.

Hồng là một người bạn Quỳ, đã lấy chồng sớm, có hai con. Chồng phải đổi đi xa, chỗ nước độc, Hồng không dám theo, mang con về ở với mẹ đẻ. Ở tỉnh nhỏ, ít chỗ đi chơi, mấy cô lại họp nhau ở nhà một vài cô bạn chưa chồng, chuyện gẫu và nghe máy hát. Hồng xấp xỉ tuổi Quỳ, nhưng lấy chồng đã lâu hơn, nhiều con hơn, và được người chồng đúng mực, khéo dạy dỗ, nên Hồng có vẻ đứng đắn hơn Quỳ. Tuy ngồi đấy, Hồng có một vẻ làm mẹ, làm vợ nó phân hẳn Hồng với mấy cô bạn nhí nhảnh, chưa chồng.

Hồng lên tiếng bênh Quỳ:

– Chứ không à? Có con thì phải bận, phải có bổn phận làm mẹ, không như các chị, muốn làm gì thì làm. Tôi khác, chị Quỳ khác. Ngồi chơi lâu rồi, chị ấy muốn về thì phải để chị ấy về. Sao các chị lại giữ, và nói đến việc chồng con người ta? Không nên thế. Tôi cũng đi về đây.

Quỳ nhìn Hồng, tỏ vẻ cám ơn. Hồng đứng lên.

– Gớm, chị Hồng sao mà nóng thế. Đùa chị Quỳ chứ, ai dám nói đến việc chồng con. Chị giận chúng tôi đấy à?

– Ai giận các chị làm gì.

– Thế sao chị lại về?

– Tối rồi, ngồi chơi đã lâu, tôi phải về cho các cháu đi ngủ. Các chị cũng không nên đùa như thế. Tùy từng cái đùa, đến lượt các chị, các chị sẽ biết. Tôi mong cho các chị được vui vẻ, trẻ trung như thế mãi. Những cái bận, cái lụy về chồng con là cái hạnh phúc to nhất cho người đàn bà đấy, các chị ạ.

– Thì thôi vậy, chúng tôi không dám nói gì nữa. Mai lại đến chơi nhé. Cả chị Quỳ nữa, tôi sẽ mua rất nhiều hoa.

– Ừ, mai tôi đến. Bây giờ thì cho chúng tôi về. Xin chào các chị.

Hồng kéo Quỳ đi. Ra ngoài đường, Hồng bảo Quỳ:

– Chúng nó láo lắm. Phải như thế mới trị được. Thôi chị đi về. Cháu Tính độ này ngoan chứ?

Quỳ ngượng nghịu trả lời:

– Cám ơn chị cháu ngoan.

– Thôi, chị đi về với cháu. Mai có rỗi lại gặp nhau.

Quỳ lững thững về nhà. Hồng sao mà dễ thương thế! Lúc nào Hồng cũng có vẻ nhớ chồng, yêu con. Đến chơi nhà bạn, có khi chồng mang theo cả đứa con trai đầu lòng, rất kháu khỉnh, giống Hồng như đúc. Đấy mới thực là con của tình ái. Giữa câu chuyện có lúc Hồng vẩn vơ, ôm sát con vào lòng. Quỳ đoán là Hồng đang nghĩ đến chồng ở phương xa. Các bạn bè đều quí Hồng như người chị cả, không bao giờ dám buông lời chòng ghẹo. Họ kính nể Hồng, họ không

kính nể Quỳ. Hồng ăn nói đúng mực, cử chỉ ôn hòa, rõ ra vẻ một người mẹ hiền, vợ hiền.

Rất dễ hiểu. Hồng lấy được người chồng xứng đáng. Họ đã lấy nhau vì yêu nhau, và đến bây giờ, tình ái xem chừng cũng chưa giảm. Họ còn như yêu nhau hơn. Nói đến chồng, mắt Hồng thường sáng lên, lời nói dịu dàng, ấm áp. Hồng như một thiếu nữ nhớ tình lang lúc ở xa. Vả lại có một người chồng như thế, không yêu sao được? Chồng Hồng đã ngoài ba mươi, nhưng đẹp trai, vạm vỡ, chức phận có, danh vọng có. Còn khối cô chưa chồng ước ao một người như vậy. Họ lại chồng một, vợ một, không sợ ai tranh dành, chia sẻ mối tình. Không trách Hồng coi cái lụy chồng con là hạnh phúc của đời nàng.

Còn đối với Quỳ, cái lụy chỉ là cái lụy, đè nặng trĩu hai vai. "Ra đường trông thấy tơ người, về nhà trông thấy chỉ tôi, tôi buồn". Nghĩ đến Mậu, đến Tính, nàng chỉ thấy chán, muốn quên ngay cho đỡ phiền. Sao nàng không lấy được người như chồng Hồng: Đời nàng sẽ xoay khác hẳn. Đã không được như Hồng, Quỳ muốn quay lại với chị em hồi xưa, mong tìm khuây khỏa. Quỳ thấy họ bây giờ cũng khác, không còn tình bè bạn vui vẻ, thẳng thắn của bạn gái nữa. Họ coi nàng là một người không phải trong bọn họ, thỉnh thoảng lại đả động đến chồng con nàng. Quỳ lại phải nhớ lại những cái muốn quên.

Đời nàng đã hỏng, hỏng quá lắm, không còn được chút hạnh phúc nào. Nhìn về tương lai, không thấy một tia sáng. Ngày dài đằng đẵng như năm, một mầu xám ngắt. Nàng đứng trên bãi cát lỏng, dần dần tụt xuống, cho đến khi cát ngập quá đầu, chôn cả một đời!

Quỳ thấy cửa còn hé mở. Mọi khi, cửa đóng kín từ sớm, nàng vẫn gọi. Quỳ nhìn vào, rồi lách mình qua khe cửa. Mẹ nàng đương nói chuyện với một người nào. Một người đàn ông, mặc tây, đứng quay lưng ra ngoài tay mân mê vành chiếc mũ dạ. Lấp ánh đèn, thành cái lưng trông rất đồ sộ.

Mẹ nàng nói:

– Mọi khi thì cứ tối thứ bảy em nó về, ở nhà cả ngày chủ nhật. Sao hôm nay lại chưa thấy. Hoặc mai em nó mới về, mai mời bác lại chơi.

Quỳ nhớ ra. Chất, anh nàng, dạy học ở một trường quê gần tỉnh, thứ bảy nào cũng về thăm nhà. Hôm nay chắc chưa về.

– Vâng, thưa cụ thế để mai con lại.

Quỳ thấy tiếng quen quen, không nhớ ra là đã nghe thấy ở đâu. Người đàn ông chào mẹ nàng, quay ra, vừa đối diện với nàng. Cả hai như cùng ngạc nhiên, người đàn ông đã cười, để lộ hàm răng trắng bóng:

– Cô Quỳ! Xin chào cô.

Quỳ không nói được câu gì, gật đầu, đi vội vào nhà trong. Huy! Tiếng khép cửa, và tiếng giày bước đi, lẫn với tiếng trái tim dội trong ngực nàng.

Tiếng bà mẹ:

– Đi đâu mà khỏe đi thế? Hôm nào cũng đến tối mới về để con nó khóc hết nước mắt.

– Thì con vú đâu, mẹ không bảo nó dỗ?

– Nhưng mà cũng phải liệu về sơm sớm chứ, ai lại đi thế! À, có cái thư của nó đấy. Để ở trong cơi trầu ấy.

"Nó", tức là Mậu. Chẳng ngày nào không nhận được thư của Mậu. Quỳ nhắc ngăn cơi trầu, nhìn bức thư, rồi đậy lại. Nàng cũng chẳng buồn xem, đi cởi áo.

– Thư nó nói gì thế? Đến là lắm thư, chỉ tổ làm giàu cho nhà giấy thép.

– Thưa mẹ để con xem đã.

"Lại giục về chứ gì nữa!". Quỳ lấy thư uể oải xé phong bì. Đúng lời nàng đoán. Mậu giục nàng cho Tính lên. Công việc đã ổn thỏa, người chị cũng muốn cho Quỳ về, bảo chồng viết bức thư ấy. Mậu cam đoan với Quỳ là sẽ không xảy ra chuyện gì, Quỳ cứ bình tâm cho con lên. Cuối thư người chồng lại thêm ít lời ân ái, nói nhớ Quỳ, nhớ Tính, nhắc lại tình âu yếm ngày trước. Bây giờ nhà cửa đã yên, chàng mong chóng gặp Quỳ, để nối lại cuộc đời êm đẹp. Lời lẽ rất

ngon ngọt, âu yếm. Mậu đã nói trong thư những điều chàng không dám nói thẳng với Quỳ. Nhiều khi, trước trang giấy, người ta có nhiều can đảm để trấn tĩnh hơn trước mặt một người.

Quỳ bĩu môi. Cùng những lời ấy, giá một người khác nói, thì nàng đã tin ngay. Quỳ đã hết tin Mậu, lòng đã lạnh ngay từ trước lúc đọc thư. Quỳ chỉ thấy những lời dối trá, thấy Mậu như muốn đánh lừa, nàng dại gì mà lại về cái nhà ấy? Mậu thế nào, nàng đã biết. Những lời bóng bẩy, âu yếm, không che đậy được sự thật. Ngay từ hôm bế Tính đi, Quỳ đã có ý nghĩ là sẽ chia ly. Nàng nhìn lớp nhà không một chút mến tiếc, Mậu đứng cạnh xe đã như một người dưng.

Tiếng bà cụ lại nhắc:

– Thế nào, nó nói những gì?

– Không nói gì, thư hỏi thăm đấy thôi ạ.

– Thư với từ, làm sốt cả ruột.

Quỳ gấp bức thư, vứt trả vào trong đáy cơi trầu. Nàng mở màn nhìn đứa con đã ngủ. Tính vẫn nằm trong buồng với mẹ. Quỳ nhìn con một lúc lâu. Khi người chị muốn chiếm đứa con, nàng tức tối, như thương yêu Tính vô cùng, và muốn mang ngay đi, để Tính được hoàn toàn của nàng. Bây giờ Quỳ không thấy tha thiết như thế. Có lúc Quỳ coi con là một cái bận, hay quấy, khóc, không cho nàng đi chơi lâu.

Quỳ khép lại cửa màn, ra ngồi chiếc bàn con. Ngày mai, Huy sẽ lại chơi với Chất. Trong bóng tối nàng không nhìn rõ mặt, nhưng hình như Huy vẫn như ngày trước, như hôm nàng gặp ở vườn hoa. Vẫn cái khổ người rắn rỏi, vẫn hàm răng trắng. Không biết anh chàng có còn giữ tính dấm dẳn, khó chịu hồi xưa. Còn nàng thì đã thay đổi nhiều lắm. Đứa con nằm kia là một tang chứng. Nàng tự thấy suy kém đi nhiều. Quỳ nghĩ: "Ngày mai mình sẽ đi chơi sớm".

*

Mãi chín giờ, Quỳ mới giật mình tỉnh giấc. Đêm qua, nàng nằm trằn trọc gần đến sáng. Nàng đã nghĩ lẩn mẩn, chẳng ra chuyện gì: bức thư của Mậu, Hồng, Huy, thằng Tính. Ý nghĩ nàng phảng

phất tự người nọ đến người kia. Một điều rõ rệt, mai Huy đến chơi, và nàng đã sút kém nhiều.

Nhà ngoài: Chất đã về từ sáng sớm, ngồi nói chuyện với bà mẹ, và chơi với thằng Tính. Quỳ ra sân rửa mặt, rồi vào buồng đánh phấn. Nàng chọn cái áo đẹp nhất, mặc ra ngoài.

Bà mẹ hỏi:

– Mới sáng ra, định đi đâu mà đã trang điểm sớm thế?

Quỳ hơi ngượng:

– Không, con có đi đâu đâu.

Nàng ngồi xuống ghế, đón Tính trong tay Chất. Chất giữ đứa bé lại:

– Cô để nó ngồi với tôi. Sang cô, nó lại làm hỏng cả quần áo.

Chất hiền lành và yêu trẻ. Chàng có thể chơi với Tính suốt ngày không chán. Bà mẹ nhìn con trai:

– Anh mến trẻ thế, sao không lấy vợ đi. Bảo món nào cũng chối đây đẩy. Không lấy vợ thì bao giờ có con?

Chất cười:

– Không lo, để ạ. Đợi con được tăng lên vài trật nữa, tiền lương khá lên, sẽ lấy cũng chưa muộn, mà con muốn lấy vợ nhà quê. Ở chỗ con dạy học, có mấy cô khá. Con sẽ bảo để đi hỏi.

Quỳ cười, chế anh:

– Anh lấy vợ nhà quê à? Ừ, "cụ lý" như anh, lấy vợ nhà quê cũng phải. Hôm nào cho em theo xuống trường xem mặt bà lý nhé!

Bà cụ chen vào:

– Cô tưởng nhà quê là hủ à? Bây giờ họ cũng tinh ranh chẳng kém gì ở tỉnh. Lấy ai thì lấy, anh bằng lòng thì đẻ cũng bằng lòng.

Muốn ngắt chuyện vợ con nó thường làm anh chàng ngượng nghịu, Chất nói:

– Quái anh Huy bây giờ chưa thấy đến nhỉ?

– Anh hôm qua ấy à? Tao cũng dặn thế, biết có đến hay không?

– Thế nào cũng đến. Lần nào anh ấy về, cũng tới thăm con. Nội bạn học cũ, chỉ còn anh ấy là tử tế. Bây giờ đã đốc-tờ rồi, chóng

thật! Cùng học với nhau, một người rẽ ngang đi làm, một người cứ học, chả mấy lúc mà họ đã ở trên đầu trên cổ mình.

Chất không có ý so sánh, phàn nàn, chỉ nói một điều nhận thấy. Chàng đã chịu nhận địa vị một ông giáo vùng quê, tự cho là yên thân, vui với chức vụ. Bà mẹ chép miệng:

– Người ta có tiền ăn học thì thế. Trông anh ấy còn trẻ thế, mà đã đốc-tờ rồi kia à? Mới lúc nào còn bé con, thường qua nhà này rủ anh đi học. Đốc-tờ rồi làm gì?

– Vào làm việc nhà nước, hay ra mở nhà thương riêng. Phần nhiều họ mở phòng khám bệnh, kiếm được nhiều tiền và được tự do hơn.

– Nhưng anh ta làm gì có tiền mà mở nhà thương?

– Đẻ tính, khó gì. Con chắc rồi họ lấy vợ giàu, lấy vốn của vợ. Bây giờ như thế cả. Học thành tài, đỗ đạt ra thì tìm ngay con gái nhà giàu. Họ gọi là đi đào mỏ.

Chất cười rất thẳng thắn. Quỳ muốn đứng dậy đi chơi. Nhưng lại có một sức mạnh gì giữ nàng lại. Quỳ đã trót nói với mẹ là không đi đâu, và hình như nàng cũng mong cho Huy đến.

Chất nói:

– Con phải lại nhà ông kiểm học một tí, về việc trường. Anh ấy có đến, để bảo đợi con. Con về ngay.

Bà mẹ vội giục:

– Ừ, có phải việc trường thì đi mau đi. Chắc đâu người ta đến mà đợi. Có đến, để bảo cho.

Chất đi được năm phút, Huy tới. Thấy bóng chàng, Quỳ vội bế con vào nhà trong. Nàng trao con cho vú, vừa nghe thấy tiếng bà mẹ:

– Em nó đợi bác từ sáng, vừa chạy đi. Mời bác ngồi chơi, em nó về ngay. Vú em đâu?

Quỳ chạy ra:

– Thưa mẹ gọi gì ạ?

Quỳ cúi đầu chào Huy, Huy đang ngồi nhổm dậy đáp lễ.

Bà cụ bảo Quỳ:

– Con bảo nó rót nước.

Quỳ rót một chén nước đến để trước mặc Huy:

– Mời ông xơi nước.

Quỳ cố ra vẻ thản nhiên, dằn rõ tiếng "ông", muốn Huy biết là nàng không nhớ gì chuyện cũ. Đối với nàng, Huy chỉ là một người dưng, Huy xếch hẳn đôi lông mày, nhìn nàng:

– Xin "bà" để mặc tôi.

Người ta đã thường gọi Quỳ là "bà", nhưng chưa bao giờ nàng thấy tiếng ấy có vẻ khôi hài như bây giờ. Anh chàng như dùng tiếng "bà" để chế riễu nàng, để trả lời tiếng "ông", làm một trò đùa, chứ không có ý kính nể một người đàn bà có chồng. Anh chàng lại nhìn nàng một cách hóm hỉnh. Quỳ nhớ lại cuộc gặp gỡ ở vườn hoa, đã lâu lắm. Huy tuy có vẻ đứng đắn hơn, nhưng tâm tính anh chàng vẫn không thay đổi. Huy chăm chăm nhìn Quỳ, nàng thấy ngượng:

– Thấy anh Chất tôi nói ông mới ở trường thuốc ra, và sắp mở nhà thương tư.

– Thưa bà, tôi mới ở trường ra, còn làm gì thì vẫn chưa định. Không biết tại sao anh Chất lại nói thế. Tôi có định mở nhà thương đâu?

– Thế ông muốn vào làm việc nhà nước.

– Không. Tôi cũng không muốn đi làm.

Ở trường thuốc ra, thì chỉ mở nhà thương, hoặc đi làm nhà nước. Anh chàng không muốn cả hai đằng, thì làm gì? Chẳng lẽ học ra rồi ngồi chơi, ăn không. Hay là Huy muốn giấu, không cho ai biết ý chàng?

– Tôi tưởng ở trường thuốc ra, thì chỉ có hai cách ấy...

Huy cười, ngắt lời Quỳ:

– Còn một cách thứ ba nữa, là ngồi không. Nhàn hơn cả. Làm việc nhà nước hay nhà thương tư cũng vất vả.

Cả mấy người đều cười. Bà cụ cho là một câu nói đùa. Không lẽ một người tổn phí bao nhiêu năm học tập, thành tài rồi lại ngồi không. Hai tiếng "quan đốc" gồm bao nhiêu danh vọng. Quỳ có vẻ

cười gượng. Nàng thấy Huy vẫn còn nói chuyện dấm dẳn, và nhất là có mẹ nàng ngồi đấy thì những chuyện ấy lại càng không hợp.

Trong nhà có tiếng Tính khóc, Quỳ không muốn vào, thầm rủa thằng bé con. Bà cụ đã đứng lên:

– Con quái, đã làm gì thằng bé. Mời bác cứ ngồi chơi, em Chất nó về bây giờ.

Bà cụ vào nhà trong. Quỳ lấy chén của Huy, rót thêm nước và ngồi xuống chiếc ghế bà mẹ vừa bỏ trống. Tự nhiên, nàng thấy ngượng. Bà cụ đi rồi, còn trơ hai người. Quỳ không biết nói câu gì. Huy càng chăm chăm nhìn nàng, những phút yên lặng dài vô cùng. Quỳ lại sợ Chất về, hoặc mẹ ra. Huy nói nhỏ, đủ cho Quỳ nghe:

– Cô Quỳ bây giờ thấy thay đổi nhiều quá, khác hẳn với hồi nào!

Đang bà xuống ngay cô, anh chàng đổi giọng thật chóng. Tuy Quỳ thấy tiếng "cô" dễ nghe hơn tiếng "bà" khi nãy, nhưng nàng thấy hình như phải làm mặt bất bình, tỏ cho Huy biết là nàng đã có chồng, có con, Huy phải kính nể nàng không được dùng giọng ấy. Quỳ chưa tìm được câu gì, Huy đã tiếp:

– Cũng chưa lâu là bao, mới độ mấy năm nay. Tôi còn nhớ lần cuối cùng gặp cô, một đêm ở vườn hoa. Cô còn nhớ không? Chắc cô quên rồi...

Quỳ quên làm sao được cái đêm đã xoay hẳn cuộc đời nàng? Suốt mấy năm nay, không mấy lúc nàng không nghĩ đến. Có khi đang ở trong tay Mậu, và nhất là ở trong tay Mậu, Quỳ lại càng phảng phất nhớ lời Huy, nghĩ đến đêm ở vườn hoa; có lúc nàng đã thầm oán chàng.

Quỳ ngẩng lên, nét mặt Huy không có vẻ riễu cợt, tinh quái: hai mắt dịu xuống hẳn, nhìn nàng một cách rất êm đềm. Quỳ vẫn mong cho Huy có dáng mặt này. Cả đến giọng nói cũng ấm áp, bao phủ lấy người, thấm vào các thớ thịt. Quỳ hết cả ý muốn làm mặt giận.

– Cô quên là sự dĩ nhiên. Khi người ta bước vào một con đường mới, thì hay quên, hoặc phải quên những chuyện cũ. Chỉ có những người rỗi rãi như tôi mới nhớ lâu. Tôi nhớ cả câu cuối cùng nói với cô tối hôm ấy, lúc cô vùng vằng đi về.

Quỳ nhớ là có vùng vằng về. Vì vùng vằng bực tức, mới nên nông nỗi! Còn câu cuối cùng của Huy, nàng nghĩ mãi không ra. Huy nói câu gì mà bây giờ nhớ lại, giọng chàng lại có vẻ dầu dầu? Nếu còn nhớ, Quỳ không e lệ gì mà cho Huy biết là nàng, nàng cũng không quên.

– Thấy cô giận, tôi có nói rằng đợi một vài năm, tôi mong sẽ lại được tiếp chuyện cô, và mong cô hiểu tôi hơn. Bây giờ đã một vài năm rồi, tôi lại được gặp cô đây, nhưng không có chuyện gì nữa.

Quỳ muốn đứng dậy đi chỗ khác, nhưng không nhấc nổi chân. Giọng Huy lại bình thản, vui vẻ:

– Một lần nữa, tôi nhận thấy việc đời này ít khi theo ý mình định, không nên tin ở mình quá. Đừng chắc trước một điều gì. Biết đâu mình chẳng phải nhận những cái trái với ý muốn của mình nhất? Có số cả. Bây giờ tôi cũng đâm ra tin có số mệnh!

Huy se sẽ cười. Quỳ giật mình, tưởng Huy biết rõ cảnh ngộ nàng. Không, Huy không có vẻ gì khác. Tiếng cười lẫn có vẻ buồn, Quỳ cho là Huy thương hại mình. Nàng thu hết can đảm, đứng dậy, lẳng ra phía cửa. Huy cũng đứng lên thọc tay vào túi quần, lơ đãng nhìn mấy bức ảnh trên tường. Vài phút sau, Quỳ có cảm giác là Quỳ đã ở phía sau lưng nàng. Nàng không dám quay lại, cứng con mắt dõi về đầu phố. Bóng Chất đã thất thểu hiện ra. Quỳ nghe thấy tiếng Huy nói nhỏ, và mau:

– Độ này chắc cô cũng rỗi. Trăng đêm nay chắc đẹp lắm, nhất là vào khoảng mười giờ. Nếu cô không bận, thì cô ra vườn hoa chơi, chỗ ngày xưa. Chẳng gì cũng còn hơn là nằm nhà. À, anh Chất đã về! Nhà giáo đi đâu mà lật đật thế kia?

Mấy tiếng sau, Huy nói to, tiếp đến tiếng cười lanh lảnh, tiếng cười Quỳ vẫn ghét. Một tiếng cười nữa nói theo:

– Ấy, em nó tính hay vội vàng thế.

Bà mẹ trong nhà nói ra.

XVI.

Quỳ thấy rõ ràng Huy hẹn nàng tối hôm ấy.

Nếu bà mẹ không ra, Chất không về thì nàng đã trả lời

Huy về chuyện khiếm nhã ấy. Nàng trả lời thế nào thì lại là chuyện khác, nhưng Quỳ cứ tin là vì Chất và bà mẹ mà nàng phải im. Nàng lại đâm tức, như xưa kia, trong những cuộc đấu khẩu với Huy, thấy Huy trái mà nàng không nói được câu cuối cùng.

Chuyện vô lý thực! Ai lại rủ một người đàn bà đã có chồng,có con, ra vườn hoa với mình, một trai chưa vợ, giữa lúc khuya khoắt. Lại chắc là trăng sẽ đẹp, rõ ràng là một hẹn hò trai gái. Huy như không đếm xỉa đến địa vị nàng. Anh chàng này bao giờ cũng có cái tính lếu láo. Con người ngỗ ngược ấy còn biết gì là vô lý với có lý, còn kiêng nể gì ai.

Quỳ lại thấy ghét Huy. Cái mối ghét thâm niên, hầu như đã quên đi, nay lại trỗi dậy. Trong lúc Huy nói chuyện với Chất. Quỳ ghét cả từ tiếng cười, câu nói, bất cứ phải trái. Lúc nào, nàng như cũng sẵn sàng bĩu môi. Vẻ đứng đắn của Huy lại thêm một ý nghĩa thâm độc.

Quỳ tức mãi đến bữa cơm trưa. Nhưng khi người ta nghĩ mãi đến một câu chuyện vô lý thì dần dần nó cũng thành có lý. Cái tức của Quỳ mạnh quá nên khó bền lâu. Về chiều thì nó đã giảm bớt. Cái tức đi, cái buồn dần dần đến. Nàng nghĩ ra lối khác: "Việc gì mà tức với tối. Còn những việc tầy trời, can thiệp đến hạnh phúc cả đời mình, mà chẳng làm gì nổi, chẳng thèm để ý đến huống hồ cái việc cỏn con này. Có ai nghĩ đến mình đâu, mà mong người ta kính nể? Vả lại, đàn ông bây giờ họ thế cả. Họ rủ mình đi, mình không đi thì thôi. Là hết chuyện, cần gì mà phải gây oán?". Cơn giận thế là đi hết. "Mà có lẽ Huy muốn mình ra đấy chỉ để nói chuyện phiếm. Trăng đẹp mà ra chơi vườn hoa thì cũng hơn là ở nhà chẳng có việc gì. Chắc Huy cũng không nghĩ gì khác. Trước kia mình chưa có chồng, Huy còn chẳng có ý tứ gì, huống chi bây giờ mình đã già đi, xấu đi, chồng con ngay cạnh nách. Chắc mình ngờ oan cho chàng". Hết buộc tội, Quỳ đã làm thầy cãi cho Huy. Nghĩ đến chồng con, Quỳ càng thấy buồn thêm. Nàng lan man nghĩ rằng sao mấy năm trước, Huy không bao giờ hẹn nàng như vậy.

Dù sao, tối nay nàng nhất định không đi. Anh Huy có lẽ sẽ đến đấy, sẽ chờ nàng và sẽ phải chưng hửng ra về. Sẽ thất vọng nữa, chưa biết chừng.

Năm giờ chiều, Quỳ đã quên hẳn Huy, yên tĩnh ngồi cho con ăn bột. Con vú đứng bên cầm sẵn chiếc khăn tay ướt lau vết bột rớt ra cằm, ra môi đứa bé. Công việc này thường của con vú. Quỳ không quen và vụng, nên bột rớt rất nhiều. Nhưng chiều nay, Quỳ nhất định tự tay cho con ăn.

Thìa bột sau cùng đã hết. Đứa bé, có vẻ no nê, dơ tay theo vú. Nó đã quen theo vú, ít theo Quỳ, mà Quỳ cũng không mấy khi ẵm con. Quỳ bảo người vú:

– Vú cho chú uống nước, rồi cho chú ra cửa chơi. Độ tám giờ hẵng cho chú đi ngủ. Nếu tôi có về khuya thì vú thức nghe cửa, kẻo cụ biết thì vú chết.

– Mợ đi đâu mà về khuya?

– Đi đâu thì vú hỏi làm gì? Mà nói thế chớ tôi cũng chẳng đi đâu khuya, lại chơi đằng kia một tí thôi. Ấy là dặn phòng xa thế.

Bà cụ thường ngủ ngay từ chập tối. Đêm chủ nhật Chất ở nhà cũng ngủ từ tám giờ để hôm sau dậy sớm xuống trường, trừ có tối thứ bẩy mới thức khuya một chút, nói chuyện nhà, chuyện cửa trong tuần lễ vừa qua, và sáng hôm sau được ngủ trưa một chút. Quỳ có mải vui với chị em ngồi khuya ở đâu, thường phải dặn con vú thức nghe. Nàng sẽ gọi, nó sẽ mở cửa. Và hôm sau bất kỳ là lúc nào, bà cụ hỏi thì cũng là "lúc nhà vừa mới đi ngủ được một tí". Tuổi già, kém ngủ, có khi bà cụ thấy lúc ấy là "nửa đêm", nhưng cũng mặc. "Nó đã có chồng, có con; nay mai thì nó về với chồng nó. Thế là rảnh".

Quỳ rửa mặt, vào buồng đánh phấn. Nàng ngồi nửa giờ trước gương, cố uốn một làn tóc, tô một đường môi. Con vú thập thò ở cửa buồng, tủm tỉm cười, như nó hiểu một cái gì. Quỳ thấy khó chịu, gắt:

– Vú cười cái gì thế?

– Không, thưa mợ, con có cười gì đâu.

Nó chối, ráo hoảnh. Thật ra, nó cũng chẳng biết nó cười gì. Nó cười, như phần nhiều mọi người cười, một cách rất vô lý. Nó cười vì thấy mợ nó đẹp.

Tự nhìn trong gương, Quỳ cũng thấy vừa lòng. Nàng không còn vẻ một người đàn bà nuôi con mọn. Nàng có vẻ "gái một con". Chỉ định đến chơi nhà chị em chốc lát, mà ngẫu nhiên, Quỳ trang

điểm, rồi lại chọn chiếc áo đẹp nhất, để sẵn một bên. Bấy giờ tối, mẹ và Chất ở cả nhà trong, Quỳ vội mặc áo, ra đường.

Nàng đến chỗ hội họp hôm trước, một gian gác nhỏ của một cô bạn. Mấy cô đã có đấy đang buồn mà không biết bàn tán chuyện gì. Quỳ đến, họ châu ngay lại:

– Người ta đợi mãi. Sao bây giờ mới đến?

Một cô khác:

– Bận con mọn chứ sao!

Họ cười, xúm vào chỗ Quỳ. Nàng đưa mắt tìm Hồng:

– Không đến sớm thì không đến sớm, việc gì phải hỏi tại sao. Việc gì mà chờ với đợi. Chị Hồng đâu?

– Không đến. Con hắn ấm đầu. Ái chờ, hôm nay sao cậu đẹp thế?

Thế là họ lại xúm vào chế riễu, nói những chuyện bâng quơ, bóng bẩy. Có cả những câu nhảm nhí đáng lẽ một người con gái không khi nào nói đến. Quỳ không đương đầu nổi với bọn nặc nô. Nàng muốn bỏ về. Cẩn thận trang điểm, để đến đây một lúc rồi về. Vô lý quá, phí cả công. Một cô bạn biết Quỳ giận, sợ nàng về thì mất vui, vội gạt bạn và quay sang chuyện khác. Họ vặn máy hát. Đúng vào một bài có ở nhà Mậu, nó nhắc lại cả cuộc sống lục đục, Quỳ tựa vào thành cửa sổ, nhìn ra đường.

Mấy hiệu khách trước cửa bắt đầu đóng cửa hàng. Những cánh cửa lùa đập vào nhau, tiếng vang đến Quỳ, dần ngăn những mảnh ánh sáng chiếu ra ngoài phố. Quỳ không quay lại, hỏi to:

– Mấy giờ rồi, mà bên hiệu họ đã đóng cửa nhỉ?

– Lại còn không biết à? Chín giờ chứ mấy. Lại sợ con khóc, muốn về với con, phải không?

Quỳ giật mình, đã chín giờ; Sao mà chóng quá, nàng tưởng mấy độ chập tối. Tự nhiên nàng thấy trong lòng hồi hộp, xao xuyến, không nghe thấy họ chế riễu đằng sau. Quỳ nhìn lên trời: mặt trăng quá rằm vừa lên khỏi nóc nhà giãy phía trước mặt, về bên tay trái, chênh chếch nhìn nàng. Ánh đèn càng bớt, ánh trăng càng tỏ thêm. Ánh trăng lờ mờ đậu trên tay người con gái, làm cái áo nàng thẫm hẳn màu.

"Không biết anh chàng định nói chuyện gì? Có lẽ Huy muốn nói điều gì thì phải. Việc gì mà phải đợi mấy năm, rồi lại không nói? Cái vẻ bí mật ấy, khó chịu lắm. Việc gì, sao Huy không nói ngay. Mà giời thế này, giá đi chơi một lúc cũng thích". Ý nghĩ ấy đột nhiên tới Quỳ. Nàng không biết rằng nó vẫn đợi sẵn, im lặng và mạnh mẽ, và đến nay thì trỗi dậy, bất chấp Quỳ dùng cách gì để dẹp xuống, quên đi. Nó sai khiến Quỳ từ câu nói của Huy.

Thời giờ đi càng mau. Chín giờ mười lăm, chín rưỡi. Ai đã đặt vào máy hát một bản nhạc êm êm. Mặt trăng càng sáng hơn, bóng trăng tỏ hơn, phố xá vắng. Quỳ băn khoăn về ý nghĩ ra vườn hoa, hoặc không ra. Nàng đã nhất định không đi từ sáng, câu chuyện đã xong rồi. Bây giờ tính lại, Quỳ lại nhất định không đi. "Không đi là phải. Dù có chuyện gì nữa cũng mặc. Có chồng có con như mình ra đấy, nhỡ có ai trông thấy thì lại khó chịu bằng mấy ngày xưa".

Bản nhạc êm êm dứt, một cô nói:

– Mười giờ kém mười lăm rồi. Tôi đi về đây.

Quỳ quay lại:

– Tôi cũng về.

Quỳ đi vội. Đã kém mười lăm! Đến ngõ ngang rẽ về nhà, Quỳ rẽ. Nhưng hai chân như máy đưa nàng qua trước cửa nhà. Quỳ đi thẳng.

Bây giờ hết băn khoăn. Trái với những điều dự tính, Quỳ đi ra vườn hoa. Nàng lại đi con đường đã qua đêm hôm nhận lời lấy Mậu. Vẫn ánh trăng ấy chiếu cảnh vật đã khác xưa: nhà cửa, cây cối cả đến những viên đá lổn nhổn dưới gót giày đã thấy đổi, nhất là Quỳ.

Gần đến nơi, Quỳ có cảm giác như sắp đến một chuyện khác thường. Tâm linh như báo trước một cuộc thay đổi lớn lao trong đời nàng. Nàng lờ mờ cảm thấy, tuy không biết là gì, không muốn hiểu rõ. Suy nghĩ không hợp trong lúc này. Hai chân vẫn bước, đưa một con tim rối loạn đến chỗ mịt mờ.

Vườn hoa không một bóng người. Nàng đinh ninh là Huy đã đợi sẵn, sẽ chạy ra đón. Không thấy Huy. Thế là nghĩa lý gì? Hay

là còn sớm quá? Nàng không nhìn đồng hồ. Chỉ tin ở lời người bạn, có lẽ còn sớm thật. Nàng ngồi xuống ghế nhìn mặt trăng đã lên cao.

Nàng đợi một lúc, cho là lâu lắm. Lòng người con gái lại sinh phân vân. Hay là Huy không đến, câu ban sáng chỉ là một câu nói thường, nàng tưởng nhầm có ý hẹn hò? Quỳ nhớ lại từng lời nói. Nàng không nhầm. Câu nói ấy, thêm giọng nói nhỏ, vội vàng lúc thấy Chất về, lại lấp ngay câu sau, cái vẻ "gian" ấy không thể nào lại vô tình. Đúng là Huy có ý hẹn nàng. Nhưng sao bây giờ không đến? Hẹn người ta, rồi lại bỏ đấy, thế thì vô lý quá, Huy thì làm gì mà chẳng vô lý. Có lẽ bây giờ anh chàng đang vui thú chỗ nào, hay ngủ khoèo ở nhà. Nàng càng thấy ghét Huy. Nàng định tâm, nếu Huy đến, sẽ nói cho bõ ghét. Chàng mồm mép đến đâu, cũng không chống chế nổi cái tội tầy đình ấy.

Có tiếng người đi phía sau, Quỳ quay lại, Huy chỉ còn cách nàng vài chục bước. Quỳ không biết chàng từ đường nào đến.

– Cô đấy à? Tôi bận chút việc, quên bẵng đi. Vả lại tưởng cô không ra, nhưng cũng thử tạt qua đây xem. Cô đợi đã lâu chưa?

Hẹn người ta, rồi lúc đến lại nói những câu như thế thực là quá quắt. Quỳ ngồi im, Huy ngồi xuống bên nàng, Huy nhìn hai cái bóng dưới chân, nhớ lại ngày nào.

– Cô lại giận tôi đấy à? Chắc là vì đã để cô đợi lâu.

– Ai thèm giận anh? Tôi cũng vừa ra, định ngồi chơi mát một tí. Tôi cũng sắp sửa đi về.

Huy cười:

– Tôi cũng chắc như thế. Bây giờ, chắc cô không còn tính nóng nẩy, hay hờn dỗi như ngày nào. Mấy năm trời tuy ngắn ngủi, nhưng nhiều khi đủ đổi tâm tính con người, nhất là đem đặt vào một hoàn cảnh mới. Phải không, cô?

Quỳ không biết trả lời thế nào. Cả hai cùng im lặng một lúc, Huy tiếp:

– Mới nhìn cô, tôi đã nhận thấy sự thay đổi ấy. Cô đứng đắn, chín chắn hơn trước nhiều. Có chồng, có con, cũng có khác.

Quỳ cúi đầu, không biết Huy đăm đăm nhìn nàng.

– Hôm qua tôi lại đằng nhà, cô đi vắng, tôi có đùa một lúc với thằng Tính. Thằng bé kháu quá, lại giống cô, người đàn bà tất phải mong có chồng, và có những đứa con như thế. Cuộc đời như thế mới đầy đủ. Bây giờ cô sung sướng lắm, không còn phải mong ước gì.

Đầu Quỳ càng cúi thấp hơn, Huy càng chăm chú nhìn; chàng chậm rãi nói một mình:

– Còn tôi, có lẽ cũng phải lấy vợ, lập một gia đình cho xong, cho đứng đắn con người. Những người chung quanh, cả họ hàng, không chịu được cách sống của tôi hiện thời, thấy chướng mắt. Họ muốn gây dựng, thu xếp cho theo ý họ. Lắm lúc muốn chiều họ cho rồi. Mà biết đâu hạnh phúc chẳng ở đấy? Nhưng phần rủi ro nhiều quá. Biết người lấy mình thế nào? Thực là như đánh bạc, hoặc ăn nấm: biết rằng nấm độc thì đã ăn phải rồi!

Huy thở dài một cách chán nản. Quỳ thấy chàng không hiểu gì về cảnh ngộ nàng. Nàng mà sung sướng, không phải mong ước gì? Huy gợi ra một cảnh trái ngược hẳn, và mỗi lời nói của anh chàng lại làm nàng tấm tức, muốn kêu to lên rằng không phải thế. Huy mà cũng nhầm đến thế ư? Nàng tưởng ít ra Huy cũng khác mọi người, biết là nàng không sướng gì. Nàng cố giữ bình tĩnh nhưng đã thấy nghẹn ngào. Hai mắt đã ướt, dưới con mắt đọng một giọt lệ nhỏ. Quỳ tiếng nói câu gì, biết rằng không giữ được giọng tự nhiên. Lời nói nho nhỏ của Huy thấm dần vào não cân Quỳ, giọt nước mắt lớn thêm. Tiếng thở dài của Huy là giọt nước, nó làm vỡ cái thùng, Quỳ vội đưa tay lên mắt thấm giọt nước đã gần rớt xuống.

Huy nhận thấy. Chàng mỉm cười, vẻ mặt thoáng một tia vui của người thấy đúng cái kết quả của mình dự đoán. Cái vui ấy qua rất mau. Vẻ mặt chàng lại bình thản, hơi buồn. Ra vẻ ngạc nhiên, chàng hỏi Quỳ:

– Ô hay, cô làm sao thế? Hay tôi đã vô tình nói câu gì làm phiền cô. Tôi tưởng những lời tôi nói đó thực, và đúng cả. Bây giờ cô sung sướng lắm còn việc gì mà phải buồn phiền? Chồng con đàng hoàng, êm đẹp. Những điều mong ước đã thành sự thực, cuộc đời tưởng đầy đủ lắm rồi!

Quỳ càng mủi lòng hơn. Cái khăn tay ở luôn trên mắt, tuy nàng biết khóc lúc ấy thực vô lý, và sẽ trôi hết phấn sáp. Huy ngồi

im, không nhìn Quỳ mà cúi nhìn xuống chân, vẻ mặt cũng rầu rầu. Bài tính chàng thử đã thấy đúng. Xem việc Quỳ lấy lẽ Mậu, về ở với mẹ, hay đi chơi nhà chị em, cách trông nom con, chàng đã đoán là Quỳ đã không được lấy chồng vừa ý, đã không được thỏa mãn trong chuyện tình duyên. Nói thẳng ngay đến chuyện ấy, chắc Huy, người con gái giầu lòng tự ái, hơi chút ương ngạnh, không khi nào chịu thật lòng. Chàng đã dùng cách gián tiếp không hỏi gì Quỳ, nhưng gợi ra những chuyện chồng con, tình ái, đánh vào tình cảm người con gái. Quả nhiên Quỳ sa vào bẫy, mấy giọt nước mắt trả lời cho chàng.

Bài tính thử đã thấy đúng, trong khoảnh khắc Huy hiểu hết tiểu tiết của cuộc đời Quỳ. Chàng cúi đầu nghĩ lan man một lúc lâu, mặc cho Quỳ vợi nỗi buồn. Chàng hỏi nhỏ:

– Tôi vẫn ngờ cô không được sung sướng và không hiểu tại sao cô lại bằng lòng một cuộc hôn nhân như vậy.

Đã khóc trước mặt người ta thì không còn lý gì giữ sĩ diện mà dấu, những điều ấy không vờ vĩnh, giả dối được nữa. Nàng đã mất hết lợi khí. Vả lại Huy không còn vẻ người tinh quái, ranh mãnh,cần đấu khẩu để tranh hơn thua, giọng nói của chàng dịu dàng, ấm áp, như tin cẩn được. Từ xưa, nàng như vẫn muốn tìm một giọng nói ấy, một người ấy.

– Tôi đi vắng về, được tin cô lấy chồng, và nghe chuyện đám cưới, ngạc nhiên quá. Thực là quá sức tưởng tượng. Trong phố họ bàn tán cũng nhiều. Tôi không tin ai, cố nghĩ mà không hiểu tại sao, tại sao cô lại lấy Mậu?

– Tại anh đấy!

Huy sửng sốt, ngửng nhìn Quỳ. Nàng vẫn cúi mặt, tì khuỷu tay vào đầu gối, hai tay vò nhàu chiếc khăn mặt. Huy đợi nàng nói tiếp. Quỳ như buột miệng ra câu vừa rồi, bây giờ lại im lìm. Đến lượt Huy băn khoăn. Chàng gặng hỏi hai, ba lần, Quỳ không đáp. Chàng thấy có lẽ không phải Quỳ nói nhầm, chàng cũng có một phần trách nhiệm vào chuyện ấy. Nhưng phần gì? Làm sao mà lại có trách nhiệm? Biết rõ ngay thì dù sao cũng còn dễ chịu hơn là ngờ vực, không đoán được gì. Bây giờ là lúc Quỳ thực lòng, nếu để lỡ cơ hội, thì không bao giờ chàng biết được nữa. Phải làm sao cho

Quỳ tin chàng. Đó cũng là một điều khó, vì xưa nay Huy cũng tự biết là không được lòng tin của người con gái.

– Sao cô bảo là tại tôi? Tôi nghĩ đến nát óc, cũng không hiểu tại sao lại có phần trách nhiệm gì vào việc ấy. Có lẽ tôi là người ngạc nhiên nhất lúc nghe thấy cô đã lấy Mậu. Nói là ngạc nhiên thôi, còn những cảm giác khác, nói ra chắc cô cũng không tin, và vô ích nữa. Như vậy, mà bảo tại tôi, thì thực là quá. Hay là... hoặc giả có những uẩn khúc gì có liên can đến tôi, mà tôi không biết. Người ta, ai mà biết hết được. Cô nói đi, cô không nói, tôi không thể nào yên tâm được. Cô còn e ngại gì mà không nói? Có lẽ tôi cũng có một vài câu muốn nói với cô. Mai kia, cô về trên nhà, tôi lên Hà Nội, không còn dịp gặp nhau, thì câu chuyện đêm nay sẽ quên đi.

Quỳ khẽ thở dài, nói nhỏ:

– Cũng chẳng phải tại anh, mọi sự là tại tôi cả, tôi bực mình mà nói thế.

Tại anh, chẳng phải tại anh. Thực khó hiểu Quỳ định nói gì.

Quỳ chép miệng tiếp:

– Bây giờ anh thấy tôi người lớn lắm. Anh còn nhớ, có lần anh đã coi tôi là trẻ con không? Không xa đây bao lâu. Tối hôm ấy, tôi cũng ra ngồi ở đây, vì có một chuyện khó nghĩ. Ngẫu nhiên gặp anh. Sáng ngày, anh tưởng tôi quên. Anh quên, chứ tôi quên sao được tối hôm ấy! Anh không biết rằng khi ấy tôi đương băn khoăn về chuyện can hệ đến cả cuộc đời tôi, anh ngờ vực những điều nhảm nhí, nói những câu chẳng ra sao, lại cho tôi là con nít, không đáng nói chuyện với anh. Tôi nhận lời lấy Mậu hôm ấy.

Huy giật mình, cái tin xảy ra đã mấy năm, chàng như vừa mới biết.

Quỳ cười nhạt:

– Anh bảo đợi mấy năm tôi lớn hơn, khôn lớn mong lại được gặp tôi. Thì bây giờ anh gặp đây. Anh muốn nói chuyện gì?

Bây giờ không còn là lúc nói.

Từ ngày đi học với Chất, Huy đã để ý đến em gái bạn. Huy có quan niệm là muốn có một người vợ hiền, phải chọn trong những gia đình cổ, ở tỉnh nhỏ học qua loa, nhưng khéo làm ăn, buôn bán.

Chàng không chịu được các cô gái mới. Quỳ đúng ý của chàng, nhưng lúc ấy còn nhỏ quá. Chất thôi học, Huy đi học xa. Người thiếu niên càng biết nghĩ thêm, rắn rỏi thêm, càng vững thêm cái ý định trước. Những ngày nghỉ, Huy về, thường đến thăm Chất. Họ bảo chàng lui tới vì Quỳ, không phải là không có lý, nhưng Huy rất kín đáo, không hề lộ một ý gì, những lời đó, không có chỗ bấu víu, chỉ là lời đoán phọng, ngay đến Quỳ cũng không biết Huy để ý nàng.

Huy săn sóc Quỳ, một cách kín đáo và yên lặng. Huy mong cho Quỳ sau này thành người vợ hiền, biết thương yêu chồng và an hưởng hạnh phúc gia đình, nên mỗi lần nói chuyện đến nàng, Quỳ có dùng ngôn ngữ của bạn gái mới viển vông và văn vẻ, chàng thường trả lời một lối rất đột ngột, sống sượng. Quỳ thường bực mình, trách chàng không lịch sự với nàng, như với những bạn gái khác, Quỳ hiểu đâu thâm ý của Huy. Những bạn gái khác, chàng có kể gì. Đã không có ý gì, thì lịch sự, nhã nhặn cho xong. Về những món ấy Huy cũng không đến nỗi kém hèn.

Huy vẫn đinh ninh rằng sau này sẽ lập được một gia đình êm đẹp với Quỳ. Chàng không cần vội, đợi cho Quỳ hơn vài tuổi nữa, chín chắn hơn chút nữa, chàng chắc không ai tranh mất cái phần đã tự dành cho mình, chàng đã đặt vào đấy bao nhiêu hy vọng. Đột nhiên tan vỡ hết.

Huy cố tìm, mà không hiểu nguyên cuộc cưới xin ấy, chàng ngờ là một sự bức bách, nhưng Quỳ, theo chàng biết, không phải là người dễ để bức bách. Thì bây giờ chàng biết rõ, chàng cũng có một phần trách nhiệm trong công cuộc ấy. Người con gái, trong một lúc cán nản đã đâm liều làm một việc rất dại dột, không tài nào lấy lại, mà chán nản vì chàng!

Huy không ngờ những câu của chàng lại có kết quả tai hại đến thế. Giọng đêm hôm ấy, nói với một người con gái đang bị vấn đề tình duyên xâu xé, thật là tàn ác. Nếu chàng biết, không khi nào lại thế. Mà sao Quỳ không bảo ngay chàng là đang nghĩ chuyện ấy? Hơn nữa, hỏi ý kiến chàng? Đâu có thế. Chàng tự tin mình quá, thường coi Quỳ như con trẻ, chàng cũng biết là Quỳ không tin, chàng không lấy làm phiền, cho rằng muốn được lòng tin của Quỳ cũng dễ như lấy chiếc khăn trong túi. Chàng không vội, lúc nào cần đến lòng

tin đó sẽ hay, chuyện của Quỳ, chàng quen coi như chuyện trẻ con. Biết đâu rằng trẻ con cũng có khi nói chuyện người nhớn!

Giá chàng không quá tự tin, không coi Quỳ là con trẻ, tỏ vẻ yêu mến nàng, bỏ vẻ khủng khỉnh thì đã đỡ được bao nhiêu chuyện, chàng đã phá tan hy vọng của chàng, vô tình làm hại đời Quỳ. Bây giờ Quỳ đứng đắn, chín chắn lắm, đúng như ý chàng mong, nhưng, bây giờ, nói gì?

Huy ngồi lâu không nói, Quỳ tiếp:

– Có lẽ tại số tôi nó xui ra thế. Tôi có hay bực mình bao giờ, mà bực mình gì lại bực mình thế?

Quỳ cười gượng, não lòng hơn tiếng khóc. Huy cũng cười:

– Có lẽ có số thật. Tôi không hay tin tướng số nhưng nhiều việc xảy ra bắt phải tin.

– Việc gì mà lại bắt được anh tin số?

Huy tránh trả lời:

– Nhưng sau rồi sao? Mậu được người vợ trẻ đẹp như Quỳ, chắc chiều chuộng, yêu quí lắm. Dù sao thì cái sống ở bên ấy cũng dễ chịu.

Quỳ thở dài, chán nản:

– Nhắc đến làm gì. Có phải chỉ no cơm lành áo là sung sướng đâu. Anh trông tôi có vẻ mặt một người sung sướng không. Mậu kể cũng hiền lành, tử tế, nhưng...

Dần dần, bằng những mẩu lặt vặt, Quỳ kể cả cảnh mình. Thỉnh thoảng, nàng ngừng lại, ngạc nhiên thấy sao lại đem chuyện nhà kể cho Huy, một người, mới sáng hôm nay, nàng còn rất ghét. Huy chăm chú nghe, không sót một câu.

Quỳ thường mong có người bạn tâm phúc, để thổ lộ được những điều tự thâm tâm. Những lúc chán nản, đau đớn, có một người để vợi bớt nỗi sầu thì cũng bớt bị đè nén. Xưa nay Quỳ chưa gặp ai, chưa tin ai. Chồng, chị, mẹ là những người nàng đã cho như kẻ thù. Người con gái ấy chỉ sống một mình, ngấm ngầm ôm mối hận. Bây giờ, bỗng nhiên nàng gặp người ấy. Mà lại là Huy! Tự nhiên, Quỳ thấy tin được anh chàng. Nàng cảm thấy rằng từ xưa, nàng vẫn

không hiểu Huy, và lúc này Huy mới mang bộ mặt thật. Nếu Huy như thế từ trước!

Những câu chuyện ấy để làm cho quên cả thời giờ. Mấy đám mây hiện ra từ bao giờ, che lấp mặt trăng đã chếch sang mé vườn hoa lờ mờ sáng. Đã khuya lắm. Không ai nói đến chuyện đi về. Nói xong, Quỳ như vui được chút ít. Huy thì đáng buồn thêm. Chàng uể oải châm một điếu thuốc lá:

– Tin được số mệnh, có khi cũng là một cái hay, nhiều khi người ta bớt ân hận.

Quỳ chưa hiểu ra sao, Huy tiếp:

– Chẳng hạn, nếu cô không tin duyên số, cho là vì tôi mà cô lấy chồng. Tôi cũng tin như vậy, thì bao giờ hết ân hận? Nếu tôi có quyền thế gì định đoạt nổi, thì chuyện không bao giờ như thế, nó sẽ ra một đường khác hẳn.

Đường khác, là đường nào? Quỳ muốn biết nhưng Huy đã thôi nói. Chàng đứng dậy, đi lại vài bước trước mặt Quỳ. Bước đi êm, nhẹ không động đến một viên sỏi. Bỗng chàng đứng sững trước mặt, để một tay lên vai Quỳ. Quỳ thấy như Huy muốn nói một câu gì, nhưng còn do dự. Nàng ngong ngóng đợi. Trên vai, chỗ Huy để tay, nóng dần. Huy buông tay, ngồi sát xuống cạnh Quỳ:

– Lần này là lần cuối cùng gặp cô ở đây. Đã nói những chuyện ấy, thì nói thêm một vài câu nữa. Ngày mai sẽ quên cả đi.

Huy vứt mẩu thuốc dở, lấy điếu khác, sẽ dỗ xuống mặt bao diêm, cười tiếp:

– Nếu không phải tại số mệnh, thì không khi nào cô lấy Mậu. Cô Quỳ, cô có thể tưởng tượng rằng, có một thời kỳ..., có một thời kỳ tôi yêu cô không?

Vẻ bỡn cợt không dấu nổi cảm động. Huy như đã thu hết can đảm nói nổi câu ấy. Quỳ, đã đoán trước là có chuyện khác thường, nhưng không ngờ khác thường đến thế. Nàng ngây người đợi nghe.

– Chắc cô không để ý. Chẳng những không biết cô lại còn cho tôi là đáng ghét nữa; tôi biết lắm. Đối với cô, tôi thường sống sượng, thô lỗ, không lịch sự, nhã nhặn như với mấy cô bạn gái khác. Vì tôi muốn cho cô đừng giống họ. Cô còn ít tuổi quá, hay đua đòi, bắt

chước, nên tôi thường nhạo báng, nói những câu trái ngược với ý tưởng cô. Cô không bằng lòng, ghét tôi lắm. Tôi chưa muốn để cô hiểu cái tình của tôi vội, chưa phải lúc. Mong sau này, lúc cô chín chắn hơn, sẽ hiểu nhau – Huy khẽ thở dài – như bây giờ, có lẽ cô đã đến cái trình độ ấy, sau bao nhiêu nỗi đau đớn. Và những điều dự tính của tôi bị xóa bỏ, vì số mệnh.

Thì ra Huy đã yêu nàng! Huy yêu nàng! Huy yêu nàng đã lâu, từ ngày ấy. Quỳ chỉ rõ có thế. Ngay đêm nàng bực với Huy, nhận lời Mậu, Huy đã mang trong lòng cái tình kín đáo. Nàng ngu quá, không biết tí gì. Nhưng sao chàng lại giấu giếm không nói ngay ra. Nói ra, có phải là... Nghĩ thế lại càng ngu nữa! Đứng đắn, kín đáo như Huy, đâu chàng có vội nói ngay những chuyện ấy?

Huy còn coi nàng là con trẻ. Kể cũng đáng lắm. Nào đã biết gì, chỉ hờn, dỗi, hơi bị trái ý là nặng mặt sa mày. Không hiểu được Huy, không biết câu cuối cùng của chàng là một câu chí tình. Không tình ý gì, Huy không nói đến thế.

Quỳ đê mê nghe. Tiếng nói, giọng nói, đúng như nàng thường mong được nghe từ đã lâu lắm. Một điệu nhạc làm thần xác tê liệt, mang tâm hồn đi rất xa. Để khi trở lại, thấy cảm giác của người xưa nay vẫn thiết tha mong một vật gì, bây giờ thấy rằng vật đó đã có lần sát lại gần. Vì không biết mà giữ, nên nó đã bay đi mất. Làm sao lấy được lại?

Chung qui, chỉ tại đã không hiểu nhau. Huy không biết là Quỳ cũng đã yêu chàng. Mối tình đó chưa rõ rệt, có lẽ chính người con gái cũng chưa tự biết. Nó mới biểu lộ bằng những trạng thái lờ mờ. Quỳ đã để ý đến Huy, đến cử chỉ, ngôn ngữ của chàng hơn là đến các thanh niên khác. Rồi nàng buồn, vui, giận, tức vì Huy. Sao Quỳ lại bị kích thích về những chuyện không liên can đến nàng? Nếu một trong hai người ngỏ ý, thì hai tâm hồn ấy đã gần nhau. Không ai chịu nói, Quỳ im lặng đã đành, Huy thì quá tự tin, chắc thế nào công việc cũng xong theo ý chàng. Chàng không vội, và không ngờ. Không ngờ duyên số định theo lối khác.

Lúc hiểu nhau, thì đã muộn. Quỳ vẫn cúi mặt, thở dài.

– Bây giờ chắc cô hiểu tôi hơn. Cô không giận tôi nữa chứ?

Quỳ ngẩng nhìn Huy, sẽ lắc đầu. Nàng không có sức nói một câu gì. Huy thấy trong cặp mắt còn ướt đầy cảm tình, một vẻ buồn mênh mang, và như cả tâm hồn khắc khoải của người con gái. Hai con mắt như thú với chàng khối tình u uẩn, bây giờ mới tự biết rõ hơn, và lộ ra ngoài. Huy nhìn cặp mắt, nhích sát lại Quỳ, nhắc lại câu khi nãy, giọng nhỏ như tiếng nói thầm.

– Cô không giận tôi nữa chứ?

Quỳ lại cúi xuống, trả lời khẽ:

– Không. Có bao giờ tôi giận anh đâu?

Nàng lại ngước nhìn Huy. Lần này, thì không còn ngờ vực gì, không một lời tình ái, một câu thú nhận nào rõ rệt hơn giọng nói, dáng mặt Quỳ lúc ấy.

– Thế ra... thế ra...

Huy không nói hết, vùng đứng dậy, hai tay nắm chặt trong túi quần... Chàng cố nén cảm động, đi mấy bước ra xa chỗ Quỳ, chân dận mạnh xuống cát. Đã rõ rệt lắm, chàng không cần hỏi gì thêm. Quỳ, từ xưa đã yêu chàng. Bây giờ thì Huy hiểu rõ, cả từ cái dáng điệu dấm dẳn, cáu kỉnh của Quỳ khi trước. Chỉ vì chàng đã vô tình, thờ ơ với nàng. Nào có phải chàng vô tình? Nếu biết sớm, cuộc đời đã tốt đẹp biết bao! Quỳ không phải chịu bao nỗi đau khổ, và những điều dự tính của chàng đã thành sự thực. Huy tự trách mình.

Huy cầm lấy hai bàn tay Quỳ, nàng tin cẩn để tay trong lòng tay Huy. Hai người yên lặng nhìn nhau, lời nói lúc ấy là thừa. Họ như đã hiểu được nhau, và ái tình chân thành phần nhiều lặng lẽ. Một lúc lâu Huy hỏi khẽ:

– Chậm quá rồi. Biết làm thế nào?

Quỳ không nghĩ đến điều gì khác. Huy phải nhắc, nàng mới nhớ là đã có chồng, có con, và ngồi đây lúc này với Huy là đủ cho xã hội buộc tội. Quỳ chỉ nghĩ thoảng qua, nàng không cần. Nhưng Quỳ cũng chỉ liều được đến thế, nàng không nghĩ được cách thoát ly cũng như trước đây, những lúc chán nản thất vọng, nàng đành cam chịu, tuy đầy ý muốn phản kháng.

– Làm thế nào, Quỳ đành chịu mãi thế à?

Huy nắm chặt bàn tay Quỳ. Nàng nhìn Huy, muốn nói: "Biết làm thế nào? anh nghĩ hộ xem". Đã biết rõ, Huy thấy không thể nào để Quỳ ở trong cảnh ấy. Tâm trí rối loạn, chàng cũng chưa thấy cách gì ổn thỏa, hợp cho chàng, cho Quỳ, cho tình ái của hai người.

– Ngày mai anh sẽ lại thăm anh Chất, vào buổi chiều. Em liệu ở nhà đừng đi đâu.

Con vú đợi lâu quá, đã chợp ngủ mấy lần, và vẫn thấp thỏm sợ không nghe tiếng gọi cửa. Lần thứ nhất nó phải đợi khuya đến thế, mọi lần Quỳ không bao giờ đi quá nửa đêm. Đồng hồ hàng xóm đánh hai tiếng. Con vú phân vân. Mỗi lần Tính nằm cạnh động đậy, nó lại sợ thằng bé khóc, bà cụ dậy hỏi đến Quỳ thì không biết nói sao.

Cửa mới động khẽ, nó đã rón rén ra, sẽ mở. Quỳ yên lặng lẻn vào. Nàng đi thẳng vào buồng. Nàng thay xong quần áo, lên giường nằm, thì bên ngoài, trời bắt đầu hửng sáng.

XVII.

Bà Mậu vào nhà, hỏi Quỳ:

– Cô không đi đâu chơi à? Đẻ đâu?

– Đẻ ở nhà trong. Con vú chưa về à?

– Nó đi sau. Cô đưa cháu tôi ẵm cho.

– Chị hãy đi thay quần áo đi đã, kẻo nó lại làm bẩn ra.

– Được, việc quái gì. Cô cứ đưa cháu cho tôi.

Bà Mậu đón lấy Tính. Con vú cũng vừa về, cầm cái nắp tráp trầu. Bà Mậu bảo con vú:

– Mày sang ngay bên cụ Tú bảo mợ con mời cụ sang chơi xơi nước.

Con vú cất nắp tráp vội đi ra. Bà mẹ trong nhà ra, hỏi bà Mậu:

– Đã về đấy à? Mợ có xin thẻ hay sao mà mời cụ Tú?

– Vâng, con có xin một quẻ thẻ, nhờ cụ sang đoán hộ xem sao.

Bà Mậu về đã mấy hôm. Ngày nào bà cũng đi lễ đủ các đền chùa trong thành phố. Bà đi lễ với cả tấm lòng thành kính, tắm nước lá thơm, quần áo rất thanh khiết, tự tay sửa soạn, sắp đặt lễ

vật. Bà thiết tha cầu ủng hộ ở thần phật, lúc nào cũng nhắc đến. Trong những lúc nói chuyện, tỏ ý mong ước một điều, bà Mậu thường chêm vào những câu: "Nhờ Trời thương, Thánh độ...".

Quỳ biết rằng chị về, không phải chỉ để đi lễ.

Bức thư cuối cùng, Mậu nói đã thu xếp xong xuôi. Mậu cam đoan sẽ không còn xảy ra chuyện gì, và, muốn chứng thực lời chàng, người chị sẽ tự xuống đón nàng với Tính. Vậy mà từ hôm đến, người chị không đả động gì đến chuyện ấy. Thỉnh thoảng, chị và mẹ lại vào buồng thì thầm. Hình như người chị có chuyện muốn dấu nàng. Bà mẹ như cũng về hùa với chị. Những lúc ấy Quỳ lảng đi nơi khác, tỏ vẻ không cần biết và đã nghĩ sẵn những câu trả lời lúc nào người chị nói đến việc nàng về. Nàng sẽ mát mẻ, trêu tức người chị cho bõ những lúc xô xát, nàng phải chịu kém. Bây giờ tình thế đã đổi lại. Bà Mậu phải xuống đón nàng, tức là phải chịu yếu thế. Vả lại, còn mẹ đấy. Dù sao, Quỳ chắc mẹ cũng bênh nàng. Phen này, chắc người chị phải chịu nhụt.

Nhưng lạ thay, Bà Mậu không để ý gì đến nàng, không tỏ vẻ gì bực tức. Bà như đã quên hẳn những chuyện cũ. Không phải như hồi nàng có mang, người chị quên ác cảm để săn sóc đến Quỳ. Lần này, bà chị coi Quỳ là một người dưng. Bà không ra vẻ ghét, nhưng cũng không có chút cảm tình. Quỳ ăn, ngủ, đi chơi tùy ý. Có nói với nhau thì đại khái cũng là những câu tầm thường không ý gì u ẩn, tỏ ra họ đã chung nhau một người chồng. Cả đến giọng nói cũng bình thản. Bây giờ, bà Mậu chỉ là người chị và Quỳ là cô em gái chưa chồng, như hồi nào.

Bà Mậu vẫn yêu Tính, nhưng không tỏ vẻ tha thiết như xưa. Thỉnh thoảng bà bế Tính trong chốc lát, rồi tỏ vẻ mệt nhọc, giao trả vú. Giấc ngủ, bữa ăn của đứa bé không còn được bà săn sóc. Nhiều lúc bế Tính, nét mặt bà lại vơ vẩn nghĩ chuyện đâu đâu.

Tuy người chị không để ý đến nàng, Quỳ cũng không thấy được tự do như trước. Nàng không dám đi chơi đâu khuya. Lúc này nàng lại cần phải đi lắm. Quỳ đã phải bỏ những cuộc hội họp với chị em để đến chỗ hẹn với Huy. Lúc nào cũng vội vàng, thường đang dở câu chuyện với Huy thì đã hấp tấp phải về. Mà chuyện nàng với Huy thì không biết bao giờ cho hết.

Bà Mậu ở chơi đã lâu, Quỳ đã cho rằng không phải vì nàng mà người chị xuống, và Mậu chỉ định lừa nàng một lần nữa, thì câu chuyện ấy xảy đến.

Đã xong bữa cơm chiều. Con vú dọn dẹp trong bếp với người ở. Ba mẹ con ngồi quanh chiếc bàn nhà ngoài. Tính đang nhảy trên đùi bà Mậu, Quỳ đang nghĩ cách gì để lát nữa đến với Huy, nàng thường nhìn trộm chiếc đồng hồ treo, đếm từng tiếng quả lắc. Đột nhiên bà Mậu hỏi nàng:

– Thế bao giờ cô cho Tính lên?

– Em định mấy hôm nữa.

Quỳ quên cả những điều dự tính. Người chị hỏi nàng đột ngột quá, và cũng tại câu hỏi. Giá bà Mậu nói: "Thế cô nhất định không cho Tính lên à?" Thêm một chút khiêu khích trong giọng nói, thì Quỳ đã nghĩ ngay đến những chuyện lôi thôi. Người chị đã cho là một chuyện dĩ nhiên, không kể gì đến điều khác, giọng nói rất bình thản. Rồi trong lúc bất ngờ, ngẫu nhiên Quỳ trả lời như một chuyện dĩ nhiên, nàng vừa nói thêm:

– Để em còn xem đã.

Bà cụ bảo nàng:

– Còn xem mới xét gì nữa. Cho con lên với bố nó. Chắc nó nhớ thằng bé.

Quay sang bà Mậu, bà cụ thêm:

– Đã bảo nó mãi mà nó không chịu lên. Con nhà đến cứng đầu, cứng cổ.

Bà mẹ đã nêu lên câu chuyện Quỳ muốn nói. Bây giờ, nếu người chị muốn biết vì lẽ gì nàng không chịu lên, thì nàng sẵn lòng trả lời. Người chị im một lát, rồi vẫn thản nhiên:

– Hoặc cô ấy còn muốn ở chơi dưới này. Thỉnh thoảng anh ấy nhắc đến cô, không hiểu sao cô chưa cho Tính về.

Chỉ nhắc đến thôi? Quỳ tưởng là Mậu mong nhớ nàng đến mất ăn, mất ngủ. Bức thư nào chàng cũng nói vậy. Có lẽ Mậu nói dối như chàng đã quen dối trá xưa nay. Hay có mong nhớ thật mà không dám lộ cho vợ cả biết? Cả hai thái độ cũng hèn như nhau. Nếu Mậu đau đớn vì xa nàng, đau đớn đến không thiết tới cuộc đời, như lời

chàng viết, thì dù muốn dấu người vợ cả tất cũng nhận thấy và không thể bình thản như vậy. Chung qui Mậu vẫn khỏe mạnh, ngày hai bữa ăn, hai buổi đi làm. Muốn nàng về để thêm vui cho mình, và bắt nàng vào cảnh khó chịu.

– Nếu cô muốn ở chơi với đẻ ít ngày nữa, hoặc bận công việc gì, thì thong thả rồi cho con lên cũng được.

Bà Mậu nhìn Quỳ. Tự nhiên Quỳ chột dạ, thấy trong vẻ nhìn và lời nói của chị một ý nghĩa gì khác. Nàng bận công việc gì? Người chị thừa biết là nàng chẳng có công việc gì. Sao người chị lại hỏi câu ấy? Hay là... hay là chị nàng đã biết chuyện?

Quỳ càng nghĩ, càng thấy xôn xao. Có thể như vậy lắm. Những lúc đến với Huy, nàng đã hết sức cẩn thận, nhưng biết đâu chẳng có điều sơ sót để người ngoài biết. Một lần, quên mình trong tay Huy, nàng đã về khuya quá. Người chị còn thức, tuy không nói gì, nhưng hình như để ý. Càng nghĩ, Quỳ càng thấy chắc lắm. Chị nàng yên lặng, là vì muốn kín đáo dò nàng. Con người ấy vẫn nham hiểm.

Nếu đèn sáng hơn, thì hai người đối diện đã thấy nét mặt Quỳ tái dần. Người chị mà rõ chuyện, thì nàng đã biết làm sao? Nàng hơi yên tâm khi bà Mậu nói với mẹ:

– Để nên bảo cậu giáo về ở nhà. Mua lấy một cái xe nhà, nuôi thằng xe. Ngày ngày nó kéo xuống trường sáng đi, tối về, mươi cây số xa là mấy. Buổi trưa ăn cơm ở dưới ấy, tối ăn ở nhà. Chứ để ở nhà vò võ một mình, không tiện.

Bà cụ trả lời, giọng rầu rầu:

– Nó yếu lắm, đi thế không tiện. Nắng ráo đã vậy, lại còn những ngày mưa gió, rét mướt, nhỡ nó ốm một cái thì lại khổ. Tôi già rồi, thế nào cũng chịu được. Nhà tuy vắng, nhưng được yên tĩnh thì cũng không thấy khó chịu.

Bà cụ thở dài có vẻ nhẫn nại của người đàn bà thương con cái quên đến cả thân mình. Hay là người chị không ngờ việc gì, chị muốn nàng ở đây cho mẹ đỡ buồn, mà vì nàng đã nghĩ nên nàng tưởng là việc nàng đã lộ.

– Dạ.

Quỳ không biết mẹ vừa nói cái gì. Bà cụ tiếp:

– Cho nó lên với cậu nó, ở nhà chẳng có công việc gì, mà bố con nó nhớ nhau. Thỉnh thoảng có về chơi, thì ở một vài ngày thôi, chứ ai lại biệt như thế?

Về với Mậu, đó lại là chuyện khác. Ít lâu nay, Quỳ khó lòng mà không giải quyết nổi việc ấy. Về đến nhà, trông thấy đứa con, nàng lại thấy việc rất khó. Quỳ không còn yêu gì Mậu, và thật lòng yêu Huy, đó là lẽ dĩ nhiên. Nhưng nàng vẫn phân vân, có một lẽ gì ngăn nàng làm cái việc quyết liệt là bỏ Mậu. Quỳ hứa với Huy, rồi lại lần chần ngày nọ sang ngày kia. Sau đêm gặp nhau ở vườn hoa, Quỳ gặp Huy ở chỗ chàng ở, một gian nhà ấm cúng xinh xắn. Khi đã không từ chối chàng một điều gì, Quỳ quả quyết hứa với Huy rằng sẽ bỏ Mậu để sống với chàng một cuộc đời mới. Nàng thấy cuộc đời ấy đẹp đẽ vô cùng, đúng với ý nàng vẫn ao ước. Về đến nhà, Quỳ lại thấy do dự mãi, rồi việc tưởng dễ dàng thành khó khăn, đến không thế nào làm nổi. Đã có lần Huy bảo Quỳ:

– Không thể nào lẩn lút thế này. Phải cho ngã ngũ hẳn. Chỉ lẩn lút yêu nhau, không khác gì một chuyện dâm đãng. Không nên cho tình ái chúng mình ý nghĩa ấy. Một ngày kia, thế nào người ta cũng biết, không thể giấu được mãi, mà mình không cần phải giấu giếm ai. Em sẽ bỏ hẳn ngay Mậu, không phải mang tiếng lừa dối hắn.

Quỳ không hiểu biết ý Huy. Biết Huy yêu nàng, người con gái cho là đủ lắm, tưởng chung sống như thế được mãi. Nhưng lúc cùng Huy bàn chuyện về sau, Quỳ cũng thấy lời Huy là đúng, nàng cần phải bỏ Mậu. Người chồng, đối với Quỳ bây giờ cũng không là một sự cản trở, nên nàng vẫn sẵn lòng quên, Huy nhắc mới nhớ tới. Nhưng Quỳ cũng chưa dám làm cái chuyện quyết liệt lờ bỏ hẳn Mậu. Huy không muốn ở trong cảnh lẩn lút ấy mãi, giục Quỳ, thì người con gái lại càng thấy phân vân. Như Nhung, người đàn bà góa, thật lòng yêu Nghĩa[1], mà vẫn sợ dư luận, lại mong tới một bước đường cùng, như chuyện vỡ lở, hoặc có mang với Nghĩa để bắt buộc phải liều. Quỳ cũng lờ mờ mong như vậy. Có thể họa chăng mới hết do dự. Quỳ lại hỏi Huy:

– Đã đành là bỏ Mậu. Nhưng còn thằng Tính anh bảo làm sao?

---

1. Xem tiểu thuyết *Lạnh lùng* của Nhất Linh.

Đến lượt Huy phân vân:

– Cái đó tùy em. Để Tính cho Mậu nuôi, hoặc em giữ lấy Tính. Anh tưởng để nó cho Mậu hơn.

– Nhưng...

Quỳ không nỡ lòng, không đủ can đảm rời đứa con. Nó cũng là khí huyết của nàng. Mang nó theo vào cuộc sống của Huy, một cuộc đời nàng muốn hoàn toàn mới. Quỳ thấy không tiện. Một tang chứng, những cái muốn quên sẽ luôn luôn trước mắt, giữa nàng và Huy. Mà Huy như cũng không bằng lòng như vậy. Quỳ thấy đứa con làm phiền nàng lúc này. Đừng có Tính, nàng đã được thảnh thơi dễ khu xử biết bao.

Chuyện cứ quanh quẩn như vậy. Một ngày lại một ngày, Quỳ vẫn do dự, và Huy giục nàng giải quyết cho xong.

Bà mẹ tiếp:

– Hôm nào chị ngược, thì cho mẹ con nó lên nhân thể. Đến ít nữa nghỉ hè, cậu giáo về ở nhà, thì tôi cũng lên chơi trên ấy ít ngày.

Bà Mậu nói:

– Thỉnh thoảng mời đẻ lên chơi cũng gần đến ngày nghỉ rồi. Hay cô Quỳ chưa muốn lên ngay thì đợi rồi mai kia đi với đẻ. Còn con nay mai con phải về.

Quỳ thấy chị không có vẻ tha thiết cần nàng lên lắm. Lại muốn về ngay với chồng. Chắc họ đã lại ăn ý với nhau. Nếu thế thì mong nàng ở xa là phải. Quỳ như lại thấy tức với Mậu.

Bà mẹ nói với người chị một câu Quỳ không rõ nghĩa:

– Ừ, chị cũng liệu về trên ấy, mà cũng đừng nên đi đi về về. Xem có ông lang nào hay, thì mời đến nhờ cắt thuốc cho. Phải giữ gìn cho cẩn thận.

Chung quanh như giấu Quỳ những việc gì, mà nàng không có quyền biết. Thái độ mỗi người như có chuyện bí ẩn, những lời nàng đoán đều sai. Người chị cúi mặt, như tư lự một việc gì. Quỳ tự nhủ: "Muốn giấu thì cứ giấu. Mình cũng không cần biết. Chỗ mình đâu phải ở đấy? Cuộc đời mình là phải ở với Huy...". Nàng muốn đi tìm ngay Huy. Lúc này là lúc cần phải giải quyết chuyện của hai người.

Quỳ không muốn dùng dằng thêm ngày nào. Gần Huy, nàng sẽ có đủ can đảm định liệu.

Trời đã tối được một lúc, chắc Huy đang đợi nàng. Nàng không cần giữ gìn, đứng dậy mặc áo. Bà mẹ hỏi:

– Con đi đâu đấy?

– Con lại đằng này một lát.

– Liệu mà về cho sớm.

Bà Mậu yên lặng nhìn Quỳ đi ra ngoài.

XVIII.

Huy đón Quỳ vào, đóng lại cửa; rồi lại đến ngồi trước bàn viết:

– Quỳ đợi anh một tí, anh đương viết dở cái này.

– Được, anh cứ viết đi.

Quỳ đảo vào gian buồng trong. Gian buồng vẫn y nguyên như lần trước nàng đến, không một dấu vết gì khác. Gia đình Huy ở nhà quê. Nhà này, chàng thuê từ hồi còn đi học ở ngay trường tỉnh ở nhà quen, và giá không là bao nhiêu, nên tuy sau này đi học xa, Huy vẫn giữ chỗ đó, thỉnh thoảng về nghỉ ngơi dăm ba ngày, tránh cảnh ồn ào ở Hà Nội.

Quỳ quay ra, đứng sau ghế Huy. Nàng đang nghĩ đến câu chuyện sắp phải nói với Huy. Lần này, thì cần phải giải quyết cho xong, không còn thể dùng dằng được. Nàng sẽ bỏ Mậu để sống với Huy. Huy sẽ đưa nàng đi một nơi xa xôi nào để quên hết cả việc cũ, tránh điều tiếng. Quỳ thấy việc đó rất tự nhiên như đã bàn định xong xuôi cả. Còn đứa con... kể cũng khó nghĩ. Hoặc là nàng sẽ để nó cho Mậu. Đã muốn dứt với cuộc đời cũ thì nên dứt hết. Sau này, nàng sẽ có con với Huy, những đứa con của tình ái, đẹp đẽ kháu khỉnh, mà nàng sẽ hết sức yêu quí. Để con lại cho Mậu, Quỳ cũng thấy nao nao, nhưng nàng cũng lơ mơ cảm thấy rằng mang Tính đi thì lại càng không ổn. Mậu, chị nàng, bà đẻ ra Mậu. Những người ấy chắc không khi nào chịu. Về việc này, nàng sẽ bàn kỹ với Huy,

nàng tin rằng Huy sẽ có tài giải quyết. Không tự mình định được, Quỳ thấy theo ý Huy là hay hơn cả.

Huy vẫn ngồi viết, đầu cúi xuống bàn, ngòi bút thoăn thoắt trên một tờ giấy rộng đã đầy những chữ. Ngoài phố không có tiếng gì dội vào, trong nhà cũng yên lặng. Chỉ có một chiếc đèn dầu; lại có chao hắt ánh sáng xuống bàn, nên Quỳ đứng trong bóng tối. Nàng nhìn cái gáy Huy lờ mờ trắng, nàng tò mò nhìn mấy cái chân tóc mới cắt dựng đứng.

Huy vẫn viết, như quên có Quỳ đứng sau. Quỳ như đã thấy lâu, khó chịu. Nàng cố cho có dáng vui vẻ hỏi:

– Anh viết gì mà viết nhiều thế? Lại viết thư cho cô nào hẳn?

Huy cười:

– Đúng rồi. Đã ghen rồi kia à? Tôi viết cho cô Quỳ đấy.

Quỳ cũng cười:

– Ai thèm ghen. Xem nào?

Huy ngả người ra lưng ghế. Quỳ cúi xuống tờ giấy, thấy toàn là những giòng chữ Pháp. Có một vài chữ quen quen, đã học đến, nhưng nàng cũng chẳng hiểu là gì. Huy châm một điếu thuốc lá, nắm cánh tay Quỳ nâng dậy.

– Quỳ để cho anh làm việc nốt một tí nữa. Chỉ một tí nữa thôi.

Huy lại cắm đầu viết. Quỳ đi lại mấy bước quanh đằng sau ghế:

– Hay anh bận thì em đi về nhá?

Quỳ đã bực lắm. Huy buông bút, quay lại nhìn Quỳ, cái vẻ nhìn làm cho nàng luýnh quýnh, Quỳ vội thêm:

– Để anh làm việc, tối mai em lại.

Một chút vui vẻ nhẩy nhót trước mặt Huy. Chàng đứng dậy cầm lấy hai tay Quỳ:

– Sao lại về? Anh đã bảo là gần xong rồi. Đợi anh một chút nữa thôi. Sao chưa chi đã dỗi thế?

– Em có dỗi đâu?

– Thế thì đợi anh một tí. Mấy tờ báo mới anh vừa nhận được đây, em xem đi. Vài phút nữa, rồi anh nói chuyện cho mà nghe.

Huy đưa Quỳ vào buồng, đặt ngồi xuống cái giường thấp, vứt vào lòng nàng mấy tờ tạp chí, rồi lại quay ra. Nàng ngồi xích lại chiếc đèn ở đầu giường, đặt mấy tờ tạp chí lên đầu gối, lơ đãng giở từng trang.

Khi đã yêu ai, người đàn bà không nghĩ đến gì ngoài tình yêu. Một tình yêu, đủ làm đầy đủ cuộc đời họ. Tình đó là then chốt cho cả cuộc đời một người đàn bà. Ngoài ra, những tính tình khác chỉ là phụ họa. Đàn ông không thế. Dù rất yếu, và rất thực lòng, họ vẫn có thì giờ nghĩ đến những chuyện khác. Ái tình không phải là lẽ sống duy nhất của họ. Còn danh vọng, tiền tài, chức phận... Ngoài việc giao thiệp với đàn bà, đời người đàn ông còn nhiều phức tạp hơn.

Người đàn bà không chấp nhận điều ấy. Thường thường, họ bắt người họ yêu phải nghĩ như họ, xử sự như họ. Người đàn ông cũng phải nhắc lại luôn những lời âu yếm, những anh anh, em em. Không tế, họ đâm ngờ vực, cho là đã phai lạt. Nhiều người con trai, chỉ vì muốn chiều tình nhân đã đọng những vai kịch ấy. Để họ im lặng, chắc họ còn thành thực hơn. Rồi có khi vì thế mà đâm chán. Dây đàn lên căng quá thì đứt. Những cái đạng lẽ phải ủ ấp trong thâm tâm, mà cứ lôi ra nhắc đi nhắc lại cũng mất cả nghĩa lý.

Quỳ tưởng như nàng đến thì Huy sẽ vồn vã chào đón như mấy lần trước. Không. Chàng ngồi làm việc. Nàng đợi đã có đến nửa giờ, mà Huy vẫn chưa thôi viết. Thì ra chàng còn thích viết hơn là gặp nàng. Phải, người tình nhân họ nghĩ đến một chuyện khác hơn là nghĩ đến mình, Quỳ thấy động lòng tự ái. Nàng nhìn mấy cái tranh trên tờ báo, thấy mất dần ý muốn bàn chuyện với Huy. Một phút đợi thêm là một phút do dự. Lúc Huy vào buồng. Quỳ không còn muốn nói.

Huy ngồi xuống mép giường, bên Quỳ:

– Thế nào? Có chuyện gì không?

– Không có chuyện gì cả.

– Thế chị Nga vẫn không nói gì đến Quỳ à?

– À có. Chị Nga hôm nay có nói đến chuyện ấy. Quỳ liếc nhìn Huy, như để dò ý tứ chàng, tiếp:

– Chị ấy bảo em cho Tính về Bắc.

Huy nhìn tàn thuốc lá ở tay đã dài. Chàng gõ điếu thuốc vào thành giường cho cái tàn rơi xuống đất, thản nhiên:

– Thế thì em trả lời thế nào? Đã định gì chưa?

Huy nhìn đi nơi khác, một lối nhìn nghiêng nó vẫn giữ được người con gái trong nhỡn giới.

– Em ấy à? Em cũng định mai cho Tính ngược.

Huy vứt mẩu thuốc, lấy chân dí nát. Chàng đứng dậy đi mấy bước trước mặt Quỳ, hai bàn tay nắm làm phồng túi áo. Một lúc lâu, chàng trả lời Quỳ, giọng rất bình thản:

– Em nghĩ thế rất phải đấy. Nên cho Tính ngược và cả em cũng nên về với Mậu.

Quỳ tin ngay câu ấy, nàng hết sức ngạc nhiên. Nàng chưa có ý định, định đến đây bàn với Huy. Nàng nói thế để thử lòng Huy, ai ngờ anh chàng nhận ngay không một chút phản kháng. Chàng tán thành việc nàng về với Mậu! Chàng tán thành ngay từ lời nói đầu tiên, không một ý muốn giữ nàng lại. Hoặc giả Huy đã chán nàng, muốn nàng về với Mậu để kết liễu một cuộc tình duyên chàng đã ngấy. Đàn ông họ vẫn vậy. Lúc đầu, họ vẫn như hết sức chung tình, nhưng rồi chẳng được bao lâu. Huy cũng như các người khác. Quỳ phân vân, đâm ngờ, rồi ngờ cả cái tình của Huy từ trước đến giờ.

Huy đã nằm ngang lên giường, chân buông xuống đất, một tay vắt lên trán.

Chàng hỏi:

– Thế em định bao giờ ngược?

– Độ nay mai, hôm nào chị Nga về thì em theo lên. Anh muốn cho em đi lắm à?

Nàng cố giấu vẻ tấm tức trong câu hỏi sau cùng. Huy cười:

– Ai lại muốn thế. Nhưng em đã muốn đi, thì anh giữ làm sao được?

Quỳ nghĩ thầm: "Tại anh không muốn giữ đấy thôi! Anh cứ thử giữ đi nào, xem em có ở lại với anh không? Nhưng em biết rồi". Nàng nói to:

– Em phân vân lắm. Ở cũng dở, đi cũng dở...

– Em còn phân vân kia à? Xưa nay, em phân vân đã bao nhiêu lần rồi, bây giờ đến lúc chị Nga xuống đón em về, em đã bằng lòng, mà lại vẫn còn phân vân? Có lẽ suốt đời em, không bao giờ em quyết định được việc gì.

Đó là cái giọng của Huy từ hồi Quỳ chưa biết chàng. Đang nói chuyện những tâm sự mà giở giọng ấy ra, anh chàng thật rất đáng ghét. Huy đã thong thả tiếp:

– Em là hạng người không chủ tâm, bất cứ làm việc gì cũng phải có người định liệu hộ. Hay do dự, lại bướng bỉnh. Lúc nóng lên, làm bừa không nghĩ gì. Sau tha hồ mà hối.

– Ai làm bừa? Mà hối cái gì? Đã làm thì ai còn thèm hối!

Huy cười, rất vui:

– Thực không? Thế việc lấy Mậu, không phải làm liều rồi lại hối à? Quỳ bực mình với tôi mà lấy Mậu rồi có lẽ bực mình với Mậu mà yêu tôi. Phải thế không?

Không khi nào Quỳ chịu nhận là phải. Nàng cũng không bằng lòng cho Huy ngờ vực tình yêu của nàng. Nàng quên hẳn rằng chính nàng vừa ngờ Huy. Nàng được ngờ Huy, nhưng không cho Huy quyền được ngờ nàng. Huy đã tiếp:

– Còn chuyện em định về Bắc nữa, cũng chưa chắc.

– Sao lại không chắc? Em đã nhất định rồi kia mà.

– Mặc, nhất định thì nhất định. Anh chắc em không đi. Chẳng tin thì đánh cuộc xem.

Quỳ phì cười:

– Ừ, đánh cuộc thì đánh cuộc. Thế nào em cũng đi.

– Đã chắc, thì nhận đánh cuộc đi. Xem ai được.

– Được rồi. Đánh cuộc thế nào?

– Tôi bảo rằng Quỳ sẽ cứ ở đây với Tính. Chị Nga sẽ về Bắc một mình. Chắc chắn như thế.

Quỳ đã hơi mất vẻ quả quyết, hỏi Huy:

– Tại sao anh lại chắc như thế?

– Đó là điều bí mật riêng của tôi. Để xem rồi có đúng không?

– Ừ, nếu em không đi, thì anh bảo sao?

– Đợi đến lúc ấy đã. Anh sẽ có chuyện nói với Quỳ. Nhưng phải đợi đến lúc được cuộc. Bây giờ Quỳ đã nhất định đi thì còn biết nói gì!

Quỳ ngồi ngay người:

– Thế nào em cũng đi. Thế nào anh cũng thua cuộc.

Quỳ mỉm cười:

– Thì đành vậy. Nhưng chưa chắc lắm!

– Anh đáng ghét lắm. Lúc nào cũng ra bộ bí mật, khó hiểu...

– Hãy còn ghét kia à? Khi xưa Quỳ ghét anh đâm lấy Mậu. Bây giờ lại ghét nữa thì liệu có thể bỏ được Mậu không! À quên, mình chưa nói đánh cuộc bằng cái gì?

– Đánh cuộc bằng cả người.

Hòa khí đã trở lại. Đúng như lời Huy, Quỳ như trẻ con, tâm tính không có chủ đích. Mừng đấy, giận đấy. Nặng đương bực với Huy, mà một câu chuyện đã đủ làm vui vẻ. Muốn cho Quỳ để tâm, nghĩ luôn luôn đến việc gì, phải có một nguyên nhân kích thích luôn luôn bên cạnh. Như khi ở với Mậu phải có người vợ cả sờ sờ trước mắt, và những chuyện ghen tuông ganh tị hằng ngày.

XIX.

Bà Mậu đã về một mình, Quỳ đã tìm cách ở lại. Hôm đi, người chị dặn dò Quỳ trông nom Tính, hôn thằng bé hai ba lần rồi mới chịu bước ra xe. Bà cụ dặn với:

– Phải nhớ giữ gìn cho cẩn thận. Hễ thấy khác thì tiêm thuốc ngay đi.

– Vâng. Để cứ yên tâm, con nhớ rồi.

Mấy hôm nay, bà mẹ luôn luôn nói với người chị những câu như thế. Hình như có việc gì nguy hiểm, lúc ào cũng phải đề phòng. Không phải việc nàng, và mẹ với chị cũng không muốn cho nàng biết, Quỳ không để ý đến. Người chị đi khỏi, Quỳ thấy được tự do,

tả lỏng hơn. Thực ra, bà Mậu cũng chẳng cấm đoán gì nàng, nhưng ở đây thì dù sao cũng là một trở ngại. Quỳ không được tự do đi tối, về khuya.

Quỳ lại năng tới Huy. Huy đã được cuộc, được một cách rất dễ dàng. Anh chàng đã biết chắc là Quỳ không đi. Chàng hứa sẽ có chuyện nói với Quỳ, giải quyết cảnh ngộ chung cho cả hai, nhưng lúc ấy, Huy lại không nói gì. Quỳ cũng không muốn hỏi. Sự cần kíp đã qua, nàng không muốn gợi ra câu chuyện nàng vẫn muốn tránh. Cứ gặp Huy như thế này, người con gái đã cho là đủ lắm. Nàng không muốn gì thêm, không nghĩ xa. Tình yêu cũng không còn nồng nàn như trước, nàng gặp Huy bây giờ cũng chỉ do một thói quen, thói quen của những cặp nhân tình tuy không đằm thắm yêu nhau, nhưng gặp nhau thì cũng thấy hay hay.

Huy có lúc nhắc đến, thì Quỳ bịt ngay lấy miệng:

– Đến đâu hay đó. Nói đến, em rối ruột lắm.

Rồi Quỳ nhẩm tính. Nếu việc đó xảy ra, nàng thấy khác trong người, thì nàng chỉ về ở với Mậu ít ngày là xong xuôi cả. Quỳ đã có chỗ thoát thân, mà không dám cho Huy biết. Chắc Huy không chịu lối thu xếp ấy, thì chàng sẽ định thế nào? Quỳ tặc lưỡi.

Ngày tháng theo nhau, và cuộc đời của họ cũng trôi theo. Họ kín đáo, khéo giấu, nên không bị tai tiếng. Hàng phố tin rằng Quỳ về ở nhà chỉ vì không chịu được cảnh cả lẽ. Có người thương nàng còn trẻ tuổi mà đã ra phận vị vong.

Quỳ tưởng chừng sống được mãi như vậy, nhưng một chuyện xảy ra.

*

Người đưa thư gõ mấy tiếng, sẽ đẩy cánh cửa:

– Ở đây có ai là Quỳ, ra nhận một cái giây thép.

Quỳ chạy ra.

– Có giây thép hở ông? Ở đâu?

– Cô xem thì biết. Cô ký vào đây cho.

Quỳ ký vào mảnh giấy nhỏ. Người phát thư trao cho nàng tờ giấy xanh còn niêm kín, lạnh lùng quay ra. Bà mẹ đã bắt đầu bồn

chồn từ lúc thấy có giây thép. Những người già, đã an với một cuộc sống phẳng lặng, không ưa gì những mảnh giấy xanh nó thường báo chuyện bất thường.

Bà cụ hỏi Quỳ:

– Giây thép gì thế con?

Quỳ mở vội, xé rách cả tờ giấy, nhìn ngay xuống chữ ký:

– Thưa đẻ, giây thép của anh Mậu.

– Thế à? Nó nói gì?

Quỳ đọc:

– "Việc cần lắm. Đẻ và Quỳ lên ngay".

– Rõ thật khổ!

Theo ngay một tiếng thở dài, nhiều ý nghĩa nhẫn nại hơn là đau đớn. Quỳ cũng thấy hồi hộp, nhìn mẹ. Bà cụ lặng im nhìn xuống đất như không bị kích thích gì về câu gọi cần kíp của Mậu. Giờ lâu, bà cụ hỏi:

– Mấy giờ rồi con?

– Thưa đẻ mười giờ.

– Thế thì liệu sắp sửa mà ra chuyến ô-tô mười một giờ, may ra thì còn lên kịp hôm nay.

– Thưa kịp làm sao được. Đến Hà Nội thì đã tối rồi. Đẻ định đi à?

– Thì phải lên, chứ biết làm sao? Ở Hà Nội hình như có chuyến tầu tối. Đi ô-tô mười một giờ thì may ra kịp. Con sắp sửa ngay đi.

– Chẳng biết việc gì mà cần thế!

Bà mẹ không nói, lại thở dài. Quỳ thấy hình như bà mẹ biết nhiều hơn nàng. Nhưng sao mẹ lại không nói, và mỗi lúc nét mặt lại rầu thêm:

– Con liệu cho cả thằng Tính đi, cả con vú nữa. Chưa biết là ở lâu hay chóng, để nó ở nhà, chưa biết lấy ai trông nom nó.

Quỳ muốn ở lại với con. Nhưng nàng không thể để mẹ ngược một mình, và ý bà cụ thì xem ra đã quả quyết lắm. Nàng đành theo ý mẹ. Gần đến lúc đi, mới thấy bà cụ ra vẻ bồn chồn sốt ruột. Nhưng

bà cụ vẫn nhắc cho Quỳ công việc xếp đặt, những thức mang theo nếu nhỡ phải ở lâu. Quỳ lẩm nhẩm luôn câu hỏi "Việc gì, việc gì mà cần đến thế?". Nàng không thấy câu trả lời, nhưng chắc là không phải để gọi nàng về. Tất phải có chuyện gì lạ lắm, nên mới cần cả mẹ lên. Quỳ tíu tít, quên hẳn rằng nàng vẫn không muốn về với Mậu, quên cả nghĩ đến Huy. Lúc đó, ngồi trên xe tay ra bến ô-tô, bên cạnh mẹ, theo sau là xe con vú với đứa con, Quỳ nhớ ra thì đã muộn. Mỗi vòng bánh xe làm nàng lại gần cái chỗ nàng vẫn ghét.

Quỳ hỏi mẹ:

– Không biết việc gì mà đánh giây thép cần kíp thế?

Bà cụ nói nhỏ, tự nói với mình hơn là trả lời Quỳ:

– Không khéo nó lại bị sẩy.

Trong giây lát, Quỳ hiểu hết, rất rõ ràng. Nàng nhớ lại thời kỳ người chị về, những lúc đi lễ bái, những câu chuyện thầm kín và lời dặn dò của mẹ. Thì ra chị nàng đương đợi một đứa con. Cũng như hồi nào, mong đợi đứa con của nàng, tâm tính người chị đã đổi khác ngày thường. Nàng không biết gì, vì không để ý. Nàng tự thấy mình lơ đãng. Nàng còn bận nghĩ đến Huy, đến những chuyện khác hơn là đến người chị mà nàng không ngờ là lại có thể có mang. Bây giờ Quỳ thấy việc ấy rất thường, rất có thể, mà lại có can hệ mật thiết đến đời nàng.

Hồi về nhà, chắc người chị có thai cũng đã được lâu. Nàng về với mẹ đã lâu lắm. Mậu đã quay lại với vợ cả. Cứ như lời Mậu, Quỳ tưởng chàng không còn bao giờ làm lành với chị nàng. Nàng đi, lại càng tăng mối ác cảm đó, Quỳ vẫn tin như thế những lúc nhận thư Mậu, đọc những lời tha thiết gọi nàng về. Nào ngờ chỉ toàn là lời giả dối. Trong lúc gọi nàng, Mậu đã làm lành với người vợ cả. Họ đã hú hí với nhau. Quỳ càng ghét Mậu giả dối.

Người chị có mang, Quỳ thấy có ảnh hưởng mật thiết với nàng, chưa kịp nghĩ xem nó ra sao, thì tin này đến. Quỳ cũng tin như mẹ, có lẽ người chị bị tiểu sản. Thật là một hình phạt xứng đáng cho chồng và chị. Để xem họ xử trí ra sao.

Tiếc rằng không được gặp Huy, để nói câu chuyện ấy. Lâu nay hai người cũng không có chuyện nói với nhau, chứ mấy câu tình ái nhắc đi nhắc lại đã đến gần mất nghĩa. Quỳ cũng không nghĩ đến

Huy lâu. Ý nghĩ hỗn độn vì tiếng máy ô-tô, nàng lơ đãng nhìn phong cảnh vùn vụt chạy hai bên đường. Bên cạnh nàng, bà mẹ im lìm, nheo hai con mắt sau lần kính đen che gió.

XX.

Có những lớp nhà, cũng như những kiếp người, đã định sẵn và phải chịu cảnh tối tăm. Ánh sáng mang tới hoặc những cuộc thay đổi xảy ra, phần nhiều chỉ mang tới những chuyện không hay, những tai vạ. Ngồi trên xe, từ xa trông thấy ánh sáng ở các cửa lớp nhà Mậu, bà cụ và Quỳ lại càng thêm bồi hồi, nghĩ đến lòng tờ giấy thép. Việc gì? Bà mẹ đã đoán một việc – vợ cả Mậu bị tiểu sản – ngay lúc nhận được tờ giấy xanh nó đến đột ngột, rất nhanh, vì là việc có lý nhất, bà cụ đã nghĩ đến luôn luôn từ lúc vợ cả Mậu về chơi, bà cụ biết là đã có mang. Bà cụ mong đừng xảy ra chuyện gì, ngày tháng cứ đều qua cho tới lúc bà Mậu ở cữ, nghĩa là còn hai tháng nữa. Ngoài hạn ấy, là cả hai mẹ con, nhất là vợ Mậu sẽ hết lo. Điện tín đột nhiên đến, vào giữa cái thời kỳ hay xảy ra tai họa, theo như mấy lần trước, làm bà cụ chắc ngay là chính chuyện ấy. Bây giờ thì bà cụ không chắc lắm. Thiếu gì chuyện có thể làm Mậu đánh giây thép, biết đâu là chẳng đoán nhầm? Bà muốn không tin, thì lại càng thấy lo ngại. Thế thì là việc gì? Tránh một đều dự đoán không hay, thì lại gặp những chuyện mờ mịt bất thường khác. Lo sợ càng tăng thêm.

Xe đỗ trước cửa nhà Mậu. Quỳ đợi cho chiếc xe sau, kéo con vú và Tính đỗ, trả tiền rồi bế Tính cho người vú mang va-ly cùng thúng mủng vào nhà. Qua cửa sổ, thấy lố nhố nhiều hình người, những lớp nhà vẫn có vẻ im lặng, những bóng người như đi đi, lại lại mà không thấy tiếng huyên náo gì.

Quỳ lên tiếng, một con ở vội chạy ra đỡ các đồ vật, và mấy người trong nhà xô ra phía cửa. Họ như đang mong Quỳ và bà cụ. Quỳ thấy nhiều mặt lạ, chưa đến nhà này, có người lại ăn mặc ra vẻ quê mùa. Bà mẹ đẻ Mậu cũng có đấy, tay cầm một chiếc đũa bông vót dở. Bà cụ chào mẹ Quỳ:

– Cụ với mợ đã lên.

Nghe tiếng nói nhỏ và ướt, nhìn cặp mắt đỏ hoe và chiếc đũa bông, Quỳ thấy lạnh người. Mẹ Quỳ ngồi phịch xuống một chiếc ghế:

– Vâng, nhận được giây thép tôi vội đi ngay, may kịp chuyến tầu tối. Cụ cũng đã ra?

Và quay lại Mậu, bà cụ hỏi:

– Thế nào?

– Thưa đẻ, nhà con...

Mậu ấp úng được mấy tiếng thì miệng méo xệch, vội đưa khăn tay lên mắt. Dáng điệu ấy đủ trả lời thay cho lời nói. Trong một lúc khác, chắc Quỳ đã thấy vẻ tức cười của Mậu. Còn gì xấu cho bằng một người đàn ông khóc lướt mướt, thêm áo quần tả tơi, nhầu nát, đầu tóc bù xù? Quỳ không ngờ rằng Mậu lại có lúc như thế, Mậu khác hẳn với người đàn ông trước kia vẫn đi Hà Nội, ăn cao lâu, xem chiếu bóng với nàng, đài điếm và vui vẻ, nhưng trường hợp này quan trọng, bi thiết quá, không cho Quỳ nghĩ lâu đến Mậu. Mẹ nàng cũng đã xụt xịt. Chung quanh toàn những người mắt đỏ hoe, nét mặt rười rượi. Cửa vào buồng đã che chiếc màn đen, thỉnh thoảng để thoát ra một mùi hương thắp trong buồng.

Bà mẹ Mậu bắt đầu vót lại chiếc đũa bông:

– Nó lại bị như mấy lần trước, nhưng lần này yếu quá, và băng huyết quá nhiều. Thôi chẳng qua cũng là cái số nó thế!

Chiếc đũa rung rung trong bàn tay bà hơi run. Bà cụ thở dài với cái vẻ nhẫn nại của người già đã qua nhiều nghịch cảnh:

– Tôi lên đến nơi thì nó đã mê man. Đốc-tờ cũng đã chê, cũng đã hết lòng hết sức, nhưng số thế thì không làm sao được. Được một lúc thì nó đi. Lúc ấy vào khoảng bốn giờ.

Bốn giờ là lúc Quỳ và mẹ đang ngồi ô-tô, lúc bà cụ thấy bồn chồn nhiều nhất. Có lẽ là lúc bà Mậu hấp hối, mong người mẹ. Nhưng đã mê man, thì đâu còn biết mong? Bà cụ đứng dậy, muốn vào buồng nhìn mặt con gái lần cuối. Bà mẹ Mậu ngăn lại:

– Cụ mới đi đường xa, hãy còn mệt, hãy ngồi uống chén nước đã.

Bà cụ muốn biết rõ ràng. Mậu như không có sức kể lại rành rọt. Sau những người đã chứng kiến tấn thảm kịch, mỗi người một câu chắp nhặt lại, thành Quỳ và bà mẹ biết rõ đầu đuôi câu chuyện.

Sáng hôm ấy, lúc Mậu đi làm, người vợ còn nằm trong màn. Bà Mậu kêu mỏi, thỉnh thoảng lại lâm râm đau bụng. Mậu vô tình, và gian buồng tối, nên không trông rõ vẻ lo ngại trên mặt vợ, cho là mệt mỏi xoàng. Chàng đã quên những lần tiểu sản trước, cách đây không bao nhiêu năm. Chàng không ngờ là vợ lại có những triệu chứng ấy.

Tám giờ hơn, con ở đến sở gọi chàng: "Mợ làm sao ấy, bảo mời cậu về ngay".

Chàng lật đật thu xếp giấy má, xin phép chủ đi về. Người vợ nằm trên giường, mặt đã thất sắc, mỗi một cơn đau lại làm tái thêm, con mắt dại thêm, người vợ hổn hển bảo chàng:

– Cậu đi mời ngay đốc-tờ cho tôi, mời đốc-tờ Tây ấy. Có lẽ... có lẽ...

Người vợ không nói hết câu, một cơn đau làm miệng rúm lại, mặt nhợt nhạt đẫm mồ hôi. Mậu đã hiểu, chàng vội nhảy lên xe đạp, ra nhà thương. Lại gặp giờ quan đốc đang khám bệnh, chàng phải đợi một lúc lâu. Lúc thầy thuốc tới thì bà Mậu đã mất sắc và yếu hơn trước. Nhìn thầy thuốc thăm bệnh cho vợ, Mậu hơi được yên lòng, chàng mong một câu gì để phá tan những nỗi lo sợ.

– Mới đây, có bị ngã, hoặc trượt chân không?

– Bẩm không, không bị ngã hay trượt chân bao giờ.

Thầy thuốc nghe ngóng một lát nữa:

– Trước kia có bị tiểu sản lần nào không?

Mậu ấp úng:

– Bẩm... có.

Thầy thuốc làu nhàu mấy tiếng, rồi quay bảo Mậu:

– Phải đưa ngay vào nhà thương. Đây là triệu chứng tiểu sản. Có thể sinh ra nguy hiểm. Để ở nhà, nếu sinh biến chứng thì không đủ đồ dùng, đủ thuốc để cứu chữa.

Mậu sực nhớ lại lời một y sĩ khác đã lâu lắm. "Dạ con của bà yếu quá, không giữ nổi cái thai. Nếu người yếu thì nguy hiểm lắm. Bà nên cẩn thận". Chàng đâm sợ mướt mồ hôi.

Mậu đưa vợ vào nhà thương, và cũng theo vào. Trong lúc này, chàng muốn luôn luôn cạnh vợ, nhưng khi người vợ đã được vực vào trong buồng đẻ, thì cửa buồng đóng lại, người ta không cho Mậu vào. Chàng không ích gì ở chỗ ấy, họa chăng có ích cho vợ chàng thêm chút can đảm chịu đau, chàng bồn chồn càng thêm lo, không hiểu trong buồng làm những trò gì. Chàng không thấy một tiếng kêu rên của vợ. Thỉnh thoảng một vài người nữ khán hộ qua lại, mang một thức gì vào buồng. Chàng níu lại hỏi thăm.

– Ông cứ yên tâm. Đã vào đến đây thì quan đốc sẽ hết sức. Lo sợ cũng đến thế thôi. Vả lại cũng không việc gì phải lo sợ.

– Có phải là tiểu sản không, bà?

– Để quan đốc còn xem. Bà nhà có mang được bảy tháng, phải không?

– Vâng, hình như bảy tháng, nhưng lần trước nhà tôi cũng bị sẩy ở tháng bảy, nhưng...

– Thế à. Đã có bị sẩy rồi à? Sao lần này ông không cẩn thận?

Người nữ khán hộ nói rất thản nhiên, như câu chuyện không can thiệp gì đến họ, mà thực ra thì có can thiệp gì? Họ làm nghề ấy đã quen với những cảnh ốm đau, những chuyện đẻ khó, đẻ dễ. Họ đã thường trông thấy người chết, tai thường nghe thấy kêu, than. Trái tim họ không có hưởng ứng với cảm giác của người hàng xứ. Vợ chàng, chẳng qua cũng chỉ là một "ca" như những "ca" khác.

Lúc này, Mậu thấy cần có những người thân thích ở bên. Chàng chạy đi đánh giây thép cho Quỳ và mẹ vợ, sai người ở về quê gần đấy tìm mẹ đẻ. Lúc Mậu lộn lại nhà thương người khán hộ bảo chàng:

– Quan đốc đã đánh thuốc mê để lấy cái thai ra. Một đứa con giai, nhưng yếu quá, Giời không cho làm người...

– Thế còn nhà tôi?

Bà ấy còn đang mê man. Ra nhiều máu quá. Ông cứ vững tâm, may ra cũng không can gì.

Tại sao lại "may ra"? Những lần trước, cũng tiểu sản, đâu có những chuyện phiền phức ấy. Việc gì mà đến nỗi phải đánh thuốc mê để lấy cái thai? Chàng chắc có những điều lạ, mà chàng không

thể biết rõ. Muốn biết rõ họa chăng phải là y sĩ. Điều chàng rõ nhất là vợ chàng đang trong lúc nguy hiểm, quả như chàng tưởng tượng một câu nói văng vẳng: "Nếu người yếu thì nguy hiểm lắm".

Mậu nhớ lại: thời gần đây, vợ chàng cũng không lấy gì làm yếu lắm. Họa chăng lúc Quỳ mới đi, vợ chàng cũng có phần kém sút. Đó là lỗi tại chàng. Bây giờ thì Mậu xin nhận cái lỗi ấy. Nếu Giời cho qua lúc này. Mậu tự hứa sẽ không bao giờ làm phiền lòng vợ, để cho vợ phải buồn phiền, mà từ khi làm lành, người vợ đã vào nằm trong buồng rồi, thì cuộc đời cùng đã lại như cũ. Vợ chàng không còn vẻ ốm yếu. Mậu không biết rằng lòng người đàn bà vẫn chứa chất đầy lo nghĩ. Cái đau đớn âm thầm, lặng lẽ trong tâm can cũng có sức rất mạnh tàn phá cơ thể.

Người đàn bà cứ yếu dần đi mãi. Một điều nữa làm tăng nỗi lo sợ người chồng, là bà Mậu bị băng huyết. Đó là nỗi đáng lo ngại nhất. Lúc cho hay tin ấy, người khán hộ cũng không còn vẻ bình thản của người đã quen nhìn cái chết. Có lẽ bị lây, hoặc ái ngại cho nỗi lo sợ, dáng điệu luống cuống bất lực của Mậu.

Bà mẹ đẻ Mậu tới. Bà giục Mậu đánh thêm giây thép cho mẹ vợ và Quỳ, và xin cho vợ về nhà, để có thể nào, thì "cũng được chết ở nhà". Bà cụ đã từng trải về những chuyện ấy, hiểu rõ hơn Mậu. Câu nói tuy sống sượng, nhưng không làm Mậu sợ thêm. Chàng vẫn mang máng nghĩ tới, và lại thấy đỡ lo chút ít, vì có người thân bên cạnh lo liệu dùm chàng, nếu có xảy chuyện không hay.

Về nhà, bà Mậu cũng không khá hơn chút nào. Chứng băng huyết vẫn không cầm, lại có phần nguy thêm, mặt mỗi lúc một mất sắc, hai con mắt dại như mắt đứa bé mới tập nhìn. Những tiếng rên nho nhỏ cũng dần im, cặp môi thỉnh thoảng mấp máy, không thành tiếng gì.

Bà mẹ chồng luôn luôn trong buồng, Mậu cũng quanh quẩn ở đấy, không rời cái giường người ốm, không buồn tiếp những người đến hỏi thăm, không rõ vì sao họ biết, họ đã lác đác đến, mấy bà hàng xóm, mấy người quen. Họ vào buồng nhìn bà Mậu, hỏi thăm một vài câu, nói một vài câu chuyện, vì cảm tình ít hơn là vì tính tò mò muốn biết một sự lạ. Rồi họ bỏ về lúc nào, cũng không ai biết.

Bà mẹ chồng có ý mong dâu gia, luôn luôn hỏi giờ. Bà Mậu mấp máy môi, bà cụ vội ghé lại gần nhưng chỉ thấy một hơi thở yếu và mau như một hơi thở hắt ra.

– Bây giờ làm sao? Đã đánh giây thép về dưới nhà, cụ cũng sắp lên đấy.

Người ốm vẫn ngơ ngác, không nghe thấy gì, không hiểu gì. Con mắt đã dại lại càng dại thêm.

Hơn một giờ chẳng ở. Bà Mậu đã không đợi được mẹ và em, khí lực trong người ra theo với huyết băng, người đàn bà thiếp dần dần, dễ dàng như đứa con nít khi đi ngủ, cho đến lúc cái gương kề gần mũi không còn bị lờ mờ vì hơi thở. Người đàn bà không dối dăng điều gì, không lúc nào tỉnh lại để biết rằng mình sắp chết.

Trong đời bà Mậu, bao nhiêu mưu thuật, bao nhiêu lo nghĩ, chỉ cốt lấy đứa con, có khi đã làm điều tự biết là trái. Bà đã không ngại đem em gán cho chồng, không sợ nguy đến tính mệnh. Chung quy vẫn không lại với số mệnh. Cái chết đã đánh dấu hết cho các nỗi mong mỏi đau đớn và thất vọng.

Đứng trước giường chị, Quỳ rất bỡ ngỡ, hình như không tin cái tai biến xảy ra, nó lạ lùng đột ngột quá. Nàng không thể tưởng tượng được một người có thể chết chóng vánh như vậy. Mới hôm nào, chị nàng còn khỏe mạnh. Quỳ nhớ lại cả lần nói chuyện cuối cùng, trước khi người chị ngược. Bây giờ đã là cái xác cứng phủ lần chăn, cái mặt bé quắt lại, chỉ còn lớn hơn một bàn tay, trên che tờ giấy bản. Ánh sáng lờ mờ mấy chiếc đèn, mùi hương thắp ở đầu giường làm thêm vẻ lạnh lùng, ghê rợn.

Quỳ thấy muốn khóc vì lây nước mắt của người chung quanh. Trong lúc đầu, nàng chưa thấy lòng thương chị. Dần dần, nàng nhớ lại. Nàng nhớ lại những lúc chung đụng, những cơn xô xát. Lùi lại nữa, nàng nhớ đến một thời kỳ xa hơn. Quỳ như xem lại một phim ảnh từ lúc chị nàng về mưu nàng lấy Mậu, bây giờ những chuyện ấy như không có nghĩa lý gì, cái chết đã xóa nhòa hết cả. Cả những lúc ghen tuông xô xát. Nàng giật mình nhớ rằng đã có lần tức bực quá, nàng đã rủa thầm, mong cho người chị chết.

Quỳ vội ra gian ngoài. Hai bà dâu gia đang ngồi bàn tính công việc, nhắc lại cuộc đời người chết, thỉnh thoảng lại đưa khăn lên

mắt. Bây giờ tự nhiên Quỳ thấy địa vị nàng cao lên, nhất nhất việc gì, người chung quanh cũng hỏi đến nàng, Quỳ không biết làm sao, đùn cho Mậu. Mậu tất tưởi, chạy ngược chạy xuôi, trông rất tội nghiệp. Quỳ tự nhiên thấy thương hại và bớt ghét chồng.

*

Mấy tháng sau.

Tính tha thẩn chơi trong vườn nhà Mậu, một con vú đứng cạnh trông, Quỳ ngồi trong cửa sổ nhìn ra. Nàng bảo người vú:

– Vú xuống trông cơm với con sen, để tôi trông chú cho. Cậu cũng sắp về rồi.

Người vú xuống bếp. Quỳ ra vườn với đứa bé. Nàng chơi với con, thỉnh thoảng lại nhìn ra phía đường đi, có ý mong đợi Mậu đi làm về.

Quỳ đã về ở với Mậu. Công việc ma chay cho người chị xong, nàng có lộn lại nhà mẹ một lần thu xếp mấy việc vặt. Quỳ có tìm Huy, nhưng hồi ấy Huy đi vắng. Người chung quanh giục nàng lên với Mậu, để trông nom cho chồng, thay cái chỗ người chị bỏ trống. Nàng không còn cớ gì trì hoãn. Nàng nghĩ: "Thì cứ lên xem sao, rồi mình muốn định việc gì cũng được kia mà?", rồi bế con đi.

Bây giờ, những chuyện ấy như đã xa lắm. Nàng đã quên Huy. Tuy chưa quên hẳn, nhưng thỉnh thoảng có nghĩ đến, Quỳ không còn thấy hồi hộp, bồng bột. Thực ra, mối tình chỉ mạnh mẽ, đằm thắm được lúc đầu. Nó đã nhạt ngay trong mấy tháng về sau. Bị kích thích về cảnh ngộ, Quỳ tưởng như yêu Huy được lâu dài, tha thiết được sống với nhau. Vả lại còn những quan niệm lãng mạn về tình ái xui giục, trí tưởng tượng thêu dệt ra những cảnh êm đẹp. Đến gần, những cái đẹp ấy tan mất. Quỳ không thấy tha thiết. Người vợ cả chết, Quỳ về với chồng là nhát dao cuối cùng cắt đứt sợi giây đã lỏng lẻo.

Về với chồng, nàng cũng thấy không khó chịu gì lắm. Không còn những tiếng nặng nhẹ, những chuyện tranh giành. Người chồng lại chiều chuộng nàng, Quỳ muốn làm gì, tùy ý, không còn ai cấm, ai ngăn, không còn nơm nớp sợ như bên mình có con mắt rình mò để xét đoán. Thật ra nàng cũng chẳng yêu gì Mậu hơn, nhưng Mậu

yêu nàng, chiều nàng, dần dần nàng cũng thấy dễ chịu và quen cảnh sống cạnh chồng.

Có nghĩ đến Huy, Quỳ thấy là một việc bất chính, cần phải quên. Nàng nghĩ ngay ra chuyện khác. Lúc gần chồng, mà có nghĩ đến nhân tình cũ, Quỳ lại thêm vẻ âu yếm Mậu. Người chồng tin là Quỳ trước sau vẫn yêu chàng, Mậu lấy thế làm đủ lắm. Không bao giờ chàng có ý muốn biết thời kỳ xa chàng Quỳ làm gì, nghĩ những gì?

Mậu đi làm về, nhìn thấy vợ con, cười ngay từ ngoài cổng. Di tích của người đã qua, họa chăng còn lại cái băng đen trên mũ Mậu, và ở cánh tay áo. Mậu có thương xót buồn bã mấy ngày đầu rồi thời gian làm nguôi lòng nhớ tiếc. Ngồi với Quỳ, hai người còn nhắc lại thì cũng như nói một chuyện nhà hàng xóm, họa chăng nét mặt họ có rầu rầu. Nhưng rồi họ vui ngay. Ngồi với nhau họ không thể buồn được lâu. Vả lại còn đứa con, thằng Tính, rất kháu, thường chen vào câu chuyện, mang sự vui vẻ đến cho họ. Ôm ấp đứa bé, Mậu không nhớ đến người vợ trước, người đàn bà đã tổn bao nhiêu tâm lực để cho có nó, chịu vất vả, đau đớn mà lúc nhắm mắt vẫn còn mang hận.

Quỳ bế con theo chồng vào nhà. Nàng đỡ tờ báo ở tay Mậu:

– Báo mới đấy à? Có gì lạ không?

– Tôi cũng chưa xem.

Bây giờ lại là lúc mỗi bữa ăn, Mậu có tờ báo bên cạnh, nói chuyện huyên thuyên khen cái hay, cái giỏi với vợ. Quỳ chăm chăm nhìn một mục:

– Hà Nội lại có diễn kịch đấy mà. Thứ bảy này. Về xem đi anh, đã lâu lắm mình chưa về Hà Nội.

Mậu trả lời:

– Ừ về thì về.

Rồi chàng chợt nhớ ra:

– Thế còn Tính? Phải cho cả Tính đi à?

– Có phải vạ. Mang đi cho thêm bận, ai mà trông được nó.

– Nhưng để nó ở nhà thì ai trông nó?

– Con vú trông chứ ai! Đói thì đã có nó cho ăn, tối nó cho đi ngủ. Đi vắng mới có một tối thì đã làm sao?

Mậu không muốn giao con cho vú. Chàng thấy không yên tâm, nhưng lại sợ mất lòng Quỳ. Lưỡng lự giây lát, chàng nói:

– Ừ, hay là thế cũng được.

Hà Nội, tháng 5 năm 1941
Quảng Châu văn, tháng 6 năm 1942

NGUYỄN TUÂN (1910–1987)

Tên thật cũng là bút hiệu chính. Ngoài ra ông còn có các bút hiệu: Ân Ngũ Tuyên, Nhất Lang, Tuấn Thừa Sắc, Ngột Lôi Quất, Thanh Hà... Ông sinh ngày 10-7-1910 tại Hà Nội (quê làng Nhân Mục, nay thuộc phường Nhân Chính, quận Đống Đa, Hà Nội).

Xuất thân gia đình Nho học, thuở thiếu thời ông đã cùng gia đình sống qua nhiều tỉnh miền Trung, từ Thanh Hóa đến Khánh Hòa. Trước 1945, ông từng cộng tác với nhiều tờ báo lớn ở Hà Nội: Trung Bắc tân văn, Đông Tây, Tao Đàn, Thanh Nghị, Tiểu thuyết thứ bảy, Hà Nội tân văn...

Ông tham gia cách mạng ngay từ những ngày đầu Cách Mạng Tháng Tám thành công. Tại đại hội thành lập Hội Văn nghệ Việt Nam ở Việt Bắc năm 1948, ông được bầu làm Chủ tịch đầu tiên của Hội; bản thân trực tiếp tham gia nhiều chiến dịch cùng các đơn vị bộ đội. Ông cũng từng là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà Văn Việt Nam (khóa 1,2), Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam (từ 1958). Ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật đợt I (1996).

Tác phẩm chính: Ngọn đèn dầu lạc (phóng sự, 1939), Vang bóng một thời (truyện ngắn, 1940), Chiếc lư đồng mắt cua (tùy bút, 1941), Tàn đèn dầu lạc (phóng sự, 1941), Một chuyến đi (bút ký, 1941), Tóc chị Hoài (tùy bút, 1945), Thiếu quê hương (1943), Nguyễn (truyện, 1945), Chùa Đàn (truyện, 1946), Đường vui (tùy bút, 1949), Tình chiến dịch (bút ký, 1950), Tùy bút kháng chiến và hòa bình (2 tập, 1955, 1956), Sông Đà (tùy bút, 1960), Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi (tùy bút, 1972), Ký (1976)...

*Truyện **Chùa đàn** gồm phần chính Tâm sự của nước độc được viết trước 1945, sau Cách Mạng Tháng Tám, 1945, được tác giả thêm phần đầu (Dựng) và phần cuối (Mưỡu cuối) và xuất bản năm 1946.*

*

CHÙA ĐÀN

(truyện)

I.
DỤNG

Bị phát vãng lên đường ngược, ở một tỉnh phía tây Bắc Bộ vào những năm khủng bố thời Pháp thuộc ấy, tôi đã chú ý đến một người tù.

Anh Lịnh.

Thật vậy trong đời sống hàng ngày của trại an trí, người bị đày kia là tượng trưng cho đời tù của bọn trí thức say đắm cùng với công cuộc, vướng lụy vì hoài bão, đưa Cách Mệnh lên thành một tôn giáo, và trong cảnh đày ải tù tội, tinh thần lúc nào cũng vững vàng như thái độ bất diệt của bậc chân tu chuyên nhất trong niềm đạo hạnh.

2910 – phải, Lịnh đeo con số ấy khi đi tù, – đã là một đối tượng phức tạp để tôi gởi vào đấy một dấu? và một chấm! rất đậm.

Trại an trí V.B. chỉ thuần có tù chính trị người Kinh lẫn người Thổ. Ở đấy, ngoài cái áo số vải nâu, chúng tôi có quyền dùng những đồ may mặc đem theo; ngoài nắm cơm của *căng*, chúng tôi có quyền mua bán thực phẩm riêng bằng những số tiền do thân quyến hoặc cố hữu gởi lên. Và được viết và đọc – trong một cái chừng hạn tự do tương đối nào đó.

Lịnh có rất nhiều áo len của người quen đan gởi lên cho. Không chuyến nào mà phu trạm già ấy lại không có một gói bưu kiện áo quần giao cho Lịnh. Người ở ngoài, dưới vùng hạ bạn, đã nghĩ nhiều đến một kẻ ở trong và thiết tha đến cái khí núi giết được người nơi đường ngược đây.

Lịnh có rất nhiều măng-đa. Ở cuốn sổ gởi tiền của tù ký trên buồng giấy trại, Lịnh có riêng một trang đặc.

Còn thư tín ở bên ngoài đến vào những hôm phát thư, người Tây quản trại kỳ nào cũng phải gọi 2910.

Rất nhiều anh em cùng trại ít được săn sóc bởi người của đời sống bên ngoài, ít nhận được măng-đa và thư, nhìn Lịnh 2910 bằng con mắt thèm tủi. Ai đời đã đi đày lên thượng du, mà ngày tết Nguyên Đán còn có người lặn ngòi ngoi nước đến trại xin phép Tây cho gặp Lịnh để trao cho Lịnh một củ thủy tiên, một cân mứt sen trần kèm bình trà mạn!

Tôi đã phải bận tâm đến Lịnh mà nhiều người lính đã liệt vào hàng tù cậu vì Lịnh có cái bề ngoài của một người tù phong lưu.

Không, Lịnh không phải là một người tù cậu. Lịnh là một người tù thuộc, đời sống tinh thần đã được luyện qua gần khắp các nhà giam ở xứ ta, đã từng nhiều phen tuyệt thực, vượt ngục và sở dĩ chuyến này lại lên đây nữa là vì vẫn chưa chịu chán mỏi với hoài bão. Một hôm quét vôi trên đồn, muốn tò mò đến quá khứ của 2910, tôi đã lẻn vào buồng giấy quản trại và đọc tập lý lịch của Lịnh gởi kèm lên theo.

Chao ôi, sao đời Lịnh nhiều án tích chính trị, nhiều hoạt động và không sờn gan mệt trí với đề lao đến như thế! Có thể nói Lịnh có ở cuộc đời bất công này là để riêng đi ở tù vì lý tưởng, ở tù cho đến chết thì thôi chứ không thèm yên nghỉ với cái sống tự do giả vờ của bên ngoài. Đời hoạt động của Lịnh hình như đã nêu ra được vấn đề này: là định một cái nghiệp dĩ cho kẻ trí thức giác ngộ cả trong hoàn cảnh câu thúc và ở cả hoàn cảnh ngoài đề lao nó cũng đầy rẫy những tội ác và tù túng của đời sống mâu thuẫn.

Tôi liền có cảm tình với Lịnh, tìm cách gần Lịnh. Ngày tháng trên rừng trôi qua trên sự cầu thân đó, cũng bớt được nặng nề. Ngoài những lúc phải theo lính canh vào rừng ngả cây cổ thụ phát quang rừng lau, phá đồi, đánh gianh lợp nhà, cắt cỏ cho trâu dê bên đồn, lấy nước suối ngọt cho bên trại anh em, những lúc được về ăn nghỉ trong trại, tôi ngắm Lịnh. Những cử chỉ vụn vặt của Lịnh, lặng lẽ và kính cẩn. Mệt lắm thì tôi chợp đi một lúc, chờ một hồi kèn chiều bên đồn dựng đứng mình dậy để vào rừng làm nốt công việc trong ngày tù. Một buổi trưa, Lịnh vỗ vai lay nhẹ tôi: "Anh xuống nhà ăn, uống với tôi chén trà nóng. Tôi đã bắc ấm lên bếp, nước gần sủi rồi". Buổi trưa rừng, ở trại giam, có người mời uống nước trà nóng là một điều thú vị nhất. Trà nóng vừa chuyên xong vào

một đoạn vầu gọt làm chén, Lịnh nhìn thẳng vào mặt tôi: "Tôi đoán không nhầm. Anh không chịu khó cưỡng lại giấc ngủ trưa ở thượng du thì chẳng mấy mà sốt đến nơi đấy. Người lính 125 bên đồn cũng ngủ trưa như thế trong nửa tháng nay rồi đái ra máu rồi chết. Từ giờ anh đừng ngủ trưa nữa. Mặt anh đã bắt đầu vàng rồi. Anh chiêu mấy viên thuốc này đi". Lịnh đưa tôi chén nước nóng và mấy viên thuốc. Thì ra không phải là một buổi *nhậm sà* chơi vui mà là một buổi chữa bệnh và Lịnh đã để ý đến sức khỏe của tôi từ hôm nào rồi. Tôi ngoan ngoãn nuốt mấy viên thuốc tròn dẹp và ngà ngà như màu ngô nếp. Lịnh nhìn qua tấm hàng rào nứa tép ken cánh sẻ dày đến sáu lượt nứa, gởi tầm mắt vào rừng xa đang nhấp nhánh khí núi hâm nóng, thủ thỉ nói tiếp: "Càng ở vào hoàn cảnh tù tội, chúng ta càng phải giữ mình làm trọng. Để lúc về trung châu, còn có mặt trong hàng ngũ cửa đoàn thể. Ta sẽ có lỗi nhiều với công cuộc, nếu phải để thân ở thượng du vì nỗi bất cẩn với cái thân mình lúc này. Mỗi người chúng ta phải gởi xương ở đây vì sốt rét rừng, hàng ngũ về sau sẽ hở kẽ. Thiếu đi – dù là một người, – công cuộc sẽ chậm ít ra là một bước trong thời gian". Tôi yêu kính câu nói của Lịnh chứa đầy niềm sốt sắng giống như lối nói của của nhà lãnh đạo ký trú với những đồng chí chưa hoàn toàn nhập điệu.

Và từ hôm ấy, để đánh lừa giấc ngủ trưa ở rừng tù, tôi đã học chữ Ăng Lê và Lịnh, mỗi trưa, dành ra hai mươi phút nghỉ để dạy tôi học ngoại ngữ. Trong việc này, ông thầy bao giờ cũng chuyên cần hơn người học trò, bởi vì có nhiều buổi hễ có người rủ chơi cờ tướng là tôi đã bỏ lớp học của Lịnh. Nhiều độ lượng, Lịnh chỉ điểm đạm: "Cũng chẳng sao. Điều cần nhất, là đừng ngủ trưa. Đánh cờ trưa, cũng là một cách vui gọn để chống sốt rét rừng".

Không phải dạy tôi học thì Lịnh lại dùng thời giờ ấy đọc sách và ghi chép luôn tay vào vào những cuốn sổ tay dành riêng mỗi cuốn cho một việc. Có người lính nào vào trại tìm đến Lịnh thì Lịnh lại bỏ việc riêng đấy mà giúp họ. Vẽ một bức truyền thần. Viết hộ một bức thư, và nhiều bức thư của người lính thượng du nhớ nhà gởi về thăm vợ con hoặc vấn an thầy mẹ. Thư lại viết theo thể lục bát. Chiều theo ý những người lính, Lịnh xoay cái thư ấy ra thành những câu vè mộc mạc và anh còn lại phải viết bằng chữ nôm. Ra Lịnh vẫn có tài đức dung người và Lịnh vẫn vui vẻ trong khi làm

những việc tầm thường đó không ngày nào là không xảy tới. Ở một cái đồn thượng du, lúc nào mà chẳng có một người lính nhớ vợ thương cha. Lịnh được thiện cảm cả đồn. Các ông quản đội trên đồn, có việc hiếu hỷ ở quê nhà, là đều có nhờ đến Lịnh cho chữ câu đối – lúc nôm, lúc chữ Hán, tùy theo trường hợp. Cả ngay đến lão quản trại an trí là người Pháp, cũng nhờ Lịnh dạy Việt Ngữ. Nhưng đến việc này thì Lịnh chối từ, mặc dù quản trại hứa sẽ để cho Lịnh ở nhà không phải vào rừng mà sương nắng ngày hai buổi. Lịnh đã lẩm bẩm riêng với anh em: "Dạy mày học tiếng ta để rồi mày dò la chuyện bên căng và kiểm duyệt thư của anh em cho kỹ phải không?" Vì có người tọc mạch mà tôi mới biết rằng Lịnh đang nghiền ngẫm bộ *Kinh Dịch* và đang xoay nó vào *Biện Chứng Pháp Duy Vật*. Một buổi nghỉ ngày chủ nhật, thấy tôi đến ghé nhòm vào trang vở chi chít những chữ Pháp và chữ Hán, Lịnh tươi tỉnh – bao giờ Lịnh cũng hòa nhã tươi tỉnh – hỏi tôi: "Tôi đố anh biết Pearl Buck có giỏi chữ Hán không? Và André Malraux tập viết chữ Hán theo lối thiệp nào?" Câu đố ấy rồi cũng bỏ lững. Nhưng tôi không ngờ rằng Lịnh biết nhiều lắm. Cũng như tôi đã thấy rõ cái đức làm người của Lịnh mà cảnh tù chung mỗi ngày càng làm bật hẳn lên.

Lịnh không trốn việc hoặc đùn nó cho những anh em khác. Kỷ luật của anh em trong trại đặt ra để giữ trật tự chung cho cả căng, anh tuân theo. Ra ngoài làm việc rừng, lúc nào túi dết Lịnh cũng có sách vở, nhưng chặt xong phần cây hoặc cuốc xong phần đất của mình rồi anh mới chui vào bụi khuất mà đọc mà viết. Cái điều lạ nhất là anh ít viết thư, mặc dù thư ở ngoài gởi lên rất nhiều. Tiền măng-đa của anh ký trên buồng giấy rất nhiều mà anh ít dùng tới. Thỉnh thoảng biết đến những anh em túng thiếu vì không có sự chu cấp của bà con vùng xuôi đoái tưởng đến thì anh lại rủ họ mua đồ ăn thức uống dùng vào số tiền gởi kho của anh. Mỗi kỳ có phiên ở bên kia sông quạnh họp chợ Mường, Tây cho anh em ở căng ai có tiền gởi thì kê những thứ định mua rồi ủy cho người đi chợ. Người mua bánh ngọt thuốc lá trà tàu, xà phòng, gà vịt, trứng, đỗ; người mua guốc nón, diêm đinh; có người mua cả rượu lậu và ba ba núi. Đến lúc anh giữ việc kinh tế ở căng hỏi Lịnh xem muốn mua những gì thì lần nào cũng vậy, anh chỉ cần có giấy mực và bút chì. Chỗ giấy mực đó anh dùng để biên chép – chứ không phải để viết thư

hoặc trả lời thư như nhiều người – và để biếu các anh em người Thổ nghèo theo lớp học chữ quốc ngữ do anh trông nom. Mỗi kỳ được phép viết thư trong tuần lễ, anh toàn ngồi đề bì hộ anh em Thổ và cho tất cả các anh em trong trại vay tem của mình. Anh nghĩ đến anh rất ít và rất hòa nhã khi được chia sẻ với anh em. Kỳ tắm giặt hàng tuần ở bên sông quạnh là bánh xà phòng nửa cân của anh cũng vẹt hẳn đi và nhiều khi tan hết ra bọt nổi ở mặt dòng nước rừng.

Lịnh ít nói, nhưng không trở nên người khó chịu; ít cười, nhưng vẫn tươi sáng và cái sáng ấy làm lùi được cái bóng đen của nhà tù. Buổi sớm dậy, Lịnh luyện phép thở, ôn ít quyền thuật với anh em Thổ rồi cắp nón đứng vào hàng. Không bao giờ Lịnh chịu khai ốm để đi nhà thương và nghỉ ở nhà. Ngày hai bữa cơm, có thức ăn hoặc không, anh chỉ ăn đủ ba lưng bát. Ăn cơm chiều xong, anh đi bộ quanh rào trại. Rồi lúc mặt giời gần lặn để chiếu hết cho một ngày mất tự do, cái việc Lịnh lấy làm thú nhất là được anh em lại cử cho đọc nhật báo – báo ở tỉnh vừa về kỳ thư – và phê bình thời cục thế giới. Tình hình chính trị và ngoại giao các nước, Lịnh tinh và suốt và thuộc lầu lầu. Lúc cần phải ôn đến những biến cố xã hội trên khắp thề giới, Lịnh có cường ký của nhà viết sử. Ngồi chót vót trên thang đu tập thể thao, đọc xong một lượt tin tức trong và ngoài nước, Lịnh mới mổ sẻ đến cái chương trình Đại Đông Á của Đại Nhật Bản (!). Phải nghe những nhời Lịnh vang rền lúc ấy thì mới biết đến cái say sưa của môn thuyết khách và mới hiểu tại sao chúng ta không chịu ở yên với trật tự hiện đại của sự vật. Lúc Lịnh ở chỏm thang leo xuống, tôi yêu Lịnh quá, muốn nói đùa Lịnh rằng anh giỏi như thế, tin tưởng vào Cách Mệnh như thế thì làm gì mà Tây nó chẳng bắt, vì Tây nó có tha anh ra bây giờ thì cũng lại đến Nhật bỏ tù mất thôi, chứ ai cho anh yên ở ngoài đề lao để anh dựng trật tự mới và xây đắp cái Thị Trấn Ngày Mai trên phá hoại gây ra theo đúng ý nguyện của Cách Mệnh. Nhưng thấy Lịnh nghiêm chỉnh quá, tôi lại không dám đùa.

Tôi kính yêu Lịnh 2910 như một người anh cả trong cõi học và trong cõi đức. Những lúc đi rừng hai buổi tôi thường cố điều đình với lính để cùng đứng vào một kíp với Lịnh mà ra ngoài làm việc. Những người lính đáng yêu ấy đã làm theo ý của tôi. Hễ thấy 2910

đứng vào kíp đẩy xe nước, thì họ lại tủm tỉm chỉ vào tôi: "790! Cho 790 đẩy xe nước với 2910. Tha hồ mà đưa sách cho nhau trong bụi sim đấy nhé". Hễ thấy Lịnh đứng vào kíp củi, mặc dù là số người đi lấy củi đã đủ quá rồi, họ lại kéo tôi vào hàng ngũ đi củi. "Ấy, 790 trả cuốc lại cho kíp đất. Cho đi lấy củi. Vào mà thay dạo năm đi". Rồi họ lại hóm hỉnh mà cười sát vào tai tôi: "Tha hồ khuất mặt Tây mà đánh chén trong rừng với 2910 nhé!" Những người lính khả ái đấy đã lầm. Chẳng bao giờ Lịnh uống rượu. Người đàn ông nào đã đi vào tù và đã từng lấy rượu ra để đánh lừa những ngày dài như nghìn năm của mình, ai ngạc nhiên thì cứ ngạc nhiên đi, nhưng suốt một thời ở căng với tôi, Lịnh 2910 không hề nhấp đến một chén rượu nào, mặc dầu rượu tù là quý – quý ở chỗ khó khăn của hoàn cảnh, – mặc dầu nhiều lần các ông đội quản cai bên đồn đã giận Lịnh vì Lịnh từ chối những chén chân thành của họ. Về chuyện rượu, tôi chỉ nhớ Lịnh thốt ra một câu này: "Thử như ngày xưa thì tôi... thì... " Hôm ấy là Tết Nguyên Đán, tôi nhớ cuộc đời tự do ở ngoài quá, lúc say ngày đầu năm, tôi phá cả kỷ luật của anh em, làm kinh động cả trại an trí suýt nữa quản trại Tây phạt chung cả những bạn không uống. Lúc tôi tỉnh rượu, đang ngán ngẩm với một rừng chiều mịt mùng sương lam, trước giờ điểm, Lịnh đến gần tôi, cho tôi liều thuốc nhức đầu và nói với tôi một câu hết ý như thế. Đám bạn tù với Lịnh, tôi hay gợi đoán đến cuộc đời tình cảm bên trong của Lịnh và tôi ngờ Lịnh đã từng có một câu thề độc hoặc một nỗi oan khiên đối với rượu nên anh tránh rượu, dẫu rằng chỉ nhấp một tí để mọi người ở cảnh tù vừa lòng trong một cuọc họp mà chỉ có mượn đến rượu thì mới làm vui được thôi. Cơ thể người đàn ông nào – thứ nhất lại là đàn ông bị đi đày – mà không chịu được một chém hạt mít rượu trắng! Giá chi dĩ ở trong rừng tù, rượu, nếu uống theo một điều độ nào đó, lại còn có công dụng trị được sốt rừng và giá ngự sơn lâm chướng khí nữa. Hẳn phải có một duyên cớ gì ghê gớm lắm thì cái người yêu cả trại đó mới không chiều anh em cùng hội và cơ đội bên đồn canh đến mực không chịu nhượng bộ như thế. Tôi cũng không gạn hỏi thêm Lịnh và không có mời Lịnh uống. Ăn chung mâm, bao giờ 2910 cũng chỉ ăn cơm và hễ cơm tù có rượu thì chỉ một mình 790 tôi uống thôi.

Lại một buổi chiều nữa, cuối xuân tôi say và 2910 ngồi cạnh lập là tôi, xem tôi say. Thời tiết cuối xuân sang hè. Rừng lim trổ hoa xám bỗng nổi cơn giông. Gió ngàn bị quẩn trong kẹt thung lũng đâm ra cuồng và cứ vật mãi vào hàng rào nứa tép của đất tập trung. Gió xoáy quanh căng chúng tôi đủ bốn hướng tám mặt. Mỗi lần gió đổi chiều, lướt qua những đầu nứa vát tréo nhọn, cái hàng rào lại rung lên như một cây phong cầm đồ sộ bị hiếp bởi một tay nhạc công cường bạo. Có những âm thanh gùn ghè gầm thét, có rất nhiều cung bực của than thở. Tôi không tách được tiếng rỉ rền nào là tiếng riêng của hàng rào nứa và tiếng oán tiếc thở dài nào là riêng của gió rừng biến động. Tôi chỉ biết tai tôi đang nghe một thứ nhạc đàn đầy thanh âm tấm tức. Gió giông không tìm được lối thoát lại càng nghẹn ngào và vật mình vật mẩy với mấy tường nứa rừng nhọn hoắc. Bỗng Linh để nhẹ tay vào vai tôi: "Này nghe nó như các khổ dựng của cây đàn dây ấy, 790 ạ". Tôi vội đặt chén xuống.

Tôi nhìn trừng trừng vào mắt Linh. Tôi thấy rõ cái ảnh đảo ngược của tôi trong tròng mắt Linh. Tôi muốn cả người tôi đi thẳng vào người Linh bằng cách lọt qua hai cái lỗ của con ngươi mở kia, để lòng tôi hòa chung vào giữa cái lòng Linh, trên một nỗi niềm nhớ nhung gì. Chừng như Linh cũng đoán được cái ý quái gở đó ở tôi, bèn nheo mắt lại và làm lệch nhỡn tuyến ra phía khác.

Thế rồi rừng rú tan trận gió cuồng. Và điệu đàn gió ngạt thở đang gục dưới hàng rào nứa tối dần với ngày tắt gió tắt nắng. Dư vị của bữa rượu tù nhớ trung châu để lại nơi đáy họng tôi một chất bồ kết. Linh bỏ tôi đấy, đi ra thang đu thể thao và bắt đầu đọc báo hàng ngày cho cả trại nghe.

Tôi cứ ngồi bệt đấy với chén rượu tù. Câu nói vừa rồi của Linh đã như một thứ nước cường toan làm bốc khói độc ở một thứ kim khí trong người cũ tôi giắt theo lên đây.

Tôi vốn là một người hay la cà đắm đuối với tất cả những gì là đàn sáo ca hát. Hát bộ, hát chèo, hát gõ. Ca Huế, ca cải lương Nam Kỳ. Tôi đã đem một phần đời văn sĩ của tôi mà đặt vốn vào đàn hát. Lời lãi ấy về trong khoảng rung động, không phải là không có, nhưng hệ lụy tự gây lấy, thực cũng không là ít vậy. Từ khi bị bắt, bị giam cầm ở ty Mật Thám rồi bị phát vãng lên chỗ rừng xanh,

cái tâm sự ấy của tôi đã hắt trả cho cuộc sống dưới đồng bằng. Ngày ngày ở căng làm việc bằng tay chân – chém cây, ngã gỗ, đắp đường, lợp nhà, đẩy nước, vân vân – thể xác quần quật nhiều, cũng chẳng còn mấy tâm tư mà nghĩ đến chuyện tơ trúc của thời tự do trước nữa. Vả chăng, có rảnh tâm lúc nào, thì lòng chỉ tràn ngập những lo lắng về nỗi ốm đau và ý chết vì nước độc vì tai nạn lao động trong rừng thâm. Một buổi chiều tù rừng nổi gió giao mùa, nỗi u hoài mở toang lòng tôi và không bị ngăn ngừa mảy may, câu so sánh của Lịnh rồi đã sộc hẳn vào người tôi, làm tôi hoang dại ra mất vài hôm.

Rồi nó cũng qua đi. Cũng như bất cứ cái gì ở cuộc sống này. Có một chút gì còn lại, là tôi lại ngờ thêm được một điều nữa về thân thế Lịnh. Ngoài sự oan khiên về rượu, hẳn người bạn tù này còn đeo thêm một cái nghiệp trái về âm nhạc.

*

Cách đây ít hôm, một buổi lấy nước ở bờ sông, ông đội kéo riêng tôi ra một chỗ:

– Này, 790 có muốn nghe hát cô đào không?

– ?

– Chuyện thực đấy mà. Để tôi rủ luôn 2910 nữa. Hôm trước mình đi phép có việc ăn khao ở nhà quê. Đem cái bài hát nói của 2910 làm ra nhờ cô đầu hát ở bữa tiệc đông, ai cũng khen hay, 2910 làm có cả mưỡu đầu mưỡu cuối. Lão cứ củ mĩ cù mì thế mà tài hoa đáo để. Này, không có cái gì là không biết. Chắc trống 2910 cũng sắc tay lắm. Để ít hôm nữa, hàng cơ góp tiền thết tiệc ông Quản được lên lương có mời ca công về hát, tôi dàn xếp để một số anh em sang sông lấy cỏ. Vừa cắt cỏ quanh nhà ông Quản khao, vừa nghe hát cho đỡ nhớ những chuyện dưới xuôi. Nhá!

Thế rồi đúng hôm hàng cơ thết tiệc ông Quản khố xanh ở bên kia sông, chúng tôi sang sông cắt cỏ. Cắt cỏ là một việc nhàn nhã hơn là đi ngã gỗ. Cắt cỏ nghĩa là gần như đi du thủy du sơn và lại cắt ngay gần cái nhà có tiệc vui mà nghe vọng vào những tiếng đàn hát của mâm tiệc. Trong số mấy người cùng đi cắt cỏ, bây giờ tôi mới nhớ ra là thiếu mất Lịnh 2910. Hôm qua như lời ông đội dặn

khẽ, tôi đã bảo Lịnh là sáng nay thế nào cũng đứng vào kíp cỏ. Lịnh gật đầu, tỏ ý hiểu rõ đến những chi tiết ngầm của việc sang sông này, không thể là vì quên được. Chắc là vì một lẽ gì. Những chuyện bất trắc hàng ngày như thế trong cái đời tù, làm sao mà phòng ngừa tính trước cho hết được. Buổi chiều thuật lại cho Lịnh nghe về cái buổi "nghe hát" bên sông, Lịnh chỉ điểm vào những nét cười giao thiệp, chứ không tỏ ý kiến gì. Biết đến những điều này – không hiểu vì lý do nào – ông đội lại kéo tôi ra chỗ vắng mà phàn nàn riêng: "Tôi chắc 2910 không muốn đi hôm đó. Ra điều rằng không được hoàn toàn là những chính hiệu của bữa tiệc ấy thì anh không dự. Những người có tài và có chí như các anh, có bao giờ có những cái thèm khát tầm thường. Tôi biết thế mà tôi cứ bảo các anh sang sông vì tôi tưởng rằng đấy cũng là một cách bất ngờ để giải trí cho các anh ở trên rừng này. Nhưng thôi, để hôm có cái bổng lớn, để hôm nào đủ tư cách, tôi sẽ tổ chức riêng một chầu hát, – cho nó xa đồn hơn nữa – rồi tôi sang trại máy riêng các anh đi. Mấy anh thôi. Tôi sẽ bịa với mấy Tây rằng phải đi xa rừng, phải đem cơm đi, buổi trưa không về trại, cho nó nhiều thời giờ hơn. Hôm ấy, các anh sẽ đánh trống uống rượu, tự do như là lúc ở ngoài ở xuôi ấy. Tôi cũng muốn có dịp nghe trống các anh lắm. Tôi đánh hẳn là phải quê hơn. Chắc rồi 2910 phải bằng lòng. Các anh không nên bận tâm về những chi phí. Cho một bọn thuốc phiện lậu đi lọt qua đồn này, thì thừa tiền dùng chứ gì nữa. Đó là cái lộc của đồn rừng trấn thủ, chứ tôi cũng chả mang của nhà lên đây mà phá, các anh đừng ngại. Mấy khi lại gây được ra chuyện vui để giữ làm kỷ niệm chung, phải không anh! Mà tên lính nào ton hót với quản trại Tây, tôi sẽ có cách trị cho nó và có cách chống chế lại với Tây".

Tôi đem câu chuyện này nói cho Lịnh biết. Lịnh biến hẳn sắc mặt. Và kịch liệt tuyên bố không dự: "Nhưng mà các anh không nên bận vì tôi. Và cũng đừng cho ông đội biết trước rằng tôi không đi hôm đó. Ngày mai tôi sẽ nói với các anh trật tự cho tôi lên làm phụ bếp trên đồi, không đi rừng trong ít lâu vì người độ này cũng yếu lắm".

Một buổi sáng rừng còn đọng sương. Ông đội hí hửng vào trại, nháy mấy người chúng tôi và nói to lên là lấy bọn tôi đi rừng chặt tre đực và phải đem cơm đi mà ăn buổi trưa trong rừng, đến chiều

mới về. Chúng tôi hiểu ý. Đến lúc ông đội và chúng tôi tìm đến Lịnh, thì Lịnh đã lọt lên đồn giữ việc phụ bếp mất rồi. Ông đội tỏ vẻ thất vọng. Vì bây giờ xục được lên đồn để vào bếp lấy lại 2910 mà cho vào kíp đi rừng thì Tây nó đâm nghi mất. Ông đội hay đi lại với chúng tôi, vốn đã bị Tây nghi ngờ và để ý lắm rồi.

Chúng tôi đi sâu vào rừng, qua mấy làng Mường. Không có Lịnh, ông đội buồn ra mặt. Buổi trưa, đốn tre xong, người lính riêng của ông đội có đem đến rượu và thức ăn thịnh soạn, nhưng không có cô đào hát. Ông đội cắt nghĩa: "Thôi để hôm khác ta nghe hát vậy. Hôm nay chỉ đánh chén thôi, anh em ạ". Hình như ông đội biệt đãi riêng với Lịnh và thiếu Lịnh thì ông không muốn bày ra chuyện trống hát nữa. Nhiều người vừa ăn vừa uống, vừa tỏ ý ghen với Lịnh. Trại an trí, sau cái buổi họp trưa giữa rừng ấy, Lịnh hụt đi một số cảm tình. Riêng tôi thì tôi chỉ thấy Lịnh có tính gàn. Và ích kỷ nữa. Ừ, mình không thích, nhưng một số anh em thích, thì sao lại nên có thái độ ấy!

Chuyện trống hát ở giữa rừng cũng không bao giờ có nữa. Và cũng chẳng có ai mong đợi hoặc nghĩ đến. Mùa nước độc đã đến – lá lim, quả ngái rụng xuống mặt suối kể đã nhiều, – ai nấy chỉ còn lo ốm thôi.

Bỗng một buổi chiều như quay chín được người, tự nhiên Lịnh đem chuyện hát ả đào ra thủ thỉ với tôi. Anh thông thạo lắm. Lịnh nói qua về cái thái độ của anh đối với việc ông đội muốn bày điều vui bữa nọ. Anh kết luận: "Chắc anh cũng hiểu nhầm tôi".

Rồi tiếp, giọng xa vắng: "Tôi có một cuốn sổ viết. Không hiểu tại sao nó lại theo tôi lên đây. Anh cầm lấy mà đọc. Không có gì là dài cả".

Tôi chui vào một bụi lau cao.

Vở mở bằng một trang đề: *"Tâm sự của nước độc"*, dưới đề chua một dòng nhỏ: *"Ai hay hát mà ai hay nghe hát"*. Vở nhầu bẩn. Chữ đúng là tự dạng Lịnh, sắc và gọn.

II.
TÂM SỰ CỦA NƯỚC ĐỘC

"Ai hay hát mà ai hay nghe hát..."

Lãnh Út gọi Bá Nhỡ lên, bảo ban về việc ngày mai điều khiển dân ấp Mê Thảo đi đánh cây cổ thụ ở suối Vầu:

– Em phải trông cẩn thận kẻo chúng nó làm gẫy mất ngọn. Bắt đầu vào dốc suối, đúng cái cây thứ ba về bên tay phải ấy.

– Thưa cậu, phải qua sông?

– Không thể nào tránh sông được. Muốn đi lối nào thì đi, con sông Tấm vẫn nằm giữa suối Vầu và ấp ta. Cậu đã vạch rõ cho chúng nó cách thức đưa về ấp rồi. Nội ngày mai, phải đưa được cây về ấp trước lúc mặt giời lặn. Quá nửa đêm sẽ hạ thổ cây gạo. Cho kịp ngày kia giỗ Mợ Lãnh. Em có mặt ở suối Vầu, chúng làm việc chu đáo hơn. Chậm trễ, hư hỏng, phần lỗi Em chịu lấy. Sáng mai phải đi vào suối từ lúc chưa tan sương, không phải lên trình Cậu nữa, để cho Cậu ngủ lâu hơn mọi ngày. Thôi cho Em xuống.

Trời sẫm rồi đen. Gió ngàn hôm lùa mạnh vào nương dâu. Cậu Lãnh Út thắp cây sáp ong, ngồi bên án thư, lần giở lại tập thơ Mợ Lãnh gọt rũa lúc sinh thời. Người chủ ấp Mê Thảo, qua những lời thơ di cảo đang mường tượng đến dáng dấp ngôn ngữ người vợ chết sắp đến kỳ giỗ hết. Cậu Lãnh Út thở dài tiến lại phía vách đối diện lửng lơ một bức tranh trung đường phong kín chỉ hé ra có hai đầu trục. Cậu trang trọng gỡ múi dây, đỡ dần bức tranh thả vào lòng bàn tay run run. Giấy tranh bồi cọ loạt soạt vào tường phòng vắng rộng. Cậu Lãnh thắp thêm một cây hoàng lạp nữa, đi lại trong phòng và lúc dừng bước ngắm vào bức tranh thì thần thái trông thiểu não quá chừng. Lòng tranh lụa hiện lên một tấm họa mỹ nhân. Ấy là một người đàn bà áo trắng đang ngồi chép sách trên một cái đôn màu cốm, bên một khung cửa sổ có mấy tàu lá chuối già lọt vào. Màu xanh tái của tranh gia thêm xa lạnh vào khí buồng rộng quạnh và đổ thêm buồn lên vẻ nhớ vợ của người ngắm tranh. Bức tranh trung đường ấy là bức tranh truyền thần toàn thân Mợ Lãnh. Nguyên trước ở tường ấy chỉ treo vẻn vẹn có một tấm hình bán thân Mợ

Lãnh do hiệu ảnh dưới tỉnh phóng đại theo hai chiều 24x32. Từ ngày Mợ Lãnh chết một cách bất đắc kỳ tử, Cậu Lãnh đâm ra thù oán và ghét máy móc. Cậu đã cậy một họa sĩ trứ danh phỏng hình người vợ vào tấm này và hủy tấm ảnh của máy chụp kia đi. Mợ Lãnh bị cái tai nạn đoàn hỏa xa lật úp xuống vực gần hầm Sen ga Liên Chiểu, là người quan phu Lãnh Út ấy đã trở nên một kẻ thù ghê gớm của thời đại cơ khí, tưởng Tagore Ấn Độ cũng đến thế thôi. Thời đại khoa học phát sinh ra được máy móc nào là Cậu ngoảnh mặt đi đến đấy. Thậm chí Cậu dằn giỗi cả với những vật dụng cần thiết hằng ngày do đời cơ khí chế tạo ra. Ô tô, xe đạp máy bơm nước sông tưới nương dâu, Cậu bán rẻ đi và không cho nữa. Cậu bán cả những ống khí dẫn hơi nước để sưởi buồng nuôi tằm vào cữ tháng giá. Đến như máy và đĩa kèn hát, máy đánh chữ, bút máy, lò cồn đun nước đèn măng-xông, ống hàn thử biểu, lịch có ngày tháng in bằng máy, Cậu đều vứt hết. Khẩu súng một nòng bắn đạn chì hoa khế trừ mãnh thú và khẩu hai nòng bắn chim, Cậu gói làm một quẳng xuống khúc sông Tấm.

Tang lễ Mợ Lãnh vừa xong được một tuần chay thì quanh chỗ giới hạn đất ấp Mê Thảo tự nhiên dựng lên mấy chòi canh. Ai ở các nơi vào đất ấp Thảo – tục danh của ấp Mê Thảo – đều bị dân làng ấp giữ lại khám xét rất kỹ xem có giắt theo vật dụng gì có tính máy móc không. Có nhiều bạn của Lãnh Út bị lẫn lộn đồng hồ mỗi lúc lên chơi ấp và lộn về. Ô tô xe cộ của quan khách thường bị gạt xuống dưới chân đồi xa.

Từ khi Cậu Lãnh thành người góa bụa, trong sự đãi đằng khách khứa bà con lên chơi, Cậu Lãnh vẫn không giảm đi một tí lễ nào và bớt đi khoản tiền tiếp tân nào. Người chủ ấp Thảo vẫn có danh là rộng. Nhưng dẫu sao, cái thái độ phản khoa học và gàn ấy đã làm cho ấp vắng hẳn người các nơi lui tới thăm viếng. Cả người thăm viếng và cả người mua bán.

Còn mồ ma Mợ Lãnh, ấp Mê Thảo phồn thịnh là thế mà giờ sự làm ăn ở đấy rời rạc thưa thớt vẻ ấp gầy rạc hẳn đi. Cái vàng óng nuột của tằm ấp Thảo đã xuống hẳn màu tơ. Ở đấy sức hoạt động kinh tế chỉ còn gởi gấm vào những chuyến nước ống luồn tưới dâu lấy lên khỏi lòng sông Tấm cách xa nương hằng mươi lượt đổi vai. Rồi để nối sự sản xuất và đổi chác của ấp với đô thị thương

mại, mươi chiếc xe bò bánh gỗ đặc gập gềnh trên đường đất đỏ phấp khểnh đã đánh thụt lùi ấp vào đáy thời gian một đời sống trung cổ.

Ở đấy, giờ người ta sưởi ấm cho tằm bằng than gỗ và tiết nóng nực, có những đứa trẻ chuyên môn cầm quạt giấy phất cho tằm. Ông chủ ấy không mặc đồ len vải có chỉ máy khâu nữa. Ông đã mặc thứ vải chàm của thổ dân gần vùng dệt tay, giặt giũ bằng nhựa trái bồ hòn, đêm đọc sách bằng sức sáng của dầu ép. Lúc giải trí, đi săn cầy bắn chim thì ông chủ ấp thù văn minh cơ khí đó đã có một đàn chó dầy lông, một cái nỏ và vài cái bẫy. Việc ấp giao dịch với bên ngoài xa có cần kíp đến mấy đi nữa thì cái ông chủ sự dây thép ở tận cuối chân Tràng Sa này cũng đừng hòng thu của Cậu Lãnh Út tiền một tấm điện tín nào. Và đám chủ báo chí và xuất bản cục, hãy để yên cho người độc giả kẻ thù của máy in này. Đã lâu, Cậu Lãnh không đi tỉnh nữa vì xuống đến đấy thì thế tất nhiên, tai mắt lại sẽ phải cuộc đời cơ khí. Có lần người ta đồn rằng người Pháp chương trình đại công tác và vẩy thêm đường thiết lộ xuyên qua châu Tràng Sa, sẽ bắc cầu qua sông Tấm men theo chân ấp Tháo. Lãnh Út mất ngủ đến nửa tháng và định bán rẻ ấp đi nếu có bọn cán sự chuyên môn sở Hỏa Xa nhô máy vào ngắm sơn xuyên vùng ấy. Rồi Cậu Lãnh sẽ lùi vào rừng.

Mặt giời lệch bóng, ba chục dân ấp Tháo lực lưỡng bắt đầu thắt cổ cây gạo sừng sững trên dòng suối Vầu. Nhiều múi thòng lọng dây thừng thít mãi vào những cành to giang ra như cánh tay đầu hàng. Những cật người uốn cong gò bấy nhiêu đầu thừng về một phía. Cây gạo xiêu dần xuống rồi vật mạnh xuống như một kẻ chiến tranh bị trúng độc kế ở mặt trận, làm tung bắn lên những thân hình người đang oằn oại trên những luồng già dùng làm bẫy cắm chèn vào kẽ gốc. Suối Vầu tung nước. Rừng Vầu vang bật lên một tiếng quật gốc gìa. Đầu rễ cái gốc gạo nhựa rỉ tuôn tợ máu phun. Bọn người đánh cổ thụ ấp Thảo bèn chặt những cành to thành từng đoạn đều nhau, dúi ngang vào dưới thân cây gạo rồi đẩy dần cây to xuống dốc. Đến những chỗ không thả đà được thì họ lại lồng đầu thừng vào cánh nách mà kéo, vừa kéo vừa hò dô ta. Thân họ vẹo về một chiều trước, như xống ngọn cỏ bị gió lùa mau.

"Một ngày đã ngả bóng dâu
"Trổ về ấp Thảo tưới dâu (ta) chăn tằm... (dô ta)
"Rừng thiêng ta ngả cỗi son lâm (ta dô ta)
"Lần lừa ấp Thảo trông tằm (ta lại) thương dâu (dô ta)
"Con người rút ruột con sâu
"Đem to trả miếng lá dâu xót lòng
"Dô ta... ta ó dô ta"

Bà Nhỡ lẩm bẩm theo: "Ấp Tháo chứ lại ấp Thảo!" Gỗ chạy ầm ầm, lăn thấm qua những giọt mồ hôi người ngả gỗ. Tiếng đồng vọng dô ta làm chấn động một cánh rừng bị thương và vang theo mãi bến sông Tấm đã ken sẵn mấy bè nứa. Bè trôi ra giữa sông đưa cây cổ thụ về bờ bên kia. Bọn người ấp Tháo lau mồ hôi, dịt các vết thương, nói chuyện về ấp tàn, về chủ ấp cuồng và về cây gạo.

– Chơi lạ. Chỉ có Chúa Trịnh ngày trước thì mới giồng giọt như thế. May chuyến này không ai bị cây đè chết.

– Cái gì cũng phải theo lẽ tuần tự. Cây to này đưa về rồi cũng chết mà làm củi mục thôi. Sống thế nào được. Phải giồng nó từ lúc bé kia chứ!

– Cây gạo thì quý gì. Gỗ nó chỉ dùng làm áo quan cho bọn nghèo. Hoa thì chỉ quyến rũ được sáo đá và quạ thôi.

– Năm ngoái đã một cây. Lù lù đen sì giữa ấp như cột đồng trụ. Mà chẳng một cành nào đâm chồi. Quý gì cái gối quạ lấy được trên cái tổ cây ấy. Đen và tanh ngòm. Khéo không lại chạm vía yêu tinh và bóng các Cô các Cậu trên rừng mà khốn thôi.

– Mà làm sao cứ đến kỳ giỗ bà chủ thì ông chủ lại bắt đi đánh cây gạo về giồng ở ấp? Cúng à! Năm nay giỗ hết bà chủ đây. Sang năm có đánh cây cổ thụ nữa không?

– Cơ mầu này rồi cũng đến bán ấp. Cứ uống những trận rượu như thế rồi phát điên phát cuồng lên thì còn lắm lá dâu và tằm. Nếu ông chủ bán ấp, lại chỉ khổ cho bọn mình bị gán thân cho chủ khác. Công nợ như mình, vợ con ăn mặc đều tính vào dâu tằm người ta tự bao lâu nay, mỗi chốc vỗ được nợ mà đưa gia đình về dưới xuôi được sao.

– Cây của người ta đang ra quả. Chỉ vì nó ở giáp hàng rào ấp mình, cành quả nó ngả sang đất mình, thế mà đòi bẻ và nhận lấy nhận để là của mình. Tai ngược hơn cả đàn bà một mắt.

– Mà người sao gàn dở đến như thế. Ai có cái máy bật lửa cũng khám cũng phạt cũng cấm. Lắm khi định ăn điếu thuốc lào thì cứ như là thằng ăn cắp.

– Say rồi đâm càn rỡ quá. Bò của người ta lạc vào ấp, ông ta bắt người nhà giữ chân bò căng ra rồi sẻo lấy miếng thịt mông, nướng ăn tái. Nhăn răng ra cười, kêu rằng chỗ mông cắt ấy sẽ thành sẹo cũng không hại gì ai. Nói thế mà nghe xuôi tai được đấy!

– Thế đã khổ sở biêu diếu đâu bằng ông ấy hiếp cả người đi chợ qua vùng đấy. Ban ngày, giữa chỗ ngả Sáu Quán Chuột ấy. Quây màn ra giữa giời mà làm được việc ấy giữa ban ngày thì có khổ cho rượu với chè không chứ!

Ba xe bò bánh gỗ đặc nối càng vào nhau đã chờ bên kia bờ. Cây gỗ tươi trệu trạo sáu vòng bánh lăn dần về Mê Thảo. Họ cứ nói chuyện. Và chỉ riêng có Bá Nhỡ đi đốc thúc ở phía sau là hiểu riêng cái tâm sự của chủ ấp thôi.

Bá Nhỡ nguyên có dính vào một vụ giết người dưới trung châu. Tuy là tòng phạm cũng bị kêu án tử hình. Mợ Lãnh vì chút tình máu mủ xa, đã bảo chồng làm cho y một tập lý lịch giả và cho lên ẩn náu luôn trên ấp Tháo. Bá Nhỡ chịu cái ơn cứu sống ấy, ở với vợ chồng chủ ấp hết sức trung thành, việc tằm tang ở ấp, tịnh không tơ hào lấy một xu. Ở vào chân quản gia trông coi cả ấp rộng, Bá Nhỡ không một phút nào lộng hành. Sổ sách hàng ấp, một tay y cả. Lắm việc hiểm hóc quanh vùng, có khi chủ ấp không biết gì và đều là ở Bá Nhỡ hết. Bấy nhiêu tuổi đầu rồi mà Bá Nhỡ vẫn xưng em với Cậu Lãnh. Mợ Lãnh chết vì nạn xe lửa. Bá Nhỡ buồn hơn cả người chủ ấp trẻ tuổi gẫy gánh tình. Bá Nhỡ có tài đàn hát. Bất cứ nhạc khí nào, cái gì y chơi cũng thành ngón cả. Làn hát lắt léo nào, Bá Nhỡ cũng uốn giọng theo được miễn là cho y được nghe một vài lần. Đàn hát ấy Nhỡ đem ra làm khuây cho chủ ấp. Lãnh Út chết vợ trẻ, đâm ra buồn phiền, sao nhãng việc sản xuất, bỏ mặc việc cai trị trong hàng ấp, chỉ ngày ngày uống rượu, lắm lúc say, phạm cả vào điều bạo nghịch làm cho dân ấp ta oán. Nếu không Bá Nhỡ thì

ấp Mê Thảo tan rồi. Cậu Lãnh uống nhiều quá, lắm kỳ hụt cả vào tiền thuế thổ trạch. Một mình Bá Nhỡ lại vá víu bằng mọi cách. Mỗi lần Cậu Lãnh làm điều không phải với dân hàng ấp những lúc tử hậu, Bá Nhỡ lại dàn xếp và đền bù. Ấp Thảo vì thế vẫn còn lay lúc nổi trong cảnh tằm tang và dân ấp cũng đều biết đến cái công ơn người quản gia chịu khó và công bằng.

Cậu Lãnh buồn khổ đến đâu, cái buồn ấy thấm sang tâm hồn người quản gia trung thành đến đấy. Ngoài nỗi lo tính cho sự trung hưng kinh tế của Mê Thảo, Bá Nhỡ săn sóc đến tinh thần Cậu Lãnh không một lúc nào rời.

Bữa rượu tối nào của Cậu Lãnh là cũng có người quản gia ngồi bồi rượu. Giữa những chén rượu uống một hơi. Bá Nhỡ bình cổ văn, ngâm thơ Đường Luật và diễn lại cho Cậu Lãnh nghe – theo một lối riêng – nhiều đoạn *Kim Cổ Kỳ Quan, Đông Hán Tây Hán Hậu Hán* và *Đông Chu*. Lắm lúc mang đàn ra gẩy. Lại còn sắm lẻ từng vai tuồng cho Cậu Lãnh xem. Chèo cũng thế. Có lần Bá Nhỡ một mình diễn vở *Lưu Bình Dương Lễ*, lần lượt hết sắm vai nam lại sắm qua vai nữ.

Đôi khi chủ ấp có tang cũng nhoẻn miệng cười. Nhưng cái vui đột ngột gây nên bởi trò lại héo úa ngay trên chén rượu nhớ người thiên cổ. Một mình không làm vui nổi cho Cậu Lãnh thì Bá Nhỡ lại cậy đến những đoàn thể chuyên nghiệp. Bá Nhỡ cho dựng nhà rạp rồi cho đi tìm phường ca công, gánh hát chèo hát tuồng ở các vùng lân cận về.

Nhưng được hòa hẳn lòng vào cái vui của đàn trống múa hát ầm ĩ ấy, vẫn không phải là Cậu Lãnh. Vẫn lại chỉ có đám dân bình dị cần lao trong ấp Thảo thôi. Họ coi đó là những ngày hội hiếm có và sau những kỳ chơi hội đó thì họ lại cần cù thêm với việc tằm tang. Bá Nhỡ cũng tự an ủi được ít chút về chỗ tổn phí. Rảnh việc điều động ấp, nhìn trộm Cậu Lãnh người quản gia đáng quý ấy thường tự hỏi mình: "Làm thế nào cho sức của người trẻ tuổi này được hồi sinh với sự sống hiện tại? Lòng kẻ chung tình ấy cứ chuyển hướng mãi về một phía tuyền đài thì rồi ấp này đến tan mất và rồi người chủ trẻ tuổi tội nghiệp ấy cũng dẫn đến kết quả cuộc đời ở một nhà thương điên nào. Song, đâu có phải là ngồi ỳ ra đấy để

chuyên tâm nhớ một người vợ chết. Nhớ thương một cách tiêu cực. Phải cho Cậu Lãnh tục huyền với đời sống mới được".

Quá đêm, cây gạo đánh ở suối Vầu về đã chôn đứng trước nhà khách Mê Thảo. "Phải, vào giờ này, chuyến hỏa xa ấy lật úp xuống vực gần hầm Sen đây". Lãnh Út còn lẩm bẩm những gì nữa rồi mới chịu trở vào phòng thay quần áo thường ra thành đồ chế phục. Mọi khi dùng hoàng lạp, đêm tiên thường ký giỗ hết Mợ Lãnh, chủ ấp cho thắp toàn nến trắng. Cậu Lãnh lại mở và thả bức tranh trung đường xuống. Cậu quấn dối xong mấy vành khăn vải trắng, quỳ xuống và hướng vào lòng tranh lụa, dâng một tuần rượu.

Ngoài hành lang, dân hàng ấp đem vàng nhang trầu rượu lên góp vào ngày kỵ bà chủ ấp. Bá Nhỡ thu nhận lễ vật và xua tay nhẹ nhàng bảo họ lui dần đi. Vì trong nhà bắt đầu có tiếng khóc.

Cậu Lãnh khóc to dần mãi lên, gợi đến cái thống khổ của toàn thể một đám chuyển cữu. Nỗi lâm ly lọt xuống từng gia đình dân ấp rải rác quanh đấy. Họ lây nỗi buồn riêng, thương cho chủ ấp và nhớ đến người hóa ma. Khác hẳn mọi đêm thường, chim cú vùng Mê Thảo tắt tiếng cầm canh. Rồi tiếng khóc vụt rống lên in hệt cái tiếng người rừng – mình mẩy mọc lông móng chân móng tay hóa ra vuốt – bỗng phần nhớ đến nhân loại bị xa cách lâu ngày. Cơn khóc rống đã đổi sang thành tiếng hú hồn. Gió hưu hưu trên nương dâu, kéo lê thê những tiếng thảm rợn ấy xuống những vùng phụ cận thấp xa.

Cất cơn khóc, não cân bị kích động. Cậu Lãnh không tài nào ngủ được. Cậu Lãnh lại đem rượu ra uống. Khác với mọi đêm chỉ uống suông, bữa rượu này lại dùng đến đồ nhắm, ấy là một mâm nhộng rang lối văn hỏa, lòng mâm lót lá dâu da, ngọn mâm rắc lá chanh thái chỉ. Sinh thời, Mợ Lãnh bữa cơm nào cũng ăn nhộng, cho rằng nhộng là một giống sạch nhất và tin rằng ăn được nhiều nhộng thì tóc sẽ mượt óng. Kỳ giỗ này cũng như kỳ đầu trước, trong các món dâng cúng ở bàn thờ, Bá Nhỡ vẫn nhớ đến cái hèm này của người khuất và cho đặt lên một mâm đồng bạch nhộng rang rất to, đường kính mâm hai thước ta, phải để riêng một bàn.

Dở đến nai rượu uống dỡ đêm trước thì hũ không còn lấy một giọt, Cậu Lãnh tìm cái mõ cá lớn, cầm dùi đánh bảy tiếng. Đấy là một ám hiệu trong ấp dành riêng cho người chuyên giữ việc rượu cho chủ ấp. Đánh hết bảy tiếng ấy mà chưa lên thì lại đánh tiếp bảy tiếng khác.

Người giữ việc rượu chạy lên, thở hồng hộc.

– Dạ, bẩm Cậu, ở hũ lớn cũng chỉ còn độc một bình.

– Vậy thì cho đào một hũ mới.

– Dạ đào về phía nào?

– Chỗ nào có chôn thì đào.

– Dạ nguyên là từ năm ngoái, cụ Quản (tức là Bá Nhỡ) đặt tên cho nhiều thứ rượu tùy theo từng lứa cất. Mỗi lần hạ thổ cụ đều có ghi tên và ngày tháng bằng dấu vôi. Lại còn nhiều hũ cơm mới tra men cũng hạ thổ. Con không được tường lắm, sợ đào nhầm, sẽ bị cụ Quản quở.

Cụ Quản – Bá Nhỡ – đã hiện vào. Vẫn hay rằng hiệu lệnh bảy tiếng mõ là để gọi riêng người dân ấp giữ việc lấy rượu, nhưng bao giờ đào đến rượu chôn là chẳng phải có Bá Nhỡ dòm nom đến. Cái người phụ việc kia thì có biết gì. Và đến Cậu Lãnh thì càng không biết đến gì nữa, ngoài cái việc cố hữu là say và thương và nhớ.

Bá Nhỡ lên tiếng: "Bác xuống kho lấy lên đây hai bó đuốc, lưỡi mai và cuốc bàn".

Cảnh ấp, những đêm đào rượu chôn, trở nên quái đản. Khách qua đường đêm vắng, tưởng đấy là một vụ chôn của hoặc là đào mả trộm.

Hướng vào nhà khách và cách nhà khách độ ba mươi bộ, có một cái gò con. Chỏm gò phất phơ toàn một giống thạch sương bồ. Sườn gò, đây đó ít gốc rền tía. Gò ấy, chính là huyệt rượu. Bá Nhỡ chôn cơm men và rượu cất ở mả rượu ấy. Ngoài Bá Nhỡ ra, cấm dân ấp không được ai lai vãng gần tửu phần. Tửu phần đã phân ra từng khu đông tây nam bắc và chia từng hàng luống như ở một nghĩa trang sơn thôn. Trên các khu và các luống tửu phần, có những thẻ tre sơn vôi trắng, viết chữ đen và sơn đỏ, có thể lẫn với bài bùa phù thủy. Ấy là Bá Nhỡ ghi ngày tháng từng lứa rượu và đặt tên

cho từng mẻ rượu, lắm thứ tên những nghe không thôi mà đã muốn đem cái vui cái buồn trong lòng ra gởi ngay vào đấy. "Vô Cố Nhân" – "Mê Thảo Hầu" – "Thuần Hoành Quận Chúa" – "Ức Sấu Viên". Đến cái tên sau cùng này trong cách tìm chữ đặt tên riêng cho rượu ấp thì Bá Nhỡ đã bày rõ cái thân mật tình cảm mình đối với tâm sự của chủ nhân Mê Thảo, chữ Sấu Viên là tên hiệu riêng của Mợ Lãnh lúc làm thơ, Mợ Lãnh qua đời rồi, thấy Cậu Lãnh nhớ vợ quá, Bá Nhỡ bèn đặt việc ấy vào một cái tên rượu. Đêm đêm nhớ vợ chủ ấp lại uống hàng chục chén và có khi hàng vò "Nhớ Cọn Vượn Gầy"! – người Mợ Lãnh vốn gầy và hai tay rất dài. Gợi cảm thay! Và cũng tốn nước mắt thay! khi uống đến thứ nước say ấy. Chính Cậu Lãnh đã ốm nhiều trận vì những đêm suông bên cạnh vò sành "Ức Sấu Viên", tiếng khóc vượt qua mấy lần nương dâu trĩu sương cành.

Cỏ gò chôn rượu bừng dậy chất xanh bóng thạch sương bồ, bên cái sáng bốc khói của đuốc lớn. Người phụ việc cầm cuốc. Bá Nhỡ cầm mai, hì hục đào. Những tiếng chìm chìm sương rừng reo xuống những tiếng đục đục loài kim thảo ruột loài thổ. Lặng lẽ hơn hết là cái người chủ ấp ngồi trong phòng đợi rượu đào. Ánh sáng thản nhiên của bạch lạp tỏa quanh áo tang trắng người tửu đồ tình chung đang vò võ đối mặt vào tranh lạnh.

Một hũ "Vô Cố Nhân" đã lấy lên khỏi sườn gò – Lau rửa sạch, Bá Nhỡ kính cẩn cậy nắp gắn kín chám đường. Chén "Vô Cố Nhân" trôi vào cuống họng thì gà trong thôn ấp gáy lần thứ ba. Bó đuốc của người phụ việc lấp lại huyệt rượu gò đang lụn dần tàn đóm, sèo sèo trên cỏ dầm. Vài con rắn cạp nong trườn từ hang ra, nuốt những tàn lửa đã nguội.

Cú rừng giờ mới rủ nhau đổ một hồi tan canh. Sáng hẳn rồi, mà Cậu Lãnh chưa tàn bữa rượu giỗ. Cậu uống đến đâu, mồ hôi cứ theo chân tóc mà tuôn chảy. Rồi Cậu cầm một lưỡi kiếm cũ, chạy ra vườn chuối, gặp cây nào là chém ngang vào thân cây ấy. Tiếng thân chuối gãy gục và tàu lá toạc rách, làm chấn động cả cái ấp ngái ngủ.

Sau trận giỗ hết Mợ Lãnh, không lần nào người say rượu ấy khóc nữa. Chỉ có mồ hôi trào ra nơi các đầu sợi tóc thôi, hình như để thay cho nước mắt cạn. Bá Nhỡ càng lo, khi thấy chủ ấp không

nói một tiếng nào. Có việc gì cần lắm, Cậu Lãnh chỉ cầm bút mà viết ra thôi. Bá Nhỡ ngờ rằng tâm con bệnh này đang nhảy sang một giai đoạn trầm trệ khác. Bá Nhỡ lại cầu đến bọn đàn hát nhà nghề để cứu vãn cái tâm hư ấy. Lại chèo, gõ, bộ, các phường hát có tiếng đều được quản gia vời vào đất ấp. Cậu Lãnh giở chứng, xuống bút ra lệnh bãi hết những cuộc vui ấy. Một điều lạ nữa là Cậu Lãnh cũng không thèm uống rượu nữa. Rượu của mẻ cất nào Cậu cũng chê là có mùi nước lã. Để thay vào sự uống rượu, chủ ấp bắt đầu mua pháo để đốt. Pháo bánh không kêu được to thì mua diêm sinh về chế hóa mà làm ống lệnh. Tằm, giật mình, cứ chết từng lứa. Lắm lứa đang chín, bụng đỏ ửng mà trong suốt như hổ phách, sắp kéo tơ mà chết cả vì tiếng pháo của người cuồng. Dân ấp, những người không có gia đình, đã có một số bỏ trốn đi. Bá Nhỡ chờ cái ngày tận thế của Mê Thảo.

Chủ ấp thôi không uống, không khóc, không nghe đàn hát nữa thì trông càng thê thảm vô cùng. Cả ngày cả đêm cứ ngồi sững mà nhìn tranh, dáng điệu như nhà sư nhập định, mắt không nhắm, miệng không mở lấy một tiếng.

Cậu Lãnh ngồi như im thế được một năm, bóng in hẳn vào tường, đường viền quanh bóng in trông sắc gọn như nét cắt. Lấy nước cọ không đi và lấy vôi đặc quét lên mấy lần, cục bóng xám trên vách ấy cứ vẫn hiện bật lên. Thân hình Cậu Lãnh khô sắt chẳng khác gì thân hình kẻ vận hỏa tâm ra để tự diệt mình. Những lúc Cậu bất đắc dĩ phải cử động thì tứ chi Cậu cứ như là chân mượn tay mượn, bước đi không thật nữa và tay cầm đến vật gì thì đều sai lệch đổ vỡ hết cả. Còn cái khối óc thì hình như là đã chót cầm cho Rượu và cho Tương Tư, cầm lâu ngày quá đến không chuộc được về nữa rồi. Cậu Lãnh đã đến cái bực lỳ. Một hôm chợt thấy bóng mình trong gương, Cậu đập tan ngay tấm gương đứng và từ đấy không dám rửa mặt vào thau nước nữa. Trông thấy bất cứ cái gì lấp loáng như mặt nước động là Cậu dúm người lại; nỗi hốt hoảng ghê rợn hơn cả người mang bệnh nọc chó dại.

Bỗng một đêm mưa to gió lớn, chủ ấp choàng dậy, vớ lấy cái mõ cá mốc meo, đánh một hồi bảy tiếng. Đã lâu lắm những đêm Mê Thảo không bị khua động vì thứ hiệu lệnh gọi rượu này. Giữa hồi mõ thứ hai thì Bá Nhỡ đã lên, mình khoác chiếc áo tơi đêm mưa.

– Em lấy rượu Cậu uống.

– Ừ.

– Một năm nay Cậu từ uống. Tửu phần vẫn bỏ hoang và rượu chôn vẫn nguyên đấy. Gắn kỹ, chắc hương vị vẫn giữ được. Để cho đào ngay lên Cậu xem.

Thấy chủ ấp đòi uống, Bá Nhỡ mừng rỡ cuống quýt. Hình như người quản gia được yên lòng hơn khi chủ ấp lại trở về với thói tật cũ. Ngắm chủ ấp cầm lại cái chén đã bỏ quên hằng năm, Bá Nhỡ lấy làm hân hoan lắm và tự nhủ thầm: "Cậu cứ uống đi. Rượu đã có Em này cất cho Cậu không bao giờ thiếu lấy một giọt. Còn việc làm ăn trong ấp, Cậu cứ mặc Em tính liệu. Miễn là Cậu đừng buồn, may ra ông Giời mà thương lại, xui cho Cậu lại tục huyền với đời sống – đời sống nhiều khi cũng lại chỉ tượng trưng bằng cái hình ảnh cụ thể người đàn bà muôn năm! – Cậu lại tục huyền mà hồi dần lại với cuộc đời cần lao như ngày cũ thì Em này vui sướng biết đến đâu! Cậu cứ uống đều đều đi. Uống cho triền miên ngày tháng đi".

Rượu vào, Cậu Lãnh lại nhớ đến đàn hát đã bẵng đi một năm tròn. "Này Em này, cái Cô Tơ ấy độ này ở tỉnh hay ở nhà quê nhỉ? Hôm nào Em bảo Cô hát lại cho Cậu nghe. Một cây đàn đi theo với Cô ta thôi. Giờ Cậu sợ cái gì là đông đúc ầm ỹ". Câu nói của Cậu Lãnh thốt ra lúc ngà ngà, rồi tửu đồ cũng bỏ đấy và quên mất. Nhưng Bá Nhỡ thì quên thế nào được. Bá Nhỡ để tâm việc tìm Cô Tơ. Cho người đi tìm không ăn thua gì, Bá Nhỡ thân hành đi tìm lấy, lòng hửng lên như buổi mai ngày hè. "Cậu Lãnh rồi có lẽ khỏi. Phải, Cậu mà không nghe đàn hát tức là hỏng rồi đó, tức là bệnh không thuốc nào chữa nổi nữa. Trừ phi không đủ điều kiện thôi, chứ con người ta sống ở đời, có ai mà lại không nghe đàn hát bao giờ. Đến người chết rồi cũng còn muốn nghe nhạc nữa là".

Nghe nói Cô Tơ dọn nhà hát ở bất cứ chỗ tỉnh thành nào là Bá Nhỡ cũng lộng hiểm mà tìm đến, chấp cả cái việc người ta có thể dò biết cái án cũ tử hình còn treo trên đầu mình. Đi thông mấy tỉnh mà đều không được gặp, Bá Nhỡ bèn tìm hẳn về làng nguyên quán Cô Tơ. Quả như điều dự đoán, Bá Nhỡ đã gặp người danh ca, ở một nếp nhà gianh vùng quê Nhộn. Ông Chánh Thú – chồng Cô Tơ – mất đi rồi là Cô không dọn nhà hát ở tỉnh nữa, lùi về sống cái

đời người thôn nữ làm việc đồng áng sương nắng hai mùa. Lúc Bá Nhỡ lần về đến quê Nhộn thì Cô Tơ đang làm cỏ ở ruộng ngoài chân đê, phải cho người tìm về.

– Cô đã về. Có lẽ Cô quên tôi rồi. Tôi ở trên ấp Mê Thảo mà Cô đã có lần lên hát, cách đây gần ba năm.

– Ông tha lỗi cho. Chúng tôi quên mất thật. Đời chúng tôi đi hát nhiều nơi quá, thật không nhớ cho hết được. Dạ ông cho tìm về, hẳn có điều gì dạy bảo?

– Chúng tôi đi mấy tỉnh tìm Cô. Nay được gặp cũng bõ cái công lặn lội. Chúng tôi muốn thỉnh Cô về trên ấp chúng tôi hát một buổi.

Cô Tơ không trả lời ra sao, đẩy chén nước mời về phía bá Nhỡ, tay sửa lại vành khăn tang. Giời chiều đã nhuộm vàng cây cau ngoài sân, chủ nhà xin phép ông khách cho lùi sang buồng bên để thắp tuần hương chiều thường lệ ở một cái bàn thờ. Lúc trở ra, ngồi ăn giầu, Cô Tơ nói chuyện với khách: "Chẳng nói giấu gì ông, từ khi ông Chánh nhà chúng tôi mất đi, chúng tôi không cầm đến lá phách nữa. Bất nhẫn lắm, ông ạ. Bởi vì hát lên thì lại động đến vong hồn người đàn ngày xưa, ông ạ. Không biết ông có nghe qua đàn ông Chánh nhà chúng tôi lần nào không nhỉ! Tội lắm ông ạ. Bây giờ, chúng tôi giải nghệ rồi, sống cái đời góa ở chỗ thôn quê, được cái cũng nhàn và đủ ăn đủ mặc.

Phần ngựa xe trên tỉnh, chúng tôi nhường lại cho các chị em đồng nghiệp còn trung thành với nghệ với tổ".

Bá Nhỡ tưởng đấy là một câu khách sáo, cười một cách giao thiệp. Sẵn cơm rượu bưng ra, Bá Nhỡ ăn uống tự nhiên như người nhà và nhân tiện ngày hết đã lâu, cũng nhận luôn lời chủ nhà giữ lại nghỉ đêm ở đấy. "Ở vùng chúng tôi, hàng quán xa quá và không được tươm tất. Chẳng mấy khi ông về tới đất cổ lậu này, mời ông nghỉ chơi lại, sớm mai hãy đi. Đêm hôm ông cần điếu đóm nước nôi gì, xin cứ gọi đứa bé nằm ở chõng tre kia". Thế rồi chủ nhà kiếu lùi xuống nhà ngang và Bá Nhỡ cũng đi ngủ ngay, định ngày mai sẽ nói chuyện tiếp với Cô Tơ về nhật kỳ khởi hành lên ấp và định về chỗ tiền thù lao.

Sớm ngày sau, sau tuần nước, lại có cơm rượu bưng ra nữa. Cô Tơ xin phép ăn riêng ở nhà ngang. Lúc Cô Tơ trở lên thì Bá Nhỡ đang ăn tráng miệng, nhồm nhoàm nói: "Vậy hôm nào Cô lên được ấp chúng tôi, xin Cô nhất định cho để chúng tôi cho người về đón".

Cô Tơ cười nhẹ và khoan thai nhắc dùng lại những câu hôm qua đã nói với ông khách. Cô thêm: "Chẳng mấy khi ông lần về đây tìm chúng tôi, thực là quý hóa quá. Không nhận được nhời với ông lên hát trên ấy, thật là phụ cái bụng quý của người tri âm lắm. Nhưng không thể làm sao được. Ông miễn chấp cho". Bá Nhỡ chào ra về, bụng nghĩ có lẽ Cô Tơ không nhận lời ngay vì chưa có kép nào xứng đáng để cùng lên ấp, đi với người đàn kém sợ phí tiếng đi. "Thì ta sẽ làm người kép đó trong một buổi chứ sao. Ta không rõ ngón đàn ngày trước của ông Chánh Thú chồng cô ta ra sao, nhưng Bá Nhỡ này có cầm đến cây đàn đáy thì cũng không đến nỗi là những tiếng bật bông. Rồi xem. Có lẽ ta đánh đàn đáy vào hôm đó. Đỡ được một tay kép ngoài. Cuộc vui sẽ thân mật hơn. Và ý cậu nhà cũng muốn ít người thôi". Trên con đường trở lại Mê Thảo, người quản ấp vui tươi như hôm vừa rồi thấy Cậu Lãnh đòi uống lại.

Một tháng ròng, Bá Nhỡ cho đón một người kép nghiện về ấp để luyện lại ngón đàn đáy, cung đốn thầy đàn quá là phụng dưỡng cha già, chỉ đinh ninh hễ thành thuộc hết cái bí mật của nhà nghề khi đã ghim được rồi, là sẽ hạ sơn đón cô Cô Tơ mà sóng tơ mình với trúc người, ít ra là một lần này – để Cậu Lãnh có dịp đầu thai lại vào đời sống.

Mà tập đàn đáy đến như Bá Nhỡ thì tức là cướp cả nghề của kép nghiện đấy. Bá Nhỡ không thèm buông một tiếng tơ nào. Đã bấm đến tiếng đàn nào thì tiếng ấy cứ chín nục đi. Không một chữ nào sượng. Tưởng có đi đàn thờ ở một cửa đình nào, thì ông thần làng lấy giải cũng không bắt được Bá Nhỡ đàn lỗi ở bất cứ khổ nào. Trông Bá Nhỡ thắt cổ chó mỗi lúc nối dây, xinh đáo để. Mà người tỉ mỉ đến thế là cùng. Không một bộ phận cỏn con nào của nhạc khí lôi thôi kềnh càng ấy mà Bá Nhỡ không thuộc. Không nói gì đến cái quá giang cái thú của đàn, đến như cái mõ phím đàn cái vú đàn, Bá Nhỡ cũng tò mò đến. Thế rồi những ngón đàn như vê, lấy, chụp, vuốt, nhấn, những tiếng thoảng, những chỗ xòe, Bá Nhỡ đều nhập tâm cả coi cũng như là công việc sổ sách hàng ngày trong ấp tằm.

Bà Nhỡ đi nài lại cậy đàn đáy cũ, thành bằng gỗ trắc đã lên nước, tang bằng gỗ ngô đồng Chiêm Thành. Gỗ mặt đàn in sâu những thương tích của nghề do cái đầu gảy muôn thuở của các bực tiên chủ đã cẩn mãi vào tang. Bá Nhỡ lìa Mê Thảo, ôm cây đàn cũ ấy về quê Nhộn.

Lần này gặp Cô Tơ, Bá Nhỡ nói ngay: "Có lẽ Cô sợ không có người đàn nên lần trước, thỉnh Cô, Cô không chịu đi. Lần này tôi đem luôn cả đàn xuống, đàn thử thẩm âm mấy khổ, hễ Cô thấy không đến nỗi sượng lắm, thì Cô nhận lời mời nhé!" Thế là ngồi vặn trục, thử lại dây, Bá Nhỡ đàn luôn.

Tùng tung tếnh, dênh dênh a dênh
Tùng tung tùng tung tùng tếnh tùng tung tụng, tung tùng tếnh tùng tênh tùng tung (xòe)
Tùng tếnh tang tùng tang, tùng tang tếnh tang
Tếnh tênh tang tùng tếnh tênh tang
Tếnh tùng tếnh tênh tang
Tùng tếnh tùng tênh tang (xòe).

Đầu tiên, Cô Tơ còn bỡ ngỡ với những tiếng đàn mà đến mấy năm nay Cô coi như là việc cổ tích đã cất vào cái tủ mọt nào rồi. Ông Chánh Thú chết, Cô liền không cho tai mình nghe bất cứ tiếng đàn nào của người đàn ông nào. Cô chưa hết ngẩn ngơ thì Cô đã phải chú ý đến ngón đàn khuôn của ông khách. Những chỗ buông bắt, sao mà giống cái nghệ thuật ngày xưa của ông Chánh Thú đến thế. Miệng Cô mấp máy, cổ họng muốn dặng hắng, Cô muốn hít một hơi cho đầy hai lá phổi. Cánh mũi Cô phập phồng nhẹ, Cô muốn hát vo theo những khổ đàn của Bá Nhỡ cứ như thấm mãi vào người. Cô muốn quỳ xuống mà lạy tổ muôn lạy và hối vì đã có ý muốn giải nghệ. Bá Nhỡ để nằm cây đàn xuống giường, đầu dọc đàn đụng vào tà áo người chủ nhà góa. Cô Tơ nhích ra thở dài.

– Cô có thể cùng đi với tôi lên trên ấp ngay giờ chứ?

– Biết nói thế nào cho phải với ông bây giờ. Chúng tôi cũng chẳng lấy làm cao quý gì cho lắm để ông phải vời đến mấy lần. Ngày trước thì lại chẳng được gặp những bực như ông cho. Tôi không thể nào đi hát được nữa ông ạ.

– Đàn tôi còn non, Cô sợ tôi không ghim nổi chăng?

– Không phải. Đàn ông chín lắm. Nghe đàn của ông, đến người đá cũng phải bật ra tiếng hát. Tôi nói thực đấy ông ạ.

– Vậy sao Cô không chịu nhận nhời mời! Phách, tôi chắc Cô không quên được rồi, dẫu có bỏ lâu ngày đến đâu đi nữa. Hay là Cô chưa được khỏe?

– Thưa ông, tôi không đau ốm gì cả. Thôi ông chịu phiền vậy. Để tôi cho tìm một người bạn tôi ở thôn dưới về ấp hát chầu các ông nghe vậy. Cũng gần đây.

– Nếu Cô không nhận nhời cho thì Cậu Lãnh chúng tôi cũng không dám phiền đến ai. Nếu Cô ngại điều gì, thì chỉ dám phiền Cô cất công đi cho một lần này thôi. May ra Cậu Lãnh tôi khỏi được, thì chúng tôi chịu ơn Cô nhiều lắm.

– Nghe hát, khỏi được! Khỏi gì ạ? Ông nói thêm cho chúng tôi rõ.

Bá Nhỡ liền đem tình cảnh ấp Tháo và bệnh tình chủ ấp kể tường tận cho người đào nương nghe. Cô Tơ lấy làm suy nghĩ quá.

– Thế này ông nhá. Đáng nhẽ thì chúng tôi cũng không nói ra. Vì nó là một câu chuyện kín ở trong nhà, riêng đối với một người đã khuất. Nhưng ông đã đem việc trên ấp mà kể cho chúng tôi nghe, chúng tôi cũng không dám dấu ông về cái tâm sự của tôi nữa. Và khi tôi thuật xong ông nghe rồi, ông đừng nhắc lại chuyện lên hát trên ấp ông nữa nhá!

– Xin Cô cứ kể cho nghe đã.

– Đây là một câu chuyện nhà, tưởng không bao giờ có thể bận đến tai ông. Số là lúc ông Chánh nhà chúng tôi nằm xuống, vợ chồng thương yêu nhau quá mà không làm thế nào cưỡng lại được mệnh giời, chúng tôi có thề độc với nhau một câu. Là vắng chồng rồi thì thề không uốn một tiếng hát nào cho thiên hạ nghe nữa, trừ phi... trừ phi lại có người nào dám cầm đến cây đàn đáy cũ của chồng tôi mà đàn lên lúc tôi gõ. Lắm lúc nhớ tiếng hát mình quá và lại thêm công việc nhà nhiều khi thiếu sự chi dùng, chúng tôi cũng có ý rời quê lên tỉnh để dọn nhà hát lại. Nhưng cứ nghĩ đến nhời thề đối với cây đàn của chồng mà lại không nỡ, mà lại không dám...

– Tôi ngắt Cô một chút. Thưa Cô, tôi tuy không tài giỏi bằng ai, nhưng tôi dám đàn vào cây đàn của ông Chánh Thú. Ít ra là một lần trong đời tôi. Tiếng đàn hay hay không hay là ở ngón đàn của người đánh chứ có phải là của riêng nhạc khí đâu. Nếu có chiếc đàn của ông Chánh đấy, xin phép Cô cho tôi thử một vài khổ, xem nó khó khăn thế nào.

– Ông để tôi nói tiiếp. Nguyên cây đàn đó hình như có phù trú yểm bùa biếc gì đó. Tang đằn làm bằng nắp ván thôi cỗ quan tài một người con gái đồng trinh. Hồi còn mồ ma nhà tôi, cái đàn ấy cũng đã sinh ra nhiều chứng lắm. Về sau này, cứ vào những đêm tối giời thành đổ mồ hôi cứ vã ra như tắm và thùng đàn phát lên những tiếng thở dài và vật mình vật mẩy với bức vách, cứ lủng củng suốt đêm. Thấy thế mãi rồi nó cũng quen đi, chứ mấy lúc đầu, tôi sợ lắm. Vả chăng, vì có sự nhớ thương mà rồi cũng đỡ cái nỗi kinh hãi đi.

– Cây đàn ông Chánh đổ mồ hôi và thở dài?

– Vâng. Tôi không dám buộc ông tin những điều ấy. Nhưng việc đó ở nhà này, đàn bà chúng tôi thường vẫn thấy có sự linh ứng luôn.

– Cô có thể cho tôi nhìn qua cây đàn ấy không?

– Dạ vâng. Dựng ở cạnh bàn thờ. Nhưng tưởng nói qua ông nghe thế là đủ và chẳng cần ông phải xem đến.

– Không, Cô cứ cho tôi đứng cạnh nhìn qua. Với lại, Cô cũng nên cho tôi thắp một tuần nhang trước bàn thờ ông Chánh nhà. Tuy không được biết nhau lúc sống, nhưng có hề gì điều ấy. Cũng là một nòi tài tử cả mà. Lễ nhau một lễ cũng là điều phải.

Bá Nhỡ có một lối nói cứ xoắn lấy việc, không thể nào từ chối được. Vả chăng, người ta cũng có cốt cách phong nhã. Cô Tơ đành phải đưa một ông khách nhất kiến vào xem bàn thờ chồng và nhất là cây đàn cũ dựng đấy. Bá Nhỡ đang ngắm nghía cây đàn bụi bám đầy, mạng nhện giăng cả lên mấy sợi tơ dày – khom mình cách xa đàn độ một với tay – bỗng đàn cũ nổ một tiếng tách gọn như cái tiếng nút dọc bóng đèn a phiến. Bá Nhỡ giật mình ngấc lên, lùi ra một chút. Thì ra một sợi dây vừa đứt phụt, nó đang xoắn quấn và

rung rinh gợi lại vào phòng vắng ít dư ba của thanh âm dùng dắng rỉ rền.

Bá Nhỡ lặng lẽ thắp hương, khấu đầu làm lễ trước bàn thờ lạnh mộc. Bát hương nấu âm, tự nhiên các chân nhang đều cháy bùng lên và tàn lụi dần trên gio bát. Cô Tơ sợ quá và sắc mặt Bá Nhỡ cũng tái nhợt đi. Trở ra ngoài phòng khách, Bá Nhỡ gật gù:

– Hồn ông Chánh có điều thiêng lắm đấy, Cô ạ. Thế rồi cây đàn còn những làm sao nữa, hở Cô?

– Năm ngoái, cũng có một người đến đây nằn nì tôi hát nói. Ông ta cũng sành đàn lắm. Nể quá, tôi gõ mấy khổ, rồi phải bỏ dở. Và cho đến bây giờ vẫn còn hối hận.

– Sao, sao, Cô?

– Ông ta đàn được mấy khổ vào cây đàn của nhà tôi...

– Cây đàn cũ của ông Chánh dựng trong buồng thờ vừa rồi?

– Chứ ông bảo còn cây đàn nào khác nữa. Nghĩa là tôi đã thề với ông Chánh như thế. Tôi cũng tưởng cứ làm đúng với lời thề thì không việc gì. Nếu tôi biết trước được có sự xảy ra như thế thì tôi đã ngăn được ông khách ấy. Không nghe hát thì có ai chết bao giờ. Chứ cứ nghĩ như cái lần ông khách ấy nghe hát mà tôi thấy tội cho tôi quá. Cái mạng con người ông ạ.

– Ông ta chết bên cây đàn?

– Tôi không nói đùa. Và xin ông trang nghiêm lại lối nói cho. Ông khách ấy không chết, nhưng thành ra hỏng mất hẳn một nửa bên người. Ông có muốn gặp lại cái người bán thân bất toại vì ca nhạc ấy, tôi chỉ chỗ cho ông tìm đến mà hỏi chuyện. Ông ta ở vùng Bắc.

– Đầu đuôi câu chuyện thế nào, xin Cô cho được nghe rành rọt.

– Ông ta ngồi đàn mà tôi gõ. Không có ai cầm trống. Mới xong được câu mưỡu. Tôi mới buông dở chữ quê sao ở câu *"Nhớ quê chàng lại tìm đường thăm quê"* thì thấy ông ta rùng mình mạnh, tay đàn lìa hẳn đầu gảy, cả người run lên, mặt xám đi và mắt dại hẳn ra. Tôi vội bỏ cỗ phách đấy, chạy đến đỡ ông ta vì người ông ta cứ thế mà thỉu dần đi. Phải tìm ông thầy và đổ thuốc cho ông ta gần sáng mới tỉnh lại và nói được, miệng lệch hẳn về một bên. Nhớ lại câu

ông ta nói mà nhiều lúc tôi muốn xoay nghề. "Tôi đam mê đàn hát quá, không nghe lời Cô dặn qua về cây đàn thờ, để đến nỗi hỏng một nửa người, để đến nỗi thành phế nhân, lỗi chỉ tại tôi. Giờ phiền Cô cho người đưa hộ tôi về nhà được thì tôi chịu ơn Cô thật là nhiều lắm". Tôi thuê cái võng và cậy hai người khỏe mạnh võng ông ta về vùng Bắc. Võng ông ta vừa ra khỏi cổng nhà ngoài sân kia, thì bên buồng thờ bát nhang cũng hóa và cháy bùng lên như hôm nay ấy ông ạ.

Bá Nhỡ ngồi một mình cạn hết chén này đến chén khác, không có hỏi thêm nói thêm một câu nào, khi cáo từ Cô Tơ, chỉ nài chủ nhà phải nhận chỗ tiền đưa về sự phí tổn lặt vặt.

Về tới Mê Thảo, Bá Nhỡ vào thẳng buồng riêng mất một đêm một ngày, mắt không phút nào nhắm và cánh tay để trên trán đọng hẳn máu lại. Việc tằm việc ấp, có điều cần kíp đến mấy, dân ấp cho người lên vấn kế, Bá Nhỡ cũng xua tay đuổi xuống. Thậm chí Cậu Lãnh cho đòi, Bá Nhỡ cũng không chịu lên, lấy cớ rằng khó ở lắm. Bá Nhỡ không ăn không uống, chỉ nằm dài thế mà nói chuyện riêng với riêng mình thôi.

"Như thế là cầm đến cây đàn của Chánh Thú là phải chết, nếu không chết thì cũng phải thương tổn đến toàn thân thể như cái lão gì bên vùng Bắc. Ta có nên quyến luyến với cái thể xác ta nữa chăng? Ta thử nghĩ xem ta có còn để dành ta vào việc gì khác không? Hay những ngày mai ngày kia cũng chỉ là sự tái diễn của ngày này thôi! Đổi tên tuổi lên cái ấp nuôi tằm để rồi mà hết hẳn ở đây hay là hết ở một chỗ nào khác trong không gian? Cậu Lãnh đãi mình rất hậu. Đấy là một cái ơn tri ngộ. Ta muốn trở nên một chút ánh sáng, ta muốn trở nên một cái đốm lửa để làm bừng dậy trong lòng con người tê dại này. Có thể đấy là một cuồng vọng. Có thể chỉ là một cuộc thí nghiệm suông mà riêng mình chịu lấy phí tổn thôi. Nhưng cuộc thí nghiệm nào mà chẳng có trị giá. Hình như ta sắp đọc thấy cái ý nghĩa của thời giờ ta đang tiêu đây. Ta học nghề đàn, ta phải đánh lên thành tiếng, dẫu rằng đời chơi đàn của ta chỉ vẳng được lên có một lần, trong một trường hợp đặc biệt. Quái, sao cây đàn của Chánh Thú ám ảnh và thử thách đến thế! Cầm cái đàn ma quái ấy mà gảy để Cô Tơ hát, để Cậu Lãnh đánh trống! Ta muốn làm được việc ấy ngay bây giờ". Bá Nhỡ nghĩ trước đến những nương

dâu lá xanh um sau này mà mắt mình không ngó đến nữa. Bá Nhỡ nghĩ trước đến những lứa tằm chín – ruột đỏ trong suốt như hổ phách gọt mài – mà sau này tay mình không đụng đến nữa. Ý nghĩ Bá Nhỡ lúc này cũng là một ý nghĩ trả nợ đời và đời y lúc này cũng chỉ là một sự rút ruột con tằm. Có còn vương được tơ nữa về sau hay không thì chưa biết, nhưng rồi đây cầm đến cây đàn Chánh Thú ấy mà đánh lên thì cái thác của đời tằm nào mà chẳng là say sưa. Nhả cái tơ lòng ấy ra, đánh lên cái tơ ấy cho dội vang lên một giây phút của thời gian rồi mà hết luôn với cả chung quanh! Bá Nhỡ muốn cười to lên một tiếng. Tiếng cười ấy không thành, nhưng Bá Nhỡ đã ngã vật được xuống. Và mắt người nằm đấy tuy không nhắm, nhưng lòng người ấy đang chiêm bao đến những giây khắc sắp tới của đời mình. Từng cái một, tóc người ấy trắng mãi ra như sợi cước.

Vô tâm đối với chung quanh đến như Cậu Lãnh cũng phải giật mình khi trông thấy cái đầu trắng xốp như mây của Bá Nhỡ đang động đậy và đưa gần mãi về phía mình, bên lối cỏ của tửu phần.

– Có hai hôm vắng mặt, mà sao đầu Em đã ngả bạc hết cả rồi?

– Cậu tưởng đời Em còn xanh lắm sao?

– Chết chửa, không còn gốc nào xanh. Em chịu khó xuống lại buồng riêng lấy gương soi mà xem. Tóc Em thật như là tơ trên đầu một vị tiên ông nào.

Bá Nhỡ lại muốn cười to, tâm bận với một chữ tơ. "Tơ tóc. Tơ trên đầu. Tơ trong lòng. Tơ đàn. Sợi tơ cây đàn nay mai ở nhà Cô Tơ. Tiếng tơ tiếng trúc của một bữa tiệc lên đường nay mai bằng cái đi muôn thuở của âm nhạc".

Chủ ấp và quản gia đối ẩm, thân mật hơn mọi ngày. Chén rượu chen tiếng đàn. Nhân tiện, Bá Nhỡ cũng muốn ôn lại những khổ đàn đáy, tưởng như mình sắp đi thi làm quản nhạc. Hơi rượu ủ lấy hơi tơ. Tiếng gảy kẹp lấy tiếng rót. Thời gian thản nhiên lướt trên hai cái tâm sự. Một người uống để kéo dài đời mình ra bằng sự nhớ thương một cái bóng trắng. Một người đánh đàn để càng cảm thấy rằng đời mình rồi sắp là cuộc đời của một sợi tơ do tay mình cấu đứt. Thế mà lòng người đánh đàn quyết liệt ấy cũng vẫn cứ se thắt được để rồi lại tự nhủ thêm mình rằng: "Ta không vợ không con, đổi tuổi đổi tên họ, lẩn lút lần lữa nơi ấp người, trên đầu đội

một bản án tòa đại hình. Ta còn đợi gì nữa ở cuộc đời ta! Ta không chờ mong gì ai. Và tất cả các thứ tầu và chuyến tầu của cuộc đời này không chờ một kẻ hành khách cô độc đây. Có ai đưa ra được một lý lẽ chính đáng nào để ta không nhấn ngón tay vào phím đàn Chánh Thú! Đã nhìn thấy cây đàn cũ ấy thì phải đánh – đánh cả cuộc đời mình vào đấy – để rồi xem nó thành được ra tiếng gì". Bá Nhỡ thấy cái cám dỗ của những phút muốn thử đến một cái gì, muốn thử mình với một cái gì.

Gần tàn tiệc đêm, Cậu Lãnh vụt nhớ đến cái thèm ước cũ: "À, hôm nào Em cho tìm Cô Tơ về ấp hát một buổi. Đàn của Em nghe chín lắm. Sao mọi khi không thấy Em chơi đàn đấy! Ừ, chưa có lần nào Em đánh đàn đấy. Có Cô Tơ hát thêm vào nữa, thì cuộc đời cũng không đến nỗi toàn là những chén "Vô Cố Nhân" đó Em ạ.

Chủ ấp lại đòi vợi thêm nửa bì "Vô Cố Nhân" nữa để cho mặt giời rọi lệch ánh buổi mai rừng vào miệng những chén trào sóng còn xủi tăm. Đã trên dưới nghìn đêm rừng rồi, gà ở ấp Tháo chỉ còn gáy chõ vào một chén rượu của một con người này.

Bá Nhỡ lại xuống núi, tay không mà xuống núi chứ không có đem đàn theo như lần trước. Lần này là lần thứ ba mà một người đánh đàn tìm đến một nếp nhà gianh để cầu một tiếng hát.

Trông thấy Bá Nhỡ bước vào nhà, Cô Tơ càng lo sợ nghĩ đến cái mộng hôm trước không khéo mà ứng vào ông khách trên ấp này đây. Đêm nọ gần về sáng, Cô Tơ nửa thức nửa ngủ chờn chợn nghe thấy tiếng người rón rén đi từ trong buồng thờ ra. Cô quay mặt lại phía cửa màn thì đã thấy ông Chánh Thú đứng sững đấy, áo xô gai rộng tay và hoen ố. Cô định vùng chạy đi thì hồn người chồng ra hiệu là không việc gì mà sợ. Ngồi men vào thành giường, cái hồn mặc đồ vải trắng bệch ấy phào phào với vợ: "Một ngày rất gần đây, sẽ có một người tìm đến để nghe mình hát. Cứ để cho người ấy đàn vào cái đàn dựng ở bàn thờ tôi. Mình đừng có ngăn giữ người ta. Mình phải hát cho người ấy đàn. Đàn xong người ấy lăn ra chết. Thế là người ấy sẽ thế mạng cho tôi ở dưới cung Thủy Tinh này. Thì tôi mới được trở lên làm người dương gian. Đàn dưới này cho Diêm Vương trong mười vương phủ, tối tăm khổ sở lắm. Những thanh âm của ngục tối, mình ôi! Mình nhớ kỹ lấy để tôi được đầu thai về

cái thế giới tơ trúc trên dương gian. Lần trước đã hụt mất một dịp đầu thai vì mạng cái người bên Kinh Bắc ấy còn vững lắm, tôi bắt chưa được. Thôi tôi về đây". Một luồng gió lạnh lay động lá màn. Cô Tơ ngồi hẳn dậy thì không thấy gì nữa. Và một điều lạ là trong buồng thờ lại có ánh đèn. Ai thắp? Bao giờ Cô cũng tắt đèn thờ trước khi đi nằm. Cô vào đến nơi thì có ba tiếng nứt tách rất dứt khoát. Ấy là ba sợi dây tiểu dây trung dây đại ở đàn đáy kế tiếp nhau mà cùng đứt. Một con đom đóm vờn bay trên cây đàn nhễ nhại mồ hôi. Trên nền tang đàn gỗ ngô đồng, có những đốm lân tinh lập loè. Cô Tơ lại gần nhìn mới biết đấy là máu của dây đàn đứt. Đầu các dây còn rung lên, ruột sợi tơ rỉ tuôn ra một thứ nước đặc sệt như máu con giời leo và xanh đục như ruột bọ nẹt. Chất ấy đọng thành giọt ở các đầu dây và lóe tia xanh lạnh lên dưới cái sáng chờn vờn của lửa con đóm. Cô Tơ thắp một tuần nhang bất thường và, đổ cỗ phách ra khỏi túi vóc, Cô gõ mấy câu hát thờ.

Công việc đồng áng của Cô Tơ vào sau giấc chiêm bao ấy có điều trễ nãi hơn mọi khi. Rồi là thấy Bá Nhỡ vào nhà Cô.

Sực nhớ lại mấy lời trong mộng, Cô Tơ chỉ vội mời Bá Nhỡ uống nước, và bỏ mặc khách đấy, Cô lùi ngay vào buồng thờ châm đèn hương, thỉnh chuông và cầm hai đồng tiền gieo xuống đĩa xin âm dương, khấn: "Nếu mộng triệu ứng vào người khách chơi đàn trên ấp Mê Thảo đang ngồi ngoài kia, thì tôi muốn xin mình tha cho người ấy. Mình chờ đến người sau rồi hãy đầu thai lên lại với cuộc đời bằng thịt bằng xương thật này. Cũng không lâu gì đâu. Mình muốn lúc nào thì cứ báo mộng cho tôi là tôi tìm ngay được một người cầm vào đàn của mình mà đánh để rồi chết. Thiên hạ nào phải thiếu gì người cầm đàn chạy theo vợ mình. Có trôi sông cũng không hết. Nhưng đến cái người ngồi ngoài nhà kia thì tôi thấy không đang tâm. Tôi xin mình, mình chứng giám cho tấm lòng ngay thẳng và thương người của vợ mình. Tôi gieo tiền, mình bằng lòng thì một đồng xấp một đồng ngửa".

Tiền khất đài, một mặt bôi vôi, ba lần gieo xuống đĩa thì ba lần chỉ quay tít mà cười rồi lăn ngửa cả ra đĩa, chứ không keo nào được cả. Cô Tơ hoa mắt, nghẹn nơi họng và trong người như có ai đặt hỏa lò. Rồi cô lặng cúi trở ra phòng khách, không dám nhìn thẳng vào Bá Nhỡ.

– Thưa Cô, tôi về ấp đã nghĩ kỹ rồi. Tôi sẽ đánh đúng vào cây đàn thờ dựng trong buồng. Sự gì sẽ phải xảy ra cho tôi, tôi vui lòng chịu lấy. Cô không nên lo sợ ái ngại gì cho tôi cả.

– Thưa ông... Thưa ông...

– Thưa Cô, tôi đã nhất định. Nếu tôi có tránh được cái việc đánh vào cây đàn ông Chánh, tôi thấy đời tôi nó cũng chẳng thêm hơn lên lấy được một điều gì. Có lẽ còn nhạt là khác nữa.

– Thưa ông...

– Thưa Cô... mà lần này chắc không còn có cách gì để Cô từ chối nữa. Vì Cô không phải lên hát tận trên ấp. Cô ngồi hát ngay ở bục kia. Tiện lắm.

– Thưa, không có trống?

– Điều đó, tôi đã tính rồi. Chừng vàng mặt giời thì võng Cậu Lãnh tôi sẽ có người cáng tới đây. Cậu Lãnh sẽ cầm chầu. Cô sẽ hát, tôi sẽ đàn – đàn ngay vào cái đàn ông Chánh. Thôi, Cô bảo dọn qua loa cho tôi cái gì để uống mấy chén cho ấm bụng.

Trông người quản gia ấy nâng chén độc ẩm, người ta phải liên tưởng tới cốc rượu mạnh của tội nhân sắp lên đoạn đầu đài. Bởi vì, chốc nữa – chỉ một chốc nữa thôi – khi mà Bá Nhỡ cầm đúng cây đàn thờ ấy lên, hễ bắt đầu sòng lên ba tiếng tức là ký vào một bản án tử hình đấy.

Cả người Cô Tơ là một cõi bồn chồn không có biên giới. Cô ở nhà ngang chạy lên nhà trên, nhìn vào mâm rượu rồi lại nhìn trộm Bá Nhỡ và rồi lại quay xuống. Cứ thế mãi. Cô muốn được trốn tránh lánh đi đâu chứ không muốn là một xúc cảm gì ở cái nhà này nữa. Cái sinh mệnh của người tự tống tửu cho mình kia chỉ đang treo vào một sợi dây... tơ! Và Cô sắp hát cho người ấy nghe để cho sợi dây tơ kia đứt phựt.

Chiếc cáng điều ấp Mê Thảo đã dựng giữa sân nhà Cô Tơ hai đầu gác lên hai cái trấu gỗ ổi già. Cậu Lãnh vẫn chưa tỉnh rượu, hai lực điền dân ấp vực Cậu Lãnh vào, đặt Cậu ngả lưng bên gối xếp. Bá Nhỡ ra hiệu cho chủ nhân triệt soạn mà mời Cô Tơ đổ phách ra mà gõ ngay đi thôi. Sau khi châm mấy nén hương vĩnh quyết

vào bát hương thờ Chánh Thú, Bá Nhỡ đã khệ nệ ôm cây đàn thờ từ trong buồng ra. Cô Tơ cầm phách gõ.

Bá Nhỡ thử dây, vặn trục đàn. Trục nghiến gắt và nấc dần lên mãi. Cần đàn ôm sát vào mặt, Bá Nhỡ ngửi thấy một mùi tanh tanh gỗ đàn đã truyền sang lòng tay một chất nhờn sánh. Buông đầu gẩy xuống dây, đàn vẳng ngân một tiếng cuồng loạn. Và những đầu ngón tay phải – Bá Nhỡ đàn tay trái cũng như cầm đũa cầm bút – nhấn xuống dây đã ran lên những cảm giác buốt nhức. Bá Nhỡ chững chạc buông ba tiếng sòng.

Cậu Lãnh còn đang li bì vội choàng dậy, cầm roi chầu đánh luôn mấy tiếng. Người Cậu Lãnh chỉ còn ở hai cánh tay và hai cái tai, chứ cật và chân cứng đờ và mắt thì nhắm nghiền, cầm vểnh lên giời. Cô Tơ như mất hẳn hồn, cái tâm chỉ còn lên xuống theo với bực đàn. Gỗ bục dưới thân tan loãng đi đâu để cả người Cô Tơ phiêu phiêu lững lờ trôi mãi giữa không.

Chưa bao giờ Cô Tơ thấy rõ cái đau khổ ngậm ngùi của tiếng đàn đáy buổi này. Tiếng đàn hậm hực, chừng như không thoát hết được vào không gian. Nó nghẹn ngào, liễm kết cái u uất vào tận bên trong lòng người thẩm âm. Nó là một cái tâm sự không tiết được ra. Nó là một nỗi ủ kín bực dọc bưng bít. Nó giống như cái trạng huống than thở của một cảnh ngộ vô tri âm. Nó là cái tấm tức sinh lý của một sự giao hoan lưng chừng. Nó là niềm vang dội quằn quại của những tiếng chung tình. Nó là cái dư ba của bể chiều đứt chân sóng. Nó là gió chẳng lọt kẻ mành thưa. Nó là sự tái phát chứng tật phong thấp vào cữ cuối thu dầm dề mưa ẩm và nhức nhối xương tủy. Nó là cái lả lay nhào lìa của lá bỏ cành. Nó là cái lê thê của nấm vô danh hưu hưu ngọn vàng so le. Nó là cái oan uổng nghìn đời của cuộc sống thanh âm. Nó là sự khốn nạn khốn đốn của chỉ tơ con phím. Nó là một chuyện vướng vít nửa vời.

Tiếng đôi lá con cỗ phách Cô Tơ dồn như tiếng chim kêu thương trên dậm cát nổi bão lốc. Nhiều tiếng tay ba ngừng gục xuống bàn phách, nghe tàn rợn như tiếng con cắt lao mạnh xuống thềm đá sau một phát tên. Tay phách không một tiếng nào là nhụt. Mỗi tiếng phách sắc như một nét dao thuận chiều. Và gõ đến như thế thì thật là đem cái vinh quang đến cho tre cho trúc và tạo cho thảo mộc một

linh hồn. Dưới mười ngón tay hoa múa dẻo quánh, tre trúc bật nẩy lên vì thỏa thích. Đàn và hát dắt nhua mà lướt bổng. Cậu Lãnh mềm tay roi, càng mê tơi đi vì tơ trúc ríu ran. Chưa hồi tỉnh cuộc rượu của ấp. Cậu lại tự bồi thêm trận rượu của đên nhạc. "Đàn ai đàn...".

Nắn những đường gân ngang nó gò cong mình xuống đàn nó day thịt da tê cóng trên dây sắt buốt như cật cứa, mấy đầu ngón tay Bá Nhỡ sưng vù và bật máu. Bá Nhỡ đang chịu một nhục hình bá đao tùng xẻo. Nghe phách Cô Tơ, ở những khổ rung thưa rồi mau, Bá Nhỡ say sưa trong cái nhận thức là mình đang chết dần giữa đàn hát và mỗi tiếng trúc tiếng tơ đánh thêm lên là mình lại càng lả dần về cõi chết. Có người tự tử bằng mùi hoa ngát, có người tự tử bằng hơi nhạc. Người đang luyện phím khảo dây bỗng nở một nụ cười héo sũng trên hai môi tái.

Máu chảy ra nhiều quá. Toàn thân Bá Nhỡ đỏ ngòm. Áo quần màu trắng của Bá Nhỡ vụt trở nên vóc đại hồng, trông hệt một người phục sức để ăn thượng thọ. Người Bá Nhỡ đã là một cái vại đựng chất lỏng có nhiều chỗ rò rỉ. Máu trong cơ thể Bá Nhỡ cứ đều một dòng tuôn mà thấm lậu ra ngoài. Bá Nhỡ đã thấy khát nước. Và khắp mình mẩy, xót nhức không biết đâu là chừng hạn nữa. Một tiếng đàn là một miếng thịt lẩy ra. Tí một, tiếng đàn đưa nhau về nơi vĩnh quyết. Tang. Tùng. Tùng! Tụng. Bá Nhỡ vấp một chỗ nhấn, đầu ngón tay đỗi dây lát trên mõ phím cao quyện huyệt. "Đàn ai... đàn... một tiếng".

Vừa có một mũi kim nào châm vào cái đốt cuối xương sống Bá Nhỡ, làm cho cây đàn đột ngột bật hẳn cần dọc lên. Rồi không rõ từ đâu vào, vẫn ở đoạn xương sống, có nhiều hạt muối lạo xạo đánh loãng chất tủy người đang gò đàn. Ruột nhũn hẳn ra, óc se thắt lại, chỉ còn có cái tâm Bá Nhỡ là điều động với lớp tơ trúc dật dờ.

Gân tay Cô Tơ xuống phách đã có chiều lảo đảo vì chuột rút. Hạt châu lẩy bẩy đọng trên môi người hát, sáng đục như mắt chuồn chuồn. Phải nuốt nước mắt mặn chát tuôn đều với máu người đàn đối diện, tiếng hát Cô Tơ có nhiều chữ buông bắt đã hết vuông hết tròn. Tiếng hát đã sa làn rồi khê và mực hát đã có chỗ bửng.Cả hát cả đàn đang dắt tay nhau sa lầy trên cái mênh mông bùn sũng ngào

vỏ ốc, mờ rộng xanh lơ ngút chân trời. Cô Tơ rùng mình. Hình như đây là pháp trường đang có những tiếng mớm chiêng đồng. Như ăn phải bát cháo lú bên sông Hắc Thủ, Cô mê thiếp đi. Tiếng hát méo dần.

Thoáng một tiếng dây đàn đứt. Cô choàng tỉnh để nhận cái đầu tơ ấy bắn vào mặt. Thái dương Cô tê dại trong khoảnh khắc. Rồi vững lại tay phách, chỉnh lại hơi có hơi mũi, Cô Tơ hát bây giờ mới vượt qua những đỉnh nhọn của thế giới âm thanh. Tiếng hát mọc cánh, thăm thẳm trong tinh khiết quá pha lê gọt. Cô đang gọi nước suối đá ngọt ngào dâng lên. Tiếng phách trúc díu dan như cô đục lại được muôn điệu của muôn giống chim. Có những tiếng tre đanh thép, sắc bén đến cái mực cắt đứt được những sợi tóc nào vô tình bay qua khoảng nơi phách đang bốc cao vươn mình dựng dậy như vách thành. Đôi tai Cậu Lãnh Út chỉ là cái phễu để Cô Tơ rót vào đấy cả một rừng chim và cả một suối thủy tinh.

Cô Tơ giờ mới để ý đến những tiếng trống điểm. Trống người chủ ấp trẻ ấy sát phạt thật. Thật là một thứ trống lợi hại. Trong tiếng trống, có tiếng đổ nhào của ngói gạch vụn rời. Hình như tất cả những lâu đài cung điện của cuộc đời nhỡn tiền đều tan rã theo một cái roi quật xuống mặt da loài thú. Hình như phải có được vô vàn vàng lụa lũy thế mà phí đi thì mới đổi được ra thành cái tiếng âm âm đục đục ấy. Chầu, điểm đến như thế thì khỏi nào mà tránh được chuyện oan trái cùng người gõ trúc.

Lúc này, Cậu Lãnh chỉ biết có sự thẩm âm. Âm trúc, âm tơ. Còn ngoài ra Cậu không biết gì hết. Chén tống rượu cứ liên tiếp mà vơi mà đầy, gia nhân đi theo rót đưa đến đâu thì Cậu uống đến đấy. Tưởng lúc bấy giờ, cả quê Nhộn này có phát hỏa, cả chung quanh Cậu đất có sụt nứt hết, Cậu cũng mặc. Cậu đang ngủ cái giấc ngủ thôi miên của âm nhạc. Không một tiếng nào lép, roi cứ như ôm lấy tang mít, rồi cứ như dán vàp mặt da.

"... Nguyệt dãi tàn nhang... ư... Con sông hồ nước biếc..." Nhưng thật ra Cô Tơ chuyển hướng tiếng hát vào lòng người chơi đàn chứ không bận gì mấy đến người điểm chầu. Bá Nhỡ ngồi trước mặt kia, sinh mệnh chỉ còn dính vào cuộc đời bằng một vài khổ đàn nữa thôi. Tắt bản đàn, là cuộc đời người đang xuống cái đầu gẩy bằng sừng

bó tót cũng hết luôn. Hơi tơ thiểu não như lời gởi gấm giối giăng. Nó buồn rộng ra nhòe quá một tiếng lên đường. Thôi thì đây cũng là những tiếng cuối cùng của đời. Cô Tơ cố bắt buông từng chữ cho thật chín nục để kẻ sắp hết làm người kia đem đi cho thật đầy đủ cái dư âm của cõi sống. Làn hát chênh đi như lời giã từ ngượng ngịu.

Trong buồng thờ Chánh Thú, có tiếng cười sằng sặc ở sau cái bài vị. Bát hương bàn thờ sứ chẻ dọc làm hai mảnh, tiếng nẻ toác to gọn như mắt tre nổ trong lửa. Hai mảnh sứ nhào lăn xuống nền đất, kêu đánh xoảng. Riêng Cô Tơ nhận thấy tiếng đổ vỡ này và hiểu nó là điềm báo hiệu của một điều linh thiêng gì. Qua cái màn mỏng nước mắt, người hát trừng trừng vào người đàn. Bá Nhỡ vốn đã còm, giờ lại càng khô sút hẳn đi. Máu tuôn ra nhiều quá, đánh đống quanh chỗ Bá Nhỡ như một khối hồng hoa. Bắt tay đàn để xuống mạnh một cái đầu gẫy thứ nhất ấy là máu trong người Bá Nhỡ vợi đi từ đấy. Và thân hình ngót dần và teo tóp mãi lại chẳng khác gì cái xác khô người tăng già khổ hạnh. Hình như tới một chừng mực siêu thanh nào đó, âm nhạc là cái vật tính là làm quắt lại da thịt và chuốt dài thân người ra.

Bá Nhỡ chỉ còn là một cái bóng. Bóng loãng dần và không động. Bóng cứ nhạt mờ thêm mãi qua cái hôn mê của nỗi thảm tình thương và Cô Tơ chỉ còn nhận thấy có mỗi một cái chấm sáng trên thân người ôm đàn là còn linh động. Ấy là cái mặt ngọc chiếc nhẫn ở ngón tay nắn dây. Tất cả sinh khí của một kiếp người chỉ còn gởi có vào một cái mặt nhẫn linh động theo âm đàn. Nhưng mà ngón tay cầm đàn gẩy cũng đã uể oải rồi trên con phím. Rồi bẵng hẳn đi trong phòng không có một tiếng đàn nào nữa. Như một thứ keo, máu cũ khô quánh đã gắn chặt mười đầu ngón Bá Nhỡ vào mấy sợi tơ đỏ sẫm và mặt tang ngô đồng hoen ố. Mười ngón như một đã bị đóng đinh liền vào phím cây đàn.

Máu tuôn đã hết chất nồng và chỉ còn tỏa ra một mùi tanh nhạt.

Bá Nhỡ gục vào đàn, nách cắp lấy thành đàn mà nhoài ra giường. Gỗ bục đêm và thân người nhoài ra kia lạnh bằng nhau.

Phía sau gáy Bá Nhỡ vụt bay lên một con bướm đen loang lổ những chấm tròn hồng hoàng.

Tinh hồn Bá Nhỡ đã xuất thoát ra kia đang díu đôi cánh ốm rồi biến dần vào bóng khuya. Một con châu chấu ma nổ ruột trên tim nến lả lay.

Thế là hết hẳn ngân rung của chỉ đàn.

Điệu hát Hoa Mã, chưa quá một phần ba.

Như một hành khách hỏa xa tỉnh giấc lúc tầu đổ vào ga, Lãnh Út choàng dậy, hất hàm hỏi: "Kìa, sao lại nghỉ lâu thế! Nối lại dây chóng vào".

Cô Tơ bỗng òa lên. Tiếng khóc nức nở thê thảm. Cô chạy lai đỡ xác Bá Nhỡ, đẩy chiếc gối mây vào gáy một tấm thi hài co quắp. Cúi mình xuống cái xác dầm dề đỏ, Cô Tơ đang vuốt mắt cho Bá Nhỡ, bỗng lại giật bắn mình lên vì một tiếng tách nữa nổ ngay cạnh Cô. Cây đàn vừa bị tay người lạnh thả dần xuống mặt bục, đang tự tan vụn ra từng miếng con. Phím long rồi, cần, thành, tang đều tung bật hết mộng chốt, và cùng một lúc nhả hết những đường sơn gắn. Đàn chỉ còn là một đống vụn gỗ linh tinh những bừa bộn bên một cuộc đời đánh đàn đang khô dần lớp máu cuối cùng.

Lãnh Út – nước mắt vận chuyển hết vào nội tâm thành một niềm tư lường im vắng ghê lạnh – chống tay vào cằm, ngây sững như đất tượng nung, ngủ ngồi ngay dưới chân xác chết mất một nửa phần đêm và lân sang nửa ngày sau, mắt mở to, mi không chớp lấy một lần.

Tỉnh giấc ngủ ngồi, Lãnh Út nhẹ đặt thi thể Bá Nhỡ vào cáng đưa về Mê Thảo. Chiếc cáng đi theo cái đà của gió mưa thuận mùa. Lãnh Út bám vào đòn cáng mà lần về ấp. Lẽo đẽo chạy theo sau xa là Cô Tơ, mặt trùm kín vuông khăn lượt trắng mỏng.

Bá Nhỡ được hạ thổ vào lúc xế chiều. Và ngay buổi tối ấy, tửu phần cũng bị khai quật lên luôn. Mặt đất gò rượu ngổn ngang đất đào và vô vàn là chum là hũ bị tháo nút ngả nghiêng ở miệng huyệt rượu, nước sánh đặc chảy ra lênh láng. Nhiều hũ cơm ủ đang kết men – lắm cái hình bó và sắc cốt hiện lên đẹp như phát khanh tướng đến nơi.

Sẵn bó đuốc cháy, Lãnh Út vứt luôn vào tửu phần khai quật. Gò rượu phát hỏa. Lửa men khê nồng bốc lên liên tiếp. Cho đến hết canh ba mà ngọn lửa men rượu xanh lè cũng chưa dịu ngọn. Đêm

phóng hỏa tửu phần, thảo mộc chim muông vùng Mê Thảo bị một trận say lây. Cây cành cỏ lá đều miên man rũ rượi rầu nhũn. Thú ngàn rống to lên như cảnh động rừng. Chim bị say, cánh cụp cứng lại mà lìa khỏi tổ, rụng xuống đất như quả chín rời cành mẹ.

Lảo đảo, Lãnh Út lắp bắp ấm ớ nói mê giữa một giấc chiêm bao không ngày tháng: "Sau một cái tử biệt, giờ ta phải tính đến một nỗi sinh ly khác. Đối với đàn, hát. Từ bây giờ ta nguyện làm một người điếc một người cô đơn một người phản bội. Và trên vong linh Bá Nhỡ, ta thề độc là không bao giờ cầm đến một cái chén nào của cuộc đời này".

*

TÁI BÚT – Một năm sau, ấp Mê Thảo mọc lên một ngọn chùa. Chùa Đàn. Chùa Đàn nhận tượng mới và chuông mới vào trước kỳ giỗ đầu Bá Nhỡ mười hôm.

Cô Tơ đòi giữ việc kinh kệ cho Chùa Đàn và nhận trông giúp luôn hai mẫu dâu ruộng bầu hậu cho Bá Nhỡ. Dưới nhà thờ, có bia bầu hậu cho Bá Nhỡ, ghi ngày ky và lễ vật dâng vào định kỳ ấy. Ngày ky Bá Nhỡ, dân hàng ấp đều được nghỉ việc tằm tang bốn buổi liền.

Bệ vôi nhà thờ tổ chưa có pho tượng Phật nào. Nhưng ở đấy, sau bát hương đặt một tảng gỗ dẽo có ngọn vút lên, trông xa như một gốc trầm. Lại gần nhận kỹ thì là cả một cây đàn đáy với những nét chính của nhạc khí tạc chìm vào gỗ mộc. Cứ vào hai buổi chuông chiêu mộ, tảng gỗ thờ đó lại đổ ít mồ hôi dầu và xê động khỏi chỗ. Ngày nào, Cô Tơ cũng phải kê đặt lại tượng đàn thờ.

Được hai năm thì ấp Mê Thảo sang tay chủ khác, người ngoại quốc.

Lúc bán ấp, Lãnh Út cố điều đình vẫn giữ lại hai mẫu tự điền vốn cắt ra làm ruộng hậu.

Chùa Đàn dựng trên khoảnh đó.

III.
MƯỜU CUỐI

Quê Tương, mùa xuân một năm tuổi

Kính gởi sư thầy Tuệ Không

Chùa Từ H...

Kẻ không đi tu này, muốn bạch cùng sư thầy Tuệ Không một vài điều để cùng luận với Nhà Chùa một thái độ về đời sống. Trước khi hầu chuyện Nhà Chùa, sư thầy cho phép chúng tôi nói chuyện với những độc giả cũ thân mến và trung thành của chúng tôi về thiên truyện bỏ dở đã.

Nhà Chùa cứ thỉnh xong hồi chuông chiều một trăm linh tám tiếng ấy đi thì chúng tôi sẽ trở lại với Nhà Chùa đấy.

Vậy là tôi đọc xong "TÂM SỰ CỦA NƯỚC ĐỘC", trong một bụi lau cao, rừng tù kéo lê thê cái bóng chiều hôm thượng du. Tôi đọc chỉ có một hơi, say sưa đau khổ với người trong đoản thiên. Trong lúc đọc, có một người lính tập cầm súng bên, tầm mắt dán xuống một giải đường đỏ lượn dưới núi để xem hễ có Tây quản trại xộc lên khám công việc, thì ra hiệu cho tôi biết. Tôi đọc hết "TÂM SỰ CỦA NƯỚC ĐỘC" thì kèn đồng trên lô cốt đồn cũng nổi một hồi rôm-bê. Tôi phủi đất ở quần áo, đứng lên, lần về trại giam. Tôi thất thểu trên dốc núi, khuôn cái lòng mình vào tâm người trong tập đoản thiên giắt trong túi dết. Hình như chân tôi đang bước hộ ai đâu đây, theo một cái đà đi của người trong nhật ký. Phải, "TÂM SỰ CỦA NƯỚC ĐỘC" chỉ là một tập nhật ký mặc dù người viết nó không dùng ngôi thứ nhất lúc tự thuật, không ghi niên hiệu của biến cố và đã đổi hết tên người tên đất. Dưới tập vở viết, chỉ chua: *"Georges Philippar, 1932"* Tức là... Lịnh viết trên một con tàu bể chạy đường Cực Đông, sau khi bỏ ấp, xuất dương, làm bồi tàu sống cuộc đời công nhân và truy tùy Cách Mệnh ở ngoài xứ. Chính chiếc tàu to lớn này, kỳ hạ thủy chạy đường Viễn Đông Thượng Hải đã tải rất nhiều khí giới của đế quốc gởi sang Thượng Hải để đàn áp Cách Mệnh Trung Hoa và chuyến về đã bị đốt cháy ở giữa Hồng Hải. Tôi ngờ Lịnh đó dính vào chuyện Georges Philippar phát hỏa, làm chết một nhà báo tâm huyết Albert Londres và suýt chết luôn

một ông quan xứ ta đi đón một ông vua Bảo Đại về nước nhận ngôi. Tôi nhớ rằng nhiều lần Lịnh đã giảng kỹ cho tôi về công tác phá hoại.

"TÂM SỰ CỦA NƯỚC ĐỘC" đích là một quãng thiếu thời của Lịnh lúc còn mê man o bế cái sống cá nhân của mình. Trái với lời rào đón khiêm tốn của tác giả nó về phép hành văn, tập nhật ký diễn theo một lối thuật hoài đặc biệt đã đem đến cho tôi nhiều rung động hiếm có. Ra khi người ta đã có một cái tâm sự và lại thiết tha và lại chân thành khi gởi nó vào giấy mực, thì người ta chấp được cả sự tưởng tượng của ngòi bút lành nghề. Và Lịnh, nếu chỉ cứ chuyên nhất vào cuộc đời chính trị, văn nghệ bị thiệt thòi hẳn đi về nhiều nỗi.

Đi theo tốp lính áp giải về trại, đầu tôi còn ê ẩm vì không khí một cái ấp nuôi tằm trong nhật ký. Đấy là một cái ngục tối. Ấp Mê Thảo là một cảnh địa ngục mà lính canh là rượu, là hát, là kỷ niệm, là sự nhớ tiếc của người vợ chết. Ở tù, còn có thể vượt ngục được. Chứ đã ở đến cái ấp Mê Thảo ấy, có đủ tiền, có thừa rượu và sự chiều chuộng của đời sống dư nhàn thì chỉ còn có chết oan uổng ở đây thôi, chứ còn thoát ly thế nào được. Vậy mà Lịnh đã xổng ra được. Để mà đang là một con số 2910 đi bước một xuống dốc núi, trước mặt tôi.

Tôi nhìn Lãnh Út – Lịnh – 2910 mà rờn rợn cho một cuộc đời. Tôi nhìn Lịnh như một người đã bị thần trùng bắt đi, tra khảo mãi không xung mà rồi lại còn được trả về đời sống. Ghê thật! Một người đã được cuộc sống phong lưu bỏ tù vào cái vỏ cá nhân tự cung dưỡng mình, một người đã chìm nổi về rượu suýt chết vì rượu và đã làm chết lây người khác bằng đàn hát sở thích, một người đã trối ngấy lên vì rượu vì nhạc dầm dề cơ thể, một người đã ốm những trận thập tử nhất sinh vì những cảm giác ma túy ấy, người ấy có quyền nói câu này mà tôi nhớ mãi: "Nay tôi không sợ bắt bớ tù tội và tất cả sự đàn áp của kẻ thù mà tôi chỉ sợ người mời uống và rủ nghe hát". Tôi tin được câu nói ấy của Lịnh.

Lịnh đã đem những tuổi hoa niên cầm cố cho ma men, đã uống một bữa rượu dài ba bốn năm ròng, mặt giời mặt giăng chỉ có kế tiếp triền miên mà rọi vào một cái cốc quen thuộc của con người ấy. Lịnh ngồi im sững trong không và thời gian đến nỗi bóng mình in

thành vệt lên vách vôi, đã từng nghe người ta vừa hát vừa khóc và nghe người ta đàn đến cái mực hộc máu ra mà gục chết dưới gốc nhạc khí, đối với một người sa đọa và sám hối như thế, cuộc đời còn nỡ đủ tàn ác và bất cố liêm sĩ để mời người ấy nghe lại một khổ đàn hoặc cầm một cái cốc nữa không? Nghe hát đến chết người, uống rượu đến suýt chết cả mình, đích là quá khứ Lịnh chứ còn là của ai vào đây nữa!

Không phải Lịnh thù oán gì tửu và nhạc đâu. Lịnh chỉ đổi đi cái đối tượng của mê mải – người Lịnh lúc nào cũng chứa nỗi say đắm một cái gì – và hướng dục vọng mình vào một phía mới nào nó rộng rãi và đúng nghĩa hơn. Lịnh vẫn là người say cái Đẹp, say cái Say. Nhưng sao cái thời kỳ hỗn loạn của ấp Mê Thảo, giờ Lịnh là người tình nhân của Cách Mệnh, Lịnh chỉ nhận có những chén mà công cuộc trao cho, thưởng cho mỗi lúc phá một cái gì để dựng lại một cái gì. Những chén ấy, thường Lịnh uống cả cấn. Lịnh vẫn say như ngày xưa, nhưng không cần mượn cái thứ rượu tầm thường ta vẫn nhấp vào lúc vui lúc buồn hàng ngày. Trận say thứ hai này trong đời Lịnh – 2910, có lẽ đến lúc tắt nghỉ, Lịnh cũng không thèm tỉnh lại. Với cuộc Cách Mệnh thường trực của cuộc đời chênh vênh lạc nền tảng này, ai đã dám nói một câu chót?

Đêm ấy ở trại an trí, tôi châm đèn thức khuya hơn để đọc lại tập nhật ký của Lịnh. Mãi đến hai ngày sau, tôi mới trả Lịnh với một câu: "Dẫn rượu của đời sống vào cuộc đời bút mực đến một chốn hãi hùng như thế, chừng như chỉ mới có anh. Bởi vì cái tâm sự của anh cũng dị thường lắm. Tôi muốn xin phép anh, mượn anh những tài liệu sống đó để sau này xây một chút không khí gì cho một thứ văn phẩm nào của đời tôi nghèo hẹp, anh có vui lòng không"? Không cần suy nghĩ, Lịnh dúi ngay tập thảo đó vào túi dết tôi: "2910 biếu luôn anh cả cái bản thảo rách bẩn này. Anh giữ lấy làm kỷ niệm của một lần gặp nhau. Anh muốn dùng nó làm gì thì làm. "TÂM SỰ CỦA NƯỚC ĐỘC" sang tay anh cũng là phải. Vì xem chừng như anh cũng là nòi rượu, thích đàn hát và ưa bay nhảy lắm thì phải. Đời tôi đời anh, nếu tôi đoán không nhầm thì hình như cũng đã có nhiều đoạn đường song hành".

*

Bạch sư thầy Tuệ Không.

Bây giờ tôi mới được hầu chuyện sư thầy về cái nghĩa sự sống sự chết trong đời người. Và tôi muốn cho một nhân vật trong "TÂM SỰ CỦA NƯỚC ĐỘC" được đối chất ngay với sư thầy.

Ấy là Cô Tơ.

Và Cô Tơ, chính là sư thầy lúc này đó.

Cô Tơ, Tuệ Không, chỉ là một.

Cũng như là Lãnh Út – Lịnh – 2910.

Nhà Chùa không được chối, bởi vì Phật của Nhà Chùa bảo thế. Sư thầy bỏ Chùa Đàn, sư thầy tìm ra quét lá ăn mày sư tổ ngoài tỉnh Đông. Rồi sư thầy gởi mình ở Quỳnh Lâm, Dật Yên, ở Chùa Keo, Chùa Dận, Yên Tử, Chùa Cói. Sư thầy tu, kể cũng tốn nhiều chùa! Đi tù về, tôi bận lòng về một tập nhật ký đem theo xuống núi và tôi đã cố tìm hỏi han về hành tung của sư thầy. Bằng cách gì? Đó là cái công phu riêng của người nghệ sĩ muốn tìm lại một cái kiểu mẫu người sống để đối chiếu mẫu cũ với một sự sáng tạo hiện nhiên của nghệ thuật. Nhà Chùa không thể hiểu được! Sư thầy chỉ cần biết rằng tôi đã bắt mối được với cuộc đời tiêu cực của Nhà Chùa. Sư thầy hãy gấp cuốn kinh Hoa nghiêm lại. Và ăn bớt của Phật vài tuần nhang thắp, để cái thời giờ đó mà luận định lại một thái độ của tư tưởng, cùng với kẻ vô đạo này.

Vậy là trước khi đi tu để chối đời sống, sư thầy đã là con hát của một cuộc đời sông hồ. Và ở cái lĩnh thổ này đang cần đi gấp đến sự thực hiện hoàn toàn của lịch sử và chưa qua được giai đoạn quốc gia, sư thầy không hề đùn cho ai mà không nhận lấy cái dĩ vãng ngày nọ của sư thầy, nguyên chỉ là một thái độ người thương nữ của bến Tần Hoài. Và ra điều rằng mặc mãi gấm vóc tơ lụa rồi thì bây giờ mặc sang vải cứng nhuộm nâu chăng? Ra điều rằng chán nơi tử các phồn tạp thì lại đi tìm cái tịch mịch của cửa Thiền? Có phải rằng vì muốn lấy cái mộc mạc lặng lẽ ngày nay để làm đối lập cho cái sán lạn ồn ào ngày trước, mà sư thầy đã quên quê hương sinh trưởng, quên tên thật tuổi thật, sư thầy đã vỗ đời sống để đem đổi tất cả thành ra một cái đạo hiệu? Hoặc đi hát hoặc đi tu, riêng trong hai việc mặc và ở dẫn ra đó, có lúc nào sư thầy nghĩ đến những người đã cung cấp cho sư thầy những điều cần dùng hàng

ngày ấy cho thể xác không? Có lúc nào sư thầy nghĩ đến một người thợ dệt – dệt tơ cũng thế dệt vải cũng thế – một người thợ mộc một người thợ nề? – xây nhà gác cũng thế mà làm đình làm chùa thì cũng thế. Để trả để đáp đền lại cái công phu của bấy nhiêu con người ấy, sư thầy trước kia đã gõ một cỗ phách và bây giờ đang gõ một cái mõ. Trước là một tiếng trúc của con người không chịu cảm thông với thời thế, giờ là một tiếng gõ của con người đi trốn sống. Tôi không dám bảo rằng thanh âm không có giá trị trong công việc đổi chác của nhu cầu hàng ngày. Vì cho đến bây giờ, cái tiếng gõ của một đồng xu một đồng bạc, không những vẫn có chân giá trị của nó mà lại còn có rất nhiều thế lực ở đời trao đổi nữa. Nhưng ở thị trường của đời sống, cái tiếng gõ mõ Nhà Chùa quả vượt ra ngoài mọi ước lệ của giao dịch. Và cho rằng đã lập dị được trong sự ăn chay thì con người ta có quyền bắt đời sống tiêu cái thứ tiền giả đó sao? Thà sư thầy lại cứ là "cái Cô Tơ" ấy mà gõ cái tiếng tre đực như xưa, cuộc đời còn thấy thái độ ấy là có nghĩa hơn.

Nhân nhắc lại tên Cô Tơ mà tôi lại ngẫm thêm về cuộc đời của nhân vật ấy trong ký sự. Tất cả giá trị của Cô Tơ ấy trong "TÂM SỰ CỦA NƯỚC ĐỘC" là đã làm cho Lãnh Út tái sinh lại qua cái chết của Bá Nhỡ. Qua cái hủy thể của một người đánh đàn, Cô Tơ đã là một cái cớ thiêng liêng để Lãnh Út thác sinh một lần nữa vào cuộc sống. Cùng một lúc, làm chết một người đàn ông nhạc sĩ này để làm sống lại một người đàn ông nghệ sĩ khác đang lì bì dìm mình trong nước độc, rồi cô ta lần đến một ngôi Chùa Đàn để mà tự tử dần – hay nói là đi tu là cũng thế. Sao lại có thể vô lý như thế được? Vụ tự tử câu dầm lâu ngày ấy chưa đến đoạn chót hoàn toàn tắt thở. Vì cho đến lúc này, sư thầy vẫn còn ngồi ở ria đời sống để nhai cái hạt lúa của cuộc đời tạo ra và để đánh dấu cho sự có mặt mập mờ của sư thầy ở cuộc đời, ngày nào sư thầy cũng nện mạnh một cục gỗ vào hai lúc lặn và mọc của mặt trời. Trước khi chết hẳn mà chữ Nhà Chùa gọi là tịch, về chỗ thanh toán một cái nợ áo và cơm – sư thầy tưởng ăn cơm không có thịt và mặc áo vải là không chịu không nợ chung quanh hay sao? – của cuộc đời, đời sống muốn sư thầy trả cho bằng những tiếng gì không phải là thanh âm mõ.

Bạch sư thầy Tuệ Không – nhất danh nữa là Cô Tơ.

Đối với đời sống cần phải sòng phẳng, thái độ của sư thầy là một chuyện đánh bạc gian và cái thời khắc biểu của Nhà Chùa chỉ là những ngày tháng của một bệnh nhân trầm trệ. Sự hô hấp của tăng già chỉ toàn có thán khí thôi, lúc hít vào cũng như là lúc thở ra.

Ông Phật bảo rằng muốn là khổ. Và muốn không khổ thì chúng ta nên giết chết những cái muốn đi bằng cái việc ta tự tử ta và cổ động điều đó thành một phong trào có hội sở hương khói ngày ngày, hồ bóp nén con người tình cảm chúng ta cho nó ngạt chết hẳn đi.

Lý trí của những người lành mạnh, trong nhân loại lại dạy rằng chúng ta còn khổ mãi thế này là vì chúng ta chưa thành đạt trong ý nguyện làm người của đời. Chữ muốn, ta phải viết hoa nó lên. Cái Muốn ấy tức là Khoa Học, là những khoa học và rồi nó sẽ là cái thành công của Cách Mệnh.

Còn có dục vọng nào chính đáng sâu sắc rộng đẹp bằng ý thức Cách Mệnh! Cái Muốn trong chủ định đi tới chỗ thành Con Người hoàn toàn ấy sẽ đặt ngay Nát Bàn ở giữa cuộc đời thật tại này để ta có thể rờ mó được. Vậy mà có những pho sách gỗ in đã bảo sư thầy nên diệt hết những dục vọng cao quý ấy đi để chạy theo một bóng hạnh phúc ở mãi chỗ huyền ảo nào. Ấy thế rồi sư thầy mặc áo thật của cuộc đời, ăn hạt gạo thật của cuộc đời để phán ngay đời sống bằng cái sống lộn sòng như thế đấy. Không thừa nhận đời sống để mà lại nắn chuốt lại đời sống theo những phép tắc xây dựng của thực tế, vỗ tuột công ơn của đời sống bằng một cái thái độ tiêu cực ấy, chừng như cũng chỉ có những người cùng một nhãn hiệu tư tưởng với sư thầy mới làm nổi được việc ngỗ ngược bất công đó thôi.

Bạch sư thầy Tuệ Không.

Đời sống là do chúng ta làm ra cả. Bây giờ nó còn hỗn độn, nó còn lệch vẹo. Nhưng một ngày tới, nó sẽ đẹp, nó phải đẹp, nó sẽ không là bể nước mắt như bây giờ mà nó sẽ là những công trường của vui cười. Để tới cái tương lai ấy, chúng ta có mặt ở cuộc đời để mà dính cái phần kiến trúc riêng của mình vào công việc xây dựng khổng lồ chung kia. Đằng này sư thầy trốn chạy cuộc sống, bỏ đi ngồi riêng ra một chỗ để chuyên soi mói đến cái phần không hay của nhân loại và định tốt đẹp riêng lấy một mình. Đáng lẽ phải là một người thợ thì sư thầy lại đã đi tu. Đáng lẽ phải ngồi ở một cái

nhà máy, thì sư thầy đã tìm một mái chùa. Niềm giác ngộ ấy, nếu có thành quả, thì lại càng đẩy sư thầy vào một tội vị kỷ. Nói theo giọng Nhà Chùa nữa, thì chúng sinh thế giới còn chìm đắm đông như cát sông Hồng Hà, sư thầy Tuệ Không định thành Phật với những ai? Một mình chăng?

Trong TÂM SỰ CỦA NƯỚC ĐỘC, đã có một cậu Lãnh Út biến thành một con số 2910. Để đăng đối với Lãnh Út – 2910, sao lại chỉ là Cô Tơ – Tuệ Không? Sư thầy có thấy thiếu hẳn sự cân đối giữa hai nhân vật chính ấy của Chùa Đàn không? Một đằng là sôi nổi sức sống, một đằng là dằng dặc những ám khí. Một bên là đường đưa vào dương gian, một bên là lối dẫn về cõi chết. Phải sư thầy đang tự tử đó. Viết đến đây, bất giác tôi lại nhớ đến một cái tin vặt nhật báo ngày nọ.

Số có một thiếu phụ đã gặp điều bất mãn giữa cuộc đời mâu thuẫn này. Thiếu phụ đó đã bỏ cái nhà mình đến ở một cái nhà của ông Phật để trở nên một ni cô, nghĩa là trở nên một người ăn cắp gạo và vải của cuộc đời. Đời sống chưa kịp đưa sổ đến hỏi nợ ni cô về chỗ ăn mặc trong suốt một thời kỳ lẩn lút đời sống đó thì đùng một cái, không rõ vì lý do tình cảm gì, ni cô đã chấm dấu chót cho cuộc tự tử dần bằng một nhát dao. Tơ báo đã nêu việc ấy lên dưới cái đề: "Ni cô Mỗ đã quyên sinh!".

A Di Đà Phật, tôi đọc tờ báo mà muốn cười. Vì rằng chẳng cần đến cái mũi dao kia mà thiếu phụ ấy đã tự an táng mình khi đổi mình ra thành một ni cô rồi kia mà. Cái chết gây bởi mũi dao này, là một vụ tự tử lần thứ hai và nếu có đả động đến vụ quyên sinh ấy của người tu hành, có lẽ tờ báo kia nên thêm vào hai chữ "lập phương" nữa thì mới phải.

Sư thầy, tại sao tôi cứ đòi chen lấn vào những trang kinh nhật tụng của Nhà Chùa và giở lại những tờ dĩ vãng của Nhà Chùa? Đối với sư thầy thì Cô Tơ ấy đã được sư thầy mai táng và tụng kinh sám hối cho rồi kia mà!

Không, Cô Tơ ấy phải sống – nghĩa là sư thầy cũng phải tái sinh ngay lại vào cuộc đời thực tại này. Không cần phải đợi cho tóc mọc lại – vì cần kíp lắm rồi – sư thầy Tuệ Không hãy trở vào ngay vào cuộc đời đi. Hãy trả lại cho mái chùa cũ những câu kệ ngâm

đã bao lâu nay. Hãy vứt lại cái mõ, cầm ngay lấy đoạn trúc xưa mà hát lên một bài cho xứ sở rung thêm lần nữa công cuộc đang sinh thành. Trước mắt, quanh ta, Cô há chẳng thấy cuộc đời đang tưng bừng đi tới. Và trên xứ sở này đang ngổn ngang những công trình xây đựng mới, có rất nhiều người thợ vấp ngã vì run rẩy vì bồng bột vì mệt nhọc vì vội vàng. Hãy hát lên, Cô Tơ! Cầm ngay trúc ra mà nhịp đi. Bắt cao giọng nữa lên. Cái lâu đài của Thị Trấn Ngày Mai chót vót mấy mươi từng, đỉnh đụng mây cao thế kia mà!

Cô hát lên những đau khổ những gian nan những lẩy bẩy những thí nhgiệm những oan uổng bất đắc dĩ của Con Người và cố gắng những hy vọng của cả hiệp thợ. Không việc gì mà rụt rè. Trước là một việc, giờ là một chuyện khác. Trước hát cho dăm bảy kẻ nghe trong một khung cảnh ích kỷ ốm yếu. Giờ hát cho cả một quê hương đang vi vu gió mới và lồng lộng một trời cao rộng chói lòa.

Lịch sử đang chép những thanh âm của Cô đấy và đánh giá tiếng hát Cô ngang hàng với những tiếng nhát búa, nhát bay tiếng gặt hái của tất cả một thời.

Cô hát nhiều nữa lên. Lời đã có thời đại đặt hộ. Điệu cũng thế.

Cho tới ngày nay, chưa có cuộc Cách Mệnh nào của Con Người mà bỏ được tiếng hát, Cô Tơ ạ.

Năm 1945

THẠCH LAM
(1910–1942)

Tên thật là Nguyễn Tường Lân, em nhà văn Nhất Linh và Hoàng Đạo, sinh ngày 7-7-1910 tại Cẩm Giàng, Hải Dương. Nguyên quán tại làng Cẩm Phổ (nay thuộc thị xã Hội An), Quảng Nam.

Học xong bằng Tú tài phần thứ nhất, ông bắt đầu nghề văn, trực tiếp làm báo Phong hóa và Ngày nay của nhóm Tự Lực văn đoàn.

Là thành viên của Tự Lực văn đoàn nhưng Thạch Lam hướng tình cảm và ngòi bút mình vào tầng lớp người nghèo. Văn ông thường nhẹ nhàng nhưng sâu lắng. Ông đặc biệt thành công ở thể loại truyện ngắn: Nhà mẹ Lê, Hai đứa trẻ, Dưới bóng hoàng lan... và thể tùy bút: Hà Nội 36 phố phường. ***Ngày mới*** *là cuốn tiểu thuyết duy nhất của ông.*

Thạch Lam mất tại Hà Nội ngày 27-6-1942 vì bệnh phổi.

*

NGÀY MỚI

(tiểu thuyết)

PHẦN THỨ NHẤT

1.

Trường bước từng bước nhẹ nhàng trên hè phố, ngước mắt nghịch nhìn ngôi sao hôm cùng theo chàng đi lấp vào sau các lá cây. Trời mùa hạ đen và trong thăm thẳm, các vì sao lấp lánh như cùng một điệu. Trường thấy tâm hồn mình cũng cùng một điệu vui vẻ như thế, và vòm trời, ngàn sao, với những cơn gió mát thoảng đến đối với Trường như hòa hợp, thân mật lắm.

Cái vui của Trường chỉ là một cái vui rất giản dị. Hai ngày trước, chàng vừa thi đỗ bằng Thành chung một cách không ngờ. Khi nhận thấy tên mình trên bảng, Trường hồi hộp cảm động. Tuy chàng coi sự thi đỗ là một việc thường, và thấy người ta chú trọng đến cuộc thi một cách thái quá, chàng sinh ra khinh bỉ cuộc thi, vậy mà

chàng không giữ nổi được sự vui mừng. Đến bây giờ Trường vẫn còn thấy người nhẹ nhõm và khoan khoái. Chàng muốn đi mau lên để chóng về tới nhà.

Qua một phố, Trường thấy đông đúc và ồn ào quá. Vì nóng nực, nên mọi người đều bắc ghế hay trải chiếu nằm ngổn ngang cả trên hè. Trẻ con chạy nhẩy nô đùa, và các hàng quà cất tiếng rao lanh lảnh.

Trường phải đi chậm lại, vì rìa đường người ta gánh nước rỏ ướt như tưới. Nhìn vào các căn nhà, Trường thấy tối tăm và có hơi nóng nặng nề đưa ra; thỉnh thoảng, một nhà mới có ngọn đèn con leo lét. Chàng cảm thấy cái sống eo hẹp của những người phố ấy, cái nghèo hèn của họ.

Sự liên tưởng nhắc Trường nghĩ đến căn nhà mình ở, cũng nhỏ hẹp và nóng bức như thế. Nhà chàng từ quê dọn lên trên này được ba năm. Dọn được nhà lên tỉnh là nhờ hồi đó Xuân, anh cả chàng cũng đỗ bằng Thành chung như chàng bây giờ, và được bổ đi làm việc nhà nước. Mẹ chàng bèn thu xếp để lại ngôi hàng xén ở chợ quê, rồi đem cả gia đình lên thuê một căn nhà nhỏ ở Ngõ Huyện chỗ chàng ở bây giờ.

Một lần nữa, Trường thấy rõ rệt sự thi đỗ của chàng sẽ có một kết quả tốt cho cái đời sống chung của gia đình chàng. Đó là cái hy vọng độc nhất của những nhà nghèo như nhà chàng để bước lên được một địa vị cao hơn. Mẹ chàng đã để vào đấy bao nhiêu điều mong ước! Lúc chàng nộp giấy má để thi, mẹ chàng không ngần ngại mở cái tráp con lấy ra năm tờ giấy bạc mới nguyên đưa cho; sự tin cậy ấy Trường thấy ân cần và thấm thía, bởi vì vốn nghèo chàng đã hiểu biết giá trị của đồng tiền.

Trường bước đi, nghĩ ngợi, về đến đầu phố nhà lúc nào không biết. Bóng tối của căn phố nhỏ bao bọc lấy chàng. Trường rảo bước mau. Gần đến nhà, chàng thấy trên hè, những người ở bên cạnh bắc ghế ngồi hóng mát. Tiếng nói chuyện vui vẻ: chàng nhận ra lẫn trong đó một tiếng nói trong trẻo và dịu dàng của một người con gái.

Đẩy cửa bước vào nhà, Trường thấy đèn thắp sáng hơn mọi ngày thường. Biết là có khách đến chơi, Trường ngập ngừng toan quay ra; nhưng em gái chàng đã vui vẻ chạy ra hỏi:

– Anh đi chơi đâu mà bây giờ mới về? Bác Hai đến đợi anh mãi.

– Bác đến tự bao giờ?

– Đến đã lâu rồi. Bác ăn cơm ở đây, giờ đang nói chuyện với mẹ trong kia.

Trường theo mũ trên mắc, theo em đi vào buồng trong. Vừa thấy con, mẹ Trường âu yếm bảo:

– Con đi đâu không về ăn cơm. Cả nhà đợi mãi, vừa mới ăn xong thôi, (và quay lại phía con gái). Lan dọn cơm cho anh con ăn đi.

Bà Hai nhìn Trường, cất tiếng nói to: "Đây, có lê táo tôi mang đến mừng cậu cử mới đấy". Một dịp cười khanh khách để lộ hai hàm răng đen của bà và làm răn cái mặt hồng hào phinh phính.

– Xin cám ơn bác, bác lại còn cho...

Trường vừa lúng túng nói vừa nhìn bà Hai một cách vui vẻ.

Chàng ngồi xuống ghế, vô tình với tay mân mê mấy quyển sách để trên bàn; những quyển sách không bìa, góc giấy đã cong, chằng chịt những chữ và nét mực. Bao nhiêu đêm thức khó nhọc để làm việc?

Bà Hai săn sóc hỏi:

– Hết hè, cậu Trường mới xin vào học chứ.

– Thưa bác, học đâu cơ ạ?

– Vào Cao đẳng chứ còn đâu nữa.

– À, vâng. Nhưng cũng còn lâu.

Trường vừa trả lời vừa mơ màng nghĩ ngợi: "Với lại cháu cũng chưa định xin vào ban nào".

– Tôi tưởng chỉ có một trường Cao đẳng thôi.

Bà Hai quay về phía mẹ Trường: "Cậu Tuyết đỗ Tham biện cũng ở Cao đẳng ra đấy bà ạ".

Trường đáp:

– Vâng, ông ấy học trường Luật. Còn nhiều trường nữa, như trường Sư phạm, trường Thuốc, trường Lục lộ, Canh nông.

Tự nhiên chàng nói thêm:

– Có lẽ cháu xin vào học Canh nông. Để về làm ruộng.

Bà Hai khanh khách cười, vì bà cho là câu nói đùa không quan hệ. Có lẽ bà cũng không hiểu trường Canh nông là gì. Đối với bà, chỉ có trường học thi đỗ ra làm Tham biện mà thôi.

Trường ngẫm nghĩ: chính chàng cũng chưa biết hết hè sẽ làm gì. Xin đi làm hay lo vào Cao đẳng học nữa? Trường lấy làm lạ thấy đối với một vấn đề quan hệ đến tương lai của đời chàng như thế, mà chàng không thiết tha lắm. Thật ra, từ lúc nhỏ bắt đầu đi học cho đến bây giờ, chàng chưa bao giờ thấy sự học biết là thích. Chỉ có những cái thỏa mãn cỏn con của lòng tự ái: đứng đầu lớp, được giải thưởng, lời thầy bạn khen hay một lời cảm phục thốt ra ở miệng những bạn học về một bài luân. Còn ngoài ra, Trường thấy đi học cũng như làm một việc gì khác, chàng học bởi vì chung quanh chàng người ta cũng học. Tuy nhà chàng nghèo, và chàng vẫn nghe thấy các cha mẹ khuyên con cố học để sau đi làm lấy tiền, chàng cũng không thấy cái liên lạc gì trong việc học và tiền bạc cả.

Khi chàng còn nhỏ ở nhà quê, ông cậu họ ngoại của chàng thi đỗ về mở tiệc ăn khao linh đình, mời cả hàng huyện. Trường đứng dựa một bên cột nhà nghe những lời chúc tụng, nhìn vẻ mặt hân hoan sung sướng của bà cụ "Cố", lấy làm lạ lùng lắm. Nhưng khi nhìn đến mẹ chàng cũng được mời sang ăn cỗ, thấy mẹ ngồi trầm ngâm có vẻ khác, Trường tuy bé cũng cảm thấy có một cái gì mà chàng không nhận biết được sự quan trọng của nó.

Thấy Trường nghĩ ngợi, bà Hai nhìn chàng có vẻ âu yếm và kính phục. Bà quay lại phía mẹ Trường, khẽ nói:

– Cậu ấy bây giờ xanh và gầy nhỉ. Tôi có mấy lạng cao của bà Cửu để lại, tốt lắm. Để mai tôi cho nó mang lại cậu ấy dùng nhé.

Bà lại lộ vẻ lo lắng:

– Bà phải cho cậu ấy tẩm bổ luôn mới được. Học mãi nó giạc người ra. Như cậu gì con bà Huyện Thanh ấy, về sau ho lao mà chết đấy.

Trường nghe nói buồn cười. Mẹ Trường cũng cười, và hơi có vẻ kiêu, đáp:

– Cậu nó nhà tôi thì chả bao giờ ho lao vì học cả, vì có học mấy đâu! Hễ tôi có khuyên bảo thì nó lại nói chẳng cần học cũng thi đỗ.

Bà cụ cười, tiếp thêm:

– Ấy bà tính con nhà rắn đầu rắn cổ thế đấy.

Cả hai bà lại cùng nhau cười vang lên ròn như tiếng nhạc. Mẹ Trường giở gói lê, táo, từ nãy vẫn để nguyên, lấy dao gọt vỏ:

– Thứ này bây giờ cũng đến năm, sáu hào chỉ một cân, nhỉ bà nhỉ?

Bà Hai trả lời dung dị, ra vẻ không quan tâm đến:

– Tôi cũng chẳng biết nữa. Ấy, cháu ở nhà nó mua đấy. (Rồi bà nhìn cân lê, táo, gật gù cái đầu). Dễ cũng như thế. Bây giờ cuối kỳ tầu nên hoa quả đắt.

Bà quay gọi Lan:

– "Này chị mang ra cho anh ấy ăn", và chọn đĩa ngon nhất đưa cho.

Trông thấy đĩa lê, táo, cắt từng miếng xinh xắn và gọn ghẽ, Trường tưởng đến những ngón tay búp măng của một thiếu nữ con nhà nền nếp xén gọt thức ăn mời khách. Chàng mỉm cười, người thiếu nữ mà chàng tưởng tượng đó chính là cô Hảo con gái cả bà Hai. Chàng có sẽ lấy cô Hảo không? Trường chưa bao giờ trả lời câu hỏi ấy và chàng cũng không muốn quyết định nữa.

Trường được nghe nói đến cô Hảo từ lâu lắm, hồi chàng hãy còn nhỏ. Mẹ chàng với bà Hai là bạn thân, hai bạn lối cổ ngày xưa, nghĩa là không những hai bà chơi thân với nhau, cả đến chồng con và họ hàng cũng thành quen biết nhau nữa. Ai là người có ý và nói đến trước? Chỉ biết hai bà đã định với nhau sẽ gả lẫn con. Anh Xuân thì nhiều tuổi; cho nên chàng rể của bà Hai định sẽ là Trường.

Mẹ chàng đã nhiều lần nói đến chuyện ấy với Trường, nhưng lần nào chàng cũng chỉ yên lặng nghe, không tỏ ý kiến gì cả. Vả lại, Trường có ý kiến gì mà tỏ bầy? Chàng chẳng hiểu việc nhân duyên ra sao: chưa bao giờ chàng nghĩ đến sự ấy. Cũng như những người còn trẻ tuổi khác, nếu có ai hỏi về sự lấy vợ, có lẽ chàng sẽ không biết trả lời đấy là một việc tốt hay xấu. Tuy vậy, khi còn ở nhà quê, Trường thường được xem những đám cưới mà cô dâu chú rể hãy còn bé con. Trường thấy mọi người tỏ vẻ trân trọng về việc

ấy như một việc rất quan trọng, chàng tự nhủ rằng đấy là công việc của người lớn mà chàng không hiểu được.

Chỉ có một sự chắc chắn: là bà Hai vì thế đối với Trường rất ân cần. Bà săn sóc đến sức khỏe, đến sự học của chàng, giúp đỡ chàng trong việc ăn học, và giúp đỡ cả mẹ chàng tiền để buôn bán nữa.

Trường lại nhìn bà Hai, quan sát nét mặt và dáng điệu của bà. Trường biết hôm nay, bà sung sướng và mãn nguyện lắm. Một cái vui chắc chắn và giản dị, vì tâm hồn bà ta cũng giản dị. Bà là một người đàn bà ở hạng trưởng giả, sống và nghĩ theo một vài khuôn khổ đã định sẵn, những khuôn khổ truyền nối mãi trong gia đình. Cho nên lúc nào bà cũng bình tĩnh thản nhiên, không có lúc nào nghĩ quanh quẩn.

Trường để mặc hai bà trò chuyện với nhau, bắc ghế ra ngoài hè ngồi. Trời lại nóng và oi ả hơn lúc trước. Một thân sấu cằn và khô héo đứng sững bên kia đường, cành lá im lặng như chờ đợi. Đây là tất cả cây cỏ xanh tươi mà chàng được nhìn ngắm từ khi đến ở căn phố chật hẹp này.

Những người ở bên cạnh đã vào cả trong nhà. Mấy cái ghế với một cái bàn mây nhỏ, trên bầy bừa bãi khay và ấm chén, hãy còn để ngoài. Một lát sau, Trường thấy một người thiếu nữ đi ra xếp dọn. Trong bóng tối, chàng đoán một khuôn mặt trái soan, một thân hình nhỏ nhắn và yểu điệu. Thiếu nữ thu dọn rất nhanh chóng, rồi lễ mễ một mình khiêng bàn ghế vào. Trường vui mắt nhìn theo mãi.

Gió nhẹ đã bắt đầu hiu hắt, cùng với cái êm dịu của ban đêm; trời trong ban nãy không còn nữa. Mây kéo che kín cả, và ánh mấy ngôi sao lờ mờ như sắp tắt.

Lan trong nhà bước ra, đứng tựa bên ghế anh, nghiêng đầu một tay giữ mớ tóc, một tay vuốt cho chóng khô. Tóc của Lan rất dài và đẹp, nàng chăm chú đến luôn.

Trường hỏi em:

– Hai bà đã xong chuyện chưa? Không biết bao giờ mới được đi nghỉ.

Trường nghĩ phàn nàn cho mình vì căn nhà chật hẹp không có buồng riêng để nằm trong khi tiếp khách.

– "Còn lâu anh ạ". Lan cúi xuống nói khẽ: "Em thấy hai bà đương bàn chuyện quan trọng lắm. Đố anh biết chuyện gì?" Rồi không để Trường kịp trả lời, Lan cười, tiếp: "Chuyện cô Hảo với anh đấy. Em thấy bà Hai mai rủ mẹ đi xem bói ở Cầu Giấy".

Trường cau mày nói:

– Bói với toán, chỉ vẽ nhảm. – Thực ra chàng khó chịu vì thấy bà Hai và mẹ chàng lại bàn đến chuyện ấy. Nhưng không muốn để em biết, chàng hỏi lảng: – Anh Xuân đi đâu chưa về?

– Anh ấy báo đi xem chớp ảnh. Em chả tin tí nào. Hôm nay thứ bẩy, chắc anh ấy lại đi chơi suốt đêm chứ gì.

Hai anh em thoáng nhìn nhau, yên lặng. Đã mấy tháng nay, từ ngày chị cả giận chồng trở về quê thì Trường thấy anh hay đi chơi khuya luôn luôn. Anh Xuân trước khỏe mạnh, bây giờ thành ra bơ phờ, mắt sâu và có quầng đen. Trường nhớ lại những câu gắt gỏng của anh cả nói với mẹ, chàng có khi chợt thấy mẹ ngồi một mình nghĩ ngợi, mặt đỏ lên như mới khóc. Trường biết mẹ buồn, nhưng không dám hỏi rõ việc gì. Chàng cũng không muốn nghĩ hơn về chuyện ấy nữa, và bảo em:

– Em Lan, em vào xem mẹ có sai gì không đi.

Lan vâng lời nhẹ nhàng đi vào. Trường nhìn em âu yếm.

Khi bà Hai về rồi, Trường vào trong nhà thay quần áo đi nghỉ.

Ngọn đèn dầu Tây có chụp bằng lụa xanh mỏng đã để lên giữa bàn học. Ánh đèn dìu dịu chiếu một khoảng sáng xuống mặt bàn, thân mật và êm đềm. Trường nhớ lại những đêm chàng thức khuya ngồi học, bên mẹ, anh và em Lan, cảnh gia đình đầm ấm dưới bóng đèn khuya như trong những truyện cổ của Tầu mà chàng được nghe đọc hồi còn nhỏ.

Trường muốn hưởng lại cái thú đơn sơ ấy. Chàng kéo ghế ngồi bên bàn. Mẹ chàng vừa thu dọn xong mặt giường bề bộn những sơ cau và gọt vỏ, đến trước tủ đứng xếp mấy quả lê, táo còn lại trên đĩa:

– Bà Hai thấy con đỗ mừng lắm đấy. Mai bà ấy lại không đi khoe hết mọi người cho mà xem.

Trường không trả lời. Lan đứng quạt màn cho anh, nói chen:

– Tính bác ấy vui chuyện mà hay nói. Nói chuyện với mẹ từ chiều đến giờ mà không biết mệt, con chịu.

Bà Phán vui vẻ đến bàn ngồi trước mặt con. Trong vòng ánh đèn sáng, Trường thấy nét mặt mẹ hoan hỉ, hai con mắt long lanh vui sướng. Mẹ chàng hơi cúi mặt xuống xem quyển lịch, mái tóc điểm nhiều sợi trắng phía trên và hai bên thái dương. Những đường răn dài và sâu đi ngang trán, sát xuống lông mày, càng thêm rõ rệt.

Trường cảm động nhìn mẹ. Nét mặt lo nghĩ của mẹ, Trường đã quen lắm. Đã nhiều lần, không biết bao nhiêu lần nữa, khi đi học về, thỉnh thoảng Trường thấy mẹ đang ngồi coi hàng tự nhiên yên hẳn người, mắt nhìn vào quãng không, và trán răn lại, đang suy nghĩ sự gì khó khăn và đau đớn lắm. Nỗi đau đớn mà Trường đoán trong những lúc đó làm chàng e sợ, lẳng lặng vào nhà cất sách và rón rén ra sân sau, không dám động mạnh.

Bây giờ chàng cũng ngồi lặng yên, Lan buông màn xong, dịu dàng đến bên mẹ, nhập vào vùng ánh sáng của ngọn đèn. Hai má nàng trơn tru và mái tóc mượt đen, trái ngược hẳn với nét mặt già nua của mẹ.

Trường cảm thấy cái đầm ấm của gia đình. Chàng muốn cái thời khắc ấy cứ lâu. Chàng nhìn theo những con bọ xanh lá mạ bay vòng quanh đèn và nhẩy trên giấy trắng, nói vu vơ:

– Ở đây cũng có những con này như ở nhà quê, Lan nhỉ.

– "Không nhiều bằng, anh ạ". Lan đưa tay tinh nghịch đuổi bắt một con: "Ở nhà quê, khi anh với em ngồi học ngoài sân, nó bay đến bao nhiêu. Có kể hằng hà sa số".

Bà Phán bỏ quyển lịch xuống, ngẩng lên nhìn hai con:

– Cả con muỗm này nữa. Ngày xưa, thầy không cho giết, cứ bảo có nó đến thì giầu.

Lan bật cười đáp:

– Thế mà nhà ta cũng chẳng thấy giầu đâu cả.

Bà cụ nghĩ ngợi không trả lời, rồi nói:

– Giá thầy còn thì hôm con thi đỗ thế nào cũng phải giết gà ăn mừng.

– Vâng.

Trường hơi lo thấy mẹ nhắc đến dĩ vãng. Chàng sợ cái vui sẽ mất. Lần nào cũng thế, hễ ngồi nói chuyện với mẹ, là Trường lại thấy mẹ nói đến những sự đã qua; hoặc than thở những chuyện trong gia đình. Thành ra tuy yêu mẹ, mà Trường ít khi dám nói chuyện một mình với mẹ lâu. Chàng trốn tránh những lúc đối diện ấy.

Nhưng lần này, bà Phán không nói thêm nữa. Bà gấp quyển lịch, đứng dậy treo vào cái đinh trên tường, vươn vai rồi bảo con gái:

– "Thôi đi ngủ đi con", và bảo Trường: "Con cũng đi nghỉ thôi, khuya rồi".

Lan cúi xuống dưới bàn khoa chân tìm guốc, rồi đứng dậy thắp cái đèn Hoa Kỳ nhỏ. Cử chỉ đã quen ấy khiến Trường trông thấy sinh buồn ngủ.

Chàng ra phòng ngoài, buông màn rồi trèo lên giường. Không bao giờ chàng đợi giấc ngủ một cách tin cẩn như đêm nay.

Chàng khoan khoái duỗi mình trên nan tre giường kêu cót két, đẩy cái gối sát vào tường, rồi để tay lên ngực, nhắm mắt lại. Mơ màng chàng thấy hiện ra cái quang cảnh các thí sinh đợi xem bảng, dưới rặng soan tây, hoa đỏ lẫn lá xanh bên đường lên Bưởi. Rồi nét mặt vui vẻ, thực thà của bà Hai, mớ tóc bạc của mẹ bên đèn, những hình ảnh ấy thoáng qua trước mắt.

Trường xoay mình cho đỡ mệt. Chàng thoáng nghe tiếng mẹ và em thì thào trong buồng trong, mơ thấy cô Hảo, con gái bà Hai, tới nằm bên cạnh chàng. Rồi Trường đắm đuối trong giấc ngủ say sưa của tuổi trẻ.

2.

Ăn cơm sáng xong, bà Phán gọi Trường bảo:

– Chiều hôm nay đằng bà Hai có kỵ, tối con lại ăn cỗ.

Trường chưa kịp đáp, bà mẹ lại tiếp:

– Cả mẹ cũng đến. Con chỉ đến có việc ăn mà thôi.

– Vâng, vẫn biết thế, nhưng...

Trường lưỡng lự. Chàng không muốn đi, nhưng cũng không dám từ chối:

– "Mẹ đi cũng đủ. Con không đến có được không ạ?" Trường vừa nói vừa nhìn mẹ:

– "Ăn cỗ phiền chết thế này này".

Chàng sắp sửa nhăn mặt để tỏ vẻ khó chịu, lại phải đổi nét mặt đi, vì thấy mẹ đã hơi gắt:

– Thằng này rõ dở hơi. Đến ăn cỗ thôi chứ có làm việc gì mà sợ. Với lại thế nào mày cũng phải đến.

Trường lặng yên không dám trả lời. Bà Phán nói chàng phải đến như là bổn phận bắt buộc tuy Trường không hiểu tại sao lại phải như thế. Chàng rất sợ đi ăn cỗ, nhất là đi ăn cỗ ở nhà bà Hai. Đến những chỗ ấy, Trường tự thấy mình rụt rè và ngượng nghịu. Chàng phải vấn đáp với những người đạo mạo, giữ từng câu nói cho đúng phép, lễ bàn thờ trước mặt mọi người. Cái thế giới ấy không hợp với chàng, trong đó người ta giữ gìn lề lối một cách kiểu cách và câu nệ; chàng xưa nay chỉ quen nói chuyện tự nhiên với những người quê mùa giản dị thôi. Ở nhà bà Hai ngày giỗ lại có những người cũng trẻ tuổi như chàng, nhưng chàng thấy họ khác hẳn. Họ ăn nói trong bữa cỗ và tiếp chuyện các ông già một cách rất dung dị, nói những câu thường và chẳng có ý nghĩa gì hết. Trường cũng muốn nói những câu như thế, nhưng không hiểu tại sao chàng trở nên lúng túng. Có những cử chỉ, những cách trả lời những câu mời mọc trong bữa ăn, cách đón đỡ những miếng người ta gắp vào bát, mà Trường không biết. Cho nên bữa ăn cỗ nào cũng chỉ là một cái khó chịu đối với chàng và chàng muốn thoát ra cho mau.

Bà Phán thấy con cau mặt nghĩ ngợi không khỏi băn khoăn. Nhưng bà không hiểu được những nỗi e ngại của Trường. Bà ngạc nhiên lấy làm lạ, cho là do sự muốn đi chơi chỗ khác của con. Bà dịu giọng bảo:

– Thế nào chiều con cũng lại nhé. Mẹ sẽ đi trước.

– Vâng.

Muốn cho con vui vẻ bằng lòng, bà Phán cho con biết:

– Hôm nọ, bà Hai đến đây đã có mời, hôm nay lại sai con Tuyết đến mời hai lượt nữa.

Tưởng được lòng con, bà cụ thêm:

– Với lại đến cho người ta mừng cậu Cử mới chứ. Chắc thế nào cũng có Chương ở đấy.

Chương là người có họ với bà Hai, đương học trường Bảo hộ năm thứ tư. Trường cũng không quen biết Chương lắm, nhưng không hiểu tại sao Trường nhận thấy giữa chàng và Chương như có một sự ganh nhau về việc học và thi cử. Nay thấy chàng thi đỗ chắc là Chương khó chịu lắm. Bà Phán coi việc chàng đỗ như một sự thắng trận đáng kiêu ngạo.

Không muốn mẹ để ý đến những chuyện ấy. Trường lại nhận lời lần nữa và hứa chắc chắn. Tuy vậy lúc ra đi, bà cụ vẫn còn áy náy và gọi Lan dặn thế nào cũng phải nhắc anh đi ăn cỗ.

Mẹ đi rồi, Trường bắt đầu hối hận đã làm mẹ phiền lòng. Đi ăn cỗ thì làm sao mà ngại? Chàng tự cười mình là vô lý, gọi em gái lên hỏi:

– Lan có đi ăn cỗ không?

– Có, các cô, các bà thì năm giờ, còn các ông ăn vào khoảng sáu giờ. Em sắp sửa phải đi làm giúp đây.

– Lan đi ăn cỗ có thích không?

Lan nhìn anh cũng cười đáp:

– Sao lại không thích? Ăn cỗ thì ai chả muốn. Anh không biết, cỗ đằng bác Hai ngon lắm, cô Hảo rất khéo tay.

Lan lại cười cho đôi má núng lại:

– Em phải cốc vì cô ta luôn đấy. Mẹ cứ mắng sao không bắt chước làm được như cô ấy.

Trường vui vẻ:

– Thế à? Vậy thì cô nên đi ăn cỗ lắm. Tôi cũng đi.

Trường không thấy đi ăn cỗ là khó chịu nữa.

Chàng lại muốn đến ngay dự tiệc và nói chuyện. Lúc sắp đi, chàng ăn mặc rất tề chỉnh, thắt cái ca vát đẹp nhất, và mở hộp

đựng đồ trang điểm của Lan, nhỏ một giọt nước hoa vào khăn tay lụa. Chàng bỗng thấy mình bạo dạn và dễ chịu.

Nhà bà Hai trang hoàng và trần thiết một cách rất sang trọng, rực rỡ. Bàn thờ được chăm chút hơn hết. Các đỉnh đồng, cây nến mới đánh sáng loáng dưới ánh đèn. Hai bó sen trắng cắm trong bình tỏa ra mùi thơm mát lẫn với mùi trầm và mùi hương vòng. Cái khung ảnh ông cụ ngồi nghiêm trang trong ghế, cũng đã lau rửa sạch sẽ, như sẵn sàng để dự tiệc. Một chiếc màn the đỏ che trước bàn thờ, treo từ bức hoành phi rũ xuống.

Khách đến đông, các cụ già lẫn với người trẻ, chức vị và tâm tính khác nhau, nhưng cùng chung một giai cấp, ngồi hỗn độn trên mấy dẫy ghế kê sát tường, vừa uống nước chè vừa cắn hạt dưa. Trên chiếc sập gụ, sát tủ chè, mẹ Trường, bà Hai và mấy bà bệ vệ nữa, ngồi quanh lấy cơi trầu, tráp đỏ đựng thuốc lá. Các bà nói chuyện nhỏ nhẻ, và thong thả, thỉnh thoảng với tay lấy ống phóng để nhổ quết trầu, hay lấy điếu thuốc lào. Bà Hai mặt đỏ hồng, tiếng dõng dạc và to, đôi khi lại cười ròn như nắc nẻ, luôn tay pha nước và xếp trầu cau vào quả. Cô Tuyết chạy loanh quanh bên sập, tiếp nước và hạt dưa cho khách. Còn cô Hảo chốc chốc lại từ trong bếp đi ra, ghé tai mẹ hỏi thầm hiệu lệnh rồi lại vội vàng đi vào.

Ông Cửu là người huynh trưởng trong họ, ung dung ngồi xếp bằng trên ghế ngựa, trải chiếu cạp mới, bên cạnh ông phán Bích, ông đồ Tiên và vài ông cụ nữa. Bọn trẻ hơn ngồi ở ghế quanh bàn, ông phán Ty và cậu Tiến, em ông, học ở trường Luật, cậu Hiệp đã đi làm và cậu Sơn cùng nói chuyện cười đùa và vui vẻ. Họ đều mặc quần áo Tây rất lịch sự và gọn ghẽ, trừ cậu Tiến. Cậu này mặc chiếc áo sa hoa, đội khăn lượt xếp, tóc chải mượt lật ra đằng sau. Người cậu mảnh dẻ yếu ớt như con gái, hai bàn tay trắng xinh xắn để duỗi trên đầu gối. Lẫn vào bọn đó có mấy người ra vẻ nhà quê, tuy kể thứ bực chú bác, nhưng vì nghèo và vay mượn tiền bà Hai luôn, nên không được kính trọng lắm. Họ ngồi yên lặng nghe người khác nói chuyện, đợi chờ bữa ăn một cách kiên tâm.

Như trong mỗi buổi hội họp xã giao khác của người Việt Nam, câu chuyện không chung cho cả mọi người cùng dự. Có người nào khởi xướng lên vấn đề gì rất thông thường mà ai cũng có thể bàn

được, thì chỉ vài câu rồi lại hết. Người ta lại quay ra bàn chuyện riêng trong một vài người với nhau, những người cùng một công việc hay quen biết nhau; có khi nói thì thầm như thuật một câu chuyện gì bí mật, trong khi những người khác làm như không nghe thấy, ngồi cắn hạt dưa đỡ buồn, và thỉnh thoảng đưa mắt nhìn lên mấy bức hoành phi câu đối treo ở tường.

Riêng có ông Cửu được mọi người kính trọng và chú ý đến nhất. Tiếng ông nói vang khắp cả nhà, át hẳn những tiếng nói rụt rè của người khác. Thỉnh thoảng, ông hất đầu ra đằng sau, đưa hai ngón tay lên quét đôi môi đỏ vì quyết trầu; rồi ông vuốt râu mép cong xuống, một cách thong thả và khoan khoái.

Câu chuyện bấy giờ đang xoay về vấn đề quan hệ là nên đi làm Giáo học hay nên đi làm Thông phán ở các sở hơn. Mọi người bàn tán và cân nhắc cái lợi hại của hai nghề.

– "Theo ý tôi – lời ông Cửu nói – thì đi xin làm Thông phán Toà sứ là hơn cả. Dạy học chóng hại người lắm. Chính tôi đã dạy học một dạo ở nhà quê nên tôi biết".

Ông tắc lưỡi rồi hạ giọng thấp xuống như nói một điều kinh nghiệm riêng:

– Với lại bây giờ tình thầy trò bạc bẽo lắm, không có đằm thắm như ngày trước.

Cậu Sơn, với lòng hăng hái của tuổi trẻ, vội vã:

– Thưa cụ, miễn là mình làm hết bổn phận thời thôi, chứ còn sự đó cần gì. Làm Giáo học thích nhất được tự do, không ai quản thúc mình.

– Thế đi làm Thông phán thì ai quản thúc? Cậu nói không đúng. Đằng nào cũng có quan trên, còn tự do mình vẫn được tự do chứ.

Ông Phán Ty, cậu Hiệp cũng đều cùng với ông Cửu một ý kiến: làm Thông phán các sở sướng hơn làm Giáo học. Họ hăng hái dẫn giải những cái lợi và danh giá của ông Phán Toà xứ, chắc hẳn được ý tán thành của các bà và các cô. Cậu Sơn thấy mình kém thế, đành ngồi yên. Mặt cậu hơi đỏ, vì chính cậu học ở trường Sư phạm.

Riêng cậu Tiến ngồi yên lặng nghe, không nói: câu chuyện ấy không bận gì đến cậu. Vì cậu sắp ra làm Tham biện, một chức mà không ai bàn tán thiệt hơn nữa.

Ông Cửu muốn đẹp lòng cậu, ân cần hỏi:

– Cậu chỉ còn một năm nữa đã thi ra đấy nhỉ?

– Thưa vâng.

– Thôi, làm ông Tham vài ba năm rồi xin xuất chính thì vừa. Quan Huyện trẻ tuổi lúc bấy giờ đừng quên chúng tôi nhé?

Ông Cửu ngửa đầu ra đằng sau cười. Mọi người cũng cười theo. Riêng cậu Tiến sẽ mỉm miệng khiêm tốn, xếp lại vạt áo sa hoa trên lòng. Mấy ngón tay búp măng của cậu nâng chén nước chè nhỏ, khoan thai đưa lên miệng nấp.

Còn mấy người nhà quê, suốt từ đầu không nói câu gì, chỉ lặng lẽ giương mắt nhìn các ông kia một cách kính trọng và khiếp phục.

Giữa lúc ấy thì Trường đến.

Ở trên xe xuống. Trường nhìn vào nhà bà Hai thấy đèn thắp sáng và bóng người tấp nập đang cười nói. Chàng ngần ngừ chưa bước qua ngưỡng cửa. Sự lưỡng lự ấy làm Trường lại thấy mất hết cái mạnh bạo từ lúc ở nhà đi. Chàng thành ra rụt rè như cũ.

Khi Trường vào trong nhà, mọi người đều quay lại nhìn chàng một cách chăm chú. Trường ngả mũ không biết chào ai trước, mà cũng không biết gọi những người đó thế nào; chàng chỉ lúng búng trong miệng mấy câu nói mà chính chàng cũng không hiểu là những câu gì.

May quá, bà Hai đến giúp chàng. Vừa trông thấy chàng vào, bà đứng ngay dậy, tươi cười đon đả chạy lại kéo ghế mời rối rít: "Cậu ngồi đây, cậu ngồi đây!" Rồi bà quát người nhà pha nước và mang thuốc lá lại.

Trường ngồi xuống ghế, thu chân vào trong, cái mũ vẫn để trên đùi. Bà Hai vừa đặt chén nước xuống bàn, vừa hỏi:

– Sao cậu bây giờ mới đến?

Rồi không đợi nghe câu Trường trả lời, bà ngơ ngác nhìn quanh, ngoảnh về phía trong và lớn tiếng gọi:

– Cậu Bình đâu, không ra tiếp khách à?

Sau bàn thờ có tiếng đáp lại, rồi Bình bước ra, xúng xính trong bộ quần áo mới. Bình là con trai út bà Hai, mới có mười một tuổi. Thật là một đứa trẻ con ẻo lả, có nước da xanh của người không mấy khi ra nắng. Cậu không có một tý gì là cái vẻ nhanh nhẹn và nghịch ngợm của trẻ ngần ấy tuổi. Trông cậu như một người lớn, đạo mạo, nghiêm trang, như hiểu rõ cái địa vị quan trọng của mình là người con trưởng trong một ngày giỗ.

Trường rất lấy làm cảm phục Bình, tuy cậu này nhỏ tuổi. Bởi vì Trường thấy cậu bé con ấy làm nhiều việc khó khăn một cách rất dễ dàng, những việc mà chàng không làm được. Cậu Bình biết cúi chào và thưa bẩm rất đúng phép, ăn nói rất mềm mỏng và đáp lễ những người đến thăm một cách rất trịnh trọng.

Bình sửa lại khăn đội đầu cho tề chỉnh, đến bên Trường thân mật hỏi:

– Anh đến muộn thế. Mẹ em lại vừa cho người lại mời nữa, sợ anh quên. À, còn anh Xuân đâu anh? Sao không thấy đến. Cả chị ấy nữa.

– Anh ấy phải đi làm. Chị tôi về quê đã lâu.

Bình có vẻ sửng sốt: "Kìa, sao bảo chị Xuân về mua ruộng đã ra rồi kia mà!" Rồi ghé sát Trường nói nhỏ: "Còn anh Xuân thì đi làm gì bây giờ. Anh ấy đi chơi thì có". Bình nói xong nhìn Trường cười rất ranh mãnh.

Trường bắt đầu thấy khó chịu. Chị Xuân về mua ruộng? Chính chàng cũng không biết việc ấy, và lấy làm ngượng vì Bình hình như lại biết rõ chuyện hơn mình. Chàng quay người về phía trong chỗ các bà ngồi. Bà Phán thấy con nhìn liền đưa mắt trông bàn thờ ra hiệu. Trường sực nhớ tới điều quan hệ nhất trong việc đi ăn cỗ là lễ bàn thờ. Chàng vội vàng đứng dậy, nhưng nhìn đến bộ quần áo Tây đang mặc, chàng lưỡng lự chưa biết làm thế nào. Bà Phán tinh ý nói đón ngay:

– Con đứng vái cũng được.

Bà Hai vội vàng đáp:

– Thôi, chả phải bầy vẽ nữa. Các cậu ấy bây giờ tân thời, cụ cũng chước cho cả.

Tuy vậy bà vẫn đứng yên không làm gì ngăn trở Trường. Chàng đành phải đứng trước bàn thờ cúi đầu vái. Không biết vái mấy cái cho đúng lệ, Trường tự thấy ngượng nghịu lạ. Chàng tưởng như mọi người ở sau lưng đều đang để ý đến mình.

Khi ngửng mặt lên, Trường thấy thấp thoáng sau bức màn the đỏ, bóng cô Hảo đang đứng bên án thư sửa soạn cỗ cúng. Chàng hơi nghiêng mình đi: cô Hảo dưới ánh đèn, trông hồng hào và tươi tốt như đóa hoa mới nở. Mái tóc lòa xòa rũ xuống giữ ánh sáng trong sợi tơ, đôi má mịn màng và miệng chúm chím đỏ. Cô đưa mắt ra thấy Trường nhìn, vội vàng cúi xuống rồi lẩn mặt sau cây hương có ý thẹn.

Trường vái xong ra ngồi bên bàn góp chuyện với mọi người, ông Cửu nhìn chàng tỏ ý có cảm tình, ân cần hỏi Trường bao giờ thì nộp đơn xin vào Cao đẳng và định theo học ban nào. Lại những câu hỏi mà từ khi đỗ đến giờ chàng phải trả lời đã không biết bao nhiêu lượt.

Trường nhìn nét mặt vui tươi và tự túc của những người ngồi đấy, tưởng sắp được biết điều gì hay và lạ. Chàng chăm chú nghe mọi người nói, sợ mất những câu chuyện có bổ ích; mắt chàng đưa hết ngượi nọ đến người kia, như một đứa trẻ trong căn hàng bày đồ chơi. Sau Trường lại gần bọn Sơn và Hiệp vì thấy họ bàn cãi hăng hái lắm. Chàng lặng yên nghe, đợi chờ một dịp để tỏ ý kiến mình.

Chợt Trường giật mình dưới một cái vỗ mạnh vào vai.

Chưa kịp quay lại, chàng đã thấy một bàn tay nắm chặt lấy tay mình lay mạnh, một cái bắt tay mạnh mẽ và thân mật. Sơn và Hiệp cùng reo:

– "Anh Chương!" Rồi nói đùa: "Thế nào hôm nay không phải "công sinh" trong trường à".

Chương cười không trả lời, vỗ vai Trường hỏi:

– Kỳ thi năm này có khó hay không anh? Hình như vào vấn đáp hỏng nhiều lắm thì phải?

Chương ngẫm nghĩ, lại thêm:

– Tuy vậy mà năm nay số người đỗ hơn mọi năm nhiều lắm.

Trường tò mò nhìn người đối diện mình. Chàng thấy mặt Chương đỏ hơn mọi khi, mắt nhấp nháy luôn và cả cái mũi xù xì cũng hình như cử động để hợp không khí, Chương trông lúc nào cũng vui vẻ và nhanh nhẹn. Nhưng trên mặt thoáng lộ vẻ tự kiêu.

Trường nhận thấy trong giọng nói của Chương một ý ganh ghét và tức tối. Tiếng cười của anh ta gượng gạo và không thực thà, tuy lúc nào cũng vui vẻ, và vẫn nói chuyện với chàng một cách vồn vã.

Trường tự hỏi tại sao Chương lại có cái thái độ ấy. Chàng không thể hiểu sao người ta có thể ganh tị nhau về sự thi cử được, chàng xưa nay vẫn coi sự thi đỗ là một việc rất thường trong đời người học trò. Trường muốn nói rõ cho Chương biết rằng chàng không lấy sự đã thi đỗ làm kiêu và tự cho mình là hơn Chương đâu.

Nhưng mọi người khác như không nghĩ thế. Trường nhận thấy cái giá trị của Chương đã kém hẳn trong ý họ. Không như mọi ngày giỗ trước, ông Cửu lần này không hỏi han Chương về sự học hành của anh ta nữa. Ông lắng tai nghe câu chuyện của bọn trẻ, những câu trả lời của Chương, đầu thỉnh thoảng se sẽ gật gù và mỉm cười kín đáo sau bộ râu.

Các bà, nhất là bà Hai và mẹ Trường, nông nổi và bộp chộp hơn đàn ông, nên cái ý so sánh hơn kém của họ lộ ra rõ rệt trong lời nói. Trong lúc mải câu chuyện, Trường đã đứng ngay bên cạnh Chương, hai người cùng dựa vào cái tủ thấp kê sát tường. Bà Hai trông thấy, vô tình nói:

– Cậu Trường đứng bên Chương trông lại càng xanh và gầy quá nhỉ?

Ai nấy đều quay lại nhìn. Mẹ Trường vui vẻ cười, nói:

– Chuyện, người ta học đêm học ngày mà lại! Làm gì chẳng gầy.

Rồi bà cất tiếng cười sung sướng, cái sung sướng của người mẹ tự kiêu vì con. Bà Hai cũng híp mắt cười rất ròn rã, cái cười của bà ta tự nhiên và ngay thực, dễ lây, nên mấy bà khác ngồi cùng sập cũng cất miệng cười theo.

Bên đàn ông yên lặng không nói gì. Chương cúi xuống ngắm nghía đôi giầy, mặt hơi đỏ vì thẹn. Cậu Tiến vẫn thản nhiên như không, vẫn lạnh lùng, nghiêm trang ngồi nhìn thẳng phía trước mặt như không để ý đến ai.

Chỉ Trường thấy vừa ngượng vừa khó chịu. Lòng kiêu vì con của mẹ chàng rõ rệt quá, và câu nói lúc nãy mỉa mai Chương quá. Chàng muốn cho mẹ thôi đừng nói đến chuyện ấy, nhưng không có cách gì, chàng đành cũng yên lặng. Rồi Trường thành ra tự giận dỗi mình. Chàng sợ người ta tưởng chàng cũng nghĩ như mẹ chàng và bà Hai, nghĩ là so sánh sự thi đỗ, và lấy đấy làm một cớ để kiêu ngạo.

Một vài lần, Trường đã thấy thoáng trên môi Tiến một nụ cười khinh khỉnh, cái nụ cười của kẻ tự biết mình giỏi hơn. Chàng chắc Tiến hẳn có ý chế nhạo mình và cả Chương. Cái cảm giác ấy càng làm tăng sự khó chịu của Trường, khiến chàng lại tự giận mình hơn nữa.

3.

Cậu Bình bước lên sập, lại gần bàn thờ thay hương. Một lát người nhà bà Hai lễ mễ bưng mấy mâm cỗ ra, những mâm cỗ đầy, bát đĩa chồng chất lên nhau hai, ba từng, mà người ta vẫn dọn ngày giỗ Tết trong những nhà sang trọng.

Các câu chuyện bỗng ngừng lại cả. Mọi người đều yên lặng chờ đợi. Ông Cửu vội vàng ngồi lui vào trong góc sập, thu gọn điếu và ấm chén sang một bên, để chỗ cho đầy tớ đặt mâm xuống. Ông làm những công việc ấy với vẻ thân mật của người nhà, tự tay sửa sang lại mâm cỗ, đặt lại những đĩa món ăn, hay gọi lấy thêm các cốc chén. Vừa làm ông vừa lên tiếng gọi những ông cụ khác đến ngồi cùng mâm.

Bọn người nhà quê rụt rè và lúng túng. Họ không biết ngồi vào đâu, cứ để mặc bà chủ và cậu Bình xếp đặt. Còn Trường và bọn cùng tuổi thì đã ngồi riêng ở quanh một bàn; không một người nào để ý đến mâm cỗ bầy trước mặt. Sơn và Hiệp mải cúi đọc một mẩu báo họ lượm được trên mặt tủ; cậu Tiến dựa đầu vào thành ghế nhìn lên trần. Còn riêng Trường, hơi lo lắng vì sắp đến lúc phải nói

những câu mời mọc hay vô phép các bà và các người hơn tuổi. Chàng đã tưởng chỉ có bọn trẻ ngồi ăn với nhau, dễ chịu hơn. Nhưng chàng thấy bà Hai gọi một người đứng tuổi trong bọn nhà quê đến gần ghé tai thì thầm, rồi người ấy lại bàn Trường, kéo ghế ngồi xuống:

– Tôi xin ngồi đây thừa tiếp các ông.

Bọn Chương cùng quay lại, nhưng không ai trả lời. Trên sập, ông Cửu cùng với các ông cụ khác đã bắt đầu nhắm rượu: Trường đưa mắt nhìn mọi người rồi cầm đũa.

Một lát ngượng nghịu yên lặng trên bữa tiệc, ai nấy nhìn nhau, người nọ đợi người kia đứng dậy mời. Bà chủ đã chực sẵn gần bàn, hai tay xoa vào nhau một cách khoan khoái; và ngắm nghía kỹ càng mâm cỗ xem có thiếu thức gì không.

Chương tỏ mình là người lịch thiệp nhất, thong thả đứng dậy quay lại phía các bà nói mấy câu "thất lễ" rất lúng túng, nhưng được cái cũng không ai để ý. Bà Hai đến sát bên bàn, xếp lại mấy cái đĩa: – "Xin mời các cậu cứ tự nhiên đi cho. Đây là bữa ăn xoàng thôi mà".

Bà vừa cười vừa nói, nhưng ai cũng biết là bà không tin ở lời mình một chút nào.

– "Kìa, các cậu uống rượu đi!"

Bà giục luôn hai, ba câu. Trường cầm cốc lên, nhưng cũng phải đặt xuống, hai ba lần đợi mọi người mới cùng nhau bắt đầu ăn.

Bên mâm các bà ngồi, tiếng mời mọc nhau tíu tít. Bà Hai lăng xăng chạy đi chạy lại, nhìn mâm này mâm khác. Một bà khách gọi với:

– Thôi bà chủ ngồi lại đây ăn với chúng tôi chứ. Cô Hảo đâu, bảo cô ra ngồi ăn một thể.

– Không, không, mời các bà cứ xơi đi, cháu nó sẽ ăn sau.

Nhưng bà Phán không bằng lòng:

– Lại còn vẽ ăn sau với ăn trước, thế nào cũng bảo cô ấy ra đây.

Quay lại phía các bà khác, bà Phán thêm, có ý khoe khoang hộ:

– Chính tay cô ấy làm lấy cả đấy. Vậy phải để cô ấy ngồi ăn một thể, có phải không các bà?

Các bà đều tán thành vâng theo, trừ bà Phán Ty còn dở bận trông nom và giữ tay đứa con lên ba ngồi bên cạnh. Bà Hai ra vẻ lưỡng lự một lát lấy lệ, rồi quay vào phía trong, cất tiếng gọi rất âu yếm: – "Hảo đâu ra ăn một thể con". Bà bảo Tuyết: "Con vào gọi chị con ra đi. À mà còn cô Lan đâu? Sao con không mời cô ra xơi cơm"?

Tuyết đáp:

– "Thưa đẻ, chị con ở trong nhà", rồi nàng nhanh nhẹn đi vào.

Một lát, cô Hảo từ buồng trong, vén màn e lệ bước ra. Lan theo sau, vừa đi vừa lau tay ướt vào vạt áo. Các bà vội vàng dẹp chỗ, thi nhau mời: "Cô ngồi đây, ngồi đây". Bà Phán Ty nói đùa:

– Cô ngồi đây để chúng tôi khen cô làm khéo chứ.

Cô Hảo đưa mắt nhìn mẹ, rồi vén áo khép nép ngồi ghé lên cạnh sập. Nàng cúi đầu quay vào mâm cỗ, mặt hơi đỏ và không dám trông ra phía ngoài. Trường lặng yên nhìn. Dáng điệu e thẹn của Hảo, Trường nhận thấy là tại vì có chàng ở đây. Sự đó khiến chàng thấy khoan khoái lòng tự ái.

Khi quay mặt lại, chàng thấy Tiến cũng đang đăm đăm nhìn Hảo một cách chăm chú, mắt để yên không chớp. Trường cho nhìn soi mói như thế là vô lễ, và lòng ghét Tiến chàng thấy càng tăng lên. Tất cả các cử chỉ của Tiến làm chàng khó chịu: vẻ lãnh đạm, đài các, và nhất là nét mặt kiêu kỳ, dáng điệu ẻo lả của Tiến, Trường không ưa một chút nào. Chàng nhìn bàn tay trắng nổi gân xanh của Tiến như muốn nắm thật mạnh cho đau.

Tiếng đũa Trường để dằn xuống mâm làm Tiến quay lại: bốn mắt thoáng gặp nhau; Trường thấy mắt Tiến sáng lên, như hàm một ý thử thách.

Bữa tiệc gần tàn. Người nào cũng hơi say, nên ăn uống một cách thực thà và nhanh chóng hơn. Những vẻ lễ phép, giữ gìn không có nữa. Ông Cửu cười nói luôn miệng và đang kể cho bạn ngồi cùng mâm nghe mấy bài thơ Nôm mà ông đã được dân làng cử ra làm khi có các quí quan trên tỉnh về khánh thành nhà hộ sinh.

Trường ăn rất ít; nhìn mâm cỗ đầy với các món ăn kiểu cách, chàng đã thấy ngán từ trước. Chàng buông đũa, ngồi nhìn mọi người.

Bà Hai nét mặt cũng hân hoan như lúc mang lê, táo đến mừng chàng thi đỗ. Bà luôn luôn mời mọc và gắp đồ ăn vào bát các bà khách, thỉnh thoảng lại đút miếng giò cho đứa bé con bà Ty. Còn cô Hảo ngồi quay lại nên Trường chỉ nhận thấy cái lưng thon thon, mái tóc lưỡi trai đen nổi bật lên trên cái cổ trắng và xinh xắn.

Đèn nến vẫn sáng trưng trên bàn thờ, khói hương bốc lên nghi ngút. Tiếng ồn ào, mùi hương thơm và ánh đèn sáng bỗng khiến Trường nhớ đến những ngày giỗ ở quê nhà, sau khi cha chàng mất đi. Nhà nghèo nên cỗ bàn sơ sài, để trên một cái án thư đã mục nát và xiêu vẹo làm bàn thờ. Trường không hiểu tại sao mẹ chàng lại cứ muốn mời đủ họ hàng đến ăn cỗ. Biết bao nhiêu nỗi nhục nhằn mà mẹ chàng đã phải chịu! Bởi vì những người sang và giàu có trong họ làm kiêu mời mọc mãi mới chịu đến.

Trường nhớ rất rõ rệt những cử chỉ kiêu hãnh của các anh em họ hàng, con những người giầu có kia. Khi ăn cỗ bọn họ chê bai những thức ăn mà mẹ chàng và Lan đã thức suốt đêm hôm trước làm ra. Tuy bọn anh em đó toàn trẻ tuổi, chưa biết giữ gìn lời nói, và Trường cũng mời có mười ba tuổi, chàng đã cảm thấy đau xót và uất ức trước những lời chế riễu.

Khi khách khứa đã về hết rồi. Trường thấy mẹ và em gái trân trọng vun vén những thức ăn còn lại để dành đến ngày mai. Tất cả cái nghèo nàn khốn khổ của gia đình lúc chàng còn thơ ấu, nổi lên trong trí nhớ Trường theo những kỷ niệm buồn rầu ấy.

Tiếng bà Hai mời đồ nước làm Trường trở lại hiện tại. Trước mặt chàng đã thấy bầy ra la liệt những quả tốt tươi, những bát sứ đựng chè và thạch ướp nước đá. Sự sung túc của nhà bà Hai và cái khéo léo của cô Hảo như hiển hiện trong những thức ăn sang trọng và lịch sự đó.

Trường lặng yên quan sát những người họ hàng nhà quê; chàng thấy mắt họ sáng lên trước những thức tráng miệng, mà có lẽ cả một đời họ ít khi được ăn đến. Họ cầm những quả lê, táo đưa lên ngắm nghía một cách chăm chú. Tuy vậy họ hình như không muốn ăn; Trường đoán họ có ý muốn dành phần đem về nhà để vợ con cùng được hưởng. Chàng thương hại và bỗng mỉm cười trong miệng,

khi nhớ đến cái thái độ của chàng lúc còn bé ở quê nhà, được đứng ngoài nhìn trộm một bữa cỗ sang trọng bên họ ngoại. Đứa trẻ con là Trường lúc bấy giờ giương mắt để nhìn những thức ăn lạ và quí bầy trên bàn, một cách thèm thuồng. Nó tưởng rằng, trong đời nó, có lẽ không bao giờ được nếm những cao lương mỹ vị như thế...

Nhưng bây giờ Trường nhìn hoa quả, bánh trái một cách dửng dưng, vì biết đó chỉ là một thức ăn, và cái giá trị miếng ăn đối với chàng không to nữa.

Chung quanh chàng, vẻ mãn nguyện đều hiển hiện trên nét mặt mọi người. Người nào cũng say và no nê; tiếng nói chuyện chỉ lâm râm, thì thào như họ sợ làm náo động cái thời khắc nghỉ ngơi quan trọng sau bữa ăn. Trường nghe rõ tiếng chép miệng, và tiếng cọ xát của chiếc tăm ông Cửu lia trên hai hàm răng đen nhánh mà ông vén môi chìa hẳn ra ngoài.

Tiến đứng dậy trước nhất, báo hiệu giờ ra về, Trường cũng vội vàng xin phép bà Hai; chàng nóng muốn xa lánh những bộ mặt đỏ gay kia để đi ra ngoài. Chàng cũng muốn tránh khỏi phải đưa mẹ và em cùng về nhà, để khỏi phải nghe những câu chuyện về gia đình mà lúc này chàng không muốn để tâm đến.

Cơn gió mát ngoài phố làm Trường dễ chịu. Đêm đã khuya, nhưng ở phố này vẫn còn nhiều người đi lại, và trên hè người ta nằm ngồi ngổn ngang trên chõng hay trên chiếu trải đất. Nhà bà Hai ở phố Bắc Ninh, Trường qua góc phố hàng Vôi ra đến hồ.

Một mảnh trăng mờ chiếu sáng trên các chòm cây đen. Mặt hồ, về phía xa, hơi lăn tăn gợn sóng dưới luồng gió nhẹ; còn gần bờ, nước trong và sâu yên lặng như một tấm gương; bóng chiếc cầu và đền Ngọc Sơn trắng in lộn xuống, rõ rệt và huyền ảo như một lâu đài trong các truyện thần tiên.

Trường nhìn những dãy nhà san sát quanh hồ, những mái xám lẫn với nền trời. Đằng xa về bên kia, chàng nhận thấy những ánh đèn lấp lánh ở một hiệu còn mở cửa. Trên đường, một vài cái xe thong thả đi, và thỉnh thoảng một đứa trẻ bán quà bước rảo, tiếng rao lanh lảnh làm vang động cái yên tĩnh của ban đêm.

Trường cũng bước nhanh về nhà. Quang cảnh của phố xá khiến chàng vui vẻ. Hà Nội đối với chàng vẫn có một cảm tình thân mật.

Trường thấy mình cùng sống theo một nhịp với sự hoạt động mà chàng đoán thấy ở chung quanh.

4.

Xuân về đến nhà, lơ đãng vất áo, mũ trên trên ghế và ngả mình nằm xuống giường. Cuộc vui mà chàng dự từ buổi tối đã đem đến cho chàng mệt nhọc và chán nản. Cảm giác ấy đêm nào chàng cũng thấy, từ khi đã ngót một năm nay, Xuân bắt đầu chơi bời. Nhất là từ khi vợ chàng giận dỗi về quê, thì chàng lại thấy buồn bực và khó chịu hơn nữa.

Hôm nay, chàng đã từ chối lời mời đến ăn cỗ của bà Hai, chắc có Trường đi thay mình. Ở sở ra, Xuân đi thẳng đến nhà mấy người bạn vẫn cùng họp mặt. Theo một lệ đã quen, Xuân và bọn bạn hữu lại rủ nhau đi tìm những thú vui ở nhà hát ả đào, hay ở mấy tiệm khiêu vũ. Đến khuya lắm mới cùng nhau về, ngủ vật vờ một giấc để rồi sáng hôm sau lại vào sở làm.

Xuân tối nay về sớm hơn mọi lần. Đến nhà, chàng chưa thấy mẹ và hai em về. Ngọn đèn con leo lét vẫn để ở giữa bàn, Xuân cũng không muốn vặn to lên nữa. Chàng quằn quại trên giường cố nhắm mắt ngủ, nhưng không ngủ được.

Đã lâu nay, Xuân sống trong một sự khó chịu, mình lại tự giận dỗi với mình. Tâm trạng ấy mới bắt đầu có từ ngày Xuân được đi làm ở Hà Nội. Trước kia, ở nhà quê, khi còn là một cậu học trò, chàng sống một đời giản dị và yên lặng lắm. Lúc bấy giờ, Xuân chỉ có một mục đích: học thế nào để thi đỗ.

Chàng là người con cả trong gia đình, vậy bổn phận chàng là phải đi làm để lấy tiền giúp đỡ mẹ và cho các em đi học. Con đường chàng phải theo đã vạch sẵn. Và Xuân thấy trong tâm can mẹ bao nhiêu là hy vọng, cả ở những người thân thuộc chung quanh bao nhiêu là mong ước, khiến chàng phải hết sức để khỏi làm cho mọi người bị thất vọng vì chàng.

Xuân tự coi là thuộc hẳn về gia đình, chàng không có nghĩ ngợi tính toán riêng về tương lai của chàng mà chỉ tính toán những

việc ích lợi chung cho cả nhà. Làm thế, Xuân thấy mình hy sinh cho bổn phận.

Thêm nữa, sự hy sinh đó đối với chàng thật là cao thượng, và sự biết mình theo đuổi một việc phải, làm cho Xuân thấy tự cao và giúp thêm can đảm cho chàng trong những lúc khó khăn chán nản.

Đến khi lên Hà Nội đi làm, Xuân bắt đầu giao thiệp với những bạn trẻ cùng sở, và bởi họ, bước vào một xã hội ăn chơi và xa hoa khác hẳn hoàn cảnh cũ của chàng. Trong xã hội này người ta chỉ nghĩ đến những lạc thú riêng, người nào cũng chỉ nghĩ đến mình mà thôi. Lòng ích kỷ của họ to đến đỗi họ lấy làm ngạc nhiên khi thấy người ta có thể chịu thiệt về phần mình để làm sung sướng cho người khác được.

Mấy người mà Xuân chơi thân với đều là con cái nhà giầu có. Họ không phải đi làm để nuôi nhà; nhưng chính cha mẹ đã chạy chọt cho họ một chỗ làm để lấy danh tiếng. Họ tiêu pha chơi bời quá cái số tiền lương mà họ kiếm được, có khi phải lấy thêm ở nhà nữa. Cũng có một hai người không phải ở nhà giầu có, nhưng họ không vì thế mà không phung phí. Số lương tháng thừa đủ cho họ mua vui.

Xuân bị lôi kéo vào trong vòng trụy lạc ấy. Chàng dần dần bắt đầu tự hỏi tại sao chàng lại phải đi làm khó nhọc cho người khác. Nếu không phải đem tiền về nhà, thì chàng sẽ được hưởng thú bao nhiêu! Xuân cho thế là một sự bất công mà chàng phải chịu. Chàng thường thèm thuồng so sánh đời chàng với đời của mấy bạn cùng sở, và ân hận thấy mình kém họ đủ mọi đường.

Thỉnh thoảng, chàng nghĩ lại, cho những cuộc chơi bời vui thú riêng của mình là không phải. Nhưng, những lúc ấy, không có ai giúp đỡ và khuyến khích cả. Nếu chàng tỏ ý rụt rè về sự đóng góp tiền để đi chơi, thì các bạn chàng lại dùng lời chế riễu. Trái lại, khi chàng tỏ ý không cần gì gia đình cả, thì người ta lại tán thành và kính phục chàng.

Dần dần, Xuân cũng theo những ý nghĩ ích kỷ ấy. Chàng cho cái thích của mình là cần hơn cả, lạc thú của mình là cột trụ của cuộc đời. Điều cốt nhất là làm thế nào đạt được những sở thích đó; trong mắt chàng chỉ có sự thỏa thích của chàng mà thôi. Thế rồi

Xuân trở nên một người khác hẳn; cậu thanh niên chăm chỉ và giầu lòng hy sinh là Xuân lúc hai mươi tuổi, cứ mỗi ngày một xa dần, và hình ảnh cũng cứ mờ dần trong trí nhớ chàng.

Sự thay đổi ghê gớm ấy, thực ra, bắt đầu từ lúc Xuân thôi không tự tin ở mình nữa. Bây giờ chàng chỉ tin ở người khác, chỉ nghe theo những câu chỉ bảo của người khác. Việc này chàng thấy dễ dàng hơn.

Tuy vậy, Xuân vẫn không dám công nhiên nói những ý nghĩ ấy. Một mối do dự hoài nghi vẫn còn lởn vởn trong tâm trí chàng. Đôi khi thoáng qua một ý nghĩ khác khiến chàng bứt rứt, nhưng chàng vẫn không ngừng những cuộc chơi bời. Chàng muốn cứ theo hẳn lòng ích kỷ của mình: nhưng khi về nhà thấy mẹ buồn rầu lo nghĩ, một chút hối hận lại đến ám ảnh chàng. Vì thế Xuân thành ra băn khoăn khó chịu. Sau mỗi bận đi chơi về, cùng với sự mệt nhọc, cảm giác ấy lại càng rõ rệt hơn.

Không ngủ được, Xuân nhỏm dậy bắc ghế ra ngoài hè ngồi hóng mát. Chàng lấy làm lạ rằng mẹ và hai em chưa về. "Chắc ăn cỗ xong còn ở lại nói chuyện". Xuân nghĩ thế rồi thử tưởng tượng cảnh náo nhiệt vào đông đúc ở nhà bà Hai. Trái lại, căn nhà vắng và tối tăm trong giờ này làm chàng buồn bã. Chàng muốn có người nào bên cạnh an ủi và vuốt ve chàng.

Chàng nghĩ đến vợ, thở dài. Vợ chàng về quê đã bốn, năm tháng nay rồi, mà Xuân cũng không viết thư gọi ra, như hai lần trước. Tại sao lại giận dỗi bỏ về? Xuân tự đặt câu hỏi ấy, và trong trường hợp này, chàng tìm câu trả lời dễ dàng lắm: bao nhiêu lỗi chàng đổ cả cho vợ. Xuân trách vợ đã làm hỏng cả một đời mình, bởi cái lẽ rất giản dị là đã bằng lòng làm vợ chàng. Khi chàng vừa mới thi đỗ xong, mẹ chàng liền hỏi Dung, Xuân đã bằng lòng vì chàng coi sự lấy vợ là một bổn phận trong những bổn phận khác của người con cả trong gia đình. Chàng không quen biết Dung và từ khi Dung về làm dâu, hai vợ chồng vẫn sống với nhau một cách điều hòa như những đôi vợ chồng khác, nghĩa là không có một chút tình gì cả. Xuân không yêu Dung; chàng cũng chưa hề biết yêu là gì nữa.

Bây giờ, Dung là một bó buộc mà có lẽ chàng phải chịu suốt đời. Xuân lại tức tối: giá đến bây giờ mà chàng vẫn chưa có vợ! Chàng sẽ tự do lựa chọn một cô thiếu nữ xinh đẹp và giầu – nhất là giầu – chàng sẽ không phải sống cái đời nghèo nàn của một người làm công xoàng, chỉ những khó nhọc và thiếu thốn. Xuân thấy mấy người bạn chàng đều lấy được vợ sang trọng và giầu có, mà thèm muốn cái địa vị của họ.

So sánh, chàng lại càng chán Dung hơn nữa. Dung là cô gái con nhà nền nếp, nhưng nghèo. Nàng có lẽ cũng hết sức yêu chồng, nhưng yêu theo cách kín đáo của một cô gái quê; nàng hiểu yêu là phải gìn giữ chồng và trông nom nhà cửa, chính cái cách yêu ấy Xuân không thích một tý nào và lấy làm khó chịu.

Mỗi khi ở những cuộc hội họp về, nhìn thấy vợ ăn mặc lôi thôi và sơ sài – Dung cũng như các người vợ khác, cho sự trang điểm khi đã có chồng rồi là một thói lẳng lơ – Xuân lại bực mình và nghĩ đến những thiếu nữ tươi tắn lộng lẫy mà chàng đã gặp. Từ đấy, chàng lại càng đi chơi, không hỏi han gì đến vợ. Dung ngỏ lời can gián một cách vụng về: trong gia đình xẩy ra luôn những cuộc cãi nhau, ngày một đào sâu cái hố đã chia rẽ hai người.

Để vợ đi, Xuân nhận thấy ở mẹ chàng và ở các em một ý trách móc chàng không phải. Nhưng đã lâu, Xuân không quan tâm đến những ý nghĩ của người trong nhà nữa.

Một bóng người ở đầu phố đi lại khiến Xuân chú ý. Nhận ra Trường, Xuân ngồi yên lặng đợi em đến. Trông thấy anh, Trường hơi ngạc nhiên, vì không mấy khi thấy anh về sớm thế; nhưng Trường không để lộ ra nét mặt. Điềm nhiên, chàng vào trong nhà bắc ghế ra ngồi cạnh.

– Mẹ chưa về cơ, chú? Đằng bà Hai chắc hôm nay có cỗ sang trọng lắm.

Trường đáp:

– Vâng, rất đông người ăn. Bà ta có nhắc sao anh không đến. Trường lại hỏi: – Mà sao anh không đến ăn cỗ?

Xuân không trả lời, ngả đầu dựa thành ghế nhìn lên trời. Không biết bàn chuyện gì nữa, Trường vẩn vơ nói:

– Hôm nay, trời đã dễ chịu, anh nhỉ. Bớt nóng hơn mấy hôm trước.

– Ừ.

Hai anh em lại yên lặng, một sự yên lặng nặng nề và đầy ý nghĩa. Trường cảm thấy có một ngượng nghịu giữa hai người. Bao giờ cũng thế, chàng nhận ra rằng anh em một nhà không nói chuyện với nhau được lâu và niềm nở như bạn. Có lẽ vì biết rõ nhau lắm, nên không có gì nói với nhau nữa. Trường rất dễ dàng nói chuyện với một người bạn thân, nhưng trước mặt anh, chàng tự nhiên ngượng không nói được. Thành thử Xuân và Trường chỉ nói những câu đâu đâu trong khi ở hai người đều sôi nổi những ý nghĩ và tư tưởng muốn giãi bầy cho nhau biết.

Trường đưa mắt nhìn anh, chàng thấy Xuân có vẻ mệt nhọc. Nét mặt cau có, hai vầng mắt thâm quầng bởi thức khuya nhiều. Đôi mắt trước kia nhanh nhẹn, bây giờ trở nên lờ đờ, và thỉnh thoảng yên hẳn lại, như đang say đắm trong một hình ảnh nào. Trường buồn rầu tưởng đến những hình ảnh không hay mà Xuân giữ trong trí nhớ.

Chàng thấy với Xuân, càng lớn lên lại càng xa cách nhau. Từ khi Xuân đi làm đến giờ, hai anh em không thân mật như trước nữa. Những lúc ngỏ nỗi lòng cho nhau càng ít đi, mà những ý nghĩ, những tư tưởng người nào giữ riêng cho người ấy càng nhiều lên.

Trường tiếc những ngày còn bé, hai người cùng đi học một trường tư nhỏ ở trong làng. Không có một điều gì, hai anh em không nói cho nhau biết. Cha mất sớm, mà nhà thì nghèo, thường bị các bạn học khác chế riễu hay khinh bỉ, nên Xuân và Trường càng nép vào nhau để tự vệ và tự an ủi. Sự nghèo hèn càng thắt chặt tình thân ái giữa hai người; hai anh em không những yêu mến nhau như anh em ruột một nhà, mà còn thân mật với nhau như một đôi bạn.

Sự thay đổi của Xuân gần đây, Trường cũng nhận thấy. Nhưng chàng cố không nghĩ đến, bởi vì chàng tự xét không có quyền chỉ trích người anh. Chàng chỉ buồn rầu và đau đớn khi thấy anh mỗi ngày một đi xa gia đình. Nhiều khi nghe mẹ phàn nàn về Xuân, rồi

rơm rớm nước mắt, Trường thấy nghẹn ngào bực tức như người khó thở trong buồng kín. Lúc ấy, Trường giận anh lắm, giận vì anh đã làm cho mẹ không được vui lòng. Rồi nỗi giận ấy mất đi, nhường chỗ cho một sự ân hận và sự lo nghĩ cho cái tình đầm ấm giữa mẹ con.

Trường cũng biết rằng Xuân đã chịu nhiều nỗi thiệt thòi nhất. Lúc còn trẻ thơ, Xuân đã phải nhường nhịn rồi. Trường còn nhớ những lúc mẹ đi đâu xa về; hai anh em sung sướng lục thúng quà của mẹ để tìm bánh trái hay đồ chơi, Trường bao giờ cũng được cái đồ chơi đẹp hơn; Xuân cố nhìn quà của em để so sánh thì mẹ lại nói "Con nhớn, phải nhường cái đẹp cho em chứ". Và không biết tại sao, Trường nhận thấy rằng Xuân không được mẹ yêu bằng mình và em Lan.

Rồi đến tuổi biết lo nghĩ. Xuân chỉ cắm đầu vào học, không một lúc nào dám rời bỏ quyển sách để chơi bời. Có lẽ cái trách nhiệm của Xuân nặng nề quá, nên tuy còn trẻ, mà Xuân cũng đã hiểu biết bổn phận của mình. Và bây giờ anh Xuân tựa như đã già nhiều, cằn cỗi hơn, nhưng háo hức những cuộc chơi bời như cây khô thèm nước, bởi vì trước kia anh không được sung sướng mấy.

Tất cả những ý nghĩ ấy lộn xộn trong óc Trường. Quãng đời ngây thơ lúc còn trẻ hiện lên trong trí nhớ, và một cảm tình thương mến đối với anh dồn đến tâm hồn chàng. Trường muốn nói cho anh biết niềm yêu mến và kính trọng ấy, nhưng không tìm được câu gì, chàng đành yên lặng cũng ngửng lên nhìn vòm trời quang trên cao: mảnh trăng đã lặn, mấy ngôi sao phía bắc lấp lánh sáng trên dẫy mái nhà.

5.

Mặt trời đã lên cao, Trường mới trở dậy. Ánh sáng tự khe cửa sổ thẳng vụt chiếu vào trong nhà, soi lên tấm màn trắng và chiếc gối bông. Trường bước xuống giường đi ra cửa.

Buổi sáng rực rỡ. Một cơn gió mát từ đâu đưa đến làm rung động chòm lá cây sấu trước nhà. Trời xanh và rất trong, khiến Trường sinh ra nhớ cây cỏ xanh tươi ở cánh đồng quê mà đã lâu lắm chàng

không được nhìn. Mấy làn mây trắng mỏng mắc ngang trời nhắc Trường nhớ đến sợi tơ hồng theo chiều gió bay trên mặt có những ngày khô ráo quãng tháng mười. Trong tâm hồn Trường bỗng thoáng qua tất cả hương vị mộc mạc của cảnh quê. Và chàng tự nhiên có ý muốn nhìn lại các khuôn mặt quen biết nơi chàng ở lúc trẻ thơ.

Bỗng nhiên, Trường lắng tai, mừng rỡ. Ở căn buồng trong, chàng nghe thấy, lẫn với tiếng nói của mẹ và em Lan một tiếng nói rất quen từ thuở nhỏ. Trường chú ý: cái tiếng nói vừa dịu dàng vừa đầm ấm ấy gợi cho chàng tất cả quãng đời niên thiếu, mà chàng vừa nhớ đến. Trường mỉm cười vì sự ngẫu nhiên đó, rồi nhắc trong miệng tên người khách đến chơi: bà Nhì.

Một hình ảnh rõ rệt trước mắt chàng: hình ảnh một người đàn bà mảnh dẻ, mái tóc bạc phơ trên khuôn mặt trái xoan, và hai mắt đầy một vẻ vừa buồn rầu vừa hiền từ vô hạn, luôn luôn nhìn ra xa sau đôi kính trắng gọng đồng. Bà Nhì vốn là bạn thân vẫn đi buôn bán với mẹ Trường. Lúc còn nhỏ, Trường và em Lan rất mến bà ta. Vì như một bà tiên nhân từ trong các truyện cổ tích mà hai anh em được người u già kể cho nghe, bà Nhì cứ lại thăm mẹ Trường vào giữa lúc Lan và anh đang bị mẹ đánh mắng vì đã phạm lỗi. Những lời khuyên can khéo léo và vui vẻ của bà ta làm mẹ Trường nguôi giận, rồi tiếng nói dịu dàng của bà an ủi và vuốt ve hai anh em như một lời ru.

Trường vội vàng rửa mặt trong thau nước lạnh rồi đi vào buồng trong. Quả nhiên chàng thấy bà Nhì đương ngồi trên sập nói chuyện với mẹ. Lan đang chầu bên cạnh nghe. Vừa trông thấy chàng, bà Nhì đã nhanh nhẹn hỏi trước:

– "Kìa cậu Trường. Cậu còn nhớ tôi không?" Bà vừa nói vừa mỉm cười. Trường nhận thấy vẫn cái cười hơi buồn rầu và rất có duyên, ngày trước. Chàng đáp lễ lại, rồi đứng yên, không biết nói gì. Tuy nhiên Trường thấy vui vẻ trong lòng, cái vui được gặp người mình kính mến.

Tiếng nói dịu dàng và đầm ấm lại cất lên:

– "Cậu ngồi xuống xơi nước. Nghe tin cậu đỗ tôi vui quá, nên phải vội lên mừng cậu cử mới đây. Ấy thế mới là học, chứ như em nó ở nhà thì rõ chán". Bà muốn nói đến người con mình học kém. Rồi bà lại quay lại phía mẹ Trường: – "Bà Phán bây giờ rõ thật sướng, hai con đỗ đạt cả hai, còn gì nữa".

Trường biết bà Nhì đã thất vọng vì con. Bà ta nghèo nên sự con học hành không thi đỗ là một điều đáng lo ngại cho nhà bà lắm.

Thấy trên mặt bà thoáng lộ vẻ buồn, Trường lại nhận rõ một điều: cái nghèo nặng nề đè nén lên bao nhiêu gia đình. Ở quê, chung quanh chàng, Trường chỉ nghe thấy những tiếng than phiền, uất ức của các người nghèo khổ.

Bà Nhì cũng là một trong những người ấy. Bà ta phải buôn bán, cân gạo để nuôi con ăn học, nhưng cũng như nhiều bà mẹ khác ở An Lâm, không được cái may mắn thấy con đỗ đạt.

Trường để ý nhìn bà. Vẫn như những ngày Trường còn trẻ, bà hình như không già đi chút nào. Mái tóc vẫn bạc phơ, – tuy bà chỉ độ vào quãng năm mươi tuổi – và khuôn mặt vẫn trái xoan. Vết răn trên trán có lẽ nhiều hơn trước; nhưng đôi mắt sau cặp kính trắng, vẫn giữ cái vẻ nhân từ, hiền hậu khiến Trường yêu mến bà, coi bà như một người thân mật trong nhà.

Gặp bạn cũ, mẹ Trường vui vẻ nhắc lại những lúc đi buôn ngày trước, những ngày vất vả và lo sợ, những buổi trở về nhà, mệt nhọc và buồn bã, vì không kiếm đủ tiền nuôi con. Bây giờ đã qua khỏi những ngày đó, đã đến một địa vị chắc chắn, bà Phán thích nhắc lại thời gian nan ấy. Nhưng bà Nhì vẫn nghèo như trước, chuyện cũ làm cho bà thêm buồn: Trường sinh lòng ái ngại cho tình cảnh của bà.

Lúc sắp đứng dậy ra về, bà tự nhiên hỏi chàng:

– Mùa nghỉ này, cậu không về An Lâm chơi ư?

– Thưa bà có. Tôi cũng định về chơi ít lâu.

– Bà Phán có về không?

Mẹ Trường dừng tay thu xếp cơi trầu, đáp:

– Không, bà ạ. Tôi còn phải ở trên này trông nom nhà cửa. Ấy, không có việc gì mà cũng bận cả ngày.

Bà Nhì quay lại phía Trường, giọng nói dịu dàng:

– Thế này thì hay quá. Cậu về quê nghỉ, lại ở nhà tôi thì tiện lắm. Tôi vẫn ở nhà cũ bên cổng Huyện, cái nhà ấy cậu đã biết rồi chứ gì.

Bà Phán ngắt lời, cười nói:

– Làm gì chả biết. Lúc nhỏ hai anh em vẫn cứ vào phá vườn hồng của bà thôi.

Trường mỉm cười. Chàng nhìn bà khách vui vẻ nhận lời:

– Xin vâng. Có về quê, tôi xin sẽ lại ở nhà bà.

Bấy giờ bà Nhì mới lộ vẻ vui mừng, và nói câu bà muốn nói từ lúc nẫy:

– Nhân thể tôi nhờ cậu chỉ bảo cho em nó học. Cậu giúp tôi việc ấy nhé?

Trong lời nói của bà có bao nhiêu ý cầu khẩn thiết tha. Trường nhận lời.

Bà Nhì về rồi, mẹ Trường với cái tráp sơn lại gần mình, nhìn hai con phân bua:

– "Thế là mất mười đồng. Chẳng lẽ bà ấy nói khẩn khoản mãi lại không cho vay, mà bà ấy vay thì biết đến bao giờ trả". Rồi bà Phán mở tráp soát lại tiền, ngẫm nghĩ.

Trường yên lặng một lát, rồi nói với mẹ:

– Bà ta nghèo khổ, mẹ cũng chả nên tiếc. Không biết bây giờ bà ấy còn buôn bán gì nữa không?

Lan trả lời anh:

– Đi buôn phải có vốn, chứ anh tưởng. Mà vốn thì bà ta làm gì có.

– Thế họ hàng đâu, sao không vay mượn?

Lan không biết. Bà mẹ rời bỏ quyển sổ, ngửng lên đáp:

– Bà Nhì làm gì có họ hàng. Hay có nhưng không ai nhìn nhận bà ta cả. Bà ta cư ngụ ở An Lâm, chứ có phải quê bà ta ở đó đâu.

Thân thế bà Nhì đối với Trường vẫn bí mật. Chàng nhớ khi còn nhỏ, một hôm chàng vô tình hỏi mẹ, cũng sau một buổi bà ta

đến chơi: "Thưa mẹ, ông Nhì đâu nhỉ, sao con không thấy ông ta đâu?" Lúc bấy giờ có vài người khách đàn bà nữa đang ngồi nói chuyện với mẹ Trường. Thấy con hỏi, bà cụ không trả lời, trừng mắt nhìn rồi bảo:

– Trẻ con biết gì mà hỏi. Ra ngoài kia chơi đi.

Trường sợ hãi lẩn xuống nhà dưới. Từ đấy chàng không dám hỏi mẹ về ông Nhì nữa. Mà mỗi khi chàng đem câu ấy hỏi người lớn khác trong nhà ai cũng lắc đầu không biết, và nhìn Trường như chàng đã làm điều gì không phải.

Mãi về sau, nghe những mẩu chuyện người ta nói với nhau, chàng mới biết mập mờ rằng ông Nhì ngày xưa không biết làm gì, đã phải tội xử tử. Những lời bàn tán thì thầm và sợ hãi của người chung quanh và chuyện ấy, càng làm cho Trường thấy sự bí mật của cái chết đó, và coi như một việc ghê gớm không dám nói đến. Đến bây giờ chàng cũng không hiểu rõ gì hơn. Nhưng chàng không muốn hỏi mẹ nữa. Chàng đoán vì thế mà bà Nhì lúc nào cũng có vẻ buồn rầu; và nụ cười an phận của bà có lẽ gây nên bởi sự hiu quạnh mà bà phải chịu, bởi vì ngoài mẹ Trường ra, bà không còn bạn nào khác nữa. Những người ở An Lâm thì hình như không muốn giao thiệp thân thiết với bà ta lắm.

Cho nên, lúc nhỏ, hai anh em Trường đến chơi được bà rất quí mến. Trường nhớ một góc vườn đầy hồng đằng sau nhà, ven bờ sông Tiên, một nếp nhà gạch cổ năm gian yên lặng. Trường và em chơi đùa với hai con bà Nhì, một cậu bé mặt tròn phúng phính, vừa chậm chạp vừa ngờ nghệch và một cô bé nhí nhảnh, mà bây giờ chàng chỉ nhớ có hai con mắt to và đen.

6.

Trong nhà bà Hai ngày hôm ấy, trông nét mặt mọi người, ta có thể đoán được vừa mới có sự gì quan trọng xảy ra. Mà thật, sự quan trọng ấy là việc chung thân của cô Hảo, cô gái cả của bà Hai.

Buổi sáng hôm đó, bà Cửu đến chơi. Bà này là một người chỉ có hai công việc ở đời: đi lễ bái hết đền kia phủ nọ, và đứng làm

mối dựng vợ gả chồng cho các gia đình bà quen biết. Mà bà quen biết nhiều gia đình lắm, lúc nào bà cũng có sẵn một "đám" con trai hay con gái, rất môn đăng hộ đối, đủ những tính nết tốt, và bà dùng vào những việc môi giới ấy, lời nói ngọt ngào và sự kiên tâm vô hạn của bà.

Lúc bà Cửu đến, Hảo đang đứng trang điểm trước cái gương lớn trong buồng, bên cạnh em gái. Thấy bà, hai chị em cảm giác mỗi người một khác. Hảo thì bỗng tự nhiên thấy trong lòng hồi hộp, còn Tuyết thì vui mừng lộ ra nét mặt, vì nó sắp được nghe nhiều chuyện hay lạ của bà Cửu, những chuyện của gia đình người khác cô rất thích biết, để được đi kể lại với các chị em bạn. Khi nghe tiếng mẹ gọi đi têm trầu và pha nước, cô nhanh nhẩu bước ra ngoài, quanh quẩn ở chỗ hai bà nói chuyện để nghe lỏm.

Bà Hai tiếp khách vui vẻ niềm nở lắm. Bà coi bà Cửu là một người quan trọng và cần thiết, có thể giúp bà trong cái công việc khó khăn là gả chồng cho con gái. Cũng như ở những bà mẹ khác, việc ấy là việc mà bà để tâm đến nhất. Tuy rằng bà với mẹ Trường đã giao ước gả con cho nhau, bà vẫn muốn biết cái đám mà bà Cửu sẽ nói với bà.

Còn Hảo ngồi yên lặng trong buồng, dáng suy nghĩ. Thực ra, nàng không chú ý đến một sự gì cả. Nhiều ý nghĩ cứ rối loạn trong óc nàng, và những cảm giác khác nhau cứ liên tiếp đến làm cho nàng băn khoăn. Biết bà Cửu và mẹ đang bàn đến chuyện chung thân của mình, nàng bối rối.

Nếu có ai hỏi nàng về sự lấy chồng, nàng sẽ không biết trả lời ra làm sao. Trong hai người đàn ông, nàng có lẽ sẽ không thể biết nên lựa chọn người nào. Bởi vì, về việc nhân duyên, từ bé nàng không bao giờ nghĩ đến một cách kỹ càng. Nàng chỉ nhớ lại những cảm giác mới lạ mà thỉnh thoảng nàng nhận thấy trong tâm can khi được nghe những câu bóng gió về việc vợ chồng, và những nỗi e thẹn của nàng khi có một người trẻ tuổi quen biết đến chơi nhà hay gặp gỡ người ta ở ngoài phố.

Trường đối với nàng cũng như các người con trai khác, nhưng tuy vậy cũng được nhiều cảm tình của nàng hơn. Vì ngay từ hồi còn nhỏ nàng đã quen nghe người trong nhà nói đến Trường rồi. Nàng

còn nhớ rõ những câu nói đùa mà mẹ nàng và mẹ Trường hay dùng đến, mỗi lần Trường ở nhà quê lên chơi.

Nhắc đến những kỷ niệm cũ, Hảo tự e thẹn mỉm cười. Bởi vì, độ ấy, sau mỗi bận Trường đến, rồi về quê, nàng lại bâng khuâng, nhớ nhung mất vài hôm. Có đêm nằm nghỉ, nàng mơ màng phảng phất tưởng như có Trường nằm bên mình. Nàng xếp bên cạnh đầu cái gối con, để dành cho Trường. Có khi nàng dang tay ra, như để chàng gối đầu vào đấy, và tưởng tượng rằng sau này lớn lên, nếu lấy nhau thì cũng sẽ nằm như thế.

Những ý nghĩ và các điều mong ước trẻ con ấy, Hảo không biết có phải là tình yêu không. Hồi đó, nàng mới vào quãng mười một mười hai tuổi, và Trường cũng trạc độ ngần ấy. Cử chỉ và lời nói của nàng đều biểu lộ tất cả cái ngây thơ của tuổi trẻ vô tư lự. Những cảm giác vui buồn nàng đều nhận thấy một cách rõ rệt, và làm thay đổi nét mặt nàng. Người ta thấy vậy càng trêu ghẹo và nói đùa, và việc ấy lại khiến nàng thấy liên lạc thân thiết với Trường hơn lên. Hễ nghe ai nói đến tên Trường là nàng thấy thẹn.

Nhưng mấy năm sau, nàng đã khôn lớn hơn, tâm hồn nàng đổi khác hẳn. Càng lớn, Hảo càng thấy phải giữ gìn những ý nghĩ của mình hay bắt buộc phải thế, vì nàng phải ăn ở cho đúng cái khuôn phép và nề nếp của những cô thiếu nữ gia đình trưởng giả như gia đình nàng.

Hảo mất dần tính tự nhiên đi, nàng phải nhìn mọi vật xung quanh nàng và cuộc đời theo một lề lối đã định sẵn. Nàng phải xa lánh bạn trai, vì nàng đã bắt đầu không coi họ như một người bạn hay người quen biết thường nữa, nhưng như một người có thể làm chồng nàng được.

Cũng vì thế, Hảo bớt nghĩ đến Trường. Những ý nghĩ ngây thơ về Trường thuở trước, nàng xua đuổi như những điều phạm lỗi. Mỗi lần Trường đến chơi là nàng phải lẩn tránh. Em Tuyết có ngỏ lời bông đùa, thì bị bà Hai mắng át đi ngay. Cả mẹ nàng, cả mẹ Trường, với các người chung quanh, mỗi khi có bàn về việc của nàng, đều giữ một vẻ nghiêm trang và trịnh trọng.

Từ ngày ấy, nàng bị một trở lực ngăn cấm nàng không được nghĩ đến ái tình. Những tính tình chân thực của tâm hồn không

quan trọng nữa. Cái quan trọng là cái nền nếp, cái khuôn phép mà nàng bắt buộc phải theo.

Cho đến bây giờ, Hảo là một cô thiếu nữ không tốt mà cũng không xấu và không biết một chút gì về cuộc đời, như nhiều thiếu nữ khác cũng gia thế như nàng.

Nhà ngoài, bà Cửu với bà Hai vẫn nhỏ to trò chuyện rất thân mật. Hảo ngó đầu ở cửa buồng nhìn ra, thấy em nằm tựa vào thành sập phía sau mẹ chăm chú nghe. Trông nét mặt của Tuyết, mắt nhìn không chớp và miệng hé mở, Hảo đoán là câu chuyện đang hay lắm. Nàng khẽ lên tiếng gọi em.

Tuyết ngoảnh mặt lại thấy chị, nhưng không vào ngay, còn cố đứng rốn lại nghe nốt mẩu chuyện. Rồi cô tươi cười đi vào, đôi mắt thoáng một vẻ tinh nghịch và nhí nhảnh. Cô lại gần bên chị, cũng soi vào tấm gương để trên bàn. Hảo giơ cánh tay choàng lên vai em, âu yếm hỏi:

– Bà Cửu nói chuyện gì thế?

Tuyết trả lời thẳng ngay: – "Ấy, làm mối cho chị đấy". Rồi không để chị nói, Tuyết vội vàng tiếp:

– Thật đấy, chốc nữa chị hỏi mẹ mà xem.

Hảo hồi hộp trong người. Nàng muốn hỏi em xem người bà Cửu định làm mối cho nàng là ai, nhưng ngập ngừng chưa dám. Tuyết đã nói thêm:

– Bà Cửu nói chuyện cậu Tiến, em bà Phán Ty ấy mà. Chị có biết không? Bà ta nói cậu ấy đang học Cao đẳng sắp thi ra làm Tham biện.

Hảo yên lặng, nghĩ vơ vẩn. Nghe em nói, nàng tự nhiên thấy thinh thích, không biết tại sao. Tiến là con một nhà vừa danh vọng lại vừa giầu có; nhờ có bà Cửu đến làm mối mà giá trị của Hảo tăng thêm. Hảo cố nhớ lại hình dáng cậu mà thỉnh thoảng nàng được thoáng trông thấy: nàng chỉ nhớ có cái dáng điệu nghiêm trang và đứng đắn. Nàng lại nghĩ đến Trường, đến vẻ tươi trẻ và giản dị của chàng.

Tiếng bà Hai gọi Tuyết làm Hảo rứt bỏ những ý nghĩ ấy. Nàng vội vàng nhìn vào gương, lấy lược ra chải tóc, và chăm chú rẽ đường ngôi, để không nghĩ ngợi gì nữa.

Chợt nghe có tiếng dép của mẹ từ ngoài đi vào. Hảo cúi đầu sát vào gương, làm như không biết, tuy nàng đoán chắc sau lưng mẹ đang nhìn mình. Bà Hai dừng lại trong khung cửa, ngắm con gái một lát, rồi bà bước lại bên Hảo. Đoán mẹ sắp nói việc gì quan trọng, nàng hồi hộp chờ. Nhưng bà Hai chỉ bảo:

– Bà Cửu vừa lại đấy.

– Vâng.

Hai mẹ con lại yên lặng. Bà Hai ngập ngừng như muốn nói chuyện gì nhưng lưỡng lự, bà lại thôi.

Bà lại gần, tựa vào thành ghế đằng sau Hảo, rồi đưa tay ra vuốt món tóc mà nàng đang chải. Hảo cảm thấy trong cái cử chỉ thường ấy bao nhiêu tình yêu mến của mẹ con, nàng ngửng lên nhìn thấy nét mặt mẹ vui tươi hơn mọi ngày.

Bà Hai vui sướng thật; bà tự kiêu có một cô con gái như Hảo, một cô gái nết na và hiền hậu, lại có tài buôn bán, nghĩa là một "đám" rất được các bà mẹ có con trai chú ý đến. Lời đánh tiếng của bà Cửu, và của nhiều người khác ở làng nữa, tỏ cho bà biết cái giá trị của con gái mình; bà tự coi như có một của quý trong nhà mà bà là chủ. Bà lại thỏa mãn hơn nữa, vì đã có thể dành cho Hảo một cái lưng vốn khá to, và một lớp nhà gạch ở Hà Nội chính tay bà xây dựng lên. Bổn phận của người mẹ, bà cho thế là đã đầy đủ; thực ra bà cũng không hiểu đấy có phải là một cái bổn phận không: bà chỉ biết hễ con gái bà càng giầu bao nhiêu là bà càng lấy làm mãn nguyện và sung sướng bấy nhiêu. Có lẽ nếu có phải hy sinh hạnh phúc của bà để gây dựng hạnh phúc cho con gái, chưa biết bà có làm không, nhưng cứ trong cái tình hình bây giờ, thì hạnh phúc của bà và con chỉ là một, và có lẽ cái phần của bà lại nhiều hơn.

Không bao giờ trong tâm hồn giản dị của bà có luẩn quẩn một ý hồ nghi cỏn con về sự ấy. Bà Hai không bao giờ tự hỏi xem, nếu lấy người này, người nọ, con mình có được sung sướng không? Bà nghĩ rằng, lấy một người con nhà gia thế, có công ăn việc làm và vài điều kiện khác, con bà không thể không sung sướng được. Bà

không tưởng tượng được có thể có một hạnh phúc ngoài cái lề lối, cái khuôn phép xã hội đã định và chung quanh bà người ta vẫn theo.

Chính bà cũng đã sống trong cái lề lối ấy. Bà Hai thường nghĩ đến quãng đời đã sống của bà, từ lúc còn nhỏ tuổi. Bà đã lấy ông Hai bởi vì chồng bà lúc bấy giờ là một đám có đủ những điều kiện cần yếu cho việc cầu thân của hai nhà. Trước khi về nhà chồng, bà chưa hề biết ông Hai, mà đến khi lấy nhau, bà cũng không biết gì hơn về chồng. Hai người sống cạnh nhau như trong nhiều gia đình khác, cùng nhau đồng ý đẻ con, và buôn bán làm ăn để đạt tới cái mục đích hai bên cùng mong ước là làm giầu.

Đôi vợ chồng sống như thế trong vòng mươi lăm năm, không có một chút bất hòa. Đến khi cậu Bình lên ba, thì ông Hai mất. Bà Hai cũng khóc lóc thương tiếc chồng, nhưng bà không thấy có sự thay đổi gì cả; bà lại vẫn sống như thường và vẫn làm ăn buôn bán như trước.

Các con dần lớn lên, bà Hai thấy đến lúc phải lo liệu đến tương lai của chúng. Cô gái đầu lòng, vì sự nhiều người tranh nhau hỏi, đã hết là một mối lo cho bà mà trở nên một mối vui mừng. Cô Tuyết thì hãy còn nhỏ. Chỉ còn Bình là cái hy vọng và cái cột trụ của tất cả gia đình. Bà chiều chuộng cậu con út như những bà mẹ chỉ có một con trai; bà lấy làm sung sướng khi nhận thấy Bình được họ hàng ngợi khen là một cậu bé ngoan ngoãn, dễ bảo, và rất có hiếu, nghĩa là biết chăm nom và săn sóc một cách trịnh trọng đến bàn thờ những ngày có giỗ. Trước bao nhiêu vẻ nghiêm trang của cậu bé ấy, những người trong họ đều đoán một cách quả quyết rằng Bình sẽ là một cậu thanh niên hoàn toàn đáng làm mẫu cho các người khác.

Buổi chiều sau bữa cơm, tất cả gia đình nhà bà Hai hội họp ở gian nhà ngoài. Chỗ đó kê bộ trường kỷ, mấy cái án thư nhỏ và cái sập gụ ở trước bàn thờ. Giờ này là giờ bàn chuyện phiếm để tiêu cơm và chờ lúc đi ngủ.

Ngoài bà Hai và các con, lại có cả bà Cửu đã đến chơi ban sáng, và Chương. Chương vừa mới đưa Bình đi xin học ở một trường tư, vì tuy nghỉ hè, bà Hai vẫn muốn cho con mình theo học: bà yên

trí rằng hễ cứ học nhiều là tất nhiên phải giỏi, phải thi đỗ, tuy Chương đã nói cần để Bình nghỉ, vì cậu sức yếu.

Bà Hai âu yếm nhìn con, nhưng cái vẻ xanh xao mảnh khảnh của Bình không làm bà chú ý:

– Để em ở nhà nó cũng buồn không biết làm gì. Thà cứ cho nó đi học lại còn vui, chúng vui bạn hơn.

– "Vâng, bác nghĩ cũng phải", Chương lơ đãng trả lời, vì chàng còn mải nghĩ đến chuyện khác.

Thực ra, chàng cũng không quan tâm đến sức khỏe của Bình lắm; chàng nói thế để bà Hai khỏi nhờ chàng mỗi ngày đến kèm dạy Bình như bà đã khẩn khoản. Nhưng rồi thấy bà Hai quả quyết, chàng đành phải theo ý vậy.

Bà Cửu lúc nào cũng muốn mọi người chú ý đến Tiến, quay lại nói với Chương:

– Có học nhiều thì mới chóng giỏi được chứ. Như cậu Tiến đằng kia đấy, năm nay mới có hai mươi ba tuổi mà đã sắp thi ra ở Cao đẳng.

Bà vừa nói vừa đưa mắt nhìn về phía cô Hảo đang ngồi têm trầu trên ghế trường kỷ. – "Lúc còn bé, cậu ta cũng nhờ có anh kèm, nên mới học chóng được như thế".

Rồi từ câu chuyện học, bà xoay ra nói về gia thế cậu Tiến, khen bà mẹ hiền lành, và rộng lượng, ông cụ rất yêu con và yêu cậu ta nhất nhà, những câu chuyện mà bà quên rằng đã nói với bà Hai lúc buổi sáng. Bà này cứ yên lặng ngồi nghe, thỉnh thoảng lại gật đầu ra dáng để ý lắm! Tuy trong lòng bà đã định từ chối lời cầu thân của bà Cửu rồi. Nhưng bà vẫn thích nghe những lời ca tụng của bà Cửu đối với Tiến.

Hảo ngồi trên trường kỷ, chăm chú têm trầu xếp vào tráp: nàng lắng nghe câu chuyện, và sung sướng nghĩ rằng tất cả những lời ca tụng ấy là vì mình. Tự nhiên nàng lại nghĩ đến một người! Chị em bạn là cô Đông, một cô gái nhà nghèo, nhưng vì có nhan sắc nên đã được một người Tham biện hỏi làm vợ. Hảo còn nhớ cách ngày cưới mấy tháng sau, hai vợ chồng cô ta đến thăm mình: hai vợ chồng ở trên một cái ô tô sang trọng bước xuống, cô Đông mọi

khi buồn rầu và ủy mị vẫn đến hỏi vay tiền nàng, bây giờ Hảo thấy khác hẳn, mặt tươi sáng lên, miệng cười luôn luôn, và nhất là ăn nói một cách mạnh bạo chứ không rụt rè, e lệ như ngày trước. Hảo nhớ rõ, khi tiễn bạn ra về, lòng nàng bấy giờ hơi se lại vì ganh tị với cái số phận sung sướng của Đông.

Chỉ có Tuyết là không thích nghe nói đến Tiến một tí nào. Cô vẫn ghét cái dáng điệu kiểu cách và đạo mạo của cậu ta. Vì vậy, nên Tuyết chỉ chờ dịp là nói đến Trường cho bà Cửu biết, vì đối với Trường nàng rất có cảm tình:

– Có phải hết hè này, anh Trường cũng vào học Cao đẳng phải không, anh Chương?

– Tôi cũng chẳng biết. Chương khó chịu trả lời. Nhưng chàng lại dịu giọng ngay: – Hình như thế thì phải. Nhưng tôi không biết anh ta định xin vào ban nào.

– Ban luật chứ còn ban nào nữa.

Chương nhìn Hảo, cười ra vẻ người hiểu biết:

– "Không phải chỉ có trường Luật như trường cậu Tiến học. Còn có nhiều trường khác nữa.

Ngừng một lát, Chương tiếp:

– Thường thường, những người nào học kém thì vào các ban khác. Chàng muốn nói ý rằng Trường tuy đã đỗ nhưng sức học hãy còn non lắm.

Tuyết cũng hiểu như thế, nàng muốn cãi lại, mà không biết nói gì. Nhưng một đứa trẻ như nàng không biết giữ kín những cảm giác của mình, nàng cau mặt tỏ vẻ không bằng lòng đứng dậy đi vào trong phòng.

7.

Một tháng sau, Trường xin phép mẹ về An Lâm chơi. Đã ba, bốn năm chàng không có dịp nào về thăm quê nhà, thăm những người thân thuộc vẫn còn lại ở đấy. Trường muốn trở về nhìn lại những chỗ đã giữ bao nhiêu kỷ niệm êm đềm trong quãng đời trẻ thơ của chàng. Với lại, chàng muốn xa cách ít lâu cái náo

nhiệt trong căn phố chàng ở, và quên những bộ sách khô khan mà chàng đã nghiền ngẫm mấy tháng trước khi thi.

Trên chuyến tầu đưa chàng đi, Trường vui vẻ nhìn đồng ruộng đằng xa kéo lại, tấm thảm lúa xanh thẫm mà cơn gió làm nổi lên những làn sóng bạc. Thỉnh thoảng, một mảnh ruộng có nước, sáng như một tấm gương phẳng lặng, phản chiếu vùng trời xanh ngắt và rộng rãi.

Trường thở hít mạnh không khí trong sạch, lắng tai nghe những câu chuyện mộc mạc và tiếng cười nói của các hành khách trên tầu. Chàng cảm thấy tâm hồn mình trở nên giản dị và trong sáng như những ngày còn trẻ ở quê nhà.

Gần đến An Lâm, cầu đi trên cầu sông Tiên, và tiếng ầm ầm rung động nhắc Trường nhớ lại khi còn đi học ở trường làng, chàng thường cùng với các anh em bạn ra đứng dựa vào thành cầu để nhìn xe hỏa đi qua. Chàng lại nhớ lúc bấy giờ nhìn các người đi trên tầu một cách thèm thuồng, bởi họ đang đi tới những tỉnh thành xa lạ mà chàng hằng ao ước được để chân đến.

Trường nghiêng người ra ngoài cửa toa nhìn xuống, thấy mấy chiếc thuyền gỗ chen nhau đỗ bên bờ, một vài đứa trẻ đang bơi lội dưới nước đều ngừng lại, giương những con mắt ngạc nhiên nhìn chiếc xe qua.

Mấy dẫy nhà ở đầu phố Huyện, thấp thoáng sau lũy tre xanh hiện ra, rồi xe đỗ. Trường xuống ga, theo con đường trải đá đi khuất sau rặng cây. Một cơn gió mát ở cánh đồng ruộng đưa tới bay tung vạt áo Trường, đem lại cho chàng cái mùi dễ chịu của đất ải mới cầy lẫn với hương thơm của cỏ xanh. Buổi chiều rất yên lặng tỏa xuống cảnh quê; một cảm giác êm đềm như ở dưới đất bốc lên, bao phủ lấy mọi vật.

Qua hai dẫy phố chợ, Trường men bờ sông Tiên tìm đến nhà bà Nhì. Chàng định nghỉ hè ở nhà bà, và để kèm dạy người con bà như lời chàng đã hứa trước. Và chàng cũng muốn sống lại trong mấy gian nhà cổ và trong mảnh vườn hồng ven sông những ngày ngây thơ khi còn nhỏ.

Lên hết mấy bực xếp bằng gạch cũ, Trường đẩy hai cánh cửa tre của một cái cổng nhỏ nấp sát vào rặng cây xanh tốt làm hàng

rào. Bà Nhì đương ngồi trên chiếc chõng ở ngoài sân, nghe tiếng động ngoảnh ra nhìn. Thấy Trường, bà vội vàng đứng dậy, nét mặt vui tươi hẳn lên và nói líu cả lưỡi:

– Kìa cậu Trường, cậu về bao giờ thế? Sao không gửi giấy báo tôi biết trước để cho em nó ra đón. Cậu ngồi xuống đây đã.

Bà giật cái vali của Trường để lên thềm nhà rồi quay lại thu xếp các đồ dùng để trên chõng. Sự vui mừng thành thực và vẻ luống cuống của bà khiến Trường cảm động và buồn cười. Chàng thấy đầm ấm trong lòng, vì bà Nhì đối với chàng đã thành thân mật như người trong một nhà.

Trường nhìn quanh mình. Cảnh vật trước mắt chàng vẫn y nguyên, không thay đổi. Căn nhà năm gian vẫn có vẻ rộng rãi; thềm gạch rêu phủ, cả cái bể nước con con, mấy chậu cây si dưới gốc cau cũng y nguyên như hồi còn nhỏ chàng đến chơi.

Bà Nhì vào trong nhà bưng một bộ khay chén ra để trên chõng. Trường toan hỏi, bà đã cất tiếng gọi:

– Trinh đâu ra mẹ bảo.

Thoáng có tiếng người thưa, rồi từ phía vườn đầu nhà, một thiếu nữ sau giàn cây bước ra. Thấy có người lạ, thiếu nữ đứng sững lại ngạc nhiên giương mắt nhìn.

Trường nhận ra cô gái có đôi mắt to và đen vẫn thường chơi với chàng và Lan ngày trước.

Thấy con khép nép dưới giàn hoa, bà Nhì quay lại bảo:

– Cậu Trường đấy mà, có phải ai lạ đâu? Rồi quay lại phía Trường, bà thân mật hỏi: "Em Trinh đấy, cậu còn nhớ không?"

Trường vừa đáp: "Thưa có ạ" vừa đứng dậy nghiêng mình cúi chào. Trinh ngượng nghịu chào lại. Hai má nàng ửng đỏ và e thẹn, nhưng mắt nàng sáng lên như thoáng qua một sự vui mừng. Rồi nhanh nhẹn nàng bước vào trong nhà.

Bà Nhì âu yếm nhìn theo con, bảo Trường:

– Hôm nọ tôi lên chơi trên bà, em nó cứ khẩn khoản đòi theo lên để gặp cô Lan nói chuyện. Nhưng nhà vắng người nên nó không đi được.

Trường thừa biết rằng vì nghèo, nên bà Nhì không muốn đưa con gái đến nhà ai. Mấy mẹ con chỉ quây quần sống với nhau trong nếp nhà cũ này; ngay đến những người ở An Lâm bà cùng không giao thiệp với.

Trường hỏi:

– Anh Bích đâu nhỉ, con không thấy.

Bích là cậu con trai thi trượt mà bà Nhì nhờ chàng dạy học.

– Tôi cho nó sang bên sông khất nợ từ sớm. Dễ bây giờ em nó cũng sắp về đấy.

Trường ngồi xuống chõng uống nước chè do bà Nhì pha lấy. Chén chè thoang thoảng hương vị hoa mộc, mùi thơm mát và dịu dàng. Chàng hỏi:

– Chè này bà ướp lấy phải không ạ?

Bà Nhì mỉm cười:

– Vâng, mộc ở vườn nhà đấy. Em nó vẫn lấy ướp chè cho tôi uống.

Rót thêm vào chén của chàng, bà tiếp:

– Cậu uống nữa đi. Giờ tôi chỉ còn có cái thú này thôi. Nhớ ngày trước đi cân gạo với bà Phán chẳng sáng nào là không dùng hết một ấm chè.

Bà đứng dậy vào nhà. Trường ngồi yên lặng, linh hồn thư thả và nhẹ nhàng. Chiều đã xuống. Da trời tím lại, và gió mát nổi lên rào rào trong mấy khóm tre gần ngõ. Qua bờ cây, về phía xa, còn thấp thoáng mấy tia nắng vàng yếu ớt. Từ dưới sông Tiên đưa lên tiếng nước róc rách đổ vào bờ, như tiếng kêu của buổi chiều rộng rãi.

Một cảm giác thấm thía và êm đềm như tự những ngày đã qua đưa lại mối dịu dàng. Chiều ở thôn quê đối với Trường vẫn giữ vẻ bí mật ngày xưa. Chàng nhớ lại tất cả các buổi chiều khi còn nhỏ, trong cửa hàng của mẹ: mấy cái quả sơn đen loáng dưới ánh lờ mờ của ngọn đèn dầu nhỏ, tiếng muỗi vo ve kêu bên tai, và cái yên lặng buồn nản của ngày tàn đè nén lên tâm hồn trẻ của chàng.

Bà Nhì lên tiếng gọi chàng vào ăn cơm. Bích đã về, vừa rửa chân tay xong ở bên bể cạn. Ba người cùng ngồi chung quanh chiếc

án thư cũ kê gian giữa, dưới một cái đèn treo. Trường tuy không thấy đói, nhưng chàng cũng phải gượng ăn mấy miếng trong mâm cỗ đầy mà bà Nhì với con gái đã ra công làm cho ngon lành. Mặc lời chàng từ chối, bà Nhì cứ chốc chốc lại gắp vào bát chàng những món ăn: chàng vừa ăn vừa trả lời những câu hỏi của bà Nhì về tin tức ở Hà Nội, về gia đình chàng. Được một lát, Trinh lặng lẽ đến ngồi bên mẹ. Bữa cơm trở nên vui vẻ và thân mật, trong một không khí đậm đà.

Sau bữa ăn, Trường xin phép đi nghỉ. Bà Nhì đã dành riêng cho chàng một căn buồng ở đầu nhà, chỗ có giàn hoa lý. Tuy đi đường mệt mỏi, mà Trường cũng không thấy buồn ngủ. Chàng ngồi tựa vào cửa sổ, nhìn ra vườn. Muôn tiếng khe khẽ rì rầm khiến chàng nhận thấy cái hoạt động của ban đêm. Trường sung sướng nghĩ đến mấy tháng được ở đây. Phong cảnh của mảnh vườn trước mắt, với xa xa dòng sông Tiên thấp thoáng trong cánh đồng lúc xanh tươi, đối với chàng như đã quen thuộc.

Sáng sớm hôm sau, Trường đã trở dậy. Ánh nắng xiên qua khe cửa chiếu vào các xà ngang và mái ngói, làm sáng cả gian buồng. Tiếng cánh bay vụt và tiếng kêu ríu rít của đàn chim sẻ từ các kẽ ngói đưa ra làm sang sảng vang động cả buổi mai. Trường tự nhiên thấy vui vẻ vô cùng.

Chàng bỏ giầy cho mát chân, mở cửa bước ra ngoài, len qua mấy luống hồng và gốc khế, đi xuống phía sông Tiên. Hơi mát lạnh của nước sông như bốc lên thấm thía vào cảnh vật. Trường men theo bờ ra cánh đồng. Mùi thơm của cỏ làm chàng say sưa. Khoảng rộng và trời xanh khiến chàng nhẹ nhõm và khoan khoái. Trường ngồi trên thảm cỏ, tay rứt, miệng nhai những cánh lá thơm; tất cả giác quan như chờ đợi những cái thú và hương vị của cánh đồng quê mà chàng sợ không hưởng được hết.

Trở về, Trường đã thấy bà Nhì ngồi pha chè trên chiếc trường kỷ, đang đợi chàng. Trường ngồi xuống ghế, đưa chén chè nóng lên miệng. Mùi thơm ngát của cánh chè đầu xuân nhắc Trường nhớ lại những buổi uống chè khi sáng sớm trời còn tối, trước khi mẹ chàng và bà Nhì ra hàng cân gạo, những buổi sớm mà cánh đồng còn mờ sương đã vang động những tiếng xì xào của các người nhà quê hàng

xáo gánh gạo lên chợ bán. Trường hỏi bà Nhì xem sự hoạt động ấy có còn đến bây giờ không, nhưng bà buồn bã trả lời:

– Mấy năm nay ở đây buôn bán kém lắm, không được như trước. Bây giờ kiếm ăn mỗi ngày một khổ hơn.

Bà Nhì yên lặng, có vẻ nghĩ ngợi. Nụ cười âu sầu và an phận lại thoáng nở trên môi, và đôi mắt hiền từ của bà như nhìn đăm đăm tới những ngày nào, xa lắm. Trường thương hại: bà vẫn lận đận với cái nghèo trong khi quanh mình bà, những người cũ đã trở nên khá giả và sang trọng. Chàng muốn tìm câu chuyện để nói, thì bà Nhì bỗng hỏi:

– Ban sáng cậu đi chơi đâu? Đã vào trong nhà chưa?

– Chưa ạ.

Bà Nhì có nhắc, Trường mới nhớ đến. Trong nhà là họ ngoại của chàng. Trước kia, khi chưa lên Hà Nội, gia đình Trường vẫn ở bên cạnh xóm nhà của họ ngoại. Đó là một cái trại rộng rãi, vườn trồng đầy cây hoa lạ, mấy nếp nhà gạch dựng chung quanh một cái sân lát. Qua rặng găng tây, người đi đường có thể trông thấy mấy cái mái lợp ngói tây, với chòm lá của một cây mít lớn. Câu "nhà ngói, cây mít" ở cửa miệng các người nhà quê thật là đúng với cái dinh cơ to tát ấy, ngạo nghễ đứng giữa phố chợ, trong đám nhà tranh lụp xụp và xơ xác của bọn nghèo hèn ở chung quanh. Họ ngoại nhà Trường toàn những người giầu có, nhưng rất kiệt và hà tiện, xưa nay đối với nhà chàng nghèo túng, vẫn lãnh đạm và dửng dưng. Mẹ chàng khi xưa không chịu nhờ vả, chỉ một mình tần tảo nuôi con. Cho đến bây giờ, Xuân và Trường đã đỗ đạt, mẹ chàng coi đó như một cách đáp lại những lời mai mỉa mà trước kia họ hàng đã dùng để chê bai cái cảnh nghèo nàn của gia đình chàng.

Vì có những mối ác cảm ấy, nên tuy đã lâu lắm Trường chưa về quê, mà chàng cũng không muốn vào thăm trong họ. Bà Nhì cũng biết thế, nên khi thấy chàng lưỡng lự và tỏ ý ngần ngại, bà vội giục:

– Cậu vào chơi trong ấy đi, rồi về ăn cơm thì vừa.

Tính giản dị hồn nhiên, bà không ghen ghét hay ganh tị ai bao giờ, tuy người ta lãnh đạm với bà. Đối với ai bà cũng muốn thân thiện và tử tế. Lòng hiền hậu của bà khiến Trường quên hết cả những nỗi ngần ngại. Chàng quả quyết đến thăm ông bác, và nhân

thể xem căn phố chợ An Lâm mà lúc còn đi học trường làng ngày nào chàng cũng đi qua.

Vừa bước ra khỏi cổng, Trường gặp Trinh đi chợ về. Nàng cắp bên người một cái rổ con đựng mấy mớ rau xanh tốt. Một con gà trống nằm ép mình trong rổ, thò đầu ra ngoài. Trông thấy, Trường vui vẻ hỏi đùa:

– Cô đi chợ về đấy à? Chàng buồn cười khi nghĩ đến con gà ấy lát nữa sẽ là bữa tiệc của mình. – Cô mua gì mà nhiều thế?

Trinh khép nép đứng lui vào bờ giậu. Nàng nhấc vành nón lên nhìn Trường, khẽ trả lời một câu không rõ. Một nụ cười rất duyên nở trên cặp môi đỏ, và hai lúm đồng tiền in rõ trên đôi má hồng hào. Nàng trông dịu dàng và tươi thắm.

Lòng mến yêu, Trường thấy mạch máu chạy mạnh trong người và một niềm vui ham sống tự nhiên tràn ngập cả tâm hồn. Trường muốn nói một câu để tỏ rõ cái bồng bột sung sướng trong lòng, nhưng ngượng nghịu lại thôi. Lặng lẽ chàng tránh sang bên cho Trinh đi, rồi quay lại nhìn theo dáng điệu mềm mại của Trinh cho đến khi nàng khuất sau khóm cây đầu vườn.

8.

Trường đi qua cổng Huyện, rẽ về bên trái. Mấy lớp nhà đầu phố hiện ra trước mắt chàng. Vẫn mấy nếp nhà tranh xiêu vẹo của bọn người nghèo khổ các nơi trú ngụ ở An Lâm. Tuy xa cách đã lâu, mà Trường thấy những dẫy nhà đó không có gì thay đổi, có chăng là xiêu vẹo và điêu tàn hơn một chút. Chàng đoán cuộc đời tối tăm và khốn nạn trong đó cũng vẫn như ngày trước khi chàng còn ở đây.

Trường bước nhanh để vội qua những nơi ấy. Trên các thềm nhà, chàng vẫn thấy một lũ trẻ bẩn thỉu và rách rưới đùa nghịch; chúng giương những con mắt ngạc nhiên nhìn Trường đi qua. Trong các khung cửa dưới mái tranh xơ xác, Trường nhận thấy một vài người đàn bà quen, những người ở phố chợ này đã lâu lắm, đã từng trông thấy Trường chơi đùa dưới mắt họ cùng với một lũ trẻ cũng bẩn thỉu như những đứa trẻ kia.

Những người đàn bà nghèo khổ này vẫn thường đến vay mượn mẹ Trường. Chàng ngậm ngùi cho cái số phận đáng thương của họ, có lẽ suốt đời phải lầm lội trong cảnh đói khổ như thế này mãi. Trường nghĩ đến trước kia, gia đình chàng cũng không hơn gì gia đình những người này. Chàng đã sống chung với con cái họ. Nhưng tấm lòng hy sinh của mẹ đã khiến Trường và anh có thể theo học được, và đến bây giờ, thoát khỏi sự cùng cực, sống một cuộc đời đầy đủ hơn một chút; Trường thấy nổi lên trong lòng một tấm tình yêu mến, kính phục đối với mẹ, với tất cả những người mẹ khác đã hy sinh cho con.

Chàng đoán chắc những bà mẹ xấu số kia đang nhìn theo chàng một cách ao ước, thèm thuồng. Chàng thoáng nghe thấy họ nói với nhau:

– Cậu Trường đấy, Trường con bà Phán đấy mà. Gớm cậu ấy bây giờ trông nhớn quá.

Trường mỉm cười. Chàng lưỡng lự không biết có nên dừng lại hỏi han họ không. Nhưng chàng sợ, những lời than phiền, và cảnh nghèo khổ thương tâm của họ khiến chàng muốn tránh xa, Trường lại bước nhanh đi đến nhà ông bác.

Qua dẫy phố chợ, đến phố Huyện là chỗ những người giầu có ở. Những nhà gạch dựng sát tường nhau, liên tiếp hai bên đường. Trong dãy nhà ấy Trường lại trông thấy hai căn nhà to lớn của người Khách, mà lúc còn bé, chàng cho là vĩ đại nhất, không còn có cái gì khác có thể cao và to hơn được. Bây giờ nhà đó đối với chàng không có gì lạ lùng nữa. Nhưng mấy người Khách béo tốt ngồi yên lặng sau quầy hàng vẫn có cái vẻ giầu sang vững chãi đột ngột trong những cảnh nghèo khổ chung quanh.

Đến nhà họ, Trường thấy người bác gái cùng với mấy đứa con đang ngồi ở cửa hàng, một cửa hàng trông ra phía chợ. Trường vui vẻ bước vào. Bà Cả thấy cháu đến, không vẻ gì ngạc nhiên hay mừng rỡ, Bà điềm nhiên bảo Trường, ngồi xuống ghế, rồi ôn tồn hỏi:

– Cậu về đây có việc gì thế? Thím độ này có mạnh giỏi không? Rồi bà chép miệng nói thêm:

– Lâu nay hàng họ bận quá, thành thử bao nhiêu lần bác muốn lên thăm thím và các cháu trên ấy mà không sao đi được. Đấy, cậu xem, luôn tay có lúc nào rỗi đâu.

Trường lễ phép đáp lại. Thực ra, chàng cũng biết bác Cả chẳng phải vì bận việc mà không lên chơi với mẹ chàng được: bà ta lên Hà Nội luôn nhưng không lần nào đến, vì bà không có lợi gì mà giao thiệp với nhà Trường. Câu nói đãi bôi của bà làm cho Trường khó chịu, nhất là chàng lại nhớ đến những cử chỉ khắc nghiệt của bà ngày xưa đối với mẹ chàng. Cái kỷ niệm đau đớn và uất ức này còn in sâu mãi trong óc Trường: tối đêm ba mươi tết, năm Trường lên mười tuổi, bà Cả đứng ngoài sân réo đòi nợ năm đồng bạc, khiến mẹ Trường tức ngất người đi và bà chẳng phải đợi hết mưa gió đến gõ cửa nhà một người quen trong Huyện vay tiền đem về trả.

Sự khinh bỉ cái lòng tàn ác ấy cũng đến theo với cái kỷ niệm buồn rầu kia. Trường nhìn thẳng vào bà Cả, tìm trên khuôn mặt phúng phính của bà những nét khắc nghiệt ích kỷ, cái vẻ điêu ngoa và gian ác mà thời gian không che bớt đi. Tuy vậy chàng cố nén tâm trở lại bình tĩnh, và thong thả trả lời câu hỏi của bà:

– Thưa bác, mẹ cháu vẫn ân hận vì đã lâu chưa về thăm bác được. (Chàng vui vẻ tiếp chuyện ra vẻ ân cần lắm). Độ này bác đã được bình phục như thường rồi chứ? Năm ngoái khi nghe tin bác mệt, cháu cứ áy náy mãi không về được.

Nhưng Trường bỗng tự nhiên mỉm cười. Vì chàng cũng vừa đã giả dối như bà Cả. Sức khỏe của bà, chàng có bao giờ để ý đến đâu! Mà nếu bà ta ốm yếu, có lẽ chàng lại còn mừng nữa. Rồi Trường thấy những câu thăm hỏi mình sắp nói là vô vị và không thực thà. Chàng yên lặng.

Vừa lúc ấy, mấy người đàn bà nhà quê vào mua hàng. Bà Cả bảo Trường:

– Cậu lên chơi trên nhà. Bác ở trên ấy đấy. Trường đứng dậy vào phía trong, đi qua một cái sân gạch rộng. Mấy con chim bồ câu đang nhặt thóc thấy động vụt cánh bay lên trước mặt chàng. Trong gian phòng ngang bên tay trái, một đám người, quần áo cũ kỹ và

rách rưới, đang đứng chờ đợi, giữa những quang gánh và thúng mủng. Đó là những người đến vay thóc. Bên mấy cót thóc cao đến mái nhà, Trường thấy cô Tâm con gái bà Cả đứng coi bảo mấy tên người nhà. Tiếng cô nói gắt và the thé, che lấp cả những lời van xin se sẽ của đám người kia.

Đến nhà trên, một căn nhà lối mới ta thường thấy ở các vùng quê, Trường nghe thấy tiếng nhiều người nói chuyện. Chàng ghé đầu vào cửa sổ, thấy ông Cả đang ngồi cùng mấy người khác, chung quanh chiếc bàn mặt đá. Trông nét mặt và dáng điệu mọi người, Trường đoán họ đương bàn luận một việc gì quan trọng lắm. Chàng còn đang lưỡng lự không vào, thì Tín, con trai ông Cả, đã trông thấy chạy ra vồn vã:

– Kìa anh Trường, về bao giờ thế? Mời anh vào chơi.

Trường tỏ vẻ ngần ngại:

– Hình như bác đang bận dở việc gì thì phải.

– Không, anh cứ vào. Tín kéo tay chàng dắt vào trong nhà. Mọi người dừng lại, ngẩng lên nhìn. Trường lễ phép cúi chào. Ông bác nhìn chàng sẽ gật đầu, rồi lại quay về bọn khách nói chuyện. Trường lặng lẽ theo Tín đến ngồi trên chiếc ghế gụ kê sát tường, một chiếc ghế kiểu lố lăng, pha Tầu, pha Tây, nhưng rất đắt mà các nhà sang trọng hay bầy biện. Chàng thấy chiếc ghế đầy những bụi, hình như lâu không có ai ngồi đến.

Tín mang đến một cái ấm tích cũ, rót vài cái chén cáu bẩn một thứ nước đen ngòm và lạnh, rồi điềm nhiên mời khách uống. Trường nhìn bàn tay to lớn của Tín, cái thân hình mập mạp của anh ta, và nét mặt thản nhiên, đôi con mắt không có một ý tứ gì. Tất cả những người ở bên họ ngoại, vẫn làm cho Trường lạ lùng và khó hiểu. Ông Cả đã suốt một đời chàng không thấy làm việc gì: ông chỉ ngồi nhà, mặc vợ và con gái buôn bán nuôi mình. Ông lúc nào cũng thong dong nhàn nhã. Mùa hạ ông mặc chiếc áo cánh lụa, phe phẩy chiếc quạt, rồi ăn cơm xong, miệng ngậm cái tăm, ông ung dung đi bách bộ trong sân nhà, hay ra phố chợ nói dăm ba câu chuyện không đâu với những người ở đấy. Lúc còn nhỏ ông làm cho Trường kính phục lắm, vì mọi người chung quanh vẫn coi ông là

biểu hiện của sự sung sướng cực điểm, cái sung sướng được thư nhàn; không phải làm ăn vất vả.

Đến lượt Tín cũng thế. Trường cũng không thấy anh ta làm việc gì. Mười năm trước, Tín cũng cắp sách đi học với chàng nhưng sau khi trượt bằng sơ học, Tín bỏ trường và từ đấy không theo học nữa. Trường lấy làm lạ, sao anh ta có thể sống một cuộc đời yên lặng như thế được, mà không băn khoăn. Chàng tò mò muốn biết công việc và ý nghĩ của Tín ra thế nào, chàng hỏi:

– Độ rày anh làm gì?

Tín ngạc nhiên, nhìn Trường rồi mỉm cười:

– Tôi ấy à? chả làm gì sất.

– Thế anh không thấy buồn à?

– Buồn? Tín ngẩng đầu ra đằng sau, như nghĩ ngợi: – Buồn thì cũng có buồn. Anh tính ở chỗ nhà quê này thì có gì vui. Hết ăn rồi lại ngủ. Tín chép miệng, thêm: – Giá tôi được ở Hà Nội như anh thì thích.

– Anh nói có lẽ.

Trường yên lặng. Tín không hiểu câu hỏi của chàng. Trường nhìn Tín một lần nữa, tự hỏi sao anh ta không thấy cái vô dụng của đời anh ta, không áy náy mảy may vì không làm gì trong khi chung quanh, ai nấy cũng có công việc. Nhưng Trường chợt nghĩ đến ông Cả, chẳng phải ông đã làm gương cho cậu con sao? Chàng nhận ra trong xã hội có nhiều gia đình mà người đàn ông không làm gì, bao nhiêu công việc về phần đàn bà phải gánh vác.

Câu chuyện ông Cả bàn với mấy người khách đang đến một chỗ kịch liệt thì phải, vì Trường thấy ông đã to tiếng, và đã tắt cái đóm châm hút thuốc lào đến ba lần. Để mặc Tín yên lặng ngồi bên, Trường lắng tai nghe. Họ đang bàn về việc sửa soạn rước mã cho hàng phố. Người ngồi trước mặt ông Cả, mà Trường nhận ra là ông chủ ty rượu ở An Lâm, thì muốn cho cuộc rước giản dị, gọi là đủ lệ thôi. Ý kiến ấy không được ông Cả và hai người nữa ngồi cạnh ông tán thành. Người đứng tuổi ở bên trái, đập cái quạt xuống giường nói:

– Ông chủ ty bàn thế thì tôi không phục chút nào cả. Đã không làm thì thôi, chứ đã làm thì rước phải cho ra rước. Luộm thuộm chả bõ người ta cười cho.

Ông Cả thêm:

– Phải, từ khi hàng phố ta biệt lập ra chưa làm cái gì. Bây giờ nên rước thật long trọng để làng họ phải sợ.

Phố An Lâm trước vẫn sát nhập vào làng sở tại ở đó. Đầu năm nay ông Cả và vài người tai mắt trong phố, tìm cách làm cho phố biệt lập hẳn làng ra, lấy cớ rằng thành phố cần phải mở mang rộng rãi, và phải có một Hội đồng riêng mới trông coi được. Họ ao ước như vậy để được một chân trong Hội đồng ấy, và sẽ thu lợi về số thuế chợ và thuế nhà trong phố, một số tiền lớn. Vì việc này, bên làng và bên phố đã kiện nhau mãi, rút cục bên hàng phố được nhờ thế lực ông Cả, vì ông này có người em vợ ở tỉnh làm thư ký riêng cho quan Tuần.

Người ngồi bên phải để búi tóc, mặc chiếc áo lương mới, từ nãy vẫn im lặng, bây giờ thong thả cất tiếng:

– Ông Cả và ông Lâm bàn phải. Không những để làng họ sợ, mà còn để quan trên trông xuống biết hàng phố ta làm được việc nữa. Giọng ông nói dõng dạc và bệ vệ, tỏ ra người có chức việc hệ trọng. Trường hỏi Tín mới biết chính là ông trưởng phố An Lâm.

Thấy chỉ có một mình riêng một ý kiến, ông chủ ty rượu hết sức biện thuyết:

– Tôi tưởng cuộc rước cứ đủ lễ voi, ngựa, cũng đã long trọng chán. Từ đền ra đến chợ chỉ có một quãng ngắn không. Với lại...

Người trưởng phố ngắt:

– Ông này thật không nghĩ xa.

– Để yên tôi nói – ông chủ ty rượu tiếp – Với lại hàng phố ta có phải hà tiện tiền mà không làm được cái rước long trọng đâu! Ta cũng tiêu từng ấy tiền, nhưng cái lễ mã thì làm giản dị, còn cái lễ thần thì làm rất trọng thể. Từ ngày phố biệt lập ta chưa cho đàn em chúng nó hưởng cái ân huệ gì.

Trường vẫn cứ lặng ngồi nghe, ngạc nhiên một cách chán nản. Tất cả công việc và cuộc đời của bọn người này là thế ư? Chàng vẫn

biết ông bác, và cả gia đình họ ngoại của chàng, chỉ là những kẻ giầu có, nhờ thế lực của tiền để bóc lột dân quê. Nhưng chàng cũng không thể ngờ rằng những hành vi và tư tưởng của họ lại vô vị và trẻ con như vậy. Sự bất công rõ rệt khiến Trường tức bực đến đau đớn; trong khi các con cái những nhà này có đủ điều kiện để ăn chơi hoang phí và làm những việc không đâu, thì nhà chàng, và tất cả những người nghèo khổ chung quanh vùng phải chật vật khó nhọc mới đủ nuôi con ăn học. Trường quay lại nhìn Tín: người em họ của chàng đã ngửa đầu lên thành ghế mắt lim dim như muốn ngủ. Nét mặt nặng nề và cục mịch chứng tỏ một tâm trí tối tăm và đầy vật dục.

Lúc ông Lâm và người trưởng phố đứng dậy ra về, ông Cả mới để ý đến Trường.

– Cháu lại đây. Thế nào, bao giờ thi vào Cao đẳng? Định học ban nào?

Trường khó chịu: lại câu hỏi đã nghe không biết bao nhiêu lần! Tự nhiên chàng trả lời:

– Thưa bác, ban Luật.

– Cháu nghĩ phải. Bây giờ chỉ có học luật là có giá trị. Rồi quay ra phía ông chủ ty, ông Cả có ý khoe khoang, giới thiệu:

– Cháu Trường đấy, ông Huy có biết không. Mới đỗ bằng Thành chung kỳ vừa rồi, nay sắp vào Cao đẳng.

Trước vẻ mặt ngơ ngác của ông Huy, ông Cả nói rõ thêm: Trường, con thím tôi đấy mà.

– À!

Ông Huy đáp xong nhìn Trường một cái rất nhanh, rồi ông lại tiếp câu chuyện bàn dở.

– Vậy thì cứ như ta đã nói, phải hai ngựa, hai voi với nhiều cỡ quạt mới đủ...

Trường hơi mỉm cười. Trong cái nhìn của ông Huy chàng nhận thấy rõ rệt rằng ông ta cho chàng là trẻ con, không đáng để ý đến. Ông Huy nhìn chàng như nhìn một người không có thể hiểu được câu chuyện quan trọng ông đang bàn. Trường chua chát nghĩ đến cái quan trọng ấy và tự hỏi sao lại có người có thể vẽ ra những

chuyện vô ích và nhảm nhí như rước mã được. Trong phố An Lâm còn bao nhiêu việc đáng làm. Lập thêm trường học, đào giếng, thắp đèn cho sáng, những công việc giúp cho sự sống của mọi người sao không làm? Chàng thấy trong óc dồi dào bao nhiêu ý nghĩ. Nhưng Trường hiểu rằng nếu mình đem những ý kiến ra tỏ bầy, ông Huy và ông Cả chắc sẽ cho là chuyện trẻ con. Với lại, họ sẽ cho rằng chàng còn trẻ quá, chưa có địa vị gì và chưa đến cái tuổi nói cho người khác nghe.

Trường buồn rầu đứng dậy chào ông Cả ra về. Chàng muốn rời bỏ nhanh chóng cái hoàn cảnh không hợp với ý nghĩ và tâm hồn chàng. Qua nhà ngoài, bà Cả đang bận bán hàng cho khách, cũng vội ngẩng lên mời với:

– Cậu Trường hãy ở chơi ăn cơm đã.

Trường làm như không nghe tiếng, rảo bước ra không ngoảnh lại. Tiếng ồn ào của chợ đã họp đông bao bọc lấy chàng. Trường thấy chung quanh mình những người nhà quê giản dị và mộc mạc, nói chuyện một cách rất vui vẻ, thực thà; chàng thấy đối với họ gần gụi và thân mật hơn.

9.

Không muốn lại qua phố, Trường rẽ xuống cánh đồng, men theo các bờ cỏ mà đi. Gió từ quãng rộng đưa lại, trong sạch và mát mẻ. Ruộng lúa xanh rờn trải mãi tận chân trời, đến những làng mạc thẳm xa xa. Trên các con đường nhỏ quanh co giữa cánh đồng, từng đám người đi chợ thong thả len theo bờ lúa. Gió đưa lại tai Trường tiếng cười nói của họ, vang trong không khí buổi ngày rực rỡ này.

Đến sông Tiên, chàng đi ngược lên về phía Huyện. Nóc nhà bà Nhì dần hiện sau dẫy tre ven sông, với mấy ngọn cao cao vút, yên lặng giữ trong khe lá những mảnh trời xanh. Hình ảnh Trinh lại dịu dàng trước mắt chàng. Trường thấy bao nhiêu tình cảm trong tâm rung động, như sắp gặp một hạnh phúc đẹp đẽ, nhưng chàng không rõ đấy là cái vui sống của tuổi trẻ hay là lòng yêu. Hai thứ ấy hình như cùng hòa hợp làm một.

Trường dừng lại trên mấy bực gạch từ trong vườn bà Nhì đi xuống sông. Bên kia bờ, mấy người đánh cá đang cất những mảnh lưới sáng loáng dưới ánh nắng; dòng sông chảy lặng lờ và thong thả, nên những giọt nước ở lưới rơi xuống ghe rào rào như mưa nhẹ. Trong chỗ bóng rợp của dẫy cây men bờ, nước trong và mát, khiến Trường lại muốn như lúc còn bé, hứng nước lên bàn tay để giữ lấy cái mát rợi ít lâu.

Trong vườn bỗng thấp thoáng bóng người đi ra phía sông. Không ngẩng mặt trông lên, Trường cũng biết chắc đấy là Trinh. Tâm hồn chàng yên lại như chờ đợi. Nước sông Tiên trong hơn, cỏ tươi thêm và ngày rực rỡ khác thường. Cảnh vật chung quanh chàng trở nên đẹp đẽ, đáng yêu. Nàng ở gần, ngay bên chàng. Nhìn lên chàng thấy Trinh đứng bên khóm cây mộc, đang nhặt trong khe lá những chùm hoa nho nhỏ, để đem về ướp chè. Trường lặng yên nhìn thân hình mềm mại của Trinh trên nền cành lá: nàng bận một chiếc áo trắng mỏng; trên vành khăn trung, trong mái tóc đen có giắt mấy bông hoa sói. Những buổi vui đùa ngày trẻ với cô bé có đôi mắt to và đen thoáng qua trong trí nhớ, dậy nổi trong lòng chàng nguồn tình cảm mến yêu đằm thắm.

Say sưa và mạnh bạo Trường bước lên vườn. Trinh ngoảnh ra thấy chàng, nàng luống cuống và e lệ. Nàng muốn tránh ra chỗ khác, nhưng vẫn cứ đứng yên. Trường lại gần. Chàng ngượng nghịu vịn một cành cây xuống, hồi hộp không biết nói gì. Hai người đứng yên lặng như trong giấc mộng, hơi thở hòa nhịp với nhau, với mùi thơm kín đáo và dịu dàng của bông hoa mộc lấm tấm trắng trong cành lá.

Trường cảm động nhìn những ngón tay xinh xắn của Trinh hái hoa. Chàng cũng đưa tay lên, rồi không biết mình làm gì nữa, nhẹ nhàng giữ lấy tay Trinh hái hoa trên chùm nụ. Chàng thấy Trinh rung động cả người. Nàng ngước đôi mắt đen lên đắm đuối nhìn chàng, miệng khẽ ấp úng:

– Anh... Rồi bỗng rút tay ra, nàng vùng quay đi chạy qua vườn như con bướm trên cỏ mùa xuân.

Từ hôm ấy trở đi, sự giao thiệp giữa hai người bắt đầu thay đổi. Trường và Trinh ở vào cái trường hợp của hai người còn trẻ, cả hai cùng ngây thơ và trong sạch, thấy mến yêu nhau và muốn gần gụi nhau luôn.

Khi Trường đương ngồi nói chuyện với bà Nhì trên ghế trường kỷ ngoài hiên, mà Trinh ở trong nhà bước ra, hay có thấp thoáng bóng nàng ở trong vườn, thì tất cả mọi vật đối với chàng như sáng sủa hẳn lên, cuộc đời như rực rỡ, vui tươi. Trong những lúc ấy, câu chuyện nói với bà Nhì đậm đà hơn, và tự nhiên đối với bà, Trường thấy kính trọng và thân yêu như đối với người mẹ hiền. Không những lúc Trinh có mặt hay nghe tiếng nói trong trẻo của nàng, Trường mới cảm động; chỉ cái nghĩ nàng có ở đấy, nàng sống ở cạnh mình là đủ làm cho chàng thấy sung sướng, vui vẻ rồi. Và khi chàng có sự gì buồn bực chàng chỉ nghĩ đến Trinh, là nỗi buồn tiêu tán đi mất cả. Về phần Trinh, nàng cũng thấy cảm giác như thế.

Từ lúc gặp nhau trong vườn, mà lần đầu Trường hưởng cái thú vị say sưa của tình yêu, chàng với Trinh không mấy khi giáp mặt nhau nữa. Những câu chuyện giữa chàng với nàng thường vẫn có bà Nhì chứng kiến, những buổi nói chuyện như thế, hai người cùng ham thích, bởi vì qua những câu nói tầm thường, họ cảm thấy cái tình yêu dịu dàng và tha thiết. Còn những lúc chỉ có hai người gặp nhau, câu chuyện của đôi bên lại trở nên ngượng nghịu. Hai người cùng thấy e thẹn và muốn tránh xa nhau ngay.

Tình yêu của Trường và Trinh cứ một ngày một trở nên đằm thắm, suốt trong thời kỳ Trường nghỉ ở An Lâm. Bà Nhì cũng biết hai người yêu nhau, nhưng bà không nói gì, bởi vì lòng nhân từ của bà cho rằng không có sự gì xấu có thể xảy ra được. Đối với bà, một đôi trai gái yêu mến nhau là một sự tự nhiên, không có gì đáng ngại. Mà Trường yêu Trinh bằng một lòng yêu trong sạch của tuổi trẻ, không nghĩ ngợi, không suy đoán. Trường thấy mình tự nhiên yêu, cũng như tự nhiên sống.

Những ngày ở An Lâm cứ đều đặn qua. Buổi sớm, Trường đã trở dậy, men bờ sông Tiên ra cánh đồng, đi trên những bờ cỏ còn ướt sương. Những gió mát từ đằng xa đưa lại, ánh sáng rực rỡ của

mặt trời lên, tiếng chim sẻ đồng hót trong bụi, cho đến những câu chuyện của bác sĩ cầy ruộng hay người nhặt cỏ, Trường cũng tưởng như để ca tụng đến tình yêu chàng thấy man mác trong lòng. Trời đối với chàng trong hơn, ruộng lúa xanh hơn, và cảnh vật cũng tốt tươi hơn; tất cả mọi sự đối với chàng cùng là sung sướng và vui vẻ.

Khi đã đi mệt mỏi, Trường lại theo bờ sông trở về nhà, không muốn đi qua phố để thấy cảnh nghèo khổ của những người ở chung quanh chợ và nhất là để khỏi trông thấy cái dinh cơ sang trọng của bác, khỏi nghĩ đến cuộc đời toàn những sự hà hiếp, nhỏ nhen của các người trong ấy. Trường thích xuống dòng sông Tiên tắm mát, rồi bước những bực gạch lên vườn sau nhà bà Nhì, đứng lặng yên lúc lâu, để hưởng cái mùi thơm dịu dàng của hoa mộc hòa lẫn với cái mát mẻ của buổi mai. Chàng đứng đấy để thấy thấp thoáng qua các cành lá, cái dáng điệu mềm mại của Trinh trong lúc nàng làm những việc vặt hàng ngày rồi chàng đến đột nhiên gần bên nàng, trong lúc Trinh cho chim ăn hay hái hoa sớm, để trao đổi một cái nhìn hay một nụ cười.

Rồi sau khi uống nước chè với bà Nhì ở ngoài hiên, Trường dạy Bích học. Chàng đã kê một cái bàn nhỏ bên cạnh chiếc giại tre gần giàn hoa lý. Vừa dạy học, xem sách, Trường vừa ngắm những bông hoa hồng trong vườn, hay nhìn theo mấy con chim sâu chuyền từ cành nọ sang cành kia. Thỉnh thoảng, Trinh mang đến cho chàng một bông hoa đẹp nàng đã chọn lựa, hay một bó những hoa mộc mạc của cánh đồng. Trinh hái trong khi đi thăm ruộng. Bó hoa cắm trong bình để đầu bàn học, nhắc đến sự có mặt của nàng.

Những buổi chiều tối, sau bữa cơm ăn, là những thời khắc mà Trường muốn sống mãi; bên ngọn đèn, chàng ngồi nói chuyện với bà Nhì và Bích trên trường kỷ; mỗi khi Trường nhìn lên lại thấy đôi mắt đen của nàng long lanh nhìn mình; lúc chàng cùng bà Nhì nhắc lại những ngày chàng còn bé đến chơi đùa trong vườn và ngắt trộm hoa trong luống hồng, Trường lại thấy Trinh mơ màng nghĩ ngợi, hình như nàng cũng đương diễn lại trong trí những hình ảnh đó. Các kỷ niệm chung ấy lại càng khiến hai người yêu mến nhau hơn. Trong những lúc đó, Trường thấy mình như một người con thân yêu trong gia đình bà Nhì. Chàng lại nhớ đến những buổi sum họp rất hiếm ở nhà, trước khi anh Xuân chưa bắt đầu chơi bời, cả nhà

quây quần chung quanh ngọn đèn, cùng chung một cái không khí đầm ấm. Chàng tưởng tượng Trinh ngồi bên cạnh Lan, hai chị em cùng nhau dịu dàng nói chuyện. Cái ý nghĩ ấy làm chàng hồi hộp hy vọng.

Trường thấy bồng bột lòng hăng hái của một người tuổi trẻ, lần đầu, tự hiểu biết tất cả cái quan trọng và vẻ đẹp của cuộc đời đầy đủ vì tình yêu. Thường khi về những đêm sáng trăng, chàng không ngủ được, bởi cảm thấy tràn ngập cả người cái vui sống trẻ trung. Chàng trở dậy ra ngoài vườn ngắm bóng trăng yên lặng chiếu trên các lá cây. Sương ướt thấm lạnh người, Trường mới trở vào nghỉ, có khi còn ngoảnh lại nhìn một lượt nữa cảnh vườn đầy ánh trăng, như mến tiếc. Ái tình mỗi ngày một thấm thía trong lòng chàng. Những ngày ở An Lâm là những ngày sung sướng trong đời Trường, những ngày mà sau này, chàng thường nhớ đến như một cái nguồn những tính tình thanh khiết và cao quý.

10.

Tháng mười đã đến. Ngày nghỉ sắp hết. Trường phải sửa soạn về Hà Nội để vào học. Buổi sớm hôm ấy, khi chàng đương ngồi uống nước với bà Nhì, người phu trạm An Lâm vào đưa bức thư của Xuân gửi báo tin chàng đã được nhận đơn xin vào học. Nghĩ đến sự sắp phải rời bỏ mảnh vườn quen thuộc này, Trường buồn rầu; thời giờ đi chóng quá, mấy tháng chàng nghỉ ở An Lâm đã thoáng qua như một giấc mộng. Thấy chàng có vẻ nghĩ ngợi, bà Nhì hỏi:

– Thư gì thế cậu?

– Thưa, giấy gọi lên học. Con phải trở về để sửa soạn vào trường.

Bà Nhì đặt chén nước xuống bàn, có vẻ ngạc nhiên: – Ồ, chóng quá nhỉ. Tôi cứ tưởng cậu về đây mới được hơn một tháng. Thế mà đã hết nghỉ hè rồi đấy.

Bà lại hỏi:

– Bao giờ thì cậu lên?

Trường đáp:

– Sáng mai ạ.

Vừa lúc ấy, Trinh ở ngoài vườn đi vào, tay cầm lấy bông hoa hồng mới ngắt ở vườn. Sáng nào nàng cũng lấy một bó hoa để cắm vào bình trên bàn học của Trường. Thấy con bà Nhì gọi:

– Trinh ơi, anh Trường ngày mai về Hà Nội đấy.

Trinh đứng sững lại trên bực cửa, bó hoa nàng cầm trong tay rung động. Một lát nàng nhìn Trường sẽ hỏi:

– Mai anh về thật ư?

Trường thấy đôi mắt trong của nàng mờ đi, và một vẻ buồn rầu trên nét mặt nàng. Chàng thong thả trả lời:

– Vâng. Rồi không biết nói gì nữa, chàng cúi mặt xuống mân mê bức thư trong tay. Ba người cùng yên lặng.

Buổi sáng rực rỡ ở ngoài vườn. Ánh nắng lấp lánh xiên ngang qua giàn hoa, chiếu lên thềm những hình bóng lung lay. Trong vẻ đẹp của cảnh vật, Trường cảm thấy cái buồn man mác của sự phân ly.

Bữa cơm chiều, mọi người cùng ăn vội vàng không nói chuyện, như ngày thường. Ăn xong, Trường xếp lại sách vở và quần áo để mai đi sớm. Bích lăng quăng giúp đỡ chàng, còn bà Nhì ngồi trên ghế, lặng lẽ. Bà đã quen có Trường ở bên cạnh, nay thấy chàng đi bà cũng nhớ. Từ ngày Trường về ở An Lâm, bà Nhì đã yêu mến chàng và coi chàng như một người con yêu quý. Trong thâm tâm, bà hy vọng cái mong ước bao nhiêu năm trước của bà sẽ thành: khi mẹ Trường còn ở An Lâm bà ao ước sẽ gả Trinh cho Trường, nhưng nhiều cớ khiến bà không dám nói: cái địa vị hèn kém của bà, sự nghèo nàn của gia đình bà so với nhà Trường bấy giờ. Nên sự mong ước ấy bà không dám nghĩ đến, và cũng không nói cho ai biết.

Đêm trong trẻo và có gió mát. Trăng đã lên cao vượt qua đầu ngọn tre, chiếu xuống giường. Trường mở cửa bước ra, đứng dưới giàn hoa. Không khí ban đêm thoang thoảng những mùi thơm của các bông hoa, mùi hoa mộc hòa lẫn với mùi thơm mát của hoa lý, mùi hắc của cỏ ướt sương. Qua hàng rào, Trường thấy dòng sông Tiên lấp lánh ánh trăng, và vẫn nghe thấy tiếng róc rách khe khẽ của nước đập vào bờ.

Trường lắng tai để ý đến những tiếng động trong nhà. Bà Nhì và Bích đi ngủ đã lâu rồi. Chàng cũng được giục nằm nghỉ để sáng mai còn đi sớm. Nhưng Trường không thấy buồn ngủ, và bóng trăng qua khe cửa gọi chàng dậy. Chàng nghĩ đến Trinh, đến đôi mắt buồn rầu của nàng khi biết tin chàng phải đi: Trường đoán bây giờ nàng cũng còn thức. Và chàng muốn gặp, ôm nàng vào lòng để an ủi và để nói cho nàng biết tất cả tình yêu lúc này chàng thấy đầy ngập trong lòng.

Trường đi qua mấy luống hồng: những bông hồng đỏ thẫm chìm trong bóng tối, còn những bông hoa trắng, dưới ánh trăng, trông trắng mát thêm. Chàng tưởng đến bó hoa sáng ngày của Trinh hái, cắm trong bình để ở đầu bàn. "Những bông hoa đó sẽ héo sau khi ta đi", chàng nghĩ và tự nhiên, Trường có cái ý trẻ con muốn đem đi một chút kỷ niệm gì của những giờ sống trong thửa vườn này. Chàng ra phía bờ sông đến bên khóm cây mộc, vin một cành xuống ngang mình. Dưới chiếc lá ướt sương, Trường hái mấy chùm hoa nhỏ, để vào lòng bàn tay. Mùi thơm của hoa dịu dàng như dáng điệu và kín đáo như tính tình nàng. Chàng nhớ đến lần gặp Trinh ở đấy, sự cảm động của chàng khi lần đầu thấy nàng ấp úng gọi tên mình. Trường lại thấy hồi hộp trong người; chàng thở dài một cái, rồi hít mạnh không khí mát lạnh của ban đêm.

Chung quanh chàng yên lặng. Mặt trăng đã lên qua đỉnh đầu, sáng lên trên nền trời trong vắt. Sương xuống đã thấm vào người. Trường thong thả trở về buồng. Đến dưới giàn hoa, chàng quay lại nhìn cảnh vườn, và qua dẫy tre thưa lá, quãng rộng mà dòng sông đưa lên tiếng róc rách của nước chẩy. Đột nhiên, chàng giật mình. Trong bóng tối của giàn hoa, chàng thoáng thấy bóng người đứng nép vào khóm cây. Chàng bước lại gần. Một tiếng nói quen thuộc khẽ gọi tên chàng, giọng dịu dàng và cảm động. Trường đứng sát bên nàng. Trong bóng tối, chàng thấy đôi mắt Trinh long lanh sáng và nghe tiếng thở không đều của người thiếu nữ. Quả tim chàng bỗng đập mạnh, và một tình cảm mến yêu dồn dập đến; Trường cầm lấy bàn tay nhỏ nhắn của Trinh và kéo lại gần mình.

Có những lúc, trong ái tình của đôi trai gái, lòng yêu tràn ngập cả, bao nhiêu những ý nghĩ, suy xét, dục vọng đều mất đi, nhường chỗ cho sự hòa hợp của hai linh hồn. Trường và Trinh cùng cảm

thấy hạnh phúc ấy trong thời khắc này, họ quên hết cả mọi vật chung quanh, và không còn gì đối với họ quan hệ nữa ngoài cái tình của đôi bên.

Hồi lâu, Trinh sẽ gỡ tay Trường ra, đưa chàng cùng ngồi xuống bực gạch bên thềm. Đêm đã khuya; tiếng nước róc rách ngoài sông Tiên khẽ đi; sương mù đã xuống phủ đầy vườn, trắng xóa như một đám mây, chỉ còn chùm lá dầy của cây lựu lấp lánh sáng. Hai người lắng nghe cái yên lặng của của ban đêm. Một lúc sau Trinh sẽ nói:

– Sương xuống lạnh rồi. Thôi, anh đi nghỉ không mệt.

Trường quàng tay ra sau lưng nàng, âu yếm hỏi:

– Mai anh về, em có nhớ không?

Trinh không trả lời ngước mắt lên nhìn chàng. Trường thấy bao nhiêu tình yêu đắm đuối trong đôi mắt; trên cánh tay chàng thấy Trinh ngả tấm thân mềm mại của nàng. Trường cúi xuống đặt một cái hôn lên cặp môi hé nở như cánh hoa. Một cảm giác say sưa đến tâm hồn mà chàng mới thấy lần đầu.

Hôm sau, trên chuyến tầu lên Hà Nội, Trường buồn rầu nhìn phong cảnh An Lâm xa dần trong ánh sáng của một buổi sớm mùa thu. Dòng sông Tiên quanh co giữa đồng ruộng lúa xanh, mấy lũy tre tươi tốt bao bọc lấy phố Huyện, mấy ngọn cau cao rũ lá trên dẫy mái nhà tranh, tất cả cảnh vật quen nhắc chàng những ngày thân mật vừa qua. Hình ảnh mảnh vườn nhỏ lại hiện ra trước mắt chàng, với những luống hồng và khóm cây mọc hoa trắng lấm tấm dưới kẽ lá xanh. Trường nghĩ đến Trinh, cô thiếu nữ ngây thơ và âu yếm, hiện ra dưới giàn hoa với đôi mắt đen của ngày còn trẻ, buổi chiều lần đầu chàng bước chân vào nhà bà Nhì. Bây giờ sao chàng yêu mến thế! Trường thấy mình sung sướng và đầy đủ vì tình yêu và tên người thiếu nữ mỗi lần nhắc đến, lại làm cho chàng cảm động như một sự gì sáng láng và trong sạch vô cùng.

11.

Dung ngồi khâu trên chiếc ghế gần cửa sổ. Tay nàng đưa mũi kim một cách uể oải, thỉnh thoảng ngừng lại để trông đứa con đùa nghịch ở góc buồng. Tiếng cười nói vui vẻ của bọn học

trò đi qua phố nhắc Dung nghĩ đến thời giờ. Nàng ngẩng lên nhìn đồng hồ lẩm bẩm:

– Hơn mười một giờ rồi. Sao chưa thấy về.

Rồi nàng lại yên lặng. Vì Dung nhận ra rằng câu ấy nói vì thói quen mà thôi: nàng không mong đợi ai. Bây giờ nàng thấy thản nhiên trong lòng khi nghĩ đến chồng, và sự đó làm cho nàng buồn rầu.

Sau bốn tháng ở nhà quê, bà Phán đã về đón nàng lên. Dung mừng rỡ đem con ra Hà Nội. Nhưng khi thấy Xuân đối với nàng vẫn lãnh đạm như trước, Dung chán nản như đã ao ước một cái gì mà thất vọng. Rồi nàng cũng khuây khỏa dần, các cuộc đời lại đi như thường, với những cái bận rộn và lo nghĩ hàng ngày.

Buổi sáng hôm ấy, gió lạnh đầu mùa đem đến cho nàng nỗi nhớ tiếc những ngày vui đã qua. Nàng gọi thằng Sinh tới, lấy chiếc áo dạ cũ mặc cho con. Nàng thấy trong lòng lạnh lẽo, ruột như thắt lại khi nghĩ đến mình không có ai yêu mến nữa. Tất cả quãng đời từ nhỏ hiện ra trong trí nhớ nàng.

Dung nhớ lại lúc còn ở nhà, nàng sống cuộc đời giản dị và bình tĩnh của một cô gái nhà nền nếp ở vùng quê. Cha nàng là một ông Tú, suốt ngày chỉ xem sách. Dung nhớ rõ không bao giờ nàng bước lên nhà trên, một căn nhà gạch năm gian, mà không rụt rè sợ hãi. Lúc nào nàng cũng thấy cha nghiêm nghị ngồi trên sập, bên cạnh một chồng sách cao. Hình như căn nhà đó là một thế giới dành riêng cho đàn ông, đàn bà con gái không được bước chân vào. Nàng không thấy ông Tú tỏ vẻ âu yếm quí mến nàng bao giờ; chỉ mấy đứa em trai nàng là được ông săn sóc đến.

Nhưng mẹ nàng là một người đàn bà rất vui vẻ và hiền từ. Bao nhiêu công việc trong nhà, bà trông nom quán xuyến cả, và không thấy bà than phiền về sự khó nhọc bao giờ. Dung yêu mến mẹ và lúc nào cũng chỉ quanh quẩn bên chân mẹ như con chim còn non. Hình ảnh mẹ lúc nào cũng phảng phất trong trí nhớ Dung, như hình ảnh một sự đằm thắm, thân yêu mà nàng không được hưởng nữa.

Rồi đến năm về nhà chồng, những ngày sống bên cạnh Xuân, một người chồng nàng không hiểu và thấy lúc nào cũng như băn khoăn, lo nghĩ về một sự gì. Nàng biết mình không có lỗi, nhưng cứ

thấy mỗi ngày Xuân một lãnh đạm dần với nàng. Cho đến gần đây, hai người hình như không còn liên lạc gì với nhau.

Dung buồn rầu thở dài. Nàng dừng kim, bỏ tấm vải vào thúng khâu rồi quay ra gọi con:

– Sinh, đừng nghịch nữa. Lại đây với mẹ.

Đứa bé bỏ đồ chơi trên đất, đến gần Dung áp má vào tay mẹ. Nàng xoa đầu con, nghĩ ngợi. Cuộc đời nàng chán nản quá! Những buổi thức khuya mong đợi Xuân, những hôm cãi nhau, sự khó nhọc nuôi con, trông nom chúng như người vú già. Tất cả những công việc nhỏ mọn mà ngày ấy qua ngày khác nàng vẫn làm. Và Dung nghĩ đến bao nhiêu người vợ khác cũng như nàng, cũng buồn rầu, lo nghĩ vì những cái nhỏ mọn, vì một cuộc đời không có gì vui vẻ và sung sướng.

Tiếng người nói ngoài cửa làm Dung giật mình. Nàng xua đuổi những ý nghĩ lan man, rồi nhanh nhẹn đứng dậy. Dung chỉ còn là một người đàn bà nhẫn nại và yên phận; nàng sắp sửa xuống bếp để trông nom cơm nước thì nghe tiếng xe đỗ ngoài cửa. Bà Phán và Lan bước vào, mỗi người mang một bọc lớn. Người phu xe theo sau, nặng nề đặt xuống thềm một cái thúng đậy vỉ buồm.

Dung vội vàng chạy ra đón:

– Thưa mẹ, mẹ đã đi chợ về.

Bà Phán không trả lời, đi vào để cái bọc trên bàn, rồi quay ra chỉ cái thúng:

– Chị bảo nó cất vào trong nhà, khiêng khéo không dập mất cả đấy. Rồi nhìn đồng hồ, bà cụ hỏi: Anh ấy bây giờ chưa về cơ à?

Dung buồn rầu đáp: – Thưa mẹ chưa. Dễ thường hôm nay lại không ăn cơm nhà. Muốn nói chuyện khác, nàng ngoảnh lại hỏi Lan:

– Mua làm gì nhiều hoa quả thế, cô?

– Chị không biết ư? Hôm nay nhà giỗ đấy. Với lại còn để đem biếu bà Hai nữa.

Mẹ Trường đang xếp cẩn thận những quả hồng ra đĩa, ngửng lên nhìn con dâu nói thêm:

– Vừa để biếu vừa để làm lễ sêu cho em nó một thể. Hôm nay nó cũng sắp ở trong trường ra đấy.

Dung nhìn mấy đĩa hồng, bất giác mỉm cười. Nàng nhớ lại những đĩa hồng mà bà Phán đãn đem lại nhà nàng trước kia, khi sắp xin cưới nàng. Bao nhiêu những sêu tết, lễ nghi như thế để đi đến một cuộc nhân duyên buồn rầu như cuộc nhân duyên bây giờ! Vậy mà trước kia nàng đã để biết bao hy vọng vào đó. Dung nghĩ đến những chị em bạn nàng, khi đến chơi đã nhìn những quà biếu đó một cách ganh tị, tựa như đấy là cái biểu hiện của một sự vui mừng nhất trong đời người con gái.

Trông Lan khéo léo xếp đặt hoa quả, Dung hỏi đùa:

– Còn cô Lan nữa. Bao giờ thì có người mang quà đến biếu?

Lan e thẹn, đôi má hồng hào, đưa tay vén mấy sợi tóc trên trán, và trả lời: – Chị chỉ hay nói đùa em thôi. Nhưng câu hỏi của Dung đã thoáng gợi trong trí nàng một nỗi mơ màng. Lan tự nhiên thấy bâng khuâng trong lòng một ước mong vơ vẩn không đâu.

Hai chị em đang nói chuyện thì Trường bước vào. Chàng đã phải xin phép về, vì mẹ chàng bắt thế; tuy bà Phán đã nói vì nhà có giỗ nhưng Trường cũng đoán biết vì có sự gì khác nữa. Mấy đĩa hồng bầy trên bàn khiến chàng hiểu ngay. Trường khó chịu khi nghĩ đến sự mẹ chàng đã sắm những thức ăn mà không nói cho chàng biết. Bà Phán thấy con về chỉ vui vẻ hỏi:

– Sao con về sớm thế? Buổi chiều không phải học à? Và bà chỉ vào mấy đĩa hồng, khoe.

– Con xem những quả hồng xinh đẹp này. Thật là nhất chợ, mẹ phải mặc cả mãi mới mua được đấy.

Lan nói chen vào:

– Giá không cần đến, thì chả phải mua đắt như thế, mẹ nhỉ!

Trường yên lặng ngồi xuống ghế. Chàng muốn nói câu gì để tỏ ý không bằng lòng của mình nhưng lại thôi. Chàng thấy mẹ vui vẻ và như sung sướng khi nghĩ đến việc nhân duyên của chàng, nên chàng không dám làm cho mọi người thất vọng. Thật ra, chưa lúc

nào chàng nghĩ hẳn rằng sẽ từ chối lấy cô Hảo. Chàng không biết có nên từ chối không, nhưng chàng cũng chưa bao giờ tỏ ý bằng lòng hẳn. Cũng như mấy năm về trước, chàng không muốn nghĩ gì đến việc ấy cả.

Nhưng bây giờ Trường nhận ra rằng cứ yên lặng, tức là bằng lòng. Mẹ chàng sẽ cứ tự nhiên như lúc này tuần tự lo việc vợ chồng cho chàng. Trường nhớ lại, buổi trước khi vào học, chàng đến chơi nhà bà Hai. Sự tiếp rước niềm nở và quá kính trọng của bà, vẻ thân mật của Bình khi nói chuyện với chàng, cho đến cả sự e lệ, thẹn thò của Hảo, lúng túng và ngượng nghịu khi thấy chàng bước vào, tất cả những cử chỉ đó đều tỏ rõ cho Trường biết cái địa vị mà người ta muốn chàng nhận lấy. Cảm tưởng của chàng lúc ấy lại là một sự vui thích khi thấy gia đình bà Hai săn sóc, ân cần đến mình thế. Lòng tự kiêu nẩy nở trong lòng chàng, Trường thấy mình hơn người khi được một bà giầu có, có cô gái đẹp như Hảo để ý. Ý nghĩ đó khiến Trường tự nhiên giao thiệp với gia đình bà Hai như là chàng sẽ sắp làm rể bà ta vậy. Chưa có sự gì nhất định, chưa có một lời nói quả quyết trong việc ấy. Nhưng Trường vẫn có cái cảm giác ràng buộc mình.

Trường lại nghĩ đến Trinh, đến căn vườn nhỏ đầy hoa có bên bờ sông Tiên. Chàng thấy trong lòng rung động một mối tình mến yêu tha thiết. Ái tình của chàng đối với Trinh trong sạch và đằm thắm quá, không có một sự gì có thể ngăn trở được. Chàng tưởng nếu bây giờ chàng ngỏ ý hỏi Trinh làm vợ, thì ý muốn đó rất tự nhiên; không có gì đáng tội lỗi trong đó cả. Trường như thấy đôi mắt hiền từ của bà Nhì nhìn mình, tấm lòng tốt vô hạn và êm dịu của bà thấm thía vào tâm. Chàng can đảm nhìn, rồi hỏi:

– Những hồng này mẹ mua để đem biếu bà Hai à?

Bà Phán cười, nhưng không nhìn con, đáp:

– Phải, để đem biếu với để sêu vợ cho anh một thể đấy.

Trường có vẻ ngạc nhiên:

– Cho con? Mẹ hỏi ai thế?

Bà Phán chưa kịp trả lời, Dung đã nhìn Trường vừa cười vừa nói: – Chú lại còn vờ hỏi ai nữa. Rồi nói đùa: – Cô Hảo trông xinh đấy chứ, chú nhỉ?

Trường lặng thinh không đáp, ngẫm nghĩ. Bà Phán xếp các thứ hoa quả lên mặt tủ, quay lại bảo:

– Thôi chị Dung sửa soạn hộ tôi những cái này đi. Còn về nhà làm cỗ nữa thì vừa.

– Vâng, con sẽ đi ngay.

Lan khẩn khoản nói với mẹ: "Mẹ cho con đi với nhé!", rồi không đợi bà Phán trả lời, nàng vui vẻ như đứa trẻ được quà nắm lấy áo Dung và giục: Vào sửa soạn đi, chị.

Dung nhìn em, âu yếm mắng:

– Thì hãy vào dọn cơm ăn đã. Làm gì mà vội vàng thế?

Trường nhìn đồng hồ, hỏi chị:

– Gần mười hai giờ rồi. Không đợi anh Xuân về ăn một thể, hử chị?

Bà Phán quay ra gắt:

– Cứ ăn trước đi. Đợi thì biết bao giờ cậu ấy mới về.

Câu gắt rơi vào một sự yên lặng ngượng nghịu. Không ai nói gì. Những ý nghĩ băn khoăn đến ám ảnh mọi người. Dung lặng lẽ đưa mắt nhìn Trường, rồi kéo tay Lan đi vào trong nhà.

Khi hai chị em đã đi khuất, Trường ngẩng lên nhìn mẹ. Chàng nhận thấy trên nét mặt mẹ một vẻ buồn rầu. Một vài nét răn nổi ngang trên trán, dưới mái tóc đã sắp bạc. Trường lại nhận thấy nét mặt của mẹ chàng đã quen, khi bà có sự gì lo nghĩ, Trường biết mẹ đương đau khổ lắm, vì Xuân vẫn cứ đi chơi bời như trước, không thiết gì đến nhà cửa. Nhưng không phải sự ấy đã làm mẹ chàng buồn; bà cụ buồn vì thấy Xuân không nghe lời mình, và mẹ con bây giờ thành không có liên lạc, quan hệ với nhau nữa. Trường cũng biết như thế.

Chàng giận anh và tự nhiên thấy trong lòng nao nao một tâm tình thương mẹ. Trường nghĩ đến những ngày xa xôi về trước, trong cái dĩ vãng nghèo nàn và thảm đạm hồi chàng và Xuân hãy còn nhỏ, ở An Lâm, đến những buổi chiều tối buồn rầu trong một căn hàng nhỏ, khi các nhà hàng xóm đã lên đèn, mà mẹ chàng còn lo nghĩ, cúi mình trên chiếc bàn tính cũ.

Bà Phán bỗng dịu dàng bảo con:

– Chiều hôm nay con ra sớm về cúng nhé. Mẹ đã mời bà Hai và bà Cửu lại chơi đấy. Một lát, bà nói thêm. Cả cô Hảo và cậu Bình cũng đến.

Trường cúi mặt xuống, đáp:

– Nhưng thưa mẹ... Tiếng chàng trở nên run run, nhưng... việc cô Hảo đối với con làm gì mà cần vội thế? Trường khẽ thở dài. Chàng định tỏ ý từ chối, mà lại thành một câu khác hẳn.

Bà Phán ngồi xuống cái ghế trước mặt con, thong thả bảo:

– Con bảo còn vội gì nữa, bây giờ con đã ngoài hai mươi tuổi, mà mẹ cũng đã già rồi. Mẹ chỉ muốn lo liệu cho con sớm ngày nào hay ngày ấy.

Bà nhớ đến buổi nói chuyện với bà Hai trong khi Trường về quê; bà Hai đã ngỏ ý cho cưới ngay vì không có dịp nào tốt hơn nữa, với lại vì cô Hảo có một bà cô đã già lại hay ốm đau luôn, nếu để lâu sợ phải chờ đợi thêm. Mẹ Trường bằng lòng, và cả hai bà cũng muốn việc ấy chóng xong.

Nhưng bà Phán không đem những sự ấy nói cho Trường biết. Việc cưới cô Hảo cho con là một việc bà mơ ước đã từ lâu và coi như là đã quyết định rồi. Không bao giờ bà hỏi xem Trường có bằng lòng hay không, hay thấy cần phải dò xét những tính tình của con đối với cô Hảo. Trong cuộc hôn nhân này, bà thấy cái lợi, và bà tin chắc rằng Trường không có lẽ gì từ chối.

Thấy con yên lặng nghĩ ngợi. Bà Phán lại hỏi:

– Con nghĩ thế nào? Nhưng không đợi Trường đáp, bà tiếp thêm, nói sang chuyện khác:

– Bà Hai thật là người tử tế. Tuy nhà ta nghèo, nhà bà ấy giầu mà bà vẫn không quên lời hứa. Tháng trước đã có em bà Phán Ty hỏi, nhưng bà Hai không nhận lời.

Trường toan đáp:

– Kể bà ấy nên nhận lời là phải. Tiến sắp làm Tham biện còn gì nữa, vì chàng biết bà Hai có quý mến mình cũng bởi chàng là học sinh Cao đẳng. Nhưng chàng lại thôi, không muốn trái ý mẹ.

Trường đẩy ghế đứng dậy, đến gần bên cửa sổ trông ra ngoài. Trong óc chàng băn khoăn bao nhiêu ý nghĩ. Trường nhận thấy nếu lấy cô Hảo, chàng sẽ làm cho tất cả mọi người được vừa lòng nhất là mẹ chàng. Trường cũng nhận thấy cái tương lai rực rỡ mà cuộc nhân duyên ấy sẽ đem đến cho mình, sự giầu có sang trọng mà gia đình chàng đã theo đuổi bao nhiêu lâu.

Nhưng hình ảnh Trinh hiện ra trước mắt chàng với tất cả vẻ dịu dàng âu yếm của đôi mắt đen trong. Trường thấy sôi nổi trong người lòng hăng hái và yêu đời của tuổi trẻ. Lúc bấy giờ không có cái gì quan hệ đáng để ý nữa ngoài lòng yêu của chàng.

Trường nhớ lại rõ rệt cái đêm sáng trăng cuối cùng ở An Lâm. Đêm ấy, Trinh đã ngả mình trong cánh tay chàng với bao nhiêu là tình yêu tha thiết và chân thật. Lòng tin cẩn ngây thơ của cô thiếu nữ chất phát đã làm chàng cảm động. Lần đầu chàng hiểu cái giá trị của những tính tình thanh cao và tốt đẹp. Bên cạnh những cái quý báu Trường thấy rung động trong lòng, những sự ham muốn về giầu sang, danh giá, đối với Trường chỉ là những cớ kiêu ngạo, nhỏ nhen.

Chàng quay lại định nói rõ những ý nghĩ ấy với mẹ, nhưng bà Phán đã vào trong nhà từ lúc nào rồi. Trên mặt tủ mấy đĩa hồng ngay ngắn bầy bên cạnh các hoa quả khác. Trường nhìn những quả hồng đỏ, tự nhiên mỉm cười. Những thức đó như biểu hiện các lễ nghi trong xã hội. Cái hạnh phúc người ta xây dựng chỉ là cái hình bóng bề ngoài, một sự xếp đặt và cân nhắc khéo léo. Không có một chút gì chân thật. Trường nghĩ đến cuộc hôn nhân của mình, sự giao thiệp của chàng đối với bà Hai và cô Hảo từ trước đến nay.

Chàng lại đến gần cửa sổ, áp trán vào chấn song. Gió lạnh nhè nhẹ thổi bay mái tóc xõa xuống trán. Trường vui vẻ ngước mắt nhìn lên. Trời cao trong xanh thẳm như phản chiếu những ý nghĩ băn khoăn của chàng.

PHẦN THỨ HAI

1.

Trường mệt nhọc đi trên hè phố, lẩn vào đám đông người. Lòng chàng cũng chán nản và buồn bã như buổi chiều mùa đông mưa bụi. Trường đã vén cổ áo lên và thu mình trong chiếc áo tơi cũ, nhưng cái lạnh vẫn thấm thía vào trong người. Chàng không biết rõ đấy là cái lạnh của gió mưa hay cái lạnh của lòng chàng.

Đèn điện trong thành phố đã bật. Nhưng cái ánh sáng vàng yếu hòa lẫn với bóng tối buổi chiều chỉ làm cảnh vật thêm bẩn thỉu và ảm đạm. Thỉnh thoảng, trên đường nhựa ướt, một chiếc ô tô bóng loáng vụt rẽ đám người đi, thoáng đem qua một cảnh ấm cúng và giầu sang những nét mặt sung sướng và vô tư lự. Trường không ngoảnh nhìn theo nữa; chàng lẳng lặng rảo bước cùng với bọn thợ thuyền, những người đi làm, cũng như chàng trở về nhà sau công việc hằng ngày.

Trường đi ra phía bờ sông rồi rẽ vào một cái ngõ con. Lập tức chàng nghe thấy tiếng ồn ào đã quen của chỗ đông người. Căn phố chàng ở là một khu nhỏ hẹp toàn những nhà cho thuê nhiều chủ ở. Giờ này là buổi họ sửa soạn bữa cơm chiều, Trường phải đi qua những mảnh sân đẫm nước, đầy những chum vại với rổ rá. Mấy người đàn bà đang vo gạo, rửa những mớ rau xanh và các miếng đậu trắng, điềm nhiên làm việc giữa đám trẻ kêu khóc hay đùa nghịch bên rãnh nước.

Trường qua một cái cửa hẹp. Bóng tối bao bọc lấy chàng như một tấm màn lạnh lẽo; tiếng muỗi vo ve bên tai, và một mùi ẩm thấp xông lên mũi. Chập choạng chàng lần từng bực một chiếc thang dốc và ướt, lên gác. Một bóng người trên sân ra đón chàng:

– Cậu đã về.

Trường không trả lời, mở cửa bước vào nhà, nhưng vấp ngay vào cái ghế. Chàng quay lại, gắt:

– Đèn đâu, sao bây giờ chưa thắp?

Người vú em đổi tay bế đứa bé, đáp:

– Con vừa đưa em đi chơi mới về. Chiếc đèn để ở trên tủ đấy ạ.

Trường hỏi:

– Mợ chưa về cơ, u em?

– Chưa ạ. Mợ con dặn cậu cứ xơi cơm trước. Hình như mợ con lại chơi đằng bà.

Trường bỏ mũ, vắt áo tơi lên ghế, rồi đánh diêm châm đèn. Ngọn lửa đèn dầu chiếu sáng căn gác nhỏ hẹp, bầy biện rất sơ sài. Một cái bàn, vài chiếc ghế, cái giường ngủ, những thứ đồ đạc rẻ tiền, thông dụng trong các nhà nghèo. Không khí trong căn phòng nặng nề lạnh lẽo. Gió lọt vào khe cửa làm lay động các bóng trên tường.

Trường không buồn nhìn cái quang cảnh tiều tụy đã quen; chàng vội ra ngồi xuống chiếc ghế cối ở ngoài hiên; tỳ tay trên bao lơn gạch, nhìn ra ngoài. Từ khi vì bắt buộc, chàng phải thuê những căn nhà ít tiền, Trường vẫn cố tìm kiếm nhà nào có hiên trên gác. Cái hiên trên gác đem lại cho chàng một chút trời rộng và quãng không mà trong thâm tâm Trường vẫn giữ cái ao ước mơ màng.

Hôm nay mảnh trời đông mây u ám và buồn rầu gợi những thương tiếc trong lòng Trường. Chàng yên lặng để những kỷ niệm dồn dập nổi lên trong trí nhớ; chàng cảm thấy một cái thú hơi buồn và chua chát sống lại những ngày đã qua.

Cái lạnh lẽo ướt át buổi chiều khiến Trường nghĩ đến những buổi mùa hạ rực rỡ ở An Lâm; một giấc mộng sáng láng và chiếu qua như ánh mặt trời trong đám sương mù. Bao nhiêu thời giờ đi mất! Trường thở dài: chàng cũng không nhớ rõ là đã bao nhiêu lâu nữa. Những kỷ niệm của buổi sung sướng ấy hình như hãy còn gần gụi, và làm cảm động lòng Trường mỗi khi chàng nghĩ.

Trường nhớ lại cái ngày cuối cùng mà chàng còn có thể nhận lời. Hôm ấy, mẹ Trường đến chơi nhà bà Hai từ buổi sáng, mãi đến chiều tối mới về. Sau bữa cơm, khi chị Dung đã đem con đi nghỉ, bà Phán ngồi uống nước trên sập, gọi Trường:

– Con lại đây mẹ bảo.

Trường biết là có việc quan trọng. Chàng hiểu là có việc gì, và lần này chàng phải quyết định. Trường tẩn mẩn xếp lại mấy quyển sách trên bàn, để có thì giờ nghĩ ngợi. Nhưng chàng bối rối, và những mối băn khoăn trái ngược tự nhiên đến xâm chiếm lòng chàng. Trường lo lắng lại gần bà Phán, ngồi xuống giường.

– Mẹ bảo gì ạ?

Mẹ Trường thong thả nói:

– Này con, hôm nay bà Hai lại nhắc tới cái việc ấy. Ý bà muốn mẹ trả lời nhất định ngay. Con đã biết việc cậu Tiến em bà Phán Ty nhờ người đến hỏi rồi chứ?

– Thưa mẹ có. Bà Hai. Hình như đã từ chối cơ mà.

– Không phải là từ chối hẳn. Lần trước, bà ấy mới trả lời lưỡng lự. Vì thế hôm qua cậu ta lại nhờ bà Cửu đến dạm hỏi cô Hảo lần nữa.

Bà Phán nghĩ nói thế khiến Trường phải nhận lời ngay. Nhưng trái lại tin ấy chỉ làm cho chàng thêm khó chịu. Trường thưa:

– Như thế bà Hai còn đợi gì mà không nhận lời. Con tưởng đám ấy đối với cô Hảo cũng xứng đáng lắm.

Bà Phán trừng mắt nhìn con, ngạc nhiên:

– Thế con không bằng lòng lấy cô Hảo à?

Trường thu hết can đảm trong người lại, trả lời:

– Thưa mẹ, không – Và Trường bỗng thấy hết băn khoăn, khó chịu: cái điều quan hệ nhất chàng đã nói rồi.

– Không! Mày điên hay sao, Trường? Tại làm sao không bằng lòng? Thấy con yên lặng, bà Phán dịu dàng tiếp: "Con nghĩ kỹ lại xem. Nhà ta nghèo mà bà Hai vẫn có ý mến con, thế là người ta tốt lắm chứ. Từ trước đến giờ, hai nhà vẫn đi lại thân mật như một. Con không nhớ người ta vẫn giúp đỡ mẹ đấy hay sao?"

Bà buồn rầu, giọng nói thấp xuống:

– Bây giờ mẹ biết trả lời người ta thế nào?

Trường cúi mặt, trong lòng hồi hộp. Nỗi buồn của mẹ làm chàng cảm động. Chàng muốn nói rõ cho mẹ biết cái tình yêu đằm thắm

của mình, những tính tình thanh cao và đáng quý đã nẩy nở trong lòng chàng. Tên người thiếu nữ trong vườn hoa ngập ngừng đến trên môi – nhưng Trường yên lặng, không nói được.

Rồi mỗi lần sau mẹ nhắc lại câu ấy, Trường tỏ ý chối từ; mỗi lần chàng định nói đến Trinh, nhưng rồi lại thôi. Mẹ chàng buồn rầu nhưng thấy con ương ngạnh bà cũng giận dỗi không nói đến chuyện ấy nữa.

Mấy tháng sau, cô Hảo đi lấy chồng. Đám cưới rất sang trọng và lịch sự. Trường cũng được mời nhưng chàng không đi. Rồi một buổi tối, cả nhà đương quây quần dưới bóng đèn, thì hai vợ chồng Hảo đến chơi.

Trường thấy Hảo bước qua khung cửa, rực rỡ và lộng lẫy trong bộ áo nhung đen. Hai má nàng hồng hào, mắt sáng, và một vẻ vui sướng thoáng hiện trên đôi môi tươi thắm, lúc nào cũng sắp hé một nụ cười. Tiến theo sau, dáng điệu quan trọng và mãn nguyện. Dung và Lan đứng dậy vồn vã đón chào, dắt tay Hảo vào ngồi trên sập, tiếng vui đùa ríu rít và thân mật. Trường tiếp Tiến trên bộ ghế cạnh bàn ngoài. Tự nhiên chàng thấy có ý muốn nói chuyện rất hoạt bát và lanh lợi. Chàng phô hết tài học của mình. Trường còn nhớ buổi ấy, chàng nói có duyên và ý tứ nhất; Tiến chỉ yên lặng ngồi nghe.

Khi vợ chồng Hảo ra về, bà Phán quay lại bảo con, với một ý tiếc trong giọng nói:

– Trông cô Hảo bây giờ trẻ và đẹp hơn trước. Không ai trả lời, đều có vẻ nghĩ ngợi. Trường nhận thấy mọi người như cùng có ý tiếc cho mình.

Một năm sau, Trinh đã là vợ chàng. Trường không nhớ rõ việc ấy đã thành ra làm sao. Gia đình chàng không có ai bằng lòng, và chàng cảm thấy chung quanh một sự phản đối ngấm ngầm.

Tuy vậy, chàng đã được hưởng một thời sung sướng. Hai vợ chồng yêu nhau, và cái tình yêu ấy khiến hai người thấy đầy đủ, vui vẻ trong cuộc đời. Trường và Trinh còn trẻ cả, trong lòng còn bồng bột bao nhiêu hy vọng và ước mong tốt đẹp; hai người chưa nghĩ đến những nỗi khó khăn của sự sống sau này.

Trinh là một nàng dâu dịu dàng và dễ bảo. Nàng được hưởng cái tính tốt của mẹ, một tấm lòng nhân từ khiến cho nàng chỗ nào

cũng trông thấy yên vui. Nhưng dần dần, Trường nhận thấy nàng không được mẹ mình quý mến. Bà Phán không tha thứ nàng đã làm cho Trường chối từ Hảo, và khiến cho hy vọng bà ao ước từ bao nhiêu lâu không thành. Bà cho Trinh là có trách nhiệm trong sự thất vọng của bà.

Trường đem vợ ra ở riêng. Nhưng có một điều mà từ lúc yêu Trinh cho đến khi lấy nàng, Trường chưa bao giờ nghĩ đến: Trinh nghèo, Bà Nhì buôn bán chỉ đủ để gia đình sống một cuộc đời bình thường và giản dị. Sự nghèo, đối với Trường hồi ấy chỉ là một sự đáng nên thơ. Căn nhà cũ năm gian với mảnh vườn con trồng đầy hoa, chàng thấy là một cảnh rất đẹp để bao bọc tấm tình yêu của hai người. Nhưng bây giờ, Trường thấy cần phải nuôi sống cái gia đình riêng của mình. Chàng bắt buộc phải bỏ học để tìm việc làm. Những sự không may hình như cứ theo đuổi ám ảnh Trường. Chàng chỉ tìm được một việc nhỏ mọn trong một sở buôn, số lương ít ỏi chỉ đủ sống một cách khốn khổ ở Hà Nội. Bà Nhì buôn bán càng ngày càng thua lỗ, năm sau Trinh đẻ đứa con, sự túng bấn đến ràng buộc lấy cái gia đình nhỏ. Những cái thiếu thốn cỏn con của sự sống làm Trường khó chịu và bực mình. Cuộc đời đối với chàng bây giờ khe khắt và khó nhọc quá. Thỉnh thoảng, một nỗi chán nản lùa vào tâm chàng như một cơn gió lạnh mùa đông; Trường mơ màng nghĩ đến những mơ ước chàng nhận thấy ẩn hiện trong lòng; một cuộc đời giầu sang, dễ dãi, có khi đến huyền diệu trước mắt Trường, chàng đắm đuối đưa ý nghĩ theo những hình ảnh tươi đẹp ấy.

2.

Ánh sáng mờ dần trong bóng tối chung quanh. Những mộng tưởng rực rỡ trong óc Trường cũng nhạt dần đến cuộc đời hiện tại nghèo nàn, Trường co mình thấy lạnh trong manh áo mỏng không đủ giữ cái ấm áp của người. Chàng rùng mình nhìn ngơ ngác, như vừa ra khỏi một giấc mơ.

Trời đã tối hẳn. Gió lạnh làm rung động chòm lá cây ở trước nhà. Ánh đèn lấp loáng trên con đường lầy lội đầy vũng nước ở ngõ rẽ ra. Một vài người thợ làm muộn về, đi nép trên bờ hè lặng lẽ dưới mưa bay.

Tiếng guốc lên thang gác gọi Trường đứng dậy vào trong nhà. Ngọn đèn vẫn chiếu sáng mâm cơm để trên bàn. Người vú ngoài sân gác bước vào, giục:

– Mời cậu đi xơi cơm kẻo nguội.

Trường nhấc lồng bàn rồi lại đậy lại, cau mày.

– Cơm có thế này thôi ư, hở vú?

– Vâng.

Tiếng trả lời của vú em khiến Trường thấy câu hỏi của mình là vô ích. Chàng yên lặng ngồi, sắp ăn thì Trinh ở thang gác bước lên. Nàng nhanh nhẹn giũ những hạt mưa đọng trên áo, rồi đến bên Trường, vui vẻ:

– Cậu chưa ăn cơm à? Trinh ngồi xuống chiếc ghế trước mặt Trường, để một cái gói nhỏ lên mặt bàn.

– Chưa. Tôi đợi em về ăn một thể.

Trinh nhấc lồng bàn, âu yếm nhìn chồng:

– Cậu chẳng ăn trước lại đói. Em đã bảo vú em dặn cậu đừng đợi cơ mà.

Nàng so đũa, Trường hỏi:

– Em đi đâu bây giờ mới về?

– Tôi lại chơi đằng mẹ về đây. Đợi mãi mới được cái này.

Trinh vừa nói vừa chỉ tay vào cái gói nhỏ, miệng cười.

– Cái gì thế?

– Hai đồng bạc. Tôi phải nhờ cô Lan đi vay mới được đây.

Trường lặng yên không đáp. Trông nét mặt vui vẻ của Trinh khi nói đến số tiền nhỏ mọn ấy, chàng buồn rầu. Đã lâu nay có lẽ nàng không dám mơ tưởng một số tiền to hơn nữa. Một đồng bạc đối với nàng rất quý, cũng như hồi nàng còn ở An Lâm, bên cạnh bà Nhì.

Trường tự nhiên thấy nao nao trong lòng. Một tấm tình thương mến đối với Trinh thấm thía vào tâm can chàng. Cô thiếu nữ ngây thơ của mảnh vườn bên bờ sông Tiên, khi bằng lòng lấy chàng có

ao ước một cuộc đời sang trọng và giầu có không? Trường thấy một mối lo khi nghĩ đến câu hỏi ấy.

Chàng đưa mắt nhìn vợ. Dưới ánh đèn, mấy sợi tóc mai buông sáng như sợi tơ. Trong bóng tối của vành khăn, ánh vàng của chiếc hoa tai chiếu một vết lấp lánh trên má. Trường buồn rầu nghĩ đấy là thứ trang sức cuối cùng mà vợ chàng không muốn bán. Chàng trông chiếc áo lương cũ mỏng mảnh Trinh đang mặc âu yếm hỏi:

– Em mặc thế kia có lạnh không?

Trinh nhìn chồng, sẽ cười:

– Không, em không thấy lạnh mấy. Độ còn ở An Lâm, lắm khi em đi chợ sớm mùa rét mà cũng chỉ mặc có thế này.

Nàng nói thêm: Em quen chịu lạnh đi rồi.

Hai mắt đen của nàng nhìn thẳng vào quãng không, nét mặt thẫn thờ như thoáng nghĩ đến sự gì.

Đứa bé chợt khóc làm nàng giật mình đứng dậy. Trinh đi lại chỗ giường nằm, ẵm con vào lòng bế ra ngồi trước mặt Trường. Đứa bé chói vì ánh đèn, đưa hai tay lên dụi mắt, rồi nhận thấy người quen, cười đưa bàn tay xinh xắn vẫy. Nhìn đứa con hồng hào mũm mĩm, Trường quên hết cả những nỗi lo nghĩ, buồn rầu. Chàng cúi xuống cười đùa với con; mái tóc chàng chạm vào mái tóc đen tơ của vợ, hai người gần nhau khiến chàng thấy hơi nóng của tấm thân non. Cái kỷ niệm đêm sáng trăng ở An Lâm lại rõ rệt trong trí nhớ với lòng thương yêu đằm thắm. Một mối cảm động hòa hợp hai vợ chồng. Trường và Trinh cùng yên lặng trong nụ cười thơ ngây của đứa trẻ.

Nhưng cái phút sung sướng ấy chóng qua. Trường lại trở lại những cái thực tế nhỏ mọn hàng ngày. Trinh bế xốc con ngồi dậy, quay gọi vú em:

– Vú đưa bát bột ra đây tôi cho em ăn nào.

Người vú đem trên mặt tủ xuống bát bột đậy cái đĩa nhỏ; Trinh đón lấy, dùng thìa xúc cho con ăn. Trường cúi nhìn hỏi vợ:

– Vẫn cho nó ăn thứ bột này đây à?

Trinh đáp:

– Vâng.

Đứa bé không chịu ăn, quay đầu đi mỗi khi Trinh đưa thìa bột đến. Nàng dỗ con:

– Ăn đi, Mai. Ăn đi chóng ngoan, mợ yêu. Mai quay đầu lại đớp một miếng, nhưng hình như thứ bột nhạt nhẽo không được ngon lành nên nó lại đẩy tay mẹ ra không ăn nữa.

Trường bảo:

– Tôi đã dặn mua thứ bột khác cho em nó ăn cơ mà... Sao lại không mua?

Trinh ngửng lên nhìn Trường, trả lời:

– Bột khác! Thứ bột khác nhiều tiền. Tôi mua đằng này có một hào một gói thôi.

Trường không biết nói gì nữa. Chàng thấy trong người khó chịu ngấm ngầm. Chàng đưa mắt nhìn trên mặt tủ một dẫy năm, sáu hộp sắt bột *Nestlé* đã han rỉ. Đã lâu, con chàng không ăn thứ bột đắt tiền ấy nữa, từ ngày chàng bị sụt lương đến bây giờ.

Đứa bé uỡn cổ ra đằng sau, định tránh cái thìa bột mà mẹ nó giơ ra trước mặt. Trinh cứ cố ép bắt nó ăn. Bột chẩy cả xuống cằm đứa bé. Nàng lấy thìa gạt lên, lại đổ xuống miệng con. Trường ngắt:

– Nó không muốn ăn thì thôi, lại cứ ép.

– Thế cậu để nó đói sao?

Trường lặng yên. Câu trả lời của vợ làm tăng thêm nỗi khó chịu của chàng. Cách cho ăn của Trinh không được sạch sẽ. Nhưng Trường biết rằng dẫu có bảo nàng cũng vô ích; Trinh sẽ không hiểu gì cả. Đã nhiều lần chàng phải phàn nàn về những cái vụng về trong cách trông nom con của vợ.

Trường đứng dậy đến bên tủ với một quyển sách xuống xem. Nhưng chàng lơ đãng giở từng trang mà đọc. Trong lòng, Trường không được yên tĩnh. Chàng cố nghĩ đến cái lạc thú êm ấm của gia đình sum họp dưới bóng đèn, cố hưởng lấy cái lạc thú ấy, và nhớ đến những buổi sum họp nào, xa xăm lắm trong dĩ dãng, mà chàng còn giữ cái kỷ niệm mơ màng. Chàng chỉ thấy lạnh lẽo. Gió mùa

đông lùa khe cửa làm lạnh lẽo thêm. Trường bứt rứt bỏ sách, ra ngoài hiên nhìn xuống đường. Cảnh nghèo nàn, tối tăm trước mắt của xóm nhà chen chúc, khiến chàng bớt băn khoăn.

3.

Đây, đây! Đi lối này. Mời chị lên chơi.

Nghe tiếng Trinh nói, Trường đang ngồi đọc sách ngửng đầu lên. Chàng thấy vợ đứng cúi mình xuống thang gác, đợi người nào ở dưới.

– Ai đó, em?

Trinh ngoảnh lại chưa kịp đáp. Một người thiếu phụ vừa bước lên đã cất tiếng vang vang:

– Gớm, ở khuất khúc thế này thì ai tìm được. Tôi hỏi thăm mãi mới được đấy.

Trường nhận ra cô Tâm, con bác Cả ở An Lâm. Nàng ăn bận rất sang trọng, lối những người giầu có ở nhà quê; hai cổ tay đeo đầy những vòng xuyến bằng vàng, để ra ngoài tay áo, người ta hiểu rằng nàng đã mang hết của cải của mình ở trên người. Trường mỉm cười nhớ đến cô gái quê mùa đứng gạt thóc cho vay mà chàng được thoáng trông thấy ở gian nhà ngang khi vào thăm bác Cả. Trường nhớ lại vẻ hách dịch của cô và tiếng quát tháo the thé. Tuy vậy, chàng lấy giọng nói ngọt ngào:

– Mời chị ngồi chơi.

Tâm vén áo cẩn thận rồi mới ngồi xuống ghế. Nàng đưa mắt nhìn quanh khắp gian buồng, và nhìn Trinh hỏi:

– Cái nhà đẹp nhỉ. Thím thuê bao nhiêu?

– Năm đồng thôi, chị ạ. Ở phố này nhà cho thuê giá rẻ.

Tâm lại ngắm gian phòng một lượt nữa, rất ghê sợ.

– Kể năm đồng thì cũng không đắt. Nhưng ở chỗ này bẩn chết. Sao chú thím không thuê chỗ khác mà ở có được không?

Trinh đặt quả trầu mới têm lên mặt bàn, khẽ trả lời:

– Ấy, nhà tôi cũng đã định thuê chỗ rộng rãi hơn. Nhưng chưa tìm được nhà vừa ý. Ở Hà Nội tìm được căn nhà cao ráo khó lắm, chị ạ.

Trường biết vợ đã không nói sự thật. Chàng có định tìm nhà chỗ khác đâu, bởi cái lẽ rất giản dị là chàng không tiền. Nhưng nói thác đi để làm gì? Trường nghĩ đến cái tính keo kiệt của Tâm tuy bây giờ nàng giầu có nhất ở vùng An Lâm, đến căn nhà gạch tối tăm nàng mới dựng. Một người như thế còn lên mặt chê chỗ ở của chàng? Trường mỉm cười nói mát:

– Có đâu được rộng rãi như căn nhà của chị mới làm.

Thấy nói đến nhà của mình, mắt Tâm sáng lên. Nàng không hiểu ý chế riễu của Trường, nở một nụ cười sung sướng, đáp:

– Cái nhà ấy tôi làm hết hai nghìn đấy. Lúc mới đầu tưởng không hết ngần ấy thế mà về sau hết nhiều thế. Nhà tôi cứ kỳ kèo tôi mãi về chỗ đó.

Cô nhìn Trinh, kiêu ngạo:

– Nhưng sau tôi nghĩ, mình có tiền thì nên làm cái nhà đẹp đẽ mà ở, chứ tội gì mà ở bẩn thỉu chui rúc. Phải không chú thím?

Hai vợ chồng Trường cùng đáp:

– Vâng.

Nhưng mỗi người một ý khác nhau. Nàng yên phận không ao ước sự giầu sang của Tâm, người mà trước kia ở An Lâm nàng đã phải nhiều lần vay mượn, còn Trường thì mỉm cười khinh cái tư cách của người có tiền mà không biết thưởng thức vẻ đẹp; và một ý ganh ghét ngấm ngầm đến bứt rứt lòng chàng.

Trường sực nghĩ đến chồng Tâm, một anh học trò ngờ nghệch cùng học với chàng một lớp. Chàng nhớ lại vẻ ngây ngô của anh ta khi bị chúng bạn chế riễu và đùa nghịch. Vậy mà bây giờ, vì lấy Tâm và nhờ tiền của vợ, anh ta đã nghiễm nhiên trở nên một nhà kỹ nghệ và buôn bán to (Trường cũng không hiểu anh buôn bán gì), có danh vọng ở An Lâm. Trường lại nghĩ đến mình, hơi buồn rầu. Chàng tại sao không sang trọng và giầu có như hắn được? Tại sao?

– Anh Hiền không cùng lên với chị à?

– Có. Nhà tôi còn đến phủ Thống sứ đế... Tâm ngập ngừng, nàng không nói rõ chồng phải ra đấy làm gì. Nhưng thế là đủ rồi. Nàng cho sự ra phủ Thống sứ là quan hệ và danh giá lắm. Sung sướng, Tâm được dịp khoe:

– Nhà tôi độ này bận lắm chú ạ, vì sắp xin ra làm Nghị viên nên phải giao thiệp với nhiều người lắm. Trong nhà, khách khứa bận rộn suốt ngày, có mấy lúc được rỗi đâu. Hôm nọ có mấy quan tỉnh về chơi, mấy cái ô tô đỗ ở cửa. Thành thử hàng xóm ở đấy họ cứ thì thào với nhau, bảo: quái, không biết nhà ông bà Hiền làm gì mà có quan to ra vào thế?

Tâm nói xong, cười một tiếng cười vô vị. Trinh cũng cười theo.

Vẻ mãn nguyện tự kiêu lộ ra khắp người Tâm. Trên khuôn mặt đầy đặn khiến Trường tưởng đến bác Cả ngồi ở cửa hàng, chàng nhận thấy như thoáng một ý thương hại cho cảnh hèn kém của mình. Trường nói đùa:

– Như vậy, chị sắp được làm bà Nghị. Còn gì danh giá bằng.

Có tiếng người lên gác. Tâm lắng tai nghe rồi mừng rỡ:

– Có lẽ nhà tôi đến đón tôi đấy.

Trường đứng dậy. Hiền ở dưới nhà đi lên tay cắp một cái cặp da lớn. Chàng tiến lại gần Trường niềm nở bắt tay:

– Đã lâu lắm không được gặp anh. Bây giờ ở đây à?

Rồi cũng như Tâm, Hiền đưa mắt nhìn quanh gian buồng Trường cũng theo cái nhìn ấy. Tự nhiên chàng thấy ngượng nghịu cho căn phòng chật hẹp của mình, ngượng về những đồ đạc sơ sài và rẻ tiền. Chàng lúng túng kéo chiếc ghế chắc chắn nhất, khẽ mời:

– Anh ngồi chơi. Trường yên lặng, tự thấy mình rụt rè trước người mà trước kia chàng coi thường.

Tâm nhìn chồng, có ý hỏi:

– Cậu ở phủ Thống sứ về đấy chứ? Công việc đã xong cả chưa?

Hiền vỗ vào cái cặp da để trên đùi, cười một cách tự đắc:

– Xong cả rồi. Tôi làm việc gì cũng phải được mợ nghe chưa? Ngừng một lát, Hiền nói vớt: Với lại đối với tôi, ai cũng có lòng vị nể.

Rồi đột nhiên hỏi Trường:

– Bây giờ chú làm gì?

– Tôi... tôi vẫn làm ở chỗ cũ.

– Ở nhà buôn ấy à? Sao chú không xin đi làm việc nhà nước có phải dễ chịu hơn không?

– Tôi cũng đã gửi đơn xin nhưng chưa có chỗ làm.

Tâm nói xen vào, có ý khoe họ hàng với chồng.

– Trước chú ấy đã học Cao đẳng cơ đấy. Rồi sau mới bỏ.

Hiền đặt chén nước xuống bàn ra vẻ ái ngại:

– Có, tôi có biết. Thật đáng tiếc. Giá chú cứ học có phải bây giờ đã làm ông Tham rồi không.

Quay lại phía vợ, chàng tiếp: – Như ông tham Tấn hôm nọ đến chơi nhà ta ấy mà, mợ có nhớ không?

Rồi Hiền nhắc lại:

– Đáng tiếc thật. Bao nhiêu công phu học tập. Nhưng làm sao chú lại bỏ, tôi không hiểu?

Trường nghĩ ngợi không đáp. Tại sao chàng lại bỏ học dở dang? Tại sao? Một câu trả lời đến môi chàng, nhưng Trường dừng lại, không đi hết ý nghĩ của mình. Chàng nhớ lại ngày xin thôi học, khi xếp sách vở ở trong trường ra về, chàng có cái cảm tưởng từ đây sẽ đi vào một cuộc đời khác, cuộc đời chàng vẫn mơ ước bấy lâu. Lúc ấy, Trường chỉ thấy một sự cần thiết: chàng phải đi làm nuôi lấy gia đình nhỏ của mình. Chàng vui lòng rời bỏ cái mơ ước cũ, không hề nghĩ rằng sự đó một ngày kia có thể làm cho chàng phải ân hận.

Nhưng bây giờ một ý tiếc vẩn vơ và kín đáo bắt đầu nẩy nở trong lòng Trường. Chàng nghĩ đến cuộc sống hiện tại của mình, những cái thiếu thốn nhỏ nhặt hàng ngày. Trường tự thấy mình đem lòng thèm muốn cái địa vị giầu sang của người khác, cái địa vị mà chàng có thể đến một cách dễ dàng nếu không có những việc đã xẩy ra.

Mải theo đuổi ý nghĩ của mình, Trường không nghe thấy tiếng vợ chồng Tâm kiếu xin về...

Chàng đứng dậy tiễn xuống thang gác. Ra khỏi cửa, Hiền còn quay lại nói:

– Hôm nào mời chú thím về khánh thành nhà mới với chúng tôi nhé.

4.

Hai vợ chồng Tâm đi rồi. Trường lẳng lặng trở vào ngồi xuống ghế. Những ý nghĩ không vui đến ám ảnh chàng. Trường nhớ cái vẻ mãn nguyện của Hiền, những câu khoe danh giá của Tâm; chàng thấy một mối bực tức trong người, bực tức cho mình và khinh ghét đôi vợ chồng trưởng giả quê mùa ấy. Câu mời cuối cùng của Hiền chàng nghĩ đến mỉm cười: khánh thành nhà mới! Cái nhà ấy mới đẹp đẽ làm sao! Trường đã được trông thấy nó một lần. Chàng tưởng đó không phải là cái nhà nữa, mà là một cái hòm vuông, bốn mặt có những cửa sổ nhỏ không đủ cho ánh sáng chiếu vào. Tuy chưa xem bao giờ, chàng cũng có thể đoán biết được những đồ đạc bầy biện trong đó thế nào; chắc cũng những bàn ghế còng quèo, những sập gụ và tủ chè kiểu lố lăng, như các đồ đạc trong nhà bác Cả ở An Lâm.

Nụ cười khinh bỉ thoáng trên môi chàng, khi Trường tưởng tượng cặp vợ chồng quê kệch kia ngồi bệ vệ trên sập để tiếp những người đến khúm núm vay tiền. Trường bỗng thấy ghét Hiền lạ và thương hại cho hắn có nhiều tiền như thế mà không biết ở một cái nhà đẹp, bầy những đồ thanh nhã, và sống một cuộc đời sang trọng hơn.

Nhưng bỗng một mối hoài nghi đến làm Trường khó chịu, băn khoăn. Chàng tự hỏi không biết lòng khinh ghét của mình có phải là một sự thèm ước, một sự ganh tị vì không được giầu có như Hiền chăng? Trường thở dài, không trả lời câu hỏi ấy. Chàng buồn rầu nhận ra rằng họ không đáng thương, bởi họ đã sung sướng, mà người đáng thương hại chính là chàng.

Trường đưa mắt nhìn quanh mình: cái vẻ tiều tụy và nghèo nàn của gian nhà ẩm thấp, của những đồ đạc sơ sài, làm chàng đau khổ. Đã lâu, chàng sống không nghĩ ngợi gì, chàng sống với những mơ ước ở trong bởi vì cảnh vật bên ngoài không vừa lòng chàng. Mỗi lần đi làm mệt về, chàng lặng lẽ ra ngồi ngoài hiên, nhắm mắt theo

đuổi những hình ảnh đâu đâu, hay nhìn cảnh hoạt động ở đường để quên đi.

Trường tự chắc mình biết thưởng thức cái đẹp biết lựa chọn cái gì thanh nhã. Giá chàng có nhiều tiền! Chàng sẽ có một cái nhà sáng sủa, sẽ có những đồ đạc rất mỹ thuật; căn phòng chàng nằm sẽ rộng rãi, sạch sẽ, tất cả những thứ trang hoàng đều giản dị, vừa mắt. Nhưng tưởng tượng ấy chỉ làm cho sự thực thêm chán nản. Trường ngẩng đầu lên quan sát mọi vật trong nhà, những đồ đạc tuy bao lâu nay vẫn ở cạnh mà chàng không nhìn kỹ đến bao giờ. Chàng thấy rõ rệt sự cùng túng của mình: chiếc giường gỗ tạp xiêu vẹo, màn đã cũ vàng và rách nhiều chỗ; tấm ghế ngựa mọt kê sát tường, chiếc tủ đứng đã nứt nẻ. Những thức đồ dùng cần thiết và tầm thường trong nhà, đều lộ cái vẻ nghèo nàn và tiều tụy.

Trường chua xót. Chàng ngạc nhiên thấy mình đã để ý đến những cái mà xưa nay chàng vẫn cho là nhỏ mọn. Chàng buồn rầu thấy mình đã náo nức những điều mơ ước tầm thường quá. Chàng lẩm bẩm: "Ta thật trẻ con, làm gì phải băn khoăn về những cái vặt ấy". Nhưng cùng một lúc, chàng hiểu rằng đó chỉ là những lời để tự an ủi mình, còn trong thâm tâm chàng vẫn thèm muốn những cái tầm thường đó. Sự nhận xét chắc như thế khiến Trường tự giận dỗi mình và một mối bực tức không đâu đến cấu xé chàng.

Thấy chồng có vẻ băn khoăn nghĩ ngợi, Trinh đi lại khẽ rón rén, không dám động mạnh! Nàng bế con trên cánh tay hôn hít. Đứa bé đang ở lúc vui vẻ của nó; đôi mắt nó sáng lên, tươi tỉnh, hai má luôn luôn lúm xuống những đồng tiền xinh xắn. Giá lúc khác, Trinh đã gọi chồng lại để đùa nghịch với con. Nhưng thấy đôi lông mày Trường cau lại, nàng không dám thực hành ý muốn của mình.

Đã lâu nay, Trinh buồn rầu thấy chồng đổi khác. Chàng ít khi vui vẻ như trước, lúc nào cũng như khó chịu và hay gắt gỏng luôn. Thỉnh thoảng nàng thấy Trường ngồi yên lặng hàng giờ. Những lúc ấy nàng sợ hãi không dám nói to. Trinh lo ngại vẩn vơ và như cảm thấy một sự nguy hiểm gì sắp đến. Nàng không hiểu tại sao Trường nghĩ ngợi, và không biết duyên cớ những cơn giận dữ của chàng. Nàng khổ sở thấy Trường hình như không mến yêu nàng đằm thắm

như trước nữa. Chàng như ngượng nghịu và bứt rứt không muốn ngồi chuyện trò với nàng lâu. Những buổi hai người nói chuyện với nhau, khi trước, là những buổi đầm ấm trong gia đình, làm nàng nhớ tới những cuộc hội họp quanh ngọn đèn ở An Lâm; trong không khí thân mật, nàng lặng lẽ ngồi nghe Trường nói chuyện với bà Nhì, nét mặt nhìn hiền từ vui vẻ của mẹ, và dáng điệu yêu mến của chàng. Có khi xong câu nói, mọi người yên lặng một lát để nghe trong cái tịch mịch của đêm khuya đưa lên tiếng nước róc rách của dòng sông Tiên chẩy.

Những kỷ niệm đó làm Trinh cảm động. Nàng muốn sống lại những thời khắc sung sướng đã qua. Tất cả tâm hồn nàng khao khát sự mến yêu và rung động vì hình ảnh những ngày đẹp đẽ trong ký vãng. Nàng đưa mắt nhìn Trường rồi nựng con:

– Mai, con gọi cậu đi, con.

Nàng nâng tay đứa bé vẫy về phía Trường. Mai bập bẹ mấy tiếng trong miệng, ngửa cổ ra đằng sau cười, Trinh xốc con lên hôn vào má âu yếm bảo: úi chà con tôi ngoan quá, rồi tiến lại bên chồng, nàng để bàn tay bé nhỏ của Mai lên vai Trường:

– Nó theo anh đây này. Những lúc âu yếm nàng vẫn gọi chàng bằng anh.

Nhưng Trường ngẩng đầu lên nhìn con, khẽ nhấc tay đứa bé, hơi gắt:

– Mang nó ra chỗ khác đi.

Trinh chùng chình chưa đi vội, nàng khẩn khoản:

– Thì cậu hãy bế nó một tí.

– Tôi đã bảo mang nó đi chỗ khác mà lại.

Trường quay mặt ra phía ngoài; sự khó chịu của chàng lại tăng thêm, vì chàng thấy cái lãnh đạm vô lý của mình trong lúc này.

Trinh hơi bẽ, hai má nóng bừng. Nàng nghẹn ngào chỉ muốn òa lên khóc; nhưng cố giữ nước mắt đã long lanh dưới vành mi, nàng lấy giọng tự nhiên:

– Bảo bế nó một chút cũng gắt.

Nàng ẵm con quay đi. Mai thấy vẻ nghiêm nghị của bố cũng xịu má ra sắp hờn, ôm lấy vai mẹ. Trinh với một cái hộp giấy trên mặt tủ, giơ ra trước mặt con, dỗ: đây, mẹ cho con cái đồ chơi. Rồi nàng buồn rầu ẵm sát con vào người như muốn giữ chặt nỗi đau đớn của lòng nàng.

Trường nhìn theo những cử chỉ của vợ; một tình thương khẽ rung động trong tâm can chàng, lẫn với một cơn giận dữ không duyên cớ. Trường muốn đứng dậy đến bên Trinh nói mấy câu dịu dàng, an ủi; nhưng cơn giận bực tức làm tan cái ý định ấy, và mạnh thêm bởi Trường cảm thấy mình có lỗi.

Chàng lên tiếng gắt:

– Để nó nghịch cái hộp ấy lại hỏng bây giờ. Có cất ngay đi cho tôi không?

Cái hộp giấy đựng danh thiếp đã cũ, không có giá trị gì. Trinh dừng tay con quay lại nhìn chồng ngạc nhiên. Trường thấy trong đôi mắt mở to một ý oán trách. Nhưng chàng tiếp thêm cay nghiệt:

– Cái gì của người ta xếp cũng lục tung ra, không có thứ tự gì cả!

Trường bỏ ghế đứng dậy. Mắt chàng nhìn đến một dẫy những chai cũ, hộp không, bẩn thỉu bề bộn một góc trên mặt tủ. Chàng nhớ lại những lời khuyên hằng ngày.

– Tôi đã bảo vất những cái này đi một chỗ cơ mà. Bầy ra làm gì? Chỉ thêm bẩn. Miệng chàng cau lại một cách khinh bỉ: – Dễ tưởng những cái này đẹp đẽ, sang trọng lắm đấy.

Càng nói Trường lại càng giận dữ. Những cử chỉ của chàng trở nên hấp tấp, tay chàng run lên. Trường gạt mạnh những đồ đạc rơi vỡ xuống đất.

– Thì cậu để rồi tôi cất đi.

Mắt Trinh nhòa những lệ; nàng bế con cúi xuống mặt, xếp lại những mảnh chai, Mai sợ hãi níu lấy tay mẹ, giương mắt ngây thơ nhìn lên. Trinh thấy uất trong cổ họng, nàng muốn nấc lên khóc mà không dám. Trường khoanh tay lặng yêu đứng nhìn; vẻ sợ hãi của Trinh khiến chàng động lòng, nhưng chàng cảm thấy một cái thú chua chát khi làm đau đớn người chàng yêu mến.

Người vú già nghe tiếng động từ ngoài sân gác đi vào. Vú ngạc nhiên nhìn hai vợ chồng, đưa mắt qua mặt tủ rồi kêu lên:

– Thôi vỡ hết cả rồi. Vú đến bên cạnh Trinh, cúi xuống: Mợ để con nhặt cho.

Thấy vú em đến, Trinh luống cuống. Nàng không muốn cho vú biết rằng nàng khóc, vội quay mặt đi.

– Không không, u để mặc tôi. U bế em ra ngoài kia đi.

Nàng trao con cho vú em bế, rồi ngoảnh vào trong, lấy vạt áo chùi nước mắt. Một lát, nàng đứng dậy, ôm những mảnh vỡ trong lòng bước ra ngoài.

Trường nhìn theo vợ rồi chán nản ra hiên gieo mình trên chiếc ghế. Cơn giận của chàng đã tan rồi. Một cảm giác buồn rầu và lạnh lẽo thấm thía vào người. Trường tựa tay trên bao lơn. Nhưng ý tưởng trái ngược nhau và không rõ rệt lộn xộn trong óc chàng. Trường cảm thấy cái hèn nhát của chàng, nhưng cũng như một người đánh bạc không nghĩ đến sự thua nguy hiểm. Trường không nghĩ đến nỗi đau chàng đã gây nên. Chàng nhắm mắt, và lại thấy nổi dậy trong lòng cái ham muốn giầu sang. Những hình ảnh rực rỡ, những mơ ước thầm kín bao nhiêu lâu nay lôi kéo trí tưởng tượng của chàng đến một cảnh đời đầy đủ xa hoa khác.

Chàng say sưa mê mải với những hình ảnh đẹp đẽ, những nụ cười hớn hở, nhưng nét mặt mãn nguyện nở nang, không nghe thấy bên trong, tiếng thổn thức của Trinh, vợ chàng, đang úp mặt xuống bàn tay khóc.

5.

Dung đâu? Con cầm cho mẹ quyển lịch ra đây. Bà Phán ngồi trên sập, đeo đôi kính lên mắt và thong thả giở từng tờ quyển lịch Tầu. Dung đứng tựa vào chiếc ghế bên cạnh, cúi xuống hỏi:

– Mẹ xem lịch để chọn ngày tốt ngày xấu à?

Bà Phán dừng tay nhìn con dâu và chép miệng trả lời:

– Ngày tốt ngày xấu mà làm gì. Mẹ xem để biết năm nay có phải là năm sao hạn của mẹ không, mà lắm sự vất vả thế.

Bà khẽ thở dài, rồi cúi xuống xem lịch. Dung cũng lặng yên. Nàng hiểu bà Phán muốn nói gì. Sự vất vả mà bà than phiền đó không phải là sự vất vả khó nhọc về công việc làm ăn. Đã lâu này, từ khi lên Hà Nội, mẹ Trường đã thôi không buôn bán nữa. Thỉnh thoảng bà có cầm họ cầm hàng cùng với bà Hai và mấy người quen thuộc khác, nhưng công việc ấy vẫn trôi chảy. Chỉ từ ngày Trường nhất định lấy Trinh và từ chối cô Hảo là nhiều sự không vừa lòng đã xảy đến cho bà. Vì không có bà Hai bảo đảm giúp đỡ, nên sự cầm trở nên khó khăn, những mối lợi không những không thu vào được lại thêm mắc nợ nữa. Đồng tiền chi tiêu trong nhà trở nên hiếm và khó kiếm. Cả gia đình phải trông mong vào số lương hàng tháng của Xuân, nhưng Xuân vẫn chơi bời như trước, tiền đem về, tháng có tháng không.

Nghĩ đến Xuân, Dung lại khổ sở. Hai vợ chồng đối với nhau cũng lãnh đạm, hững hờ như trước, tuy không cãi cọ nữa. Xuân vẫn làm như không biết có nàng ở bên cạnh. Hai người chỉ nói với nhau những điều cần nói và không can hệ, về việc nhà cửa hay về đứa con. Lòng Dung thắt lại khi nghĩ kỹ đến tình cảnh ấy: nàng hiểu rằng sự thờ ơ đó có hại cho nàng hơn một sự hờn giận nhau, Xuân thờ ơ lãnh đạm với nàng tức là không còn một chút tình yêu mến gì đối với nàng nữa. Nàng muốn chồng để ý đến nàng hơn, dù là để ý bằng sự giận ghét cũng được. Nhiều khi Dung cố ý làm Xuân khó chịu, tưởng chàng phải sôi nổi vì mình. Nhưng Xuân vẫn dửng dưng như không; Dung hiểu rằng tình yêu đối với mình đã chết hẳn trong lòng chàng rồi.

Nàng rùng mình khi nghĩ đến những chốn mà Xuân vẫn thường lui tới chơi bời, nghĩ đến hình ảnh những người con gái đáng ghê sợ mà chồng nàng ôm ấp. Dung tuy không như các người vợ khác đi dò xét và ngăn cấm chồng, nhưng nàng cũng biết mang máng rằng Xuân mê một cô ả đào và định sắp lấy. Nàng không hiểu rõ về những hạng đàn bà ấy; Dung cho rằng cái sức mạnh quyến rũ của họ là nhờ những phép bùa yêu bí mật, không có cách gì trị nổi. Nàng không hiểu rằng sức mạnh của họ chính là ở cái nền nếp, cái đoan chính của nàng, không có cái ý vị chua cay, đột ngột của những

vẻ lẳng lơ đĩ thõa. Chính cái nền nếp và cái đoan chính ấy đã khiến Xuân chán ngán và xa nàng.

Ít lâu nay trong gia đình lại thêm nhiều sự buồn rầu nữa. Dung thấy những cuộc cãi cọ gắt gỏng thường xẩy ra luôn giữa Xuân với mẹ, vì vấn đề tiền nong. Không khí trong nhà trở nên lạnh lẽo và buồn tẻ, khiến nàng có cái cảm giác như lúc nào cũng đứng ở đầu cơn gió làm tiêu tán hết cả những cái đầm ấm của lòng.

Bà Phán thấy Dung yên lặng không nói, bà để quyển lịch xuống sập, ngửng lên nhìn. Thấy vẻ mặt đăm đăm và như ngơ ngác, bà vô tình hỏi:

– Con nghĩ gì mà ngây người ra thế?

Nghe tiếng mẹ, Dung giật mình. Nàng vội lấy lại vẻ mặt tự nhiên, chối:

– Con ấy ư? Không, con có nghĩ gì đâu.

Rồi nàng cúi xuống, sẽ mỉm cười. Nhưng cái cớ đau thương của Dung cũng vừa mới thoáng qua trong trí bà Phán như một cơn chớp loáng. Bà ngượng nghịu về câu nói ban nẫy, quay mặt nhìn đi chỗ khác. Hai mẹ con cùng yên lặng, buồn rầu.

– Hôm nay bao nhiêu tây rồi con nhỉ?

Dung nhìn lên quyển lịch treo trên tường, đáp:

– Thưa mẹ, ba mươi mốt.

Bà Phán lẩm bẩm trong miệng: Đã hết tháng rồi. Và trông đồng hồ bà tiếp:

– Đã hơn năm giờ mà cậu ấy chưa về. Hôm nay lĩnh lương đấy, con nhỉ?

– Thưa mẹ vâng.

Dung chợt nghĩ đến ngày lĩnh lương; chắc thế nào Xuân cũng đi chơi với chúng bạn như mọi đầu tháng khác. Nàng nhìn mẹ chồng, rồi dịu dàng:

– Chắc nhà con lại đi chơi đến tối mới về.

Bà Phán thở dài, chép miệng:

– Nhà hết cả tiền rồi. Chẳng còn một xu nào cả. Để chốc nữa cậu ấy về tôi hỏi lấy tiền tiêu mới được.

Dung cúi xuống không nói gì. Nàng nghĩ lát nữa Xuân về lại gắt gỏng với mẹ như những lần khác. Dung lo sợ và thấy nao nao trong lòng. Nàng vuốt tóc như để xua đuổi những hình ảnh không vui, nói sang chuyện khác:

– Đằng chú thím Trường hình như dạo này cũng túng. Vừa hôm nọ, thím ấy có đến hỏi vay con. Nàng nói thêm: Nhưng con làm gì có mà cho vay.

Bà Phán cười:

– Vợ chồng nó thì kêu túng cả đời. Đi làm được ba chục bạc lương thì sao đủ.

Hai mẹ con bỗng dừng lại. Ngoài cửa có tiếng xe đỗ xuống hè. Dung quay nhìn ra ngoài, nói:

– Nhà con đã về.

Xuân đẩy cửa bước vào. Chàng không nhìn mẹ và vợ, lẳng lặng đi thẳng đến tủ, treo mũ trên mắc. Cử chỉ của chàng có vẻ uể oải và mệt nhọc. Dung muốn săn đón và hỏi han chồng như mọi bận Xuân về khi hai người mới lấy, nhưng đã lâu rồi nàng quên mất thói quen ấy. Nàng ngượng nghịu đứng lên, chỉ đưa mắt nhìn theo chồng.

Bà Phán với lấy âu đồng đựng trầu, rút cây vỏ ra cắt một cách chăm chỉ. Một lát bà mới nhìn Xuân ngọt ngào hỏi:

– Sao hôm nay con về sớm thế?

Xuân đang ngồi giở tờ báo trên bàn, cũng không buồn ngửng đầu lên nhìn mẹ. Chàng lơ đãng trả lời:

– Có sớm gì đâu. Cũng như mọi hôm.

Dung nói chen vào:

– Hôm nay đồng hồ nhanh hơn nửa giờ.

Nghe tiếng vợ, Xuân hơi cau mày. Chàng nhấc tờ báo lên gần mắt, chú ý đọc, nhưng chàng không biết mình đọc gì. Tiếng nói của Dung làm chàng tự nhiên khó chịu. Chàng không hiểu được rõ sự khó chịu ấy nguyên cớ tại đâu. Sự thực từ xưa tới nay Xuân vẫn không yêu Dung. Nhưng chàng thấy rằng có lẽ chàng sẽ không lãnh đạm với nàng và sẽ có tình thương nếu Dung không yên lặng chịu

đau khổ một cách âm thầm. Chàng muốn Dung kêu gào, hay tỏ ý không bằng lòng của mình một cách rõ rệt hơn nữa. Chàng ưa thế hơn là sự yên lặng an phận, lòng oán trách thầm kín của Dung làm cho chàng khó chịu vì cho chàng thấy rõ cái lỗi của mình.

Muốn tránh hai vợ chồng khỏi cãi nhau, bà Phán thong thả bảo Dung:

– Con vào bảo nó dọn cơm đi. À, mà Lan đi đâu?

– Con cũng không biết. Hình như cô ấy lại thu họ đằng bà Hiên thì phải.

Bà Phán ngạc nhiên:

– Vẫn chưa thu được cơ à?

– Vâng, bà ta cứ hẹn lần mãi, năm bẩy lượt rồi.

Khi Dung vào khuất sau cánh cửa, bà cụ chép miệng phàn nàn, có ý để Xuân nghe thấy: – Lại bà ấy chưa đóng nữa. Lấy tiền đâu mà tiêu bây giờ...

Xuân vẫn điềm nhiên xem báo như không nghe thấy gì. Chàng biết rằng mẹ không bằng lòng mình, vì số tiền chàng đưa về mỗi tháng ít đi. Chàng cũng muốn đưa nhiều hơn để làm vui lòng mẹ, nhưng công nợ và những món chàng phải tiêu đã chiếm hết nửa số lương của chàng. Mà những món tiền ấy chàng không dám nói ra. Chàng bứt rứt nghĩ đến những lúc đi vay mượn khó khăn, đến những lúc phải dối trá để tìm cớ cho số tiền chàng đã tiêu. Một ý nghĩ ích kỷ xen lấn vào tư tưởng của Xuân; cái bổn phận phải nuôi cả một gia đình đối với chàng trở nên nặng nề và bất công quá. Xuân thầm ao ước đời sung sướng của những bạn chàng, không phải giúp đỡ ai, chỉ săn sóc đến có một thân mình.

Bà Phán nhìn con ngập ngừng khẽ hỏi:

– Anh... anh đã lĩnh lương chưa?

Xuân bỏ tờ báo, nhìn mẹ đáp:

– Lĩnh rồi ạ. Vừa mới chiều nay.

Bà Phán yên lặng, cúi xuống têm trầu, bà đợi Xuân đứng dậy lấy tiền đưa cho bà. Nhưng Xuân còn mải theo ý nghĩ của mình, không để ý đến sự chờ đợi của mẹ.

Bữa cơm chiều lặng lẽ và buồn tẻ. Mỗi người đều băn khoăn về những tâm sự riêng. Lan đi thu họ đã về, cố hết sức nói vui vẻ và kể những chuyện đâu đâu để làm mọi người cười. Nhưng nụ cười thỉnh thoảng nở trên miệng Dung và bà Phán là những nụ cười ngượng nghịu và mất đi ngay.

Dung đưa mắt nhìn chồng, thấy Xuân thỉnh thoảng lại ngừng đũa lại: một hình ảnh gì khó chịu đang hiện ở trước mặt chàng.

6.

Ăn cơm xong, Xuân sửa soạn sắp đi. Chàng đã mặc quần áo sẵn sàng, nhưng vẫn đi lại trong buồng như lưỡng lự. Có lẽ lần này là lần đầu chàng mới cảm thấy rõ rệt sự lãnh đạm của mình đối với gia đình. Chàng muốn không đi chơi nữa, muốn ở lại để hưởng cái thu sum họp dưới ngọn đèn buổi tối. Xuân thấy nét mặt buồn rầu của vợ khi chàng mặc quần áo. Chàng cố tưởng tượng cái êm đềm, đằm thắm của cảnh sum họp, mà chàng vẫn thường thấy ở nhiều gia đình khác.

Vừa lúc ấy, Trường mở cửa bước vào.

Bà Phán thấy con mừng rỡ. Bà nhìn Trường ân cần hỏi:

– Con ở đằng nhà lại đấy à? Đã ăn cơm chưa?

Trường ngồi xuống ghế, đáp:

– Đã, con ăn rồi. Và quay lại phía anh chàng hỏi:

– Anh đi chơi bây giờ?

Xuân trả lời không rõ:

– À... có lẽ.

– Hôm nay ở rạp chiếu bóng bờ hồ có chiếu phim hay lắm.

Xuân quay lại, đứng dựa lưng vào tường, đáp:

– Chớp bóng thì chán chết. Tôi chả đi xem bao giờ cả.

Trường không nói gì. Chàng nghĩ muốn khuyên anh nên đi xem chớp bóng, hay đi dự những cuộc giải trí không có hại như thế, nhưng không phải lúc nói nên Trường lại thôi. Bà Phán và Dung cũng yên lặng, nghĩ ngợi.

Chỉ có Lan vui vẻ vỗ hai tay vào nhau reo mừng:

– Phải đấy. Phim ảnh tối nay hay lắm, anh Xuân đi và cho chúng tôi xem với. Chị Dung cũng đi nhớ?

Dung cũng vội vàng nói:

– Tôi chả đi đâu, tôi cũng không thích xem chớp bóng.

Nàng hiểu ý Lan muốn nói cho Xuân với nàng cùng đi xem, như vợ chồng những gia đình khác. Những đã lâu lắm, Xuân không cùng đi đâu với nàng nữa. Dung sợ bây giờ Xuân lại bằng lòng đưa nàng đi; không phải nàng không thích, nhưng tự Xuân không mời nàng, và nếu có nghe theo lời Lan, nàng cũng không muốn có những sự ép buộc như thế. Nàng đã bị đau khổ nhiều lần rồi, nên bây giờ Dung tự kiêu trong cái lãnh đạm của mình.

Bà Phán nhắc mọi người quay trở lại mối lo nghĩ của bà:

– Cô Lan thì cái gì cũng thích xem. Nhưng tiền đâu mới được chứ?

Lan đang vui bỗng buồn ngay nét mặt lại, cúi xuống mân mê cây vỏ trong âu trầu, hai môi mím chặt. Đôi mắt trong và ngây thơ của Lan đã nghiêm nghị, và trên vầng trán sáng sủa của em, Trường nhận thấy thoáng qua một sự lo nghĩ.

Nghe mẹ nói đến tiền, Trường sực nhớ đến cái mục đích của mình khi về thăm nhà. Chờ lúc mọi người không ai để ý, chàng ra hiệu cho chị rồi đứng dậy bước ra phía cửa. Dung theo ra, Trường hỏi nhỏ:

– Thế nào chị? Chị đã nói với mẹ hộ em chưa?

Dung lắc đầu đáp:

– Chưa, vì tôi biết hôm nọ mẹ cũng chả có. Tôi đã có hỏi vay riêng mấy người chị em bạn cho chú, nhưng không được.

Trường lưỡng lự rồi hỏi:

– Anh ấy có tiền chưa?

– Có rồi.

– Thế bây giờ chị nói với mẹ cho em đi.

Dung quay vào lại gần bà Phán cúi xuống nói thì thầm. Mẹ Trường gật đầu vẫy chàng lại gần:

– Con đợi một lát mẹ đưa cho.

Trường vâng lời ngồi xuống ghế, trước mặt mẹ. Xuân gấp quyển sách mà từ nẫy chàng vẫn để xem trên mặt tủ, rồi như người mới quyết định, chàng đi lại bên mắc áo lấy mũ.

Bà Phán nhìn theo con, ngập ngừng. Xuân ra gần đến cửa, bà mới gọi:

– Này... anh...

Xuân quay lại, hơi phật ý, đôi lông mày cau lại.

– Cái gì ạ?

– Anh đưa tiền cho tôi, còn cho em nó mượn bây giờ.

Xuân lẳng lặng thò tay vào túi áo lấy tập giấy bạc. Chàng đếm riêng ra một tập, bỏ chỗ còn lại vào túi, rồi để tập bạc trên bàn, trước mặt Trường. Bà Phán với tay cầm lấy, ngửng nhìn hỏi Xuân:

– Chỗ này là bao nhiêu đây?

– Hơn ba chục:

Bà Phán để tập giấy bạc xuống bàn dịu dàng nói:

– Anh đưa thế này sao đủ tiêu. Tiền nhà, tiền ăn, trăm thứ tiền đều trông vào anh cả, mà chừng này thì sao đủ.

Xuân tỏ vẻ khó chịu, không nói gì. Bà Phán tiếp:

– Đã mấy tháng nay, anh đều đưa thế này cả. Anh tiêu gì mà nhiều thế? Yên lặng một lát, bà thêm: Anh không biết nghĩ một chút nào cả.

– Không biết nghĩ! Giọng Xuân trở nên gắt gỏng: – Mẹ bảo không biết nghĩ thế nào nữa. Con cũng phải có những món cần tiêu chứ, số tiền còn lại đây vị tất đã đủ.

Không đợi Xuân nói hết, bà Phán lớn tiếng:

– Anh tiêu gì, tiêu chơi bời, tiêu hát xướng ấy có phải không? Tôi còn lạ gì những món cần tiêu của anh nữa.

Xuân không đáp, hai tay đút túi quần, đi đi lại lại trong phòng. Bước chân chàng mỗi lúc một gấp và nhanh thêm.

Không khí trong nhà trở nên nặng nề và khó chịu. Hai mẹ con lại sắp cãi nhau vì tiền, như nhiều lần khác đã xẩy ra. Dung và

Lan sợ hãi, ai nấy đều cúi mặt xuống, cùng ước mong cho cuộc đối đáp chóng xong nhưng không dám ngăn cản. Trường ngồi yên lặng, lòng đau đớn vì mẹ và anh đã mất cái tình thân thiết của mẹ con. Chàng thầm trách anh đã không biết chiều lòng mẹ. Tuy vậy, chàng muốn lòng yên tĩnh để tránh khỏi dự vào việc buồn rầu ấy. Trường thong thả cầm quản bút nguệch ngoạc trên bìa quyển sách ở trước mặt.

Chàng muốn xin mẹ thôi đi, nhưng bà Phán cứ nói, như muốn trút hết cả những nỗi tấm tức trong lòng.

– Anh chỉ biết nghĩ đến mình anh thôi. Vợ con anh ở nhà anh không nhìn gì đến, con anh nó ốm anh cũng mặc, chỉ đi chơi bời suốt ngày đêm, rồi đem tiền cung phụng cho người khác. Anh không biết mấy tháng nay tôi đâm công mắc nợ bao nhiêu. Nhưng anh cần gì.

Xuân vung tay giận dữ, bước tới mở cửa, quay lại gắt:

– Ồ, bà nói tôi khó chịu lắm. Không để cho người ta yên một chút nữa! Chàng sập cửa đến sầm một cái, bước vội ra ngoài.

Ngòi bút trong tay Trường sướt mạnh trên tờ giấy, mực bắn tung cả vào áo. Chàng cầm quản bút lên xem, cố nói một cách bình tĩnh như không để ý gì đến những sự vừa xảy ra:

– Thôi xong, gẫy mất ngòi bút rồi.

Lan đến gần Trường cúi xuống nhìn:

– Anh làm hỏng mất ngòi bút của em rồi còn gì nữa. Bắt đền anh đấy.

Hai anh em nói những câu vơ vẩn đâu đâu. Trường không dám nhìn về phía mẹ. Bà Phán ngồi yên không động đậy, vẻ mặt buồn rầu. Mấy giọt nước mắt lặng lẽ chảy trên đôi má đã hóp lại vì lo nghĩ.

Trường thấy mỏi mệt và chán nản trong tâm hồn. Chàng khẽ đứng dậy, bước ra cửa.

Dung theo sau, giữ chàng lại ngoài hè, đưa mấy tờ giấy bạc:

– Chú không cầm về mà tiêu à?

Trường lắc đầu:

– Không cần nữa, chị ạ. Chàng ngăn Dung bảo: Thôi chị vào đi, rồi rảo bước đi mau khuất trong bóng tối.

7.

Trường qua phố hàng Trống ra phía bờ hồ. Chàng vừa bước vừa nghĩ ngợi, không để ý cảnh vật chung quanh. Những người đi và xe cộ mờ dần trước mắt chàng, và những hình ảnh khác nổi lên rõ rệt. Mái tóc đã gần bạc, những vết răn sâu trên trán và vẻ lo nghĩ của mẹ chàng... Trong trí nhớ, Trường đi ngược lại về dĩ vãng, nghĩ đến những ngày còn hàn vi ở An Lâm, những ngày mẹ chàng còn phải tần tảo buôn bán để nuôi con. Trường nhớ lại cái cửa hàng tạp hóa nhỏ, sơ sài và đầy bụi bám; những quả bầy hàng sơn đen đặt trên xếp cánh cửa bức bàn, những ngày hàng ế, chờ đợi không có người mua.

Trường buồn rầu nhận thấy mẹ, đến bây giờ vẫn không được sung sướng. Chàng tự trách sao không nghĩ đến nhà mà chỉ nghĩ riêng đến mình. Nếu chàng không thôi học, có phải đã có thể giúp đỡ được mẹ không? Trường lại nghĩ nếu không lấy Trinh, nếu cứ nghe theo lời bà Phán mà lấy cô Hảo, chàng bây giờ đã giầu và sung sướng. Tâm can Trường nẩy nở một ý ham muốn và ghen tị; Trường thèm muốn cái địa vị của Tiến và so sánh với địa vị mình. Nghĩ đến căn nhà tối tăm và nhỏ hẹp chàng sắp về, đến cái ngõ khuất khúc và bẩn thỉu chàng sắp đi. Trường thấy thấm thía cái nghèo nàn khốn khổ của mình.

Gió lạnh trên hồ đưa lại từng cơn. Trường thong thả đi trên bờ, nhìn mặt nước đen, loáng ngập, những đường ánh sáng vàng từ trước ngọn đèn chiếu xuống. Bỗng nhiên chàng dừng lại đứng yên, từ trong một tiệm khiêu vũ đưa ra tiếng đàn trầm bổng. Chàng lắng tai nghe: người ta có lẽ đang họa một bản âm nhạc buồn; tiếng đàn êm ái và du dương bao bọc lấy Trường và làm rung động tâm hồn chàng. Trường thấy tự nhiên nổi dậy trong lòng một nỗi nhớ nhung những vùng trời xa lạ và rực rỡ mà chàng vẫn mơ màng trong các truyện đã đọc. Một dẫy ô tô mới nguyên và đẹp đẽ đỗ ở vỉa hè; qua khe cửa kính, Trường thấy trong tiệm đầy ánh sáng, những cặp trai gái lịch sự đang bước theo nhịp đàn. Cảnh ấm cúng và giầu có ấy

nhắc Trường nghĩ đến cái nghèo khốn của mình; chàng lại nghĩ đến những người cũng nghèo như chàng, ở tận những xứ đâu đâu, cũng đứng ngoài trời gió lạnh mà ngắm nhìn cảnh đầy đủ xa hoa trong những chốn ăn chơi sang trọng, Trường thấy hình như mình khổ sở thêm lên.

Đêm đã khuya chàng mới quay đi; con đường yên lặng và vắng vẻ dưới ánh đèn, Trường thấy cũng lạnh lẽo và trống không như tâm hồn chàng.

Rồi căn phố bỗng nhiên hẹp đi và tối lại. Từ nãy, mải theo đuổi những hình ảnh đâu đâu, Trường không biết mình đã về tới ngõ nhà, cái ngõ khuất khúc và nhỏ hẹp mà chàng ở. Ngọn đèn điện lờ mờ chiếu ra một vùng ánh sáng mầu vàng yếu ớt; bóng tối và sự tịch mịch bao bọc lấy Trường khiến chàng có cái cảm giác cách biệt hẳn những chỗ rực rỡ và sang trọng khác ở Hà thành. Vẻ tồi tàn và tiều tụy của những căn nhà trong ngõ hôm nay chàng chú ý đến hơn; chàng nghĩ đến những gia đình cũng nghèo nàn như gia đình chàng, những gia đình thợ thuyền hay buôn bán nhỏ mà chàng thấy sống chen chúc trong những buồng tối tăm và chật hẹp. Qua khe những tấm cửa gỗ ghép không kỹ, thỉnh thoảng tia ánh đèn trong nhà chiếu ra vệt một đường sáng trên mặt đất, và tiếng người nói thì thầm, tiếng trẻ con khóc lọt vào tai chàng. Cuộc đời của những người ấy hiển hiện ra trước mắt Trường, với những thiếu thốn, những nỗi khó khăn và vất vả của họ. Trường tự hỏi không biết những người đó có lúc nào được sung sướng không: họ có bao giờ quên cái nghèo của họ, có lúc nào được hưởng một chút vui vẻ, một chút hạnh phúc trong suốt đời người không? Trường thấy một nỗi buồn nản nặng nề đè nén trên tâm hồn; chung quanh mình, chàng chỉ thấy cái nghèo, cái nghèo rộng rãi và mênh mang như nước thủy triều lôi cuốn bao nhiêu cuộc đời vào cái dòng chẩy mạnh mẽ. Sự sống đối với chàng bỗng mất hết ý nghĩa, thờ ơ và lãnh đạm, tàn ác đưa số mệnh người đến những chốn tối tăm và đau khổ.

Trường lại nghĩ đến gia đình mình, đến những sự phiền muộn lo nghĩ mà chàng đã trải qua, đến những ước muốn và thèm thuồng mà chàng đã nuôi nấng trong lòng. Bây giờ chàng tiếc rằng đã bị ràng buộc bởi Trinh, đã yêu và chót lấy nàng. Nếu không Trường biết mình có thể đến một cách dễ dàng với một địa vị sang trọng

hơn. Tiến bây giờ sống một cuộc đời phong lưu nhàn nhã lắm. Anh ta đã tậu mấy cái nhà, một cái trại ở ngoài thành phố. Hảo đứng làm chủ một hiệu buôn to, cô Hảo ngày xưa lộng lẫy và vui tươi hôm cưới... Cuộc gặp gỡ hôm thứ bẩy, một thứ bẩy cách đây đã lâu, lại hiện ra rõ rệt trong trí nhớ Trường.

Buổi chiều hôm ấy chàng ở sở về, người mệt mỏi và chán nản hơn mọi hôm. Sau mấy giờ làm việc trong một căn phòng chật hẹp và đầy sổ sách bám bụi, cảnh tấp nập và hoạt động của một buổi chiều đầu tháng ở ngoài đường rộn rập. Chàng theo những chiếc xe lịch sự đi về các phố lớn đông đúc, có những cửa hàng rực rỡ, phô bầy trong cửa kính tất cả những thức sang trọng và xa hoa nhất. Ở đấy, Trường nhìn ngắm cái giầu sang bao bọc lấy chàng. Trong đám đông người nhiều tiền ấy, Trường thấy mình như lạc loài vào một nơi xa lạ.

Rồi Trường vội đứng khuất vào trong bóng tối: chàng vừa mới thoáng trông thấy hai vợ chồng Hảo từ trên một chiếc ô tô bước xuống hè. Ánh đèn điện lấp lánh trên những đồ trang sức bằng vàng ngọc Hảo đeo trên người. Chàng nhận thấy Hảo vẫn xinh đẹp và trẻ tươi hơn trước, đôi môi hé nở, và một vẻ vui sướng phảng phất trên mặt nàng. Bên cạnh, Tiến bệ vệ và măn nguyện trong bộ quần áo mới rất sang trọng, đi từng bước thong thả và chắc chắn. Hai vợ chồng cùng vào một cửa hàng.

Khi họ đi qua trước mặt, Trường vội cúi đầu lẩn tránh. Chàng không muốn để cho Tiến trông thấy. Tự nhiên mà chàng cũng không ngăn giữ được mình, Trường thấy xấu hổ và e thẹn cho cái nghèo của chàng. Bộ quần áo chàng đang mặc bỗng trở nên tiều tụy khác thường. Chàng lẳng lặng rẽ sang phố khác.

Bây giờ nhớ lại cuộc gặp gỡ ấy, Trường vẫn thấy nửa khó chịu và nửa bực tức. Hình như cái địa vị của Tiến đáng lẽ là của chàng; chàng nghĩ đến Trinh; chính nàng đã mang sự nghèo khổ đến cho chàng. Nếu không có Trinh, có lẽ đời chàng đã thành khác hẳn. Lần đầu, Trường thấy Trinh chỉ là một cái gánh nặng trên vai, một cái trở lực cho đời sung sướng và đầy đủ mà chàng ao ước.

Máu trên thái dương chàng đập mạnh; một mối căm giận bốc lên đầu như ngọn lửa, Trường bực cho mình đã thơ ngây và mơ

mộng quá... Thơ ngây! Miệng chàng tự nhiên nhếch lên chua chát khi nghĩ đến người thiếu niên say sưa tình ái dưới giàn hoa. Kỷ niệm của những ngày trong sáng và chân thật ở An Lâm không làm cho Trường cảm động nữa; chàng lắc đầu xua đuổi các hình ảnh cũ, cúi mình trước gió lạnh thổi từ ngoài sông vào và dẫn bước mau trở về nhà.

Lên khỏi bực cầu thang, Trường trông thấy bóng Trinh đương đứng trước tấm gương treo, tay với lên đầu sửa mái tóc. Nghe tiếng chân của Trường, nàng vội vàng quay lưng lại, rồi đến nằm ngả mình trên giường, hai tay vòng để dưới gáy, lặng yên nhìn chồng đi vào. Hai má nàng hồng hào, miệng chúm chím, và một vẻ tinh nghịch, sung sướng, long lanh đôi mắt của nàng.

Nhưng Trường không trông thấy. Chàng đứng dừng ngay lại, đưa mắt nhìn quanh gian phòng, ngạc nhiên: những đồ đạc trong nhà đều xếp đặt lại hết cả. Bộ bàn ghế giữa buồng đã kê vào một bên, cái tủ con để sang phía trái, chiếc giường ngủ kê sát vào phía tường bên trong. Những đồ lặt vặt, vô giá trị và tồi tàn, cũng đều đã thay đổi chỗ hết cả. Cách xếp đặt mới, tuy vậy, không hơn gì cách bầy biện cũ, lại có phần vụng về và khiến căn phòng chật chội hơn.

Trường chưa kịp cất tiếng hỏi, Trinh đã nhoẻn cười nói:

– Anh xem tôi kê lại có đẹp không?

Nàng vẫn nằm yên trên giường vì muốn khoe với chồng đôi chiếu nàng mới mua. Suốt cả buổi chiều, Trinh loay hoay trải đi trải lại chiếc chiếu cho ngay ngắn, chắc thế nào Trường về cũng tỏ ý bằng lòng. Trong trí nghĩ giản dị của nàng, đôi chiếu mới là biểu hiện của sự hòa thuận vui vẻ trong gia đình. Nàng đợi chồng, nóng ruột muốn nói cho chàng biết. Nhưng giờ thấy nét mặt giận dữ của Trường nàng lại lưỡng lự không dám hé răng. Mắt nàng đưa theo từng cử chỉ của chồng không chớp.

Trường treo mũ lên mắc rồi đi lại vài bước. Vẻ chật hẹp của căn buồng và không khí nặng nề đè nén khiến chàng khó thở và bứt rứt. Chàng nhìn, những đồ đạc tiều tụy lại càng làm cho Trường

khó chịu. Những thứ xấu xí như thế thì xếp đặt lại làm gì? Trường tự nhiên thấy cơn giận đưa lên. Chàng hỏi xẵng:

– Ai bảo kê lại? Sao không để nguyên như cũ?

Trinh ngạc nhiên nhìn chồng. Giọng giận dữ của Trường khiến nàng không hiểu:

– Tôi tưởng kê lại cho nó đẹp.

Trường nhắc lại, dằn mạnh từng tiếng:

– Đẹp! Cô biết thế nào là đẹp!

Nếu Trinh cứ yên lặng hay ngọt ngào đáp lại, thì hai vợ chồng có lẽ lại trở nên hòa thuận. Nhưng nàng không chịu được sự vô lý của Trường, bỏ giường vùng đứng dậy miệng lẩm bẩm phàn nàn:

– Hôm nào về cũng gắt với mắng. Không hiểu độ này làm sao thế!

Nàng vấn lại tóc, bước ra ngoài hiên. Trường nhìn theo, nhún vai. Bao nhiêu những tức tối bực dọc mà chàng cảm thấy khi trông cảnh giầu sang của người khác chàng đem quy lỗi cả cho vợ. Hình như Trinh đã làm thiệt chàng thì không có quyền phàn nàn gì nữa. Chẳng phải vì nàng mà chàng phải chịu sống cuộc đời tối tăm ư?

Chàng lên tiếng gọi ác nghiệt:

– Không vào đây cất dọn đi, còn đứng ngoài ấy làm gì nữa?

Chàng cúi mình thấy trên giường có trải chiếc chiếu mới nguyên, cạp vải đỏ, một màu đỏ rợ.

– Còn cái chiếu này nữa, vứt nó ra ngoài kia!

Trường đưa mắt nhìn Trinh, thấy nàng uất ức sắp khóc. Sự đó làm tăng cái khó chịu của chàng. Trường đem hết cả những nỗi bực tức của mình ra lời nói, tiếng chàng mỗi lúc một thêm gay gắt, chàng như say sưa vì cơn giận mạnh của mình.

– Cô tưởng tôi sung sướng lắm đấy! Suốt ngày đầu tối mặt tắt để làm việc, về đến nhà trông thấy cái cảnh tiều tụy này mà buồn. Tôi chán lắm rồi, khó chịu lắm rồi, không thiết gì nữa.

Chàng nhắc đi nhắc lại: – Chán lắm, chán lắm...

Trinh tay ôm lấy mặt, nín lặng. Một lát nàng khẽ đáp qua nước mắt:

– Anh chán thì tôi cũng phải chịu. Có phải tại lỗi ở tôi đâu... Những tiếng nức lên nghẹn ngào rồi vỡ ra trong cổ họng nàng. Nước mắt nàng trào ra má: – Nếu tôi biết nông nỗi như thế này thì thà rằng chả lấy nhau cho xong.

– Thì ai bảo lấy? Tôi có cầu đâu.

Trường không nhớ đến tấm tình yêu đằm thắm và trong sáng ngày xưa nữa. Bây giờ chàng chỉ thấy cái kết quả khổ sở của cuộc nhân duyên mà chính chàng đã muốn. Trường trách nàng đã bằng lòng nhận lời, điều mà chính chàng xưa kia đã hết sức yêu cầu nàng nhận. Chàng giận Trinh vì chính sự quyết định của chàng.

Mai đang ngủ giật mình tỉnh dậy cất tiếng khóc, Trinh trở vào ôm con lên lòng, ngồi xuống giường cho con bú. Nàng nắm chặt lấy tay con, thổn thức:

– Bây giờ anh muốn làm thế nào, tôi cũng xin chịu. Tôi chẳng dám kêu ca gì bởi tôi biết thân phận tôi nghèo hèn, không đủ cho anh quý...

Nàng òa lên khóc. Nước mắt rỏ xuống ướt cả má đứa bé. Trinh lấy khăn lau cho con; Mai giơ tay lên với mấy sợi tóc buông xõa, và ngây thơ không biết cơn giông tố đang chia rẽ hai người, mỉm cười nhìn mẹ. Thấy nụ cười của con, Trinh xót xa trong ruột, chỉ muốn chết ngay đi để tránh khỏi những nỗi đau đớn đang vò xé lòng nàng.

Trường đi lại, bối rối. Chàng thoáng thấy trong thâm tâm cái ác nghiệt vô lý và hèn nhát của mình nhưng chàng vội tránh không nghĩ đến. Chàng muốn đến bên vợ, an ủi và xin lỗi nàng, nhưng một ý nghĩ xấu cứ giữ chàng lại. Trường chỉ thấy đưa mình vào quãng trống rỗng buồn nản, và cảm thấy một sự mệt mỏi mênh mang, cả người lẫn trí óc. Chàng không muốn để ý đến việc gì nữa, không muốn nghĩ đến việc gì nữa. Chàng nằm xuống giường, để tay qua ngực và lắng nghe tiếng tích tắc của đồng hồ, từng giọt, từng giọt một, rỏ sự yên tĩnh trên tâm hồn chàng.

Đêm đã khuya. Trinh khẽ đặt con ngủ, rồi buông màn xuống. Những cử chỉ của nàng thong thả và lặng lẽ, các sự săn sóc ấy nhắc Trinh nhớ lại những kỷ niệm êm đẹp khi vợ chồng mới lấy nhau.

Tủi thân nàng lại không cầm được nước mắt, vội bước ra ngoài hiên, gục xuống bao lơn khóc.

Tâm hồn giản dị, nàng không hiểu được cái phiền phức của lòng Trường, và như thế, nàng càng đau khổ hơn: Những nỗi băn khoăn của chồng, mà Trinh đoán thấy bấy lâu nay, khiến nàng phải nghĩ ngợi, tuy nàng không biết duyên cớ bởi vì đâu. Trinh cảm thấy một mối lo sợ không rõ rệt lẩn quẩn trong tâm trí nàng, như trước một tai nạn sắp xảy ra.

Nàng chỉ âm thầm đau khổ mà không lúc nào có ý oán trách Trường. Nàng oán giận sao được? Nàng vẫn yêu Trường, như nàng yêu ngay từ lúc bắt đầu mới gặp chàng. Lòng yêu của nàng không giảm bớt chút nào; nàng không thể tưởng tượng được sẽ không yêu chàng nữa. Cái tình yêu đã làm rung động cả linh hồn Trinh trong buổi nói chuyện dưới bóng trăng bên giàn hoa lý, bây giờ đổi thành một tình cảm bình tĩnh và vững bền, sâu xa đến lẫn cả với những ý nghĩ, những ham muốn tận trong thâm tâm. Và ái tình đó đối với nàng thật ra mật thiết và tự nhiên quá, như sự sống của nàng, khiến Trinh không bao giờ nghĩ đến cách làm biểu lộ ra. Nàng không có những cử chỉ bồng bột, những dáng điệu hay lời nói ái ân, nhưng mỗi khi nhìn chồng, đôi mắt của nàng lại sáng lên và đắm đuối trong tình yêu mến.

Thế mà bây giờ... Bây giờ Trinh thấy rằng hạnh phúc của nàng đã gần lung lay sắp đổ. Tâm sự của Trường giờ đối với nàng trở nên bí mật, nàng không hiểu rõ nữa. Giữa hai vợ chồng không còn sự tin cẩn ngây thơ và sáng sủa như trước kia, mỗi ý nghĩ hay tư tưởng của Trường đều có phản chiếu và vang động ở lòng nàng. Mỗi ngày Trường đối với nàng xa lạ hơn một chút, và Trinh đau khổ vì không biết làm gì trước sự đau khổ của chồng. Những nỗi buồn của nàng lắng xuống, và trong tâm hồn giản dị của Trinh bắt đầu dâng lên một chút vị chua cay và chán nản. Nàng muốn gần chồng để yêu mến bao nhiêu...

Tiếng cửa mở ở dưới nhà kêu lên trong tĩnh mịch của đêm khuya. Trinh cúi mình trên bao lơn nhìn xuống. Nàng thấy Trường ở trong cửa bước ra, vừa đi nhanh vừa mặc áo. Trinh toan cất tiếng

gọi, nhưng tiếng nói nghẹn lại trong cổ họng. Nàng ngồi phịch xuống ghế, nhìn theo Trường đi khuất vào bóng tối.

Gió lạnh ở đâu đưa đến làm Trinh rùng mình. Nàng đứng dậy vào trong nhà. Căn phòng bỗng vắng vẻ và buồn rầu lạ, chỉ còn đầy tiếng tích tách thong thả của chiếc đồng hồ. Trinh bước tới bên giường, kéo chăn lên đắp cho con. Mai đang ngủ, mỉm một nụ cười trên cái miệng xinh như mơ một sự gì vui vẻ. Đứa bé với tay sờ soạng rồi nắm chặt lấy tay mẹ. Trinh để yên bàn tay bé nhỏ của con trong tay nàng, rón rén ngồi rồi thấy trong lòng bỗng rung động bao nhiêu nỗi xót thương, nàng lại cúi đầu lặng lẽ để nước mắt tràn thấm áo.

8.

Vừa bước chân vào trong nhà, Trinh đã vội vàng vứt gói thuốc trên bàn, chạy đến bên chiếc giường con kê sát tường. Nàng đẩy vú em ra, cúi xuống vén tấm màn nhìn vào: dưới mấy lần chăn mỏng, Mai đang nằm ngủ yên, tay để dưới đầu.

– Em đã đỡ chưa vú?

Người vú khẽ trả lời:

– Chưa, mợ ạ. Từ lúc mợ đi đến giờ, hình như em lại sốt thêm lên nữa.

Trinh lo sợ, để tay lên trán đứa bé: nàng thấy nóng rực và ướt đẫm mồ hôi.

– Chết chửa, bây giờ làm thế nào hở vú? Hay là thôi không cho uống thuốc ông lang ấy nữa. Đã hai thang rồi mà không thấy chuyển.

Vú em mân mê tà áo. Một lát mới nói:

– Thuốc mợ lấy về để đâu? Hay cứ cho em uống thêm một bát nữa xem sao.

– Ở trên bàn kia. Vú ra lấy mà sắc.

Người vú vừa quay đi, Trinh đã gọi giật lại hỏi:

– Buổi trưa cậu có về không?

– Thưa có. Mợ đi một lát thì cậu con về ngay.

Trinh ngập ngừng. Nàng không muốn hỏi câu nàng định hỏi, một linh khiếu như báo trước cho nàng biết câu trả lời của người vú sẽ khiến nàng thất vọng và buồn rầu. Nhưng nàng không thể ngăn mình:

– Thế u có nói là em lại sốt thêm không?

– Có ạ. Nhưng con vừa nói thì cậu gắt, rồi lại mặc áo đi ngay.

– Thôi được, u đem thuốc xuống sắc cho em đi.

Nàng thở dài, ngồi xuống chiếc ghế để bên giường rồi vắt chiếc màn lên hai bên. Ánh sáng ở khe cửa chiếu vào: Trinh nhận rõ thấy con xanh xao quá. Đứa bé thở hổn hển như mệt nhọc, thỉnh thoảng tay nắm chặt lấy mép chăn. Trinh cúi mình khẽ vuốt tóc Mai. Lòng mẹ cảm động và lo sợ trước vẻ ốm yếu của con.

– Khổ cho con tôi quá!

Trinh rơm rớm nước mắt khóc. Đứa bé sốt đã ba ngày hôm nay rồi, mà Trường vẫn không để ý đến. Ở sở về, chàng ăn cơm xong lại đi ngay, nét mặt lúc nào cũng như giận dữ, khiến nàng sợ không dám hỏi. Chiều hôm qua, Mai sốt quá, nàng lo lắng nhìn Trường sửa soạn đi. Khi chàng sắp bước xuống cầu thang, nàng mới rụt rè sẽ hỏi:

– Này anh, nó sốt quá.

Trường quay lại vội vàng đáp:

– À... nó cảm đấy chứ làm sao. Mua thuốc cho nó uống.

– Nhưng... anh...

Trinh ngừng bặt không nói tiếp, vì Trường đã bước xuống dưới nhà rồi. Nàng lắng nghe tiếng giầy của Trường đi ra cửa, lòng nàng se lại.

Suốt cả một đêm, nàng đã thức trông con. Trong cái tĩnh mịch của ban đêm bao nhiêu ý nghĩ băn khoăn đến ám ảnh. Trinh nhớ lại tất cả quãng đời từ khi mới lấy nhau. Những ngày sung sướng hình như đã xa xăm lắm. Trinh chỉ thấy rõ rệt những hình ảnh buồn rầu gần đây, những lúc hai vợ chồng giận nhau, những buổi nàng khóc thầm một mình bên ngọn đèn.

Tiếng Mai gọi làm nàng sực tỉnh. Nàng bế con lên ẵm vào lòng. Mai ôm chặt lấy mẹ, đòi bú. Trong mấy ngày, đứa bé đã gầy hẳn đi. Không phải là đứa trẻ hồng hào và mũm mĩm vẫn tươi cười và đùa nghịch như mọi khi; Mai trông yếu ớt và nhỏ bé lại. Thấy con như thế, Trinh không cầm được lòng thương. Vậy mà Trường không săn sóc gì đến, cứ để mặc mình nàng trông nom lấy.

Trinh bỗng thấy ao ước một sự hy sinh để con nàng được chăm chút hơn. Nàng muốn chịu khổ sở, chịu đau đớn cho Mai được sung sướng. Ý tưởng rời bỏ nhà này, trở về quê sống cái đời đơn sơ như trước, thoáng qua trong trí nàng. Trinh không muốn cho Trường phải khó chịu vì mình nữa. Nàng chỉ nghĩ đến cách làm cho chàng được vui lòng, còn về phần nàng, Trinh sẵn sàng chịu cái cảnh nghèo nàn. Nàng đã quen với cái nghèo rồi.

Vú em ở dưới nhà bưng lên bát thuốc để trên bàn, gọi chủ:

– Thưa thuốc đây, mợ cho em uống.

Trinh nâng con dậy, đưa bát thuốc ra trước mặt.

Thuốc đắng, Mai không chịu uống, hất tay mẹ rồi giẫy giụa khóc, Trinh âu yếm dỗ:

– Uống đi con, chóng ngoan. Uống cho khỏi sốt.

Nàng nói dối:

– Con chịu khó uống đi, rồi cậu về cậu mua bánh cho con nhé...

Nhưng Trinh ngừng lại. Nàng chua xót vì đã phải nói dối con. Đã mấy hôm nay, Trường không về tới nhà nữa. Nàng thấy nước mắt tràn lên mi, vội ôm Mai vào lòng, sờ lên trán đứa bé:

– Con tôi còn sốt quá.

Ngoài kia, ngày đã về chiều, Trinh nghe thấy trong các gian nhà bên cạnh, tiếng cười nói của những người đi làm về, và tiếng mâm bát sửa soạn bữa cơm. Càng về tối, gió lại càng lạnh lẽo thêm.

Người vú em bỗng hỏi vu vơ:

– Không biết cậu con đi đâu mợ nhỉ? Em ốm mà cậu cũng không chịu về.

Thấy Trinh lặng thinh không trả lời, vú em kể thêm:

– Con bác Hai ở dưới nhà cũng sốt đấy. Bác ta thương con đáo để; đi làm về một cái là chạy đến săn sóc đứa bé ngay. Bác Hai gái chả phải làm gì tất cả.

Trinh chép miệng, và tự thấy mình ao ước cái cảnh tầm thường ấy:

– Vợ chồng người ta như thế mà sướng. Tuy nghèo khổ nhưng lúc nào cũng hòa hợp vui vẻ. Chẳng như nhà mình...

Trinh không nói được nữa. Nàng nghẹn ngào cúi mặt xuống. Vú em thấy gợi đến việc buồn trong nhà, cũng nói lảng sang chuyện khác:

– Đã lâu nay, sao bà không lên chơi, hở mợ?

– Ừ nhỉ. Tôi quên khuấy đi mất. Để phải gửi giấy về mời mẹ tôi lên đây ít lâu mới được.

– Chắc bà con bận buôn bán hẳn. Dạo này ngày mùa.

Nghĩ đến mẹ, Trinh động lòng thương. Từ khi nàng đi lấy chồng. Trinh ít có dịp về thăm mẹ và em, mà bà Nhì cũng không mấy khi đến chơi nhà nàng. Vì mỗi khi đến thấy Trường gắt gỏng và hình như có ý không muốn tiếp, nên bà không ở lâu.

Trinh thở dài, buồn cho mẹ đã già mà vẫn còn phải xuôi ngược buôn bán để nuôi Bích ăn học. Trước kia, ngày còn ở An Lâm, nàng vẫn giúp đỡ mẹ; hai mẹ con làm lụng tuy vất vả, nhưng vui sướng có nhau. Bây giờ thì không ai giúp đỡ nữa.

Nàng tưởng tượng những buổi sớm trời còn tối, sương ướt và gió rét, mẹ nàng đã phải trở dậy đi cân gạo bên kia sông. Không biết em Bích có chịu khó ra sân lấy nước mưa để pha trà cho mẹ uống không? Trinh nhớ lại những buổi sáng ấy, cái cảm giác của nước lạnh cắn vào da, ngọn lửa ấm áp trong chiếc hỏa lò và tiếng reo vui của nước sôi. Bên cạnh ngọn đèn, nàng và mẹ nàng ngồi uống chè nóng, và sửa soạn để đi.

Nàng lại nhìn thấy mái tóc đã bạc phơ của mẹ và bàn tay gầy nhỏ và răn reo, rất dịu dàng mỗi khi đặt lên vai nàng.

Trong tâm trí Trinh đang bàng hoàng vì đau khổ, hình ảnh người mẹ già nua hiền từ nổi dậy, sáng láng bởi lòng thương rộng

rãi, bao nhiêu tha thứ và mến yêu... Tự nhiên, nàng nghĩ trở về mẹ, như ngày còn bé ẩn náu dưới cánh tay tìm sự an ủi và che chở...

– Mẹ!...

Nàng tưởng có mẹ gần gụi ở đâu đây. Trinh thấy bớt cô độc trong gian phòng vắng vẻ, và những giọt nước mắt từ từ thấm ướt vạt áo nàng.

9.

Đã mấy hôm nay tâm trí Trường hỗn độn vì nhiều ý nghĩ. Nhưng không phải chàng băn khoăn về những thèm muốn giầu sang ẩn nấp trong lòng chàng nữa. Trường băn khoăn vì cảm thấy mình đã nhỏ nhen và vô lý quá trong khi đối với vợ. Cuộc cãi nhau hôm trước làm cho chàng hối hận, và Trường thấy cảm động ứa nước mắt mỗi khi nghĩ đến.

Chàng nhớ dáng điệu của Trinh, vẻ tinh nghịch trong mắt khi nàng nằm trên giường đợi chàng về. Đáng thương! Trinh đã tưởng làm vui lòng chàng với đôi chiếu mới mua, nàng đã đem trải cẩn thận trên chiếc giường hai người nằm. Trong cái cử chỉ trẻ thơ ấy, Trường nhận thấy bao nhiêu âu yếu đối với chàng; lòng chàng nao nao khi nghĩ đến điều ước mong giản dị và chân thật của Trinh, ước mong một gia đình đầm ấm trong sự thanh bần. Nàng đã quen với cái nghèo đi rồi và không thấy khó chịu vì đấy nữa. Nàng vẫn là cô gái chất phác ở An Lâm, với tấm ái tình trong sạch. Chính Trường đã đem nỗi băn khoăn của chàng đến làm lay động lòng yêu của vợ, bình tĩnh như mặt nước hồ sâu. Trường thấy bao nhiêu lỗi đều về phần mình cả. Nhưng chàng mới nhận biết như thế.

Chàng không muốn tự suy xét mình hơn nữa, không muốn nghĩ lâu về tâm trạng của chàng.

Trường tìm cách quên đi, và tránh không về nhà để khỏi nhắc lại những hành vi nhỏ nhen ấy. Luôn mấy hôm nay, Trường đi chơi bời với các chúng bạn, song những cuộc vui chơi ấy chỉ để lại trong tâm hồn chàng một dư vị chua chát thêm.

Hôm nay ở sở ra, Trường đi lẫn vào trong đám người cùng đi làm về như chàng. Trời đã gần tối, buổi chiều lạnh và ẩm ướt bao

phủ trên thành phố. Không biết bao nhiêu buổi chiều đã buồn bã như buổi chiều này, mà chàng cũng đi làm về, lòng chán nản và bực tức.

Trường nhìn vào một cửa hàng xem đồng hồ. Đã hơn bẩy giờ rồi, chắc bây giờ Trinh đang mong đợi chàng ở nhà. Trường nghĩ đến đứa con ốm, đến nỗi lo sợ của vợ. Bây giờ chàng chỉ thấy thương. Trường rảo bước đi mau, muốn về ngay tới nhà để an ủi vợ, săn sóc Mai. Chàng nóng muốn san sẻ ngay lòng yêu mến mà chàng bỗng thấy tràn ngập trong người.

Nhưng đến khi rẽ vào ngõ, chàng đi chậm lại. Bước chân chàng trở nên lưỡng lự và không quả quyết. Trường tưởng trông thấy đôi mắt đầy ý oán trách của Trinh, và đứa con ốm yếu. Tự nhiên Trường không muốn trở về nhà nữa. Chàng tự mình thấy xấu hổ cho mình.

Trường quay ra phía bờ sông. Con đường dài dưới ánh đèn trông buồn rầu vắng lặng. Qua bên kia đê, quãng không tối đen như mực, thăm thẳm và rộng rãi. Nhưng Trường thấy hơi gió thoáng lại lạnh như đã qua chỗ khoảng rộng trên mặt sông. Và trong lòng chàng, chàng cảm thấy trên cái đêm tối của những ham muốn nhỏ nhen thoảng qua từ chỗ sâu xa tận tâm hồn đưa lại, một tình cảm mát mẻ và yêu đương, như hương thơm của những ngày tươi sáng đã lâu khi hai người mới biết nhau.

Trường cứ theo phố bờ sông rẽ sang vườn hoa hàng Đậu. Chàng sực nhớ đến Quang, một người bạn cũ, đã dặn chàng đến chơi ở phố này. Quang cùng học với chàng ngày ở An Lâm. Nhà cũng nghèo như nhà chàng. Quang với Trường là hai anh em bạn thân nhất trong lớp. Nhưng từ khi Trường lên Hà Nội chàng không được gặp nữa. Mãi tối chủ nhật trước, Trường đương đi vơ vẩn ở giữa phố, có người đến vỗ vai:

– Trường đấy à?

Chàng quay lại, thấy trước mặt mình một người thấp bé, ăn mặc sang trọng mà chàng ngờ ngợ quen. Chàng chưa kịp hỏi, người kia đã nói:

– Quang đây mà. Quên tôi rồi à?

Lúc bấy giờ Trường mới nhận ra người bạn cũ. Chàng yên lặng ngạc nhiên nhìn Quang từ đầu đến chân. Người bạn bây giờ đã thay đổi; không phải Quang gầy gò và ăn mặc lôi thôi ngày trước. Trường chỉ thấy một người sang trọng, vẻ mặt mãn nguyện và kiêu ngạo.

– Bây giờ anh làm gì? Mà đi lang thang thế?

Bỗng nhiên, Trường sinh ghét. Điềm đạm lại, chàng trả lời:

– Vẫn làm như thường, còn anh?

Một cái cười rộng rãi làm toét miệng, Quang đáp:

– Tôi hiện làm chủ một hãng buôn lớn ở đây.

Trường không trả lời. Chàng tự thấy ngượng nghịu, không biết nói gì thêm. Hai người đứng nhìn nhau một phút.

Rồi Quang giơ tay bắt tay Trường, lay mạnh và nói:

– Thôi, anh đi. Độ này tôi bận lắm. Trường quay đi, Quang mới nói với: Hôm nào anh lại chơi, nhà tôi ở số 50 hàng Đậu.

Lúc ấy, Trường không để ý đến. Chàng không thấy chút cảm tình gì đối với Quang cả. Nhưng bây giờ, Trường bỗng nhiên có ý muốn đến thăm người bạn cũ, chàng ngẩng lên tìm số nhà.

Chàng vừa gõ cửa, vừa nhớ lại hình dáng Quang trong buổi gặp gỡ. Cánh cửa mở ra, thân hình to béo của Quang che lấp làn ánh sáng.

– Ai đấy? À... anh Trường. Mời anh vào chơi.

Trường bước vào. Ánh đèn rực rỡ làm chàng chói mắt. Trong nhà bầy biện rất sang: sập gụ, tủ chè và một bộ ghế mặt đá kiểu Tầu. Trên tường treo la liệt những câu đối, bức thêu và các tranh ảnh, còn ở dưới không có một chỗ hở nào là không bày cái lọ cổ hay cái đôn sứ. Trường sắp bước, Quang đã giơ tay vội, ngăn:

– Ấy, anh đi phía này. Chỗ ấy khéo chạm phải cái đôn.

Rồi Quang nhe răng cười, giảng giải:

– Hôm nọ thằng người nhà tôi tôi vô ý đi lối ấy làm rơi vỡ mất cái chóe cổ. Cái chóe đời nhà Minh anh ạ, có người trả tôi trăm bạc tôi không bán.

Trường cũng cười để lấy lòng bạn, nói:

– Sao nhà anh lắm đồ cổ thế?

Quang sung sướng, đôi mắt hơi híp lại:

– Phải không, anh? Những đồ này toàn là thứ có giá trị cả, tôi mất nhiều công tìm kiếm mãi mới được. Đây, anh xem đôi lọ này, tôi mới mua lại của một quan Châu trên mạn ngược đấy.

Quang cầm tay Trường dắt lại trước đôi lọ sứ rồi bắt đầu vào một sự cắt nghĩa dài về cái khéo léo của người Tầu, về nước men và nét vẽ trên những đồ sứ cổ. Trường nghe thấy rặt những câu sáo cả, mà Quang có lẽ học được của những người đã bán thứ ấy cho anh ta. Vì Trường biết chắc rằng Quang không hiểu một chút gì về mỹ thuật.

Chàng lặng yên đứng nghe Quang nói, trong trí bỗng hiện hình ảnh của Quang ngày trước, khi anh ta còn là một người học trò nghèo nàn. Trường không nhận thấy bạn cũ trong con người to béo đang nói bên cạnh chàng nữa.

Ý chừng biết mình bắt khách đứng ngắm cái lọ sứ cũng đã lâu, Quang mời Trường ngồi xuống ghế:

– Anh ngồi chơi. Rồi cất tiếng dõng dạc gọi thằng nhỏ pha nước:

– Trường vội bảo:

– Anh đừng cho uống nước nữa. Tôi không khát.

– Ấy, phải uống chứ. Chè Tầu đấy thôi mà.

Rồi Quang xoa tay ngồi xuống ghế trước mặt Trường.

– À, thế nào... à quên, bây giờ anh làm gì?

Có lẽ là một thói quen của Quang, vì Trường đã nghe thấy hỏi câu này rồi. Một lần nữa chàng trả lời:

– Tôi vẫn đi làm như thường.

Câu trả lời không rõ rệt. Quang cũng chẳng để ý đến lắm, cúi xuống sửa soạn bộ ấm tách trên bàn, còn Trường ngước mắt nhìn lên cái hoành phi treo sát trần nhà. Chàng tự hỏi không biết mình đến đây để làm gì.

Như chợt nhớ ra, Quang nhìn Trường hỏi:

– Hình như trước anh học ở Cao đẳng kia mà. Sao lại bỏ?

Trường khoát tay một cách vơ vẩn, Quang tiếp:

– Anh thật dại. Cứ học rồi ra làm Tham biện có hơn không. Đấy con ông chánh Vị ấy mà, anh còn nhớ không? Bây giờ đã lên Tham tá hạng nhất rồi đấy. Hôm nọ tôi mới gặp đi với ông Huyện ở An Lâm.

Tiếng An Lâm nhắc Trường nhớ lại những buổi đi học cùng với Quang ở trường làng, cái trường nhỏ nhắn nấp dưới gốc bàng, nhớ lại ông giáo đầu tóc bạc và hiền từ, những vẻ mặt anh em bạn cũ, phần nhiều là những người quê mùa và giản dị, hiện bây giờ vẫn sống một cuộc đời thượng ở thôn quê. Chàng cảm động hỏi Quang:

– Anh còn nhớ trường học ở An Lâm không nhỉ? Những anh em bạn học cũ không biết có ai ở trên này không?

Quang so vai đáp:

– Anh nhắc đến cái trường ấy làm gì. Trường thì dột và thấp. Tôi ngày sau có con thì nhất định cho học trường tỉnh. Với lại để nó chung đụng với đám con người nhà quê ấy chúng nó sinh đần ra. Có phải không anh?

– Có lẽ.

Trường hững hờ đáp lại, mơ màng. Chàng nghĩ Quang trước kia cũng là một đứa trẻ học trò nhà quê đần độn, mẹ Quang là một người hàng sáo đảm đang buôn bán nuôi con. Trường thấy rằng nếu bây giờ chàng nhắc đến cái nghề của bà cụ khi xưa, chắc Quang sẽ lấy làm xấu hổ.

Chàng hỏi:

– Bây giờ cụ bà cũng ở trên này?

– Vâng, tôi đón mẹ tôi lên trên này ở với tôi cho tiện. Mẹ tôi cứ không muốn lên; bà cụ người cổ ở đâu quen đó, không chịu đi đâu sất cả. Tôi phải nói khẩn khoản mãi mẹ tôi mới chịu. Chết cái ở dưới ấy họ hàng với người quen thuộc, họ hay đi lại nhờ vả lôi thôi lắm, tôi không thích. Thế mà có khi họ còn lên tận trên này nhờ tôi việc kia, việc nọ, thật phiền quá.

Trường không đáp, Quang hỏi thêm:

– Ấy, vừa mới hôm nọ ông giáo cũng lên đây. Anh còn nhớ không?

– Ông giáo dậy chúng ta trước chứ gì?

– Chính thế. Ông đến khẩn khoản xin vay mượn ít tiền. Từ độ ông về hưu kể cũng túng. Nhưng tôi lấy đâu ra mà cho vay mãi được.

Nhìn chàng, Quang cười, tiếp:

– Ông ta có kể tình nghĩa thầy trò cũ, và mẹ tôi cũng bảo cho ông ấy vay, nhưng tôi đã cho vay hai lần rồi chứ có phải không đâu. Tình nghĩa thì cũng phải có hạn. Mình tử tế quá người ta lại không biết cho đâu.

Trường đưa mắt qua những đồ vật sang trọng và quý giá bầy ở trong phòng, tưởng tượng cái dáng điệu khẩn khoản của ông giáo già nua. Chàng sực nhớ rằng trước kia ông giáo vẫn thương Quang là con nhà nghèo và thỉnh thoảng vẫn chu cấp cho giấy bút và sách vở. Trường chắc khi ông giáo đi rồi, bà mẹ Quang tất bị con rầy rà.

Chàng nhìn mặt Quang lúc bấy giờ thấy béo quá, đầy lòng kiêu căng và ích kỷ. Hai con mắt híp, với cái má phính, cái cổ ngắn biểu hiện những ham muốn vật dục được thỏa mãn. Trường thoáng nghĩ đến Quang ngày xưa, hồi còn ở An Lâm, một người trẻ tuổi cũng giầu những tính tình tốt đẹp như chàng.

Trường đứng dậy cầm lấy mũ rồi lãnh đạm bắt tay chủ nhân.

– Thôi, xin phép anh tôi về.

Quang niềm nở giữ lại:

– Ấy, anh ở chơi uống nước đã. Anh em mấy khi gặp nhau, chưa chi anh đã vội về.

Trường nghĩ những câu thân mật ấy có lẽ cũng là một thói quen của Quang, chứ không phải là những tình cảm thật thà. Trường thấy mình không có cái gì có thể khiến cho Quang thân thiết được. Chàng trả lời lấy lệ:

– Để khi khác, lo gì. Hôm nay tôi mắc bận.

Quang tiễn chàng ra cửa.

Chàng bước xuống hè, đi không ngoảnh lại. Trong căn phòng ấm cúng ra, chàng càng thấy lạnh thêm. Và phố xá giờ này đã vắng để Trường một mình với những ý nghĩ của chàng. Trường không xua

đuổi được hình ảnh con người ú mập và mãn nguyện, kiêu ngạo vì tiền của, vì mánh khóe nhẫn tâm của mình. Sự thay đổi của người bạn cũ khiến Trường buồn rầu và khinh bỉ lòng người. Anh học trò thơ ngây ngày trước bây giờ xấu hổ vì cái nghề hèn mọn của mẹ, hãnh diện vì đã thí vài đồng cho thầy học cũ. Tiếc thương chua chát và chán nản bỗng đượm vị trong lòng Trường. Chàng nghĩ rằng những người như Quang chỉ có một cái của quý nhất là sự nghèo nàn: của quí ấy, bây giờ Quang đã đánh mất rồi. Anh ta đã trở nên giầu...

Trường khép tà áo và se lòng lại trước gió lộng trên đường vắng. Mưa bụi đã rơi xuống phơi phới, như sương mù. Trường rẽ vào một cái ngõ con, ngập mình trong bóng tối như trong một cái gì mênh mang và dày đặc.

10.

Đã hai hôm bà Nhì ở nhà con rể. Nhận được thư của Trinh nói con ốm, bà tất tả lên ngay, để đến nơi thấy Trinh ngồi khóc bên cạnh giường đứa bé, Mai vẫn chưa khỏi, lại có phần ốm nặng thêm. Trinh lo sợ và thương con, suốt ngày chỉ quanh quẩn trong nhà. Nàng trông mong Trường không thấy về; trong căn phòng vắng, Trinh tự thấy trơ trọi và bé nhỏ quá; nàng vội nghĩ đến mẹ; và gửi thư nhắn bà Nhì lên trông nom săn sóc đứa trẻ giúp nàng. Cả ngày hôm ấy nàng đợi mẹ như hồi còn nhỏ có sự buồn bực gì, nàng đợi mẹ đi cân gạo về để được vài lời an ủi. Bà Nhì đến vừa cất tiếng hỏi:

– Cháu nó làm sao thế, con?

Trinh chưa đáp đã chạy lại gục vào lòng bà khóc nức nở. Nàng không cố giữ nước mắt nữa, cứ để cho tự nhiên chẩy trên gò má. Nàng khóc như ngày còn bé vẫn khóc trong lòng mẹ, và bao nhiêu nỗi uất ức đắng cay nàng phải chịu bấy lâu nay trào lên cổ họng nàng.

Bà Nhì đứng lặng nhìn Trinh khóc, bàng hoàng.

Bà đã tưởng rằng khi gả cho Trường, Trinh sẽ được sung sướng. Tiếng khóc của con bây giờ khiến bà bối rối. Bà sẽ nâng Trinh lên, dìu nàng đến cạnh giường.

– Làm sao thế, Trinh? Con đừng khóc nữa.

Trinh gạt nước mắt nhìn mẹ. Nàng thấy trên mặt bà Nhì hiện bao nhiêu vẻ xót thương. Đôi mắt hiền từ của bà đầy lệ và những vết răn trên trán giờ rõ rệt và sâu thêm. Trinh chợt nghĩ rằng mẹ mình đã đau đớn quá, đã chịu khổ nhiều quá, trước kia, và bây giờ khi thấy con gái yêu của bà không được sung sướng. Trinh vội nén ngay sự thổn thức lại trước nỗi đau khổ của mẹ. Nàng không muốn mẹ phải phiền não vì mình nữa, đời của mẹ nàng đã là một bài học vô cùng nhẫn nại cho nàng. Trinh cố mỉm một nụ cười yếu ớt và qua nước mắt, trả lời bà Nhì:

– Cháu nó ốm, con lo quá.

Nàng không dám nói những nỗi khổ của nàng phải chịu vì thái độ của Trường. Trinh phải nói thác rằng vì Mai ốm mà nàng buồn rầu. Nàng kể tiếp cho mẹ nghe:

– Cháu nó mệt đã hơn tuần lễ nay rồi, mẹ ạ. Con cho uống bao nhiêu thuốc mà vẫn không khỏi.

Bà Nhì nhìn nàng rồi sẽ lắc đầu. Bà biết tâm sự của Trinh, không phải khóc vì con ốm. Những lần đến chơi đã lâu, bà đã đoán được sự bất hòa giữa hai vợ chồng. Bà hiểu rằng Trường có lúc đã hối hận vì lấy nàng, và trách vợ đã là một trở lực trên bước đường tiến thủ của mình. Bà biết đó là một sự vô lý và không công bằng, nhưng bà không oán giận Trường bao giờ cả. Bà không hề có nghĩ đến phần lỗi về phần ai, bà chỉ thương Trinh vì thấy con khổ mà thôi.

Nhưng bà cũng không đả động gì đến chuyện ấy. Thấy Trinh đã nín khóc, bà chỉ hỏi:

– Cháu đâu con?

Trinh đưa mẹ đến cạnh giường Mai nằm. Đứa bé vẫn ngủ, đầu ngả trên chiếc gối bông trắng, mái tóc dài xõa xuống mặt. Mai trông ẻo lả và yếu ớt quá. Bà Nhì để tay lên trán đứa trẻ, lo lắng:

– Đầu nó hãy còn nóng lắm.

– Thưa mẹ, vâng. Cháu nó đến chiều là lại lên cơn sốt.

Hai mẹ con cùng ngồi xuống. Bà Nhì đưa mắt nhìn quanh gian buồng sơ sài và lạnh lẽo, ngập ngừng một lát rồi khẽ hỏi Trinh:

– Nhà con đâu mà bây giờ chưa về?

Trinh nhìn đồng hồ, trả lời:

– Mới có mười một giờ, nhà con cũng sắp về đấy ạ.

Bà Nhì thực thà bảo:

– Cậu ấy đi làm về trễ thế cơ à?

Trinh nói dối:

– Vâng. Có khi bận việc phải ở lại làm cả buổi trưa mới được nghỉ. Độ rày ở sở nhiều công việc lắm.

Nàng vừa nói vừa nghĩ không biết bây giờ Trường ở đâu, và hôm nay không biết chàng có về nhà không, hay lại đi biệt như mọi hôm. Trong lúc này, nàng vừa mong lại vừa sợ Trường về. Nàng sợ khi thấy bà Nhì, Trường lại tỏ vẻ không bằng lòng như mấy lần trước.

– Nhà con vẫn cứ bảo con viết thư về mời mẹ và em Bích lên chơi cho vui, nhưng con cũng chắc mẹ bận buôn bán chẳng lên luôn được.

Nàng thở dài. Sự săn sóc ấy có đã lâu lắm rồi, từ lúc mới lấy nhau. Hồi ấy Trường luôn luôn hỏi thăm tin tức mẹ và em nàng. Hễ có ngày nghỉ nào là Trường lại cùng nàng trở về An Lâm. Hai vợ chồng lại cùng nhau chơi đùa vui vẻ ở góc vườn, vun xới khóm cây mọc bên giàn hoa lý, và cùng nhau đi theo ven bờ sông Tiên ra tận cánh đồng cỏ rộng.

Song những ngày sung sướng đã không trở lại. Từ lúc Trường bỏ học ra ở riêng, từ lúc nghèo nàn đến ám ảnh cái gia đình bé nhỏ, thì thái độ Trường khác hẳn. Nàng thấy chồng lo nghĩ và buồn bực cho đến gần đây, sự lãnh đạm của Trường khiến nàng bắt đầu sống những ngày đau đớn.

Nàng nhớ lại tất cả quãng đời ấy lòng rối loạn. Trước mặt mẹ, nàng ấp úng muốn nói rõ cái ý định một hôm chán nản đã vụt đến trong trí nàng. Trinh muốn thưa với mẹ cùng trở về An Lâm, để trả lại tự do cho Trường. Nàng muốn hy sinh hạnh phúc của nàng để Trường được sung sướng, dẫu sự sung sướng ấy không phải chính

tay nàng được gầy nên. Nhưng Trinh không dám ngỏ thẳng ý ấy ngay với mẹ. Nàng nói thác:

– Mẹ ạ, hay cho cháu nó về quê có lẽ sẽ chóng khỏi. Vì ở trên này chật hẹp và không có chỗ thoáng khí. Con sợ vì thế mà cháu nó ốm lâu.

Bà Nhì ngẫm nghĩ một lát, rồi có vẻ lo ngại đáp:

– Con nói cũng phải. Nhưng con về thì ở trên này ai trông nom nhà cửa. Để cậu ấy ở một mình à?

Trinh bất giác trả lời chua chát:

– Con tưởng không hề gì. Nhà con lại thích ở một mình hơn là ở với vợ con.

Bà Nhì nhìn Trinh yên lặng. Trinh thấy hình như đôi mắt hiền từ của mẹ soi thấu tâm hồn nàng. Nàng cúi đầu xuống, với tay kéo lại chăn đắp cho con.

Một lát, bà Nhì mới cất tiếng dịu dàng, cái tiếng nói ngọt ngào và êm như ru mà Trinh hằng được nghe thấy luôn hồi còn nhỏ, khi nàng có lỗi gì mà bà sắp khuyên bảo. Nàng nhớ lại giọng nói ấy và cảm động.

– Con không nên nghĩ thế. Bây giờ con về, rồi cậu ấy nghĩ thế nào? Mẹ chắc con có điều gì giận nhau với chồng con hẳn.

Trinh ngồi yên không đáp. Bà Nhì nói tiếp:

– Vợ chồng thì thế nào chả có khi bất hòa, con ạ. Con cũng không nên lấy thế làm nghĩ ngợi. Với lại, con tưởng nếu về An Lâm, chồng con không nhớ thương con sao? Người ta có khi gần nhau thì giận dữ, nhưng xa nhau lại nhớ. Con nên nhẫn nại, và hết lòng thương con, thương chồng, thế nào rồi chẳng có ngày hai con lại yêu mến nhau như cũ.

Những lời khuyên giản dị ấy ở mẹ nói ra có một mãnh lực khiến Trinh nao nao trong dạ. Nàng tủi thân muốn khóc, những tiếng nức nở như sắp ở tận sâu trong lòng nàng đưa lên; nhưng cùng một lúc nàng thấy sự bình tĩnh êm dịu đến tràn vào tâm hồn. Nước mắt đầy lên khóe mắt nàng, nhưng Trinh cảm thấy là những giọt nước mắt nhẹ và trong. Nàng ngửng đầu nhìn ra ngoài; ánh sáng của mảnh trời xanh lóe qua hàng lông mi ướt những tia loáng

thắm màu rực rỡ. Hình như nỗi đau khổ đã bớt đè nặng đi trên vai nàng.

Mai trở mình rồi ngồi dậy với tay gọi mẹ.

Trinh ẵm con vào lòng, khẽ ru cho ngủ. Hai mẹ con không nói chuyện gì nữa. Bà Nhì mang cái thúng khâu ra gần chỗ cửa sổ sáng, giở những áo rách của Mai ra vá lại.

Trong căn phòng yên lặng, sự yên lặng như đứng lại của một buổi trưa. Tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ thong thả đều đều nghe rõ rệt, rồi bỗng nhiên, phím chẩm cầm trong đồng hồ bắt đầu buông ra những tiếng đàn lanh lảnh như từng giọt khẽ rơi xuống dòng nước của một cái suối con. Trinh thôi không hát; nàng lắng nghe khúc đàn du dương, tuy nàng đã nghe nhiều lần, nhưng không lần nào vang động trong lòng nàng như lần này. Nàng ẵm chặt con trong lòng, cái nóng ấm của đứa trẻ truyền sang người nàng như một cảm giác khoan khoái và dễ chịu. Trinh cúi nhìn con, lại nhớ đến Trường, vì con chàng giống chàng như đúc, cũng hàng lông mi dài che mắt và đôi lông mày vòng cung, đã nhiều lần vì giận dữ nhíu lại khiến nàng lo sợ. Tự nhiên Trinh thấy nổi dậy trong lòng những tình yêu mến mà nàng tưởng đã chìm xuống tâm hồn; nàng nghĩ đến Trường không biết bây giờ chàng ở đâu? Sao chàng không về để nàng được săn sóc và an ủi chàng, để chia sẻ cho chàng cái ấm cúng nàng thấy trong lòng? Trinh tự trách mình sao đã có ý muốn bỏ Trường mà đi; nàng nhìn mẹ và cảm ơn thầm bà Nhì đã khéo ngăn cản nàng.

Trinh kéo vạt áo ủ lại cho con. Mai cựa quậy nhưng vẫn nhắm mắt không tỉnh dậy. Tay đứa bé đưa lên nắm chặt tay mẹ. Trinh cúi xuống áp má vào trán con; nàng ngồi như thế với những kỷ niệm từ xa xôi dĩ vãng trở lại trong trí nàng.

Bà Nhì bỗng dừng kim chỉ, ngừng tay như đang có một ý nghĩ thoáng qua. Bà nhìn Trinh, toan nói một câu gì, nhưng lại thôi. Bà cúi xuống lục những mụn vải, vuốt kim trên mái tóc đã bạc, rồi lại cặm cụi vá những chiếc áo cũ của cháu.

11.

Chiều tối, trong nhà đã thắp đèn. Buổi chiều hơi lạnh, gió vi vút thổi trong khe lá cây như báo trước những ngày mưa gió lầm lội của mùa đông sắp tới. Bà Nhì khoác cái áo bông trên vai; bà đã nhiều tuổi nên rét sớm, và cứ mỗi mùa đông đến, bà lại thấy rét hơn lên một chút. Bà ngồi trên giường, để Trinh sửa soạn bữa cơm chiều vì đã hơn bẩy giờ tối.

– Năm nay trời rét lắm, con nhỉ?

Trinh nhìn mẹ:

– Thưa mẹ vâng.

Và như sực nghĩ sự gì, nàng hỏi:

– Năm nay mẹ có đi cân gạo nữa không?

Bà Nhì chép miệng trả lời:

– Con tính mua bán mấy năm nay thì ăn thua gì. Nhưng mẹ cũng phải đi cân chứ. Em Bích nó học trường trên bây giờ tốn kém lắm. Tiền mua sách vở giấy bút, nó xin luôn.

Trinh buồn rầu. Nàng thương mẹ đời đã về chiều vẫn còn phải vất vả.

– Em Bích dạo này có chịu học không mẹ? Mẹ phải bảo em nó cố học lên mới được, đã chậm mất một năm rồi.

– Không, độ rày hình như nó học cũng khá. Thầy giáo vẫn khen luôn.

Trinh vui mừng nghĩ đến em. Mẹ nàng lại nói:

– Nhưng giá nó được lên trên này ở gần cậu ấy rèn cặp cho thì chắc chóng tấn tới lắm.

Trinh không đáp, không dám nhận lời vì nàng chưa biết Trường có bằng lòng cho em nàng lên ở trên này không. Nàng nhìn đồng hồ, mong đợi.

– Đã gần 8 giờ rồi. Thôi mời mẹ đi ăn cơm trước đi, nhà con không biết lúc nào mới về.

Hai mẹ con đang ngồi ăn, bỗng Trinh lắng tai nghe rồi buông đũa đứng dậy:

– Có lẽ nhà con đã về đấy.

Nàng chạy ra chỗ cầu thang, thì vừa gặp Trường mở cửa bước vào. Trinh lùi lại một bước trước mặt chồng, nép vào phía tường. Nàng hỏi:

– Sao anh về muộn thế?

Rồi nàng tiếp luôn, tiếng nói rất khẽ, gần như không nghe thấy:

– Mẹ lên chơi đấy anh ạ.

Trường không trả lời. Ngay bấy giờ, Trinh nhận thấy nét mặt buồn bã và mệt nhọc của Trường, nàng động lòng thương, với lấy chiếc mũ trên tay chồng.

– Anh để em cất đi cho.

Bà Nhì cũng đã gác đũa đứng dậy. Bà nhìn Trường vồn vã:

– Cậu về ăn cơm. Tôi với em nó cũng vừa mới ngồi ăn thôi. Và bảo Trinh: – Con bảo nó lấy thêm bát đũa, đi.

Bà thân hành kéo chiếc ghế ra bảo Trường ngồi.

– Mẹ để mặc con.

– Sao cậu về muộn thế? Tôi cứ bảo để đợi cậu về ăn một thể cho vui, nhưng em nó cứ cố nài ép tôi ăn trước.

Bà nói như để tạ lỗi. Trường thấy ái ngại và tự thẹn: chàng đã đối đãi không tốt với người đàn bà mà nụ cười hiền hậu đã bao lần an ủi chàng ngày còn nhỏ. Cái việc thần tiên lại xẩy ra, Trường bỗng thấy một sự dịu ngọt không chừng ôm ấp tâm hồn như làn nước rất trong, và không ngăn được, giọng chàng tự nhiên trở nên kính mến và lễ phép:

– Vâng, mẹ cứ xơi cơm trước chứ đợi con thì biết đến bao giờ. Có khi đến khuya con mới được về.

Bà Nhì nhìn con rể, ân cần:

– Trong sở nhiều công việc lắm phải không? Trông độ này cậu xanh và gầy đi quá.

Lòng Trường dần thấy êm ả và dễ chịu. Chàng thấy thân yêu với bà Nhì hơn những lần trước và Trường cảm động, vì bà thực thà

muốn làm vui lòng chàng. Chàng hối hận đã lãnh đạm với bà trong bấy nhiêu lâu.

Bữa cơm hôm ấy thật vui vẻ. Trường ăn rất ngon miệng và trả lời thân mật những câu hỏi săn sóc của bà Nhì. Trinh là người sung sướng nhất. Nàng không giữ được nỗi mừng lấp lánh hiện ra trong mắt. Đã lâu nàng không được thấy quang cảnh này. Trinh không muốn ăn cơm nữa, nàng chỉ dựng đũa nhìn hai người nói chuyện. Nàng tưởng vẫn là bữa chiều trong gian nhà cổ ở An Lâm khi nàng với Trường mới gặp nhau. Thấy chồng đặt đũa, nàng khẩn khoản:

– Anh ăn thêm bát nữa. Độ này anh ăn thế chả trách người gầy đi được.

Nàng nhìn mẹ:

– Có phải dạo này nhà con yếu hơn trước phải không hở mẹ? Con đã khuyên uống thuốc, nhưng nhà con cứ nhất định không chịu uống.

– Cậu phải uống thuốc mới được. Không lỡ ra mỏi mệt quá thì khốn.

Trường cười đáp:

– Nhưng con có việc gì đâu? Vẫn mạnh khỏe như thường đấy chứ.

Chàng nắm chặt bàn tay, vén áo để lộ cánh tay dưới đèn, rồi quay tay uốn những thớ thịt. Trường thấy khỏe mạnh thật, một nguồn sinh lực mới đang chạy trong mạch máu chàng. Chàng nhìn Trinh, và lần đầu nhận thấy vợ gầy đi nhiều quá, nước da xanh nhợt và mắt có quầng thâm, tuy một chút hồng hào và vui mừng phơn phớt trên gò má. Trường thương hại:

– Có em phải uống thuốc thì có. Trông em yếu lắm.

Chàng để tay mình lên bàn tay Trinh ở trên ghế, sẽ nắm những ngón tay nàng, nhỏ bé và thon như búp măng. Chàng nhìn rõ vào mặt vợ. Trinh bỗng dưng e lệ, chớp những sợi lông mi dài rồi cúi xuống đất.

Hồi lâu nàng rút tay ra và kêu:

– Chết chửa, không biết con tôi đã dậy chưa?

Nàng đi lại gần buồng, vắt cửa màn bước lên giường. Bà Nhì trông theo con, bảo Trường:

– Cháu nó ốm làm sao mà mãi chưa khỏi. Xem chừng nó mệt lắm.

Trường sửng sốt không biết trả lời thế nào. Chàng đã quên không nghĩ đến con ốm nữa.

Lo sợ, chàng đứng dậy đến bên giường thấy Trinh ngồi ẵm con trong cái chăn quấn kín lấy chân đứa bé. Mai đã tỉnh nhưng có vẻ mệt nhọc, nghiêng đầu dựa vào tay mẹ. Hai con mắt mở to và long lanh như đang cơn sốt. Thấy Trường, Trinh nựng con:

– Mai, cậu đã về kia kìa.

Trường để tay lên trán đứa bé. Mai rụt cổ lại rồi ngửa đầu ra đằng sau, như khó chịu trong người lắm. Hai vợ chồng nhìn nhau, lo ngại. Trinh khẽ nói:

– Em nó mệt hôm nay là bẩy hôm rồi đấy.

Trường đáp:

– Mai anh phải mời đốc-tờ đến xem mới được.

Chàng ngồi xuống mép giường, buồn rầu. Mai ốm, mà chàng tự biết không thể làm gì cho con được. Và chàng nghĩ đến những ngày chàng không về tới nhà, cứ mặc Trinh một mình trông nom săn sóc đứa con. Trường hối hận vì lòng ích kỷ của chàng, chỉ băn khoăn đến cái sướng khổ của mình mà không nghĩ đến vợ. Trường cúi gần xuống nhìn con, lòng thấy rung động một tình thương sâu xa và thấm thía.

Trinh lặng lẽ trải đệm và sửa gối lại cho Mai. Nàng sẽ đặt con xuống, kéo chăn lên đắp cho đứa bé, rồi rón rén bước xuống đất, khép lại cẩn thận cửa màn. Nàng thì thầm bảo Trường:

– Khẽ để con ngủ, anh ạ.

Trường cũng rón rén đi lại ghế. Chàng ngồi xuống trước mặt bà Nhì, khoanh tay để trên mặt bàn, nghĩ ngợi.

Bà Nhì yên lặng nhìn Trường qua đôi kính trắng, sắp muốn nói một chuyện gì nhưng còn lưỡng lự. Đôi mắt bà thong thả chớp, và một vẻ nhân từ tỏa ra trên nét mặt già nua của bà. Rồi một nét

buồn thoáng qua khiến cho vẻ hiền từ của người mẹ già thêm đằm thắm và rộng rãi. Bà khẽ thở dài như chợt nghĩ đến những kỷ niệm đâu đâu trong cái ký vãng nhẫn nại và đau khổ hồi niên thiếu. Bà thôi nhìn Trường, đưa mắt theo Trinh đang đi lại dọn dẹp trong phòng. Trinh trông còn trẻ quá, còn thơ dại quá. Thân hình mảnh dẻ của nàng cũng yếu ớt và nhỏ bé như bà khi còn trẻ; nhưng trước kia bà đã chịu đau thương biết bao nhiêu! Bà Nhì nghĩ đến người chồng xấu số ngày xưa, vì quên mình mà đã chịu tử hình. Bà còn nhớ con người mảnh khảnh như một cậu học trò, lúc nào cũng hòa nhã, dáng điệu khoan thai và thư thái. Hai người lấy nhau được hơn năm năm. Rồi sau cái ngày tàn ác ấy, bà tỉnh lại thấy mình trơ trọi ở đời với hai con còn trẻ thơ, họ hàng thân thích không ai trông nom đến. Từ độ ấy, bà nhẫn nại và yên phận sống với một nghề nhỏ mọn để nuôi con. Gian nhà cũ với mảnh vườn nhỏ ở An Lâm là cái di sản còn lại của chồng bà, nên tuy đã nhiều lần túng thiếu, mà bà không bao giờ chịu bán đi.

Bà cố xua đuổi những ý nghĩ buồn rầu ấy. Không biết tại sao chiều hôm nay, những hình ảnh xa xăm đã mờ trong ký vãng lại còn trở lại trong trí nhớ bà. Có lẽ những nỗi đau khổ của Trinh đã gợi đến những nỗi đau khổ của bà. Bà Nhì âu yếm nhìn con gái, như muốn trút hết cho con bao nhiêu tình thương mến.

Trinh thấy mẹ có vẻ không vui, nàng lại gần săn sóc:

– Mười giờ rồi. Mời mẹ đi nghỉ không mệt.

Trường cũng nói thêm:

– Vâng, mẹ đi nghỉ thôi. Em sửa soạn giường chiếu đi.

Bà Nhì nhìn hai con, vui vẻ:

– Không, mẹ chưa buồn ngủ. Mới có mười giờ đã lấy gì làm khuya. Ở An Lâm, có khi mẹ còn thức hơn nữa. Với lại có hai con mẹ vui cũng không muốn nghỉ.

Bà ngẫm nghĩ một lát rồi nói tiếp, giọng nhẹ nhàng và êm dịu:

– Mẹ trông hai con vui vẻ, mẹ sung sướng lắm. Ước gì cứ được như thế này mãi.

Trường cảm động:

– Từ rầy mẹ ở chơi trên này luôn với chúng con cho vui. Nhà con có mẹ ở chơi cũng đỡ buồn, mà cháu nó cũng thích. Chàng quay lại nhìn vợ. Trinh đứng tựa lưng vào cái tủ, nửa người phía trên khuất ánh sáng đèn vì cái chao lụa che đi. Trong bóng tối hồng nét mặt của nàng không rõ, nhưng Trường thấy mắt nàng long lanh và đôi môi hơi hé nở như sắp sẵn một nụ cười.

Trường cũng tự nhiên thấy sung sướng và thư thái. Những bóng tối buồn rầu đã tan đi không ám ảnh chàng nữa; một bình minh mới dâng lên chiếu sáng lòng chàng. Trường mới biết được một điều rất giản dị là: cái vui ở tự lòng mình, chứ không phải ở những sự vật bên ngoài. Không bao giờ như lúc này, chàng hiểu thấm thía ý nghĩa của cái chân lý ấy. Trường lấy làm lạ rằng đã bao nhiêu lâu chàng như người u mê, và cứ mơ màng đi tìm hạnh phúc ở đâu đâu.

Những vật quanh mình, Trường nhận thấy bây giờ có một hình sắc khác, mà hình sắc ấy chỉ là phản ảnh của lòng chàng. Trường thấy cái cảm giác ấm cúng của mối tình yêu mến, và ánh sáng hồng của ngọn đèn trước mặt như đem tỏa vẻ ấm cúng ấy ra khắp cả gian phòng. Một kỷ niệm vui bất giác phảng phất qua trí chàng, khiến Trường mỉm cười.

Trinh lại gần nhẹ nhàng đặt tay lên vai chồng, rồi ghé sát vào tai Trường thầm thì hỏi:

– Anh Trường, anh cười gì thế?

Trường không đáp, ngửa mặt trông lên vợ, lặng cười rõ rệt hơn. Chàng nhìn ngắm cái cằm xinh xắn của Trinh và vẻ tròn trĩnh của cổ nàng. Trên tấm áo, qua mấy sợi tóc thưa, cái cúc đỏ sáng lên như một ngôi sao lửa.

Bà Nhì khẽ quay mặt đi trước cảnh âu yếm của đôi vợ chồng. Một lát bà mới cất tiếng:

– Chủ nhật này hai con về An Lâm chơi với mẹ. Về mà xem vườn hồng, độ này em Bích săn sóc đến luôn trông đẹp lắm.

Trinh chắp hai tay vào nhau, sung sướng:

– Phải đấy. Về xem cây mộc bây giờ ra làm sao. Nếu có hoa, con sẽ ướp chè cho mẹ uống như độ trước ấy mẹ nhỉ. Anh Trường, thế nào anh cũng về nhé.

Trường mỉm cười, gật đầu, bà Nhì nói tiếp với chàng:

– Con Trinh ngày bé thích hoa mộc lắm đấy. Có bao nhiêu hoa là cô ta giắt lên mái tóc cả ngày làm trụi cả khóm mộc trong vườn. Nhiều lần tôi mắng mãi mà nó cũng không chừa.

– Bây giờ, con cũng vẫn thích hoa mộc, mẹ ạ. Trinh nhìn bà Nhì, cười đáp. Nàng vừa nghĩ đến buổi gặp Trường dưới cành cây mộc, sáng sớm hôm ấy: – Lần này về, có bao nhiêu hoa, con hái tất cho mẹ xem.

Bà Nhì trả lời vui vẻ:

– Vâng, mời cô cứ hái, chỉ sợ chưa có hoa thôi.

Tiếng Mai bỗng nghe thấy ú ớ trong màn. Trinh bỏ chuyện, đi vào để dỗ con. Bà Nhì nhìn Trinh đi rồi quay lại khẽ lắc đầu bảo Trường:

– Vợ con nó còn trẻ con quá, chẳng biết làm gì cả.

Bà mỉm cười dịu dàng:

– Nó còn trẻ người non dạ, cứ động gặp đâu là nói đấy, chứ không suy nghĩ trước sau gì. Tôi đã dặn bảo nó nhiều lần lắm nhưng cậu cũng phải bảo ban nó thêm mới được. Và giá em nó có lầm lẫn điều gì không phải xin cậu cũng đừng chấp.

Trường cúi đầu chưa biết trả lời thế nào. Bà Nhì nói giọng thấp và ân cần hơn trước:

– Mẹ xem ra em nó không biết ăn ở, thành ra nhiều khi làm cho cậu không vừa lòng. Những cái đó khiến mẹ ân hận lắm.

– Nhưng thưa mẹ...

– Không, cậu đừng che chở cho em nó. Mẹ chỉ xin cậu bỏ qua những điều lầm lỗi của nó đi thôi. Vợ chồng hòa hợp với nhau là quý, cốt sao cho trong nhà lúc nào cũng vui vẻ. Ấy, mẹ vẫn khuyên bảo em nó như thế luôn. Bà khẽ thở dài: Bây giờ mẹ đã già rồi, chỉ mong trông thấy các con hòa thuận là mẹ được vui mừng.

Tiếng nấc khẽ đằng sau làm Trường quay lại. Trinh đã ra ngồi trên ghế từ lúc nào, đang cúi mặt xuống khóc. Hai vai nàng rung động, và vạt áo cầm lên vò nát trong tay. Trường thương mến, trong lòng hồi hộp. Chàng thưa với bà Nhì:

– Thưa mẹ dậy phải. Nhưng chỉ lỗi tại con, chứ nhà con có lỗi gì đâu.

Chàng đến bên cạnh Trinh, gỡ tay nàng ra và ngọt ngào:

– Làm sao em khóc, em? Thôi nín đi, không mẹ buồn.

Trường dìu vợ đứng dậy, đưa nàng ra ngoài hiên. Đột nhiên chàng có cảm giác hình như dỗ dành một cô gái bé ngây thơ đương có sự gì buồn bực, mà một lời nói dịu dàng đủ an ủi được. Chàng tự thấy mình cũng như trẻ lại, rút khăn tay khẽ lau nước mắt cho Trinh và dỗ:

– Em nín đi, rồi đến chủ nhật này anh đưa về quê thăm vườn nhà... Anh sẽ hái hoa mộc cho em ướp chè chứ.

Vạt áo buông rơi, đôi mắt Trinh hãy còn ngấn lệ. Một nụ cười sắp hé nở trên miệng nàng, nhưng Trinh e thẹn, vội quay nhìn đi phía khác:

– Anh để mặc em.

Nàng ngượng nghịu chùi nước mắt. Những giọt lệ còn để rớt lại trong lòng nàng một mối buồn nhè nhẹ, và cùng một lúc, nàng thấy trong tâm hồn có cái gì sẽ vang lên như tiếng hát của con chim buổi sớm.

Nàng đặt tay lên vai Trường, ngả người vào gần chàng. Trường sẽ áp cái đầu nhỏ bé trên ngực chồng, để những sợi tóc rối vương vào ngón tay. Hai người đứng lặng như thế rất lâu.

12.

Buổi sớm chủ nhật thật rực rỡ. Nắng và lạnh hòa hợp với nhau như hai thứ rượu, khiến cho thời tiết say sưa và dễ chịu. Không khí trong sạch; những mầu ảm đạm mọi ngày qua làn mưa bụi, bây giờ đều tươi sáng và mới mẻ.

Trường đứng trên hiên trông xuống phố. Mầu trắng của mấy bức tường lóe dưới ánh nắng, và vàng lá cây xanh tốt hơn mọi hôm. Chàng thấy cảnh vật vui tươi, và trong lòng chàng cũng có những tia nắng đang reo ấm như một nhịp đàn.

Trường quay người vào, hỏi vợ:

– Em xong chưa?

– Chưa, anh đợi em một lát.

Trinh đang ngồi trang điểm trước tấm gương. Cái bông phấn êm như nhung phớt trên má nàng, bụi phấn thơm bay tung lên mái tóc đen; Trinh sung sướng nhìn hình ảnh tươi đẹp của mình ở trong gương, khẽ đưa thỏi sáp đỏ lên môi. Đã lâu lắm, hôm nay nàng mới lại dùng đến các thứ trang điểm. Ban nẫy lúc nàng khoác áo toan đi, Trường trông ngắm nàng rồi bảo:

– Em trang điểm vào, chứ ai lại để đầu bù tóc rối thế kia.

Nàng đáp, giản dị như mọi ngày:

– Thôi cứ thế này cũng được. Lại đằng mẹ chứ đi đâu mà phấn sáp.

Nhưng Trường nhất định không nghe. Chàng hơi cau đôi lông mày lại, bắt buộc một cách âu yếm:

– Không, em trang điểm đi kia. Anh muốn thế.

Nàng chiều chồng, vắt áo lên ghế, rồi lại tủ lấy hộp đựng phấn. Hộp để bỏ trong ô kéo đã lâu, nên bụi bám đầy, Trinh phải lấy khăn chùi sạch. Khi mở hộp ra, nàng vui mừng vì các thứ trang điểm vẫn còn nguyên. Trinh để hộp phấn trên bàn, mở giấy. Một mùi thơm dịu và quen bốc ra, khiến nàng nhớ lại ngày sắp cưới nàng, lần đầu nàng dùng thứ phấn này của một người chị em bạn tặng. Lúc bấy giờ nàng tưởng cái hương thơm lạ ấy – lần đầu nàng dùng phấn – sẽ là hương thơm ngát của những ngày sung sướng từ đây. Bây giờ, hương ấy đối với nàng càng ngát thơm hơn, qua những ngày đau khổ.

Trinh sửa mái tóc rất gọn ghẽ, vuốt đi vuốt lại mấy sợi tóc mai buông đen nhánh trên da trắng. Nàng muốn xinh đẹp, muốn tươi tắn, để được vừa ý Trường. Bỗng nàng mỉm cười vì thấy hình Trường sau hình nàng hiện ra trong tấm gương. Chàng đã lại gần

lúc nào nàng không biết, cúi xuống sát bên vai, nàng thấy hơi thở nóng của chàng trên gáy.

– Thôi trông đẹp lắm rồi!

Thấy Trường khen, Trinh sung sướng cúi mặt xuống, hai má ửng hồng vì thẹn, nàng hỏi:

– Có cho con cùng đi không anh?

– Có chứ. Đem nó lại không bà nhớ.

– Thế để mặc áo cho con đi.

Trường đứng dậy ra hiên, Trinh nghe tiếng chàng nói ở ngoài:

– Trời hôm nay mà về quê thì thích quá. Nắng như thế này...

Nàng toan muốn nhắc Trường, nhưng lại thôi.

Trong sự hòa hợp của đôi vợ chồng bây giờ nàng rực rỡ quá, không thể chàng không biết, và không cùng một ý muốn với nàng. Trinh chắc chàng cũng ao ước như nàng được về quê thăm vườn cũ.

Nàng gọi vú em mang con vào. Mai cũng còn xanh xao và mệt nhọc. Bệnh nặng vừa qua để lại trên khuôn mặt ngây thơ một vẻ nghiêm trang và đôi mắt như mở to quá dưới hàng mi. Thấy mẹ, Mai trụt xuống chạy đến bám vào vạt áo. Hộp phấn nhiều mầu khiến Mai chú ý, với tay đòi lấy. Trinh chiều con, đưa con cái bông phấn; đứa bé bắt chước mẹ cũng đập phấn lên mặt. Người vú cười:

– Ái chà, cậu Mai cũng biết đánh phấn đấy?

Nàng gọi Trường:

– Này anh vào đây mà xem. Con nó làm dáng chưa?

Trường trở vào, sung sướng. Chàng cúi xuống ẵm thằng Mai lên hai cánh tay, rồi bế xốc con lên người, đùa nghịch. Trinh đã trang điểm xong, ngồi yên trên ghế, ngước mắt nhìn chồng và con yêu quý, mắt long lanh sáng. Rồi nàng đứng dậy rút chiếc khăn tay trong túi áo:

– Để em lau đi, phấn cả thế này.

Cái bông đã để phấn lên cả tóc Mai và trên áo Trường. Nàng lấy khăn phủi sẽ. Mai giơ tay vít lấy cổ áo mẹ kéo lại gần. Trường thấy sát mặt chàng đôi má mịn màng và phấn hồng của Trinh mơn

mởn như cánh hoa đào. Chàng nghiêng con lại gần vợ, tiếng nói thấp hơi run:

– Nào Mai, con hôn mợ đi.

Đứa bé quàng tay lên cổ Trường rồi vụng về đặt môi lên má mẹ. Qua đầu con, Trường và Trinh cùng nhìn nhau âu yếm.

Hai vợ chồng xa nhau ra, e thẹn, như đôi tình nhân mới. Trường nhìn vợ mỉm cười như cùng chia sẻ một sự bí mật gì. Rồi chàng lấy giọng tự nhiên nói:

– Thôi chúng ta đi đi, không sợ mẹ đợi.

Bà Nhì đến nhà thông gia từ sáng sớm, dặn hai vợ chồng thế nào cũng đến sau. Từ hôm thấy hai con lại hòa thuận như cũ, và cháu lành mạnh, bà rất vui mừng ở luôn ngay với Trinh, không nghĩ đến về nữa. Mấy ngày ở trên này, bà săn sóc đến Trường như săn sóc một người con quý, thầm cám ơn chàng đã làm hết những nỗi lo ngại của bà bấy lâu nay. Buổi chiều hôm qua, khi bà đương ngồi khâu trên giường bên cạnh cháu, Trinh lại gần, khẩn khoản:

– Mẹ ở trên này với chúng con rõ lâu nhé. Mẹ về thì chúng con buồn lắm.

Bà sẽ cười hỏi:

– Thế cô muốn tôi ở đây suốt đời à? Còn nhà cửa lấy ai trông nom.

Trinh tươi nét mặt lên, nàng đáp:

– Con chỉ cầu được thế. Và ngậm ngùi, nàng tiếp: – Bây giờ mẹ đã có tuổi rồi, chả còn sống được bao lâu nữa, tội gì mẹ còn phải vất vả. Mẹ cứ ở đây với chúng con; tiền em Bích ăn học chúng con sẽ gửi về, mẹ không phải lo đến nữa.

Nàng thêm:

– Hôm nọ nhà con đã bảo với con như thế..

Bà Nhì ngửng lên nhìn Trinh, rồi lại cúi đầu tư lự. Lòng bà cảm động, đầy thương mến các con. Tay bà dừng kim trên mảnh vải và đôi kính của bà bỗng mờ đi như nhòa lệ. Ngoài kia chiều tối xuống. Và lần đầu trong đời dằng dai đau khổ của bà, buổi chiều

đến không đem lại những ý nghĩ và hình ảnh buồn rầu vẫn thường ám ảnh bà bấy nhiêu lâu nay.

Bà Nhì đang ngồi nói chuyện với bà Phán thì hai vợ chồng Trường đẩy cửa bước vào. Trinh đặt Mai đến trước mẹ chồng, bảo con:

– Con chào bà đi.

– Nào lên đây với bà. Úi chao, cháu tôi ngoan quá.

Bà Phán cúi xuống ẵm Mai lên, đặt cháu vào lòng. Trong cái cử chỉ âu yếm ấy, có một vẻ thân thiết vì tình máu mủ hơn. Bà Nhì bỗng thoáng buồn vì sực nhớ Mai chỉ là cháu ngoại mình. Nhưng bà lại vui vẻ ngay, nghiêng người xuống gần Mai nói dịu dàng:

– Bà trông cháu độ này có vẻ khỏe mạnh hơn trước.

Trinh đỡ lời, đáp:

– Giá không ốm thì cháu còn mập mạp nữa kia đấy ạ.

Trường ngồi xuống ghế, đưa mắt nhìn chung quanh. Đã lâu, chàng không tới thăm mẹ và em. Những đồ đạc trong nhà vẫn không có gì khác, chỉ có tập sách để trong ngăn tủ lâu ngày không ai giở đến nên bụi phủ đầy. Một vẻ lạnh lẽo như phảng phất trên mọi vật. Trường cho đấy có lẽ là cảm giác riêng của chàng: đã lâu nay chàng không nghĩ đến mẹ. Mái tóc nửa bạc của bà Phán khiến chàng thương mẹ và ân hận trong lòng.

Trường lắng tai nghe hai bà nói chuyện. Hai tiếng nói quen khiến chàng tưởng như hồi còn ở An Lâm, những lúc chàng dựa vào ghế nghe bà Nhì bàn chuyện buôn bán với mẹ chàng. Trường thấy mình trẻ lại với bao kỷ niệm của thời xưa. Chàng nhìn vợ để tìm trên khuôn mặt xinh cái vẻ ngây thơ của cô gái bé có đôi mắt đen vẫn cùng chàng đùa nghịch bên khóm hồng. Trinh ngồi bên mẹ têm trầu, dáng điệu khép nép và ngoan ngoãn như một cô thiếu nữ.

Dung và Lan đi chợ về, đem một chút huyên náo vào trong nhà. Vừa trông thấy chị, Lan đã vội vàng đặt rổ thức ăn xuống đất, vồn vã chạy lại nắm lấy hai tay Trinh, hỏi han như người đã lâu lắm không gặp nhau. Rồi nàng lùi lại, ngắm nghía Trinh từ đầu đến chân, ngạc nhiên:

– Ồ, chị tôi dạo này xinh đẹp quá! Trông trẻ như cô gái mười tám vậy.

Trinh khẽ đập yêu vào vai Lan, đáp:

– Cô chỉ rõ khéo nịnh tôi thôi.

– Không, chị đẹp ra thực đấy, em không nói dối đâu.

Dung từ nãy vẫn điềm đạm cũng phải mỉm cười:

– Thôi, liệu mà vào làm cơm đi. Hai chị em cứ khen nhau mãi.

Lan cũng cất tiếng cười tươi tắn, rồi dắt tay Trinh giục:

– Vào đây chị, vào đây với em nói chuyện:

Dung đứng lại tần ngần, trên mặt thoáng có vẻ buồn. Trường nhìn chị, hỏi:

– Mấy giờ anh về hở chị?

Dung thong thả đáp:

– Anh cũng sắp về rồi đấy. Bây giờ đã hơn mười giờ.

Dung đi xuống bếp. Trường trông theo, lòng nao nao thương. Những sự đau khổ mà vợ chàng đã phải chịu khiến Trường hiểu biết hơn nỗi buồn của Dung bị anh ghét bỏ. Dung có lẽ đã khóc nhiều, tuy chàng chưa từng thấy chị thốt ra một lời than phiền hay oán trách nào. Sự âm thầm chịu đựng của Dung đau đớn quá.

Một lát, Trường nghe thấy ở nhà dưới đưa lên tiếng cười nói của ba chị em, tiếng trong sáng của Lan lẫn với tiếng dịu dàng và hòa nhã của Trinh. Trường nghĩ rằng trong ba người, Trinh là người sung sướng hơn cả, và chàng thấy cái cảm giác ấm cúng là lúc này, Trinh hẳn cũng đang nghĩ đến chàng. Trường tự nhiên mỉm cười một mình rồi đứng dậy đến bên tủ dở mấy quyển sách cũ. Đó là những sách học của chàng ngày xưa. Nhìn những nét gạch và những chữ biên của mình trên các trang giấy, Trường tưởng nhớ lại cả quãng đời học hành chăm chỉ, với những điều ước vọng lúc bấy giờ. Hồi ấy chàng, chỉ mơ ước thi đỗ để ra đi làm kiếm tiền. Có lẽ tình cảnh nghèo nàn của gia đình chàng và chung quanh đã khiến chàng chỉ tha thiết mong có thế. Thi đỗ rồi đi làm công sở, đó là mục đích của cả một đời. Nhưng bây giờ Trường mới rõ cái nhỏ mọn của điều mong ước ấy. Sự sống đã cho chàng bao nhiêu bài học hay. Trường

không băn khoăn vì cảnh nghèo của mình nữa. Chàng không ganh ghét với những người sang trọng, giầu có hơn chàng – Trường nghĩ đến Quang, đến người bạn học cũ ở quê nhà – và tự thấy mình giầu hơn họ nhiều, giầu những tính tình tốt đẹp, những ý nghĩ đằm thắm mà những người chỉ biết đến mình không bao giờ có được.

– Anh Trường, mời anh bỏ sách để ăn cơm thôi.

Tiếng Lan gọi bắt Trường dừng nghĩ. Chàng cúi nhìn trang sách một lần cuối nữa, rồi từ từ gấp lại, cùng một lúc gấp trong trí nhớ một trang sách của đời mình. Trường có cảm giác những ngày cũ, những ngày băn khoăn ám ảnh đã qua như một giấc mộng, chỉ một chút mơ màng ân hận còn rớt lại. Một cuộc đời mới đang chờ đợi để đón chàng.

Mâm cơm bưng lên để trên giường, Dung và Trinh má hãy còn hồng hào vì gần lửa, tóc hãy còn vương bụi tro, tranh nhau sửa soạn đũa bát. Lan tươi tỉnh vui vẻ như con chim nhỏ, cô nhìn Trường một cách tự đắc, như để khoe với anh những món ăn ngon chính tay cô đã làm ra.

Trinh đưa mắt về phía Trường, rồi hỏi chị:

– Đợi anh Xuân về rồi mới ăn một thể chứ?

Dung nhìn bà Nhì và mẹ đáp:

– Thôi, mời mẹ với bà cứ ăn trước. Nhà con về ăn sau cũng được.

Mọi người ngồi quanh mâm. Ánh nắng buổi trưa lấp lánh ngoài khe cửa làm cho thời khắc thêm rực rỡ. Bà Phán cầm đũa ân cần mời bà Nhì như ngày nào bà vẫn mời sau các buổi đi cân về. Sinh, con Dung và Mai ngồi quây quần lấy bà cụ. Mẹ Trường âu yếm xoa đầu Mai và gắp đồ ăn vào bát cho cháu bé. Bà nhìn khắp các con rồi đến con dâu thì ngừng lại, mắt dịu dàng. Đã lâu bà biết lòng chân thật và nết hiền hậu của Trinh và thấy nàng trẻ dại, thấy cháu kháu khỉnh đáng yêu; bà cũng đem lòng thương mến.

Ăn xong, hai bà vào buồng trong nói chuyện cũ. Trinh và Lan đùa với các trẻ trên bực cửa. Tiếng cười nói của Sinh và Mai. Ít khi trong nhà có quang cảnh vui vẻ thế.

Cạnh Trường, Dung ngồi im lặng, nét mặt vẫn đượm vẻ nghiêm trang. Suốt bữa cơm, Trường nhận thấy chị không vui, và nụ cười

thỉnh thoảng ngập ngừng trên miệng Dung kín đáo và buồn rầu quá khiến chàng ái ngại. Trường trông đồng hồ rồi ngạc nhiên:

– Giờ mà anh Xuân còn chưa về chị nhỉ?

Nhưng vừa hỏi xong, chàng hối hận. Dung trả lời, giọng khác hẳn đi, tuy vẫn cố giữ điềm đạm:

– Hôm nay trời nắng có lẽ anh ở luôn ngay trong sở không về.

Trường khẽ thở dài. Trong cái vui của lòng chàng. Trường muốn cho anh chị cũng được sung sướng. Chàng hiểu những nỗi đau đớn mà Dung đã phải chịu vì thái độ lãnh đạm của Xuân. Tuy vậy, giờ nghĩ đến anh, Trường không thấy bực tức như trước nữa. Sự thay đổi của Xuân gần đây, chàng đã đoán biết những duyên cớ. Có lẽ Xuân cũng đã có những hành vi và ý nghĩ của mình. Xuân không có can đảm trở về với cuộc đời chàng có, với những vui và những buồn của sự sống hằng ngày.

– Chúng ta xin phép mẹ về thôi chứ, anh?

Trường quay người lại, cầm lấy tay vợ. Mai cũng chạy đến quấn quít bên chân, Trường đặt tay lên đầu con, bảo Trinh: – Em chào mẹ đi. Và nói với Dung, tiếng chàng trở nên ngọt ngào và êm dịu vô cùng:

– Chiều mời chị với cháu lại chơi đằng em nhớ.

Mấy hôm sau, hai vợ chồng cùng với bà Nhì trở về An Lâm. Trường và Trinh, lúc sửa soạn ra đi, sung sướng như hai đứa trẻ về thăm nhà. Vợ hỏi chồng:

– Em đố anh biết hồng nhà đã có hoa chưa nào?

Trường ra vẻ nghĩ ngợi hồi lâu, rồi cười đáp:

– Có nụ rồi, nhưng còn đợi em về mới nở.

Bà Nhì thật thà nói chen vào:

– Năm nay rét sớm, dễ thường chưa có hoa đâu. Lúc mẹ lên cây mới có mầm non thì phải.

Hai người đưa mắt nhìn nhau. Trinh cúi đầu cười, rồi ngồi xuống xỏ giầy cho con. Trường đứng yên nhìn nàng, lạ rằng sao bây

giờ trong mỗi cử chỉ của Trinh chàng thấy có một ý ân cần và âu yếm đáng yêu. Trước kia... nhưng Trường vui vẻ, không nghĩ nữa. Chàng đi lại trong phòng miệng ca hát sẽ.

Lúc xe sắp chạy, Trường thấy một đôi vợ chồng với đứa con hấp tấp lên xe. Người thiếu phụ dắt con đến ngồi trước mặt chàng, trên ghế bên kia. Người chồng theo sau, săn sóc. Trường chú ý người đàn bà hãy còn trẻ, trông nét hơi quen; Trường ngờ ngợ hình như đã gặp ở đâu. Đột nhiên chàng nhớ ra: thiếu phụ chính là cô gái ngày trước ở bên cạnh nhà chàng. Tối hôm ấy chàng đã trông thấy cô đi ra cất dọn bàn ghế ở ngoài thềm. Bất giác Trường mỉm cười vì cái kỷ niệm xa xôi ấy. Bây giờ thiếu nữ đã có chồng con, đã sống cuộc đời của cô, có lẽ với những buồn, vui lẫn lộn... Bao nhiêu thời giờ đã qua, từ hôm chàng thi đỗ trở về nhà, lòng mang đầy ước vọng, sung sướng và hăng hái. Cuộc đời lúc ấy mở ra trước mặt Trường hoa lệ và sang trọng. Nếu chàng cứ theo con đường của mọi người, không biết bây giờ đời chàng sẽ thế nào... Chàng lại sinh lòng hối tiếc chăng?

Trường đặt Mai lên ghế rồi ngồi sát bên vợ. Nhẹ nhàng chàng cầm lấy tay Trinh; chàng muốn nói với vợ những lời dịu dàng và thành thực, những lời mà chàng để hết cả thân yêu, Trinh nhìn lại chồng âu yếm, và cái hạnh phúc bây giờ Trường bỗng thấy quý giá vô ngần. Chàng tự kiêu đã xứng đáng với lòng yêu của vợ và thấy những nỗi băn khoăn, bực tức của chàng trước kia nhỏ mọn không đáng kể. Trường đã mong ước sự giầu sang vì không biết đến những cái phong phú trong lòng chàng, đã tìm danh vọng và địa vị vì chưa tự đầy đủ với tâm hồn.

Mai ngắt những ý nghĩ của Trường, hé miệng xinh xắn hỏi:

– Đã sắp đến nơi chưa hở cậu?

Tháng Chạp 1939

*

TÌNH XƯA

(truyện ngắn)

Ngày theo học trường tỉnh Thái Bình, tôi ở trọ nhà ông Cả Vinh, một nơi quen biết của thầy me tôi. Ông Cả cũng có người con trạc tuổi chúng tôi đi học, bởi vậy ông cho học trò đến ở, lấy cớ rằng để Hoe, con ông, được vui anh vui em. Thực ra, ông bà Cả muốn chứa trọ để kiếm lời. Nhà ông nghèo lại đông con, và số tiền tháng của ba chúng tôi cũng đủ giúp cho bà Vinh một cái vốn nhỏ để buôn bán.

Ông Cả ở một lớp nhà lối cổ, một cái nhà ngói năm gian chạy dài mặt phố và một căn nhà lá rộng đầy những hàng hóa của bà Cả, rồi đến nhà dưới và bếp. Đằng sau nhà có một miếng đất trồng cây cối, ngăn với bãi cỏ hoang của tỉnh bằng một hàng rào dâm bụt thấp. Ngay trước nhà gạch trông ra, có một cái sân vuông và hẹp, có bể nước lớn. Cái sân đó là giang sơn riêng của ông Cả: một cái núi non bộ nhỏ trong cái bể con bằng xi-măng và hai dẫy chậu trồng đủ các thứ lan. Cũng như nhiều người rỗi khác, ông Cả có cái ham mê những công việc tỉ mỉ. Sớm chiều lúc nào tôi cũng thấy ông lom khom ở ngoài sân, cúi mình tỉa xén các chậu lan hay sửa sang non bộ. Thật là một dịp trọng vọng nếu chậu lan có chúm một giò hoa. Phải nhìn vẻ vui sướng trên mặt ông lúc bấy giờ mới hiểu. Ông gọi chúng tôi ra xem bông hoa, với cái tự kiêu của một chủ nhân ông khéo léo; rồi hàng giờ ông đứng lặng ngắm chậu lan, dường như để đợi chờ bông hoa nở.

Sân gạch ngay chỗ cửa sổ buồng học chúng tôi trông ra, và lúc nào ngửng lên trên sách, chúng tôi cũng thấy bóng ông. Sự chăm chút âu yếm và cẩn trọng của ông làm chúng tôi buồn cười. Nếu không có anh Hoe cùng ngồi đấy, chúng tôi đã bàn định tinh nghịch đùa ông một chuyến.

Bữa cơm họp đông đủ cả nhà: chúng tôi, anh Hoe và ông Cả ngồi ăn cơm nhà trên, còn bà Cả với hai cô con gái và đứa em nhỏ ăn riêng dưới bếp. Hai mâm cơm khác nhau: bữa cơm chúng tôi ăn ngày nào cũng có thịt cá, còn bữa cơm ở dưới nhà chỉ toàn rau

muống và đậu phụ. Không bao giờ chúng tôi thấy có món ăn khác, và có lúc chúng tôi thầm phàn nàn cho sự kham khổ của bà Cả và hai cô con gái. Vẻ xanh xao của Lan và Huệ không làm chúng tôi ngạc nhiên. Đó là hai thiếu nữ lặng lẽ và kín tiếng, không lúc nào cười nói to.

Bởi vậy tuy hai cô cũng trạc tuổi với chúng tôi, tôi cũng không để ý đến. Ở trong buồng học trông ra, thỉnh thoảng tôi thấy bóng Lan đi qua sân xuống nhà dưới hay với tay múc nước trong bể. Nhưng cách đi đứng khép nép và cách phục sức nhã nhặn của cô không gợi ý chúng tôi bao giờ.

*

Chúng tôi ở trọ nhà ông Cả đã được ngót hai năm. Tôi thích ở đấy, giữa những người giản dị, và riêng đối với tôi, ông Cả rất có cảm tình.

Anh Hoe là cậu học trò rất đần và dốt, chậm trí khôn; cùng vào học mà tôi lên lớp nhất, anh mới học lớp nhì. Bởi vậy ông Cả nhờ tôi rèn cặp cho anh ta, và bảo ban thêm. Tôi gắng làm công việc đó một cách chu đáo, nên ông Cả tỏ ý biết ơn. Những lúc nào anh Hoe chậm hiểu bài hay làm tính hỏng, ông Cả thường gắt bảo:

– Mày không xem cậu Bình đấy mà bắt chước. Cậu ấy học sáng bao nhiêu, mà lại chịu khó nữa.

Tôi yên lặng và tìm cớ lánh ra ngoài để anh Hoe khỏi ngượng.

Từ đấy, tôi được gia đình ông Cả trọng vọng và yêu quý. Số tiền trọ trả sòng phẳng, và những quà cáp mà mẹ tôi không bao giờ quên mang đến biếu ông Cả mỗi khi lên thăm con, khiến bà Cả có ý biệt đãi tôi. Tiếng bà dịu đi và trở nên êm ái mỗi khi nói với tôi, khi nào về muộn bà dành phần riêng cho tôi những món ăn ngon và một mâm cơm tươm tất. Hai bạn tôi ganh tị thường nói mát:

– Thôi, sắp làm rể bà Cả đi thì vừa. Cho chúng tao ăn cỗ cưới với nhé!

Tôi mỉm cười không trả lời, vừa nghĩ đến cô gái cả bà chủ trọ; cô thiếu nữ ấy không làm tôi có chút ý gì. Mà thật ra, tôi cũng không biết mặt mũi cô ta thế nào cả; tôi chưa bao giờ nhìn kỹ cô ta.

Về cuối tháng tám năm ấy, sau ngày nhập trường ít lâu, một việc xảy đến làm cho náo loạn các học trò: một thiếu nữ, cô Bích vào học lớp nhất lẫn với bọn con trai. Ở Thái bấy giờ trường con gái chưa có lớp trên, mà cô này đã học hai năm liền ở lớp nhì rồi. Cha mẹ cô không thể gửi cô lên Hà Nội, bèn xin cho cô vào học trường con giai. Sau khi đắn đo mãi, ông đốc trường bằng lòng để cô học lớp nhất. Ngày đầu cô đến trường, bọn học trò thầm thì bàn tán và chỉ tay về phía cô. Ngay thầy giáo chúng tôi cũng có vẻ ngượng nghịu. Nhưng chỉ bọn học trò chúng tôi là xôn xao nhất. Chúng tôi không thể quên được có một người con gái lẫn vào trong lớp. Cô Bích lại đẹp và rất có duyên. Tất cả lớp ra công cố sức để bắt chim cô. Những bức thư tình gửi đi như bươm bướm. Chính tôi, tôi cũng yêu thầm nhớ vụng cô ta. Và vì thế mà tôi bắt đầu để ý đến các cô thiếu nữ.

Rất lâu, việc cô Bích vào học là đầu đề câu chuyện trong bữa ăn của chúng tôi. Chúng tôi thuật lại cho nhau nghe những cử chỉ của cô và của những anh mê cô. Anh Hoe cục mịch quá, không biết nói gì về chuyện ấy, nhưng ông Cả, tuy ngày thường rất đạo mạo, cũng thỉnh thoảng tự cho phép một câu nói đùa hóm hỉnh. Ông vuốt hai bên mép râu và nhìn chúng tôi cười một cách tự đắc. Tiếng ồn ào của chúng tôi đến tai bà Cả ở gian bên, và bà cũng chen vào một câu nói:

– Cô ta ở đấy thì học với hành gì được. Không khéo lại tằng tịu với anh nào thôi.

Ngừng một lát, bà lại hỏi đùa:

– Sao cậu Bình không nhân ngãi phăng với cô ta có được không?

Tôi chưa kịp trả lời, hai anh bạn tôi đã nhao nhao lên đáp:

– Có, có đấy ạ. Cô ấy để ý đến anh Bình lắm ạ, vì anh ấy học giỏi nhất lớp.

Tôi toan cãi, nhưng lại thôi, lòng cũng hơi thích vì lời nói ấy. Một lát yên lặng theo sau câu chuyện. Rồi có tiếng thanh và nhỏ của con gái bên kia. Cô Lan nói chuyện với mẹ; tôi lắng tai chú ý, nhưng tiếng nói khẽ quá, không nghe rõ gì cả.

Một hôm giờ ra chơi, anh Ngạc, người bẻm mép và láu chuyện nhất lớp bỗng tự dưng vỗ vào vai tôi bảo:

– Sáng nay nhân tình mày ra phố mua sắn cho mày ăn, phải không?

Tôi ngơ ngác chưa hiểu Ngạc nói gì, thì anh đã nhìn tôi nháy một bên mắt rất ý nghĩa, tiếp:

– Lại còn vờ mãi. Cô Lan con ông Cả chứ gì!

Rồi hắn quay lưng bỏ đi, để tôi đứng sững người, yên lặng tôi chưa kịp cãi lại điều gì!

Về đến nhà, tôi thấy trong buồng học, ngay trên bàn về phía tôi ngồi, một đĩa sắn gọt sẵn để đấy. Câu nói của Ngạc trở lại trí nhớ tôi, làm cho tôi ngạc nhiên. Làm sao hắn ta biết được cô Lan mua sắn, và để phần cho tôi? Vừa lúc ấy, anh Chi đi học về, chạy vào. Thấy đĩa quà, anh kêu lên:

– A sắn! Trông ngon quá.

Không lưỡng lự, anh cầm lấy ăn liền. Cử chỉ ấy khiến tôi khó chịu.

– Anh biết sắn của ai đấy mà cũng ăn?

Chi cầm miếng sắn cắn dở quay lại phía tôi.

– Không phải sắn của anh à?

– Không. Tôi không biết của ai để đấy.

Nghe thấy tiếng chúng tôi nói, bà Cả ở ngoài sân bước vào.

– Các cậu cứ ăn đi. Sắn của em nó mua phần các cậu đấy.

Khi bà Cả ra rồi, Chi nhìn tôi với một vẻ trêu nghịch, vừa cầm miếng sắn nữa trên đĩa:

– Cô ấy để phần riêng anh đấy, chúng tôi ăn có được không?

Bực mình, tôi không trả lời, yên lặng ngồi xuống ghế. Chi không nhìn tôi nữa, và anh cúi mình ăn sắn với một vẻ khoan khoái rất rõ rệt. Tôi nhìn trộm anh ta. Tự nhiên tôi nghi cho Chi và Hoạt đã đặt điều thêu dệt về tôi với các bạn ở trường. Hai anh đều là những người lém và hay bịa chuyện lắm.

*

Từ hôm ấy có những cái săn sóc nho nhỏ tỏ rằng cô Lan chăm chú đến tôi. Đi học về, bao giờ tôi cũng thấy một vài thứ quà dành

sẵn để ngay trên bàn chỗ tôi vẫn ngồi. Có khi một bó hoa tươi cắm trong ống bút. Sách vở ngăn nắp và sạch sẽ khiến cho tôi biết cô Lan có vào buồng học lúc chúng tôi đi vắng. Tuy vậy, tôi cũng không dám chắc hẳn rằng Lan để ý đến tôi; tôi cũng không bao giờ cố ý giáp mặt nàng.

Một buổi chiều, chúng tôi ra vườn đằng sau nhà. Bấy giờ đầu tháng chín, hai cây hồng ở góc vườn trĩu những quả. Hai chị em Lan đang cầm quèo trẩy. Chúng tôi bước lại gần. Anh Chi nói:

– Nào, cô Lan cho chúng tôi mấy quả nào.

Lan lặng yên cầm quèo với một cành cao. Thân thể trẻ tươi và dẻo dang của nàng vươn cong dưới bóng cây, và tấm áo mảnh căng sát để phô hẳn những đường mềm mại. Khi nàng hái chùm quả xuống, Chi và Hoạt xúm lại cướp ngay trên tay nàng những quả ngon. Tôi vẫn đứng riêng ra, và thèm muốn cái vẻ tự nhiên của hai người bạn. Nhưng sau cùng, Lan đến gần bên, đưa cho tôi một quả ngon nhất mà nàng đã giấu trong lúc các bạn tôi tranh. Tôi giơ tay đón lấy và ngón tay tôi chạm vào ngón tay nàng. Lan nói khẽ:

– Anh cầm lấy.

Đôi mắt nàng nhìn tôi, tôi bỗng rung động cả người; đôi mắt nàng phản chiếu một tình yêu mãnh liệt và tha thiết quá. Tôi hiểu ngay rằng nàng yêu tôi. Tự nhiên, một sự cảm động tràn lấn vào người; tôi cũng nhìn lại nàng. Nét mặt của Lan lúc bấy giờ tôi mới biết rõ. Nàng không đẹp, nhưng khuôn mặt dễ coi, và lúc này nàng có vẻ xinh xắn đáng yêu, một cái duyên tươi thắm và kín đáo. Trước tôi, nàng cúi mặt xuống; một nỗi e thẹn làm ửng hồng hai gò má. Khi nàng quay đi, tôi nhìn theo khen phục cái dáng điệu uyển chuyển của nàng.

Sau buổi ấy, tôi biết chắc chắn ý tứ của nàng đối với tôi. Lan tìm hết cách làm cho tôi vừa lòng. Những sự chăm nom săn sóc riêng của nàng làm tôi tự kiêu. Đôi khi, nàng có ý tìm cách gặp tôi. Những lúc tôi đi học về, tôi thấy nàng như tình cờ ra đứng ở ngõ. Khi tôi đi qua, nàng khép nép vào bên tường và nhìn tôi mỉm một nụ cười sung sướng. Tôi cũng mỉm cười trả lại nàng; tôi còn trẻ và tình yêu của một cô con gái khiến tôi tự đắc.

Một đêm giữa tháng, tôi ngồi buồn trong buồng học, không biết làm gì. Cả nhà đã đi ngủ, và anh Chi với anh Hoạt đi xem tuồng vắng. Tôi ngồi gần bên cửa sổ, trông ra sân. Ở ngoài trăng rằm vằng vặc, tường vôi sáng trắng lên chói lọi. Hai dẫy chậu lan cắt bóng xuống mặt sân, và các lá lan đen xẫm lấp lánh ánh trăng cong. Thời khắc rất êm dịu và thú vị. Tôi lặng yên hưởng luồng gió mát của ban đêm.

Bỗng nhiên một bóng người len vào các chậu cây, rồi tôi nghe thấy tiếng nước sẽ rớt xuống. Cô Lan tưới hoa. Tôi nhớ mỗi khi chậu lan có giò hoa nở, ông Cả lại bắt nàng tưới ban đêm. Có khi khuya lắm, chúng tôi hãy còn nghe thấy tiếng cô ở ngoài vườn. Một ý ham muốn bỗng đến chiếm lấy tâm hồn tôi. Mùi thơm nhẹ và sắc của hoa lan thoang thoảng ở ngoài. Lan vẫn cúi mình trên chậu cây, dường như không biết có tôi bên cạnh. Tuy vậy, tôi đoán rõ sự cảm động của nàng. Tôi đến bên cạnh nàng khẽ gọi:

– Lan, em Lan...

Tôi để tay lên tay nàng. Lan rung động cả người, toàn thân nàng mềm lại. Nàng ngả người trên vai tôi... Tôi biết rằng từ đây Lan sẽ là một vật của tôi, và tôi muốn làm gì nàng cũng được.

Sau độ ấy, tính nết nàng hình như đổi hẳn, hay bây giờ nàng mới biểu lộ cái tính nết thực của nàng ra. Nàng không còn là cô gái lặng lẽ và kín đáo trước kia nữa. Lan nói năng luôn miệng và tiếng cười của nàng vang lên trong nhà: mắt nàng sáng lên, và hơi một chút việc cũng làm cho nàng vui sướng. Bà Cả lấy làm lạ về con và nhiều khi bà định ngăn cản cái vui tràn lan ấy:

– Ô! Con Lan độ này làm sao ấy. Không biết có gì mà vui vẻ thế.

Hai bạn tôi hình như hiểu biết. Họ thường nhìn tôi với vẻ trêu nghịch và cười với nhau một cách tùng đảng. Tôi làm lơ như không biết gì.

Ái tình đã khiến Lan thành một người khác. Tâm hồn nàng phô bày ra rõ rệt. Nàng thành ra con trẻ và ngây thơ quá. Nàng tưởng làm tôi vừa lòng bằng những cử chỉ săn sóc âu yếm. Những thức quà liên tiếp nhau trên bàn học, khiến chúng tôi ăn no bỏ cả cơm. (Chỉ béo cho hai anh bạn tôi, họ được hưởng tự nhiên và lại

còn có chuyện để chế riễu tôi nữa). Lúc nào nàng cũng nghĩ cách để chiều ý tôi. Những cử chỉ vụng về của nàng khiến tôi vừa cảm động lại vừa ngượng với anh em. Nhưng Lan hình như không nhận thấy.

Một buổi chủ nhật, mấy người bạn đến rủ chúng tôi đi chơi. Vừa đi qua chợ ở đầu phố bỗng thấy Lan tất tả chạy theo gọi. Tôi dừng lại, cau mày, không bằng lòng. Nàng trông lên, và lúc bấy giờ hình như mới biết tôi không đi một mình. Hai má đỏ bừng vì thẹn. Lan lúng túng:

– Anh... anh cầm lấy cái này mà ăn.

Nàng giở trong bọc áo mấy bẹ ngô nướng vừa mua ở chợ. Tiếng cười của các bạn tôi vang lên. Bực mình, tôi đâm gắt:

– Ai bảo cô cho tôi? Tôi không dùng cái của ấy.

Lan sững người, đứng lặng nhìn. Tôi biết tôi đã làm phật ý nàng, nhưng ai lại đem cho quà giữa phố như thế. Anh Chi hỏi lõm:

– Sao, của chị ấy mua cho mà anh lại chê à?

Họ cười với nhau, rồi Hoạt giới thiệu với mấy người bạn:

– Nhân tình đẹp của anh tôi đấy.

Tôi không trả lời, khó chịu. Lúc về, tôi cố ý tránh nàng, và giữ vẻ mặt giận. Nhưng Lan vẫn trẻ con và vô lý như cũ.

Ngày mồng năm tháng năm, không biết nghĩ thế nào, Lan đưa tặng tôi một bộ bùa túi bằng vóc nhiễu xanh đỏ. Đó là một công trình tỉ mỉ mà nàng đã thức suốt đêm để khâu. Trông thấy bộ bùa túi rõ ràng để trên tập sách của tôi, anh Chi và anh Hoạt rũ ra mà cười. Họ chuyền tay nhau xem quả đào và quả ớt sặc sỡ ấy, và những câu mỉa mai lại gấp đôi lên. Xấu hổ, tôi giằng lấy và vứt ra ngoài cửa sổ. Cái bùa túi rơi ngay vào rãnh nước.

Chiều đến, khi gặp Lan, tôi thấy nàng nhìn tôi có vẻ âm thầm oán trách. Vừa bực mình cho tôi lại vừa bực mình cho nàng, tôi lặng yên giả vờ lãnh đạm rồi tránh mặt ra chỗ khác.

Ông bà Cả bắt đầu nghi ngờ một sự gì. Điều ấy khiến tôi lo ngại. Tôi đã nhiều lần bảo nhỏ Lan phải kín đáo. Nhưng mặc những điều khuyên nhủ cẩn thận của tôi, Lan hình như không thể giữ gìn được. Nàng có một tâm hồn giản dị và quê mùa trong tình yêu. Lan

làm quà cho tôi những thức rất buồn cười và vô lý, và tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi không bằng lòng:

– Những thứ ấy em biếu anh, anh không thích ư?

Biết không thể làm nàng hiểu được, tôi chỉ trả lời:

– Tôi không thích cô cho tôi cái gì cả.

Sự yêu mến của tôi với nàng có lẽ Hoạt và Chi đã kể cho nhiều người nghe rồi. Ở trường, các bạn học nhiều lần đã nói bóng gió xa xôi đến. Câu chuyện cái bùa túi ngày mồng năm họ đã biết. Ngạc, một hôm, tự dưng đến thò tay vạch áo tôi ra, bảo:

– Nào, xem bùa túi của mày đâu nào...

Tôi giận dữ gạt hắn ra, quay đi. Ngạc chế với:

– Ê ê, nhớn thế kia mà còn đeo bùa túi kìa!

Những lời chế riễu ấy làm tôi bực tức đến cực điểm. Tôi thầm trách Lan đã gây cho tôi những nỗi khó chịu ấy. Tình yêu mộc mạc của nàng bắt đầu đè nén tôi. Những cách yêu mến săn sóc của nàng chỉ làm tôi bận bịu.

Tôi bắt đầu tìm cớ tránh nàng. Lan, trái lại, càng quấn quít lấy tôi. Lòng ham mê khiến nàng quên hết cả giữ gìn. Hễ gặp tôi chỗ khuất là nàng nhẩy đến ôm lấy, và tôi khó khăn mới gỡ được ra. Chúng tôi như thế đã xuýt bị ông bà Cả bắt gặp mấy lần.

... Những vẻ chế riễu của các bạn học và những câu mỉa mai lại thoáng qua trong trí. Tôi không còn cái yên tâm để sẵn sàng hưởng tình yêu nữa. Tôi vội vàng xa nàng. Lan không hiểu, và những câu trách móc, tuy rất kín đáo, với những giọt nước mắt của Lan mỗi khi thấy tôi thờ ơ, chỉ càng khiến cho tôi khó chịu thêm.

Một buổi chiều, cả nhà đi ăn cỗ vắng. Hoạt và Chi sang Nam Định chơi. Tôi ở ngoài về thấy mâm cơm chờ sẵn ở nhà với hai đôi đũa và hai cái bát. Lan đứng khuất một chỗ, khúc khích cười. Rồi, như con chim non, nhẩy nhót chạy ra nắm lấy tay tôi mắng:

– Hôm nay cậu về muộn quá! Cơm nước nguội cả rồi!

Câu trách cợt đùa, nàng cố lấy giọng đứng đắn để giống như lời người vợ trách chồng. Tôi buồn cười, nhưng cau mày không đáp.

Lan nhìn tôi như đứa trẻ dò ý người lớn:

– Gớm, làm gì mà lầm lầm cái mặt thế? Thôi, tôi xin cậu đi.

Nàng bưng miệng cười, mở lồng bàn, rình sự bằng lòng của tôi trước những món ăn khéo làm mà nàng biết là tôi vẫn thích.

Nhưng tôi vẫn không nói. Tôi uể oải vào buồng bên, ngồi sau bàn học và giở sách ra coi. Biết nàng đang tiến lại gần, tôi cũng không quay lại.

– Anh Bình sang xơi cơm.

Tôi không đáp, nàng lại mời:

– Mời cậu Bình xơi cơm... Xin mời cậu Bình đi xơi cơm ạ!

Tiếng nàng cười ròn rã reo lên sau câu nói ấy. Nàng chạy đến bên định kéo tôi dậy, nhưng nét mặt nghiêm nghị của tôi bắt nàng ngừng im.

Vẻ sững sờ của nàng và sự oán trách buồn rầu ứa trên đôi mắt khiến tôi có ý ái ngại cho nàng, song tôi cũng nói:

– Được, cô cứ để mặc tôi, tôi chưa muốn ăn.

– Kìa, nhưng mà...

– Không, chốc nữa tôi ăn cơm cũng được.

Nàng toan nói, nhưng sau cúi đầu im lặng, nhìn tôi một lần nữa rồi quay ra.

Tôi ăn cơm một mình, ăn rất nhanh, và không để ý đến sự giận giỗi của Lan; xong bữa tôi đi chơi tức khắc.

Ở ngoài phố, tôi gặp Chi và Hoạt bên Nam về. Chi làm bộ ngạc nhiên:

– Kìa sao không ở nhà tự tình?

Hoạt thêm một câu:

– Ông bà đã giận nhau chứ gì?

Rồi cả hai nấc lên cười. Tôi chau mày để đáp lại. Đêm hôm đó tôi bực mình và trằn trọc không ngủ được. Nghĩ đến tình yêu của Lan đối với tôi, nghĩ đến bữa cơm chiều, tôi hơi lấy làm hối hận, và bởi thế lại càng thấy bực mình thêm.

Sáng hôm sau, tôi nghe thấy bà Cả hỏi:

– Lan, mày mệt đấy à?

Tiếng Lan đáp:

– Thưa để không ạ.

Khi Lan ở dưới nhà đi qua sân, tôi thấy nàng mặt rầu rầu, hai mắt quầng thâm, dáng điệu lặng lẽ và chán ngán. Nàng xách cái thùng tưới đến bên bể nước và hình như cố tình giữ lại trong lòng những tiếng thở dài.

Tôi thấy lòng nao nao vừa bực vừa buồn, như thấy một sự êm đẹp đang mất đi mà không còn can đảm giữ lại được nữa.

Từ hôm ấy, Lan lại yên lặng như trước. Nàng ít nói và cũng không hay gặp mặt tôi. Nàng tỏ ra một thái độ đúng mức, lãnh đạm, và lúc nào cũng buồn rầu. Sự đó đã cho tôi được bình yên nhưng cũng làm cho tôi phật ý. Tôi tưởng nàng chỉ thế trong ít bữa, chắc sẽ có buổi nàng không gan được nữa, sẽ phải tìm đến tôi, sẽ hỏi han tôi, và sự chờ đợi cái lúc nàng làm lành với tôi lại càng khiến tôi tức bực trong sự kiêu hãnh.

Cùng ở một nhà, chúng tôi như người xa lạ, và lâu dần, nghĩ đến nàng, tôi thấy lòng dửng dưng. Hơn một tháng trời, thỉnh thoảng mới trông thấy nhau, Lan với tôi thản nhiên hỏi nhau hay trả lời những câu không giấu một ý tứ gì thân mật hay hờn giận.

Tôi cũng không để mắt đến dung nhan nàng nữa, và đôi khi tưởng đến chuyện cũ, tôi ngạc nhiên như tìm thấy một tính tình kỳ dị.

Rồi mùa thi tới nơi, Chi, Hoạt và tôi chăm chỉ luyện tập. Sự ganh đua sốt sắng cuối năm là điều quan tâm hoàn toàn của người đi học. Ở nhà ông Cả trong những bữa cơm, chỉ nói đến chuyện thi cử và bàn bạc đến những đầu bài khó hay dễ sẽ ra trong kỳ thi này.

Lan bị xóa hẳn trong đời tôi. Không bao giờ sự lãng quên lại mau chóng như trong tâm trí tôi hồi bấy giờ, và không bao giờ cuộc tình duyên của thanh niên lại đơn bạc đến như thế. Giữa cô con gái ông chủ nhà cùng với người ở trọ học hình như không có tình nghĩa nào cả, và cái đêm trăng ân ái trước đây dăm ba tháng, chỉ là hình ảnh hờ hững của một giấc mộng thoáng qua.

Hồi ấy kỳ thi cơ thủy chưa mở ở Thái Bình. Tôi cùng các bạn hữu phải sang trường Nam và ở luôn đó bốn ngày để chờ đợi kết quả. Ngày thứ năm tôi trở về Thái với cái mừng được trúng tuyển,

và tức khắc nghĩ đến sự thu xếp về quê. Anh Hòe, con ông Cả cũng may mắn như tôi, và hai anh Chi và Hoạt. Tôi để cả tâm trí vào sự vui vẻ của mọi người. Vợ chồng ông chủ làm một bữa cơm sang trọng như bữa tiệc để khao chúng tôi. Cả nhà cùng ngồi ăn, trừ cô Lan khó ở từ mấy hôm trước. Tôi hỏi thăm qua quýt lấy lệ và cười nói giảo hoạt nhất nhà. Chi thỉnh thoảng trêu tôi bằng một câu nói bông mà tôi đón lấy và trả lời bằng một câu ranh mãnh khác. Một lần, khi rượu ngà ngà say, và nhận thấy Chi đứng làm mối xin cô Lan cho tôi, ông Cả cười thích chí:

– Cái gì chứ cái đó thì được. Nhưng ai lấy con gái tôi phải ở gửi rể ba năm.

Tôi "xin vâng" và cười một cách rõ ràng tỏ ra tính cách đùa cợt của câu chuyện. Tôi không kịp có thì giờ hối hận cho sự tàn ác vô tình có thể thấy trong câu đùa cợt. Tôi cũng không muốn nghĩ rằng Lan lúc đó có thể đau lòng vì tôi. Lan không còn liên lạc với tôi nữa.

Hôm sau tôi từ giã nhà ông chủ, lòng hớn hở tưởng trước đến sự mừng rỡ của mẹ tôi lúc thấy tôi về. Trong cái thì giờ đi xe từ Thái đến bến Tân Đệ và đợi tàu ở Nam qua, tôi mải nghĩ chuyện nghỉ hè, chuyện lên Hà Nội học ban Thành chung, không một lúc nào có ý mến tiếc cô thiếu nữ con gái ông Cả.

Khi tầu Nam tới, tôi đáp thuyền lên, chọn chỗ cất hành lý và vui vẻ ngó đầu ra trông một lần cuối cái bến tôi vẫn đi về trong mấy năm qua. Hai dẫy nhà lá bồng bềnh ở hai con đường quạnh quẽ đang thong thả lùi lại và nhỏ dần. Một sự bâng khuâng nhẹ nhàng dìu tâm hồn người đến những tình cảm man mác. Tôi bỗng thấy cả người xúc động vì nhận ra trong bọn người lác đác ở bến một cái xe đỗ vội, và trên xe bước xuống một người con gái ngơ ngác nhìn về phía tôi.

Tầu đã xa hẳn mạn sông. Mặt người trên bến không nhìn rõ. Tuy vậy, tôi không thể lầm được, người thiếu nữ kia chính là con người tội nghiệp đã hờn giận tôi và đã thương tôi.

Chỉ một lát, bến đò Tân Đệ đã khuất hẳn ven sông. Từ đó, tôi không gặp Lan lần nào nữa.

Năm 1942

DƯỚI BÓNG HOÀNG LAN

(truyện ngắn)

Thanh lách cánh cửa gỗ để khép, nhẹ nhàng bước vào. Chàng thấy mát hẳn cả người: trên con đường gạch bát tràng rêu phủ, những vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhẩy múa theo chiều gió. Một mùi lá tươi non phảng phất trong không khí. Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán – bên ngoài trời nắng gắt – rồi thong thả đi bên bức tường hoa thấp chạy thẳng đến đầu nhà. Yên tĩnh quá, không một tiếng động nhỏ trong căn vườn, tựa như bao nhiêu sự ồn ào ở ngoài kia đều ngừng lại trên bực cửa.

Thanh bước lên thềm, đặt va-li trên chiếc trường kỷ, rồi ngó đầu nhìn vào trong nhà: bóng tối dịu và man mát loáng qua những màu sắc rực rỡ chàng đem ở ngoài trời vào; Thanh chưa nhìn rõ thấy gì cả; một lát, quen bóng tối, chàng mới nhận thấy cảnh tượng gian nhà cũ không có gì thay đổi, cũng y nguyên như ngày chàng đi xưa. Sự yên lặng trầm tịch đến nỗi Thanh trở nên nghẹn họng; mãi mãi chàng mới cất được tiếng lên gọi khẽ:

– Bà ơi!

Một cái bóng lẹ làng từ trong vụt ra, rơi xuống mặt bàn. Thanh định rõ nhìn: con mèo của bà chàng, con mèo già vẫn chơi đùa với chàng ngày trước. Con vật nép chân vào mình khẽ phe phẩy cái đuôi, rồi hai mắt ngọc thạch xanh giương lên nhìn người. Thanh mỉm cười lại gần vuốt ve con mãn:

– Bà mày đâu?

Thanh bước xuống dưới giàn thiên lý. Có tiếng người đi, rồi bà chàng, mái tóc bạc phơ, chống gậy trúc, ở ngoài vườn vào. Thanh cảm động và mừng rỡ, chạy lại gần.

– Cháu đã về đấy ư?

Bà cụ thôi nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng đưa lên nhìn cháu, âu yếm và mến thương.

– Đi vào trong nhà không nắng cháu.

Thanh đi bên bà, người thẳng, mạnh, cạnh bà cụ gầy còng. Tuy vậy chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ.

– Nhà không có ai ư bà?

– Vẫn có thằng Nhân, hôm nay nó đi đong thóc bên kia xóm. Dễ chốc nó về. Con đã ăn cơm chưa?

– Dạ chưa. Con ở tầu về đây ngay. Nhưng con không thấy đói.

Bà nhìn cháu, giục:

– Con rửa mặt đi, rồi đi nghỉ không mệt. Trời nắng thế này mà con không đi xe ư?

Thanh cười:

– Có một tý đường đất, cần gì phải xe. Con đi bộ hàng ngày cũng được.

Nhưng Thanh cũng vẫn theo lời bà. Chàng đến bên bể múc nước vào thau rửa mặt. Nước mát rượi và Thanh cúi nhìn bóng chàng lay động trong lòng bể với những mảnh trời xanh tan tác.

Tất cả những ngày thuở nhỏ trở lại với chàng. Thanh vắng nhà đã gần hai năm nay, vậy mà chàng có cảm giác như vẫn ở nhà tự bao giờ. Phong cảnh vẫn y nguyên, gian nhà vẫn tịch mịch và bà chàng vẫn tóc bạc phơ và hiền từ.

Trên trường kỷ, ngọn đèn con và cái điếu cũ kỹ. Con mèo già tròn mình nằm bên cạnh, mắt lim dim trong sự bình yên và nhàn nhã. Thanh trông thấy cảnh ấy đã nhiều lần. Lần nào trở về với bà chàng, Thanh cũng thấy bình yên và thong thả như thế. Căn nhà với thửa vườn này đối với chàng như một nơi mát mẻ và hiền lành ở đấy bà chàng lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mến yêu chàng.

– Ấy bà làm gì thế? Bà để mặc cháu...

Bà cụ vẫn không thôi phẩy chiếc phất trần lên đầu giường:

– Đã lâu không có ai nằm nên bụi bám đầy khắp cả.

Thanh phải để mặc cho bà sửa chiếu và xếp lại gối. Chàng thấy mình bé quá.

– Cháu đi nghỉ chẳng mệt. Để bà hái mấy lá rau nấu canh ăn cho mát.

Bà cụ đi ra. Thanh bỗng thấy mệt mỏi. Chàng lặng nằm xuống giường, ruỗi chân tay, khoan khoái. Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng; lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt. Cùng một lúc, chàng lẩm bẩm: "Cây hoàng lan", mùi hương thơm thoang thoảng đưa vào. Thanh nhắm mắt ngửi hương thơm và nhớ đến cái cây ấy chàng thường hay chơi dưới gốc nhặt hoa. Đã từ lâu lắm, ngày mới có căn nhà này, ngày cha mẹ chàng hãy còn. Rồi đến ngày một bà một cháu quấn quít nhau. Thanh ra tỉnh làm rồi đi về hàng năm, các ngày nghỉ. Bây giờ cây đã lớn.

Thanh thấy tâm hồn nhẹ nhõm tươi mát như vừa tắm ở suối. Chàng tắm trong cái không khí tươi mát này. Những ngày bận rộn ở tỉnh giờ xa quá. Khu vườn với các cây quen đã nhận biết chàng rồi.

Nghe tiếng bà đi vào, Thanh nằm yên giả vờ ngủ. Bà lại gần săn sóc buông màn, nhìn cháu và xua đuổi muỗi. Gió quạt đưa nhẹ trên mái tóc chàng. Thanh vẫn nằm yên, nhắm mắt nhưng biết bà ở bên mình. Chàng không dám động đậy, yên lặng chờ cho bà lại đi ra. Bà xuống bếp làm cơm hẳn. Tiếng dép nhỏ dần.

Chàng cảm động gần ứa nước mắt. Bà yêu thương cháu quá, giờ chỉ có mình cháu, với mình bà. Mà bà làm bếp có một mình thôi ư? Không, hình như có tiếng người khác nữa, tiếng trong và mau hơn. Thanh lắng nghe: một tiếng cười sẽ đưa lên. Tiếng ai? Nghe quen quá mà Thanh không nhớ được.

Chàng lẳng lặng ngồi dậy, từ trên cửa sổ, cúi mình nhìn ra phía ao. Bóng cây hoàng lan lay động cả một vùng. Chàng chợt nhớ, chạy vùng xuống nhà ngang, gọi vui vẻ:

– Cô Nga...

Người thiếu nữ đương nhặt rau nghe tiếng gọi vội ngửng đầu: một nụ cười, đôi mắt trong sáng lên; rồi tiếng nhẹ nhàng:

– Anh Thanh! Anh đã về đấy à?

Thanh đứng tựa bên cột, chưa trả lời. Chàng nhìn cô thiếu nữ xinh xắn trong tà áo trắng, mái tóc đen lánh buông trên cổ, nhỏ bên cạnh mái tóc bạc trắng của bà chàng. Cô Nga, cô bé hàng xóm vẫn sang chơi với chàng trong vườn, và mỗi lần về, chàng lại gặp ở nhà như một người thân mật.

Một lát cô Nga nói:

– Anh Thanh độ này khác hẳn trước. Anh chóng nhớn quá.

– Tôi vẫn thế đấy chứ.

Bà cụ cúi trên rổ rau, không nhìn cháu, đáp:

– Cô trông em có phải gầy đi không? Không bằng độ còn ở nhà.

Nga ngửng nhìn Thanh, cười:

– Đấy em nói có sai đâu. Anh trông lại đen đi nữa.

Lá rau tươi xanh ngắt bên bàn tay trắng hồng nhỏ nhắn. Thanh cũng ngồi ghé xuống. Thế là lại như lúc còn ở nhà, ngày ngày chàng cũng vẫn với Nga xuống bếp xem bà làm cơm. Câu chuyện vẫn vui và vẫn đậm, có lúc chàng lầm tưởng Nga chính là em gái ruột của mình.

*

Lúc Nhân bưng cơm đặt lên bàn, bà cụ bảo cô thiếu nữ:

– Ở đây ăn cơm một thể, cháu ạ.

Thanh nhìn lên:

– Ăn cho vui, cô Nga.

– Xin phép cụ và anh thôi, em vừa mới ăn cơm xong ở nhà. Em đứng đây cũng được chứ gì.

Thanh ra vẻ không bằng lòng:

– Không, cô phải ngồi ăn cơ. Cô làm khách mãi.

Nga sợ, vén áo ngồi bên cạnh bà cụ, nhưng nàng chỉ ăn nhỏ nhẹ, cầm chừng, và buông đũa luôn để xới cơm cho Thanh. Bữa cơm vui quá. Thanh ăn rất ngon miệng, lòng thư thái và sung sướng. Thỉnh thoảng chàng nhìn đôi môi thắm của Nga, hai má hồng. Và nụ cười tươi nở, nàng nhìn lại Thanh, một chút thôi, nhưng biết bao nhiêu âu yếm.

Ngoài vườn, trời vẫn nắng. Giàn thiên lý pha xanh một bên tà áo trắng của Nga. Những búp hoa lý non và thơm rủ liền trong giàn, lẫn vào đám lá. Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga, ngày nào, đi trên đó. Hai bàn chân nhỏ,

lấm tấm cát, để dấu tự ngoài ao trở về... Chàng đột nhiên mỉm cười, rồi hỏi:

– Cô Nga có còn hay đi nhặt hoàng lan rơi nữa không?

Nga cũng cười hơi thẹn:

– Vẫn nhặt đấy. Nhưng không có ai tranh nữa.

Nàng nhìn Thanh, mắt như tụ lại những hình ảnh tự bao giờ, và sẽ vuốt mấy sợi tóc mai ra một bên. Thanh thấy quả tim đập nhẹ nhàng.

Bà cụ thì mải nhìn cháu. Bác Nhân khoanh tay đứng dựa bên cột nghe; bác cũng vui mừng vì thấy cậu về, vẫn mạnh khỏe và xinh trai như ngày trước, còn cô Nga vẫn tươi đẹp và vui vẻ như thế. Có cô nhà cũng đỡ vắng, và bà cụ cũng đỡ buồn; hàng ngày cô chạy sang chơi giúp đỡ bà cụ giã cối trầu và nói chuyện đến người đi vắng ở trên tỉnh lâu không về thăm nhà.

Bữa ăn xong, Thanh với Nga đã trở lại thân mật như khi còn nhỏ. Thanh dắt nàng đi xem vườn: cây hoàng lan cao vút, cành lá rủ xuống như chào đón hai người. Có lúc gần nhau, Thanh thấy mái tóc Nga thoang thoảng thơm như có giắt hoàng lan, nhưng hoàng lan chưa rụng, vẫn còn tươi xanh ở trên cành. Nga bảo Thanh:

– Những ngày em đến đây hái hoa, em nhớ anh quá.

Thanh chẳng biết nói gì; chàng vít một cành lan xuống giữ trong tay để Nga tìm hoa, rồi nhẹ nhàng buông ra cho cành lại cong lên. nắng soi vào vai hai người, nhưng dưới chân đất vẫn mát như xưa.

– Bao giờ anh lên tỉnh?

– Ngày mai thôi. Kỳ này được nghỉ ít. Nhưng mai kia, tôi sẽ về ở đây lâu hơn.

Lòng Thanh dịu lại. Nga đến bên bể múc nước rửa hoa, rồi xếp bầy trên quả trầu. Bà cụ nhìn cô, âu yếm:

– Hoa hãy còn non lắm, sao hái sớm thế, con?

Nga thưa:

– "Anh con hái đấy ạ" và nàng nhìn Thanh mỉm cười.

Đêm ấy, một bà một cháu với một cô láng giềng chuyện trò dưới bóng đèn mãi tới khuya, khi trăng lên. Qua vườn, Thanh tiễn Nga ra đến cổng, đi qua hai bên bờ lá đã ướt sương. Mùi hoàng lan thoang thoảng bay trong gió ngát. Không lưỡng lự, Thanh cầm lấy tay Nga, để yên trong tay mình. Nga cũng đứng yên lặng. Lâu lâu, Nga rút tay sẽ nói:

– Thôi, em về.

Thanh đi trở vào rất thong thả. Có cái gì dịu ngọt chăng tơ ở đâu đây, khiến chàng vương phải. Chàng đến trường kỷ ngồi ở bên đèn.

Sáng hôm sau, Thanh đã phải lên tỉnh. Chiếc va-ly chàng nặng những thức quà bà chàng đã ban cho. Thanh cầm mũ đứng nghe lời khuyên bảo ân cần của bà già dưới giàn hoa lý. Chàng vẫn bé quá và lại đi xa.

Tới cổng, Thanh còn đứng lại nhìn cây hoàng lan và các cây khác trong vườn. Bác Nhân nhanh nhẩu cầm đỡ va-ly cho chàng. Thanh dặn khẽ:

– Bảo tôi có nhời chào cô Nga nhé.

Rồi chàng bước ra đi nửa buồn mà lại nửa vui. Thanh nghĩ đến căn nhà như một nơi mát mẻ và sung sướng để chàng thường về nghỉ sau việc làm. Và Thanh biết rằng Nga sẽ vẫn đợi chàng, vẫn nhớ mong chàng như ngày trước. Mỗi mùa, cô lại giắt hoàng lan trong mái tóc để tưởng nhớ mùi hương.

Trích trong tập Sợi tóc *– Nhà xuất bản Đời nay, 1942*

NGỌC GIAO
(1911–1997)

Tên thật là Nguyễn Ngọc Giao, quê gốc tỉnh Bắc Ninh, sinh tại Huế ngày 5-5-1911. Từ nhỏ đã ra Bắc học, có bằng Thành Chung năm 1938. Ngọc Giao đi vào sáng tác văn học khá sớm, truyện ngắn đầu tay in trên tờ Ngọ báo (Hà Nội). Ông là cộng tác viên chủ chốt của nhà xuất bản Tân dân và trên các tờ Tiểu thuyết thứ bảy, Phổ thông bán nguyệt san, Tao đàn, Truyền bá... Thời kỳ viết sung sức nhất của Ngọc Giao là khoảng từ 1934 – 1945; ông chuyên đủ các thể văn xuôi: truyện ngắn, truyện vừa và truyện dài. Từ 1954 trở đi hầu như ông ngừng viết hẳn.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, sau một thời gian đi tản cư, ông về sống và viết ở Hà Nội, cho đến cuối đời. Ông mất ngày 8-7-1997 tại Hà Nội. Ngọc Giao là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam (1957).

Tác phẩm chính: Các tập truyện ngắn Một đêm vui (1937), Đời tư Lã Bố (1934), Nước sông trôi (1934), Phấn hương (1939), Cô gái làng Sơn Hạ (1942); các tập truyện dài Lòng mẹ (1935), Đất (1942), Cần vương (1953), Quán gió (1954)...

*

CÔ GÁI LÀNG SƠN HẠ

(truyện vừa)

I.

Trong đêm tối, một mình, anh đi như thế mãi, đầu cúi thấp, chân bước nặng nề, guốc nghiến rào rạo mặt đường đầy than vụn.

Mưa phùn dai dẳng từ mấy ngày nay vẫn chưa ngớt cơn. Từng vũng nước đục lấp loáng ánh sáng lạnh lẽo của mấy cây đèn dầu trồng rải rác trên bến tàu. Những con đường goòng chạy dọc theo bến, khuất sau những trái núi than lù lù đột khởi trong bóng tối mênh mông. Từng chỗ nhô lên trên mặt đất một tảng sắt hoặc một đoạn gỗ lim tròn, quấn chặt vào sợi xích lớn hay sợi thừng chắc khỏe của những chiếc tàu buôn ở các ngả sông xa vừa tới cắm neo.

Nước sông ngầu đỏ, cuồn cuộn chảy, sóng ào ào vỗ mạn tàu, mạn thuyền, khiến chúng va vào nhau lộp cộp. Gió rít làm lảo đảo những cột buồm cao vút trên trời tối, kéo căng những đầu dây neo trên bến.

Anh ngẩng đầu lên. Rặng núi đen sì sừng sững kề ngay đường cái. Dưới chân núi, một đốm lửa vàng le lói. Đó là ngọn lửa ấm áp của gia đình anh. Buồn phiền, anh nghĩ đến người mẹ già giữa lúc khuya khoắt này đây, đang ngồi co ro trong xó bếp, tay nhem nhuốc nắm những hòn than nắm chất thành đống cao để sáng mai đội xuống tàu bán cho khách trú; và anh nghĩ đến người cha, có lẽ lúc này vẫn ngồi khoác chăn ôm chai rượu vào lòng.

Đầu lại cúi xuống, anh chậm chạp bước theo dọc bờ sông. Chán nản, anh không muốn về nhà, định bụng đêm nay gặp đâu ấm chỗ thì ngủ nhờ ngay đấy, rồi mai lại thức dậy từ mờ đất, còng lưng đẩy hết chuyến xe goòng này đến chuyến xe goòng khác, vác hết bao than này đến bao than khác, như tất cả những con người sống lam lũ ở bến sông.

– Bác Vĩnh! hãy vào uống nước đã nào.

Anh dừng lại. Ánh sáng gắt của cây đèn phẫn trong nhà hàng cơm làm chói mắt anh, và giọng nói thân mật của cô gái dậy thì kia khiến anh phải mỉm miệng cười.

– Thế nào, canh tài bàn đêm qua Vĩnh phát tài, đãi chúng tớ một bữa rượu đi.

Mấy người phu mỏ bạn Vĩnh đang ngồi đồ quýt với nhau, xúm quanh Vĩnh, cười nói huyên thuyện. Một người có vẻ say, quay lại cô gái nhà hàng:

– Có thế thì mới đúng lẽ chứ, phải không, cô Nhàn? Nhàn cười tít đôi mắt bồ câu.

– Cái đó ở như bác Vĩnh, chứ em biết đâu ạ.

Nhàn mở nắp cóng trà tươi, múc nước đổ vào cái bát đàn Vĩnh vừa lật ngửa trên mặt chõng hàng. Hơi khói ở miệng cóng bốc lên nghi ngút, trong làn hơi khói ấy lóng lánh cặp mắt đen nhánh và hàm răng hạt huyền đều đặn của Nhàn.

Thấy Vĩnh ngắm mình, mặt Nhàn đỏ bừng lên. Cô ngượng nghịu cúi xuống têm trầu bày ra đĩa.

Mấy người bạn quay sang Vĩnh:

– Kìa, tiếc chúng tớ một bữa chén xoàng ư?

Vĩnh trừng mắt nhìn bọn họ, rồi anh trật cái mũ cát két sũng nước mưa trên đầu xuống, đập mạnh vào mặt chọng, làm nẩy lên những chiếc bánh gai, bưởi, quýt và khiến những bát chè tươi sóng cả ra ngoài.

Lũ bạn Vĩnh không cười đùa nữa. Họ đã đoán Vĩnh đang buồn bực chuyện gì. Cứ chỉ ấy, Vĩnh thường có; lắm khi người bạn mới nào chưa biết tính anh mà trêu cợt mãi, tất bị anh lẳng lặng đứng dậy đánh liền. Ở đây, từ mấy năm nay, người ta đã biết cái tính nết kỳ quặc đó. Người ta cũng biết là anh có khá nhiều miếng võ, ngoài ra anh còn một cái vốn chữ nho. Những cô gái trên bến tối tối thường tụ họp trong quán nước đua nhau bói truyện Kiều, nhờ anh xem hộ. Mùa xuân, họ đi lễ về, tìm anh nhờ đoán thẻ. Đó là những quẻ thẻ cầu duyên. Vĩnh khéo tán nghĩa, giọng ngọt ngào gương mặt sáng sủa, giỏi trai, khiến các cô càng xúm xít quanh anh. Nhưng chưa cô nào được Vĩnh thực tình yêu lại. Tuy vậy, các cô vẫn không ghét Vĩnh. Các bạn trai đối với anh cũng thế, họ mến anh, vì vậy họ nhường nhịn anh, nhiều khi khiếp sợ nữa. Những lúc thấy anh mắt đỏ ngầu, lầm lì không nói không cười. Nhưng vào những buổi chiều nào thấy Vĩnh chải đầu, cạo mặt sạch sẽ, điếu thuốc lá trên môi, miệng nhai bỏm bẻm miếng trầu là các bạn Vĩnh reo lên, kéo anh vào hàng nước, giục anh kể chuyện. Anh kể rất có duyên. Những chuyện anh kể khiến họ nghe chăm chú.

Ông Cử khó tính, nên các bạn Vĩnh chỉ dám đến nhà Vĩnh khi biết ông đi chơi vắng. Bà Cử dễ dãi, hiền lành, thấy bạn con đến nhà là vội vàng rửa tay đi têm trầu, đun nước. Có khi họ chung tiền mua chó về mổ thịt, chè chén với nhau suốt cả ngày.

– Kìa, bác Vĩnh xơi nước đi cho nóng. Nước ban nãy nguội, em đã múc bát khác rồi đấy ạ.

Vĩnh từ nãy chống bàn tay vào má, cúi gầm mặt xuống không nhúc nhích, bỗng ngẩng lên. Các bạn anh đã không còn đấy nữa,

mà Nhàn thì đang ru đứa em bé trong lòng, đôi mắt đen đăm đăm nhìn Vĩnh.

Vĩnh đưa bát nước lên môi, không thể không ngắm đôi mắt đẹp của Nhàn qua những sợi khói nóng tỏa lên miệng bát.

Nhàn e lệ, vờ cúi xuống hôn em. Cô sung sướng lắm vì chỉ có tối hôm nay cô mới được người con trai mà cô thầm yêu mến ấy nhìn đôi mắt bồ câu và hàm răng mới triết của mình. Hàm răng đen cô nhuộm riêng vì Vĩnh. Đã bao nhiêu đêm khuya lạnh, trở dậy ra sân nhổ thuốc để rồi vào thay lá khác, cô đã đứng run cầm cập nhìn lên nhà Vĩnh trên đường núi, thở dài.

Mưa ngoài sông và gió bấc trên núi hất lùa vào làm cho cây đèn phẫn dòng giây từ trên mái xuống. Gió mạnh quá làm đổ tấm rại dựng bên ngoài. Nhàn toan đứng lên, nhưng Vĩnh đã ra dựng lại, rồi anh vào ghế ngồi, vẫn im lặng như lúc nãy.

Nhàn đã vào giường đặt em. Cô ra mở cái tủ kính nhỏ lấy bao thuốc lá, bóc đầu giấy sẵn đặt vào đĩa trầu. Giọng thân mật, cô bảo Vĩnh:

– Nhà em sẵn nồi than hồng sấy cau, bác Vĩnh có rét, em bưng ra bác sưởi.

Vĩnh ngước nhìn Nhàn, anh khẽ lắc đầu.

– Thôi, cảm ơn cô, trời này đã lấy gì làm rét.

Vĩnh uống cạn bát chè tươi, chụp mũ cát két lên đầu, đứng dậy. Anh móc túi, đặt vào đĩa hai đồng chinh, bước ra thềm.

Bóng Vĩnh in chếch lên bóng cây bàng khẳng khiu ngoài mảnh sân hẹp sũng nước mưa.

Tiếng guốc Vĩnh rào rạo, mất dần trên những lối đi đầy than vụn lờ mờ dưới ánh sáng mấy cây đèn dầu trồng theo dọc bến tàu.

Giọng hát ru em của Nhàn buồn rười rượi, vẳng bay theo gió bên tai Vĩnh. Anh cắn môi, anh nhai nghiền đầu mẩu thuốc lá đang lóe cháy trong bóng tối đen đặc, quấn lấy mình anh. "Sao con bé mãi chẳng lấy chồng cho xong chuyện. Yêu mình làm gì, thêm bận bịu mình ra thế này!".

*

Vĩnh vào nhà cai Cửu. Đây là sòng bạc của cai Cửu mở ra lấy hồ, bóc lột bọn phu mỏ và phu bến. Anh nào say gỡ, say đánh mà không có tiền thì hắn cho vay, rồi đến ngày lĩnh tiền, hắn sẽ trừ, tính thêm cả lãi. Có lắm anh, kỳ lĩnh lương không còn dính một đồng xu.

Vĩnh thấy cái tai họa ấy đã khuyên nhủ anh em nhưng đó là một việc làm vô ích. Đêm mùa đông ở cái bến tàu hẻo lánh này, người ta, sau một ngày làm ăn cực nhọc, nếu không đánh bạc thì cũng phải hút thuốc phiện, hay uống rượu cho say khướt mà thôi.

Bọn phu phen ở đây phần nhiều ở các phương xa tới làm ăn, số đông không có vợ con gia đình. Họ chia nhau từng tốp ba bốn người dựng một cái lều trên núi hay dưới bãi, sống chung đụng với nhau. Ngày tết họ bỏ lều không, kéo về quê hương tất cả, chỉ còn lại gia đình Vĩnh. Những ngày đó bến vắng tanh vắng ngắt, các ống khói ở trong sở mỏ, sở than không nhả một tia khói lên trời. Xa các bạn, Vĩnh một mình đi thẩn thơ dưới bãi, nhìn mấy con tàu đầy hành khách chạy ngoài sông. Ông Cử thì tay chắp sau lưng, ngửa mặt ngắm những đám mây tan tác, ngậm ngùi nhớ tới quê nhà miền Kinh Bắc.

– Anh Vĩnh, lẻ rền luôn sáu tiếng rồi, đánh đi cho vui.

Cai Cửu, chiếc mũ chào mào úp lệch trên mớ tóc rối, mặt rỗ nhằng nhịt, mấy vết sẹo ghi rõ hình tích những nhát dao sâu lõm, hắn sặc sụa hơi men quàng tay vào cổ Vĩnh. Hắn làm ra thân mật ghé vào tai anh:

– Đánh đi. Nếu không mang tiền thì tớ có sẵn đây.

Nói rồi, hắn móc ví, rút ra tờ giấy năm đồng, dúi vào tay Vĩnh. Vĩnh lắc đầu cười nhạt. Anh rẽ đám đông rảo bước ra.

Thoát khỏi hơi người nặng nề hôi hám, và cái mặt gớm ghiếc kia, Vĩnh thấy nhẹ cả mình. Anh lại lủi thủi đi dọc theo bến, định xuống một cái bè quen nào ngủ qua đêm.

Bỗng có tiếng ai đó rú lên. Thì ra, trong lúc cắm cúi đi, Vĩnh đã vô ý chạm phải một người. Người đó đứng phắt dậy: một cô gái, Vĩnh móc túi lấy đèn bấm soi. Cô ta đang lúi húi buộc sợi dây thừng vào cái cọc gỗ lim trên bến để giữ thuyền khỏi bị sóng đẩy ra xa.

Cô ta nheo mắt trước ánh đèn sáng chói. Vĩnh đã kịp nhìn kỹ gương mặt xinh đẹp của cô. Thốt nhiên tâm hồn Vĩnh xáo động lên như gặp phải một sự lạ lùng tốt đẹp mà từ đâu kiếp trước anh mong đợi, và bây giờ điều ấy trời đưa lại cho anh.

Vĩnh hỏi dịu dàng:

– Cô ở đâu đến chơi đây mà phải đi thuyền?

Cô gái trả lời, giọng êm mượt như gió thoảng:

– Em ở bên sông.

Vĩnh không biết nói gì hơn nữa; anh tắt đèn bấm, lặng im.

– Thế... gió đêm thổi dữ, sóng mạnh như thế mà cô đã sang ngang với chiếc thuyền thúng kia à?

Cô cười tự nhiên, miệng cười xinh quá, xinh hơn Nhàn nhiều.

– Gió thế này, sóng thế này đã thấm vào đâu ạ. Em là con nhà chài lưới, nếu thuyền có lật thì em bơi cũng được. Lượt sang em chở, lượt về đến phần anh em... Anh em vẫn đi nghề, ra biển hàng sáu bảy ngày đêm còn được, nữa là qua một con sông lành này.

Cô ngừng nói, nhìn người đàn ông đứng trước mặt cô. Cái anh chàng giỏi trai này sao thoạt nhìn đã thấy gần ngay. Cặp mắt to sáng ấy chứa đựng biết bao là ý tình êm dịu, vóc người và dáng điệu hiên ngang ấy hẳn là ấp ủ một tâm hồn mạnh khác người.

– Cô ở về đâu nhỉ?

– Em ở làng...

Cô nín lặng, ngoảnh nhìn lên bóng núi.

– Làng nào? Hình như cô muốn giấu tôi, tôi hỏi cho biết... khi nào tiện qua, tôi sẽ vào thăm các cụ nhà...

Cô e dè một lúc, rồi đáp nhanh:

– Em ở làng Sơn Hạ.

Sơn Hạ! Một tiếng sét bên tai Vĩnh. Bởi Sơn Hạ là một thôn vạn khuất nẻo bên kia sông, trai làng thì vừa làm nghề chài lưới, vừa làm nghề trộm cướp, gái làng thì đĩ thỏa, lẳng lơ, anh em trong họ cũng cứ hỗn dâm là thường.

Vĩnh khẽ kêu lên:

– Cô là gái làng Sơn Hạ thực à?

Bất giác, anh lùi trở lại.

Không phải Vĩnh sợ cái tên ghê gớm đó như những người quanh vùng này vẫn sợ, anh chỉ thầm tiếc cho người con gái ấy, có cái nhan sắc ấy mà sao lại sinh ra giữa cái làng bạo nghịch này.

Như đoán biết ý nghĩ của Vĩnh, cô quắc mắt nhìn mặt anh.

– Ông khinh làng tôi lắm phải không? Cũng như bao kẻ khác. Tôi biết. Nhưng mà người ta không có quyền khinh như thế, khi người ta chưa dám đến gần.

Mặt đỏ bừng, cặp mày tơ liễu hơi xếch lên, cau hẳn lại, người con gái lúc này càng tức giận, càng xinh đẹp, đẹp đến rợn người. Vĩnh thấy nhủn cả lòng, anh vội đáp:

– Không, tôi không hề cảm nghĩ như mọi người. Tôi tin rằng họ nhầm tất cả. Mà sao họ lại nỡ đồn đại ra như thế trong khi ở cái làng ấy, có một người con gái đẹp tuyệt vời như cô...

Giọng nói êm ngọt, miệng cười có duyên của Vĩnh làm tan ngay cơn giận của cô.

Vĩnh thân mật nói tiếp:

– Tôi có thể sang thăm các cụ nhà được không, cô cho tôi biết.

Cô gái cũng thân mật trả lời.

– Còn gì vui cho cụ em và anh em hơn nữa.

Cô quay lại trỏ tay về phía bờ sông xa.

– Kia kìa, nhà em ở dưới những bóng dừa cao vút ấy. Sáng mai, em sẽ trèo lên buộc một tờ giấy hồng điều vào một ngọn cây cao nhất để ông dễ tìm.

Vĩnh hoan hỉ, ghé gần tai cô gái:

– Tên em là gì?

Cô đưa con mắt sắc như dao cau liếc cái anh chàng có giọng nói dịu dàng, vóc người gân guốc, đôi vai rộng.

– Tên em ông sẽ biết sau, bây giờ thì... kia kìa, anh em đã ở sòng bạc đang ra đấy. Thôi em xin phép xuống thuyền. Xin ông

tránh ra xa một quãng, kẻo tính anh em khó chịu lắm cơ, nhất là khi anh ấy vừa thua bạc.

Vĩnh quay lại phía nhà cai Cửu. Một người con trai cao lớn, tay cầm chiếc gậy vuông, tay kia xách chiếc đèn mỏ đang xăm xăm bước đến.

Vĩnh đứng yên, lấy thuốc lá ra châm hút. Người con trai kia nhìn Vĩnh, Vĩnh điềm tĩnh nhìn trả lại.

Giá không có cô em gái xinh đẹp kia ngồi dưới thuyền nhoẻn miệng cười với Vĩnh, thì Vĩnh đã lẳng lặng quẳng anh ta xuống nước sông. Anh chàng này thấy Vĩnh to lớn và ngang ngạnh thì cúi xuống cởi sợi dây chão buộc đầu cọc lim, rồi anh ta nhảy xuống thuyền đẩy ra khỏi bến.

Vĩnh đứng lặng nghe tiếng mái chèo khuấy trên dòng sông gió hú. Khi ngọn lửa đèn nơi tay cô gái đã thu dần dần lại bằng cái chấm đỏ ở tít đằng xa, anh mới thở dài, buồn bã, thấy rằng dưới trời khuya chỉ còn trơ lại một mình anh.

II.

Vĩnh trèo lên con đường núi ở mãi tận trên cao. Nhà anh, ánh lửa vẫn còn le lói lọt ngoài cánh liếp. Đến gần, anh dừng gót bên một gốc cây mọc cạnh vách nhà. Anh ngồi thụp xuống dưới cái cửa sổ con, rồi từ từ nhô đầu lên nhòm vào. Một bóng người cúi lom khom bên chum nước; tiếng bát đĩa kêu lạch cạch trong cái chậu sành mà bàn tay bà đồ run lẩy bẩy vì nước giá đang cọ rửa. Bữa rượu của ông đồ mãi đến tận canh hai này mới xong. Bà đồ phải thức để hầu hạ ông chồng để ngồi nắm than trong khi ông đã ngậm cả que tăm nằm lăn ra ngủ. Rồi giữa cái tịch mịch của đêm khuya, bà luôn ngóng chờ tiếng guốc của con. Đêm nào Vĩnh cũng la cà dưới bến, có khi ngủ nhờ nhà bạn, có khi ngủ nhờ dưới thuyền. Đêm mùa hè, anh nằm ngủ ngay trên bến, trên những tấm ván thuyền bắc làm cầu lên xuống.

Nếu quá canh tư mà Vĩnh chưa về, bà đồ lại phải cầm đèn xuống bãi tìm từ lều này qua lều khác, không thấy thì bà lại xách đèn lom khom đi suốt bến, hỏi khắp các thuyền bè. Bà chỉ lo Vĩnh

quá buồn bực mà bê tha cờ bạc, lăn vào những chỗ có bàn đèn, hay là quá chén mà ngã rúi vào một xó nào thì khốn.

Từ nãy, mắt Vĩnh mờ đi, nhìn theo bóng mẹ. Lòng Vĩnh xót xa khi thấy mẹ úp xong bát vào trạn, rón rén ôm cái chăn của bà đắp thêm vào mình ông đồ đang ngáy. Bà thổi tắt đèn. Vĩnh nghe tiếng chiếu sột soạt trong bóng tối: mẹ anh đã nằm xuống tấm ổ rơm, co quắp dưới manh chiếu rách. Có cái giường tre bà đã nhường cho chồng nằm, có hai tấm chăn bông cũ bà cũng nhường cả cho chồng đắp.

Lúc này, anh biết, mẹ anh tuy nằm đó nhưng vẫn còn mở mắt đợi nghe tiếng guốc của anh.

Nước mắt bỗng dưng dàn dụa, anh càng thương mẹ vô ngần, anh muốn lẻn ngay vào ngủ bên chân mẹ, song nghĩ đến ông đồ, anh lại cắn chặt môi, gục đầu vào thân cây. Anh khóc như một đứa trẻ còn thơ dại. Lời ông đồ sỉ vả anh giữa đêm khuya hôm anh ở nhà bạn, hay vui chơi trong quán nước về, lời ông nhiếc mắng tàn nhẫn mẹ anh khi ông quá chén lúc này lại như theo tiếng ngáy ở trong lều vẳng đưa vào tai anh. Anh thấy anh không còn thể phục tòng người cha khó tính, cố chấp, rượu chè như vậy mãi, mặc dầu anh đã viện tất cả chữ nghĩa thánh hiền chứa trong đầu anh để dẹp lòng uất phẫn. Đã nhiều lần Vĩnh định bỏ nhà, nếu chẳng còn vướng mẹ.

Tối nay, tránh cơn say của ông đồ, Vĩnh phải xuống bến đi lang thang dưới cơn mưa gió, và sự tình cờ dắt anh đến cô gái lạ kia. Men say của mối tình mới mẻ, lúc này sực nghĩ tới, làm anh rạo rực. Vĩnh bước đi, xa tiếng ngáy của ông đồ, xa cái gác bếp tối tăm trong đó người mẹ thân yêu đang nằm ngóng đợi anh.

Gió trên đỉnh núi rùng rợn rít từng hồi, quật vào da thịt anh như những ngọn roi. Đến một túp lều bên khe núi, anh đứng lại. Đó là túp lều của người phu già vừa chết thương hàn được mấy hôm nay, bây giờ bỏ hoang không ai dám ở. Vĩnh bước vào, ngồi xuống đống rơm. Dưới chân anh, ở cái bãi tối mịt mù và rộng mênh mông kia, những ống khói của sở than, sở mỏ nhô lên trên những mái thấp đen sì nối liền như bát úp. Đó đây có ánh lửa chập chờn; đấy là một hai sòng bạc mà bọn áo rách đang bóc lột nhau, và đấy là

những hàng cơm mở gần tới sáng bán cho khách ở sòng ra, kẻ thua cũng như kẻ được, ăn cho no, nốc rượu cả chai để chờ rạng sáng lại đi làm tiền.

Vĩnh nhìn sang cái làng xa tít bên kia sông. Những bóng dừa ở đâu, người con gái xinh đẹp ấy, đang nằm ngủ say bên gốc dừa nào, trong khoảng nước trời đen đặc tối?

Vĩnh chỉ thấy ở ngoài biển, xa, rất xa, ánh ngọn hải đăng sáng lập loè. Lắng nghe, tiếng sóng biển đêm vọng lại rõ hơn cả mọi đêm khuya khác, Vĩnh cảm tưởng trời đất đêm nay cao rộng hơn thường, người con gái mất hút vào trong đó, chẳng còn bao giờ thấy...

Chưa bao giờ Vĩnh phải buồn vì một người con gái bởi anh chưa khi nào thất vọng. Nhờ vẻ đẹp trai, miệng nói có duyên, lại có chút nho học, có sức khỏe, và nhờ cái tính nết ngay thẳng khí khái, Vĩnh đã được hầu hết cô gái ở bên này yêu mến. Thường ngày Vĩnh ít nói cười là tại Vĩnh buồn vì cha, thương mẹ già cực khổ. Thực ra Vĩnh là người vui tính. Hôm nào được thư thái, anh cất tiếng ca hát thì các cô gái đang ngồi sẩy than đãi cát trên bến đều ngẩng lên nhìn Vĩnh, lắng tai nghe. Tiếng hát ấy cũng giúp sức cho những cánh tay rắn khỏe của các bạn anh đang còng lưng đẩy những xe goòng chạy rầm rập trên đường sắt.

Vậy mà đêm nay, Vĩnh đã tê tái buồn vì cô gái bên sông. Cô gái làng Sơn Hạ! Cô gái đã dám chở con thuyền thúng nhỏ đe ngang sóng mạnh qua sông dưới trời khuya mưa gió. Cô gái đã cười bảo anh rằng: "Nếu thuyền có lật thì em đã biết bơi"... và cô cũng đã ngỏ tình cảm với anh, nếu không, sao cô lại hẹn "ngày mai, em trèo lên một cây dừa cao nhất, buộc một tờ giấy hồng điều cho ông dễ tìm thấy nhà". Vĩnh nhủ lòng: "Sao người con gái ấy lại sinh ra ở làng Sơn Hạ! Một làng ăn cướp!" Sơn Hạ, đó là một địa danh heo hút mọc lên không biết tự thuở nào trên con bơn dài rộng giữa ngã ba sông lớn thông ra cửa biển Đông. Dân thôn xóm đất liền xưa nay vẫn coi Sơn Hạ là hoang đảo, ít khi tiếp xúc. Người lương thiện không mấy ai nói đến nó, hoặc có nói thì cũng bằng một giọng rẻ khinh. Nhưng điều đó không hề làm suy giảm tình yêu trong lòng Vĩnh lúc này. Anh muốn yêu một cô gái khác thường, một mối tình liều lĩnh, dù rằng anh hình dung cô gái xinh tươi ấy đã nhiều lần

cầm vũ khí đi cướp bóc ở một làng nào, đã xông xáo chém đứt một cánh tay, một cái đầu, đâm thủng bụng kẻ này, xuyên ngập lưng kẻ khác. Cái bàn tay thon nhỏ ấy đã múa lưỡi dao sáng loáng đỏ máu người. Cái bàn tay ấy vừa rồi đã dịu dàng giơ lên vuốt mấy sợi tóc mai bay trên làn da mát mịn, đã như con bướm nhỏ ngoan ngoãn nằm trong bàn tay rắn chắc của anh tôi trước, khi cô bước xuống thuyền.

Vĩnh nhìn xuống quán nước của mẹ con Nhàn. Người con gái lành hiền ấy cũng có cặp mắt bồ câu, miệng cười tươi tắn, đôi bàn tay, ôi, đôi bàn tay mềm mại, trắng muốt lành hiền như tất cả đức hạnh của cô. Bàn tay hiền dịu ấy, lúc nào Vĩnh đi qua, cũng nựng vỗ đứa em nhỏ trong lòng, hoặc têm trầu mời anh. Mới đêm nào chớm rét, bàn tay ấy đã vá áo cho anh.

"Nhàn ơi!". Tên cô gái lành hiền gợn rung trong tâm tưởng Vĩnh như cơn gió bấc. Anh tự trách lòng tại sao lại hững hờ với Nhàn. Còn mấy cô gái khác: Hiền, Thoa, Cúc, Lộc, họ cũng yêu anh lắm mà anh có thực tình lưu ý đến họ đâu. Có lẽ tất cả tâm tình thầm kín, mạnh mẽ ở lòng anh, anh chờ đêm nay sẵn sàng dâng cả cho người thiếu nữ xa lạ ấy. Anh cho là duyên số, và anh thấy rằng cuộc đời anh cũng từ đêm nay phải thay đổi ít nhiều.

Vĩnh ngả lưng xuống nệm rơm, mệt mỏi, thiu thiu ngủ.

Mờ sáng, mở mắt ra anh đã thấy mẹ ngồi bên cạnh. Bà nhìn con, lắc đầu.

– Con cứ ngủ xó xỉnh thế này à, lỡ ngộ cảm chết còng queo ra thì mẹ biết làm sao được. Về ăn cơm, rồi còn xuống bến làm. Bố mày đã thức dậy đâu. Đây, mặc thêm áo vào. Cứ cậy khỏe mà phong phanh thế, ho thì lại khổ mẹ thôi.

Vĩnh đỡ cái áo vàng ở tay bà đồ. Anh vờ cúi đầu cài khuy áo cho bà khỏi biết mắt anh đang ướt. Anh đi sát vào bên mẹ. Bà đồ xuýt xoa, lập cập dẫm đôi guốc mòn lên những hòn đá vụn.

Vĩnh nhìn làn khói trắng ở mái bếp nhà anh đang bốc lên cao, loãng dần trong gió.

*

Còi tầm vừa dứt. Vĩnh xuống bờ sông rửa mặt, chân tay bám đầy bụi than. Buổi trưa nay mưa phùn đã tạnh. Trời khô hoe hoe nắng, mù núi đã tan, nước sông chảy êm đềm. Vĩnh nhìn ra cái cù lao nhỏ, ở xa xa. Thốt nhiên Vĩnh reo lên một tiếng. Mắt anh rực sáng. Thái độ ấy khiến Lũy, bạn anh, phải ngạc nhiên, ngẩng đầu lên hỏi:

– Cái gì vậy, Vĩnh?

Vĩnh không trả lời. Anh đăm đăm nhìn một ngọn dừa trên dải cù lao xanh ấy, có một tờ giấy hồng điều bay phấp phới.

Tâm hồn Vĩnh bỗng dưng xao xuyến tưởng như mọc cánh bay ngay đến đấy. Cô gái làng Sơn Hạ đã giữ lời hẹn ước, đánh dấu nhà cô cho anh dễ kiếm tìm. Vĩnh sung sướng thấy mình được yêu – "Chắc người ấy đang mong mình lắm". Nghĩ vậy, lòng Vĩnh càng xao động, tươi tỉnh thêm ra. Chưa có cuộc đắc thắng trong tình yêu nào làm cho anh xúc cảm đến mức điên rồ lên được như cuộc đắc thắng này. Là vì chiếm được tình yêu cô gái lạ kia, anh chưa hề phải tốn công, anh chưa từng phải chờ đợi, kết quả tới mau chóng quá đến nỗi anh tưởng rằng người đẹp bên sông ấy cợt đùa anh.

Nhưng lúc này Vĩnh muốn tin tưởng hơn là ngờ vực, mặc dầu cái tên "Cô gái Sơn Hạ" vẫn làm rờn rợn lòng anh. Đây là một cuộc chơi dao sắc, không phải là yêu một cô gái nhà lành, ngoan ngoãn như Nhàn. Anh biết thế, song dải giấy hồng điều trên ngọn dừa xa xa ấy bay rướn lên theo gió, tựa hồ vẫy gọi anh sang. Vĩnh đấm mạnh vào lưng Lũy, làm cho anh này ngã lộn đầu xuống nước. Anh ta ngoi lên nhìn theo Vĩnh, miệng há hốc ra, lẳng lặng cúi xuống lau đầu tóc. Vĩnh lao mình chạy trên bãi, nhảy qua cả những xe goòng. Thấy anh bỗng vui vẻ thế, mọi người cười rộ cả lên. Vĩnh cũng cười theo, âu yếm nhìn các bạn.

*

Thuyền ra quá giữa sông. Vĩnh chèo mải miết. Mắt anh ngắm thẳng vào tờ giấy hồng điều bay phấp phới, mỗi chốc mỗi gần thêm. Da thịt nóng bừng, anh không còn biết rét. Con thuyền mỏng mảnh chồm lên chúi xuống trên làn sóng, trườn nhanh, nước bắn cả vào lòng thuyền.

Gần hơn, gần hơn nữa, thuyền Vĩnh đã sắp tới rừng dừa. Bao nhiêu sức mạnh dồn cả vào đôi cánh tay to bắp. Vĩnh lướt mái chèo. Tim anh cũng đập rộn theo sóng vỗ. Đôi cánh tay anh chợt như mềm lại. Mái chèo sũng yên dưới nước. Anh chăm chú nhìn về phía cô gái dáng hình thon thả, khuôn mặt trái xoan, cặp mắt dài hơi xếch đen lanh lánh, làn môi mọng hé ra, lộ hàm răng trắng muốt. Cô đứng tựa vào một thân cây dừa, giơ tay vẫy. Mái chèo lại mạnh mẽ khuấy dòng nước xám xanh, mũi thuyền xé sóng vút nhanh hơn trước. Thuyền đã lách vào khóm sậy.

Vĩnh nhảy lên bờ. Cô gái vẫn đứng yên, tình yêu trong sóng mắt đôi mắt sắc như dao cau, đôi mắt đẹp hơn đôi mắt của Nhàn.

Vĩnh nắm chặt hai bàn tay cô. Quanh đảo dừa, gió hú. Lá dừa quất vào nhau sàn sạt. Dải dây lưng màu cánh chả của cô gái cũng múa bay lên.

– Hồi chờ anh lâu quá. Em nói dối anh Phiên em là em đi chợ, để ra đây đứng ngóng anh. Anh chở thuyền nhanh nhỉ. Nhanh hơn cả anh Phiên em đấy. Hôm nay biển lành. Anh Phiên em vừa mới cùng các anh trai đảo rủ nhau đi nghề, có lẽ dăm hôm nữa mới về. Em đã nói trước với thầy em, hôm nay anh sang chơi...

Hai người đi bên nhau, len lách qua những gốc dừa cao vút, rợp bóng xanh. Lá reo trên đầu, cỏ mềm nép dưới chân.

– Kia, nhà em đấy.

Nhà Hồi là một gian nhà xinh xinh, bên một gốc đa cổ thụ. Ngoài có dậu nứa đan cánh sẻ bao quanh. Trong vườn trồng hoa, rau cải, xu hào. Hồi mời Vĩnh vào sân. Thấy một cụ già ngồi vá lưới, Vĩnh đưa mắt hỏi Hồi. Cô khẽ nói:

– Thầy em đấy.

Nói rồi cô lùi lại rẽ vào bếp. Vĩnh bối rối chưa biết khi đến trước ông già, anh sẽ tự giới thiệu thế nào. Nhưng ông cụ đã ngừng tay kim, gật đầu, hiền từ nhìn Vĩnh.

– Mời cậu vào chơi trong nhà.

Nghe giọng nói dịu dàng của ông già, Vĩnh thấy yên lòng.

Anh theo ông vào ngồi trên chiếc giường tre, dưới chiếu trải ổ rơm. Ông ngồi xếp bằng tròn, nạp thuốc lào vào điếu, hai bàn tay

xương xẩu, run run dí đầu que đóm vào ngọn đèn con, mắt mở to nhìn cho rõ ngọn lửa đèn bé bằng hạt đỗ. Làn khói trắng che mờ mái tóc bạc và khuôn mặt quắc thước đen sạm của ông già. Ông trầm ngâm, chờ cho khói thuốc tan đi, mới từ từ với tay nhắc cái khay chén trên bàn thờ xuống, cầm mảnh vải điều lau từng cái chén.

Cử chỉ chậm chạp của ông lúc này trái hẳn với vẻ niềm nở lúc Vĩnh mới vào sân, khiến Vĩnh lại hồi hộp, lo lắng. Anh đưa mắt ngắm quanh nhà. Trên hai cột giữa treo một cây đàn nguyệt, một ống tiện. Mặt vách, chỗ nào cũng toàn là câu đối hán tự viết lối đá thảo, gân guốc, bay bướm. Anh lẩm nhẩm đọc từng bức một. Văn hay ý đẹp khiến anh thích chí, bất giác đùi anh khẽ rung mà anh không biết.

Hồi ở dưới bếp lên, nhè nhẹ bước đến sau lưng Vĩnh, hai tay đưa cha ấm nước sôi. Thấy Vĩnh rung đùi hệt một thư sinh thời nghiên bút, cô suýt bật cười. Vĩnh giật mình đưa mắt nhìn Hồi. Má cô, ở bếp ra, đỏ hồng hồng và đôi mắt thêm đen lánh.

Cô cúi đầu đưa tay che miệng rồi e lệ bước ra sân. Vĩnh ngượng nghịu, mặt anh cũng đỏ bừng.

Trà đã ngấm, ông già rót nước ra chén. Lúc này ông mới để ý ngắm người con trai lạ ngồi trước mặt ông. Vĩnh ngượng nghịu thêm, anh vờ nghếch mắt nhìn bức hoành phi treo bên gian hữu.

Ông già nhẹ gật đầu. Trong khi để ông già ngắm diện mạo mình, Vĩnh đã tự tin dù khó nết đến đâu ông cũng không chê anh được. Buổi trưa, nhìn thấy tấm giấy hồng điều bay phấp phới trên ngọn dừa anh đã chạy như bay đến nhà người bạn hỏi mượn bộ cánh thắng vào, cũng không quên đến bác thợ cạo già cắt tóc cạo râu. Chị Năm, vợ bạn anh cười với chồng, khen rối rít: "Khuôn mặt bác Vĩnh hồng hào, vuông vắn, thành ra đội chiếc khăn của nhà tôi đẹp lắm. Chứ nhà này mặt quắt lại đen, đội xấu xấu là. Cặp áo the bác Vĩnh mặc thì vừa vặn, nhà này mặc thì dài rộng quá! Gớm, con nhà nho có khác, thắng bộ vào thế kia thì gái nào chẳng bỏ nhà theo".

Ông già nhấc chén trà mời Vĩnh:

– Cậu xơi nước đi cho nóng.

Vĩnh lễ phép đỡ chén nước của ông đưa. Ông nhấp từng ngụm nhỏ, chậm rãi nói:

– Con em Hồi nó đã nói chuyện với tôi về cậu. Nó tin chắc hôm nay thế nào cậu cũng sang chơi. Ấy, lúc sáng thấy chim khách hót ngoài bụi trúc, tôi cũng đoán ngay là có khách. Thế nào, cụ Cử bên nhà có mạnh không. Cụ vẫn làm thơ như thường đấy chứ?

Vĩnh ngạc nhiên:

– Bẩm, cụ cũng biết thầy con?

Ông già vuốt râu cười:

– Tôi thường nghe người ta nói bên bến có cụ Cử thơ hay, chữ đẹp. Tết năm nay tôi định sang mừng tuổi cụ, xin bức đại tự treo nhà. Bình sinh, tôi chỉ thích chơi câu đối, cậu ạ. Nhờ tổ ấm khi xưa, tôi cũng được đôi năm đèn sách, nhưng rồi cũng chẳng nên công cán gì. Con em Hồi và thằng anh Phiên nó, tôi vẫn bắt học khi nào rảnh rỗi, song chúng tối dạ lắm, học đâu bỏ đấy ngay. Thấy em nó nói cậu là con cụ Cử, có lòng mến em, mến tôi mà hôm nay sang chơi, thực bụng tôi rất mừng. Ở cái đất làng này, nói nhỏ riêng với cậu, con trai con gái chẳng ra sao cả. Tôi vẫn buồn phiền lắm. Nay được cậu thỉnh thoảng có thời giờ sang đây làm bạn với hai em, dạy bảo cho hai em mỗi khi dăm ba chữ, thật là quý hóa. Tôi bây giờ yếu rồi, lẫn cẫn rồi, sinh lười ra cậu ạ. Ở gần sông, gần biển rét lắm, cứ ốm đau luôn. Hễ trời ấm ráo như hôm nay mới ngồi dậy được, cất nhắc một vài việc vặt cho dãn tay chân một chút.

Những lời thân mật của ông cụ làm cho Vĩnh cảm kích, mừng vui. Anh biết những lời lẽ ấy cũng đã lọt vào tai Hồi đang đứng nghe trộm đằng sau vách, vì thỉnh thoảng anh nghe thấy tiếng động.

Vĩnh kính cẩn đáp lời ông già.

– Mới buổi đầu cụ đã thương con như là con cháu trong nhà, không còn gì may mắn cho con hơn.

Anh ngừng lại, bởi anh ngượng nghịu vì câu anh sắp muốn nói ra. Trong khi ấy anh thò ngón tay út vào chén nước, cời ra một con ruồi mới sa vào.

– Thưa cụ lát nữa về, con sẽ thưa chuyện với thầy mẹ con để thầy mẹ con có lời sang thưa cùng cụ.

Ông già rót nước vào chiếc chén khác, mời anh.

– Cậu xơi đi. Cái con em Hồi nó ướp nhiều hoa sói vào trà, thành ra uống nước đầu, hương nồng quá. À thế nào, những vế chữ này, cậu thấy có tạm được không? Cứ hôm nào con em Hồi nó đi chợ, thằng anh Phiên nó đi biển vắng, ở nhà một mình buồn, tôi lại viết nhảm nhí chơi. Gân tay yếu rồi, chữ trông run lắm nhỉ?

– Thưa cụ, câu văn nào cũng rất chỉnh, điển cố dùng rất đắt. Còn bút pháp thì con thấy thực là già, mạnh. "Bút linh diện nhập thần". Có thần trong nét chữ, thưa cụ.

Ông già vuốt râu, khà một tiếng, ngửa mặt nhìn người khách trẻ, biểu lộ tình cảm trìu mến.

Có một bóng người qua ngoài cánh dại. Vĩnh nhìn ra. Hồi đứng giữa sân, tay bưng chiếc rá. Bỗng ở đâu kéo tới một đàn ngan trắng kêu vang, xúm xít dưới chân Hồi, tranh nhau những hột cơm hạt thóc mà cô đang rắc xuống. Mấy con bồ câu trắng trên mái rạ bay sà xuống đậu vai Hồi, rồi bay tản ra các góc sân.

Vĩnh say sưa ngắm cô gái đẹp giữa đàn ngan trắng, bồ câu trắng. Anh cảm thấy đó là một bức tranh tuyệt đẹp.

Ông già khẽ gọi:

– Hồi à, con liệu làm cơm khách nhé. Ra chợ xem có cá mè tươi mua về làm gỏi. Hôm nay ấm trời, ta đánh chén với gỏi cá thì tốt lắm, phải không cậu?

Vĩnh chưa bao giờ cảm động sung sướng bằng lúc này, có lẽ là lần đầu trong cả cuộc đời anh. Hồi đã cắp rổ ra ngoài ngõ. Anh liếc trông theo, thấy Hồi ngoảnh lại nhìn anh, miệng cười chúm chím.

III.

– Lấy cho tôi chai nữa, cô Nhàn!

Vĩnh đặt mạnh vỏ chai xuống chõng. Mắt anh đỏ ngầu.

Nhàn ngồi nép bên cái tủ nhỏ và cóng nước trà tươi, rung rung đứa em bé trên tay đang khóc.

– Thôi, anh Vĩnh, say rồi đấy, về mà nghỉ.

Vĩnh quay nhìn ra ngoài sông tối, giọng anh thấp xuống như nói với ai kia đang mong chờ anh ở bên sông.

– Tôi không về..., không bao giờ tôi còn về nữa. Có lẽ tôi sẽ phải bỏ nhà bỏ cửa mà đi...

– Đấy, anh Vĩnh, say thực rồi. Về đi kẻo cụ bà lại phải xuống tìm. Trời rét mướt...

Vĩnh gục mặt vào lòng bàn tay, tóc anh rũ rượi. Anh lẩm bẩm.

– Cơ sự thế này thì tôi đến phải bỏ nhà mà đi mất... Ai lại mắng chửi mình, xô đuổi mình như con vật...

Hớp rượu cuối cùng chưa kịp nuốt đã sặc ra, rồi thì nôn thốc nôn tháo. Vĩnh ngả đầu tựa vào cột tre, mắt nhắm nghiền.

Một lúc, mở mắt, anh thấy Nhàn đứng đắp chiếc khăn dúng nước nóng vào trán anh. Vĩnh nắm lấy cổ tay Nhàn, giọng anh mệt nhọc:

– Cô Nhàn!

– Dạ...

Nhàn không rút tay lại, má đỏ bừng, cúi nhìn xuống đất. Vĩnh kéo Nhàn sát lại gần.

– Tôi cám ơn Nhàn...

Cổ anh nghẹn lại. Anh nhớ đến những lần ông bố quá say, mẹ anh cũng sợ hãi đắp khăn nóng vào trán ông như thế này. Anh nhớ đến vẻ mặt buồn phiền và đôi mắt chứa đầy thương xót của bà nhìn cha anh, rồi bà buồn phiền cúi xuống, cũng như Nhàn...

Nhàn lúc này đây, săn sóc anh như là người vợ, cũng có vẻ mặt sầu khổ và đôi mắt ướt lóng lánh nhìn anh vô cùng thương cảm. Anh xiết chặt hơn cổ tay Nhàn:

– Tôi cảm ơn Nhàn lắm...

– Có gì đâu ạ, anh Vĩnh!

Hơi thở Nhàn rộn lên vì xúc động. Bỗng Vĩnh rời tay Nhàn ra, gọi một cái bóng vừa thoáng qua ngoài bến tối:

– Lũy! Xuống thuyền chờ tôi nhé!

Anh đứng dậy, chụp chiếc mũ nồi bẩn thỉu lên đầu, lảo đảo bước ra.

Nhàn lắc đầu chán ngán. Cô thu hàng, khép tấm dại, trèo lên ghế thổi tắt đèn.

*

Lũy khép ván cửa khoang thuyền cho đỡ gió. Rồi anh thổi mồi rơm châm đèn, rít một hơi điếu cày.

Khói tỏa lên, lởn vởn đọng trên vòm mui nứa. Sóng vỗ óc ách. Thuyền khẽ tròng trành như ru.

Vĩnh nằm yên, mở to mắt nhìn vào mặt Lũy. Anh này đưa bàn tay sần sùi gãi cái sẹo ở cằm.

Lũy kể:

– Ngày bé, đã có lần tôi theo mấy người anh em sang Sơn Hạ. Bên ấy mở hội to, người các làng vạn quanh đấy kéo nhau đến xem đông lắm. Những kẻ dám đặt chân vào đất Sơn Hạ ấy thảy đều là những tay chơi liều lĩnh và cần nhất là phải giắt dao trong mình.

Tôi nhớ rằng, sợ không được đi, tôi đã lẻn xuống thuyền trước, cậy ván chui xuống nấp.

Khi đến Sơn Hạ, chờ cả bọn lên bộ rồi, tôi mới chui lên đuổi theo sau. Lúc này, thấy tôi, họ chỉ trợn mắt nhìn, đành cho theo vậy.

Chúng tôi đứng xem họ đấu vật. Tôi nho cái anh đô vật của Sơn Hạ to lớn lạ lùng, thắng tất cả đô vật khác trong mấy ngày liền. Anh ta thách những đô vật các nơi. Có một người cũng to lớn chẳng kém gì anh ta, xông vào. Mọi người đứng xem thì thầm bảo nhau đó là một tay thuyền chài ở vùng khác, vật có tiếng xưa nay. Rút cuộc, anh đô vật làng Sơn Hạ bị thua. Lúc sẩm tối, chúng tôi đang ngồi uống rượu trong quán, cô con gái bà hàng chạy về cười rú lên báo cái tin ngoài rừng dừa mới có một cái xác lòi cả ruột. Cô ta thản nhiên nhổ cốt trầu rồi tiếp: "Đó là cái xác anh đô vật thuyền chài bị anh đô vật làng Sơn Hạ mình giết đấy!"

Ăn uống xong thì sẩm tối. Chúng tôi vào đình. Mới bước đến sân đình, tôi đã sởn tóc gáy vì thấy những cây thiết lĩnh, những

ngọn giáo mác sáng loáng cắm trên hai cái giá tre bày hai bên, dưới những lá cờ ngũ hành xanh đỏ. Bọn tuần tráng anh nào cũng khỏe mạnh đi đi lại lại. Trong đình, ở hai gian bên có mấy đám thò lò, xóc đĩa. Tiếng cười thét ầm ầm như chợ vỡ. Thỉnh thoảng lại có cuộc đánh nhau; con gái, trẻ con chạy ùa cả ra ngoài. Giữa đình, phường chèo đang hát. Phường hát này mà dám nhận đám ở đây chắc cũng phải là một phường hát có gan, tay trùm cũng phải là tay ăn chơi giỏi võ.

Có một người kể chúng tôi nghe: "Một năm, phường hát này có cô đào đẹp lắm. Anh con trai một ông vạn ngỗ nghịch, võ nghệ giỏi xưa nay, tròng ghẹo cô đào hát. Bố cô đào đánh ngay con trai ông vạn ở giữa đình. Anh trai này bị thương, nhưng anh ta không tính việc báo thù. Sáng hôm sau anh làm cơm rượu ra đình mời cả phường vào thết đãi. Từ đấy, phường hát này được trai làng Sơn Hạ phục và cũng từ đấy hễ có hội hè đình đám là phường lại được dân Sơn Hạ đi mời.

Chúng tôi ra đám hát trống quân. Gái làng này đẹp lắm, cô nào hát cũng hay. Trai trong làng, trêu các nơi, hễ anh nào hát thua thì bị các cô làm cho xấu hổ, cho nhục nhã. Các cô bảo trẻ con lẻn vào đứng sẵn sau lưng, anh nào thua, tức thì chúng đổ ngay nước tiểu vào đầu, vào quần áo. Mà anh nào thắng thì có thể bế xốc ngay cô gái lên đùi, cũng có thể dắt cô ấy vào rừng dừa, ra bờ sông, vào ruộng rau, cắt tàu lá chuối trải xuống đất thay manh chiếu.

Cái trinh bạch của các gái tơ làng Sơn Hạ không có nghĩa lý gì, – kể cả đàn bà có chồng có con rồi. Trinh tiết, họ không cần giữ. Chỉ chết những thằng đàn ông. Anh nào bị phỗng tay trên thì lẳng lặng đến nhà hàng nốc cho say, rồi tìm bác thợ rèn cuối chợ, mua một con dao nhọn sắc. Công việc tính toán với nhau rất chóng. Một cái xác buộc vào hòn đá vất ra sông, nó sẽ từ từ trôi ra biển.

Một đêm hội hè vui vẻ, một đêm trai gái mặc sức nô đùa, vài ba cái xác trôi đi là thường lắm. Trong khi ấy thì những cặp nhân tình cứ tự do dắt nhau đi dưới ánh trăng, ra rừng dừa, ra vườn rau, ra bờ sông, trải tàu lá chuối xuống nằm, trải ngay trên miếng đất còn ướt máu, còn vài ngón tay bị chém vương vào chân cỏ. Án mạng trên cái đất Sơn Hạ này, ngày thường, cũng như ngày hội, xảy ra

nhanh chóng, dễ dãi như là ta nhai dập một miếng trầu. Là vì cái xác buộc vào hòn đá nặng cứ việc trôi ra sông ra biển, để cá nó ăn cho béo. Mà cá béo thì lại lọt vào lưới của chính những kẻ đã giết người, không cần hối hận. Họ đem cá đi bán cho cha mẹ, vợ con những kẻ xấu số đã nằm trong bụng cá kia. Quan không làm gì họ, bởi huyện ở xa, phủ ở xa. Đến nơi thì tang tích không còn. Thực ra, quan cũng ngán, chẳng muốn dây vào làng hủi.

Nhưng đó là làng Sơn Hạ mười mấy năm về trước. Bây giờ, anh Vĩnh ạ, tôi chắc dân đã khá thuần rồi.

Một điều ta nhận thấy là từ khi anh đến ở bến này, có nghe thấy nói làng Sơn Hạ đi cướp bóc ở đâu chưa? Có thấy một cái xác trai gái nào trần truồng giạt sang bến này không? Xưa kia, chính mắt tôi luôn thấy. Đã một lần, tôi ra đây vo gạo, thế nào mà đặt ngay cái rá lên mớ tóc nổi lềnh bềnh".

Lũy cười phá lên, cái miệng đã méo sẵn của anh ta xếch hẳn sang một bên, má đầy những hột cơm,sẹo nhỏ.

Vĩnh không cười. Mặt anh đượm một nỗi buồn thầm kín.

Lũy, thấy Vĩnh không cười thì ngẩn mặt ra. Anh nói:

– Có phải thế không? Tôi cũng nghe đồn bên Sơn Hạ, mấy năm nay, người ta dãy cả vườn hoang để cày cấy. Một nửa dân làm ruộng, một nửa dân vẫn theo nghề chài. Thỉnh thoảng con trai bên ấy chẳng sang đây mua than bán cá là gì đấy? Họ cũng lương thiện y như chúng mình.

Thí dụ như cái anh chàng đêm nọ vào đánh bạc trong sòng bạc bác Cai, dắt theo một cô gái xinh xinh ấy mà. Vĩnh còn nhớ chứ? Anh ta lành ra phết, thua sáu bảy đồng mà chẳng cáu kỉnh gì. Thế mà bây giờ người ta vẫn khinh ghét làng Sơn Hạ. Anh cũng yên trí ở Sơn Hạ trai thì ăn cướp, gái thì làm đĩ, loạn dâm. Cái miệng người đời chó lắm!

Lũy thở khói thuốc lào, dụi mạnh tàn đóm xuống sạp thuyền. Đoạn anh nằm xuống, kéo chiếu đắp cho bạn và đắp cho mình.

Lát sau, anh ngoi đầu lên khỏi mép chiếu, giọng chán nản:

– Vĩnh ơi, thế anh có hết lòng giúp tôi cái việc hệ trọng nhất đời đó không?... Cái việc Nhàn ấy mà...

Vĩnh ngồi lên, âu yếm vỗ vào đầu Lũy:

– Tôi giúp anh. Anh có thể tin chỉ từ giờ đến tết, Nhàn sẽ là vợ anh. Cứ cố dành tiền đi, rượu ít chứ.

Lũy vẫn chán chường:

– Ít lâu nay tôi sinh ra rượu chè là tại tôi rất buồn vì Nhàn. Cô ấy không yêu tôi, có thể nói cô ấy ghét tôi. Tôi biết mình xấu xí, chẳng bằng ai, nhất là chẳng bằng anh. Nhàn mê anh lắm, tôi biết. Tối nào tôi cũng phải đi qua nhà Nhàn, chứ không dám vào. Vào thì ra về thêm tủi, lại phải nốc thêm dăm cút rượu nữa mới đặt mình ngủ được. Ban nãy tôi đứng bên ngoài, nhìn Nhàn chuồm khăn nóng vào trán anh. Giá Nhàn làm thế cho người khác thì tôi đã xông vào, nhưng Nhàn săn sóc cho anh như thế là đáng lắm. Đã có một lần tôi khổ sở quá, uống cả một chai trước mặt Nhàn, rồi gục xuống. Thế mà Nhàn cứ mặc xác tôi nằm đấy. Như vậy anh bảo tôi còn hy vọng nỗi gì?

Lũy gần như muốn khóc. Vĩnh ấn đầu bạn xuống, mỉm cười:

– Anh cứ tin lời tôi. Tôi chắc mai mốt anh sẽ được ngồi nói chuyện với Nhàn.

Lũy thò tay ra ngoài chiếu, giơ lên một chuỗi dây xà tích bạc.

– Đây này, tôi đã nhịn may áo, mua cái này định biếu Nhàn. Nhưng gặp Nhàn, tôi lại hồi hộp..., thế rồi thì không dám bỏ ra, không dám nói câu gì cả.

Vĩnh bật cười thương hại bạn:

– Sáng mai anh đem bán lại nó cho hàng bạc, lấy tiền may áo rét, hay bỏ ống để mai mốt mà mua trầu cau.

Vĩnh kéo chiếu lên đắp kín đầu Lũy, rồi anh với tay ra mở cửa thuyền. Đêm nay, ánh trăng mùa đông lạnh lẽo rải trên sông, trên bến. Nhìn tảng đá bên đường goòng, Vĩnh nghĩ đến tối qua anh ngỏ lời xin cha mẹ cho anh lấy Hồi. Ông Cử thét: "Mày mà lấy nó thì tao từ. Tao như thế này mà lại đi thông gia với quân kẻ cướp à? Tao còn sống đây, lại để mày mang con giặc cái ấy về nhà này ư? Giấy rách phải giữ lấy lề. Mình tuy nghèo khó, nhưng ở cái bến này ai cũng có lòng kính nể. Nay mày rước đứa con gái ở cái làng ăn

cướp ấy về làm dâu tao, thì phỏng mày định bôi gio trát trấu vào mặt bố mẹ mày ư?"

Anh đã đau đớn, tức giận đến nỗi không sao nhịn được: "Ấy là thầy chỉ nghe người ta đồn đại những tiếng xấu cho cái làng ấy mà thôi. Hiện giờ, người ta cũng làm ăn lương thiện như mình. Cha anh cô ấy cũng có chữ nghĩa như mình, cô ấy cũng lành hiền trong sạch như là mẹ con...".

Ông Cử vơ lấy cái chén ném vào anh, ông thét: "A, thằng này hỗn láo! Mày ví những quân ăn cướp với cha mày, so sánh con đĩ với mẹ mày".

Rồi ông bước xuống giường, kéo tay anh ra cửa. Bà Cử cuống quýt níu lấy áo ông: "Thôi, tôi lạy ông, con nó dại ông để tôi bảo nó...". Nhưng ông hất tay bà ra, ông lôi Vĩnh xuống bến. Đến cái tảng đá bên đường goòng, ông đẩy Vĩnh ngồi xuống đấy, chỉ tay ra ngoài biển mịt mù: "Tao nói cho mày biết, bao giờ ngọn hải đăng kia tắt, tao chết, thì mày muốn làm gì mặc ý mày. Chứ ngọn lửa ấy còn, tao còn, thì tao quyết không cho mày lấy con giặc ấy. Tao để mày ngồi trên hòn đá này suốt đêm nay mà ngẫm". Rồi ông lại trèo lên dốc núi. Vĩnh một mình gục đầu xuống cánh tay.

Vĩnh lắc đầu, cay đắng nghĩ đến lời ăn tiếng nói của người cha. Anh trông lên chân núi, gian nhà anh lờ mờ dưới ánh trăng khuya, trong đó người mẹ già đang khóc vì anh.

*

Tinh sương, Vĩnh đã sang Sơn Hạ. Phiên, anh Hồi, đang cuốc đất trong vườn rau, bước ra niềm nở đón anh. Vào giường ngồi, đã uống hết hai chén trà mà chưa thấy tiếng Hồi, anh băn khoăn nhưng hỏi thì không dám. Ông già cũng vừa ngủ dậy, từ trong buồng bước ra. Trông thấy anh, ông có vẻ bằng lòng lắm. Có tiếng cười của Hồi ngoài ngõ. Hồi bước lên thềm tình cờ thấy Vĩnh, mặt cô ửng đỏ. Có lẽ Hồi mừng thầm, nghĩ hôm nay Vĩnh sang sớm thế, chắc là để báo cho mình một tin mừng.

Phiên tinh ý mỉm cười, hỏi cho em đỡ thẹn:

– Cô ra chợ mua gì thế?

– Em mua một cái gương. Nhà chả có cái gương nào, em cứ phải đội khăn mò, có soi thì lại ra chum nước.

– Em tôi dạo này sao hay làm dáng thế! Đưa anh coi gương có đẹp không.

Xem gương rồi Phiên cười, nhìn em bảo:

– Chiếc gương sáng quá! (Và quay lại cười với Vĩnh). Chú Vĩnh ạ, em tôi về việc mua bán thì kén chọn sành đáo để, chẳng mấy khi bị hớ đâu.

Má Hồi lại thêm ửng đỏ. Vĩnh đưa mắt nhìn Hồi. Cả hai cùng hiểu ý nghĩa câu nói của Phiên. Lúc này Vĩnh thấy quý người con trai ấy quá, muốn nắm lấy bàn tay Phiên thật chặt.

Một lát sau, Vĩnh bấm Phiên ra vườn. Vĩnh thú thật việc cự tuyệt của ông bố, giọng anh thành thực, đau buồn.

Phiên cắn môi dưới, lắc đầu. Hồi nấp sau một bụi chuối, bước ra. Mắt Hồi đã ướt, nhìn Vĩnh:

– Thày em và chúng em cũng đoán trước sự việc này rồi. Cái làng này, ai chẳng có quyền khinh. Bây giờ, tùy anh...

Vĩnh cúi nhìn xuống đất. Rồi bỗng anh nắm lấy tay Phiên và tay Hồi, mắt anh như rực lửa:

– Cơ sự đã thế này thì ngay từ hôm nay tôi không về nữa. Tôi sẽ dựng một căn nhà gianh ở làng này, để theo bác ra khơi, đợi khi nào thày tôi hồi tâm lại, sẽ hay.

Hồi ngước mắt nhìn Vĩnh. Hai bàn tay họ nắm chặt nhau, thầm trao tình gắn bó.

IV.

Phiên và Hồi đã giúp Vĩnh dựng xong một gian nhà gianh vách đất bên cây đa cổ thụ gần ngay giếng nước. Hai nhà cách nhau chỉ một quãng, nên ngày nào ba người cũng qua lại chơi bời thân mật. Mới được chừng nửa tháng, Vĩnh đã theo Phiên ra biển hai ba bận. Vĩnh khỏe mạnh, can đảm, sáng ý, thành ra học được nghề chài lưới chẳng khó khăn gì.

Một sớm, ông Trùm Vạn, bố Phiên bảo con đưa Vĩnh đi xem cảnh đảo, cùng lúc, thăm hỏi bà con trên đảo. Ông nói:

– Tôi cần báo trước với anh Vĩnh: dân đảo dừa này đều là tứ chiếng quần cư. Phần đông ông cha họ xưa kia là những người cầm vũ khí trong các cơ đội hùng mạnh của Đề Thám, Tán Thuật, Cai Vàng. Những cơ đội nghĩa quân ấy đã dần dần tan rã chỉ do cái hèn nhát của một tên vua. Đọc sách sử, anh đã rõ.

Nghe ông Trùm giới thiệu gốc nguồn dân đảo, Vĩnh kinh ngạc, lạnh sống lưng. Ông Trùm tiếp:

– Qua nhiều năm, họ rủ nhau kéo đến đây sinh sống, một lòng, một trí, chịu sự dìu dắt của tôi. Họ thay tên đổi họ, tất cả chung một họ Trần. Tôi đã tình cờ tìm ra cái đảo này, đặt nhát cuốc đầu tiên xuống mảnh đất hoang này. Bởi thế, họ xây cho tôi cái sinh phần ở cuối đảo, lát nữa, anh sẽ thấy.

Vĩnh đã cùng Phiên đi hết đảo, đã thăm hỏi khắp mặt cư dân. Vĩnh nhận thấy họ rất đàng hoàng trong thái độ và ngôn ngữ. Phút giây đầu, anh mến họ và họ cũng quý anh.

Thấm thoắt qua nửa tháng. Một buổi trưa, Vĩnh ra sông tắm; về, thấy đông nam nữ hội nhau trên mảnh sân rộng nhà cụ Trùm, người cầm đoản côn, người cầm mã tấu, đoản đao, giáo mác. Vĩnh đứng khuất mình ở một góc sân. Yên lặng như tờ. Ông Vạn ngồi chiếc ghế to đặt trên thềm. Ông giảng giải cho môn đồ nghe về võ thuật.

Vĩnh thêm kinh ngạc về lai lịch ông Trùm. Thì ra ông già này, thoạt nhìn hình dáng, có vẻ suy nhược, tàn phế đến nơi kia (cho là ông chờ chết) lại là một con người toàn tài văn võ, khéo ẩn mình!

Cuộc thao diễn vũ thuật kéo dài đến tận chiều. Lòng náo nức, Vĩnh vẫn đứng ở góc sân, sau một cây đại thụ, nhận xét tài lực của đám môn sinh ông Vạn. Cả nam lẫn nữ, người nào cũng mạnh, nhanh, song cách sử dụng binh khí đôi lúc, đôi người, còn khiếm khuyết, cần phải kịp sửa ngay. Bỗng ông Trùm cất tiếng, lệnh cho Hồi ra đấu mã tấu với một thanh niên tráng kiện, khôi ngô. Hồi không chút dụt dè, vâng lệnh. Hồi vận lối võ sinh, đầu quấn khăn túm đầu rìu, quần mầu mận ống bó chẽn, áo màu xanh quấn ngang lưng giải lụa hồng, chân dẫm đất. Vào cuộc, hai thanh mã tấu chạm

nhau tóe lửa. Đường đao của cô gái biến hóa khá lanh lẹ, có những nhát chém ngang, chém bổ thượng xuất thần. Địch thủ cô, không kém. Vĩnh tấm tắc khen. Qua mấy đường đánh hụt, Hồi nghe như đã thở. Đôi võ sinh dồn nhau tới sát vòng vôi, gần ngay chỗ Vĩnh. Chàng trai dần dần dồn cô gái vào thế bí. Đỡ một đòn quá mạnh của đối phương, Hồi vô tình xoay lưng về Vĩnh. Quá hồi hộp, Vĩnh nói đủ Hồi nghe, mách người yêu một thế thủ, thế công. Tình yêu luôn sẵn luồng giao cảm, Hồi nghe tiếng Vĩnh, nghe hơi Vĩnh, thốt khỏe ra. Nhanh như làn gió, cô phá đòn địch, hạ mình thấp xuống, phóng đao quét nhanh chân, tung mình lên, phóng cước. Đối thủ của Hồi kêu một tiếng, ngồi bệt xuống. Cả võ trường hò reo. Ông Trùm vuốt râu cười. Đôi mắt tưởng như kèm nhèm của ông già, thực tình, đã nhận rõ toàn thể hiện trường. Ông biết và mừng, thấy thằng rể tương lai ông đã khéo dấu mình ít ngày nay trước mặt ông. Anh chàng mách cái nước đỡ đòn hạ địch cho con gái mình, phải là một tay cao thủ, cũng là trúng ý ông lúc đó, song ông không thể lên tiếng "gà" cho con gái.

Hồi cúi đỡ anh chàng bại trận đứng lên, nói mấy câu nhún mình xin lỗi, rồi quay lại phía Vĩnh, đôi mắt đã sẵn đen nhánh càng thêm lóng lánh, chớp động hàng mi dài cong vút. Mồ hôi đọng trên vầng trán, cặp má anh đào, Hồi loay hoay nắn túi tìm khăn lau mặt. Vĩnh nhanh tay đưa Hồi mùi xoa của anh. Hồi lau xong, nở nụ cười duyên, đút mùi xoa vào túi áo: "Cám ơn, cám ơn anh Vĩnh!"

Cách đó ba hôm, ông Trùm muốn biết thực tài Vĩnh, tự đánh cồng, triệu tập đủ mặt võ sinh tại sân nhà. Ông mời Vĩnh thao dượt một bài quyền, bài côn, bài kiếm. Thế chẳng thể đừng, Vĩnh đành phải vâng lệnh ông Trùm một mình đứng giữa sân, trước mấy trăm cặp mắt, biểu diễn mấy môn anh đã được một võ sư người Nghệ Tĩnh truyền dạy ban đêm trên đỉnh núi bến than.

Dân đảo, không thiếu mặt nào, hết lời thán phục người khách lạ. Từ buổi ấy, họ tìm đến với anh, khách lạ thành người quen, bạn quý. Riêng Hồi, kể làm sao xiết cái vui, cái mừng, cái trọng đối với Vĩnh, đóa hoa diễm phúc của đời cô.

Một hôm, Vĩnh nằm trong lều, nghe mưa gió. Anh nghe tiếng chân người rậm rịch chạy qua. Vĩnh vặn cao ngọn lửa đèn hoa kỳ,

khẽ rút then cửa, ló đầu ra. Phiên và Hồi vừa đi tới. Thấy Vĩnh, Hồi ghé tai nói nhỏ:

– Em có lỗi, không nói anh biết từ chiều. Canh ba đêm nay, thám báo của bố cho biết có hai thuyền Tàu Ô ở Móng Cái sang, đem hàng lậu vào Cửa Tùng bán. Bố cho lệnh đánh, thuyền mình phục sẵn tại ngã ba sông gần cửa biển. Chúng em sắp khởi sự cất quân. Anh ở nhà, chờ sáng tỏ, em về. Đừng nóng ruột, đừng lo gì cho em hết, nghe anh!

Nói rồi, Hồi vuốt má Vĩnh, thầm thì, giọng ngọt ngào, mát rượi: "Nghe, anh! đừng lo gì cho em nhé. Em đã quen rồi, anh Vĩnh à!"

Vĩnh nhìn thẳng vào mắt Hồi, giọng như đao kiếm:

– Hồi thưa với bố, cho anh góp sức trận đánh này. Anh rất muốn coi tận mắt lũ giặc Tàu Ô khét tiếng hung ác xưa nay. Anh rất muốn coi tận mắt trai gái đảo dừa tung hoành hoạt động ra sao, nhất là trong đó có em, cô gái làng Sơn Hạ, cô gái yêu quý của anh, của cả đời anh.

Hồi đưa mắt nhìn Phiên. Người anh vui vẻ gật đầu. Tiếng cồng vẳng tới. Hai anh em vội kéo tay Vĩnh cùng rảo bước đến "đại bản doanh", sân nhà cụ Vạn. Thấy Vĩnh trong ánh lửa những cây đuốc nhựa thông, ông Trùm giơ cao cánh tay vẫy mời. Vĩnh bước đến ông già. Ông bảo: "Tôi chưa muốn để anh dự trận là vì còn e ngại. Nay anh có bụng hào hùng, muốn cùng sinh tử có nhau, tôi xin mời anh đi. Anh giám sát thế trận, thấy điều gì lợi hại, báo ngay cho chúng biết. Không cần giữ ý".

Vĩnh khẽ vâng. Ông lại dặn thêm: "Điều này, bác nói thật. Cái con bé Hồi của cháu ấy, nó gan dạ, liều lĩnh lắm đấy. Phải canh chừng nó, luôn luôn để mắt đến nó. Bác tin ở hành động khôn ngoan của cháu".

Canh hai, đoàn thuyền trai gái đảo dừa lặng lẽ tiến ra cửa biển. Canh ba, thuyền Tàu Ô đến, bị đánh bất ngờ. Tàu Ô nổ súng. Hồi, đoản kiếm cầm tay, né mình sau cột buồm to, bảo Vĩnh: "Anh tưởng ta không có súng à? Anh chờ nghe đấy!". Lập tức, súng ở mấy thuyền dân đảo liên hồi trả lại súng Tàu Ô. Đạn giặc nhả thưa dần. Hồi, Phiên thét hiệu lệnh, cùng Vĩnh và quân nhảy cả sang thuyền

giặc. Quần chiến bằng mã tấu, côn kiếm một hồi, giặc biển chết nhiều trên mặt sóng, một số nhảy xuống bơi trốn chạy.

Hồi cầm quân trận ấy, toàn thắng kéo về với hai thuyền hàng của Tàu Ô. Ông Trùm chia đều cho dân đảo. Cả ngày sau, Hồi nói cười vui vẻ. Hồi rủ Vĩnh đến bãi lau, ngồi đón cơn dông đang kéo đến. Vĩnh vuốt ve bàn tay trắng mịn của Hồi, bàn tay này, đêm qua, đã thọc lưỡi kiếm suốt bụng qua lưng tên cướp biển. Bàn tay dính máu. Tuy nhiên, Vĩnh vẫn thấy yêu bàn tay ấy, bàn tay người đẹp dám diệt cái ác, trừ cái hại cho thiên hạ. Cái đẹp chỉ có thực trong hành động. Vĩnh bồi hồi, đặt bàn tay ấy lên ngực Vĩnh.

Tuần sau cách đó, ông Trùm Vạn chỉ định Vĩnh cầm đầu một trận đánh thuyền cướp biển, có Hồi và Phiên bên cạnh. Trận ấy, Vĩnh vận dụng toàn trí lực, thắng rất nhanh, rút quân về cùng chiến lợi sớm hơn giờ ông Trùm chờ tin tức. Ông ôm Vĩnh, vỗ vỗ vào lưng, cũng không quên xoa đầu con gái quý.

Hồi bưng khay rượu, đồ nhắm đặt lên bàn. Ông Trùm rót rượu mời Vĩnh. Rượu ba tuần, ông vào buồng mở rương sắt, lấy ra thanh kiếm đưa Vĩnh xem:

– Thanh cổ kiếm đã nhuộm nhiều máu giặc. Kiếm tùy thân của ông Tán Thuật để lại cho ông cụ sinh ra tôi đó. Thuở ấy, ta còn trai tráng, theo bố sung quân, chuyên giữ ngựa cho ông Tán Thuật, sau chuyển sang theo hầu ông Cai Vàng, được hai ông thương yêu, truyền võ nghiệp. Ông Tán Thuật trao ta thanh kiếm cổ này, dùng trừ diệt lũ quan văn bán nước, ôm chân giặc Pháp.

Giọng ông thấp xuống:

– Bữa nay, ta trao cho cháu. Ta yếu già rồi. Kiếm báu cất lâu hoen rỉ. Cháu dùng nó thay ta, thỏa mãn linh hồn các bậc tiền nhân, tiền bối.

Hai tay, Vĩnh đón nhận cổ kiếm, cúi đầu:

– Cháu ghi ơn bác trọn đời. Cháu ở lều tranh trống trải, sợ kẻ gian trộm mất. Xin gửi bác, khi nào dùng sẽ xin bác trao tay.

Ông Trùm ưng ý, cười ha hả, tiếng cười già trẻ tương tri.

Tiết trời sang hạ. Khắp rừng cây đảo, ve sầu lảnh lót. Vĩnh, một mình, ngồi bên bãi sậy, ôm cây đờn nguyệt mượn của ông Trùm.

Mặt trời đã khuất nơi chân mây đỏ ráng. Anh đờn đôi khúc, tiếng đờn gợn gợn oán than. Tâm trạng anh rối loạn, nỗi đau nghĩ đến mẹ già bên kia bến, thấm vào đường tơ, rung lên những âm thanh não ruột. Vĩnh có ý đợi Hồi. Cô đi đâu từ sớm, anh không biết, chỉ đoán là Hồi đi lo việc của ông Trùm.

Bóng tối đổ xuống rừng cây, nhuộm đen sông nước. Có tiếng động rất nhỏ đâu đây. Vĩnh ngưng đờn, chưa kịp quay đầu lại nghe hơi gió, thì, như tia chớp, một mũi lao xuyên vút tới. Vĩnh nghiêng mình, cúi thấp, phóng cánh tay ra gạt. Nhưng không kịp né, mũi lao đã cắm ngập vào mạn sườn, cán gỗ rung rinh. Vĩnh ôm vội vết thương, định nhổ lưỡi lao. Một bóng người nhào tới. Ánh thép loáng lên. Một vế đùi anh bị bồi thêm nhát chém cực kỳ hung hiểm. Thân hình Vĩnh liền đổ xuống. Gian nhân co chân chạy, chưa kịp rút lại ngọn lao cắm ở sườn Vĩnh, bởi nó nghe tiếng chân ai chạy đến. Phiên bấm đèn soi. Nhận rõ mặt thằng Sói, Phiên vừa tri hô ầm ỹ, vừa ruợt đuổi tên hung thủ. Rừng cây đen đặc tối giúp nó biến đi đâu mất. Phiên quay lại. Mấy người trai nhà gần đó đã đứng quanh vũng máu. Họ cùng Phiên khiêng Vĩnh về lều.

Lát sau, Hồi đi việc ở thôn bên về, nghe tin, chạy đến. Cái gan, cái liều của cô gái trong trận đánh, lúc này, không còn nữa, nhường cho tiếng kêu than, nức nở, nước mắt của cái "nhi nữ thường tình". Hồi ngất lịm bên cạnh Vĩnh. Ông Trùm, vẫn bình thản như thường, bảo người trai thủ hạ:

– Chạy mau tìm anh Dềnh Xảy, mang cả thuốc men, đến ngay đây!

Bố Dềnh Xẩy, xưa là thủ túc chữa bệnh cho gia đình cụ Hoàng Hoa Thám. Dềnh Xảy học được nghề cha, lưu lạc đến đảo này từ ngày đảo mới được ông Trùm Vạn dựng lên. Anh chữa mọi bệnh toàn bằng lá thuốc, được mọi người tin cậy.

Hồi tỉnh dậy, nghiến răng rút mũi lao ở sườn Vĩnh. Máu ộc ra. Máu ở đùi cũng chảy ròng ròng. Lòng dạ cô đau như cắt. Dềnh Xảy tận tình bôi thuốc, rịt lá, băng bó, và đổ thuốc cho Vĩnh uống. Anh dần tỉnh, hé mắt trước hết nhìn Hồi, mỉm cười. Đầu óc anh đã sáng ra. Anh bắt đầu nhớ đến lời một bà già ở xóm lau nói với anh bữa nọ: "Cháu nên cẩn thận giữ mình. Ở cuối bãi kia, có cái thằng

Sói thiên lôi đánh không chết, đã lâu rồi, nó mê say theo đuổi, rình mò con bé Hồi, mong cướp cô làm vợ. Ông Trùm cự tuyệt không cho nó đặt chân vào ngõ. Cô Hồi cũng đã có lần tát vào mặt nó ngay giữa chợ cá tôm. Nó thù, uống rượu say dọa giết cô Hồi. Hơn một tháng nay, biết cô Hồi sắp làm vợ anh, nó lại rêu rao hàng quán thề phải giết anh bằng mọi cách...".

Vĩnh nghe bà già nói vậy, anh vẫn không để dạ, coi thường. Bởi, trong thâm tâm Vĩnh, nỗi chán chường, mệt mỏi khiến anh coi sống chết là chuyện không đáng quan tâm lắm.

*

Ông Trùm Vạn, anh em Hồi, bà con thôn xóm đảo cho đến thày thuốc Dềnh Xảy, ngày đêm chăm nom cứu chữa, canh gác cho Vĩnh nằm tĩnh dưỡng. Vết thương ở sườn tuy đã đỡ đau, nhưng dù thuốc gì đi nữa, máu vẫn rỉ ra, khiến Vĩnh cứ gầy yếu đi, nhắm mắt là mê sảng, oán cha, thương mẹ. Vết chém ở đùi thịt có lành rồi, nhưng xương vỡ nát, thuốc đều vô hiệu.

Hồi sớm tối ngồi bên Vĩnh hăm hở an ủi Vĩnh: Hồi sẽ trả thù, lấy đầu thằng Sói. Vĩnh nhìn Hồi âu yếm, chỉ lắc đầu cười mỉm. Ông Trùm, sau hôm Vĩnh bị thương, sai người truy lùng thằng Sói. Ngay hôm đó, Sói đã tự đốt gian lều con của nó trên bãi sú, tại đó, nhiều năm nay, nó sống chơ vơ, không hề một ai lui tới. Cả tài sản của Sói là một con thuyền, tấm lưới. Nó đốt lều rồi đẩy thuyền đi mất hút, biệt tăm. Người ta không biết lai lịch Sói, chỉ đoán phỏng là nó vượt tù, giết người cướp của, bị Tây truy nã, trốn vào đây, ngay từ ngày đầu ông Trùm mới đến. Vì thế, ông Trùm không nỡ trục xuất nó ra khỏi đảo. Không ai ưa nó. Thân hình nó to cao, mắt lồi, râu quai nón nối liền với râu cằm, râu mép. Quanh năm uống rượu với cá sống thay cơm. Ở đâu có đàn bà, có nó, là có máu rửa oán thù.

Qua một tháng, Vĩnh đã được Hồi nâng đỡ ngồi lên tập lần ra cửa. Tấm thân cường tráng của Vĩnh, sút rạc đi nhanh chóng. Chân phải gẫy xương, khó lê thành bước, luôn luôn Vĩnh nhọc mệt, đau nhức, phải dựa mình vào vai Hồi, cho khỏi ngã. Hồi càng rên rỉ, xót xa, càng căm thù thằng Sói.

Thương Vĩnh không kém gì Hồi, ông Trùm, một buổi ban mai, ngồi kỳ cạch làm cho Vĩnh đôi nạng gỗ. Vĩnh tập đi đu mình giữa cặp nạng, như cái chuông, khi bước. Hồi nhìn anh, lau nước mắt. Vĩnh chỉ mỉm cười.

Trong cơn ốm, hai bức thư của bà Cử nhờ Lũy – bạn thân Vĩnh ở bến than – ghé thuyền, lên đảo, tìm Vĩnh trao thư. Nhưng Hồi dặn mọi người không cho Lũy gặp Vĩnh, sợ rằng Vĩnh xem thư mẹ, anh càng thêm ốm.

V.

Vào một ngày hè oi nóng. Mây trắng xốp như băng tuyết trải bồng bềnh khắp nền trời xanh sáng. Chiếc thuyền gỗ nhẹ hình lá trúc uể oải rẽ sóng lướt tới đảo xanh làng Sơn Hạ. Thuyền ghé bãi lau ven đảo. Ông Cử, bố Vĩnh, khăn lượt, áo the, quần lụa trắng đã ngả màu, tay chống ô lục soạn, tay cầm chiếc roi tre gai lớn bước lên bờ. Lũy, bạn chí thiết của Vĩnh, mặt buồn rười rượi, vẫn ngồi yên dưới thuyền, không nhúc nhích. Anh thương bạn, biết rằng Vĩnh sắp bị người cha khắc nghiệt kia làm nhục.

Chó sủa vang. Gia nhân ông Trùm chạy ra ngõ, thấy khách lạ hỏi chủ mình, vội đưa khách vào nhà. Ông Trùm đứng trên thềm đón khách. Nét mặt chủ nhân ân cần, tươi tỉnh bao nhiêu thì nét mặt khách hầm hầm, bực tức bấy nhiêu. Linh cảm đã thầm báo ông Trùm vị khách quý là ai, nên nét mặt ông nghiêm lại. Ông giơ tay mời khách:

– Xin lỗi mời cụ ngồi. Quý nhân cho kẻ già nua thô lậu này được biết lý do cuộc thăm viếng bất ngờ này...

Ông Cử chau mày, quắc mắt, ngó mặt ông Trùm, dằn giọng:

– Tôi cất công sang cái đất này, chính vì cần gặp thằng con tôi, thằng Vĩnh. Đã mấy tháng nay, nó bỏ nhà đi lang bạt, có thể nay làm đạo tặc, có thể mai bị tù đày. Nó trốn lẩn tại nhà này, tôi biết. Ông mau gọi nó ra đây.

Ông Trùm ù tai, tím ruột. Ông nhìn sững mặt ông Cử, chợt cắn môi. Hình dáng một con người cũ, lâu rồi, đúng hơn, một cái bóng ma này đây, đang rõ nét, nổi hình trước mắt ông. Một kẻ thù.

Một tên phản bội, đã qua nhiều năm, ông lặn lội đi tìm kiếm, mà chưa thấy. Lão đây rồi!

– Ông có nghe tôi nói đấy không? – Ông Cử gắt – Mau bảo thằng nghịch tử, thằng đạo tặc ra đây. Nhà ông là một ổ dâm loạn, một nơi nhà chứa. Ta sẽ sai người đốt. Ta sẽ triệt hạ cái làng quỷ dữ này...

Cơn tức giận khiến nước miếng chảy ra, cổ tắc nghẹn, không thốt nên lời nữa, ông Cử hầm hầm, đập ngọn roi tre xuống chiếu.

Ông Trùm vẫn ung dung cười nhạt, hướng ra sân, lên tiếng:

– Phiên đâu, anh ra lều, dắt anh Vĩnh lên đây. Mau!

Có tiếng dạ ran. Giây phút chờ đợi Vĩnh đến, khách chủ không hề nói năng gì cả. Lát sau, tiếng nạng gỗ khua lọc cọc lối đi lát đá, Vĩnh tới thềm, nắng dãi chói chang. Anh nhìn lên, nhận thấy cha mình. Bất giác một bên nạng tuột nách rơi xuống đất. Cả thân anh treo vào một nạng, muốn nhào sập xuống.

Ông Cử, cơn điên giận nén dồn từ nãy, thấy mặt Vĩnh, bốc lên, bật lên như sức lò so. Ông bật dậy, bước xuống thềm, giơ thẳng cánh tay quất, vụt đánh tới tấp vào đầu, vào mặt, vào khắp cái thân hình què quặt, ốm đau. Vĩnh nghiến chặt hai hàm răng, không tránh, không đỡ, không kêu một tiếng. Chiếc roi tre gai xé thịt da, rạch bật máu Vĩnh. Anh vẫn đứng lặng như cục đá, trợn mắt nhìn người bố. Ông Cử thở rốc lấy hơi sức, lại vụt, lại quất, lại đánh. Vĩnh vẫn nghiến răng đứng trơ trơ.

Từ nãy, Hồi nấp sau bụi cúc tần, giận, thương, uất ức, làm cô run lập cập. Bất thần, Hồi một bước, nhảy vọt ra, giơ lưng, giơ mặt, hứng lấy, đỡ lấy ngọn roi gai vun vút xuống. Máu ở mặt Hồi ứa chảy. Vai áo lụa rách toang dưới sức roi, rạch da thịt hằn hai ba lằn máu. Ngọn roi gẫy làm đôi. Ông Cử vứt roi xuống đất, hầm hè bước lên thềm, gieo phịch người xuống ghế.

Từ đầu đến lúc này, ông Trùm vẫn ung dung tự tại – trầm tĩnh vuốt râu, uống nước, mắt nhìn vòm trời nắng đổ sao vàng, miệng như muốn cười, không muốn nói.

Ông Cử thở một hồi, nhìn xuống. Vĩnh vẫn đứng trơ trơ. Bên Vĩnh, một cô gái yêu kiều, thanh nhã, gương mặt như hoa, đang lay

động Vĩnh, cố dìu Vĩnh bỏ đi. Nhưng Vĩnh vẫn trơ như đá, vững như đồng, bất động với bàn tay ấp ủ, xoa vuốt của Hồi.

Ông Cử vơ chén nước, uống một hơi, quát Vĩnh:

– Thằng Lũy chờ ngoài thuyền đó. Thằng nghịch tử mau ra thuyền mà về bến. Tao còn phải dạy mày đến nơi đến chốn, không phải trận đòn này đã đủ đâu!

Vĩnh vẫn không động đậy, mắt đỏ vằn tia máu, mở to ra, nhìn người bố không hề chớp.

Ông Trùm, tới lúc này, xoay người lại, dịu dàng bảo Vĩnh:

– Thôi thế đủ rồi. Ta đã hiểu ra tất cả. Hồi hãy đưa anh Vĩnh về lều nghỉ. Ta có câu chuyện cần nói riêng với khách. Các con hãy lùi mau.

Vĩnh từ từ nhích động. Hồi cúi nhặt chiếc nạng gỗ. Hai người khuất dạng sau những bụi cây, tiếng ve sầu rả rích trong nắng lửa.

Tư thế vẫn ung dung, ông Trùm đưa tia mắt như lưỡi dao vào thẳng mặt ông Cử, cao giọng nói:

– Nào, bây giờ, tôi nói chuyện với ông Cử Văn đây! Ông rỏng tai nghe cho rõ.

Cái tiếng Cử Văn làm ông Cử giật bắn mình. Ông lẩm bẩm: "Sao lão quê mùa hủ lậu này biết tên ta?" Ông Trùm nhận thấy cái giật mình của ông cử, ông điềm nhiên tiếp:

– Ta biết ông. Ông không thể biết ta. Bởi ta là người truy lùng, còn ông là kẻ đi trốn lẩn.

Mặt ông Trùm đanh lại:

– Cách đây khá nhiều năm, Cử Văn, tức huyện Văn đã nhúng ngòi bút lông vào máu. Cử Văn đã viết thư tố cáo với triều đình Huế, với cha con thằng giặc bán nước họ Hoàng, với quan tây, bắt tù tội, xử tử tất cả năm bậc sĩ phu khoa bảng về tội gia nhập Cần Vương. Trong hàng ngũ Cần Vương đó, có cả ngươi, thằng ngụy nho liếm gót giặc. Tây cho ngươi một chức quan. Nhưng ngươi sợ chết, ngươi bỏ ghế quan đi lẩn trốn. Nghĩa quân Bãi Sậy giao cho ta lệnh tìm kiếm giết ngươi, rửa oán cho năm mạng.

Cử Văn, mặt như tràm đổ, cúi gầm mặt xuống. Ông Trùm cười nhạt, tiếp:

– Nhiều năm rồi, ta nghe ngóng tin ngươi. Hóa ra kẻ thù ta ở ngay sát nách. Nếu biết, ta đã sang bến "thăm" ngươi với lưỡi kiếm này rồi!

Ông với tay lấy thanh cổ kiếm, soạt một tiếng, kiếm ra khỏi vỏ, sáng ngời, dường như nồng tanh hơi máu.

Cử Văn run sợ, hai tay xoắn vào nhau, như muốn van xin, lạy lục ông Trùm. Nhìn thấu tâm trạng hèn nhát của kẻ thù, ông Trùm lặng lẽ nhìn sân nắng, vuốt chòm râu cước, cười khẩy:

– Cái đầu ngươi có đáng được hưởng lưỡi kiếm này không, ngươi tự xét xem. Lúc này, mệnh ngươi ở tay ta. Ngươi tự đâm đầu vào máy chém. Nhưng ta rộng lòng, mở đức mà nghĩ lại. Ta cho ngươi tạm sống mà về, chính bởi ta nghĩ đến cái tình của đôi trẻ, trai tài gái sắc, chúng thương yêu nhau. Giết mi, trừ đi một lão ngụy nho phản phúc, ta chỉ cần đưa một nhát gươm, nhưng ta không nỡ làm đau lòng con trẻ, mặc dầu chúng chẳng coi ngươi là người cha hiền đức.

Ông Trùm ngừng lại, rũ áo đứng lên, quát lớn:

– Thôi, ta nói thế đủ rồi. Ngươi có thể ra thuyền rồi đấy. Cút mau!

*

Qua mấy hôm sau, người bến than biết tin ông Cử vội khăn gói gió đưa, xin tiền bà vợ làm lộ phí trở về quê quán vùng Kinh Bắc. Bà Cử xin đi theo. Ông nhất quyết không cho, thề không bao giờ nhìn mặt vợ và thằng nghịch tử.

Cũng một tuần sau, ngoài bến than lại nghe tin ông Cử chết bệnh ở dọc đường, mất xác. Bà Cử kêu khóc, ốm, không dậy nổi.

Hồi bàn với Vĩnh, xin sang sông rước đón bà Cử về xóm đảo thuốc thang, hầu hạ, cho người bến than khỏi chê cười Vĩnh, cho Hồi trọn đạo dâu con. Vĩnh không muốn về bến cũ với tấm thân tàn tật, ngại thiên hạ xì xào, ngại hơn nữa là Nhàn. Vĩnh sợ, không dám thấy mặt người gái thủy chung, hiền đức ấy. Vĩnh viết thư,

năn nỉ xin mẹ sang bên đảo. Trong thư có cả lời mời mọc chân thành của ông Trùm Vạn. Một sớm, Hồi cùng Phiên chờ thuyền sang bến, Hồi trình bày hết lẽ, sụp lạy "mẹ chồng", sau đó, bà Cử mới ưng thuận sang sông, sống với con trai.

Thấy đôi trẻ yêu nhau, ông Trùm khôn cầm nước mắt. Nhân có bà Cử đã sang chung sống với con, ông Trùm quyết định tổ chức hôn lễ cho con. Vĩnh không muốn cưới. Anh nghe trong mình khó thọ, không nỡ để người vợ trẻ sớm thành góa bụa. Vĩnh xin khất năm sau. Ông Trùm không bằng lòng, mà Hồi thì khóc, tủi phận mình. Vĩnh đành tắc lưỡi nghe lời. Đám cưới rất xuềnh xoàng, đơn giản. Không hoa, không pháo, không cỗ. Chỉ có chén trà suông, mời bà con chứng giám. Hồi não ruột thở dài, cầm tay Vĩnh: "Thôi, thế cũng là xong!" Sớm chiều, Hồi hết lòng nâng niu chồng, hết lòng hầu hạ mẹ chồng, ai cũng khen Hồi dâu hiền vợ thảo.

*

Thằng Sói, từ hôm định giết Vĩnh, rồi tự đốt lều, trốn tránh nơi xa, không ai thấy bóng Sói quay lại đảo dừa. Người xóm dần cũng quên đi, duy có Hồi, không bao giờ cô gái ấy nguôi thù khi vợ chồng cô còn tồn tại ở xóm làng Sơn Hạ.

Cơn mưa vừa dứt, nắng hoe lên. Hồi dắt Vĩnh ra ngồi chơi bên bờ lau sậy mọc um tùm. Ở đây, mọc lên một thân cây lớn, quá cỡ vòng ôm. Người đảo không biết tên nó là loại cây gì, thân to cao vút, suốt cả bốn mùa cành lá tươi xanh. Người ta gọi nó là cây xanh. Hồi yêu mến cây xanh, vì Hồi đã tập đi, tập chạy dưới vòm lá cây này. Hồi tựa lưng vào thân cây. Vĩnh nằm trên rêu cỏ, gối đầu lên đùi vợ.

Thốt nhiên, Hồi rú lên một tiếng: "Nó kia rồi! Nó, đúng nó!" Hồi nhấc đầu Vĩnh lên, đứng vùng dậy, nhanh tay với cây lao của kẻ thù mà lúc nào đi đâu Hồi cũng mang theo phòng khi gặp Sói, giết Sói bằng mũi lao thù truyền kiếp.

Hồi cầm lao, chạy xuống bãi lau; ở đấy, luôn đậu chiếc thuyền nan, sẵn đôi chèo gỗ tốt. Thuyền Sói đang rẽ nước ngược dòng sông, không biết có Hồi trong bãi sậy. "Nó đấy! Nó đấy! Em đuổi theo,giết nó, một mất một còn!...". Thấy vợ một mình chọi nhau với con ác

quỷ, Vĩnh không đành lòng ngồi đợi. Anh tập tễnh đuổi theo, cũng xuống thuyền. Hồi kêu lên: "Anh để em đi. Em quyết giết nó, không cần anh giúp sức...". Nhưng Vĩnh mỉm cười, bình tĩnh trong bất cứ tình huống khó khăn nào: "Kẻ thù của anh. Phải để chính bàn tay anh giết nó. Chèo đi, kẻo nó chuồn mất đấy!".

Hồi dồn hết sức chèo. Thuyền nan đầu sóng ngược. Thằng Sói quay lại nhìn, thấy vợ chồng Hồi. Nó nổi cơn ghen, quát to một tiếng, lao cả thuyền gỗ vào chiếc thuyền nan mỏng manh. Nhưng trước khi mũi thuyền nó đâm tới, tay Hồi đã phóng mạnh ngọn lao, mũi sắc loáng cắm ngập vào lưng Sói. Nó rú lên. Cán lao rung trên cái lưng trần to như lưng trâu mộng. Máu nó đổ ra. Nó gào thét, nhảy xuống nước, dang hai bàn tay sắt, lật úp thuyền nan, làm cho Hồi và Vĩnh chìm xuống nước. Vẫn mang cây lao run bần bật trên lưng, máu hòa với nước, Sói ngụp xuống, quờ quạng tìm Hồi, Vĩnh. Hồi vốn giỏi bơi hơn Vĩnh. Cô bơi vòng ra sau lưng Sói, cố rút mũi lao ra, đâm Sói. Vĩnh dồn hết lực tàn còn lại trong tấm thân đau ốm vào đôi bàn tay trước kia bẻ sắt, chém gạch tựa chém bùn, gắng sao bóp được cổ kẻ tử thù. Sói bơi không bằng Hồi, chỉ ngang sức Vĩnh. Dưới sóng nước, bọt ùng ục nổi lên, nó xoay ngang, lộn dọc, tránh đòn của hai đối thủ. Nhân lúc Sói đạp sóng ngoi lên, nó bị hở đòn. Mười ngón tay Vĩnh đã nắm được cổ Sói. Vĩnh nghiến răng, nghiến răng, gồng hết sức mình, bóp chặt, xiết chặt. Tiếng sặc, tiếng thở của Sói đã đuối hơi, khiến nước sủi tăm, hòa với máu Sói, ùa cả vào miệng Vĩnh – Hồi. Không bỏ lỡ, Hồi luồn lách, rút được mũi lao nơi lưng Sói, Hồi giữ đứng tư thế, cắm ngập mũi lao vào trúng sườn Sồi. Nó rẫy mạnh, rú lên, rồi chân tay nó cứng đờ dần. Thân con trâu mộng từ từ chìm xuống.

Vợ chồng Vĩnh mệt, không còn đủ sức bơi. Thuyền nan của Hồi đã lật, sóng cuốn ra xa. Vĩnh – Hồi cố gắng bơi đến thuyền của Sói, kéo nhau lên. Hồi ngồi thở rộn. Vĩnh nằm duỗi chân, gối lên đùi Hồi cũng thở. Nụ cười quen thuộc, nụ cười bình thản lại nở trên môi Vĩnh. Anh vuốt tóc Hồi, khẽ nói: "Vậy là chúng ta rửa được hận thù. Anh có ra đi, cũng được thôi! Cũng nhẹ thôi!". Vĩnh nhìn trời xanh, cười thành tiếng: "Anh có ra đi..." Hồi thốt rùng mình, nhìn Vĩnh, ôm chặt Vĩnh: "Anh ơi, sao anh gở vậy. Em sợ lắm, em khổ lắm, anh ơi...".

Thuyền trở về, xuôi nước, đậu vào bụi lau. Hồi lấy đôi nạng vẫn dựa gốc cây, đưa Vĩnh. Lắng nghe tiếng nạng gỗ lọc cọc trên lối đi lát dày đá sỏi, Vĩnh ngửa mặt hát mấy câu vui nhộn Vĩnh thường quen hát. Hồi lên nhà trên, thuật câu chuyện giết Sói cho ông Trùm nghe. Ông cười khoái trá, tợp liền ba chén rượu.

*

Sau cuộc rửa thù một mất một còn, Vĩnh mỗi ngày thêm đau yếu. Vết thương cũ ở mạn sườn ngâm nước quá nhiều, bị nhiễm trùng loét lở ra. Đôi chân gần như bại liệt. Cơn sốt nóng lạnh kéo dài ngày đêm. Vĩnh gầy rạc, không ăn không ngủ. Thày mo Dềnh Xảy trên đảo bó tay, chịu không chữa nổi. Vĩnh nằm chờ đi, không rên la, không buồn tiếc, coi nhẹ như đợi chờ một cuộc viễn du giải kiếp.

... Cho đến một đêm giông bão nổi động trời, bàn tay Vĩnh rời mấy ngón tay mềm trắng của vợ yêu, thở dốc lên mấy tiếng, rồi đi, nụ cười không tắt.

Hồi sống cô đơn, vò võ. Người gái góa không còn thấy đâu là biển hồ, rừng núi, cỏ cây, trời đất. Hồi thoi thóp sống với hình ảnh Vĩnh không thể chết trong cô.

Mộ Vĩnh kề ngay gốc cây xanh đại thụ. Đôi nạng gỗ treo ở thân cây. Một buổi tinh mơ, Hồi lại treo lên ngọn dừa cao tấm giấy hồng điều gió bay phơ phất, như bàn tay ai vẫy gọi đi. Tấm giấy đỏ đưa duyên buổi trước, giờ đây tựa như cành phướn đón hồn ma nơi hoang đảo.

Người gái góa làng Sơn Hạ thốt thở dài, quen miệng nói:

– Thôi! Thế cũng là xong.

1936
Đăng Tiểu thuyết thứ bảy các số 245, 246, 247;
Tân Dân xuất bản, 1942

THANH CHÂU
(1912)

Tên khai sinh là Ngô Hoan, sinh gày 17-9-1912 tại quê huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Ông thuộc tầng lớp nhà văn trưởng thành sớm, trước Cách mạng Tháng Tám 1945. Đầu những năm 30 của thế kỷ trước ông đã là cây bút quen biết của độc giả các báo Tiểu thuyết thứ bảy, Phổ thông bán nguyệt san, nhà xuất bản Tân Dân (Hà Nội)...

Trong kháng chiến chống Pháp ông tham gia quân đội, phụ trách báo Vệ quốc quân và là thông tín viên của báo Văn Nghệ (Hội Văn nghệ Việt Nam) rồi báo Văn (của Hội Nhà văn Việt Nam).

Thanh Châu là thành viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam (1957). Tác phẩm chính: Trong bóng tối (truyện ngắn, 1936), Người thầy thuốc (truyện ngắn, 1938), Tà áo lụa (tiểu thuyết, 1942), ***Bóng người ngày xưa*** *(tiểu thuyết, 1942), Chữ số 5 (truyện thiếu nhi, 1944).*

Nhà văn Thanh Châu hiện sống ở Hà Nội.

*

BÓNG NGƯỜI NGÀY XƯA

(truyện ngắn)

1.

Cơm nước xong bốn chị em quây quần dưới ánh đèn như thường lệ. Ở tỉnh nhỏ người ta hay ngủ sớm. Nhưng trong gia đình của bốn người con gái, ánh đèn dầu bao giờ cũng le lói khuya hơn tất cả mọi nhà. Xương còn phải lo giúp đỡ u già Ái về những công chuyện bếp nước sau bữa ăn, hay tính sổ với bà Thông về những khoản chi tiêu vặt vãnh trong nhà. Trong bốn chị em, Xương là cô thiếu nữ ham xem chuyện nhất, nhưng bao giờ nàng cũng là "người đàn bà tháo vát" nhất nhà. Nếu không có Xương thì một mình bà Thông cũng nhiều khi vất vả. Vậy mà Xương lại không phải là chị cả. Nàng đẻ sau Thịnh một năm nhưng trông mặt nàng thì ai cũng phải nhầm nàng là chị cả. Hình như Xương sinh ra để mà gánh lấy tất cả gánh nặng của gia đình và của cuộc đời trên đôi vai gầy guộc. Khuôn mặt nàng có một vẻ khắc khổ như khuôn mặt

của những kẻ đàn ông mà số mệnh bắt phải phấn đấu nhiều sau này trong cuộc sống.

Thịnh thì tuy đẻ trước, nhưng nàng chỉ có được cái vẻ hồn hậu mà trời phú cho những người sẽ được hưởng nhiều phúc lộc của trời thôi. Về phần sắc sảo khôn ngoan thì nàng phải thua Xương. Thịnh là cô học trò làm dáng nhất nhà. Áo quần Thịnh bao giờ cũng mới mẻ thơm tho. Không bao giờ người ta thấy Thịnh mặc một cái áo dài có vết. Thịnh thường nói rằng dẫu nghèo đến đâu, người ta cũng cứ vẫn giữ được cái vẻ "đài các" của người con gái. Bởi vậy, tuy gia đình bà Thông thật thanh đạm, nhưng đi đến trường, đi đến đâu, người ta cũng phải khen Thịnh là một cô gái gọn gàng, lịch sự. Thịnh không thích đi chơi với Xương ở ngoài đường, bởi vì nàng bảo: Xương không có dáng một người "quý phái", Xương trông như một kẻ đàn ông rất "du côn". Xương nhìn vào mặt tất cả mọi người, và hay la cà mọi chỗ.

Thịnh lúc nào cũng chăm là áo và khăn. Nàng chải tóc cẩn thận như một con mèo làm dáng. Nàng cố tập lấy một dáng điệu đứng đắn riêng, như một người tập "làm bà". Bà Thông thấy vậy thường mỉm cười một mình. Bà biết rằng cô con gái trưởng của mình tuy vậy vẫn giấu một tấm lòng hiền thảo. Nhưng cái bề ngoài của Thịnh chỉ tỏ ra rằng trong bốn chị em nàng là người đàn bà thiết thực, có tính quyết định, và sau này lớn lên sẽ có một cuộc đời chắc chắn an nhàn.

Thịnh chỉ "ăn cánh" nhất cô em thứ ba tên là Ái.

Ái cũng đương đi học. Nàng là cô bé thông minh nhất lớp. Nhưng nàng chỉ thích có ba môn: ngụ ngôn đọc thuộc lòng, bài luận và tập vẽ. Vẽ thì bao giờ nàng cũng bỏ xa chúng bạn. Vì vậy cô giáo ở trường thường giao cho nàng tất cả các việc "tô điểm" trong lớp học. Những ngày nghỉ người ta trông thấy Ái nằm bò trên giường để vẽ xanh, vẽ đỏ vào những cái bảng "dùng thời giờ" trong lớp hay vẽ những loài động vật để dán vào tường, hay kẻ những câu phương châm cho học trò tập đọc. Những ngày có thanh tra đến khám trường, bao giờ Ái cũng được cô giáo gọi ra khoe với các bà giáo khác. Bởi vì Ái đã làm vẻ vang cho lớp học. Nhưng đến món địa dư và toán pháp, thì Ái lại thường bị phạt quì luôn. Đã vậy, Ái lại còn lợi dụng

cái tài vẽ giỏi của mình để vẽ cô giáo và các bạn cùng lớp với mình. Ái đã nhiều lần bị cô giáo tóm được về tội ấy. Những hôm như thế, thì Ái trở về nhà mắt đỏ hoe và nàng sà vào lòng Thịnh để cho Thịnh dỗ dành như một người mẹ trẻ.

Hình như Ái và Thịnh hợp nhau ở chỗ tính tình cùng vui vẻ hồn nhiên.

Xương thì trái lại, có vẻ yêu mến nhất Thuần, cô em bé sau cùng. Thuần ốm yếu nhất nhà, và cũng là cô bé rút rát nhất nhà. Thuần rút rát đến nỗi bà Thông không dám cho nàng đến trường như các nữ học sinh khác bằng trạc tuổi Thuần. Một chuyện cỏn con gì cũng có thể làm cho Thuần sợ hãi. Đọc một bài hơi dài hay phải đi lên bảng để làm tính, đối với nàng đều là những cực hình. Một lời mắng nhẹ, một cái cau mày của bà giáo, một câu chế nhạo của học trò, cũng làm cho nàng tái mặt.

Bà Thông đành để cho Thuần ở nhà. Thỉnh thoảng, lúc nào Xương được rảnh tay thì nàng lại đọc cho em một bài ám tả, hay luyện cho nàng vài bài tính ngắn. Còn thì suốt ngày người ta để mặc cho Thuần đi theo u Ái vào trong bếp nhặt rau, hay chơi đùa với lũ mèo con mới đẻ. Không bao giờ Thuần theo các chị đi chơi đâu cả. Thiếu nữ như không bao giờ muốn đi xa cái nhà nhỏ của mình. Nàng yêu những cây cảnh trong vườn cũng như những đứa con nhà nghèo bên hàng xóm. Nàng mang những quần áo cũ và đồ chơi hay bánh kẹo của mình cho chúng. Nhiều khi, người ta thấy Thuần ngồi kiên nhẫn trong một xó nào đấy để vá víu lại manh áo cũ của một con búp bê què quặt.

Buổi chiều, người ta thường thấy Thuần ngồi đan ở cửa để chờ ba chị ở ngoài về, hay chờ cái bóng của bà Thông hiện ra ở đầu phố, với cái dáng đi tất tưởi của những bà mẹ già sớm vì sự lo phiền về cái êm ấm của gia đình.

Và khi bóng tối đã trùm lên thành phố, thì mọi người đều đã có mặt ở trong nhà. Ánh đèn tuy không lấy gì làm rực rỡ như ánh đèn ở các nhà giàu hay các cửa hiệu, nhưng đó là sự dịu dàng rót vào lòng tất cả mọi người. Ai ai cũng thấy yên ổn vì được sống chung quanh những người thân. Ai ai cũng thấy lòng nở ra như những cánh hoa nở khi trời đã tối. Người ta thấy rằng giàu nghèo ở đời

không đáng quan tâm bằng sự được sum họp yên lành dưới mái gia đình. Bà Thông không thấy lo ngại mấy nữa, khi bà đã ngồi bên bốn người con.

Lúc bấy giờ tất cả nhà đều chỉ còn nghĩ đến ông Thông ở Hà Giang. Mẹ con đều nhắc nhở đến người vắng mặt. Và người ta lo rằng ở Hà Giang nước độc, nhỡ ông Thông không được khỏe chăng?

Nếu có một món ăn ngon thì tất cả đều cùng ý nghĩ:

– Tội nghiệp, thầy vẫn ưa ăn cái món cá kho này.

– Thầy ở trên ấy, không biết ăn có được ngon không?

– Chắc thầy thấy chúng ta nhắc, thế nào cũng nóng ruột.

Những ý nghĩ như thế thường làm cho Thịnh và Ái cảm động, nếu phải hôm hai cô không học thuộc bài hay phải phạt. Còn Thuần thì mãi mới lên tiếng góp:

– Em sẽ đan cho thầy một cái khăn quàng, và một đôi tất.

Nói xong, Thuần đỏ mặt, bẽn lẽn nhìn tất cả mọi người, tự cho mình là táo bạo.

Cả nhà nói đến ông Thông làm như ông Thông ở bên mình họ. Một đôi khi nếu có một cái thư từ chỗ ông làm việc gửi về thì cả nhà cho là sự long trọng, cần phải ngồi sát vào nhau mà đọc. Cũng có lần bức thư của người cha làm cho cả nhà cùng khóc. Nhưng đó là thứ nước mắt thiêng liêng, cần phải rỏ, cho đời người có ý nghĩa thêm ra. Giọt nước mắt của những kẻ quên cảnh yên vui của mình để nghĩ đến người xa xôi trơ trọi.

Tiếng xe cộ bên ngoài, tiếng hàng quà rao đêm, tiếng gì cũng không lấn át được tiếng đập của những trái tim hòa chung một điệu dưới đèn. Mùi nước chè vối thơm bốc lên trong ấm. Cửa đã đóng kỹ càng rồi. U Ái có thể lên ngồi cùng bà Thông và bốn cô con gái như một người ruột thịt. Trong cái gia đình cũ kỹ này, u Ái đã nuôi Ái từ ngày mới đẻ. Không ai bằng lòng cho người đầy tớ trung thành kia trở về làng. Người ta giữ u như giữ một người đã có địa vị vĩnh viễn trong lòng tất cả mọi người. U Ái có thể góp vào câu chuyện thân mật của bà Thông như là chuyện nhà mình.

Tuy đã nhớn, Ái cũng vẫn còn làm nũng u như thuở nhỏ. Ái bắt u kể chuyện, bắt u ru và hát. Bà Thông tuy phiền vì chồng ở

xa và nước độc, nhưng bà cũng hả lòng khi nhớ lại rằng tất cả phố ai cũng khen bà có bốn cô con gái ngoan ngoãn.

– Cô Xương lại mới mua được cuốn truyện gì rồi đấy mợ ạ. Con Thu nó kêu ở trường cô giáo bắt được cô ả đương xem truyện trinh thám.

– Con Thu là đứa làm bộ, vì nhà nó mới giầu lên, ai chả biết. Tôi không làm bạn với những người như nó.

– Nhưng cô cũng ham tiểu thuyết vừa vừa chứ. Con gái mà đọc truyện nhiều không tốt, thầy thường nói thế.

Thấy hai con sắp cãi nhau, bà Thông liền lên tiếng:

– Thôi, các cô liệu đi ngủ sớm đi, kẻo tốn dầu đèn vô ích. Tôi đi nằm nghỉ một chút đây.

Bao giờ bà Thông cũng đứng lên đi vào buồng trước. Bà đã quen tính đi ngủ sớm để dậy được sớm trước cả mọi người. Bà làm lụng suốt ngày nên tối đến cơm nước xong là thấy mỏi rần lưng. Những lần sinh đẻ vất vả trong thời trẻ đã làm suy mòn sức khỏe của người đàn bà làm ăn chăm chỉ.

Xương đứng lên xách rỏ nước và cơi trầu vào buồng cho mẹ. Còn lại ba chị em với u già Ái thì mỗi người đều nghĩ ra một việc cỏn con để vừa làm vừa trò chuyện. Thuần thì cắt một cái áo nhỏ, hay giúp u Ái chẻ tăm, hay chẻ rau làm dưa. Thịnh thì giúp Ái làm bài vở nhà trường hay hai chị em cùng làm những việc thủ công tỉ mỉ mà cô giáo thường hay nhờ Ái.

Thì giờ cứ êm đềm trôi như vậy giữa cuộc đời của bốn cô gái cùng suýt soát tuổi nhau trong một gia đình "hèn mọn", bên cạnh một người mẹ hiền từ. Cứ cuối tháng thì ông Thông ở Hà Giang gửi tiền lương về cho cả nhà tiêu dùng. Ông chỉ giữ lại cho ông vừa đủ ăn tiêu, chứ không muốn để thừa một đồng nào; e vợ con ở nhà sẽ thiếu. Đã lâu, ông biết rằng gia đình ông nhiều phen túng quẫn, chỉ vì lương ông có hạn mà con cái thì ngày một lớn dần lên. Trong thư lần nào ông cũng tỏ vẻ lo ngại là mình phải xa các con mà cảnh nhà thì eo hẹp. Nhưng có một điều ông chắc chắn là dẫu sao ông cũng lấy làm tự phụ vì đã có người vợ đảm đang, với một đàn con mà ông vẫn gọi rất xứng đáng là "chuỗi ngọc quý" của ông. Mỗi lần nhận được thư của các con, ông tưởng như được trông thấy mặt bốn

người con gái, với tiếng cười, giọng nói trẻ trung của họ. Lòng ông tức thì sáng sủa lên. Ông quên hết ưu phiền, nhọc mệt.

Đồng hồ ở nhà thờ trong tỉnh đánh 10 giờ. Những tiếng động ngoài đường đã thưa thớt. Gió đập tầu cau vào mái nhà như có người cầm chổi quét. Có tiếng mọt gặm trong một cái tủ đựng đồ ăn.

Xương gọi Thuần vào buồng ngủ chung của bốn người. Nàng vẫn ưa nằm chung với Thuần một giường từ bé. U Ái cũng thu xếp việc và cầm đèn xuống bếp.

Trong buồng ngủ của bốn người chỉ còn một ngọn đèn Hoa Kỳ nhỏ cháy tù mù. Đêm nào Xương cũng không quên thắp nó lên, như người ta săn sóc đến một người bạn giữ phần hạnh phúc của gia đình. Chiếc đèn nhỏ cháy nhấp nhấy như một con mắt lúc nào cũng mở để canh cho giấc ngủ của mọi người được yên lành. Trong đêm khuya vắng, đó là cái linh hồn giản dị và tốt lành của nhà cửa hiện ra ở cạnh ta.

Một đôi khi người ta quên khép cánh cửa sổ trông ra đường cái. Thì chính Xương lại phải ngồi lên đi ra khép cửa. Đêm về khuya, nếu trời lạnh, em Thuần có thể ho chăng? Hay nếu trời nổi cơn giông thì gian buồng sẽ bị nước mưa hắt ướt. Xương như là một người chị, lúc nào cũng phải để tâm đến các em. Nàng thường có những nét mặt ưu tư trên trán như một người trải đời đứng tuổi.

Nhưng tại sao Xương lại hay đứng lâu bên cửa sổ, và nhìn ra đường để làm gì? Các chị em vẫn thường hỏi vậy, trong khi mắt đã gần ríu lại vì buồn ngủ. Xương vẫn là một thiếu nữ kỳ quặc nhất nhà. Điều đó ai cũng biết. Có lẽ vì Xương đã đọc nhiều truyện quá rồi sinh ra khác tính đi chăng?

Không một ai biết rằng Xương vẫn thường đứng ở bên cửa sổ để nhìn lên một cái cửa sổ khác có ánh đèn, ở nhà xế cửa.

2.

Như người ta đã thấy, không có gì giản dị hơn cuộc đời của mấy mẹ con bà Thông trong cái tỉnh nhỏ êm đềm kia. Và cũng không có gì trong sạch hơn trái tim của bốn cô thiếu nữ.

Buổi sáng mai ngủ dậy, gian buồng của bốn cô đã đầy những tiếng cười và ánh sáng. Bà Thông không muốn để cho con mình quên tính ngủ trưa, nên từ lâu đã tập cho họ dậy sớm như gà.

Chỉ có Thịnh và Ái là bao giờ cũng cố nằm rốn lại năm ba phút để được cuộn tròn trong hơi ấm của chiếu chăn. Nhưng u già Ái đã đến kia. U phát mạnh vào mình các cô, và lôi các cô ngồi thẳng lên, như người ta phải xử tệ với những cậu học trò lười biếng. Nhiều khi Xương cũng phụ vào một tay, Xương cầm một chiếc gối bông ném vào đầu hai người, hoặc lôi mất chăn đắp trên người. Thế là cả bốn chị em đuổi nhau khắp gian buồng cho đến khi nghe tiếng bà Thông gọi mới thôi.

Thuần không mấy khi dự vào cuộc chơi đùa của các chị em. Thường gà ở chuồng nhà lên tiếng gáy thì nàng đã đi ra sân múc nước rửa mặt, chứ không đợi cho u già, phải hầu mình. Nàng đi xuống bếp xem nồi cháo sáng của bà Thông có được ngon không. Hay nàng bước ra vườn giúp mẹ tưới mấy luống rau thơm. Vả lại Thuần cũng còn mấy cây hoa của mình nữa. Nàng chăm nom những cây hoa của nàng cũng âu yếm như nàng đã chăm nom những con mèo nhỏ đáng yêu.

Thỉnh thoảng trong nhà có việc vui mừng hay giỗ chạp gì, thì trên bàn ăn hay trong buồng của bốn chị em, người ta lại thấy vài bóng hoa tươi của Thuần mới hái xinh đẹp như màu hồng trên môi đứa trẻ con.

Cả nhà đều biết tính Thuần ưa thích những cái "nên thơ" như vậy, nên ai cũng có vẻ kính trọng người con gái nhỏ. Những con mèo của nàng, những cây hoa của nàng đều được mọi người kính trọng như nàng. Và u Ái thường nói đùa Thuần là ngày sau lấy chồng, nàng phải lấy một người đàn ông thực là lịch sự và ý tứ. Nhưng Thuần đã đỏ mặt lên ngay, và trả lời u Ái:

– Thuần không bao giờ lấy chồng đâu u Ái ạ. Thuần sẽ ở mãi trong nhà này với mẹ và các chị cũng giống như u Ái ở suốt đời với mẹ và các chị.

Những ngày thứ năm, chủ nhật hay nghỉ lễ, Xương thường phải đến chơi nhà cô Cả ở cách nhà cũng không xa. Cô Cả là chị ruột ông Thông, bà rất giầu, nhưng góa chồng đã lâu và không con cái.

Tính bà rất khắc nghiệt, nên bốn cô cháu gái cũng không ưa lắm. Mặc dầu thế, bao giờ bảo con sang thăm cô, bà Thông cũng cho con mang hoa quả hay quà bánh gì sang biếu chị chồng.

Ông Thông lúc phải đổi đi xa có dặn chị thỉnh thoảng sang với vợ con mình và trông qua nhà cửa xem bà có điều gì cần giúp đỡ thì giúp đỡ. Nhưng đó là ông nói lấy lòng chị mà thôi. Ông vẫn biết tính chị mình keo kiệt và bẳn gắt.

Tuy nhà nghèo, nhưng chưa bao giờ ông ngỏ ý gì nhờ vả hay vay mượn chị. Có lẽ vì thế mà bà Cả lại càng tức tối. Bà biết mình trơ trọi mặc dầu có của, bà chỉ còn có em và các cháu là những người thân thuộc ở trong cái tỉnh của mình. Những người đó lại không có ý gì thiết tha đến của cải của mình để mà phải khuất phục mình.

Bởi vậy, những lần bà Cả đến là bà Thông cùng các con phải khổ sở vì những lời đay nghiến của bà.

Bà kêu ông Thông sở dĩ phải chịu túng nghèo là vì vợ con chỉ toàn là những kẻ nhàn rỗi, không biết lo toan hay buôn bán làm ăn thêm, chỉ trông vào món lương tháng của ông Thông. Bà kêu Xương đã nhớn rồi mà ăn mặc không gọn gàng, đi đứng nói cười không ý tứ, như những con nhà không ai dạy bảo.

Thế nhưng, không ai lấy thế làm điều cả. Ông Thông đã dặn vợ con là dẫu sao cũng nên nhịn cô đi. Cô đã có tuổi, vì không có con cái nên cô buồn bã mà sinh khó tính. Chỉ còn có hai chị em ở trên đời, người ta phải ăn ở cho phải đạo. Ông Thông là người cổ, vợ ông cũng thuộc về một gia đình lễ giáo, nên những lời ông căn dặn ở nhà đều nghe theo. Bà Cả tha hồ muốn nói gì thì nói. Lâu dần không ai cho là quan trọng nữa. Người ta lại lấy thế làm vui vui. Mỗi lần bà cô đi rồi thì bốn chị em lại ôm nhau cười rúc rích. Xương thường bắt chước dáng điệu của cô để làm trò cho cả nhà cười.

Nhưng khi Xương phải đến nhà cô thì khác hẳn. Nàng cho là không còn có sự bực bội nào hơn nữa. Bà Cả có khi bắt Xương phải

nấu nướng cho bà ăn hay lau cửa lau nhà như một con ở. Bà bẻ hành bẻ tỏi như chính mình đẻ ra Xương. Bà bảo Xương hư vì bà Thông không biết dạy con dạy cái.

Xương là một người thiếu nữ nhẫn nại và đã từng xốc vác từ bé, nên có thể nói là cả nhà chỉ có một mình nàng là chịu đựng được cô. Nàng lại nhanh tay nhanh chân hơn tất cả, nên chẳng bao lâu bà Cả xem chừng có ý mến Xương hơn tất cả.

Những lần bà đi lễ, đi chảy hội chùa xa với các bạn già, bà thường giao phó nhà cửa cho cô cháu gái. Xương được giữ tiền nong và coi sóc, thu vén mọi việc trong nhà bà cô như một người nội trợ từng trải và đứng đắn.

Bà Cả tuy mặt ngoài vẫn làm ra nghiêm nghị, nhưng trong lòng thường vẫn đinh ninh rằng nội các cháu mình chỉ có Xương là đáng cho bà để ý sau này. Mỗi lần trái gió trở trời bà Cả chỉ cho gọi cô Xương sang hầu hạ, đấm bóp hay đọc truyện cho bà nghe.

Trong gian nhà sạch sẽ như ly và ngăn nắp, như phần nhiều nhà các cụ già, tiếng Xương đọc truyện vang lên rõ ràng, chậm chạp. Bà Cả không thích Xương đọc làu làu như ăn cướp chữ, bởi vì mỗi lần đọc nhanh như vậy là Xương bỏ quãng từng đoạn một, chẳng còn hiểu ra sao được nữa. Xương bỏ quãng cho chóng xong, để xin phép cô về, vì thiếu nữ cho là ở đời không có công việc gì khó chịu hơn là việc đọc truyện hầu một bà già như vậy.

Ngày giờ hóa ra chậm chạp quá chừng. Chiếc đồng hồ cổ thỉnh thoảng đánh lên vài tiếng buồn rầu như linh hồn các người già lão. Bà Cả ngáp. Những vai trong truyện *Mạnh Lệ Quân, Thủy Hử, Song Phượng, Kỳ Duyên* cũng hóa ra uể oải theo giọng đọc uể oải của cô thiếu nữ tinh ranh. Bà Cả dần dần nhắm mắt thiu thiu ngủ. Thế rồi, đến khi nghe bà cô ngáy to lên là Xương đọc thấp giọng dần dần đi, như ru ngủ, rồi Xương lùi rất nhẹ ra đường.

Lúc bấy giờ nàng mới khoan khoái thở ra một hơi dài như cất một gánh nặng. Và khi thuật lại cho các chị em ở nhà nghe thì ai cũng rùng mình.

Số phận của Xương là như vậy. Hình như trong gia đình có việc gì khó khăn nặng nhọc là Xương phải giơ vai ra hứng lấy, còn mọi người thì cứ việc sống trong sự an vui rất dễ dàng.

Ngày giờ cứ qua đi như vậy. Thú gia đình hòa thuận. Tình mẹ con đầm ấm hôm mai. Đấy là hạnh phúc rất đơn giản của hạng người lương thiện.

Những người đàn bà trong tỉnh nhỏ này mỗi lúc lên đèn lại càng thấy rằng mỗi ngày sợi dây thiêng liêng mầu nhiệm của tình thân ái cứ buộc chặt thêm người cùng máu mủ vào nhau, tưởng không có tai nạn gì trên đời chia rẽ được. Và trong thâm tâm của mỗi người đều có một tin tưởng vững bền về sự vĩnh viễn của những ngày vui trong suốt như da trời xanh giữa trưa hè không vẩn màu giông tố.

Nhưng cứ mỗi đêm đóng cửa sổ để lên giường, Xương vẫn nhìn lên cái cửa sổ ở nhà xế cửa. Có khi Thuần tưởng là chị mình đứng như vậy để lắng nghe một tiếng dế vọng vào phòng từ bãi cỏ um tùm mọc ở hè đường, có khi nàng nghĩ rằng Xương mơ màng đến những người trong cuốn tiểu thuyết mà nàng vừa mua giấu chị em nhà để đọc trong những giờ trưa nàng không ngủ.

Nhưng không phải, ở trong khung cửa sổ nhà xế cửa thường thường có bóng dáng một người con trai đương tuổi lớn lên qua lại. Cả nhà đã biết đó là ai, nhưng không một ai để ý, trừ Xương ra.

Bóng người con trai mỏng mảnh như thân hình một người thiếu nữ ốm yếu vì không bao giờ rời khỏi phòng mình. Người con trai đó là Hòa. Bốn cô thiếu nữ vẫn thường nghe tiếng cụ Án gọi đến cái tên này những buổi sáng mai khi cụ thức dậy đi thơ thẩn trong vườn hoa của cụ.

Hòa là cháu nội cụ. Nhưng Hòa không còn cha mẹ nữa. Chàng ra đời thì cả cha và mẹ đã theo nhau sang bên kia cõi đời rồi. Chàng là kết quả của một tình yêu vụng trộm và bất hạnh.

Cụ Án là một người cha nghiêm khắc. Cụ không thể nào chấp nhận được việc người con trai độc nhất của cụ, ông Hoàng Mai lại đi mê một người đào hát và nhất quyết lấy nàng làm vợ. Người con nối dõi tông đường, nối dõi một thế gia lệnh tộc! Cụ đuổi ông Mai ra khỏi cửa nhà. Người đào hát đã đẻ được một đứa con trai trong khi đôi tình nhân mang nhau đi nương náu ở một tỉnh xa về miền thượng du.

Đứa con ra đời thì người đàn bà vì kham khổ, vì khí hậu không quen, đau ốm mà từ trần. Người con cả cụ Án thất vọng, chết theo người yêu dấu. Hòa còn một mình ở trên đời. Một người từ thiện thương tình cứu vớt đứa hài nhi vô tội. Hòa lớn lên trong cảnh chia lìa tan tác, nhưng chẳng bao lâu cụ Án đổi lòng hối hận. Cụ thương thân mình cô độc lúc tuổi già. Cụ sai người đi tìm cho được Hòa về.

Đã bao nhiêu năm đứa cháu sống bên cạnh ông nội, nhưng mà vẫn có một cái gì cách biệt hai người. Cụ Án vẫn không quên được rằng vì người đào hát mà con trai mình tự tử. Cụ ghét lây cả đứa con của người đào hát. Cụ sống một mình trong một nếp nhà rộng lớn như một con gấu dữ.

Hòa thuộc về loại những đứa bé đã đoán biết được cái thống khổ của cuộc đời, từ khi mới lọt lòng. Nét mặt người con trai có vẻ buồn lạnh như nét mặt những người suốt đời giữ một mối tang ở trong lòng. Chàng không hiểu biết vì sao ông mình lại ghẻ lạnh với mình. Và chàng sợ ông như sợ một người xa lạ mà mình không thuộc tính tình. Chàng thui thủi trong ngôi nhà rộng không bạn bè.

Những ngày tháng ở trong nếp nhà cụ Án là những ngày tiêu điều tẻ ngắt. Một già một trẻ sống với nhau trong đó, không những xa nhau, mà xa cả người đời.

Hàng phố không ai còn lạ câu chuyện bi thương xẩy ra trong gia đình cụ. Buổi chiều, những người dân trong tỉnh Hà Nam đi qua nhà cụ Án, nếu họ trông thấy cụ chống gậy đi lững thững trong vườn nhà, là họ thì thầm nhắc lại cho nhau nghe câu chuyện cũ.

Bốn người thiếu nữ cũng đã nhiều lần nghe u Ái và bà Thông nói chuyện với nhau về người cháu sẽ hưởng gia tài của cụ Án. Mọi người thường thở dài, hình như cũng cảm động về những sự không may xẩy ra cho gia đình cụ Án.

Bên kia đường là sự phú quý, là quyền thế, là danh giá, nhưng dưới mái nhà không có tiếng cười, không có sự sum họp, như dưới mái nhà bốn cô thiếu nữ thơ ngây sống cạnh mẹ và người đầy tớ cũ.

Hòa thường đứng trên sàn gác nhà ông mà buồn rầu nhìn sang vườn nhà bà Thông trước cửa với một tấm lòng khao khát, thèm thuồng:

Bên này, mấy người con gái cũng thường chỉ sang nhà cụ Án và đoán thầm rằng trong đó hẳn là nhiều bảo vật và nhiều thức quý giá nhìn không chán mắt.

Chỉ có một mình Xương là nghĩ tội nghiệp cho người con trai đương tuổi nhớn lên mà bị giam cầm trong một gian nhà đẹp quá, nhưng mà vắng quá!

Sự đó cũng không lấy gì làm lạ. Xương là một người con gái tinh ranh nghịch ngợm như cơn trai. Nàng không thể tưởng tượng rằng người ta có thể sống một cách vô vị và âm thầm như vậy trên đời được. Một người con trai phải có bạn bè, phải được đi đây đi đó chứ không thể cứ ru rú cả ngày với một người thầy giáo trong nhà như Hòa được.

Xương nghĩ thầm như vậy. Và đêm đêm trước khi đi ngủ nàng lại đứng bên cửa sổ mà nhìn sang cửa sổ nhà Hòa. Trong tâm nàng đã có một mối thiện cảm êm đềm cho cái bóng người con trai mảnh dẻ và đơn độc đứng lặng im ở trong khung cửa sáng đèn.

3.

Những ngày hè oi ả tới, mang theo tiếng ve sầu, làm nóng ruột những cô học trò đương mong được nghỉ. Và làm cho các thí sinh nhỏ tuổi trong tỉnh hóa ra đứng đắn.

Trên bờ sông Châu, một vài cành phượng vĩ đã nặng những bông hoa sắc lửa. Tơ bông gạo bay trong không trung và rụng trắng cả cỏ xanh.

Chẳng bao lâu đã đến ngày đóng cửa trường. Nhờ dịp ấy Thịnh, Xương, Thuần, Ái bốn cô thiếu nữ con bà Thông đã làm quen được với Hòa cháu trai ông cụ Án. Hàng năm trong tỉnh vẫn có cuộc phát phần thưởng long trọng chung cho cả hai trường nam nữ. Về dịp đó bao giờ người ta cũng nghĩ đến cụ Án bởi năm nào cụ cũng gửi sách vở giấy bút tặng học trò nghèo mà thi đỗ hay chăm học, năm nay phần thưởng của cụ Án lại to hơn, bởi vì cụ có cháu học ở trường.

Trong đời cụ Án có dễ chỉ lần này là cụ được vui lòng. Nhưng ông già kín đáo vẫn làm ra gắt gỏng. Mãi hôm đến chứng kiến cuộc phát thưởng, người ta mới thấy cụ nở một nụ cười.

Nụ cười của con người ta đã nở thì nó cũng như một bông hoa nở. Nó làm thơm cả chung quanh và dễ chịu cho cả chung quanh. Cụ Án ngồi nhìn cháu ôm chồng sách kiêu hãnh như chính mình trẻ lại và đương là một cậu học trò trẻ tuổi đi lĩnh thưởng để nghỉ hè. Giữa lúc đó thì người ta gọi đến tên Xương. Tất cả mọi người đều nhìn lại phía người con gái thứ hai của bà Thông. Xương được thưởng về gần đủ môn, và cũng đỗ như Hoa.

Xương bước lên lĩnh thưởng, dáng điệu rất tự nhiên. Nàng không cảm động, không thẹn thùng đỏ mặt như phần nhiều các cô gái khác. Nhưng thực tình, Xương cũng hơi kiêu hãnh, bởi vì Thịnh cũng đỗ và Ái cũng được thưởng rất nhiều sách vở. Ba chị em mỗi người một vẻ, làm cho mọi người bàn tán và chỉ trỏ. Cụ Án cũng để ý đến Xương như tất cả mọi người. Hoa đương thấy ông nhìn về phía ba chị em Xương thì vội ghé vào tai ông nói thầm vài tiếng. Cụ Án mở to mắt ra dáng ngạc nhiên. Cụ không ngờ những người con gái đáng yêu kia chính là những người con gái bà Thông ở nhà trước cửa. Thế rồi, đột nhiên cụ nhớ lại cái đời sống cô độc và ích kỷ của mình bấy lâu nay. Cái sống của con sâu nằm trong tổ kia, không dự gì đến cuộc đời ở bên ngoài. Cái sống của những người không sống, của những người chỉ thiết tha đến cái đau thương hay cái hạnh phúc riêng của mình thôi.

Cuộc phát thưởng đã xong. Hai ông cháu ra về cùng hể hả. Đó là lần đầu, Hoa thấy không sợ ông. Người con trai thấy mình thở được dễ dàng, cử động được dễ dàng hơn mọi bữa. Nỗi vui sướng của tuổi thanh xuân đầy hy vọng mới ca hát lên trong lòng chàng. Hoa lấy làm lạ rằng cuộc đời tưng bừng đẹp đẽ như vậy, mà đã bao năm hai ông cháu không được hưởng. Cả cụ Án cũng vừa đi vừa nghĩ thầm như thế. Những học trò ăn mặc sạch sẽ tản mác mỗi người đi về một ngả. Cái thành phố nhỏ như trở nên mới mẻ, và chứa đựng một linh hồn vui trẻ của học trò.

Hoa đi bên cạnh ông đã nghĩ đến những mộng cao xa mà mình ấp ủ từ lâu. Chàng sẽ đi Hà Nội. Chàng sẽ được học ở những trường học to lớn và có danh tiếng. Chàng biết rồi chàng sẽ còn đi xa lắm. Chàng sẽ bước vào nhiều lớp cửa đời, khó khăn, nhưng lòng chàng sẽ không bao giờ nản. Hoa ôm chặt bó sách thưởng vào ngực, ngước mặt nhìn những con chim sẻ nhảy nhót trên cây. Chàng thấy tự

phút này, đã có một sự gì đổi khác trong mình rồi. Hoa không còn là đứa trẻ sợ sệt và rầu rĩ ở trong phòng học của mình như một cành cây héo nữa.

Về gần chỗ ngã ba đường rẽ đến phố nhà thì Hoa và cụ Án trông thấy Xương đương đánh rơi sách thưởng xuống đường và đương ngồi xệp ở hè đường mà buộc lại. Chiếc áo trắng của nàng nhầu nát và hoen bẩn. Guốc của Xương cũng đã đứt quai. Nhưng không sao, Xương xách nó lủng lẳng trên tay như không có chuyện gì đáng ngại cả. Cụ Án và Hoa thấy Thịnh đương nhăn nhó vì thấy Xương ngồi cả xuống đường làm cho khách đi đường để ý.

Khi cụ Án đến gần ba chị em thì Thịnh lại càng thấy bực mình hơn. Nhưng Xương vừa thoáng trông thấy Hoa đã vội vàng đứng dậy. Nàng phủi bụi ở quần áo, luống cuống, làm cho Hoa phải che miệng suýt cười. Cụ Án vui vẻ nói:

– Các cô còn ở đây ư? Tôi có nhời mừng cụ Phán, về bảo thế nhá! Các cô học giỏi và ngoan lắm! Tôi khen đó.

Ba chị em Xương đều sửng sốt. Họ không biết đáp lại thế nào cả, nên đều nói cùng một lúc:

– Vâng ạ.

Cụ Án chỉ Xương nói tiếp:

– Cô này đầu lòng phải không? Trông giống ông nội lắm, các cô không rõ! Ông nội các cô ngày xưa là học trò ông đẻ ra tôi.

Cụ ngừng một lát để cười khà khà rồi lại nói:

– Ông cụ Huyện đẻ ra tôi ngày xưa dạy chữ Nho. Mà ông nội các cô học chữ nho cũng giỏi như các cô bây giờ học chữ Tây. Con nhà nòi có khác.

Cụ nói xong thì đi lại gần Xương và vuốt tóc nàng. Xương vội nói:

– Thưa cụ, con là thứ hai ạ. Chị Thịnh con đây mới là đầu lòng. Chị con không bằng lòng cho con ngồi xuống đất, bởi vì ngồi như thế không có vẻ là người "đài các" ạ.

Ông cụ Án và Hoa không hiểu ra sao cả, cùng cười. Nhưng Thịnh và Ái thì lo sợ quá. Xưa nay, ai cũng bảo cụ Án là nghiêm

khắc, là dữ tợn. Thế mà Xương dám nói đùa với cụ. Hai thiếu nữ vội vàng nắm tay Xương ra hiệu cho Xương đừng nói nữa.

Cụ Án gần đi còn quay lại bảo:

– Chắc ông Phán được tin các cô học giỏi thế thì phải vui lòng lắm.

Rồi cụ âu yếm nhìn đứa cháu mà lâu nay cụ vẫn thương thầm cho cảnh mồ côi cả cha lẫn mẹ... Hòa vừa đi vừa quay lại nhìn ba người con gái ở nhà trước cửa. Chàng định nói nhiều điều quá khi mới nhìn thấy họ. Nhưng không hiểu sao, chàng chỉ cười, không nói được điều gì. Có lẽ vì có ông ở đấy nên chàng không nói được. Nhất là đối với Xương thì Hòa lại càng muốn nói nhiều điều hơn nữa. Xương, người con gái vẫn thường đứng ở cửa sổ mà nhìn lên cửa sổ của chàng với một đôi mắt hiền từ đầy thiện cảm. Không hiểu sao, Hòa cho rằng trong bốn người con của bà Thông, chỉ có Xương là người hiểu được cảnh ngộ của mình hơn cả. Hòa vẫn đinh ninh rằng những nỗi buồn rầu, đau khổ của mình nếu một ngày kia có phải nói với một người nào, thì người đó phải là Xương.

Vậy mà hôm nay, gặp được dịp may mắn nhất để nói với Xương và hỏi han chị em Xương một vài câu gì đó, thì Hòa quên khuấy ngay đi.

Và rồi Hòa đi về thẳng với ông. Cả ngày hôm đó, chàng buồn như đã đánh mất một thứ gì quý giá trên đời, mà không có dịp tìm ra được nữa.

Trái lại, ở nhà bà Thông thì thực là một ngày đại hội. Bà Thông thấy các con mình ngoan thế, đã đi chợ từ sáng sớm. Bà nấu chè, xếp đầy hoa quả vào giỏ mây của các con. Thuần cũng dậy sớm và đã cắm đầy hoa vào các lọ độc bình. Cả nhà ăn tiệc mừng hai cô thi đỗ và một cô được lên lớp nhất.

Riêng Thuần biết rằng mình chẳng bao giờ lên lớp hay thi đỗ gì được cả. Nhưng, tin mừng đến cũng làm cho cô gái ít tuổi nhất nhà thấy nao nao trong dạ.

Nàng không thấy nẩy ra sự ghen tị gì hay tức tối gì đối với chị em mình.

Nàng chỉ thấy càng yêu thêm mọi người ở trong nhà. Và lại càng lo sợ rằng hạnh phúc đã đến nhà mình nhiều quá, nhiều quá sức mình mang nổi. Nhưng khi Thuần nghe Ái và Thịnh thuật lại việc gặp cụ Án và Hoa ở dọc đường thì nàng mới cho đó là việc lạ lùng hết sức.

Thuần bao giờ cũng vẫn là người sợ cụ Án nhất nhà. Từ thuở bé, nàng đã nghe mọi người chung quanh thì thầm những sự dị kỳ về cụ Án. Cụ Án là một người dữ tợn. Cụ Án là một người ác đức. Cụ Án đã làm cho vợ chồng người con trai cụ phải đem nhau đi, và chết ở xứ xa. Cụ Án không ưa gì đứa cháu trai của cụ.

Thuần vẫn yên trí là một người như cụ Án thì không ai dám tới gần.

Vậy mà Xương đã dám trêu cụ Án. Thuần nhìn chị bằng đôi mắt kính phục khác mọi ngày. Và nàng lại khám phá ra rằng người chị thứ hai của mình hễ gần ai, thì người ấy tức thì yêu thích.

Xương đáng lẽ là đàn ông mới phải. Nàng sống một cách dễ dàng. Không có sự gì là quan trọng đối với người con gái ấy. Thuần nghĩ thầm như vậy và nàng cho rằng nếu trong gia đình của bốn chị em, giá Xương là con trai, thì mọi người không còn phải lo ngại gì hết nữa. Ông Thông có thể đi Hà Giang hay đi xứ nào rất xa xôi trong suốt một đời người cũng được.

Giữa lúc cả nhà đương ăn cơm vui vẻ, thì một đứa ở bên nhà Cụ Án cầm một mảnh giấy đưa sang. Cả nhà không hiểu ra sao, đều buông đũa ngồi im lặng. Xương chạy ra cửa cầm lấy tờ giấy ở tay đứa ở nhà cụ Án và nàng đọc to lên cho mọi người nghe:

Bà Phán,

"Ông cụ đẻ ra ông Phán xưa kia là học trò ông cụ đẻ ra tôi. Đáng lẽ tôi cũng năng đi lại với những người quen thân mới phải. Nhưng đã bao lâu tôi buồn rầu vì chuyện nhà, nên không muốn đi đâu cả.

"Ngày mai là ngày giỗ cậu thằng Hòa. Giá ông Phán ở nhà, thì thế nào cũng mời ông sang uống với tôi một chén rượu. Nhưng ông đi vắng thì bà cho phép các cô sang chơi một lát. Tôi đã sửa tiệc mừng cháu Hòa thi đỗ. Và tôi cũng muốn thưởng thêm các cô

con gái đáng yêu và học giỏi của bà. Nghỉ hè này, tôi vẫn nhờ ông giáo Phúc dạy thêm cho cháu Hòa. Bà nên cho các con sang tôi học thêm cho mát mẻ.

"Lòng tôi thành thực, bà thuận cho như thế thì vui vẻ lắm. Nhà tôi rộng rãi và rất neo người. Các cô sang học sẽ tha hồ chạy nhảy trong vườn.

Nay kính

4.

Bức thư của cụ Án đã làm cho hai nhà bỗng chốc trở nên thân mật. Và cả đến Thuần là người sợ cụ Án nhất nhà, bây giờ cũng đã dám thỉnh thoảng mang quà sang biếu cụ. Khi thì bà Thông bảo Thuần nấu mấy bát chè, khi thì bà bắt các con làm vài thứ bánh mang sang cụ Án.

Mỗi lần nhận được quà là cụ Án lại sai người nhà mang biếu lại bà Thông một gói chè hay một vài thứ hoa quả gì mà các người đi Hà Nội về thường mua cho cụ.

Nhưng chỉ có Hòa là thấy mình sung sướng nhất. Đương là đứa trẻ mồ côi sống lặng lẽ trong một ngôi nhà rộng quá, bây giờ có bạn, Hòa mới nhận ra rằng người đời nếu không đoàn tụ, nếu không chia được cái vui cái khổ cùng nhau, thì những ngày tháng trở nên dài rỗng, nặng nề, vô vị.

Gian phòng học âm u của Hòa bây giờ mở cửa suốt ngày, và suốt ngày vang lên những tiếng cười nói của mấy cô thiếu nữ. Ông giáo Phúc là một người có họ xa với cụ Án, hết sức luyện tập cho mọi người trong mấy tháng nghỉ hè. Bởi vậy cả Hòa và Xương, Ái, Thịnh đều tấn tới lạ lùng.

Sự đó cũng nhờ Phúc là một ông giáo vui vẻ đương còn trẻ tuổi. Thầy trò cũng tương đắc như anh em một nhà nên cái không khí ở nhà cụ Án thực là dễ chịu khác xưa.

Những hôm nghỉ học, cả đoàn đã đem nhau đi chơi các vùng nhà quê gần tỉnh. Hay họ đi ra bờ sông Châu nhìn những mảng bèo Nhật Bản, những chiếc thuyền trôi lơ lửng theo dòng nước. Hôm nào

ở nhà thì cả bọn lại ra ao sen câu cá, hái doi hay chạy nhảy trong vườn.

Cái vườn của cụ Án không thiếu thức hoa quả gì, tha hồ cho mấy cô con gái bà Thông đùa nghịch leo trèo thỏa thích.

Thuần tuy vẫn ở nhà với bà Thông và u Ái, không theo học nữa, nhưng thỉnh thoảng cũng dự vào cuộc chơi đùa của chị em ở trong vườn nhà cụ Án. Cụ Án cũng biết rằng tính Thuần rút rát, nên cụ thường tránh đi chỗ khác mỗi lần thấy bóng Thuần ở nhà mình.

Cụ biết rằng một cái nhà trật tự quá, một cái nhà mà người ông hay người cha nghiêm khắc quá, thì không bao giờ được nghe những tiếng cười của lũ trẻ.

Thực là một sự lạ lùng! Những tiếng cười của những cô gái ở nhà trước cửa đã làm đổi tính được một người già khó tính như cụ Án, và làm cho đôi má của Hoa hóa hồng hào. Cụ Án mỗi lần nhìn cháu lại thấy mắt người con trai lóng lánh thêm lên. Dáng điệu của Hoa thành rắn rỏi, không phải là dáng điệu ẻo lả của một người ốm nữa.

Cụ Án thấy cháu mình thành thực sung sướng giữa thầy học và bạn hữu. Lòng cụ hơi thắt lại vì cảm động. Nhiều lần cụ tự hỏi có phải xưa kia mình đã bất công và độc ác đối với đứa cháu của mình chăng?

Nhưng, một người già hơn sáu mươi tuổi rồi thì làm sao hiểu được tính tình một đứa con trai mười tám tuổi đầu? Vả lại, cảnh cụ cũng thật là bi đát. Hoa không hiểu rõ hết được sự thể ra sao, nhưng chàng đã đoán được từ bé rằng tính của ông – người đàn ông độc nhất ở đời mà mình có bổn phận phải yêu – đối với mình có một vẻ gì gượng gạo. Mỗi lần chàng nhìn vào mắt ông thì chàng nhận ra ngay điều đó.

Còn cụ Án thì mỗi lần nhìn vào mặt cháu lại nhớ đến nét mặt đứa con trai và nét mặt người đào hát, nhất là nét mặt đáng ghét của người đào hát.

Cụ thấy cảnh Hoa tuy giống bố ở dáng người cao, vai rộng, cái cằm khỏe mạnh, cái trán cao, nhưng vành môi, và miệng thì có vẻ mềm mại quá. Rõ ràng đó là cái miệng của người mẹ mà cụ yên trí là lẳng lơ mất nết.

Đã vậy dáng điệu của Hòa lại không có vẻ đàn ông cứng cáp như cụ muốn. Cả dòng họ cụ, người đàn ông nào cũng hiên ngang khảng khái. Cụ không chịu được rằng giọt máu của cụ lại là giọt máu yếu đuối của một dòng giống hạ tiện pha vào.

Thế là, trong bao nhiêu năm, ông cháu thành ra cách biệt, tuy cùng sống với nhau dưới một mái nhà. Người con trai tự nhiên thấy sợ ông, hễ lúc nào có mặt ông thì chàng câm lặng. Hòa trốn vào buồng học của mình có khi suốt một ngày.

Sự sợ sệt đó càng làm cho cụ Án bực mình. Cụ không hiểu nên làm thế nào để cho Hòa quen với cụ và dần dà yêu cụ được. Vì dẫu sao đó cũng là cháu cụ. Cụ biết rằng cụ vụng về, vì thế cụ lại càng tức tối. Cụ thấy Hòa ngày một buồn rầu, kém ăn, và không bao giờ có một tiếng nói to, một nụ cười.

Ngờ đâu bỗng chốc mấy cô gái nhỏ ở trước cửa đi vào nhà cụ, và họ làm thay đổi hết như là phép nhiệm mầu. Tất cả gánh dĩ vãng nặng nề trên vai cụ Án rơi đổ tức thì. Cụ săn sóc đến tất cả mọi người chung quanh. Cụ đã tìm thấy hạnh phúc được sống ở đời. Cụ mừng thầm rằng cháu cụ khỏe mạnh ra, và ham học, ham chơi hơn trước.

Mà thực vậy, mỗi lần ông giáo Phúc chấm bài ông giáo cũng ngạc nhiên thấy Hòa rất chịu khó, rất cố gắng trong sự học. Hình như trong lòng người con trai đương tuổi lớn lên đang có một nguồn hy vọng dồi dào, bồng bột. Nó như một ngọn suối nhỏ đã gặp được một dòng sông chảy mạnh để cùng tìm ra bể rộng.

Và mỗi buổi chiều đi bên cạnh Xương trên bờ sông, Hòa cũng thường bảo với cô bạn thân mến của mình rằng:

– Hòa muốn chiếm hết cả các bằng ở trên đời này, Xương ạ. Hòa muốn học mãi để giúp ích cho đời. Bởi vì nhiều người khổ quá! Hòa muốn tất cả mọi người sẽ bằng lòng Hòa. Hòa sẽ học và yêu... tất cả mọi người.

Trong lúc Hòa nói thế thì Xương nhìn người bạn trai của mình bằng đôi mắt kính phục. Mà Xương cũng tin rằng Hòa sẽ làm được như mình đã định. Ánh sáng trong đôi mắt Hòa có một cái gì vừa cương quyết vừa dịu dàng. Xương nói:

– Hòa có ông Hòa giầu như thế thì học đến đâu mà chẳng được. Sau này Hòa sẽ đi ngoại quốc học thêm, bao giờ về thì mọi người sẽ được bằng lòng và sung sướng, vì thấy Hòa sung sướng.

Hòa vội trả lời:

– Không phải thế đâu, Xương ạ. Nếu ông Hòa giầu mà Hòa không được gặp chị em Xương thì chưa chắc Hòa có thích học như bây giờ không kia đấy!

Hình như đã lâu, Hòa vẫn coi gia đình chị em Xương như gia đình của mình rồi. Cả trước kia cũng vậy, những hôm đứng ở gác nhìn sang nhà Xương, được chứng kiến cái cảnh hòa thuận êm ái của nhà Xương, Hòa cũng thấy vui lòng và đỡ trơ trọi. Hòa biết rằng thế nào một ngày kia, Hòa cũng được dự một phần vui ở giữa cái gia đình ấy. Hòa sẽ có một địa vị trong lòng những người mà Hòa yêu mến. Và rồi mọi người cũng sẽ yêu Hòa như vậy.

Chàng ngừng một lát nhìn Xương rồi nói tiếp:

– Ngày nay đã là sự thực, Hòa thấy vang trong lòng một nỗi vui mới mẻ, dịu dàng mỗi khi trông thấy Thịnh, hay Thuần, hoặc Ái chạy quanh Hòa. Cũng như trước kia, Hòa đứng trên gác nhìn sang nhà Xương mà được nghe tiếng bà Thông ở trong nhà gọi đến tên mấy chị em Xương đương chơi đùa ở trong vườn. Những cái tên Xương, Thịnh, Ái, Thuần, Hòa đã nhớ rõ như chính tên mình. Nó đã vang lên vui vẻ trong lòng Hòa từ ngày Hòa đến ở với ông.

Rồi Hòa kể đến cái thuở bé của mình ở miền rừng. Những ngày đó đã xa xôi quá, Hòa chỉ còn nhớ lờ mờ như chuyện đã xảy ra trong mộng. Hình như cha mẹ Hòa yêu nhau lắm. Hai người thường dắt Hòa mỗi buổi mai đi hóng mát ở bên bờ một con sông chảy giữa hai hàng núi. Nước có khi nông trông thấy cả đáy rêu xanh và cuội trắng. Hai người thường nhặt những hòn cuội cho Hòa chơi. Thế rồi hai người cùng đi mất. Hòa sống với một gia đình xa lạ, Hòa không được yêu chiều như trước nữa. Cho đến một ngày kia ông Hòa cho người đón Hòa về.

Những chuyện đó đã làm cho chị em Xương cảm động, và vì thế họ càng thương người bạn trai của họ.

Tình bạn giữa mấy thiếu niên càng ngày càng thêm khăng khít. Và trong bức thư nào gửi đi Hà Giang cho ông Thông, bốn cô con

gái cũng nói đến tên Hoa và cụ Án. Ông Thông thấy mình ở xa nhà, mà được cụ Án để tâm giúp đỡ cho gia đình mình như vậy cũng rất lấy làm cảm kích. Ông Thông càng vui lòng hơn khi thấy vợ con nhắc đến chuyện ông thân mình ngày xưa là học trò ông đẻ ra cụ Án.

Ông Thông là người biết ăn ở lắm. Chuyện ân nghĩa trước kia, ông vẫn để tâm, chứ không phải là ông không biết. Ngặt vì ông thường thấy cụ Án tỏ ra ghẻ lạnh và cao kỳ với tất cả mọi người hàng xóm, nên ông không muốn đi lại, sợ có kẻ không hiểu mình lại cho là ông cầu cạnh, làm quen với kẻ giàu sang quyền quý. Ông nghèo nhưng bao giờ cũng rất giữ gìn.

Bây giờ, thấy vợ con ca tụng cụ Án bằng những lời chân thành sốt sắng, ông cũng thấy hả lòng. Ông lại càng dặn vợ con ăn ở với cụ Án cho phải phép để đáp lại chỗ tốt của một ông già chỉ đáng thương mà không đáng trách.

5.

Người trong tỉnh không mấy ai là không biết rằng bên nhà cụ Án và bên bà Thông quý mến nhau, đi lại với nhau mật thiết, chỉ vì những người trẻ tuổi thân nhau.

Thế nhưng cũng đã có nhiều kẻ rỗi thì giờ bàn tán, đặt điều những tiếng xấu. Họ kêu bà Thông có những bốn cô con gái nhớn, bà nghĩ đến việc sau này của các cô sớm như vậy là hơn. Họ bảo nhà ông Thông cũng chẳng giàu có gì, mà bên cụ Án thì chỉ có độc một người cháu trai để thừa hưởng gia tài của cụ. Một vài người đàn bà mỉa mai khen bà Thông biết lo liệu khôn ngoan.

Ở tỉnh nhỏ, không làm sao người ta ăn ở cho vừa lòng khắp mọi người được. Nhà nào cũng là cái bia cho dư luận. Bởi vì đời người phong lưu ở trong tỉnh nhỏ thường tẻ nhạt. Phần đông người ta không biết làm thế nào để tiêu cho hết ngày giờ, nên người ta thường thích soi bói và để ý đến đời riêng của kẻ khác.

Bà Thông cũng đã nhiều lần nghe u Ái đi chợ về kể lại cho nghe như vậy. Vì có nhiều kẻ tò mò không nhịn được, họ phải hỏi ngay người ở cùng nhà với bà Thông cho rõ chuyện mới thỏa lòng. Nhưng u Ái đã trả lời họ những câu mát mẻ để tỏ lòng khinh bỉ

của người đầy tớ trung thành không chịu được người ngoài miệt thị chủ mình.

Còn bà Thông, bà chỉ mỉm cười. Bà biết rằng nhà mình tuy nghèo thực nhưng lương thiện. Và các con mình tuy đương tuổi nhớn lên, nhưng lòng vẫn trắng trong. Bà chỉ nghĩ mừng cho cụ Án đã đổi được tính tình xưa, nhờ thế đứa cháu trai của cụ mới trở nên khỏe mạnh, vui vẻ và chăm học.

Bà Thông kính trọng cụ Án như một người cha có tuổi, hơn thế nữa, như một người mà gia đình nhà chồng đã chịu ơn. Một đôi khi, nếu buổi chiều mát mẻ, cụ Án cũng bảo cháu đưa sang nhà trước cửa. Bà Thông bảo các con pha nước, và chính bà thường thân hành đứng tiếp chuyện cụ và chuyên nước trà vào chén cụ. Cụ Án cũng nhân dịp đó kể những chuyện ngày xưa, những kỷ niệm lúc thiếu thời, cho bà Thông và các con nghe. Nhưng không một lần nào cụ đả động đến việc người con trai của cụ và người đào hát.

Từ đó, không ngày nào là Hòa và Xương không gặp mặt nhau, Hòa mỗi ngày lại tấn tới thêm lên một chút trong sự học. Bây giờ không cần ai nhắc nhở, Hòa cũng học hành ăn ngủ rất đều. Cụ Án không thấy chàng thỉnh thoảng lại cáo ốm, vào buồng mình nằm hàng buổi như trước nữa.

Và người thầy giáo của Hòa cũng vậy, cũng mỗi ngày lại ngạc nhiên thêm vì thấy cậu học trò mình thương mến như em không còn tỏ ra nhọc mệt, ngại ngùng trước những bài ra nhiều lúc khó khăn hóc hiểm.

Thầy giáo của Hòa là con trai một người thuộc hạ của cụ Án, một kẻ tay chân người đồng hương của cụ trong khi cụ còn làm Tri phủ ở một vùng xuôi. Chàng mất bố đã lâu, tuy đã đỗ bằng Sư phạm nhưng vẫn chưa được bổ. Biết chàng cần phải kiếm tiền nuôi mẹ, vì thương tình người cũ của mình, cụ Án nhắn chàng ở quê nhà lên kèm dạy cho Hòa. Nên Xương, Thịnh và Ái vì vậy cũng thành ra học trò của chàng trong một vụ hè.

Thầy giáo Phúc tuổi hơn học trò không mấy nên chẳng được ai gọi bằng "ông" cả. Mà Phúc cũng không cần gì hơn thế. Tính tình chàng vui vẻ, rất hợp với bốn người trai gái mà chàng yêu quý ngay tự lúc đầu.

Buổi học nào cũng có vẻ anh em thân mật làm cho mọi người cùng cố gắng.

Những ngày hè trong sáng đi qua rất êm đềm. Khu vườn của cụ Án ngày nào cũng vang những tiếng đọc sách, tiếng cười nói của bọn thiếu niên sung sướng. Buổi chiều cụ Án cho phép ông giáo dẫn học trò của mình đi ra bờ sông hóng mát. Người ta thường thấy Hòa đi bên cạnh Xương bàn chuyện lên Hà Nội học. Xương thường riễu Hòa gọi đó là câu "chuyện tương lai".

Còn Phúc thì người ta nhận thấy rằng chàng săn sóc nhất đến cô chị cả tên là Thịnh. Trong lúc học, trong lúc chơi, bao giờ Thịnh và Phúc cũng có vẻ quyến luyến nhau hơn cả. Có lẽ bởi vì Thịnh chỉ kém ông thầy của mình hai tuổi.

Xương thì lúc nào cũng hình như không có gì thay đổi, dáng điệu vẫn nghịch ngợm như thường ngày. Thế nhưng Hòa biết rằng thiếu nữ vẫn có một sự gì giấu giếm mình. Hòa lấy làm bực tức một chút về chỗ đó.

Đã lâu, chàng coi Xương như một người ruột thịt của mình, không có việc gì là chàng không nói với Xương. Vậy mà Xương tuy thân mật với chàng nhưng bao giờ chàng cũng có cảm tưởng là xa cách.

Nhiều khi chàng thấy thiếu nữ đứng thờ thẫn một mình dưới gốc cây ở bờ ao, hay là Xương tuy vẫn nói chuyện với chàng, nhưng chàng biết là Xương nghĩ đâu vào chỗ khác.

Ở gác nhà Xương có một gian buồng xép dùng làm chỗ chứa đồ đạc cũ. Xương thường thích ngồi trong đó một mình hàng giờ để lúc đi ra ngoài ánh sáng thì mắt long lanh và má đỏ bừng lên như người sốt rét.

Mấy chị em đã hiểu tính Xương thường "khỉ" thế, nên chẳng ai lấy làm lạ cả. Duy chỉ có Hòa là sửng sốt và lo lắng, mỗi lần thấy mặt Xương biến đổi như một phong cảnh vừa qua khỏi cơn giông tố.

Hòa để tâm rình. Và chẳng bao lâu chàng thỏa nguyện. Cái bí mật của Xương không có gì là bí mật nữa, Xương làm văn giấu mọi người. Thiếu nữ thường ngồi hàng giờ trên gác xép của nhà mình, chính là để viết tiểu thuyết gửi đăng một tờ báo nhi đồng trên Hà Nội.

Hôm đó, Xương đi ra nhà dây thép để gửi bài, thì Hòa nấp ở bên một gốc cây chạy xồ ra giật lấy. Xương giật nẩy mình, nhưng lúc biết là Hòa thì nàng giận lắm.

– Hòa! Giả ngay đây! Tôi không bằng lòng Hòa chơi thế.

Hòa thấy rằng Xương giận thực. Chàng nhìn qua cái phong bì rồi đưa trả.

Lòng đầy căm tức, chàng nói dỗi:

– Đây, mới đùa thế mà đã cáu. Tôi cứ tưởng là Xương không bao giờ giấu tôi một cái gì.

Sự thực thì Xương và Hòa đã hẹn nhau là không được giấu nhau một sự gì. Nhưng Xương cũng cứ trả lời rất ích kỷ:

– Nhưng việc này thì khác. Tôi không thể cho Hòa biết được:

Hòa mặt buồn thiu, lủi thủi quay đi. Chàng lẩm bẩm:

– Đàn bà chỉ được cái nuốt lời là giỏi.

Xương thấy hối. Thiếu nữ vội chạy theo Hòa và nắm vai người bạn lại. Nàng cúi đầu đưa cái phong bì ra cho Hòa đọc, và giảng nghĩa:

– Tôi sở dĩ giấu mọi người là vì tôi đương tập viết, sợ Hòa lại cười tôi. Nhưng ở trên Hà Nội, người chủ bút đã khuyến khích tôi và giục viết...

Hòa phá ra cười. Chàng gọi bạn gái của mình là "nữ sĩ". Rồi chàng lại giật phăng cái phong bì ở tay Xương:

– Để tôi đi bỏ vào thùng thư cho! Như thế, tôi cũng được hân hạnh lây một chút.

Chàng nhìn Xương bằng con mắt ngạc nhiên mừng rỡ của người con trai mới tìm ra ở bạn thiết của mình một cái tài kín đáo. Chàng không phải nghi ngờ gì nữa. Xương thực xứng đáng là bạn chàng. Đây là một thiếu nữ kỳ quặc, nhưng không phải là không đáng phục. Xương không giống một người nào trong mấy chị em nhà.

Không hiểu sao Hòa bỗng thấy mình kiêu hãnh vì Xương. Chàng nhìn kỹ lại người bạn gái, và lòng chàng đầy hạnh phúc, đầy hy vọng. Hình như chàng vừa tìm ra một người mới lạ trong bạn cũ của mình. Hòa nói:

– Cũng may mà Xương cho tôi biết rõ chuyện này. Nếu không tôi đã giận Xương rồi, và tôi không bao giờ kể cho Xương biết một câu chuyện lý thú mà Xương cần biết.

Xương tươi cười đứng sán lại Hòa có vẻ tò mò:

– Chuyện gì thế? Hòa kể ngay đi không tôi sốt ruột. Kể ngay đi! Kể ngay đi!

Hòa nhìn hai hàng cây lá xanh rờn mọc ở hai bên đường, lòng hớn hở. Chàng nói ngập ngừng:

– Tôi vừa bắt gặp Phúc và chị Thịnh ở trong vườn, lúc tôi chạy theo Xương đến chỗ này.

Xương nở một nụ cười chân thực. Nàng sốt ruột:

– Họ làm gì thế?

– Chị Thịnh đưa cho anh giáo một cành hoa hồng trắng. Và anh giáo nói rằng anh ấy sẽ giữ suốt đời...

Mặt Xương đương tươi cười bỗng trở nên cau có. Hòa nhìn Xương lo lắng:

– Xương làm sao thế?

– Làm sao? Thế là không tốt chứ làm sao? Tôi rất ghét những chuyện không đứng đắn như vậy. Thực là xấu hổ!

Hòa rất đỗi ngạc nhiên. Chàng thấy đôi môi của Xương hơi run tỏ rằng thiếu nữ cho việc đó là quan hệ. Chàng không hiểu. Nhưng Xương thì sực nhớ ra rằng ít lâu nay chị mình đã có cái gì thay đổi thực. Xương nhận thấy rằng ít lâu nay Thịnh có vẻ làm dáng nhiều hơn trước. Thịnh luôn hỏi khắp mọi người trong nhà xem tóc mình chải có đẹp không, hay áo mặc có vừa không? Thịnh đi qua cái gương là thế nào cũng phải dừng lại ngắm mình một chút. Có lúc thì Thịnh vui quá, có lúc lại buồn rầu quá... Và có một đêm, Xương thấy Thịnh nói mê lảm nhảm và cười một mình trong giấc ngủ.

Nhưng Xương không ngờ cái tên người đàn ông mà Thịnh thường nhắc tới trong giấc mộng thiếu nữ thanh tân lại tên là Phúc. Nàng dậm chân như nói một mình:

– Không thể như thế được! Làm sao chị Thịnh lại phải yêu một người nào khác chị em và bố mẹ!... Thịnh không sung sướng

giữa chúng tôi? Tại sao Phúc lại làm xiêu lòng Thịnh được? Trước kia, có việc gì Thịnh cũng nói với tôi. Bây giờ Thịnh lại có chuyện riêng tây. Thịnh đã thay đổi lúc nào rồi? Cái nhà anh giáo Phúc kia thực đáng ghét... Có lẽ hạnh phúc của chúng tôi sẽ do bàn tay anh phá vỡ...

Hòa nghe vậy thì tủm tỉm và cho Xương rất đáng buồn cười. Chàng quàng tay Xương âu yếm đáp:

– Ồ có gì là lạ? Trái lại lời Xương nói... một ngày kia đến lượt Xương, rồi Xương sẽ hiểu...

Xương giật tay ra mà chạy. Hòa tức thì đuổi theo ngay. Hai người chạy trên đường như hai đứa trẻ. Lúc đó không còn ai nghĩ đến chuyện nghiêm trang nữa. Hòa đương đuổi theo một cô bạn xưa nay vẫn chẳng chịu kém mình trong một cuộc chơi đùa nào ở vườn nhà. Hòa không sao đuổi kịp Xương, bởi vì Xương nhẹ nhõm hơn. Vả khi bắt đầu chạy được một quãng thì Xương đã bỏ dép ra cầm ở tay rồi.

Hai người tới gần nhà đã thấy Thịnh đương tiễn Phúc ra đường. Tay Phúc còn cầm cành hoa hồng trắng, và chàng có vẻ dùng dằng chưa nỡ rút ra về.

Xương bỗng sa sầm mặt lại, khi trông thấy Thịnh. Nàng nhớ lại tất cả chuyện vừa qua. Sự tức giận ban nãy vùng nổi dậy. Nàng chạy vào quãng giữa Phúc và Thịnh như để chia rẽ hai người ra. Rồi nàng kéo tay Thịnh rất mạnh vào trong cổng.

Nhưng khi cánh cửa cổng ngoài đã khép lại rồi, thì Thịnh òa lên khóc, và xỉa xói Xương như chưa bao giờ thấy thế. Thịnh vừa tức vừa tủi thẹn, nên về đến nhà nàng liền trút tất cả những câu nặng nề cố nén ra ngoài.

Mắt Thịnh đỏ hoe và đầy lệ. Mặt nàng xanh xám, tay nàng run lên khiến Xương phát sợ. Xương không ngờ rằng chị mình thường nhật dịu dàng, mà lúc này biến đổi ra đến thế. Nàng chợt hiểu rằng giữa phút này, Thịnh có thể thù ghét được mình. Thiếu nữ không nói lại được câu gì. Nàng cũng òa lên khóc như Thịnh, và chạy tuốt lên căn gác xép của mình, nàng gục đầu vào tay mà nức nở rất lâu.

Đó là lần đầu Xương thấy một đám mây đen đóng trên hạnh phúc của mình... Thịnh bây giờ đã có những mộng riêng nàng, những

hy vọng khác, một tình yêu khác, ngoài tình quyến luyến gia đình... Một ngày kia Thịnh sẽ rời bỏ hết để ra đi... Rồi dần dần mỗi chị em trong nhà cũng ra đi như vậy. Gian nhà sẽ trống trải chẳng còn ai. Cái tổ chung của mọi người có lẽ rồi cũng sẽ về tay khác. Gian nhà thân yêu sẽ chứng kiến nhiều sự vui buồn khác, không phải sự vui buồn của nhà Xương.

Giữa cái phút chua chát trong đó mầm phân ly đương này nở, Xương đã cảm thấu được hết nỗi thê lương của lòng u hoài dĩ vãng mà tương lai sẽ lấp đầy cả cuộc đời nàng.

Thu mình trong gian gác nhỏ, Xương nhặt nhạnh từng tiếng động, từng hơi thở, từng mùi gỗ mục, như muốn chôn tất cả vào một góc linh hồn, để sau này có thể nhớ lại mỗi lần nghĩ tới. Nàng nghe thấy như từ chốn xa vọng lại tất cả tiếng cười, giọng nói của mọi người yêu quý ở gia đình.

Những tiếng đó, sau này từ nơi dĩ vãng sâu thăm thẳm sẽ còn trở lại tỉ tê bên tai người thiếu nữ chiều nay, nhẹ như những bước đi trên nhung dạ, nhẹ như tiếng nói của những người đã khuất. Tất cả những cái gì sau này có thể trở nên cho nàng là an ủi, là cay đắng, Xương đều thấu rõ ngay tự lúc này, một cách vô cùng thấm thía... Hình như Xương đang cầm trong tay mình một kho báu sắp bị người ta chiếm đoạt: những giờ khắc tưng bừng của tuổi hoa niên, những ngày đầy hạnh phúc của cuộc đời êm lặng mà rồi đây nàng sẽ cố tìm lại, nhưng chỉ thấy hiện ra khoảnh khắc trong tưởng nhớ. Bởi vì, dòng nước chảy qua rồi không trở về nguồn cũ nữa, ta dơ tay hứng, chỉ thấy nước lọt qua kẽ tay thôi. Và lúc ta rút tay về, thì tay ta giá lạnh...

Xương khóc suốt cả buổi chiều hôm đó, một buổi chiều mùa hạ đã tàn. Nước mắt chảy ra được rất nhiều cũng khiến lòng nàng dìu dịu.

Xương nghe có tiếng Thuần và Ái gọi nàng ở dưới hiên nhà. Nàng lau mặt, lững thững bước xuống thang, trong tâm đã rắp chịu theo số mệnh.

6.

Vào một buổi sáng đầu tháng bảy, u Ái đương nấu ăn ở dưới bếp thì nghe có tiếng gọi ở cổng vườn. Đó là người nhà dây thép. U Ái mang một bức điện tín màu xanh đi tìm bà Thông. Thịnh, Xương, Thuần, Ái đều xúm cả lại quanh mẹ. Trong gia đình bà Thông chưa bao giờ người ta làm quen với cái lối báo tin này. Bởi vậy người nào cũng hồi hộp, và thầm đoán là có việc chẳng lành. Xương được bà Thông giao cho tờ giấy và được mở ra đọc trước. Hình như cả nhà đều cho Xương là rắn rỏi hơn tất cả, nên hễ động có việc gì quan trọng là mọi người nghĩ đến nàng trước hết.

Quả nhiên, dây thép báo cho cả nhà một tin dữ dội: Ông Thông ốm nặng ở Hà Giang, và ngỏ ý muốn vợ lên với mình, nhưng đừng làm cho con trẻ sợ.

Bà Thông tái mặt đi. Bà hiểu rằng chồng mình ốm nặng hơn lời nói trong dây thép. Chỉ vì ông vốn thương con...

Bốn cô thiếu nữ ôm nhau khóc, làm cho u Ái cũng phải chảy nước mắt lây. Thực là một cảnh tượng não lòng. Người ốm thì ở xa xôi quá. Lúc này đáng lẽ là lúc cần phải có vợ con ở bên mình, thì ông Thông chỉ có một đứa ở nhà quê thật thà như đếm.

Thực là một tiếng sét đánh vào giữa một buổi sáng nắng vàng rực rỡ. Nhưng rồi mọi người đều phải nghĩ đến sự thu xếp cho bà Thông lên đường. Xương liền thu vén tất cả tiền nong trong nhà lại. Xương vốn là một thiếu nữ khôn ngoan sớm, nên nàng chạy sang nhà cô ngay để "cầu cứu" thêm một ít tiền. Thiếu nữ cho rằng lúc này chính là lúc không nên câu nệ, bởi vì ai mà chẳng động lòng. Và cô tuy làm ra mặt ác, nhưng cũng nhiều lúc tỏ ra tha thiết đến gia đình của em và các cháu. Lúc này Xương chỉ nghĩ đến cha nằm yếu đuối, trơ trọi ở một miền rừng núi.

Bà Cả cho đó là một dịp để mình mắng nhiếc ông Thông, và nói cạnh nói khóe bà Thông, nên vừa thấy Xương kể lể xong là bà lườm cháu:

– Gớm, thảo nào hôm nay mới thấy cô tự dẫn đến nhà tôi. Mẹ con cô chỉ được cái tiêu tiền là giỏi. Bố cô thì cũng thế, cũng đần

độn chẳng kém gì! Lúc lành mạnh thì không lo để dành để dụm. Tôi xem rồi các cô cũng khó lấy chồng cho mà xem. Nhà nghèo thế, ai người ta dại gì mà hỏi đến?

Xương tức cô đến nghẹn họng, nhưng nàng chỉ tím mặt đứng lỳ ra đấy thi gan, nên lúc về nàng chỉ được bà Cả đưa cho có chục bạc. Nàng chảy nước mắt, định giả lại cô, nhưng nghĩ đến ông Thông, nàng lại phải bỏ tiền vào túi. Nếu phải Thịnh hay bà Thông thì dù túng thiếu đến đâu cũng không ai chịu nhẫn đến thế rồi.

Về đến nhà, mọi người đều vây lấy nàng để hỏi, nhưng Xương chỉ bỏ nắm giấy bạc ra, mà tay nàng thì run lên. Thiếu nữ không muốn khóc, khi tất cả mọi người cần phải tĩnh tâm.

Cụ Án được tin cũng chạy sang ngay, cụ bảo người nhà cầm sang đưa bà Thông một ít quế tốt và một vò rượu thuốc bổ. Cụ hết lời an ủi bà Thông nói rằng ông Thông chắc chỉ sốt xoàng thôi. Cụ lại sai ông giáo Phúc đi theo bà Thông đến Hà Giang. Cụ dặn dò Phúc phải săn sóc, giúp đỡ bà Thông mọi việc lúc dọc đường, và khi ở lại Hà Giang nếu có việc gì hệ trọng phải đánh giấy cho cụ ngay tức khắc.

Thế là cả nhà đều được yên lòng chút đỉnh. Nhất là Thịnh, mỗi lúc nghĩ đến rằng mẹ mình sẽ có Phúc ở cạnh trong khi đường sá, thì nàng lại cảm động và cảm ơn Phúc quá. Trong trí nàng, đường đi lên đến tận Hà Giang thì nguy hiểm khó khăn không biết thế nào mà kể. Nhưng nàng tin đã có Phúc cùng đi thì không còn việc gì đáng lo ngại nữa.

Một tuần sau đã có thư của Phúc ở Hà Giang gửi về.

Bệnh tình ông Thông không có gì đáng sợ như người ta tưởng. Ông chỉ sốt nặng mấy hôm đầu, nhưng từ hôm có bà Cả và Phúc thì ông vui vẻ thêm lên, và ăn uống được chăm nom hơn, nên chẳng mấy nỗi mà ông bình phục. Nhưng dù thế nào bà Thông cũng phải ở lại Hà Giang ít lâu đến khi chồng thực khỏe mới về. Việc nhà bà cậy ở u Ái cả. Bà lại không quên dặn dò Xương nhiều chuyện về sự trông nom cho mọi việc đâu vào đấy, như khi bà có mặt ở nhà. Bà Thông thuộc về hạng những người đàn bà hễ phải xa nhà thì băn

khoăn, lo lắng về đủ mọi sự. Việc đó thì không phải dặn, tự Xương cũng hiểu rồi. Nàng giúp đỡ u Ái nấu nướng, giặt giũ hay lau quét trong nhà ngoài vườn sạch sẽ như khi có mẹ ở nhà.

Mọi người không thấy thiếu thốn sự gì, ngoài cái bóng hiền từ của bà Thông.

Nhưng, tai họa thường không đến một lần trong một gia đình.

Một buổi chiều Thuần theo u Ái đi thăm một người bà con nghèo ở ngoại ô về thì người ta thấy mặt nàng đỏ rừ lên, và trán hâm hấp sốt. Thiếu nữ không nói với một ai, chạy vào chỗ chân thang gác, nằm trên chiếc ghế mây dài thường bỏ không ở đấy. Thuở nhỏ, mỗi khi có người khách lạ nào làm cho cô thiếu nữ rút rát phải sợ, thiếu nữ thường chạy vào đấy trốn.

Linh tính của Thuần hình như đã báo trước cho nàng biết rằng một người khách nguy hiểm đã đến nơi ngưỡng cửa gia đình. Người ta đã thấy cái bóng hãi hùng của hắn làm giá lạnh bầu không khí trong gian nhà cổ kính lâu nay chỉ biết có những ngày đầm ấm.

Trên giường bệnh, Thuần nằm thở mệt nhọc. Thiếu nữ đương lên cơn sốt rét. Có lẽ nàng đã lây bệnh thương hàn của một đứa bé con trong mấy lần đi chơi với u Ái. Thuần xưa nay vẫn yêu quý trẻ con nên thường hay gần chúng.

Ban đầu Xương không dám viết thư cho bà Thông biết, sợ bà lại thêm sốt ruột trong lúc ông Thông chưa khỏi hẳn. Nhưng, một hôm bệnh tình Thuần xem chừng nguy kịch quá, ông đốc nhà thương trong tỉnh quen cụ Án bảo với Xương rằng nên nhắn cho bà trở về ngay. Đến lúc đó cả nhà mới hiểu rằng tính mệnh Thuần chỉ còn như treo sợi tóc, Xương, Thịnh cùng khiếp đảm...

Hai chị em đã hiểu ông đốc nói thế là thế nào rồi. Nếu vậy, sự chờ đợi lại càng làm cho người ta thêm đau đớn.

Trên giường bệnh, Thuần thở nặng nề hơn, và lắm lúc mê man... Gương mặt xinh xắn của nàng đỏ rực như da một quả cam nhiều nắng, và mồ hôi vã ra thấm ướt tóc nàng dính chặt vào hai bên thái dương nhơm nhớp như mồ hôi người sắp chết, đến nỗi người ta sợ không biết rồi nàng có chống lại với bệnh mình được lâu chăng?

Giời đất hình như cũng lại phụ họa vào cái bất hạnh của một gia đình mà đổ mưa xuống như là trút nước. Cây cối trong vườn tơi bời rũ rượi. Cả một sự ngao ngán tiêu điều khóc lên ở tiếng mưa rơi, nước chảy. Lòng mấy chị em như xé. U Ái và mọi người đều suốt ngày chầu chực quanh giường Thuần. Thiếu nữ ngày thường vẫn hiền lành ngoan nết nhất nhà nên giờ đau yếu, ai cũng đem lòng thương xót. Đau thương tuy vậy càng làm cho mấy chị em sát lại nhau, âu yếm nhau còn hơn trong những ngày đầy hạnh phúc. Một mình Xương vẫn sáng suốt. Trong khi chờ đợi mẹ về nàng đã không rời em một lúc nào. Nhưng thấy Thuần càng ngày càng ẻo lả thì lòng thiếu nữ cũng không còn vững nữa.

Nàng chạy vào cái xó gác của mình ôm mặt khóc. Thuần bao giờ cũng được nàng yêu dấu nhất nhà. Gian gác âm u buồn lạnh. Buổi chiều xuống chầm chậm, ngoài vườn mưa gió tả tơi. Xương ngồi trên nắp một cái hòm quần áo cũ nhìn trời đất, và đó là lần đầu nàng cảm thấy sự thống khổ ở đời. Xương úp mặt vào hai bàn tay mà khóc im lặng một mình. Giờ phút qua, Xương vẫn không nhúc nhích. Hình như cuộc đời nàng ngừng lại, nàng không biết là mình sống nữa.

Trong óc nàng chỉ có một câu cầu nguyện:

– Lạy trời lạy phật, để cho em Thuần tôi sống! Để cho mẹ tôi về kịp!

Giữa lúc đó thì Hòa bước lên gác tìm Xương. Hòa thấy gian gác tối mà có tiếng nức nở của Xương đâu đó thì ngừng lại. Mưa rơi đều đều trên mái ngói, và trên cây lá bên ngoài. Chàng cất tiếng gọi:

– Xương! Xương việc gì mà phải khóc? Rồi Thuần sẽ khỏi mà...

Xương không nói lại. Nhưng nàng đã nhận ra tiếng bạn. Nàng đứng lên.

Ánh đèn tỏa chung quanh một màu vàng dịu.

Hòa nhìn Xương và bảo:

– Có lẽ tàu đêm nay về là bà Thông đã có ở đây rồi. Xương đừng lo gì cả.

Xương đáp sẽ:

– Tôi chỉ sợ mẹ tôi không về kịp Hoa ạ. Không hiểu sao tôi lo quá!

Rồi nàng lại ngồi ở chỗ cũ mà khóc.

Hoa động lòng đi lại bên nàng. Chàng cầm lấy tay nàng bắt đứng lên mà nói:

– Không hề gì đâu Xương ạ, dẫu sao đã có Hoa ở gần Xương.

Xương thấy yếu đuối mặc cho Hoa kéo dậy. Hai thiếu niên đứng sát nhau nhìn ra ngoài trời đen tối.

– Đêm nay ông tôi bảo tôi phải đi ra đón bà Thông ở ngoài ga. Tôi sẽ bảo thằng xe bên nhà tôi đánh xe đi đón. Thể nào mẹ Xương cũng về chuyến tầu này.

Xương bỗng thấy ấm áp trong lòng. Bà Thông về, thế là đủ cho nàng hy vọng. Hình như bà Thông về được thì bà sẽ đuổi xua được hết lo phiền bất hạnh ở trong nhà. Xương nghĩ vậy và thấy ngực nhẹ hẳn đi khiến mình dễ thở. Và thế là lòng tin trở lại với người thiếu nữ. Nàng cảm động reo lên:

– Ồ Hoa, thực chứ Hoa?

Hoa nắm chặt lấy tay người bạn gái trong tay mình: Tóc Xương có một mùi thơm của cây cỏ. Trong ánh đèn dầu, mặt Xương có những nét lạ lùng, cảm động, và ý nghĩa. Đột nhiên, Hoa không nhận ra được người bạn gái vẫn thường đuổi nhau với mình ở trong vườn nữa. Một mối cảm dịu dàng đến với lòng chàng. Lần đầu, Xương hiện ra trước mắt chàng với cái vẻ dịu dàng của người thiếu nữ. Ngày thường Xương cũng chỉ như một người bạn trai nghịch ngợm của chàng thôi. Nhưng lúc này đứng cạnh Xương, Hoa mới thấy nàng hoàn toàn con gái.

Bỗng Xương rút tay ra và cầm đèn đi xuống gác:

– Thôi Hoa về sửa soạn để ra ga đi! Tôi đi lấy thuốc cho Thuần. Có lẽ Thuần ngủ được một lúc lâu rồi đấy nhỉ?

Lúc Hoa ở ga về với bà Thông và Phúc, thì cả ba người cùng ngạc nhiên, thấy mấy chị em Xương và u Ái đương xúm xít quanh giường Thuần mà nói chuyện rì rầm.

Hòa đi khỏi thì người ta liền thấy một sự rất lạ kỳ. Thuần vật vã một hồi trên gối hình như đau đớn lắm rồi bỗng lăn ra ngủ như một người thiếp dần đi. Cả nhà đã hoảng hồn khóc ầm lên. Nhưng, thế là cơn sốt đi rồi! Nhiều khi có sự bất ngờ như vậy. Và thế là Thuần thoát khỏi tay tử thần. Bây giờ Thuần ngủ một giấc ngủ yên lành, lại sức.

Thuần đã thoát khỏi tử thần.

Mà bà Thông cũng đã về. Không còn lo sợ điều gì nữa. Người khách nguy hiểm và tàn ác đến thăm cái gia đình nhỏ mọn của nhà Xương đã bị đuổi ra khỏi cửa rồi. Cái bóng dáng, cái bàn tay của người mẹ đã như bàn tay mầu nhiệm của người phù thủy xua đuổi nổi tà ma.

Xương đột nhiên được nếm biết một cuộc đời mới lạ lấy làm sửng sốt. Sau những ngày lạnh nhạt sống trong hạnh phúc hiền lành, thiếu nữ bỗng làm quen với một cuộc đời mới có lẫn nước mắt và nụ cười. Chỉ trong khoảng vài giây, vài giờ đã qua, tâm hồn trẻ thơ của nàng đã già đi nhiều lắm. Chẳng khác chi một trái cây nhiều lúc cũng phải cần đến nắng gió và sương mưa mới chín được hoàn toàn.

Cô thiếu nữ trước kia đã biến vào trong dĩ vãng với những cái áo có vết mực, cái quần rách vì móc phải gai, những đôi guốc đứt quai, những cuốn chuyện khờ khạo, những vẻ nghịch ngợm hồn nhiên. Xương thấy rằng mình đã trở nên một kẻ đàn bà... người đàn bà với những sự lo lắng, băn khoăn, với những tính tình phản trái, với quả tim dễ động, với những yếu đuối và sức đảm đang cứ nảy nở dần khi đụng chạm với đời.

Bên kia giường của Thuần là mẹ nàng, là Thịnh, là Ái, là u Ái, là Hòa, là Phúc. Xương nhìn nét mặt hân hoan của mọi người, lòng nàng xao động. Nhưng thấy Hòa nhìn nàng âu yếm mỉm cười nàng lại thấy trong lòng êm ả.

7.

Ba năm sau, Thịnh lấy Phúc, thầy học cũ. Việc đó không phải là dễ như người ta tưởng.

Sau trận ốm của Thuần, Xương lại càng thấy cái hạnh phúc yêu quý của gia đình mình là mỏng manh. Xương đã cố hết sức giữ cho Thịnh và Phúc khỏi yêu nhau. Xương đã cố làm cho Thịnh thoát khỏi tay người đàn ông xa lạ đến chia rẽ chị em nhà. Nhưng vô hiệu, Xương không đủ sức thắng.

Thịnh bao giờ cũng yêu mến gia đình, và coi đó là cái tổ êm vui nhất đời người, nhưng, vốn là một người con gái khôn ngoan và thiết thực, nàng nghĩ rằng cái tình yêu của Thịnh đối với Phúc không có gì là đáng sợ, không có gì đáng làm phiền lòng cha mẹ, chị em. Thịnh chỉ vâng theo cái luật tự nhiên của trời đất. Nàng đã là thiếu nữ, nàng đã là chị, nàng sẽ thành vợ, và bao giờ có con, nàng sẽ thành một người mẹ, như mẹ nàng. Có gì là trái ngược?

Thế là lâu dần, Xương cũng phải cho là Thịnh có lý hơn mình. Lòng ghen tuông của nàng đối với mối tình tha thiết của chị cũng nhạt dần.

Và rồi chẳng mấy chốc mà Xương hiểu rõ được người chị cả. Với lại, Xương cũng không còn là một người con gái nhỏ dại như xưa nữa. Cuộc đời đã mỗi ngày đem lại cho nàng một bài học từng trải và kinh nghiệm. Không muốn trở nên kẻ thù của Thịnh và Phúc, người đàn ông đã chiếm được lòng yêu của chị mình, Xương lại trở nên "đồng đẳng" của hai người để bênh vực hai người mỗi khi có chuyện lôi thôi với bà cô.

Bởi vì, người ta đã đoán ra, cả phố và gần cả tỉnh, không mấy người là không để ý đến Thịnh, cô con gái lớn nhất của bà Thông, và người thầy giáo bên nhà cụ Án.

Một vài người đã nói đến tai bà Cả. Và bà Cả cho đó là một điều không thể tha thứ được. Nhà ông Thông, vì vợ con vụng dại nên nghèo, nhưng Thịnh, cháu bà, không có thể lấy một người không danh giá, không tiền của như giáo Phúc được. Cái chức giáo học ở một tư gia đối với bà cô ác nghiệt, chỉ là một cách để "kiếm cơm" tạm bợ thôi.

Bà Cả xưa nay vẫn cho rằng Thịnh nhan sắc hơn tất cả nhà, thì ít ra cũng có thể làm dâu một nhà giầu có và danh tiếng nào trong tỉnh để ý tới. Mà nếu vợ chồng ông Thông nghèo, không lo được việc cưới xin cho chu đáo, thì đã có bà ở đấy. Bà sẽ giúp tiền

cho cháu gái làm vốn khi xuất giá. Bà sẽ lo liệu hết. Nhưng, nếu đã lấy anh chàng giáo khổ này thì mặc kệ.

Nhà ông Thông còn những ba cô con gái phải gả chồng, không phải là ít ỏi gì. Nếu đứa đầu không lấy được nơi khá giả, thì những đứa sau này thành ra khó lọt.

Bà Cả rất lấy làm bực tức. Bà không hiểu sao em mình lại dung túng cho con gái đến như vậy được. Và không hiểu ông Thông có biết gì đến những lời đồn trong tỉnh rồi không?

Một buổi trưa, bà nhất định đến để nói ra chuyện, bởi vì bà nghĩ dù sao mình cũng là chị ông Thông, dù sao mình cũng có một chút quyền hành ở trong gia đình của em mình.

Hôm đó ông Thông đương nằm nghỉ ở trên gác. Từ buổi xin về hưu sớm vì sức yếu, ông vẫn ở nhà. Thường thường ông chỉ nằm xem sách vở trên gác một mình.

Thịnh ra mở cửa cho cô. Nhìn vẻ mặt người cô hôm đó, nàng đã hiểu là cô mình định đến để làm gì rồi. Bởi thế khi bà Cả hỏi đến ông Thông, thì Thịnh nói ngay là ông Thông đi vắng. Nhưng bà cô nào có tha đâu. Bà thấy chỉ có một mình Thịnh ở trong nhà, thì bà bỗng lại nhớ ngay đến những lời đồn đại về cô cháu gái. Thế là bà phát cáu. Bà không muốn trở về mà chưa nói được câu gì, nên bà nói thẳng ngay với Thịnh:

– Này, tôi hỏi, thế ra bây giờ cô định bêu xấu cả họ hàng, và cô đi chơi ngoài đường với một người đàn ông có phải không? Con gái đời bây giờ thực là hư hỏng quá!

Thịnh đỏ mặt lên hỏi lại:

– Thưa cô, cô muốn nói gì con không hiểu.

– Tôi muốn nói gì, cô không hiểu? Vậy chứ cô đi chơi với ai ở ngoài đường để cho thiên hạ người ta bàn tán, cô có hiểu không?

– Cô định nói đến ông giáo Phúc?

– Hà, ông giáo Phúc... Bố mẹ cô thực là quý hóa! Ai đời lại để cho con gái như vậy bao giờ? Ông giáo Phúc hay là một anh khố rách? Cô phải biết là bổn phận cô phải giữ gìn, đứng đắn. Và mặt mũi cô như vậy, thì có thể chọn được nơi sang trọng hơn nhiều.

– Bổn phận?

– Ừ, bổn phận cô là phải làm đẹp mặt đẹp mày cho họ hàng một tý thì hơn. Tôi cũng định cho cô ít tiền làm vốn bao giờ cô lấy chồng. Nhưng đã thế thì đừng hòng. Không có một xu nào cô ạ.

Mặt Thịnh đương đỏ bừng, bỗng trở nên tái mét. Môi nàng run lên, mắt nàng sáng quắc:

– Thưa cô, bao giờ cô cũng nói đến tiền của cô. Nhưng dẫu anh Phúc là một thằng khố rách, dẫu chúng tôi là những kẻ không danh giá, chúng tôi cũng cứ lấy nhau, và không bao giờ cần đến tiền của cô cho mới sung sướng được. Xin cô hiểu thế. Và xin cô cũng đừng khuyên bảo chúng tôi vô ích!

Bà Cả đứng nghẹn ngào như tắc thở. Bà không ngờ Thịnh ngày thường lễ phép là thế, mà bây giờ bỗng nhiên đổ đốn thế. Nhưng Thịnh nói dồn luôn:

– Anh Phúc là một người lương thiện, là một người tốt bụng. Anh ấy không xúi giục tôi và cũng không bắt buộc tôi. Anh ấy đối với tôi là một người bạn quý mà tôi chịu nhiều ơn, vì anh biết giúp đỡ tận tâm người khác trong lúc cần phải giúp. Cô xem vậy thì thiên hạ có nói gì cũng vô ích. Vì thưa cô, tôi biết là tôi yêu anh ấy, và anh ấy cũng yêu tôi thành thực. Tôi không bao giờ lấy một người nào khác người tôi đã chọn.

Bà Cả định nổi giận và mắng nàng một chập, nhưng nàng lại nói luôn ngay:

– Bây giờ thì xin cô trở lại nhà nằm nghỉ cho khỏe, để mặc xác người khác lo liệu lấy đời mình. Như vậy còn hơn là cô làm ầm lên vô ích!

Bà Cả uất người lên, vội vã đi về và thề sẽ không bao giờ còn bước chân đến nhà em và cháu nữa. Tuy vậy bà vẫn đợi vợ chồng ông Thông về đem con đến xin mình nghĩ lại.

Nhưng cả ông Thông bà Thông cũng lại cho con gái mình không trái. Và sự can đảm của Thịnh đã làm cho Xương thầm kính phục chị dám đương đầu với bà cô ghê gớm để bênh vực cho cái tình yêu của đời mình.

Trong hai tháng, không ai đi lại nhà bà Cả nữa. Vậy là, người đàn bà giầu có đành nhượng bộ. Vì bà hiểu là dẫu sao bà cũng vẫn

yêu các cháu bà, nếu bà cứ nhất định không đi lại nhà em nữa, thì rồi bà sẽ chết một mình trong ngôi nhà rộng vắng, mà của cải của bà cũng sẽ thuộc về tay kẻ khác. Như vậy thì ai oán quá!

Một hôm, bà Cả sai người gọi Xương sang ngay để cho bà nhờ một chút, nói rằng mình ốm: Cả nhà biết là bà Cả nói thác ra thế để gợi lòng thương của mọi người, nên giục Xương phải sang ngay.

Khi Xương tới, bà Cả liền lấy ra hai đôi vòng vàng và hai chiếc nhẫn đưa cho nàng mà gắt:

– Đây, tôi biếu cô và cô Thịnh. Chúng mày đều là đồ vô lễ vô phép cả, nhưng con gái nhớn rồi, chẳng lẽ không có một chút đồ nữ trang gì ở trên người, thiên hạ họ cười cho thì đẹp mặt!

Rồi không để cho Xương kịp cám ơn, bà nói ngắt luôn:

– Bây giờ thì cô cầm cuốn truyện này đọc cho tôi nghe vài đoạn... Đừng thấm nước bọt vào tay mà giở thế trông không lịch sự chút nào! To xác bằng này rồi mà ngu lạ!

Vậy là vẫn như xưa, Xương đọc cóc nhảy từng quãng một, khi đã nghe có tiếng ngáy của bà cô. Những nhân vật trong truyện hành động nhanh như chớp, cho đến khi bà cô ngủ rất say, thì Xương lại rón rén ra về...

Thịnh và Phúc đã làm lễ ăn hỏi. Nhưng vì Thịnh còn trẻ quá, nên người ta muốn hôn lễ để lâu một chút.

Ngày tháng dần qua, Thịnh sửa soạn gối chăn xống áo để bước sang đời làm vợ. Nàng vui như một con bướm trong nắng mới. Xương thấy chị mình hơi gầy đi một chút. Nhưng nàng hiểu đó là cái gầy của những người thấy hạnh phúc đầy tràn quá trong lòng.

Còn Thuần thì từ ngày khỏi bệnh, da mặt Thuần lại càng xanh hơn trước. Nàng héo lả như một cánh hoa hồng giữa tiết hè thiêu đốt. Thiếu nữ không còn hay đi ra vườn và dự các cuộc vui đùa của chị em như trước nữa.

Ái phải thay Thịnh trong việc bếp nước và xếp đặt mọi việc trong nhà. Nàng không phải đi học nữa, và lấy làm kiêu hãnh vì được đóng vai nội trợ. Nhưng thiếu nữ vẫn không quên nghề vẽ. Ái

thường xao nhãng cái cán chổi lông gà phủi bụi để cầm những bút chì xanh đỏ và hộp thuốc vẽ còn sót lại. Vì thế, tuy đôi khi nhà cửa không được ngăn nắp lắm, nhưng bù lại, phòng khách đã có được thêm một hai bức vẽ của nàng, Ái vẽ những góc vườn yên tĩnh mà nàng yêu mến. Ái vẻ những con mèo nhỏ của Thuần, Ái vẽ những phong cảnh trên bờ sông Châu. Những bức vẽ của nàng cũng nhiều khi linh động và đầy ý nghĩa, đầy sáng kiến.

Chỉ có Xương là thay đổi nhiều hơn hết. Nàng thường xa lánh chỗ đông người! Và người ta thường thấy nàng ngồi viết lách rất lâu trong cái xó gác cũ của nàng. Nàng xóa gạch bao nhiêu hàng chữ. Nàng mất bao nhiêu là trang giấy trắng. Nàng đuổi theo bao nhiêu là câu chuyện do mình tưởng tượng ra, hoặc buồn rầu, bi đát, hoặc khôi hài hay rùng rợn để viết cho những tờ báo có đăng tiểu thuyết.

Nhiều khi, Thuần mon men đến với nàng, thì Xương thường đọc cho em nghe vài đoạn văn mình, khiến Thuần phải hoảng sợ vì những cử chỉ quá tàn bạo, quá sỗ sàng của những người trong truyện. Hay là Thuần rưng rưng khóc vì một cảnh buồn thảm quá do Xương bịa đặt trong truyện của mình.

Ngày tháng dần qua...

Hòa đã theo học ở một trường lớn trên Hà Nội.

Và cụ Án cũng đã nhờ người vận động cho Phúc được bổ giáo học ở một miền quê Thanh Hóa. Với cái lương đi dạy học của chàng và chút vốn riêng mà bà Cả đã cho, Thịnh có thể sống với chồng một cách phong lưu được.

Không bao lâu, đã đến ngày cưới Thịnh. Nàng mặc một chiếc áo thêu kim tuyến màu hồng. Nàng đẹp như một cô tiên, làm cho chị em nhà ngơ ngác.

Đó là một ngày nắng ráo giữa tháng mười. Tia nắng ấm áp chiếu qua các cành cây kẽ lá ngoài vườn. Trời đất cũng như vui mừng mà chia sẻ nỗi hân hoan của người thiếu nữ buổi vu quy.

Bà Thông thấy lòng mình thắt lại khi nhìn trộm người con gái đầu sắp sửa về nhà chồng nhẹ nhàng đi lại trong phòng khách. Bà mẹ đã thấy con nhớn lên từng lúc một. Ngày nay Thịnh đã là một người đàn bà hoàn toàn xinh đẹp. Thịnh sắp đến giờ từ giã gia đình.

Ái thì mải lúng túng với cái áo mới may cùng màu với cô dâu. Lòng nàng cũng bối rối hơn lòng người thiếu nữ khi xuất giá. Ái nhìn gương đến trăm bận, chỉ lo không được đẹp lúc người bạn học của Hoa cùng ở Hà Nội về ăn cưới Thịnh với Hoa. Hoa mấy hôm trước đã báo tin cho Xương biết là thể nào chàng cũng mời một người bạn học cùng lớp ở trong trường về để đưa dâu cho thêm phần vui vẻ.

Tất cả mọi người đều lộ vẻ vui mừng. Chỉ có Xương là thờ thẫn như người mất trí. Nàng đi lại trong vòng rộn rịp của mọi người, nhưng lòng nàng thì vắng ngắt. Nàng nhìn từng thứ đồ vật trong nhà và nàng thấy chúng đều có một bộ mặt lạ lùng khác hẳn trước kia rồi. Cái ngày sung sướng này sẽ thấy Thịnh bước đi xa khỏi chị em... mãi mãi. Và gia đình chung của bốn người sẽ không giống khi xưa nữa.

Xương lại thấy cái đau đớn lần đầu nghe tin Thịnh có tình cùng kẻ khác bóp chặt trái tim. Nàng đi ra vườn, bước trên bãi cỏ xanh mà bốn chị em vẫn chơi đùa ngày bé. Đến một gốc cây ổi, nàng không quản đến bộ quần áo mới, liền ngồi xuống đó, và lặng người đi.

Trong nhà tiếng cười nói ồn ào của họ hàng lọt đến tai nàng từ nơi cửa rộng. Xương thấy quả tim nặng nề như muốn vỡ. Bỗng nàng nghe thấy có bước chân tiến lại gần mình.

8.

Trong nhà chỉ có một mình Hoa là đoán ra rằng Xương có vẻ buồn rầu và nàng đã lánh ra vườn, nên Xương đi một lát thì chàng cũng theo ngay.

Hoa thấy mắt Xương đẫm lệ thì chàng biết là người bạn gái của chàng đang ở trong một phút mà người ta cần hiu quạnh.

Chàng đứng lại lặng im bên cạnh Xương. Thiếu nữ tuy hiểu là Hoa đã ở cạnh mình, nhưng mãi một lúc sau nàng mới nói:

– Hoa đi vào nhà, để mặc tôi ở chỗ này.

Nàng nói xong thì lại gục đầu xuống gối, vai nàng rung động trong cơn thổn thức.

– Xương đừng khóc như vậy... Xương xem có việc gì đáng khóc đâu? Cả nhà cùng vui vẻ vì thấy Thịnh sung sướng đi lấy chồng. Tôi cũng vậy.

Những lời nói đó làm cho Xương càng bực tức, nhưng Hòa không biết nên chàng nói:

– Tôi cũng vậy, tôi cũng rất mừng vì thấy Thịnh lấy được người chồng mà Thịnh đã yêu. Nhưng tôi thì không bao giờ tôi xa Xương cả... Phải, những người khác sẽ dần dần đi chỗ khác, bởi vì đó là số phận của các gia đình. Người ta có chia ra như vậy, thì những gia đình khác mới lại lập nên và nẩy nở thêm ra được. Những người thân mến của Xương sẽ đi chỗ khác để lập gia đình, nhưng còn Hòa thì Hòa sẽ ở bên Xương mãi mãi...

Hòa ngồi xuống cạnh Xương và giọng chàng bỗng trở nên cảm động:

– Xương... Tôi muốn nói với Xương một điều này...

Xương vội lấy tay bịt mồm Hòa lại. Nàng có vẻ sợ hãi thực tình:

– Không... Tôi xin Hòa đừng nói gì cả. Tôi đã hiểu...

Hòa gạt tay thiếu nữ ra. Chàng nắm chặt lấy bàn tay ấy.

– Xương phải nghe tôi mới được. Tôi thấy cần phải nói lắm rồi. Ít lâu nay tôi không hiểu Xương ra sao nữa. Hình như Xương cứ như muốn tránh xa tôi vậy. Vậy mà Xương có hiểu không? Tôi học hành như thế, tôi đỗ đạt như thế cũng chỉ vì Xương...

Thiếu nữ lại vội vàng ngắt lời Hòa:

– Tôi biết vậy lắm... Tôi lấy làm kiêu hãnh vì Hòa lắm!

Hòa nghe vậy liền lộ vẻ vui mừng ra mặt:

– Nếu vậy thì lại càng hay lắm. Tôi chỉ sợ Xương không hiểu. Xương ơi, thực vậy, tôi học hành chăm chỉ, tôi biết yêu đời, cũng chỉ vì có Xương, cũng chỉ vì tôi đã yêu Xương tự những ngày tôi thấy bóng Xương trong vườn này lần đầu đứng ở cửa nhà. Vậy mà chưa bao giờ cả, chưa bao giờ tôi có dịp ngỏ cho Xương biết. Mà hình như Xương có ý sợ một điều gì hay sao ấy. Bây giờ Xương phải nói cho tôi biết, tôi mới yên lòng được.

Thiếu nữ nhìn ra xa, và trả lời Hòa chậm chạp. Giọng nàng lúc đó bình tĩnh quá làm cho Hòa đau đớn:

– Hòa ạ, có lẽ chúng ta không bao giờ có thể yêu nhau được. Hòa sẽ lấy một người nào ở cái xã hội của Hòa. Một người đàn bà lịch sự và mềm mỏng, biết sắp đặt cho gia đình Hòa cho thêm bề tươi đẹp. Xương chỉ là một người con gái vụng về. Chúng ta không hợp tính nhau... Hòa thì chịu đựng được cái đời lộng lẫy vui vẻ của những người sung sướng, còn tôi thì tôi lại muốn lánh xa. Tôi có những hy vọng nhỏ, những sự băn khăn mà mọi người cho là vô lý, nhưng mà tôi quý. Tôi viết những chuyện mà Hòa cho là đáng buồn cười, nhưng mà tôi thì tôi thích viết. Chúng ta xưa nay vẫn là một đôi bạn thân thiết, một đôi bạn thân nhau như thể anh em... Chúng ta đừng nên làm hỏng mất cái tình đáng quý đó, bởi vì nó đẹp vô cùng. Ta cứ để nguyên nó như một bông hoa quý nếu không có ngón tay của người đời chạm phải thì lâu bền được mãi.

Hòa sửng sốt, chàng không ngờ Xương lại trả lời chàng như vậy. Chàng có cảm tưởng nếu không nhanh tay hái cái hạnh phúc của đời mình mà bỏ lỡ phút này, thì rồi chàng sẽ phải suốt đời ân hận...

– Sao Xương lại nói lạ lùng như thế? Tôi thực chẳng bao giờ ngờ vậy. Tôi thực chưa bao giờ nghĩ đến rằng Xương sẽ không nhận lời tôi. Mà có lẽ tất cả mọi người cũng vậy. Tất cả đều coi chúng ta như là một đôi vợ chồng chưa cưới, và ông tôi thì đã quý Xương như con gái của mình rồi. Xương không biết rằng từ bao lâu, tôi chỉ sống vì Xương đấy thôi ư?

Chàng vừa nói vừa nắm chặt tay Xương kéo Xương sát vào mình. Nhưng thiếu nữ đã giật tay ra một cách đau xót và thất vọng:

– Không, Hòa, tôi xin Hòa, tôi không thể nhận lời Hòa được...

Nàng nói thế, nhưng trong phút ấy nàng cũng không hiểu là mình nói câu gì. Cái xót thương gây ra bởi cuộc chia lìa ở gia đình đương còn tươi rói ở lòng nàng. Nàng hành động như một đứa trẻ con trong cơn phẫn uất.

Nhưng, trong mắt Hòa, Xương vừa đọc thấy một nỗi đau đớn không thường nên nàng liền hối hận. Chưa bao giờ Xương thấy Hòa thân yêu đối với lòng mình như lúc bây giờ. Nàng muốn bảo Hòa

đặt đầu chàng vào lòng mình để mình an ủi người bạn như một đứa bé đã dại dột chơi với một trò chơi nguy hiểm. Nhưng nàng chỉ nói bằng một giọng rất buồn rầu, rất dịu dàng:

– Hòa, tội nghiệp Hòa! Hòa không hiểu, tôi cũng yêu Hòa, nhưng đó là một tình yêu khác. Nhưng tình yêu ấy thì Hòa không muốn, biết làm sao được?

Hòa tái mặt. Vậy ra cái tình bè bạn từ trẻ thơ của chàng chỉ đem chàng đến chỗ kết cục này thôi? Vậy ra cái tình bạn của chàng đã đổi ra tình yêu mà Xương không nhận? Than ôi, bao giờ Xương cũng là người mà chàng yêu như yêu một người bạn trăm năm mình kén chọn từ lâu, kén chọn kỹ càng.

Chàng đã thấy Xương nhớn lên ở cạnh mình. Chàng đã thông thuộc nết hạnh của Xương.

Nhưng còn Xương thì bao giờ nàng cũng giữ mãi tấm lòng hồn nhiên, trong trẻo của thời thơ dại. Nàng chỉ coi Hòa như một người bạn của mình thôi, một người bạn không bao giờ thay đổi. Đối với nàng, Hòa bao giờ cũng vẫn thế. Bao giờ Hòa cũng vẫn là người con trai yếu ớt, sợ ông, bao giờ Hòa cũng vẫn chạy chậm hơn mình, bao giờ Hòa cũng phải nhờ nàng trèo lên cây cao để hái quả hộ mình! Tất cả những kỷ niệm sâu xa làm nung nấu thêm, làm thắm thiết thêm mối tình của Hòa, trái lại, đối với Xương chỉ là những điều cản trở. Người ta đã có một quãng đời như vậy thì nếu yêu nhau là phạm lỗi.

Xương lùi lại trước tình yêu của người đàn ông đã ở cạnh mình từ bé, chỉ vì nàng sợ nếu mình yêu, thì tức là mình ném một cái bóng đen lên trên những ngày tươi sáng, trong sạch của ngày qua.

Tất cả những điều suy nghĩ đó làm rối loạn, làm mờ tối lòng người thiếu nữ.

Nhưng còn Hòa thì Hòa đã ngoài hai mươi tuổi từ lâu. Và chàng cùng yêu Xương đã từ lâu. Ở cái tuổi đó, người ta thường chua chát và độc ác...

Hòa đứng lên, mắt chàng đỏ vì tức giận:

– À, nếu vậy ra Xương chẳng khi nào yêu tôi cả. Nếu vậy tôi nhầm... Ồ, tôi không cần gì Xương phải thương hại tôi đâu... Tôi

cũng không cần gì cái tình bè bạn của Xương đâu. Tôi không còn là một đứa trẻ con. Và Xương cũng vậy. Chúng ta đã đi xa cái quãng ấy rồi. Tôi yêu Xương, mà tôi cũng cần được Xương yêu lại. Tôi không thể ở suốt đời bên cạnh Xương để chờ cho đến khi Xương gặp một người nào mà Xương sẽ yêu, để đóng cái vai "người anh hờ", để nghe Xương kể chuyện tình riêng, hay tâm sự đâu.

"Vì rằng thể nào rồi Xương cũng sẽ yêu, một ngày kia... mặc dầu lúc này Xương là một người con gái lạnh lùng và kiêu ngạo. Xương sẽ yêu một người đàn ông nào đó nó làm cho Xương đau khổ, và chính vì vậy mà Xương yêu. Lúc đó, Xương sẽ chạy đến tôi để khóc lóc, kể lể, để cho tôi an ủi, dỗ dành, như một người anh. Như một người anh, thôi đi! Không bao giờ như thế cả.

Hòa nói một thôi như vậy. Và chàng cười một tiếng khô khan, chàng nói những lời tàn nhẫn ấy vào mặt người bạn gái của mình, rồi chàng quay lưng đi thẳng, Xương muốn chạy theo ngăn chàng lại. Nhưng Hòa bước những bước rất nhanh và trước khi đi khỏi bụi cây um tùm chỗ rẽ vào cửa nhà, chàng quay lại, giơ tay nói:

– Xin từ biệt!

Những tiếng ấy vọng vào đáy lòng thiếu nữ như những tiếng khóc, từ trong cổ họng Hòa thoát ra lời. Xương không đủ sức chạy theo Hòa nữa. Nàng đứng lại giữa vườn. Đầu óc nàng choáng váng. Nàng vịn tay vào một cành na. Hòa đã đi khỏi đời nàng. Hòa, người bạn gần với tấm lòng nàng mà nàng không thể làm cho sung sướng được...

Và đó là một ngày đẹp đẽ, trong không khí có mùi thơm của hoa lá, có tiếng vo ve của những con ong say nhị mới, có tiếng chim cãi cọ tranh mồi, có tiếng cười của những kẻ thân bằng say rượu cưới.

Xương hiểu là nàng đương sống một giờ quan trọng nhất trong đời mình. Nàng cũng chưa kịp hỏi xem sau này mình có sẽ hối vì đã làm lỡ mối tình đầu của mình không. Nàng chỉ thấy một sự trống rỗng lớn lao ở trong người. Một sự trống rỗng xé lòng.

Nàng có cảm giác như Hòa bỏ nàng mà đi như vậy tức là bỏ đi vĩnh viễn. Rồi cuộc đời sẽ thay đổi hết. Rồi suốt đời nàng sẽ một mình, không ai hiểu biết cho tấm lòng phiền phức của mình.

Một tràng pháo nổ trong nhà càng làm cho Xương tê tái. Hai tay nàng giá ngắt. Nàng nhìn vùng khói tỏa từ các cửa ra vườn, và trên bực cửa chính của nhà, nàng thấy hiện ra cái bóng mỏng mảnh của Thuần, người em gái yêu quý nhất của nàng.

Thuần thấy vắng mặt Xương lâu ở trong nhà thì cũng chạy đi tìm. Lúc thấy chị, mặt nàng tươi lên rất đáng yêu. Trong ngày vui của Thịnh, người ta thấy Thuần cũng chẳng khác ngày thường mấy chút. Tuy là áo quần có mới, tuy là Thịnh đã tô phấn vẽ môi cho, nhưng trông Thuần vẫn không có cái vẻ rực rỡ của cô dâu hay của Ái. Cái sắc đẹp của Thuần hình như chỉ có mỗi một mình Xương là hiểu. Nó có một vẻ trinh tiết, ngoài cuộc đời. Như cái đẹp thanh khiết, trắng ngần của những thứ hoa bạc mệnh rung rinh trong bóng chiều mùa lạnh.

Thuần đi lại gần chị và nở một nụ cười hiền hậu:

– Chị lại sắp nghĩ chuyện gì để viết hay sao thế? Lần này chắc chị tả một đám cưới mà cô dâu đẹp như sao băng.

Những lời nói của Thuần lại làm cho Xương thấy trong lòng lạnh lẽo thêm. Nàng nhìn em và thấy mình thèm thuồng cái đời thầm lặng của Thuần nấp dưới bóng những người thân yêu ở gia đình. Hình như là cái vui buồn ở đời này không làm cho Thuần để ý tới lâu như Xương. Thuần đã có những bạn riêng của Thuần, những vật rất vô hại, những con mèo nhỏ, những cây hoa. Thiếu nữ yêu chúng bằng một mối tình vô hại, và không nghĩ đến cái gì xa hơn nữa. Nàng chỉ ước ao được ở mãi trong cái nhà cũ của mình, với những vật thân yêu từ bé. Lòng người con gái ấy bao giờ cũng như một vũng nước suối, nước bao giờ cũng trong suốt đáy, và không chảy đi đâu cả.

Cây cỏ và những vật gì ở gần một vũng nước như vậy cũng thấy mát mẻ và dễ chịu.

Thuần không biết rằng một việc hệ trọng đến cả đời Xương vừa xảy ra ở giữa vườn. Nàng cũng không hiểu rằng lòng người chị phút này đương tơi bời chẳng khác một phong cảnh trong giông tố. Nàng kéo tay chị lại góc hiên phía tây để khoe với chị một cây hoa leo của nàng trồng:

– Chị thấy chưa? Cây hoa leo Nhật Bản của em đã có một chùm hoa rồi đấy. Nó ra đúng vào dịp vui mừng của chị Thịnh thì có lẽ là một điềm hay. Thầy bảo thế. Sang năm nó còn ra nhiều hơn thế nữa. Khắp hè nhà sẽ đầy những chùm hoa tím nhạt này trông như là một ngày hội của hoa. Lúc đó chị Thịnh chắc đã có con rồi. Chị sẽ bế con ngồi dưới giàn hoa. Và anh Hòa chắc cũng sẽ có mặt ở đấy ngày hoa nở vui như thế, để khen em là chủ nó khéo tay trồng. Không khí sẽ đầy mùi hoa thoảng...

Xương không giữ lâu được nữa. Câu nói của Thuần vô tình đã đem lại cho nàng hối tiếc. Nàng ôm mặt khóc nấc lên một tiếng làm cho Thuần kinh hãi. Thuần ôm lấy chị gỡ tay chị ra, lo lắng hỏi:

– Có chuyện gì vậy chị Xương? Chị nói cho em biết kẻo em sợ lắm. Em đã làm gì cho chị khóc?

Xương vội lau nước mắt trả lời:

– Không em ạ, không làm sao cả. Chị nghe em nói vậy nên cảm động đó thôi. Bởi ngày mai chị Thịnh đã đi rồi.

9.

Hòa đi rồi, thì trời đất ở Hà Nam đối với Xương hình như tối sầm ngay lại. Bóng dáng và hơi hướng của những người còn sót lại trong nhà không đủ làm ấm lại lòng nàng. Khu vườn trở nên u tịch quá. Con đường ngăn đôi nhà nàng với nhà cụ Án hóa ra nhạt nhẽo, không hồn. Bờ sông Châu, các vùng ngoại ô, không một chỗ nào không gợi cho Xương cái cảm giác trống rỗng và vô tình.

Xương cố tìm khuây khỏa bên Thuần, bên người em thân mến nhất, nhưng Thuần cũng trở nên ít nói ít cười. Thuần càng khiến Xương nghĩ đến Thịnh, đến sự chia ly không tránh được của gia đình.

Xương mượn cớ khâu vá, ngồi suốt ngày trong gian gác nhỏ của mình. Và có nhiều lúc ngồi ăn đông đủ cả nhà, nàng tuy là nói chuyện với mọi người, nhưng mà trí não thì đi vắng.

Trước kia, trong khi Hòa đi học, thì tuy hai người mỗi năm chỉ gặp gỡ nhau một vài lần, trong những dịp Hòa nghỉ lễ, nhưng lúc đó Xương không thấy người bạn của mình cách biệt như hiện bây

giờ. Xưa kia thì cách trở bởi không gian. Nhưng bây giờ thì xa nhau bởi tấm lòng. Đó mới là điều chua chát. Không một ai hiểu như vậy cho Xương cả.

Xưa kia Hòa là bạn. Nhưng bây giờ... nhưng bây giờ... Xương vừa lo sợ không bao giờ gặp lại Hòa, vừa lo sợ cái buổi sau này gặp lại Hòa... Nàng hiểu rằng người bạn thân nhất của đời nàng sẽ không tha thứ cho nàng. Nhưng cớ sao Xương lại không dám nhận một mối tình chân thành như thế, của người bạn gần với tấm lòng nàng nhất! Chính nàng cũng không hiểu nữa.

Bởi vậy, Xương chỉ muốn đi đâu cho thoát khỏi cái khung cảnh hàng ngày thân mật quá với mình, nó nhắc nhở cho mình bao nhiêu điều tiếc hận...

Bà Thông thấy con ngày một héo hắt như cái cây mọc trong chỗ tù túng, trong chỗ bóng râm, liền nghĩ đến sự cho nàng đi đâu xa một độ. Bà bàn với chồng, và cả hai người cùng đồng ý gửi nàng lên Hà Nội.

Bà Thông có một bà em họ buôn hàng tấm ở phố Hàng Đào. Ở đấy phố xá lúc nào cũng rộn rịp, ồn ào. Vả lại trong nhà cũng có trẻ con đi học, Xương có thể bảo thêm cho chúng, vừa đi học thêm, nếu như nàng muốn. Bà em họ bà Thông mỗi lần ghé chơi với bà Thông vẫn thường có ý mến Xương và đã nhiều lần nói về chuyện đó.

Xương muốn rủ cả Thuần đi cho vui nhưng Thuần sức khỏe không đều. Tính nàng lại sợ những chốn đông người, nên sau cùng chỉ có một mình Xương đi Hà Nội.

Bà em họ bà Thông đối với nàng rất là tử tế. Luôn luôn bà tìm dịp làm cho Xương vui vẻ, làm cho nàng không thấy mình là khách ở gia đình bà. Bà góa chồng đã lâu năm, một tay tần tảo nuôi các con đi học. Bởi thế nên gần gụi Xương hôm sớm, bà đã đem lòng yêu quý Xương ngay.

Thế là ở Hà Nam, trong nhà bà Thông chỉ còn có hai vợ chồng già và hai cô con gái: Thuần và Ái với người u già cũ kỹ trung thành. Mỗi lần Ái đọc thư của bà Phán Hàng Đào trên Hà Nội gửi về, là cả nhà cùng hiểu rằng Xương cũng không được vui vẻ lắm ở trên Hà Nội. Xương ăn được, nhưng da mặt nàng vẫn xanh như trước. Nàng không muốn kết bạn bè với những thiếu nữ trong họ

thường lui tới nhà bà Phán Hàng Đào. Chỉ thỉnh thoảng Xương mới đi chơi phố, dạo Hồ Tây, đi chơi quanh hồ Hoàn Kiếm với đứa con gái lớn nhất của bà Phán. Xương thường thức rất khuya để viết lách gì lâu lắm, hàng giờ trong buồng ngủ.

Cái mộng của Xương là, nếu nàng được ở ngay Hà Nội, tất nàng sẽ có dịp đi lại những nhà báo vẫn thường nhận đăng những bài tiểu thuyết của mình. Sự đó đã làm nàng vui lòng hơn hết. Người ta đã nhận giả tiền nàng hàng tháng. Xương hy vọng sẽ giúp đỡ được bà Thông bởi vì ông Thông bây giờ về hưu trí, trong nhà lại có bề quẫn túng hơn trước. Vả trong khi làm việc, nàng có thể nguôi quên hết được mọi điều.

Ban ngày thì Xương đi học đánh máy chữ để hòng sau này sẽ có một nghề thông thạo trong tay. Ban đêm nàng viết truyện. Tay nàng nhiều hôm cũng cứng mỏi như lòng nàng vậy. Còn tiểu thuyết của Xương thì vẫn là những chuyện hoang đường, bi đát, thê thảm, rùng rợn... như ngày trước. Những độc giả của tờ báo mà Xương gửi đăng cũng ngây thơ như tấm lòng nàng. Họ không cần gì hơn nữa. Mặc kệ! Miễn là Xương có tiền thỉnh thoảng mua thuốc cho em Thuần, hay gửi cho bà Thông là được.

Và thấm thoát, Xương đã ở Hà Nội được một năm trời, xa cái tổ thân yêu của mình, cái tổ mà trước kia Xương tưởng là không bao giờ nàng có thể rời xa được. Việc đời đã dần dần khiến cô thiếu nữ xưa kia nhận thấy rõ ràng cái ý nghĩa của sự sống, nó chẳng giản dị như tấm lòng người chưa từng trải.

Nhưng có một điều Xương lấy làm đau đớn nhất, là tuy ở cùng một thành phố với Hòa, mà Xương lại càng thấy xa Hòa như bởi muôn ngàn sông núi. Hòa trọ ở đâu? Sự học của chàng đã đến bực nào? Chàng thường hay đi tới những chỗ nào? Cái tâm sự của Xương, bà Phán Hàng Đào rõ làm sao được? Những đứa bé con bà hiểu làm sao được? Hòa có thường đi qua nhà nàng ở? Hòa có thường nhắc đến nàng không?

Trong những bức thư của Ái gửi lên, không có dòng nào đả động đến Hòa. Nhiều lúc Xương tưởng là đời nàng không còn lần nào lại gần Hòa nữa. Hai người thế là chia rẽ suốt đời.

Những lúc đó, phần thì mệt mỏi vì nghĩ ngợi, vì thức khuya, vì chán nản, Xương thường chép vào cuốn nhật ký của mình tất cả những thầm kín của quả tim. Nàng nghĩ đến sự gì là viết ngay vào đấy. Vẫn là những cái mà ta đã biết... Vẫn khung cảnh ở tỉnh nhà... với cái cửa sổ bên nhà cụ Án, với mảnh vườn rậm lá, với cái nhà cũ kỹ, cái gác xép, những hôm mưa, những bóng dáng của cha mẹ, chị em, những lá vàng rụng trên hiên, những con mèo của Thuần, những câu hát của u Ái xưa kia thường ru cho Ái ngủ, ánh đèn buổi tối trong nhà... Và Hòa, Hòa, Hòa, người bạn cũ với thân hình mỏng mảnh, lúc chưa quen, với cảnh xé lòng bên gốc ổi...

Đã một năm rồi, Xương không có tin tức gì của người bạn cũ. Liệu Hòa đã nguôi giận hay chưa? Liệu Hòa đã quên chuyện cũ, và trong lòng chàng liệu có còn một chỗ nào kín đáo nhất cho hình ảnh của Xương?

Những giờ hiu quạnh nhất của mình, Xương vẫn tự hỏi thầm như vậy. Bởi vì đến bây giờ Xương mới hiểu cái mầu nhiệm của lòng yêu. Phải có sự giận dỗi của Hòa, phải có sự xa cách, Xương mới nhận ra rằng Hòa cần thiết cho đời nàng đến bực nào. Xưa kia lòng Xương non dại quá, ái tình chạm đến một cách thình lình làm cho nàng sợ, như con chim bỡ ngỡ bị bàn tay quá bạo làm cho kinh khủng. Bây giờ, đến bây giờ, Xương mới rõ thế nào là ngờ vực, là hi vọng, là chờ đợi... Nàng đợi, và ngày tháng cứ qua đi, tẻ ngắt như một đời vô ích.

Thế rồi một hôm kia, có một sự thay đổi bất ngờ đến làm rộn rịp nơi Xương ở. Một người đàn ông nghèo, một người cháu bà Phán Hàng Đào đến ở chung với cô, bỗng trở nên một người bạn mới của Xương. Nhà còn một cái gác trong vẫn để hàng, và hai đứa con trai của bà Phán cũng cần phải học thêm giờ, nên bà Phán đã bằng lòng để cho chàng đến ở để dạy con mình luôn thể.

Người đàn ông đó là Tâm, Tâm vừa đi dạy học tư vừa làm báo. Ở Hà Nội chàng cũng cô độc hơn là Xương nữa. Chàng mặc áo quần cũ kỹ nhưng sạch sẽ. Nét mặt chàng sớm in dấu vết của một đời vất vả lúc trẻ thơ, nên thiếu vẻ trẻ trung. Nhưng nhờ hàm răng trắng, nên nụ cười hóa ra tươi tỉnh, và dễ gây thiện cảm với mọi người.

Lần đầu thấy Tâm, Xương đã hiểu ngay rằng đó là một kẻ vụng về, vì ít giao du bè bạn, vì nghèo túng, nhưng trong ngực chàng thì giấu một trái tim vàng.

Xương thấy rằng Tâm cũng như mình, chứa đựng trong lòng một nỗi đơn độc nặng nề giữa chốn kinh kỳ rộn rã. Hai tâm trạng cùng như một nên dễ khiến hai người thành thực thân nhau.

Buổi tối, khi không có việc gì làm, Xương thường đính hộ Tâm một cái cúc áo, hoặc khâu lại cho chàng vài đường chỉ tuột ở quần áo của chàng.

Và Xương cũng không sợ thiệt. Bởi vì Tâm là người học rộng. Chàng lại kể cho Xương nghe những chuyện về công việc của chàng. Tâm đọc rất nhiều sách lạ. Chàng nói đến văn chương ngoại quốc. Chàng như là một ông thầy học của Xương. Thiếu nữ chỉ nhờ chàng mà hiểu biết thêm nhiều điều cần thiết cho nàng.

Xương thấy rằng Tâm hình như cái gì cũng biết, cũng đã từng trải qua rồi, nên lại đem lòng kính phục. Nhờ vậy đời nàng cũng đỡ bề tịch mịch.

Nàng kể cho Tâm biết qua gia đình mình, cái gia đình thân mến lúc nào nàng cũng đem theo ở lòng mình. Tính nết ông Thông, vẻ hiền từ của bà mẹ, sức khỏe của em Thuần... Xương kể hết, như kể với một kẻ thân tình mà người ta không còn có điều gì ngờ vực nữa.

Nàng kể cả với Tâm rằng mình vẫn viết tiểu thuyết cho một hai tờ báo. Và người ta trả cho nàng không được bao nhiêu, nhưng nàng viết có phải đâu vì nàng. Xương viết vì em Thuần, vì bà Cả cần tiền, lúc nào cũng cần tiền, tuy hai người đó không bao giờ bắt nàng phải kiếm. Xương kể cả cho Tâm biết rằng Thịnh cũng vừa báo tin với nhà rằng nàng đã đẻ con trai. Và em Thuần cũng báo tin rằng giàn hoa Nhật Bản của nàng đã nở một bận hiếu hoa nhưng mà vắng bóng Thịnh, Xương, Hòa ở đấy.

Xương nói đến Hòa với Tâm như nói đến một người bạn chung của hai người. Làm như Tâm cũng dự vào cái quãng đời trước kia ở bên bờ ao sen nhà cụ Án. Vì vậy, nhiều lúc Tâm rất lấy làm sửng sốt nhưng chàng cũng đoán thầm rằng có lẽ đó là một người thân yêu nhất của chị em Xương. Tâm nhận thấy rằng Xương nhắc đến

Hòa nhiều quá. Mà mỗi lần nhắc đến cái tên Hòa thì mặt nàng sáng lên một vẻ khác thường.

10.

Buổi chiều hôm đó, Xương đương nhờ Tâm đọc hộ mấy trang tiểu thuyết của mình vừa viết để dò xem ý kiến của Tâm, thì con ở chạy vào báo rằng Xương có khách. Thiếu nữ sửng sốt, vì nàng chẳng quen ai ở Hà Thành. Nàng đoán thầm rằng có lẽ có người ở tỉnh nhà lên nhắn nàng việc gì quan trọng.

Đầu gối run run, nàng đi xuống gác, ngực nàng đập mạnh. Nhưng chẳng phải ai xa lạ. Đó là cô Cả và em nàng: Ái – Xương mừng rỡ có thể òa lên khóc được. Đã lâu ngày nàng chưa gặp một kẻ thân tình nào. Hai chị em ôm lấy nhau một lúc. Rồi Xương đẩy Ái ra mà ngắm. Ái quả đã thành một cô thiếu nữ rất xinh tươi. Ái ăn mặc sang trọng chẳng kém gì các thiếu nữ con nhà giầu mới nhớn lên ở Hà Thành. Xương thấy nổi lên trong lòng một niềm kiêu hãnh và vui sướng thực êm đềm.

Trong thời kỳ Thuần đau ốm, Ái thường phải đi sang ngủ ở nhà cô Cả. Bà Thông không muốn có đông người ở trong nhà lúc đó. Ái thường phải thay Xương để đọc truyện, và trông nom nhà cửa cho cô. Đến khi Xương lên ở Hà Nội thì Ái đã thành một cô cháu "chính thức" của bà cô khó tính. Vốn xưa nay mềm mỏng. Ái chẳng bao lâu đã rất hợp với cô. Nàng quen ngay với cái đời sống của một nhà giàu trưởng giả. Ái ở hàng tháng với cô, và được cô coi như là con gái quý.

Bà Cả cho thế là đã báo thù được mấy cô cháu cứng đầu cứng cổ xưa kia. Thịnh đã bằng lòng theo một anh giáo học nghèo, Thuần thì ốm yếu quanh năm, Xương đã bỏ nhà lên ở trên Hà Nội, vậy thì Ái sẽ hưởng tất cả mọi điều sung sướng đáng thèm.

Cô Cả vẫn biết Xương là một thiếu nữ thông minh thực đấy, nhưng bà thấy Ái dễ bảo và đáng yêu hơn. Bởi thế bà cho Ái theo bà đi chơi Huế và Sài Gòn một chuyến. Như phần nhiều các người giầu có tuổi, bà cũng muốn đi đây đi đó một lần để dối già.

Hai cô cháu chỉ đến thăm Xương được một buổi thôi. Chuyến tàu tốc hành tối nay sẽ đưa hai người vào Huế.

Ái vui vẻ thuật tất cả những điều đó cho Xương biết, trong khi cô đương nói chuyện với bà Phán Hàng Đào ở ngoài hàng.

Xương nghe xong, người cứ tái dần đi. Nàng thấy mọi vật đều quay tròn ở quanh mình. Tiếng Ái nghe ròn như tiếng nói của những người con gái ít tuổi đang sung sướng. Ái khoe với Xương những đồ trang sức mà cô vừa mới sắm cho để đi chơi xa. Xương thấy trong mình lạnh ngắt.

Thôi! Thế là hết cả! Cuộc đi chơi xa này cũng không đến phần nàng. Vậy mà xưa kia, bà Cả đã bao lần hứa với nàng, những lúc nàng đọc xong một cuốn truyện làm bà có cảm động. Đã bao nhiêu lần, Xương du lịch trong tưởng tượng. Thiếu nữ cho là cả nhà chỉ có mình là hiểu được cái đẹp của sông núi, của cảnh sắc nơi xa lạ. Nàng thường tả trong truyện của mình những buổi hoàng hôn, những buổi sáng trăng, trên những con sông, những phong cảnh chưa bao giờ đi tới. Một ngày kia, nàng sẽ đi cùng cô Cả. Nàng sẽ đi thăm cung điện và lăng tẩm Huế. Nàng sẽ bước trên những sân gạch mà các vị đế vương đời trước đã bước lên. Nàng sẽ được thấy Sài Gòn, cái thành phố đẹp như hòn ngọc mà mọi người ca tụng. Nàng sẽ đi Cao Miên, hay Đà Lạt, là các chốn người ta ca tụng bằng những lời văn diễm lệ trong sách vở. Nàng sẽ đi...

Nhưng, thôi thực hết! Bây giờ đó là Ái thay nàng. Ái, một cô em không bao giờ ham đọc sách như nàng, không hiểu được tâm hồn của sự vật như nàng.

Xương cố nén lòng để cho qua cái cơn đau đớn ấy. Nàng hỏi thăm em về tin tức ở nhà, về Thuần, về đứa con đầu lòng của Thịnh. Sau cùng nàng hỏi tới Hòa:

Ái kêu lên sửng sốt:

– Thế chị không biết rằng Hòa hiện cũng ở Sài Gòn với cụ Án? Hòa đi chơi với cụ đã gần một tháng nay. Vì hình như Hòa độ này có vẻ buồn bã làm sao ấy.

Câu nói của Ái chẳng khác một cái dùi nhọn đâm vào tim người chị. Xương bàng hoàng, rời rã cả tay chân. Hòa cũng đi Nam với ông? Thế thì Hòa tệ thực. Ai ai cũng có phần hạnh phúc của

mình. Duy chỉ có Xương là chịu thiệt. Ngày xưa đã có lần Xương và Hòa cùng bàn tán với nhau về "cuộc du lịch lớn lao" kia. Hai người cùng tưởng tượng với nhau những non nước thực là kỳ ảo.

Đến bây giờ người bạn của nàng đã quên nàng, đã không thèm viết cho nàng một cái thư, từ ở chốn vui kia. Một mình Xương ở giữa Hà Nội. Nàng như một con vật thả hoang, không được nếm một chút vuốt ve âu yếm.

Trời tối. Bà Cả cơm nước xong đã giục Ái sửa soạn để ra ga Hàng Cỏ. Xương bùi ngùi tủi phận, và nghĩ thầm rằng có lẽ cô mình và em gái mình ghé thăm mình, là chỉ vì bà Thông khẩn khoản mà thôi. Nàng thấy mình đã cách biệt với mọi người. Và trừ tấm lòng tốt của mẹ ra, thì không còn gì nữa.

Ra đến sân ga, Xương thấy không còn gì để nói với những người đương nóng lòng đợi giờ xe lửa chạy mang mình đi đến những xứ lạ nhiệm màu. Nàng nhìn em và cố nuốt những giọt lệ vào cổ họng.

Nhưng cái nhìn của nàng tuyệt vọng nhường kia, Ái làm gì mà chả thấy. Ái bỗng nhớ ra rằng trước kia, đã bao lần Xương khoe với các chị em rằng, bà cô sẽ cho mình đi để hầu cô. Ái hiểu rằng vô tình mình đã cướp phần của chị. Thiếu nữ vội cầm lấy tay chị mà nắm chặt:

– Ồ Xương! đáng lẽ ra thì chị đi mới phải. Chị vẫn ước ao... Hay là để em nói với cô...

Xương bịt mồm em lại. Vừa lúc đó, tiếng còi xe đã rúc lên, Xương đẩy em lên bực cửa:

– Không. Đó là phần thưởng của em. Bởi vì em biết cách hầu cô. Em đi cho vui vẻ... Và nếu vào trong Nam, em có...

Nàng định nói: "Nếu em có gặp anh Hòa...".

Nhưng, không nói được tên Hòa. Nàng tiếp:

– Nếu em có được xem nhiều cảnh đẹp, thì em viết thư cho chị... Thế cũng như là chị đã đi.

Ở ga về, Xương toan đi nằm ngay, để được khóc một mình trên chiếc gối quen thuộc của mình. Nhưng xe kéo vừa đỗ, nàng đã thấy Tâm đứng trong sân, dưới giàn nho leo như có ý đợi nàng. Quả nhiên Tâm chạy lại phía nàng và nói:

– Tôi chờ mãi. Tôi đã đọc xong cái truyện ngắn mà cô đã vui lòng cho xem. Nhưng tôi phải thành thực mà nói. Bởi vì đó là bổn phận một người bạn. Cho dẫu có phạm...

Xương thấy chán nản lạ thường. Trong lúc này, nàng còn thiết tha gì nữa? Nàng phải cố quên đi, quen hết, Ái, Hoa, cuộc đi chơi... để trở về với cái đời nhạt nhẽo mọi ngày.

Thấy Tâm lúng túng không nói hết câu, Xương cũng không còn lòng nào mà khuyến khích chàng nói nốt. Tâm ngừng một chút rồi lại tiếp:

– Tại sao cô lại đi viết thứ truyện như vậy để làm gì? Cô nên để công ấy cho những kẻ vô tài, những kẻ tâm hồn khô khan, trống rỗng. Tôi biết cô có thể có nhiều ý tưởng cao hơn thế. Ừ, tại sao lại cứ phải những chuyện tình không lý thú, những chuyện hoang đường, rùng rợn, chuyện diễm ảo, li kỳ không phải là tiếng vang của cuộc đời? Tại sao cứ phải tả những thiếu nữ ngây thơ giả dối, những anh hùng với những cử chỉ lố lăng, những kẻ gian ác cử chỉ bạo tàn. Không, lòng người có muôn ngàn trạng thái, có bao nhiêu tình cảm đẹp...

Tâm nói một hơi, nhưng bỗng chàng ngừng bặt. Xương đã dựa mình vào cạnh tường hoa mà khóc. Cạnh nàng là một khóm hoa dạ hợp, tay nàng nắm lấy một cánh, nên lá rung lên. Tâm hoảng sợ, chạy đến gần nàng:

– Tôi xin lỗi Xương. Tôi không ngờ... Tôi nói thực... Tôi chỉ muốn...

Xương ngửng đầu lên. Trời tối, Tâm không thấy những hạt lệ long lanh dưới mắt nàng.

Xương nói:

– Không! Không phải là lỗi tại anh... Nhưng tại sao tất cả mọi sự không may lại hùa nhau đến cùng một lúc thế này?

Nàng nói như là nói với một mình mình, Tâm không hiểu được ra sao cả, nhưng chàng biết là Xương có điều gì đau xót lắm, nên chàng chỉ đứng im.

– Ừ thì được đi hay không cũng không cần... Nhưng còn Hòa? Có sao Hòa lại nỡ lòng như vậy được? Hòa đi qua cửa nhà này mà cũng không vào. Hòa đi xa mà cũng không thèm cho biết...

Xương càng nói, nước mắt lại càng chan chứa:

– Nhưng chẳng qua cũng là lỗi ở tôi... Bao giờ tôi cũng lỗi... Chính tôi đã làm cho Hòa lánh xa tôi. Đó là hình phạt của trời. Nhưng cô Cả đã hứa với tôi sao lại quên lời được? Và bây giờ thì đến anh lại trách tôi viết những truyện chẳng ra gì.

Tâm cảm động muốn kiếm lời an ủi nhưng chàng chưa biết nói gì thì Xương lại tiếp:

– Không, tôi biết lắm. Tôi biết là những truyện của tôi viết ra chẳng giá trị gì. Nhưng khi tôi viết những truyện hợp với tờ báo trả tiền tôi như vậy, tôi mới có thể giúp được nhiều người...

Tâm vội nói luôn:

– Tôi cũng hiểu lắm. Nhưng cô không có quyền viết văn như vậy, trong khi mình...

– Sao lại không?

– Không, là bởi vì cô đã phí cái tài thực của mình ẩn trong tâm hồn và rồi cô sẽ làm hỏng nó đi. Cô không có quyền, thực vậy. Cô chỉ nên viết những gì chỉ ở lòng mình. Người viết phải biết chống lại cái lợi nhỏ nhen, mới hòng tiến đến chỗ tinh vi của nghệ thuật được.

Tâm chỉ lên giàn nho và nói tiếp:

– Đây này, trên đầu chúng ta, chung quanh chúng ta có bao nhiêu là điều đáng nói. Cô hãy viết cho tôi một truyện về cái cây nho này chẳng hạn. Cây nho giờ không có lá, và có vẻ cằn cỗi như một ông già. Nhưng không, nhựa sống tràn đầy trong lòng cây, và biết đâu nó cũng có một linh hồn như chúng ta đây? Bao giờ đến mùa hè, nó sẽ lại tươi tốt để hiến cho đời lá xanh và quả ngọt. Cái hại là người đời không biết đợi chờ...

Xương chưa từng thấy Tâm nói hăng hái, say sưa như vậy bao giờ cả.

Xương nghĩ đến những trang nhật ký mình đã viết trong những giờ mỏi mệt và chán nản, những giờ xa mái gia đình và các người thân. Những giòng chữ viết rất nhanh, vội vã từ một cõi lòng cởi bỏ trong hiu quạnh. Có lẽ Tâm sẽ thích đọc những trang thành thực như vậy chăng? Xương tự nhủ: Nhưng lúc này chưa phải là lúc nên cho Tâm rõ. Trong cái vườn của dĩ vãng, chỉ có những kẻ thân yêu của mình mới có quyền bước chân vào.

Vả lại, trong cuốn nhật ký của Xương, nàng đã nhắc đến Hòa nhiều quá. Dưới bút nàng, cái tên người bạn thủa xưa trở lại luôn luôn. Nàng không muốn cho người ngoài đọc đến.

11.

Từ hôm đó, Xương và Tâm lại càng trở nên thân mật. Xương sẵn lòng nghe những lời khuyên bảo của Tâm. Còn Tâm thì cũng thấy lòng mình đầy kiêu hãnh, đầy bối rối...

Tâm đã đọc nhiều và đi khắp mọi nơi. Chàng thường kể lại cho Xương biết những nơi chàng đã đi qua ở miền Nam. Bởi thế câu chuyện của chàng kể lại Xương cho là đầy lý thú. Nhưng trong khi nghe chuyện của Tâm, nàng đã thấy cái bóng của Hòa hiện đến, và lượn quanh chỗ hai người. Trong mỗi phong cảnh đẹp đều có khuôn mặt của Hòa hiện ra mờ nhạt, nhưng chẳng dễ cho người xua đuổi.

Thỉnh thoảng Ái lại gửi cho Xương một bức ảnh, một phong thư ngắn ngủi. Xương đọc thấy những câu: *"Em và cô đương ở Huế. Huế đẹp lắm, để khi về em sẽ kể..."*. Hay là: *"em và cố đã tới Sài Gòn..."*, và thiếu nữ đoán ra rằng Ái đã viết cho chiếu lệ, để cho người không được đi có thể an ủi là mình vẫn có người nhớ đến. Rồi nàng lại tự hỏi xem Ái có đem theo bút và giấy để vẽ trộm bà cô một vài cảnh đẹp chăng? Ái có còn giữ được cái tính thích vẽ, và cái tài hơi khô khan ngày xưa đã khiến cho Ái nổi tiếng là người con vẽ khéo trong nhà chăng?

Không. Chắc là không đời nào cô Cả cho phép Ái làm như thế ở dọc đường. Cô Cả sẽ cho thế là không lịch sự. Một cô gái ngồi ở

đường để vẽ? Người ta sẽ bàn tán thế nào? Thực ra, được mặc quần áo đẹp và đi du lịch với cô: Ái cũng phải bỏ mất cái thú vô hại của mình ngày bé, cái mộng trở nên một nghệ sĩ tài hoa, danh tiếng.

Đối với Ái hay với ai cũng vậy, cuộc đời không có cho không một cái gì. Được một chút vui, thì người ta lại phải trả lại gấp hai lần bằng những sự buồn, sự tiếc.

Xương nghĩ vậy, và nàng cho cái cuộc du lịch trong tưởng tượng của nàng qua lời nói của Tâm, lại còn đầy đủ mặn mà hơn là cuộc du lịch của Ái bên cạnh một bà cô khó tính.

Ái đi được hai tháng, thì một đêm, bà Phán Hàng Đào rủ cả Tâm và Xương cùng đi xem diễn kịch ở nhà hát lớn với mẹ con bà. Đêm đó người ta diễn một tích mới quá, bà Phán không hiểu nên nửa chừng bà dặn hai người ở lại xem và đưa mấy đứa con bà về sau, vì bà buồn ngủ. Lúc tan hát, Tâm và Xương cùng mỗi tay dắt một đứa trẻ đi bộ về nhà.

Trời đã trở thu, không khí mát mẻ, dễ chịu. Tiếng chân người đi trên hè phố vang ròn. Xương khẽ nhẩm lại theo điệu hát vừa nghe vai đào chính ở trên sân khấu hát. Âm nhạc của ban thanh niên đã giúp vui thêm cho buổi diễn đã khiến lòng nàng rộn rã. Nhiều lúc Xương nắm lấy cánh tay Tâm mà bước. Còn Tâm thì sung sướng nhìn thấy vẻ hân hoan trên nét mặt nàng.

Xương mặc một cái áo lụa mỏng trắng tinh có điểm hoa thêu nhỏ, mặt nàng rực rỡ hồng hào, mắt nàng cũng sáng lên khác ngày thường. Tâm nắm lấy bàn tay gầy nhỏ của Xương. Chàng nghĩ rằng đêm nay chàng sẽ nói cho Xương rõ...

Nhưng chàng còn sợ đến phút cuối cùng lại ngập ngừng không nói ra lời. Đó là một dịp hiếm có. Không mấy khi hai người được đi cạnh nhau trong đêm khuya với hai đứa trẻ nhỏ trên hè phố như thế này. Nên chàng không có can đảm nói...

Tâm vừa nghĩ vậy, thì Xương cất tiếng:

– Tôi vừa mới nhận được thư của em tôi ban chiều. Ái và cô tôi đã gặp Hoa và cụ Án ở Đà Lạt, và họ sẽ cùng đi chơi nhiều chỗ khác với nhau.

Tâm mừng thầm khi nhận ra rằng Xương đã nói đến cái tên "Hòa" một cách lãnh đạm khác mọi khi. Chàng tự nhủ bây giờ không còn gì ngăn cách chàng và Xương nữa... Tâm chỉ cần nắm chặt lấy tay Xương mà nói ra tất cả, nỗi lòng mình bấy lâu là đủ... Tâm không dám nghĩ đến việc nó sẽ xảy ra cho mình cách thế nào. Nhưng mà chàng chắc nó sẽ khiến được chàng vui sướng lắm...

Tuy vậy hai người vẫn đi cạnh nhau, rất lâu mà Tâm chưa nói được ra. Lòng chàng đau xót khi thấy chỉ còn một phố nữa đã tới nhà. Chàng hoảng lên, và liều nói:

– Cô Xương ạ. Cô có thể cho phép tôi viết thư về Phủ Lý được chứ? Tôi có một điều rất quan hệ để nói với ông Thông... quan hệ lắm!

Tâm cho cách đó là hơn cả. Chàng biết rằng không bao giờ mình dám nói ra câu chuyện ấy với Xương. Từ lâu, chàng định sẽ viết thẳng thư cho ông bà Thông để hỏi Xương. Như vậy thì không "lãng mạn" chút nào, có lẽ Xương giận chàng cũng nên. Nhưng làm thế thì đứng đắn, và đỡ ngượng.

Xương hơi lấy làm sửng sốt. Nhưng lòng nàng lúc đó đương hớn hở, nàng bắt chước dáng điệu của vai đào trong vở kịch vừa nghiêng mình vừa nói với Tâm:

– Tại sao lại không cho phép? Cả nhà tôi đã biết ông Tâm là ai rồi. Tôi vẫn thường kể chuyện ông Tâm với các em tôi.

Rồi nàng lại hỏi trêu:

– Nhưng mà ông Tâm muốn viết thư về nhà tôi làm gì vậy? Để phàn nàn về cô học trò hư và dốt nát của ông Tâm chăng?

Tâm thấy máu chạy bừng bừng trên mặt và trong đầu. Chàng không biết nói gì thêm nữa. Chàng là một kẻ đàn ông vụng về và lương thiện. Chàng chỉ biết rằng mình nên tự cho mình là sung sướng nhất đời. Bởi Xương đã nói đến mình trong những bức thư gửi về nhà.

Mấy đứa trẻ đương buồn ngủ thấy đã tới nhà thì đấm cửa ồn lên gọi người mở cửa. Bà Phán nằm trong màn vừa tỉnh giấc liền gọi Xương lại gần và đưa cho nàng một cái dây thép vừa gửi tới lúc bà ở nhà hát lớn ra về. Bà bắt Xương mở ra để xem ngay có việc

gì hệ trọng không. Mắt Xương bỗng nhiên tái ngắt. Nàng biết là có việc không hay xảy ra giữa gia đình nàng rồi. Cái thứ giấy báo tin kia bao giờ chẳng báo những tin làm cho người ta đau khổ. Tâm nhìn Xương và cũng lo lắng như chính việc của mình. Cái dây thép đã mở ra trên ta run rẩy của Xương: "Thuần ốm nặng, Xương phải về ngay tức khắc".

Xương biết là lần này thì hết. Thuần sẽ đi khỏi gia đình vĩnh viễn. Nàng hối rằng trong lúc Thuần đau yếu, nàng lại không có mặt ở đầu giường em. Nàng đoán thầm những nỗi lo sợ của các em, của bà Thông, và nàng khóc. Nàng khóc ngay ở cửa màn bà Phán.

Mấy đứa trẻ con cũng xúm lại bên nàng mà khóc theo người chúng vẫn yêu. Bà Phán cũng thấy nghẹn ngào nước mắt. Còn Tâm thì chàng hiểu rằng trong trường hợp ấy, chàng hóa ra một người vô dụng. Chàng biết rằng Xương đang đau khổ lắm. Nhưng mà những lời an ủi của chàng sẽ hóa ra vô ích.

12.

Thuần nằm ngủ chập chờn trên giường bệnh... Người ta chỉ còn tính từng ngày số mệnh của nàng..., người ta chỉ còn tính từng giờ...

Nhưng trông mặt thiếu nữ thì bình tĩnh lạ. Hình như nàng không đau đớn một chút nào. Nàng lả đầu như những cành hoa bị cắt rời cây trong một sáng hè.

Bấy giờ thiếu nữ cũng có trên mặt nàng cái duyên ẻo lả ấy, những con mắt đẹp tuyệt trần, cái vẻ buồn yếu mệnh của những đứa trẻ không sống lâu được bao nhiêu. Và ngày thường bao giờ Thuần cũng rút rát, e dè, như là thiếu nữ do dự, ngập ngừng trước cuộc đời. Nàng hoảng sợ vì những điều tê tái nàng chưa biết nhưng thầm đoán ra trong đó. Những điều tủi cực, và thất vọng, và gắng gượng, với lại những nỗi vui ngắn ngủi phải trả đắt gấp mười lần. Thuần muốn rằng mình sẽ không đi sâu vào cuộc đời giống mọi người.

Thiếu nữ nằm một mình một cái giường trở nên rộng quá từ buổi Xương và Ái đi xa. Nhưng chính cái nhà thân yêu cũng đã

thành ra rộng quá, và buồn rầu như một cái tổ chim mà các chim con đã nhớn lên, đã bay xa.

Ở cạnh cửa sổ buồng Thuần, một cây mộc già, một lần nữa, trong lúc không ai để ý lại ra hoa. Những cành khẳng khiu, đen mốc lại trở nên tươi trẻ vì những chùm hoa lấm tấm một màu trinh bạch. Mỗi năm người ta tưởng là nó đã chết rồi, nhưng cứ bất thình lình nó lại có hoa như vậy, chẳng khác những tấm lòng già, tuy mỏi mệt, tuy cằn cỗi, nhưng mỗi lần có chuyện yêu thương lại thấy đập xôn xao.

Xương không rời em một phút. Bây giờ chỉ có một mình nàng săn sóc đến Thuần. Bà Thông và mọi người trong nhà đều mệt yếu cả rồi.

Xương sắc thuốc cho em như một người mẹ trẻ. Mấy ông thầy thuốc vẫn thường được mời đến, không tỏ ra là thất vọng hẳn rồi, cứ vẫn cho Thuần uống vài vị thuốc cầm chừng, để yên lòng những người thân thích. Xương hiểu là bây giờ chỉ còn có cách chịu phục tòng số mệnh, và chờ...

Nhưng sự đó không lừa nổi được Thuần. Bởi vì nàng biết. Nàng đương kiên nhẫn đợi. Nàng im lặng đợi. Nàng lành như một con vật nhỏ dễ thương, khiến ai trông thấy cũng lấy làm chua xót. Nàng không kêu rên, không oán hận một điều gì. Khi gặp chị, thiếu nữ thở dài một chút, và mừng rỡ nói:

– Nếu Ái và Thịnh cũng có mặt ở đây, thì có phải là bốn chị em đầy đủ như xưa không chị nhỉ?

Xương quay mặt đi không dám nhìn Thuần mà khóc. Như xưa! Vậy ra Thuần cũng thế ư? Thuần cũng thương tiếc những tháng năm đã mất? Những năm mà tiếng cười nói của bốn chị em vang lên gọi nhau ríu rít trong vườn và trên gác?

Một buổi trưa, chỉ có một mình Xương nằm cạnh giường Thuần, để trông cho Thuần ngủ. Thiếu nữ thấy em cựa mình và nói sảng. Một nụ cười thoáng trên môi nhợt và khô của Thuần. Xương không nỡ đánh thức em, nhưng Thuần đã mở to mắt đầy nỗi vui mừng và ánh sáng:

– Ô này chị Xương ạ, em vừa nằm mơ thấy... em vừa nhớ đến cái ngày chủ nhật đã lâu lắm, chúng ta ăn bánh đa và ném cho cá,

trên cầu ao, bên vườn cụ Án. Hôm đó chị định lội xuống ao để hái nụ sen, nhưng chị Thịnh không cho. Còn anh Hòa thì ngắt một cái lá to đội lên đầu làm nón.

Xương thổn thức nhìn ra vườn đầy ánh nắng thu. Cái giờ khắc giữa trưa im lặng ấy, có một vẻ huyền bí thuộc về cõi chết. Chiếc mành mành che cửa hơi động đậy vì gió thổi qua. Thiếu nữ rùng mình như chạm phải hơi lạnh của tử thần. Nàng nhớ tới cảnh vui ngày trước. Nàng định bỏ guốc để lội xuống ao, nhưng Thịnh mắng và đuổi nàng khắp vườn. Nàng nấp sau những gốc cây nhãn to ngả bóng râm trên vườn cỏ. Hòa giật được một con cá rô to và hét lên làm cho cả bọn giật mình. Nàng nhớ hết...

Nàng lại nghe Thuần tiếp:

– Anh Hòa, có lẽ em, không bao giờ được gặp anh Hòa nữa...

Xương suýt òa lên khóc. Nhưng nàng giữ được. Nàng đặt tay lên trán Thuần lấm tấm mồ hôi:

– Em đừng nói nhảm. Em phải ngủ đi cho khỏe để đợi lúc nào anh Hòa về, chúng ta lại đi câu cá như xưa.

Nhưng Thuần khẽ lắc đầu:

– Không, không thể được đâu chị Xương ạ. Chị cũng biết rằng em không bao giờ đi câu cá cùng các chị và anh Hòa nữa...

Xương lại quay mặt đi một lần nữa để giấu Thuần những giọt lệ đã tràn ra đầy cả má nàng. Nhưng Thuần đã tìm tay chị và nắm lấy:

– Chị Xương ạ, chị đừng nên sợ.

Thiếu nữ nói câu đó xong thì bỗng lại nở một nụ cười thảm hại:

– Thực là kỳ lạ. Ngày xưa chính chị thường bảo em: *"Đừng nên sợ gì hết cả"*. Vậy mà ngày nay lại đến em khuyên chị. Chị còn nhớ chứ? Chị bảo em rằng cụ Án không có gì là dữ tợn, chị bảo rằng em có thể đưa rổ cho anh giáo Phúc và anh Hòa ra vườn hái đậu giúp u già. Chị bảo: "Đừng sợ cái gì hết cả". Và em tin chị. Em tin rằng chị phải. Chị bao giờ cũng bạo, cũng cứng cỏi hơn em. Chị khiến người ta nghĩ đến những con chim lạ, càng có gió cản, càng giông tố lại càng bay khỏe.

Thuần vừa nói vừa thở hình như mệt lắm. Xương muốn bảo em ngừng lại. Nhưng không được vì Thuần lại tiếp:

– Còn em, thì mẹ vẫn bảo em là một đứa tồi. Em chỉ được cái quẩn chân mẹ và u Ái ở nhà thôi, đi đâu thì co rúm lại. Mẹ cũng tưởng không bao giờ em đi đâu cả. Vậy mà bây giờ lại đến lượt em đi xa hơn tất cả mọi người. Em sắp từ biệt tất cả mọi người vĩnh viễn. Không... chị đừng nói gì cả... để cho em nói... Bây giờ thì khác hẳn. Em cũng chẳng biết nói ra thế nào cho được rõ. Nhưng em tin rằng chị hiểu. Chị bao giờ cũng là người hiểu thấu đáo được mọi điều, hơn cả mọi người. Bây giờ em thấy em không sợ gì nữa cả... Cuộc đời có thể chia tán chúng ta... nhưng bao giờ em cũng trông thấy được ngôi nhà nhỏ thân yêu của chúng ta, như khi mà bốn chị em còn thơ ấu, còn đoàn tụ dưới một ngọn đèn. Em dù ở cõi đời nào cũng không quên cảnh đó. Như vậy cũng như không, có gì chia rẽ được chúng ta.

Nàng ngừng lại để cười, lại bóp chặt tay Xương và nói:

– Nhưng em lại chỉ lo cho một mình chị mà thôi. Dẫu có được vào đến chốn thiên đường sung sướng an vui nào rồi, em cũng cứ không yên lòng vì chị. Bởi chị khác hết tất cả chị em nhà.

Thuần nhắm đôi mắt lại. Hàng lông mi dài của thiếu nữ in bóng lên trên gò má cao gầy võ của nàng. Xương kéo chăn lên quá ngực cho em. Và nàng gục đầu xuống cạnh gối em. Có tiếng trống trường ở xa vọng đến. Học trò nhỏ năm ba đứa mới lững thững tới trường cười nói ồn ào ở ngoài đường. Xương nghe như là tiếng vọng ở một thế giới nào xa lạ.

Buổi chiều hôm đó Thuần qua đời. Không một tiếng động, không một tiếng kêu, không một lời than... Nàng tắt như một ngọn đèn đã hết dầu nên cháy chập chờn một hồi lâu trước khi biến hẳn...

Thuần chưa đến hai mươi tuổi. Một ngôi mộ ở ngoài thành phố giữa một cánh đồng cỏ xanh... Xương giồng một cây hồng trắng và một nhánh hoa leo Nhật Bản bên giàn mộ cho em. Mỗi khi có gió mưa thì cánh hoa rụng tả tơi trắng cả nơi Thuần ở.

Xương phơi hết quần áo của em ra nắng, và gấp từng chiếc một bỏ vào hòm, như sửa soạn hành trang cho một kẻ đi xa. Nàng thu thập hết những đồ vật mà Thuần vẫn thích từ ngày bé để bỏ

vào ngăn rút trong tủ áo. Nàng treo ảnh em ở đầu giường. Nàng chăm chút mấy con mèo của Thuần để lại.

Bà Thông bây giờ không còn hơi sức nào mà coi sóc việc nhà như trước nữa. Bà nằm liệt một nơi, và những ông lang đã cắt thuốc cho Thuần, bây giờ lại cắt thuốc cho bà. Bao nhiêu công việc đều vào tay Xương hết. Xương định không lên Hà Nội nữa. Bà Phán xuống thăm đã mang theo cả hòm xiểng của nàng về. Nàng tìm thấy một hai cái truyện ngắn chưa viết trọn, và cuốn nhật ký mà nàng đã gửi vào đấy bao nhiêu là tâm sự lúc xa nhà.

Cách một vài hôm, nàng lại một mình đi thăm mộ của em. Nàng ngồi hàng giờ trước cây hồng và hòn bia mộ chí. Đấy là tất cả những cái gì nhắc nhở cho người còn lại về cô thiếu nữ hiền lành thường nấp sau các chị em nhà mà nghe chuyện, mà sợ sệt... Cô thiếu nữ chỉ yêu những con mèo nhỏ, và thích chơi với trẻ con. Và hễ trong vườn nở được đóa hoa nào là cạy gọi cả nhà ra đứng ngắm.

13.

Bây giờ, Xương đã sống lại dưới mái gia đình, nhưng sự thương tiếc lần này càng khiến cho lòng nàng tê tái. Nàng biết là không thể nào lại còn được như xưa nữa. Ngôi nhà bây giờ chỉ còn chứa những bóng ma.

Xương phải làm lụng suốt ngày thay mẹ. Nàng dậy sớm như gà. Nàng giặt giũ, nấu nướng và sửa sang vườn tược. U Ái đã già đi thêm một chút nữa, không giúp đỡ được nàng bao nhiêu. Nhiều hôm cơm nước xong thì người Xương tưởng chừng gẫy rời ra được. Thế nhưng công việc cũng khiến nàng nguôi quên được nhiều điều.

Buổi chiều, khi trời sẫm lại, Xương thường một mình ngồi trên gian gác xép của nàng mà chờ tối. Và khi tiếng giun dế đã đua nhau rỉ ran ở mọi xó vườn, xó hè nhà, thì nàng thắp đèn lên. Ông Thông bà Thông, từ ngày Thuần mất, không mấy khi thức khuya nên trong nhà chỉ còn có một bóng Xương. Hôm thì thiếu nữ xem sách, hôm thì nàng viết truyện.

Từ buổi đưa Thuần về nơi thiên cổ, lòng Xương lại giá lạnh thêm một chút nữa vì đời. Nàng muốn nhờ cảnh ngộ mình lúc đó

để sáng tạo nên một cuốn sách sâu xa, thành thực. Một cuốn sách viết bằng chính những rung động của lòng nàng, như Tâm thường nói. Xương viết hàng giờ trên gian gác vắng, quản bút hình như có phép nhiệm màu của những kẻ vô hình đưa đẩy giúp. Những kỷ niệm ngày xưa lần lượt hiện ra nhảy múa quanh nàng...

Xương viết rất dễ dàng chứ không khó nhọc như xưa nữa. Nàng đi trong những thế giới thần tiên của dĩ vãng tưởng còn gần ngay đó, nhưng mà đã bị cái chết, sự vắng mặt, sự oán hận, sự biệt ly ngăn cách hẳn rồi...

Sợi dây thiêng liêng buộc tất cả mọi người trong gia đình vào với nhau, đã đứt. Chuỗi ngọc đã sổ dây, mỗi viên lăn đến một chỗ mà số mệnh định đâu từ trước. Thịnh đã có một mái nhà ở chốn xa, và nàng đương hưởng cái hạnh phúc ích kỷ bình tĩnh của những người sung sướng. Việc gì cũng không quan trọng cho nàng lúc này bằng chồng nàng với con nàng. Dĩ vãng đối với nàng nay chẳng đáng để tâm bằng hiện tại với tương lai... Ái thì vẫn đi chơi xa với bà cô giầu có. Thiếu nữ không về được để chôn Thuần. Những giọt nước mắt của người ở xa thấm ở trong thư cũng không làm gì được cho Xương cả. Thuần đã đi ra khỏi cổng nhà để ngủ giấc muôn năm ngoài đồng nội, bên cạnh một cây hồng run rẩy. Còn Hòa thì vẫn không có một lá thư để thăm hỏi đến Xương...

Như là nhớ một phép lạ, Xương hội họp mọi người lại dưới ánh đèn. Mỗi đêm, nàng tìm lại với những kẻ thân yêu ngày trước. Những cái bóng người xưa đều chạy đến với nàng và xúm quanh nàng, với những tiếng nói cười, với những áo quần ngày cũ. Họ vẫn nói những câu nói cũ, họ vẫn giữ được dáng điệu ngày xưa. Và đó là chính họ đọc cho Xương viết bằng một ngọn bút nhanh chóng, không bao giờ mệt mỏi...

"Phải viết những cái gì thoát ra ở chính tấm lòng mình". Câu nói của Tâm vẫn vang lên bên tai thiếu nữ, mỗi lần nàng cầm bút.

Bây giờ thì chính thực nàng đã sống trong những hàng chữ nàng viết ra, nàng và tất cả những kẻ xưa kia đã làm thành cuộc đời nàng, với những ngày vui, với những ngày buồn...

Một đôi khi Xương đọc lại những trang mình đã viết vào buổi sáng.

Nhìn đám giấy đen những mực, những chỗ gạch, xóa, nàng nghĩ đến những cơn mê đắm say sưa trong lúc viết. Và nàng do dự, nàng tự hỏi mình có quyền mang tất cả một thuở thiếu thời ra gạn lọc lấy những cái gì sáng sủa ngọt ngào của nó, mà làm thành một câu chuyện giải trí mua vui cho kẻ khác – được chăng?

Nhưng Xương lại nghĩ rằng chỉ có thế mới lột được hết chỗ tài nghệ đáng kể nhất của mình thôi. Và nàng biết rằng trừ Thuần ra, thì tất cả mọi người không ai hiểu cái giá trị của một kho tàng quý báu như thế nữa. Nàng không chiếm đoạt của ai một cái gì. Những cái mà nàng lượm lặt từng mẩu vụn, từng ly từng tý ở cuộc đời chung của những người thân, nếu không có nàng, thì đã chết hết, chết phí đi trong một xó lãng quên, trong lãnh đạm...

Cuốn truyện cứ như vậy mà thêm trang, mà dài thêm ra mãi, trên gian gác thân mật của Xương, nhưng không một ai biết cả. Khi đã chấm dấu hết trên trang giấy cuối cùng, Xương mới đem cả tập ra bờ sông Châu để ngồi hóng mát mà đọc lại. Buổi chiều gần tắt nắng.

Thuyền bè vẫn qua lại trên sông như cũ. Xương ngồi đúng ở một chỗ mà ngày xưa Hòa và bốn chị em nàng vẫn cùng ngồi xem nước chảy với thầy giáo Phúc. Gió chiều hơi lạnh, thổi rạp những cỏ cao mọc ở ven sông. Những nóc nhà trong tỉnh còn một chút màu vàng ốm yếu sắp tàn trên mái. Mấy cô thiếu nữ đi học về đuổi nhau trên đường đá. Một đám muỗi bay vòng quanh trước mặt Xương kêu vo vo như mừng trời sắp tối. Phía bên kia bờ sông Châu có người đốt cỏ khô và rác. Ngọn khói bốc lên cao, bị gió tản ra, mờ nhạt dần đi. Mùi khói, trong buổi chiều cuối thu có cái hương vị chát của những cành cây đầy nhựa cháy.

Lúc Xương đọc xong tập giấy của mình thì trời vừa chập choạng. Áo nàng đã ẩm vì hơi sương.

Nàng trở về nhà thì u Ái đã thắp đèn trong gian giữa. Đó là hiệu gọi của gia đình. Xương nhớ lại những ngày còn đi học mải chơi cùng chúng bạn, lúc trở về đã thấy lên đèn thì trong lòng lo lắng. Nàng đẩy vội cửa bước vào nhà.

Sáng hôm sau, Xương gửi tập truyện của nàng đi Hà Nội. Nàng hy vọng rằng Tâm làm báo chắc hẳn phải quen nhiều nhà in có thể

in cho nàng cuốn truyện đầu tiên ấy. Nàng gửi đi như vậy tất cả của cải của đời nàng, và nàng cũng không hiểu số phận nó sẽ ra sao, tùy ở sự phê bình sau này của Tâm, người bạn chân thành nhất của nàng trên Hà Nội. Nàng tin rằng Tâm sẽ giúp nàng sửa đổi một đôi chút về những chỗ vụng về không thể tránh được trong lúc nàng ham viết mà không để ý.

Tâm có thể in được cuốn truyện cho nàng hay không? Xương cũng không bận lòng lắm về sự đó. Nàng viết ra chỉ cốt để cởi bỏ hết được tâm sự của mình, được cái gánh dĩ vãng đè nặng trong lòng mình từ ngày hiểu biết cuộc đời. Lòng nàng đã nhẹ nhõm. Không có gì ám ảnh, đuổi theo nàng nữa. Từ nay, có lẽ không bao giờ Xương lại viết văn.

Ngay hôm đó, Xương trở lại với công việc nội trợ của mình một cách yên lòng hơn trước. Nàng lại vá may giặt giũ, chăm nom cha mẹ cơm nước, và giúp đỡ u già Ái.

14.

Thịnh lần thứ hai đã có mang, và nghe nói bà Thông ốm yếu luôn luôn nên nàng đem cả con về nhà cha mẹ đẻ, định sẽ ở lâu cho vui cửa vui nhà.

Xương thay chị trông nom cháu những khi Thịnh đi chợ mua thức ăn, hoặc đi đâu có việc. Nàng khéo dỗ cháu đến nỗi đứa bé cả ngày cứ quấn lấy nàng. Nhưng cũng nhờ có đứa trẻ mà gia đình bà Thông cũng đỡ tịch mịch.

Một buổi sáng Thịnh nhận được một phong thư vội đi vào bếp tìm Xương. Xương trông thấy một vẻ lo ngại bồn chồn trong mắt chị. Nàng sợ hãi hỏi ngay:

– Có việc gì thế chị? Hay là anh Giáo mệt, chị phải về...

– Ồ, không, không phải thế nhưng...

Thịnh ngập ngừng một lát rồi mới hỏi:

– Chị hỏi thật em, nếu bây giờ em được tin rằng anh Hòa đã yêu người khác... thì em nghĩ thế nào?

Xương đương rán dở mấy con cá trên bếp lửa. Nàng không tỏ vẻ gì ngạc nhiên hết nhưng nàng quay lại, nhìn thẳng vào mặt chị, như để tìm cho ra một cái tên. Sau cùng nàng hỏi:

– Người đó là ai vậy? Có phải là em Ái của chúng ta chăng?

Thịnh gật đầu... Xương lại trở nên bình tĩnh như thường. Nàng cúi đầu trên bếp lửa. Thịnh nhìn ra sân nói:

– Chị cũng đoán thế thôi, chứ cũng chưa lấy gì làm chắc. Ái nó viết trong thư rằng nó và Hòa đã cùng đi Đà Lạt... và Đà Lạt là một chốn thần tiên... và nhiều câu tương tự thế. Bởi vậy nên chị ngờ rằng có lẽ...

Thịnh không nói hết. Nhưng mặt nàng đã đỏ bừng. Xương nhìn chị vẫn còn đẹp trẻ như ngày con gái. Nàng nói rất thản nhiên:

– Nếu vậy càng hay chị ạ.

Sự bình tĩnh của Xương làm cho Thịnh hơi sửng sốt. Nàng lại ngập ngừng:

– Nhưng... thực là không việc gì đến em cả chứ? Vậy mà bấy lâu chị cứ tưởng...

Thế rồi cố vượt qua sự ngạc nhiên, Thịnh lại nói bằng cái giọng của người chị cả, như ngày trước:

– Nếu vậy, có lẽ chị nhầm, Xương ạ. Hay đó là một điều bí mật mà em không muốn cho chị rõ! Chị cứ tưởng em vẫn có lòng yêu quý anh Hòa, và nếu anh ấy trở về...

Xương vội phá lên cười và ngắt lời chị:

– Không. Như thế thì hơn. Phải, có lẽ chỉ em Ái mới hợp ánh Hòa, mới là người mà Hòa muốn chọn. Họ cùng trẻ đẹp, và cùng giống tính nhau. Phải, thế là hơn...

Nhưng nàng bỗng cúi đầu, và trong một phút nàng không giữ nổi lòng mình được nữa:

– Nhưng mà chị ạ, nếu lần này anh Hòa trở lại, và nếu anh ấy còn nhớ tới em, thì lần này hẳn là em không từ chối.

– Đấy em xem, em vẫn yêu Hòa. Chị có nhầm đâu.

– Vâng, em vẫn yêu Hòa, nhưng chẳng phải như chị tưởng... Lòng em lúc này cũng vẫn chẳng khác gì trong ngày cưới chị, ngày

em không dám nhận mối tình chàng... Nhưng bây giờ thì chị cũng đã rõ rồi, em cũng cần được yêu hơn bao giờ hết, để khỏi phải sống một mình hôm sớm thế này... Em cũng ước ao một cảnh đời như của chị...

Hiu quạnh. Phải, chưa bao giờ Xương cảm thấy sự quạnh hiu đến thế. Thiếu nữ tưởng tượng giờ khắc này em gái mình đương đứng cạnh Hòa, trước một cảnh thông reo nước chảy. Ôi, họ đã xa mình, họ đã bỏ mình. Cái xa cách vì đường đất, vì không gian có lấy gì làm đau đớn bằng cái xa cách giữa lòng mình với những lòng người đương sung sướng.

Xương tưởng tượng rằng Hòa lúc này đương thỏ thẻ bên tai Ái những lời êm ái như xưa kia chàng đã nói với Xương: *"Tôi không thể nào sống không có em bên cạnh..."*.

Phải, có lẽ cũng lại những lời nói ấy. Và Hòa cũng lại cúi xuống sát đầu Ái, mắt chàng cũng sáng lên những vẻ dịu dàng như nàng đã thấy. Và cảnh đó đã xảy ra ở trên một bờ bể đẹp, ở giữa một rừng thông, ở cạnh một con suối nhỏ. Nhưng đáng lý ra thì Xương mới là người giờ khắc này được ở gần chàng. Đáng lý ra thì Xương mới được theo cô đi du lịch, và trở nên xinh đẹp trong ánh nắng một buổi chiều, trong con mắt của Hòa. Đó là cái phần hạnh phúc của Xương. Nhưng em nàng đã hưởng.

Nghĩ cho cùng đó cũng là sự dĩ nhiên: Hạnh phúc đến tay ai thì người ấy hưởng. Ai bảo Xương đã quá vụng về. Cái may mắn không chờ đợi những người chậm chạp. Xương có một tâm hồn sôi nổi quá. Xương hay lo ngại viển vông, Xương không có được tính tình giả dối, lọc lừa, khéo léo mà cuộc đời bắt buộc những kẻ muốn an thân phải có...

Xương đã như người đánh bạc để lộ bài. Vậy là nàng thua thiệt!

Buổi chiều, gió đã lạnh dần. Xương nhìn ra vườn đã thấy một vài thứ cây đổi lá. Bên nhà hàng xóm có ai đương chặt một gốc cây. Tiếng chặt cây vọng vào lòng Xương một nỗi cô đơn, một niềm thương tiếc vô cùng đau xót.

Nàng nghĩ rằng Ái và Hòa đương ngắm một cảnh hoàng hôn, xán lạn ở miền Nam. Trong lòng những kẻ tình nhân rộn lên một

khúc yêu đương ấm áp... Nhưng trong lòng nàng thì gió lạnh buổi tàn thu đương thổi lạnh lùng.

15.

Ái đã báo tin về, và trong gia đình bà Thông bây giờ mọi người đều rộn lên về việc sửa soạn đón tiếp những người đi chơi xa sắp phản hồi: Xương và u Ái thi nhau lau quét khắp mọi nơi. Bàn tay thiếu nữ đã thành chai, nhưng Xương vẫn không tỏ vẻ gì khác cả.

Tuy vậy lòng nàng thực là rối nát như tơ vò. Nàng nghĩ đến cái buổi gặp mặt Hoa, và nàng run sợ. Nàng tự bảo thầm rằng Hoa đã sắp thành người chồng của em nàng. Và nàng phải gượng cười gượng nói thế nào đừng để lộ ra một điều gì cả. Những nỗi băn khoăn chua chát, những giọt nước mắt đã giỏ trước kia, trong lúc vắng Hoa, Xương định không bao giờ để cho Hoa biết cả...

Nhà cửa đã sạch sẽ, ngăn nắp đâu vào đấy, Xương thường tạo sự cắt những áo mới cho cháu nhỏ để lên ngồi trên gác xép một mình.

U già Ái thấy Xương bây giờ không hay đùa cợt với u như ngày xưa và thường có vẻ trốn lẩn mọi người, thì kêu với bà Thông rằng Xương đã hóa ra đứng đắn quá. U Ái cho rằng Xương đã đến cái tuổi mà người đàn bà đã bắt đầu nghĩ đến những bổn phận của mình ở tương lai, cũng như mình trong thuở trẻ trung.

Nhưng Xương không nghĩ đến một cái gì nhất định. Nàng nằm dài trong gian gác nhỏ, mắt lim dim như người chờ giấc ngủ. Và chỉ có vậy nàng mới tìm được một chút yên ổn trong trí não. Xương lắng nghe tiếng động của một con chuột nhắt gặm một tờ báo cũ trong xó tối, hay tiếng nước mưa chảy rì rì trên lòng máng mái nhà.

Nhiều khi bóng tối lọt vào phòng lúc nào nàng cũng không hay. Xương uể oải thắp ngọn đèn dầu lớn, nhìn những cái mạng nhện giăng trên cánh cửa, và những con nhện kiên nhẫn nhả tơ dệt lưới âm thầm bằng những đốt chân dài lông lá.

Và, một hôm kia, chính ở trong gian gác đó, Xương đã gặp lại Hòa trong một lúc bất ngờ.

Có lẽ Xương đã lặng người đi lúc đó, trong một cơn mê mộng, trong ánh đèn vàng của một buổi chiều mưa. Có lẽ nàng sắp ngủ thiếp đi một giấc, nhưng mắt còn mở được.

Xương không nghe bước chân của Hòa bước trên thang và tiến lại chỗ nàng. Vì trời mưa to, ở ga ra, trời tối ít xe, Hòa phải mang hành lý về trước cho ông và cho bà Cả. Mọi người còn ở ngoài ga để chờ thuê cho được đủ xe. Chỉ có Hòa là nóng ruột muốn về ngay trước. Chàng muốn đến thăm Xương trước nhất.

Xương không nghe tiếng chân Hòa rụt rè bước tới gần mình. Nàng tưởng mình mê ngủ. Đã bao lần nét mặt của người con trai thân yêu kia hiện ra trước mặt nàng như vậy, trong giấc ngủ, trong những giờ mỏi mệt và chán nản của đời nàng.

Nhưng không, đây chính thực là Hòa, người bạn cũ. Nàng giơ tay ra định chạy lại phía Hòa và ôm chặt lấy chàng. Nhưng nàng chỉ kêu lên một tiếng nghẹn ngào:

– Hòa? Hòa... về bao giờ vậy?

Nghe tiếng của mình vang lên Xương đã biết đây là sự thực. Hòa đã trở về. Chàng đã ngồi xuống cạnh Xương:

– Xương có mừng không?

– Ồ, mừng mà thôi ư?

Xương thấy cổ họng như tắc lại. Nước mắt đã tràn ở khóe mắt nàng. Nhưng Hòa không thấy. Nàng vội gượng cười và hỏi:

– Thế còn Ái ở đâu? Cô Cả...

– Họ về sau... Tôi nóng ruột quá nên về trước để...

Hòa không nói hết. Nhưng Xương hiểu. Cái tên "Ái" nói được ra đã giúp nàng can đảm. Nàng lại phải khỏe một phen này nữa. Xương nhìn kỹ lại mặt Hòa. Hòa đã cao lớn hơn xưa, da mặt rám nắng, mạnh khỏe, mắt lóng lánh đầy nghị lực. Chàng có dáng vững vàng hơn trước, đàn ông hơn trước. Hòa cũng biết là Xương đã xét lại mình nên miệng mỉm cười:

– Thế nào? Xương đã thấy Hòa khác trước những gì?

– Hòa đã có râu xanh ở cằm và ở miệng, nếu cạo ngay đi thì có lẽ vẫn như xưa.

Phải, Hòa vẫn có đôi mắt vừa như khẩn cầu vừa như chế riễu ngày xưa. Hòa vẫn giữ cái nụ cười thực thà điểm một chút buồn. Hòa cũng nhìn lại Xương chăm chú:

– Còn Xương thì...

Hòa nhìn Xương chăm chú. Nước mưa chẩy ào ào trên mái ngói. Ngọn đèn dầu tỏa ánh sáng vàng xưa kia soi bóng hai người như trong cái buổi tối đã xa xôi, ngày Thuần ốm. Hòa đã tìm thấy Xương trong cái xó gác này. Chàng đã nhớ lại rõ ràng nét mặt tươi bời của Xương ngày ấy. Chàng đã nhận ra người đàn bà mà suốt đời chàng đinh ninh sẽ là người "bạn đời" mình, người đàn bà "của mình", trời sinh ra là để dành cho mình, để cùng chia sẻ những đau khổ vui buồn trong kiếp sống. Vậy mà chàng đã đi xa nàng, và để cho lòng mình mềm yếu trước những cảnh thiên nhiên kỳ ảo. Chàng đã bị quyến rũ bởi một khúc ca ân ái khác, một khuôn mặt khác, một chuyện tình duyên khác.

Nhưng... trong phút này, Hòa mới hiểu là không có ai thay nổi được Xương ở lòng mình. Nàng là người độc nhất. Người thiếu nữ xưa kia, vẫn thường đứng trong cửa sổ mà nhìn lên cửa sổ nhà chàng... người đã hiểu biết hết những hy vọng và những điều đau khổ trong đời trai trẻ của chàng... người đàn bà đã khiến chàng vỡ nghĩa cái huyền bí của hạnh phúc yêu đương.

Hòa đã vụng về không biết nói được cho Xương hiểu... nhất là chàng không biết đợi chờ... Đến bây giờ...

Hòa ghé gần lại mặt Xương. Người chàng run rẩy và mặt chàng tái ngắt:

– Xương, thể nào tôi cũng phải nói với Xương...

– Không.

– Thế nào cũng phải một lần... Một lần cuối cùng này nữa... Rồi không bao giờ nữa...

Nhưng Xương, cũng như trong ngày cưới Thịnh, Xương lại vội vàng đặt tay lên miệng người đàn ông đã thú với nàng tất cả mối tình thầm lặng Xương cũng vẫn run sợ như ngày trước. Những lời

nguy hiểm ấy, Hoa đừng bao giờ nên nói nữa. Những lời ấy nó sẽ mọc rễ ở trong tâm hồn của hai người, khiến không đời nào người ta quên đi được. Như thế thì khổ cả...

Hình ảnh Ái bỗng hiện ra chia rẽ hai người...

Bại liệt, Hoa cúi đầu xuống ngực. Chậm mất rồi, chậm quá rồi! Chàng cũng hiểu. Giữa chàng và Xương, không thể có lời gì được nữa...

Chàng thở dài, chua chát nói:

– Vậy ra, bây giờ chúng ta lại trở lại như xưa... Có phải thực tình Xương muốn vậy?

– Như xưa, không Hoa ạ, không bao giờ ta lại tìm thấy tuổi trẻ thơ của ta ngày trước nữa. Cả cái tâm hồn ngày đó nữa... Anh đã là một người đàn ông đứng tuổi rồi, tôi cũng đã thành một kẻ đàn bà không có nhiều mơ mộng nữa... Nhưng chúng ta lại có thể từ đây trở nên hai kẻ "anh em thực sự". Anh em với tất cả cái nghĩa tin cẩn, mến yêu, dịu dàng của nó.

Những tiếng động, và tiếng cười nói ồn ào ở nhà dưới nhắc hai người rằng bà Cả và Ái đã tới nhà.

Xương vội đứng lên kéo tay Hoa vui vẻ chạy xuống cầu thang:

– Nhanh lên, nhanh lên, họ đã về rồi!

Họ đã về rồi, đúng như Xương nói. Nhà cửa đã chật những người. Người ta lính quýnh, ồn ào, rộn rịp. Người ta không biết cất cái ô, hay cái va ly sũng nước mưa vào một chỗ nào. Cô Cả thì gắt với trời với nước, mặt cô vẫn nhăn nhó như xưa. Cụ Án thì ho lên sù sụ và đương hỏi chuyện Thịnh về ông Giáo học của nàng. Đứa con nhỏ của Thịnh thì khóc thét lên vì lạ Ái và không cho nàng bế.

Xương để cho Hoa xuống trước. Và nàng dừng lại ở cửa thang gác mà nhìn cảnh sum họp tưng bừng của gia đình. Lòng nàng bỗng nhiên lại thổn thức. Nàng nhớ đến Thuần. Chỉ còn thiếu Thuần nữa là cửa nhà lại đúng như xưa rồi. Nhưng dù là ở đâu, hẳn Thuần cũng đã nhìn thấy cảnh đó rồi, và chắc Thuần cũng phải lấy làm vui dạ như Xương.

Xương vừa trải qua cái cảnh khó khăn nhất đời nàng. Và nàng đã thắng... Nàng đã có đủ sức để tránh những lời thú mà nàng chờ

đợi từ lâu ở người bạn cũ. Bây giờ nàng đã yêu Hòa bằng một cái tình huynh đệ, và nàng lại lấy làm mừng vì lại thấy Hòa có địa vị mới của một kẻ thân tình giữa họ hàng mình. Thế là yên ổn cả.

Xương nói một mình:

– Vậy em cũng bằng lòng chứ em Thuần?

Chúng ta sum họp đúng như ngày trước.

Nàng nói với một cái bóng hình mảnh dẻ hiện trên đám khói bốc lên ở ấm chè nóng đặt giữa mọi người. Nàng nói với người thiếu nữ hiền lành, rút rát, lúc này cũng như nàng, không muốn bước chân vào phòng khách để làm bận rộn cái hạnh phúc của những người đương sống...

Ngày hôm đó trước khi đi ngủ, Thịnh gọi Xương lại bên giường, trao cho em một bức thư đóng dấu nhà bưu điện trên Hà Nội mà Thịnh để quên dưới gối từ chiều. Bức thư đó, Xương mới thoáng nhìn đã biết ngay là của Tâm ở Hàng Đào.

Nàng nằm xuống giường mình, vặn to chiếc đèn con lên đọc.

Tâm báo tin cho nàng biết rằng cuốn tiểu thuyết *"Bóng người ngày xưa"* của nàng đã có một nhà xuất bản nhận in, và vài hôm nữa nàng sẽ nhận được một cuốn để xem. Tâm có đưa cho một vài nhà văn nổi tiếng đọc qua, mọi người đều tỏ lòng khen là chuyện cảm động vì thành thực.

Xương không ngủ được. Nhưng nàng vẫn nằm im để khỏi làm rộn giấc ngủ của chị em nhà. Cái vui sướng của nàng nói ra cũng không ai hiểu. Xương nằm im, và nàng nghĩ rằng tất cả mọi người thân yêu ở quanh nàng từ bé đã dệt cho đời nàng bao nhiêu tình cảm lạ lùng, và bao nhiêu kỷ niệm. Nhưng chỉ cái quãng thời gian rất ngắn ở gần Tâm mới làm cho nàng hiểu thấu được cái giá trị của những giờ cô độc và đau khổ của nàng. Chỉ ở gần Tâm nàng mới nhận thấy hết được cái đẹp và cái vui rải rác khắp trong đời.

Thịnh cựa mình, nhìn sang giường Xương, thấy Xương chưa ngủ nên nàng bảo:

– Ngày mai, có lẽ chị phải xin phép thầy mẹ đi Thanh, Xương ạ. Chị thấy nóng ruột quá chừng. Chị chỉ lo anh giáo...

Thịnh nói thế, rồi chợt nhớ ra rằng mình đã để lộ cho em gái biết rằng lúc nào mình cũng để tâm đến chồng con hơn cả bố mẹ, chị em nhà, nên Thịnh chẳng nói thêm gì nữa.

Nhưng Xương tủm tỉm cười. Bây giờ Xương đã hiểu nàng. Xương cũng không đáp lại làm sao cả. Xương nhớ lại cái dáng điệu vụng về bẽn lẽn của người anh rể, ngày xưa, khi chàng cầm bông hoa của Thịnh tặng ở trên tay.

Đăng báo Nam Cường; *Đông Phương xuất bản, Sài Gòn, 1941*

*

HOA TIGÔN

(truyện ngắn)

Hoa "Tigôn" bà đầm! "Tigôn" bà đầm! "Ơi dê" bà đầm! Cái "chợ hoa" ở phố Tràng Tiền, cạnh Hồ Gươm, làm tăng vẻ tươi thắm, mỹ miều cho Hà thành nhiều lắm. Một buổi sáng mùa thu, không gì thú bằng đứng nhìn những thiếu nữ đẹp như hoa, tha thướt đi chọn hoa, những người đàn bà Pháp áo màu rực rỡ đi qua lại đó, một đôi khi, một vài chàng trai trẻ nữa, có lúc người ta còn thấy cả những ông già cũng đến đó "hỏi thăm hoa". Thực là một cảnh tượng tưng bừng, trẻ trung gợi cảm. Tiếng mời chào của các cô hàng hoa vui vẻ như lưu luyến khách, ríu rít như chim họp chuyện buổi mai:

– "Ơi dê" bà đầm! "Viôlét" bà đầm!

Mỗi mùa lại một tên hoa: hết sen thì đến cúc, thược dược, hết trà lại đến cẩm nhung, huệ trắng, hướng dương..., những cái tên êm ái như tên thiếu nữ. Nhưng có ai nghĩ rằng: những bông hoa mà các cô hàng tươi trẻ buộc gói nhanh thoăn thoắt, đưa trả khách mua, những bông hoa đó sẽ về đâu? Có những bông sẽ được cắm vào những chiếc lọ pha lê quý giá, đặt trong một gian phòng khách êm

đêm, được những bà nội trợ nhẹ tay sắp đặt cho có vẻ dễ thương, để mong làm đẹp lòng người chồng sắp sửa ở những chỗ làm ăn vất vả trở về, mệt nhọc. Có những bông sẽ được lọt vào tay những chàng trẻ tuổi, những thiếu nữ mới biết yêu, những bông đó thực là có diễm phúc, vì chúng nó sẽ được nâng niu, trân trọng, quý báu vô vàn, chúng nó sẽ được để bên giường ngủ, trên bàn học. Và lúc tàn rồi, người ta cũng không nỡ vứt nó ra ngoài rãnh, người ta sẽ bỏ cánh hoa rơi vào hộp mà cất kỹ dưới đáy hòm, trong góc tủ, để lúc "già rồi" hay đến lúc hết "yêu nhau" người ta mới lục ra để mà rỏ lệ vào đấy..., như trong tiểu thuyết. Cũng có những bông đi ra ngoài nghĩa địa, mang đi bởi những bàn tay gầy, trắng, của những người đàn bà góa đương còn trẻ, để đặt lên mồ của những ông chồng bất hạnh, và để nhắc cho những ông chồng ấy hiểu rằng: *"Em chẳng bao giờ quên anh được... nhưng, đời đẹp lắm! Em sắp lấy chồng đây!"* Lại cũng có những bông hoa đã an ủi được nhiều linh hồn cô quạnh, linh hồn khắc khoải của những kẻ chung tình đến chết vẫn còn yêu, những kẻ vì yêu mà chết!

Như những bông hoa "Tigôn" mà họa sư Lê Chất đã đặt trên mồ Mai Hạnh, đã cắm trong phòng vẽ suốt một mùa thu.

*

Sáng nào cũng vậy, hết giờ dạy vẽ ở trường Mỹ thuật về qua phố Tràng Tiền, họa sư Lê cũng không quên mua một bó "Tigôn". Đó là cái thói quen của họa sư mà không một người bạn hay một người học trò nào thân là không biết rõ. Đến mùa hoa "Tigôn" nở nhiều nhất, thì trong nhà họa sư Lê, người ta chẳng còn thấy một thứ hoa nào khác nữa. Và có người nào tẩn mẩn ngắt một nụ hoa nho nhỏ ấy xem thực kỹ càng, người ta sẽ phải cho lời nhận xét của họa sư là đúng: "Hoa "Tigôn" hình quả tim vỡ làm mấy mảnh, màu hồng dịu như nhuộm máu đào." Rồi người ta phải tự hỏi thầm:

– Tại sao họa sư Lê lại thích chơi cái thứ hoa trông như giấy ấy, để trong phòng quá một ngày đã rụng rồi? Chắc lại có điều tâm sự chi đây...

*

Một buổi trưa – hồi đó Lê Chất 24 tuổi, còn là một họa sĩ nghèo mới ở trường ra – một buổi trưa đạp xe về các vùng lân cận Hà thành, họa sĩ Chất rẽ vào làng Mọc với cái giá vẽ buộc trước xe. Người thiếu niên ấy vừa huýt sáo vừa đi tìm cảnh đẹp. Mà cảnh đẹp đây là một thiếu nữ yêu kiều chàng mới gặp chiều qua.

Đến gần một ngôi nhà cũ kỹ trông ra dáng biệt thự của một vị hưu quan dùng làm chỗ nghỉ ngơi, Chất hãm xe lại, và nghển cổ nhìn qua một cái hàng rào cây xanh tốt um tùm. Chiều qua, lúc Chất sắp đạp xe rất nhanh qua đó, tình cờ liếc mắt vào nhà, chàng thấy một thiếu nữ đương đứng trên một chiếc ghế cao, với tay lên những dây hoa đỏ trên giàn nứa. Người con gái mặc áo cánh lụa cụt tay, hở cổ, để lộ một lớp da hung hung khỏe mạnh, thứ da được phơi nắng của những cô gái nhỏ. Hai má người ấy đỏ hồng, vài sợi tóc tỏa trên vừng trán. Cảnh "con gái hái hoa" ấy như một bức tranh linh động, khiến thiếu niên họa sĩ phải dừng chân ngắm không chán mắt. Cái khuôn mặt đều đặn: một vẻ đẹp cao quý vô cùng, nhất là đôi môi có một nét vẻ lạ, mà Lê Chất chưa được trông thấy ở khuôn mặt một người thiếu nữ cùng nòi giống bao giờ. Lớp môi trên mỏng, thực mỏng như là có một bàn tay cố ý làm ra thế, còn môi dưới thì chề ra, hơi sưng sưng, như một thứ quả chín ngon lành khiến ai trông thấy cũng phải thèm thuồng ao ước. Đó là thứ nhan sắc rất hiếm hoi, người ta trông thấy một lần là phải ghi sâu trong tâm tưởng. Thiếu nữ vô tình, bận gỡ những dây hoa leo trên giàn, đã để cho Lê Chất có thì giờ nhìn ngắm kỹ. Đến khi nàng bước xuống đất, sắp vào nhà, đưa mắt ra đường, trông thấy có người đứng nhìn mình mới cau mày tỏ vẻ không bằng lòng con người bất lịch sự.

Nhưng từ đó, hôm nào họa sĩ cũng đạp xe vào làng Mọc, giá vẽ buộc trên xe, mà chẳng vẽ bao giờ, vì còn bận quanh quẩn gần biệt thự. Thiếu nữ động thấy bóng chàng là lẩn vào nhà. Lê Chất được gặp nàng vài lần nữa rồi thôi, mà ngôi nhà hình như không có chủ nhân ở nữa, ngày nào cũng chỉ thấy có một ông lão già cuốc cỏ ở trong vườn.

Rõ lâu, Lê Chất mơ màng đến người thiếu nữ ấy. Chàng cố nhớ lại khuôn mặt, thân hình, hai cánh tay đẹp để trần, nhất là đôi môi của thiếu nữ. Chàng vẽ nhiều bức "croquis" trong tập "album"

của chàng để ghi lấy những nét đẹp của người mình mơ nàng..., rồi dần dần cũng quên nàng...

*

Lê Chất đã nổi tiếng. Thày học cũ của chàng vì mến tài chàng đã đưa chàng lên một địa vị mà nhiều kẻ phải ghen. Tranh của chàng được nhiều báo nước ngoài nói đến và bán giá rất cao. Là vì Lê Chất đã biết bỏ lối phong cảnh để vẽ người, tranh vẽ người của chàng, nhất là tranh vẽ đàn bà đã khiến các bạn chàng tặng chàng cái tên: "Người lấy máu để vẽ các cô gái đẹp". Chàng đã trở nên giàu có, ăn mặc rất sang, và rất khó tính, chàng đã đứng tuổi, đã lâu chàng không còn là gã họa sĩ nghèo, vui tươi, huýt sáo đi tìm cảnh đẹp quanh vùng lân cận Hà thành, giá vẽ buộc trên xe nữa.

Một mùa lạnh, Lê Chất đi vẽ ở vùng Vân Nam phủ, trong một bữa tiệc khiêu vũ ở tòa lãnh sự Pháp, chàng trông thấy một thiếu phụ An Nam đẹp, một vẻ đẹp buồn có dáng cao kỳ, kiêu ngạo. Chàng nhớ ra là đã gặp người ấy một lần. Ở đâu? Bỗng nhiên Lê Chất rùng mình. Tám năm rồi, nhưng quên làm sao được khuôn mặt ấy, đôi môi ấy? Lê Chất nhờ một người bạn quen giới thiệu: thiếu phụ là vợ một viên chức trong tòa lãnh sự, nói tiếng Pháp rất thông. Trong một bản "tango", đột nhiên Lê Chất hỏi thiếu phụ:

– Bà vẫn thích hoa "Tigôn" chứ?

Thiếu phụ nhìn chàng rất ngạc nhiên:

– Ông nói gì, tôi không được hiểu.

– Có lẽ bà đã quên cả Hà thành..., làng Mọc..., cái biệt thự xinh xinh có một giàn hoa...

Người đàn bà ấy kêu lên, mắt long lanh:

– Có phải ông là cái anh chàng họa sĩ vẫn thường rình tôi ngày trước đó không? Thảo nào mới nhìn thấy ông tôi cũng tự nghĩ không biết đã gặp ở đâu. Tám, chín năm rồi đấy! Thế mà chúng ta còn nhận được nhau.

Mai Hạnh – tên thiếu phụ, rất buồn rầu ở Vân Nam phủ. Nàng không có bạn nữa, nàng đã lấy một người chồng gia thế cân đối với nhà nàng, cuộc đời rất bằng phẳng nơi đất khách. Đến giờ, gặp được

người cùng xứ, – người đó lại dự vào dĩ vãng tươi đẹp của nàng – một họa sĩ nổi danh, nàng không có cảm tình với Lê Chất làm sao được? Nàng thường đến chỗ chàng ở trọ thăm chàng, và thuận ngồi cho chàng vẽ một bức tranh.

Một buổi sáng, hai người đi thăm một cảnh chùa Tàu cheo leo trên một đỉnh núi, Lê Chất nói với nàng:

– Tôi biết thế nào trong đời tôi cũng còn gặp Hạnh, bởi vì tôi vẫn không bao giờ quên cái buổi chiều ở làng Mọc. Nhưng số mệnh khiến chúng ta gặp nhau lần này có phải là để chúng ta chỉ có thể thành một đôi bạn mà thôi ư? Hạnh có đoán được lòng tôi lúc này không?

Mai Hạnh, giọng run run và mặt tái nhợt, giơ tay bịt miệng Lê Chất lại. Lê Chất ôm lấy nàng, nàng không cưỡng:

– Em cũng yêu anh ngay từ buổi đầu...

Thế là, hai người như sống trong một cơn mê. Mai Hạnh cố chống chọi lại với Ái tình. Lê Chất thì lo ngại, tính toán, như ngồi trên đống lửa. Chàng định cùng người yêu trốn đi Nhật Bản, chàng không cần gì danh dự, chức nghiệp, dư luận của đời nữa. Khi mà người ta yêu thì còn có cần gì? Mai Hạnh thì yếu đuối hơn, rụt rè, e ngại. Nhưng sau nàng cũng nhận lời.

Lê Chất đã sắp đặt xong mọi việc, chàng trở về Hà Nội, lo lót, lấy được giấy đi, tiền bạc, đồ dùng đi xa đã sẵn sàng cả, thì phút cuối cùng, chàng nhận được một bức thư:

"Chất, anh hãy đi một mình và quên em đi, vì em không thể theo anh. Đừng giận em, tội nghiệp! Em không phải là hạng đàn bà có thể vượt hết những khó khăn như anh đã tưởng. Đến phút cuối cùng, em bỗng sợ, em sợ gia đình tan tác, khổ tâm thày mẹ em, chồng em khinh bỉ, tai tiếng ở đời, những lo ngại ở tương lai... em thấy rằng: "Nếu chúng ta đi với nhau, chưa chắc chúng ta đã sung sướng". Anh thấy chưa? Em là một đứa hèn! Em không yêu anh được như anh tưởng đâu, vì em đã hi sinh anh cho tất cả những lo ngại trên kia. Vậy mà em yêu anh có thể chết vì anh được. Trong đời anh còn nhiều chuyện anh có thể quên em được đấy! Nhưng còn em thì thực chẳng bao giờ, chẳng bao giờ! Vì em biết sẽ không bao

giờ tự an ủi được bởi em đã làm hỏng đời em nếu em chẳng theo anh...".

Trong thư, một dây hoa "Tigôn" nhỏ ép rơi ra: Những nụ hoa chúm chím hình quả tim vỡ làm mấy mảnh, đỏ hồng như nhuộm máu đào. Chất đặt một cái hôn trên những cánh hoa và khóc, nhưng đó là một kẻ đàn ông có nghị lực: chàng đi du lịch xứ Phù Tang có mỗi một mình.

Bốn năm sau, một hôm họa sư Lê Chất thấy trên bàn giấy mình một phong thư viền đen báo tang. Chàng mở ra xem thì ra của người chồng Mai Hạnh báo tin rằng nàng đã chết. Họa sư đáp xe lửa đi Vân Nam ngay để một buổi chiều đặt trên mồ Mai Hạnh những dây hoa "Tigôn" màu máu đào, hình quả tim vỡ làm mấy mảnh. Rồi trở về Hà Nội, chàng mới sực nhớ ra rằng quên không hỏi để xem Mai Hạnh chết vì sầu muộn, hay vì một cơn cảm, sốt... chết về một bệnh gì?

Ngày nay, họa sư Lê Chất đã già rồi, nhưng cứ đến mùa hoa "Tigôn" nở nhiều nhất, không buổi sáng nào họa sư quên mua một ôm về để thay cho hoa cũ trong phòng vẽ, vì thứ hoa ấy chóng tàn.

Tiểu thuyết thứ bảy, 9-1937

*

VƯỜN CHANH

(truyện ngắn)

Hồi đó, tôi có một ông chú già làm quan đã về hưu thường một năm thì sáu tháng ở quê, trong cái trại rộng của ông mà ông gọi là Vườn Chanh.

Tôi vẫn có ý muốn nói với ông cho mượn chốn đó làm nơi đọc sách mấy tháng nực. Bởi biết rằng những bạn quen không ai ưa cái lối "ẩn" mà họ cho là chưa hợp tuổi này, tôi mặc họ đi chơi núi, đi ra bể, tôi không rủ một ai đi cả.

Khi tôi từ giã ông chú ra đi, ông vỗ vai tôi bảo: "Chắc cháu không ở được lâu đâu. Khi cháu bằng tuổi chú, cháu sẽ biết rằng giá trị người đời thực không đáng bao nhiêu. Chỉ có thứ đáng kể: cỏ hoa và sách vở".

Lời nói của ông già kiêu bạc lúc đó càng làm cho tôi mến yêu nơi mình sắp sống một mình. Người ít tuổi cũng thường có chỗ này giống người già, tuy chưa trải nhiều vị đắng cay đã có tật làm ra chua chát.

Vườn Chanh đúng như tên gọi là một cái trại chỉ trồng nhiều chanh hơn là các giống cây cối khác. Lúc tôi đến đang mùa hoa nở. Buổi chiều khi trời gần chập choạng, màu hoa trắng hiện ra trên đám lá xanh đã trở thành màu tối. Có lúc làm cho người ta tưởng cả vườn sẽ thành ra trắng cả. Chỉ có một người đầy tớ cũ của chú tôi ở trong khu đất mênh mông. Người kẻ quê ấy không hay nói. Có lẽ sống một mình từ lâu trong một chốn yên lặng quá, nên cũng sinh ra trầm tĩnh như tạo vật. Dẫu sao, ngay buổi đầu tôi đã bằng lòng nơi tôi chọn để cho qua mấy tháng hè. Khi cửa trong nhà đã mở ra, tôi như có cảm tưởng ngôi nhà từ đây sẽ tỉnh giấc triền miên của nó. Tôi nghĩ rằng một ngôi nhà đã thay đổi chủ, lẽ tự nhiên cũng thay đổi cả linh hồn.

Nhưng sự thực, chỉ có tôi là thay đổi, sau khi tôi rời bỏ chốn này.

Những cuộc dạo chơi trong cảnh hoàng hôn thê lương của Vườn Chanh đã ghi lại dấu vết đậm đặc trong tôi hồi đó, các anh đã nhận thấy rằng tôi thường hay xa lánh các anh từ đây, như một kẻ "mệt đời" lúc nào cũng tưởng nhớ đến tự do và quãng rộng.

Một hôm tôi đi chơi rất xa về phía núi gần làng. Lúc trở về trăng đã lên cao quá ngọn tre. Tôi vừa qua khỏi khúc sông ở gần làng thì trên con đường đi vào trại bỗng thấy xuất hiện bóng một người đàn bà mặc áo trắng dài. Ở xứ quê đó là một điều lạ mắt. Ta chỉ quen nhìn màu nâu của những người làm việc đồng áng lẫn cùng màu đất. Một cái chấm sáng hơn tức thì khiến ta chú ý ngay.

Cái bóng trắng kia đi vào bên ngõ cạnh Vườn Chanh. Người đầy tớ của chú tôi bảo đó có lẽ là người bên hàng xóm, vì thỉnh thoảng bên hàng xóm vẫn có người ở trên tỉnh về, nhất là người con gái lớn của chủ nhà. Tôi để tâm về việc ấy suốt cả đêm. Tôi đã nói

là hồi bấy giờ tôi mơ mộng lắm. Chưa chi tôi đã nghĩ đến một cuộc làm quen đầy thi vị với người áo trắng cạnh vườn nhà. Tôi tự nhủ: ở đời không chỉ có Hoa và Sách là đáng kể. Ngoài hai thứ ấy còn nhiều cái đáng bận lòng hơn.

Người đàn bà đẹp? Phải, trong tưởng tượng người tôi mới gặp thoáng qua kia phải là một người rất đẹp. (Ta có thấy một người đàn bà nào tả trong tiểu thuyết mà lại xấu bao giờ? Người đàn bà ở cạnh Vườn Chanh đối với tôi hồi ấy có khác gì một nhân vật trong tiểu thuyết?).

Từ đó tôi ngày ngày đọc sách không chăm như trước nữa. tôi dậy sớm và thức khuya hơn trước, để lắng nghe một tiếng nói, một tiếng động ở bên hàng xóm.

Một tuần sau, tôi mới lại được trông thấy người đó ở trong vườn, nhưng hôm đó trời đã tối. Nhìn qua lớp hàng rào bằng cây tôi chỉ nhận được hình dáng của nàng thôi. Nàng vẫn mặc áo trắng và người gầy đến nỗi tôi thương hại. Tôi cố ý gọi tên người đầy tớ trong nhà rất to, để cho nàng biết rằng bên Vườn Chanh cũng có người đang ở. Không hiểu sao tôi lại cho rằng nàng cũng là một người ưa tĩnh, thường rời bỏ tỉnh thành tức là để đi nghỉ như tôi. Nghe thấy động, người đàn bà vội lách vào nhà. Và từ buổi ấy, nàng có ý giữ gìn hơn trước. Bên hàng xóm hình như không còn người sống, sự đó càng làm cho tính hiếu kỳ và lòng say mê của tôi tăng.

Tôi cố rình mò lắm mới lại trông thấy nàng một lần nữa, nhưng người đàn bà thầm lặng chỉ bước ra khỏi nhà vào quãng đêm đã xuống rồi.

Tôi chỉ có thể biết được rằng nàng có một thân hình mảnh dẻ, dáng đi cao quý, thế thôi! Còn mặt mũi ra sao tôi không bao giờ được rõ.

Tháng thứ hai của tôi ở Vườn Chanh đã khiến tôi thấy lối sống cô độc như mình trở nên rất nặng nề. Tôi ngồi câu cá hàng ngày trên bờ ao để có cớ nhìn sang nhà hàng xóm. Tôi bồn chồn khi nghe thấy tiếng cười hay tiếng nói vang lên ở vườn bên.

Cuối cùng tôi nghĩ ra rằng tôi chỉ có thể làm quen với nàng bằng cách viết thư. Tôi sẽ viết cho nàng một bức thư. Vì viết những lời nói của mình ra trên mặt giấy bao giờ cũng dễ dàng hơn là giáp

mặt một người mình chưa quen biết. Khi bắt đầu yêu người trai trẻ nào chẳng rụt rè như vậy?

Bao nhiêu đêm tôi nằm tưởng tượng những câu hoa mỹ, để viết cho nàng. Tôi sẽ viết những gì đây? Tôi sẽ nói là: "tôi cũng giống nàng, một người ưa hiu quạnh, tôi yêu hoa cỏ và thơ văn, tôi chắc sẽ gặp một người bạn hợp với mình... những ngày hè của tôi ở đây đã trở nên dài quá...". Tôi nghĩ vậy, và tôi viết thực.

Bức thư đã xong, tôi chờ suốt hai ngày mới nhờ đứa ở nhỏ – mà tôi biết là đầy tớ gái vẫn gần nàng nhất – đưa đến tay nàng.

*

Bức thư không có hồi âm.

Đứa đầy tớ nhỏ cũng không được đi đâu từ đấy.

Tôi đâm ra lo ngại. Tôi trở nên chua chát như một người không được ai hiểu cả.

Hai tuần sau, tôi thu xếp hành trang để về Hà Nội cũng không quên viết cho người đàn bà mà tôi gọi là Kiêu Kỳ vài hàng từ biệt trong đó để lộ cả sự buồn nản của người con trai bị "vết thương lòng" đầu tiên...

Bức thư này không ngờ lại đem đến cho tôi tới một tin mừng. Buổi chiều tôi sắp ra đi bỗng đứa đầy tớ nhỏ của nhà bên cạnh chạy sang và đưa cho tôi một cái khăn tay. Tôi mở ra thấy một tờ giấy nhỏ. Nét chữ trong thư cũng gầy nhỏ như người tôi vẫn yêu thầm. Nàng hẹn sẽ đợi tôi khi trăng lên ở bờ sông, nơi tôi gặp nàng lần thứ nhất, nàng cũng không quên xin lỗi vì đã làm cho tôi thành kẻ bi quan.

Tôi không nghĩ gì đến cài va ly đã xếp đầy quần áo và sách vở. Những giờ còn lại của ngày hôm đó trước khi trời tối, tôi chỉ sống để chờ mong cái phút được gần nàng.

Nhưng, đến lúc này tôi mới chợt thấy sự táo bạo của tôi không còn nữa. Tôi lo sợ, vì cái việc viết thư với việc giáp mặt một người xa lạ là hai điều khác hẳn. Trong lúc viết mình là tạo hóa, là một người si tình, rất bẻm mép. Nhưng lúc đứng trước một người đàn bà chưa quen thuộc nết, chưa hiểu tính tình, nó sẽ ra sao? Đó là điều tôi chưa từng rõ. Biết đâu người kia không già dặn hơn mình,

nhỡ mình vụng về lúng túng thì nguy quá! Tôi băn khoăn cho đến lúc trăng lên.

Nhưng khi trăng đã lên rồi, tôi lại thấy mình có thể đi trong cái ánh sáng không rõ rệt ấy mà không ngượng lắm.

Ban đêm mùi lá cây, mùi đất, mùi ao bèo ở thôn quê làm tôi ngây ngất như một hơi rượu mạnh. Ban đêm, hình như hoa cỏ mới thật là đua sống. Ta thấy chúng nở nang ra, tỉnh táo ra hơn cả ban ngày. Hình như chúng sợ phí mất một giây khắc sống của cái đời hoa cỏ ngắn ngủi.

Cuộc gặp gỡ của chúng tôi cũng thật là ngắn ngủi. Tôi đi với nàng vài bước trên bờ sông. Tôi không còn nhớ tôi đã nói những câu gì. Đêm đó trời có nhiều mây tôi chỉ chờ lúc mặt trăng hiện ra chỗ quang đãng để nhìn cho rõ mặt người thiếu nữ. Tôi lấy làm sửng sốt mà thấy nàng đẹp hơn người tôi hằng tưởng tượng. Thân hình nàng cũng đẫy hơn. Người tôi gặp trên bờ sông đêm đó là một thiếu nữ khỏe mạnh, dáng đi khác hẳn người mà tôi vẫn nhìn trộm qua hàng rào cây ở vườn tôi. Nàng cho tôi biết tên nàng là Thủy, và vì nhà đã hứa hôn với một chỗ rồi, nên cuộc gặp gỡ nhau đêm đó là đêm đầu mà cũng là đêm cuối của nàng. Vì không muốn tôi trở về Hà Nội với một kỷ niệm không vui, nên buộc lòng phải đến.

*

Mấy năm sau, tôi đã là một sinh viên trường thuốc. Anh cũng hiểu rằng từ độ nhà tôi sa sút thì tôi không còn "lãng mạn" như xưa kia nữa. Tôi nhờ có ông chú giúp đỡ nên có thể theo học thuốc trong bảy tám năm trường. Tôi không có thì giờ nghĩ đến những chuyện viển vông như trước. Tôi không làm thơ nữa, nhưng một đôi khi vẫn nhớ đến cái Vườn cũ của mình.

Bao nhiêu năm tháng đã qua. Tôi không có dịp nào trở lại Vườn Chanh, và cũng không hề có tin tức gì của Thủy. Cho đến một hôm kia, đi thăm bệnh cho một ông cụ già ở phố B.N., tôi gặp một phụ nữ trạc ngoài ba mươi tuổi trông hãy còn xuân sắc. Khi tiễn tôi ra cửa, người đàn bà nói với tôi:

– Ông hẳn không còn nhớ tôi là ai... nhưng tôi thì bao giờ cũng nhận ra ông... Ông có còn nhớ vụ nực năm nào ở Trường Thôn?... Tôi là hàng xóm của ông ngày ấy.

Tôi giật mình nhìn lại người đã thốt ra câu ấy:

– Bà là cô Thủy phải không?

– Không, Thủy là chị tôi. Chị tôi mất đã lâu rồi... Một năm sau năm ông về quê nghỉ mát.

– Vậy... sao bà lại nhớ ra tôi?

– Bởi vì cái người đi đến chỗ hẹn bờ sông, trong cái đêm sáng trăng ấy... là tôi.

– Là bà? Tôi xin thú thực là không hiểu.

Người đàn bà, mặt có vẻ buồn, như cố nhớ lại việc xưa, thong thả nói:

– Nguyên chị tôi đau đã lâu năm nên ngày đó thường về quê dưỡng bệnh. Một hôm tôi đến với chị tôi, chị đã đưa cho xem bức thư của ông... rồi bảo tôi đi thay, đến nơi đã hẹn với ông. Ông không thể hiểu trong vụ nực ấy bệnh tình của chị tôi đã nặng thêm lên nhiều lắm. Biết mình chẳng còn sống được bao lâu, nhưng cũng không muốn bỏ phí một cuộc tình duyên đẹp đẽ, mà có lẽ suốt đời chị tôi không bao giờ được hưởng. Nên chị tôi mới nghĩ ra cách đó: mượn em thay mình một buổi để giữ cho cả ông và chị tôi một kỷ niệm không đến nỗi nhạt nhẽo, trong một vụ nghỉ hè. Đó là "trò chơi" của người tuyệt vọng, một người trọng bệnh. Bây giờ ông đã rõ, ông cũng nên tha thứ cho chúng tôi.

Tôi bàng hoàng như người tỉnh mộng. Tôi nhìn lại mặt người đàn bà đã cùng tôi một buổi sáng trăng đi lững thững trên bờ con sông nhỏ như... hai kẻ tình nhân.

Tôi nhớ lại lúc phân tay trong ánh trăng mờ, bàn tay của người con gái tôi vẫn đinh ninh là Thủy run lên trong bàn tay của tôi ngày đó.

Rồi tôi nhìn lại bàn tay của tôi, tôi nhìn lại mặt người đàn bà đang đứng gần tôi. Tôi sực nhớ rằng chúng tôi không còn niên thiếu nữa.

Và tôi hiểu rằng cô thiếu nữ tên là Thủy ngày nào đã có một ý muốn đáng thương: nhờ người khác đem lại cho người con trai đã yêu mình cái ảo tưởng rằng mình cũng là một người đàn bà đẹp, đủ tư cách để được yêu, và cũng đa tình như các cô gái đương xuân khác.

Tôi sắp lên xe còn quay lại hỏi người đàn bà đang tiễn tôi ra cửa:

– Thế sao từ ngày ấy... tôi không bao giờ được tin tức của bà?

Người phụ nữ cúi đầu, đôi má hơi ửng đỏ:

– Bởi vì, chị tôi đã xin tôi không hở ra điều gì hết, trong khi chị tôi còn sống, chị tôi cấm tôi tìm đến ông, hoặc viết cho ông.

Ngừng một chút, bà nói tiếp:

– Ông cũng hiểu, đó là một kẻ đáng thương, một người có bệnh.

*

Có một lần tôi đã trở lại Vườn Chanh, nhân một buổi đi bắn cùng vài người bạn thân thiết. Đó là một đêm trời tối. Tôi nhìn sang nhà bên cạnh không thấy có ánh đèn, và cũng không nghe một tiếng người. Tôi chợt có cảm giác thế giới đã hồi kiếp từ lâu lắm, và bây giờ là một hồn ma trở lộn về thăm một chốn mà xưa kia tôi đã yêu dấu nhất thời.

Trong Vườn Chanh, mùi hoa chanh thơm ngát lên lẫn cùng mùi đất cỏ và ao bèo... Ban đêm, đó mới là lúc các loài thảo mộc đua nhau sống. Một trận gió nhẹ thổi qua làm run rẩy và rời rụng những cánh hoa trên đám lá đen. Tôi chợt hiểu tại sao đến cây cỏ cũng sống vội vàng, mãnh liệt.

Tiểu thuyết thứ bảy (1942),
In lại trong tập truyện ngắn Tà áo lụa,
Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1942

LƯU TRỌNG LƯ
(1912–1991)

Quê ở Bắc Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình. Ông là một trong những chủ tướng của phong trào Thơ Mới (1930-1945). Từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945, ông hoạt động trong ngành Văn nghệ, từng là ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, Tổng thư ký Hội nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam.

Ngoài thơ, với tập Tiếng thu (1939) nổi tiếng, trước năm 1945, Lưu Trọng Lư còn là cây bút văn xuôi đặc sắc với nhiều tập truyện như Người Sơn nhân (1933), Khói lam chiều (1941), tiểu thuyết ***Chiếc cáng xanh*** *(1941)... Lời văn của ông đẹp và nhẹ nhàng như thơ.*

*

CHIẾC CÁNG XANH

(truyện)

Năm ấy, tôi mới lên tám. Thuở bấy giờ một đứa bé vào tuổi ấy chẳng khôn lớn gì hơn một đứa bé bây giờ lên năm. Nhưng, vì có lẽ thiên bẩm dồi dào hơn một chút, cho nên đối với những đứa bé cùng tuổi, tôi đã ra dáng biết nhiều, hiểu nhiều hơn chúng. Thật ra, sự hiểu biết ấy cũng chỉ chu tuần ở trong vòng tình cảm mà thôi. Nói một cách khác là tôi đã sớm biết rung động rất nhiều trước một cảnh vật khả ái, hay trước cái tình lưu luyến mênh mông của một bà mẹ.

Cảnh vật thứ nhất đã đắm mê tôi là cái cảnh rừng núi trên con đường từ làng nội tôi đến làng ngoại tôi. Và người đàn bà thứ nhất đã chiếm giữ cả tâm hồn bừng sương của tôi là mẹ tôi.

Cuốn tiểu thuyết này hay là cuộc đời tôi, tôi có thể nói là bắt đầu từ con đường ấy và người đàn bà ấy. Những cảm giác đầu tiên của tôi, là do người đàn bà và cái cảnh đường ấy in vào trong tâm hồn tôi. Và nay tôi là người thế nào, là do những cảm giác đầu tiên đó đã đúc nên vậy.

Cuốn truyện của đời tôi, không biết đến bao giờ mới chép đến trang cuối, nhưng mỗi khi giở lại mấy trang đầu, bao giờ tôi cũng

thấy sa xuống trên màu giấy trắng toát, sa xuống cái bóng âm u của người đàn bà ấy mà tôi được gặp đầu tiên trong cõi đời trần thế của tôi. Vì bao giờ tôi cũng tỉ dụ rằng: trái với sự quả quyết của khoa học, một kiếp sau sẽ có, hoặc ở trong, hoặc ở ngoài cõi đất. Trong cái kiếp sau ấy, tôi sẽ còn gặp lại mẹ tôi và cũng vẫn ở trên con đường ấy, từ làng nội đến làng ngoại tôi. Một người đàn bà hiền hòa khả ái như mẹ tôi, không phải là Thượng đế chỉ cho ta gặp một lần rồi để không bao giờ gặp lại nữa. Tôi ước nguyện rằng lòng tin sẽ tạo ra sự thực. Và nhờ thế, mẹ tôi chưa chết hẳn. Không, một người như mẹ tôi không thể nào chết hẳn được. Mẹ tôi không phải chỉ là một người mẹ, chỉ thế, trong linh hồn ấy cũng đã ẩn chứa một sứ mệnh thiêng liêng, một nguyên lý bất diệt.

Tôi không nhớ rõ lần ấy là lần thứ mấy tôi theo thầy mẹ tôi từ làng nội về làng ngoại. Nhưng làm sao tôi quên được cái buổi chiều mát lạnh ấy, mà gió lên vội vàng, hấp tấp, đêm xuống nhanh như để giành cướp lấy cái buồn vắng của một chiều thu tàn. Thoảng bên tai, tôi còn nghe mẹ tôi vừa nhổ bãi trầu cái toẹt, vừa giục người nhà:

– Các chú sửa soạn mau lên một tý. Mặt trời chỉ còn một lẻ sào nữa thôi. Liệu đấy!

Một lát sau, tôi trông ra phía núi, thì mặt trời đã đỏ gay, to bằng cái nia, chỉ đợi tôi ngoảnh mặt đi là trụt dần xuống núi.

Mẹ tôi vẫn hối những người đầy tớ:

– Đi sớm được tý mô hay tý nấy. Các chú khần khừ thế này, thì đêm đến canh hai, cũng chưa đi được.

Một người tớ già, ngồi xếp những thức ăn vào một cái quày, ung dung nói:

– Thưa bà, chả có việc chi mà phải gấp cả. Mười chín nín trấu. Hôm nay mười chín, thì dễ thường cũng phải đợi đến đầu canh hai mới có trăng.

Mẹ tôi cười:

– Tôi cũng không tính việc hôm ni có trăng.

Một lát mẹ tôi nói tiếp:

– Mà trăng hay không trăng cũng thế thôi, phải không các chú? Rừng năm nay nhờ Bụt, cũng hiền. Nói tỉ dụ mà nghe, dù trời có tối mò mò cũng chả việc chi.

Nhưng đêm nay, mỗi khi tôi sực nhớ lại những câu chuyện loạn rừng, và sống lại trong tâm hồn những giờ kinh khủng ở giữa xóm quê khi trời chưa tối mà rèm đã sập lại, thì tôi luôn tự hỏi: tại sao thầy tôi lại lấy mẹ tôi? Lấy một người vợ cách rừng như thế để cho trong sự đi lại giữa hai gia đình thêm khó khăn và phiền phức. Đến nay, tôi cũng chưa tìm được một câu trả lời. Có lẽ tại mẹ tôi là một người có nhan sắc chăng? Hay là chỉ tại mẹ tôi là một người có tiền?

Dầu sao, đối với tôi, sự phối hợp cách biệt của thầy mẹ tôi, là một điều hay: nó đã cho tôi hằng năm một cuộc du lịch thú vị, mà thành kính như cuộc đi viếng đất thánh của những tín đồ ở xa.

Mỗi năm, tôi nhớ chừng thường thường vào tháng chín mà vào một ngày giữa tháng, cái tháng mà những cơn gió bão từ đâu về, và khi đi khỏi rồi, để lại những ngày trong như gương, phản chiếu cái màu trắng phau của những đàn cò ở trên một thảm lúa xanh rì.

Nhưng chiều hôm nay sao gió lên mau quá, hình như ở một rừng Lào dồn về. Lần thứ nhất trong lòng trẻ dại của tôi thấy có một nỗi mênh mông như một nỗi buồn trong một chiều ly biệt. Hình như là tôi sắp phải từ giã đây, từ giã những cái khờ dại, cái vô tội, cái hồn nhiên của cây cỏ để bước vào một thế giới tình cảm của giống người. Có lẽ hôm đó là lần thứ nhất trong trí tôi ngừng lại một ý nghĩ để ghi lại những rung động tha thiết đầu tiên của tâm hồn.

Tôi thấy cả một buổi chiều lạnh ôm trùm trên những ngọn tre phất động. Và buổi chiều đã đượm thắm vào trong tâm hồn tôi.

Nhưng quả thật có thế! Đêm, ngày hôm ấy, đến một cách gấp vội, hình như để bôi đen cả tâm hồn tôi và xóa hẳn những cảm giác đầu tiên vừa mới nở.

Mẹ tôi đã đến sau lưng tôi:

– Con không sửa soạn về thăm ông ngoại à? Ông ngoại con đương ốm nặng, con có biết không?

Tôi ngẩng mặt nhìn mẹ tôi ngơ ngác. Mẹ tôi muốn giấu sự cảm động, gọi chị tôi bảo:

– Chị Nguyệt đâu, không thay áo cho em.

Trăng vừa chồi ở trên nóc nhà ngang thì chúng tôi bắt đầu đi. Mẹ tôi với tôi và cả em gái tôi nữa nằm một cáng, một thứ cáng có trần, và phủ diềm xanh. Chính cái cáng chúng tôi đi xưa kia, ngày thầy tôi còn làm quan đã dùng để đi hành hạt. Cáng ấy, trông cái đòn chạm trổ kỹ càng, tỉ mỉ với lại tấm diềm tha thướt, còn giữ được cái vẻ đài các, quan dạng ngày xưa. Mỗi năm, cáng gác cất trên rầm nhà, chỉ đến vào độ này mới lấy xuống để phủi sạch và sửa sang lại.

Thầy tôi thường nói với giọng sung sướng: Ngày xưa, có một bận, một vị quan thủ hiến, vì phải nhường cái võng điều lại cho ông sứ, đã phải nằm ở cái cáng xanh này để đi thăm một con đường núi.

Đến nay, sau hơn 20 năm rồi, tôi còn thấy rõ như mới hôm qua, cái hình ảnh diễm dáng, đài các của chiếc cáng xanh, mà tôi coi như là cái hình ảnh đầy đủ và khả ái của một thời dĩ vãng bình lặng. Nhất là những khi cái cáng ấy, chống lên trên hai cái nạng cắm ở trước sân của một nhà trạm hiền lành, thì ta tưởng như thời giờ không đi nữa, mà mọi sự chuyển đi ở trên thế giới cũng không có nữa. Một màu điều, hay một màu xanh của diềm cáng, lấp lánh dưới ánh nắng một buổi trưa, hay phất động trong một cơn gió chiều, thì ta cũng cảm thấy một nỗi buồn bằng phẳng và không lưu động, cái nỗi buồn của cuộc đời trước khi Âu hóa.

Khi bắt đầu lên cáng thì tôi hình như cũng đã bắt đầu ngủ. Trong lúc ấy, thì cáng có lẽ lên dốc và xuống dốc, đã nhiều lần lắm rồi, vì tôi biết đường phải đi qua những động núi. Nhưng có một lúc nào đó tôi nhớ có thức giấc dậy.

Tôi nhìn ra ngoài, thấy ánh trăng tuôn chảy ra như chì trên đường sỏi, trên các túm lá, trên các lối đi. Tôi thấy hơi hơi ghê lạnh từ trong tâm hồn. Tôi co mình vào trong lòng mẹ tôi, và hỏi:

– Thầy con và anh con ở đâu mẹ?

Mẹ tôi đáp bằng một giọng rất tỉnh táo:

– Thầy con và anh con đi ngựa. Có lẽ đã đi trước rồi.

Rồi đổi giọng, mẹ tôi hỏi những người phu cáng:

– Quan huyện ngài đi trước rồi phải không các chú?

– Dạ, bẩm quan con đi trước...

– Các chú bẩm ngài đi từ từ một tý.

– Dạ, thưa bà, thế tất quan con cũng phải đợi, vì chúng ta cũng đã sắp đến truông.

– Truông ngoài hay truông trong chú?

– Dạ, mới truông ngoài...

"Truông", tiếng ấy dội vào trong tâm hồn tôi như một điều ghê lạnh. Cái óc trẻ con, tôi tưởng tượng cảnh truông như một đoạn đường cây cối rậm rạp ghê sợ nhất, quanh năm không có bóng mặt trời, không có bóng người, chỉ có những thú dữ.

Tôi hỏi mẹ tôi:

– Con nghe nói ở truông có nhiều khái...

Mẹ tôi vội giơ tay bưng miệng tôi lại. Thật bấy giờ tôi không hiểu sao như vậy, mà tôi cũng không hỏi vì cớ gì mẹ tôi lại không cho tôi nói hết. Nhưng bây giờ thì tôi đã hiểu rồi: tiếng khái là tên húy của chúa sơn lâm, không nên nói đến, nhất là trong khi đi đường rừng lại càng không nên nói đến.

Mẹ tôi im lặng một lúc lâu, hình như để giấu sự sợ hãi. Một hồi lâu, mẹ tôi nói với những người phu cáng:

– Các chú xem quan có đứng lại chờ không?

– Bẩm bà, quan đã đứng lại ở gốc đa.

Mẹ tôi cất giọng bảo thầy tôi:

– Thầy nó đi đâu mà vội thế? Vào truông nên cho ngựa đi chầm chậm và kèm một bên cáng.

Trong lúc ấy, một thứ chim gì lạ khắc khoải đánh ở trong một bụi gần. Mãi sau tôi mới biết đó là con chim kiểng kiểng, mỗi khi có chúa rừng ra suối uống nước, thì nó lại "đánh" từng hồi gấp rút.

Tôi nghe thấy mẹ tôi nín thở lại. Và cả bao nhiêu người đều im lặng, một sự sợ hãi đè nặng trên tâm hồn mọi người...

Một hồi lâu lắm người phu cáng thở một cái thật dài và nói trước:

– Kể kiểng kiểng nó đánh có nhiều khi thiêng mà nhiều khi...

Mẹ tôi ngồi nhổm dậy, ngắt lời:

– Nhưng mà bây giờ thật đi qua truông rồi đấy chứ?

Người phu cáng cười:

– Dạ, có qua truông rồi, con mới dám nói.

Thầy tôi xen vào:

– Có gì đâu mà ngại! Nói dại mà nghe, ví dụ có ngài ra khe thì ngựa tôi đây có dám đi nữa đâu. Nó phải rúc đầu vào một cái bụi cây và nó hí lên một cách ghê rợn lắm.

Mẹ tôi hỏi lại:

– Làm sao ngựa lại rúc đầu vào bụi như thế, thầy nó hỉ?

– Ấy ngựa nó cũng tinh khôn lắm. Nó "bắt" thấy mùi Ngài một cách tài tình lắm, không bao giờ lầm cả. Mà một khi Ngài đã ra, thì dẫu ngựa có phi đường trời, Ngài cũng đuổi kịp. Cho nên ngựa chỉ có một cách để tự vệ, là che hết nửa thân hình đi, và chỉ giơ hai chân sau mà thôi! Ngựa nó cũng chỉ có hai chân sau là "chặt" được, và "chặt" mạnh lắm.

– Nhưng nói đổ sông đổ biển, ví dụ lúc bấy giờ mình còn ở trên lưng ngựa, thì biết làm thế nào được?

Một người phu cáng xen vào:

– Con nghe những người đi củi thường nói rằng: hễ, mỗi khi gặp Ngài, thì nên quỳ xuống, mà van lạy Ngài đi, và nhìn chòng chọc vào mắt Ngài, thì thế nào Ngài cũng tha cho.

Một người phu cáng khác:

– Bẩm quan bà, chú Thởn chú nói cái ấy có thực đấy. Con cũng có nghe Cố Điệt thường nói: hễ thấy Ngài rồi, thì chẳng bao giờ Ngài làm tội cả, Ngài chỉ chộp khi bất thình lình mà thôi.

Chú Thởn:

– Chú Thạc nà! Mà Ngài chộp, cũng chỉ chộp người đi đầu hay người đi cuối thôi, chứ chẳng bao giờ chộp người đi giữa cả.

– Cái ấy thì đã hẳn.

Rồi câu chuyện giữa hai người phu cáng dần dần rơi vào trong cái ướt lạnh của đêm sương. Tôi cũng lại ngủ đi lúc nào, không hay. Mãi đến lúc, hình như gần đồng ruộng, tôi mới lại trở dậy.

Tôi nghe tiếng chân đi san sát và đều đặn của những người phu cáng. Dưới chân ngựa một vài tiếng sỏi đánh nhau rơi loảng choảng và tôi thấy giữa khoảng trời sương lấp lánh muôn nghìn mặt trăng: tâm hồn trẻ dại của tôi đã thấy như một cốc thủy tinh rung động theo điệu gió.

Tôi nghe rõ tiếng một người phu cáng, nói với người bạn, tiếng nghe lạnh quá:

– Chú Thởn nà! Ta xin phép quan bà nghỉ chân một tí đã nhá!

– Thì hãy cứ đổi vai một lần nữa đã nào?

– Không phải mỏi vai – nhưng mà không còn gối nữa.

Thầy tôi hình như không nghe chúng nói. Vì ngựa vẫn rộn ràng đạp trên đường sỏi.

Chúng vẫn đi, vẫn im lặng đi.

Bỗng xa xa, thưa thưa, đôi tiếng gà.

Đời tôi làm sao quên được những tiếng gà đầu tiên ở giữa rừng sâu ấy; tiếng gà làm cho ta có cảm tưởng ấm áp là sắp gần một thôn mạc nào... Nhưng đây chỉ là những con gà ri, gáy trắng...

Mẹ tôi trở mình hỏi to:

– Đã đến đồng Kẻ Tra chưa các chú?

– Thưa bà, chưa đến, nhưng kể cũng không ngái mấy nữa.

– Các chú gắng đến đồng, lại nghỉ một lát cũng được.

Và khi chúng tôi đến đồng Kẻ Tra, thì mặt trời đã tung ánh sáng trắng vàng trên những đồng ruộng mạ xanh rì, như người thuyền chài tung cái lưới của mình vậy.

Sau đồng ruộng ấy là làng ngoại tôi. Ông tôi ở một xóm gọi là xóm Cồn, nghĩa là ở trên một đồi núi. Chúng tôi, bước khỏi cổng xóm là bắt đầu lên dốc, đi trên con đường đỏ ối. Tôi thấy một mùi đất ấm lạ, và cây cối ở trên xóm Cồn, xum xuê một cách khác thường khiến cho tôi có cảm giác rằng: cuộc đời ở đây, tựa hồ như là một cái gì rất dễ dàng, rất đáng yêu: những cây cau vươn khỏi những

mái tranh, và trên những vách đất đỏ gạch, leo lên với một cái khí lực mạnh danh, những cây trầu lá xanh tươi và cong vạm vỡ.

Cáng tôi từ khi khỏi cổng xóm, đi vòng quanh, và cứ trèo, trèo mãi. Những người đàn ông hay người đàn bà thấy mẹ tôi thì cúi chào.

Họ đáp lại những câu hỏi của mẹ tôi, một cách niềm nở và lễ phép:

– Này thím Thìn, có nghe Bọ (chỉ ông tôi) ra sao không?

– Bẩm bà, đã có mời ông Đước tới cúng rồi.

Một lát sau:

– Này A Dụng, Bọ có khá không?

– Bẩm bà, Bọ hai hôm nay không cháo cơm chi hết.

Một lát sau nữa:

– Thế nào chú Huỳnh, Bọ...

– Bẩm bà, Bọ khó lòng mà ở rốn được.

Giọng mẹ tôi càng run run, chưa kịp nói, thì một bà cụ già vừa chống gậy vừa xuống dốc, bà nói với đôi mắt rưng rưng:

– Bà Huyện ơi! Có lẽ Bọ về mất.

Lúc bấy giờ hình như là lần thứ nhất tôi mới nghe người ta nói đến tiếng "bọ". Nhưng tôi cũng hiểu "bọ" là một "tiếng" trịnh trọng để tặng những người già cả đáng kính.

Dần dần khôn lớn lên, tôi càng hiểu thêm: tất cả những dân trong xóm đều coi ông tôi gần như một vị "giáo chủ", dầu người ở trong xóm không theo đạo Phật hay đạo Thiên chúa. Họ chỉ tin ở sự cúng quảy, chay đàn. Mà trong những đám tế hay đám chay nào, thì ông tôi cũng được mời ngồi làm "thầy cả".

Sự yêu vì có tính chất tôn giáo ấy của dân xóm đối với ông tôi còn có những lẽ khác nữa: ông tôi còn là một ông lang của dân xóm, và là một ông Chánh tổng bổ thọ độc nhất ở trong làng ngoại tôi. Nhưng cái danh dự, to lớn hết của ông tôi là được một người rể có tên trong làng khoa giáp và sĩ hoạn.

Khi đến gần ngõ nhà ông tôi, thì tôi thấy những người đàn ông và đàn bà ở trong ngõ bước ra. Họ chạy lại gần cáng tôi và nói với mẹ tôi bằng một giọng ngập ngừng cảm động:

– Bọ về rồi! Bọ về rồi! Thưa bà!

Tôi ngẩng trông mẹ tôi: trên khuôn mặt mẹ tôi không còn một chút máu.

Và khi chúng tôi bước lên thềm thì đã nghe thấy những tiếng khóc rống lên: "Bọ ơi! là Bọ ơi!".

Những dì tôi, nước mắt ràn rụa, chạy nói với mẹ tôi:

– Bọ chờ bà từ hôm qua đến hôm ni. Nhưng coi không thể chờ được, nên phải đi.

Mẹ tôi chạy vào cầm lấy tay ông tôi, và khóc rú lên. Tôi cũng khóc to như mẹ tôi. Anh chị tôi còn khóc to hơn tôi nữa.

Tôi ngẩng trông lên mặt ông tôi tuy da đã xanh nhợt nhưng cái chòm râu vẫn lấp lánh bạc, cái chòm râu vẫn đáng kính đáng yêu biết bao! Tôi sực nhớ lại những lúc tôi ngồi ở trên gối ông tôi, và nhìn vườn cây qua cái chòm râu to dài ấy, thì tôi lại cảm động và khóc rú lên nữa. Thực ra tôi không hiểu rõ cái chết là cái gì, nhưng mang máng cũng biết rằng: cái chết là một cái gì buồn não như một sự biệt ly. Vì đời tôi đến lúc bấy giờ, thì chỉ có sự biệt ly mới là buồn não mà thôi. Tôi nhớ lại cái lần thứ nhất: mẹ tôi và tôi tiễn đưa anh tôi lên tỉnh học. Cuộc tiễn đưa ở trên bến sông. Con đò mang anh tôi, như chần chừ nân na không muốn lượn đi, còn anh tôi cứ đứng mãi ở mui thuyền trông với. Mẹ tôi cũng đứng trông ra. Lẽ ra chúng tôi có nhiều điều nói với nhau lắm. Nhưng mà trong lúc con thuyền một lúc một trôi xa, chúng tôi muốn gì phải nói thật to. Những cảnh vật trong lúc bấy giờ bắt chúng tôi không thể động mạnh hay nói to. Phải âm thầm và ly biệt. Mà cái giờ phút trên bến sao kéo dài đến thế. Mà con đò thì hình như không đi và chỉ có dòng sông lượn, uốn khúc, và để rồi cho đò đi trong một cái khúc quanh. Tôi đương thẫn thờ nghĩ lại cái cuộc biệt ly lần thứ nhất trong lòng đứa trẻ dại thì anh tôi đã lại bên tôi, bấm vào tay tôi và nói:

– Doãn, em không khóc đi?

Như tỉnh khỏi một giấc mộng, tôi vội vàng khóc lên, khóc cho kịp những người khác.

Mấy hôm nhà có việc như thế, thì tôi thường được lệnh của mẹ tôi:

– Con đi ra lòi chơi.

Thấy tôi ngần ngại, thì mẹ tôi quay về phía Mượn:

– Mượn dẫn em đi lòi chơi đi.

Thực ra, Mượn về hình xác cũng không cao lớn gì hơn tôi. Mượn cũng chỉ suýt soát tuổi tôi, có lẽ còn kém tôi mấy tháng nữa. Nhưng theo một định luật bí mật từ ngàn xưa để lại, vì mẹ tôi là em mẹ Mượn, cho nên tôi phải gọi Mượn bằng anh và vì điều này mới kỳ, tôi cũng thấy tự nhiên bé nhỏ bên cạnh Mượn.

Vẫn giọng âu yếm và cầu xin của mẹ tôi nói với Mượn:

– Mượn coi, chớ để cho em chơi bẩn nha?

– Dạ.

Vẻ sung sướng và tự đắc hiện rõ ở trên mặt Mượn, Mượn đưa tay choàng ngang lưng tôi và nói với tôi, hình như cũng với cái giọng âu yếm, niềm nở của một người anh thực.

– Doãn đi ra lòi, anh hái đào cho ăn.

Tôi cũng không hề phản đối cái giọng đàn anh ấy vì rằng: từ nhỏ tôi cũng đã biết ru lòng trong những ân tình đằm thắm của sự che chở, sự đùm bọc. Tôi nũng nịu:

– Anh Mượn, anh hái cho em nhiều khế ngọt nữa nhá!

– Được, em có thích ăn hồng không?

– Ừ hồng nữa, anh hái cho em nữa!

Từ đó, trong lúc chơi đùa hay trong lúc nghiêm trang, Mượn nhiều khi đã lợi dụng cái quyền đàn anh mà "bức" tôi. Nhưng có điều là tôi cứ để cho nó dẫn dắt, sai bảo, âu yếm tưởng là như một sự đương nhiên vậy, mới hay cái sự được che chở, cái sự được nằm vào trong lòng yêu thương của một người khác, cái tính nô lệ cũng có những cái thú say sưa của nó.

Thực ra, cái quyền sai bảo của Mượn đối với tôi hình như đi quá giới hạn, và cũng có nhiều điều khó chịu và buồn cười. Tôi nhớ có một bận, tôi đương đứng tĩnh túc trước linh cữu ông tôi, hình như là trong ngày "thành phục" thì phải, mọi người đương im lặng,

bỗng có thầy thông xướng "xướng" hai chữ gì mà tôi không nghe ra. Nhưng Mượn ra dáng biết nhiều đưa tay bấm tay tôi, ý chừng muốn ra hiệu cho tôi một điều gì. Thấy vẻ ngơ ngác của tôi, Mượn ghé lại bên tai tôi và nói rất nhỏ và có ý tứ "Người ta xướng cử ai đấy! Khóc đi!".

Khi người ta đã biết đến hai chữ "Cử ai", thì cũng phải ví dụ rằng: người ta biết nhiều lắm, ít ra cũng biết hơn mình. Nhưng tôi cũng phải đợi cho Mượn khóc trước, rồi tôi mới khóc theo, cả hai chúng tôi đua nhau khóc nghe thảm thiết lắm, mê say lắm, đến nỗi không kịp để ý đến những người xung quanh có khóc không.

Một lúc lâu, có người lấy quạt đánh khẽ vào đầu tôi, tôi mới chịu nín đi. Tôi còn nhớ cặp mắt ngơ ngác và có vẻ hờn giận của Mượn, lúc bấy giờ nhìn tôi, và không hiểu sao người ta xướng "cử ai" mà lại không khóc được. Mượn nhìn tôi, có vẻ ngượng lắm, và từ đấy đối với tôi cũng mất đi một ít uy lực. Văng vẳng, tôi nghe xung quanh người ta nói: "Im đi, mà nghe văn".

Tôi ngẩng trông lên trước bàn thờ đã có người lễ sinh quỳ xuống, tay bưng một cái bảng gỗ nhỏ, và bên cạnh một thầy thông xướng rọi một cây nến, dầu bấy giờ còn là ở giữa ban ngày.

Mượn nháy mắt bảo:

– Im! Người ta đọc văn.

Thực ra tôi đã đứng im phăng phắc, bình lặng, tĩnh túc, tò mò đợi xem người ta làm gì. Bỗng giữa sự im lặng nghiêm trang một tiếng ngân nga lên xuống, tôi không hiểu là gì cả những cái tiếng ấy, đến bây giờ cũng còn văng vẳng dội lại trong lòng tôi, những điệu vừa não nùng vừa huyền diệu, từng giọt sầu thảm rơi trong một ngày mưa rả rích ở trên mái ngói.

Nhất là khi tôi nghe người ta đọc đến tên tôi, thì tôi thấy có một thứ cảm giác vừa vui vui, vừa buồn buồn. Nhân đó, mình lại càng cho mình một sự quan trọng mà lẽ ra mình không có.

– Cử ai...

Tiếng thầy thông vừa xướng dứt, thì mọi người, thầy mẹ tôi, cậu mợ tôi, dì dượng tôi đều khóc rống lên. Tôi muốn khóc theo, nhưng mà tôi chỉ có kêu lên mà nước mắt không thể chảy ra được.

Cho hay nước mắt của mình không phải là một điều dễ sai khiến. Và khóc không phải bao giờ cũng là để tỏ sự buồn vậy. Nhưng từ đấy, có một điều làm cho tôi hơi ngờ ngợ cái chết của người ta, chỉ là một sự rộn ràng ở trong nhà, không phải là một cảnh ly biệt âm thầm ở trong lòng. Nhất là khi tôi nhìn vào cậu tôi trong cái bộ tang phục, có đủ mũ gậy như một ông võ tướng, thì tôi lại càng thấy cái chết không phải là một điều gì buồn nữa, mà chỉ đáng buồn cười thôi. Thằng Mượn cũng hình như có cảm tưởng thế. Chẳng thế sao một hôm trước lễ "thành phục", nó khoe với tôi bằng một giọng tự đắc sung sướng:

– Ngày mai, anh Mượn sẽ được bịt khăn trắng.

Làm như được bịt khăn trắng là một điều tối vinh dự. Và làm như tôi cũng không được bịt khăn trắng. Nhưng ngày thành phục, tôi mới biết rằng: tôi cũng được bịt khăn trắng. Mà rồi than ôi, đời tôi còn phải bịt đến mấy lần thế nữa.

Cất tang ông ngoại tôi xong, mẹ tôi vì có lẽ tại khóc nhiều quá, bị bệnh đau mắt. Thầy tôi trở về làng trước, còn mẹ tôi ở lại làng ngoại. Vì thế, Mượn và tôi còn được gần nhau. Ngày nào, chúng tôi cũng dẫn nhau ra lòi chơi. Mượn hái đủ thứ quả ở trong lòi cho tôi ăn. Và chính trong cái thời kỳ ấy, tôi đã học được nhiều tên cây, và bắt đầu yêu cây. Mượn đối với những loài vật, và nhất là đối với những con gà pha con, thì Mượn âu yếm lắm. Mượn thường vào nhà lấy trộm những nắm bắp đỏ chói, rắc cho gà ăn. Đến nỗi, mỗi khi Mượn đi ra lòi, là những con gà chạy lại và đứng chực sẵn: thường thường thì Mượn có một cái cử chỉ rất đáng yêu để đánh lừa bầy gà con là Mượn, mỗi khi đi ra, thu thu đút đút hai tay dưới vạt áo. Tuy trong bầy gà ấy, có một con gà cồ mà Mượn ghét lắm: con gà ấy là một thứ gà chọi, ông ngoại tôi nuôi nó đã 6, 7 năm: Nó to, cao và dữ lắm. Da cổ nó rất dày và đỏ gay như mặt trời. Đêm nó không vào chuồng, ngủ ngay ở trên cổng lòi, và thị uy với cả loài chồn cáo ở trong lòi. Bình sinh ông ngoại tôi nâng niu nó lắm, mà từ khi ông ngoại tôi mất đi, hình như nó đâm ra dữ và hỗn. Tôi thấy có một bận, nó chạy đuổi theo cướp mổ những hạt ngô ở trên tay Mượn. Đối với loài gà, hay loài vật gì, tôi cũng không bao giờ còn có một kỷ niệm khả ái đáng ghi chép lại. Nhưng đối với loài cây, thì tôi có cảm tình lạ. Nhất là đối với những cành đào khẳng

khiu, mang những trái đáo "hừng hừng" tròn trĩnh, thì tôi thương lạ, và ngạc nhiên vô cùng. Tôi không hiểu vì sao những cành đào ấy lại có thể mang một cách tự nhiên, những trái đào hình như đã lạc loài đến ở đấy. Tôi thích nhất là người ta kể cho nghe cái đời của loài cây. Và một hôm thấy tôi ngắm cây cam sành, ở cạnh giếng, mẹ tôi nói với tôi:

– Con có biết cây cam ấy xưa kia ông con nâng niu biết bao nhiêu không?

Rồi mẹ tôi kể như kể một câu chuyện thuộc lòng:

– Cây cam sành, đến nay đã 27 năm rồi, ông con "búng" ở nhà ông chánh Đước về. Chính năm mẹ lấy chồng, là năm nó ra trái đầu tiên. Mẹ còn nhớ, về nhà chồng, được một tháng, mẹ lại trở vô đây để thăm ông mệ con, rồi đến khi mẹ đi, mệ ngoại con vất vào trong thúng may của mẹ năm trái cam sành ấy và dặn: "Con về gọt cho bà gia con ăn". Bà nội con thích ăn lắm, đến nỗi từ đấy, hễ mẹ về quê ngoại, là bà cũng dặn mẹ xin một ít cam cho bà. Có lẽ cũng nhờ thế, cái đời làm dâu cũng bớt chua cay.

Bỗng mẹ tôi ngừng nói. Mấy giọt nước mắt long lanh trên mi mắt mẹ tôi. Mẹ tôi nói thêm những tiếng nức nở:

– Con xem, từ khi ông con mất đi, thì cây nó bắt đầu héo mòn. Mà rồi năm nay, sợ cam không có trái nữa.

Tôi cũng cảm động theo mẹ tôi. Trái với lời đoán trước của mẹ tôi, cây cam sành ở cạnh giếng vẫn có trái mà trái cũng vừa ngọt vừa thanh lắm. Nhưng có điều này, tôi đã nhiều lần kinh nghiệm: là người chủ yêu dấu mất đi, thì cây cối mà binh sinh người ấy thường coi ngó nâng niu, cũng héo hon dần. Cây cam của ông tôi, sau một năm đã khô đét lại, và chết cả màu tươi xanh. Và sau này, cây trầu... câu trầu của mẹ tôi... nhưng thực lòng tôi chưa muốn nói tới, không muốn nói tới. Có một điều này mà đến nay tôi cũng nhận thấy là cây cối hình như cũng gây ra, và cũng chịu lấy một phần lớn những đau khổ của đời tôi... Cũng như cái loài gà khả ái cũng chẳng làm cho Mượn được sung sướng gì hơn.

Có một sự tình cờ làm cho tôi cảm động vô cùng: trước mấy hôm, khi chúng tôi từ biệt để Mượn về làng nội của Mượn, mà tôi cũng theo mẹ tôi về làng nội của tôi, thì có người thợ ảnh đi qua

xóm Cồn. Thực ra, bấy giờ vào kỳ thi tuyển sinh, quan đốc học ở tỉnh có phái một người thợ ảnh đi các trường làng và trường tổng để lấy ảnh cho các học trò thi. Luôn thể, người thợ ảnh ấy cũng chụp cả cho những ai trong làng muốn lưu lại một kỷ niệm của mình lúc thiếu thời, nếu kẻ đó là một người còn trẻ, và là một chút kỷ niệm ở trên cõi đời, nếu kẻ đó đã là một ông già. Hình như lần ấy là lần thứ nhất, người ta bắt các "cậu khóa" trong bản tỉnh phải dán ảnh mình vào đơn thi. Cũng nhờ thế, xóm Cồn lần thứ nhất, được trông thấy người nhiếp ảnh, mà họ coi như một kẻ có phép tiên, có thuật lạ. Trừ những người nghèo khổ quá, những nhà khá giả ở trong xóm Cồn, đều cố rước cái ông thợ nhiếp ảnh về nhà, để chụp cho cả gia đình một cái. Thật là một quang cảnh đến cảm động và buồn cười, người ta thấy những người đàn bà nhà quê, quanh năm bò lội ở dưới bùn lầy, bao giờ cũng chít cái khăn nhiễu tam giang, mặc cái áo cổ y, và điều này mới cảm động hơn, cũng cố xỏ hai chân thô, to vào đôi guốc quai da nhỏ nhắn. Lại những ông cụ già đầu râu đã bạc tuyết, lộng lẫy trong bộ áo quần đỏ hoe, cũng cố chễm chệ ngồi lên trên một cái ghế mây, hai tay đặt lên trên đôi gối, và giữ chặt lấy sự cân đối, những ông cụ già ấy cũng để cho người ta thu hình như một đứa trẻ con.

Có cụ nóng lòng, muốn thấy hình của mình nên hỏi người thợ ảnh:

– Thế được rồi chứ ngài, ngài cho lão xem một tý nào?

Người thợ ảnh vẫn một cái cười không mỏi mệt:

– Thưa cố, phải để cho cháu sang ra giấy đã chớ.

– À ra thế! Phải bao lâu mới được?

– Thưa cố, phải đến ba hôm.

Cụ già như thất vọng:

– Phải đợi đến ba hôm ư! Lâu quá nhỉ?

Thật là một ngọn gió hiền hòa trẻ trung đã thổi qua xóm Cồn: mọi người từ già đến trẻ, từ giàu đến nghèo, suốt mấy hôm chỉ bàn tán về việc nhiếp ảnh. Họ bình phẩm một cách vui vẻ về anh thợ ảnh thì ít, mà về dáng điệu ngượng ngùng, kỳ lạ của những người bị chụp hình thì nhiều. Duy có một sự căm hờn, và buồn tủi đã đến

ở trong gia đình ông tôi. Mẹ tôi, dì tôi, tất cả đều cho rằng: Ông tôi chết một lúc chẳng may. Giá mà ông tôi nấn ná lại độ hai, ba tuần nữa, thì thế nào, cũng đã có thể lưu lại cho con cháu cái tấm ảnh phương phi của mình: vì ông tôi là một ông già đẹp – ai cũng phải nhận thế. Rồi cho đó là một điều đau tủi, ngày hai bữa cúng cơm, dì tôi và mẹ tôi lại khóc, vừa khóc vừa kể lể. Cái vui của gia đình cũng dường như bị cấm tiệt; lúc đầu không một người nào dám nghĩ đến sự chụp lấy một tấm ảnh chung cho tất cả gia đình, vì thật ra sự tụ họp đông đủ như thế, thật là một dịp hiếm. Hình như cũng nghĩ đến sự chia cách rất gần của đôi bạn trẻ mà mẹ tôi thường gọi với một giọng đầy âu yếm là "anh em nó", có lẽ cũng nghĩ đến sự chia biệt sắp đến của Mượn và tôi mà mẹ tôi, như quên hết cái đau tủi về phần ông tôi, dám bác hết sự phản đối cứ bằng lòng để cho hai chúng tôi chụp chung một tấm hình. Cái tấm hình đến nay đã rách nát đâu cả nhưng tôi quên làm sao được cái vẻ già dặn và chững chạc của hai chúng tôi ngồi trên hai chiếc ghế đẩu đặt ở dưới sân. Chúng tôi có cái nhìn thẳng thắn làm sao! Mà hai môi như mím chặt lại để giữ lấy nụ cười. Còn hai tay thì giữ chặt lấy hai bên vạt áo như sợ nó rúm lại, và lộ những đường răn không đẹp.

– Này các cậu, nhìn vào đây.

Nhưng thực ra chúng tôi đã nghiêm trang, cung kính nhìn vào cái bàn ảnh từ lâu. Và đến khi người ta chụp xong rồi, mà chúng tôi vẫn tưởng chưa, cứ ngồi lỳ ra, với cái nhìn ngay thẳng và không chớp.

Chúng tôi đứng dậy, thở ra một cách sung sướng tưởng như mình vừa thoát khỏi một cái hình phạt thú vị nhất đời.

Cái tấm hình đã ghép lại gần đôi đầu xanh ấy, đã nghiêng đôi tấm lòng với nhau. Bấy giờ Mượn mới 10 tuổi. Tôi cũng ngần ấy tuổi. Nhưng lòng yêu có bao giờ chừa tuổi trẻ. Nó đã đến ở trên tấm hình. Nó đã đến trong một buổi chiều. Nó đã đến trong một sự ly biệt. Phải, nếu không có cái hôm ly biệt ấy, thì tôi chẳng bao giờ tin có nó, biết có nó. Những lúc đắm say trong những trò chơi vô tội, gần gụi nhau trong những phút giây hiền hòa, chúng tôi có ngờ đâu rằng chúng tôi đã yêu nhau trong một sự khác lạ, trong một mối tình gần tội lỗi. Nhất là khi tôi trèo lên cáng, tôi thấy Mượn

khóc rưng rức, thì chúng tôi đã không còn là hai đứa trẻ nữa và chúng tôi đã yêu nhau gần như một cặp trai gái rồi. Ngoảnh lại tôi vẫn thấy Mượn, vò cái chéo áo của dì tôi, và đương nhìn tôi trong một cái nhìn tội nghiệp làm sao!

Mẹ tôi còn nói với dì tôi:

– Chị hỉ? Thế nào qua tháng tám, cũng mời chị ra chơi và đem Mượn theo cho nó gặp lại Doãn...

Tôi tưởng như mẹ tôi nói hộ tôi câu nói cuối cùng ấy.

Dì tôi thì hình như không để ý đến vẻ buồn tẻ ở trong câu nói của mẹ tôi, dặn mẹ tôi một lần chót:

– Thế nào có ai vô, dì cũng nhớ gửi cho tôi một ít "bùi" nhá! Cứ gửi sống, để mặc tôi muối lấy.

Mẹ tôi chỉ gật mà không nói gì thêm nữa.

Thế rồi trớ trêu chưa! Tháng tám, tôi cũng không thấy dì tôi ra chơi, mà ngay trong năm ấy dì tôi cũng không ra nữa. Qua năm sau, dì tôi có ra thì Mượn đã lên học trường Phủ. Năm sau nữa Mượn ra, thì lại không có tôi: tôi vừa đỗ Tuyển sinh và lên học trường Huyện đã mấy tháng rồi. Bây giờ, tôi còn nhớ là tôi ở trọ nhà một thầy Đề lại. Nhà trọ có một người con gái tuy không đẹp nhưng mà trông cũng ngộ như một cô gái núi, có những tính tình tuy thô lậu mà thật thà... Nguyên nhà thầy Đề đối với nhà tôi cũng là chỗ cố giao: hình như khi thầy tôi làm tri huyện Hoa Vang, thì thầy cũng làm "Thông nhất" hay là "Thông nhì" gì đó. Vì thế, thầy Đề mỗi khi nói với thầy tôi cũng hay nhắc đến mấy chữ "thầy trò cũ" mà thầy tôi thường gạt đi một cách cung kính, và lấy chỗ tuổi tác mà đãi nhau ngang hàng vậy. Tôi không hiểu trong trí người nào, đã nẩy ra lần thứ nhất sự ghép gá tôi lại với người con thầy Đề, nhưng có một sự tình cờ này làm cho người ta càng dễ có cái ý ấy. Cô Nguyệt cũng như tôi là con rối... Mà điều này lạ hơn, là hai vợ chồng thầy Lại quý tôi lắm: không có miếng ngon vật lạ nào là hai ông bà không dành cho tôi. Mà mỗi khi tôi vê quê, thì chính tay bà Lại sắp dọn quần áo đồ đạc cho tôi, và làm như mẹ mình không bằng. Tôi cảm động và quý mến bà hơn, nhưng chẳng bao giờ vì thế, tôi có ý gì với cô Nguyệt cả.

Một hôm mẹ tôi lên chơi, có hỏi chơi bà Lại:

– Cô em năm nay bao nhiêu tuổi...

– Thưa bà, cháu năm nay mới mười ba tuổi, cháu tuổi tý.

– Thằng Doãn nhà tôi cũng tuổi tý.

Rồi hai bà nhìn nhau cùng cười, cười vui sướng, cười hể hả, cười đắc ý. Có lẽ sự giao ước giữa hai nhà bắt đầu từ đó. Nhưng có một điều tôi nhận thấy là trong mấy ngày ở lại với tôi, mẹ tôi thường hay kiếm dịp để xuống bếp: vì theo ý bà, muốn xem xét một người con gái phải xem xét ở chỗ bếp nước vậy. Mà rồi từ đấy, trong nhà thầy Lại có sự khác lạ: cô Nguyệt ít khi lên nhà và hễ có dịp là bà cho ra một tràng những nữ tắc, nữ huấn đến bực mình, làm như tôi để ý đến việc của bà lắm. Bây giờ tôi nghĩ lại không khỏi buồn cười: làm sao có người coi việc đời kính cẩn, nghiêm trang thế! Trong thời kỳ ấy, tôi chỉ học và chỉ nghĩ đến Mượn. Những ngày nghỉ, tôi thường lấy tấm hình của hai chúng tôi ra mà tập "họa" truyền thần lại, và tập làm thơ để vịnh người trong ảnh. Có điều này hơi lạ, là tấm ảnh ở trong có hình Mượn, đối với tôi như là một bức tranh tiên của thầy Tú Uyên ngày xưa. Tôi chỉ thiếu một đường là đem đóng tranh lên ngay ở vách, cạnh án thư, và mỗi bữa cơm, để ra đấy một bát cơm và một đôi đũa... Có một điều mà tôi cho là hiện tượng lạ lùng về tâm lý là, mỗi khi nhìn vào ảnh, tôi lại thấy người trong ảnh gợi thêm cho tôi nhiều tình cảm đẹp. Những mỹ cảm ấy gần tựa như lòng thương tiếc nhớ nhung. Rồi có một việc xảy đến làm xáo trộn cả trí não và tình cảm của tôi: một hôm trong khi mọi người đã ngủ cả, tôi lấy ảnh ra, và đặt lên hình Mượn, một cái hôn... Vâng cái hôn đầu tiên của lòng tôi, của đời tôi. Suốt hôm ấy, da thịt tôi rạo rực: Và sáng hôm sau, tôi dậy thật trưa và nhìn người nào, cũng tưởng như nhìn vào gương và thấy mình thẹn thùng, bẽn lẽn.

Lại một hôm nữa. Thoạt đầu, tôi không nhớ rõ, chúng tôi từ đâu lại... Nhưng bấy giờ, chúng tôi đã ở một quãng rừng, hình như là giữa con đường từ làng ngoại về làng nội.. Tôi vừa xuống cáng, thì đã thấy Mượn chờ sẵn ở một cái quán nước, ở ngang sườn... Chúng tôi, thầy mẹ tôi, anh tôi, Mượn cũng đi cả vào quán.

Quán sạch sẽ mát mẻ lạ: gió chiều lên từ phía sau nhà... Và mây trắng vần bay ở ngoài cửa sổ... Chúng tôi hỏi chủ quán đâu? Một ông cụ già rất đẹp, chạy ra chào hỏi chúng tôi một cách niềm

nở vì chủ nhân lại là người chúng tôi quen lắm, và coi đó như là một cái trạm độc nhất của mình... Trong nhà quán, có những câu đối khắc trên tre lồ ô, chữ rất tốt mà theo thầy tôi, thì ý tứ lại rất thâm thúy, huyền diệu. Có câu của một ông tiến sĩ ở làng Lý, có câu của ông đồ Ninh, một tay hay chữ ở trong vùng này, ai cũng biết... Những câu đối ấy hay, điều ấy không đáng ngạc nhiên, nhưng đáng lạ là làm sao ông quán cũng ngồi một phản... Những cuộc nói chuyện văn thơ giữa hai người kéo dài hàng giờ. Trong lúc ấy chúng tôi chỉ nghĩ đến những cái ghế đẩu của lão quán, những cái ghế đều làm với những rổ tre. Nhìn cái thế ngộ nghĩnh, chúng tôi tưởng như lão quán là một ông tiên, ở trong sách xưa, thường hiện ra các quán ở dọc đường để được nói chuyện văn thơ với những tay văn hào thi bá.

– Đi, Doãn, đi ra ngoài chơi đi em?

– Ừ thì đi!

Chúng tôi cùng đi ra rừng... Đoạn rừng này không có một bụi rậm, thỉnh thoảng lại có một cây cao. Chúng tôi chạy nhảy ca hát như một con sáo con sổ lồng.

Nắng hanh rồi mát dần... Buổi chiều, vàng cả một cánh rừng mênh mông... Gió ở dưới chân đồi, dần dần lên mạnh... Chúng tôi đi cạnh nhau, rừng tự nhiên, vắng hẳn đi. Vì chúng tôi, mỗi người đi sâu vào một ý nghĩ của mình...

Nhưng bỗng tôi ngoảnh lại, thì không thấy Mượn ở đâu nữa. Tôi gọi, không có tiếng đáp. Mãi một lúc sau, Mượn ở đâu chạy ra, cầm cho tôi một nhánh muồng. Tôi nhìn trên tay Mượn thấy những ngón tay xinh nõn của Mượn bị ố tím, thì tôi thấy thương lạ. Tôi toan giữ tay Mượn lại trong tay tôi. Nhưng Mượn đã giục tôi:

– Kìa Doãn ăn đi! Muồng đấy...

Tôi đưa những trái muồng vào miệng. Những quả muồng có một vị vừa ngọt vừa bùi. Tôi ngẩng lên để cám ơn Mượn.

Thì Mượn đã không còn nữa...

Giấc chiêm bao của tôi chỉ có thế, nhưng khi tỉnh rồi, tôi thấy bâng khuâng, nhớ tiếc, nhớ tiếc một cái gì rất êm ái, rất dịu dàng.

Thực ra, chuyện tôi vừa kể lại đây, không hẳn hoàn toàn là một giấc chiêm bao tôi ngờ nó chỉ là sự diễn lại một sự thực...

Vâng, đây không phải là một giấc mộng thờ ơ... mà ở trong ấy, nó đã chứa chan cái vị đằm thắm, và nồng thiết của sự thật...

Sáng hôm sau, tôi viết thư cho Mượn, như để gỡ cho mình một mối bâng khuâng.

Hình như đến năm tôi mười lăm tuổi tôi mới lại gặp Mượn. Chỉ có ba năm chúng tôi không gặp nhau mà tưởng chừng đã lâu lắm rồi. Mượn thay đổi hẳn. Mượn không còn có cái vẻ đẹp của người con gái nữa. Tay chân phốp pháp, và ngực nở ra trông như một lực sĩ. Trên khuôn mặt Mượn cũng có vẻ khác: trán nới rộng ra, và đôi lông mày đen và rậm thêm. Giọng nói của Mượn "ồ ồ", giọng nói của một người "dậy thì". Dáng điệu khoan thai như một người lớn. Thấy tôi nhìn Mượn chòng chọc, thì Mượn hỏi:

– Tôi có thay đổi lắm không?

Tôi mỉm cười:

– Chả thay đổi gì hết.

Mượn vỗ vai tôi:

– Nhưng ít nhất cũng khác cái con vật nhỏ ở trong tấm ảnh chứ?

Nghĩ đến tấm ảnh, chúng tôi cùng bật ra cười... Nhưng bỗng hai chúng tôi cùng sầm nét mặt lại. Mượn hỏi tôi bằng một giọng hơi buồn buồn:

– Tại sao đã lâu Doãn không gửi thư cho Mượn? Tôi ngập ngừng. Vì thực ra, tôi cũng không biết đáp thế nào. Tôi cũng không nhớ rõ cái nguyên nhân đích xác làm cho tôi không nghĩ tới sự viết thư cho Mượn nữa. Anh tôi mà hình như mẹ tôi nữa cũng hiểu rằng chính vì người con gái ông Đề lại mà tôi nhãng cả sự học hành và nhãng cả bao nhiêu việc khác nữa. Mỗi năm, cứ ngày kỵ ông tôi, thế nào tôi cũng xin phép ông đốc trường nghỉ mấy hôm để về nhà. Điều ấy làm cho thầy tôi bất bình lắm, đã có lần biên thư trách mắng tôi; trái lại, mẹ tôi thì cứ mỉm cười một cách đắc ý, hình như tôi đã trúng phải một kế sách của bà. Một hôm, mẹ tôi vào thăm tôi, xoa đầu tôi và nói với tôi, như để thử ý tôi:

– Năm nay mẹ muốn bàn với thầy con để cho con lên học ở tỉnh. Ý con có bằng lòng thế không?

Tôi lắc đầu, và nũng nịu nói với mẹ tôi:

– Thưa mẹ, con chưa muốn lên tỉnh vội.

Mẹ tôi kéo tôi vào lòng, và nói:

– Ừ hỉ, con không muốn rời huyện vì cớ gì, mẹ biết cả rồi.

Mẹ tôi lại cười một cách hóm hỉnh. Tôi hiểu ngay ý mẹ tôi. Tôi hết sức biện hộ:

– Con chưa muốn lên tỉnh vội, là vì ở tỉnh người ta cũng dạy như ở huyện thế thôi! Lên tỉnh tốn hơn, mà ở tỉnh con còn lạ cả.

Mặc cho tôi biện hộ thế nào, mẹ tôi vẫn không nghe, vẫn cười một cách dí dỏm, và cuối cùng nói với tôi:

– Con không muốn lên tỉnh là vì con không muốn rời cô Nguyệt chứ gì?

Rồi mẹ tôi đứng dậy ngay. Lời nói ấy, có ngờ đâu là lời tuyên án cuối cùng. Trước mặt mọi người, từ đấy, tôi là người rể gần như chính thức của ông Đề lại. Như lời tôi đã nói ở trang trên, cái ông Đề lại này với thầy tôi là tình thầy trò cũ, đối với việc này, hẳn ông sẽ coi như là một điều gì rất tốt đẹp và rất may cho nhà ông. Tôi sợ rằng lòng tin của người ta sẽ tạo nên sự thực. Và sự đời lắt léo sẽ muốn tôi trở nên cái người chồng của cô Nguyệt, dầu tôi không muốn thế. Hôm mẹ tôi ở huyện về làng, cũng mang theo cái lòng tin nguy hiểm ấy, cố nhiên là chỉ nguy hiểm cho tôi mà thôi. Nhưng chuyện từ trước đến đây không dính líu gì đến cái tấm hình của hai chúng tôi, cái tấm hình đã làm cho tôi mỗi khi nghĩ tới phải buồn rầu vô hạn. Ấy cũng chỉ tại có thế này.

Nguyên những thư từ của Mượn từ trước, tôi để lẫn với tấm hình và tất cả tôi để ở trong một cái hộp giấy. Cái hộp giấy ấy, ngay những bạn thân của tôi cũng không có quyền mở, nếu không được tôi cho phép. Vì thế sự kín nhiệm ấy làm cho người ta kính cẩn và thêm tọc mạch.

Một hôm anh tôi ở Kinh về làng, ghé lại huyện thăm tôi. Tôi không nhớ rõ là vì cớ gì, tôi lại mở cái rương tôi ra, hình như là để tìm cho anh tôi chép lại một câu đối nôm na của thầy tôi làm hộ

cho một người làng. Trong lúc tôi lúi húi lục lọn, thì tôi thấy anh tôi cầm lấy cái hộp giấy của tôi... Và mở ra. Không hiểu sao, tôi rùng mình, và trên sắc mặt có vẻ lo lắng. Nhưng anh tôi khép lại một cách vội vàng và có dáng ngượng ngùng trơ trẽn như đụng đến một vật gì thân yêu của người khác. Có lẽ anh tôi đã thấy cái tấm hình giữa những bức thư và đã đoán rằng đó là những bức thư... tình, vì làm sao lại có thể khác được? Mà có lẽ tấm hình cũng đã bầy cái mặt trái, nên mới làm cho anh tôi dễ có cái cảm tưởng quái ác ấy được... Nếu anh tôi đã thấy rõ những người trong tấm hình, thì đâu đến nỗi phải lầm đến thế. Thế là tôi chẳng có cách gì biện hộ cho tôi được. Thực ra tôi cũng không muốn biện hộ. Cái cảm giác của tôi, khi anh tôi sờ đến cái hộp thư và tấm hình là lo sợ ái ngại, thẹn thùng như có người sờ động đến những bức thư tình thật. Nhưng cái cảm giác tiếp theo là cái cảm giác của một người đã trấn tĩnh, đã suy nghĩ: tôi cho rằng những bức thư ấy anh tôi cần phải đọc tới, có thế, cái tình của tôi mới được minh oan, và không ai còn tin rằng tôi còn có thể là vị hôn phu của cô Nguyệt. Nhưng muốn thay đổi lòng tin của người ta không phải là dễ: cả nhà tôi và cả nhà cô Nguyệt nữa đều tin rằng tôi đã ưng cô Nguyệt rồi, và điều này mới nguy hiểm: hình như hai bên đã bàn tính đến lễ "ăn hỏi". Có lẽ câu chuyện hộp thư ấy, anh tôi về làng, lại thuật cho cả nhà tôi nghe, cho nên, sau độ ấy, hơn một tháng thì thầy tôi viết một bức thư dài cho ông Đề lại. Tôi nghe phong thanh rằng trong thư, thầy tôi có ngỏ ý muốn tiến hành gấp gấp việc hôn nhân của tôi, vì lẽ rằng theo quan niệm các cụ đời xưa, thì với một người nhãng học, duy có một kế thần diệu nhất để làm cho "anh nho" ấy trở lại chăm chỉ, là cưới cho anh ấy một người vợ. Có thế mới giết chết được cái chí phóng đãng của "anh nho". Nhưng từ nay có một điều tôi quên nói là tại sao tôi không biên thư cho Mượn nữa? Đến nay, thật tôi cũng chưa xét định lại được cái nguyên nhân đích xác. Tôi muốn cho rằng: có lẽ vì tôi không muốn tập thư dầy thêm nữa, sợ có điều không hay... Nếu những bức thư ấy, mỗi ngày một thêm thì đến một lúc kia, sẽ đưa cái tình bạn bè giữa hai chúng tôi đến một chỗ không thể lùi được nữa. Mà cái tình bạn bè ấy không thể chối được những tai nạn mà nó đã dễ xảy ra. Nó không tiết lộ ra, thì mọi người còn hiểu lầm rằng số mệnh đã định là tôi phải lấy cô Nguyệt, mà tiết

lộ ra thì người ta sẽ nhìn chúng tôi bằng cặp mắt nào? Và thực ra, trong cái tình giữa hai chúng tôi có một điều gì khác lạ gần như là bất chính. Sự tội lỗi cũng hoàn toàn vẫn ở tôi, chứ Mượn vẫn vô tội như một hạt ngô. Nói bất chính thì cũng hơi quá đáng; có lẽ là tội lỗi cũng chỉ vì tại chùng lén. Mà sở dĩ chùng lén là vì hai chúng tôi cùng bước vào một thời giống như tuổi "dậy thì" của người con gái. Những sự gặp gỡ gián đoạn, những sự tụ họp rồi những sự biệt ly làm cho cái tình yêu thương giữa hai linh hồn, trở nên ẩn hiện, khi ngập ngừng, khi ái ngại, rồi cái tình bạn phải khác cái mầu e thẹn của tình yêu. Rồi cái thú ấy, cái thú yêu nhau trong chùng lén, trong mờ ám, cái thú ấy trở nên một thói quen nguy hiểm. Một ngày nọ tôi cảm thấy một cách rõ rệt rằng: đời sống không thể thiếu Mượn được nữa. Cái tình ấy, mập mờ, bất thường, và vô định, nó không có tên trong tiếng nói của loài người. Đến nay, thực tôi cũng chẳng hiểu gì hơn lúc bấy giờ, cái lẽ tương quan màu nhiệm giữa đôi linh hồn, giữa đôi thể chất.

Tôi xin thú rằng: một sự cần thiết đã tạo ra cái tình không tên mà có thực ấy, tạo ra Mượn một người anh. Tôi không đợi ở Mượn, một chút đằm thắm, một chút dịu dàng, một chút say sưa. Tôi cũng xin ở Mượn một câu an ủi, một lời tình tứ. Lòng tôi chỉ muốn được ngả vào một sự đùm bọc, một sự dìu dắt, một sự che chở. Cái cái say sưa là được mơn man, được trớn rơn...

Chúng tôi, hình như đi đã lâu như thế, cạnh nhau, đi trên con đường rơm nửa ướt nửa khô... Chúng tôi đi trong bóng một hàng tre, vì bấy giờ vào một buổi trưa hè. Và chúng tôi ở trong lòng của một sự tĩnh mịch nơi thôn dã. Ở trước mặt chúng tôi, một con đường trắng toát thẳng tới một đồi núi: ánh nắng trưa lừ lừ trôi như một dòng nước đục và nặng như thủy ngân... Theo lối đi, những người đàn bà, nón thượng quai thao có kẻ không bao giờ quen chúng tôi cả, nhưng chào chúng tôi một cách thân mật:

– Chào hai anh nho. Các anh coi gái làng tôi có đẹp không?

Họ tưởng như chúng tôi là những người lạ ở đâu tới. Một người đàn bà nhìn sát vào mặt tôi, nắm chặt lấy tôi, cười rú lên:

– Trời ôi! là cậu Cọt! Thế mà già ngỡ là ai! "Nậy" mau quá, già không nhận được nữa!

Rồi cả bọn cùng xúm lại nhìn sát mặt tôi như là một quái tượng.

– Hai anh nho ra mà coi chợ.

Tôi cười cãi lại:

– Đừng gọi chúng tôi là "nho" nữa. Chúng tôi bây giờ học chữ Tây rồi.

Một người hỏi lại:

– Thế chữ Tây không có anh nho, anh khóa à? Đời Tây Tàu có khác.

Rồi cả bọn... già ấy cười lên, tiếng cười tươi giòn như tiếng cười của những cô gái, mười lăm, mười sáu! Họ vẫn không tha cho, nhìn chúng tôi một cách hỗn xược và nói to:

– Chết, ăn chi mà "nậy" mau quá đỗi! Ngày tôi gặp cậu, chỉ bằng thằng Ngu nhà tôi, nhỏ xíu xíu... Thế mà! Bụt ơi! Chà mau "nậy" quá! Thế đã mấy năm cậu không về làng hở?

Thấy tôi không đáp, họ cùng nói với nhau:

– Dễ thường cũng đến ba năm rồi hỉ?

Mượn nhìn tôi và có vẻ ngạc nhiên... Cái đoàn bà già ấy đã đi xa... Mượn vẫn trầm ngâm với một câu hỏi:

– Làm sao! Đã ba năm rồi Doãn lại không về nhà?

– Thật Doãn cũng không hiểu tại sao thế!

– Chắc dì giận lắm hỉ?

– Dạ. Mẹ em giận em lắm...

Nghĩ một hồi lâu, Mượn mới hỏi lại:

– Thế độ trước, Mượn có nghe nói Doãn yêu cô, cô... gì hỉ?

– Cô Nguyệt?

– Ừ phải! Cô Nguyệt!

– Chỉ là một lời đồn!

Mượn ngừng bước lại, quay mặt nhìn tôi và ngạc nhiên:

– Sao lại là một lời đồn? Mượn không tài nào tin được.

Chúng tôi đi đã gần đến chợ làng mà không biết. Một buổi họp chợ dưới ánh nắng hè gay gắt sao mà ghê sợ thế: tôi tưởng như một

cảnh tụ tập của một đám âm binh nào, và ở một thế giới huyền ảo. Đến nay thật tôi cũng không hiểu, mà có lẽ cũng tại tôi không chịu hỏi những người làng, vì sao làng tôi lại họp chợ đúng giờ ngọ, cái giờ nặng nề, tội lỗi, mà tất cả sinh vật yếu đuối, đầy nhân ái, từ con sâu cho đến con người phải co ro lại, phải xếp sự hoạt động của mình, phải uể oải, phải lười biếng. Có lẽ biết đâu đó chỉ là một sự bắt buộc mà thôi; vì đến 4, 5 làng cùng đổ về ăn chợ làng tôi, cho nên chợ càng phải nhóm sớm, để cho những người ăn chợ, xa mấy độ đường, lúc đi, lúc về cũng có thể kịp được.

Đến bây giờ tôi cũng còn nhớ những tiếng cười giòn của những người đàn bà nhà quê trên con đường từ chợ về các thôn xóm, tiếng cười kéo dài trong cái im lặng ngay gắt của ban trưa đã làm cho tôi có cái cảm giác như được xem một dải cờ đỏ mở dài cũng ở dưới ánh nắng im lặng, cái ánh nắng không lưu động, cái ánh nắng tê liệt của ban trưa, của cái giờ Ngọ, giờ của cõi Âm.

Những người nhà quê lẽ ra hiền hậu biết bao, bây giờ trong tâm trí tôi trở nên những hình ảnh ghê sợ... Thím Neo... Á Dục... Mợ Rô... Ừ nhỉ, làm sao những người đàn bà nhà quê ấy không chết hẳn đi trong ký ức của tôi, vào một buổi chiều thê thảm kia, cũng như mọi vật ở đời... Mà họ cũng chẳng đưa lại đến trong những giờ náo nhiệt của tôi, một ít bình lặng của thời xưa, đầy hương và đức.

– Thế mẹ Doãn muốn gì?

– Thì nào Doãn có biết...

Mượn và tôi, chúng tôi hình như đi cạnh nhau như thế, đi trên con đường quen thuộc của những người đàn bà ấy... Có lúc hình như chúng tôi đã im lặng. Và sau một hồi im lặng lại một câu hỏi đột ngột làm cho chính hai chúng tôi bối rối, ngơ ngác.

– Hay là mẹ Doãn muốn Doãn lấy vợ chăng?

– Thì sao bà ấy lại chẳng chịu nói ra...

– Các bà ấy, có bao giờ chịu nói ra.

Thực ra, tôi đã nói dối Mượn. Đã hai hay ba lần rồi, mẹ tôi đã ngỏ cho tôi cái ý ấy. Mà cảm giác đầu tiên của tôi là cảm giác của một tâm hồn, của một thể chất bất bình: tôi mới có 14 tuổi. Trời ơi! Làm sao tôi có thể thâu nhận cái tư tưởng hôn nhân giữa tuổi

ấy mà không ngượng ngùng, mà không đau khổ? Tôi không rõ Mượn có là một phần nào trong sự ngăn trở ấy không. Chứ điều mà tôi cảm thấy một cách rõ ràng là lòng của tôi coi như đã phạm đến hồn trinh bạch, khi nghĩ đến sự lấy vợ.

Nghĩ đến sự lấy vợ, chả phải là mua chác vào tâm trí những tư tưởng nặng nề như xiềng xích, nghĩa là chặt đôi cánh vừa mới mọc trên cái tuổi hồn nhiên thơ dại... Nhưng mẹ tôi, cả nhà tôi không nghĩ thế. Điều cách này mới tai ác: mọi người đều tin một cách chắc chắn rằng: tôi với cô Nguyệt, con ông Đề lại ở huyện, đã có tình ý với nhau, và bây giờ nhà nói ra, là như cởi mở cho tấm lòng thắc mắc của đôi trẻ. Có ngờ đâu, tôi là một người rất ái ngại cho cái vui mau chóng của mẹ tôi, của cả nhà tôi. Cái hôm mẹ tôi sung sướng, hí hửng như một đứa trẻ con, tin cho tôi cái tin mừng ấy, là cái hôm tôi đau đớn, lo lắng vô cùng. Nhưng tôi cũng cố thản nhiên cười bảo mẹ tôi:

– Một cậu bé như con mà lấy vợ, con sợ có sớm không?

Mẹ tôi cười:

– Gớm! Cậu tưởng cậu còn bé bỏng lắm đa! Cậu không thấy anh Bích con bà Huyện Yên cũng bằng tuổi cậu, mà người ta đã sắp có con rồi đấy!

Tôi không cãi.

Có lẽ bấy giờ, mẹ tôi cũng yên chí rằng: tôi không phản đối sự hôn nhân. Nhưng từ độ ấy, tôi xin thầy mẹ tôi lên tỉnh học: tôi bỏ trường Huyện. Và từ đấy, tôi cũng thường không nghĩ đến việc hôn nhân nữa. Mẹ tôi, mấy bận lên tỉnh thăm tôi, lại hay nhắc đến. Một độ, thấy tôi lơ láo, mẹ tôi cũng không nói gì tới nữa.

Tôi tiến tới trước Mượn mấy bước, rồi quay lại cười bảo Mượn:

– Mượn bước lên, xem nào.

Mượn không hiểu gì, cũng cứ làm y lời tôi dặn. Tôi tấm tắc nói một mình:

– Này con vật ở trong tấm hình bây giờ nó phốp pháp và khỏe quá. Nó không còn yểu điệu như ngày xưa nữa.

Tôi vẫn mỉm cười bí mật. Mượn vẫn không hiểu gì. Nhưng thực ra, tôi không thể không tin được rằng: Mượn, có lúc, đã chiếm một

địa vị quan hệ trong tâm linh tôi. Và sự hôn nhân của tôi thất bại, có lẽ một phần cũng tại người bạn tâm tình ấy.

Mẹ tôi ốm đã gần một tháng nay. Hai lần mẹ tôi gọi tôi về bên giường bệnh của bà. Chỉ lần thứ ba tôi mới về được. Thật tội bất hiếu của tôi đối với bà không biết đổ đâu cho hết. Nguyên nhân làm cho mẹ tôi gọi về gấp như thế, cũng giống cái nguyên nhân làm cho tôi chần chừ không dám đến gần mẹ tôi. Nhưng tôi có thể khất với tôi, chứ thực lòng không thể khất với một người ốm nặng, nhất là người mà bao giờ tôi cũng chỉ có lòng thương mến. Tôi nhớ hôm tôi ở huyện về, thấy tôi, tự nhiên mẹ tôi khỏe lên, gắng ngồi dậy nói chuyện với mọi người. Tôi cảm động về sự sung sướng của mẹ tôi quá. Chẳng hạn, tôi không còn đủ can đảm để mà trái ý bà một cái gì. Giá hôm ấy, bà bảo tôi một điều gì, tôi cũng nghe cả. Nhưng mẹ tôi không hề "lợi dụng" chỗ yếu ấy của tôi, để mà "đánh" tôi. Trái lại, tôi đã biết khôn khéo cùng với cái nhịp sung sướng mà bắt ép mẹ tôi.

– Mẹ uống thuốc nhá. Để con quạt thêm chén thuốc nữa.

Mẹ tôi gật đầu, không hề phản đối mảy may như mọi lần.

– Mẹ ăn cháo nhá! Để con bảo thằng Vinh, nó nấu cho mẹ. Hay là mẹ uống sữa, để con pha.

Mẹ tôi gật đầu một cách vui sướng. Tôi bảo thế, giá tôi bảo hơn nữa, mẹ tôi có lẽ cũng nghe theo. Hay là mẹ tôi có ý chiều tôi như thế, chiều tôi hết cả, để rồi bắt ép tôi một điều, chỉ một điều thôi, nhưng là một điều tối quan trọng.

Tôi chắc rằng bà nói ra trong lúc ấy, thì sẽ tiêu. Tôi sợ sự im lặng đè nén trong tâm hồn mẹ tôi, sợ sự đối diện nặng nề của mẹ tôi và tôi. Cho nên, bao giờ tôi cũng kiếm cách để cho trong phòng mẹ tôi, ngoài tôi ra cũng còn có một vài người nữa. Nhưng tôi quên làm sao được cái chiều hôm ấy, trời vừa ngớt một cơn giông, khí trời tự nhiên mát ra, cảnh chiều hôm đưa lại một con gió lạnh bất ngờ. Mẹ tôi ho nhiều quá. Nhưng mẹ tôi cũng cứ gắng ngồi dậy. Mẹ tôi vẫy tay bảo tôi đến ngồi cạnh bà. Tôi rụt rè ngồi ở mé giường, và bảo mẹ tôi:

– Mẹ nằm xuống, kẻo mệt.

Mẹ tôi như không để ý đến lời tôi nói:

– Doãn, con dịch lại đây một tý, gần mẹ một tý.

Tôi ngồi dịch lại, vẫn rụt rè, vẫn lo sợ. Tôi cảm giác trước rằng cái trận quyết liệt đã đến giữa chúng tôi: mẹ tôi sẽ thừa cái dịp này, để bắt tôi phải hàng phục. Mà thật thế, tôi đã hạ khí giới trước khi ra trận. Mẹ tôi hớp xong một hớp trà. Tôi quên không nói rằng: mẹ tôi hôm ấy, trái với lệ thường, bảo pha một ấm trà liên tử cho thật đặc. Mẹ tôi uống luôn miệng, khiến cho tôi phải sinh nghi. Trong lúc ấy, một ngọn gió lạnh đến tận giường mẹ tôi. Tôi rầy thằng Vinh:

– Đồ khốn nạn! Chỉ khép cái cửa mà cũng không nên thân.

Mẹ tôi mỉm cười:

– Con đừng mắng nó tội nghiệp. Chính mẹ bảo nó để mở he hé như thế cho có ánh sáng.

– Nhưng dầu thế nào, thì mẹ cũng phải nằm xuống đã. Mẹ cần phải "dưỡng" lắm.

– Không, con đừng ngại, hôm nay mẹ thấy trong mình khỏe lắm.

Tôi không tin, vẫn khăng khăng bảo mẹ tôi:

– Mẹ hãy còn yếu, mẹ hãy nằm xuống rồi mẹ muốn nói gì hẵng nói.

Mẹ tôi mỉm cười:

– Thế con muốn mẹ nói cái gì?

Nghĩ một lát, mẹ tôi nói tiếp:

– Mẹ chẳng muốn gì cả!

Tôi nhìn mẹ, tôi ngạc nhiên và cảm động, mẹ tôi vẫn bình tĩnh, vẫn thản nhiên nói tiếp:

– Hôm ni, thực lòng mẹ chẳng nói gì với con hết.

Hình như mẹ đã nói nhiều rồi.

Mẹ tôi xoa đầu tôi, và lại nói bằng một giọng ngọt ngào, êm ái:

– Ý muốn của mẹ bây giờ là chỉ mong sao con học cho giỏi, và đỗ nhanh như anh con là mẹ mừng. Mẹ chỉ cầu nguyện có thế. Còn

như việc hôn nhân của con, thì mẹ đã nghĩ kỹ, bây giờ mẹ không muốn giục con hay ép con nữa. Mẹ bây giờ đã đổi ý hướng. Mẹ chỉ muốn con học giỏi và nối được chí thầy con, anh con... lòng mẹ chỉ ước có thế.

Mẹ tôi nói câu này bằng một giọng chân thật và quả quyết quá, khiến tôi lại càng tin rằng: mẹ tôi đã đổi ý rồi chăng!... Tôi chưa kịp tỏ sự vui mừng, thì ở ngoài đã nghe có tiếng ngựa hí.

Mẹ tôi nằm xuống giường... và nói với tôi:

– Thầy con đã về đấy.

Tôi chạy ra, thì thầy tôi cũng vừa bước vào.

Sau lưng thầy tôi là ông Hương Rớt, một ông lang có tiếng nhất ở vùng tôi.

Thầy tôi hỏi tôi:

– Mẹ con bây giờ thế nào?

– Bẩm mẹ con đã khá.

Nhưng tôi cũng theo thầy tôi và ông lang trở về buồng. Tôi có ngờ đâu lại như thế: mẹ tôi mặt tái mét nằm sóng sượt.

Thầy tôi hỏi gì, mẹ tôi cũng không đáp... hai môi chỉ mấp máy...

Ông lang chẩn mạch xong... Thầy tôi và tôi, trái tim hồi hộp quá, cứ nhìn thẳng vào mắt ông lang như có vẻ van lơn hay cầu nguyện.

Nhưng ông lang đã kéo thầy tôi ra khỏi buồng, và nói một cách thất vọng:

– Có lẽ, bà "về" mất.

Tôi rụng rời tay chân. Thầy tôi vẫn bình tĩnh trở vô buồng. Mẹ tôi còn mở mắt nhìn thầy tôi và nhìn tôi, chỉ hỏi được một câu:

– Thằng cả đã về chưa ông?

Rồi hai tay mẹ tôi buông dần... Trời ôi! Tôi có ngờ đâu, mẹ tôi đã đánh lừa tôi, tôi biết, chính việc hôn nhân của tôi đã làm cho cái chết của mẹ tôi đến một cách gấp vội thế.

Tôi không thể chép cuốn truyện này mà không thuật những phút cuối cùng của một cuộc đời cần cù, lam lũ, chỉ biết hy sinh,

hy sinh bao nhiêu sức khỏe, bao nhiêu tâm sự cho hạnh phúc của những người khác. Những người khác đó, thân thì là chồng con, anh em nhà chồng, sơ thì họ hàng và xóm giềng. Cái sống của mẹ tôi là một mùi hương theo gió mà lan rộng ra mãi, vì thế, cái chết của mẹ tôi là một mối tiếc thương cho những họ hàng quen biết.

Mẹ tôi về với thầy tôi đã hơn mười lăm năm. Sự kiệm cần, sự ngăn nắp, cùng theo mẹ tôi, về trong gia đình thầy tôi. Mẹ tôi là một bà quan, nhưng thực ra không có gì là một bà quan cả. Quanh năm, ở cạnh bà, không có một người lính hầu. Ngày thầy tôi còn ở huyện đường Tuyên Hóa, cũng chỉ có hai lần mẹ tôi theo thầy tôi mà thôi. Mỗi lần, mẹ tôi chỉ ở với thầy tôi độ 3, 4 tháng. Mùa gặt về, mẹ tôi thế nào cũng phải tạm biệt thầy tôi mà về quê. Ở quê tôi, mẹ tôi đã dựng nên một "giang sơn" cho chồng, làm cho tất cả người trong làng hay người "hàng xứ" nhắc tới như là một chuyện đời xưa, lưu truyền lại để làm gương cho thiên hạ.

Sinh ở nơi dân dã, mẹ tôi, về nhà họ Trương, mà vẫn giữ cái cốt cách của dân dã. Tôi còn thấy như mới hôm qua, cái người đàn bà cũ kỹ ấy, mỗi lần ở chợ về, vất cái nón thượng quai thao xuống đất, đặt cái thúng nặng ở nách xuống, nhổ bãi trầu và nhoẻn một nụ cười rộng và bao dung biết chừng nào! Vẻ mệt nhọc không làm mất được cái nét hiền từ không thay đổi của một người mẹ, một người đàn bà Việt Nam. Bà ung dung ngồi sắp những thức ăn ở thúng ra trên một cái mẹt.

Tôi bá cổ mẹ tôi, một đứa em ngồi lên bẹn mẹ tôi, một đứa em nữa, moi những trái thị vô tình hay hữu ý trốn chúng tôi ở dưới một mớ rau. Mẹ tôi đưa tay giữ chặt lấy tay em tôi và cố không tỏ vẻ giận dữ:

– Này Việt. Của cúng đấy, đừng đụng tới, không nên. Mai cúng xong, thôi tha hồ.

Em tôi vẫn cố giằng lấy một trái thị nhỏ nhất, và cãi lại mẹ tôi:

– Cho con trái nhỏ xíu này. Con cầm mà ngửi. Con không ăn mô.

Mẹ tôi cố tìm một cái lẽ để thứ lỗi cho em tôi:

– Mẹ cho con cầm mà chơi, nhưng con không được đưa lên mũi nhá! Ngửi, cũng không nên.

Em bé tôi cầm một trái chạy. Em gái tôi và tôi, cũng cố mỗi đứa cướp lấy mỗi quả:

– Mẹ ơi! Chúng con cũng chỉ ngửi thôi! Chúng con không ăn mô.

Mẹ tôi vẫn hoảng lên, cố tìm kế để đánh lừa chúng tôi:

– Này! Chúng mày! Tao quên phát cho chúng mày "lá móng tay", Cọt đâu, Song đâu, Lạc đâu, Quỳnh đâu, đứa nào ra mà lãnh phần đứa nấy.

Hai em tôi và cả tôi nữa vội vàng trả những quả thị lại cho mẹ tôi, và cùng mấy anh tôi ra lãnh phần những "lá móng tay".

Hai em tôi ngơ ngác, không hiểu gì. Tôi nhớ mang máng rằng: hình như một năm trước mẹ tôi cũng có một lần phát những "lá móng tay" như thế.

Quên hẳn những quả thị, bây giờ tâm hồn tôi hoàn toàn sống lại những màu kỷ niệm thấp thoáng vừa hiện ra rồi lại lẩn ngay.

Giật mình, tôi hỏi anh Lạc tôi:

– Mai ăn mồng năm phải không anh Lạc?

Lạc đáp:

– Ừ thằng này đến lẩn thẩn! Không ăn mồng năm, thì làm chi mẹ lại đi chợ, mua nhiều trái thế, mà lại còn mua cả lá mồng tơi thế nữa?

Anh Song tôi ra dáng hiểu nhiều, và "điển sách" lắm, nói với cả chúng tôi bấy giờ quây quần bên anh tôi.

– "Tết mồng năm" tên chữ là Tết Đoan Ngọ... ngày xưa ông Khuất Nguyên.

Bấy giờ anh Song tôi vào khoảng 16 tuổi nhưng thầy tôi vẫn không chịu "rút" anh tôi cho học chữ Tây, vẫn cứ gửi ở một ông đồ trong làng, ông đồ này đối với thầy tôi, là chỗ đồng liêu. Anh tôi, vì thế như lạc hẳn vào giữa bọn chúng tôi, là một bọn đã tới trường làng, sớm đến tối, gào thét như con vẹt, "le café là cà phê, le pain là bánh Tây". Anh tôi, bị chúng tôi đưa ra làm một trò để chế giễu. Quỳnh là đứa bé con hỗn xược nhất trong bọn:

– Triều phò mã chơng vơng. Triều phò mã chơng vơng cái ông Khuất Nguyên nhà anh!

Cả bọn cũng lặp lại như thế để chế giễu anh tôi. Bấy giờ và đến nay, tôi cố tìm cũng không hiểu nghĩa mấy chữ ấy. Đến nay, mấy chữ ấy đã mất tích hẳn trong tiếng nói của người làng tôi. Nhưng thật quả, tôi nhớ đích là hồi bấy giờ, mấy chữ "triều phò mã chơng vơng" rất thông dụng trong tiếng nói của người nhà quê, nhất là của bầy trẻ. Danh từ ấy tôi biết là cốt để chế giễu một cái gì ngược trái lại với sự thông thường.

Anh Lạc tôi, đỏ mặt lên như củ gấc, toan cãi lại, thì một tiếng sạt ở sau lưng làm tất cả chúng tôi giật mình quay lại: Con Mén, người đầy tớ của nhà tôi vừa đặt một bó lá xuống phản và nói với mẹ tôi:

– Thưa bà, hôm ni, con thấy có chú Thạc, ông phó Ngưỡng, ông xã Nghếch ở Lào về mỗi người một gánh kén nặng. Chú Thạc nghe đồn về được bờ năm trăm, ông phó Ngưỡng bờ một nghìn nhưng phải thỉnh cả bàn đèn về nhà... Giang san sự nghiệp rồi cũng đến chui vào lọ cả. Hút thì rồi cũng đến xách, bà hỉ... Mấy ai?

– Thế còn bác xã Nghếch.

– Bác xã Nghếch, thì một bồ lưng kén, còn một bồ nữa thì...

Nó phá ra cười, như một cái máy không thể hãm được nữa. Mẹ tôi phải mắng nó:

– Vô duyên chưa nói đã cười! Khéo! Việc chi mà rũ lên thế! Nói đi đã, rồi lại cười nào!

Đưa tay vuốt ngực, nó cố trấn tĩnh và đáp lại mẹ tôi:

– Thưa bà, còn trong một bồ nữa, thì bác Xã, bác ấy nhét đầy cả...

Nó lại cười rũ lên.

Mẹ tôi lại phải mắng nó.

– Đồ đâu mà trắc nết quá đỗi.

– Thưa bà, còn một bồ nữa, thì bác nhét đầy cả những lá mồng năm.

Rồi nó chỉ bó lá ở trên phản và nói tiếp:

– Đó, cái thứ lá quý hóa ấy đó; bác nói bác lấy từ năm ngoái, đúng giờ ngọ, và lấy ở rừng "Poút-Măng"... Rừng "Poút-Măng", một

rừng mọi, theo chú nói, thì thiêng lắm, bà nờ! Thiếu một đường, con phải lạy lục bác Xã, bác ấy mới cho được một nắm đó. Chừng ấy, cũng "khẳm" chán bà hỉ?

Mẹ tôi, mỉm cười, nói với con nụ:

– Nhờ Trời Phật! Nếu quả thật hay, thì chừng ấy, cũng đủ dùng hết cả một đời.

Rồi bỗng nhiên, mẹ tôi ngồi thần ra mà không nói gì. Tôi lại sán đến mẹ tôi và thủ thỉ hỏi mẹ:

– Tết Đoan Ngọ sao thầy con không về mẹ?

– Thầy con mắc đi hành hạt với cụ sứ. Trong huyện sắp mở thêm mấy cái trường mới.

Mẹ tôi nói với tôi như nói với một người lớn, dầu bấy giờ tôi chỉ là một đứa bé lên bảy. Tôi nhận thấy trong lời nói của mẹ tôi, một nỗi buồn u ẩn.

Trong lúc ấy, Việt em tôi đã "thịt" xong trái thị, và cắt cái vỏ thành hình ngôi sao dán lên tường. Mẹ tôi chưng hửng:

– Con thế thì thôi! Đồ chưa cúng mà đã đưa ra phá, phải tội chết.

Nhưng tôi không thấy một nét giận dữ ở trên khuôn mặt mẹ tôi. Đôi mắt mẹ tôi vẫn hiền lành như bao giờ, nhìn tôi và âu yếm:

– Tối nay, thì con phải ngủ sớm, mai móng tay mới thắm.

Tôi chưa hiểu biết cái câu nói của mẹ tôi, nhưng tôi cũng không hỏi lại, phập phồng, cảm động đợi cái thuật phép lạ lùng. Nhưng thuật phép có gì đâu! Tối đến, ăn cơm xong, mẹ tôi, chị tôi, các bõ già, gọi chúng tôi ra, nhá những "lá móng tay" của chúng tôi, rồi "rịt" vào ngón tay cho chúng tôi. Buộc vào cho tôi xong, mẹ tôi dặn tôi, đến nay tôi cũng không quên được cái câu nói "dễ thương" làm sao!

– Con cố đừng cựa nhá! Đứa nào mai móng tay không đỏ, là không được về ông Ngoại ăn Tết đấy.

Nhưng phần riêng tôi, sáng hôm sau, những móng tay, trừ móng tay út, đều bị "chậy" đi, và không được thắm đều; trong khi ấy, những em tôi có những móng tay đỏ tươi như huyết.

Sáng tưng bừng, tôi xòe hai bàn tay cho mẹ tôi và hỏi:

– Của con có tốt không mẹ?

Mẹ tôi cười, và không tỏ dấu trách móc:

– Của con tồi nhất bọn! Hôm qua tại con cựa nhiều quá.

Lẽ ra, tôi phải bị "phạt", nhưng ngày hôm sau, tôi vẫn được theo mẹ tôi về quê ngoại. Ngồi trên chiếc cáng xanh với mẹ tôi, với cái nhìn hiền lành âu yếm! Nhưng than ôi! đôi mắt ấy, còn tìm đâu cho thấy nữa. Mẹ tôi đã bỏ tôi mà đi, đã nỡ đành đoạn bỏ cuộc đời mà đi. Nghĩ đến cái Tết Đoan Ngọ đầu tiên ấy của đời tôi, tôi lại càng thêm chua xót: cái lòng thương nhớ mẹ tôi thật mênh mông rào rạt như gió chiều ở biển khơi.

Ngồi co ro một xó, tôi cố ngẩng lên nhìn một lần chót cái mặt hiền hòa ấy, nhưng cái sắc mặt đã xanh như tàu lá: tôi không thể tìm trên cái nét tàn phá, một vẻ hiền hậu ngày xưa...

Bấy giờ dì tôi đã tắm rửa xong cho mẹ tôi. Và người ta đã bắt đầu khâm liệm mẹ tôi. Trời ôi! Tôi quên làm sao được vòng khăn nhiễu tam giang, cái quần áo cổ y, và đôi vòng bạc... mà người ta vừa đeo khoác vào cho cái xác chết ấy! Cái áo cổ y ấy, cái khăn nhiễu tam giang ấy, đó là những đồ mà ông mệ ngoại tôi đã sắm cho mẹ tôi... Mẹ tôi có lẽ chỉ mặc một bận khi về nhà chồng, và than ôi! một bận nữa là khi về... cõi đất. Mắt tôi quên làm sao được cái khăn nhiễu ấy, và màu áo ấy, mỗi khi có cơn nắng mới, mẹ tôi đưa ra phơi trước giậu.

Thoạt trông thấy mẹ tôi trong cái bộ áo liệm ấy, thì sự cảm động và thương xót của tôi lại tăng lên gấp bội. Một cảm giác vừa thoáng qua trong tâm trí tôi: tôi thấy như mẹ tôi không thể chết được. Tôi tưởng như còn diễn ra trước mắt tôi một cảnh tượng hằng ngày: giữa những hôm mưa lạnh, ẩm ướt, bỗng rớt vào một ngày nắng ráo, mẹ tôi thường mở rương ra, lấy cái bộ áo vàng, chính cái bộ áo cổ y ấy để đưa ra phơi ở trên một hàng giậu.

Trong trí tôi lúc bấy giờ, cái màu cổ y tím sẫm gợi cho tôi một sự tương tự: cái màu sắc đằm thắm, đen sẫm của cả một đời người đàn bà không kiêu hãnh, không ham muốn.

Nhưng khi tôi quay lại, thì giời ôi! Người ta đã liệm xong cho mẹ tôi và bây giờ mẹ tôi chỉ còn là một cái xác chết, bó chặt lại trong vải trắng và trên mặt ấp một tờ giấy vàng.

Lòng tôi quằn quại: tôi không ngờ trong một phút, tôi cách xa mẹ tôi đến thế. Tôi kêu gào lên như kẻ điên. Tôi không ngờ, sự đau thương có thể làm cho người ta điên cuồng được.

Mẹ tôi ngày nay đã không còn nữa. Nhưng còn lại biết bao là chuyện xung quanh cái chết của mẹ tôi. Những chuyện ấy sống mãi trong ký ức tôi, có lẽ cho đến cái ngày cuối cùng của tôi ở trên cõi thế. Cái sự sống chết của người đời, nếu có đôi chút thú vị là tại luôn luôn bao phủ một màn bí mật, lâu lâu chỉ bị chọc thủng một đôi chút ánh sáng, yếu ớt quá không đủ chỉ dẫn cho ta một điều gì.

Tôi còn nhớ, lúc mẹ tôi thụ bệnh, thì tự nhiên ở đâu bay về một con ong tướng, đậu ngay ở cây khế trước ngõ nhà, và rồi chỉ mấy giờ sau, là những ong quân ở đâu tìm đến và đậu choán cả một cành cây. Một tổ ong mật đã bắt đầu gây dựng ở trước ngõ nhà. Thầy tôi nhất là mấy dì tôi, không giấu được vẻ lo sợ. Từ đó, hôm nào người ta cũng rước thầy phù thủy về cúng. Và mấy lần anh Hưởng, một người anh họ của tôi, bịt mặt lại, cầm một bó "giang" to trèo lên cây để "xông khói" tổ ong mới. Nhưng mà vô hiệu, những con ong chỉ bay tán loạn trong một lúc, rồi chờ khi anh tôi xuống, khói đã tản rồi, thì đâu lại vào đấy: những ong quân vẫn theo tướng của chúng, nó trở về đậu ở chỗ cũ.

Thầy tôi nói với chị tôi: "đã ba mươi năm thầy mới lại thấy thứ ông "bò vẹ" ấy trở về đóng ở ngõ nhà như thế. Lần trước, nó cũng về đóng thế, thì quả hôm sau..."

Thầy tôi không nói hết, nhưng chị tôi cũng hiểu ngầm. Khắp cả nhà đều có vẻ lo ngại, duy có tôi là chẳng biết gì... Cả mẹ tôi, cũng vậy...

Bầy ong đã đóng được ba hôm, ở trước ngõ nhà tôi. Hình như chỉ cách hôm sau, thì bầy ong bay đi, thì mẹ tôi cũng đi. Cái việc bầy ong ấy, đã để lại trong tâm linh tôi, những ấn tượng rất mạnh, khiến cho tôi bao giờ cũng nghĩ rằng trong đời tôi đã được nom thấy một bầy ong, vâng một bầy ong giang hồ, hết chỗ này bay qua chỗ kia, mang những cái tin sầu thảm lại cho người này hoặc người nọ. Nghĩ đến bầy ong ấy tôi tưởng như có một tai biến tàn bạo từ một dĩ vãng xa xôi đến, kẹp chặt lấy tâm hồn tôi.

Sau cái chết của mẹ tôi được 50 ngày, thì những cây trầu leo ở tường, mà chính mẹ tôi lúc sinh thời đã vun bón, những cây trầu xanh tươi ấy cũng héo dần, héo một cách trông thấy trước mắt mọi người. Tôi còn nhớ như mới hôm qua, hình như là vào một ngày nắng mới, những đường nhà quê đã ráo khô: Bà Mục, người hàng xóm của mẹ tôi, qua thăm nhà tôi: ấy là lần thứ nhất từ khi mẹ tôi chết. Bà hàng xóm ấy qua thăm vườn nhà tôi, tôi thấy bà len lỏi giữa những con đường nhỏ mà trơn lầy, và có khi phải cúi mình sát rạt để tránh những cành đào hay cành mận chĩa ngang qua đường. Tôi trông cái tuổi già ấy phải "gấp đôi" lại mà tôi thương hại vô cùng. Bà vẫn len lỏi, cúi đầu, lâu lâu đưa vạt áo lên để lau những hạt sương trên trán. Bà vẫn cứ đi. Hình như bà muốn tìm lại giữa những cây cối thân yêu ấy, một kỷ niệm gì ngày xưa, một kỷ niệm cuối cùng, cũng chực trốn thoát mình... Bỗng bà đứng lại, và tôi thấy rõ dưới ánh chiều vàng, người đàn bà tuổi tác ấy đưa vạt áo lên, và không phải để lau những hạt sương rơi vướng trên khăn mà là để lau những hạt lệ đọng ở dưới mí mắt. Tôi hiểu một cách dễ dàng cái sự cảm động của người đàn bà ấy giữa cái vườn cây là cái sự nghiệp của người bạn không còn nữa. Mẹ tôi là một bà quan. Bà Mục chỉ là vợ một người dân bình thường.

Nhưng tình xóm giềng mạnh hơn tinh thần giai cấp. Hai cái khoảnh vườn gần nhau và những cành cây ở hai vườn đã giao đối nhau, kết liên nhau. Đã có lúc, mẹ tôi, trong khi xem vườn, gọi người hàng xóm mà biếu một quả cau đầu mùa, hay một lá trầu son. Hai người ấy đã từng, người ở bên này kẻ ở bên kia vườn, đã từng gọi nhau như hai người cùng một danh phận, để nói chuyện với nhau về một giống rau mới trồng, hay một cái chòm nhãn mới lồng... Trong lúc ấy, chồng bà hàng xóm, đi buôn kén ở một làng hẻo lánh ở Thakhek hay Paksé. Và thầy tôi, cũng ở một huyện xa, giữa những cờ trống rộn ràng, cỡi trên mình ngựa đi khánh thành một cái ấp mới.

Đến nay, khi chép lại cuốn truyện này mới hơn mười năm thôi, mà sự đời xung quanh tôi đã thay đổi nhiều lắm. Tôi thương tiếc biết bao, khi tôi nghĩ đến cái việc ngày nay trên đất nước tôi, đã không còn những người đàn bà cũ kỹ, hiền lành như màu áo "cổ y", những người đàn bà lặng lẽ mà thâm trầm gần đất cát biết bao, sống giữa những cây cối thân yêu, hồn của đất nước! Tôi vừa đau

đớn vừa căm giận khi nghĩ đến cái lớp đàn bà lòe loẹt kia đã dám kiêu hãnh thay thế cái lớp người đàn bà cũ kỹ ấy, những người đàn bà thùy mị với những bộ răng đen nhánh. Những người đàn bà ngày nay đã để răng trắng, và vì thế, họ có bao giờ như những người đàn bà đời xưa dầu là một bà quan, cũng cầm lấy cái chét để vun bón một cây trầu non, hay một cây cau mới ở vườn... Họ có bao giờ còn nâng niu những cây cối nữa, và như thế, họ sống xa đất cát biết bao... Nhưng tôi biết nói thế nào, khi người ta gọi đó là sự tiến bộ?

Mà cả tâm hồn tôi ngày nay cũng như một cái gì rất ăn rập với thời thường, những sự khóc cười của tôi cũng gần như là những đồ sáng chế.

Nhưng có một lúc, thật tôi đã được chứng kiến những những sự nẩy nở của những tâm hồn giản dị mà chân thực biết bao! Và, có lúc tôi cũng bị lôi cuốn giữa cái "dòng đời" lừ đừ và "tha thiết" ấy. Làm sao tôi quên được cái buổi chiều nhàn rỗi mà mây đen bay gần mặt đất, lượn đầy trước ngõ tre, một buổi chiều dễ mời mọc người ta đến những chốn âm u, buồn lạnh. Dì tôi cho gọi bà "bóng rong" vào để phụ hồn mẹ tôi. Hôm ấy, những người đàn ông ở trong nhà đều đi vắng; quây quần bên bà "bóng" chỉ có những người đàn bà... Sau một hồi kêu phụ, bà bóng bắt đầu "lên".

Dì tôi hỏi:

– Thế hồn có nhớ ngày hồn đi, ai liệm cho hồn không?

Hồn đáp bằng thơ:

Dì Sâm với lại dì Hoàn,
Người chít khăn nhiễu, người choàng cổ y...

– Thế hồn ra đi có giận hờn ai không? Có thương nhớ ai không?

Hồn:

Từ khi hồn xuống âm ty...
Ngày ran nỗi nhớ, đêm chia mối sầu.
Trách riêng con tạo co cầu,
To duyên ngắn ngủi, nhịp cầu cắt ngang...
Miễn chồng cho được giàu sang...
Con hồn ăn học, giữ giường mối xưa...

Đấy những câu hỏi và những câu đáp lại đại để là như thế. Nhưng những câu đáp ấy đã làm cho tất cả nhà tôi, khóc thút thít. Làm sao tâm hồn tôi có thể ngờ rằng đó chỉ là một sự bịa đặt, giả dối. Và cái ngày mà tôi biết rằng: cái chết là sự hết hoàn toàn, thì có lẽ sự thật đó là một điều đau khổ không lường cho cái đời tình cảm của tôi. Nhưng cũng may, trong cuốn truyện này, tôi cũng không còn phải nói đến chết một lần nào nữa... Một mặt giời mới, chiếu vào đời tôi từ nay. Ít ra, tôi cũng nguyện ước như thế.

Mẹ tôi mất đã gần ba tháng, tôi mới lại từ biệt làng vào tỉnh học. Tôi không hiểu sao bấy giờ, xin nghỉ được lâu thế mà ông đốc trường không nói gì. Ba tháng ở cạnh cái chết của mẹ tôi cũng có vẻ nghiêm trọng, lâu dài như "ba năm" cư tang của một ông quan có hiếu. Tôi cần nói rõ một điều: bấy giờ tôi vừa hơn 15 tuổi. Và tôi đã học lớp nhất trường tiểu học, với cái tuổi ấy, và với cái trình độ ấy của sự học, kể cũng là một điều hiếm thấy trong thời bấy giờ. Mẹ tôi khi còn sống và các dì tôi thường ngợi khen tôi không ngớt: dì Hoan tôi thưởng cho tôi một cái áo lụa "Cương Hà", còn dì Sâm tôi cho tôi một cái áo "địa" xanh. Thầy tôi lẽ ra cũng phải sung sướng và kiêu hãnh về sự học của tôi, nhưng thầy tôi vẫn dạy tôi theo một phép tắc rất nghiêm khắc, cũng như khi dạy các anh tôi hay chị tôi. Với những người con gái thì ông hay đưa chuyện "dì qua" tôi khi còn sống và làm dâu nhà họ Đặng, mà kể lại cho nghe. Thầy tôi thường nói: "Dì qua"[1] các con ngày xưa làm dâu thật cay đắng không thể nói hết, gặp phải một bà già điêu ngoa, độc ác vô cùng đối với con dâu mà không mấy khi là không dùng đến lời mắng nhiếc chửi bới, có khi dùng đến roi vọt nữa. Thế mà "dì qua" chúng con, mỗi khi về nhà nghe mệ[2] nội các con hỏi: "Bà gia con đối với con có tử tế không?", thì "dì qua" con chỉ vui vẻ đáp như không hề xảy ra việc gì: "Thưa mẹ, mẹ con bên nhà, đối với con quý hóa quá chừng?".

Cái gương nhẫn nhục ấy vô lý biết bao, bất công biết bao, nhưng thầy tôi cũng nhét vào tâm trí các chị tôi tưởng như là nhét một món ăn rất hiền lành. Còn đối với bọn con trai chúng tôi, thầy

---

1. Tiếng qua là để chỉ một kẻ đã qua đời.
2. Tiếng mệ ở vùng tôi nghĩa là bà.

tôi, cũng dạy những điều tương tự lấy ở trong cuộc đời của những người đã qua, "chú qua", "bác qua", v.v... và nhiều khi cũng lấy ở trong sách vở thánh hiền nữa. Đại để, ý thầy tôi là muốn đào luyện chúng tội thành những kẻ phục tùng cúi đầu mà chịu, cam tâm mà chịu, đau khổ mà chịu. Cũng may, cái điều xấu đến đâu cũng có một điểm tốt.

Cái giáo huấn ấy đã tập quen chúng tôi với sự đau đớn gian nan, nghèo khổ. Nhưng mà nhiều khi thật quá đáng! Với cái chết của mẹ tôi, đó là cái chết của tất cả cái gì êm ái ngọt ngào nhất ở trong đời chúng tôi. Từ đây tôi phải cứng rắn, mạnh dạn như cái cành kia sắp phải rời cây mẹ, để tự mình chôn chặt vào đất, tự tìm lấy khí lực. Cái tình ấy lẽ ra không nên gọi là "tình" nữa. Vì "tình" tức là cái gì người ta kéo vào mình, bao trùm lấy, ôm giữ lấy, cái gì cột chặt lại. Mà "lý" là cái gì người ta "buông ruổi" ra, xô đẩy ra. Chỉ nói về phương diện tinh thần, ở xã hội Việt Nam, người con trai ở tuổi tôi đã coi như là một cành cây phải lìa cây mẹ. Người ta cần cứng rắn với nó, để nó có thể cứng rắn với đời.

Mẹ tôi mất được một tháng, thì thầy tôi cũng vào lúc về hưu trở về làng cũ, coi vườn, dạy con. Cái khoảnh đời ấy thầy tôi thường ví một cách nôm na với "cái đời gà trống nuôi con" – từ cái chỗ quan chiêm đẹp đẽ bây giờ nhảy vào một khuôn vòng chật hẹp, cái khuôn vòng một người nội trợ. Và với cái cuộc đời ấy, tất cả những cái khó chịu hàng ngày, những cái vụn vặt bận bịu làm cho người ta phải bực tức... Nhưng dầu sao, tôi cũng không thể dung thứ cho cái tấm lòng sắt đá của thầy tôi, khi ông gọi tôi lên dặn tôi mấy câu khuyên răn theo lệ thường, trước lúc tôi lên đường vào tỉnh. Muôn nghìn lời thánh hiền cũng không làm cho tôi khó chịu bằng cái cử chỉ mà tôi phải nói là tàn nhẫn, của thầy tôi. Các bạn có biết ông thân sinh tôi đã nói với tôi những gì và giao cho tôi bao nhiêu để làm tiền lộ phí từ làng lên tỉnh? "Đây con cầm lấy hai hào này để làm tiền ăn dọc đường". Tôi ngẩn người ra trước lời nghiêm huấn. Tôi không thể ngờ lòng thương con của thầy tôi, nhưng cắt nghĩa làm sao được cái cử chỉ ấy của một người cha đối với một người con, khi tiễn cái ông con lên một con đường hơn 50 cây số, mà tất cả lộ phí chỉ có hai hào. Người ta có muốn dạy con sự cực khổ, nhưng mà sự cực khổ ấy cũng phải có hạn. Thầy tôi, tất nhiên cũng có thể tính cái độ

đường cho tôi, vì ngày xưa đã từng đi thi, đi cử, thì cũng đã biết mấy lần đi con đường của tôi rồi, 50 cây số...

Hai con sông! Một cái đèo! Rồi lại mấy chục cái dốc! Mà điều này, thầy tôi lại càng không được quên, tôi là một người học trò chữ Tây, và tôi lại là một cậu con quan! Lúc nhỏ, tôi đã từng đi cáng xanh, cái thứ cáng nếu không phải là con nhà dòng dõi thì dễ thường đã đi được. Mà nào chỉ có độ đường chua chát. Sau 50 cây số, là những đêm dài dằng dặc kế tiếp nhau những đêm ôn tập bài vở vì bấy giờ tôi chỉ còn vỏn vẹn một tháng nữa thì thi bằng tiểu học. Thầy tôi hẳn phải biết cho tôi như thế, nhưng có bao giờ ông lại muốn rằng con cãi lại lời cha mẹ. Vì vậy, lúc cầm lấy hai hào bạc, tôi cố vui vẻ hết sức, dầu bấy giờ dưới mắt tôi đã rưng rưng hai giọt lệ. Cũng may, hôm ấy cùng đi với tôi lại có thằng cháu tôi nữa. Có lẽ ra đi, nó cũng bị một cuộc tiễn đưa chua chát như tôi, cho nên nó cũng nhận lời đi bộ với tôi một cách vui vẻ lạ thường. Tôi còn thấy lại một cách rõ ràng trong tâm cảnh tôi, cái hình ảnh của hai chàng loắt choắt, len trên những ngõ tre làng nhỏ hẹp, bùn lầy để đi ra con đường cái. Tôi mang ở trên vai một cái khăn gói, ở trong ấy là tất cả giang sơn sự nghiệp, tất cả cái đời học sinh của tôi. Mặt trời vừa mới mọc. Nhưng mặt trời cũng không cười... Mà lòng tôi cũng không cười, cả hai chúng tôi cũng không hát, tuổi trẻ ở trong chúng tôi thật quả đã chết từ ngày hôm ấy. Tôi buồn nao nao, Quýnh – đứa cháu tôi cũng như lây cái buồn của tôi. Lần thứ nhất, tôi cảm thấy mẹ tôi chết hẳn trong lòng tôi. Cũng chết đi bao nhiêu những hình dáng hiền lành của thời thơ ấu. "Chiếc cáng xanh" mà tôi lấy làm đề cho tập bút ký này – cái chiếc cáng xanh ấy từ lâu là để móc ở trên rầm, cũng thì bị chuột cắn thủng đi, cái diềm cũng bị bở nát. Và trên con đường từ làng ngoại, cũng không còn bao giờ có lại những cuộc du lịch hàng năm, những cuộc du lịch đầy thành kính và đầy thi vị. Cũng tại mẹ tôi đã chết... mà cũng tại một cuộc đời rất thái Tây, rất văn minh đã đến ở trước ngõ người Việt Nam... Từ làng nội đến làng ngoại tôi, sau này người ta đã vỡ một con đường mới, dành cướp của truông núi tất cả cái bí mật của nó. Sau này, tôi có mấy lần đi thăm làng ngoại tôi, thì than ôi! tôi chỉ đi bằng ô tô của anh tôi... Con đường ấy bây giờ chỉ dài có 15 phút đồng hồ...

Tôi còn biết nói thế nào được? Vì sự nhanh chóng ấy, người ta gọi là sự tiến bộ kia mà!

Nhưng mà tôi phải trở lại với cái cuộc du hành của hai đứa trẻ lúc bấy giờ. Tôi còn nhớ khi đi khỏi làng và lúc đến địa phận làng bên cạnh, thì một việc hơi vui vui đã xảy ra. Một đứa con gái nhà quê mặt trông cũng sạch sẽ ngồi cắt cỏ ở vệ đường, nó ngừng hát, và nói với tôi:

– Kìa anh khóa! Anh khóa đi mô rứa, cho em theo với nào! Để khăn gói em mang cho!

Thật tình, tôi chỉ thấy ở trong lời nói có một vẻ đùa cợt hiền lành. Tôi đáp:

– Đi thì đi...! Lại đây mà đi với anh.

Có ngờ đâu người con gái nhà quê ấy bỏ cắt, chạy theo chúng tôi thật, và nhất định đòi mang cho được khăn gói của tôi mới nghe. Tôi cũng chiều nàng. Nhưng bây giờ là cô con gái đi trước. Và tôi rảo bước theo mà cũng không kịp. Đến nỗi tôi phải van xin, cô cũng không chịu buông tha cho. Chốc chốc, cô chỉ ngoảnh lại nói với chúng tôi.

– Ô tê! Việc chi mà phải bận! Cứ để em mang cho có được không...

Rồi cô ấy hát to:

– Khăn gói theo chồng, nước mắt như mưa.

Và quay lại chúng tôi:

– Nhưng tôi thì tôi không khóc đâu! Vì chồng tôi thế nào cũng thi đỗ trạng nguyên...

Tôi cười:

– Chúng tôi là những ông khóa chữ Tây...

– Thế chữ Tây, thì không có ông trạng à?

– Không.

– Có.

– Không mà!

– Mà em bảo có thì đã sao!

Rồi nàng lại nhăn cái hàm răng đen nhánh cười với chúng tôi. Nhưng nàng vẫn không tha cho. Nàng đi thẳng về nhà nàng, đặt cái khăn gói xuống phản và nói với mẹ nàng.

– Khăn gói của chồng tôi đó!

Người đàn bà ấy, cũng bằng một giọng thản nhiên, hỏi lại:

– Thế chồng con là ai nào?

Người con gái chỉ tôi và nói:

– Đây chồng con đây!

Rồi quay lại phía khăn gói, và toan mở ra:

– Để xem trong khăn gói của chồng tôi có những gì nào.

Rồi nàng mở ra và không cần xin phép tôi.

Tôi cũng không hề phản đối... và nhìn một cách ngạc nhiên cái người con gái có những bộ điệu tưng tửng ấy. Mẹ nàng lại còn "ngộ" hơn: nhất định giữ chúng tôi lại đến sáng hôm sau mới cho đi. Không hiểu sao, chúng tôi cũng nhận lời, như nhận một điều rất hợp lý... Rồi sáng hôm sau, chúng tôi từ biệt nhau không có một lời bịn rịn, không có một câu tình tứ. Nhưng một sự lạ lùng hơi làm cho tôi cảm động: khi vào đến tỉnh, hai hôm sau, mở cái khăn gói ra, tôi thấy có một quan tiền kẽm. Tôi dầu nghèo kiết đến đâu, dầu thầy tôi có bóp chặt sự ăn tiêu của tôi đến đâu tôi cũng không phạm đến tiền của nàng. Sau này khi trở về làng, tôi tìm giả, thì nhà nàng đã đổi chủ. Hỏi người hàng xóm, mới hay nàng đã... chết.

Không, nàng đã đi lấy chồng xa.

Vâng, thì cũng thế.

Ngay năm ấy, tôi thi đỗ bằng sơ học, mà lại đỗ đầu nữa. Tôi nhớ hôm ấy, thầy tôi cũng có mặt ở tỉnh. Vì vậy, tôi không hề tỏ một vẻ vui mừng, dầu bạn bè tôi và cả những người nhà quê mà tôi không hề quen biết, cũng đều xúm lại quanh tôi và tán dương cái ông "thủ khoa tý hon".

– Này cậu! Thế rồi về "làng miếng" có định rước không hỉ?

Một người nhà quê khác đáp:

– Ấy, như làng tôi, thì dân sẽ đi quá ba làng là ít, để đón vị "tân khoa".

Tôi biết thuở bấy giờ cái bằng "sơ học" mà họ vẫn gọi là bằng "ri-me", có giá trị lắm: cái thời người hiếm, của hiếm, cái gì chẳng quý... Nhưng đó là với những làng khác, chứ đối với làng tôi thì sự đỗ đạt ấy vẫn bị coi thường. Ngày nay, cái anh "khóa sinh" giật được cái bằng "ri-me" cũng như ngày xưa người ta giật cái "tú tài".

Đậu tú tài, thì đừng hòng dân làng rước? Dầu sao thì ít ra tôi cũng phải lấy đó làm một điều kiêu hãnh với thầy tôi. Không nữa, tôi cũng cho đó là một dịp tốt để tôi trả thù thầy tôi là người chỉ cho tôi hai hào bạc để ăn đường gần năm mươi cây số. Tôi quên làm sao được nét mặt tàn nhẫn của thầy tôi.

Về đến nhà trọ, tôi vẫn hầm hầm đặt cái "chồng sách thưởng" xuống bàn và như muốn nguýt thầy tôi. Nhưng thầy tôi vẫn "lạnh lùng" như không, chỉ hỏi tôi:

– Sách đâu mà nhiều thế con?

Tôi cố lấy giọng tự đắc, đáp:

– Bẩm sách người ta thưởng cho con, vì con đỗ đầu kỳ thi ri-me.

Tôi cố tìm một vẻ vui sướng hay kiêu hãnh trên mặt thầy tôi. Nhưng ông vẫn lạnh lùng như không:

– Năm nay, thầy sẽ cho con vào Kinh học với các anh con.

Tưởng được vào Kinh học, thì tôi sung sướng lắm? Tôi chỉ cầu sao người sinh ra tôi, tỏ cho tôi một chút vui mừng trong lúc này, thế là đủ lắm rồi. Tôi có cần gì hơn nữa! Tôi sực nghĩ lại cái sự đi bộ của tôi trên con đường 50 cây số mà tôi không sao nén được căm hờn.

Trời thì nắng như thiêu. Những trận "gió cát" đưa lên đường hơi nóng làm cho tôi muốn chết ngốt. Khốn nỗi bấy giờ tôi đâu đã có một đôi guốc gỗ để kéo lượt thượt. Quýnh, người cháu tôi và tôi phải vào trong một xóm ở bên đường xin những tàu chuối để kết làm những đôi "dép" tạm mà đi cho đỡ bỏng chân bởi vì có những quãng đường chỉ là những quãng đường cát. Cái mũ trắng của tôi cũng không đủ che cái nắng đúng ngọ: chúng tôi phải trèo lên những cây "sầu đâu" ở bên đường để bẻ những cành lá tạm làm những cái ô che nắng. Nhưng mà đi bộ được năm cây số, thì những đôi dép

chuối ở dưới chân chúng tôi phải mòn và rách hết. Chúng tôi bất đắc dĩ lại phải xuống lánh nắng ở dưới một cái cống. Bấy giờ chúng tôi mới đưa những vắt xôi ra ăn với nhau. Những kẻ được ăn bằng mâm vàng đũa ngọc, cũng không thể có cái sung sướng của chúng tôi. Từ đấy đến nay đã hơn 15 năm rồi, chưa bao giờ tôi lại tìm thấy cái vị thấm thía và não nùng của những nắm xôi ấy!

Tôi sực nhớ đến mẹ tôi, hai khóe mắt bỗng rưng rưng. Quýnh dỗ tôi bằng sự nói xấu thầy tôi:

– Ông ấy, cứ ngày xưa mà khổ như chúng mình thế này xem có đỗ được cái cử nhân không?

Tôi lau nước mắt nói thêm:

– Đừng nói cái cử nhân, hãy nói cái tú tài xem có giật được không nào?

Rồi hai chúng tôi cười với nhau một cách đắc ý. Sự hăng hái lại đột khởi ở trong lòng: chúng tôi lại trở nên đường không sợ gì những cơn gió cát nữa. Và từ đó mỗi khi nghĩ đến nông nỗi ấy chúng tôi nhất là tôi, lại càng chúi đầu mà học tưởng như thế là có thể trả thù thầy tôi được. Quả vậy, cái công học của tôi không uổng: tôi đã đỗ thủ khoa vào kỳ thi Ri-me ở tỉnh. Ấy là tôi chưa kịp nói rằng kỳ ấy có những ba trường Pháp Việt cùng thi và số thí sinh đến non bốn trăm người. Một người khác ở địa vị thầy tôi thì chỉ thiếu một nước là đưa cậu "quý tử" đi từng nhà quen mà khoe ầm lên. Và cái sự khoe khoang ấy chính đáng biết bao! Nhưng đằng này thầy tôi chỉ đáp bằng những câu nói cụt ngủn và lạnh lùng, đáp lại những người đến hỏi mừng.

Duy có dì Sâm tôi, nghe tin tôi đỗ đã đi hết hai ngày đò ra thăm cho kỳ được.

Vừa đến ngõ, dì tôi thấy tôi đã chạy lại ôm sập lấy tôi và khóc như mưa gió. Vừa khóc vừa kể:

– Em (chị mẹ tôi) ôi là em! Em đi đâu nay không về mà xem con em rạng rỡ mặt mày...

Tôi cũng cảm xúc lắm và tâm hồn gần như mê loạn không biết dì tôi còn kể những gì nữa.

Dì tôi thấy vẻ lạnh lùng của thầy tôi đối với sự thi đỗ của tôi, thì dì tôi cũng hơi giận cho rằng thầy tôi không yêu tôi. Tôi cũng nghĩ như thế. Mãi về sau, tôi mới hiểu được thầy tôi là khi thầy tôi buông tay gọi các con lại bên giường và dặn một lần cuối:

– Thầy làm quan, các con cũng biết đấy mà nhà vẫn nghèo. Tất cả hương hỏa ông bà truyền lại chỉ có một chữ...

Thầy tôi bấy giờ không nói hết, nhưng chữ ấy là chữ "nhẫn".

Đã đành rằng trên thế giới có những núi sông đẹp hơn những núi sông ở quê hương tôi, có những dân tộc hùng mạnh hơn dân tộc tôi. Nhưng không bao giờ, người ta sinh ra đời lại có quyền chọn một quê hương, chọn một huyết thống theo ý muốn của mình... Vì thế tôi đã là một người Việt Nam.

Dãy núi Giăng Màn chạy sát suốt bể Trung Quốc. Cái giống người xen lẫn với nhau trên một ít đất ruộng, phải dồn ép một bên bởi những núi đồi và một bên bởi những đụn cát. Những đụn cát xua đuổi bởi những cơn sóng bể và những cơn gió mùa, mỗi ngày lấn vào đất một tí, và như xô đùn bởi một sức mạnh vô hồi của cát sóng. Những cây phi lao không ngăn cản nổi những trận "gió cát"... Những cây ấy đẹp quá để mà hữu ích về một "tích sự" gì: quanh năm, chúng reo hát những bài ca nỉ non hay thánh thót...

Trước sự tấn công mãnh liệt của gió cát, họ phải lùi, và vừa lùi, vừa kiếm một đường thoát, một đường thoát vĩnh viễn. Họ đã rời khỏi những hạ bản và đến chỗ cao nguyên... Họ đã chiến thắng những quả núi hoang... Những cái "rẫy" mới vỡ đất còn đỏ ối... Cái màu đỏ "chất phác" và mới mẻ ấy như muốn kiêu hãnh lại với cái màu trắng của đụn cát, cái màu trắng nõn nường và thuần nhã...

Giữa cái "khoảnh sống còn" một ngày thu bớt đi bởi sự xâm lấn của những đụn cát, và một ngày một mở rộng ra bởi sự bành trướng bằng những "rẫy" mới, nhưng sự bành trướng không bù nổi sự xâm lấn; cho nên một cảnh tượng nghèo nàn, khốn khổ đã bày ra trên cái đám người chen chúc trên một ít bình địa eo hẹp ấy... Người dân ở đấy, quanh năm ít khi có đủ gạo bắp mà ăn ngày hai bữa... Một phần lớn, người dân phải ăn sắn mới trừ cơm, cái thứ

sắn mà người ta trồng ở những rẫy mới vỡ... Sự khốn khổ không phải chỉ có thế. Những đụn cát mênh mông, lại những dải núi cộc cằn, và cái sự sống về vật chất của người dân đã gây nên một cuộc đời tinh thần rất nghèo nàn... Đi hàng chục cây số, hàng trăm cây số, không tìm được một ngôi chùa. Thảng hoặc chỉ gặp được một cái thành cổ, gạch đã vụn nát, đất đã lún, cái thành của vua lỗi hay vùa lồi: dấu tích của một ông vua Hời ngày xưa. Người sống quanh năm không được một tiếng chuông chùa... Người chết, lúc buông tay, không nghe được một bài kinh cuối cùng để tiễn đưa vong linh về nơi Tây phương Cực lạc.

Những đêm dài ghê sợ chỉ nghe có tiếng hò hét của những ông thầy phù thủy, đuổi xua những con ma hời nhất định quanh quẩn ở đất nước này để cướp xin những "lá đa hớp cháo"!

Thảng hoặc những năm "hung độc", có sự dịch biến về thời tiết: nếu là mặt trời ăn mặt trăng thì họ reo mừng vui sướng, nhưng nếu là mặt trăng ăn mặt trời, thì coi như là có sự khốn nguy: từ người này gọi người khác, từ thôn này gọi thôn khác, từ làng này gọi làng kia: họ gọi dậy để cứu chữa mặt trời bằng không thì năm ấy mùa màng sẽ mất hết... Họ lấy dùi gõ vào nia, gõ vào sàng, gõ vào mẹt. Họ gõ vào mâm, họ gõ vào nồi, họ gõ vào thau... Họ gõ bất kỳ vào một cái gì... Lại tiếng trống ở đình. Tiếng mõ ở điếm. Tiếng thanh la ở giáp Đông và giáp Đoài. Người ta tưởng như giặc cướp đã đến ở đầu làng, ở trước xóm và ngoài ngõ...

Những người sinh vào ngày giờ như thế, có một tâm hồn "bất định" và luôn luôn sợ hãi. Nhưng họ không tin ở trời, phật. Họ chỉ tin ở những yêu tinh, quỷ quái, những con ma bờ và ma xó... Nhà thờ của họ: một gốc đa, một bờ giếng. Vị giáo chủ của họ những ông thầy phù thủy chuyên làm sai lạc Đạo đức kinh. Tôn giáo của họ: những tà đạo có thể có, và có thể tưởng tượng được!

Trong lúc ấy, một vài trường học mọc lẻ tẻ đó đây! Cái ánh sáng từ những ngôi sao hiếm hoi ấy phát ra, còn yếu ớt quá, còn rụt rè quá không đủ để đuổi xua cái màu đen tối nặng nề bao phủ các thôn xóm. Vả thực ra, người dân thuở bấy giờ cũng không mong đợi, cũng không cầu xin một thứ ánh sáng nào hết. Họ chỉ ước nguyện sao cho những trường học ấy đưa lại cho họ những vị tân khoa, để

họ được cái vinh dự đưa hèo, hoa, võng, lọng ra mà đón rước. Vì thế, ở nhiều làng, những ông nghè tân khoa chỉ là những cậu bé vừa giật được bằng tuyển sinh (cũng tương tự như cái bằng Yếu lược bây giờ) một cảnh tượng khốn đốn và buồn cười vô cùng. Mà khốn đốn là chỉ tại lúc bấy giờ nền học Nho đã vội vàng xách nón ra đi, mà cái nền học Tây chưa kịp đến. Tôi còn nhớ những câu hỏi ngớ ngẩn của người nhà quê lúc bấy giờ, những ông già đã có cái sự từng trải của cả một đời người, nay cũng tự nhiên trở nên bé nhỏ, khờ dại, ngớ ngẩn trước những cậu bé vừa ở những trường Tổng hay trường Huyện về, những cậu bé vừa hôm qua dạy còn gào thét như những con vẹt, "Voici le tableau noir" hay là cao hơn thế.

Một ông già, một hôm hỏi tôi:

– Thế thì cái bằng Ri-me cũng như ngày xưa cái bằng Tú tài cậu hỉ?

Tôi không hiểu gì cũng đáp:

– Kể thì cũng rưa rứa, nhưng về sự học, có phần hay ho hơn.

– Thế còn bằng Côlêle? Cũng như xưa kia, bằng Cử nhân chứ gì!

– Ấy cũng thế cả.

Thực ra, cả tôi, cả ông cụ nhà quê ấy, cả bao nhiêu người nữa lúc bấy giờ cũng không thể hiểu được cái bằng Ri-me hay là cái bằng Côlêle có giá trị đến bực nào. Nhưng là chắc có giá trị lắm! Vì xưa kia chỉ ở một làng tôi, ở một nhà tôi, mỗi khoa đã có bao nhiêu ông cử ông tú, mà nay từ khi học Tây, thật trong làng tôi, cả tổng tôi, cả huyện tôi cũng chưa ai đỗ được cái bằng Côlêle (Complémentaire) bao giờ cả. Làng tôi xưa nay có tiếng là làng văn vật, không hiểu sao cũng đâm ra "đốn" thế. Riêng tôi, tôi nghiệm thấy như thế này: hễ làng nào có tiếng là văn vật thì làng ấy lại chậm tiến trên con đường Tây học. Vì lẽ rằng những nhà khoa giáp cũ, những ông đồ Nho hay chữ, họ vẫn còn tin ở sự cao quý của chữ Nho, cho nên họ không muốn gửi con cháu họ tới ngay những trường Tây học. Nhưng người làng tôi thì họ không tin như thế.

Trong làng tôi, có một ông đồ Nho hay chữ đã từng đỗ cử nhân và ra làm quan. Nhưng việc đời rắc rối lôi thôi. "Quan lớn Lê" – người làng tôi vẫn gọi một cách cung kính như thế – phải treo ấn từ quan về làng dạy học. Học trò của ngài, phần nhiều là những

người đỗ đạt lớn sau này ở trong vùng tôi, "ngài" là một nhà Nho chính tông, tính tình rất nghiêm khắc. Cái nghĩa khí của ngài hàng huyện đều biết và sợ. Người ta còn truyền tụng nhiều chuyện rất lạ về cái tính nghiêm khắc của ngài. Lúc bình thường, ngài ngồi một mình bao giờ cũng quay mặt về phía trong. Cái khăn đội trên đầu ngài, nếu một khi vô ý rơi xuống đất thì ngài sẽ vất đi mà không dùng nữa. Ngài thường cắt nghĩa cái cử chỉ của mình:

– Cái khăn này là để thờ trời, thờ vua, thờ ông bà tổ tiên. Một khi nó đã rơi lấm mà còn đội lên nữa, chả hóa ra mang tội bất kính với các đấng trên đầu trên cổ.

Tôi đã nói: cái văn bằng "Tiểu học" mà người dân quê vẫn gọi một cách buồn cười là bằng "Ri-me", đối với làng tôi là một làng "văn vật" thì thật chẳng có nghĩa lý gì, nhưng đối với những làng khác, thì cái bằng ấy quả có một giá trị to tát. Chẳng hạn như ở làng Khương Hà là làng của Mượn, người ta xôn xao và rộn rịp về cái tin Mượn đỗ bằng "Ri-me" như là một vinh dự xưa nay chưa từng có: thần làng đã bắt đầu "linh ứng", và đất làng đã sắp phát... Người ta đã tổ chức một cuộc đón rước hết sức linh đình đối với vị tân khoa. Những người dân "kèo hoa võng lọng" không phải chỉ chực đón ở địa đầu làng như ngày xưa đón rước một ông Tú... Muốn cho cuộc đón rước trọng thể hơn nữa, họ phải mang cơm nắm đi đón chực vị tân khoa ở địa đầu Tổng mình... Vì thế, cái cuộc đón rước ấy, phải đi qua những mấy làng...

Ấy cũng là một cách cho làng trên xã dưới đừng cho có ai chê miệt làng ta là làng "mít nài, dây sắn"[1] nữa.

Từ ông Phó, cụ Trùm, xuống đến cậu Xeo, anh Mô của làng Khương Hà đều trầm trồ với nhau như thế. Mà ai cũng có quyền hỉ hả về cái đỗ đạt của Mượn... Khắp hàng Tổng, người ta đều nói đến... Những ông bá, ông điển, có con gái "trộng" đã nhờ mối mai tin đi tin về với nhà dượng tôi là ông đề Viễn... Cái mũi của dượng

1. Mít nài là một thứ mít hoang, "mít nài dây sắn" có nghĩa là dốt nát vô học.

tôi "hỉnh" lên gần bằng cái mũi sư tử. Còn dì tôi được thể, lại kén già...

– Cô này thì phải cái dáng đi vất vả... Còn cô kia được cái miệng rộng, nhưng phải cái lỗ mũi trống. Của vào lỗ hà, ra lỗ hổng cả... Trong lúc ấy thì Mượn vẫn hiền lành, nhún nhường, vô tội... Nghe thầy mẹ nói thế nào, Mượn cũng chỉ biết "dạ". Đến nỗi, đã làm cho một "mụ mối" phải kêu lên: "Cậu cả lành như một cục đất". Thật ra, cục đất còn có chỗ kiêu hãnh hơn. Mượn vẫn biên thư cho tôi luôn, giọng thư vẫn một vẻ bình tĩnh không thay đổi: không vui mà cũng không buồn. Mượn tường thuật lại cho tôi, như những bài luận trường, về những việc xảy đến: này cuộc đón rước, này sự thăm hỏi của bà con, này việc "khao" hàng xã, này việc mối mai... Trong bức thư cuối cùng, Mượn cho tôi hay rằng: dì, dượng tôi đã nhất định hỏi con gái ông điển Tiệp ở làng Thanh Lăng, và ngày cưới đã định là 20 tháng một...

Lúc đầu tôi tưởng không vào được, nhưng sau dì tôi cho người ra năn nỉ bảo tôi vào dự lễ cưới cho được...Tôi không thể từ chối.

Làm sao tôi quên được đám cưới của Mượn; đám cưới đầu tiên của đời tôi. Tôi nhận thấy, ở trong đám cưới ấy, tất cả cái đặc biệt, cái hay ho, và cái ngây ngô về phong tục ở cái vùng quê tôi.

Cái điều đáng ngạc nhiên hơn hết chính là chú rể. Một chú rể tuy đã 16 tuổi, mà vẫn loắt choắt. Bao giờ, trên mặt chú rể, cũng có một vẻ ngơ ngác như lạc loài tới một chốn lạ và không hiểu đâu vào đâu. Sự học Tây ở anh, đã làm cho anh cách biệt với những người xung quanh: từ cách ăn nói cho đến lối chào mời, anh không thể nào thành thạo như những đứa trẻ khác cùng tuổi và từ nhỏ không rời khỏi làng xóm... Cái khăn lượt với cái áo thụng xanh làm cho chú rể trở nên trịnh trọng một cách đáng thương. Và hãy tưởng tượng, anh phải đóng cái y phục ấy suốt ngày lẫn đêm! Vì rằng làng vợ cách một con sông dài, cho nên ngày 20 là ngày chính thức mà đám cưới đã phải xuống đò ngay tối hôm 19. Cả thảy là 6 chiếc đò dự vào đám cưới. Cứ hai chiếc thì kết lại làm một. Chiếc đẹp nhất, có kết hoa, dành cho cô dâu và những người đàn bà bên nhà gái.

Sáng hôm sau, sau khi chúng tôi đã ăn mặc chỉnh tề và đám cưới sửa soạn lên bến, thì bỗng có tiếng pháo nổ trên bờ...

Tôi hỏi thầy tôi:

– Pháo đâu mà nổ sớm thế thầy?

Thầy tôi chưa kịp đáp, thì một ông lão đã đáp thay:

– Đấy, cheo đấy!

Một ông lão khác:

– "Cheo bến" đấy...

Một ông lão khác:

– Chưa mở mắt, đã cheo rồi!

Nhiều người trong thuyền cũng cười rộ... Duy trên vẻ mặt Mượn có chiều cảm động, nhưng đám cưới cũng cứ lên bờ... Hai anh trai cầm hai đèn đi trước, đến một người "cồng" một cái "ché" bành. Rồi đến một ông cụ già đầu râu bạc phơ bưng một cái hộp, hộp phủ một tấm vải điều.

Tôi chưa kịp hỏi, dì Sâm đã cắt nghĩa cho tôi:

– Cháu nà! Dì dượng nhất định nhờ cố Viên bưng hộp, vì cố là một người đã "thợ", lại trong sạch, con cháu của cố đầy đoàn đầy lũ.

Tôi hiểu rồi: mượn cố Viên bưng hộp, là người ta cũng nguyện sao cho cái tình của trai gái được già đời như ông lão kia, và đông con đông cái như gia đình lão...

Nhưng trong cơn im lặng, một dây pháo nữa lại nổ! Đám cưới bắt buộc phải ngừng lại. Tôi ngẩng trông ra. Hai cái "án thư" đã đặt ở hai bên đường...

Tiếng pháo vừa dứt, một chàng trai ăn mặc theo lối "lễ sinh" ở trong một đám cúng, cất cái giọng rất giòn, rất xinh để đọc mấy câu thơ Nôm mà một ông đồ trong làng đã làm ra, mấy câu thơ ấy chỉ để chúc mừng cặp trai gái được "bách niên giai lão". Đến nay tôi còn nhớ bên tai, cái giọng bình thơ ngân nga ấy, đầy hoa tươi, đầy trăng sáng:

Gái làng gặp được rể sang...
Ông Tơ bà Nguyệt biết đường se duyên,
Mong cho đôi lứa hai bên,
Trăng sao sáng tỏ, ngày đêm thuận hòa.

Chúng tôi chỉ bỏ ra mấy quan tiền kẽm thì họ lấy kéo cắt cái dây hồng ấy, và lại để cho chúng tôi đi.

Đi được một quãng nữa, lại có một cái dây khác giăng qua đường, nhưng lần này không phải là một cái dây hồng mà lại là một dây mũi bò, vì đám cheo này chỉ là một đám cheo không pháo, cũng không án thư, đám cheo của những trẻ chăn trâu. Cũng lại cho chúng một ít tiền, đám cưới mới lại đi được. Chúng, một bọn hơn ba chục đứa sau khi đã nhận tiền, cùng cất đều giọng hát một bài cheo cũ để mừng chúng tôi.

Nhưng mà như thế đã hết nợ đâu. Từ biệt bọn chăn trâu, đám cưới khi vào đến đầu làng đã thấy cờ quạt, kèo hoa rực rỡ, với lại những ông già lụng thụng trong những bộ áo rộng xanh.

Một tràng pháo chào mừng của những ông già. Lại một tràng pháo "đáp lễ" của đám cưới: Người ta đòi sự trình diện của ông... Rể làng. Người ta nói vài câu về lệ làng cho chú rể biết, nghĩa là, nói xa chẳng qua nói gần, nghĩa là... người ta muốn đòi một món tiền cheo, và đây là một cái cheo lớn vì là cheo làng... Đám cưới chỉ phải trả vài đồng bạc là thoát. Nhưng mà nào đã thoát cho. Tôi nhớ như sau cái đám cheo làng ấy là cheo... họ và sau cheo họ là cheo đình, và sau cheo đình là cheo chợ, và sau cheo chợ là cheo xóm, và tất cả đám cưới của anh Mượn tôi đã phải trả món nợ hơn 20 quan tiền kẽm. Thuở bấy giờ, chừng ấy là một món tiền. Theo thời giá đó là giá tiền một con heo lớn. Nhưng thực ra một người "vợ... cách làng" còn tốn kém hơn một con lợn nhiều. Là vì ta chưa tính vào đấy cái kho báu ở trong hộp. Tôi còn nhớ cái lễ thứ nhất, khi hai họ vừa an tọa, là cái lễ mở hộp, đựng những đồ tế nhuyễn, mà còn bí mật đối với những người lúc bấy giờ. Nếu là trong một đám cưới người cùng làng, thì cái hộp ấy, sẽ đưa thẳng đến người con gái, và chính tay nàng sẽ mở ra, mở lúc nào cũng được, trong hộp có những gì, chỉ một mình nàng biết cũng đủ, có quyền không nói với cha mẹ mình. Nhưng ở đây, là một sự gả bán cách làng. Làng có quyền biết người ta mua cái người con gái của làng, bằng cái giá nào... Một ông cụ già về họ con gái đứng dậy, bằng một cái giọng trịnh trọng:

– Trình hai họ, tôi xin phép hai họ cho tôi mở hộp.

Bao nhiêu mắt đều đổ dồn cả vào những vật lấp lánh, lẻng kẻng ở trên một vuông vải điều; mọi người hồi hộp đợi sự xướng tên những vật.

– Thưa hai họ, này một đôi bông vàng (hoa tai), một cái khâu (mà tại sao lại không là hai?) vàng, một đôi xuyến, một chiếc vòng bạc... Một cái áo cổ y, một cái xuyến, một cái quần lãnh, một cái khăn nhiễu tam giang, và thưa hai họ, một cái dây lưng... thao...

Một tiếng hỏi lại:

– Hết?

– Thưa hai họ hết.

– Không còn gì nữa.

– Thưa hai họ, còn.

Cái ông già tuyên đọc ấy, liếc mắt nhìn cái mảnh giấy hoa tiên ở trên những quan tiền kẽm và nói:

– Và thưa hai họ, còn nữa... Còn bốn cọc bạc nữa, mỗi cọc một chục, và về tiền cả thảy 50 quan.

Tôi thoáng nhận thấy trên mặt của những người họ nhà gái, thoáng qua một vẻ thất vọng. Không phải thất vọng vì món tiền nhỏ quá mà là tại món tiền to quá và làm cho họ không thể sát hạch vào đâu được. Một sự quên sót cỏn con về phía nhà trai cũng sẽ bị họ đưa ra, và làm to chuyện.

Một ông bô lão, sau khi đã hơi quá chén, quên giữ gìn:

– Theo lệ làng tôi, lẽ ra đám cưới trước khi vào nhà, phải vào yết đình đã.

Một ông nhà giai đáp lại:

– Nhưng mà thưa cụ, đã có lễ cheo đình rồi.

– Nhưng cheo là cheo mà...

– Thưa cụ đằng nào cũng thế.

– Không hai đằng khác nhau lắm. Cheo là cheo của dân xã, chứ không phải là cheo của Thần. Xin cụ đừng quá vội... mà có điều phạm với các ngài trên đầu trên cổ.

– Làng chúng tôi không bao giờ có cái tục như thế... mà khắp cả hàng tổng dễ thường không đâu có. Cheo thì khỏi yết. Thưa cụ, chỉ xin làm rể làng chứ có phải là đỗ đại khoa đâu mà phải... yết thần.

Một ông "bô" ở bên nhà gái, có vẻ là tay "ăn nói", bẻ ngay lời biện bạch của ông cụ bên phe nhà trai:

– Cụ nói chí lý lắm! Nhưng làng tôi đã có tục như thế, muốn làm rể làng có thể nào mà không tuân lệ làng được không?... Thưa cụ, không phải có ngần ấy, chú rể ngày mai ngày kia còn phải đến trình cụ Tiên chỉ, cụ Chánh, cụ Lý... và cả với anh Mõ, anh Xeo cũng phải để chúng nó biết mặt chú rể mới. Thưa các cụ, tục làng chúng tôi như thế... không muốn tuân theo thì cứ việc trả vợ lại cho làng.

Một cái cười dài để tán thưởng cái ông cụ già sách hoạch, hùng biện, lời lẽ như sắt đanh. Nhưng cái lý luận ấy làm cho họ nhà trai hơi bị mích chạm, rồi từ đấy, những lời đi, tiếng lại giữa hai bên, có khi đã có sự cọ xát nhau, nhưng rồi cũng dàn xếp được ngay. Người ta vẫn không quên rằng một đám hội họp như thế giữa thôn quê là một dịp để hạch sách lẫn nhau.

Một ông cụ già về phe nhà trai nãy giờ im lặng, cất cao giọng nói:

– Trình hai họ, bây giờ thì hộp đã mở xong rồi, thì xin họ nhà gái cho chúng tôi biết cái cô dâu mới của chúng tôi ra làm sao chứ?

Và lấy giọng bông đùa:

– Xem có đui què mẻ sứt gì không nào?

Cái câu nói bông đùa ấy vẫn làm cho nhiều người không thích. Một người trai trẻ ở bên nhà gái đáp lại:

– Thưa cụ có sứt què mẻ đui thì bây giờ cụ cũng không thể nào biết được. Chỉ có chú rể là sẽ biết mà thôi, nhưng mà chắc chú không nói.

Cái câu nói chua chát và hơi xấc xược làm cho ông cụ già hơi nóng mặt, nhưng làm cho họ nhà gái thích khoái lắm, và cười ồ lên.

Thầy tôi cũng xen vào một câu:

– Thôi, trời cũng đã chiều, xin hai họ liệu sớm cho chúng tôi xuống đò. Vậy xin cho dẫn dâu ra.

Trong lúc ấy, thì hai người đàn bà có tuổi cầm hai tay một người con gái thẹn đỏ như một quả gấc, từ trong buồng bước ra chính giữa nhà, và nói:

– Thưa họ, dâu họ đó. Hồi nãy còn là người của bên chúng tôi, bây giờ đã là con cháu của họ. Họ tha được nhờ, họ bắt xin chịu.

Người dẫn dâu, trong câu nói khéo léo ấy, là cốt xin họ nhà trai chước cho cô dâu khỏi lạy họ, và người ấy đã thu phục được mọi người: người ta thảy vui lòng "chước" cho cô dâu. Nhưng không vì thế, họ nhà gái quên không hạch nữa. Vẫn người dẫn dâu nói:

– Thôi, cô dâu cám ơn họ đi. Nhưng nhân thể, trước mặt hai họ, bà con hai bên cho cô dâu chú rể những gì nào?

Tức thì từ trong đám người, có tiếng nói rụt rè:

– Tôi xin cho cô dâu 10 trự bạc.

Đó là nhời dì Nhung tôi.

– Còn tôi, gọi là... chỉ có thế...

Một tiếng hạch:

– Xin hô to cho họ biết.

– Ông chú cho cháu rể... 15 trự.

Bây giờ, một người đã đứng sẵn để tuyên đọc:

– Dượng cho cháu gái... một cây lụa... Thím cho cháu... một đôi hoa. Ông cho cháu một cái khế một mẫu ruộng. Cha mẹ nhà gái cho vợ chồng... 5 mẫu ruộng và 100 bạc mặt. Và cha mẹ nhà giai cho vợ chồng một cái nhà riêng, 10 mẫu ruộng, và 300 bạc mặt cho vợ chồng làm vốn riêng.

Những con số ấy hình như làm cho người ta bấy giờ đều hể hả. Người ta quay ra, ăn no, chén say... và câu chuyện cũng tan dần. Cho đến chiều thì tiếng người cũng đã ngớt... trong nhà chỉ còn thưa thớt một ít người, chốc nữa dự lễ đưa dâu.

Tôi không hiểu sao người ta đã khéo lựa cái giờ đưa dâu, vào cái giờ mặt trời chưa lặn hẳn và đêm cũng còn chưa tối hẳn, cái giờ mà hình như những vật, những hình bóng dị thường sắp xuất hiện.

Thế là người bạn mà tôi yêu mến như một người tình nhân đã lấy vợ rồi. Không biết có nên tuyên bố rằng: "Tôi đã mất chàng hay là chàng đã mất tôi". Vì rằng, sự lấy vợ ở trong đời một người là một việc tối quan hệ, là một việc đổi thay lớn. Người xấu sẽ tốt ra và người tốt sẽ xấu lại. Người cao thượng sẽ trở nên bần tiện, và người bần tiện – ôi hạnh phúc, sẽ trở nên cao thượng! Có thể như thế được không? Sao lại không có thể như thế được. Cưới vợ, nếu đó... là sự cưới tình yêu, tình yêu sẽ làm chủ người bạn của ngài. Tình yêu sẽ làm chủ tất cả. Nó sẽ xây một nhà vàng có bốn bức vách, có bốn bức cửa song, và giam bạn ngài ở trong đó. Ấy là cái lúc ngài nên xử ra một người biết tâm lý. Tốt nhất là ngài nên xa bạn, xa dần dần, xa mỗi ngày một tí, nhạt dần dần, nhạt mỗi ngày một tý, cho đến lúc nhạt hẳn, xa hẳn, mất hẳn. Ngài nên đề chừng là có lúc sẽ tới đó và không nên hận lòng bằng một chút tiếc thương. Nhất là ngài không nên lượn vượn quanh cái lồng son đã nhốt bạn. Vì:

Nào hay để lạnh lòng son thiếp
Tình mải vui cảnh đẹp trời xa...

Một là con chim kia, thấy cái hình ảnh của rừng xa, đồng rộng, mà phá lồng vỗ cánh bay theo, hai là ông sẽ bị nghi oan: người ta chẳng ngại gì mà không vu cho ông là có cái ý rủ rê. Từ đó, nếu người bạn của ông đâm ra thơ thẩn, đâm ra vơ vẩn, lại hay đi sớm về khuya, người ta sẽ đổ trăm tội lên đầu ông. Ông là người rủ rê, ông là người cám dỗ, ông là người..., trong văn chương của người đàn bà Việt Nam chẳng thiếu gì tiếng để tặng ông. Vậy trong việc xử sự hàng ngày, cũng như trong việc kinh bang tế thế: đề phòng trước vẫn là một điều hay. Tốt nhất là ông nên biết ý mà tránh xa. Và ông không nên khờ khạo trách tình yêu là ích kỷ, vì thưa ông, có tình yêu nào mà lại không ích kỷ? Ích kỷ là một điều kiện thứ nhất để sung sướng. Mạ sự kết liên, sự hòa hợp của hai linh hồn, hai thể chất là để tìm hạnh phúc. Có ai đi trách một gia đình mới mẻ kia lại đầy rẫy, lại chứa chan hạnh phúc? Vậy ông nên cố yên tâm, coi như là mình đã đánh mất đi một người bạn, và người ta khi đánh mất một cái gì, kẻ dại ngu mới xuýt xoa, mới hối tiếc, mới đâm ra ngơ ngẩn... Tôi có người bạn mỗi lần mất một cây bút máy, một cái đồng hồ, hay một vật vô giá trị đến đâu, cũng bỏ mất ba

ngày trời: ăn không biết mùi thịt, ngủ không thèm kê gối. Người ấy chỉ có thể là một người dại mà thôi. Nếu tôi là người kia thì tôi đã đau khổ và không chừng đâm ra "dại người" nữa, vì đời tôi đã biết bao nhiêu lần mất bạn. Mỗi khi có một cái thiếp mời, thì quen mồm, lại nói:

"Đây lại một ông bạn chết nữa. Biết phúng cái gì bây giờ?".

Mà trời ôi! Tôi đã nhận biết bao nhiêu thiếp mời, trong cái khoảnh khắc là gần nửa đời người. Người bạn cuối cùng đã gửi tới cho tôi cái thiếp mời, có cái nhã ý biên vào một góc thiếp "xin miễn cho đồ mừng". Người ấy thật quả là kẻ đã biết người biết của, hiểu người hiểu ta, mới thốt ra được một câu, làm nhẹ bỗng cả tâm hồn. Vì thật khó lựa được một vật xứng hợp, khi trời ôi! người ta chỉ thấy trong các dịp vui của bạn, cái buồn của mình. Tôi có nên kể ra đây một mẩu chuyện cỏn con... nhưng chắc nó sẽ chẳng làm hài lòng những vị tân lang và tân... giai nhân. Tôi có một người bạn nhỏ, một người bạn gái, thường ngày hiền lành như Bụt, nhưng hôm ấy, trong bữa tiệc cưới một người bạn, nàng đã uống nhiều rượu quá. Nàng đã say đến cái độ quên mình là một người con gái... Trước mặt mọi người, nàng ôm lấy người bạn sắp chết (theo nghĩa họ là lấy chồng) mà khóc nức nở, và quay lại trỏ... tân lang mà nói: "Anh là một người tàn nhẫn! anh đã cướp của chúng tôi một người bạn!". Vẫn biết rằng: rượu là kẻ chính phạm trong cái cử chỉ ấy. Nhưng cái tấn bi hài kịch ấy làm cho người ta ngẫm nghĩ hơn là buồn cười... Ai có trách người bạn nhỏ ấy, thì người bạn ấy sẽ nói: "Thưa ông, tôi say..." Nhưng ta há chẳng nghe cái chuyện một kẻ tục phàm, trong cơn say rượu lại làm nẩy được ở trên cung đàn những điệu màu nhiệm lạnh người. Vậy thì trong cái lời nói của cô bạn say, tôi cũng thấy ẩn chứa một sự thật. Nhưng một đám cưới có bao giờ cũng là một dịp buồn không?

Tôi không tin hẳn như thế: nếu đám cưới cuối cùng mà tôi dự xem, là một cuộc tiễn đưa qua bên kia thế giới, thì đám cưới thứ nhất, với tôi, là một sự vui mừng. Tôi tưởng cần phải cắt nghĩa về sự cách biệt ấy, và đó không phải là một điều khó giải. Theo sự nhận xét của tôi, thì ngày xưa, người ta lấy nhau nhưng mà không yêu nhau. Cho nên một người bạn cưới vợ, là một dịp cho mình vui sướng. Và người ta không hề có cái nạn mất bạn. Trái lại một khi

bạn đã có "nhà riêng", thì ta lại cho đó là một dịp rất tiện cho sự tới lui. Và sự tới lui có vẻ thân mật, hợp ngày trước. Được như thế là tại ngày xưa, cưới... chỉ là một bổn phận không phải đối với mình, mà là đối với tổ tiên. Người ta chỉ có cái sứ mệnh là tiếp tục dòng dõi. Người ta không ghen với hạnh phúc, vì thực ra hạnh phúc không có, hay là hạnh phúc không ở sự hòa hợp của hai tâm hồn mà ở sự... con cái. Nhưng bây giờ thì cuộc đời đã đổi thay, cũng đổi thay tất cả những quan niệm về nhân sinh. Vì những cặp vợ chồng đời nay họ yêu nhau, hay ít ra là họ tưởng như thế, cho nên ai đả động đến cái tình yêu, đến hạnh phúc ích kỷ của họ, kẻ ấy sẽ bị coi bằng một con mắt không nhân nhượng. Ta hãy trông những cặp vợ chồng "tân thời" kia dạo quanh hồ Hoàn Kiếm, hoặc mới cưới, hoặc cưới đã lâu, tay trên, tay dưới, họ đi cạnh nhau, khít nhau, giữ lấy nhau và tưởng như hạnh phúc, tình yêu có thể trốn thoát khỏi mình. Có lẽ ngay cái đêm thứ nhất trong đời công cộng của hai người, một cơn bão táp đã đến xáo lộn những làn chăn gối và biết bao sự bẩn thỉu xấu xa, mà họ phải che giấu vì điều quan trọng là họ phải làm ra mặt "yêu nhau", để tỏ cho những ông "bồ côi" "bồ cút" biết rằng: "Thèm thuồng đi! Ước mong đi! Chúng tôi là những người sung sướng! Một ngày kia, hãy như chúng tôi!".

Trong đời tôi, tôi đã mất nhiều người bạn. Một khi họ có vợ rồi, họ ra mặt làm sang với tôi. Nhưng cũng có người như Mượn, thì sự lấy vợ không thể làm cho bạn tôi thay đổi lòng dạ. Anh càng ngày càng thân với tôi thêm. Trong một bức thư anh viết cho tôi, sau lúc lấy vợ được vài tháng, có câu"

"Mượn không thể sống một ngày mà không tơ tưởng tới người bạn xa, ở sau rặng núi...". Giời ôi, sao mà "quý báu" thế! Cái thời mà tình bạn đặt trên hết mọi sự, cái thời mà người ta lội qua không biết bao nhiêu sông, trèo qua không biết bao nhiêu núi để tới thăm một người bạn mà không thể gặp, đành để lại một cái thiếp có mấy câu thơ! Nhưng rồi đến lượt tôi, tôi đã cưới vợ. Không biết những sự thay đổi nào đã đến trong tâm hồn tôi, và sự thay đổi ấy có quyết định được đời tôi không! Tôi chỉ nhớ rằng: tôi với Mượn tuy xuýt xoát tuổi nhau, mà tôi cưới vợ sau Mượn đến 7 năm. Không biết những quan niệm của chúng tôi có khác biệt nhau không! Đó là

những điều tôi cần nói lại đây, trong cái "tiểu thuyết" này của đời tôi: tôi chỉ có biết chép mà thôi, và sẽ không nói thêm một điều gì.

Tôi chỉ nhớ trước ngày cưới của tôi ba điều: Một, tôi đã vui sướng, hai, tôi đã chạy ngược chạy xuôi để mượn cái áo gấm; ba, tôi đã tập lạy.

Ba điều ấy, trừ điều thứ nhất, chả làm cho tôi vui sướng chút nào! Hai điều sau, nhất là điều thứ ba, là cả một vấn đề... Kể cứ thành thực và thật thà chép lại đây, không phải là không có chỗ lý thú.

Trước hết, tôi cần phải nói một điều này, là khi tôi cưới vợ thì thầy mẹ tôi đều đã mất cả rồi. Như vậy nghĩ là trong việc hôn nhân của tôi không thể nào có sự cưỡng ép được. Tôi đã tìm lấy vợ tôi, và tôi chỉ đề nghị với anh cả tôi là việc thành. Nhưng như thế, không phải là không có sự trở ngại gì ư? Nếu mọi sự đều ở trong tay tôi, ở trong quyền hạn tôi, thì tôi đã muốn rằng cái đám cưới ấy không bao giờ có. Và tôi đã muốn rằng cái đám cưới vợ tôi về thẳng nhà tôi mà không có điều kiện gì. Giời ôi! Giá ở đời việc gì cũng dễ dàng, trôi chảy như thế! Nhưng người đời, trái lại, không có một dịp nào, là không làm cho cuộc đời trở nên phiền toái. Thật ra bên nhà vợ tôi, họ không thách một điều gì trên sức tôi, nhất là họ không thách tiền bạc gì hơn hết. Họ chỉ thách rằng: dầu tôi là người nào (nghĩa là con Trời con Phật) đi nữa, thì hôm cưới tôi cũng phải có mặt, và mặc áo gấm phủ áo thụng xanh, và điều này mới rắc rối: Tôi cũng phải lạy 24 lạy như bất kỳ một chú rể nào ở trần gian. Mặc dầu anh tôi đã viện đủ lý lẽ: "chú em" là một người theo Tây học, nào "chú em" từ bé đều được chước lạy, và "chú em" là một nhà báo. Vâng, toàn là những cớ hay ho cả, nhưng không thể nào làm xiêu lòng ông nhạc tôi được. Một là tôi phải lạy đủ 24 lạy, hai là tôi mất vợ. Cố nhiên là tôi chẳng bao giờ để mất vợ. Nhưng cái vấn đề này thật là đã làm cho tôi tự trong thâm tâm, phải nhục nhằn, phải đau đớn... Tôi không có ý gì nghịch lại "cổ truyền" nhưng thú thật rằng: bấy giờ tôi thấy trong cái sự "lên vai xuống gối" có cả một sự quỵ lụy, một sự hàng phục, một sự đê hạ mà tâm hồn tôi không đời nào chịu được, dầu người tôi lạy là một đấng thiêng liêng nào, dầu cái cớ khiến tôi lạy là một cớ đáng tôn thờ đến bực nào!

Nhưng tôi đã trót hàng phục trước cổ truyền rồi, tôi không muốn tìm những lẽ chính đáng thể hiện hộ cho mình. Cái điều quan trọng đối với tôi bây giờ là phải lạy, và lạy thế nào cho đúng phép. Vì lạy không phải là một hình thức cần phải tuân hành cho hợp đúng, mà lạy còn là một nghệ thuật nữa. Xưa nay, từ bé đến lớn, tôi là một "đứa cứng", cứng với các "ngài trên đầu trên cổ" như lời thầy tôi thường nói. Mỗi lần có một lễ ky, lễ chạp nào, thì tôi tìm cách trốn lạy. Hay là có lạy nữa đối với tôi chỉ là một trò chơi mà thôi, lạy đối với tôi chưa bao giờ là một hình thức thiêng liêng. Độc giả cho phép tôi kể lại đây vài câu chuyện "bất kính" để tỏ rằng: từ nhỏ đối với sự lạy, tôi vốn không tỏ một lòng tôn kính.

Ngày còn nhỏ, tôi có người anh nhưng thực ra đối với tôi chỉ là hai người bạn; chúng tôi xem nhau như là những người cùng lứa cả. Đùa, đùa, chúng tôi có một việc đùa. Mà việc ấy hình như không có một giới hạn nào! Hai anh tôi: một tên là Song. Một tên là Lạc. Nhưng chúng tôi chỉ gọi nhau bằng tên tục mà chúng tôi đã đặt cho nhau. Lạc thì hiền lành, thật thà, vô tội, không hề giết một con muỗi. Còn Song thì "cú trán". Cái danh từ ấy ở miền tôi mới tả hết được cái tính của Song, danh từ nghĩa gần như là: ác, dữ, độc, hay làm hại người khác. Song chỉ chuyên làm cho tôi và nhất là Lạc bị phạt, có khi bị đòn nữa. Mà tôi nhớ rằng: trong những ngày ky, ngày chạp, Song mới tìm đủ cách làm cho chúng tôi bị rầy la, và bị thầy tôi đánh. Chính cái lúc nghiêm trang nhất trong cuộc lễ, cái lúc khăn đen áo dài, chỉnh tề đứng lại trước bàn thờ, thì Song chạy vào phía trong bàn thờ, nhìn thẳng vào mặt hai chúng tôi, và với những cái ngón tay "dẻo đeo" của anh, anh làm đủ trò, trò người và kể cả trò khỉ khiến cho một khi chúng tôi đã trót nhìn vào đấy, thì không thể nào nín cười được. Hoặc khi chúng tôi vừa sụp nằm xuống, chính là lúc Song liệng qua, và rất lanh lẹ rất tài tình, Song đưa một ngón tay gãi vào dưới lòng chân của chúng tôi. Trời ôi! Ai mà có thể cầm giữ được! Những lúc như thế, chúng tôi đâm ra cười giữa sự nghiêm trang của lễ ky, chúng tôi cười như điên. Tiếng cười ấy làm cho mọi người, họ hàng làng nước, nhìn chúng tôi một cách ngạc nhiên, và thầy tôi rất xấu hổ vì cái sự mất dạy của chúng tôi. Thầy tôi là một ông nhà Nho của Khổng Mạnh cho nên đối với sự "suồng sã" đó, ông rất bất bình. Ông thường nói: "Cái đồ bất kính với ông

bà ấy, thì làm nên trò trống gì!" Quả vậy, lời nói ấy sao mà đúng thế! Tôi thì viết láo, viết lếu (Giời ôi! cái nghề!). Anh Lạc tôi thì làm nghề thầu khoán, mà anh Song tôi cũng chỉ làm đến thầu khoán mà thôi! Có lẽ không phải tại mả nhà chúng tôi không "phát", mà tại ông bà tổ tiên chúng tôi muốn nghiêm phạt sự bất kính của chúng tôi đối với các ngài. Những chuyện lặt vặt ấy chép lại đây chỉ để tỏ rằng: cái lạy đối với tôi chả bao giờ có thể là một điều nghiêm trang, thiêng liêng cả. Và từ khi tôi đã có dịp rời khỏi quê nhà, và mỗi khi có trở về đi nữa thì tôi cũng hết sức tìm cách để tránh lạy. Thực ra, những người khác, cũng sẵn lòng "chước" cho tôi cái lễ nghi phiền phức ấy.

– Thôi, chú nó mặc Tây, miễn cho chú!

– Thôi để chú vái ba cái cũng được.

Cũng nhờ thế, đã lâu lắm, lạy đối với tôi chỉ còn là "chắp tay vái ba cái" mà thôi. Xin ghi nhận một điều này là: tôi đã thực hành cái sự cải cách này trước cái vụ đức Bảo Đại khi ngài lâm chính. Vậy thì, một người đã cải cách cái hình thức ấy, đến nay lại trở lại với nó thì nghĩ có khổ tâm không? Nếu không, thì...

Tôi đã nghĩ kỹ, tôi đã cân nhắc. Những đêm dài tôi chỉ thao thức về cái việc "lạy" ấy. Cuối cùng tôi đã quyết định: tôi sẽ lạy, và tôi có thể nào làm khác được ư? Tôi bèn nhờ người đi mượn một cái áo thụng xanh. Hai tuần, trước ngày cưới, và trước mặt các anh tôi, các chị tôi, và suốt ngày tôi phải "tập luyện" cái món thể thao cổ truyền ấy. Luôn luôn tôi hỏi các chị tôi:

– Thế này đã được chưa?

– Còn thế nào ấy!

– Thế nào nữa mới được. Trời ôi!

Thú thật, tập dượt đến đâu, không bao giờ tôi có thể làm vừa lòng được những ngài "ngự sử" của tôi. Một là tại những lời đàn hạch của họ quá nghiêm khắc. Hai là tôi chỉ là một người rất vụng về, xưa nay không làm một điều gì được gọn gàng chu đáo cả. Hai điều ấy, cũng có chỗ đúng cả. Làm cho tươm tất 24 cái lễ, tôi biết không phải là một việc dễ dàng gì!

Cho nên tôi cứ tưởng chừng như ngày hôm ấy sẽ có hàng trăm con mắt đổ dồn vào chú rể đã vụng về, lại còn vụng về hơn nữa, và tôi sẽ nghe có tiếng xì xào xung quanh tôi, có thể làm cho tôi ngượng và để rơi cả cái khăn đội ở trên đầu.

– Này xem chú rể.

– Chú rể có vẻ ngượng nghịu làm sao chúng mày hỉ?

– Này, không khéo vướng phải đũng quần mà ngã bây giờ.

– Gớm, chỉ mới mấy lại mà đã đổ bồ hôi bồ kê ra cả. Trông thảm quá.

Một vài tiếng sẽ bênh vực tôi:

– Người ta ăn học Tây. Từ bé có lẽ người ta...

Một tiếng khác sẽ cãi lại:

– Người ta là ông trời con đi nữa, người ta cũng phải biết lạy...

– Trừ phi là người ta không muốn lấy vợ.

– Muốn được vợ thì phải chịu chứ!

Tôi tưởng chừng nghe những tiếng xì xào như thế, và khi nghĩ đến cái dư luận nghiêm khắc sau này mà tôi đâm lo. Tôi biết những người ở phe nhà giai sẽ hết sức bao dung cho tôi. Nhưng còn những ông cụ râu dài ở bên nhà gái, chắc đối với tôi, lời đàn hạch của các ngài sẽ nghiêm khắc biết chừng nào.

Cũng may mà...

Về cái áo thụng xanh, người ta không phải khó khăn gì mới kiếm ra được... Mà tất cả việc gì cũng thế, không có một sự trở ngại nào đáng kể... Bên nhà vợ, tuy rằng chưa biết gia thế tôi, cũng không muốn làm khó dễ với tôi... Nếu có sự trở ngại là trong lòng tôi vậy: tôi tưởng như mình là hạng người không thể nhất đán mà trở nên một ông rể như trăm nghìn ông rể khác, một ông rể ngoan ngoãn, thực hành đúng những lời trong cuốn sách của Cổ truyền. Mà trước hết, sao mình lại phải là một chú rể... Xưa kia tôi thường ao ước, thường mơ mộng, thường tha thiết một điều là: ở mãi như thế, trọn đời như một chàng tráng sĩ ở Liêu Đông, một mình một ngựa rông bốn phương. Nơi nào có hoa nở, có trăng lên, có rượu uống, có gái đẹp, có đàn hay thì sẽ có mình ở đó! Đời sẽ thích thảng biết chừng

nào! Ung dung biết chừng nào... Nhưng ai có qua những phút tự do, một thứ tự do không giới hạn, sẽ thấy tự do không còn quý hóa một chút nào! Ai đã ở giữa ngàn thâu và bể rộng một cách ngao ngán đến kinh sợ. Ta muốn trốn trước cái quãng dài rộng trước mắt ta bao trùm lấy ta. Những lúc ấy, ai lại không muốn rẽ núp vào một chỗ để cái nhân giới giang hồ của mình phải chắn ngang bởi những bức vách. Hơn thế nữa, tôi muốn rằng: con ngựa của tôi cột vào một bụi tre đầu xóm, tháng ngày ăn rào rạo những bụi cỏ hiền lành, vô tội, những bụi cỏ không ham say, không tha thiết. Tôi cũng cầu cho tôi một điều tương tự như thế: người ta sẽ buộc đôi chân tôi, với một dây chỉ hồng... Dây mỏng manh, nhưng sẽ không bao giờ đứt, vì chân tôi không hề cựa quậy nữa. Ai lang bạt như tôi, một chiều kia sẽ có nao nức ở trong lòng một mối cảm vô cùng tha thiết: chẳng hạn, người ta thấy quãng đường mênh mông ở trước mắt chỉ có thể làm ngao ngán mà thôi, và người ta muốn triền miên trong những hạnh phúc của một gia đình, hạnh phúc có lẽ ích kỷ, nhưng mà hạnh phúc rõ ràng, chắc chắn... Trời ôi! Những ngày tháng đuổi theo những bóng đẹp, những mộng bất thành, ngày tháng ấy tôi đã phí hoang đi, mà nào có ngắt hái được cái gì.

... Mưa chi, mưa mãi.
Buồn hết nửa đời xuân.
Mộng vàng không kịp hái?

Thực ra sao lại không? Có lẽ tôi không hái được một quả nào, một quả thực nào, nhưng mà bây giờ, tôi thấy lại ở trên đầu lưỡi, một cái mùi vị chua chát... Chỉ có cái mùi vị ấy là thực... Vậy thì khi có cái ý muốn nghiêng cái thân thể mình trên một thứ hạnh phúc dễ dàng, lịm mình trên cái êm dịu của gối bông, tự xây dựng một gia đình nghĩa là một cái ổ trong những ngày phong sương, thì đó chỉ là một điều dĩ nhiên mà thôi...! Mấy ai đã thấy cái thú được nằm yên để trôi theo cái dòng "dĩ nhiên" mà không hề cưỡng lại một ý nào!

Vậy thì tôi đã quyết lấy vợ... Dầu là mua bằng cái giá rất đắt, tôi cũng chẳng từ. Huống hồ, ở đây không có sự thách hỏi nào đáng sợ cả! Người ta chỉ muốn rằng tôi là một chú rể, phải có hình thức một chú rể mà thôi. Điều kiện trước tiên là tôi phải khoác vào mình cái áo rộng xanh và như cổ tập đã muốn, tôi phải lạy đúng 24 lạy...

Điều ấy, tôi đã làm. Mà làm thế nào, tường thuật lại đây cũng là một điều thú vị. Nguyên quê vợ tôi cách xa quê tôi đến mấy tỉnh. Tôi muốn rằng đám cưới tôi là một đám cưới "tân thời", một đám cưới toàn ô tô... mà điều này mới ngoắt ngoéo: nếu thuê xe ô tô từ quê tôi mà đi, thì thật là một sự tốn kém lớn mà cái "ngân sách đám cưới" của tôi không kham nổi. Tôi phải đi tàu vào một thành phố gần quê vợ tôi, rồi từ đấy chúng tôi mới thuê ô tô. Muốn cho người ta có cảm tưởng rằng đây là một đám cưới bằng ô tô, thì ít nhất chúng tôi phải thuê đến năm chiếc. Nhưng do một sự trù tính sai lầm của mấy anh tôi, cái đám cưới từ quê ra đi, chỉ không hơn 10 người mà khốn nỗi không có một người đàn bà nào... Sở dĩ như thế, là tại nhà tôi nhiều đàn bà quá, cho người này đi thì sợ rằng mích lòng người kia. Mà những người đàn bà ấy là những chị dâu tôi, nghĩ là vào một hàng lứa với nhau cả. Nhưng khi vào đến đấy, chúng tôi mới sực nhớ ra rằng: không có đàn bà thì đám cưới sẽ bất thành, và sẽ là một điều "khó coi" hết sức... Nhất là khi chúng tôi sực nhớ ra rằng, bên nhà gái có ngỏ ý cho biết là hôm ấy, nhà gái sẽ làm hai mâm cỗ rõ ràng: một bên là đàn ông còn một bên là đàn bà. Bên đàn ông, được rồi: chúng tôi đã có thừa lắm! Nhưng còn bên đàn bà, thì biết tính sao đây? Sẽ lấy "đàn bà" đâu, cho bên nhà gái họ "tiếp"? Thật là nguy nan... Một người bàn rằng nên ra Huế "ấy" vào ít người, nhưng như thế thì phải đánh "điện" khất nhà gái lại thêm vài ngày nữa, mà hai ngày sau là hai ngày rất xấu... Tôi lại được cái rất dị đoan. Không bao giờ tôi lại chịu để hoãn lại... Nếu sau này, vợ chồng tôi đâm ra cãi cọ nhau mà đập hết bát đĩa, thì ai sẽ là người đền cho tôi? Cho nên dầu thế nào thì đám cưới cũng phải cử hành trong ngày đêm ấy. Cái áo thụng xanh,tôi đã mượn được rồi. Nhưng còn những người đàn bà, những cô thiếu nữ xinh như mộng, là phấn hương, là trang sức, là hoa hột của đám cưới thì ta lại không hề thấy? Ai là người sẽ không tủi cho điều ấy? Vợ tôi sau này biết đâu lại chẳng vin vào cái cớ rất chính đáng ấy, mà làm khó dễ với tôi, mà xin ly dị với tôi cũng nên. Tôi là người lo sợ thứ nhất. Tôi phải giục anh Hai tôi:

– Anh Hai, quen ai đây kiếm hộ mấy người?

– Chú em muốn tôi kiếm ai bây giờ, ở đây tôi cũng lạ lùng như chú...

– Còn anh Ba?

– Đàn bà! Thú thật tôi chả quen ai cả?

– Còn đàn ông?

– Thì nhiều lắm...

– Được rồi!

– Nhưng đàn ông, mình đã có thừa rồi.

– Chú Ba đến ngớ ngẩn... Hễ quen đàn ông là quen đàn bà... Mình nhờ vợ con người ta đi hộ cũng được chứ!

– À phải đấy! Này ở đây, tôi quen một ông Tham lục lộ, một ông Giáo, một ông Thông ga...

– Được rồi! Chú đi ngay cho, muốn mượn vợ, thì phải mượn cả chồng, như thế mới tiện.

Tôi theo anh Ba tôi đi tới những nhà ấy. Nhưng trong ba người ấy thì một người đã mất vợ là ông Tham lục lộ, ông Thông ga nhất định đi một mình mà thôi và cho như thế là đủ lắm rồi (làm sao họ hiểu được cái bản tâm của chúng tôi). Chỉ có hai vợ chồng nhà giáo là nguyên vẹn mà thôi. Và đến phút cuối cùng, chúng tôi còn bắt thêm được một cặp vợ chồng một ông thầu khoán già nữa. Bà vợ được cái bẻm mép.

Anh Ba vỗ vai tôi mà nói:

– Chú em đừng lo. Có bà này thế nào cũng nổi đình đám.

Nhưng theo tôi, đàn bà mà làm nổi đình đám thì cũng là một điều đáng lo. Đến nay, tôi nghĩ tới điều ấy mà không sao khỏi buồn cười, trong đám cưới của tôi chỉ có hai người đàn bà mà một người thì rất "bẻm mép", còn một người thì lành như một hòn đất. Dầu sao, đó cũng vẫn là một điều rất tủi nhục cho tôi trong cái đám cưới cả một đời người của tôi, lại không có lấy một người thiếu nữ, biểu dương sự trẻ trung và son đẹp.

Cố nhiên là hai người đàn bà mà chúng tôi đã mượn được đó, ngồi chung một xe. Bà thầu khoán tinh ranh biết là mình đương đóng vai gì, còn cái nhà bà giáo thì trông bộ ngơ ngác, không hiểu sao mình lại có thể ở đấy. Thật là buồn cười mà cũng thật là đáng thương. Buồn cười cho những người khác, mà đáng thương cho tôi.

Cũng may, bọn đàn ông chúng tôi cũng đã bù với được những sự kém cỏi về đàn bà. Những anh tôi, hôm ấy đã tỏ rằng: mình là những người sành thạo có quyền nói: "Đời ta, đã được dự biết bao đám cưới sang trọng".

Đã tìm được người ấy rồi, chúng tôi không còn phải đợi gì nữa để cử hành lễ cưới. Chúng tôi thuê 5 chiếc ô tô. Bốn chiếc dành cho bốn người đàn ông, còn một cái dành cho người đàn bà ấy mà chúng tôi đã "tóm" được. Đến bây giờ tôi vẫn không làm sao có thể quên được cái vẻ mặt ngơ ngác và bơ vơ của người đàn bà ấy, giữa cái đám cưới của chúng tôi. Có lẽ bà ta cũng không hiểu cái vai mình phải đóng là vai gì. Có một điều này là rất nguy cho chúng tôi mà cũng rất bỡ ngỡ cho nhà gái. Nguyên bên nhà gái họ tưởng rằng đám cưới chúng tôi một nửa là đàn ông và một nửa là đàn bà, cho nên họ bày ra hai mâm cỗ rõ ràng mà họ gọi là "hai cái bàn độc" (theo kiểu các chú). Một cái bàn độc dành cho đàn ông, và một cái bàn độc dành cho đàn bà. Nhưng mà tôi chưa muốn nói tới cái ấy vội. Những cái xe hơi cưới lẽ ra cứ vào thẳng bên nhà gái. Đằng này, theo luật thành phố sở tại, những xe hơi thuê, chỉ trừ một cái của nhà, đều phải bị ngừng lại ở ngoài thành phố. Cũng may, điều ấy chúng tôi biết trước, nên chúng tôi đã đánh điện để thuê một cái khách sạn nho nhỏ đặng làm nhà cưới. Nói rằng "nhà cưới" thì không đúng vì chúng tôi chỉ coi đó là một cái trạm để dừng chân và sửa soạn trước khi tới nhà gái... Ở đấy, chú rể, phải cởi âu phục mà khoác lễ phục đám cưới, nghĩa là khoác vào mình một cái áo gấm, một cái quần lụa, đội lên đầu cái khăn đóng "chữ nhân". Cái chữ "nhân" ấy ở trên đầu như nhắc cho tôi biết rằng: "Anh là một người, một người lớn, hãy coi chừng!". Mà thật vậy, trong tâm hồn tôi, từ phút này có một sự đảo lộn. Tôi thấy rằng, cái "cánh cửa niên thiếu" đã đóng ập lại sau lưng, tôi đã bước vào một thế giới khác. Mấy anh tôi ngắm nghía tôi và nói một câu nửa đùa, nửa thực: "Chú em đừng có lờn khơn nhá. Chú nên nhớ hôm nay chú đã là một người chồng. Và ngày rày năm sau chú sẽ là một người cha". Tôi cũng biết rằng: trong cái vẻ mặt, trong cái giọng nói ấy, có một cái gì nghiêm trọng mà tôi không thể đem ra đùa được. Nhưng khi tôi nghĩ rằng: những người vừa lên giọng đàn anh mà khuyên tôi ấy, xưa kia cũng chỉ là những đứa bé tinh nghịch, hay đùa gãi vào lòng chân tôi trong lúc

tôi lạy..., thì tự nhiên tôi thấy xung quanh tôi, trước mặt tôi, không còn có cái gì là nghiêm trọng là đứng đắn nữa. Tôi sợ cái ý tưởng ấy cứ ám ảnh tôi hoài thì thật là nguy. Trong lúc ở trong một cái không khí trầm hương nghi ngút, giữa một cuộc lễ nghiêm trọng, giữa những vẻ mặt đứng đắn mà cái ý nghĩ nguy hại ấy lại cứ đến ở trong tôi. Bỗng dưng giữa lúc mọi người đều chú mục vào cả tôi, mà tôi nghĩ ngay đến những thằng bé tinh nghịch trong thời thơ ấu, rồi tôi phì cười, thì không biết những ông cụ râu tuyết ở bên nhà gái sẽ đối với tôi thế nào. Việc ấy mà xảy ra thì thiên hạ sẽ nhìn tôi bằng con mắt nào! Và không chừng, tôi có thể mất vợ là khác nữa. Cũng may "ý nghĩ" tinh nghịch ấy chẳng dám đến trong giờ phút nghiêm trọng này. Tôi đã đội cái khăn chữ nhân trên đầu, một cách rất đứng đắn. Nói một cách khác, tôi là một người rể hoàn toàn, người ta không thể trách vào đâu được. Tôi đã làm 24 lạy, với tất cả sự thành thạo, sự khéo léo của một chú rể An Nam. Trong khi lạy, tôi lên gối, xuống gối, tôi nâng tay lên trên hay chắp tay xuống ngực một cách gọn gàng, chăm chỉ, khiến cho trong đám đông có tiếng xì xào khen tôi: "Kể thì cũng lành nghề lắm! Chắc gã ấy cũng đã luyện tập riết mới được như thế!...". Mà chính tôi, tôi cũng phải ngạc nhiên về tôi. Thật tôi không ngờ tôi có thể là một chú rể. Mà lại là một chú rể "cừ" nữa! 24 lễ làm xong, tôi thấy nhẹ hẳn người đi, và cho đó là món "cheo" nặng nhất trong đời tôi đã trả xong. Anh Hai tôi phải rỉ vào tai tôi để tỏ lòng cảm phục: "Kể chú em còn khá hơn tôi ngày xưa nhiều lắm!". Sau này, bà nhạc tôi cũng cứ tấm tắc khen mãi: "Chà con không biết đấy, chứ lúc bấy giờ má sợ lắm, má chỉ sợ con lạy không quen, vướng phải đũng quần mà ngã...".

Té ra, tôi đã làm xong 24 lạy, người ta coi như là tôi đã làm được một sự phi thường. Nhưng thực ra, đám cưới không phải chỉ có thế. Sau cuộc lễ, còn có "cỗ" nữa. Như trên kia đã nói, đám cưới của tôi chỉ có một người đàn bà mà thôi. Nhưng nhà gái không ngờ như thế họ "đề" ít ra cũng có năm bảy thiếu phụ hay thiếu nữ, trẻ trung, xinh đẹp, nghĩa là những độc giả xứng đáng với cuốn thơ kia là các cô dâu. Và chung quanh cô dâu là những ngôi sao hầu, cũng không kém phần rực rỡ... Có ngờ đâu, cái rực rỡ của những vì sao như lòe chiếu ở chỗ không người. Tôi quên làm sao được cái cảm giác lạnh lùng. Khi tôi ngoảnh trông về mâm cỗ đàn bà, nếu chỉ có

những cô con gái thì chính lại là ở phe nhà gái. Rồi tôi nhìn cái đầu tóc hoa râm của người đàn bà kia đại diện cho phe phụ nữ nhà giai, thì tôi không khỏi "ủi". Nhưng thực ra, người đàn bà ấy là một tay ăn nói "cự phách" trong nữ giới. Nếu đôi khi, tôi nghe thấy những tiếng nói đanh thép trùm hết cả bữa cỗ thì chính là tiếng nói của người đàn bà ấy. Tôi chỉ tiếc rằng: nước ta chưa có đàn bà làm nghị viên, để cho những người như thế có thể trổ tài hùng biện. Vì rằng ở nước ta, nếu có một nền văn chương rất phong phú, ấy là cái nền văn chương của phụ nữ. Riêng nói về sự hùng biện thì hôm ấy, ở mâm cỗ đàn ông, cũng có nhiều người đã tỏ rằng mình là tay "cừ". Nhưng toàn là những người đã nói, sau khi rượu vào. Vậy không biết rượu nói hay là người nói.

Anh Tú tôi là người nói đầu tiên. Anh thay mặt nhà giai kể lại cái lai lịch cuộc hôn nhân của hai đứa trẻ. Có lẽ không giữ mình được ở trên cái dốc yên sĩ, anh tôi đã khởi câu chuyện của mình, và nói rộng đến vấn đề hôn nhân ngày nay. Một diễn giả nữa thay nhà gái, nối lời anh tôi. Ông này, cũng không kém trôi chảy, và biểu đồng về tất cả những ý kiến mới mẻ của anh tôi về việc hôn nhân. Mọi người ở đây, hôm nay hình như toàn là những kẻ muốn đổi mới cả. Duy có tôi không hiểu sao, tôi vẫn đóng một bộ quốc phục, nặng nề tàn nhẫn, vẫn giữ lấy cổ tục trong lúc mọi người đều theo mới. Thiếu một tý nữa, tôi đã đứng dậy và tưởng mình cũng là một diễn giả. Cũng may, tôi vẫn nhớ tôi là một chú rể, nghĩa là người phải chịu đựng tất cả những điều khó chịu, những sự phiền toái của cổ tục. Nếu không chịu như thế, thì có một cách là tôi đành để mất vợ. Hôm ấy, từ hôm ấy và đến suốt đời tôi còn phải đóng lên đầu chiếc *"khăn chữ nhân"*.

Tôi không muốn thuật lại đây cái đêm đầu tiên của cuộc phối hợp, của cuộc đời công cộng. Cái đêm đã cho người ta những cảm giác vừa lả lơi, vừa nghiêm trọng, vừa rộn ràng, vừa bi thiết. Một thế giới cảm giác mở ra trước tâm hồn ta. Đến nay tôi tưởng chừng như những cảm giác mãnh liệt ấy, còn reo ở trong da thịt tôi, và cho tôi một cái dư vị xót xa, thèm tiếc: thèm tiếc một cõi thiên đường đã vỡ rồi:

Còn đâu những giờ nhung lụa
tình ấp trong chăn

Mộng trùm trên gối
rượu tân hôn không uống cũng say nồng!

Cái thú không phải là đã có một cảnh thiên đường mà là được mất một cõi thiên đường, đã có một thiên đường ở trong dĩ vãng, ở trong duyên kiếp. Không còn gì làm cho ta thèm muốn hơn là khi theo làn khói thuốc xanh, hay là trong hớp café cuối cùng, ta đã tìm lại được cái dư vị của một cõi thiên đường, của những ngày hoan lạc mà ta đã được qua trong một kiếp này hay từ trong một kiếp trước. Vì rằng sự đau đớn đi qua bao giờ cũng để lại những ấn tượng sâu mạnh. Còn như sự sung sướng ở trong ký ức của ta, bao giờ cũng hiện ra như một cái bóng xa mờ. Cho nên, những ngày giờ nhung lụa đầu tiên của tình ái có lẽ vừa qua trong đời ta, mà tưởng chừng như đã lâu lắm, làm cho ta dễ có cái cảm giác sảng khoái rằng: ta đã có một tiền kiếp xa xôi. Mà cái hôm động phòng chẳng hạn, là một cái đêm của ta ở một kiếp nào giữa cái ánh sáng xanh dịu của tiên nga. Ôi! Những làn gối trắng tinh, không có một dấu vết, những nệm bông như muốn lún, lún thêm mãi dưới làn da thịt, một cái không khí thanh tân. Những cảm giác say sưa, thú vị, một cảnh thiên đường. Đó không phải là những cái mà ta có thể tìm thấy hai lần. Cảnh thiên đường ấy, mỗi ngày, rơi một mảnh cho đến lúc vỡ tan tành. Tôi không dám nói xấu cuộc đời, nhưng tôi không thể giấu được sự thực. Sự thực là với cái đêm đầu tiên của các cuộc đời công cộng của hai tâm hồn, người ta đã đi đến chỗ tuyệt đích của hạnh phúc. Hôm qua còn là sự tiến tới, sự lên cao, nhưng hôm nay là sự thụt lùi, sự xuống thấp. Hôm qua, người ta mở mắt ra trước những cảnh tượng mỗi phút mỗi thay đổi, người ta đi tới những miền xa lạ, nơi đợi chờ muôn cảm giác bất ngờ, hôm nay người ta đi xuống một cái dốc, và soát lại những cảnh đã cũ, đã quen mắt. Cái dốc ấy đưa người ta từ một "đỉnh mộng" đến cái "hố đời". Ở Âu tây, người ta có một quan niệm rất thiết thực và rất đầy đủ về hạnh phúc. Người ta ao ước được luôn luôn sống một cuộc đời sôi nổi, đầy nguy hiểm, và trong một lúc, có thể sống được 10 cuộc đời. Người ta muốn "nhân" cái bản lãnh lên mãi. Người ta muốn có muôn cánh tay để ôm ghì lấy cuộc nhân sinh, người ta muốn có muôn mắt để toát ra muôn luồng điện. Người ta ước ao một sự phong phú đến cực điểm. Người ta muốn giàu về tiền của, giàu về cảm giác, giàu

về sự vui và giàu về sự buồn, người ta muốn sự đau đớn ngang với sự thích khoái. Nói tóm lại, người ta uống cho đến hớp rượu cuối cùng, dầu hợp rượu ấy đã đưa lại cho người ta một mùi vị chua chát, hay đắng cay. Người ta cầu sự vui, những người ta cũng không sợ sự đau khổ. Người ta là hạng người thiết thực: người ta không mơ ước một cảnh thiên đường xa xôi và huyền diệu ở ngay trong cõi đời của mình, ở trong cái cõi này mà người ta có những sự đau khổ để làm đượm thêm những sự sung sướng của người ta. Không gì buồn chán bằng một thế giới chỉ có những ngày nào cũng giống ngày nào, quanh năm hay trọn kiếp người ta sống trong những sự đàn địch múa hát, sống trong sự huy hoàng, kiêu sa, và không hề biết có sự thiếu thốn, sự lo âu, sự đau buồn. Đó chỉ là cảnh thiên đường của những người tàn tật đã mất hết những quan năng để hưởng thụ. Đó là một cuộc đời thiếu hụt, một cuộc đời bị giam cầm, một cuộc đời bị cắt xén. Nhưng những người đầy sức khỏe ở tận phương Tây kia, những người muốn đập mạnh, muốn vươn xa, những người đầy khí lực, đầy ham muốn, chỉ ao ước một cõi rất giàu thịnh, một quả đất rộn ràng vang động muôn nghìn tiếng rạn nở, một quả đất âm thầm mà chan chứa những ham say, những điên cuồng. Họ là "người", cái giống người hoàn toàn đầy đủ. Cho nên hạnh phúc của họ là sự liên tiếp vô hồi của những ham muốn, những đê mê.

Mục đích của sự sống, với họ là sự sống mà thôi. Và sống tức là hưởng thụ, hưởng thụ cho cạn, cho hết, cảm giác là "thực" mà thôi! Nhưng họ không phải là tất cả cái giống người đã rải rác khắp quả địa cầu. Hơn một nửa, than ôi! Chỉ là hạng người đi ở đây, mà mơ tưởng ở kia, chân ở quả địa cầu mà hồn gửi ở cung trăng. Hơn một nửa giống người sống giữa sự thực, đi bên cạnh cuộc đời, mà như bơi trong một giấc mộng. Hơn một nửa giống người đã đau ốm, đã tật tàn, không còn biết hưởng thụ, không biết thâu nhận những cảm giác, một giống người sợ sống, và thích lịm hồn trong mộng ảo hão huyền. Người ta đã tưởng tượng ra một cảnh thiên đường xa xôi, bất thành, để mơ ước. Người ta muốn thu hẹp cả cái sự thực sâu xa, mênh mông vào trong một giấc mơ xinh đẹp. Giữa hưởng thụ và mơ ước, người ta đã chọn sự mơ ước. Với hạng này, hạnh phúc chỉ ở ngoài cuộc đời, càng lún sâu vào cuộc đời, người ta tưởng chừng như bị che lấp, bị giam cầm bởi cuộc đời vì người ta quên

rằng ở trong lòng cuộc đời, cũng đã có đủ những vật liệu để xây dựng một cảnh thiên đường. Cái quan niệm sai lầm ấy than ôi! đã làm thiệt mất gần một nửa cuộc đời của kẻ thư sinh này...

Xưa kia, tôi chỉ biết có một sự mơ ước. Và tôi tin rằng: cũng chỉ có thể có một cõi thiên đường là cái đêm đầu tiên của Tình của mộng. Cõi thiên đường ấy, với tôi, không còn gì nữa, và từ ngày ấy, cuộc đời tôi đã xuống một dốc ác hại. Nhưng thực ra, tôi có mất nhiều như tôi tưởng thế không. Trước mắt tôi, tôi còn có trọn cả một cuộc đời, cả một cánh rừng hoang mênh mông cho tôi khai khẩn. Vâng, tôi sẽ khai khẩn cái cuộc đời của tôi. Bao giờ, với tôi cũng chỉ là một sự bắt đầu. Cả một thế giới cũ đã đóng lại. Nhưng một thế giới mới đã mở ra. Một cảnh thiên đường khác cũng đã lại hiện nữa.

Xưa kia là thiên đường của tuổi Mơ mộng. Bây giờ đã là thiên đường của cuộc đời. Không, mỗi tuổi có một thú. Mỗi tuổi có một thiên đường. Péguy, một nhà văn cận đại ở Pháp đã nói: "Tôi đã lập ra một đảng những người bốn mươi tuổi?".

Ừ nhỉ? Tại sao không? Ta lại không lập ra một đảng 30 tuổi. Bốn mươi tuổi mà người ta còn tưởng như ở giữa cái tuổi hoa niên. Thì sao ta đã muốn già rũ giữa cái ba mươi? Riêng tôi nghiệm thấy rằng: không một cái gì đã chết hẳn đi, mà không nẩy nở một cái gì khác. Tôi đã mất đi một "Chiếc cáng xanh", một bà mẹ, một đứa bé đầy mộng ảo là tôi. Cái hình ảnh của tôi ngày xưa, tôi đã mất hết. Hôm nay dừng lại trong một cái quán, để ngoảnh lại xem con đường mình vừa đi. Tôi thấy rằng: những việc đã xảy ra tôi đã quên đi hầu hết, mà ác hại! tôi chỉ còn thấy cái dấu vết ghê lạnh của những cảm giác đi qua trong tâm hồn tôi, trong đời tôi.

Nếu tôi không nhớ lầm, thì tôi đã đi cáng nhiều hơn là đi đò. Mỗi cái đều có một cái lẽ sở dĩ. Chúng tôi đi cáng là những lúc chúng tôi muốn vào làng ngoại, để dự những ngày kỵ, ngày chạp. Còn khi chúng tôi đi đò, lại có một mục đích khác. Nguyên lúc mẹ tôi về với thầy tôi, ông ngoại tôi có cho mẹ tôi một cái khế là 10 mẫu ruộng. Mười mẫu ruộng ấy là về hàng ruộng tốt, nên hoa lợi hàng năm cũng khá. Đấy là thầy mẹ tôi không tiện làm lấy, cho nên phải cho người ta "làm rẽ" và mình chỉ được thu một phần nửa mà thôi. Nhưng cái "phần nửa" ấy – cả nhà tôi không dùng hết phải

đưa ra bán. Thầy tôi không có tiền hưu trí. Phải mong lấy ở tiền bán thóc mà tiêu dùng hàng ngày. Tôi nghĩ lại, sự tiêu dùng cần kiệm của nhà tôi thuở bấy giờ mà không khỏi bồi hồi cảm động. Nếu sự phung phí có cái vẻ to tát, rộng rãi của nó, thì sự cần kiệm cũng có một vẻ dịu dàng khả ái. Nhưng hình như tôi đã muốn nói ra ngoài câu chuyện.

Cái hoa lợi hằng năm ấy, nếu là năm được mùa thì chúng tôi vào chở một lần. Nếu là năm hung hạp, thì chúng tôi phải để hai năm mới vào chở. Thường thường thì ruộng ấy làm được hai mùa: mùa tháng năm và tháng mười. Mà cũng có năm chỉ làm được một mùa thôi. Vì lẽ ấy, có khi 3, 4 mùa chúng tôi mới vào chở một lần cũng có, điều này thì họa hằn. Mà chở thì bao giờ cũng chở bằng đò. Cứ đầu tháng tư, cả nhà tôi đã sửa soạn đò nốc, trai bạn để đi chở lúa. Thật là những dịp rất hay đến để làm náo động cái cảnh gia đình hiu quạnh.

Lúc đi, mẹ tôi sắm đồ ăn trước mấy ngày. Mẹ tôi kho thịt khéo lắm và có một thức ăn làm cho khắp vùng tôi ai ai cũng phải khen ngợi: ấy là món cá trào (cá quả) kho rim. Mẹ tôi kho khéo quá có thể cất để hàng tháng được, và càng để lâu càng ngon một cách lạ. Không những cá trào mà cả những thứ cá khác, mẹ tôi kho cũng có tiếng. Tôi nhớ rằng cứ vào độ tháng 10, tháng 11 là lúc biển hay mù, có cá ngon. Mà trong những thứ cá biển ở vùng tôi, người ta cho cá ngứa, và cá nhợ là quý hơn hết. Mỗi khi những người "làng rào" có con "ngứa", hay "con nhợ" thì thế nào họ cũng mang vào cho mẹ tôi, thường thường thì để đổi lấy thóc, nhưng cũng có khi lấy tiền, những đồng tiền kêu lẻng kẻng một cách vui vẻ biết bao! Chúng ta ngày nay ở vào một cái thời mà những bạc chỉ bằng giấy, ta nhớ lại tiếng kêu của đồng tiền, đồng hào, hay đồng bạc bà đầm, thì không thể không bồi hồi...

Những "con ngứa" hay những "con nhợ" ấy, mẹ tôi mua từ tháng 10 mà để dành đến Tết mới đưa ra ăn, có khi, ra tết rồi mà còn cá kho để ăn với bánh chưng.

Mỗi lần đi như thế, cũng thuê đến ba chiếc ghe lớn, và tất cả gia nhân, trai bạn, người chèo kẻ chống cũng đến vài chục người. Tất cả nhà tôi không sót một người nào là không đi. Nhà cửa thì

giao cho một người tớ già săn sóc. Ngày nhổ sào đi, tôi đứng trên mui thuyền trông cái cảnh tấp nập xung quanh, tôi tưởng tất cả chúng tôi là những thủy thủ bạo dạn sắp theo một cuộc chinh phục xa xôi và dữ dội. Ba chiếc đò, cùng đợi gió nồm là cùng giương buồm lên, băng ra giữa với sông, lướt theo nhịp hò khoan của người giữ lái.

Tôi không nhớ lần ấy là lần thứ mấy tôi theo thầy mẹ về quê ngoại. Nhưng tôi quên làm sao được những giờ êm dịu tôi nằm ở khoang đò không có mui và tôi lặng ngắm vòm trời sao, khi tiếng hò của các trai bạn vừa ngắt. Dầu là một đứa trẻ, mà tâm hồn tôi lúc bấy giờ như thoát ly khỏi cái xu xác nặng nề, và như đưa đẩy bởi cái điệu nhịp êm đềm của các vì sao. Rồi trầm ngâm hằng giờ cho đến khi thiêm thiếp đi mà không biết. Khi tỉnh dậy thì gà đã bắt đầu gáy sáng, và đò chúng tôi đã ghé vào một cái bến. Sông Ngân Hà bấy giờ đã bạc phếch. Tôi nghe có tiếng đọc rì rầm, tiếng nghe có khi tha thiết, có khi buồn nhọc. Ấy là lần đầu tiên tôi nghe những người đạo Thiên Chúa đọc bài kinh sáng của họ. Và cái bến chúng tôi vừa ghé vào chính là bến Thanh Lăng.

Bến Thanh Lăng! Cái tên khêu gợi như tên một xứ huyền diệu của nước Tàu cổ.

Tôi nhớ năm nào thuyền chúng tôi cũng ghé lại cái bến ấy để cho thầy tôi lên bờ thăm một người bạn cũ của thầy tôi, một người bạn đồng liêu, làm đến Chưởng Ấn rồi về hưu. Quan Chưởng lúc bấy giờ đã mù cả hai mắt, ngài không đọc sách được, mà vườn tược đối với ngài cũng mất đi một phần thú vị lớn. Nhưng cũng nhờ thế, cái cảnh nhàn ngài dành cả cho văn thơ. Ngài là một tay thơ Nôm có tiếng thuở bấy giờ ở vùng tôi. Thời thường, thầy tôi đọc thơ ngài cho nhiều người nghe. Có điều là trước mặt con cái trong nhà, thì thầy tôi chẳng bao giờ đọc đến những câu thơ rất suồng sã của nhà thi sĩ ở bến Thanh Lăng. Một hôm, tôi cũng nghe trộm được trọn một bài, hình như là một bài "nhà trò" mà thầy tôi ngâm lại cho một người bạn già cùng nghe. Tiếc rằng bài hát nhà trò ấy, đến nay, tôi chỉ còn nhớ có một câu:

Mặc son phấn bên mình cọ kẽ...

Ừ mà cái câu thơ trai lơ thật! Bởi thế nên thầy tôi không muốn những câu thơ như thế lọt tai chúng tôi. Như chương trên đã nói,

thầy tôi là một ông nhà Nho chính tông, dạy con theo một giáo dục cực kỳ nghiêm khắc. Thú thật, bây giờ những câu thơ như thế, tuy không hiểu trọn nghĩa, tôi cũng lấy làm thích thú vô cùng. Nhớ được một câu, ngâm to lên trong lúc vắng người, tôi tưởng có cái thú được nếm một mùi vị khác thường, cái mùi vị của quả cấm. Nhiều khi hiếu kỳ, tôi muốn biết mặt đến cả cái con người đã đẻ ra những câu thơ lẳng lơ ấy, tôi xin phép được bưng điếu theo thầy tôi, vào cái "nhà lẩm" bí mật kia, sau những rặng tre lồ ô. Nhưng chả bao giờ tôi được cái may mắn vào thăm nhà thi nhân ẩn dật. Thầy tôi kiếm đủ lệ để bác sự yêu cầu của tôi.

– Con đi mần răng được. Từ bến vô nhà còn ngái lắm. Mà đường thì quanh co, gai nành lắm, không có guốc có giày thì răng được...

Thuở bấy giờ, thực ra, những ngày hội tụ lễ lớn, thì tôi mới được đánh cái áo địa xanh, đeo cái khánh bạc, và xỏ đôi giày Kinh, một thứ giày dừa mũi cong. Nhưng ngày thường, thì tôi chỉ đi chân không mà thôi. Làm gì có cái đôi guốc gỗ mà kéo. Vì thế thầy tôi không cho tôi lên bến. Đến nay, cách đấy đã gần 20 năm rồi, tôi cũng chưa có dịp nào bước chân lên bến Thanh Lăng để thăm nơi ở của nhà thi sĩ thân yêu. Ngày xưa có tên tiểu đồng trỏ vào núi mà nói với khách:

– Nhà thầy ta ở sau cái mù mịt ấy của ngăn núi.

Tôi cũng chỉ dặn với mình: "Trong cái bến Thanh Lăng bí mật ấy, một nhà thi sĩ đã sống và đã chết rồi".

Vì nhà thi sĩ ấy chết trước thầy tôi một năm. Thầy tôi có làm hai câu đối Nôm để viếng ông bạn của cả một đời mình; bấy giờ thầy tôi cũng đà già yếu lắm rồi, không còn biết thương tiếc gì nữa. Chỉ có tôi, đương học ở kinh, tình cờ nghe tin cụ Chưởng chết, tôi lấy làm thương tiếc vô cùng. Tôi tưởng như cả một quãng đời, cả bến Thanh Lăng đã chết ở trong lòng tôi vậy.

Nhưng hình như tôi đã bỏ dở câu chuyện.

Khi thầy tôi lên bờ thăm ông bạn già, thì mọi người ở trong các thuyền đều đã dậy hết. Trong lúc ấy, tiếng đọc kinh của những

nhà ở bến Thanh Lăng đã nghe thưa dần. Trời vừa hửng sáng. Tôi ngồi trông ra ở phía "bậc". "Bậc" bị nước sông ăn sâu vào, cho nên ở nhiều chỗ trống như những cái hang tối, đất đỏ ối như đất núi. Và trên "bậc" là những vạt ruộng, dâu xanh nhưng không phải là những vạt ruộng mà chỉ là một đồng dâu mông mênh.

Mẹ tôi nói với một người đầy tớ già:

– Chà các chú, coi năm nay dâu tốt quá, ở miền này có vẻ tươi hơn ở miền ta nhiều lắm.

– Có lẽ ở đây, vừa rồi có mấy trận mưa.

Bỗng mẹ tôi như không lưu ý đến câu đáp, quay lại nói với chị tôi bằng một giọng lo âu:

– Này con, mẹ sợ đi vắng, mụ Vấn ở nhà không coi hết những nong tằm. Tằm đã ăn lên, "quấy" lắm.

Rồi từ đấy mẹ tôi bỗng dưng mất vui và không hứng nói chuyện nữa.

Tôi biết lắm! Ở trên đời này, có hai thứ sinh vật đã "quấy" người mẹ hiền ấy, làm cho bà mất ăn mất ngủ: ấy là những đứa con của bà, và những nong tằm... Đời mẹ tôi, tôi đã nhiều lần nói – thật là một sự hy sinh vô hồi. Những đứa con lên một, lên ba, đến lên 10 cho đến khi thành gia thất. Và những lứa tằm "vừa mí nẩy, cho đến lúc ăn lên, cho đến khi chín, và "hóa ngài", và kén, và kéo dệt tơ. Than ôi, đếm làm sao được những ngày giờ ngay ngáy lo âu của người đàn bà ấy, ở bên cạnh những đứa con những nong tằm!

Đến khi mẹ tôi đã chết. Mà cái nghề tằm tang cũng đã chết ở trong làng tôi rồi. Tôi quên làm sao được những thời kỳ đẹp đẽ của sự chăn nuôi, những cảnh đầy thơ, đầy êm ái, đầy tôn nghiêm của nghề tằm tang. Tôi quên làm sao được những mảnh trăng rơi đầy trên những ruộng dâu... Tôi quên làm sao được những tiếng đều đều của guồng xa. Nhưng nhờ cái gì mà tôi nhớ được mãi cả một thời dĩ vãng và không để rơi rớt mất một giọt thơ, một hạt ngọc. Ấy là tại... tại...

Vâng, tôi không ngần ngại gì mà kể lại đây cái nguyên nhân ngớ ngẩn đã cho tôi trở nên một người khách của văn thơ.

Cũng chỉ tại lúc bấy giờ, tôi theo một sự tin tưởng mấy mươi đời, mẹ tôi lượm những con "ngài hóa" (một thứ nhộng vàng) để dành cho đứa con thân yêu của bà. Tôi còn nhớ như mới hôm qua, lời mẹ tôi nói với tôi giữa hai bã trầu:

– Này! Con cố mà ăn đi! Nuốt đi! Con sẽ sáng láng hơn người.

Thì ra mẹ tôi muốn tôi nuốt những con nhộng vàng để trở nên một người sáng láng. Những con nhộng ấy không biết có đưa lại cho tôi một sự gì không. Nhưng quyết đến ngày cuối cùng ở trên cõi thế, tôi cũng thể nào quên được cái tấm lòng, tôi nói cả một tấm lòng ấy – là tấm lòng mẹ đối với con. Chép lại truyện này, tôi xin dâng trả lại mẹ tôi những cái gì là hương là hoa ở trong tôi, ở trong đời tôi, đời một văn sĩ tầm thường.

Tôi đã nói ở những chương trên rằng: cuốn truyện này không phải là một cái tiểu thuyết như trăm nghìn cuốn tiểu thuyết khác, nghĩa là phản ảnh của cuộc đời. Đây chính là một cuộc đời với tất cả những điều vụn vặt, những sự phiền toái, với tất cả những sự lộn xộn của nó. Không nên tìm thấy ở đấy một thống hệ hay một trật tự nào. Dầu là một kẻ ngăn nắp đến đâu, cái cuộc đời của họ cũng không phải là một sự thực nghiệm, đúng với sự tính toán của họ. Cái đặc tính của cuộc đời chả phải là sự tự nhiên có thể, nó dàn xếp, sắp đặt theo một định ý nào, một định ý mầu nhiệm mà ta không thể biết được, nhưng trong cái công trình ấy là cuộc đời không bao giờ người ta thấy dấu vết của một bàn tay, của một nhát búa, của một mũi kim, của một nét bút, của một sự trù tính nào. Không có một chút dấu tích nào của sự uốn nắn, của sự đẽo gọt. Đấng đã tạo ra một cuộc đời là một nghệ sĩ hoàn toàn. Sở dĩ có sự nhận xét như thế là vì trong cuộc đời của tôi, tôi không thấy một cái gì là giả dối, là gượng gạo như tôi thường thấy ở trong một cuốn tiểu thuyết vụng. Một là, khi tường thuật lại đây, tôi theo cái trật tự, nghĩa là cái lộn xộn tự nhiên của cuộc đời hay là sắp đặt nó lại theo cái thứ tự của giống người, cái thứ tự của luân lý. Tôi đã lựa điều thứ nhất và hy sinh điều thứ hai. Trong cuốn tiểu thuyết này cuộc đời của tôi hiện tại, sống lại trong ký ức tôi thế nào, thì tôi mang nó xuống giấy y như thế. Có lẽ tôi đã bỏ sót nhiều việc – vô tình hay hữu ý – nhưng mà cuộc đời của tôi nó không quan hệ ở những ấn tượng của nó ở trong tâm hồn tôi. Tôi chỉ dựng lại đây một cuộc

đời tình cảm, một thế giới cảm giác. Xin các bạn đọc biết cho rằng: những "việc chả quan hệ một tý nào", ở đây, chỉ cốt để chứng nhận một điều gì. Chứng nhận một giai đoạn của tâm hồn chẳng hạn. Không nên cho những việc một sự quan trọng mà nó không có.

Có một điều mà từ trước tôi chưa kịp nói – nhưng, chắc độc giả cũng đã nhận thấy – ấy là cái sự trống trải ở trong cái cuộc đời tình cảm của tôi, sau khi một người đã bỏ tôi mà đi. Người ấy chính là mẹ tôi. Mà từ đấy không ai thay thế được mẹ tôi hết. Thầy tôi, các anh chị tôi cũng không thể nào lấp được cái trống trải của tôi. Phải đợi đến ngày trong đời tôi, một người đàn bà khác lại đến. Người đàn bà sau mẹ tôi đó, đã đưa lại cho tôi biết bao dịu ngọt, êm đềm, biết bao âu yếm, biết bao tươi vui, biết bao ấm cúng. Người ấy đã tạo lại cho tôi một gia đình. Nhưng tôi phải nhận rằng: với người đàn bà ấy, không phải là sự trống trải vẫn còn, nhưng thật ra, mẹ tôi chưa thật là hoàn toàn được có người thay thế. Tôi vẫn có cảm tưởng rằng: mẹ tôi đã ở xa, rất xa tôi rồi.

Kịp đến lúc một "sinh vật" cỏn con khác ra đời mới lại bù được sự thiếu thốn to tát của tôi. Tôi còn nhớ mãi cái đêm hôm ấy, lần thứ nhất trong đời tôi, tôi nghe có tiếng trẻ con khóc. Tiếng khóc ấy lúc đầu làm cho tôi ghê rợn. Tôi nghĩ đến cái thế giới mầu nhiệm mà đứa bé ấy vừa từ giã, vì bao giờ tôi cũng ví dụ rằng: nó phải từ một thế giới nào mà lại và tôi hơi sờ sợ. Tôi thấy rằng: nó có trên lưng, một dĩ vãng nặng nề hơn tôi, tôi không muốn tin rằng nó là một đứa bé. Tôi nhận ra cả cái đạo Phật huyền bí còn sống ở trong tâm hồn, chỉ còn có thế. Cũng may, cái tư tưởng mà tôi gọi là "bất nhẫn" ấy, cái tư tưởng ấy sẽ tan ngay, kịp thời không thấy mặt đứa bé. Tôi sung sướng và cảm động biết bao khi tôi dần dần nhận thấy rằng từ cái miệng, cái trán, cho đến đôi mắt, nhất là đôi mắt đều giống tôi y hệt. Không những sung sướng, tôi còn thẹn thùng nữa. Mà không hiểu thẹn thùng vì sao?

Mỗi ngày tôi tìm thấy ở nó một cái hình ảnh hoàn toàn về tôi, một cái ý bất diệt về thân thế tôi. Từ đấy, tôi mới thấy rằng cuộc nhân sinh không có thể bi quan được nữa, vì mình sẽ được có người thay thế để dự chứng cái hậu lai man mác. Sự thẹn thùng dần dần thành lòng âu yếm. Tôi không thấy xa đứa trẻ nữa, mà cũng tưởng như gần mẹ tôi hơn. Cho đến một ngày kia, ở bên tôi, mẹ tôi đã

được hoàn toàn thay thế, mà thay thế bởi một đứa bé. Ấy và lúc cái tình "cha con" bắt đầu nẩy ở trong lòng tôi. Và cái tình ấy mới làm sống được cái tình mẹ con tới ngày trước. Tôi yêu đứa bé với tất cả sự âu yếm của một bà mẹ. Tôi theo dõi với sự vui mừng tăng lên mãi, tôi theo dõi cái sự nẩy nở của tâm hồn trẻ dại ấy. Đứa bé lớn ở hình vóc của nó và ở trong lòng tôi. Tôi có cảm giác rằng cạnh tôi đã mọc lên một cái rừng cây non sương, líu lo muôn nghìn tiếng hót. Và ở rừng ấy, mỗi ngày tôi tìm ra một sự mới lạ. Và cái vui sướng của tôi không bao giờ ngừng nữa.

Cạnh tôi, đứa bé mỗi năm thêm mỗi tuổi. Mỗi tuổi, nó đưa lại cho tôi những vui thú bất ngờ. Với hai tuổi, nó nói cái giọng của chim. Với ba tuổi, nó nói cái giọng của thần minh. Và với nó, một hôm tôi có cái ý gây dựng lại một thế giới không còn nữa mà tôi luôn luôn tiếc nhớ.

Tôi muốn may cho nó một cái áo địa xanh. Tôi muốn sắm cho nó một cái khánh vàng đeo ở cổ. Và điều này nữa; một vòng tràng đạc cột ở chân. Mẹ tôi đã may sắm cho tôi thế nào, thì tôi lại may sắm cho nó thế ấy. Nhưng than ôi! Thời thế đã thay đổi: cái áo địa xanh và chiếc khánh vàng ngày nay chỉ tiệu biểu cho một nền quý phái lạc thời. Còn cái tràng lục lạc (hay là tràng đạc) ở thời này người ta cũng không buồn cột vào cổ những con vật nữa. Nhưng trời ôi! Làm sao tôi quên được những tràng lục lạc ấy, và bên tai như còn nghe cái tiếng rung của nó. Không phải là tiếng lục lạc cột ở chân một đứa bé, mà là tiếng rung của một thời, của một thế giới đã sập đổ, đã đổ rồi. Bao giờ tôi quên được cái thời trẻ dại ấy! Tiếng rung một ngày thêm lạnh lùng, thêm thương xót. Tiếng rung! Có tiếng gì cao to át được cái tiếng rung ấy? Trong tiếng rung kia tôi nghe có tiếng nói tỉ tê, thỏ thẻ, âu yếm của một người đàn bà. Người đàn bà ấy là một bà mẹ.

Đêm khuya trong một phố im lặng và vào một giờ im lặng nhất, những tiếng động của những chiếc xe, chỉ là từ một phố khác dội lại. Và ngoài tiếng gió rít trong khe cửa chỉ nghe có tiếng dọc sắt não trong đường xe điện. Cái tiếng rề rề ấy, cũng như còn rung chuyển đôi vai tôi. Da thịt ta bấy giờ như rạn nở ra, và những luồng cảm giác chuyển mạnh dưới làn da. Trong lúc ấy, ta chỉ muốn có một sự cọ xát, một sự cử động nào thì từ cuối phố một tiếng rao dài

và buồn thảm như một ngày mưa gió đã qua. Tẩm quất! Tẩm quất! Cái người làm nghề nắn xương và nắm da ấy, chính đã đi qua vào một lúc mà người ta rất đương mong đợi hắn.

Tập bút ký này chính là một sự "tẩm quất" cho tâm hồn vậy. Sự so sánh có vẻ thô lỗ nhưng mà rất đúng. Những kỷ niệm, những cảm, những tình, những hình ảnh, những sự thực bấy lâu chất chứa tràn ngập trong người, bây giờ mới tìm được nẻo thoát. Cần phải đụng mạnh, cần phải xát mạnh vào chỗ tụ đọng lại muôn nghìn cảm giác, người nghệ sĩ sẽ có một thứ sảng khoái mà không ai có, một sự sảng khoái thuần túy, hồn nhiên. Giời ôi! Còn gì sung sướng hơn là được hồi tưởng lại những việc đã qua, úp mặt vào hai bàn tay mà khóc rưng rức? Còn gì buồn hơn là được buồn lại một lần nữa những cái buồn đã qua. Còn gì khoái hơn là đưa những ngón tay mỏng, dịu và huyền bí, có phải là những ngón tay nghệ thuật? để gợi dậy trên làn da cả một luồng cảm giác, một thế giới cảm giác. Tôi đã nói nhiều lần và cần nói lại một lần nữa là tập bút ký này không phải chỉ là nơi ghi chép những việc đã qua trên cái thân thể của tôi, mà chỉ là làm sống lại những cảm giác của một tâm hồn non sương, bừng sáng; thực ra trong ngày thơ ấu, tôi đã cười nhiều hơn là tôi đã khóc, nhưng trong sự hồi sinh của thời thơ ấu, trong sự sống lại này, tôi đã khóc nhiều hơn tôi đã cười. Vì sự "sống lại" đó nếu cho kẻ nghệ sĩ ở tôi những khoái trá bất ngờ thì trái lại đã làm cho con người ở tôi đau đớn ê chề, như quằn quại bởi những hoài niệm và tiếc nhớ, tiếc nhớ những cái gì chỉ đến có một lần mà thôi.

Nhà nghệ sĩ được hai lần sống mà con người ở tôi, thật phải hai lần chết.

Nhà nghệ sĩ đã mót lại, và trời ôi! Hắn ta có bỏ sót một cái gì! Nhà nghệ sĩ trong cái mùa gặt dĩ vãng ấy hắn đã mót lại tất cả những cái gì đã rơi sót, hắn đã "mót" lại tất cả những cảm giác vướng rơi trong tâm hồn. Cái thú ấy thật quả là ích kỷ nhưng mà là có thực. Cho nên, tập ký ức này là một cái khoái trá riêng của một nghệ sĩ mà lại là một đau đớn cho cái con người phải sống lại nó. Trong một buổng sáng, trên những trang giấy sáng ngời, kẻ nghệ sĩ đã đặt lên những cảm giác sung sướng của mình, nhưng chốc nữa khi những trang giấy đã dầy lên, và âm u và đặc sịt những chữ,

một thiếu niên chưa ngoài ba mươi tuổi sẽ gục đầu vào đấy để mà đau xót về những cái không còn nữa.

Những cái đã mất không phải là không thay thế được. Một bà mẹ đã đi để lại một chỗ trống ở trong lòng tôi, trong đời tôi. Một đứa bé đến, ngồi vào cái chỗ xưa kia của mẹ tôi. Đứa bé ấy đã làm cho tôi thấy rằng trong người tôi, có một sức yêu đương mãnh liệt. Sức yêu đương ấy đã làm cho tôi nhớ đến mẹ tôi – tôi toan nói là cái sức yêu đương mãnh liệt ấy đã làm cho tôi trở nên một bà mẹ. Trong tâm hồn tôi lại bắt đầu nảy nở một nguyên lý, một nguyên lý bất diệt: tôi sẽ sáng tạo ra sự yêu đương. Một mặt trời khác bắt đầu mọc ở trong đời tôi. Tôi còn thiếu gì nữa đâu để mà sung sướng, để mà hoàn toàn sung sướng? Nếu tôi có quyền được tiếc, ấy là tôi chỉ tiếc không được từ trong cuống họng tôi phát ra những cái điệu nhịp mơ hồ là những tiếng hát ở bên nôi một đứa bé. Tiếng hát ru của cái dĩ vãng êm đềm, ru một cái tương lai đẹp đẽ. Với sự biến đổi của thời đại, tiếng hát ru ấy, không thể vãn hồi được nữa. Cái tiếng xình xịch của một thế kỷ có khi đã làm át mất cái tiếng ru của bà mẹ. Một tiếng hát ru mà ở trong ấy đương run rẩy cả một thời. Nhưng có sức mạnh nào, có cái tiếng ồ ạt nào có thể át được cái tiếng dội ở trong hồn tôi, tiếng dội của những câu hát ru con?

Mỗi khi tôi muốn hồi tưởng lại những cảnh vừa qua, tôi lại tưởng chừng như còn nghe văng vẳng bên tai tiếng người đàn bà ấy...

Bấy giờ hình như là một ngày đầu hạ, mà vào lúc ban trưa. Mầu nắng tươi ròn...

Trong một cái nhà ngang, trên một cái võng, mẹ tôi ngồi đưa tôi và hát ru tôi. Có lẽ mẹ tôi đã hát những câu:

Ru cao hát bạo em nghe
Lá bù, lá bíu, lá tre, lá bàng

hay là:

Trăm năm dù lỗi hẹn hò,
Cây đa bến cũ con đò khác xưa.

Những câu vô nghĩa hay có nghĩa, nhưng bây giờ với tôi chỉ là những điệu nhịp thần tiên để mang tôi tới những miền đất cát rất xa ngái...

Có khi vì sức quyến rũ của âm điệu, tôi chợp mắt, mê ly, nhưng cũng có khi giật mình bởi một lúc tiếng hát sang câu hay chuyển điệu, tôi lại mở mắt trao tráo ra nhìn. Tôi tưởng như còn thấy ở trước mắt cái màu nắng mới tuôn chảy ở trên sân đá, và trên những hàng giậu ở ngoài xa, phấp phới những áo quần màu đỏ choét hay xanh lè, là những màu sỗ sàng lòe loẹt, màu của những tâm hồn quê mùa chất phác.

Những màu xanh, đỏ ấy sống mãi ở trong tâm hồn tôi, phấp phới như những lá cờ đã chiến thắng. Và bây giờ đây, tuy cái khung cảnh đầy thơ ấy không còn nữa, nhưng mỗi khi thấy một màu nắng mới hắt bên song hay trước thềm, tôi lại mường tượng lại bóng dáng mẹ tôi, rồi đôi mắt tôi ướt lệ: sự hồi tưởng ấy cũng vừa làm cho tôi bâng khuâng mà cũng vừa làm cho tôi sung sướng.

Năm 1941

*

KHÓI LAM CHIỀU

(truyện)

I.

Trên một đám lá ủ lại thành chiếu nằm, con Vịnh vươn mình một cái, đưa tay dụi mắt, rồi ngồi phắt dậy... Trời đã chiều hẳn. Bóng vàng còn lảng vảng trên những chòm thông xì xào hát với ngọn gió chiều.

Còn Vịnh nhìn ra bốn phía rừng, tịnh không thấy một bóng người, một bóng thú: những bạn đồng nghiệp của nó đã đập bò về trong xóm từ hồi nào rồi. Mấy con chim bồ chao, từng hồi một, đành ở trong bụi rậm, báo trước cảnh hoàng hôn sắp đến, cảnh hoàng hôn dữ dội.

– Chết tôi rồi! Con trâu bạch chạy đi ăn lúa ở phương mô rồi nữa!

Mình mẩy toát cả mồ hôi, nó bưng mặt khóc. Nó chợt nghĩ đến những hình phạt ghê gớm mà nó cứ phải chịu trong hôm vừa rồi và sẽ phải chịu trong tối hôm nay nữa. Suốt hôm qua nó làm việc không hề hở tay... Hết xay lúa rồi nó quay ra giã gạo, rồi giần, rồi sàng, rồi canh một qua, rồi canh hai qua, cho đến canh năm nó vừa đặt lưng xuống, chưa kịp nhắm mắt thì gà ở ngoài chuồng đã giục giã gáy sáng. Rồi suốt ngày hôm nay nó phải ngủ đứng ngủ ngồi cho lại sức, để con trâu bạch thoát đi hồi nào không hay...

Bỗng... một làn gió chạy qua, trong những bụi sim già, cành lá sột soạt đánh vào nhau như gọi dậy cái sầu ủ rũ ở trong rừng sâu u tịch. Và từ chốn xa xôi lại, con Vịnh lắng tai nghe có tiếng sáo trúc đưa tới, dìu dặt, khoan thai... Nó thấy như có một tia hy vọng đến làm ấm áp lòng nó. Nó thấy cái lạnh lẽo đìu hiu ở trong rừng sim tiêu tán hết...

Tiếng sáo ngừng hẳn... nó nghe có tiếng véo von hát:

Vì mây cho núi lên trời,
Vì chưng gió thổi hoa cười với trăng...

Rõ ràng là tiếng thằng Đối, con ông phó Thanh, hát ở bên kia bụi lau. Quên cả nỗi buồn bực ở trong lòng, con Vịnh cất giọng nối theo:

Đến đây những suối cùng khe,
Chân sim bóng núi tiếng ve gọi sầu.

Thằng Đối ngửng đầu lên, lẩm bẩm một mình:

– Giọng ai như giọng con Vịnh.

Rồi lại cặm cụi làm việc, nó cố đan nốt cái giỏ cỏ...

– Anh Đối, trời tối rồi, anh chưa về ư?

Con Vịnh đã lê đến sau lưng, cười nói đon đả.

– Tôi có ý chờ cô để về luôn một thể.

– Cảm ơn anh lắm lắm!

Nhưng nó vừa sực nhớ đến trâu của nó, nó rưng rưng nước mắt, hỏi thằng Đối:

– Anh có thấy con trâu của tôi chạy ngả mô không anh?

– Có, nó chạy vào rú rậm.

– Đừng nói đùa, tội nghiệp, anh!

– Nói chơi đấy, tôi thấy nó vào rẫy ông trưởng Điến.

"Trưởng Điến" hai chữ tên ấy, gợi vào trong trí con bé bao nhiêu điều hung ác, khó chịu. Nó còn nhớ rành mạch rằng: đã có lần trâu của nó ăn hết một bụi lúa của lão trưởng Điến, bị lão bắt về và đòi cho kỳ được năm quan tiền vạ. Nó còn nhớ chủ nó hôm ấy lột sạch cả áo quần nó, và trời rét căm căm, bắt nó nằm ngoài chuồng lợn. Thế đã hết đâu, năm quan tiền vạ ấy chủ nó lại trừ vào tiền công nó nữa.

Nó lại sợ lần này rồi cũng đến như lần trước, nó khóc òa lên.

Bỗng thằng Đối rú lên một cách dễ sợ:

– Vịnh, mày trông kia kìa; trốn mau! Trèo lên cây!...

Con Vịnh chả trông thấy gì, hoảng hốt theo thằng Đối, trèo lên cây đa. Một bầy lợn rừng hung hăng ở đâu tiến đến, những cái nanh nhe ra như cái lưỡi lê hung tợn.

Con Vịnh đứng ở trên cây, đưa tay nắm chặt lấy tay thằng Đối, quên lửng đi rằng mình năm nay đã mười sáu tuổi. Thằng Đối sung sướng quá, âu yếm bảo con Vịnh rằng:

– Vịnh, em đừng sợ! Chốc nữa bầy lợn tan đi nơi khác, tôi sẽ đưa em về...

Quả vậy, bầy lợn đã đem nhau đi nơi khác, tiếng ục ịch nghe đã xa xa. Yên lòng, con Vịnh nghe theo thằng Đối xuống đất.

Nhưng bây giờ cả rừng đã tối đen lại. Người ta như thấy đi trong một hang tối, và nghe có những tiếng rất lạ lùng ghê gớm.

Hai con cú mèo trên cành đa, trao đổi nhau những lời thảm đạm.

– Anh Đối, ngọn gió lạnh quá!

– Để tôi đốt lửa lên mà sưởi ấm, rồi ta cùng về.

Cái ý nghĩ "về" làm cho con Vịnh rợn cả người, nó lại nhớ đến con trâu của nó, đến những hình phạt đương chờ đợi nó.

– Về, chả về thì đừng.

Câu nói của con Vịnh làm cho thằng Đối ngạc nhiên và mỉm cười. Thì chính trong trí thằng Đối vừa rồi cũng có một cái tư tưởng

như thế. Nó muốn ở lại trong rừng sâu và qua một đêm thú vị, bên cạnh con Vịnh.

Im lặng, nó đi lượm mấy cành củi khô, rồi châm diêm lên đốt. Ngọn lửa như kéo lại sự vui vẻ ở trong lòng cô bé. Hai đứa vừa sưởi, vừa chuyện trò giòn giã như ngô rang.

Thằng Đối lấy ra một đùm cơm với một gói muối vừng hồi trưa còn lại, chia nhau ăn rất vui vẻ. Giữa bữa cơm, con Vịnh đưa chuyện nhà ra kể cho thằng Đối nghe, như kể cho một người anh ruột. Con Vịnh khi sinh ra đời chẳng biết có cha. Nó ở với mẹ nó, một bà cụ già đầu đã lâm râm bạc, và mắt đã bắt đầu muốn lòa. Giá nó sinh ra sớm hơn một chút thì có lẽ bớt khổ.

Cảnh nhà thì nghèo, trong lúc mẹ nó không làm gì được vì già yếu, thì nó cũng chả làm công chuyện gì được, vì còn khờ dại. Mẹ già con muộn, lo sống lây lất cho qua ngày tháng, để đợi... mẹ nó ngày xuống lỗ, còn nó thì... đi ở thuê.

Khen cho tạo hóa cũng khéo xếp đặt, cái nhà xiêu vẹo và rách nát thường che mẹ con Vịnh lúc nắng lúc mưa, ngày nay vừa vặn bán đi để mua cái thọ đường cho bà cụ. Bà cụ thở hơi cuối cùng. Trong khi cái xác ma của bà êm ấm, thì con bà sống cầu bất cầu bơ không nơi nương tựa. Rồi cực chẳng đã nó phải chui đầu vào ở mướn với ông bá Ngưỡng, một năm được năm quan tiền công, cái số tiền đủ mua lễ vật để lo ky, giỗ cho mẹ nó. Thằng cha bá Ngưỡng khắp cả vùng Phú Mỹ ai lại không gớm cái mặt nó. Nó bủn xỉn, nó keo cú, nó tàn nhẫn đến nỗi con Vịnh làm thuê cho nó sáu bảy năm trời mà nó chỉ sắm cho được vài bộ quần áo vải, và tiền công thì nay lần mai lữa, chỉ mong có dịp để trừ bớt, để quyt. Con Vịnh ngày thì vào rừng chăn trâu, đêm về thì công việc bề bộn, khổ nhục đến điều. Tội nghiệp con bé không bao giờ dám mở miệng than lấy nửa lời. Hôm thì lão bảo trâu lão ăn đói, hôm thì lão kêu trâu lão ốm gio xương, bao giờ lão cũng kiếm cho được vài cớ để rầy mắng con bé. Lão có một cách trừng phạt rất lợi cho lão là mỗi khi con Vịnh có lỗi, thì lão bắt nó làm việc gấp đôi, gấp ba...

Con Vịnh ngồi thuật chuyện mình cho thằng Đối nghe, hai khóe mắt liu riu như muốn khóc. Thằng Đối thì ngồi tần ngần không nói một tiếng, lâu lâu nó bỏ thêm vào đống lửa một vài que rào, cho

ngọn lửa cứ đượm mãi, là ý nó không muốn để cho câu chuyện của con Vịnh phải ngừng lại một phút nào. Mỗi khi nó nghe con Vịnh kể tới một chỗ thương tâm thì thằng Đối lại ngẩng lên nhìn trộm một cái. Dưới bóng lửa rọi lại, nó thấy hai má con Vịnh đỏ ửng, thì nó nhận thấy con Vịnh dễ thương lắm, đẹp lắm, đẹp hơn hết cả những con gái ở vùng này. Nhưng miệng nó không thốt ra được một lời âu yếm, để chia khổ với con Vịnh, trong lúc bụng nó chứa chan cảm tình, muốn nắm lấy tay con Vịnh và kéo vào lòng nó.

– Vịnh em kể hết chuyện đi.

– Hết rồi, chuyện của em chỉ có thế thôi.

Rồi cả hai đứa ngồi thừ ra nhìn những que rào nổ lắc rắc... Xa xa con tắc kè điểm từng tiếng một, đo cái thời khắc lạnh lùng qua. Chập lâu thằng Đối chỉ nói được một câu để tỏ cả cái nỗi lòng của nó đối với con Vịnh:

– Thôi, em hãy ngủ đi, mai anh sẽ giúp em tìm cho được con trâu.

Ngoan ngoãn, con Vịnh ngả xuống cái "chiếu lá". Nhưng nhắm mắt lại, nó đã thấy cái hình ảnh dữ tợn của thằng cha trưởng Điến sừng sộ đòi cho được năm quan tiền vạ. Nó kéo cả thằng Đối nằm bên nó, cho được yên lòng.

Xa xa con tắc kè ung dung điểm từng tiếng một, do cái thời khắc lạnh lùng qua, cái thời khắc trầm trọng ở trong rừng khuya.

II.

Một buổi sáng kia, ông phó Thanh đương ngồi vắt chân chữ ngũ, trên bộ ván ngựa, ung dung uống nước trà...

Bên ông, thằng Đối đứng khúm núm kêu xin:

– Thưa thầy, oan con lắm...

– Thì sao thiên hạ đồn ầm lên thế? Anh không tin lời nói của tôi là thật, thì anh qua bên xóm hỏi bà Nưa. Chính bà ấy vừa nói với tôi khỏi miệng rằng: tối hôm kia, anh ngủ lại trong rừng với con nào... Anh cãi sao thì cãi cho tôi nghe thử?

– Thưa thầy, oan con thật! Mệt quá, con ngủ quên trong rừng một mình.

– Một mình! Ngủ quên! Hừ! anh coi tôi như đồ trẻ con chưa biết gì hẳn! Bà Phó đâu! Bà nghe đấy! Con bà ăn nói khôn ngoan lắm đấy chớ!

Một bà cụ trạc độ sáu mươi tuổi, lưng đã hơi gù, miệng móm, ở trong nhà ngang bước lên, hầm hầm nét mặt. Bà nhổ cái bã trầu ở trong miệng ra cái "toẹt", tay trỏ vào mặt thằng Đối, mắng luôn:

– Con trai con đứa đã mười chín tuổi đầu, còn bé bỏng lắm đó! Anh ngủ trong rừng, nghe nói mà chướng tai! Hừ! Tôi đây cũng còn cái "ổ" cho anh rúc vào, rúc ra chứ? Người như anh cũng chưa đến nỗi phải ngủ ở xó bụi, góc bờ...

Rồi bà quay lại nói với ông Phó:

– Chính con Vịnh nó cũng khai với ông bá Ngưỡng thế! Đích rồi! Anh chàng, chị chàng ngủ với nhau trong rừng chứ lại gì nữa...

Bà lại quát to:

– Thôi phen này nó giết tôi!

– Thưa mẹ! Quả là người ta thêu dệt...

– Thêu dệt? Thêu dệt? Anh không có tội gì hết cả, nhưng ba quan tiền của tôi tối hôm qua anh đánh cắp cho ai? Ba quan tiền tôi bán hai thúng lúa, tôi chưa kịp cất đi, còn để trên sập... Ngoài anh ra ai vào đấy nữa... Khôn hồn thì anh trả lại tôi!

Ông Phó giận quá, không nén được nữa. Ở trên phản ông nhảy xuống nắm lấy đầu tóc thằng Đối, giúi xuống đất. Ông đưa chân nện vào lưng nó và tát vào mặt nó túi bụi...

Thằng Đối chỉ kêu van chứ không nói được gì nữa.

Bà Phó chạy lại xin ông Phó tha cho nó và ngọt ngào dỗ nó:

– Có phải con lấy trộm của mẹ ba quan tiền để cho con Vịnh không? Con cứ khai thật đi, rồi thầy mẹ tha cho con.

– Thưa mẹ, quả không có chuyện ấy.

– Không thì con Vịnh đào mồ ông nó cho ra ba quan tiền để nộp vạ cho thằng cha trưởng Điến?

Ông Phó vẫn chưa hết giận; ông lại vớ cái roi mây, nhảy vào, phết cho thằng Đối mấy cái nên thân....

– Con chả con thì thôi. Đồ phá gia! Nhà này không thể dung quân ấy được. Anh cởi trả quần áo tôi, rồi anh đi mô thì đi!

Thằng Đối giựt ra được, chạy ra đống rơm, ông Phó đuổi theo. Bà Phó cản lại:

– Thôi "thầy hắn" để mặc tôi, đừng làm om lên, hàng xóm bu tới, không tốt.

Nằm trên đống rơm, thằng Đối khóc nức nở. Những lằn roi ở trên lưng nó như thúc giục nó mau ra mà thú hết cả câu chuyện tình cho thầy mẹ nó hay. Nhưng... nếu rồi đây, chuyện mà vỡ lở, thì danh giá con Vịnh còn gì?

Phận tôi đòi, nó cũng có cái danh giá của nó chứ?

Nó sẽ ăn nói làm sao với con Cần, con Bích; mỗi khi gặp nó, chúng sẽ chào nó bằng một nụ cười mỉa mai...

Vì tấm ái tình đối với con Vịnh, thằng Đối phải bưng kín miệng mình. Vả còn một lẽ nữa, là nó không thể thú với thầy mẹ nó là vì rồi đây con Vịnh sẽ lấy đâu ra ba quan tiền để trả lại cho nó.

Bỗng trong cái trí tối tăm, buồn rầu, nó thấy có một tia sáng. Bây giờ nó muốn đem tất cả câu chuyện thú cho thầy mẹ nó. Dầu là bị rầy, bị mắng, bị tấn, bị tra, bị treo cẳng lên xà nhà, nó cũng vui lòng chịu hết, miễn là thầy mẹ nó vui lòng để cho nó đường hoàng lấy con Vịnh. Được lấy Vịnh làm vợ, nó sẽ sung sướng biết bao! Nó tưởng tượng lại cái miệng rất xinh và hai cái má đỏ ửng của con Vịnh, khi con bé kể đến những chuyện thân mật trong đời nó... Rồi chẳng ngần ngại gì hết, nó đặt con Vịnh lên trên cả những cô gái quê mỹ miều mà nó gặp ở hội chùa Quang Minh độ nọ.

Con Mít, con ông lý Hân sắc sảo nhưng hơi lẳng một chút; con Sọ, con ông Nhiêu Cực thì được cặp mắt bồ câu, nhưng phải cái miệng toe toét suốt ngày, như cái thanh la võ. Con Huệ, con ông chánh Kỳ thì lanh lợi, xinh xắn, hoạt bát "đủ điều", nhưng cặp mày sắc lẻm... gái ấy phải sợ...!. Duy chỉ có con Vịnh là trọn vẹn mà thôi. Nó đẹp một cách kín đáo phúc hậu, lại có duyên thầm, và ăn nói

nhỏ nhẻ như một con tép. Nó chỉ có một cái vết xấu là nó nghèo, nó không cha mẹ, nó phải đi ở thuê... nó là phận tôi đòi...

Thằng Đối bỗng thấy hiện ra trong trí nó một ông cụ già, đạo mạo, râu tóc bạc phơ, chấp tay đít nghiêm trang bảo nó:

"Không được! Mày định đưa danh dự nhà mày ra bôi nhọ hay sao? Tao đây đỗ hai khoa tú tài, ba lần ăn Tiên chỉ làng Phú Mỹ. Tao sinh ra cha mày, tuy rủi gặp lúc triều đình bãi thi, mà nhờ phúc nhà, cha mày cũng chạy được cái chân Phó tổng, cũng đủ làm rạng vẻ cho tổ tông. Nay đến mày, không làm nên trò trống gì, lại định lấy một đứa ở thuê, một con ăn mày, đồ cầu bất cầu bơ, không nhà không cửa; mày hãy giết cha mày đi, rồi hãy lấy nó...".

Cái ông già ấy là ông nội thằng Đối, chết đã mười năm nay, mà linh hồn vẫn còn hiện về cầm cương nẩy mực cho gia đình nó. Giữa những sức mạnh ấy, con Vịnh cũng hiện ra trong trí nó, khép nép sợ sệt, mà vẫn xinh tươi, ngây thơ, nhìn nó mà cười; một nụ cười thành thực, đầy tình tứ.

Thằng Đối lẩm bẩm: "Ta không nỡ bỏ nó, tội nghiệp. Nó nghèo, nó không cha mẹ. Nó đáng thương và nó có đủ cả mọi vẻ nhu mì để làm cho ta sung sướng!".

III.

Một buổi sáng về mùa xuân, con Vịnh lại đập trâu vào cho ăn trong rừng sim. Nó ngồi chơi một mình dưới gốc cây đa vì đã lâu nó cảm thấy những đứa trẻ khác, như không thèm lại gần nó nữa... Nhưng điều ấy chưa đủ làm cho nó buồn, cho cuộc đời của nó đến nỗi tẻ ngắt như thế. Nó đương ôm một nỗi khổ tâm khác, nặng nề hơn, khó chịu hơn... Đã một tháng nay, nó thấy trong mình nó khác khác, nó thấy mỏi xương, đau lưng, hay buồn ngủ và thèm chua... Nó biết đó là triệu chứng của một sự khác... thường.

Nó muốn đem chuyện ấy hỏi bà Mục ở bên xóm, nhưng nó sợ chuyện vỡ to ra... Rồi nó đành ôm ấp lấy một mình, ngày đêm lo ngay ngáy, đến nỗi hai mắt nó thâm quầng lại và mặt mày xanh như tàu lá...

– Nhưng sao ta không tỏ hết sự tình với anh Đối?

Một con sáo ngà từ đâu bay tới, đậu ngay ở trước mặt nó, trên một cây thông... Con sáo nhảy từ cành này qua cành khác, và hót lên những giọng véo von vui vẻ... Nhưng con Vịnh thấy như con sáo nói với nó những lời mỉa mai sâu độc... Nó liền cúi nhặt một viên sỏi, ném con sáo. Con sáo rũ cánh bay về chốn chân trời xa xa, không hề kêu lên một tiếng oán trách. Đuổi con chim, con Vịnh tưởng sẽ đuổi hết những nỗi buồn rầu cứ lưu luyến theo mình.

Nhưng...

– Sao ta không đem hết sự tình nói cho anh Đối nghe? Anh Đối hơn ta ba tuổi, anh từng trải hơn ta... và chỉ có anh Đối là yêu ta và lo nghĩ đến ta mà thôi.

Nghĩ đến thằng Đối, con Vịnh thấy vững lòng, và bớt lo sợ... Con bé khờ khạo, nó quá tin cậy ở ái tình... Nó không đọc được sách, nó không thấy những sự thất vọng về tình duyên tả trong những cuốn tiểu thuyết. Nó không hề nghe những tiếng khóc than thảm thiết của những tình nhân bị ruồng rẫy. Nó là con chim con miệng tổ, quá tin ở bầu trời trong sáng. Nó có biết đâu rằng chốc lát nữa đây từ phương trời xa lạ kia sẽ kéo tới những đám mây u ám và những trận gió hung tàn...

Nó vững lòng tin cậy ở ái tình, ở thằng Đối:

– Ta sẽ tìm anh Đối, và kể hết sự tình cho anh nghe. Có thế nào nữa thì anh sẽ thu xếp hộ ta...

Bỗng nó lắng tai nghe từ bên kia bụi lau đưa lại những tiếng sáo trúc dìu dặt, khoan thai. Tiếng trúc lạnh lùng và thảm đạm, như tiếng con chim lạc loài, gào kêu thảm thiết trong lúc mẹ nó đã bỏ thân trong một cuộc hành trình xa xôi...

Buồn rầu, con Vịnh ngả mình vào gốc cây đa. Nó thầm trách thằng Đối thổi chi những giọng tiêu tao, làm cho lòng nó thêm ngao ngán.

Nó đứng phắt dậy, hát lên mấy câu cho đỡ buồn:

Một ngày hai bữa trèo non,
Lấy gì mà đẹp mà giòn hở anh?
Một ngày hai bữa cơm đèn,
Lấy gì má phấn răng đen hỡi chàng?

Bên kia bụi lau, thằng Đối cũng đáp lại mấy câu:

Đôi ta làm bạn thong dong
Như đôi đũa ngọc mâm vàng cách xa
Bởi chưng thầy mẹ nói ngang,
Để cho đũa ngọc nằm trong mâm vàng.

Thằng Đối cũng đương có mối đau nén ở trong lòng và cũng cần hát lên mấy câu cho ngực dễ thở...

Nó buồn, nó khổ vì nó sắp phải lấy vợ... Thầy mẹ nó đã đi hỏi con gái ông bá Ngô cho nó. Sở dĩ thầy mẹ nó lo việc hôn nhân cho nó gấp bức như thế, là để chuộc lại miệng tiếng vào ra của thiên hạ. Trầu bé, trầu lớn, vợ chồng ông bá Ngô cũng đã thâu nhận cả rồi. Bề ngoài thì làm ra hai bên vì tình cố cựu xưa nay mà kết thông gia với nhau, nhưng kỳ thực bề trong thì chỉ dòm ngó nhau về ruộng vườn nhà cửa. Ông bá Ngô có những bảy mẫu ruộng chiêm, và hai cái rẫy sắn. Về mặt ruộng vườn thì ông Phó có vẻ kém sút ông Bá, nhưng ông lại hơn về mặt khác. Ông có những bốn con trâu mờm to chắc, và lại có những bạc trăm cho vay nữa... kể thì cũng môn đăng hộ đối đấy chứ sao... Về đám cưới thằng Đối, ông Phó có bán đứt đi hai con trâu để lo liệu công việc, thì rồi ông Bá cũng phải bỏ ra hai mẫu để làm hồi môn cho con gái. Thì của ấy cũng về thằng Đối chứ về ai?

Bấy nhiêu điều ấy tính toán ở trong óc ông Phó Thanh, thằng Đối có hay biết chi đâu? Miễn sao là đến ngày cưới, thằng Đối chịu bận cái áo thụng xanh, đến nhà vợ làm lễ gia tiên. Thế là yên việc. Thằng Đối nó có yêu vợ nó hay không yêu vợ nó thì có quan hệ chi.

– Con bé thì rỗ chằng rỗ chịt, chưa nói thì đã cười toe toét thương sao vô?...

Đã biết bao lần thằng Đối nó lẩm bẩm như thế, nhưng cũng chỉ lẩm bẩm cái bất bình, uất ức của nó một mình mà thôi. Nó không tỏ ra cho thầy mẹ nó biết, vì sợ rằng thầy mẹ nó nghi nó còn say mê con Vịnh... Không, nó không muốn cho ai hay rằng nó yêu con Vịnh, mà sự thực thì trong những lúc xa vắng con Vịnh, nó bứt rứt khó chịu lắm. Hôm nay nó muốn gặp tận mặt con Vịnh, và ngỏ hết các sự tình cho con Vịnh nghe. Đã yêu nhau thì không nên có

điều giấu giếm nhau nữa. Cái tâm hồn bình dị của nó rất hiểu cái lẽ đơn giản ấy... Nó vui vẻ cất giọng gọi con Vịnh:

– Qua đây "đổ tam quan", Vịnh!

Nghe thằng Đối gọi, Vịnh hớn hở rúc bụi chạy qua. Hai đứa nhìn nhau mà cười sung sướng như hai bên không hề xảy ra chuyện gì... Muốn gặp nhau để tỏ bày tâm sự cho nhau hay, hai đứa chỉ nhìn nhau mà cười, cười một nụ cười trong trẻo, ngây thơ, yêu đời.

Giọng âu yếm, thằng Đối bảo con Vịnh:

– Em ngồi xuống đây, anh gỡ những gai mắc ở trên đầu em cho.

Con Vịnh ngồi xuống bên thằng Đối, gục đầu vào lòng nó. Thằng Đối dịu dàng đưa tay gỡ những cái gai khô, mà con Vịnh vừa vướng vào tóc, khi rúc qua bụi. Nó thấy như lòng nó cũng được một bàn tay yêu đương, dịu dàng mơn trớn. Thân quê mùa, thô lậu, nó mấy khi được hưởng những cái phút thần tiên say sưa mà nó quên rằng: nó là một đứa chăn trâu quê kệch. Ái tình quả có cái đức tính ấy: nó làm cho trong sạch thanh tao cả được cái vật chất thô bỉ. Con Vịnh sung sướng quá, hai giọt nước mắt từ từ rơi trên gò má.

– Em Vịnh, em làm sao thế?

– Không, em có làm sao đâu...

Thực ra, con Vịnh nó cảm động quá. Từ khi mẹ nó chết rồi, lần này là lần đầu tiên, nó nghe rỉ vào tai những lời dịu ngọt. Nó muốn thốt ra ít lời để cảm tạ cái lòng tốt của thằng Đối, nhưng nó ngập ngừng nói không được. Thằng Đối tưởng bạn nó có điều gì không vui, lựa lời khuyên dỗ:

– Em Vịnh, em đừng buồn... Thế nào rồi đây anh cũng sẽ xin phép thầy mẹ cưới em làm vợ... Chúng ta sẽ...

Nó bỗng ngừng bặt giữa câu nói và bẽn lẽn cúi mặt xuống. Nó thấy nó vừa nhẫn tâm lừa dối một người thiếu nữ yếu hèn. Buồn rầu nó bảo con Vịnh:

– Em tha lỗi cho anh.

– Anh thì có lỗi gì?

Con Vịnh tưởng rằng thằng Đối đã đoán được tâm sự mình, toan đem hết cả "sự tình" ngỏ cho bạn hay, thì thằng Đối đã rưng rưng nước mắt cầm lấy tay con Vịnh mà nói tiếp:

– Em Vịnh, em tha lỗi cho anh nhá.,anh định nói dối em... Đôi ta chắc không lấy nhau được, và chắc trọn đời cũng không lấy nhau được. Anh sẽ lấy con Sáu Lạc con ông Bá Ngô!... Biết làm răng được giứ, ông trời kia buộc phải thế, ông bà Bá Ngô đã nhận trầu rồi. Có lẽ qua tháng năm thì cưới...

Con Vịnh không hề đổi sắc mặt. Những lời của thằng Đối không làm cho nó ngạc nhiên tí nào. Là vì nó yêu thằng Đối, mà nó không hề màng đến sự cưới xin, nó không nghĩ đến một ngày kia nó sẽ về đeo chùm chìa khóa và coi sóc cửa nhà cho thằng Đối! Nó biết phận nó lắm. Nó cho rằng thằng Đối không lấy nó là một lẽ tất nhiên. Nhưng nó nghĩ đến cái đêm hôm ấy, cái đêm mà nó ngủ với thằng Đối ở trong rừng và nhất là nó nghĩ đến sự thay đổi trong người nó, trong một tháng nay thì nó không thể không rùng mình.

– Em Vịnh, em làm sao thế! Dầu rằng đi nữa, anh thề có mặt trời trên đầu, anh không bao giờ quên em được.

– Thì anh nhớ em mà làm gì? Em chỉ cầu sao khi cưới, anh đừng quên cho em một miếng trầu!

Ân hận vì đã thốt ra một câu chua chát, con Vịnh giở giọng bông đùa:

– Hôm cưới anh, em không tặng gạo nếp, tiền nong chi đâu, vì em nghèo lắm. Em bắt chước cậu gì con ông huyện Minh tặng suông anh một bó hoa... Chơi kiểu "văn minh" ấy thế mà đỡ tốn, mà lại ngộ nữa chứ! Em sẽ vào rừng kiếm hai đóa hoa mồng gà, ba đóa hoa dâm bụt, thật nhiều hoa mẫu đơn, và một ít chùm mù tru nữa anh nhá. Em nghèo tiền nghèo bạc, nhưng em được cái giàu công. Bằng lòng rồi đấy nhá! Anh cho em mừng anh chị một bó hoa.

Thằng Đối có vẻ không bằng lòng lối pha trò ấy, nói lảng sang chuyện khác:

– Thôi ta vào khe uống nước đi! Anh khát lắm.

– Đi thì đi...

Rồi hai đứa dẫn nhau đi, phải lách qua không biết bao là bụi rậm mới đến khe. Dọc đường, con Vịnh chạy nhảy như một đứa trẻ. Hai con mắt luôn luôn thóc mách đi tìm ở bên đường những trái sim chín đỏ, rồi nó hái đưa vào miệng cho thằng Đối. Nó lại bẻ một cành thông làm ô che chung hai đứa. Nó thấy một cây lau ngả xuống chắn ngang đường, nó kéo thằng Đối lại và nũng nịu bảo bạn:

– Rồi đây trước khi anh đi lấy vợ, em muốn anh cắt lau tiện cho em một cái sáo, để khi nhớ đến anh...

Bỗng nó đổi ngay ý nghĩa:

– Nhưng mà đàn bà thổi sáo, trơ lắm phải không anh? Cách đây bốn năm năm, ngày em còn bé, con Bính cho em một ống sáo lau, em ngồi ở trên mình trâu, em thổi luôn miệng. Nhưng về sau, không hiểu vì sao chủ em bảo em chẻ ống sáo đi.

Hai đứa đã đi tới khe nước. Thằng Đối lấy hai tấm lá me kết lại làm thành cái gáo, rồi múc nước cho con Vịnh uống. Hai đứa lặng lẽ, cùng ngồi trên một tảng đá. Trên đầu chúng nó, những cây hoang, uốn thành vòm, trông như một mái nhà thiên tạo. Chúng có cái cảm giác như được biệt lập ra một nơi riêng, cùng nhau hưởng cái lạc thú vợ chồng, xa những tiếng xì xào của dư luận.

Nũng nịu, sung sướng, con Vịnh đưa chân vẫy. Làn nước gợn mấy vòng, rồi lại bình tĩnh phẳng lỳ, căm nét mặt lại.

Con Vịnh lại buồn. Nó chợt nhận thấy sự ngắn ngủi mỏng manh của cái lạc thú ở đời. Nó lại nghĩ đến cái kiếp nó, cái kiếp tôi đòi không hề thay đổi, vẫn tối tăm, vẫn lem luốc, kéo dài – than ôi! đến biết bao giờ – kéo dài những ngày vô thú vị. Nó còn nghĩ đến nhiều điều khác nữa. Nó còn nghĩ đến cái ngày rồi đây nó phải lạnh lùng nhìn thằng Đối đi lấy vợ, nhất là cái ngày chắc chắn lắm mà nó sẽ thè lè cái bụng... không, nó mới mười sáu tuổi. Nó còn chưa đủ sức để chịu nổi một mình những nỗi khổ não đè trên cái lòng bé nhỏ của nó... Buồn rầu và lơi lả, nó tựa đầu vào vai thằng Đối.

Nó toan đem sự tình kể hết cho thằng Đối nghe, thì có tiếng người làm nó giật mình:

– Chào anh... chị.

Con Vân, người em họ của thằng Đối đã tiến đến trước mặt chúng mà mỉm cười một cách chua chát. Nó vẫn mỉm cười và nói tiếp:

– Em trách anh chị lắm đấy! Cưới xin lúc nào không cho em được một miếng trầu, tệ quá! Hay là anh chị chê em nghèo, không có chi mừng anh chị chăng?

Nói rồi, nó ngoay ngoảy quay lưng đi.

Thằng Đối nghẹn ngào, đưa mắt nhìn con Vịnh. Nó lẩm bẩm: "Sợ gì! Bức quá thì ta sẽ liều!". Rồi nó nói với con Vịnh:

– Con Vân nó về mách nhà nữa thì đã làm sao! Sợ gì! Bức quá thì ta sẽ liều...

IV.

Bấy giờ đã quá canh ba. Làng Phú Mỹ đã mê man trong giấc ngủ. Lặng ngắt bốn bề, không có một tiếng động. Thỉnh thoảng chỉ nghe có tiếng mõ cầm canh, nghiêm trang điểm từng hồi một, làm cho cái cảnh im lặng lúc đêm khuya càng thêm nghiêm trọng.

Thằng Đối vai mang một cái khăn gói, nó tìm những con đường hẻo lánh tối tăm mà đi. Nó đi nhẹ nhàng êm đềm như một cái bóng. Nó không dám ho, không dám đằng hắng. Nó trông tả nhìn hữu, sợ sệt như một thằng trộm. Kể thì nó vừa làm một việc nguy hiểm gấp mấy việc ăn trộm. Nó cúi mặt đi, không dám nhìn lại cái nhà nó một lần nữa, dầu là lần cuối cùng... Sự sợ hãi và sự căm tức đã giết mất ở trong trí nó cái tình gia đình, cái tình quê hương; nó quên phắt đi rằng: nó sắp từ giã mà không bao giờ còn gặp lại nữa những người thân yêu của nó: cây cam ở sau vườn, cây bàng ở ngoài ngõ. Trong khi ra đi, nó chỉ nhớ một điều – mà nó quên làm sao được điều ấy – là cái ái tình dang dở của nó và cũng chỉ nhớ có một người, là người mà nó yêu thương: con Vịnh... Nó tin chắc rằng trong giờ này mà mọi người thiêm thiếp giấc nồng, chỉ có con Vịnh là còn thức mà thôi, thức để làm hết những công việc nặng nề, quá sức một người con gái yếu ớt... Nó tìm những con đường tối tăm hẻo lánh để tới thăm một lần cuối cùng tình nương vô phúc của nó.

Đi đến cổng nhà ông bá Ngưỡng, cố nhiên là nó chẳng dám vào cửa chính, nó nương theo một rặng dâm bụt mà đi tới cái nhà ngang. Đứng ngoài, nó lấy tay phách một cái lỗ con qua cái phên nứa, đủ đặt mắt vào đấy. Quả nhiên, nó thấy con Vịnh đương ngồi một mình sàng gạo, dưới ánh sáng một ngọn đèn dầu phộng liu hiu... Con Vịnh, hai tay như một cái máy lia lịa làm việc, mà cặp mắt thì lờ đờ hình như đi vào cõi mộng... Sự thực thì nó chẳng mơ mộng gì đâu, nó cũng chẳng nghĩ tới thằng Đối, chỉ vì mệt mỏi quá, nó buồn ngủ...

– Vịnh, em Vịnh...

Nghe tiếng gọi, con Vịnh mở mắt trao tráo, nó dừng tay, cố định thần xem ai gọi. Nhìn quanh quất không thấy một ai, nó ngỡ là tiếng gọi xa xăm ở trong giấc mộng... rồi mỉm cười, nó cười sao ngơ ngẩn thế.

– Vịnh, Vịnh!

Nó nhìn về phía cái lỗ phên, nó đặt cái sàng xuống, chạy lại. Nó lắng tai nghe rõ tiếng thằng Đối nói với nó:

– Ra đây em, mau! Đối có câu chuyện muốn nói với Vịnh.

Vội vàng, nó rúc bụi ra với tình nhân. Thằng Đối cầm lấy tay nó, nói với nó bằng cái giọng rất cảm động, đau đớn:

– Anh đi đây...

– Anh đi đâu?

– Đi xa, lên xứ Lào... Mường Luống, Xã Vằn xa lắm.

– Anh nói chơi?

– Thật đấy em!

Hai đứa đứng lặng nhìn nhau một hồi lâu. Con Vịnh giẫm chân, bưng mặt khóc nức nở...

– Trời đất ơi! Sao lại đến nông nỗi này!

– Sẽ sẽ chứ! Chó nó sủa lên, người ta đổ ra đấy!

– Anh Đối! Sao anh lại phải lên Lào, anh lên Lào làm gì? Anh Đối!

– Chớ em bảo anh còn biết đi đâu nữa. Mà ở nhà thì không sao ở nhà được một phút nữa. Con Vân nó về mách thầy mẹ anh

biết. Hắn bảo hắn thấy chúng mình ngồi... tự tình với nhau. Chán lắm rồi! Anh không thể chịu được nữa, những lời rầy mắng của thầy mẹ anh!...

– Nhưng anh đi đâu thì đi, anh đừng lên Lào...

Chữ "Lào" gợi vào trí non nớt của con Vịnh một non nước xa lạ... ở phương trời thăm thẳm, một xứ có tiếng nói líu lo dễ sợ có những phong tục ghê gớm, một xứ ma thiêng nước độc.

– Em không muốn anh lên Lào!

Ông khán Khuyển cũng chả phải đi Lào đấy ư? Rồi có đi, không có về bỏ mạng ở dọc đường dọc sá... Còn ông hương Tạo, ông xã Thính thì được về xứ sở, nhưng bây giờ mang bệnh nghiện, bán cả áo quần vợ mà hút.

– Hơi đâu mà lo, em. Đi chết thì ở nhà cũng chả sống được. Em bảo anh cưới con ma ấy về làm gì? Đi khổ thì ở nhà cũng chả sướng gì... Nghe đâu thầy anh định xin ông bá Ngô cưới gấp...

– Dầu sao em cũng xin anh đừng lên Lào. Anh lên trên ấy làm gì?

– Buôn...

– Buôn gì?

– Buôn hàng nhẹ. Anh định mua một ít hàng Quảng, lên trên ấy bán một thành mười...

– Thế ai bỏ vốn ra cho anh?

Thằng Đối mỉm cười, đáp:

– Anh xoáy của thầy mẹ anh được ngót trăm bạc.

– Ấy chết! Nhà không ai biết à?

– Chẳng ma nào biết!

Nó móc ở trong cái bọc vải ra hai xấp giấy bạc, giao cho con Vịnh:

– Anh muốn giúp em ngần ấy, để mai sau...

– Chết! em lấy tiền làm chi? Em không cha, không mẹ, không chị em, em lấy tiền nuôi ai?...

– Nuôi em, em phải nghĩ đến em, đến mai sau: trọn đời không lẽ em cứ cúi đầu làm thuê, làm mướn cho thằng cha bá Nguỡng. Em cầm lấy cho anh vui lòng.

Con Vịnh ngửa tay, đón lấy hai xấp giấy. Nó cảm động quá, nước mắt tuôn ra như suối. Nó ngập ngừng bảo thằng Đối:

– Chiều anh, chớ thật lòng em không nỡ!

Bỗng nó đổi ý ngay, nó quả quyết bảo bạn:

– Không, không thể được! Xa anh, em còn thiết gì nữa, tiền bạc! Chà! Tiền bạc có làm cho em sung sướng được không? Em xin trả anh... Anh, đừng đi xa xôi, lạ lùng đất khách, khi sa chân lỡ bước biết cậy nhờ vào ai? Anh giữ lấy...

Rồi nó nhét cả hai xấp giấy bạc vào cái bao của thằng Đối...

Con Vịnh lơi lả ngả đầu vào lòng bạn, cầm tay bạn khóc rưng rức:

– Anh Đối! Anh đành lòng dứt áo đi đấy ư?

– Anh sẽ đi nội đêm hôm nay, trước khi mặt trời mọc...

– Anh đi một mình?

– Không, anh đi với ông Chân.

– Đi đằng nào?

– Anh đi đằng đèo Măng Gia.

– Đi bộ?

– Bộ...

– Em tiếc trời chẳng cho em làm vợ anh để níu áo anh lại... Em chỉ là người tình nhân dọc đường, gặp đấy rồi quên đấy, phải không anh?

– Cần gì phải có cưới xin mới là vợ chồng, em. Nhờ trời phù hộ cho anh mạnh chân khỏe tay, thì đôi ta còn có lúc trùng phùng. Còn nếu bất hạnh anh có làm ma xứ người, thì hồn anh cũng cứ hiện về bên em.

– Thôi anh chớ nặng lời làm chi! Em đây cũng vậy, sống chết đinh ninh một lòng.

Rồi nó kể:

"Nghĩ xa thôi lại nghĩ gần,
Làm thân con nhện mấy lần vương tơ..."

Gà ở trong chuồng đã giục giã gáy lần đầu...

– Thôi anh đi!

– Chào em anh đi!

Nhưng bốn tay còn nắm chặt lấy nhau, và bốn mắt còn nhìn nhau rơi lệ.

– Trời già độc địa thay!

– Không, em đừng trách trời! Muôn sự đều do lòng người gây nên cả?

Gà đã giục giã gáy lần thứ hai... Bốn tay se sẽ rời nhau ra.

– Chúc anh lên đường bình an.

– Thôi em ở lại bình an.

Vai mang khăn gói, thằng Đối tìm những đường tối tăm, hẻo lánh mà đi. Nó đi xa, nó trốn xa, đi đến những nơi biên thùy xa lạ...

Con Vịnh đứng nhìn nó, cho đến khi khuất hẳn mới trở vào nhà.

Ngọn đèn dầu phộng liu hiu còn đợi nó.

– Chết! Công việc còn bề bộn thế này, làm sao cho hết?

Rồi nó lại cầm lấy cái sàng, hai tay lia lịa làm việc, mắt lờ đờ như đi vào trong cõi mộng. Nó có nghĩ gì đến những chuyện xa xôi nữa đâu. Nó mệt. Nó buồn ngủ.

V.

Bây giờ sự ấy đã thành sự thực rồi, sờ sờ ra trước mặt mọi người, không thể che đậy được: con Vịnh có chửa đã ba tháng nay. Nó xấu hổ vô cùng. Mọi người trong làng đều nhìn nó một cách khinh bỉ, cho nó là đồ dâm ô khốn nạn, nếu sinh ra ngày trước, thì đã bị đem ra cho voi chà cho ngựa xé. Một hôm, nó đi gánh nước, ở cái giếng đầu xóm, thằng Dưỡng đương ngồi đan rổ dưới gốc cây bàng, thấy nó đi qua, ứng khẩu đặt một bài vè, để trêu nó. Phảng phất nó nghe có những câu:

Lẳng lặng mà nghe
Cái vè con Vịnh.

Đỏng đảnh đỏng đa,
Lấy nhà thằng Đối
Mụ trối, mụ trè,
Lè thè cái bụng
Như trong làng ta,
Xấu xa hết nước,
Đối xước qua Lào...
...

Nó không dám nghe nốt đoạn cuối. Nó cúi mặt lủi qua chỗ khác. Cách mấy hôm sau, cái vè ấy đã truyền khắp làng, đi đâu nó cũng bị trẻ chăn trâu hát vào tận mặt nó.

Nó buồn tủi quá, nó căm tức quá, nhất là vì trong vè có đả động đến tên thằng Đối. Nó cho rằng thằng Đối chẳng có tội tình gì, muôn sự đều tại nó cả. Mỗi khi nó nghe đứa nào hát vè, nó muốn chửi vào mặt đứa ấy. Nhưng nó thấy yếu ớt, phải địch lại với cả một bọn, thì nó lại thôi. Nó nén lòng, nuốt thầm giọt lệ. Ra ngoài đường, nó khổ với chúng bạn, về nhà, ông bá Ngưỡng chẳng để cho nó yên. Ông đay nghiến nó, ông mắng nhiếc nó đủ điều. Có khi ông lại dùng đến roi vọt để răn nó nữa, mà thường thường ông bắt nó làm việc gấp đôi, gấp ba lên để phạt nó. Một hôm, nó đương ngồi xắn sắn ở sân, bỗng thấy sấn vào một đoàn những ông Lý, ông Phó, ông Trùm và ba bốn thằng xeo bịt khăn tai chó. Cái đoàn người ấy sừng sừng sộ sộ, bước vào như một đoàn người mặt ngựa đầu trâu mà Diêm vương sai đi lùng những quân tội lỗi. Con Vịnh rụng rời tay chân. Nó có cảm giác rằng mấy người ấy vào bắt nó để làm tội. Rồi nó bỏ chạy ra chuồng lợn, ôm mặt khóc.

Tiếng ông Lý quát:

– Xeo, bay đâu, vào tóm cổ con Vịnh ra đây cho tao!

Bọn xeo "dạ" ran một lượt, rồi xô vào tóm cổ con Vịnh. Con Vịnh không hề chống cự tí nào hết, nhưng mà nó buồn, nó khổ, nó khóc lên mấy tiếng cho quỷ thần biết rằng nó oan.

Ông Lý lại quát:

– Xeo! Bay giải nó ra chợ.

Rồi quay lại bảo ông bá Ngưỡng:

– Chốc nữa ông cùng đi ra ngoài chợ cho tôi hỏi ít câu.

Đoàn đầu trâu mặt ngựa lại ra đi.

Ông Lý đi trước, thứ đến ông Phó, ông Trùm, thứ nữa đến bầy xeo, giải áp con Vịnh. Đọc đường những bà lão trỏ vào mặt con Vịnh, xì xào: "Đáng kiếp đồ voi chà, băm ra trăm mảnh còn chưa hết tội".

Trong lúc ấy, ông phó Thanh và thằng Mõ làng Phú Mỹ đương thương thuyết với nhau về một việc quan trọng...

– Anh Mõ, anh còn ngần ngại chi nữa. Anh cứ nhận phứt đi. Con ấy mặt mũi cũng sáng sủa đấy.

– Con cũng vui lòng nhận lắm chớ. Ngặt vì bây giờ khắp trong làng ai cũng đồn là nó có nghén với anh Đối.

– Thì chính vì thế tôi mới cậy đến anh. Việc nó có nghén với thằng cả nhà tôi thực như thế nào không rõ, thằng cả nhà tôi còn đi làm ăn xa. Nhưng tiếng tăm bây giờ đã vỡ lở ra thì anh giúp tôi nhận phứt đi là anh có ăn nằm với nó, trước là anh có đôi có đũa mà sau nữa tôi cũng khỏi mang tiếng là không biết dạy con. Tùy đó, anh liệu làm thế nào đó thì làm, miễn sao tôi khỏi mang tiếng với họ hàng làng nước. Việc xong xuôi, tôi xin thưởng anh ba chục bạc. Tôi có nói sai thì tôi là con chó.

– Dạ con xin nghe lời ông dạy. Làm dân không nghe lời ông Phó thì nghe ai? Nhưng sợ một điều là nó cứ khăng khăng một hai bảo rằng nó ăn nằm với anh cả, thì con biết tính sao?

– Khó gì việc ấy! Già miệng, anh cứ cãi phăng đi, anh cứ thưa với ông Lý rằng nó có thù riêng với thằng cả nhà tôi... Cứ thế anh khai. Chỗ tôi với ông Lý đương thứ làng ta, ông ấy trước cũng có làm việc quan với tôi, thế nào ông ấy cũng bênh tôi.

– Nhưng con lại sợ tật nào vẫn tật ấy, nó lại về làm hư gia đạo nhà con.

– Anh cứ lấy roi vọt mà trị cho nó chừa. Thôi anh đi đi! Bây giờ có lẽ xeo dịch đã giải nó ra chợ rồi.

– Lạy ông! Con đi.

– Cố làm cho trôi việc. Về đây, lĩnh ba chục bạc thưởng?

– Dạ...

Rồi thằng Mõ chạy một mạch ra chợ... Thiên hạ vòng trong, vòng ngoài, đứng xem chật ních... Nó chen lấn hết hơi, mới vào được. Nó thấy con Vịnh đương nằm dài trên mặt đất. Trong chợ các hương chức đang gật gù cùng nhau uống rượu.

Dẫy bên này thì là ông Lý, ông Phó, ông Trùm, ông hương Kiểm, ông hương Bộ... dãy bên kia là các ông hào mục.

Đã ngà ngà hơi men, ông Lý bắt đầu lấy cung:

– Hỡi con kia! Mi không biết làng ta xưa nay là một làng có tiếng thuần phong, mỹ tục, sao mi dám làm điều xấu xa, trái phép thế kia? Mi ăn nằm với ai thì mi khai đi?

– Dạ bẩm, quả con...

– Mi không ăn nằm với ai, thì sao mi có chửa?

Ông Trùm nối lời ông Lý:

– Nó không chịu khai thì xin ông Lý ra lệnh cho xeo lột hết quần áo tẩn cho nó năm chục roi.

Các hào mục cũng nói xen vào:

– Xin làng trị tội cho đến nơi để làm gương.

Thằng Mõ bấy giờ đứng vào giữa, chắp tay lạy làng ba cái, rồi nó gãi đầu gãi tai thưa.

– Trước thưa các quan chức, sau trình ông Lý, ông Phó và hai giáp: làng tha, con được nhờ, bắt tội con phải chịu, quả thật con trót dại quyến rũ nó.

Ông Lý cười sặc sụa, chỉ vào mặt thằng Mõ, nói:

– À! À chính anh Mõ làm cho con này phình bụng ra à! Tôi nói cho anh biết rằng người khác tôi còn nhẹ, chứ anh, anh có làm việc làng chút đỉnh anh phải biết rõ phép làng, anh còn dám làm điều xằng bậy à? Tôi sẽ trừng trị anh thẳng tay, cho anh biết mặt.

Rồi ông quay về phía con Vịnh:

– Còn con kia, có phải thằng này ăn nằm với mi không?

Cái cử chỉ của thằng Mõ làm cho nó cảm động quá, nó tưởng như thằng Mõ là một đức thiên sứ trời sai xuống để cứu vớt danh giá thằng Đối. Chẳng ngần ngại chi hết, nó đáp lời ông Lý:

– Bẩm con đã trót dại với anh Mõ thật. Nhưng xin ông xét cho. Anh ấy chẳng có tội gì, tội ở nơi con tất cả. Ông tha cho được nhờ bắt tội con phải chịu.

– Thế bây giờ mi có bằng lòng về với thằng Mõ không?

– Bẩm ông dạy sao, con xin theo vậy. Ở đất làng nhờ ơn làng.

– Còn anh Mõ, anh có bằng lòng chịu cho nó sáu quan tiền vạ không?

– Bẩm ông châm chước cho được chừng nào con nhờ chừng ấy.

– Đó là lệ làng. Hẹn cho anh, nội nhật hôm nay đưa lại nhà tôi đủ sáu quan và nhận lĩnh con Vịnh về.

– Dạ!

– Còn con Vịnh! Cho đứng dậy và lạy tạ làng đi.

Ông trùm còn lôi thôi, lên giọng buộc thằng Mõ một điều rất oái oăm:

– Anh là Mõ, ngày mai anh phải đi trình làng thượng hạ, xóm trên, xóm dưới, trình cho nam nữ lão ấu, khắp khắp mọi người, đều biết cái việc tốt đẹp của mình.

Mọi người đều cười ầm cả lên, rồi giải tán.

VI.

Con Vịnh về làm vợ nhà thằng Mõ đã hơn một năm. Cửa nhà nó săn sóc một cách chu đáo, tươm tất. Với ba chục bạc ông phó Thanh cho nó, con Vịnh mở một ngôi hàng xén, bán buôn những đồ tạp hóa ở chợ. Nó bắt tay vào làm việc gì, là được việc ấy. Vì nó được cái nết siêng năng, cần kiệm. Buôn bán gặp may, nó dành dụm từng đồng một đồng hai, cuối năm nó đã có cái vốn hơn trăm bạc. Thằng Mõ thấy cửa nhà ngày một hưng thịnh, thì nó vui lòng quên cái lỗi xưa của vợ và chiều chuộng vợ đủ điều, nó đã từ dịch cái chức Mõ và bỏ ra ba chục để chạy cái chức Hương dịch. Nó không muốn thiên hạ gọi vợ nó một cách khinh bỉ: "Cái chị nhà anh Mõ". Từ nay nó là ông Hương dịch, và vợ nó là bà Hương dịch. Mỗi khi nó nghe có người kính cẩn gọi vợ nó bằng "Bà Hương", thì nó sung sướng quá. Một hôm nó bảo vợ nó:

– Mụ Hương, ráng làm ăn siêng năng cần kiệm, qua sang năm, tôi sẽ ra ứng cử Phó lý.

– Thôi, khéo đa mang làm chi nữa, ông Hương. Để tiền mà nuôi con!

– Mụ Hương nói nghe phải đấy!

Thiên hạ ngó vào, ai cũng tấm tắc khen ngợi hai vợ chồng thằng Mõ biết ăn ở với nhau thuận hòa. Những chúng bạn con Vịnh xì xào với nhau:

– Số con ấy thế mà tốt đấy! Được gặp ngay nhà ông Hương Tá (tên thằng Mõ) làm ăn nên nổi.

Nhưng họ có biết đâu rằng: đôi khi con Vịnh hồi tưởng đến những chuyện đã qua, mà ôm lòng đòi đoạn...

Mỗi khi nó nhìn thằng Cu, nhận thấy trên cái mặt thằng bé như in cái hình ảnh của con người luân lạc ở phương xa, thì hai hàng lệ lại tuôn ra như suối. Nhưng hễ thấy bóng thằng Mõ ở ngoài đi vào, thì nó vội vàng đứng dậy gạt lệ hỏi chồng:

– Ông Hương chưa ra thăm ruộng à?

– Tôi vào chơi với thằng Cu một tí đã!

Dẫu sao thì thằng Mõ cũng là ân nhân của mẹ con nó. Nếu không phải vì là tình ái thì cũng là nghĩa vụ, nó phải vui vẻ mà ra gánh vác giang sơn nhà chồng. Kể thì con Vịnh nó cũng quý mến chồng lắm, chiều chuộng chồng lắm. Đi chợ thấy con cá nào tươi, nó cũng tranh mua cho được, về nấu nướng cho chồng ăn. Những sầu não trong giây lát rồi cũng tiêu tán vào trong những công việc hàng ngày. Làm việc là quên hết mọi sự. Cái hình ảnh thằng Đối, rồi nó cũng phai lạt dần trong tâm trí con Vịnh.

Nhưng, một buổi chiều thu...

Một buổi chiều thu, khi tan chợ rồi, con Vịnh đi vào rừng sim, nhặt ít củi khô về thôi. Bỗng tần ngần, nó nghe như từ cái dĩ vãng xa xăm, đưa lại những tiếng sáo trúc não nùng. Những bụi sim già xào xạc, khua động cái buồn ủ rũ trong lúc chiều tà. Buồn rầu nó ôm bó củi ra về. Đến cây đa, dưới chân rừng, nó thấy đi trước nó có hai người, một người gánh kén và một người vác cái cày trên vai. Nó đi sau nghe lỏm câu chuyện của hai người:

Người gánh kén nói:

– Va đã về với tôi đến Mường Héo, nghĩa là chính giữa đèo Măng Gia rồi thì không may va cảm bịnh. Tội nghiệp quá! Ở đấy không có làng mạc nào hết, va phải nghỉ lại ở giữa đường, tôi lấy bàn đèn ra tiêm cho va mấy điếu, va đã hơi đỡ, nếu không có việc gì thì hai ba hôm va cũng theo tôi về được nơi xứ sở. Không may trong lúc ấy thì chúng tôi gặp thằng Phỉ, con ông mục Néo ở làng dưới lên. Vô tình, thằng Phỉ đem hết chuyện đã xảy ra cho con Vịnh kể lại cho va nghe. Nào khi con Vịnh có mang, bị xeo đưa ra chợ làm nhục, nào khi về với thằng Mõ... Nghe hết đầu đuôi sự tình, va nổi uất lên. Bịnh trở lại. Chỉ trong hai giờ đồng hồ thì va chết. Tôi với thằng Phỉ phải ở lại đấy mất một ngày, khâm liệm chôn cất va.

– Tội nghiệp quá!

– Khi ra đi hai anh em, mà về có một mình, thật là ảo não quá!

– Thế vốn liếng của va, có gì không?

– Trong lưng va cũng còn được năm ba trăm bạc tôi còn niêm giữ để giao lại cho ông phó Thanh. Về chuyến này va cũng định trốn đưa con Vịnh lên. Thế ra bây giờ đã lấy nhà thằng Mõ rồi?

– Lấy đã hơn một năm.

– Con ấy thế mà bạc!

– Kể thì cũng là bất đắc dĩ.

Con Vịnh đi phía sau, nghe câu chuyện như sét đánh ngang tai, chân tay rụng rời... Đến cây bàng, ông Chan, người bạn đồng hành của thằng Đối và chàng nông phu kia rẽ vào xóm Đình, còn con Vịnh thì đi thẳng về xóm chợ.

Về đến nhà, nghe tiếng thằng Cu khóc, nó vất mạnh bó củi xuống sân, rồi vội vàng chạy vào với con... Nó cầm lấy tay nôi, nó ru thằng bé, mà hát rằng:

Yêu anh thịt nát xương mòn,
Yêu anh đến thác cũng còn yêu anh

Lại hát:

Nhớ ai em những khóc thầm,
Năm thân áo vải ướt đầm như mưa,

Nhớ ai ra ngẩn vào ngo,
Nhớ ai ai nhớ bây giờ nhớ ai?

Hát rồi, nó tự trách mình sao hát chi những giọng thê lương ảo não. Nhưng những giọt lệ vẫn tiếp nhau rơi tràn trên gò má...

Nó lặng im nhìn ra ngoài trời...

Trước khi tản vào cõi mờ mịt, khói thổi cơm chiều tỏa ra từng đám xanh như còn lưu luyến những mái tranh màu ảm đạm...

Cảnh vật như thuộc về thời dĩ vãng.

Năm 1941

TRẦN HUYỀN TRÂN
(1913–1989)

Tên thật là Trần Kim, sinh ngày 13-9-1913 tại Hà Nội (quê gốc huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên). Nhà nghèo, sớm mồ côi cha nên ông chỉ học hết lớp đệ nhị trung học thì bỏ đi làm nhiều nghề (gia sư, thợ nguội, chiếu phim...) để giúp mẹ nuôi em. Thơ và truyện ngắn của Trần Huyền Trân xuất hiện trên các báo ở Hà Nội cuối những năm 30 của Thế kỷ trước: Ngọ Báo, Bắc Hà, Tiểu thuyết thứ bảy, Phổ thông bán nguyệt san, Tao đàn... Trước cách mạng, ông là bạn thân của Nguyễn Bính, Thâm Tâm...

Trần Huyền Trân tham gia Văn hóa Cứu quốc từ 1943, có thơ ca in trên các báo chí bí mật của Đảng thời tiền khởi nghĩa (Cứu quốc, Cờ giải phóng...) với bút hiệu Đỗ Quyên. Thời kỳ này, ông cùng một số bạn lập ban kịch, viết và dựng những vở kịch yêu nước.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám, Trần Huyền Trân chuyển hẳn sang lĩnh vực sân khấu, lần lượt phụ trách các Đoàn kịch Tháng Tám, Đoàn văn công Tổng hợp Hà Nội, Đoàn Chèo Hà Nội, tham gia Đoàn Sân Khấu Việt Nam, Ban Sân Khấu của Vụ nghệ thuật (Bộ Văn hóa)... Ông là Ủy viên Thường vụ Hội Nghệ Sĩ sân khấu Việt Nam nhiều năm. Ông mất tại Hà Nội ngày 22-4-1989.

Tác phẩm chính: Các tiểu thuyết Sau ánh sáng (1940), Bóng người trên gác binh (1940), Tấm lòng người thiếu nữ (1941), Người ngàn thu cũ (1942), Rau tần (thơ, 1986)..., Hoàng Văn Thụ (Kịch thơ), Tú Uyên – Giáng Kiều, Cô Thủy (chèo), Quan Âm Thị Kính, Kim Nhan, Tôn Mạnh – Tôn Trọng, Vân dại (chỉnh lý chèo cổ)...

*

NHỮNG CÁNH HOA VÀNG

(truyện ngắn)

Chim lạ sắp báo xuân về.

Lúc ấy ngoài vườn, muôn cánh hoa trinh đều nép dưới những tà áo xanh dài, sạch bụi.

Gió, từ lâu xuôi ngược khắp bốn phương trời, đã trở về nằm yên nghỉ giữa cánh lá, lòng hoa. Trong hoa lá, bên một hương án

rộng tỏa khói trầm, ông Từ già đứng hiên ngang trong nếp áo khăn huyền, chòm râu cước lơ thơ như buộc vào gậy trúc. Thỉnh thoảng, ông băn khoăn nheo mắt nhìn vòm trời thẳm mù sương.

Ánh nến vẫn lồng trong khói hương huyền ảo, và hư vô, tiếng gió đông vừa tắt nốt âm thừa. Muôn loài, như muôn nhạc sĩ, đang lắng đợi cái thời khắc thiêng liêng để lại bắt đầu nổi lên một bản đàn mới soạn.

Bỗng cành trúc uốn cong dần: ông già còng lưng xuống lắng nghe... Đâu đây, hồn thơ vừa tỉnh dậy trong một giọng ngân dài sang sảng.

Chau mày, ông lẩm bẩm:

– Lại cái anh chàng điên ấy!

Anh chàng điên ấy – một chàng trẻ tuổi như bơ vơ vô thừa nhận, không biết lạc từ phương nào lại – tới đây trú trọ với manh áo khoác đã dày lên những bụi và sương. Suốt một mùa lạnh qua, anh ta chỉ có mỗi việc điên rồ là chiều chiều lủi thủi nhặt lá vàng và thả bay lời thơ trong gió lộng.

Nhưng ba tháng đông đã đúc lại một chiều. Một chiều, lần lần đến nay đã nhiều rồi, những chiều không bóng chim, không bóng nắng, không cả bóng nhà thơ. Để những cây muỗm già, những gốc đại cỗi, chiều chiều ngơ ngác, da mốc bầm tím, đợi nắng tàn cũng như đợi bàn tay êm ái của thi nhân vun nhặt cho màu lá chết: đấy cũng là những giọt máu rơi!

Lo lắng, ông Từ già thấy chàng khách trọ bệnh đau tim một ngày một nặng, cả đến lời thơ cũng bặt như câm.

Bên hiên, những cánh thơ vàng mong nhớ, gió đông gửi đến đã đầy thềm.

*

Nào ngờ đâu giữa đêm nay, giữa giờ phút linh thiêng này, cái giọng khó chịu ấy lại vang dội lên chạm vào lòng trời đất và rơi lọt giữa lòng ông. Cành trúc vẫn uốn cong cong: lòng già vẫn lắng tiếng thơ, nhưng buồn hơn giận.

Bỗng nhiên cành trúc rung lên. Ông già mở to mắt rồi nâng râu: một hạt lệ như sương rỏ xuống. Dưới mái tranh, vẫn từng giọt, từng giọt, lời thơ thấm xuống lòng ông...

... Chống gậy, kìa ai ngóng bụi hồng,
Quên hoa vàng rụng vướng đầu bông,
Ai về con gửi hoa vàng rụng,
Gói cả trời xuân kín giữa lòng.
Chiều nay se lại tấm lòng con,
Quán trọ, quê nhà: xuân héo hon!
Vườn cải đêm trăng con sẽ thấy
Lệ già mẹ tưới nở hoa non!

Đã từ lâu, những hạt nước mắt ấy tưởng không còn có ở tấm lòng già đơn độc nữa. Vì ở ông, tất cả đều đã già rồi. Lòng ông, đã hơn một lần phải gạn nước mắt để khóc bên một người đàn bà: vợ ông, bên một thiếu niên, con ông. Thế là thực hết! Trái tim đã như áo rách, bọc ấm làm sao được những tình cảm lạnh lùng?

Thế mà giữa đêm nay, ông không ngờ lại còn gạn được một giọt nữa để khóc cái gì thấm thía mênh mang ấy, mà chính ông, ông cũng không hiểu là lệ thương khách trọ hay chỉ là tình một người cha sống lại trong lòng.

Ngùi ngùi, ông muốn lát nữa đây gật gù cùng lữ khách cũng như đã gật gù cùng đứa con thơ tự đêm giao thừa nào xa lắm, đem buồn lắng xuống đáy bình rượu say.

Nghĩ thế, rồi cành trúc thong thả gõ trên nền gạch vỡ. Vừa lúc đó tấm dại che sương mở hé, anh chàng điên ấy bước ra đi lướt qua ông như một cái bóng lướt qua đời.

Ngơ ngác, mắt ông già nheo lại, hút theo...

*

Cái bóng ấy vẫn say mê trong những bóng cây già. Thi sĩ, hễ mỗi lần muốn bước lên để nắm lấy áo giai nhân thì lại thấy cái mình như sương lướt trên ngọn cỏ. Mà cái mình kiều nữ ấy đẹp làm sao! đẹp hơn cả bài thơ hay nhất mà chàng thường ngâm. Chàng đành yên lặng bước theo và yên lặng bước lên trên những đợt sóng lòng cuộn nổi.

Qua những mành lá chuối đã xơ, đã héo, giai nhân đưa chàng ra một lối đầy trăng. Dưới chân chàng, bước bước lại bay lên những cánh hoa tử-vi vừa rụng. Rối loạn trong mùi thanh khiết của cỏ tươi, hương hoa đại ở đâu bay đến bám lấy tóc chàng.

Rồi lối trăng rút dần, ngắn lại. Một khung cửa lâu đời như một màng mây chiều đỏ úa, ngăn lối hai người. Giai nhân khẽ đẩy, cánh cửa mở ra một sân rêu; ở đây, nồng nàn và riêng biệt cả một thế giới của tình yêu.

Vài cái ong vàng ngẩn ngơ bay lên những lòng hoa đại. Ôm quanh góc đại những cành lá cám già đang vuốt lá non và lá non cúi ôm quả chín... Chi chít, từng chùm quả chín đang vin nhau xuống, thủ thỉ hôn sát da nhau.

Bâng khuâng, chàng nhìn dưới sân, thì những chiếc lá già cũng đang quấn lấy nhau, than thở tình xanh đã héo. Đó đây, lướt trong trăng, những cánh dơi mỏng loáng thoáng giao nhau như giao kín đáo những chuyện tâm tình.

Nũng nịu, thi sĩ dừng chân. Rồi giọng chàng chong lên như lúc ngâm thơ:

– Em ơi! Đây là tận cùng thế giới rồi, anh không đi nữa đâu...

Đoạn, chàng say sưa chỉ chiếc ong vàng đang đậu giữa lòng hoa, mà lòng hoa cũng đang rung động lay cả cuống mềm:

– Anh muốn anh được biến ra làm chiếc ong vàng kia, em ạ!

Một giọng phảng phất đáp lại, dịu như tiếng sương bay:

– Để em là lòng hoa đại...

Trong một giây, lời chàng run lên:

– Đó là linh hồn của chúng ta đấy rồi, em ạ! Còn xác đây, anh muốn cũng chôn sâu dưới gốc đại này!

Trong sương, thoáng bóng bàn tay giai nhân xua lên, như xua một điềm quái gở.

– Thực đấy em ạ! Em có biết trong bao lâu lòng anh đã héo với lá cuối mùa, đã vắng như một bãi cát khô xa bóng bờ, vắng bóng chim, thèm bóng nước,... Mẹ già thì già lắm, chờ con lẫm cẫm ở một

phương trời, mà em cũng chẳng khác gì Sâm, Thương, hai đường sao lạc.

Giọng chàng nhỏ dần, nhẹ dần rồi tan vào hơi lòng rạo rực. Hai cánh tay chàng bắt đầu muốn hoạt động lên. Chàng toan đỡ lấy cái mình trong trắng kia để cho hai lần da, hai mạch máu gặp nhau, để chàng uống hết hơi lòng nàng vào tận lòng thơ khao khát, thì, giai nhân đã rùng người, tiến bước:

– Một bầu rượu, một ý thơ đang chờ chúng ta ngoài hồ trăng giãi. Nhanh lên anh, ta ra đấy đã, vội gì...

– Ồ, phải đấy! Anh sẽ làm thơ để tặng em, để bọc kín mối tình ta vĩnh viễn đẹp như đêm trăng này.

Nhưng cửa ra hồ chưa mở. Anh ơi! Có lẽ đêm nay trăng xuân lạnh ghen cả cái đằm thắm của tình ta...

Không để giai nhân băn khoăn, thi sĩ vội tiến đến tường hoa, rồi trong nháy mắt, chàng đã cười ở trên tường, buông dài tay xuống. Một bàn tay nhỏ, lành lạnh nắm lấy tay chàng. Thi sĩ ngạc nhiên vì cả một thân hình người yêu chỉ nhẹ như tờ lá. Ngạc nhiên hơn, là giai nhân mà chàng đinh ninh là người yêu cũ; ngờ đâu mặt nhìn tỏ mặt, lại là người chàng chưa gặp gỡ bao giờ. Vừa tới bờ tường, chàng đang ngượng ngùng toan hỏi thì, lạ lùng, nàng bỗng giật tay ra, và gieo xuống cỏ sương như một nhành hoa gieo trong gió.

Lòng thi sĩ, một phút, tựa lá lìa cành: lẫn thương lẫn sợ. Chàng loay hoay toan xuống thì ở đâu chợt có tiếng cười khanh khách, tiếp theo một giọng cợt trêu:

– Đã lâu, chỉ được nghe lời mà không gặp mặt. Nhà thơ hãy xuống đây nâng lão dậy. Lão cũng ngã đây này...

Tiếng cười, tiếng nói lại im. Thi nhân giật mình lắng đợi. Một chiếc lá trĩu sương lơ thơ vừa rụng, chạm vào ngọn cỏ, than lên. Chầm chậm, thi nhân thở ra một tiếng thật dài.

– Kìa! Xuống đây đã nhà thơ!

Lần này, chàng ngơ ngác.

Thì một ông già, rồi hai ông, rồi từng lũ lượt những cái đầu trắng như mai nở, những cái mình, phong phanh mỏng tựa sương xuân, khoan thai trên giầy cỏ vừa tiến đến, vừa vuốt râu cười.

Thi sĩ hoa mắt lên và ngây nhìn tất cả màu áo nâu già, tím thẫm, vàng hoe, đỏ khé, xanh rờn đang hoạt động trong màn đêm lơ nhạt sáng và trong.

– Tiếc giai nhân hay sao mà ngẩn người mãi thế kia? Xuống đây, đây bạn cả, ngày thường ta vẫn xướng họa với nhau đấy mà!

Giật mình, chàng lấy làm lạ, không hiểu sao những văn nhân kia lại quen biết và nhìn rõ lòng chàng như thế. Băn khoăn như một con chim sa lưới, chàng mong tìm tháo đường ra; nhưng ngoảnh xuống sân rêu, thì giai nhân đã lẩn trốn đi đâu tự những lúc nào rồi. Bất đắc dĩ, chàng ngao ngán lần xuống, tiếng thơ thẹn trong tay áo vái chào:

– Tôi, một lữ hành mới lạc tới đây, kính chào chư lão trượng! Chẳng hay đêm nay ở đây có mở hội gì và tiểu sinh hạnh ngộ duyên gì được gặp?...

Một ông, da hồng như trái chín, ngắt lời:

– Ối dào! Dấu diếm lão làm gì nữa? Thi nhân thử hỏi lại lòng xem đã bao chiều nhặt lá đề thơ cùng kiều nữ; đã bao chiều chàng ra đây kể lể cùng lão những hận trong đời?

Rồi không đợi lời chàng, ông hê hê cười, nói tiếp:

– Thôi đừng nghĩ ngợi nữa, gặp đây ta hãy cùng nhau dạo cảnh ngâm thơ. Mà bạn văn ngâm cho bạn văn nghe còn khoái hơn cho người đẹp nghe nhiều chứ nhỉ?

– Dạ! Ánh đèn đâu dám sánh bên trăng. Lão trượng cho tiểu sinh được theo hầu cũng đủ hân hạnh lắm rồi; còn họa thơ, tiểu sinh xin chịu.

Thư thái nâng chòm râu én, ông già khẽ vuốt từng sợi tơ như so lựa dây đàn, vừa gật gù vừa nói:

– Nhún nhường mãi! Nào...

Rũ bụi công danh, cởi áo trần,
Hồ trăng xuống gội tóc thi nhân!

Đoạn, ông ngừng lại, quay nói với những bạn theo sau:

– Chả mấy khi gặp gỡ, ta để cho thi nhân nối điêu chứ nhỉ?

Một tiếng reo lên lẩn tiếng cười:

– Phải lắm! Hay lắm! Ngày thường, mỗi bận chàng nghênh ngang gõ cán bút vào lòng cây cỏ là xong cả một bài thơ đẹp kia mà! Nữa là đêm nay... Kìa, thi nhân nối điêu đi chứ?

Biết là chối từ lòng thử thách cũng chẳng được nào, chàng ung dung vòng bước chân phẩy bay tà áo. Cùng bay theo, lời thơ tản mạn trong sương:

Đêm nay ướm hỏi tình Trăng nhỉ
– Có gội lòng thơ lấy một lần?

Tiếng ngâm vừa dứt, ông già vỗ vai chàng, cười vang lên:

– Thi nhân đa tình lắm!

Cả bọn cười theo:

– Có lẽ lòng nhà thơ là một bầu đầy ăm ắp men say? Mà men tình lại càng thấm thía! Thôi, đợi gì lão trượng chẳng thương tình cho giai nhân gội hộ tấm lòng say ấy?

Thi sĩ mặt nóng bừng, vội chữa thẹn, nói to:

– Đó là tại lời thơ hẹp hòi, trống trải. Chứ giữa lúc này, lòng tiểu sinh đâu dám bận đến ai ai...

Mọi người lại cười ồ lên. Nhưng ông già đã xua tay, nói:

– Đừng đùa thi nhân, các bạn. Giữa đêm xuân lạnh lòng cô đơn như lòng thi sĩ có thèm hương lửa lòng ai thì đã tội lỗi những gì? Thôi, chuyện ấy bỏ qua, chúng ta đưa chàng dạo cảnh kẻo sắp đến giờ dự lễ.

Đã mấy lần, thi sĩ băn khoăn về câu nói ấy. Vì giữa đêm nay, nào chàng nhớ đâu có những lễ gì? Những năm, những tháng, những ngày, với lòng chàng, chỉ là những hạt cát đọng trong lòng một bông hoa đẹp. Rồi lâng lâng mưa gió bốn mùa qua lại, rũ sạch cát bay đi.

Đành như đi bên người đẹp, lúc này, chàng cứ yên lặng để bàn tay đầy hơi sống nằm gọn trong tay khô và lạnh toát của ông già. Băn khoăn, chàng nhìn những hờ cây cỏ. Nhưng chàng càng băn khoăn hơn, khi chàng nhận thấy đêm nay gương hồ xanh màu lá chết đã lắng trong ngần. Ngoài kia, trên bãi cỏ may già, nơi ngày ngày chàng kéo lê thê tấu cau khô đuổi bướm, thì nến vàng ai đã thắp bừng sáng cây xanh. Cả đến hàng bia cũ kỹ có những dòng rêu lờ lờ đỏ như máu trong lòng đã rỉ ra, bây giờ cũng đã chói lọi như những bảng vàng.

Đang bâng khuâng, chàng chợt thấy có tiếng hương trầm bay man mác trong trời đêm nhạt. Giữa lúc ấy, ông già giật mình nắm chặt lấy tay chàng:

– Thôi, bây giờ từ biệt. Chúng ta có tin đón mời về.

Quả quyết, thi nhân gạn hỏi:

– Thưa lão trượng, tiểu sinh không được diễm phúc theo hầu?

– Ngày vàng ấy cũng còn xa lắm, thi nhân ạ! Chúng ta hằng mong muốn thi nhân về bầu bạn khi rượu, khi thơ, nhưng đời thi nhân còn có một ghế vinh quang chờ đợi. Mà ngay trong lòng thi nhân còn đang rạo rực sống một người yêu đẹp, một bà mẹ tuổi già.

– Dám thưa lão trượng, thế đây là thế giới nào?

– Đây là thế giới của linh hồn thi nhân, nhưng không phải là thế giới mà thi nhân còn phải sống. Thôi, về đi kẻo muộn lắm rồi!

– Mong lão trượng đại xá, kiều nữ vừa rồi có phải là người yêu đẹp, hằng theo từng bước trong lòng tiểu sinh?

– Đây thì làm gì có giai nhân? Những chiếc lá vàng xấu số nó đùa thi nhân đấy thôi! Về đi...

Một hơi gió xa xôi lại đến, đưa theo từng nguồn hương trầm ngan ngát trong trăm thức hương hoa, cỏ lạ. Thi sĩ chưa kịp níu lấy áo ông già, thì những màu áo như sương ấy đã mờ đi, cuốn theo chân gió.

Ngang không, tắt theo từng luồng trăng sáng, tất cả ánh rực rỡ của bia vàng. Trong vườn trần gian, pháo giao thừa nhà ai cũng vừa bắt đầu cười vang trong đêm tối.

*

Hơi lạnh đã làm thi sĩ tỉnh dần.

Ngơ ngác, chàng nghe: tiếng dế vẫn đều đều như tiếng âm vang của lòng trái đất reo một cuộc đời hoạt động không ngừng.

Một cảm giác nồng nàn ham sống, thấm khắp mạch máu, chàng vội sờ quanh. Thấy một vỏ cây, chàng víu chặt lấy. Nhưng vỏ cây già đã mục, lở ra và lại để chàng rơi xuống.

Tim đau bắt đầu đau lại. Thất vọng, chàng đành nằm lặng thở như thở ra cho hết hơi lòng.

Chợt có tiếng cành khua trên cỏ, nặng reo lần tiếng chân người. Từ từ, chàng mở mắt. Bên ánh đèn dầu vàng yếu, ông già điềm đạm như một vị Bồ-tát từ bi, tay cầm chiếc đèn con, một tay run chống gậy, lần từng bước lại.

Thấy ông Từ ngơ ngác tìm mình, chàng bất giác cảm động rên lên:

– Mẹ ơi!

Đó là tiếng vang của cả một tấm lòng đơn độc. Nhưng nghe tiếng vô nghĩa ấy, ông già mừng rỡ vội vứt gậy reo lên:

– Ồ! thầy bị ngất ở tận đây. Chết chửa! Thảo nào tôi tìm mãi ngoài đền không thấy.

Giơ hai tay gầy yếu, ông run run đỡ lấy tay chàng:

– Thôi đi về, rồi chúng ta cùng uống rượu thưởng xuân sang.

Yên lặng trong đêm tối, chàng vịn lên vai ông già, và ông già vịn lên chiếc gậy, lần đi.

Trong một phút, hình ảnh bà mẹ và người yêu chàng lần lượt phảng phất tô lên mặt ông Từ già lặng lẽ. Nghe tiếng lá khô loạt soạt ở dưới chân, chàng lại chạnh tưởng như đang vô tình mải theo tiếng gọi giang hồ mà dẫm lên tất cả tình mong nhớ của hai người đàn bà thân yêu, ở tận nơi nào xa lắm, gửi đến bọc trong những cánh thơ vàng.

Năm 1942

*

MƯA DẦM

(truyện ngắn)

Mưa bụi càng rấm rứt trên mái lá. Phương cũng nghe có từng giọt gianh rấm rứt xuống thềm đất. Xa hơn, có tiếng nước ở cái máng nứa hay cái bẹ cau nào đang long tong rỏ xuống chiếc chĩnh sành.

Nước rỏ vào lòng chĩnh khi gấp, khi thưa, dần dần ít đi, nghe tựa những cái gì nhỏ nhặt khẽ dằn vặt, khẽ rạn vỡ.

Đêm mưa, ngõ nhỏ lại càng tịch mịch. Tất cả những túng thiếu đay nghiến nhau, vay mượn nhau, than thở với nhau lúc chập tối, giờ đã ngủ yên. Cả đến những gì gọi là tội lỗi, lúc nãy còn lén ra khỏi ngưỡng cửa, lẩn lút vào với bóng tối, giờ cũng đã chui vào hết những căn nhà đóng kín như những nhà tù. Những tiếng thở dài đâu đó đã nén đi trong những tấm lòng mệt mỏi.

Nhưng Phương trở mình mãi, trở mình mãi.

Ở tiệm nhảy về, như mọi đêm mưa gió, nàng vẫn thấy ở lòng nàng có một cái gì trĩu nặng, y như kẻ bị bóng đè. Không, không phải là vì mệt nhọc. Cái xác thịt phải chuyển động vài giờ trong những màu đèn quen mắt ấy, đã quen đi như thành lệ rồi.

Cuộc sống hàng ngày của Phương vẫn như một toa xe điện cũ. Vẫn từng ấy chỗ đỗ, vẫn từng ấy phố, vẫn từng ấy chỗ ngồi. Nàng cũng vẫn đưa cuộc đời của nàng như một người "Watman" dẫn toa xe điện cũ.

Biết bao nhiêu là kẻ quen người lạ với những cõi lòng khép kín, ngược xuôi, lên xuống, gặp gỡ, sát cánh nhau ở trong toa xe kia. Có những kẻ nhẫn mặt. Cũng có những kẻ giương mắt nhìn nhau, nhưng chỉ là nhìn cho có chuyện, chứ nhìn thấy gì và nghe thấy gì ở bên trong những cõi lòng?

Bánh xe vẫn quay theo chiều, nhanh chậm có nhịp, cũng có khi bất ngờ sai nhịp, nhưng đến lúc hết giờ thì đều dồn về nhà máy nghỉ, chờ làm lại một hôm sau. Cái quay lộn không biết đến bao giờ, cái nghỉ thì chỉ là tạm bợ. Cứ thế và lại cứ thế cho đến mòn.

Nhưng Phương trở mình mãi, trở mình mãi. Đêm nay, Phương ấp má lên gối, thấy chiếc gối nhẽo quá. Hình như bông gạo nén ở trong gối đã nẫu rồi. Vật dùng đã cũ. Và cái chăn chiên đắp ngang bụng, mùi hôi của dạ tuy đã quen, nhưng hình như nặng thêm chút ít.

Từng giọt mưa sao vẫn rấm rứt thế? Sự dai dẳng, thành một cảm giác theo lẵng nhẵng, khiến Phương nhớ đến tiếng hót của những con bồ câu đực đã gáy vào tai nàng. Đêm nào cũng thế. Chán lắm rồi! Những câu hót tuy có khác nhau, song vẫn phảng phất như âm

vạng của một bài kèn nhảy cũ nào. Ồ! Những chàng trai điếm! Nào ai hiểu được cái loài chim ấy tự những phương trời nào, từ những cái lồng nào sổ tới. Mà xa lạ thế, sao chúng vẫn cùng một ý nghĩ cầu lợi như nhau?

Phương trở mình mãi, trở mình mãi. Hình như có một cái gì vô hình nó đay nghiến trong người nàng, chẳng khác một loài mọt ẩn trong tấm phản mục.

Phải, đã từ lâu, cái gì ấy nó cứ theo đuổi nàng. Nó cứ làm thành bụi hết bao nhiêu mong ước để nàng lại phải xây lại bao nhiêu mong ước trong bụi tàn. Để mà sống. Để mà đeo đuổi sống. Cái gì ấy nó như đã có tự hôm nào. Vậy nó là cái gì? Phương tìm đã nhiều lần, đã nhiều lần lắm rồi, ở trong đầu, ở trong ngực, ở trong lòng, mà vẫn chưa thấy. Mà hình như nó cũng vẫn ở đâu trong đầu, trong ngực, trong lòng nàng mà thôi.

Song đêm nay, nhờ bao nhiêu lần trở mình, Phương lờ mờ nhận thấy nó như là một cái buồn khao khát.

Phương thấy khao khát từ một sự thay đổi nhỏ nhặt: một tấm áo, một đôi giày, hay một đêm quá dài. Chẳng hạn giữa đêm nay, giữa lúc này, có một trận mưa to hơn, nếu được là trận mưa rào trút xuống. Để làm gì? Phương cũng không biết rõ là để làm gì nữa.

Mang máng, Phương chỉ nhớ sau mỗi trận mưa làm loãng trời, loãng đất, thì tất cả những gì trước mắt nàng có khác đi đôi chút.

Trời nắng to hơn. Đường lối sạch bùn hơn. Lá cây xanh bóng hơn. Cõi đời vàng hơn như đượm lửa.

Chỉ thế thôi, cảnh vật chỉ cần hơi đổi khác thế thôi, lòng Phương cũng đã thấy dễ chịu. Rồi Phương cảm thấy sâu xa hơn, lòng khao khát một cuộc sống là lạ, dù sao cũng được, nhưng phải là khác trước.

Bất giác, Phương lẩm bẩm:

– Nhất định là mai thôi. Đành nghỉ. Đành bỏ. Chứ cứ nhảy nhót mãi như thế này thì thoát thân làm sao được!

Phương ngồi dậy, lấy điếu thuốc và đánh diêm. Ánh diêm vừa cháy, một mảng tối ở trong nhà vụt sáng lên. Nhân thế, Phương lại nhìn phải trên chiếc chõng ngoài mái hiên một đống rẻ rách sù sù.

Đó là người vú già ở lâu năm với Phương, gần như là người ruột thịt.

Đã mấy đêm nay, nghe thấy cô chủ than thở muốn bỏ nghề, người vú già ấy rầu rĩ lắm. Vú ta tiếc lắm, tiếc đến xót ruột đi, mất ăn, mất ngủ, vì cái thời trẻ đẹp của mình sao lại không có nghề nhảy tốt tiền ấy? Để đến nỗi vú ta chỉ có thể làm được một cô đào rượu, rồi hết xuân đành đi ở vú em, và đến nay đã vẻn vẹn thành một vú già.

Lúc này cả cái tuổi già vô dụng của người vú già như cái cây khô mục ở trong rừng rậm hay là như một cái xe nhà cũ nơi thành thị, thốt nhiên làm lạnh trên mái tóc Phương. Cũng như cái đen tối bao quát lại sầm đến trong phòng, khi que diêm vừa cháy hết.

Từ bao giờ làm một gái nhảy, đến bây giờ Phương vẫn là một gái nhảy. Mắt cứ đục đi, môi cứ nhạt đi, tóc cứ ngắn bớt đi. Tất cả hư hỏng dần ở trong một cuộc sống hờ.

Chán nản đến não nùng. Phương tự dưng để rơi mình xuống giường. Điếu thuốc nàng ngậm chếch bên môi cứ đỏ chói lên. Điểm đỏ âm ỷ như là có mầm rễ ăn sâu trong đen tối.

Sự khao khát lờ mờ trong lòng Phương cũng đã cháy đỏ như thế. Phương nằm yên ra dáng suy nghĩ lung lắm, nhưng thực ra, chẳng suy nghĩ được tí gì. Trong người nàng, ở một chỗ thẳm sâu nào, sự chán nản cứ ê ẩm đi, như có một liều thuốc ngủ đang ngấm.

Một lát. Có một làn da đặt gờn gợn lên trán Phương. Đó là một bàn tay dăn deo, bàn tay của người vú thân thiết. Tuy chán nản, Phương cũng hỏi một câu gần thành vô nghĩa vào cái bóng ở bên mình:

– Vú chưa ngủ ư? Đi ngủ đi, tôi có sốt đâu mà rờ trán.

Rồi nàng thở dài. Người vú cũng thở dài:

– Tôi chỉ nghĩ mãi về cô, thành thử không tài nào ngủ được.

Nghe câu đáp thành thực của người vú già ấy tự nhiên Phương thấy lòng suớt lên gờn gợn. Nàng mang máng như đã nghe ai nói thế một lần rồi, nhưng cũng lâu lắm rồi, xa lắm rồi. Mãi sau, Phương mới chợt nhớ ra là ngày xưa, có một lần, nàng đã phải khóc vì câu nói ấy.

Đó là hồi mớ tóc nàng còn xanh biếc những hy vọng của cuộc đời. Và câu nói ấy là của mẹ nàng đã nói vì hạnh phúc của con. Bây giờ thì câu ấy mới thực là chua chát! Bây giờ thì Phương mới biết thấm thía cái người đã làm hại cả cuộc đời nàng cũng chỉ là một chàng trai điếm. Ồ! Những chàng trai điếm! Nào ai hiểu được cái loài chim ấy tự những phương trời nào, từ những cái lồng nào sổ tới; mà xa lạ thế, sao chúng vẫn cùng một ý nghĩ cầu lợi như nhau?

Tự dưng, Phương nghĩ lan man đến giờ này, ở trong đời, ở gầm trời, tất cũng có bao nhiêu bà mẹ già đang nói với con gái: "Mẹ chỉ nghĩ vì con, thành thử không tài nào ngủ được!". Rồi, cũng tự dưng Phương nắm chặt lấy bàn tay người vú già, tưởng như được nắm bàn tay của bà mẹ ngày xưa. Nàng cố giữ giọng thản nhiên:

– Tôi thì không còn ai và không có quê hương. Mai nếu nghỉ việc rồi, tôi sẽ cùng về quê vú. Có ít vốn, ta sẽ cùng buôn bán sống no đói có nhau. Vú đừng lo gì cả.

Rồi một vườn rau, một sân gà, một chuồng lợn, xa xa một ao bèo trong, một dải đồng mạ bát ngát xanh, tất cả vụt hiện trong một giấc mơ, êm đềm quá, mộc mạc quá, trong sạch quá.

Và Phương thấy có một cảm giác là lạ dâng tràn lên lòng mình, như nước mưa trong vắt tràn lên miệng chĩnh, miệng vại, sau những trận mưa rào.

Nàng lẩm bẩm nhắc lại:

– Đến mai hẳn có mưa rào.

Nhưng trong lòng người có bao giờ có được trận mưa rào giội đi hết những dĩ vãng, hết những tâm sự, hết những dấu vết đau buồn.

Và những cái buồn lo nghĩ phức tạp, những cái buồn ẩm ướt trong lòng như mưa dầm, rồi cũng tạnh đi.

Trời lại hoe nắng. Những ý nghĩ của đêm mưa dầm cũng lại khô đi, lại thành bụi bậm, lại bay đi, bay vào hố dĩ vãng, chồng chất từng lớp, từng tầng.

*

YÊU

(truyện ngắn)

Lâm ở tòa báo ra, lòng chứa chan hy vọng. Chàng ung dung nện mạnh gót giày đi về phía bờ hồ Hoàn Kiếm miệng thầm thì mấy câu hát yêu đương.

Gần trưa. Những chấm ánh nắng cùng bóng lá thưa lay động trên mặt đường, như giỡn như múa, theo tiếng chim lách chách trên cành cao. Mỗi hình bóng, mỗi chiếc lá rơi, lúc này Lâm cũng thấy như có ẩn một linh hồn.

Đó chính là cảm giác của một tâm hồn tha thiết yêu đời, cảm giác của một nghệ sĩ lần đầu tiên thấy lòng hòa hợp lẫn vào với cái sống hồn nhiên của vạn vật.

Mà có thế. Đã lâu lắm, có lẽ hôm nay Lâm mới thấy lòng dâng lên ánh sáng của trời hè. Là vì chàng nghệ sĩ sớm nay mới được làm quen với một thư tình mới lạ: đó là một bức thư nét chữ người con gái.

Tiếng lách chách của hai con chim sâu chuyền cành rúc đuổi nhau trong giàn ti-gôn ở một giậu nhà tây bên đường càng gợi cho Lâm những ý nghĩ đẹp như là sắc hoa.

Lâm khẽ nói một mình:

– Lòng người khi mà thiếu ái tình, thực chẳng khác căn phòng không ánh sáng.

Hết căn phố dài, Lâm rẽ sang con đường trải sỏi đi xuống ven hồ. Chàng tìm quanh quẩn một chỗ ngồi để lặng lẽ xem lại bài thơ của một nữ độc giả vừa gửi đến họa lại thơ chàng.

Bỗng một thiếu nữ từ phía sau Lâm tiến đến:

– Anh Lâm!

Lâm giật mình quay lại. Chàng nhìn thiếu nữ chòng chọc, và tỏ vẻ khó chịu, nói dằn từng tiếng:

– À cô... à bà Mỹ! Ồ! Sao bà cứ ám ảnh tôi mãi?... Bà còn tìm tôi, còn theo đuổi tôi để làm gì nữa kia?

Mỹ, tên người thiếu nữ, đứng lặng trong mấy giây rồi cố gượng cười, trả lời:

– Em tìm anh cho con anh, cho con chúng ta... Em tưởng anh đừng nên thế. Một ngày là nghĩa, anh ạ!

Lâm bĩu môi nhại lại:

– Một ngày là nghĩa!...

Và chàng ngắm Mỹ suốt từ đầu đến chân, nhún vai ra vẻ nhạt nhẽo:

– Đứa con đấy, chút vật thừa của cuộc tình duyên lãng mạn đấy, tôi đã giữ trọn lời thề trao lại bà rồi... Thế là hết rồi... Sạch nợ!

Hai tiếng "sạch nợ" chàng nói ngọt như không, nhưng với Mỹ hai tiếng đó cộc lốc như hai hòn đá ném vào mặt nàng. Nàng rùng mình, cất tiếng run run bảo Lâm:

– Tình em... tình tôi với ông tuy đã hết... hết hẳn rồi, song còn đứa con thơ nó là máu huyết của ông. Ông nên thương hại nó, bù đắp cho nó, ông ạ. Chứ thân tôi từ trước đến nay đã cam chịu, thì cũng đành cam chịu... Nào tôi có nói gì đâu?

Mỹ ngừng lại, cúi gầm mặt xuống để thấm mồ hôi đang rỏ giọt xuống đôi má nóng bừng. Và nàng quay nhìn ra phía hồ vì nàng có cảm giác là Lâm đang nhìn nàng bằng cặp mắt khinh bỉ.

Xế trưa. Cụm liễu bên hồ rủ cành lá thướt tha, óng lên như dây nắng. Mỗi hơi gió nhẹ phẩy qua, màu xanh mát lại phập phồng như hơi thở.

Mỹ nhìn cảnh vật, ngực cũng phập phồng. Những giọt mồ hôi vẫn cứ theo nhau tự trên má chảy xuống.

Lâm thừa biết những giọt mồ hôi trên má Mỹ chỉ là nước mắt. Người đàn ông ấy bất giác thấy lòng sung sướng. Sự sung sướng đó là tính ích kỷ của loài người khi thấy kẻ thù vì mình mà đau đớn. Cười nhạt, Lâm bảo Mỹ:

– Chắc bà nóng lắm!

Thấy người yêu, người chồng ngày trước bây giờ chỉ còn là một kẻ thù, một kẻ thù thâm độc, Mỹ quay phắt lại, nước mắt ráo hoảnh:

– Không. Không hề gì ông ạ. Nhưng ông... ông đã quên hẳn được con ông?

– Tôi? Bà lầm! Nếu tôi có thể quên được như ai kia thì tôi đã chẳng nhọc nhằn... đói rét...

– Thế nghĩa là ông vẫn nhớ? Nhưng nhớ mà ông đến nỗi ghét được ư? Nhớ con mà đến nỗi không thèm nhìn con nữa ư?

Câu nói đó như gợi Lâm đến lớp dĩ vãng đen tối và buồn rầu. Chàng chạnh nhớ đến những ngày làm cha một gia đình nho nhỏ, chàng, Mỹ, và đứa con thơ.

Lâm gặp Mỹ vì thi văn và, cũng vì thi văn, hai người gọn ghẽ lấy nhau. Rồi hai tâm hồn nghệ sĩ ấy sống với nhau trên dư luận, trên những kềm chế của đại gia đình, sống trong một túp lều ở ngoại ô: cái tổ uyên ương đầy hương ngát ái tình, đầy hoa và ánh sáng.

Yên ổn lắm! Và cuộc tình duyên ấy đã cho hai người một mụn con đồng thời dắt đến tất cả cái nghèo túng nheo nhóc như những cuộc sống vất vả tầm thường.

Nghĩ đến đấy, Lâm bừng giận Mỹ. Chàng thốt ra một tiếng chua chát:

– Hừ! Tiền?

Ừ cũng chỉ vì nghèo nên người vợ yêu dấu kia không chịu giam mình trong cảnh cùng túng nữa. Rồi một đêm mù tối, nàng bỏ chồng ở lại với túp lều xiêu vẹo mà bế con đi về phía trời ửng sáng: ánh sáng của thị thành.

Thế thì hai người đã như hai dòng nước bị ngọn đồi ngăn rẽ, còn hòng gì gặp được nhau, và cũng không thể nào gặp nhau được nữa. Ngọn đồi ấy là cái nghèo túng ở đời.

Vả lại, bài thơ mà chàng nhận được sáng nay của một cô độc giả, bài thơ đầy những ý, đầy những lời thiết tha tình ái đã làm một cái dấu chấm hết cho cuộc đời cũ của chàng rồi!

Quả quyết, Lâm buông sõng lại câu cuối cùng:

– Đời tôi đã như tàn, lòng tôi đã như chết, tôi không còn biết cảm động nữa, bà nhắc nhở lại cũng chẳng ích gì!

Mỹ se sẽ đặt con xuống giường, vì sợ con giật mình thức giấc. Nàng lại đắp lên bụng con một chiếc khăn bông, rồi nhẹ nhàng, nàng ngã mình nằm bên cạnh con, quay mặt nhìn ta ngoài.

Qua tấm kính mờ hơi nước, mùa hè đang lặng lẽ bay ngang, gội ướt lên cây hoàng lan già cằn thưa lá.

Trong gió, trong mưa, chốc chốc lại một vài chiếc lá rụng lảo đảo đập mình vào khung cửa kính.

Mưa. Lá bay và lá bay!

Mỹ nhìn theo lá, cứ chiếc này chiếc khác bị mưa táp cho đến khi rơi nặng xuống vũng bùn.

– Thân này ai hay cũng chỉ là một mảnh lá kia thôi!...

Mỹ thở dài toan quay mặt vào. Bỗng nàng thoáng thấy một bóng người gội mưa, vơ vẩn đi dưới đường lầy lội, có dáng băn khoăn và chốc lát lại ngẩng trông lên phía cửa sổ nhà nàng.

Mỹ khẽ nhô đầu, đăm đăm ngó xuống.

Khi nhận rõ bóng ấy là Lâm thì Mỹ cười gằn một tiếng – tiếng cười như thổi ra tất cả nỗi căm giận – nàng với tay kéo mạnh tấm rèm che cửa lại và quay vào áp má lên mặt con.

Hơi thở đều đều của con làm má nàng ấm lên, và thấy ấm tận cõi lòng. Se sẽ nàng ôm sát con vào ngực.

Chỉ một lát. Chợt như sực tỉnh cơn mê, nàng choàng dậy và ra ngồi bên ngọn đèn, cắm cúi viết:

Ông Lâm,

Bài thơ tôi gởi lại tòa báo sáng nay chắc ông đã nhận và đã xem. Chắc ông cũng nóng ruột muốn được gặp người viết ra những tiếng lòng đau thương ấy.

Cũng như ông, tôi cũng muốn gặp bạn lòng của tôi, và may mắn làm sao! Trưa nay tôi đã được hân hạnh gặp rồi.

Ông đừng ngạc nhiên vội. Vâng, tôi đã gặp ông. Xin ông cũng chớ vội mỉm cười tự cao nữa. Và ông cũng đừng tưởng lầm cho tôi là một thiếu nữ trang nhã hào hoa. Không! Không! Vì tôi chỉ là một người gái góa, một con đĩ bỏ chồng...

Viết đến đây, tay Mỹ bỗng run lên. Hơi thở như nghẽn lại. Nàng ngẩng nhìn con.

Trong một giây, nước mắt nàng bỗng trào ra, lã chã rơi xuống bàn làm hoen cả nét mực. Nàng ngồi lặng ngắt, mắt mở to, long lanh nhìn ngọn đèn như muốn tìm lại hình ảnh những ngày vui xưa, những ngày rực rỡ như ánh lửa.

– Phải! Một con đĩ bỏ chồng!

Nàng lẩm bẩm nhắc lại, rồi kéo vạt áo lên lau nước mắt, và chấm mực viết tiếp:

"Phải, tôi chỉ là một con đĩ bỏ chồng! Cũng chỉ vì chồng tôi nghèo! Loay hoay, chật vật với sự sống hằng ngày của vợ trẻ, của con thơ, chồng tôi lãng quên mất cả tháng ngày, trễ nải mất cả nhiệm vụ một nhà nghệ sĩ.

Cho nên, muốn chồng hy sinh cho nghĩa vụ, chính tôi, tôi phải hy sinh trước thân tôi. Tôi phải tìm cách xa chồng tôi ra. Tôi phải làm cho chồng tôi ghét tôi, quên tôi, giả thử tôi có chết đi nữa, chồng tôi cũng chẳng thèm để tang tôi lấy một ngày.

Vì thế một đêm kia, tôi gạt nước mắt bồng con lẻn ra đi, gieo lại cho chồng tôi đầy lòng ngờ vực, căm hờn.

Quả nhiên vì phẩn uất về tình người đời thay đổi, ngày nay lòng chồng tôi đã thoát ra được những lời thơ thấm thía đi sâu vào lòng u ẩn của khách chinh phu, người quả phụ. Chồng tôi đã viết ra được những nỗi đau đớn lặng lẽ, kín nhẹm của loài người.

Thế rồi cái tên chồng tôi được người đời nhắc nhở đến, ca tụng đến. Trong lúc ấy thì tên mẹ con tôi – cái tên Mỹ này đã chết, chết hẳn ở cửa miệng chồng tôi.

Đến đoạn này, Mỹ ngừng lại và cắn chặt mi ra dáng suy nghĩ.

Giữa lúc ấy thì con nàng cựa mình gọi má. Chẳng hiểu vì sao nàng gạch nát bức thư và đưa mảnh giấy vào ngọn đèn.

Rầu rầu nàng nhìn những nỗi u ẩn của đời mình với đứa con thơ đang bị ngọn lửa thiêu đốt ra tro cho tới khi tan hẳn.

Lúc ấy nàng mới đi lại bế con. Nàng ủ con vào bên lòng giá lạnh, và lẳng lặng trông xuống đường theo hút bóng một người đang lang thang đi lần vào trong đêm mưa tối...

Cũng cùng đêm ấy. Trong lúc ngoài trời mưa hè bay rào rào gội tan hơi nóng của ban chiều, thì bên ngọn đèn dầu, Lâm thấy lòng mát rợi như tắm như mưa, chàng ngồi viết bức thư tình để gửi cho cô độc giả đã họa thơ chàng, mà chàng không hề biết rằng đó chỉ là người vợ cũ.

Cặm cụi, nắn nót, chàng dạm nốt nét cuối cùng của chữ "yêu"...

MỤC LỤC
TẬP II (1933-1945)
Quyển 3

• Lời dẫn tập II 5

1. PHAN VĂN DẬT (1907-1987) 9

+ Diễm Dương Trang (tiểu thuyết, 1935) 9

2. ĐỖ ĐỨC THU (1909-1979) 121

+ Đứa con (tiểu thuyết, 1943) 122

3. NGUYỄN TUÂN (1910-1987) 272

+ Chùa đàn (truyện, 1945) 273

4. THẠCH LAM (1910-1942) 319

+ Ngày mới (tiểu thuyết, 1939) 319

+ Tình xưa (truyện ngắn, 1942) 448

+ Dưới bóng hoàng lan (truyện ngắn, 1942) 459

5. NGỌC GIAO (1911-1997) 465

+ Cô gái làng Sơn Hạ (truyện ngắn, 1942) 465

6. THANH CHÂU (1912. Hiện đang ở TP.HCM) 501

+ Bóng người ngày xưa (truyện ngắn, 1941) 501

+ Hoa tigôn (truyện ngắn, 1937) 573

+ Vườn chanh (truyện ngắn) 578

7. LƯU TRỌNG LƯ (1912-1991) 585

+ Chiếc cáng xanh (truyện, 1941) 585

+ Khói lam chiều (truyện, 1941) 663

8. TRẦN HUYỀN TRÂN (1913-1989) 688

+ Những cánh hoa vàng (truyện ngắn, 1942) 688

+ Mưa dầm (truyện ngắn) 696

+ Yêu (truyện ngắn) 701

VĂN XUÔI LÃNG MẠN VIỆT NAM (1887-2000)

TẬP II (1933–1945)

Quyển 3

*

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
62 NGUYỄN THỊ MINH KHAI – Q.1 – TP.HCM
ĐT: 8225340 – 8296764 – 8220405
FAX: 84.8222726 – EMAIL: nxbtphcm@vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc TRẦN ĐÌNH VIỆT

Biên tập:
Phó giám đốc HOÀNG MAI

Sửa bản in:
Phòng văn học NXB

Bìa + Biên tập mỹ thuật:
NGỌC ANH – VĂN ĐƯỢC

Vi tính:
CẨM HÀ – NGỌC HUỆ

In 1500 cuốn, khổ 16 x 24 cm, tại Xí nghiệp in FAHASA. Đóng xén tại DNTNSX NGÔI SAO – ĐT: 8640798. Giấy đăng ký KHXB số: 81–2005/CXB/64–65/THTPHCM ngày 2/11/2005. In xong và nộp lưu chiểu tháng 1/2006.

Văn xuôi lãng mạn VIỆT NAM 1887 – 2000

Tập II **1933–1945**

Thực tế Tự lực văn đoàn là một hiện tượng mang tính đột phá trong dòng văn học lãng mạn Việt Nam. Những tên tuổi trong "Tự lực văn đoàn" đều là những cây đại thụ trong nền văn học Việt Nam thời hiện đại; chưa có thời kỳ nào xuất hiện nhiều văn thi nhân lưu lại nhiều ấn tượng, nhiều tình cảm trong bạn đọc như thời kỳ 1933–1945. Những tác phẩm của họ đáp ứng được đòi hỏi bức xúc của một lớp độc giả thành thị đã từng ảnh hưởng tư tưởng của một nền văn hóa phương Tây với những cuộc cách mạng của tự do, bình đẳng, bác ái...

Vietnamese Romantic Prose 1887–2000

Volume II 1933–1945

In fact, Tự lực văn đoàn (Independent Literary Group) is a breakthrough in Vietnamese romantic literary current. The great names in Tự lực văn đoàn are at the same time great figures of modern Vietnamese literature; not any period in Vietnamese literature can compare with that of 1933–1945, where there appear so many writers and poets who left so much impression and sympathy in the heart of the readers. Their works met the pressing need of a class of urban readers influenced by a Western culture with revolution of liberty, equality and fraternity...

0109910

Giá: 102.000 đ